# Nguyên Hồng
## TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
*Biên soạn* Phan Cự Đệ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC vh

# Mục lục


Tiểu Sử Nguyên Hồng (1918-1982)
Lời Giới Thiệu
Linh Hồn
Nhà Sư Nữ Chùa Âm Hồn
Bảy Hựu
Đây, Bóng Tối
Trong Cảnh Khốn Cùng
Con Chó Vàng
Sông Máu
Chín Huyền
Hàng Cơm Đêm
Tôi Dạy Học
Hai Nhà Nghề
Sau Cơn Giông Tố
Người Chị
Sau Hai Mươi Năm
Con "Đoàn" Cuối Cùng
Tội Ác
Mối Hờn
Nhà Bố Nấu
Hai Mẹ Con
Khói "Ken Nếp" Và Xà Lim
Tết Của Tù Đàn Bà
Lớp Học Lẩn Lút
Những Mầm Sống
Cô Gái Quê
Những Giọt Sữa
Sự Đau Khổ Của Một Con Người
Người Đàn Bà Tàu
Mợ Du
Bố Con Lão Đen
Cái Xích Cũ
Người Mẹ Không Con
Miếng Bánh
Người Con Gái
Một Trưa Nắng
Láng
Lúc Chiều Xuống
Hai Dòng Sữa
Giọt Máu
Cánh Cửa Xám
Thịt Chết
Buổi Chiều Xám

**Trước Xác Chết**
**Đi**
**Tàu Đêm**
**Vũng Máu**
**Bà Cụ Việt**
**Lửa Thiêu**
**Cơn Sốt**
**Lưới Sắt**
**Ngòi Lửa**
**Tiếng Nói**
**Một Buổi Chiều Nhà Quê**
**Con Gái Người Mãi Võ Họ Hoa**
**Những Ngày Thơ Ấu**
**Bước Đường Viết Văn**
**Một Tuổi Thơ Văn**

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Tiểu Sử Nguyên Hồng (1918-1982)

Nguyên Hồng họ Nguyễn, tên khai sinh đồng thời cũng là bút hiệu duy nhất trong cuộc đời cầm bút của nhà văn. Nguyên Hồng sinh ngày 5-11-1918 tại phố Hàng Cau, thành phố Nam Định trong một gia đình nghèo theo đạo Thiên Chúa. Mười hai tuổi, bố chết vì ho lao, người mẹ trẻ nghèo khổ phải vào Vinh ở vú đầm, rồi mấy năm sau đi bước nữa. Mười lăm tuổi, vừa đậu xong Tiểu học đã bị đày đọa trong các nhà lao Nam Định, Hà Nội rồi bị giải đi Phúc Yên. Mười sáu tuổi, hết hạn tù được tha, Nguyên Hồng phải từ giã thành phố Nam Định và người bà nội ngoan đạo, cùng mẹ và bố dượng ra sinh sống ở xóm Cấm, Hải Phòng. Hơn ba năm, Nguyên Hồng đã dạy học lẩn lút trong các xóm nghèo lao động với hơn hai mươi đứa trẻ lau nhau, rách rưới, con em của những người làm nghề đội than, khuân vác hoặc buôn thúng bán mẹt ở xóm Cấm và xóm chùa Đông Khê. Cũng chính ở Hải Phòng, Nguyên Hồng gặp nhà thơ Thế Lữ (1935), kiện tướng của phong trào Thơ mới, thành viên của Tự lực văn đoàn. Từ đó, người thanh niên thất nghiệp này nuôi khát vọng đi vào con đường văn chương, coi văn chương là lẽ sống cao cả nhất của đời mình. Những trang bản thảo đầu tiên rất trong sáng và say mê của tiểu thuyết Bỉ vỏ và hồi ký Những ngày thơ ấu đã được hình thành dần trong những căn nhà ổ chuột tối tăm, bẩn thỉu của khu phu phen thuyền thợ xóm Cấm, Hải Phòng. Năm 1937, Bỉ vỏ của Nguyên Hồng và Kim tiền của Vi Huyền Đắc được nhận giải thưởng Tự lực văn đoàn và từ năm 1938 báo Ngày nay bắt đầu giới thiệu Những ngày thơ ấu. Mối quan hệ giữa Nguyên Hồng với Thạch Lam bắt đầu từ những ngày đó.

Thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Nguyên Hồng đã bắt đầu liên lạc với chính trị

phạm ở Sơn La, Côn Lôn trở về như Vũ Thiện Chân, Bùi Vũ Trụ và ở trụ sở chi nhánh báo Thời thế ở đường Cát Dài, Hải Phòng, Nguyên Hồng đã có cơ hội tìm đọc Tuyên ngôn Đảng Cộng sản, Vấn đề dân cày của Qua Ninh, Vân Đình, Ngục Kon Tum của Lê Văn Hiến và những tiểu thuyết của Marxime Gorki... Năm 1938, Nguyên Hồng gặp Như Phong, sinh hoạt trong Đoàn Thanh niên Dân chủ và viết trên các báo Thế giới, Người mới và Mới cùng với Như Phong, Nguyễn Thường Khanh, Trần Minh Tước, Lưu Quý Kỳ (Thanh Vệ) và Lê Hy (Lã Vĩnh Lợi). Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, ngày 29-9-1939, Nguyên Hồng bị mật thám Pháp bắt bỏ tù ở Hải Phòng về tội tàng trữ và truyền bá sách báo cộng sản. Trong nhà tù Hải Phòng, Nguyên Hồng đã được gặp Tô Hiệu, Bùi Đình Đống, Ngô Minh Loan và tham dự lớp huấn luyện theo Đề cương cách mạng tư sản dân quyền do Bí thư thành ủy Tô Hiệu hướng dẫn. Những vốn sống quý báu đó đã tạo điều kiện cho Nguyên Hồng viết về những chiến sĩ cách mạng trong Lưới sắt, Lò lửa, Sóng gầm...

Năm 1940, Nguên Hồng lại bị bắt giam và bị giải lên trại tập trung Bắc Mê, Hà Giang, đi làm cỏ vê, gánh đá cùng với Xuân Thủy, Đinh Nhu, Trần Các... Tiểu thuyết Xóm Cháy (phác thảo đầu tiên của Sóng gầm) viết được 300 trang thì bị bọn mật thám tịch thu, ông chuyển sang viết những mẩu ngăn ngắn giả làm nhật ký thư (Cuộc sống).

Cuối mùa hè năm 1943, Nguyên Hồng tham gia tổ chức Văn hóa Cứu quốc bí mật (trong Mặt trận Việt minh) cùng với Như Phong, Nam Cao, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng... Chính trong tổ chức này, Nguyên Hồng được đọc Đề cương Văn hóa 1943 của Đảng và những phương châm của Đề cương đã có ảnh hưởng rõ rệt đến những tác phẩm như Hơi thở tàn, Hai dòng sữa, Ngọn lửa, Buổi chiều xám..., những tác phẩm được viết trong thời kỳ Tiền khởi nghĩa.

Cách mạng tháng Tám thành công, Nguyên Hồng tham gia khởi nghĩa ở

Hà Nội, là biên tập viên tạp chí Tiên phong, cơ quan vận động văn hóa mới của Đảng. Sau đợt Nam tiến vào mặt trận Nha Trang, khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, năm 1947, Nguyên Hồng cùng gia đình lên Việt Bắc, sống ở ấp Cầu Đen, Yên Thế cùng với một số văn nghệ sĩ như Ngô Tất Tố, Kim Lân, Nguyễn Huy Tưởng... Nguyên Hồng tham gia hoạt động trong Hội Văn nghệ Việt Nam, là biên tập viên tạp chí Văn nghệ của Hội và phụ trách trường Văn nghệ nhân dân Trung ương. Năm 1948, Nguyên Hồng cùng với Nam Cao được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Hòa bình lập lại năm 1954, Nguyên Hồng cùng gia đình về Hà Nội, công tác tại Hội Văn nghệ Việt Nam. Tháng 4 - 1957, Hội Nhà văn Việt Nam thành lập, ông tham gia Ban Chấp hành, làm Thư ký tòa soạn tuần báo Văn của Hội. Năm 1958, Nguyên Hồng về tham gia lao động ở nhà máy Xi măng Hải Phòng, chính thời gian này ông bắt đầu thai nghén tiểu thuyết Cửa biển, bộ tiểu thuyết - sử thi bốn tập đầu tiên ở nước ta. Từ năm 1962, Nguyên Hồng cùng gia đình trở lại ấp Cầu Đen, Yên Thế (nay là xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang). Tháng 1 -1963, tại Đại hội Nhà văn lần thứ II, Nguyên Hồng được bầu vào Ban Chấp hành và năm 1964 được cử làm Chủ tịch Hội Văn nghệ Hải Phòng. Sau Hải Phòng, Yên Thế đã trở thành quê hương thứ hai của Nguyên Hồng, là nơi ông sống lâu nhất và cũng là nơi ông đang xây dựng một bộ tiểu thuyết lịch sử ba tập: Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế. Tập hai đang hoàn thành thì ông đột ngột từ trần ngày 2-5-1982.

Nhà văn Nguyên Hồng được Chính phủ truy tặng Huân chương Độc lập hạng Ba và giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật đợt đầu tiên (1996). Nguyên Hồng là một nhà văn xuôi lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại, đồng thời cũng là người thầy trực tiếp dìu dắt nhiều thế hệ nhà văn trẻ đi vào con đường sáng tác văn học.

TÁC PHẨM NGUYÊN HỒNG

· Bỉ vỏ (tiểu thuyết, 1938)

· Bảy Hựu (tập truyện ngắn, 1940)

· Những ngày thơ ấu (hồi ký, 1940)

· Cuộc sống (tiểu thuyết, 1942)

· Qua những màn tối (truyện vừa, 1942)

· Quán Nải (tiểu thuyết, 1942)

· Hai dòng sữa (tập truyện ngắn, 1943)

· Hơi thở tàn (tiểu thuyết, 1944)

· Vực thẳm (truyện vừa, 1944)

· Ngọn lửa (truyện vừa, 1944)

· Miếng bánh (tập truyện ngắn, 1945)

· Địa ngục và Lò lửa (tập truyện ngắn, 1946)

· Đất nước yêu dấu (ký, 1949)

· Đêm giải phóng (truyện vừa, 1952)

· Giữ thóc (tập truyện ngắn, 1956)

· Trời xanh (thơ, 1960)

· Sóng gầm (trong bộ tiểu thuyết Cửa biển, 1961)

· Sức sống của ngòi bút (tạp văn, 1964)

· Cơn bão đã đến (trong bộ tiểu thuyết Cửa biển, 1965)

· Bước đường viết văn (hồi ký, 1971)

· Thời kỳ đen tối (trong bộ tiểu thuyết Cửa biển, 1973)

· Một tuổi thơ văn (hồi ký, 1973)

· Sông núi quê hương (thơ, 1973)

· Khi đứa con ra đời (trong bộ tiểu thuyết Cửa biển, 1975)

· Những nhân vật ấy đã sống với tôi (hồi ký, 1978)

· Thù nhà nợ nước (tiểu thuyết lịch sử, 1981)

· Tuyển tập Nguyên Hồng (1983 - 1985)

DI CẢO

· Núi rừng Yên Thế (tập I trong bộ tiểu thuyết lịch sử Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế, 1993)

· Người con gái họ Dương (Dương Hậu) (kịch)

· Hoa trái đất (thơ)

NIÊN BIỂU NGUYÊN HỒNG

Tên khai sinh: Nguyễn Nguyên Hồng.

Ngày sinh: 5-11-1918

Nơi sinh: Phố Hàng Cau - Thành phố Nam Định.

Ngày mất: 2-5-1982.

Nơi mất: Ấp Cầu Đen - huyện Yên Thế - tỉnh Bắc Giang.

1930: Bố mất, mẹ đi bước nữa. Ở với bà nội nhưng gần như phải tự lập để ăn học.

1935: Cùng gia đình ra Hải Phòng, lưu trú tại xóm Cấm, lén dạy tư để kiếm sống. Gặp Thế Lữ ở ngõ Nghè, quyết theo nghề văn.

1936: Đăng truyện ngắn đầu tay Linh hồn trên Tiểu thuyết thứ Bảy.

1937: Bỉ vỏ (tiểu thuyết) được đăng tải trên các báo và được trao giải thưởng của Tự lực văn đoàn.

1938: - Bỉ vỏ được in thành sách.

- Gặp Như Phong ở Hà Nội. Tham gia Cách mạng, mở đầu bằng việc dự mít tinh 1-5 tại Đấu Xảo. Vào Mặt trận Dân chủ ở Hải Phòng.

- Viết cho các báo: Ngày nay, Tiểu thuyết thứ Bảy, Thế giới, Người mới ở Hà Nội; Mới, Đông Phương ở Sài Gòn.

- Hồi ký Những ngày thơ ấu được đăng nhiều kỳ trên Ngày nay từ số 134 (ra ngày 29-10-1938).

1939: - Bị chính quyền Pháp bắt giam ở Hải Phòng, kết án tù 6 tháng.

- In truyện ngắn Người đàn bà Tàu (sau đổi là Một người mẹ Trung Quốc) và một số truyện ngắn.

- Gặp Tô Hiệu (Bí thư Thành ủy Hải Phòng). Tiếp xúc trực tiếp với những

người Cộng sản.

1940: Bị đưa đi trại tập trung ở Bắc Mê (Hà Giang). In Những ngày thơ ấu (NXB. Đời nay). Viết Xóm Cháy nhưng bị mất bản thảo.

1941: In Bảy Hựu (tập truyện ngắn).

- Tháng 11, rời Bắc Mê, bị quản thúc tại Nam Định.

1942: Về Hà Nội. In Qua những màn tối (truyện vừa). Tháng 6, lập gia đình. In Cuộc sống (tiểu thuyết - NXB. Tân Dân).

1943: - Tham gia Hội văn hóa Cứu quốc bí mật cùng Tô Hoài, Như Phong, Vũ Quốc Uy, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao...

- In Hai dòng sữa (truyện ngắn), Quán Nải (tiểu thuyết), Đàn chim non (tiểu thuyết).

1944: In Vực thẳm (truyện vừa), Hơi thở tàn (tiểu thuyết)..., chịu ảnh hưởng rõ rệt của Đề cương Văn hóa 1943.

1945: - Tham gia Tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Hà Nội.

- Là một trong những người sáng lập tạp chí Tiên phong.

- In Ngọn lửa (truyện vừa), Miếng bánh (truyện ngắn).

1946: Viết Địa ngục và Lò lửa (tập truyện ngắn), trong đó có một số truyện đã in trên Tiên phong. Tham gia Nam tiến đến mặt trận Nha Trang. Năm sau cùng một số gia đình văn nghệ sĩ lên khai phá ấp Kỳ Nhân (tức ấp Cầu Đen - Yên Thế). Tham gia Hội Văn nghệ Việt Nam (đến 1957).

1948: Kết nạp Đảng tại chiến khu Việt Bắc.

1949: In Đất nước yêu dấu (ký).

1952: Viết Đêm giải phóng (truyện vừa). Phụ trách Trường văn nghệ nhân dân Trung ương, Ban Văn hóa công nhân, được gọi thân mật là "ông đốc Hồng".

1955: Hải Phòng giải phóng. Về làm báo tại thành phố cảng. In lại Đất nước yêu dấu. In Giữ thóc (truyện ngắn).

1956: Trở thành biên tập viên của báo Văn nghệ. In lại Địa ngục và Lò lửa. In Giọt máu (truyện ngắn).

1957: Tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam vừa thành lập, phụ trách báo Văn. In lại Bỉ vỏ, Những ngày thơ ấu.

1958: Về Yên Thế, hình thành ý tưởng viết bộ tiểu thuyết Cửa biển.

1959: Viết Sóng gầm. In Trời xanh (thơ). In lại Địa ngục và Lò lửa.

1961: In Sóng gầm.

1963: Tham gia Ban vận động thành lập Chi hội văn nghệ Hải Phòng. In Sức sống của ngòi bút (tạp văn). In lại Những ngày thơ ấu. Gặp Pierre Abraham, chủ nhiệm tạp chí Châu Âu tại Hà Nội.

1964: Được bầu làm chủ tịch Chi hội văn nghệ Hải Phòng (mới thành lập) cho đến lúc mất.

1965: Về thăm quê.

1966: Đọc tham luận tại Hội nghị trí thức Việt Nam chống Mỹ cứu nước.

1967: In Cơn bão đã đến (trong Cửa biển).

1971: In Bước đường viết văn của tôi (hồi ký). Viết xong Thời kỳ đen tối (trong Cửa biển). In lại Bỉ vỏ.

1972: In Cháu gái người mãi võ họ Hoa (truyện thiếu nhi).

1973: In Thời kỳ đen tối, Một tuổi thơ văn (hồi ký), Sông núi quê hương (thơ).

1976: In Khi đứa con ra đời (tập cuối), hoàn thành Cửa biển (hơn 2000 trang).

1978: In Những nhân vật ấy đã sống với tôi (hồi ký). Xuất bản Tuyển tập Nguyên Hồng tại Liên Xô (Nguyễn Tuân đề tựa).

1981: In Thù nhà nợ nước (tập I, bộ tiểu thuyết Núi rừng Yên Thế).

1982: Sau khi Nguyên Hồng mất, NXB. Văn học in Tuyển tập Nguyên Hồng (tập I: 1983; tập II: 1984; tập III: 1985).

(Dựa theo Niên biểu Nguyên Hồng của Mai Hải Oanhbtrong Nguyên Hồng - Cát bụi và ánh sáng - NXB. Hội nhà văn 1992, có bổ sung)

DI CẢO:

- Núi rừng Yên Thế (tiểu thuyết, tập II - xuất bản 1993).

- Người con gái họ Dương (Dương Hậu) (kịch, 1978)

- Hoa trái đất (thơ, 1960)

GIẢI THƯỞNG:

- Giải văn chương của Tự lực văn đoàn trao cho Bỉ vỏ (1937)

- Nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (Đợt I, 1996).

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Lời Giới Thiệu

Lần đầu tiên gặp Nguyên Hồng trong Khách sạn Metropole ở Hà Nội, Pierre Abraham (1892-1974), Tổng biên tập tạp chí Europe (Châu Âu) nhận xét: "Như từ bờ bãi sông Hồng đỏ rực gió cuốn đến đây, nhà văn lớn này là người của đất, thật là người của đất". Những ai gặp Nguyên Hồng lần đầu đều có ấn tượng như thế, đều không quên được cái dáng dấp tất tưởi, lam lũ, nụ cười tự tin, yêu đời trên khuôn mặt nhân hậu, còn in rõ dấu vết những tháng ngày đói khổ, tủi nhục trong cuộc đời sớm vất vả trước đây của anh. Có thể nói từ bé đến lớn, anh đã phải chịu đựng biết bao dằn vặt, đầy đọa trong những năm tháng dài dằng dặc và tối tăm của xã hội cũ. Mười hai tuổi, bố ho lao chết, người mẹ trẻ nghèo khổ phải từ giã con trai vào Vinh ở vú đầm; cậu bé thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu mọi tình thương yêu chăm sóc đã lang thang nơi đầu đường xó chợ, đánh đáo kiếm ăn, chung đụng với đủ các hạng trẻ nghèo đói, du đãng (Những ngày thơ ấu). Mười lăm tuổi, vừa đậu xong tiểu học đã bị đày đọa trong các nhà lao Nam Định, Hà Nội rồi bị giải đi Phúc Yên, cậu "tù trẻ con"... (1)đã nhiều lần bưng mặt khóc ngay dưới gốc cây, bên cạnh xe bò rác mỗi khi nghĩ đến tuổi ấu thơ và cái thành phố quê hương của mình, nhưng rồi lại vội vội vàng vàng lấy vạt áo chùi nước mắt lúc chợt thấy người lạ đi qua. Đoạn tang cha, mẹ đi bước nữa, rồi năm sau, cậu thiếu niên hết hạn tù được tha. Họ hàng nhà chồng khinh bỉ người đàn bà cải giá và những người xung quanh rẻ rúng, ghê sợ đứa con trai "mới một dúm tuổi mà đã trải hết lao này sang lao khác".

---

(1) Tù trẻ con là một tập ký pha tiểu thuyết hơn 300 trang, Nguyên Hồng

viết xong bảy ngày trước khi bị Pháp bắt ở Hải Phòng (29-9-1939). Khi đi tù, bản thảo bị mật thám Hà Nội đốt mất.

Tránh mọi thành kiến hẹp hòi, mọi tai tiếng dị nghị, mọi con mắt xoi mói, dòm ngó ở một tỉnh nhỏ, gia đình Nguyên Hồng bỏ nơi chôn rau cắt rốn tìm ra Hải Phòng kiếm kế sinh nhai ở một thành phố công nghiệp ồn ào, đông đúc, cái nơi thiên hạ tứ xứ mà dù có phải kéo xe hay bán ốc đầu đường cũng được, không ai biết đấy là đâu...

Nhưng rồi từ ngày đó người ta thấy xuất hiện trên đường phố Hải Phòng một người thanh niên thất nghiệp, dáng người nhỏ bé lom khom, áo chùng thâm dán lấy ngực, mũ trắng vành to, gương mặt xanh xao mất máu, ngày ngày lang thang ở bến tàu Sáu Kho, Nhà máy xi măng, Sở dầu Thượng Lý hoặc chầu chực ở cổng các nhà máy Cốt phát, Máy tơ, Máy chỉ, Máy ống, các hãng chuyên chở hàng hóa, các bến ôtô tàu thủy, các kho hàng, cửa hiệu, tràn than, lán củi, hoặc lân la ở các xóm ngõ đầu đường nơi đi về của phu phen thuyền thợ... để nghe ngóng, thăm dò công việc. Vườn hoa Đưa người là chặng nghỉ cuối cùng sau những buổi sáng, buổi chiều đi chầu chực, xin xỏ các nơi không được việc gì cả, là nơi sau những buổi tối cơm chiều không có, đèn nhà hết dầu, anh đến đứng lặng thẫn thờ, trong lòng đau khổ, buồn bã vô cùng.

Chợ Vườn hoa Đưa người trông xuống sông Lấp, mà một bên bờ có khu nhà thương và khu đề lao. Đứng lẫn trong đám người thất nghiệp trên Hà Nội xuống, ở Nam Định ra, ngoài Hòn Gai, Cẩm Phả về tụ tập tại đây chầu chực đi ăn đi ở, Nguyên Hồng thường trông ra đường, lòng thắt lại khi thấy những chuyến xe chở vội những xác chết vô thừa nhận và những đám tù giải đi xử án. Những cảnh ngộ buồn thảm đó cứ trĩu xuống tâm hồn anh, đe dọa cuộc sống thoi thóp từng ngày của gia đình anh.

Bao nhiêu ngày tháng bị câu thúc thân thể, bị đày đọa tù tội, bây giờ lại thêm cảnh đói khổ thất nghiệp kéo dài, Nguyên Hồng nhiều lúc lo sợ, bối rối,

tưởng mình sẽ chết đau đớn ở cái tuổi mười sáu. Và người thanh niên đó thấy ham sống, thèm sống, tha thiết, khắc khoải lạ thường. Anh nghĩ dù có chết cũng phải để lại cho cõi đời mà anh yêu mến một cái gì vừa tinh khiết, trong sáng, vừa tha thiết yêu thương nhất của tâm hồn.

Đối với một người thanh niên thời đó, địa vị không có, gia đình suy tàn, học thức tầm thường nhỏ nhoi, anh nghĩ, chỉ còn một cách tồn tại trong cuộc sống bằng cái cao quý, trong sạch của văn chương. Và anh bắt đầu viết, viết suốt ngày suốt đêm, viết một cách đau khổ, say mê, bất chấp "cái đói ê ẩm thấm thía vô cùng trong đêm mưa lạnh hoang vắng".

Bỉ vỏ được viết "trên một cái bàn kê bên khung cửa trông ra vũng nước đen ngầu bọt của một bãi đất lấp dở dang và một chuồng lợn ngập ngụa phân tro" (2). Cũng như một nhân vật của Nam Cao trong truyện ngắn Trăng sáng, Nguyên Hồng thường mê mải ngồi viết truyện giữa tiếng tranh giành xô xát, mỉa mai đay nghiến, eo sèo khắc khoải của những người dân nghèo trong các ngõ hẻm thành phố. Viết văn đối với anh là một lẽ sống. Cho nên ngay cả trong những ngày đi tù ở Bắc Mê, cứ mỗi buổi trưa đi làm cỏ vê về anh lại ngồi viết ở một gốc cây mé sau trại giam, dưới một bầu trời mờ mờ xám xám, xung quanh là màu xanh hoang vu của núi rừng dày đặc và tiếng gió rừng lạnh lẽo hú lên từ thung lũng này qua thung lũng khác (Cuộc sống).

---

(2) Tôi viết Bỉ vỏ.

Cho đến những năm dài về sau, khát vọng sáng tạo vẫn cứ luôn luôn thôi thúc anh một cách mạnh mẽ, tha thiết, đến mức anh nghĩ rằng mình có thể chết dần chết mòn nếu như vì một lý do nào đấy, không thể cầm bút được nữa...

Những ảnh hưởng lung linh, choáng ngợp ban đầu của Thế Lữ, Lưu Trọng

Lư, V.Hugo... có thể kéo cây bút Nguyên Hồng về phía chủ nghĩa lãng mạn. Cả cái hưng phấn nội tâm, cái bút pháp cường điệu, phóng đại cũng có thể hướng anh về phía đó. Nhưng cuộc đời đói khổ, lam lũ đã giúp cho ngòi bút của anh ngày càng cắm sâu trên mảnh đất màu mỡ của chủ nghĩa hiện thực.

Anh sẽ viết những sự thực đau đớn và những khát vọng da diết của cuộc đời anh và cuộc đời những người lao động nghèo cùng cảnh ngộ ở cái xóm Cấm và xóm chùa Đông Khê. Hơn ba năm, Nguyên Hồng đã dạy học lẩn lút trong cái xóm nghèo lao động đó với hơn hai mươi đứa trẻ lau nhau, rách rưới, con các phu phen thuyền thợ, các người buôn bán nhỏ, các người gánh nước thuê... Cả cái xóm lam lũ, đói khổ đó đã tin yêu, đùm bọc lấy cậu giáo nghèo của họ. Cho nên không phải là ngẫu nhiên mà hơn bốn chục năm nay, Nguyên Hồng đã viết về lớp dân nghèo thành thị với một "niềm tin tưởng tha thiết", một tình "yêu thương đắm đuối", một niềm đồng cảm sâu sắc của những người "cùng một hoàn cảnh, cùng một đời sống thấp kém và tối tăm, vì thiếu thốn đủ mọi thứ, vì phải chịu đựng đủ mọi thứ" (Lớp học lẩn lút). Dường như mỗi nhà văn đều có một nguồn suối tinh thần yêu thương của họ. Ngô Tất Tố tiếp thu được cái hơi thở khỏe mạnh, hồn hậu, lạc quan của nông dân, còn Nguyên Hồng thì bắt rễ sâu vào cuộc sống và những tình cảm tốt đẹp của những người dân nghèo, thợ thuyền thành phố. Anh luôn luôn nói đến những người lao động nghèo khổ với lòng biết ơn tình nghĩa, với sự gắn bó thủy chung.

***

Trong mấy chục năm gần đây, người ta đã nói nhiều đến những tập tiểu thuyết của Nguyên Hồng như Bỉ vỏ, Sóng gầm, Cơn bão đã đến... Thực ra trong sự nghiệp văn học của anh, truyện ngắn có một vị trí quan trọng, không thua kém gì tiểu thuyết. Chúng ta có thể nói đến Nguyên Hồng như một phong cách truyện ngắn trong văn xuôi Việt Nam hiện đại. Sưu tầm và tuyển chọn những tác phẩm trước và sau Cách mạng tháng Tám, chúng ta sẽ có một

tập truyện ngắn giá trị với nhiều màu sắc độc đáo.

Khá nhiều truyện ngắn của Nguyên Hồng được viết với một bút pháp hiện thực tỉnh táo. Trong các truyện Đây, bóng tối; Láng; Vực thẳm; Người con gái; Hai mẹ con, cái cường độ ngột ngạt căng thẳng cứ tăng lên mãi và tác giả, dường như cứ lạnh lùng, bình tĩnh xoáy sâu mãi vào chỗ tột cùng của bi thảm khiến cho người đọc bỗng cảm thấy đau xót, nhức nhối vô hạn cho những kiếp người thống khổ trong xã hội cũ. Trong một số truyện, để đạt hiệu quả tố cáo cao nhất, ngòi bút nghiêm ngặt của ông không ngần ngại phanh phui những chi tiết tỉ mỉ, trần trụi, đôi khi cứ như là chấp chới bên bờ của chủ nghĩa tự nhiên (Đi, Người học trò, Tàu đêm)... Lại có truyện, tác giả như giấu mình đi, sử dụng một lối văn trần thuật khách quan, một ngôn ngữ trung tính để cho lòng sôi sục căm giận của người đọc bị nén chặt lại, chuẩn bị cho quả bộc phá bùng nổ (Ngòi lửa, Giọt máu). Nhưng cũng có truyện tràn đầy một âm hưởng trữ tình lãng mạn, không phải thứ lãng mạn tiêu cực, thoát ly mà là một chất thơ bắt nguồn từ cuộc sống cần lao của người dân Hải Phòng, một chủ nghĩa lãng mạn cách mạng bắt nguồn từ một niềm tin lý tưởng (Những mầm sống, một số truyện trong Cuộc sống). Có khi lại là màu sắc lãng mạn trong các truyện dân gian, nhân vật "trông như là Thạch Sanh hay quân lính của đức Thánh Gióng, đức Thánh Trần vậy" (Chuyện cái xóm tha hương).

Tính chiến đấu của truyện ngắn Nguyên Hồng được thể hiện qua những thủ pháp nghệ thuật tương phản trong việc xây dựng kết cấu và hệ thống hình tượng. Có khi là sự đối lập giữa hai kiểu người, hai lối sống, một bên là lòng nhân hậu, là nghĩa thủy chung, một bên là sự hưởng thụ ích kỷ, là thói độc ác tàn nhẫn (Giọt máu, Cô gái quê, Nhà bố Nấu). Cũng có khi là sự đối lập giữa hai quan điểm nghệ thuật (Hai dòng sữa, Cái bào thai). Có truyện tác giả để cho sự việc tự nói lên (Giọt máu) nhưng cũng có truyện mang tính luận đề rõ rệt và các chi tiết ít nhiều có ý nghĩa tượng trưng (Một trưa nắng, Hai dòng sữa). Truyện ngắn của Nguyên Hồng đôi khi có khuynh hướng mở rộng quy

mô và dung lượng, kết cấu dàn trải theo chiều dài cuộc đời bi thảm của nhân vật (Người con gái; Đây, bóng tối; Con gái người mãi võ họ Hoa); nhưng cũng có truyện chỉ là một cảnh ngộ tối tăm (Tôi dạy học, Lúc chiều xuống), một câu chuyện dằn vặt lương tâm (Miếng bánh). Khi Nguyên Hồng tránh được sự dàn trải trong truyện ngắn và cả trong tiểu thuyết (Hơi thở tàn, Quán Nải), biết tập trung vào tấn bi kịch của cuộc đời, thì thường anh có những truyện ngắn xuất sắc (Giọt máu, Buổi chiều xám).

Ở đây, ngòi bút của anh khá linh hoạt. Khi thì miêu tả lướt qua những tấn bi kịch của một đám đông (nạn đói năm 1945), trong đó làm nổi lên một số trường hợp điển hình (Người học trò, Tàu đêm), khi thì từ cuộc đời lam lũ, vất vả của một cô gái, tác giả soi sáng cuộc đời chung của những người đàn bà nhẫn nhục chịu đựng, thầm lặng hy sinh trong xã hội phong kiến (Hàng cơm đêm). Ống kính của người viết truyện đang quay cận cảnh, bỗng mở ra một viễn cảnh rộng lớn, có tầm khái quát cao hơn.

Truyện ngắn của Nguyên Hồng sử dụng nhiều bút pháp, nhiều lối kết cấu và xây dựng nhân vật khác nhau. Tất cả những thủ pháp nghệ thuật đó đều nhằm phản ánh cuộc sống của từng lớp dân nghèo thành thị: những cuộc đời lương thiện bị vùi dập tan nát, những tấm lòng yêu thương đùm bọc, nhân nghĩa thủy chung, những khao khát ước mơ trong sáng, đẹp đẽ hướng về một thế giới tràn đầy ánh sáng và lý tưởng.

Tác phẩm Nguyên Hồng đã làm sống dậy cuộc sống lam lũ cơ cực, bần cùng của những người lao động nghèo khổ ở các vùng ngoại ô, ngõ hẻm các thành phố lớn như ngoại ô Bạch Mai, ô Yên Phụ, bãi Phúc Xá, bãi Nhà dầu ở Hà Nội hay xóm Cấm, xóm chùa Đông Khê, xóm Chợ con, ngõ Hàng Gà của Hải Phòng. Những nhân vật của Nguyên Hồng thường sống trong những xóm nhà lá hoặc lợp tôn chen chúc, úp xúp, với những ngọn đèn leo lét như ngái ngủ, đêm đến vang lên tiếng muỗi như ri và những tiếng ú ớ trong giấc ngủ mê mệt sau một ngày bán sức quần quật ở Sáu Kho, Máy đá, Ximăng...

Chúng ta cũng thường gặp họ ở những ngõ hẻm lầy lội mà sau một trận mưa, nước ngập vào tận giường ngủ của các gia đình, những ngày mùa hè luôn luôn có tiếng ầm ầm xô xát giành giật nhau ở ngoài máy nước đầu ngõ; cái ngõ hẻm đêm ngày nhớp nháp vì người ta gánh nước, đổ rác, gánh rau đậu đi chợ và luôn luôn nổi lên những tiếng kêu cướp giật, ăn uống chằng bửa, đi xe quỵt, đánh chém nhau vì một ván bài ù không được tiền hay vì giọng cười khiêu khích của một gái nhảy.

Nguyên Hồng không miêu tả trực tiếp quá trình những người nông dân phá sản, bị cướp đoạt, bỏ làng quê ra thành phố nhưng anh thấy rõ số đông dân nghèo ở Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định là những người lìa hẳn quê lên đây "sau mấy năm lụt lội, đói khát, dịch tễ liên tiếp, họ đâu như đã bán nốt miếng đất cuối cùng của ông cha cho bọn kỳ lý, cho Nhà Chung, để gỡ nợ, để chạy kiện, để thoát vạ rượu, vạ cướp tiêu sưng, để khỏi nhìn những cảnh đau tủi, uất ức mà đi tha hương cầu thực, thử xem ngoài những nơi chôn rau cắt rốn của họ, đời họ có thay đổi được chút nào không?" (Ngọn lửa). Trong số họ cũng có những cô gái quê bị mẹ gả bán, ép uổng hoặc bị đày đọa bởi những hủ tục, luật lệ phong kiến khắc nghiệt, đã bỏ làng ra tỉnh rồi bị lừa bịp, cưỡng hiếp, biến thành lưu manh, gái điếm (như Tám Bính trong Bỉ vỏ) hoặc rơi vào ổ của bọn cờ bạc bịp và buôn hàng lậu (Muống trong Quán Nải)... Sớm muộn thì cái đám dân quê xiêu dạt ra thành phố này sẽ dần dần mất đi lịch sử riêng, mà chỉ còn là đám đông vô danh trong một bộ đồng phục màu xám, hàng ngày lang thang đi kiếm ăn trong những điều kiện sống hết sức khắc nghiệt, vô tình của những thành phố tư sản.

Trước 1945, Nguyên Hồng chưa ý thức được rõ rệt (như sau này trong Sóng gầm) sự bóc lột, cướp đoạt, lối sống lạnh lùng, bất cận nhân tình của những thành phố kỹ nghệ tư sản. Nhưng anh đã miêu tả một cách trung thực, đau đớn và dữ dội, quá trình bần cùng hóa và lưu manh hóa của dân nghèo thành thị. Anh là chứng nhân cho bao câu chuyện đau khổ, uất ức, tan nát, chia lìa của những gia đình lương thiện (Đây, bóng tối; Hai mẹ con; Hơi thở

tàn; Người con gái; Vực thẳm; Giọt máu...).

Kết quả của chính sách bóc lột, bần cùng hóa của bọn thực dân phong kiến làm hàng vạn gia đình dân nghèo bị tan nát hoặc bị đẩy vào những bi kịch không lối thoát. Cuộc sống cùng quẫn, tối tăm đã làm xuất hiện những kiểu người gần như mụ mị, mất trí hoặc phát điên. Do cuộc sống cùng quẫn kéo dài và bị cái xã hội cũ đầu độc, một số phu phen, thợ thuyền đâm ra phản ứng cực đoan, rượu chè cờ bạc, đánh vợ chửi con, càng ngày càng chìm sâu vào vũng bùn tội lỗi (Sau hai mươi năm, Người mẹ không con, Bố con lão Đen). Một số dân nghèo đã bị cái chế độ độc ác, vô lương biến thành lưu manh, gái điếm (Bỉ vỏ, Chín Huyền, Bảy Hựu, Khói ken nếp và xà lim...). Cái xã hội những kẻ lưu manh đó đã trở thành đề tài trong khá nhiều truyện thời kỳ đầu của Nguyên Hồng. Xã hội này cũng có tôn ti trật tự, có uống máu, ăn thề, có báo thù, hy sinh cho đồng đội... Họ sống bằng lừa bịp, chém giết một cách say sưa, rồ dại rồi cuối cùng tàn lụi đi do những tội ác của mình gây nên.

Nhưng điều đáng làm chúng ta suy nghĩ không phải ở chỗ Nguyên Hồng miêu tả những câu chuyện kỳ lạ trong xã hội lưu manh, gái điếm. Ngay ở những tầng lớp cặn bã nhất, chỉ biết có chém giết lừa bịp, vẫn ánh lên những tia sáng nhân đạo, vẫn còn lòng yêu thương chung thủy, lòng hy sinh, dám xả thân vì một nghĩa cử, dám sống chết để bảo vệ đồng đội và nhất là những thoáng khát vọng muốn thoát khỏi cuộc đời tội lỗi của mình. Cái nhìn của Nguyên Hồng ở đây cũng giống như cái nhìn của Gorki khi viết về tầng lớp "dưới đáy" của xã hội Nga, mang đầy tính chất nhân đạo chủ nghĩa. Cho nên đọc chuyện những nhân vật này, ta thấy tội ác của họ, nhưng đồng thời cũng thương xót cho những kiếp người đã bị xã hội độc ác nhấn chìm vào vũng bùn tội lỗi và ngụp lặn trong ấy cơ hồ không thể ngoi lên được.

Sống bên Năm Sài Gòn, trùm lưu manh ở đất Cảng, nhưng tâm hồn Tám Bính vẫn luôn hướng về một cuộc đời lương thiện trong trắng. Bính nuối tiếc

cuộc đời trong sạch ngày xưa, khi mình còn là cô gái quê ngày ngày đua đòi cùng với chị em đi các chợ gần chợ xa, đòn gánh trên vai dẻo dang nhún nhảy nhịp cùng những bước đi thoăn thoắt, những cánh tay mềm mại vung tà áo nâu ra trước gió. Giờ đây, Bính chỉ ước mong được sống trong một gia đình lương thiện:

"Một tia hy vọng bỗng thoáng chiếu vào tâm trí Bính như làn chớp vụt xé vùng trời mờ tối. Bằng sự lần hồi buôn bán, tần tảo ở các chợ xa, rồi đây Bính sẽ nuôi được đứa con sắp đẻ; sẽ nuôi Năm để Năm khỏi làm điều gian ác, dần dà Bính trở về quê chuộc đứa con đầu lòng đày ải kia và giúp đỡ cha mẹ gây dựng cho hai em" (Bỉ vỏ).

Trong tầng lớp lưu manh, cặn bã của xã hội, Nguyên Hồng đã khám phá, đã nâng niu từng tia sáng nhân đạo, phần lương tâm còn lại dưới đáy sâu tâm hồn vụt lóe lên.

Tác phẩm của Nguyên Hồng cho ta thấy quá trình bần cùng hóa, lưu manh hóa của những người dân nghèo thành thị, nhưng cái hướng chính, hướng lương thiện của họ, theo ông, vẫn là niềm khao khát vươn tới ánh sáng, những mong muốn có một sự thay đổi, một sự chuyển biến mạnh mẽ nhằm tạo ra một cuộc sống công bằng hơn, đẹp đẽ hơn. Vấn đề chính trong tác phẩm của Nguyên Hồng trước cách mạng là: những con người quằn quại trong sự đau khổ nhưng vẫn lạc quan, yêu đời, vẫn muốn "ngoi lên ánh sáng như những mầm cây xanh" (Ngọn lửa).

Những người dân nghèo trong tác phẩm của Nguyên Hồng hơi giống chàng trai trong truyện Lấy vợ cóc. Hình thức bên ngoài xù xì, lem luốc nhưng tâm hồn bên trong rất cao đẹp, rất đáng quý. Đó là tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau giữa những người cùng khổ (Hơi thở tàn); tình nghĩa chung thủy và lòng hy sinh cho hạnh phúc của người khác (Đây, bóng tối; Trong cảnh khốn cùng); lòng tự trọng, dù đói khổ vẫn không chấp nhận lối sống trụy lạc, bán rẻ nhân phẩm để chạy theo đồng tiền và danh vọng (Cô gái quê,

Nhà bố Nấu...). Nhưng dù sao, nhiều nhân vật nghèo của Nguyên Hồng vẫn còn giữ một thái độ cam phận, nhẫn nhục, chịu đựng trước cảnh ngộ. Đôi lúc ta lại có cảm tưởng dường như ngòi bút nhà văn chìm sâu một cách triền miên trong sự khổ đau, say sưa trong một thứ chủ nghĩa cùng khổ.

Nhược điểm này từ 1938 trở đi, dần dần được khắc phục. Do những ảnh hưởng khá quyết định của phong trào Mặt trận Dân chủ, nhà văn Nguyên Hồng đã bắt đầu có ý thức nâng cao sự giác ngộ giai cấp, giúp những người dân nghèo tìm ra nguyên nhân của sự đói khổ, từ đó dần dần gợi cho họ tinh thần đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống mọi sự mê muội về mặt tinh thần của một thứ thuốc phiện tôn giáo (Nhà bố Nấu, Những mầm sống).

Cùng đứng trong chủ nghĩa hiện thực phê phán nhưng Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng... mỗi người có một phong cách riêng, phong cách nghệ thuật của Nguyên Hồng cũng mang những màu sắc thẩm mỹ độc đáo.

Cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm Nguyên Hồng dường như chủ yếu chưa phải xuất phát từ một thái độ phẫn nộ, muốn lên án bọn địa chủ, tư sản, quan lại, muốn vạch mặt trái những chính sách mỵ dân giả dối, lừa bịp và tố cáo những thủ đoạn đàn áp vô nhân đạo của bè lũ thống trị, muốn giải phẫu cái ung nhọt đang tấy lên trầm trọng của một con bệnh nguy kịch là cái xã hội thực dân, phong kiến đương thời.

Nguyên Hồng không phải lúc nào cũng có được cái tỉnh táo sắc sảo như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng khi đập phá xã hội cũ, khi vạch mặt chỉ trán từng tên tai to mặt lớn trong tầng lớp thượng lưu lúc bấy giờ. Nhưng với một nhà văn hiện thực lớn, không phải chỉ cần một trí tuệ sắc sảo mà còn phải có một trái tim lớn, một lòng yêu thương vô hạn đối với con người. Đó là mặt mạnh của Nguyên Hồng và Ngô Tất Tố so với một số nhà văn khác cùng thời.

Nguyên Hồng không trực tiếp miêu tả những mâu thuẫn giai cấp đối kháng của xã hội. Bọn thống trị bóc lột tàn ác cũng chưa được xây dựng thành những nhân vật phản diện đậm nét trong tác phẩm của anh trước 1945. Chúng chỉ là những đường viền để làm nổi bật lên phẩm chất tốt đẹp và khát vọng vươn tới ánh sáng của những người dân nghèo thành thị.

Cảm hứng chủ đạo của nhà văn dường như bắt nguồn từ một chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc đối với những lớp người cùng khổ. Anh là một cây bút đôn hậu, luôn luôn hướng đến cái cao đẹp, trong sáng, niềm tin yêu thắm thiết. Tất nhiên lúc cần, ngòi bút Nguyên Hồng vẫn làm việc tố cáo, đập phá những áp bức, bất công nhưng chủ yếu anh là người ca ngợi và xây dựng. Chính vì thế nhà văn Nguyễn Tuân đã nhận xét khá đúng về anh, sau khi đọc những bức thư trong Cuộc sống: "Tôi là một thằng thích phá đình phá chùa, mà anh thì đúng là một người ưa chuyện tô tượng đúc chuông...".

Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm Nguyên Hồng kế tục và phát huy truyền thống nhân đạo chủ nghĩa trong văn học dân tộc. Những cô Kiều ba chìm bảy nổi chín lênh đênh, những người đàn bà "đòn gánh tre chín dạn hai vai" trong Văn chiêu hồn của Nguyễn Du, những Cúc Hoa, Ngọc Hoa, Kiều Nguyệt Nga đảm đang chung thủy và cả những bà vợ hiền "lặn lội thân cò khi quãng vắng, eo sèo mặt nước buổi đò đông" trong thơ Tú Xương... Thời đó Nguyên Hồng cũng có điều kiện tiếp xúc với những tác phẩm mang truyền thống nhân đạo chủ nghĩa của phương Tây như Những người khốn khổ của Hugo, David Copperfield của Dickens, Thời thơ ấu của Gorki và những truyện ngắn của Alphonse Daudet...

Bỉ vỏ, Những ngày thơ ấu và những truyện ngắn mang tinh thần nhân đạo chủ nghĩa khác của Nguyên Hồng chắc chắn có chịu ảnh hưởng hoặc nhiều hoặc ít, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp những tác phẩm kể trên.

Nguồn suối tình cảm yêu thương của Nguyên Hồng bắt nguồn từ cuộc đời thực của tác giả và của những người đàn bà nghèo ở các ngõ hẻm, ngoại ô

thành phố. Cuộc đời cơ cực của những người vợ kiếm miếng cơm manh áo, tần tảo nuôi chồng nuôi con, chịu đựng bao cảnh hà hiếp, bóc lột, bao lề thói cũ kỹ, khắc nghiệt của xã hội thực dân phong kiến lúc bấy giờ. Có thể nói tác phẩm của Nguyên Hồng đã ghi lại những nỗi khổ điển hình của người đàn bà Việt Nam trong những năm dài tối tăm trước Cách mạng tháng Tám.

Bắt đầu từ cuộc đời một bà mẹ, lúc còn trẻ sống nhẫn nhục bên người chồng già mà nàng không yêu, sống thầm lặng như "cái bóng ngắn của bức tường dày mãi mãi thần phục ở dưới chân rồi sẽ tan xuống đất nếu ánh sáng soi tắt"; khi người chồng chết, bà phải tha phương cầu thực tìm cách nuôi con và chịu đựng mọi sự khinh bỉ, ruồng bỏ của gia đình nhà chồng. "Phong tục và lễ nghi cổ hủ đã bắt buộc người mẹ coi sự sinh nở khi chưa đoạn tang chồng cũ ghê tởm hơn là những tội gian ác xấu xa nhất. Và các thành kiến gông cùm từ ngàn xưa truyền lại đã nâng một đứa con trai chưa đầy mười bốn tuổi lên một địa vị cao trọng để mẹ nó phải khuất phục, cầu khẩn" (Những ngày thơ ấu). Ở nông thôn, lễ giáo phong kiến ghê gớm hơn vì nó được giai cấp thống trị duy trì như một phương tiện để đàn áp bóc lột. Tám Bính đã rùng mình khi nhớ lại hình ảnh người đàn bà bị làng phạt vạ, quỳ giữa sân đình nắng chang chang, tay bế đứa con mới được mười ngày đỏ hon hỏn và một lũ kỳ mục kiếm chác, ăn uống trên sự đau khổ của người đàn bà khốn khổ (Bỉ vỏ). Bao nhiêu cô gái đáng thương như thế đã phải bỏ làng ra thành phố rồi biến thành những vật trao đổi rẻ tiền cho bọn làng chơi! Tiểu thuyết Bỉ vỏ đã viết những chương thật cảm động về cuộc đời tủi nhục của những gái điếm ở phố Hạ Lý. Bao nhiêu cô gái bán trôn nuôi miệng đã bị các mụ chủ nhà chứa bóc lột cho kiệt sức, ho ra máu rồi chết. Người ta thuê vài người phu chợ đùm kẻ bất hạnh trong chiếc chăn cũ rồi đem chôn. "Tấm áo quan bằng gỗ mỏng đu đi đu lại, cọ vào chiếc thừng treo lủng lẳng ở đòn ống làm thành những tiếng kẽo kẹt thay cho những tiếng khóc viếng". Những người đàn bà đáng thương này chết như những người ăn mày khốn cùng không thân thích chết đường chết chợ...

Từ cuộc đời đau khổ, nhẫn nhục của bà mẹ mình, Nguyên Hồng đã yêu thương bao nhiêu bà mẹ Việt Nam khác, đã quan tâm tha thiết đến số phận những người phụ nữ bị lễ giáo phong kiến và những lề thói khắc nghiệt của xã hội cũ vùi dập, đày đọa.

Và cũng bắt đầu từ cuộc đời một đứa bé sống cô đơn, ngơ ngác trong một gia đình tàn tạ có "một người cha và một người mẹ tính tình khác nhau, không hiểu biết, không yêu thương và gần như khinh miệt nhau"... sau khi người cha nghiện ngập chết ho lao, người mẹ đi bước nữa, đứa bé bị hắt hủi, sống cô độc lang thang trên các vỉa hè, đường phố: "Tôi cảm thấy một cách cay chua sự trơ trọi hèn hạ của tôi, một đứa trẻ côi cút cùng khổ" (Những ngày thơ ấu). Cuốn hồi ký đầy tinh thần nhân đạo chủ nghĩa này từ năm 1938 đã làm xúc động bao nhiêu tâm hồn bạn đọc, vì nó là sự rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại lạc loài trong những lề lối khắc nghiệt của một gia đình sắp tàn" (Thạch Lam).

Từ cuộc đời côi cút, tủi nhục của mình, Nguyên Hồng đã yêu thương bao nhiêu cuộc đời những em bé nghèo khổ, lang thang kiếm ăn ở các thành phố lớn (Hai nhà nghề, Con chó vàng), những em bé còm nhom như con mèo, con các gia đình lao động nghèo khổ ở cái xóm Bà Cả Nam Định, thiếu ăn, thiếu sữa, thiếu sự chăm sóc của bố mẹ và phải làm quần quật ngay từ tuổi thơ, "những đàn trẻ tồng ngồng và lúc nhúc... chẳng kém phần ầm ĩ và khác lạ như của Bạch Mai, Phúc Xá hay Lạc Viên, Chợ con nhiều lắm". (Những mầm non, Cuộc sống). Nguyên Hồng cũng nói đến những em bé sớm bị đày đọa trong các nhà tù đế quốc (Tù trẻ con) và lòng anh đau quặn lên trong một đêm giao thừa nào đó ở nhà lao Nam Định, bỗng nghe một tội nhân... trẻ con thức giấc từ lâu khóc thét mãi lên, những trẻ con ốm yếu của các tù đàn bà vô tội" (Tết của tù đàn bà).

Văn học nhân đạo chủ nghĩa ở phương Đông cũng như phương Tây đều nói nhiều đến nỗi đau khổ của phụ nữ và trẻ em. Đó là những lớp người bị

đày đọa nhiều nhất và ít có khả năng tự vệ nhất trong cái xã hội người với người là chó sói.

Trong phạm vi chủ đề này người ta thường nói đến sự gặp gỡ ở một mức độ nào đó giữa Nguyên Hồng với Gorki. Hai nhà văn này đều xây dựng được những hình tượng rất đẹp về những bà mẹ đau khổ từ trong bóng tối của cuộc đời cũ vươn lên ánh sáng, đều quan tâm sâu sắc đến vận mệnh những em bé bị vứt ra ngoài lề của xã hội, đi kiếm ăn lang thang dọc các thành phố lớn, đều băn khoăn đến cả cuộc đời những tầng lớp lưu manh ở dưới đáy của xã hội... Cả hai nhà văn từ buổi thiếu niên cũng đã từng lăn lộn trong tầng lớp phu phen, thuyền thợ, do đó họ viết rất say mê, rất tự hào về những người lao động, về cái đẹp, chất thơ trong lao động. Chính nguồn suối tinh thần yêu thương đó của những người đã từng lam lũ, vất vả, từng đổ mồ hôi để xây dựng nên cuộc sống cũng như những ánh sáng của lý tưởng cộng sản đã tạo nên ở họ một chủ nghĩa lạc quan tràn đầy sức sống, một nguồn tin yêu thắm thiết ở Con Người.

Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, các báo chí của Đảng và những báo chí tiến bộ đã nói nhiều đến nỗi thống khổ của dân quê và dân nghèo thành thị. Trước yêu cầu của đông đảo bạn đọc, tờ Ngày nay của Tự lực văn đoàn không thể không nói đến bình dân một cách thời thượng. Từ 1937 Tự lực văn đoàn bắt đầu tặng giải thưởng cho những tác phẩm hiện thực như Bỉ vỏ của Nguyên Hồng và Kim tiền của Vi Huyền Đắc; rồi từ năm 1938 tờ Ngày nay giới thiệu hồi ký Những ngày thơ ấu.

Gần gũi phần nào với Nguyên Hồng trong Tự lực văn đoàn có lẽ là Thạch Lam. Những truyện ngắn của Nguyên Hồng (Tôi dạy học, Lớp học lẩn lút, Hai mẹ con, Hàng cơm đêm...) và của Thạch Lam (Nhà mẹ Lê, Hai đứa trẻ, Một cơn giận) đều toát lên một tấm lòng nhân đạo đối với cuộc đời đau khổ của những người dân nghèo thành phố. Mặt khác, hai nhà văn là những cây bút hình thành trong không khí của thời kỳ Mặt trận Dân chủ, họ đón nhận

hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc nhiều hoặc ít những luồng gió mới, những vang động sâu xa của phong trào cách mạng.

Thạch Lam bắt đầu quen và yêu mến Nguyên Hồng từ sau khi Những ngày thơ ấu được giới thiệu trên tờ Ngày nay.

Tuy cùng viết về những nỗi đau khổ của dân nghèo nhưng Thạch Lam dầu sao cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều khuynh hướng cải lương tư sản của Tự lực văn đoàn, còn Nguyên Hồng thì ngày càng tiến gần lại phong trào vô sản.

Ánh sáng của quan điểm giai cấp và những nhận thức chính trị đã nâng cao chất lượng nhiều truyện ngắn của Nguyên Hồng. Sức tố cáo được tập trung, dồn nén hơn, do đó kết cấu cũng chặt chẽ hơn. Hàng cơm đêm, Nhà bố Nấu, Người đàn bà Tàu, Giọt máu, Buổi chiều xám... là những truyện ngắn hay. Trong truyện Giọt máu, cái không khí ngột ngạt tức thở của những năm 1942-1944, cái dã man tàn bạo của chế độ phát xít đã được phản ánh qua một câu chuyện tưởng như tầm thường, nhỏ bé nhưng lại gây ấn tượng rất sâu đậm trong lòng người đọc. Lối kết cấu tương phản giữa một bên là lũ bóc lột giàu có, bất nhân, cướp đoạt và chà đạp lên mọi thứ một cách tàn bạo và một bên là em bé lặng lẽ như một cái bóng, với hai luống ngô non mà em trồng trên một hố đất, trước kia mụ chủ nhà để cỏ mọc um tùm lẫn với mảnh chai và rác rưởi thối nát. Tất cả cái hạnh phúc nhỏ xíu, mong manh, vô tội, vun xới được qua bao ngày tháng bởi đôi bàn tay non yếu, cuối cùng bị cướp đoạt, phá phách một cách tàn nhẫn, đau xót. Sấm sét, sự tàn bạo đã trút lên đầu những em bé nghèo khổ, nhỏ nhoi, hiền như chiếc lá non, hoàn toàn không có chút khả năng tự vệ và chính vì thế mà sự đối lập nghệ thuật ở đây đã làm cho bạn đọc run lên vì căm giận trước những hành động vô nhân đạo của bọn người giàu có, bóc lột táng tận lương tâm!

Chủ nghĩa nhân đạo của Nguyên Hồng ngày càng mài sắc tính chiến đấu. Anh phản đối thái độ quỳ mọp dưới tôn giáo để cầu xin sự thưởng phạt công bằng của Chúa. "Nhưng ta đã thấy bao nhiêu xương thịt tan tành, thối nát,

bao nhiêu nước mắt và máu đã ngập lụt tỉnh thành, bao nhiêu sinh mạng đã chết và đương chết trong cảnh đói rét bên một đám người hả hê sung sướng mà có bao giờ tìm ra những sự giải quyết của Chúa Trời?" (Tết của tù đàn bà). Nguyên Hồng ca ngợi người mẹ Việt Nam, người đàn bà chịu thương chịu khó, tần tảo, đảm đang, giàu lòng hy sinh, nhưng anh không lý tưởng hóa "đức tính" cam phận, nhẫn nhục, không ca ngợi sự phục tòng như một số nhà văn lãng mạn; anh chủ trương đánh thức dậy ở họ ý thức tự đấu tranh giải phóng, đấu tranh cho cuộc sống bình đẳng, công bằng hơn, hạnh phúc hơn. Người con gái trong Vực thẳm xót xa khi nghĩ đến người mẹ lam lũ đáng thương của mình, người đàn bà thờ chồng, rồi thờ anh chồng, "nhất nhất vâng theo và cúi đầu chịu đựng như đối với thần thánh":

"Không! Tôi không dám làm thơ mê say với con người này đâu. Những nguồn cơn kia đều đẫm những mồ hôi nước mắt của mẹ tôi, sao tôi lại phạm tội ru những người đàn bà xấu số khốn nạn chúng tôi vào đó? Những quang gánh thúng sọt nặng trĩu những ngô khoai, rau muống, bèo kia, kĩu kịt trên những sống vai gầy rạc của cái kiếp người tần tảo, lần hồi, nếu có thành những điệu thơ thì phải là những tiếng kêu rên thống thiết của sự đau đớn chua xót, đòi gọi sự thay đổi cho cuộc đời được no ấm, yên vui, rất xứng đáng phần cho những người mẹ hiền từ, chịu khó" (Vực thẳm).

Trong một số tác phẩm của mình từ 1938 trở về sau, Nguyên Hồng phê phán cái chủ nghĩa nhân đạo than thở theo kiểu thương vay khóc mướn trong văn học lãng mạn và chủ trương một chủ nghĩa nhân đạo thức tỉnh, một chủ nghĩa nhân đạo lạc quan cách mạng. Chính sự khác biệt này trong thế giới quan, trong cách nhìn nhận cuộc sống mà một số truyện ngắn của Nguyên Hồng và Thạch Lam, nhìn bên ngoài tưởng như giống nhau vì cùng viết về một loại đề tài và nhân vật, nhưng bên trong lại chứa đựng nhiều sắc thái rất khác nhau.

Trước đây thỉnh thoảng Nguyên Hồng lại có một truyện đề tặng Thạch

Lam. Có khi cả một tập truyện ngắn. Hàng cơm đêm hơi giống truyện Hai đứa trẻ (1938) của Thạch Lam. Thạch Lam viết về một phố huyện gần ga xép. Chợ họp giữa phố đã vãn từ lâu, tiếng ồn ào đã lắng hẳn. Đêm xuống. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn với mùi rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn, bã mía quen thuộc quá, khiến hai đứa bé "tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này". Phố huyện chìm sâu vào bóng tối của một vùng quê mênh mông. Chỉ còn một vài chấm sáng lù mù quen thuộc xung quanh ngọn đèn con của một chõng hàng nước, cái bếp lửa của hàng phở khuya vắng khách và ngọn đèn vặn nhỏ thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa của một cửa hàng tạp hóa. Trong cái cảnh chìm chìm nhạt nhạt và vắng lặng đó, đêm nào cũng có một đoàn tàu đi qua, mang theo những luồng ánh sáng quét mạnh vào hai bên và tiếng ồn ào làm xao động cả một phố huyện yên tĩnh. Đoàn tàu như mang đến một thế giới khác hẳn với cái vầng sáng lù mù của mấy ngọn đèn quanh quất nơi phố vắng của một huyện nhỏ. Một chút ánh sáng ở một thế giới xa xăm, những ước mơ của hai đứa trẻ vụt đến và đi qua, phố huyện lại chìm sâu vào bóng tối hiu quạnh...

Thạch Lam viết truyện với một nghệ thuật tinh tế, nhất là việc sử dụng sự tương phản và hài hòa giữa các âm thanh, giữa các vùng ánh sáng. Câu chuyện để lại trong tâm hồn ta những dư vị đằm thắm của quê hương và một sự cảm thương man mác những cuộc đời thầm lặng như những chấm sáng lù mù bị nhòe đi trong bóng tối dày đặc của một vùng quê tù đọng.

Nguyên Hồng chưa có được cái tinh tế, cái lắng sâu vào bên trong đó của bút pháp Thạch Lam. Tuy nhiên truyện ngắn của anh lại có những âm thanh và màu sắc riêng, nó nói lên cái khỏe, cái vui hồn hậu và lạc quan của cuộc đời lao động mồ hôi nước mắt. Nguyên Hồng cũng viết về một phố nhỏ gần một cái chợ. Cũng một thứ mùi nồng nực của rác rưởi quanh chợ chưa được quét dọn. Cũng những ngọn đèn của các hàng cơm đêm, hàng phở, hàng tạp hóa, hàng mã, hàng thiếc, của cái mái lá tồi tàn những gia đình phu phen lao động. Ngoài phố "những cây bàng cao và to đẫm bóng tối, dán xuống đường

những bóng lá đen sẫm". Trên mặt đường cũng những bóng người thưa thớt lặng lẽ đi lại và "thỉnh thoảng tiếng rao phở phào lên rồi mất trong sương khuya". Nhưng trước khi cái phố chợ chìm vào trong đêm thì ta đã nghe mọi thứ tiếng ồn ào, huyên náo lúc hoàng hôn đang dần dần xuống: tiếng chuông xe đạp bấm liên thanh của học sinh và công chức, tiếng guốc khua, tiếng xe bò chuyển ầm ầm vì đường phố gồ ghề và tiếng va chạm của xẻng, cuốc, ván gỗ trong thùng xe, tiếng mời chào mặc cả, cãi vã ầm ĩ hai bên đường... và trong cửa hàng cơm là tiếng chuyện trò cười nói vui vẻ của phu phen, thuyền thợ "quần áo rách rưới và lấm láp của họ thở ra những mùi khét lẹt của dầu mỡ, cát bụi và bùn lầy mà họ đã đầm đìa ở những xưởng máy, những kho hàng, những hầm tầu, những lán gỗ", tiếng đùa nghịch chòng ghẹo nhau của "những chị phu hồ, phu than ríu rít như bầy chim sẻ".

Cuộc đời tầm thường, đáng thương của những người dân nghèo trong truyện ngắn của các nhà văn lãng mạn cứ lặng lẽ trôi đi trong sự an phận, chịu đựng, cái thế giới tĩnh tại ấy gần như không thể thay đổi; còn trong truyện ngắn Nguyên Hồng những người lao động thuyền thợ, tự tin ở năng lực của mình, ở sự làm việc cần cù của mình, đã bắt đầu hy vọng một sự thay đổi, một cuộc đời mới. Vịnh, cô gái bán hàng cơm đêm đã cảm thấy ngạt thở, tù túng trong cuộc đời cũ, hy vọng "một sự phá bỏ rồi thay đổi hẳn lại thì mới được thở một bầu không khí trong lành, một nguồn ánh sáng rực rỡ bên một cuộc đời mới, không đói rét, không đầu tắt mặt tối. Sự lật đổ và làm mới lại ấy, Vịnh chưa cảm thấy... Nhưng có một cái gì soi chiếu vào tâm trí nàng, một cái gì gợi dậy tất cả năng lực, tất cả lửa lòng của Vịnh lên" (Hàng cơm đêm). Từ những truyện ngắn đầy tinh thần nhân đạo chủ nghĩa đăng trên các báo chí công khai năm 1939, Nguyên Hồng đã muốn rọi "một tia sáng vào dòng đời tối tăm chảy nặng nề" của những người dân nghèo thành phố, muốn đánh thức dậy cái tinh thần đấu tranh "tự giải phóng thoát khỏi những sự áp chế bằng những năng lực dồi dào sẵn có" của chính họ (Hai mẹ con). Cho nên trong truyện và tiểu thuyết Nguyên Hồng đã tập trung miêu tả "những tia mắt nảy lửa" của mấy người đàn bà ở đề lao Nam Định, khi họ bị khám xét

và làm nhục, đã khai thác cái ý thức căm thù và phản kháng, "dám đối chọi chứ không chịu một bề van xin", của những người dân nghèo bị cắm nhà cắm đất (Hơi thở tàn), đã chứng minh lẽ tất yếu phải có "một sự chồm dậy, hất tung và san bằng những cái đè nén và ràng buộc cái đời đàn bà nhà quê cằn cỗi" (Cô gái quê). Ảnh hưởng của sách báo macxit và những hậu thuẫn của phong trào đấu tranh thời kỳ Mặt trận Dân chủ đã giúp cho những tác phẩm của Nguyên Hồng ngày càng mài sắc thêm tính chiến đấu và thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo cách mạng cao cả của giai cấp công nhân.

Ngay từ tháng 6 năm 1939, trên tờ báo Mới của Đoàn thanh niên Dân chủ, Nguyên Hồng đã cất tiếng kêu gọi thống thiết, đấu tranh giành quyền sống cho các trẻ em, cho các bà mẹ lao động ở Việt Nam và trên toàn thế giới.

"Phải mau trả lại sữa cho những người mẹ làm lụng đầu tắt mặt tối ở những xưởng thợ, những nhà máy, những kho hàng, không có thì giờ chăm ẵm con, không có đủ thức ăn uống để lấy sữa cho con bú, trong khi mồ hôi, nước mắt và khí lực của mình đã trút ra thành vải vóc, vàng bạc, rượu thịt cho các ông chủ bụng phệ, các bà chủ béo ú, cùng với bầu đàn thê tử nhà họ an nhàn ngồi hưởng...

Phải đem sữa lại cho những bà mẹ nhiều con dại ở các nước bị chiến tranh tàn phá; những người mẹ đang để tang cha chồng, anh em; những người mẹ phải thay những người đã chết vì chiến tranh kia, làm đủ mọi việc để có đủ quần áo và lương thực cho tụi quân lính hung hãn đi xâm chiếm những nước yếu hèn. Phải trả lại sữa cho những cái miệng bé nhỏ há rộng, lưỡi gần cứng đờ đó, dưới những bầu vú lép.

Những cái miệng khát sữa, chỉ mong sữa trong khi những mụ đàn bà phú hào và quý tộc tắm bằng sữa cho da thịt mịn màng, trong khi bọn tư sản đổ hàng ngàn, vạn thùng sữa xuống biển để có thể bán chỗ sữa còn lại với giá đắt trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng" (Những giọt sữa).

***

Không phải lúc nào Nguyên Hồng cũng viết bằng một bút pháp hiện thực tỉnh táo và nói chung, ít khi anh sử dụng một lối viết nặng về trí tuệ. Ở anh, những yếu tố nội tâm, những tình cảm sôi nổi, dạt dào từ bên trong đôi lúc cứ muốn lấn lướt, trùm lên cái hiện thực khách quan được miêu tả.

Người ta thường nói đến màu sắc trữ tình lãng mạn trong những tác phẩm của Nguyên Hồng. Chính do cái chất trữ tình sôi nổi thiết tha đó mà tác phẩm của anh làm cho người đọc xúc động, nó luôn luôn mang đến cho tuổi trẻ những tình cảm tin yêu thắm thiết, những ước mơ hy vọng về tương lai, những khát vọng vươn lên ánh sáng của lý tưởng cao đẹp.

Bỉ vỏ, Những ngày thơ ấu chưa đi thẳng vào những trung tâm mâu thuẫn của hiện thực khách quan lúc bấy giờ, mà dường như lại thu hút chúng ta bởi những cảm xúc tươi mới trong sáng, dào dạt của một cây bút trẻ đang dễ xúc động, dễ ngạc nhiên trước cuộc sống, bởi những kỷ niệm đau xót, những rung động chân thành của một linh hồn trẻ dại bị lạc loài, bị vùi dập trong lòng một gia đình cũ kỹ sắp tàn.

Những ngày thơ ấu là những lời tâm sự thiết tha, thầm kín, những hồi ức của một cái "Tôi" đau khổ tự trình bày cuộc đời riêng tư của mình trên trang giấy một cách chân thành, tin cậy (trước đó, trong văn học ta chưa nhiều những hồi ký như thế):

"Thầy mẹ tôi lấy nhau không phải vì thương yêu nhau, sự trái ngược cay đắng đó tôi đã hiểu rõ rệt và thấm thía ngay từ năm tôi lên bảy lên tám... Những buổi chiều vàng lặng lẽ, lạnh lẽo của mùa đông, những buổi chiều mà bụi mưa như có một thứ tiếng van lơn thầm thì trong hơi gió vu vu, lửa lò than rực rỡ vờn lên chân tường những ánh hồng lấp lánh hay rủ rê tâm trí người ta vào những cõi buồn nhớ là những buổi chiều làm tê tái mẹ tôi hơn hết".

Trong tập hồi ký rất xúc động này, Nguyên Hồng đã lắng nghe được những âm vang sâu lắng của tâm hồn, ghi nhận được những cảm giác tinh tế tự bên trong và diễn tả chúng qua cái nhìn hồn nhiên, tươi sáng của tuổi thơ, khiến cho ta có cảm tưởng thú vị như được đưa về "thời thơ ấu của nhân loại":

"Tôi ngồi lên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt... Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng".

Cũng như một số nhà văn trẻ thời ấy, Nguyên Hồng đã bắt đầu cuộc đời sáng tác của mình bằng một đôi mắt xanh non, một cái nhìn rất độc đáo, tươi mới, trẻ trung.

Đó là cái tuổi mà tâm hồn dễ xúc động, các kỷ niệm để lại những ấn tượng sâu sắc, mênh mang như cái ánh trăng bàng bạc của đêm thu đầy trăng, xao xuyến như hương hoa cau hoa lý ngát thơm cả một góc vườn đang vỡ lở ra trong tiếng khóc nức nở của hai mẹ con người đàn bà tội nghiệp, đáng thương (Mợ Du). Đó cũng là một tâm hồn ham mê thanh sắc, đắm chìm trong những cảnh đẹp rực rỡ, quyến rũ của thiên nhiên: một bầu trời xanh trong bát ngát "với ánh nắng rực rỡ phấp phới trên các cành cây lá óng ả, mượt nõn và những chòm xoan xanh tươi hứa hẹn màu thắm của các vừng hoa đỏ" (Những ngày thơ ấu); "những hương hoa quả thơm nồng, bay thấp thoáng trong không khí tê mê rạo rực", những "tiếng chim chích chòe đậu trên những ngọn cau, ngọn xoan, hót lanh lảnh, vang rất xa dưới vùng trời bao la và lấp lánh" (Vực thẳm).

Đó cũng là một sự sống ngùn ngụt, nóng hổi, một lòng "ham sống dào dạt", trong ấy mọi thứ đều như rung lên cùng với một lòng thương yêu thắm thiết,trong ấy như có một lớp sóng cứ trào lên không ngớt, như có một thứ

tiếng rùng rùng âm vang bát ngát. Cái sức sống bên trong đó là sự rung động đến cực điểm của "một quả tim trên hai mươi tuổi đẫm máu đỏ tươi và hơi thở nóng nảy" (Cuộc sống). Tôi nhớ lúc còn ngồi trên ghế nhà trường trung học, một lần phải dịch ra Pháp văn một đoạn trong Những ngày thơ ấu, cái đoạn nói về tiếng kèn náo nức, dồn dập rung vang đó:

"Tiếng kèn mỗi giây một dướn cao, một vang to, rung động cả làn không khí êm ả của một góc trời. Rồi nương tiếng gió lao xao trong những chòm cây phấp phới, âm thanh náo nức, dồn dập của tiếng kèn càng cuốn lên cao, tràn ra xa, rất xa, đến những vùng xa sáng tươi nào đó. Càng về sau tiếng kèn càng niềm nở, ân cần như những lời thúc giục thống thiết... Hãy bước đi, hãy bước đi, như làn lá nhỏ bay theo gió... Tiếng kèn vồn vã vẫn rõ ràng, trong sáng và bầu trời mở rộng rung vang...".

Cả tập thư trong Cuộc sống cũng là một lòng yêu đời đắm đuối, thiết tha. Đó là những dòng nhật ký của tác giả lúc bị giam ở trại Bắc Mê, ngồi nhớ về phố Cảng thân yêu của mình. Hải Phòng hiện ra với "một bầu trời tràn ngập ánh sáng nắng rực, những tiếng cười nói và những cử chỉ không thể kìm hãm được", những "sự rạo rực đã phát tiết ra" và khắp nơi" cây cỏ rung lên trước gió, mưa rào rào phấn vàng phấn bạc vãi tung ra khắp bốn phương trời những hột bụi nảy nở của muôn ngàn bầu nhị" (Những mầm sống).

Trong các tác phẩm của Nguyên Hồng thời kỳ đầu, những tình cảm không những tươi mới, trẻ trung, mà lúc nào cũng được biểu hiện ở cường độ cao: nó phải ngùn ngụt nóng hổi, nó phải đằm thắm thiết tha, nó phải trong ngần tươi mát... Còn những cảnh sắc thì bao giờ cũng lao xao, phấp phới, chói lòa rực rỡ hoặc rùng rùng âm vang...

Dường như cái sức sống tự bên trong tâm hồn nhà văn, một cái gì say sưa, rạo rực, tha thiết tin yêu đã in dấu lên mọi cảnh vật, mọi màu sắc. Nó làm cho những cảnh sắc đó sôi động hẳn lên, rung lên, vang lên mạnh mẽ, thu hút tình cảm người đọc, khiến cho người ta không thể dửng dưng lạnh nhạt trước một

sự chân thành, nồng nhiệt đến như thế.

Đã có lúc Nguyên Hồng cho rằng sự đòi hỏi thôi thúc của nội tâm, cái nhiệt tình, sôi nổi tha thiết tự bên trong là điều kiện gần như tất cả đối với một nhà văn. Hồi đó anh bị bắt ở Hải Phòng và bị đưa đi Bắc Mê (Hà Giang), phải nghỉ viết vừa đúng ba năm! Cho nên cũng dễ hiểu khi anh cho rằng trong tác phẩm chỉ cần "sự cởi mở của tâm hồn", "sự giao cảm với cuộc đời", "sự thiết tha tìm thấy trong Người" mà anh "không thể nén nhịn được phải kêu lên ráo phổi với Người". "Bất cứ một tác phẩm nghệ thuật nào thiếu những cái đó là không có tất cả, là chết!" (Cuộc sống).

Tất nhiên không có ngọn lửa bên trong đó thì nghệ thuật không thể gây được sự say mê, xúc động trong lòng người đọc. Nhưng ở Nguyên Hồng, cái bên trong đôi lúc lấn lướt cái bên ngoài, sự say sưa chủ quan không kết hợp được với sự tỉnh táo khách quan. Văn xuôi đòi hỏi một vốn sống, một sự từng trải, kể cả một trí tuệ tỉnh táo để làm cho nhân vật hiện lên, đi đứng khóc cười như trong cuộc đời thật. Cái ngọn lửa say mê tự bên trong đó có thể làm nên chất thơ, chất trữ tình đằm thắm, chứ chưa đủ để làm cho nhân vật sống động, gân guốc, tạo hình nghĩa là có một vận mệnh riêng, một kiểu ngôn ngữ hành động và đời sống tâm lý riêng. Cho nên với ngọn lửa ngùn ngụt bên trong đó, Nguyên Hồng đã viết nên một Cuộc sống bằng thư, chứ chưa phải là dựng lên những nhân vật, những trang tiểu thuyết. Văn xuôi hiện thực, dù là văn xuôi trữ tình, cũng không thể chỉ tự ca hát mình, chỉ bình giá hiện thực, mà còn có nhiệm vụ tái tạo cái hiện thực khách quan như nó vốn có.

Trên kia ta thấy trong văn Nguyên Hồng luôn luôn có nắng gió lao xao, phấp phới, rực rỡ và một bầu trời xanh trong lấp lánh rất đẹp. Cái đó là gì, nếu không phải là lòng ham sống, tin yêu cuộc sống, là vẻ đẹp của lý tưởng, là những ước mơ lãng mạn về tương lai.

Chứng kiến cái cảnh con người bị cưỡng đoạt, bị sa đọa trong xã hội đồng tiền, Nguyên Hồng khao khát một cuộc sống của những người lao động

thương yêu, đùm bọc lẫn nhau và luôn luôn vươn đến những cái gì cao quý, trong trắng, nó là vẻ đẹp, là chất thơ của cuộc đời. Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm của anh có nguồn gốc sâu xa từ cái nhân hậu của những người dân nghèo Việt Nam, từ cái trung hậu công bằng của những truyện cổ tích, cái bát ngát tươi thắm của ca dao. Còn chất thơ trong văn xuôi của anh thì đó là sự rung cảm trước cái đẹp của cuộc sống vất vả, ồn ào của những người lao động. Trong cuộc sống, trong lao động có một vẻ đẹp, một chất thơ riêng, rất giàu màu sắc lãng mạn. Có lẽ Nguyên Hồng là nhà văn đầu tiên ở nước ta ca ngợi vẻ đẹp của lao động. Tác phẩm Cuộc sống (1942) là một thứ tuyên ngôn về chất thơ trong lao động. Chất thơ lãng mạn chan chứa, đậm đà trong từng trang sách, khi Nguyên Hồng ở căng Bắc Mê (Hà Giang) nhớ về thành phố Cảng thân yêu của mình. Dù bị bóc lột, bị cướp đoạt, bị đày đọa, cuộc sống của những người lao động vẫn cứ vươn lên với một sức mạnh, một vẻ đẹp không thể gì dập tắt nổi! Cái nhìn của Nguyên Hồng ở đây rất giống với cái nhìn tin tưởng đầy tính chất nhân đạo của Gorki.

Màu sắc lãng mạn cách mạng đã ánh lên qua các truyện ngắn của Nguyên Hồng thời kỳ 1938-1939 và qua những trang đầy chất thơ trong Cuộc sống.

1-5-1939, trên tờ báo Mới số 1 xuất bản ở Sài Gòn, bên cạnh những vần thơ của Tố Hữu ta được đọc một tác phẩm của Nguyên Hồng ca ngợi lao động của thợ thuyền tràn đầy ánh sáng tương lai:

"Một góc thành phố chuyển động vì sự nhộn nhịp, huyên náo làm bằng tiếng guốc khua vang, tiếng cười nói tràn lên như gió bão, tiếng xe bò chuyển ầm ầm, tiếng chuông ran không ngớt của muôn ngàn người cùng chung một đường đi, cùng dưới một bầu trời tràn ngập ánh nắng rực rỡ này... Một ai đây dù hoài nghi cũng phải tin rằng cái hình thức tối tăm, cằn cỗi và như thối nát của sự sống một phần nhân loại lầm than chỉ là một cái vỏ mỏng sắp sửa nổ vỡ. Vì trong cái vỏ ấy, bao nhiêu mầm sống nảy nở đã chín muồi sắp chồm dậy, sắp xé tung sự trùm lấn, đè ép để tự do thở hít ánh sáng và khí trời để

tràn lên mênh mông.

Làn sóng người đã lan ra khắp hang cùng ngõ hẻm. Người ta mong đợi một ngày kia làn sóng cuồn cuộn ngày hôm nay sẽ lôi cuốn được tất cả những làn sóng rải rác khác để chồm lên và vượt qua những dốc cản trở, những tảng đá đè nén, những hố sâu vùi dập, để đi tới một dải đất rực rỡ, sán lạn như bầu trời xuân tràn ngập ánh nắng trong buổi trưa này" (Những mầm sống).

Chất lãng mạn cách mạng trong văn Nguyên Hồng, như trên đã nói, bắt nguồn từ một tâm hồn bị vùi dập, bị đày đọa, nhưng chính vì thế mà càng yêu đời, yêu cuộc sống, luôn luôn muốn vươn lên một cuộc sống tươi đẹp hơn, công bằng hơn; mặt khác, chất lãng mạn cách mạng đó lại được khơi dậy từ những ảnh hưởng sâu sắc có tầm quyết định của Đảng đối với một thanh niên đang say sưa đi tìm lý tưởng. Những ảnh hưởng của Đảng, của phong trào và sách báo macxit tiến bộ như một "thứ ánh sáng đã làm sôi nổi cả người tôi và cả cái tuổi... lần đầu tiên bứt rứt thấy trong mình mọng những sinh lực tươi tốt và những khả năng vĩ đại" (Cuộc sống).

Trong văn xuôi của Nguyên Hồng có một chất say. Cái say của văn Nguyên Hồng thời đó cũng có phần nào giống cái say mê, cuốn hút của thơ Tố Hữu lúc gặp ánh sáng của Đảng. Ở Tố Hữu, "mặt trời chân lý" đã bừng sáng trong tâm hồn và anh đã thành một chiến sĩ. Còn Nguyên Hồng thì tuy còn ở trong thời kỳ quyết tâm nhập vào đội ngũ ấy nhưng đã bắt đầu nhận ra vẻ đẹp của lý tưởng, đã tự nguyện đi dưới ánh sáng của "mặt trời chân lý". Tập thơ Từ ấy có cái say của một mối tình đầu đến với cách mạng. Tác phẩm của Nguyên Hồng những năm 1938-1939 về sau cũng có cái tâm trạng của một thanh niên đang khao khát vươn lên một cuộc sống tốt đẹp hơn, bỗng được tiếp xúc với cách mạng, say sưa ngây ngất trong ánh sáng chói lòa của cách mạng. Sự giác ngộ lý tưởng của Nguyên Hồng trong những năm trước cách mạng có cái đặc điểm là làm say lòng người; nhưng lúc bấy giờ anh chưa đủ vốn sống để có thể xây dựng nên những hình tượng sinh động về con

người mới, những điển hình chiến sĩ cách mạng. Ánh sáng của lý tưởng thường được biểu hiện dưới dạng những cảm xúc trữ tình, những khát vọng lãng mạn cách mạng chưa hòa lẫn vào chủ nghĩa hiện thực. Tình trạng này còn kéo dài mãi cho đến Lò lửa và Địa ngục.

***

Nguyên Hồng là một hiện tượng khá tiêu biểu cho trào lưu văn học hiện thực phê phán ở nước ta. Nó xuất hiện sau trào lưu hiện thực phê phán ở phương Tây một thế kỷ, khi trên văn đàn thế giới đã có chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên và hiện thực xã hội chủ nghĩa. Trong nước, nó xuất hiện cùng thời với văn chương Tự lực văn đoàn, thơ Tố Hữu và văn học cách mạng.

Cho nên có thể thấy ở Nguyên Hồng những ảnh hưởng của Hugo, lẫn Gorki, Romain Rolland, của Tố Hữu lẫn Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Thạch Lam...

Có dấu vết chủ nghĩa xã hội không tưởng của Hugo, lối miêu tả nặng về cảm giác của Thạch Lam, cái "tôi" trữ tình say đắm thiên nhiên, lối phóng đại và lý tưởng hóa nhân vật, khuynh hướng nghiêng về những yếu tố rùng rợn kỳ lạ của chủ nghĩa lãng mạn. Nhà sư nữ chùa Âm hồn là một biểu hiện rõ rệt của những ảnh hưởng lãng mạn chủ nghĩa.

Những ảnh hưởng này cũng chỉ rơi rớt trong một số tác phẩm thời kỳ đầu của Nguyên Hồng. Cuộc đời lam lũ, cơ cực của bản thân, những ảnh hưởng của phong trào cách mạng, của sách báo macxit đã nhanh chóng hướng anh về vùng ánh sáng lành mạnh của chủ nghĩa hiện thực. Nói chung, so với một số nhà văn khác, con đường đi đến chủ nghĩa hiện thực của Nguyên Hồng tương đối bằng phẳng.

Văn học hiện thực phê phán Việt Nam gặp những khó khăn trong điều

kiện phát triển công khai ở một nước thuộc địa. Đồng thời nó cũng có thuận lợi vì xuất hiện lúc Đảng của giai cấp công nhân đã ra đời và phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng đã dâng cao. Các nhà văn hiện thực phê phán đã chịu ảnh hưởng từ hai phía: hệ tư tưởng macxit của phong trào vô sản và hệ tư tưởng phong kiến, tư sản gắn với chính sách đầu độc, ngu dân của giai cấp thống trị. Phong trào Mặt trận Dân chủ đã tạo những hậu thuẫn cho văn học hiện thực phê phán phát triển mạnh mẽ. Ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của Đảng, của phong trào quần chúng đã có tác dụng quan trọng đến chất lượng tác phẩm và con đường đi của văn học hiện thực phê phán nước ta.

Tác phẩm của Nguyên Hồng là một trong những hiện tượng trong sáng và tương đối thuần nhất của văn học hiện thực phê phán, ít bị pha tạp bởi những khuynh hướng tiêu cực đương thời. Cuộc đời của anh chủ yếu bắt rễ vào đời sống quần chúng và tắm trong ánh sáng của Đảng.

Mùa thu 1937, tại trụ sở chi nhánh báo Thời thế ở đường Cát Dài Hải Phòng, Nguyên Hồng đã sung sướng tìm đọc Tuyên ngôn Cộng sản, Vấn đề dân cày, Ngục Kontum và những tiểu thuyết của Gorki... Tại đây anh đã gặp những chính trị phạm ở Sơn La, Côn Lôn trở về và được giao công tác hoạt động trong tổ chuyên liên lạc với các học sinh, trí thức và viên chức.

Năm 1938, Nguyên Hồng sinh hoạt Đoàn Thanh niên dân chủ Đông Dương và viết trên báo Thế giới (Đến cây số 13), Người mới (Nắng mới, Người cha già) và Mới (Những giọt sữa, Những mầm sống, Người đàn bà Tàu). Các báo này có nhiệm vụ vận động và giác ngộ thanh niên, hết sức quan tâm đến nhu cầu văn nghệ của lớp trẻ. (3)

---

(3) Ban Biên tập báo Thế giới (1938) gồm Nguyễn Thường Khanh, Như Phong, Nguyên Hồng, báo Mới cũng gồm ba người trên, thêm Trần Minh

Tước, Lưu Quý Kỳ (Thanh Vệ) và Lê Hy (Lã Vĩnh Lợi).

Những năm cao trào của thời kỳ Mặt trận Dân chủ đã có ảnh hưởng quyết định đối với cuộc đời Nguyên Hồng. Những tác phẩm đầu tay viết theo năng khiếu của anh, dầu sao cũng có cái vẻ hồn nhiên và đôi khi còn rơi rớt những ảnh hưởng của chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tự nhiên. Dần dần chất lượng hiện thực được nâng cao hơn và anh viết cũng có ý thức hơn. Anh hướng về những đề tài chính trị, về cuộc đời công nhân (Bụi đen, Người đàn bà Tàu), nông dân (Đến cây số 13) và những người lao động nghèo khổ bị áp bức (Tù trẻ con, Tết của tù đàn bà). Anh thức tỉnh tinh thần đấu tranh để tự giải phóng và gây cho bạn đọc một niềm tin lãng mạn cách mạng vào ngày mai (Những mầm sống). Nguyên Hồng cũng là người đầu tiên trong văn xuôi xây dựng những hình tượng phụ nữ công nhân đấu tranh rất dũng cảm, giàu tinh thần hữu ái giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản. Với Người đàn bà Tàu, Những giọt sữa, Những mầm sống... Nguyên Hồng đã tiến gần lại văn học cách mạng, hay có thể nói, đã giao lưu với văn học cách mạng. Có thể coi đây là một đặc điểm của văn học hiện thực phê phán Việt Nam. Sau này thực tiễn văn học còn chứng minh rõ hơn là, bất cứ một nhà văn hiện thực phê phán chân chính nào cũng đều có chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp những phong trào công nhân và phong trào yêu nước do Đảng lãnh đạo.

Đầu năm 1939 nội các Daladier lên cầm quyền ở Pháp. Lập tức các nhóm cộng sản công khai, báo chí tiến bộ bị đàn áp. Ngày 29-9-1939, Nguyên Hồng bị đế quốc Pháp xử tù ở Hải Phòng về tội truyền bá tư tưởng cộng sản và tàng trữ sách báo macxit (chúng bắt được ở nhà anh cuốn Tự chỉ trích của Trí Cương - tức đồng chí Nguyễn Văn Cừ). Trong nhà tù Hải Phòng, Nguyên Hồng đã được gặp Tô Hiệu, Bùi Đình Đống, Ngô Minh Loan... "Một lớp huấn luyện theo đề cương cách mạng tư sản dân quyền do đồng chí Tô Hiệu hướng dẫn đã mở liền một tháng ròng cho chúng tôi" (4). Chính nhờ những vốn sống quý báu đó mà sau này Nguyên Hồng có tài liệu viết Lưới sắt và Lò lửa cũng như những chương về Tô Hiệu trong Sóng gầm.

Tháng 6-1940, đế quốc Pháp, trước cuộc tấn công hung hãn của bọn phát xít Hitler đã tuyên bố Paris bỏ ngỏ. Chính phủ Pétain phản động và phản bội Tổ quốc lên cầm quyền. Nguyên Hồng lại bị bắt và bị giải lên trại tập trung Bắc Mê, Hà Giang. Hàng ngày, cũng như những người tù chính trị khác, anh phải đi làm cỏ vê, gánh đá cùng với Xuân Thủy, Đinh Nhu, Trần Các (5). Xuân Thủy là nhà thơ cộng sản. Đinh Nhu là người sáng tác bài hát Cùng nhau đi Hồng binh, còn Trần Các là tác giả truyện ngắn Buổi gặp gỡ đầu tiên mà sau này Nguyên Hồng cho in trong tập Hai dòng sữa.Những âm mưu thâm độc, những thủ đoạn tàn bạo của thực dân không thể nào khuất phục được ý chí và niềm tin sắt đá của những nhà văn yêu nước và cách mạng. Nguyên Hồng viết cả trưa, sau khi đi làm cỏ vê về, cả tối khuya, trên một cái mặt hòm gỗ bưu kiện với ngọn đèn dầu lạc. Tiểu thuyết Xóm cháy (phác thảo đầu tiên của Sóng gầm) viết được ba trăm trang thì bị bọn mật thám lấy mất. Nguyên Hồng ngơ ngẩn không biết là bao nhiêu lâu rồi anh lại cặm cụi viết những mẩu ngăn ngắn giả làm nhật ký thư. Đó là những chất liệu quý giúp anh sau này viết thành công Cuộc sống.

---

(4) Hải Phòng với tác phẩm Cửa biển của tôi và tôi viết Sóng gầm. Văn nghệ số 12 - 1960, tr.46.

(5) "1937. Tôi học và hát bài Cùng nhau đi Hồng binh ở trên một gác xép phố đường Cát Dài, ngày đó, đồng chí Vũ Thiện Chân và Bùi Vũ Trụ đại diện báo Thời thế ở Hải Phòng dạy tôi.1939, tôi hát và đi tuần hành trong đề lao Hải Phòng với bài Cùng nhau đi Hồng binh rồi lên cả trại giam Bắc Mê hát nữa và hát bên cạnh Đinh Nhu, cùng nhau khiêng đá gánh gạch". (Nguyên Hồng. Bài hát và tiếng đàn của Đinh Nhu - Tạp chí Âm nhạc, số 3; 4-1978).

Hội nghị Thường vụ Trung ương ngày 25 tháng Hai năm 1943 đã ra nghị quyết về việc lập tổ chức Văn hóa Cứu quốc ở các đô thị lớn như Hà Nội,

Huế, Sài Gòn. Nguyên Hồng hoạt động trở lại trong tổ chức cách mạng từ mùa hè năm đó. "Cuộc họp đầu tiên của nhóm chúng tôi gồm có các đồng chí Vũ Quốc Uy, Tô Hoài, Như Phong và tôi ở trên sân thượng cái gác bếp nơi nhà trọ đồng chí Vũ Quốc Uy ở đường dốc xuống Ngũ Xã, một trong những địa điểm liên lạc của Văn hóa Cứu quốc" (6). Một ngày mùa rét năm 1943, Nguyên Hồng nhận được Đề cương Văn hóa của Đảng. Những phương châm của Đề cương là kim chỉ nam hành động vô cùng quý giá cho anh em văn nghệ sĩ trong thời kỳ đen tối đó và cả những năm dài về sau.

---

(6) Bước đường viết văn, tr.257. Theo hồi ký Một quãng đường của Tô Hoài (Tác phẩm mới số 16 năm 1971) thì cuộc họp đầu tiên vào cuối mùa hè năm 1943.

Mùa đông năm đó, ngoài bãi Nghĩa Dũng sông Hồng, Nguyên Hồng sửa chữa Hơi thở tàn và viết truyện ngắn Lúc chiều xuống cho báo Thanh niên số Tết của Huỳnh Tấn Phát ở Sài Gòn. Hơi thở tàn, Miếng bánh, Ngọn lửa, Buổi chiều xám... đã có những ảnh hưởng rõ rệt của Đề cương Văn hóa.

Dưới gọng kìm kiểm duyệt của bọn phát xít, những tác phẩm của Nam Cao, Nguyên Hồng, Tô Hoài... tuy không trực tiếp bóc trần những mâu thuẫn giai cấp đối kháng trong xã hội và ca ngợi tinh thần đấu tranh của quần chúng (như một số truyện và tiểu thuyết thời kỳ Mặt trận Dân chủ) nhưng cũng duy trì được một thái độ dám nhìn thẳng vào sự thật, thấy được cái không khí oi bức dông bão của một xã hội đang ngột thở, đang chuyển mình và chờ đợi, hy vọng ở ngày mai.

Từ sau 1940, nhất là từ khi tham gia tổ chức Văn hóa Cứu quốc bí mật, tính chất luận chiến nổi lên rất rõ rệt trong tác phẩm Nguyên Hồng. Tiếng nói chính nghĩa của Đảng bị cấm hẳn trên báo chí công khai thì các nhà văn tiến bộ phải nói lên một phần nào sự thật trong tác phẩm của mình. Nguyên Hồng

phê phán gay gắt lối sống ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa, chạy theo khoái lạc vật chất của một lớp thanh niên sa đọa trong đại chiến thế giới thứ hai, phê phán quan điểm sáng tác của các nhà văn lãng mạn thoát ly, đấu tranh cho lập trường của chủ nghĩa hiện thực, củng cố cho bạn đọc một niềm tin vào cuộc sống, vào tương lai.

Sau khi phát xít Nhật vào Đông Dương, dưới hai tầng áp bức của bọn thống trị, đời sống vật chất ngày càng khó khăn cùng quẫn, đời sống tinh thần thì bế tắc và bị đầu độc, nhiều thanh niên trí thức bị mất hẳn lý tưởng, ngày càng sa đọa về mặt nhân phẩm. Nguyên Hồng đã chứng minh cho bạn đọc thấy rằng: sự nghèo túng làm cho người ta đói khát, bệ rạc, nhưng sự từ bỏ nhân phẩm chạy theo đồng tiền, chạy theo cuộc sống hưởng thụ cá nhân cũng không bao giờ mang lại hạnh phúc. Đó chỉ là một kiểu tự sát dần dần, tự hủy hoại cuộc đời, tự mình lăn xuống dốc hoặc lao đầu vào vực thẳm. Đây là vấn đề đặt ra trong các tác phẩm Vực thẳm, Miếng bánh, Ngọn lửa của anh.

Tính chất luận chiến nổi bật nhất trong tuyên ngôn về nghệ thuật của Nguyên Hồng thời đó như Cái bào thai (Cuộc sống), Hai dòng sữa, Một trưa nắng (Miếng bánh), Ngọn lửa...

Những truyện như Cái bào thai và Hai dòng sữa đã phê phán gay gắt cái thứ văn chương và "âm nhạc phóng đãng, trụy lạc của những linh hồn ốm yếu, sống những cuộc đời chết mà vẫn tưởng là cao trọng, vẫn ca tụng thêu dệt bằng chữ vàng", đã khẳng định một nền âm nhạc chân chính thấm đẫm mồ hôi nước mắt của quần chúng lao động. Có thể thấy khá rõ ảnh hưởng của Văn hóa Cứu quốc trong những lời kết luận sau đây của Hai dòng sữa:

"Không phải chỉ để riêng mình, mà âm nhạc nảy lên còn để cho đoàn thể. Đó là cái âm nhạc đã tiêu biểu những đặc sắc của một dĩ vãng bất hủ, một sức sống bất diệt của một dân tộc trên những chặng đường lịch sử, nguy nan, tối tăm, một làn sinh khí bốc trên những mặt đất đẫm mồ hôi nước mắt của đám dân ấy... Đời Huyền bắt vào đời họ như rễ cây tơ bám riết lấy lòng đất, càng

lâu bao nhiêu càng vững chắc bấy nhiêu, nảy nở bấy nhiêu với những màu mỡ không bao giờ cạn".

Ánh sáng của Đề cương Văn hóa 1943 với ba phương châm Dân tộc, Khoa học, Đại chúng ngày càng được thể hiện rõ hơn trong các truyện Một trưa nắng, Giọt máu, Ngọn lửa, Buổi chiều xám...

Nguyên Hồng đã viết Một trưa nắng vào lúc tổ chức Văn hóa Cứu quốc đã đông anh em, đồng chí. Cũng giống như Ngọn lửa, Hai dòng sữa, đây là loại truyện ngắn có luận đề. Một buổi trưa, ta chứng kiến cái cảnh một nhà văn nghèo khổ, một người đàn bà buôn thúng bán mẹt, một người thợ thất nghiệp, một ông già kéo xe lê từng bước một uể oải trên con đường tỉnh, "dưới thác lửa ngùn ngụt chói lòa của mặt trời". Văn học có trách nhiệm viết về sự thật, về những con người lam lũ, thất nghiệp ấy, có nhiệm vụ tố cáo cái xã hội tù túng, ngột ngạt ở dưới ách phát xít - cái xã hội được miêu tả tượng trưng bằng hình ảnh một trưa nắng lóa hầm hập, "một biển lửa mênh mông" đang thiêu đốt hàng triệu con người! Nền văn học hiện thực chân chính đó phải nói lên được "những đau buồn, thương xót, mừng vui, khao khát, mong ước và tin tưởng" của đại chúng. Và không chỉ có đập phá tố cáo, nó còn phải "tìm thấy con đường, một chân trời êm mát tốt tươi qua những ngày mưa dầu nắng lửa" (Một trưa nắng).

Ta thấy rõ ở đây có những dấu hiệu muốn vượt qua khuôn khổ của chủ nghĩa hiện thực phê phán. Chủ nghĩa hiện thực bắt đầu có khuynh hướng muốn kết hợp với những màu sắc của chủ nghĩa lãng mạn. Không phải cái lãng mạn ủy mị, rên xiết, "tìm cái quên, cái an ủi giữa những đau khổ" mà là những niềm tin lãng mạn cách mạng vào thắng lợi của ngày mai (Ngọn lửa).

Trước Ngọn lửa, trong tác phẩm Hơi thở tàn, Nguyên Hồng cũng viết: "Tương lai! Tương lai! Những người đau khổ đã hết sức chiến đấu thế nào cũng giành được tương lai"...

Ngọn lửa gần như tổng kết lại những vấn đề "luận chiến" đã được nêu trước đây trong Vực thẳm, Hai dòng sữa, Hơi thở tàn, Miếng bánh. Truyện vừa này được in ở nhà xuất bản Mới của một đồng chí trong Văn hóa Cứu quốc. Cũng ở cơ quan của nhà xuất bản này ở đường Bờ sông Hà Nội, tháng 5-1945, Nguyên Hồng ngồi viết truyện Buổi chiều xám để chuẩn bị cho tạp chí Tiền phong của Văn hóa Cứu quốc. Những ngày đó Hà Nội như một ngọn núi lửa âm ỉ rần rật, nung nấu cái không khí tiền khởi nghĩa. Những tin chiến thắng của Hồng quân Liên Xô, của các đơn vị giải phóng ở căn cứ địa Cao Bắc Lạng dồn dập bay về Hà Nội và các tỉnh đồng bằng.

Chính cái không khí sôi nổi đó, những điều kiện thuận lợi đó đã làm cho Nguyên Hồng "tung hoành ngọn bút như chưa bao giờ được như thế" (7). Anh lớn tiếng lên án cuộc chiến tranh bẩn thỉu của bọn phát xít, cuộc chiến tranh phi nghĩa đó đã khiến hàng vạn người dân lao động lương thiện bị biến thành "bia thịt, những máy bắn chém người không tiếc tay, giày xéo lên xác chết để làm giàu cho một lũ lái súng, khát vàng và máu". Lần đầu tiên, ngòi bút Nguyên Hồng đả kích trực diện vào bọn đế quốc Nhật Pháp, kêu gọi quần chúng đứng dậy khởi nghĩa:

---

(7) Bước đường viết văn, tr.274.

"Sự khốn nạn đã đến tột cùng rồi! Đi bắn giết người, đi cướp đất người, đi bóc lột của cải vơ vét thóc gạo trong khi mùa màng mất và sự đói kém tàn hại hàng triệu sinh linh, chưa đủ, lại còn hãm hiếp đàn bà một cách công nhiên nữa. A! Đồng bào Xan! Hơn hai mươi triệu linh hồn máu mủ với Xan còn phải đợi những điều kiện nào mới vùng dậy, đập tan những thống khổ?".

Sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương rút lui vào bí mật và bọn đế quốc tăng cường chính sách đàn áp khủng bố kiểu phát xít, văn học hiện thực phê phán đã có sự phân hóa. Một bộ phận rơi vào khuynh hướng lãng mạn bảo

thủ hoặc tự nhiên chủ nghĩa, nhưng điều may mắn là đại bộ phận các nhà văn hiện thực phê phán (Nam Cao, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Kim Lân) đã tham gia tổ chức Văn hóa Cứu quốc bí mật. Chính nơi đây đã diễn ra sự giao lưu giữa văn học hiện thực phê phán và văn học cách mạng. Đảng đã chuẩn bị cho các nhà văn hiện thực phê phán những điều kiện thuận lợi để sau Cách mạng tháng Tám có thể dần dần chuyển sang chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

***

Bỉ vỏ và Cửa biển là hai cái mốc lớn về tiểu thuyết của Nguyên Hồng. Một bên là tác phẩm hiện thực phê phán, với những tình cảm yêu thương dào dạt, với những khát vọng trong trắng, hồn nhiên của mối tình đầu đến với nghệ thuật; một bên là bộ tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa bốn tập đầu tiên ở nước ta, với một trận đánh hai ngàn trang kéo dài ròng rã mười sáu năm trời! Thông qua bộ tiểu thuyết Cửa biển của Nguyên Hồng cũng như tác phẩm của một số nhà văn lớn trước, chúng ta có thể rút ra những vấn đề lý luận trong quá trình chuyển hóa về thế giới quan, phương pháp sáng tác và phong cách nghệ thuật của các nhà văn từ chủ nghĩa hiện thực phê phán chuyển sang chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, những bài học kinh nghiệm khi viết về đề tài xã hội cũ, những yêu cầu nghệ thuật khi xây dựng những bộ tiểu thuyết ít nhiều có tính chất sử thi, có dung lượng lớn và sức mạnh tổng hợp, bao quát được nhiều thời kỳ lịch sử.

Từ bản thảo đầu tiên viết về Xóm Cháy đến lúc Sóng gầm ra đời vừa tròn hai mươi năm!

Không có sự gắn bó lâu dài với một vùng quê hương và chuẩn bị, thai nghén từ nhiều năm, không thể có một bộ tiểu thuyết lớn. Cửa biển là sự kết tinh cao độ toàn bộ vốn sống, toàn bộ các loại nhân vật quen thuộc trước kia cũng như hiện nay của Nguyên Hồng, hay nói cho đúng hơn, đó là sự tổng hợp, bổ sung, nâng cao trên cơ sở một thế giới quan mới, một phương pháp

sáng tác mới.

Bản chất tổng hợp cũng là một đặc trưng của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa có khả năng kế thừa toàn bộ tinh hoa của nghệ thuật nhân loại và tổng hợp lại thành một chất lượng nghệ thuật hoàn toàn mới.

Bây giờ chúng ta đã có thể xây dựng được một nền thi ca hoàn chỉnh, tổng hợp được những chất liệu thẩm mỹ khác nhau mà trước đây đứng riêng rẽ bên cạnh nhau, như hiện thực và lãng mạn, trữ tình và anh hùng ca, cảm xúc và trí tuệ, dân tộc và hiện đại. Cửa biển của Nguyên Hồng, Vỡ bờ của Nguyễn Đình Thi... là một bước tổng hợp mới của nghệ thuật tiểu thuyết.

Trước hết đó là sự tổng hợp đầu tiên giữa các yếu tố sử thi, kịch và trữ tình. Nhiều tác phẩm của Nguyên Hồng trước 1945 mang đầy những yếu tố bi kịch (Bỉ vỏ; Người con gái; Giọt máu; Đây; bóng tối) và đậm đà chất trữ tình lãng mạn (Cuộc sống, Những ngày thơ ấu). Nhưng phải đến độ Cửa biển thì tiểu thuyết Nguyên Hồng mới có quy mô sử thi, bao quát được những thời kỳ lịch sử quan trọng với hàng loạt sự kiện và biến cố, với một khối lượng nhân vật đông đảo đi về hoạt động trong những môi trường, những hoàn cảnh rộng lớn.

Cửa biển có cái không khí của một ngày hội lớn. Các nhân vật đủ các loại, các kiểu đều về đây họp mặt, có thể dáng vóc, y phục, tính nết, số phận đã thay đổi ít nhiều, nhưng vẫn là những con người khá quen thuộc với chúng ta. Vẫn một bà mẹ ngoan đạo, gầy yếu và hen suyễn, sống chịu đựng, nhẫn nhục và tần tảo nuôi con; một thanh niên tiểu tư sản thất nghiệp nhưng nhiều mặc cảm và sĩ diện; những dân anh chị ở cái xóm Cấm, xóm Chợ con, ngõ Hàng Gà đầy rác rưởi và ngập máu... Cũng vẫn những người đàn bà lam lũ khuân vác, đội than Sáu Kho, những thợ đá ở nhà máy Ximăng và phong trào công nhân rầm rộ, sôi nổi những năm 1936-1939. Vẫn trở lại cái cảnh phố Hạ Lý với những gái nhà chứa, cảnh vườn hoa Đưa người với mấy con mụ chuyên

làm nghề dắt díu những "cơm thầy cơm cô"; vẫn cái lạnh lùng tàn nhẫn của những thành phố lớn buôn bán, lừa lọc, cạnh tranh...

Nhiều nhân vật đã được thai nghén từ trước hoặc xuất hiện dưới dạng những phác thảo, đến tập Cửa biển mới được tổng hợp thành một chất lượng nghệ thuật mới. Một số nhân vật ta làm quen lần đầu nhưng thực ra đã được tác giả thai nghén từ lâu. Tất nhiên không chỉ có các nhân vật cũ, nhiều nhân vật mới đã xuất hiện góp phần hoàn chỉnh thêm bức tranh toàn cảnh của xã hội Việt Nam trong những thời kỳ lịch sử quan trọng từ cao trào Mặt trận Dân chủ cho đến Cách mạng tháng Tám.

Trước đây, tác phẩm của Nguyên Hồng thường chỉ là truyện của một người. Các nhân vật đó lại thường đi về hoạt động trong một môi trường hẹp, một hoàn cảnh có tính chất phong bế (một gia đình, một ngõ hẻm ở thành phố, một góc chợ ở làng quê, một thị trấn nhỏ ở ngoại ô...). Giờ đây, phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa không cho phép chỉ miêu tả nhân vật bịt bùng trong một hoàn cảnh tù đọng mà phải tạo điều kiện cho nhân vật tiếp xúc với hoàn cảnh xã hội rộng lớn, tắm mình trong dòng sông bao la cuồn cuộn của lịch sử, của thời đại. Trong thế kỷ chúng ta, vận mệnh một cá nhân gắn liền chặt chẽ với vận mệnh của dân tộc, với những biến cố lịch sử lớn lao. Đặc điểm đó đòi hỏi các nhà tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa phải tiến đến một sự thống nhất biện chứng giữa hoàn cảnh rộng và hoàn cảnh hẹp, giữa hoàn cảnh xã hội rộng lớn và hoàn cảnh sinh hoạt cụ thể, riêng biệt của từng cá nhân trong hoàn cảnh điển hình.

Phương pháp sáng tác mới tạo điều kiện cho Nguyên Hồng khái quát, tổng hợp một vốn sống từ nhiều mặt, cho phép mở ra những hoàn cảnh rộng với nhiều thành phố (Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định), nhà tù, trại giam (đề lao Hải Phòng, trại tập trung Bắc Mê) và đôi lúc Nguyên Hồng còn lướt nhanh ống kính qua gần hết các vùng rừng núi, nông thôn miền Bắc hoặc các hầm mỏ (Tràng Bạch, Mạo Kê, Bí Chợ, Vàng Danh...) để ghi lấy những cảnh khổ

điển hình của con người Việt Nam trong thời kỳ Nhật Pháp thống trị. Có lẽ trong thời gian sáng tác, Nguyên Hồng đã nhiều lần bị cám dỗ bởi cái ý định muốn mở rộng tầm bao quát sử thi của tiểu thuyết, mở rộng khuôn khổ của những tài liệu thực tế và lịch sử. Bộ tiểu thuyết Cửa biển đã phát huy được tất cả những mặt mạnh trước đây của Nguyên Hồng. Nhưng văn học hiện thực phê phán ở nước ta có những hạn chế nhất định do thế giới quan và phương pháp sáng tác của nhà văn, do điều kiện phát triển công khai ở một nước thuộc địa. Tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa cần phải viết về các thời kỳ của phong trào cách mạng dân tộc dân chủ từ khi Đảng ta thành lập cho đến cuộc Tổng khởi nghĩa mùa thu trong cả nước, cần phải có nhiệm vụ nâng cao và bổ sung cho tiểu thuyết hiện thực phê phán, đặc biệt là mảng đả kích vào bọn đế quốc và bè lũ tay sai, miêu tả phong trào cách mạng của quần chúng.

Cứ trở về tầng lớp dân nghèo thành phố là ngòi bút của Nguyên Hồng sinh động hẳn lên, như trở về một lớp người quen thuộc, nặng nhiều ân nghĩa. Từ cách miêu tả chuyện làm ăn sinh sống đến những suy nghĩ tâm tình, lời ăn tiếng nói của những người dân nghèo đều hết sức nhuần nhị, khác hẳn khi anh nói về bọn giàu có bóc lột và lũ thực dân. Mỗi người dân nghèo đều có một tiểu sử riêng, một lý lịch riêng, một cách hành động và phản ứng riêng.

Trong bộ tiểu thuyết Cửa biển, Nguyên Hồng vẫn tiếp tục sử dụng cái bút pháp quen thuộc ở một số truyện trước Cách mạng tháng Tám. Những tấn bi kịch của tầng lớp dân nghèo diễn ra ngày càng dữ dội hơn, đau đớn hơn trong suốt hai tập Sóng gầm và Cơn bão đã đến. Bắt đầu là cái cảnh nhân vật Thanh, sau hàng tháng trời lang thang đi kiếm việc làm nhưng vẫn không có một tia hy vọng, định thắt cổ tự tử cho thoát nợ đời (chương bốn, Sóng gầm). Sang chương sáu, không khí xóm Cấm càng nặng nề, khó thở hơn sau chuyện ông Dâng cắn lưỡi tự tử trong xà lim, uất ức vì bị mật thám Tây cậu vu oan là ăn cắp hàng ở Sáu Kho! Kết thúc chương tám, bi kịch lên cao độ: lão La bị vợ đánh què chân, gia đình tan nát, chồng chết, vợ đi tù, con cái bơ vơ lưu lạc... Những tấn bi kịch diễn ra dồn dập ngay trong cùng một khu nhà của

những người dân nghèo xóm Cấm, cứ như là một thứ định mệnh trùm lên số phận rủi ro của họ.

Nếu như ở tập một của bộ tiểu thuyết, xung đột diễn ra giữa con người với hoàn cảnh, với những thứ gọi là tai ương nghiệp chướng thì sang tập hai, những "cơn bão" dữ dội, những bi kịch chủ yếu lại thể hiện thành những xung đột nội tâm của các nhân vật trong từng lớp dân nghèo thành thị. Sau ngày ở tù ra, Thanh hoang mang dao động, chạy trốn phong trào, tìm sự ru ngủ ở tôn giáo, sống những ngày xót xa, dằn vặt, sống mà như đã chết từ lâu.

Sau đó là đến cái chết đau đớn, vật vã của Gái đen, người con gái cả tin, mê say và liều lĩnh, đã bị lừa dối, phản bội, bị đem bán. Rồi đến chương mẹ La suy tính lao lung, quyết tâm vượt qua nhà ngục của đế quốc phong kiến lẫn nhà tù của thần quyền ngay trong bản thân mình, để tìm con đường sống. Người đàn bà trốn tù đó luồn rừng, băng đồng tìm về thành phố quê hương, chết đi sống lại mấy lần, chân bước giữa Hải Phòng mà như là một hồn ma dám đi giữa ban ngày, một "hồn ma bóng quỷ thoát khỏi âm ti địa ngục, trở về dương gian mà làm người". Trong cơn bão táp cách mạng, các nhân vật của Nguyên Hồng sẽ mất đi cái vẻ bình thường bên ngoài, sẽ thay da đổi thịt, chuyển biến dữ dội theo chiều hướng đi lên quyết liệt của cuộc sống.

Tiểu thuyết Cửa biển có một sức tố cáo mạnh mẽ khi ngòi bút của tác giả tập trung miêu tả tấn bi kịch của những gia đình dân nghèo bị phá sản, bần cùng hóa và lưu manh hóa. So với trước cách mạng, những trang viết của Nguyên Hồng giờ đây giàu chất trí tuệ hơn. Thế giới quan mới, phương pháp sáng tác mới giúp anh lý giải một cách sâu sắc quy luật bần cùng hóa và tha hóa con người của xã hội tư sản. Cũng vẫn miêu tả những tấn bi kịch ấy của tầng lớp dân nghèo, nhưng anh có ý thức rõ rệt hơn về sự cô đơn trơ trụi của con người và nỗi lo sợ bị đe dọa tứ bề bởi những sức mạnh và guồng máy vô hình ở các thành phố tư sản. Cái mới của ngòi bút hiện thực xã hội chủ nghĩa là giờ đây Nguyên Hồng không chỉ miêu tả cái sức mạnh độc ác, tàn nhẫn đã

lạnh lùng xô đẩy bao nhiêu người vào vực thẳm, mà còn có ý thức thể hiện quá trình những người cán bộ cách mạng, những người dân nghèo lương thiện đang chống lại sự tha hóa và sự bần cùng hóa nghiệt ngã đó của xã hội thực dân phong kiến. Tiểu thuyết Cửa biển miêu tả những người dân nghèo đã bị cái xã hội cũ bóc lột làm cho bế tắc, cùng quẫn rồi đâm ra phản ứng liều lĩnh, cắn xé nhau như gia đình mẹ La, làm cho sống mòn và chết mòn theo nhiều dạng khác nhau như Thanh, Thái Trang, Trần Văn, làm cho mụ mị đi rồi biến thành một loại đầy tớ nhẫn nhục, trung thành như Ký Thái, làm cho ngớ ngẩn đi trong một cuộc sống bản năng gần như cây cỏ kiểu Khòa... Những hiện tượng đau xót trên đây dầu sao cũng là một thực trạng xã hội. Nhưng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nhà tiểu thuyết phải miêu tả hiện thực trong quá trình phát triển cách mạng. Nguyên Hồng sẽ lần lượt đưa các nhân vật tắm vào dòng sông lớn của lịch sử, miêu tả cái hiện thực con người hướng về cách mạng, ý thức cách mạng dần dần nảy nở trong lòng quần chúng lao khổ. Cách mạng đến làm rạng rỡ lên những khuôn mặt lâu nay dường như tắt hẳn ánh sáng của trí tuệ, làm cho cuộc sống của họ có ý nghĩa hơn, đáng sống hơn, chứa chan hy vọng về tương lai. Mẹ La tưởng đã thành ma bệnh, ma đói ở đường ngược Hà Giang, hay chết dần chết mòn ở cái đáy vực sâu thẳm của khách sạn Thiên Tân, nhờ gặp ánh sáng cách mạng mà tìm ra con đường sống. Ký Thái trở thành một cơ sở bí mật trong nội thành. Ánh sáng của lương tâm và nhân phẩm vụt lóe lên, đánh thức dậy một cái máy phục tòng đã gần như ngơ ngẩn mất trí. Từ bỏ nhà Đức Sinh ra đi rồi gặp được Dâng và những cán bộ cách mạng, Khòa mới biết là mình đang sống, giờ đây mình mới thực sự làm người, thực sự có một cuộc đời riêng.

Những trí thức văn nghệ như Thái Trang, Trần Văn đắm mình trong cái tháp ngà của chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tượng trưng và các trường phái hiện đại chủ nghĩa khác, buông thả theo một cuộc sống phóng đãng kiểu những kẻ giang hồ lạc phách. Nhưng thực ra tâm hồn của họ vẫn day dứt một nỗi xót xa quằn quại trước cảnh nước mất nhà tan, đồng bào đói khổ, vẫn khao khát một cuộc sống tinh thần cao cả, thoát ra ngoài mọi sự ô trọc, bất

công của xã hội kim tiền lúc bấy giờ. Với những kinh nghiệm hoạt động thời Văn hóa Cứu quốc bí mật, Nguyên Hồng đã chỉ ra một cách đúng đắn cái tâm sự yêu nước thầm kín và nỗi xót xa, quằn quại của đám nghệ sĩ "vong quốc nô" lúc bấy giờ. Điều đáng tiếc là tác giả không tập trung miêu tả lớp văn nghệ sĩ mà anh quen thuộc như Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Tô Hoài... mà lại chạy theo lớp văn nghệ sĩ lãng mạn hoặc suy đồi, nên đôi khi ta có cảm tưởng ngòi bút nhà văn chưa thật thuần thục khi viết về họ.

So với một số nhà văn lớp trước, Nguyên Hồng có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để miêu tả phong trào cách mạng. Tuy nhiên từ 1946 trở về trước, lý tưởng cách mạng chỉ mới hiện ra dưới dạng những cảm xúc trữ tình, những khát vọng lãng mạn (Cuộc sống, Những mầm sống), hoặc đôi khi dưới dạng những bức tranh ghi chép, những phác thảo vội vàng (Người đàn bà Tàu, Lưới sắt, Lò lửa, Địa ngục). Giờ đây trong tiểu thuyết Cửa biển, toàn cảnh phong trào cách mạng mới hiện ra với những chi tiết chân thực, những đường nét tạo hình, những nhân vật sống động, đậm đà tính lý tưởng.

Nguyên Hồng đã dựng lại được cái không khí của phong trào Mặt trận Dân chủ: những cuộc đình công sôi nổi ở Máy tơ, Xi măng, Sáu Kho, cuộc biểu tình rầm rộ hơn hai vạn người dự ở Đấu Xảo Hà Nội ngày 1-5-1938, những hoạt động của các hội Ái hữu thợ thuyền, của các chiến sĩ cộng sản ở tòa báo Thời thế, trụ sở công khai của Mặt trận Dân chủ Hải Phòng...

Đặc biệt tiểu thuyết Cửa biển đã tập trung lên án chế độ nhà tù đế quốc (nhà tù Côn Đảo, Hải Phòng, trại tập trung Bắc Mê) tố cáo những phản ứng lồng lộn điên cuồng, những thủ đoạn tra tấn, giết người dã man của bọn mật thám và cai ngục đối với tù chính trị. Không có những năm đi tù ở Bắc Mê, không miêu tả được chi tiết và sinh động đến như thế trại tù đàn bà ở Hà Giang, đêm đến "thăm thẳm như chết... hun hút như một hang sâu, một nhà mồ" và cứ mỗi sáng, mùi hôi thối xông lên nồng nặc - cái mùi đặc biệt giông giống nhau ở các lán mộ phu, nhà thương làm phúc hay cầu chợ bỏ hoang

chứa ăn mày... Không phải là người trong cuộc không thể phân biệt được rõ đến như thế tiếng lê xiềng của những người tù cỏ vê bị cai ngục xua đi làm khổ sai ở bên ngoài lúc trời còn tối đất. "Có những tiếng kéo lê sền sệt, xào xạo của những người đi không được. Có tiếng xiềng đôi kin kít choang choang với những người khổ sai chung thân đã đi quen và phải đi vội, đi nhanh. Có tiếng xiềng lúc chập, lúc giằng của người tù thọt và tiếng rùng rùng của người tù bị chứng phong, cứ mỗi bước lại đứng lại, tay chân mặt mũi co giật nhăn nhúm". Không có những năm tháng bị bắt ở đề lao Hải Phòng, ở cùng xà lim với Tô Hiệu và dự lớp huấn luyện do Tô Hiệu mở, Nguyên Hồng không thể có được những trang sâu sắc tố cáo những thủ đoạn tra tấn dã man và mua chuộc nham hiểm của bọn mật thám Tây cậu, Môê đối với Tô gày, vợ chồng Sấm và ca ngợi tấm gương anh dũng tuyệt vời của những chiến sĩ cộng sản, bị tra tấn ròng rã bốn hôm ròng, bị lộn mề gà nôn ra hàng bát máu, bị đánh sẩy thai, hóa điên, nhưng vẫn không khai báo một lời về tổ chức của Thành ủy, về các cơ sở quần chúng của Đảng. Tiểu thuyết Cửa biển đã xây dựng được một hình tượng đậm nét về Tô Hiệu từ trước đến nay trong văn xuôi. Cái phẩm chất nổi bật lên trong hình tượng những người cộng sản như Tô Chấn là lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, tinh thần hy sinh cao độ, làm việc quên mình vì quần chúng, vì phong trào cách mạng. Trong Cơn bão đã đến Nguyên Hồng đã cố gắng nâng ngòi bút của mình lên cho xứng đáng với tầm của Tô Hiệu, người chiến sĩ Cộng sản mà anh yêu mến...

Mấy chương kết thúc viết về cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Hà Nội và Hải Phòng còn sơ lược, chưa đáp ứng được kỳ vọng của bạn đọc đối với những bộ tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa đầu tiên viết về Cách mạng tháng Tám. Nhìn chung Nguyên Hồng chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tính cách và sự kiện, chưa trình bày được tác động sâu sắc của các sự kiện lịch sử vào tâm lý nhân vật và miêu tả họ lớn lên, trưởng thành ra sao khi tắm trong dòng sông lớn của lịch sử.

Trong tác phẩm Nguyên Hồng, hình ảnh bọn thống trị lớp trên thường đẹp

đẽ, lộng lẫy, lịch sự, còn bọn tay chân (như lão Quí, đội Nhị, Ba Lé, Tú Mông tú xuýt...) thì ngoại hình rất xấu đi đôi với một thứ ngôn ngữ, cử chỉ bần tiện, trâng tráo kiểu dở ma cô ma cậu, dở mật thám. Tả lớp trên thì có nét xa lạ, choáng ngợp nhưng đối với bọn tay chân lớp dưới, trực tiếp đụng độ với những người dân nghèo thì nhà văn thù ghét, khinh bỉ ra mặt; ngòi bút tố cáo của tác giả ở đây tỏ ra sắc sảo hơn, hiện thực hơn.

Những nhân vật phụ được cá thể hóa khá rõ nét, có tâm lý riêng, lý lịch riêng, có kiểu suy nghĩ và hành động riêng như Lê Thị Thảo Minh, Tây cậu, Tú Mông tú xuýt... là một mảng bổ sung khá quan trọng cho những Thi San, Giáng Hương đã bị lãng mạn hóa. Đáng chú ý nhất là hình ảnh Tú, gã quý tử nhà cố bà Đức Sinh có khuôn mặt bợm bãi, gian giảo và cặp mắt "nhoi nhói như một thứ mắt rắn", mới phất lên sau đảo chính Nhật. Cái xã hội Tây Nhật nhố nhăng, cái thời kỳ đen tối đã sản sinh ra một con quỷ. Con quỷ đó sẽ nhân cái lúc "giời làm một trận lăng nhăng, ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông", nhân cái cảnh đổi đời lên voi xuống chó mà phất lên và nó sẽ phá phách ghê gớm. Tú dựa vào thế Nhật, cầm cờ vàng của hãng Tân Đông Á, giết cả nhà Đờ Vanhxi và tên vô lại bỗng chốc trở thành thủ lĩnh đảng Đại Việt ở Hải Phòng, miền duyên hải. Tự bản thân giai cấp thống trị sẽ cắn xé nhau, tiêu diệt lẫn nhau đúng vào lúc nội bộ chúng mâu thuẫn khủng hoảng trầm trọng. Đó cũng là một quy luật.

Tuy còn có những hạn chế nhất định, tiểu thuyết Cửa biển đã dựng lên được những hình ảnh mang ý nghĩa tố cáo giai cấp thống trị nhất là bọn thống trị lớp dưới (mảng này trong các tác phẩm của Nguyên Hồng trước 1945 còn rất mờ nhạt). Ngòi bút của anh giờ đây mang tính chiến đấu mạnh mẽ hơn trước. Tuy nhiên trước sau, Nguyên Hồng vẫn giữ được cái chất đôn hậu của một ngòi bút nhân đạo chủ nghĩa.

Phong cách nghệ thuật của Nguyên Hồng giờ đây giàu có, phong phú hơn trước nhưng nhìn chung vẫn là một phong cách hiện thực giàu chất lãng mạn

cách mạng và chất trữ tình say đắm.

Tiểu thuyết Cửa biển đã cố gắng dựng lên một bức tranh hiện thực có tầm bao quát sử thi với những xung đột xã hội gay gắt căng thẳng, với những đường nét tạo hình trần trụi, khách quan. Trong tiểu thuyết đôi khi ta bắt gặp một lối miêu tả lạnh lùng dường như cố ý để cho sự việc tự nói lên cái đau xót, tàn nhẫn. Ngôn ngữ trần thuật ở đây mang tính chính xác, một thứ ngôn ngữ "trung tính" dường như tước bỏ khỏi bất cứ sự tô màu mỹ học lộ liễu nào. Nhưng không phải lúc nào Nguyên Hồng cũng giữ cái bút pháp hiện thực tỉnh táo. Có lúc nhà văn như bay lên trong một sự tưởng tượng phóng túng, một cảm hứng lãng mạn, cứ y như một cái gì đang tỏa ra cuồn cuộn từ bên trong tâm hồn đang say sưa và xúc động. Những lúc đó ngôn ngữ miêu tả của anh đầy màu sắc và cảm xúc, sử dụng rất nhiều những biện pháp tu từ và phép chuyển nghĩa, có khi viện đến cả sự lý tưởng hóa của chủ nghĩa lãng mạn.

Tác phẩm của Nguyên Hồng có một chất say. Không tâm huyết, không say làm sao người đọc say theo mình được. Chất men say lãng mạn là cần thiết và là một mặt mạnh của Nguyên Hồng; nhưng trong một số trường hợp anh phải để cho nhân vật trầm hơn, lắng xuống hơn, tự họ bộc lộ chứ không phải đang say sưa nghiêng ngả trong một cơn xúc động, một sự hưng phấn cao độ của nhà văn. Những lúc đó, Nguyên Hồng thường gán cái chủ quan của mình cho nhân vật. Anh đã nhập thân vào đối tượng miêu tả nhưng không lùi lại một khoảng cách để tỉnh táo nhận rõ đường đi nước bước của nhân vật.

Tiểu thuyết Cửa biển mang đậm đà màu sắc dân tộc. Nguyên Hồng đã cố ghi lại những gương mặt của con người Việt Nam trong một thời kỳ lịch sử. Theo anh, nhà văn phải sáng tạo nên những nhân vật độc đáo của riêng mình. Mật thám Tây cậu không giống một tên mật thám nào trước đây. Khòa cũng là một nhân vật độc đáo, gần gũi với những nhân vật của Kim Lân. Khòa xuất

hiện ở đầu quyển một và mẹ La xuất hiện ở đầu quyển hai. Đó là những nhân vật được tác giả trìu mến, như một thứ bạn rất lạ, rất mê, trên đời có một không hai.

Mẹ La, mẹ Nghĩa đều có những nét cá thể hóa không lẫn vào đâu được. Hồi ký cách mạng và tiểu thuyết của ta đã nói tới những trường hợp các lãnh tụ và chiến sĩ cộng sản vượt ngục. Lần này Nguyên Hồng để cho một bà mẹ u u minh minh vượt nhà tù đế quốc lẫn nhà tù thần quyền ngay trong lòng mình. Ở các nhân vật khác, Nguyên Hồng cũng cố gắng khai thác mỗi nhân vật một nét riêng: cái xù xì, trầm lặng của cụ Cam, nét dữ dội của Gái đen, chất thơ của cụ Ước, tính thú vật ở Tây cậu, tính bản thiện hồn nhiên ở Khòa...

Những nhân vật dân nghèo ở Nguyên Hồng mang nếp suy nghĩ tình cảm quen thuộc, vốn đã thành truyền thống trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Những vấn đề đạo đức khí tiết, tình nghĩa thủy chung, đền ơn báo oán... đã ăn sâu vào nếp suy nghĩ của các nhân vật mang đậm đà màu sắc dân tộc của anh. Nhìn chung, Cửa biển là một sự khát khao về nhân phẩm, về hạnh phúc, về ánh sáng, là một niềm tin về sự tất thắng của chính nghĩa, của cách mạng, của những người lao động nghèo, lương thiện.

Tiểu thuyết Cửa biển chưa thật sự mang tính dân tộc hiện đại. Một số nhân vật mang những vấn đề đạo đức khí tiết, tình nghĩa chung thủy gần với truyền thống. Tuy nhiên cái vấn đề chung của toàn tác phẩm, tư tưởng chủ đề của toàn bộ tiểu thuyết thì lại chưa thật rõ. Mà kết cấu của những bộ tiểu thuyết hiện đại nhiều tập, nhiều tuyến, nhiều bình diện đan chéo nhau lại thường dựa trên tư tưởng - chủ đề lớn, ít khi dựa vào trình tự thời gian như tiểu thuyết chương hồi hay dựa vào cuộc đời của một nhân vật như kiểu Tắt đèn, Bước đường cùng... trước Cách mạng tháng Tám. Do đó sự gắn bó với nhau giữa các tuyến nhân vật, các tuyến cốt truyện trong kết cấu tiểu thuyết Cửa biển chưa thật chặt chẽ.

Đọc tiểu thuyết Nguyên Hồng, người ta thường có cảm giác hơi nặng nề. Đó là do lối miêu tả quá rườm rà, chi tiết về ngoại cảnh, do một số nhân vật bị cường điệu về mặt tình cảm hoặc bị chìm đi trong những hồi ức lan man về quá khứ. Nhà văn muốn dựng lại nhiều khuôn mặt, dáng vóc của những kiểu người trong một thời kỳ lịch sử. Với một lối miêu tả chi tiết, rậm rạp, với một mạch truyện phát triển chậm và bằng phẳng, anh muốn tái hiện lại những hoàn cảnh môi trường rộng lớn, những phong tục sinh hoạt của một thời đại.

Nhưng phản ánh một xã hội, một thời kỳ lịch sử, các nhà tiểu thuyết đã vận dụng nhiều biện pháp: dựng một quy mô rộng với nhiều hoàn cảnh môi trường, nhiều kiểu người như Balzac, đi sâu vào tâm lý như Flaubert, hoặc kết hợp quy mô sử thi với chiều sâu tâm lý như Tolstoi hoặc cô đúc trong từng mảng tinh chế rồi từ đó khái quát lên như Kafka. Trải ra trên một bề rộng sử thi, đi vào chiều sâu tâm lý, lên cao phóng tầm mắt nhìn toàn cảnh để đưa ra một cái nhìn khái quát tổng hợp có tính chất trí tuệ, triết học... đều là những cố gắng muốn nắm bắt bản chất của hiện thực. Tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta phải chăng có thể tổng hợp cả ba cách nhìn như thế để phản ánh hiện thực phong phú, phức tạp của thời đại mới.

***

Đã mấy chục năm nay, một ngày làm việc của Nguyên Hồng bắt đầu từ gà gáy. Nhiều đêm một giờ hay hơn một giờ, anh đã thức giấc. Thức giấc là phải đọc, phải viết.

"Càng mùa rét, càng sương gió, càng cô quạnh, đọc càng thấy vào. Bởi vậy, những tháng từ Một Chạp đến Hai Ba Âm lịch ở nhà, trên cái đồi mà ông và các ông quen thân tôi biết đấy, thường tôi rất ít về Hà Nội hay đi đâu. Chính trong những khắc giờ này và qua nhiều năm tháng trong cái tuổi từ ngoài bốn mươi cho tới nay, tôi đã thấy và càng lo viết, phải viết Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế". (8)

---

(8) "Thư đặc biệt gửi ông Nguyễn" ngày 18-8-1978.

Nguyên Hồng đã thực hiện những dự định của mình với một quyết tâm rất lớn. Xong bộ tiểu thuyết Cửa biển hai ngàn trang là bắt tay ngay vào cuốn tiểu thuyết lịch sử viết về Đề Thám và kịch lịch sử (Dương Vân Nga). Đó là chưa kể những tập hồi ký xuất bản (Bước đường viết văn, Những nhân vật ấy đã sống với tôi), những tập thơ đã in (Trời xanh, Sông núi quê hương) và đang soạn (Hoa trái đất). Nguyên Hồng đang hăm hở hoàn thành bộ tiểu thuyết lịch sử Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế, đang tập trung sức chạy đua với thời gian, thì một cơn đau đột ngột đã cướp anh đi! Bộ tiểu thuyết mới xong tập I (Thù nhà nợ nước) và đang viết dở tập II (Núi rừng Yên Thế). Có thể Nguyên Hồng đã thai nghén bộ tiểu thuyết lịch sử này từ năm 1947 lúc anh ở ấp Cầu Đen, Yên Thế cùng với Ngô Tất Tố, Kim Lân, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Văn Cẩn, Tạ Thúc Bình... Lịch sử Đề Thám (1935) của Ngô Tất Tố thuộc thể loại truyện ký, trong đó có ghi ngày tháng các trận đánh, tên các sĩ quan chỉ huy người Pháp, một số sự kiện được tác giả ghi chính xác như một nhà viết sử. Còn Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế (dự kiến 3 tập) là tiểu thuyết lịch sử. Cho nên Nguyên Hồng không miêu tả các trận đánh chính xác theo ngày tháng và chân thực đến từng chi tiết. Tên các quan Tây trừ Godin, còn phần lớn được gọi theo cách dân gian (quan năm Năm sao, Rậm râu, quan năm Mũi khoằm, quan hai Mặt ngựa, quan một Tôm he...). Ngô Tất Tố tập trung vào nhân vật Đề Thám, còn Nguyên Hồng chú ý đến toàn bộ phong trào khởi nghĩa của nông dân Yên Thế với hàng chục toán nghĩa quân của Đề Sặt, Bá Phức, Thống Lịnh, Cai Cờ... trong đó những người có công đầu là Đề Nắm (Lương Văn Nắm) và Đề Thám (còn gọi là Đề Dương, tức Hoàng Hoa Thám). Trong Núi rừng Yên Thế (tập II), Đề Thám vẫn còn là tướng lĩnh xuất sắc của Đề Nắm, có lẽ phải đến tập III, sau khi Đề Nắm bị giết vào tháng tư năm 1892 thì Đề Thám mới trở thành thủ lĩnh tối cao của nghĩa quân Yên Thế. Nguyên Hồng lấy quần

chúng nhân dân làm nhân vật chính, còn Đề Thám chỉ là nhân vật trung tâm.

Ngô Tất Tố tập trung miêu tả những chiến công của người anh hùng Yên Thế, còn Nguyên Hồng muốn dựng lại toàn cảnh sinh hoạt xã hội thời đó, nhất là vùng nông thôn, căn cứ của Đề Thám. Làng Trũng với những bà cụ Bờ, mẹ Ngọ, mẹ Trọng, bác Tần gái, bà cụ Vá, bà cụ Đồ Mốc... đùm bọc yêu thương lẫn nhau trong tình làng nghĩa xóm. Họ là những người nông dân nghèo khổ, quanh năm quần quật một nắng hai sương và gia đình nào cũng có mối thù không đội trời chung với thực dân Pháp. Số phận của họ gắn bó với nghĩa quân, họ là hậu phương vững chắc, là lực lượng dự bị hùng hậu của nghĩa quân Yên Thế.

Mấy chục năm ở ấp Cầu Đen, Nguyên Hồng đã đi khắp các vùng Nhã Nam Yên Thế, vào các làng quê vùng núi, hỏi chuyện các bô lão, các nghĩa quân còn sót lại xem có bòn đãi thêm được tý gì về thời Đề Nắm và Đề Thám không? Và theo Anh Vũ, Nguyên Hồng còn một mình một xe đạp thiếu nhi Liên Xô không phanh lên mãi vùng Tam Đảo, Vĩnh Phú, rồi Hà Giang, Tuyên Quang, rồi về Quế Võ, quê Nguyễn Cao, lên Lục Nam hỏi chuyện tích Cai Vàng, rồi lại về Hiệp Hòa tìm hiểu Ba Biền, sau đó lại đi tiếp Yên Dũng, Tiên Sơn... Cho nên, hơn hẳn những người đã từng viết về Đề Thám, Nguyên Hồng là "thổ công" của vùng Yên Thế, ông nắm rất vững địa thế, địa lý, các đồn trại của nghĩa quân ở Cao Thượng, Hố Chuối. "Đường bộ đi thẳng từ phủ Lạng Thương, Bắc Giang lên Cao Thượng khoảng 13 cây số. Đường bộ đi tắt từ Bắc Ninh lên Cao Thượng qua các vùng như Tam Tầng, Bích Động, Mỏ Thổ hay Núi Voi, Sàn Rãnh, Kháng Giàng... cũng chỉ khoảng hơn 20 cây số. Đồi Cao Thượng không cao lắm, nhưng trấn giữ hết các ngả đường từ Yên Thế đi các tỉnh: sang Vĩnh Yên, Phúc Yên, lên Thái Nguyên, Lạng Sơn, về Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Đông hay qua đây thì xuống mấy phủ huyện đường xuôi như Hiệp Hòa, Yên Phong, Từ Sơn, Yên Dũng, Võ Giàng, Quế Dương v.v... Rừng cây và đồi núi ở phía sau và chung quanh Cao Thượng không là đại ngàn nhưng rậm rịt. Các làng mạc không to lắm nhưng

nhiều lõng rất hiểm hóc".

Nguyên Hồng là nhà văn của dân nghèo, là con người của chợ quê, làng quê với các món ăn dân dã mang mùi vị đặc biệt của quê hương. Về pháo đài Hố Chuối, ông chỉ phác thảo mấy nét đơn sơ: "Sau đồn Hố Chuối, rặng núi Yên Thế Thượng và Phổng Mẹt tuy không chất ngất, nhưng phủ sương đêm và hơi nước bốc lại càng mịt mùng. Tất cả vùng đồi núi, làng mạc chung quanh đồn ngun ngút, trập trùng như một vịnh biển, là một vịnh biển đang dậy sóng". Ngô Tất Tố tập trung miêu tả cấu trúc của pháo đài Hữu Thế (9), một mô hình của chiến tranh du kích dựa vào địa thế của miền rừng núi, thì Nguyên Hồng lại chú ý đến các chợ quê (như chợ tỉnh Nhã Nam, chợ Mọc, chợ Cầu Gỗ, chợ Nếnh) và các làng quê xung quanh đồn Hố Chuối: "Những cây mít của mấy nhà gần đồn Hố Chuối sao mà nhiều quả... Mấy xóm nghĩa quân người Hà Nam, Nam Định đóng ở làng Lèo, làng Mạc, cây quả lại càng to, càng sai". Trưa nắng, đêm giăng, sáng sớm, ngào ngạt mùi mít với hương hoa cau, hoa lý... Và trong gánh hàng của bà cụ Đồ Mốc bán cho nghĩa quân ăn sáng, "chè không nấu mà hãm trong một cái vò ủ bao tải, nước cứ xanh và thơm ngát như ướp hoa mộc, hoa nhài, hoa sói; khoai đỗ ăn với tôm trứng kho tương, khoai sọ, khoai lang và ngô bung đều có thứ chấm, thứ rắc ăn tùy khách. Đỗ lạc rang với muối giã nhỏ, rắc vào ngô bung hay chấm cùng khoai lang Lim bở tơi, khoai sọ cắn quánh răng. Có khách bảo như thế đến bánh khảo, bánh nướng, bánh cao lâu cũng không ngon hơn, mà có thể ăn trừ bữa được". Nguyên Hồng và Thạch Lam có biệt tài tả các món ăn ngon, đặc biệt là những món ăn dân dã của làng quê, của dân nghèo thành phố.

---

(9) Có sách gọi là đồn Hữu Nhuế ở tít sâu trong rừng thẳm phía Đông Bắc làng Hữu Thượng - Đồng bào địa phương còn gọi căn cứ Hữu Nhuế là Hố Chuối.

Ý đồ của Nguyên Hồng qua bộ tiểu thuyết lịch sử này đã quá rõ: ông

muốn dựng lại toàn bộ sinh hoạt xã hội và các từng lớp người, các kiểu người của một thời kỳ lịch sử. Cho nên bên cạnh các sĩ quan Pháp trực tiếp chỉ huy các cuộc càn quét lên Cao Thượng, Hố Chuối, ta còn thấy xuất hiện vợ chồng Tạc tà ranh, chủ khách sạn ở Hà Nội, lão Sét nay đang âm mưu mở đồn điền ở hai huyện Yên Thế và Hiệp Hòa. Đó là chưa kể lũ Việt gian tay sai như Nhất Cửu, trùm Xào, Nho Quán (tri huyện Đông Triều) và lũ đĩ điếm như Mận, con gái mụ Ba Béo thường theo các cuộc đi "câu lơn" để bán rượu và thức ăn nguội cho lính... Các kiểu người của một thời kỳ lịch sử, được ống kính của nhà văn đặc tả đến từng chi tiết, kể cả những chi tiết về y phục:

"Tuần phủ, áo gấm màu cánh trả, hoa cúc phủ sa thâm, ôm cái nón lông đen chóp bạc tiến ra trước. Thứ đến Án sát, áo gấm màu tam giang cũng phủ sa thâm và cũng nón lông chóp bạc ôm trong tay...". Còn tên xà ích đánh xe ngựa đi theo thì "áo y bằng thứ vải trắng hồ bột trắng lốp, cúc đồng đỏ như vàng, hai mép cánh tay áo, vai viền những đường hoa văn, hoa thị bằng kim tuyến". Người đọc thật thú vị khi thấy hiển hiện lên trước mắt cảnh camera quay chậm, đặc tả cả một toán lính Tây lính ta đang đi "câu lơn" qua làng: "Giữa lúc xế trưa ấy, một toán ngót một trăm lính Tây và lính nón đĩa có một viên quan hai cưỡi ngựa và ba con la thồ hòm đạn và thức ăn uống đặc biệt đi từ dốc đê bến Ngọt ngoài sông Cầu tắt xuống đường gần chân núi Voi để vào làng trong. Những bóng người cao nghệu đội mũ nút chai lợp vải vàng, vai khoác toàn súng mới, bên hông đeo những bao da đạn chề chề, bước những bước dài nghiêm, nét mặt lầm lũi vã mồ hôi, trông càng hung dữ, ghê tợn. Những bóng thấp bé, đầu đội nón đĩa bỏ rủ miếng rèm vải để che nắng, tay súng đạn, quần áo dáng dấp không mạnh, không khiếp bằng, đã thế nhiều người có vẻ tiều tuỵ thảm hại, nhưng vẫn không phải không dữ, không tợn". Nguyên Hồng đã có những thành công khi dựng lại toàn bộ sinh hoạt xã hội của một thời kỳ lịch sử, nhất là đời sống của nông dân và dân nghèo vùng núi Yên Thế, khi miêu tả những trận đánh mưu trí và dũng cảm của nghĩa quân Đề Nắm và Đề Thám chống lại những cuộc càn quét của hàng ngàn lính và sĩ quan Pháp ở vùng Cao Thượng và Hố Chuối. Bộ tiểu thuyết lịch sử còn dang

dở ở tập hai nên chúng ta chưa thể có kết luận cuối cùng. Nhưng xây dựng một bộ tiểu thuyết lịch sử có quy mô sử thi về toàn bộ cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám và nông dân Yên Thế, về những mối quan hệ gắn bó giữa cuộc khởi nghĩa đó với phong trào Kỳ Đồng, với đảng Nghĩa Hưng và vụ Hà thành đầu độc năm 1908, với phong trào Đông Du của Phan Bội Châu... quả là một thử thách quá to lớn đối với Nguyên Hồng vì anh không phải là người chuyên viết tiểu thuyết lịch sử như Nguyễn Huy Tưởng, Chu Thiên, Thái Vũ, Hà Ân, Nguyễn Xuân Khánh... Với một quá trình thai nghén hàng mấy chục năm trời, với một quyết tâm lớn, bạn đọc đang kỳ vọng nhiều ở bộ tiểu thuyết lịch sử nhiều tập này. Nhưng bạn bè thân thiết trong Hội Nhà văn, bạn đọc thuộc nhiều thế hệ cứ sững sờ, lặng cả người đi khi nghe Đài Tiếng nói Việt Nam đau buồn báo tin anh đã từ trần ngày 2-5-1982 tại xã Quang Tiến huyện Tân Yên, Hà Bắc.

Sáng 10-5, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam đã làm lễ tưởng niệm nhà văn tại Hà Nội. Chính phủ truy tặng anh Huân chương Độc lập hạng III và Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật đợt đầu tiên (1996). Thủ đô Hà Nội có đường Nguyên Hồng, huyện Yên Thế Bắc Giang có trường PTCS Nguyên Hồng ngay sát ngôi nhà cũ ở ấp Cầu Đen và cách nơi an nghỉ cuối cùng của nhà văn khoảng gần 200m.

Đó là phần thưởng xứng đáng của 46 năm lao động và sáng tác không mệt mỏi, với một khối lượng tác phẩm to lớn và phong phú về nhiều mặt, cắm mốc cho nhiều thời kỳ của lịch sử văn học hiện đại. Nguyên Hồng là một trong những tác giả tiêu biểu của dòng văn học hiện thực phê phán Việt Nam, một dòng văn học chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của những phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, đồng thời cũng là một minh chứng hùng hồn cho quá trình chuyển hóa của các nhà văn hiện thực phê phán sang hiện thực xã hội chủ nghĩa. Bộ tiểu thuyết 4 tập Cửa biển đã mở đầu cho loại tiểu thuyết sử thi hiện thực xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Bộ tiểu thuyết Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế đang hoàn thành cũng báo

hiệu một loại tiểu thuyết lịch sử có quy mô hoành tráng. Toàn bộ tác phẩm của Nguyên Hồng, tuy giá trị các cuốn không đều, nhưng chắc chắn sẽ chiếm một vị trí quan trọng và bền vững trong nền văn xuôi hiện đại.

Nguyên Hồng là "một nhà văn và một chiến sĩ cách mạng đã sống một cuộc đời phong phú và giản dị" (10)giữa lòng nhân dân lao động, một tâm hồn luôn luôn khao khát vươn lên ánh sáng của lý tưởng cộng sản. Anh cũng là một tài năng được khẳng định về nhiều mặt, một con người tha thiết yêu văn học, coi sự sáng tạo nghệ thuật là niềm say mê cao quý nhất của đời mình, một tấm gương lao động cần cù và đầy nghị lực, cho đến phút cuối đời vẫn tỏ ra còn sung sức. Anh đã để lại cho chúng ta, cho nền văn học dân tộc một gia tài đồ sộ, trong đó nhiều tác phẩm có giá trị lâu dài với thời gian.

GS. PHAN CỰ ĐỆ

---

(10) Thư chia buồn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng - Văn nghệ số 21 ngày 22-5-1982.

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Linh Hồn

Kính tặng người đàn bà khốn nạn yên lặng ngậm tủi trong chốn lao tù tối tăm.

Cái năm ấy qua đã lâu. Một buổi chiều mùa đông, sắc trời vàng úa, non hai trăm tù lục đục kéo về dưới cổng đề lao. Cánh cửa sắt to quét hắc ín từ từ mở rộng. Như một đàn ngỗng bị lùa vào chuồng, tất cả tội nhân đi làm "cỏ vê" chen chúc nhau cười nói ồn ào, dù đám lính khố xanh đi coi quát tháo, đánh mắng ầm ĩ.

Ở chốn lao lung, ngày lại ngày nối tiếp nhau dài dằng dẵng, ủ ê buồn tẻ, vậy vui được lúc nào là quên sự khổ não được lúc ấy. Huống chi gần hết một mùa đông rét mướt, buổi chiều hôm nay mới hơi quang đãng sáng sủa.

Nhưng chị Hai mươi hai âu sầu lắm. Vẻ rầu rĩ trên khuôn mặt nàng hiện rõ rệt trước người tù đàn bà được cử làm Cai để khám xét các tù đàn bà.

Chợt tiếng "cụ Suvaydăng" (1)dõng dạc truyền:

- Này chị Cai, đến lượt con Hai mươi hai chị phải khám xét thật kĩ đấy nhé. Chị bắt nó dang hai cánh tay, chị nắn cả vành khăn và gấu áo nó cho tôi.

---

(1)Suvaydăng: phiên âm tiếng Pháp Surveillant, chỉ giám thị trông coi tù nhân.

Nói thế, "cụ" cũng chẳng để cho chị Cai khám, mà "cụ" thân khám lấy, tuy "cụ" biết chắc chắn ngoài bộ quần áo và cái nón lá rách mướp, Hai mươi hai chẳng dám mang một cái gì khác vào trong tù.

Như trăm nghìn lần khác, cái roi tre cật của "cụ" đã lại đi làm cái việc tò mò là lật áo, lật yếm, lật khăn... tức thì một giọng cười thỏa mãn cất lên, tiếp đến những tiếng cười nịnh nọt khác trong khi Hai mươi hai chết cay chết đắng trong lòng, cúi đầu, rớt nước mắt, tủi cho thân phận yếu hèn.

Ngước đầu nhìn một tội nhân mới vào khép nép trước mặt mình, anh Năm Béo, cai tù, cất một nụ cười dài. Anh khẽ giơ ngón tay trỏ vẫy một cái: nhanh như chớp, hai tội nhân ở đằng cuối "san" (2)chạy lại. Rất gọn gàng và rất êm thấm, một yêu kéo hai cánh tay người tù mới vào quặt ra sau lưng, một yêu cởi cúc lột áo.

---

(2)San: phiên âm tiếng Pháp salle, chỉ gian phòng giam tù nhân.

"So quéo" này ngơ ngác không hiểu ra sao, nhưng chợt nom qua một hàng chừng vài chục thùng nước cống xếp trước mặt thì biết ngay.

Cắn răng không dám hé nửa lời, "so quéo" thân cởi nốt cái áo cánh trắng, dâng cho anh Cai, và yên lặng khoác bộ áo rách rưới, hôi hám mà Năm Béo quăng xuống nền nhà.

Đồng thời trong buồng tù, một người tù đàn bà cũng yên lặng để hai "bỉ yêu" làm cái việc trên kia, rồi khoác vào thân thể gầy còm bộ quần áo rách rưới, hôi hám của chị Cai quẳng cho.

Và bây giờ, ở nhà giấy đối diện với nhà pha, "cụ Suvaydăng" một tay tì trên cửa sổ, một tay xóc xách chùm chìa khóa, thản nhiên ngẩng đầu trông lên trời và nghĩ ngợi.

Cái khuôn mặt ấy lại hiển hiện trước mắt Cai Năm - cái khuôn mặt dịu dàng long lanh, đôi mắt lờ đờ, u ẩn không biết bao nhiêu tình tứ.

Năm Béo mím môi, nắm chặt bàn tay trái đấm thật mạnh vào lòng bàn tay phải. Cử chỉ đó tỏ rằng tâm trí Cai Năm bị một sự ao ước, thèm muốn kích thích đến cực điểm. Sắc đẹp thùy mị của Hai mươi hai trong cảnh tù tội bó buộc, kham khổ đã hoàn toàn huyễn hoặc Năm, khiến Năm say mê, khiến Năm sôi nổi, không sao nén được lửa dục tình. Hắn chau mày tự nhủ:

- Thế này mới xong xuôi!

Dứt lời, anh ngước nhìn cái bọc vải nặng trĩu vừa quần áo, vừa tiền nong, đeo lủng lẳng ở góc tường. Với tiền bạc, Năm quyết dùng để mua những phút khoái lạc mà xưa nay chỉ người cai tù nào có diễm phúc, có oai quyền, mới được hưởng trong tù.

***

Còn non nửa tháng nữa, Hai mươi hai tới kì sinh nở: nàng được phép thôi đi làm "cỏ vê", nghỉ ở nhà. Nàng âu sầm ngồi tựa lưng vào tường đá, thành kính ngắm ảnh Chúa đeo trước ngực.

Chúa vẻ mặt rầu rĩ, chan chứa những nét yên lặng chua xót hình như cũng lờ đờ nhìn lại nàng - một người đàn bà yếu đuối. Luồng nhỡn tuyến vô hình mà thấm thía, mà dịu dàng ấy soi sâu vào tâm hồn nàng, rung chuyển cả tâm hồn nàng, giúp nàng một sức mạnh để can đảm hứng chịu các nỗi đau đớn ở đời!

Thong thả, Hai mươi hai nâng cây "thập ác" nhỏ bằng đồng gần sát mặt mình vừa lầm rầm khấn:

- Chúa thương xót chúng tôi!

- Chúa cứu chữa chúng tôi!

- Chúa nhận lời chúng tôi!

Nàng chỉ còn có thể trông cậy vào quyền pháp của Đấng cao siêu phù hộ nàng cho qua khỏi nỗi gieo neo, cho nàng tới kì sinh nở ở nơi tù ngục được mẹ tròn con vuông, cho anh Tín, chồng nàng được khỏe mạnh mà làm lụng nuôi mẹ, nuôi con.

Mẹ, chồng, con, Hai mươi hai chỉ nghĩ đến ba người ấy thôi, còn cái sắc đẹp thùy mị, cái hạnh phúc của mình, nàng không hề nghĩ tới. Nhất là cái sắc đẹp đáng yêu của nàng, nàng cho nó quá thường: muốn làm đẹp lòng chồng, muốn được con cái yêu dấu, người đàn bà phải có một sắc đẹp thiêng liêng là sự trong suốt của tâm hồn.

Chợt Hai mươi hai ngạc nhiên ngẩng nhìn chị Cai Cao mời trầu mình, xưa nay "chị" có mời ai ăn trầu bao giờ đâu. Tủm tỉm cười nụ, Cai Cao dịu dàng, nói:

- Kìa, cầm lấy mà ăn!

- Cám ơn bà, cháu không biết ăn.

Với một giọng lẳng lơ, chị Cai mắng yêu nàng:

- Còn vẽ trò! Của anh Cai Năm đấy! Miếng trầu nên vợ nên chồng đấy!

Biết ngay cái dã tâm Cai Cao, Hai mươi hai quay mặt đi.

- Ơ kìa!... Ơ kìa!... Sao lại thế? Đến bước này còn giữ giá làm nộm với ai?

- Không! Không! Bà ơi!

- Thì cứ trông gói quần áo và tiền bạc đây.

- Không! Cháu không thiết đâu!

- Không thiết chứ?

- Vâng

- Vậy thế Hai mươi hai không biết thế nào là sung sướng, thế nào là khổ sở ư?

Câu hỏi ấy làm Hai mươi hai chạnh lòng. Nàng yên lặng nhớ đến quãng đời qua. Thuở còn bé dại thì mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải đi chăn trâu chăn bò; lớn lên tuy được làm con nuôi một bà lý trong làng, song hai mùa cấy hái vất vả chẳng ngơi tay; đến năm kia được anh Tín thương yêu xin bà lý cho ra ở riêng thì nàng lại phải mò cua bắt ốc đỡ vực chồng... Rồi đến ngày nay, nhà đoan hai lần khám thấy rượu lậu trong nhà, nàng đi chịu tám tháng tù thay chồng giữa lúc nàng bụng mang dạ chửa. Bằng ấy năm, hai mươi năm ở một nơi đồng chua nước mặn, sống lần hồi trong cảnh lầm than, Hai mươi hai có hưởng được lấy một ngày nhàn rỗi sung sướng?... Vì nàng khổ sở quá quen đi rồi, nên cũng chẳng biết khổ sở nữa.

Những linh hồn chịu quen sự cực nhục, đày đọa như thế đều có một chí phấn đấu, một lòng hi sinh vô bờ bến.

Lạnh lùng, Hai mươi hai buông một tiếng thở dài. Nàng như muốn nhờ ngọn gió rét đưa cái thanh âm não nùng ấy đến tận tai chồng để tỏ hết nỗi lòng.

Thấy Hai mươi hai tư lự, Cai Cao cho nàng cũng như các gái khác dù ưng thuận mười mươi, nhưng vẫn làm ra vẻ thẹn thùng, vậy cứ khuyên ráo riết thế nào chả xiêu được bụng.

- Chị hiểu rồi chứ? Thử nghĩ xem cô Thuận ngày nào cũng quà bánh thức ăn thừa mứa, khi hết hạn tù về lại được một thúng đầy quần áo, mà chị còn

xuân thế này lại không thiết thì có lạ không?

Hai mươi hai quá thẹn, nổi giận quên cả Cao là cai, gạt bắn tay chị đi. Đoạn nàng trỗi dậy, chạy lại đằng cuối sân. Cực lòng, nàng ngồi xệp xuống đất, gục đầu vào tường, bưng mặt thút thít khóc.

Hai mươi hai đau đớn vô cùng, chắc thế nào cũng sinh nở trong này mà quanh mình rặt những sự không may, rồi ra có được trọn vẹn không? Chặc lưỡi, Hai mươi hai dằn tiếng:

- Chết thì chết! Không khi nào chịu nhơ nhuốc ấy.

Đương khi hồi hộp lo ngại, tiếng chim kêu chiêm chiếp đổ hồi làm Hai mươi hai giật mình. Nàng ngẩng đầu lên xem: trên mái đề lao mốc thếch, một con sẻ mái xòe cánh hết sức đuổi con sẻ đực theo dõi bên mình. Nàng vội quay mặt ra rặng xoan để tránh nhìn cảnh hắc ám ấy thì lại thấy ngay ở đầu tường hai con bồ câu đực đang tranh nhau nhảy lên con mái vừa cất những tiếng gù gù.

Những linh cảm khủng khiếp, ghê sợ làm tê dại cả tâm trí Hai mươi hai. Nàng bối rối như người hấp hối mơ màng thấy thần chết lấp ló trên đầu. Đôi mắt quầng đen, Hai mươi hai lại chan hòa rơi lệ, vừa lúc con bồ câu đực to đã "chinh phục" được con chim mái.

Bấy giờ, Hai mươi hai nhận thấy hết cả nỗi yếu hèn lạnh lẽo của tấm thân vừa yếu đuối, vừa nghèo nàn trong nơi tù ngục, không ai che chở. Nghẹn ngào, nàng đưa tay vuốt ngực:

- Rồi ta cũng đến thế thôi!

Một buổi sáng mùa đông ảm đạm, buồn rầu, tuy khô ráo. Tất cả các tội nhân đã thành án đều đi làm và "cụ Suvaydăng" cũng bận ra sở Cẩm trình sổ sách vắng. Năm Béo càng được thể dữ, hạch lạc kẻ này, phân phát công việc

cho kẻ kia. Dưới cặp mắt sắc sảo, dưới những ngọn roi mây quấn dây thép của Năm, hàng trăm người chưa thành án nem nép sợ hãi cúi đầu làm những việc mà dù họ nghèo khổ cũng chưa phải mó tay đến bao giờ.

Bỗng chốc, Năm quay đầu nhìn về phía buồng giam đàn bà nét mặt chau lại, ra dáng nghĩ ngợi. Chị Cai Cao ở đâu chạy tới, vội vàng ghé tận tai Năm thầm thì:

- Có mau lên không?

Dứt lời, cả hai đều rảo bước... Cánh cửa buồng đàn bà khép dập lại.... Một tiếng rú nghẹn ngào vang lên.

Hai mươi hai thoáng thấy bóng Cai Năm, mặt nàng tái mét, không còn một hột máu. Nàng chực kêu la, nhưng chưa kịp mở miệng đã bị Năm bóp chặt cổ, dẫn ngửa xuống sàn gỗ. Nàng hết sức kháng cự nhưng hai bàn tay Năm cứng như sắt.

Nàng khóc.

Rồi nàng giương đôi mắt đầy lệ nhìn Năm ú ớ van lơn:

- Xin buông tha tôi ra! Khổ tôi lắm! Tôi bụng mang dạ chửa!

- Anh Năm đừng ngại nhé. Tôi gác rất cẩn thận rồi đấy!

Nghe thấy tiếng Cai Cao khàn khàn, Hai mươi hai càng khủng khiếp, song nàng giãy giụa bao nhiêu, dạ con trong bụng lay chuyển bấy nhiêu, nàng thêm đau đớn, đau đớn vô cùng. Biết có hết sức chống cự cũng không sao thoát khỏi nanh vuốt con thú dữ ấy, nàng đành nhắm mắt, cắn răng...

Hình ảnh Tín rầu rĩ bỗng hiện rất rõ ràng trong tâm tưởng Hai mươi hai. Rùng mình, Hai mươi hai vội hơi hé mắt, chua xót lờ đờ nhìn xuống mẫu ảnh

đức Chúa Giêxu treo ở trước ngực, trong thâm tâm nàng như muốn thì thầm phân trần sự bị ức hiếp quá tàn bạo và sự trong sạch của linh hồn mình.

Rồi đôi mắt long lanh lại nhắm nghiền.

Cách non một tuần lễ sau, trong khoảng đêm khuya im lặng, tại đề lao, trong lúc Hai mươi hai mê mệt nằm bên cái thai còn nguyên rau long ra trên vũng máu tím bầm như sắc mặt nàng, thì ở nhà quê anh Tín co ro ngồi cất vó bên bờ ngòi. Anh vẩn vơ trong gian nhà xiêu vẹo, tờ mờ nổi bóng dưới ánh trăng lạnh lẽo mùa đông, rồi anh mơ màng thấy ngày xuân vui tươi sắp tới đây, trên tay anh thiêm thiếp ngủ đứa con trai đầu lòng mà vợ anh khỏe mạnh hết hạn tù sẽ bế về.

Anh hồi hộp chờ mong...

1936

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Nhà Sư Nữ Chùa Âm Hồn

Huyến qua khỏi thửa ruộng ấy thì bóng người kia đã vượt khỏi con đường nhỏ hẹp, xăm xăm vào nhà ga. Thoáng qua ánh chiếc đèn đất đưa đi đưa lại trong người phu kíp, Huyến mới thấy rõ màu y phục của bóng người nọ: một màu nâu cũ kỹ.

Huyến càng rảo bước. Vì còi tàu đã rúc đổ hồi, bánh xe đã chuyển động xình xịch. Trao tay người phát vé đồng hào đôi, Huyến chẳng cần lấy mấy xu thừa, giật lấy vé, nhảy phắt lên toa. Vừa lúc đó bóng người nọ ở toa trên đi xuống, tìm một chỗ ngồi.

Huyến ngạc nhiên hết sức: thì ra một người đàn bà, một nhà sư nữ giấu mặt trong chiếc khăn vuông bịt kín miệng và kéo xuống gần chấm mắt. Thấy nhà sư nữ ngần ngại, khép nép trông mọi người, một bà cụ già đứng dậy, chắp tay kính cẩn thưa:

- Bạch sư cô, chỗ tôi còn rộng đây.

Nhà sư khẽ đáp:

- Cám ơn già. Già còn ngược tàu đi đâu bây giờ?

Bà cụ từ tốn nói:

- Thưa, tôi đi đón lợn ở Trại Nhoi về. Còn sư cô chắc đi lấy kinh ở chùa Them?

Nhà sư nữ gật đầu, khép nép ngồi xuống ghế. Từ bấy giờ trở đi nhà sư không nói một câu gì, khư khư ôm trong lòng một cái bọc không biết trong có những cái gì. Đã bao phen, Huyến dùng hết nhãn lực, định thần nhìn thẳng vào mặt nhà sư để nhận xem diện mạo thế nào. Vô ích, không thể sao được! Ánh đèn trong toa không sáng lắm, nếp khăn vuông càng hắt bóng tối từ ngang sống mũi tới môi.

Huyến ngờ vực, tự nhủ thầm:

- Lạ, lạ thật! Rõ ràng ở xóm Tư Ất gần xóm thằng bạn của mình ra mà y dám nhận ở chùa Thêm cách đấy hàng mấy cây số về. Chùa gì trong cái xóm hạ lưu này? Kinh gì ở gần cái nhà chứa chấp đủ mọi hạng người rượu chè cờ bạc, trai gái, trộm cắp kia? Lại là một nhà sư nữ, kỳ dị!

Mấy bận thấy bà cụ già đứng dậy, Huyến khấp khởi mừng. Vì Huyến chỉ còn cách chờ bà ra một chỗ nào đấy để dò hỏi lai lịch nhà sư. Nhưng Huyến đã mừng hụt: bà già nọ chỉ kéo đi, kéo lại chồng thúng mủng, rổ rá và mấy chiếc rọ tre tuy đã xếp gọn ghẽ trước mặt bà.

Dần dần Huyến thấy lòng hứng khởi theo dõi nhà sư nữ không còn bồng bột nữa.

Phải, đã lấy gì làm bí mật quá như trước kia Huyến tưởng tượng. Một bóng người trong một căn nhà thấp bé ở cuối cái xóm quỷ quái kia vụt ra, cái bóng đó đi vùn vụt như sợ có người để ý tới, rồi... cái bóng đó càng bước nhanh khi thấy Huyến theo sau. Có chăng vì sẵn có một quãng đồng không mông quạnh không một tiếng động ngoài tiếng gió lào xào lướt qua ruộng mạ, không chút ánh sáng, ngoài lửa ma trơi và đom đóm lập lòe, Huyến cho bóng người kia là bóng tên đại bợm đương trốn tránh mà sự dò xét hành tung, khám phá ra được công việc gian ác của y là một việc bổ ích vì cần phải dùng nhiều can đảm, trí xét đoán.

Huyến đánh diêm châm điếu thuốc lá, ngả đầu lên cái gióng bắt ngang cửa sổ, kéo một hơi dài:

- Mình lầm! Chắc vì hoặc đi vay mượn hay trả nợ, hay quyên tiền ai trong này trở về sợ tai tiếng nên nhà sư ấy phải vội vàng làm vậy chứ gì?

Mấy tiếng còi tàu hét lên, phá toang cái im lặng tối tăm của vùng quê vắng vẻ. Bánh xe dần dần chạy chậm, rồi sau mấy tiếng rít kéo dài, cả một đoàn xe chật hành khách và hàng hóa dừng lại.

Nhà sư nữ đứng dậy chào bà cụ rồi xuống ga xép ấy. Huyến vội thò đầu ra nom, thì cũng như lần trước, nhà sư vẫn ôm khư khư cái bọc và bước rất gấp. Thoáng chốc đã mất hút trong bóng tối. Tiện dịp, Huyến chạy lại bên bà cụ già, lễ phép chào rồi hỏi:

- Thưa cụ, nhà sư này quen thân cụ?

Bà cụ mở to mắt:

- Phải, thầy hỏi làm gì?

Huyến cũng biết mình đường đột nhưng chẳng e ngại mà bỏ lỡ cuộc phỏng vấn bà cụ già. Anh dịu dàng đáp một cách rất khôn khéo và tự nhiên:

- Thưa cụ, vì cháu trông nhà sư ấy quen lắm. Hệt như người em gái họ của cháu. Nhưng không hiểu cớ sao nay lại mặc quần áo nhà chùa.

Bà cụ già, giọng chân thật:

- Thế à? Hay chính là em gái thầy đấy? Nhưng sao sư cô đi tu đã lâu mà thầy chưa biết?

- Vì cháu đi làm xa, đến giờ gần Tết mới về thăm nhà.

- Tự bao lâu rồi?

- Non hai năm ạ.

Bà cụ già lắc đầu, mỉm cười:

- Thế thì không phải rồi, nhà sư nữ trụ trì ở chùa Âm Hồn này đã bốn, năm năm nay rồi cơ.

Huyến hất đầu lên một cái:

- Thưa cụ, chùa Âm Hồn nào?

- Ở làng Vạn Kiếp, cách ga Mộ Hà này chừng hai cây số, trừ thầy ra còn ai chả biết nhà sư này. Tuy nhà sư cụt bàn tay phải nhưng tay trái viết chữ đẹp đáo để và làm bánh trái, nấu cỗ chay cũng chẳng kém ai.

Huyến ngạc nhiên hơn, bật thốt thầm một câu hỏi:

- Tu ở chùa Âm Hồn mà lại là một nhà sư nữ cụt tay?

Chẳng để ý đến Huyến, bà cụ già đưa mắt nhìn mọi người một lượt rồi cao giọng, chậm rãi kể hết mọi đức tính của nhà sư nữ cho hành khách nghe. Nào thuộc nhiều kinh kệ; nào nói năng thùy mị cư xử khéo léo khiến người hung tợn khó tính đến đâu cũng phải vừa lòng; nào ăn mặc hết sức khổ hạnh, quanh năm chỉ cơm chay và một bộ quần áo vải nâu dầy. Sau cùng bà cụ già nghiêm trang kết thúc:

- Thật là một nhà sư nữ đạo đức nhất từ trước tới giờ ở chùa Âm Hồn, hơn cả sư ông.

Chợt nhớ lại câu hỏi của bà cụ "Sư cô ở chùa Thêm lấy kinh về?" Và giọng nói hơi luống cuống, ngượng nghịu của nhà sư, Huyến lại tưởng tượng ra cái bóng người từ xóm Tư Ất vùn vụt đi tắt qua những cánh đồng tối tăm.

Huyến lại không sao khỏi ngờ vực:

- Thưa cụ, ban nãy nhà sư nữ đi đâu vậy?

- À, đi lấy kinh đấy mà.

- Ở đâu cơ?

- Chùa Thêm.

- Thưa cụ chùa Thêm hay xóm Tư Ất?

Bà cụ hừ mạnh một tiếng:

- Thầy nói lạ! Xóm Tư Ất chỉ có trai gái, bợm đĩ, trộm cắp bê tha mới tới đó, chứ nhà sư nữ này đến làm gì?

- Không, rõ ràng con thấy ở xóm Tư Ất ra mà.

Bà cụ phát bẳn lên:

- Thế thì thầy trông lầm đấy. Như ông Chánh Thất, bố đẻ ông phủ Xuân Trường chết nhà đám ma mời nhà sư ở lại quá nửa đêm để tụng kinh thêm mà nhà sư còn chả nghe nữa là đêm hôm khuya khoắt một thân một mình lần mò vào cái xóm khốn nạn nọ.

Huyến phải nói nịnh:

- Vâng, thế thì con trông nhầm. Xin lỗi cụ.

Rồi Huyến chào bà cụ về chỗ cũ ngồi. Anh tỳ tay lên cái gióng sắt, đưa tầm mắt nhìn ra ngoài.

Cảnh vật không thể sao phân biệt rõ ràng được. Đồng ruộng, ao chuôm,

vườn tược, rào tre, bờ cỏ liên tiếp nhau kéo thành một vệt đen dài vô cùng tận trong màn sương dầy đặc lan rộng trước gió đông tê buốt.

Huyến đã hút luôn sáu, bảy điếu thuốc mà vẫn chưa thấy thỏa thích. Mà phải, đương cái tuổi thanh tân cường tráng này trong tâm trí Huyến có lúc nào là lúc những sự khát khao, thèm muốn không rạo rực, sôi nổi đâu? Dù là một vật nhỏ mọn, cũng phải luôn luôn đổi mới, có thế mới thích hợp cái khiếu thẩm mỹ và tính hiếu dị của anh.

Huyến lại đánh diêm châm điếu thuốc nữa. Kéo luôn ba hơi, đoạn anh lẩm bẩm nói một mình:

- Cũng là một sự lạ! Chùa Âm Hồn với một nhà sư nữ, một nhà sư nữ cụt tay!

Nhà sư nữ cụt tay tu ở chùa Âm Hồn, đối với khối óc giàu cảm tưởng của Huyến lúc bấy giờ kỳ dị quá. Huyến hồi hộp nhớ đến cuốn phim "Atlantide" chiếu cách đây vài tháng, Huyến nảy ra một ý kiến so sánh nhà sư kia với bà nữ chúa đa tình trong phim ấy.

Mấy trăm cung nữ yên lặng dưới quyền sống chết của một người đàn bà lúc nào cũng say đắm lờ đờ. Một đời âm thầm kéo dài trong chốn thâm cung góc nào cũng có các lực sĩ nghiêm nghị không hề mỏi mệt canh gác. Một bãi sa mạc mênh mông, và một làn không khí gay gắt bao phủ những tòa lâu đài nặng nề kiến trúc tối cổ, tượng trưng những sự bị ức hiếp, đè nén của hàng triệu dân nô lệ yếu hèn đã đổ mồ hôi và nước mắt và máu trong các công cuộc xây dựng.

Với bao nhiêu cái kỳ lạ, bí mật, bà nữ chúa đa tình đã rung động trí tưởng của bao nhiêu người xem.

Nhưng chùa Âm Hồn?

Sáu mươi năm trước đây cũng là một nơi ghê rợn. Chính chốn đó đã chứng kiến không thể kể xiết những cuộc xâu xé nhuộm máu giữa những giặc cướp Tàu tàn bạo và dân quê An Nam hiền lành chăm chỉ.

Rồi hai mươi năm sau khu đất rộng rãi và ngôi chùa kia đổi thành một nơi tụ họp của đảng Văn thân nổi lên chống với quân Pháp, và cũng vẫn được chứng kiến nhiều phen máu đổ.

Rồi bốn mươi năm sau, ngôi chùa bị tàn phá được dân làng tu bổ lại để xóa hẳn cái dấu vết khủng khiếp của một thời đại loạn lạc vừa qua mà, những đêm khuya tối tăm, tiếng tù và rộn rực, tiếng cồng rè rè, tiếng trống ngũ liên đổ hồi nối tiếp nhau vẳng lên khủng bố dân chúng như những lời đe dọa ghê gớm của Thần Chết thèm khát máu người.

Chùa Âm Hồn xây dựng lại bằng tiền của các nhà nho sĩ, các nhà thân hào gom góp và quyên được trong hàng huyện. Họ tốn công của tu bổ ngôi chùa bao phen tan tành như thế vì họ tin rằng chùa Âm Hồn mà còn thì con cháu làng Vạn Kiếp đời đời giữ được điền thổ màu mỡ, các phong tục thuần tuý và lòng vị nể của các làng lân cận.

Họ giàu lòng mê tín hơn là tính bảo tồn những di tích quan hệ của lịch sử.

Đến ngày nay, cũng vẫn chưa hết những cái lạ lùng trong chùa Âm Hồn. Nối vào bao nhiêu sự gở lạ khủng khiếp khi xưa, giờ là một đời tu hành của một nhà sư thông thái, quen khổ hạnh, nhưng là một nhà sư nữ, mà lại là một nhà sư nữ cụt tay!

Huyến tròn miệng thở xong làn khói, nhắc lại ba, bốn lượt câu nói thì thầm:

- Chùa Âm Hồn! Nhà sư nữ cụt tay! Chùa Âm Hồn!

Đến ga Trại Hutt, Huyến xuống. Anh đáp luôn sang chuyến tàu Lao Kay -

Hà Nội, mười giờ đêm, lộn lại Mộ Hà. Anh quả quyết nội đêm nay, lẻn vào chùa Âm Hồn, phải dò xem cho ra hành động của nhà sư nữ kia. Những hành động mà Huyến tin thật khác hẳn mọi người, những hành động bí mật sẽ đưa đến cho anh nhiều sự lạ lùng hiển hiện bổ ích cho khối óc hiếu dị.

Tuy vẫn thỉnh thoảng về thăm làng nhưng chẳng mấy khi ở lâu nên Huyến không được biết nhiều tin tức ở đây và các làng lân cận. Và lâu lắm, tới mười năm rồi, không sang làng Vạn Kiếp vãn cảnh chùa Âm Hồn, Huyến hầu như đã quên mất đường đi.

Qua bãi tha ma đầu làng, Huyến dừng lại, định thần nhìn. Tối quá, anh chỉ hơi phân biệt những cụm tre đen kịt rải rác trên những cánh đồng im vắng.

Anh phải đi thêm một quãng khá xa, rồi đứng lại nhìn lần nữa. Lần này anh thấy về phía tây một mái nhà xam xám lờ mờ thấp thoáng giữa một cụm rừng lưa thưa. Nhưng Huyến không theo đường cái, vì đi như thế sẽ đi đường vòng mất nhiều thời giờ. Huyến chiếu đèn bấm, theo con đường nhỏ đắp ven ruộng.

Nửa giờ sau, Huyến vào trong một xóm nhỏ rồi qua mấy xóm nữa, còn chừng nửa cây số là tới cụm rừng thưa kia.

Thấy tiếng người đi chó má sủa vang lên, trước còn một vài con, dần dần cả xóm, rồi khắp mấy xóm. Huyến không kịp thở, phải hết sức rảo bước; anh e ngại tuần đinh bắt gặp, hỏi lôi thôi.

Tiếng chó im đoạn thì Huyến đã lách qua giậu râm bụt vào sân chùa.

Tự nhiên trống ngực Huyến đập rộn hẳn lên. Bao nhiêu nhãn lực và tâm trí Huyến để cả vào cái mái ngói rêu phủ xám ngắt duỗi thoai thoải trên những bức tường thấp loang lổ vàng cặn. Huyến lắng tai nghe tiếng mõ rành rọt điểm trong đêm khuya nhịp với tiếng tụng kinh đều đều.

Cửa chùa đóng chặt. Những cánh gỗ lâu ngày bong sơn đen sạm im lặng trong một thứ bóng tối lạnh lẽo, Huyến rón rén đến bên, ghé mắt nhìn, trong chùa tối mờ mờ đưa ra mùi nhang thơm ngát.

Huyến nhẹ bước dưới hàng hiên, qua một cái cổng xây trống ở đầu hồi bên trái thì đến một dãy nhà ngang bảy tám gian. Trước dãy nhà là một sân gạch vuông vắn, rộng rãi có bốn hàng cau trồng trong những khoảnh đất tròn đường kính không quá một thước tây. Cuối sân sau ba tấm bia đá. Đấy là mộ ba vị sư chết tại chùa.

Đêm càng khuya, gió đông càng lạnh buốt, Huyến kéo cổ áo pardessus lên. Anh khoanh tay, yên lặng đứng nhìn các chòm cau rung chuyển vừa suy nghĩ.

Tiếng tụng kinh đều đặn êm ái như tiếng hát ru trong trẻo càng rót vào tai anh và, tiếng mõ càng thánh thót như tiếng nước rỏ giọt trên miếng đồng thau đàn mỏng gò cong cong thêm dư âm tiếng chuông thỉnh thoảng ngân nga tưởng chừng như không bao giờ hết.

Phút chốc, Huyến thấy một sự lạnh lẽo thấm vào tâm não. Anh đưa mắt trông lên bốn góc mái chùa uốn mềm như cánh xiêm trên cánh tay dẻo dang của các vũ nữ Cao Mên rồi đến hai ông hộ pháp nghiêm nghị đứng trấn trên bệ gạch vắng khói hương.

Huyến hồi hộp tưởng tới những sự khủng khiếp của cái quá vãng tối tăm của chùa Âm Hồn.

Một giờ đêm! Gà đã cất tiếng gáy ở mấy chòm xóm xa xa. Huyến kéo nốt hơi thuốc lá cuối cùng, nhẹ bước xuống sân.

Không giống các chùa khác, sau chùa này làm thùng ra một gian rộng hai bên có cửa tò vò, ở giữa có một cửa sổ chữ thọ.

Cửa tò vò đóng chặt, Huyến vòng sang bên kia, bên ấy cũng thế. Sau cùng, Huyến phải kiễng gót nghển cổ, ghé mắt vào khung cửa sổ ở giữa.

Nhưng Huyến chỉ trông thấy lấp lánh ánh cây đèn dầu tây không đủ chiếu sáng ba pho tượng Bụt quay lưng về phía trong và tất cả những đồ thờ la liệt trên ba bàn thờ cao ngất.

Chợt, tiếng tụng kinh ngừng, một hồi chuông dóng lên rồi tắt, ngọn đèn dầu tây cũng tắt theo. Nổi trong bóng tối chỉ còn vài ngọn nhang nhỏ li ti dưới ánh đèn lưu ly xanh mờ trước bàn thờ chính giữa. Có tiếng chân người đi khe khẽ về phía bên trái. Kẹt! Một cánh cửa nào mở. Rồi im lặng như tờ.

Trong khoảng im lặng như tờ, lắng tai nghe, Huyến thấy một hơi thở hổn hển và một giọng nói yếu đuối. Huyến sửng sốt nói một mình:

- Lạ kìa! Một người nữa trong chùa Âm Hồn! Nhà sư nữ cụt tay và ai?

Thì, một làn ánh sáng vàng ngà ngà tản ra ở phía trái bàn thờ.

Huyến ngạc nhiên hơn, tự nhủ thầm:

- Đến giờ vẫn còn thắp đèn! Thức nữa sao?

Ánh sáng càng tỏ rõ hơn. Nhưng, hơi thở và giọng nói không còn thấy nữa. Nhưng kỳ dị... một thứ tiếng rè rè dần dần nổi lên... dần dần rõ rệt... trời ơi!... rõ rệt là tiếng ro ro... tiếng thuốc phiện reo trong tẩu.

Huyến kinh ngạc hết sức. Anh phải cố nhịn hắt hơi vì khói thuốc phiện thơm lừng chợt đưa qua mũi. Huyến liền rón rén đi về phía gian buồng ấy và vòng về phía trước để nhìn xem nhà sư nữ cụt tay đương hút thuốc phiện với ai. Chắc nhà sư nữ nghiện thuốc phiện, nếu không sao lại chứa chấp một người, không rõ đàn ông hay đàn bà hút thuốc trong chùa. Nhưng công toi: phía sau là tường và từ phía trước nhìn vào cũng bị một bức tường ngăn cản.

Huyến bực dọc đi về chỗ cũ, yên lặng nghe ngóng.

Tiếng ro ro lại vẳng lên, lại vẳng lên, lại vẳng lên. Một điếu, hai điếu, năm, sáu, bảy... mười điếu, hàng chục điếu rồi! Khói thuốc phiện càng thơm lừng át cả hương nhang ngan ngát. Làn không khí lạnh lẽo tờ mờ trong ngôi chùa thâm nghiêm biến mất.

Huyến loay hoay, bồn chồn, rạo rực quá thể. Mấy phen anh lách tay xuống dưới hai cánh cửa gỗ tò vò cố nâng lên nhưng lề cửa chôn sâu và dầy lắm không thể bẩy ra được.

Hết phương kế, Huyến ngồi xệp xuống thềm gạch, hai tay ôm đầu.

Đến phút này, Huyến mới phục tài các tay đại bợm, cửa nào cũng vào lọt. Và, Huyến tiếc chỉ còn vài giờ nữa là sáng mà khi mặt trời gần mọc thế nào nhà sư nữ cụt tay chả tắt đèn, giấu người kia đi. Rồi vì việc đời, biết đến bao giờ anh mới có dịp trở lại ngôi chùa này, về một đêm đông lạnh tối, khám phá những hành vi bí mật của vị nữ sư kỳ dị?

"Hay ta gọi cửa và bắt phải mở cho ta vào?"

Ý nghĩ ấy làm Huyến cười thầm, anh tự nhủ:

- Bạo động như thế chỉ có kẻ xuẩn ngốc mới làm. Làm như thế tức là đạp đổ hết bao nhiêu cái lạ lùng nếu ta dụng công sẽ tìm thấy trong đó nhiều sự dị thường thú vị.

Chợt, cánh cửa tò vò sịch động. Huyến ngồi nhỏm dậy; nhanh như cắt, anh lùi sang bức tường bên kia. Huyến mừng rỡ khi thấy nhà sư nữ cụt tay mải miết xuống nhà ngang rồi rẽ ra khu vườn gần đấy.

Huyến vội vàng đẩy cửa lẻn vào. Anh vén tấm màn đỏ che gậm bàn thờ chui vào đó. Không đầy ba phút nhà sư đã trở về. Đóng cửa tò vò xong nhà

sư đẩy cửa gian buồng nhỏ, tay xách một thùng nước con.

Huyến liền bò đến chiếc bục gỗ kê áp bức tường, hơi nghểnh cổ nhìn vào. Nhà sư đã trèo lên giường nhưng nằm ở bên kia bàn đèn, còn bên này là một Hình thù nằm thu gọn trong một chiếc khăn bông, hơi ló đầu ra, nhưng đầu lại trùm khăn lụa bạch kín mít.

Qua vuông vải hồng che khung cửa chữ thọ không dày lắm, Huyến thấy rõ rệt gương mặt của nhà sư nữ cụt tay. Nước da y trắng mát, màu da của một người ốm yếu không mấy khi ra ngoài ánh sáng mặt trời. Hai mắt lờ đờ, ướt át trên một sống mũi dọc dừa. Đôi môi y mỏng và nhợt nhạt như đã từng nhắp vào nhiều vị cay đắng, chua chát. Và thảm hại hơn cái đầu trọc lốc, gò má y đã lõm, vầng trán y đã có nếp nhăn

Rõ ràng tướng một người nghiện nặng, bằng cứ thêm vào mảng ngực lép kẹp như không vú và chân tay khẳng khiu.

Huyến khoan khoái và hồi hộp vô cùng. Anh nóng lòng chờ xem một cảnh lạ lùng sắp diễn ra là nhà sư nữ nhấp môi vào đầu dọc tẩu, kéo những điếu thuốc ngon lành của Hình thù kia tiêm cho.

Bỗng Huyến giật nẩy mình. Anh sáng hẳn mắt lên, mồm há hốc. Nhà sư nữ đã ngả lưng xuống giường, vén tay áo nâu lên, đặt dọc tẩu vào lòng bàn tay bị cụt bốn ngón, còn trơ một nửa đốt ngón tay cái. Rất nhanh chóng, diện tẩu đặt hơi nghiêng nghiêng trên chụp đèn, đồng thời tay trái nhà sư nữ nhúng mũi tiêm vào cóng thuốc rồi nướng trên ngọn lửa thon thon.

Điếu thuốc phồng lên rồi dẹp lại, rồi lại phồng lên. Nhà sư nữ nhúng tiêm vào cóng thuốc lần nữa rồi nướng trên ngọn lửa, đến khi điếu thuốc đỏ mọng và sùi lên như da táo tàu, y nhè nhẹ đưa lăn luôn luôn trên mặt tẩu. Đâm xong điếu thuốc nhọn hoắt vào lỗ nhì, y quay đầu dọc tẩu khe khẽ nói với Hình thù nằm trước mặt.

Hình thù kia đến bấy giờ mới hơi nhúc nhích thở ra hắt một cái thật mạnh, đoạn thong thả kéo điếu thuốc phiện tiêm cực kỳ khéo léo bằng bàn tay trái của nhà sư.

Ro... ro... ro... rororro... ro... ro... Cái âm thanh đều đều vang lên rõ rệt trong gian buồng nhỏ hẹp. Làn khói thơm lừng lờn vờn trước mặt nhà sư nữ như làn khói tỏa trên lư trầm. Đôi mắt nhà sư càng lờ đờ, càng ướt át, càng mơ màng. Gương mặt càng xám ngắt, càng thẫn thờ, càng đê mê...

Điếu thuốc hết. Khói tỏa rộng ra. Nhà sư nữ ngồi dậy, đặt dọc tẩu xuống cái khay gỗ mun đen bóng, tay trái cầm ấm nước chúc vòi xuống. Hình thù hơi nghển đầu lên, mút chùn chụt như đã khát lắm. Đoạn, nhà sư nữ xúc một thìa mứt hạt sen, đổ từng viên cho Hình thù.

Qua làn khói thuốc phiện mong manh hãy còn vấn vương chập chờn, Huyến thấy cặp mắt lờ đờ của nhà sư nữ, nhìn vào Hình thù một cách âu yếm, tới khi Hình thù ăn xong bốn viên mứt thì cặp môi y nhợt nhạt nhếch một nụ cười.

Một nụ cười!

Huyến rùng cả mình.

Một nụ cười chua chát buồn thảm! Như cánh hoa đào héo hắt trước khi lìa cành rùng lên một cái để tỏ sự mến tiếc cuộc đời chóng tàn tạ rồi lả tả rơi.

Hình thù như không biết, vẫn nằm không nhúc nhích cho đến lúc nhà sư nữ cẩn trọng quay đầu dọc tẩu lần thứ hai, lần thứ ba, thứ tư... thứ tám... thứ mười... thứ mười ba.

Xong điếu thứ mười ba, gian buồng chật hẹp vừa đủ kê tấm phản gỗ quang dầu và vài chiếc hòm gánh sơn đen sực nức khói thuốc phiện. Hơi thơm tràn ra cả ngoài, khiến Huyến không còn ngửi thấy hương nhang man

mác. Và, cũng như bị khói nha phiến thấm thía các cơ thể trong người, Huyến thấy rạo rực và có một thứ màng gì tản ra trước mắt anh.

Thoáng phút giây, tòa sen, tượng Phật, đồ thờ biến mất với cả ngọn đèn lưu li xanh lét. Gian chùa mênh mông càng âm thầm, càng tối mờ mờ.

Thì, ánh sáng ngọn đèn vàng ngà ngà cũng lụn hẳn đi. Nhà sư nữ kéo khay đèn ra một góc tường, vươn người nhấc thùng nước nhỏ lên. Y vò luôn ba chiếc khăn bông, rồi cứ từng chiếc một, một đầu đưa lên miệng cắn giữ để tay trái vắt cho thật kiệt nước. Đặt thùng nước xuống đất và lau khô tay xong, nhà sư nữ nhích đến sát bên Hình thù kia. Tay trái y nâng cao cái trùm kín khăn lụa của Hình thù đặt vào lòng mình. Đồng thời một cánh tay dài giấu trong một cánh tay áo nâu rộng thênh thang của Hình thù vươn ra, quàng vào cổ nhà sư nữ, từ từ kéo mặt nhà sư nữ ấp vào mặt mình.

Bao nhiêu phút rồi không biết, nhà sư nữ ôm ấp Hình thù kia? Bao nhiêu phút rồi không biết, những hơi thở dồn dập của hai mảng ngực dội hẳn lên. Bao nhiêu phút rồi không biết, trong làn khói thuốc hiện chưa tan hãy còn thơm thoang thoảng, thân thể nhà sư nữ run rẩy.

Trời ơi! Còn ngờ vực gì nữa? Một con dâm phụ tàn tật hết cách kiếm ăn bèn dùng kinh kệ, đeo mặt nạ đạo đức huyễn hoặc lòng dân, lấy cửa thiền, thâm nghiêm, thanh tịnh làm cái buồng cùng trai tự do hút xách và tình tự!

Máu nóng bốc ngùn ngụt lên đầu Huyến. Huyến mím chặt hai môi lại, đứng thẳng người lên. Anh bước hai bước dài tới cửa buồng. Ầm một cái, anh nhảy xổ lên giường, một tay hắt bắn nhà sư đi, một tay giật phắt chiếc chăn bông trùm kín Hình thù.

Nhà sư nữ hét một tiếng nép người vào một góc tường, xám mặt nhìn Huyến.

Ngay lúc đó, cả một thân thể to lớn đè lên người anh, hai bàn tay xù xì như da cóc mềm nhũn và cụt ngủn quào vào mặt anh, hai bắp chân nhèo nhẽo thúc vào cạnh sườn anh.

Huyến vội vàng hất tung cái thân thể kia đi và nhảy phốc xuống đất. Nhà sư liền hét lên một tiếng, bổ xoài người, ôm chặt lấy tấm xác thịt nọ.

Tấm xác thịt nọ! Huyến kinh hãi hết sức, quắc mắt nhìn. Tấm xác thịt trần truồng kín mít những vảy mụn không máu mủ mà to bằng miệng chén. Tấm xác thịt mà đầu ngón chân và ngón tay và râu tóc rụng hết. Gương mặt hốc hác xám như chì. Cái miệng trơ trụi vài chiếc răng khấp khểnh, nứt nẻ há hốc ra như mõm con chó mực già lắm sắp đến ngày chết, đôi mắt sâu hoắm đầy lòng trắng mở thật to, ai oán, căm hờn nhìn Huyến.

Thêm một nhân vật quái gở trong chùa Âm Hồn.

Một thằng hủi! Một thằng hủi cùn hủi cụt. Bóng tối thê thảm và nặng nề! Phải chăng là riêng của một hầm thẳm vùi lấp những xác thịt hôi thối không còn được một ánh sáng nào soi dõi tới.

Huyến đờ người ra. Bao nhiêu can đảm phút chốc như tiêu tán hết. Anh lạnh toát cả người muốn nhấc bước nhưng bắp chân cứng đờ. Cái thân thể co rúm trong lòng nhà sư nữ cụt tay kia, Huyến tưởng chừng sắp phun ra những chất hôi thối và độc hơn nọc rắn bằng hai lỗ mũi đỏ hon hỏn, và cái miệng tối như hang sâu.

Và biết đâu, mười đầu ngón tay, còn sót lại chả sắp sửa run rẩy quào vào mặt Huyến, dụi vào mắt Huyến bóp chặt mũi Huyến.

Huyến rợn tóc gáy, vùng chạy ra ngoài. Nhà sư liền vùng dậy, lao mình chắn ngang cửa:

- Tôi van ông! Ông hãy dừng lại.

Huyến toan ẩy nhà sư đi, nhưng y đã ghì riệt lấy áo Huyến, giọng nức nở đầy nước mắt:

- Tôi van ông! Ông đừng ra khỏi buồng này đêm nay. Ông mà ra tôi sẽ chết, và người kia cũng sẽ chết!...

Gạt nước mắt, nhà sư cụt tay nói tiếp:

- Ông nên thương chúng tôi, mặc dầu ông chưa hiểu rõ chúng tôi.

Huyến mất hết cả giận dữ thấy nhà sư nói bằng một giọng tha thiết ai oán nó thắt chặt lòng Huyến. Nhưng sự ngờ vực càng tăng thêm với lo sợ và ghê rợn.

- Không, phải để tôi ra!

Nhà sư vội vàng quỳ xuống, ngước mặt xám ngắt đẫm lệ trông Huyến:

- Không thể được! Tôi van ông, ông nên thương chúng tôi. Trông ông, tôi chắc chắn là một người trí thức, mà đã là người trí thức ông nên nhận lời tôi van xin, ở lại với chúng tôi một lát để cứu sống đời khốn nạn của hai tôi.

Đoạn, nhà sư gục mặt xuống mũi giày Huyến khóc nức, khóc nở vừa giữ ghì lấy gấu áo pardessus. Còn Huyến, nghe hai chữ "trí thức" ở miệng nhà sư nữ cụt tay thốt ra, anh chạnh lòng. Huyến hổ thẹn cho mình đã để sự kinh hãi quá đàn áp lương tri mà cử chỉ theo cái bản năng yếu đuối. Huyến ái ngại nhìn cái đầu nhà sư trọc lóc đè nặng trên chân mình. Huyến cảm thấy nhà sư không gian ác dâm đãng như ban nãy anh vội tưởng, trái lại, một nhân vật đáng thương xót.

Phải, rất đáng thương xót vì cớ sao người nằm kia không là một người đàn ông cường tráng đẹp đẽ mà lại là một thằng hủi ghê gớm hầu mất hết trí giác, tinh thần?

Huyến vội vàng đỡ nhà sư nữ lên. Cảm động, anh nói:

- Vâng, tôi xin ở lại với nhà sư cho tới sáng ngày và tôi xin nhà sư tha cho cái lỗi tôi vừa làm nhà sư và người kia hoảng sợ.

Ngừng lại Huyến đưa mắt trông người đàn ông co quắp trước ánh đèn dầu lạc vàng ngà ngà rồi nói tiếp:

- Nhưng nhà sư phải cho tôi biết rõ nguyên do sự bắt buộc ấy và cần nhất là chớ nên giấu giếm tôi một điều gì.

Nhà sư mừng rỡ, mắt sáng hẳn lên. Huyến càng cảm động:

- Tôi rất có thể để nhà sư tin cậy. Và tôi chính là một người biết rõ lắm rồi, biết rõ nhà sư có những sự đau đớn khổ ải hơn ai.

Nhà sư nữ thở ra một cái thật dài, rồi vuốt ngực, đoạn mon men đến bên giường, vực tấm thân thể nhớp nhúa đặt vào góc giường, lấy chăn bông trùm kín mít. Y khêu to ngọn đèn lên, lễ phép mời Huyến:

- Ông ngồi tạm xuống giường này. Và ông đã rõ tôi là một kẻ đau đớn, khổ ải hơn ai, nhưng chưa biết nguyên do vì sao tôi cam chịu mọi sự khốn nạn ấy và tại sao tôi giữ ông lại suốt đêm nay, thì đây, tôi xin thưa mọi nhẽ.

Nhà sư nữ ngừng lại một chút, lấy vạt áo chùi nước mắt, chỉ vào cái thân hình quái gở kia, giọng nghẹn ngào:

- Thưa ông, người hủi này là chồng tôi.

Huyến ngẩng vội đầu lên, mở to mắt nhìn vào cái đống thịt lù lù trong chăn bông. Nhà sư nữ mỉm cười:

- Mà đã ăn ở với tôi hơn mười lăm năm nay.

Huyến ngắt lời:

- Mười lăm năm với một người chồng hủi?

Nhà sư thở dài:

- Không, hủi mới hơn mười năm. Vì ông đã rõ, khi yêu thương nhau người ta còn quản ngại một sự gì, kể cả sự chết. Chả thế, bàn tay phải tôi bị chặt cụt mất bốn ngón chỉ vì theo chồng.

Huyến ái ngại:

- Ai đang tâm chặt tay nhà sư?

- Cha đẻ tôi.

- Trời! Cha chặt tay con?

Nhà sư nữ chép miệng:

- Tại thấy con cái tôi đã chết, bố mẹ chồng cũng chết, còn chồng thì bắt đầu phát hủi mà tôi vẫn không chịu bỏ chồng về ở với cha mẹ đẻ, cứ cam tâm chịu mọi sự thiếu thốn vất vả buôn bán nuôi chồng. Lại nhân có họ hàng xúc xiểm rằng để tôi như thế làng mạc họ sẽ chê cười dòng giống mình kém phúc đức, cha tôi bèn gọi tôi về. Trước còn khuyên dỗ tôi, tôi không nghe, sau đe loi chửi mắng tôi, tôi vẫn khăng khăng một mực theo ý mình; sau cùng cha tôi nổi giận vác dao dọa chém tôi nếu tôi cưỡng ý, nhưng tôi vừa khóc vừa chối từ. Tức thì cha tôi sai người dẫn ngửa tôi ra, chém đứt bốn ngón và già nửa ngón tay cái tôi rồi đuổi tôi về nhà chồng.

"Tưởng què cụt như vậy tôi sẽ hết cách kiếm ăn, đến phải bỏ chồng trở về ăn nhờ bố mẹ, hay đâu, còn bàn tay trái, tôi khổ công tập tành cho quen làm như bàn tay phải. Sau vài tháng tôi lại quang gánh, thúng mủng đi chợ bán

rau cỏ như thường".

Huyến lắc đầu:

- Nhưng ông cụ tìm cách ngăn cản khác?

- Đã hẳn. Cha tôi thấy dùng cách ấy mà không ngăn ngừa được bèn sai người lên tỉnh báo ông Sứ và Đốc tờ xin cho người điệu chồng tôi tống sang trại hủi Văn Môn ở Thái Bình. Hay tin ấy, tôi vội vã dắt chồng trốn đi.

"Bốn năm trời ròng rã, chúng tôi không dám bén mảng đến các thành thị vì sợ bắt gặp người nhà tôi cho đi tìm kiếm, chúng tôi lang thang nay đây mai đó ở các chốn hẻo lánh trên thượng du. Ban ngày, tôi giấu chồng một chỗ, đội hoa quả bánh trái vừa bán vừa xem tướng kiếm tiền nuôi nhau. Tôi sở dĩ biết nghề lý số vì thuở bé học nhiều chữ Nho và được ông nội dạy bảo cặn kẽ về khoa đó. Rồi đêm đến mới dám cùng nhau ăn nằm, thật chẳng khác gì cặp vợ chồng tên tử tù vượt ngục".

Huyến ngắt lời:

- Chắc chồng nhà sư mắc nghiện từ khi bỏ làng trốn lên đất thượng du. Nhưng sao nhà sư lại để y mắc nghiện?

- Ông nghĩ kỹ một chút sẽ hiểu rõ. Cả ngày phải xa nhau, đêm đến mới được cùng nhau ăn nằm thì chả nhẽ lại đi ngủ ngay. Mà không còn gì buồn khổ bằng trước ngọn đèn hoa kỳ, sau vài giờ chuyện trò, một kẻ không chịu thấu nỗi đau đớn nhăn nhó rên rỉ. Thấy thuốc phiện rẻ tôi liền sắm một bộ bàn đèn về cho nhà tôi tập tiêm lấy mà hút. Dần dần nhà tôi tiêm thạo, hút được nhiều, cái "việc" làm ấy và sự say sưa giúp nhà tôi khuây khỏa bớt buồn phiền hơn trước. Nhưng từ ngày bệnh ăn đến ngón tay thì tôi phải tập tiêm thuốc hầu nhà tôi.

- Chắc nhà sư một đôi khi cũng có hút?

- Thưa ông cũng có, nhưng họa hoằn vì nhà tôi cố ép, tôi phải chiều ý. Nhưng khổ quá, chúng tôi không thể ở nơi nào lâu quá vài tuần lễ: con người chứ có phải cái kim đâu! Rồi càng thấy mọi người đều hắt hủi kinh tởm nhà tôi, đến đâu cũng có kẻ soi mói, xua đuổi, mà bệnh tình nhà tôi ngày một nặng, mười đầu ngón tay, ngón chân cụt gần hết, lỗ mũi, hai môi, hai tay loét lở cả thì tôi lo lắng quá, tưởng phát điên mất. May thay, trong một đêm trốn tránh, chúng tôi lạc vào chùa Âm Hồn này, sáng ngày tôi ra chợ gần đấy xem tướng số tình cờ nghe lỏm được cái lịch sử gở lạ của ngôi chùa cổ ấy, tôi nẩy ra một ý kiến. Tôi bèn đến yết kiến ông Chánh tổng và các hương lý trình một tờ giấy tự tay tôi viết, trong nói tôi là con gái một vị Quan triều thất thế, đã lưu lạc trong bao nhiêu năm bị nhiều phen hãm hiếp, một lần vì cưỡng chống bị chém cụt tay nay xin các hương chức trong làng hàng tổng và trong làng thương tình cho tôi trụ trì ở chùa Âm Hồn tới ngày trọn đời.

"Dân làng đều ưng thuận. Rồi dần dần thấy tôi chữ nghĩa giỏi giang, lý số thông thạo, kinh kệ thuộc nhiều và tu hành hết sức khổ hạnh, đối đãi với mọi người thực là hòa nhã, nên khách thập phương dâng cúng rất nhiều. Từ ngày ấy không phải dầm mưa dãi gió, nay làng này mai làng khác, sự sống nhàn hạ đầy đủ hơn trước bội phần. Chúng tôi cũng đành lòng chịu sự bó buộc; một kẻ không bao giờ trông thấy ánh sáng mặt trời, một kẻ ép mình ép xác chịu mọi sự khổ hạnh trai giới để mua chuộc lòng tin cậy, kính phục... Ngờ đâu, đến ngày nay..."

Chấm lời nói dở, nhà sư nức lên một tiếng, gục mặt xuống tấm thân thể kia. Một lúc lâu, y ngước đôi mắt đầy lệ nhìn Huyến, nức nở:

- ... Như đã có sự gì mách bảo: nhện sa trước mặt tôi, một cái điềm rất xấu, thế mà tôi khăng khăng không chịu chờ thêm vài ngày, quả quyết đến nhà người bán thuốc quen ở xóm Tư Ất mua; rồi khi trở về thấy có người, chính là ông theo dõi mà tôi còn táo bạo để nhà tôi hút. Thì sự sống khốn nạn của chúng tôi vỡ lở mà ông là người khám phá ra trước tiên. Ông!... xin ông

thương lấy chúng tôi, thương lấy một đàn ông bệnh tật ghê tởm không cha, mẹ, anh, em, con cái, họ hàng và tiền của, thương lấy một người đàn bà yếu đuối không còn thiết một sự vui sướng gì trên đời ngoài sự bầu bạn với người chồng hủi trốc trơ trọi cho đến ngày người ấy trọn một đời.

Nhà sư nữ thở dội lên mấy tiếng, gạt luôn mấy hàng lệ, vừa tha thiết nhìn Huyến vừa tiếp lời:

- Mà cái ngày ấy sắp đến rồi! Tôi không còn thể dùng sức gì mà ngăn giữ nổi cho chồng khỏi chết. Ông tính thân thể đã khô rốc lại, mắt đã mờ hẳn đi, không còn đủ trí nhớ và thỉnh thoảng mới nói một lời thì tôi còn trông mong gì?

"Đau khổ cho tôi chưa? Ông! Ông nên thương chúng tôi! Chúng tôi van ông đừng tiết lộ cho ai biết để chúng tôi sống thêm vài ngày nữa! Ông! Chúng tôi van ông!"

Nhà sư vừa dứt lời thì Huyến quay mặt ra chỗ khác. Anh tránh nhìn vẻ mặt xanh xám buồn thảm của y. Còn y, y từ từ cúi ôm lấy cái Hình thù co quắp trong chăn bông. Huyến chợt thấy lòng mình lạnh rợi đi, và, Huyến càng thấy làn không khí âm u bao phủ cả ngôi chùa tờ mờ đã chứng kiến trong bao nhiêu năm một tình thương yêu khác thường của một cặp vợ chồng tật bệnh khốn nạn, càng lạnh lẽo, càng nặng nề.

Cuối năm sau, Huyến được nghỉ phép nửa tháng. Trước khi rời Hà Nội về Trại Hutt thăm nhà, anh xuống ga Mộ Hà rẽ vào chùa Âm Hồn để thăm nhà sư nữ cụt tay và người chồng của y.

Khi đến nơi, Huyến thấy cổng tam quan đóng chặt, cỏ mọc đầy sân, vườn tược hoang tàn trơ trụi. Huyến ngạc nhiên. Anh xé giậu vào cửa sát chùa. Thì chỉ có tiếng mọt nghiến gỗ rả rích từ trong bóng tối đưa ra. Huyến vòng lại sau chùa. Anh thấy bảy gian nhà ngang đã đổ nát hết, trơ lại một bức tường

loang lổ và vài cái cột gỗ cháy sém. Cuối sân xây thêm một ngọn tháp tám đợt, một ngôi mộ mới của một vị sư.

Hỏi ra, Huyến mới rõ tháng hai năm ấy về một đêm tối trời nhà sư nữ đã đổ dầu vào đống củi, ngồi lên trên, ngồi châm lửa. Tới khi bốc cháy sáng rực cả một góc trời dân làng mới đổ đến cứu chữa, nhưng họ chỉ dập lửa bén sang gian thờ chính, mà không dám động tới vị sư nữ ngồi nhập định trong khói lửa và trong một mùi khét lẹt.

Người chồng hủi cùn hủi cụt kia chắc chết, nhà sư nữ cụt tay muốn giữ kín sự bí mật thiêng liêng của đời mình đã cùng cái xác thịt gớm ghiếc kia tự thiêu đi.

1936

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Bảy Hựu

Anh Hai Răng vàng không còn trẻ trung can trường như mấy năm trước. Cảnh tù tội đầy ải đã làm yếu ớt cả phần xác và phần hồn Hai, một người cằn cỗi, xấu xa, mất hết lương tri. Bốn tháng tù ở Hà Đông, tám tháng ở đề lao Nam Định, hai năm ở Hỏa lò Hà Nội, và ngót mười năm ở Côn Lôn, bao nhiêu cái trai trẻ của Hai Răng vàng đều phung phí một cách đáng tiếc, đáng tiếc như hai cái răng vàng của anh, vì một lời khiêu khích mà anh giơ thẳng tay bẻ, đem bán lấy tiền làm tiệc thết đãi anh em.

Bữa tiệc ấy cách đây hơn mười năm, long trọng và vui vẻ, bữa tiệc đầy những tiếng lóng kỳ dị, tiếng hò hét ầm ĩ của một bọn "anh chị" trong cái xã hội "chạy vỏ" (1)không bao giờ hết người.

---

(1) Chạy vỏ: ăn cắp.

Đốt ngọn đèn dầu lạc, Hai Răng vàng lơ mơ nghĩ đến thời xưa. Cái quá vãng của anh tuy nhơ nhớp nhưng mà sao khác thường thế, khiến bây giờ tưởng tới anh chẳng khỏi thèm thuồng. Mới mười chín tuổi đầu mà danh tiếng anh lừng lẫy khắp vùng bến tàu, bến ôtô ở Hà Nội. Anh chẳng kiêng nể ai, trái lại, ai cũng phải kiêng nể anh vì anh táo tợn, cầm lưỡi dao sắc nhọn đâm sâu vào ngực người, anh không hề thay nét mặt vì anh can trường, nghe tòa kết án mình vài năm tù anh chỉ cười tràn. Cái đức tính ấy nó nâng anh lên một địa vị cao quý, nghĩa là dân "chạy vỏ" từ "vỏ gộc" (2)đến "vỏ lõi" (3) từ "yêu" (4)đến "tiểu yêu" (5)đều phải kính phục, nhường nhịn anh, gọi là "anh"

Hai Răng vàng.

Rồi những khi thua cháy cờ bạc, hết cả "bướu" (6), anh không cần phải vay mượn ai hoặc mó đến công việc gì hơi nặng nhọc, gặp đứa ăn cắp nào quen mặt, anh túm ngay lấy, bắt nó nộp tiền "bồi" cái thuế mà "dân vỏ" bắt buộc phải nộp cho ông "trùm vỏ" hay ông "vỏ anh chị".

---

(2) Vỏ gộc: đứa ăn cắp lớn tuổi.

(3) Vỏ lõi: kẻ cắp nhỏ tuổi.

(4) Yêu: kẻ cắp lâu năm, can án nhiều lần.

(5) Tiểu yêu: kẻ cắp gần được chức "yêu".

(6) Bướu: tiền.

Một luồng gió qua sân rộng lùa vào nhà. Ngọn đèn dầu lạc hơi rung rinh. Hai Răng vàng nhẹ nhích người ra vươn cánh tay khép cảnh cửa sổ. Thấy một bóng người thấp thoáng, Hai liền cất tiếng khàn khàn gọi:

- Bảy! Bảy Hựu!

***

Nhưng không phải! Hai Răng vàng trông lầm. Bảy Hựu hiện đương mải miết nghĩ cách "làm tiền" giữa những phố tấp nập. Bảy lo sao tối nay và ngày mai bữa thuốc phiện của Hai được đầy đủ.

Chợt một bóng người vận âu phục lướt qua trước mặt Bảy. Bảy vội ngẩng đầu lên, nhanh như cắt, Bảy đưa cặp mắt sắc sảo thầm đếm những tờ giấy bạc mà người nọ vừa đi vừa soạn để cho vào ví. Một đồng... hai đồng... ba, bốn,

năm, sáu đồng... chín, mười đồng... rồi thì vừa đúng mười lăm đồng.

Mười lăm đồng! Hay năm lạng thuốc phiện chính cống! Hay bao nhiêu sự vui sướng làm hả hê lòng người mà Bảy thương yêu vô cùng: Hai Răng vàng!.

Đến đầu phố Ba Ty, người vận âu phục dừng bước. Hắn ta đứng trước một gian hàng, yên lặng ngắm những giầy, những mũ, những sơ mi bày rất khéo trong tủ kính sáng choang. Bảy Hựu nhẹ bước tới gần, toan rút chiếc ví đầy bạc. Nhưng nhác thấy bóng mình nổi bật trên mặt kính, Bảy phải vờ lảng cách xa hắn vài thước để chờ cơ hội.

Vài phút sau, một bọn thợ tan tầm lộn xộn chen chúc nhau từ đằng xa đi lại. Bảy Hựu tiến ngay đến bên hắn, nhẹ nhàng đưa hai ngón tay - ngón trỏ và ngón giữa - rút cái ví trong túi quần, thì... vừa lúc chiếc ví gần ra khỏi miệng túi, hắn bước đi một bước để nhìn kỹ chiếc áo sơ mi ở cuối tủ. Ví tiền kẹp hờ ở hai đầu ngón tay Bảy, rơi xuống vỉa hè; hào xu vãi tung tóe; Bảy vội vàng cướp lấy ví mà không được: hắn giật mình, nhanh tay nhặt mất rồi!

- Ăn cắp! Con ăn cắp, các ông các bà ơi!

Bảy phát uất lên, chạy như biến vào cái ngõ hẻm gần đấy, rồi rẽ qua một ngõ hẻm nữa sang phố bên kia. Đến ngã tư, Bảy nhập bọn với tụi phu hồ và đưa mắt trông hút người vận âu phục nọ.

Trong một phút, Bảy nghĩ đến khi xưa, Hai Răng vàng còn trai trẻ và Bảy còn bím tóc, hai anh em cùng đi "làm tiền". Giọng nhớ tiếc, Bảy Hựu khẽ nói:

- Giá anh Hai đứng "cản" (7)cho mình "mõi" (8)thì "cá" (9)"mẻ béng" (10)chứ còn gì!

---

(7) Cản: đứng chắn, làm cho vướng mắt.

(8) Mõi: móc.

(9) Cá: ví.

(10) Mẻ béng: mất ngay.

Rồi Bảy Hựu chặc lưỡi, quả quyết đuổi theo người vận âu phục. Bảy phải lấy cho kỳ được cái ví tiền kia để chuộc lại cái lỗi Bảy vừa có ý tưởng chê trách người anh nghiện ngập lười nhác.

***

Hai Răng vàng thở xong khói thuốc phiện, duỗi dài chân, vắt tay lên trán.

Bỗng con dao lá mạ cài trên đỉnh màn rơi cắm phập xuống giường. Lưỡi dao rung rung, lấp lánh trước ngọn đèn tờ mờ.

Hai rùng mình.

Lưỡi dao như hãy còn đẫm máu và đương khát máu. Mà máu, máu là hình bóng của quãng đời dĩ vãng gian ác, hung tàn của Hai.

Hai lại rùng mình.

Tiếng gió đùa rì rào trong các bụi cây vắng vẻ tha thiết như tiếng gọi huyền bí. Hơn nữa, như tiếng trách oán của một kẻ sôi nổi, ghen hờn.

Hai lại rùng mình và lạnh toát cả người.

Hai cảm thấy sự hổ thẹn vì đã để cho khói thuốc phiện làm tê liệt lòng hăng hái. Và Hai lại cảm thấy mình hèn nhát nữa. Một sự thèm thuồng, khao khát bùng lên trong tâm trí Hai, làm Hai lại thích "khai" (11)thích "hiếc"

(12)thích đương đầu với các "anh chị" chứ không muốn sống một cách ươn hèn, nhờ vả người em gái "chạy vỏ".

Không thể chịu đựng được sự kích thích, Hai Răng vàng cởi ngay áo, nhảy phắt xuống giường, Anh đứng thẳng người lấy tấn, rồi đi bài quyền Liên Hoa mà anh bỏ bẵng đã hai năm nay, sau khi được tha ở Côn Lôn về.

Bây giờ Hai Răng vàng là một nhà võ sĩ!

Xong bài quyền, Hai không thấy chút mệt nhọc, trái lại sung sướng và bồng bột. Anh liền chạy lại rút lưỡi dao cắm trên giường. Anh đi luôn thêm bài Ngọc trản. Lưỡi dao sáng lấp lánh vun vút dưới ánh trăng rất nhịp với cánh tay Hai hãy còn mềm mại gân guốc.

- "Te" (13) quá! "Te" mù trời anh Hai ơi!

Hai giật mình, dừng tay múa, trông lại đằng cửa ngõ: Bảy Hựu! Bảy Hựu sung sướng, giọng run run:

- "Ken" (14)đây, anh Hai.

---

(11) Khai: móc túi, xẻo đẩy.

(12) Hiếc: ăn cắp.

(13) Te: Đẹp, mới, tốt.

(14) Ken: thuốc.

Dứt lời, nàng dúi vào tay Hai ba hộp thuốc phiện vàng, mỗi hộp năm đồng cân. Hai cảm động cầm chặt lấy. Anh trố mắt nhìn em, trạnh thương em bấy lâu vì mình mà phải gian nguy vất vả.

... Hai người cùng im lặng.

... Gió thu càng rì rào, to và lạnh lùng hơn nữa.

***

Bầu không khí yên lặng trong nhà Hai Răng vàng đã biến đổi. Khói thuốc phiện ở ba chiếc tẩu bốc um lên hoà lẫn với mùi rượu, mùi các món nấu trở nên nồng nực. Muốn Hai sống lại ngày vui vẻ, oanh liệt khi xưa, Bảy Hựu nhân dịp trùm chạy vỏ chợ Sắt bị bắt, làm một bữa tiệc thết đãi anh em bạn bè Hai để xem bọn họ cắt máu ăn thề và cử người lên thay Xuân Rồng làm trùm.

Một lúc lâu, thuốc phiện đựng trong những cóng đã vơi quá nửa, thức ăn dùng gần hết, rượu đã hai lần thay chai. Ăn uống, hút sách đã no nê, say sưa, mọi người trong bọn liền đứng dậy, dõng dạc cất tiếng nói:

- Này anh em!

Một người khác chòng ghẹo, vặn hỏi:

- Anh em gì chứ?

- Dân "yêu" dân "vỏ".

Tức thì cả bọn vỗ tay reo ầm lên:

- Thế thì đúng lắm rồi!

Thấy chúng bạn huyên náo, kêu la ầm ĩ. Ba Đen, người nói đầu tiên, phải cao giọng thong thả bảo mọi người:

- Xin anh em "lịch sự" một chút, để cùng nhau bàn chút việc...

Tư Chơi láu táu cướp lời:

- Việc gì?

Hai Béo đang hút thuốc lào cũng quẳng xe đi, xen thêm một câu hỏi:

- "Mổ" (15)hay "trô" (16)?

Hàn Rám má nét mặt hầm hầm, vỗ tay xuống bàn:

- Cứ pha mãi thôi! Để anh Ba nói, xem việc gì nào!

Trước cặp mắt long sòng sọc ẩn dưới đôi lông mày chổi xuể của Hàn Rám má, Tư Chơi, Hai Béo và mấy người khác im bặt chuyện. Bảy Hựu đứng lên khẽ bấm Hai:

- "Anh chị" có khác! Hàn oai đấy!

Hai Răng vàng nhìn Hàn không đáp, nhếch mép mỉm cười.

Chờ ai nấy đều đã im bặt, Ba Đen bê ra giữa nhà một thau nước, một con gà, một lưỡi dao, một cái đĩa, để tất cả lên cái bàn con. Anh châm hương, cắm vào bát, rồi nói:

- Nay anh Xuân Rồng đã bị bắt, mà anh em chúng ta đều bị "cớm" (17)tầm nã riết, vậy tôi nhân cuộc hội họp này cùng anh em cắt máu ăn thề, rồi cử một người lên thay anh Xuân Rồng để gây một bè đảng có thể đối chọi với... đời! Chẳng biết anh em có bằng lòng không?

---

(15) Mổ: ăn uống.

(16) Trô: hút xách.

(17) Cớm: chỉ chung cả mật thám và đội xếp.

Ba vứt dứt lời, tiếng vỗ tay ran lên như pháo. Sửu Nháy nhảy ngay ra giữa nhà sấn sổ toan thề. Ba Đen ngăn lại:

- Không được!

- Sao lại không được?

Với bộ mặt của kẻ thạo đời, Ba dõng dạc đáp:

- Phải khai tên tuổi, quê quán và án tích để anh em chấm xem có đáng mặt "chơi" thì rồi mới thề, mới uống máu chứ!

Sửu Nháy cười khà vỗ ngực nói luôn:

- Tôi là Sửu Nháy, hai mươi mốt tuổi, không cha mẹ, không anh em vợ con, không quê quán...

- Can án mấy lần?

- Can án sáu lần, tổng cộng bốn năm tù.

- Thề thế nào?

- Xin nguyện hết lòng giúp đỡ, bênh vực anh em, giữ kín công việc của anh em, nếu sai lời sẽ bị trời chu, đất diệt.

Ba Đen chờ Sửu thề xong, hất hàm hỏi mọi người:

- Có đáng không?

Thấy mọi người gật gù, Ba xắn tay áo lên, đến bên thau nước, rửa sạch bàn tay, rồi nắm chặt cổ gà đưa dao cắt. Con gà trống giãy giụa, máu tươi rỏ

ròng ròng trên cái đĩa để bên cạnh bát hương. Sau vài tiếng ằng ặc, con vật nọ nhắm nghiền mắt, rũ xõng hai cánh. Ba ném nó vào xó nhà, giục Sửu uống máu. Nhưng Sửu nhe răng cười:

- Uống thế này thì "rệp" (18)lắm, anh Ba.

---

(18) Rệp: dùng để chỉ những kẻ hèn hạ, nhát gan.

Ba Đen trừng mắt nhìn, Sửu nói tiếp:

- Lấy chính máu mình hoà lẫn máu anh em để cùng nhau uống thời mới anh hùng chứ. Chắc anh sợ đau nên mới giết gà lấy máu thay máu người, thôi "phế" đi!

Hàm Rám má, Tư Chơi và Bảy Hựu tán thành:

- Phải đấy, phải đấy Sửu ạ!

Sửu Nháy liền đổ đĩa máu gà xuống nền nhà, rút dao ở túi ra, cắt đầu ngón tay. Ba Đen lấy đĩa khác hứng máu Sửu, Sửu lùi ra một bên. Tư Chơi bước vào. Nắm chặt bàn tay, Tư đấm mạnh vào ngực thề:

- Tôi là Tư Chơi, hai mươi tư tuổi, không quê quán, anh em, cha mẹ, can án tám lần, tổng cộng bảy năm tù, nguyện như Sửu Nháy nếu sai lời xin quỷ thần hai vai bắt hộc máu chết tươi.

Dứt lời, không thèm dùng dao, Tư chơi đưa ngón tay út lên miệng nhai ngáu một cái. Đầu ngón tay giập rỏ máu ròng ròng lên cái đĩa. Rồi đến lượt Hai Béo, du côn ở Lạc Viên, Hàn Rám má, trùm "chạy vỏ" suốt phố khách và phố Đầu Cầu, Ba Đen trùm "chạy vỏ" và "anh chị" ở bến tàu... và sau cùng, Hai Răng vàng. Hai Răng vàng ung dung đứng trước bát hương, giơ tay lên

đầu thề:

- Tôi là Hai Răng vàng, hai mươi tám tuổi, không cha mẹ, không quê hương, tám lần tù và một lần đi đày, hiện đương có "bùng" (19), nguyện hết lòng làm việc với anh em, bao giờ cũng can trường, bênh vực anh em, nếu sai lời, xin bị phanh thây, xé xác.

---

(19) Bùng: án biệt xứ. Thường thường người có án biệt xứ ở Bắc Kỳ không được lai vãng đến những thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và những tỉnh to: Hà Đông, Bắc Ninh...

Thề xong, anh thản nhiên ghé răng cắn đứt đầu ngón tay cho máu mình rỏ vào đĩa.

- Thôi không còn ai nữa chứ?

Bảy Hựu đang náo nức, long lanh nhìn giọt máu tụ trong đĩa, thấy Ba Đen hỏi liền hợm hĩnh đáp:

- Gớm! Các anh quên "bỉ" này hắn?

Ba Đen vỗ vai Bảy cười:

- Thì thề đi!

Bảy lanh lẹn bước ra trước bát hương, giơ cao tay, cứng cỏi thề:

- Tôi là Bảy Hựu, hai mươi tuổi, không cha mẹ, không quê quán...

Tư Chơi xen lời hỏi cợt:

- Không cả chồng con?

Bảy mỉm cười:

- Phải, không cả chồng con, theo anh là Hai Răng vàng giang hồ từ thuở nhỏ, can án sáu lần, cộng bốn năm tù, xin nguyện như anh em, và nếu sai lời, sẽ bị chết đâm, chết chém ở đầu đường, xó chợ.

Bắt chước Hai Răng vàng, khi thề xong Bảy Hựu cắn ngón tay lấy máu. Để cho máu Hựu chảy đến giọt thứ chín, Ba Đen rót một ít rượu vào đĩa, nâng cao đưa cho Bảy:

- Này, chị uống trước đi.

Bảy Hựu đón lấy đĩa máu, nhấp luôn ba nhấp. Chất rượu pha với máu của các "anh chị" những tay du côn, những "so chạy vỏ", như làm Bảy say sưa. Mặt Bảy đỏ gay lên, gò má nóng bừng. Bảy long lanh đưa mắt nhìn mọi người, rồi quay bảo Hai Răng vàng, giọng run run:

- Đây này, em uống rồi đấy! Anh uống đi!

Ba phút sau, cuộc thề xong, Hai Răng vàng vì nhiều lần can án, và trước cũng là anh chị cừ khôi, được mọi người cử lên thay Xuân Rồng.

... Muốn phô trương thanh thế của khu vực mình, bọn "tay chơi" bên ximoong làm một đầu sư tử thật oai, đem diễu ở các phố cùng hơn trăm đầu sử tử của các bọn khác.

Dưới trăng thu tròn và sáng như chiếc đĩa bạc, thành phố Hải Phòng huyên náo lạ thường. Người ta phải nhức đầu vì những tiếng ồn ào liên miên không phân biệt, người ta phải nhức mắt trước ánh sáng của những bó đuốc tẩm dầu bốc cháy ngùn ngụt. Không phải Tết Trung thu yên lặng, đầy thi vị nữa mà là một tối hỗn độn, rộn rịp của ngày hội chiến thắng (20)về một năm phồn vinh.

---

(20) Fête de la Victoire của Pháp vào ngày 11 tháng 11.

Đến tám giờ tối, phố xá càng tấp nập, càng huyên náo... Đèn đuốc sáng rực trời. Trong đám bụi lầm, đầu sư tử do một "tay chơi" bên ximoong múa càng thêm dũng mãnh. Cướp luôn giải của ba đám sư tử khác, sư tử xi-moong nghênh ngang đi rong phố với những tiếng chiêng, trống ủng hộ mỗi phút một giòn giã.

Chợt một tràng pháo tới tấp vang lên. Hiển Độc long, người cầm đầu "sư tử ximoong" dừng bước. Hắn hất hàm trừng mắt nhìn chiếc đầu sư tử do Ba Đen trong bọn "chạy vỏ" nhào múa trước một hiệu Khách.

Bấy giờ tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng thanh la của bọn Ba Đen nổi ầm ầm, rung động cả một góc trời, át cả tiếng trống, tiếng chiêng của bọn Hiển.

Giải sắp treo!

Hai Răng vàng truyền khua mạnh thêm chiêng, trống, rồi anh cầm đôi dao quắm nhảy ra giữa vòng người, vờn trước Ba Đen. Vội vàng, Hiển Độc long dẫn thủ hạ phi tới. Hắn giơ gậy, nhắm Hai Răng vàng đánh. Hai không kịp đề phòng bị rơi mất dao và bị một gậy giáng suốt sống lưng. Hai phải giở quyền vừa đỡ, vừa hô:

- Hàn Rám má! Tư Chơi! Nháy! "Vạng" (21)đi "nhẩu" (22)lên!

Nhưng Hàn, Tư Chơi, Sửu Nháy cùng các bạn Hai cũng bị bọn du côn bên ximoong vây tròn, cũng đương cố gắng đỡ những ngọn gậy, những mũi dao của hàng chục tay chơi kỳ khôi.

Hai Răng vàng hơi luống cuống. Đường quyền của Hai hơi rối loạn vì những miếng gậy lanh lẹn và hiểm hóc của Hiển Độc long. Hai vừa phải đỡ,

vừa lùi về phía Bảy Hựu đứng. Sau Hai đưa mắt thầm bảo Bảy "chuồn". Rồi đá Hiển một đá, chàng bỏ chạy.

Hai mệt lắm! Biết có đứng lại cũng không thể đương đầu với bọn Hiển. Bao nhiêu sức lực của Hai đã bị khói thuốc phiện làm tiêu tan hết. Cả cái can trường của Hai!

Trong người Bảy Hựu bỗng sôi lên! Bảy nhận thấy rõ rệt sự yếu ớt kém hèn, sự thất bại đau đớn đã đến lôi kéo Hai đi, và chỉ trong ít phút nữa sẽ đến lôi kéo Bảy cùng các bạn cùng nghề.

Trong giây phút, Bảy Hựu chợt nhớ tới đĩa máu thề. Bảy dằn tiếng hỏi một "vỏ lõi".

- "Đoàn" (23)của mày đâu?

- Đây! Nhưng chị làm gì?

---

(21) Vạng: đánh.

(22) Nhẩu: nhanh.

(23) Đoàn: dao.

Không đáp, Bảy Hựu vội thọc tay vào cạp quần thằng bé đứng sau lưng, rút lưỡi dao ra. Mắt Bảy hoa lên, miệng Bảy sùi bọt. Bảy nhắm giữa ngực Hiển Độc long thẳng tay đâm. Nhanh mắt, Hiển né mình tránh được, thuận chân đá trúng mạng mỡ Bảy. Bảy ngã sấp xuống, lưỡi dao cầm trong tay đâm trở lại suốt ngực Bảy. Máu tươi vọt ra, lai láng trên hè.

Những tiếng kêu hồi hộp, vui vẻ, sợ hãi nhao nhao lên, bụi đường, khói đuốc bốc lên làm át cả tiếng Bảy Hựu hơi thở cuối cùng, làm mờ cả cặp mắt

Bảy ráo hoảnh đang từ từ nhắm mắt lại trước khi chua chát nhìn theo Hai và các bạn đồng nghề lẩn lút chạy trốn trong đám đông người.

1937

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Đây, Bóng Tối

Hình ảnh Mũn mãi mãi in sâu trong trí nhớ Nhân, vào các thớ trái tim Nhân, và như đã biến với chất máu lỏng lưu thông khắp thân thể Nhân để giữ lấy chút tàn lực của phần xác suy nhược, chút khí ấm áp còn thoi thóp của linh hồn dạn dày.

Vì, nếu số kiếp Nhân chỉ có thể cho đến ngày trọn đời như số kiếp một con ngựa già, vươn cổ, xoải chân, bụng đói lép kẹp hóp lại, đem hết sức bình sinh kéo từng đoàn xe chồng chất những cái nặng nề ghê gớm của Thiếu thốn, Đói rét, Đau ốm, và Khổ ải trên một con đường... hãy trông kìa... con đường quanh co cát bụi lầm.

Mũn là một người đàn bà, một người bạn chịu mọi sự cùng khổ đau đớn với Nhân trong mười ba năm, phải, đúng mười ba năm ở những nơi nhớp nháp kinh tởm riêng biệt cho những hạng người cùng khổ.

Hơn Nhân, Mũn còn chịu đựng nhiều sự ức hiếp, bất công của xã hội để kiếm miếng ăn mà Mũn vẫn vui vẻ, vẫn không hề cất một tiếng than vãn. Những kẻ yếu đuối, sẵn có một lòng thương và yêu rất giản dị, rất chân thật, nhưng thấm thía và bền vững vô cùng.

Nhân vẫn nhớ kỹ, một buổi chiều đã lâu lắm rồi, dạo Nhân còn giữ hai núm tóc bơ phờ ở hai bên đầu, còn để nước mũi xanh luôn luôn thò lò xuống tận miệng, chạy ra phố mua thức ăn. Mua xong, gần đến nhà, thì trời ơi!... cái quần xắn móng lợn của Nhân tụt. Một tay cầm bát tương đầy, một tay bát dưa cao có ngọn, Nhân lúng túng không biết đặt xuống đường để xắn quần lại.

Nhân cứ đứng nguyên thế, mặt đỏ bừng, nhớn nhác trông mọi người. Mà mọi người, từ ông già bà lão đến người lớn trẻ con đều ôm bụng nhìn cái mảnh vải đen thủi cáu ghét, đụp hàng trăm miếng làm thành một đống lù lù cho kín cả hai bàn chân Nhân mà há hốc miệng cười. Họ cười thỏa thuê! Họ cười vui sướng! Tiếng cười giòn giã như không bao giờ ngớt, lấp cả tiếng nghẹn ngào bé nhỏ từ ngực đưa lên họng Nhân.

Một phút, hai phút, năm phút rồi mà tất cả đám người ấy vẫn cứ cười, và, Nhân vẫn hai tay hai bát thức ăn, nhớn nhác trông, vừa rung rung bộ đùi ghẻ kềnh càng, lốm đốm dưới lớp phẩm xanh cho ruồi khỏi bậu.

Sau cùng, Nhân thấy lạnh ở hai khóe mắt. Bất giác Nhân cúi mặt xuống: hai giọt lệ đều đặn lặng lẽ rỏ trên mặt đường trắng bụi.

Thì một thân hình cũng đen thủi gầy còm, cũng chỉ có một manh quần rách rưới như là manh quần thâm che đậy đến bên Nhân. Con bé ấy run bần bật, lấm lét trông mọi người như sợ bị đánh đập, ngăn cản. Nó kéo vội quần Nhân lên, và không có thắt lưng, nó chẳng biết xắn cạp thế nào, đành hai tay giữ hai bên cạp. Rồi cũng như Nhân, nó lại đờ người ra nhìn.

Trước hai gương mặt đỏ bừng và hai cặp mắt ngây thơ dại dột, đám người già trẻ lớn bé càng cười to. Tiếng cười dồn dập và nóng rát như một làn hơi nóng ở miệng lò than đỏ rực thổi qua mặt hai đứa.

Nhân và con bé rùng mình.

Chợt đứa con gái bẩn thỉu se sẽ nói:

- Thôi, đi Nhân.

Nói đoạn, nó quay ra đằng sau giữ lấy cạp quần cho Nhân. Còn Nhân thong thả bước từng bước một. Cái cảnh ngộ nghĩnh này lại nhắc trong trí tưởng đám người nọ cảnh dẫn rượu trong các cuộc đình đám.

Thế rồi họ lại cười, ôm bụng cười, tiếng cười lan rộng theo Nhân đến mãi tận nhà.

***

Hồi đó, Nhân đâu có thể hiểu rộng ra rằng con bé xanh xao, xơ xác kia, bằng sự giúp đỡ đầy rẫy tình thương xót Nhân, đã cười lên tận mặt cả đám người mọi rợ nọ. Nhân chỉ cảm thấy rằng Mũn, đứa con gái ấy là tốt, tốt lắm lắm.

Vì thế, ngay hôm ấy, Nhân chẳng còn dám bén mảng đến những chỗ trẻ con nhà giàu chơi bời bày cỗ bàn, đình chùa nữa. Nhân tìm Mũn, rủ Mũn về góc vườn nhà chơi riêng.

Chẳng một thức ăn gì Nhân không để dành cho Mũn. Thậm chí, những buổi chợ ế, thím Nhân phải đưa bún chả về nhà ăn trừ bữa, thì Nhân tìm đủ mọi cách để giấu chả và bún đi. Một bữa, không thể bỏ túi được, không thể giả vờ ra ngoài được, Nhân đã lừa sáu, bảy miếng chả lại bát cuối cùng. Rồi đến lần và cuối cùng, Nhân ấn đầy cả vào mồm, nhai vờ vờ, nói xin vô phép. Vừa ra khỏi cửa, Nhân ù té chạy đi tìm Mũn...

Mũn mồ côi cha mẹ, phải đi dắt thuê cho một bà lão ăn mày, chẳng bao giờ được miếng ăn ngon, nên khi chìa tay đón lấy những miếng thịt lẫn lộn cơm và nước dãi, thì Mũn ngây người ra nhìn Nhân có vẻ cảm động lắm.

Mũn không ăn một mình, bắt Nhân lại bụi cây gần đấy, xé tơi thịt ra đựng đầy lòng bàn tay, ép Nhân ăn chung. Dù đã ăn no phưỡn bụng ra rồi, Nhân vẫn còn thấy ngon miệng. Nhân tiếc không thể có thêm hàng nồi cơm nữa để cùng Mũn ăn. Và bấy giờ trong tâm trí ngây thơ của Nhân như có một sự mong ước Mũn cứ mãi mãi là một người bạn không lúc nào rời bỏ Nhân, để sau những lúc cơ cực nhục nhã hai kẻ yếu đuối trơ trọi ấy lại yên lặng an ủi nhau bằng những bữa ngon lành như thế.

***

Nhưng sóng gió của đời đã đến chia rẽ hai đứa nhỏ. Mũn đi một ngả, Nhân đi một ngả. Hai con chim non giương hai đôi cánh chưa đủ lông chống đỡ những sức mạnh lôi cuốn không ngừng của bao nhiêu sự rủi ro, bất trắc sao được?

Nhân bỏ Hà Đông ra Hà Nội. Trong tám năm lầm than lam lũ, tay làm chẳng đủ hàm nhai, Nhân sống một sự sống hết sức khổ sở vì cô độc, vì thiếu thốn quá. Cứ xem chỗ Nhân ở nay Bạch Mai, mai dốc Yên Phụ, ngày kia bãi Nhà dầu, ít lâu nữa nhập với dân Bãi cát, thì đủ hiểu đời Nhân chẳng được phẳng lặng một chút nào. Lại còn bao phen, không có tiền thuê một chỗ nằm, Nhân đành phải ngả lưng vạ vật ở những bờ hè, xó cửa hay ở dưới gầm cầu, hay ở bãi bờ sông.

Những đêm đông rét mướt, những ngày dài mưa gió, gối đầu lên bọc quần áo rách mướp, Nhân hằng nhớ đến Mũn.

Rồi những lúc trông vùng trời nặng nề phủ kín mây đen, hay qua lớp mưa trắng xóa, chập chờn cảnh sông hồ, đồng ruộng, đường sá mịt mù xa thẳm, Nhân lại thấy lành lạnh trước ở ngực rồi dần dần lan khắp cả thân thể. Tim Nhân bấy giờ như đập yếu đi. Nhân bùi ngùi nghĩ ngay đến sự cùng khổ, đói rét đau đớn không bao giờ hết giày vò Nhân và những kẻ khác. Những kẻ đã ốm lả! Những kẻ đã khản cổ vì kêu gào, những kẻ yên lặng chờ cái chết kéo đi.

Sao trong số người đó lại không có Mũn? Mũn! Tội nghiệp! Người bạn gái gầy còm ốm yếu của Nhân.

May thay! Sự tình cờ run rủi, một buổi sáng Nhân gặp Mũn ở ga Đầu cầu xuống. Nhân đờ người ra hồi lâu mới dám lên tiếng gọi, vì Mũn trông lạ hẳn đi.

Thân thể nàng mảnh dẻ nhưng chắc chắn. Nước da ngăm ngăm đen nhưng gương mặt đầy đặn phúc hậu. Nhất là chiếc quần nái mới, chiếc áo the mịn mà đôi vai, đôi vòng khuyên vàng lấp lánh dưới chếp khăn vuông đen mượt càng làm Nhân ngạc nhiên hơn.

Mũn phát đạt, sang trọng đến thế ư?

Nghĩ thế, Nhân mừng rỡ cho nàng và hơi tủi thẹn cho mình. Nhân cúi nhìn hai ống quần nâu lấm láp xắn lên tận háng dưới manh áo rách xoạc vai và cụt tay. Nhân còn đương phân vân chưa biết chuyện trò ra sao, Mũn đã ôn tồn hỏi:

- Anh Nhân, em nom anh lạ quá!

Nhân thành thực cười:

- Chuyện! Tôi là phu phen khuân vác vất vả mà.

Nhìn sâu vào mắt Mũn, Nhân nói tiếp:

- Trông Mũn cũng khác trước nhiều!

Mũn đưa mắt lặng lẽ nhìn Nhân chép miệng:

- Anh tính, tám năm trời còn gì?

Nhân, giọng bỗng nhỏ đi:

- Những tám năm, chóng quá!

Rồi cả hai cùng cúi mặt xuống. Chắc như Nhân nàng đã nhớ lại cái thời kỳ còn thơ ấy, Nhân và nàng hồn nhiên nô đùa trong những vườn hoang, xó chợ, dưới mái hiên, hay trong các cống khô cạn. Hương hoa thiên lý, sắc hoa râm bụt, mùi vừng rang bùi đậm trộn cơm độn ngô khoai và mùi bún chả lướt

qua mũi Nhân, lướt qua mắt Nhân cái hương sắc quen quen của thuở ngây thơ đã êm đềm qua trong cảnh khốn cùng.

Một lần nữa hai người lặng lẽ nhìn nhau, bốn mắt hình như ướt át. Nhân bùi ngùi chực nắm lấy tay Mũn và tự nhiên trống ngực Nhân đập mạnh quá và thân thể bứt rứt lạ lùng.

- Mũn đã có chồng rồi?

Buột miệng thốt lên câu ấy, lòng Nhân càng náo nức hơn. Thì Mũn đã mỉm cười đáp:

- Phải, em đã có chồng.

Ngừng lại giây phút, Mũn khẽ đưa nhìn nét mặt Nhân đen sạm bỗng đỏ bừng rồi xám ngắt. Nàng nói tiếp:

- Mà là người ở Hà Đông.

Nhân sửng sốt:

- Người Hà Đông? Ai đấy?

Mũn mỉm cười. Nàng ngập ngừng:

- Tên là...

Giọng run run, Nhân hỏi:

- Mũn nói đi, đừng giấu tôi mà!

Tiếng còi xe hỏa hét lên. Chuyến tàu Bắc Ninh - Hà Nội mười một giờ đã về. Mũn ái ngại bảo Nhân:

- Chắc anh chưa ăn cơm, thì hẵng vào hàng cơm bên kia đường ăn với em một thể rồi em nói chuyện chồng con em cho mà nghe.

Không để nàng nói nốt, Nhân ngắt lời:

- Mũn đã có con?

Mũn chỉ hơi gật đầu rồi giục Nhân sang hàng cơm. Nàng đi trước, Nhân đi sau, hai cái bóng in song song lên mặt đường dựa bốc hơi nóng gay gắt với hàng trăm cái bóng lúc nhúc khác của những phu phen thuyền thợ nhốn nháo ở các ngả dồn về.

***

Thì ra Mũn chưa lấy ai tuy năm ấy Mũn đã hai ba, hai bốn tuổi rồi. Nàng hơn Nhân ba tuổi. Mà chính Nhân mới là người xứng đáng làm chồng Mũn, để cho Mũn trao xương gửi thịt suốt một đời.

Trong sáu năm, hai vợ chồng ấy sinh ba đứa con: hai trai, một gái. Nhân đi làm khuân vác ở bến tàu thủy, bến ôtô. Còn Mũn, vẫn giữ cái nghề nấu bánh bột lọc, bánh củ cải đội đi rong phố bán như khi cách biệt Nhân, lần hồi với người mẹ nuôi đã chết rồi ở Bắc Ninh.

Kể như Nhân thì hai tay làm chẳng đủ nuôi miệng, nhưng nhờ có Mũn cần kiệm buôn bán và tiêu pha dè sẻn từng đồng, nên gia đình không đến nỗi thiếu thốn quá. Trong cảnh nghèo nàn hai người vui vẻ với cái hạnh phúc bé nhỏ nhưng quý báu của đời họ.

Tuy một đôi khi vợ chồng xích mích nhau hoặc vì kẻ chiều con quá, hoặc vì người trót nặng lời, nhưng sự giận hờn chỉ thoảng qua rồi đời họ lại như mặt hồ một khi gió tắt thì trở nên phẳng lặng dưới trời cao sáng.

Đàn con mỗi ngày một lớn, sự ăn uống may mặc càng tốn kém. Muốn

kiếm thêm lãi, Mũn phải đi thêm buổi chợ nữa và làm nhiều bánh hơn. Mọi khi Mũn làm hàng đến mười giờ tối thì nay Mũn phải thức quá nửa đêm.

Bao phen, nhất là về những đêm hè oi ả, tuy nồng nực bức bối mà phố xá đã im lặng vắng vẻ cả rồi, Nhân ẫm con ngủ, chợt thức giấc, vẫn còn nghe thấy tiếng đũa cả xiết rì rì trong chảo bánh và tiếng lửa reo vù vù, thì Nhân cực lòng quá! Nhân toan ngăn không cho Mũn đi bán hai chiều hàng nhưng nghĩ đến mấy bận sinh nở vừa qua, Mũn đau yếu mà không có tiền dành dụm, phải lột chiếc quần nái, rồi chiếc áo the đổi vai, rồi tháo vòng khuyên, còn chiếc thắt lưng sồi se và chiếc áo cánh lụa cũng phải cởi ra nốt để bán lấy tiền uống thuốc và mua gạo, Nhân đành vuốt ngực rồi nằm xuống.

Nhân cũng muốn hết sức làm việc để vợ con no ấm nhưng không thể được thì biết làm sao! Vả lại, Mũn vẫn thường ngọt ngào an ủi Nhân:

- Thôi mình ạ, cảnh ngộ eo hẹp bắt buộc phải thế, mình cũng đừng nên phiền muộn làm gì. Miễn tôi buôn bán vất vả nhưng chẳng phải như ai bị chồng hành hạ, mẹ chồng vùi dập, chị em chồng đay nghiến là được rồi. Nghèo túng ta lần hồi, tiện ai người nấy xoay xở.

Và, muốn cho Nhân vui lòng hơn, Mũn vẫy đàn con lại vừa vuốt lưng Nhân, vừa dịu dàng nói:

- Mà mình trông ba đứa con nhỏ hay vòi vĩnh, hay quấy khóc kia kìa, chăm nom chúng nó thật bận bịu vô cùng thế mà mình lại còn phải trông coi cả cơm nước cho cả nhà thì sự vất vả nắng nôi của tôi đã thấm thía gì.

Mũn khéo nói quá khiến Nhân phì cười.

Cuối năm thứ tám Mũn sinh một đứa con trai, Mũn chỉ nghỉ vài bốn ngày rồi lại phải làm bánh đi bán. Cùng một ngày đó Nhân bắt đầu đau mắt.

Bệnh đau mắt lạ lùng quá! Không đầy năm hôm đã làm hai mắt Nhân đỏ

ngầu, sưng mọng lên, không sao mở ra được.

Mũn lo lắng, Nhân kinh sợ, Mũn phải mượn một người vú già để trông nom đàn trẻ và cơm nước. Nhưng nào Mũn đã yên lòng, cứ cách một giờ lại tạt về nhà đắp thuốc, rỏ thuốc cho Nhân.

Hơn hai tháng, tốn không biết bao nhiêu tiền thuốc thang mà bệnh tình Nhân vẫn không thấy đỡ. Trong nhà có đồ vật gì đáng giá, Mũn cầm bán hết. Nàng chạy vạy chỗ này, giật lại chỗ khác, nhận làm cả bánh cho vài hàng cơm sang trọng.

Sau cùng, không thể ở nhà được, Nhân phải xin vào nằm điều trị ở tại nhà thương chữa mắt...

Thì một buổi chiều, Nhân chỉ có thể nhớ được là một buổi chiều, không rõ quang đãng hay u ám, tươi đẹp, hay buồn rầu, Nhân mở được mắt ra.

Trời ơi! Nhân sướng quá! Nhân gọi ngay Mũn và đàn con lại, giương to mà nhìn... Nhưng!... Nhưng!... Nhưng Nhân thấy trước mắt là một màng đen tối. Nhân ngờ vực, dụi mạnh mắt. Nhưng... vẫn cái màng đen kịt ấy bịt lấy mắt Nhân.

- Tôi mù rồi! Tôi mù rồi! Mình ơi!

Rồi không thể nén được sự chua xót, Nhân ôm ngực ngã xuống giường. Nhân thiếp đi trong tiếng vợ con khóc như ri.

Sao lại có thể như thế được? Sao lại có thể khốn nạn đau đớn cho hai người như thế được? Sao lại người ấy đã cùng khổ mà lại còn phải chịu đựng nhiều sự cay đắng làm vậy? Sao chỉ trút lên đầu những kẻ hiền lành chịu khó như vợ chồng Nhân những đọa đầy khổ ải? Mà sao cái hạnh phúc nhỏ gây dựng trên từng vũng mồ hôi, vũng nước mắt, vũng máu của vợ chồng Nhân lại chóng bị phá tan đi?

Nhân mù rồi! Nhân mù rồi!

Nhưng từ ngày Nhân mù, gia đình Nhân không kém vẻ thuận hòa ấm cúng mà còn vui vẻ êm đềm hơn. Mũn vẫn đi hai chiều bánh và nhận làm cho nhiều hàng cơm có tiếng. Và, muốn làm cho chồng yên lòng, quên sự buồn bã, Mũn cho thằng bé lớn nhất đi học tới khi xem cùng viết thông quốc ngữ. Rồi Mũn sai nó đi các nhà mua bánh quen, mượn truyện và báo chí về đọc cho chồng nghe. Nàng không ăn cơm trưa ở chợ nữa, dù xa dù gần, nắng hay mưa, cứ đến tầm thợ thuyền về là nàng đã có mặt ở nhà, ăn uống với chồng con.

Mũn vui vẻ quá! Sau bữa cơm chiều, nàng thôi bế con thì lại gọi các đứa lớn đến cả giường Nhân, bầy đủ mọi trò cho chúng nô đùa.

Dần dần Nhân quên hẳn sự đau đớn đui mù. Lòng hy sinh của Mũn, sự thương mến của đàn con ríu rít đã làm mất hẳn những tư tưởng hắc ám thường thì thầm xui giục Nhân tìm cách chết đi để Mũn nhẹ một gánh nặng trên vai. Không những thế, trong tình thương yêu ấy, Nhân còn cảm thấy đời vui vẻ, Nhân ham thích sống, sống để làm chồng một người đàn bà yếu đuối nhưng can đảm, để làm cho một bầy con lúc nào cũng nhởn nhơ vui cười.

Song, ít lâu sau, Nhân thấy vì sự yên vui trong gia đình mà Mũn phải chịu nhiều sự ức hiếp khổ sở quá. Nàng như là một tấm lá chắn đỡ lấy trăm nghìn mũi tên sắc nhọn để che chở cho chồng con được vẹn toàn.

Vì thỉnh thoảng Nhân nghe lỏm được những mẩu chuyện của Mũn và người vú già thì thầm trong những đêm khuya.

- Hôm nay nó lại dám nặng vé hay sao mà mợ ăn qua quýt vài hột cơm như thế?

- Mợ nhỉ, nó ức mợ thật, nấu thêm vài cân bánh chực trốn vé, nó bắt được,

nó tha phạt mợ, nhưng lại lấy chỗ bánh thừa ấy đi và "đẽo" thêm dăm xu nữa thì cũng quá tội!

- Thôi mợ ốm thế thì hẵng nghỉ nhà vài buổi, vay gạo hàng xóm, rồi bớt ăn trả dần cũng được mà.

- Hay mợ để tôi đội đi bán, chứ nó đuổi, nó xô xe đạp dập cả chân mợ, sướt cả mày mặt mợ, thì mợ đi chợ được sao?

- Mà mợ à, nước chanh, nước đá, kem, sê-cấu, kẹo, bánh... nó tranh hết khách mợ thì mợ xoay hàng khác. Chứ thứ bánh bột và củ cải này chỉ có thể bán cho những nhà giàu sành ăn thôi. Mà đã giàu, đã sành ăn, chắc chúng trả sát giá, không khéo mình lỗ vốn mất.

Nhưng từng ấy sự ức hiếp, vất vả cũng chưa đủ hành hạ Mũn. Giữa một buổi trưa mùa hè, một bọn người kéo đầy vào nhà Nhân báo tin: "Vợ Nhân chết".

Nhân giật nẩy mình, mặt xám lại:

- Vợ tôi chết?!

Thì người ta cho biết duyên do:

- Tầu đã súp-lê lần thứ ba, đã kéo neo, gần chạy rồi mà Mũn còn tranh nhau bán bánh. Người bán cao lâu ở tầu thấy thế bèn ẩy Mũn ra ngoài. Giữa lúc đó một bọn soát vé chợ đương hò hét gọi những người bán hàng khác. Mũn dùng dằng, không muốn lên bờ. Người bán hàng ở tàu cáu tiết, cầm cả mâm bánh liệng xuống phà. Mũn phải vội nhảy theo, trượt chân nàng ngã nhào xuống sông. Nước chảy mạnh; người ta tốn công tìm để vớt mà chưa thấy xác.

Chỉ nghe đến đây thì tai Nhân ù hẳn đi, đầu Nhân choáng váng, Nhân

chẳng còn biết họ nói, họ làm những cái gì...

Mũn chết! Thế là hết! Đời cha con Nhân thật hết cả chỗ nương tựa... hết cả mọi sự yên vui; mọi ánh sáng, mọi hơi sưởi ấm!

***

Ngày này, bố con Nhân không sao còn có cái gian nhà lá lụp xụp ở giữa bãi Nhà dầu mà chui ra rúc vào nữa. Cái gia đình không sao còn cái ngày quây quần trên chiếc phản gỗ rộng mà vui cười bên tiếng quấy bột rì rì lẫn tiếng than củi nổ lép bép và tiếng nói nựng con ngộ nghĩnh của một người đàn bà nữa.

Đồ đạc đã bị chủ bán cả rồi vì thiếu tiền nhà. Sự sum họp êm đềm đã tan tành hết vì Mũn chết, vì năm cha con kẻ khốn cùng này không sao kiếm đủ miếng ăn.

Những đêm đông rét mướt cũng như những đêm hè oi nồng, bố con Nhân chỉ có thể lê la nay xó chợ này, mai xó chợ khác, hết ở dưới những mái hiên trong các phố vắng vẻ thì lại nằm vạ vật ở gầm cầu, bãi cát, bờ sông.

Hai thằng con lớn của Nhân từ lờ mờ sáng đến quá nửa đêm, rạc cẳng xách hòm lạc rang đi bán rong phố. Còn Nhân, Nhân dắt ba đứa nhỏ cũng đi rong phố, nhưng đi... ăn mày.

Tuy đã phải làm cái nghề cùng mạt này mà Nhân vẫn còn phải lo lắng. Nhân e sợ một ngày kia không còn đủ sức cất tiếng kêu rên, van lơn thiên hạ trên con đường lầm cát bụi, con đường đã chứng kiến bao nhiêu thây chết dưới những nanh vuốt của thiếu thốn, của khổ sở... của đọa đầy...

1937

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Trong Cảnh Khốn Cùng

Một đêm mùa xuân. Trên dòng sông êm ả, cái đò cũ của bác lái Phấn từ từ trôi. Cánh buồm nâu đã biến màu xám, mỗi lúc gió thổi xuôi lại căng thẳng ra, đón lấy sức mạnh giúp đò vượt chiều nước lên.

Đến bến La đò dừng lại. Có tiếng người gọi. Vài phút sau, một bọn người gồm một người đàn ông đứng tuổi, rách rưới, một người đàn bà cục mịch bế hai đứa bé và hai đứa trẻ gầy còm ríu rít dắt nhau lên đò. Hỏi ra mới biết đó là một gia đình phu mỏ ốm đói quá từ Vàng Danh đã đi bộ từ Uông Bí tới đây, nhưng vì mỏi mệt quá đành phải đáp đò về Hải Phòng vậy.

Anh chân sào Tuyên rút con sào cắm ở dưới nước lên, đặt nằm dọc trên mui rồi chễm chệ ngồi lên cái ghế gỗ đóng ngay vào mỏm cuối đò. Anh ghì chiếc dây thép làm căng thẳng cánh buồm. Rồi Quyến, vợ bác lái Phấn, chống sào vào bờ đẩy đò ra giữa sông.

Đò lại từ từ trôi trong cái yên lặng của đêm sâu.

***

Một lúc sau, tiếng gà gáy ở chòm xóm xa xa theo nhau vẳng lên. Quyến bỗng thức giấc, từ từ hé mắt nhìn bên mình nàng, vươn tay lay đầu một người đàn ông mê mệt dưới ánh sáng lù mù của ngọn đèn hoa kỳ. Nhưng người ấy không hề nhúc nhích; gương mặt xanh xao, ốm yếu, vẫn đờ đẫn. Rùng mình, Quyến quay mặt ra chỗ khác, chép miệng thở dài.

Lúc này, Quyến chán nản hết sức. Cõi lòng nàng giống hệt chiếc đò cũ kỹ

va mạnh vào mỏm đá là tan tành. Quyến uể oải đưa hai tay khoanh sau gáy, nhìn thẳng lên mui thì... Quyến cũng thấy náo nức, rạo rực một cách khác thường. Nàng hình như khó thở, các thớ thịt bứt rứt buồn buồn. Đã thế, tiếng rên rỉ của chồng nàng cứ rõ rệt rót vào tai nàng với tiếng ngáy dồn dập của những khách đi đò.

Giữa một người ốm và mấy người say sưa ngủ, Quyến thật không thể định được thần trí để ngủ và quên.

Gió xuân vụt réo lên, hai sợi dây thép căng từ đầu cột buồm tới chỗ anh chân sào ngồi vắng theo những tiếng ngân đều đều.

Quyến lại ngoảnh nhìn người chồng ốm yếu nằm bên nàng một lần nữa, đoạn Quyến quay đi mở to mắt trông ra xa, chỗ mặt sông xanh biếc lẫn sắc da trời mờ mờ.

Quyến phảng phất thấy những hình ảnh hiển hiện

từ từ.

Cũng trên dòng sông luôn luôn êm ả này, cũng với cái đò này nhưng lúc nó còn mới mẻ vững chãi, Quyến hai nách hai con sống một cuộc đời giản dị mà vui tươi. Ngày ấy cách tám năm, dạo Quyến còn trẻ măng và bác Phấn thì sức lực cường tráng, nhất là nhằm vào hồi kinh tế chưa khó khăn, đồng tiền kiếm rất dễ dãi. Chả có thế mỗi chuyến ế ra Quyến cũng nhặt được ba, bốn đồng, cứ ba hào một người khách ở Uông Bí về Phòng, giá tiền ấy bằng giá đi ôtô ngày nay.

Nhưng được ít lâu, hai đứa con nàng chết, sự làm ăn một ngày một chật vật, rồi giữa khi bắt đầu cùng quẫn, bác Phấn sinh ra tê liệt. Sau mười lăm năm đi nghề chân sào, giầm chân xuống bùn nước không biết mấy vạn lần và sáu năm ra công chèo lái một chiếc đò, bác Phấn đã kiệt sức, và khi sức đã

kiệt, bác đành phó thác sinh mệnh mình trong tay vợ và trời.

Ngày sung túc, êm đềm đã mất! Nghĩ mà tiếc! Biết không thể sao có lại, bác Phấn thường an ủi vợ đừng than thở oán trách số phận làm gì. Bác tin thật người vợ hết lòng thương yêu bác kia đã dần quên những ngày xưa vui sướng và không cho sự làm ăn hiện tại là khổ sở. Bác đinh ninh đàn bà đều nhẹ dạ, nông nổi, không quản ngại một sự gì trong cảnh khốn cùng lầm than nếu cùng có chồng con chịu đựng, chia sẻ.

Không! Quyến đâu như bác tưởng? Trước kia Quyến đã cảm động vì những lời hát tình tứ của bác mà bỏ cha mẹ anh em theo bác, thì ngày nay Quyến cũng phải chua xót vì cảnh trụy lạc của đời chồng và đời mình. Quyến tủi thân và hết sức thèm muốn sự êm đềm đã mất, mất hẳn, không phương vớt vát.

Rồi chẳng khác gì tiếng hát nồng nàn yêu thương của bác Phấn, tiếng sông vọng gió, tiếng ruộng rì rào, tiếng ngàn cây man mác mơ hồ làm vọng trong lòng Quyến một thứ tiếng thổn thức của những ước mong rạo rực. Rồi nhìn đâu Quyến cũng thấy những cái để mà buồn, để mà thẹn, mà rỏ nước mắt khóc than...

Gần đến Quảng Yên đò chạy chậm chậm vì gió thổi rất nhẹ. Anh chân sào phải khéo léo hết sức để lựa chiều xoay cánh buồm. Vô ích, đò như ngừng lại, và quả thật, vài giây sau, đò đứng sững trong một vụng nước không sâu lắm.

Tiếng dây thép cọ xát cột buồm liên tiếp nhau, cánh buồm xám không mảy may rung động.

Thấy thế, Quyến cất tiếng hỏi:

- Anh Tuyên, đò không chạy nữa à?

- Phải, không gió thì chạy sao được.

- Kìa! Đương thổi to cơ mà.

- Nhưng giờ hết rồi bác ạ.

Dứt lời, anh chân sào đứng lên, vươn vai thở hắt mạnh ra một cái. Hai mắt anh thoáng gặp cặp mắt Quyến long lanh, thì vẫn lại cái cảm giác rạo rực ấy miên man trong khắp thân thể anh. Bất giác anh bật nói:

- Lạ nhỉ?

Quyến ngờ vực hỏi:

- Cái gì thế anh?

Anh chân sào lúng túng:

- Không bác ạ.

Nói đoạn, anh ngồi xuống và ngây người ra nhìn Quyến. Cái ý nghĩ chiếm đoạt táo bạo trở lại trong tâm trí anh. Anh lại bối rối vì những câu hỏi hiện ra trong trí tưởng anh:

- Có thể giữ mãi được không?

- Có thể bỏ qua mãi những cơ hội tốt đẹp được không?

Chợt, gió xuân nổi lên, mạnh hơn trước nhiều. Vội vàng, anh chân sào ghì hai đầu gối đẩy chệch cái núm gỗ của bánh lái về bên trái và kéo thẳng cánh buồm.

Vừa nhúng tay vào việc làm, anh nhẹ hẳn người đi, anh mỉm cười:

- Không thể thế được! Mặt mũi nào.

Ở trong khoang, Quyến càng rạo rực hơn, sau khi anh chân sào nhìn nàng, vì Quyến đã nhận ra rằng ý muốn của nàng chắc chắn sẽ thành đạt nếu nàng ngỏ một nhời, chỉ một nhời thôi.

Anh chân sào không cảm nàng sao hằng ngày và mới rồi lại đắm đuối trông nàng như thế?

Lòng Quyến càng sôi lên:

- Phải liều! Liều một bước thôi mà.

Theo sau nhời nói, bao nhiêu hình ảnh sáng sủa rực rỡ cứ thứ tự liên tiếp nhau vẽ ra trong trí tưởng Quyến.

Trên một dòng sông nào đấy, hai bên bờ cũng có núi non đồng ruộng tịch mịch, Quyến cùng với anh chân sào trẻ tuổi đẹp đẽ mà bấy lâu nàng mơ ước kia sống cuộc đời êm đềm như xưa. Một cái đò mới mẻ, chắc chắn, người chồng tráng kiện nở nang, sự làm việc hòa hợp vui vẻ và tình yêu nồng nàn mà tha thiết với đời. Rồi mỗi khi cảm thấy đời đầy đủ tốt đẹp, nàng lại cất giọng hát những câu hát của thời con gái nhí nhảnh không lo nghĩ, không bị câu thúc.

Quá Quảng Yên được một quãng xa thì đằng đông bắt đầu mờ mờ sáng. Dòng sông xanh biếc lấp lánh những ánh trước vàng nhạt sau vàng tươi, sau hồng phớt. Rồi cả mảng trời bên bờ tay trái óng mượt như tấm màn nhung đỏ viền lơ.

Trừ bốn đứa trẻ con, tất cả hành khách trong khoang đều dụi mắt gọi nhau dậy. Quyến chờ ai nấy sửa soạn hành lý đâu đấy thì thu tiền đò. Tốp bốn người đàn ông xuống đò trước nhất đưa cho Quyến sáu hào, rồi đến hai ông cụ già trả ba hào. Còn người đàn ông và người đàn bà nọ vẫn trông nhau lấm

lét.

- Kìa hai bác cho tiền chứ, sắp đến Phòng rồi.

Người đàn bà đưa cặp mắt sợ sệt nhìn chồng. Người đàn ông chau mày suy nghĩ, một tay cởi nút thắt lưng đũi bạc phếch. Quyến đưa mắt thấy hai ngón tay người ấy vân vê một cọc xu ước chừng hơn một hào, và người vợ càng len lén nhìn mình, thì Quyến hiểu ngay ra nguyên nhân sự chậm chạp này. Nàng dằn tiếng:

- Hai bác thiếu tiền đò phải không?

Người đàn bà vội hất hàm bảo chồng:

- Kìa mình, còn tất cả bao nhiêu?

Người chồng chép miệng, hai tay trân trọng cầm buộc xu đồng đưa cho Quyến, giọng khẩn khoản:

- Thôi, chả giấu gì bà, vợ chồng cháu túng đói quá, ở "min" cũng chết mà về quê cũng chết, thì thà về nhà quê chết còn hơn, vậy vợ chồng cháu đành dắt díu nhau về làng, chả may đi đến La thì hai đứa bé cảm nắng lên cơn sốt, chúng cháu đành liều xuống đò bà. Tất cả vợ chồng con cái nhà cháu chỉ có hai hào để ăn đường từ Phòng về Nam, đây, xin đưa bà một hào, bà làm phúc cho hai vợ chồng chúng cháu.

Dứt lời, muốn tỏ rằng mình không dám giấu giếm đồng nào, cả hai vợ chồng đều giũ tung gói quần áo cho Quyến xem, đoạn người vợ sụp xuống lạy Quyến.

Thoạt nghe Quyến đã nổi giận, nhưng khi thấy sự quỵ lụy của vợ chồng nhà này và bốn đứa trẻ gầy còm nheo nhóc, Quyến dẹp ngay được sự bực tức. Nàng xua tay:

- Không, tôi không lấy lạy của bác đâu. Tôi cho lại một hào ấy mà ăn đường. Nhưng bận sau thì chớ có xuống liều đò của bất kỳ ai đấy!

Quyến bỏ tiền của những người kia trả vào ruột tượng xong thì quay ra nhóm bếp đun nước pha chè tầu cho chồng.

Mặt trời đã lên cao, rắc xuống mặt sông những ánh vàng chói lọi. Vài tia nắng xiên qua cánh buồm nô giỡn trên mặt Quyến, làm nổi bật sắc má hồng dưới hai quầng mắt thâm mơ màng. Gió xuân êm mát reo vù vù, đưa tạt ngọn lửa về một bên. Gần ngọn lửa phấp phới, gương mặt bác Phấn vẫn buồn thảm vô cùng. Hơi nóng dịu dàng không thể nào đổi được da xanh xám nên hồng hào. Có lẽ, không một chút xuân khí nhẹ nhàng nào có thể truyền vào cái thân thể tê liệt kia những cảm giác mới lạ. Có lẽ, cho đến ngày trọn đời, trói buộc với tấm xác thịt vô ích kia bằng mớ dây thương yêu bắt buộc, Quyến rồi cũng trở nên vô ích thôi!

Bọt nước sôi bỗng trào ra ngoài. Mấy đầu củi thoi thóp cháy bị dập tắt, bốc khói âm ỉ. Quyến nhấc ấm nước lên, tự nhiên nàng rùng cả mình.

Chờ Quyến chuyên cho chồng một chén tống đầy nước xong, người đàn bà bế hai con lại xin nước cho chúng nó uống. Rồi bác ta vạch vú cho chúng nó bú; còn người chồng giở gói cơm nắm ra cắt làm mười khoanh, chia đều cho hai đứa nhớn.

Chắc hai thằng này đói lắm nên thoáng mắt đã ăn hết nắm cơm. Còn một nắm, bố chúng định cắt nốt thì người đàn bà nhai đầy mồm cơm để mớm thêm cho con, lúng búng nói:

- Thôi mình ạ, nắm này để dành đến trưa chứ, không thì tiền đâu mà mua cơm?

- Trưa sẽ hay. Giờ chúng đói thì cứ cho chúng ăn.

Nhưng hai đứa trẻ ấy không thể ăn thêm được bốn khoanh nữa vì cơm nắm khô quá và không có lấy một tí muối vừng để chấm hay con cá nướng để ăn kèm. Cả hai đều chép miệng. Tưởng chúng chỉ háu đói trong chốc lát nhưng khi ăn tí chút thì lửng dạ ngay, người đàn bà liền trách chồng:

- Đấy tôi đã bảo mà! Bây giờ chúng bỏ mứa thì ai ăn? Phí quá!

Người chồng dịu nhời đáp:

- Mình hỏi lẩn thẩn quá, cơm đã khô, đến đói ngấu mà chúng còn chả ăn được, nữa là để đến chiều. Mà chúng ăn không hết thì mẹ nó và tôi không đổ được vào miệng hay sao mà phí quá!

Người vợ làm lành:

- Ừ thì mình và tôi ăn đi nào.

Người chồng lắc đầu chối từ:

- Không, tôi không đói, vậy mình ăn cả đi để lấy sữa cho con.

Người vợ cố ép nhưng bác ta nhất định nhường phần.

Trước bữa cơm thiếu thốn của cái gia đình khốn cùng lang thang này, Quyến chăm chú nhìn. Nhất là sự săn sóc âu yếm vợ con của người đàn ông xác xơ, rách rưới, nom tiều tụy quá thể, được Quyến để ý hơn cả. Những vết sẹo chằng chịt trên khuôn mặt người đàn ông cháy nắng đen sạm ấy chẳng còn vẻ gì hung tợn bạc ác hết.

Đò áp mạn ngay sau chợ Sắt. Bọn đàn ông và hai cụ già lên trước, vợ chồng nhà nọ một lúc lâu sau mới dắt díu nhau lên. Người đàn bà hai nách hai con, khép nép dò từng bước theo sau chồng dắt hai thằng nhớn.

Vừa lên khỏi bờ, người đàn ông lảo đảo, tay chới với chưa kịp bấu lấy vợ

thì đã ngã vật xuống đường. Người đàn bà vội vàng đặt hai con lên một tấm gỗ, cúi ôm xốc chồng lên. Chị ta xanh mắt nhìn chồng da mặt nhợt nhạt, miệng xùi bọt, mắt nhắm nghiền.

Phu phen và các người bán quà bánh chạy lại xúm xít chung quanh, cả Quyến và anh chân sào.

Người ta đã mỏi tay giật tóc mãi người đàn ông và vợ bác ta đã khản tiếng hú hồn vía bác mà bác vẫn nằm thẳng rẫng, mê man trong lòng người đàn bà run lẩy bẩy. Mười lăm phút rồi mà bác ta vẫn không lên tiếng, vẫn cứng đờ như một xác chết, miệng vẫn đầy dãi dớt.

Người ta đều lộ vẻ băn khoăn. Người ta đều hồi hộp. Người ta đều lo sợ không thể cứu chữa người đàn ông khốn nạn này. Quyến nhìn cái thân hình gầy còm, xác xơ, bất động cũng không sao ngăn cản những ý nghĩ khủng khiếp tràn lên tâm trí. Quyến cũng lo người ấy chết... và Quyến cảm động tưởng tượng đến sự cơ cực đày đọa mấy mẹ con bơ vơ không người cứu giúp kia. Trong cảnh góa bụa, trong cảnh côi cút, những ngày sống của người đàn bà và của bốn đứa trẻ khốn nạn còn sáng sủa được sao.

Chợt một ông già khễ nễ bưng đến một nồi cháo đậu xanh vừa chín tới. Ông cụ mở vung ra, ấp mặt người đàn ông gần sát miệng nồi và lấy một cái chăn vải nâu trùm lên.

Trong làn hơi cháo bốc nóng rực, người đàn ông chợt cựa quậy. Mọi người đứng xem liền vỗ tay reo ầm lên:

- Tỉnh rồi! Tỉnh rồi!

Ông cụ già lên tiếng nói:

- Trùm kín, thật kín mặt bác ấy cho tôi. Chắc bác ấy đói quá lả đi đấy chứ không phải trúng phong đâu.

Ông cụ già vừa dứt lời, người đàn bà ngước cặp mắt đầy lệ nhìn cụ mếu máo:

- Không phải đâu cụ ạ, nhà cháu trúng phong đấy, chứ mới không ăn vài bữa thì làm gì đã sinh chứng ra như thế này.

Nghe người đàn bà chân thật kia cãi chữa, Quyến lắc đầu:

- Vài bốn ngày... mới... mới nhịn đói có vài ngày.

Đêm hôm sau đò nhổ sào trở về Uông Bí. Cũng như đêm vừa qua, đêm nay thật êm ả trong cảnh trăng mờ sao thưa.

Thay anh chân sào, Quyến vừa bẻ lái vừa lựa chiều gió kéo buồm. Nhưng khác hẳn mọi ngày, Quyến không còn chút dấu vết của những tư tưởng hắc ám vẩn đục tâm hồn. Nàng mất hết cả mọi sự buồn bã chán nản, nàng thấy lòng nhẹ nhàng sáng sủa và đời êm đềm dễ chịu như về mấy năm xưa đầy đủ hạnh phúc.

Quyến không hiểu tại sao lại có sự thay đổi nhanh chóng và lớn lao như thế trong đời nàng. Hết sức suy nghĩ, Quyến chỉ mơ hồ cảm thấy rằng nàng đã rung động, trước tình yêu thương thấm thía nồng nàn của người đàn ông nọ trong cảnh khốn cùng đối với vợ con. Quyến hổ thẹn vì đã có những ý nghĩ bất chính. Quyến hối hận vì đã có cái dã tâm muốn xa lánh người chồng tàng tật cùng khổ để vui sướng thảnh thơi ở những nơi xa lạ.

Trông dòng sông lặng lẽ dưới vùng trời tối tăm, Quyến bỗng rùng mình.

1937

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Con Chó Vàng

Mới có ba ngày, thằng Điều đã tiêu hết cả món tiền hai đồng đánh xóc đĩa được. Phung phí xong đồng hào cuối cùng, Điều lại bắt đầu thèm thuồng khó chịu. Còn bộ quần áo chúc bâu mới may, Điều đem bán nốt. Với tám hào ấy, Điều và thằng Tý Sáu bạn thân nhất của Điều, ăn gỡ một bữa cho thỏa thuê. Rồi lại chia tay đi kiếm chác.

Điều lên chợ, ra bến tàu thủy, lộn về phố tìm tòi đã nhiều mà vẫn chưa nhặt nhạnh được thứ gì. Điều đã mệt nhoài, đầu gối như sắp rời ra. Nó phải tạt vào vườn hoa, nằm duỗi dài trên bãi cỏ...

Nhiều hình ảnh rực rỡ hiện ra trước mắt lim dim của Điều. Nào cảnh rạp chớp bóng phim mới chật ních người xem, rạp hát huyên náo với tiếng hò hét oai nghi của các kép võ... nào hàng phở, hàng thang cuốn, hàng kem... nào những đám "cát tê", bất, chẫn lẻ ầm ỹ... Điều mơ màng la cà trong các chốn ấy với hai túi xóc xách những tiếng xu, hào.

Gió mát thổi rộng. Các chòm cây rung lao xao, quạt dài lên mặt Điều. Điều thiếp dần.

Chợt Điều bò nhỏm dậy, dụi mắt nhìn ngơ ngác. Một vật gì vừa bò buồn buồn vào mũi Điều, vào tai Điều. Thì ra thằng Tý Sáu nó trêu. Điều phát cáu, nắm chắc tay, chực đưa một quả đấm móc vào quai hàm bạn. Tý Sáu tránh được, túm lấy cánh tay Điều, cười khì khì:

- Dậy đi thôi, mau lên, có tiền đây rồi.

Điều vội vàng:

- Đâu? Đưa đây ông xem.

Nhưng khi thấy Tý Sáu luồn năm đầu ngón tay qua cái lỗ thủng ở túi áo mà vẫy vẫy thì Điều thuỗn mặt ra. Tý Sáu phá lên cười.

- Có, nhưng phải dậy đi mới được chứ.

Điều nhăn mặt:

- Tao chịu thôi, mỏi chân lắm!

Tý Sáu giọng quả quyết:

- Không, gần ngay đây, mau lên đi.

Điều còn đương bỡ ngỡ thì Tý Sáu dìu cánh tay Điều kéo đi; cả hai đứa chạy lại đằng góc vườn. Đến gần bụi rậm. Tý Sáu ra hiệu bảo Điều đi rón rén chớ. Hai đứa bước chân rất nhẹ rồi cùng dừng lại. Theo ngón tay Tý trỏ. Điều chăm chú nhìn. Tưởng ai, đó là ông lão, đầu râu bạc phếch, mắt mù, quần áo rách mướp, ôm trong lòng một cái bị, một cái rá có một tảng xôi đã khô, mấy miếng thịt gà gặm dở và một con chó vàng ngồi ở dưới nách.

Ông lão ăn mày mà Điều gặp luôn luôn đi rong các phố!

Điều vừa bực vừa buồn cười, thét lên. Con chó vàng nhảy xổ ngay ra, há rộng cái mõm tua tủa những răng nhọn hoắt, sủa vang. Cả hai đứa hoảng sợ, ù té chạy.

Đã xa, thằng Tý níu cánh tay Điều bảo đứng lại. Mắt nó gờm gờm nhìn Điều:

- Mày là thằng đồ tồi!

Điều cáu hơn:

- Có mày ấy! Tưởng gì, đi "trõm" ăn lão ăn mày.

Tý Sáu sùi bọt mép lại chửi Điều mấy câu nữa.

Đoạn, Tý Sáu vùng vằng đi ra chỗ khác. Điều phải chạy theo, bá vai Tý ngọt ngào nói:

- Ê, ê, có thế mà đã cáu rồi! Thế mày định kiếm chác gì với ông lão ấy nào?!

Tý Sáu chau mày lại:

- Tiếc quá đến bao giờ mới được một món như thế?

Điều gạn hỏi:

- Món thế nào?

Tý Sáu rất nhanh:

- Món của ông lão ăn mày chứ còn món nào... một cọc xanhcăng (1)một cọc hào đôi, một cọc hào con.

---

(1) Đồng năm xu.

Điều cười dài:

- Lại trộ em rồi!

- Tao thề này!

Điều nghe giọng nói chắc chắn của Tý đã hơi tin.

- Rành rành mày trông thấy từng ấy tiền chứ?

Tý Sáu thong thả kể cho Điều nghe từ khi nó trèo sấu bị bắt vào bóp bến tàu trốn ra, chạy vào vườn hoa, thì thấy ông lão này lấy ra một túi vải con giấu ở gói quần áo cất trong bị. Tý lạ lùng nhìn ông lão đếm xanhcăng và hào. Thấy ông lão mù mà tiền lại không cất trong người, Tý đã toan lấy, nhưng đếm tiền xong, ông ăn mày lại cất cẩn thận vào bị, ôm khư khư trong lòng. Gần đấy, có mấy người phu lục lộ uể oải sửa các bồn cỏ. Không sao được, Tý phải đi tìm Điều để cùng Điều tìm cách làm con chó rời ông lão ăn mày và lấy món tiền đó. Tý Sáu vừa dứt lời, Điều mỉm cười nói:

- Như thế làm gì mà chả lấy được!

Vừa lúc ông lão ăn mày dắt chó từ trong bụi rậm ra. Tý và Điều đi ngay theo sau. Nhưng mỗi khi chúng chực đến gần ông lão, con chó vàng lại quay ngoắt lại vừa gầm gừ, vừa day mõm vào chân chủ. Trước còn tưởng trẻ con trêu nó, sau thấy nó không gầm gừ nữa mà sủa vang và chồm lên cái bị, ông lão ăn mày vội vàng một tay khua gậy, một tay ôm chặt lấy bị, vừa đưa hai lòng mắt sâu hoắm nhìn trước nhìn sau.

Đã tối trời, Điều và Tý vẫn đi theo ông lão ăn mày. Nhưng không thể nào đến gần người ông. Gần tám giờ ông ta dắt chó về một phố sau chợ, rẽ sang một con đường nhỏ về một nghĩa địa. Sau cùng, ông len lỏi vào một xóm nhỏ, xóm của dân ăn mày.

Điều và Tý Sáu phải bỏ rời ông lão ăn mày có con chó quái ác nọ.

***

Một đêm đã khuya, hai đứa đang nằm ấm chỗ trong một chiếc ôtô hỏng, thằng Tý Sáu kéo Điều ngồi dậy. Nó vỗ vai Điều trỏ ra ngoài trời:

- Mày trông kia, trời mưa to lắm.

Điều vừa ngáp vừa lè nhè đáp:

- Ối mặc kệ.

- Không được, phải đi với tao.

Điều nhăn mặt:

- Lại đi "trõm" lão ăn mày? Chịu thôi. Lão ấy tỉnh ngủ và con chó vàng dữ lắm.

Tý Sáu nhất định kéo Điều dậy:

- Không, đêm nay trời tối và mưa to, cả ngày nhọc mệt, chó và chủ phải ngủ mệt, mình lấy phải được.

Điều bùi tai, nhận lời. Hơn nữa, tưởng đến lúc đếm chia tay nhau nào hào đôi, nào hào con và những ánh kền lấp lánh đầy lòng bàn tay, Điều càng ham thích.

Kim đồng hồ ở nhà thờ đã chập lại ở số mười hai. Dưới lớp mưa đổ ầm ầm, Điều và Tý Sáu đội chung một cái áo tơi trùm lên một cái nón. Chúng bì bõm lội qua bao nhiêu quãng đường ngập nước. Lắm lúc đến những quãng tối mờ mịt Điều níu áo Tý Sáu, bảo trở về, nhưng Tý Sáu nhất định kéo đi. Qua một cái chợ hoang, Điều và Tý phải xắn cao quần lên trước khi rẽ vào con đường lầy bùn. Trống ngực Điều bắt đầu nổi mạnh, rồi càng dồn dập, hơn cả mọi lần. Các vừng dứa dại um tùm vẳng lên những tiếng xào xạc trong tiếng gió gào thét. Điều yên lặng đi đăm đăm nhìn về một góc vườn hoang, càng quyết liệt với một ý muốn hắc ám phải lấy bằng được túi tiền của ông lão ăn mày. Qua khỏi bãi tha ma, Điều và Tý vòng đến sau chỗ ông già ở. Giờ chúng dò từng bước, sợ động tới tai con chó vàng quái ác.

Mưa đã ngớt. Vành trăng xanh chợt hé sáng qua lần mây xám mờ. Dưới vòm trời nặng nề, một cây gạo khổng lồ vươn rộng những cành lá lơ thơ trên những mái lá, mái kẽm phủ đầy chiếu rách.

Điều lắng tai nghe. Không một tiếng động ngoài tiếng gió vu vu. Tý Sáu đã rón rén đi lại gần gốc cây. Chợt nó dừng ngay bước, mày chau lại, đầu hơi nghiêng. Có tiếng lục sục dưới cái mái kẽm ở cuối dãy và tiếng cào lạo sạo lên lớp chiếu che làm cửa. Tý Sáu hồi hộp ngẫm nghĩ một lúc rồi quay gót. Nó ghé miệng vào tai Điều:

- Con chó vẫn thức mày ạ. Mà tao biết hai thằng mình khờ rồi. Ban ngày đi xin, ông lão ăn mày mới bỏ gói quần áo vào bị, chứ khi đi ngủ, thế nào bố già chả lẳn vào người. Mà bên bố lại có con chó tai quái kia thì có giời lấy được.

Chớp sáng bỗng vụt lên, vẻ mặt rắn lại của Điều thoáng hiện rõ rệt:

- Ức thật, hai thằng sáng mà lại chịu thua con chó của bố mù.

- Phải làm cho con chó quỷ quái nọ chết mới được.

Thằng này vừa dứt lời, con chó vàng đã sủa rống lên. Tấm chiếu rách từ trên mái kẽm rủ xuống mấy lần bật tung, nhô hai chân trước và cái mõm nhọn hoắt những chiếc răng dữ tợn của con chó.

***

Lần này theo dõi ông lão ăn mày, Điều và Sáu vui sướng vô cùng. Nhưng chúng không sao khỏi bồn chồn khi đã về chiều, ông lão vẫn còn rong chó đi hết phố này sang phố khác, luôn mồm kêu xin. Ông ta tham quá. Lắm người sợ con chó vàng của ông nằm lỳ lâu trước cửa, phải mau mau cho ông hàng bát đầy cơm hay cả một xu. Hình như ông muốn làm giàu với số tiền cóp nhặt ăn mày lòng thương của những người hiền từ. Chả thế mà ông có mấy cọc xu

hào khiến hai thằng tốn công theo dõi.

Thỉnh thoảng để đỡ sốt ruột. Điều lại trêu con chó vàng cho nó sủa váng lên. Nhưng nó chỉ cúi gằm đầu, yên lặng dắt chủ. Có lẽ cả ngày đi, chiều tối nó đã mệt. Điều nháy Sáu, giơ một gói tròn như quả cam ra dứ chó:

- Lại muốn ăn thức này phỏng? Hừ, gớm thật.

Thằng Tý Sáu vội cướp lấy gói nọ.

- Bố mày! "Lộ tẩy" thì mày chết với tao!

Điều mỉm cười, thì thầm vào tai Tý:

- Dứ dần đi thì vừa. Cu cậu quen hơi thèm ăn, chốc nữa mình càng chóng việc.

Con chó vẫn hếch mõm đón lấy mùi thơm ở gói tròn đưa ra. Hai lỗ mũi ướt đen nhánh của nó phập phồng, lưỡi đỏ thè lè liếm luôn quanh mép. Điều lại nháy Tý:

- Hít nữa vào! Hít nữa vào!

Ông lão mù đã về chỗ ở. Ông vén cái chiếu rách lên chui vào cái lỗ tối mờ ấy. Vài phút sau, ông đem một chiếc chiếu rách trải ra trước nhà. Ông đặt ở giữa chiếu một cái vỉ buồm và bốn chiếc bát to đã cớm miệng, ông đổ cơm, thức ăn vào bát đó.

Bữa ăn bắt đầu giữa người và một con vật.

Ông lão ăn mày hễ và xong vài miếng cơm lại xúc một thìa nước canh đổ vào bát của con chó ngồi chồm chỗm đối diện chủ. Ông móm mém nhai, con chó cũng nhóm nhém ăn. Chủ và tớ ăn rất ngon lành. Miếng xương có thịt nào nhằn ra là âu yếm đưa vào miệng con chó. Nó nhanh nhẹn đớp lấy nhai

ngấu ngấu, đoạn ve vẩy đuôi, thè lè cái lưỡi đỏ lăm le liếm tay chủ.

Bữa cơm đã xong. Con chó vẫn còn thèm thuồng. Nó lấm lét trông ông lão ăn mày bằng cặp mắt đen nhánh, đuôi vật đi vật lại. Sau cùng, khi ông già chui vào "nhà", con chó vàng nhổm dậy, đến sục mõm vào mảnh vại nước gần đấy.

Điều vội vàng bửa nắm cơm bỏ bả quăng cho con chó. Hộc... hộc... hộc... Nhanh như chớp, con chó chạy lại vồ ngay lấy. Mà miếng ấy vừa nuốt xong, nó ngoạm luôn ngay miếng nữa, nhai nhàu nhàu như sợ bị tranh cướp.

Mắt Điều và Tý sáng quắc lên, trống ngực đập mạnh, đầu gối run run.

Mẩu cơm còn lại đã hết. Con chó vàng ưỡn dài cổ lên, kêu nức mấy tiếng khẽ. Ở cái mõm há hốc của nó dãi dớt chảy tong tỏng. Và ở cặp mắt trắng dã nước ri rỉ chảy ra. Dần dần nó khuỵu xuống đất, hai chân trước cào cào sạo mặt đất, và nằm ềnh ra. Bốn cẳng chổng lên, bụng trắng hếu thoi thóp. Ánh nắng vàng nhạt sắp tắt hẳn trên hai con ngươi ướt át của con chó, nó ngoái trông ông lão ăn mày sau vài tiếng sủa ú ớ.

- Quýt! Quýt! Quýt! Quýt đâu rồi? Đâu rồi?

Nghe tiếng chủ gọi, con chó vàng bò liêu xiêu nhỏm dậy, nhưng chưa đứng lên được một giây nó đã nằm ềnh ra.

- Quýt! Quýt! Quýt! Quýt đâu rồi? Con ơi!...

Con chó vàng sủa lên vài tiếng khàn khàn đáp lại. Bốn chân nó nhoài mãi, nhoài mãi để đến kịp với ông già quờ quạng tiến lại phía nó. Bàn tay ông lão mù đã chạm vào lông con vật. Ông liền ôm choàng lấy nó, áp mặt vào mõm nó, vừa vuốt từ đầu xuống sống lưng nó.

Con chó vàng lại sủa lên mấy tiếng ú ớ nữa rồi nó thúc cái mõm há hốc

đầy dãi dớt vào mũi ông già mù. Ông lão ăn mày chớp mắt mấy cái, đoạn bế xốc nó vào lòng, vừa ghé mũi ngửi mồm nó. Trên cánh tay ông con chó dần duỗi mềm chân ra, rồi hai lòng mắt trắng dã trợn ngược lên lẩn vào lần da mọng mọng nước. Con chó đã tắt thở.

Mặt ông già mù tái lại, ông hít vào luôn mấy cái, đoạn lùa tay vuốt xuôi lên bụng con chó. Nhưng trong phút chốc, bàn tay khẳng khiu của ông buột xuống đất, đồng thời, mắt ông chớp liên tiếp... từng giọt lệ mọng từ từ lăn trên gò má hốc hác. Gục mặt vào cái bụng căng thẳng của xác con vật cứng đờ, ông thở dốc lên mấy tiếng:

- Nó bỏ bả chết con Quýt của tôi rồi! Tôi chết mất giời ơi! Rồi ông ôm chặt lấy con chó vàng, nằm lăn ra đất. Cái bị quần áo của ông cũng lăn ra theo.

Một luồng khí lạnh chạy ra khắp người Điều, Điều run cầm cập lùi dần bước. Thì nhanh như cắt, Tý Sáu chạy đến cướp lấy cái bị. Điều vội nhắm mắt lại và quay mặt đi chỗ khác...

- Kìa, Điều ơi! Chạy đi.

Nhưng Tý Sáu ngạc nhiên vô cùng.

Điều giằng lấy cái bị và ném lại vào lòng ông già. Và Điều ôm lấy mặt lắc lắc đầu nói:

- Con chó ấy chết thì ông lão chết mất! Ông lão chết mất! Tội nghiệp ông lão. Tội nghiệp cho ông lão!...

1937

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Sông Máu

Chị Năng đặt con xuống giường, đứng dậy mở cửa liếp. Người đàn bà bước vào trước đã nhanh miệng vồn vã chào. Người đàn ông theo sau còn bận tháo cúc áo tơi và xoay tròn cái ô để giũ những hạt nước mưa.

Ngọn đèn hoa kỳ vặn to hơn. Hai người khách đã ngồi xuống một cái ghế dài sau lưng có cái khay con đựng hai chén chè tươi bốc khói ở giữa một án thư cũ kỹ.

Người đàn ông băn khoăn nhìn thẳng vào mặt vợ giục giã. Người đàn bà hiểu ý khẽ đáp:

- Thì mình hãy gượm chút nào, để người ta còn quấn xong cho con người ta cái tã đã chứ.

Khi lau chùi cho thằng bé sạch sẽ xong , chị cu Năng đến trước mặt hai người khách:

- Ông, bà xơi nước kẻo nguội.

Chiều ý chị Cu, người đàn bà uống cạn chén nước chè, rồi bắt vào chuyện ngay:

- Chị Cu, chị "đi" cho vợ chồng tôi nhé? " Đi" ngay bây giờ.

Chị Năng đưa mắt nhìn vẻ mặt chăm chú của hai vợ chồng nhà này trong khi chờ mình trả lời. Chị nhích đến gần hơn một chút, hỏi khẽ:

- Có nhiều hàng không?

- Sáu bồ thôi, toàn đồ sứ Tàu và bát đĩa Móng Cáy.

Chị giật mình:

- Cũng bằng lần trước!

- Phải, bằng lần trước, nhưng chị đừng sợ.

Người đàn ông xen lời:

- Không may cho chúng tôi và cho anh chị nên mới sinh ra như thế này chứ chả nhẽ chỉ vì một chút thế mà anh ấy chết. Vậy, chị đi cho chúng tôi đêm nay, đầu xuôi đuôi lọt, chúng tôi chẳng để chị thiệt nào.

Chị Năng đã lại cảm động, rơm rớm nước mắt:

- Vâng, tôi cũng biết chỉ vì sự không may!

Đến đây chị ngừng lại, quay nhìn bốn đứa bé quần áo rách rưới nằm ngổn ngang trên phản gỗ thấp lè tè kê dưới một cái khám thờ. Trong khám tối om, lấp lánh ba nén nhang lạnh lẽo và một ngọn đèn hoa kỳ vặn nhỏ bằng hạt đỗ... trong lòng chị tất cả những cảm giác đau đớn, chua xót. Chị sụt sịt chùi mũi và nước mắt.

Giá không có hai người khách này chị đã lại ôm lấy thằng con út mà khóc rồi. Chị khóc hàng mấy giờ cũng được, vì lâu chừng nào càng thấy nhẹ lòng chừng nấy.

Người đàn bà đã hơi sốt ruột. Y phải đứng dậy kéo chị Năng ngồi xuống ghế, vuốt mái tóc chị đẫm nước lên:

- Thôi chị ạ, khóc thế cũng đủ rồi. Và có "đi" cho tôi thì nhận lời ngay đi

kẻo nhỡ việc tôi mất.

Chị Năng cúi đầu suy nghĩ. Người đàn ông bực dọc. Hắn xẵng tiếng:

- Còn phải đắn đo gì nữa. Bằng ấy hàng từ Quảng Yên về đây vừa đi vừa về chỉ một đêm, mà đêm nay lại mưa to gió lớn và tối trời, thật tiện lợi đủ đằng.

Chờ chồng nói xong, người đàn bà ngọt ngào dỗ chị Năng:

- Xưa nay anh chị vẫn thường đi cho chúng tôi; chúng tôi khá chị cũng được mát mặt. Thôi, chị nhận lời đi.

Chị Năng xiêu xiêu lòng và chắc dạ vì thấy trời tối, mưa to và gió lớn.

Một cái đò nhỏ mở rộng cánh buồm đón lấy sức gió mạnh vượt chiều nước mà đi còn gì nhanh chóng hơn? Và trong làn mưa dầy đặc khoảng sông rộng tối mờ, ai còn để ý tới chiếc đò ấy, thế nào họ chả nhầm với đò chở khách ở Uông Bí về?

Hơn nữa, chị tưởng tới khi cầm một nắm bạc giấy về nhà, gọi hàng mấy chủ nợ ghê gớm đanh đá đến mà trang trải cho thoát khỏi sự nhục nhã bị họ réo rắt, đào bới xới rễ.

- Vâng, thì tôi "đi" cho ông bà. Nhưng nhận hàng ở đâu?

- Bãi Vạn Xú

- Vạn Xú hay Phạm Xú?

- Vạn Xú gần đèn đỏ số mười ấy mà.

- Tôi biết rồi.

Hai vợ chồng người nọ trở ra. Chị Năng chít lại khăn vuông, mặc thêm cái áo dài nâu. Chị đến phản gỗ, trườn người, vỗ lưng một đứa con trai.

- Cu Năng! Dậy, dậy ngay, mẹ bảo.

Thằng bé ngái ngủ càu nhàu:

- Làm gì mà gọi nhắng lên thế?

- Kìa dậy, dậy đi mẹ bảo.

Nó vẫn còn lải nhải gắt gỏng. Chị Năng phải bước qua ba đứa kia, dựng đứng thằng Năng lên. Đến bây giờ nó mới giụi mắt. Chị kéo nó xuống đất.

- Cu, con đừng ngủ nữa, thức trông em cho mẹ.

Thằng bé ngơ ngác:

- Thế mẹ đi đâu?

Chị, giọng ngần ngại:

- "Đi" hàng chứ còn đi đâu.

Nó trợn mắt:

- Mẹ lại đi hàng, lại đi cho vợ chồng Tiến Lợi?

- Ừ mà, thế con thức trông em cho mẹ nhé.

- Nhưng nhỡ nó lên cơn sốt thì sao?

- Không! Em nó khỏi hẳn rồi , từ hôm qua kia.

- Nhưng nó khát sữa!

- Đã có bột đây, con chỉ việc quấy lỏng và cho thêm ít đường tây mẹ đã để sẵn trên án thư.

- Nhưng...

Thằng bé buông xong tiếng "nhưng" thì níu luôn vạt áo mẹ run run nói tiếp:

- ... Con sợ lắm!

- Quái con, chỉ vẽ thôi! Sợ gì nào? Thôi, trèo lên giường đi để cho người ta còn đi chứ.

Nó vẫn giữ rịt lấy tà áo, và, giọng nó càng thảm thiết:

- Không, mẹ đừng đi, con sợ lắm. Nhà vắng mẹ thế nào thầy cũng lại về.

Vừa nói nó vừa nhớn nhác trông chung quanh. Hình như nó đương thấy chờn vờn trong bóng tối một thân hình nhẹ nhõm trong cái áo trắng chùng chấm gót, rộng thênh thang, lơ lửng trên mặt đất.

Thằng cu Năng xanh mắt lại, hết sức túm rịt lấy áo mẹ, giạng hai chân, ngửa đầu ra đằng sau khóc nức nở:

- Không! Nghe tiếng mèo kêu thầy sẽ về! Con sợ lắm!

Giọng thằng Cu đầy nước mắt, thê thảm quá! Chị lạnh cả người. Chị cảm thấy chỉ đứng gắng thêm với con vài phút nữa chị sẽ chẳng còn đủ can đảm rời bỏ nó ra khỏi gian nhà lụp xụp này.

Chị phải mím môi lại, giơ tay phát mạnh vào lưng nó:

- Thì đây, đừng vòi tao nữa, cầm lấy buộc trinh "Bảo Đại" này để sáng mai dậy sớm mà đánh đáo. Chịu khó ngồi chờ chị Tâm tan tầm máy tơ về thì

gọi chị sang ngủ với.

Dứt lời, chị chạy hối ra ngoài, đóng sập cửa lại.

Cánh buồm mở rộng ra hơi nhích về bên trái, đón sức gió, đưa đò chạy băng băng trên dòng nước chảy xuôi. Qua lớp mưa và làn sương dày đặc, cái đò ấy chỉ còn là một vệt mờ, thoáng hiện rồi thoáng mất.

Bấy giờ, đã phải khoác một áo tơi bằng lá đụp một lần cói chiếu và vải bao gạo mà chị Năng vẫn rét run lên được. Chị khép chặt đùi lại, hai bàn chân kẹp lấy núm gỗ đầu bánh lái, còn một tay chị ủ vào ngực vừa giữ dây buồm.

Không đầy nửa giờ, quay đầu nhìn lại, chị không còn thấy ánh sáng đèn thành phố Hải Phòng tỏa lên nữa. Trước mặt chị, dòng sông càng xanh thẳm dưới trời đêm.

Gió vẫn gào thét... sóng càng ầm ầm xô đẩy vào bờ... tiếng sét luôn luôn rung động sông núi sau những làn chớp nhoáng vụt xé mấy từng mây.

Đến đâu cũng náo động! Đâu đâu cũng mịt mùng! Đâu đâu cũng lăm le những cái khủng khiếp gieo tai vạ cho tất cả nhân loại chen chúc nhau để kiếm sống. Tạo vật đã phô bầy tất cả những sức mạnh hằn học, giận dữ vô lương trong khoảng đêm đông tối tăm này.

Quá làng Vạn Thủy được một quãng, chị Năng bắt đầu thấy sợ.

Cái đò mảnh dẻ của chị trên lớp sóng cuồn cuộn trắng xóa cứ chồm lên chồm xuống,thi chạy với hết luồng gió này đến luồng gió khác. Chị phải hết sức giữ chặt bánh lái. Vì hễ để nhích quá về bên trái hay bên phải vài gang tay thì đò sẽ đâm ngang dòng nước. Cánh buồm không kịp xoay chiều, tức khắc vặn mình đi.

Rắc! Đương thuận chiều gió bỗng trái ngược thì dù khỏe chừng nào cột

buồm cũng gẫy. Thế là hết! Hết mong đò điều khiển theo ý của mình.

Những mảnh gỗ khéo chắp nối bưng bít ấy sẽ như con thú dữ ốm yếu vụt sổng chuồng chỉ đủ lực vùng vẫy trong giây phút rồi lại đến ép mình theo sóng gió. Đò sẽ tan tành và... chìm đắm.

Chị vuốt nước mưa hắt đầy mặt. Chị thở dốc luôn mấy cái. Hai khóe mắt chị đã hơi rớm lệ. Chị buồn rầu và đau đớn nhớ đến một sức ủng hộ, thúc giục chị tranh đấu trong bao nhiêu phen bão táp trên sông bể: anh Năng.

Anh Năng!... Một thân thể cao nhớn, vạm vỡ, đầu húi kiểu móng lừa, lộ một vầng trán rộng và cao, đầy vẻ ngang tàng. Hai mắt anh xếch, lúc nào cũng lấp lánh những tia sáng chói lọi như của mặt trời buổi bình minh mùa hạ. Cằm anh rộng và vuông, nhẵn nhụi, hơi xếch về phía trước, tiêu biểu cái tính xô bồ nhưng chân thật và liều lĩnh. Cánh tay anh đầy những bắp thịt cứng như sắt. Lồng ngực anh thây lẩy hai cái vú nẫn thịt, và, hai bắp đùi anh phía dưới thon thon, phía trên nở rộng trông giống bộ đùi của con ngựa thi sung sức.

Anh Năng! Một tâm hồn cương quyết rèn đúc thuần bởi những nhát búa rắn chắc của đau khổ và lầm than, một tâm hồn hồn nhiên, trong sáng giữa đời sống tranh cướp này.

Nhưng anh Năng đã chết rồi!

Cái thân thể hùng tráng như pho tượng Hách-cưu-la, người được tôn là tượng trưng hết cả mọi vẻ đẹp ngang nhiên, cường dũng của đàn ông, đã bị vùi sâu dưới lớp đất đen.Còn cái tâm hồn khí khái và quật cường kia cũng chẳng còn nữa.

Và chẳng còn nữa, cái sức ủng hộ, thúc giục chị Năng trên những đò cũ kỹ mảnh dẻ chiến đấu với bao nhiêu đêm bão táp, bao nhiêu bận gian nan khi

đi hàng lậu thuế?

Trong một đêm cuối mùa thu, một đêm cũng tối tăm như đêm nay, đời sống của anh Năng đã đoạn tuyệt.

Cách đấy mới hơn ba tháng, nhưng dù mấy mươi năm sau hay cho đến ngày trọn đời, hình ảnh cái đêm thê thảm chứng kiến cái chết thê thảm của người chồng ấy mờ nhạt sao được trong trí nhớ chị?

Trên một cái đò cũng cũ kỹ, anh Năng mắt sáng ngời quắc lên nhìn một chấm đen vùn vụt đuổi theo đò mình. Anh không hề nao núng, đứng thẳng người lên, tay trái vòng ôm lấy cột buồm, tay phải kéo giữ dây buồm.

- Mẹ Cu kìa! Xà lúp của Đoan đuổi đến nơi rồi.

Chị Năng ở trong khoang chui ra . Gió mạnh hắt từng lớp mưa vào mặt chị: da mặt chị càng xám ngắt hơn, giọng run run:

- Tính sao bây giờ mình?

Anh Cu cất tiếng cười:

- Mẹ nó sợ đến thế cơ à?

- Chứ sao! Nhiều lần thoát rồi, lần này nó tóm được thì mình rũ tù.

Anh Cu vuốt ngược mái tóc cứng, ngắn lên luôn mấy lần làm những giọt nước đọng bay xuống mặt vù vù, anh vẫn giữ giọng cười ngạo mạn:

- Mẹ nó nói lạ! Đi với tôi bốn, năm năm nay thế mà chẳng biết tí gì. Mẹ nó tính xem bao nhiêu lần bị Đoan đuổi bắt rồi? Thế có lần nào bị tù không?

Một làn chớp vụt sáng lên, một cảnh vật đen tối thoáng hiện, một gương mặt rắn rỏi đanh thép cũng thoáng hiện, và, thoáng phút giây, chị Năng cảm

thấy cái người mà chị bằng mình hơn tám năm nay - từ ngày chị thôi làm phu đun goòng ở Sáu kho và nhường lại cái tên "nặc nô" cho một bạn gái lẳng lơ, đanh đá khác- oai nghiêm và đáng được tòng phục hơn cả những vị thần có nhiều quyền phép nhiệm mầu. Chị đứng dậy nhìn chồng bằng một cặp mắt sợ hãi, lấp lánh:

- Nhưng lần này tôi e ngại...

- ?...?...!...

- Sóng gió to lắm!

Anh Năng hất hàm cười, nhưng , giọng nghiêm nghị khác thường:

- Mình trẻ con!

Câu trách cương quyết khiến chị đờ người ra. Chị không hiểu bỗng nhiên sao chị lại thốt lên những câu hỏi trên kia làm ngang trở cả lòng hăng hái của chồng! Hình như tâm linh chị đã báo trước cho chị biết rõ một sự gì, một sự nguy hiểm khôn lường.

Nhìn những tảng mây đen kịt rầm rộ chen chúc nhau, xô đẩy nhau trên vòm trời thỉnh thoảng lòe chớp sáng... nhìn dòng sông xanh biếc, cuồng nộ tung lên những lớp sóng trắng xóa... và thấy gió mạnh gào thét như muốn cuốn hết mọi vật để dìm xuống đáy nước, chị Năng rợn cả người.

Cái chấm đen đã hiện rõ rệt! Rõ rệt chiếc xà lúp nhỏ đang rẽ sóng, vùn vụt đuổi theo đò.

Trong người chị càng nóng ran lên, trái tim chị đập rất mạnh. Chị không muốn trốn và để chồng trốn, cứ ở lỳ trên đò này dù bị lính đoan khóa tay rồi bị tù cũng can tâm. Vì... lạ quá! Chị cảm thấy lần này có trốn cũng không sao thoát mà có lẽ... Trời ơi! Ghê gớm quá! Có lẽ một trong hai người sẽ chết!

Dòng sông chảy xiết, sông trắng xóa bổ vây, cả mặt nước réo vang trời, gió luôn thay chiều, sức đâu mà ngoi lặn trong mấy mươi phút rồi mới bơi vào bờ.

- Thôi mình ạ, tôi e ngại.

Đến tiếng "ngại" chị lại ngừng và lại ngẩng đầu sợ hãi nhìn gương mặt anh Cu càng đanh thép dưới vầng trán bóng nước ngang tàng. Anh Cu vẫn điềm nhiên như không:

- Mình lạ quá! Còn đợi đến bao giờ mới trốn đi?

Nói đoạn, anh kéo giật vợ lại, lột áo dài ra. Chị Cu dùng dằng chực gỡ tay chồng. Anh Cu liền quắc mắt lên, chiếu vào mặt vợ:

- Mẹ Cu phải nghe tôi! Cuộn áo lại! Trốn đi! Mau!

Cực quá, chị Năng rơm rớm nước mắt, và khóc nức lên:

- Chết mất!

Anh Năng cười gằn:

- Mình không sợ chết à?

Chị lắc đầu một cái, vòng khăn buột ra, tóc bay lả tả:

- Không, tôi sợ cho mình.

- Này sợ cho mình!

Dứt lời, anh Cu ẩy luôn vợ xuống sông.

Đò vẫn vun vút theo chiều gió, đi nhẹ như mũi tên. Cái xà lúp mở hết tốc

lực, đuổi đã gần tới.

Cách nhau chừng một cây số nữa... Anh Năng đã vững dạ. Rồi... chỉ còn non một cây số nữa... Anh lái đò chuyên nghề chở hàng lậu thuế càng mừng hơn: Anh đã chắc chắn rằng tụi lính đoan chỉ để ý đến đò của anh mà không ngờ tới một người, một người đàn bà trong đó đã thoát lên bờ ngay chỗ thuyền máy họ vượt qua.

Bao nhiêu phen như thế rồi! Anh cu Năng cười ha hả.

- Nhưng kìa! Cũng trốn đi chứ, trốn đi chứ còn đợi đến bao giờ hở anh Cu?

Anh chàng ngược ngạo nọ vẫn cười ha hả. Anh đợi cho xà lúp đến gần hơn tý nữa để vợ đủ thời giờ lẩn vào con đường nào bên bờ đó rồi anh mới trốn. Dòng sông này với sức gió cuồng nộ này có thấm thía gì. Anh quả quyết tin ở sức mạnh của hai cánh tay, hai bắp chân và ở cái tài vô địch bơi lặn của anh có thể ngoi dưới nước hàng giờ.

Nhanh như cắt, anh lộn vào trong khoang, xách một gói nặng những chén, đĩa, bát, quí giá đã buộc sẵn. Lần nào chở hàng lậu anh cũng sắp trước như thế: lọt qua được Sáu Kho thì những đồ vật kia vẫn thuộc về chủ nó, cầm bằng bị Đoan đuổi bắt thì là cái của đền thêm vào cái công vợ chồng anh trốn tránh.

Ngoắt nhìn thuyền mấy lần nữa, anh Năng nhẹ nhàng văng mình xuống sông.

Tờ mờ sáng mai chị Năng đã về tới nhà. Chị nóng lòng trông mong chồng. Bảy giờ, tám giờ, chín giờ... mười một giờ trưa rồi mà anh cũng chưa về. Rồi tối hôm ấy, sáng hôm sau, hôm sau nữa anh cũng vẫn biệt tăm.Chiều hôm thứ tư, chị Năng đương ẵm con ra cửa mớm cơm cho nó thì có hai người

bạn chồng về báo tin: "Anh Năng chết rồi !"

Gió càng nổi cơn thịnh nộ, gào thét vang lừng giúp sức cho không biết bao nhiêu lớp sóng trắng xóa tung vào mạn đò. Chị Năng hoảng sợ. Và, chị càng hoảng sợ khi thấy từ trong một quãng tối đâu đây dần dần rõ rệt hiển hiện ra trước mắt chị một hình thù to nhớn trần truồng nằm trong bãi sú, mắt trắng dã, mở trừng trừng, chân phải gập lại co gần sát bụng, tay phải ôm chặt bộ quần áo cánh và một bọc ấm, chén, bát đĩa quí giá.

Chị Năng đau đớn, chua xót và kinh hãi. Chị gục mặt vào lòng, nức nở:

- Luyện! Anh Luyện ơi!

Lại từng thác nước mưa đổ xuống, lại những chớp sáng vụt xé các mảng trời nặng nề, lại những tiếng sét lay chuyển vũ trụ, lại những luồng gió kêu gào thê thảm.

Bỗng chị Năng vùng đứng dậy, xanh mắt nhìn lên. Qua màng lệ mỏng, chị thấy,dòng sông chảy băng băng đương từ màu xanh biếc biến sang màu đỏ lờ lờ, màu máu của bao kẻ thiệt mệnh mà trừ anh Cu, còn hết thảy có lẽ muôn muôn năm bị quên hẳn trong đáy nước.

Chị lại rợn cả người, và bên tai chị rõ ràng có tiếng anh Năng thì thầm:

- Phải về thôi! bỏ hẳn nghề này thôi!

Rắc một cái, cánh buồm xoay hẳn chiều, bánh lái chệch hẳn về một bên, mũi thuyền quay lại từ từ...

1937

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Chín Huyền

Thấm thoắt đã hơn hai năm và ngày hôm nay là ngày giỗ đoạn tang Tư Lung Thiên.

Trời vừa sập tối, Chín Huyền vội đánh diêm châm đèn, rồi nàng rảo bước chạy lên xóm trên mua nửa chai rượu. Hàng trên này hết cả, Chín hậm hực đành vác chai ra tận đầu làng mua rượu lậu vậy.

Chín Huyền trở về đến nhà thì cả một bầu trời đã đen nghịt không một ánh sao. Chín dắt hai con ra sân rồi nàng mang một cái ghế đẩu, đặt dưới gốc nhãn đằng cuối sân. Rồi Chín bưng ra một mâm thức ăn, để trên mặt ghế.

Ở giữa mâm có một con gà trống luộc, hai bên có hai đĩa cơm nếp cái béo mọng, xung quanh bốn bát: giò nấu với củ cải, su hào và miến. Phía sau con gà, hai nghìn vàng giấy chồng lên nhau, đỡ lấy chiếc đèn hoa kỳ và một cỗ mũ áo lấp lánh những miếng kính tròn. Mùi cam chín, mùi chuối tiêu thơm, mùi huệ ngát trong đĩa hoa quả lẫn với mùi nhang ngào ngạt tỏa khắp khu vườn, tản ra trong một bầu không khí lạnh.

Hai đứa bé ngồi chồm chỗm, trố mắt nhìn mẹ bầy biện.

Một phút sau, Chín bế cả hai con đến trước mâm cúng, giải chiếc chiếu võng, đặt chúng ngồi xuống.Chín yên lặng cởi bộ quần áo xổ gấu bằng vải màu trám của hai con và của mình ra. Nàng mặc cho hai con bộ quần áo mới, còn nàng khoác vội chiếc áo nâu đồng lầm đã phai màu.

Chín thắt xong chiếc thắt lưng sồi xe, cài xong cúc áo, thành kính đặt hai

tay ngang đầu, quỳ gối, lễ bốn lễ trước những nén nhang bốc khói.

Sau cùng, Chín Huyền nằm phục trên chiếu, nghẹn ngào khấn rất lâu, đại khái:

- Anh Tư Lung Thiên! Hôm nay là ngày giỗ đoạn tang anh, tôi có đĩa cơm dẻo, bát canh ngọt, ít nhang thơm để dâng cúng, vậy xin linh hồn anh về hưởng, rồi phù hộ cho tôi và hai con được mạnh khỏe, sung túc như khi anh còn sống.

Sống khôn, chết thiêng, chắc anh thấu hết mọi nỗi trong lòng tôi và tình cảnh của tôi. Mâm cơm cúng này nếu có gì sơ sài thì anh cũng đừng nên chấp trách, mà anh nên nghĩ đến người vợ anh, đã nhiều phen chia sẻ đắng cay cùng anh cho đến lúc anh chết.

Anh Tư Lung Thiên! Ông trời đã định vậy biết làm sao? Qua được mặt sông bể chứ ai qua được số kiếp? Nhưng mà cái số kiếp của anh và tôi lại điêu đứng vất vả quá. Anh thì chết non chết yểu, chết không kịp dối dăng cùng vợ con, còn tôi thì sống cơ cực với hai đứa con nheo nhóc, không cha mẹ, anh em, không người bấu víu. Tôi muốn vui mà không sao vui được, muốn khóc lại sợ khóc lắm sẽ héo hắt, lỡ ra ốm yếu, lúc ấy con cái bỏ cho ai? Thành thử ngày đêm tôi âm thầm một bóng, hết tháng này sang tháng khác.

Lại còn khổ một nỗi, chẳng biết mồ mả anh ở đâu mà thăm viếng, và cũng chẳng ai biết để hỏi han. Và dù có biết chăng nữa cũng phải nén lòng đợi chờ vài ba năm đến hết tội nợ mới có thể sửa sang chăm nom được.

Anh Tư Lung Thiên, mà nào tôi ăn ở với anh đã lâu la gì, tình nghĩa vợ chồng đã lấy gì làm đằm thắm! Nhưng tôi vẫn nhớ tiếc những ngày ấy lắm anh ạ. Người ta phải ruộng sâu trâu nái, nhà ngói, cây mít, chứ tôi với anh chỉ hai bàn tay trắng cũng đủ nuôi thân. Danh giá không thiết, giầu sang không cần, mặc người chê bai ghét bỏ, nay chợ này, mai bến khác, anh xem tôi có

chán nản nhụt chí bao giờ không? Và những khi nguy biến tôi bị tầm nã, bị tù tội, anh xem tôi có bao giờ oán thán nửa lời không? Tuy phần nhiều tại anh mà tôi đau khổ, nhưng tôi thương mến anh vô cùng, nhất là phục cái bụng dạ chân thật, thủy chung của anh.

Tôi thường ngạc nhiên vì cách anh ăn ở như thế.Tôi tưởng một người hung tợn nóng nảy liều lĩnh như anh thì không bao giờ thương yêu tôi. Và một con đàn bà lẳng lơ trơ trẽn như tôi thì chẳng thể được ai thương yêu tới.

Thế mà tôi với anh đã hết lòng thương yêu nhau thì kỳ lạ thật.Vậy chẳng qua cũng bởi số kiếp ông trời, hay nếu không phải thì bởi cái nghề "chạy" mà tôi với anh theo đuổi.

Mà phải, chính vì nghề đó mà tôi với anh đã được ăn tiêu đầy đủ, được biết những lúc sung sướng cũng như những lúc khốn khổ gieo neo. Chính vì nó mà tôi với anh đã yêu thương nhau hết mực nhưng mà cũng lại chính vì nó...

Khấn đến đây, cổ họng Chín Huyền bỗng nghẹn ứ lại. Nàng không thể thốt lên một tiếng nào nữa. Trong tâm tưởng nàng lại từ từ hiện ra cái hình ảnh Tư Lung Thiên đứng trước vành móng ngựa lần cuối cùng. Chín Huyền vẫn còn thấy rõ ràng vẻ mặt khô khan của Tư, bên tai nàng còn văng vẳng tiếng ông Chánh tòa nghiêm nghị "... vậy ra anh chán tự do, ưa muốn tội lỗi và tù tội thì tòa..."

Rồi một buổi sáng mờ sương giá, ở cửa Hỏa Lò, Tư Lung Thiên giữa một đám người nhốn nháo, tay bị xích lưng đeo áo, nón, mắt đưa tìm vợ con. Tư Lung Thiên bị đưa đi đày. Năm tháng nặng nề qua...

Ba năm rồi!

Trong ba năm ấy, không một ai thấy bóng dáng Chín Huyền ở Hà Nội,

Hải Phòng, Nam Định và mấy tỉnh to xứ Bắc Kỳ .Cả những kẻ cắp bạn của nàng, cũng không ai được gặp mặt nàng.

Nhưng bọn đó thường nhắc đến Chín Huyền luôn.Họ không sao quên được người đàn bà có nước da ngăm đen, khổ mặt gầy xương, tóc rễ tre, đôi mắt ti hí mà sắc sảo,cặp môi cong cớn luôn luôn cười, tiếng nói lanh lảnh, dáng điệu cứng cỏi mà nhanh nhẹn như đàn ông và trơ trẽn, táo bạo, liều lĩnh vô cùng.

Tính trơ trẽn và liều lĩnh của Chín Huyền ai cũng nhớ kỹ.

Chín không phải gái làm đĩ, nhưng nếu thách nàng dăm ba xu ra đường níu lấy vai hay bám lấy cổ một người đàn ông thì tức khắc nàng nhận liền. Còn muốn xem nàng đánh vật với một người phu "bắt tê" hay anh phu xe thì cứ đãi nàng bát phở bốn xu. Khi ăn xong, Chín Huyền sẽ xắn quần khiêu chiến với người mà người ta chỉ. Chẳng những khiêu chiến, Chín Huyền còn túm lấy người ấy mà vật thật, kỳ cho người ấy phải xin hàng.

Nguyên Chín Huyền là con một đô vật ở huyện Hải Hậu, một đất có tiếng "chơi" của Nam Định.

Còn sự táo bạo, liều lĩnh, cứ xem những khi chồng Chín hay Chín bị các nhà chuyên trách truy nã thì rõ. Ba lần cảnh sát và mật thám đuổi bắt, ba lần Chín Huyền và Tư Lung Thiên đều tẩu thoát một cách anh hùng.

Ba năm... Chín Huyền nấn ná trong một làng hẻo lánh, trên dọc sông Hồng Hà. Nàng sống như những người đàn bà góa bụa cùng cực khác ở nơi quê mùa. Nàng thuê hai gian nhà nhỏ lấy chỗ trú thân, rồi ngày ngày bế hai con ra mấy chợ gần đấy bán rau đậu, gạo muối.Chín chịu đủ mọi sự lam lũ, khổ cực vì cảnh buôn bán khó khăn. Dù sao, nàng cũng không thể bỏ qua nơi đó mà đi nơi khác được: nàng có án quản thúc, lý trưởng không một lúc nào quên để ý đến nàng.

Lắm phen nhớ tới thành phố Hà Nội sầm uất, đông vui, nhớ tới những cảnh chơi bời với những bạn bè cùng chung cảnh ngộ, tính tình, liên miên hết ngày này sang tháng khác trong chợ Đồng Xuân, ở bến ôtô, trong các sòng bạc lẩn lút dưới bãi Nhà dầu, trong các tiệm hút, các hàng cao lâu rải rác ở các vùng ngoại ô, Chín Huyền toan gửi con một chỗ, rồi trốn đi, vui sống lại vài ngày cho đỡ cơn thèm muốn, hoặc liều bế cả hai con lên thành phố, rồi lại tiếp tục cuộc đời "dân chạy" xông xáo, không chụi cảnh bó buộc, tù hãm, thiếu thốn. Nhưng không được: ở Hà Nội, nhà chức trách cũng truy tầm ráo riết. Chín Huyền làm sao thoát?

Cảnh tù tội đày ải thì riêng nàng có thể chịu được, nhưng còn sự đau đớn trông thấy hai con nhỏ cũng phải đày ải như mình thì quá sức chịu đựng của Chín.

Cũng may là nàng còn hai đứa con ấy để mà yêu thương, an ủi. Rồi vì sự yêu thương an ủi đó mà Chín Huyền lại trở nên rụt rè, khiếp sợ, không dám làm chuyện phi pháp, nếu không chính sự buôn bán vất vả lam lũ sẽ là cái cớ đầu tiên để nàng đi vào con đường tội ác.

Tuy nhiên, tình mẫu tử chỉ có thể giúp nàng vượt qua được những trở lực tầm thường thôi. Muốn trở nên một con người lương thiện, thì tâm trí u mê của nàng cần được cải tạo, nghĩa là phải từ bỏ hết mọi dấu vết xưa kia của một con "bỉ vỏ" và phải có một hoàn cảnh tốt đẹp để nàng sống.

Khó lắm!

Chín Huyền lúc nào cũng đau đớn, và trong sự đau đớn ấy, chẳng một phút giây nào nàng không nghĩ đến sự uất ức, oán hờn cũng như chẳng bao giờ nàng không nghĩ đến con dao lá mạ của Tư Lung Thiên để lại, vốn trước kia sắc như nước, nhưng mấy năm nay không được dùng tới nên đã han gỉ. Lưỡi dao đó thường làm Chín Huyền rùng mình hồi hộp. Chính nó là kỷ niệm của cả một quãng đời vui vẻ, đầm ấm, nhưng xấu xa và nguy hiểm của vợ

chồng nàng. Chính nó là một kỷ vật quý báu của Tư để lại sau bao nhiêu phen nhúng máu, nó như một thứ tiếng thầm lặng thúc giục, êm dịu chi phối lòng nàng.

Chín Huyền đưa mắt nhìn qua khung cửa thấy trên cánh đồng bát ngát chìm ngập trong bóng tối, vòm trời vẫn âm u, cái vòm trời mùa đông không trăng sao, thê thảm chẳng khác gì cảnh đời nàng trong bốn năm nay. Chín Huyền chép miệng một cái rồi thở dài. Nàng trở mình rồi quay mặt vào bức vách, trùm kín chăn, cố nhắm mắt ngủ.

Nhưng những giọt mưa tí tách từ mái tranh rỏ xuống thềm đất cứ lạnh lùng rỉ vào tai nàng những âm thanh não ruột. Hình như những âm thanh ấy rành rọt đếm những giây phút dần qua trong cái giờ cuối cùng của một người hấp hối.

Chín Huyền âu sầu thêm, lạnh lẽo thêm, tuy nàng đã ấp lấy hai đứa trẻ lên ngực. Hơi thở của chúng không đủ làm lòng nàng ấm áp trong khoảng đêm đông vắng vẻ này.

Chợt Chín rít lên một tiếng, co vội hai ống chân lên. Nàng thấy từ đầu gối trở xuống lạnh hẳn đi, năm đầu ngón chân nhức nhối như bị kim châm, cả bắp đùi nặng trĩu.

Chín Huyền giật mình:

- Lại bị tê chăng?

Như mọi năm, hễ bắt đầu rét, chân nàng lại phát tê buốt, nàng phải chịu đau đớn ít ra cũng vài tháng, dùng nhiều thuốc lắm mới đỡ buốt nhức và đi lại được.

Chín Huyền lo sợ, cuống quít, nàng hết sức day day hai bắp đùi cho máu chạy đều.

Nhưng cảm giác đau buốt cứ phút phút thêm lên, rồi hơn một giờ sau nửa người dưới nàng như bại hẳn đi. Không nén được sự kinh hãi, Chín Huyền mím môi lại:

- Thế này có khổ không, trời ơi!

Rồi Chín rớt nước mắt, và lại thở dài.

Vòm trời càng đen sẫm hơn, mấy ánh sao lờ mờ cũng đã bị mây dầy, sương mù và mưa bụi xóa hẳn. Cả vùng quê mênh mông đều im lìm chìm đắm trong một khoảng đen tối khủng khiếp.

Cính Huyền ngước mắt trông trời, rồi trông khắp gian nhà tối tăm mà nàng đương ẩn náu. Không có tiền mua nhiều dầu, Chín đành phải thắp một ngọn đèn hoa kỳ vặn thật nhỏ. Trước vùng ánh sáng yếu ớt, đồ vật trong nhà không phân biệt rõ rệt. Chiếc chạn bát bằng tre phảng phất giống chiếc hòm chân kê chính giữa. Trên mặt chạn chiếc mâm đồng và vài bốn chân nến không còn thể nhận ra được là bằng gỗ sơn màu gì. Cả cái bát hương cũng không rõ bằng sành hay bằng sứ. Khắp nhà rặt những thúng mủng mà nếu ai dẫm phải thì chỉ có việc đem đun, vì nó ọp ẹp quá, không sao có thể sửa nắn được. ấy là cả gia tài của Chín Huyền gồm thêm cái ổ rơm và dăm chiếc chiếu rách mướp.

Bỗng có tiếng đập cửa liếp.

Chín Huyền giật mình, cất to tiếng:

- Ai đấy?

- Tôi

- Tôi là ai?

-Tôi mà, tôi nhờ chút việc mà.

Chín Huyền ngạc nhiên, xẵng tiếng:

Một hai giờ đêm rồi còn nhờ việc gì ?

Người ở ngoài dằn mạnh lời:

- Thì cứ mở cửa cho tôi nào.

Nàng bực tức:

- Không mở được!

Nàng vừa dứt lời, cánh cửa liếp đã bị đẩy tung hai người bước vào. Chín chỉ thoáng nhận ra một người đàn ông to lớn đi kèm một người thấp bé. Chín toan ngồi dậy, mắng cho hai người lạ mặt đường đột kia mấy câu, nhưng hai chân nàng buốt nhức quá thể, và một người đã vặn to ngọn đèn, quay đầu nhìn nàng, dịu lời nói:

- Phiền bác quá! Đêm hôm tôi làm thế này thật không phải, bác bỏ qua cho. Bác dậy cho tôi nhờ tý việc.

Chín Huyền phát uất lên:

- Ông nhờ gì thì nói ngay đi!

Người đàn ông ngần ngừ một chút rồi nói:

- Bác làm ơn cho tôi ngủ lại đây, và cho tôi mượn cái thừng.

Chín Huyền ngạc nhiên.

- Sao ông lại ngủ lại đây và mượn thừng để làm gì?

Người ấy thong thả đáp:

- Chả giấu gì bác, tôi vừa bắt được một tên ăn cắp, định giải lên Ninh Giang trình quan, nhưng đã quá khuya, vậy trọ nhờ bác đây một đêm, bác làm ơn cho.

- Ông là tuần tổng hay là ?...

Người ấy cười:

- Là tuần tổng.

Người đàn ông vừa dứt lời, Chín Huyền vội đáp, giọng nhẹ hẳn đi:

- Ông ngủ đây cũng được, nhưng nhà tôi chẳng có giường phản gì hết, ông có nằm đất thì nằm.

- Thật ư?

- Tôi nói dối ông làm gì?

- Nhưng nhà còn thừa cái chiếu nào không?

Chín Huyền toan chối, nhưng thấy người bé nhỏ ngồi co ro với manh áo rách, nàng liền trỏ phía góc nhà:

- Đấy, chiếu ở đấy. Còn thừng thì không có.

Đêm đã khuya lắm. Gió càng mạnh, càng rét buốt, vang động cả bầu trời tối tăm hoang vắng. Đằng cuối vườn nhà Chín Huyền bên các vùng găng, lởm chởm gai góc, những chòm cau bơ phờ xào xạc. Vài tiếng gà gáy ở các xóm hẻo lánh đâu đấy vẳng lên rời rạc.

Chín Huyền vẫn chưa ngủ được. Cánh tay nàng đã mỏi rời vì đấm bóp.

Chín phải gượng ngồi dậy, tựa lưng vào vách, duỗi dài hai chân, cố nghĩ sang những chuyện khác để bớt lo sợ, đau đớn. Nhưng chưa kịp đặt đứa bé con lên lòng, nàng thấy có tiếng gọi khe khẽ:

- Chị Chín, chị Chín Huyền!

Chín giật mình, ngơ ngác nhìn xung quanh:

- Chị Chín, đây cơ mà!

Chín hơi bối rối:

- Ai gọi đấy? Ai đấy?

- Tôi mà!

Giọng Chín run run:

- Ai?

- Sáu lẹm cằm! "So chạy" "bị tôm".

Chín líu cả lưỡi:

- Thật Sáu ư?

Chín Huyền nói to quá, người kia vội bảo nàng:

- Phải, phải, nhưng khẽ chứ! Chị lại ngay cho tôi bảo cái này. Nhanh lên!

Tuy đương đau Chín cũng phải cố ngồi dậy. Nhưng nàng nhắc chân ra khỏi chiếu thì đầu gối khuỵu gập lại. Người bé nhỏ lại thúc giục:

- Kìa mau lên, chị Chín Huyền!

Chín đành phải chống tay lê mình đến chỗ người bé nhỏ. Nàng vừa tới nơi, một giọng thảm thiết gào lên:

- Chị, chắc chị chưa quên em?

Giọng Chín run run:

- Anh Tư Lung Thiên nhà tôi là một, Sáu là hai, bao giờ tôi quên được? Nhưng sao chú lại nhận được tôi?

Sáu lẹm cằm mỉm cười:

- Vì tôi nhận được cái tiếng nói lanh lảnh chanh chua của chị.

- Nhưng đã bốn năm rồi, giọng tôi chắc cũng thay đổi nhiều. Hay chú đã biết tôi ở đây?

Dứt lời, nàng đờ người nhìn gương mặt Sáu. Khuôn mặt hốc hác, xanh xám, mắt sâu lõm, gò má nhô hẳn lên phía trên, cái cằm lẹm càng lẹm thêm vì mấy vết sẹo. Cổ và đầu tóc hắn lại càng thảm hại hơn: Yết hầu lộ rõ, tròn như củ khoai sọ, da khô đét, tóc hắn rủ cả xuống mi mắt, trùm kín một mảng gáy.

Chín Huyền rùng mình hỏi hắn:

- Chú mà cũng xác xơ thế này ư?

- Chuyện, vừa "nhỡ" (1)mà!

- Lại "nhỡ" lần nữa? Khi trước Sáu đã bị "bét phích" (2)rồi mà! Và anh Tư đi đầy, Sáu cũng bị đi đầy mà!

---

(1) Nhỡ: bị tù.

(2) Bét phích: tám lần tù

Trong người Sáu đã sôi lên vì những câu hỏi giằng dai này. Sáu vội đáp:

- Phải tôi được tha án đi đầy mà chỉ phải có ba năm tù.

Chín Huyền thở dài:

- Thế có khổ không ! Nếu nhà tôi không chết thì có lẽ cũng được giảm án về với vợ con.

Chín ứa nước mắt hỏi tiếp:

- Sao Sáu lại bị "tôm "?

Sáu dằn tiếng:

- Ai học được chữ ngờ! Tôi vừa nhảy lên tầu Nam Hải, lạc vào làng này thì bị tôm liền

- Sao "đũn" thế?

Sáu lẹm cằm uất ức:

- Bất ngờ thì giở tay sao kịp. Mà gặp ai nói chuyện đâm chém, chứ vấp phải thằng "nhà đùm" khỏe như vâm này thì cái thằng nghiện oặt như tôi chỉ có đút tay vào "khoong" cho khỏi dầy dà.

Trời càng buốt giá. Không thể kéo dài chuyện thêm, Sáu cất tiếng run run:

- Chị... chị làm ơn...

Nhìn cặp mắt Sáu sáng ngời, Chín nhận ra ngay ý muốn của Sáu:

- Chú muốn "chuỗn"?

Sáu ríu cả lưỡi:

- Em lạy chị, chị giúp em kẻo em đã "bét phích" rồi, lần này mà ra tòa nữa thì mười phần chắc là đi đầy cả mười.

Chín yên lặng, Sáu tiếp luôn:

- Chị nghĩ tình anh em bấy lâu nay ăn ở với anh Tư và chị mà chị thương giúp cho. Em nguyện sẽ thay chị mà cúng giỗ anh và cưu mang chị với hai cháu bé.

Lòng Chín Huyền xúc động vì câu nói tha thiết của Sáu Lẹm cắm. Nàng đưa mắt trông ra bầu trời u ám sau màn sương mù và mưa bụi dày đặc.

Tưởng Chín Huyền lãnh đạm. Sáu nhắc lại câu nói vừa rồi:

- Chị nghĩ tình chị em bấy lâu nay ăn ở với anh chị. Em nguyện sẽ ...

Sáu cứ nhắc đi nhắc lại câu nói ấy. Chín Huyền phải xua tay:

- Tôi biết rồi. Sáu không cần phải nói nhiều nữa, để tôi liệu.

Đoạn Chín kéo lê người lại cái chạn bát. Rất nhanh, nàng rút lưỡi dao cài ở mé trong, cắt đứt tung hai lần dây lưng trói kỹ chân tay Sáu.

Người kia vẫn mê man ngủ: Mãi khi Chín Huyền bẩy tung ổ khóa, tháo toang xích cho Sáu, y mới hơi cựa mình, nhưng ấm ứ nói mê xong, lại nằm thẳng cẳng, ngáy rống lên.

Sáu đứng dậy, y không còn biết làm gì để cảm tạ ơn Chín. Y ngây người ra giây phút rồi lắp bắp:

- Chị Chín...chị đã cứu em...

Chín Huyền nhếch mép cười:

- Thôi, thôi, Sáu đi ngay đi!

Sáu như nghẹn ngào:

- Nhưng...nhưng được thoát nạn mà lại gieo vạ cho chị, đang tâm sao được!

Ngọn gió rét lùa vào hai chân Chín Huyền càng tê buốt. Nàng rùng mình. Nàng chợt nghĩ đến cái cấp bách, nguy kịch của ngày mai khi người tuần tổng thức dậy thấy mất Sáu Lẹm cằm và nhận ra nàng là vợ Tư Lung Thiên.

Nàng sẽ cãi chữa cho mình bằng cách gì? Khó lắm!... Hay đành chịu để cho người ấy khóa tay mình? Nàng sẽ phải kéo lê cái thân ốm yếu tới cái nơi đầy ải bó buộc: đề lao.

Sáu Lẹm cằm đã cất tiếng:

- Hay là chị cùng "chuỗn" với tôi? Mà nếu chị đau tê không đi được thì để tôi cõng chị?

Chín khẽ thở dài:

- Còn hai đứa nhỏ tôi sẽ bỏ lại cho ai?

- Thì bế cả chúng nó đi.

Chín lắc đầu:

- Chú gầy như cò hương, mang thân mình còn chả nổi, làm sao đèo thêm được tôi với hai đứa bé?

- Vậy giờ tính sao?

Chợt Chìn Huyền nghiêm nét mặt. Với một giọng yếu ớt mà cương quyết, nàng bảo Sáu:

- Thôi được, Sáu bế hai con tôi rồi trốn đi

- Còn chị ở lại?

Mắt Chín Huyền sáng lên:

- Phải!...

Sáu còn lưỡng lự, Chín đã dằn tiếng.

- Phải thế đấy Sáu ạ! Mặc tôi với nó, Sáu bế hai con tôi đi, đi ngay, đi ngay đi!

Nói đến đây, cổ họng nàng nghẹn ứ lại, nước mắt trào mãi ra , Sáu cũng ứa nước mắt:

- Chị tốt quá!

Chín Huyền nghẹn ngào:

- Thôi, tôi không cần chú khen. Chú lại ổ rơm kia bế hai đứa bé rồi trốn đi. Mau lên!

Vừa nói, nàng vừa giương cặp mắt như nảy lửa chiếu vào mắt Sáu. Sáu phải chạy ngay đến góc nhà cuộn hai đứa vào trong chiếc chiếu, rồi bế lại chỗ Chín:

- Tôi bế hai cháu đi nhé?

Chín nghẹn ngào:

- Ừ thì Sáu đi! Và này...

- Cái gì chị?

Chín Huyền đưa tay vuốt xuôi ngực một cái:

- ...Sáu phải trông nom chúng cẩn thận như con Sáu. Dù sau này tôi có bị tù tội hay ốm chết, Sáu cũng phải cư xử với chúng nó có thủy có chung. Nhất là Sáu đừng để ai hà hiếp chúng... Sáu nghe rõ chưa?

Dứt lời, Chín đưa tay ẩy mạnh Sáu:

- Thôi chú đi ngay đi!

Đưa mắt nhìn Chín Huyền một lần chót, Sáu Lẹm cắm đẩy cửa liếp, ôm chặt hai đứa bé chạy vút ra ngoài. Trong chớp mắt bóng tối đã che khuất cả ba người. Chín Huyền đưa con dao lá mạ lên ngang đầu lâm râm khấn. Đoạn, Chín cố gắng lê đến bên người tuần tổng. Nàng quắc mắt trông trừng trừng vào mặt y và rít lên:

- Này!

Nhưng, chân tay nàng sẵn tê buốt, bây giờ đau đớn nhức nhối. Trong tay nàng, lưỡi dao rung rung chưa kịp phập xuống, thì nàng đã ngã quỵ. Người tuần tổng giật mình ngồi nhỏm dậy, chồm lên ôm chặt lấy lưng nàng.

1937

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Hàng Cơm Đêm

Vịnh ơi! Mày sang xem chị Mấn đã về chưa?

- Mới có ba giờ, chợ còn đông, ai người ta chịu về mà sang? - Vịnh vẫn phải nhẹ nhàng trả lời mẹ.

Người mẹ càng dằn dỗi:

- Thế có bằng giết người không! Thức ăn hết cả rồi mà chưa có một tý rau cỏ, cá mú gì. Lần sau thì tiên nhân ai dám còn nhờ cái thứ mặt nó nữa.

- Thì còn đầy vại dưa mới muối, và người ta đang rao rươi kia kìa, nhà mua lấy vài chục bát vừa làm chả, vừa xào củ cải bán cũng đủ mà.

Nghe người con gái nói lại, người mẹ rít hẳn lên:

- Nhưng muốn xào nấu gì cũng phải có hành có mỡ chứ. Mà liễn mỡ không còn lấy một giọt thì làm được cái gì? Cái con chết phải gió ấy nó làm nhỡ hết buổi của người ta rồi! Chỉ được cái miệng xoen xoét lúc mượn tiền đi chợ thôi.

Người mẹ dứt lời, một người đàn bà đặt phịch một cái thúng cắp ở nách xuống đất, vồn vã:

- Bà mua cho con nốt chỗ rươi này, còn tươi lắm.

Mẹ Vịnh không mua nhưng cũng ngứa miệng hỏi:

- Bao nhiêu một chục?

Người bán ngọt ngào:

- Bát của con to mẹ ạ, mẹ cho con bốn hào một chục, con chỉ dám lấy vốn mẹ thôi.

Mẹ Vịnh lườm người bán hàng một cái thật dài:

- Bốn hào thì đem đi. Hôm nay đầy một chợ rươi, rẻ thối ra kia kìa.

Bà nói thế chứ thật bà có ra chợ đâu mà biết nhiều ít. Nhưng người bán vẫn tươi cười:

- Thì mẹ giả cho con bao nhiêu? Con nói thế chứ có đòi được cả thế đâu mà mẹ đuổi con như đuổi ăn mày vậy.

Một giọng vồn vã khác bỗng chen vào:

- Mẹ ơi! Còn mấy cân vừa thịt vừa mỡ đây, mẹ mua cả con bán rẻ nào.

Mẹ Vịnh vẫn cái giọng san sát:

- Thuận mua vừa bán, chả ai thèm lấy rẻ của các chị.

Người bán hàng thịt cười giòn:

- Sao hôm nay mẹ khó tính thế? Vậy thì con nói bán thật đắt cho mẹ vậy.

Khi ấy Vịnh lần lượt lật những vỉ buồm đậy rổ thịt và thúng rươi lên. Rươi còn tươi, lúc nhúc đến lưng thúng, bốc lên một mùi tanh nạo ruột. Vịnh lại còn xóc mạnh để đảo những lượt dưới lên. Cũng như trên còn tươi lắm, cả mớ rươi này nếu xào nấu bán thì không ai đã ăn một mà không ăn hai. Vịnh liền đưa mắt nhìn những chai rượu ty xếp thành ba hàng trên cái tủ gỗ bán rẻ

nhưng không phải của ôi. Ba miếng mỡ lá toàn những thớ nước mọng. Miếng thịt bì mỏng, khi luộc chín, thái vừa dôi vừa bầy đẹp đĩa. Nhưng người con gái không dám bảo mẹ mua. Y chỉ trông lên mẹ bằng hai con mắt lấp lánh.

Bỗng y reo lên. Bà mẹ bước vội xuống đất, nhô đầu ra ngoài, tiếng nói lại sa sả:

- Mày chợ búa gì mà đến giờ mới về? Có chết đâu thì cũng phải dối dăng chồng con nhà mày và người ta lấy một câu chứ.

Người đàn bà đội nặng nọ cười, ì ạch đặt cái thúng xuống ghế:

- Gớm! Mẹ chỉ được cái độc miệng. Mua bán cho mẹ còn phải mặc cả chứ. Ngày tư phiên chính, người đông như kiến, dễ chen chân lắm đấy.

Vịnh và mẹ đã lấy ra nào cá, thịt, rau, đậu để kín cả mặt ghế. Mặc những tiếng chê ỉ oi của mẹ Vịnh, người đàn bà mua hộ chỉ cười và nhăn mặt đưa mắt cho hai người bán rươi và thịt đương chực. Vịnh cũng cười với hai người nọ. Xếp nốt những mớ hành, rau thơm, ớt, tỏi vào rổ, Vịnh lần lượt bưng xuống bếp cạnh cầu ao.

***

Thức ăn và đồ nấu chỉ một lúc là sửa soạn xong. Tất cả những nồi, niêu, xanh, chảo, không như của những hàng khác chỉ tráng qua một lượt rồi đem thổi nấu, đây đều được Vịnh kỳ cọ không còn một tý nhớp nháp. Thịt cá thái xong, thức nào sẵn sàng với gia vị ấy, Vịnh chỉ còn việc nhóm bếp.

Bóng mờ xám nhạt đã chập chờn lan ở đằng xa. Mặt nước ao hồ và những thửa ruộng xanh ướt át trong một thứ khói đục lờ lờ. Vài miếng trời vàng úa rung rung giữa những khoảng trống ở mấy lũy tre, mấy chòm cây xào xạc.

Thứ tiếng ồn ào đều đều đã có từ bao năm khi ánh nắng hấp hối giờ đây

cũng lại nói nhiều về cuộc đời như chiều hôm qua, hôm kia và những hôm đã lâu. Những tiếng chuông xe đạp bóp liên thanh là của những người học trò rất nghèo, khát học để cướp lấy mảnh bằng cơm gạo cho cả nhà, và của những người đi làm ở những sở xa về đã đói ngấu, mệt nhoài. Những tiếng guốc khua, những tiếng xe bò ầm ầm vì đường gồ ghề, những tiếng xẻng, cuốc và ván gỗ trong thùng xe xô đẩy nhau, nhảy lên, nhảy xuống, những tiếng ấy là của những thợ nhà in, thợ nhà máy gạch, phu hồ, phu than ở những xóm trong cùng, họ đi làm lúc còn tối đất giờ về cũng lại tối đất, nên càng mải miết hơn. Những tiếng huyên náo của họ lúc vào trong xóm gần trùm lên cả những tiếng náo động khác. Hai bên đường dần đen kịt những người và vật lố nhố. Những người bán hàng ở các chợ trên phố đóng cửa sớm đuổi ra và đi bán rong dồn về, lại họp chợ ngay dọc đường, lại mời chào, mặc cả, cãi cọ ầm ỹ. Lắm kẻ lại còn vừa phải bán hàng vừa dỗ con bé bú, vừa đánh mắng sa sả những đứa lớn cứ lèo nhèo mếu máo vòi quà.

Vịnh đã làm xong chả và rươi xào. Vịnh chuyển dần lên nhà. Người ăn đã đông. Toàn những kẻ quần áo rách rưới, lấm láp và khét lẹt những mùi dầu mỡ, khói, bụi và bùn đất đắm lấp ở những xưởng máy, những kho hàng, những lán gỗ, những hầm tầu. Họ vừa ăn vừa chuyện trò, hỏi gọi nhau ồn ồn. Những chị phu hồ, phu than ríu rít như chim sẻ. Trong khi ăn, họ nô nghịch hơn cả đàn ông. Chửi đùa nhau, khèo bát này, chọc đĩa khác, họ cười nói không ngứt. Bản tính dễ dãi, vui tươi của họ vang lên trong những tiếng cười đến lúc này người ta mới được thấy biểu lộ sau một ngày đầu tắt mặt tối vuốt mồ hôi không kịp.

Hàng đã phải thắp đèn. Đứa em gái Vịnh luôn tay lau chùi bàn ghế dọn dẹp bát đĩa và bưng thức ăn cho mọi người. Mỗi lần Vịnh bưng lên nhà một món ăn vừa ở xanh, nồi xúc ra, Vịnh lại bị em gọi giật giọng:

- Mau lên cô, rồi lên đây với tôi chứ!

Vịnh chỉ nói nhẹ:

- Tôi thì ngồi chơi đấy!

Nói thế nhưng Vịnh cố làm nốt vài món ăn nữa để lên giúp em và còn bán nước, diêm thuốc, chuối kẹo, hay tính tiền hộ mẹ. Bận rộn, vất vả thế hay hơn nữa Vịnh cũng phải chịu. Được cái tiếng đảm đang, những người con gái làm ăn còn hãnh diện hơn cả được tô điểm đầy mình những phấn sáp, vàng ngọc lụa là.

Xuống bếp, Vịnh đổ mỡ vào xanh. Mỡ chảy ra trong những tiếng xèo xèo. Một mùi thơm lừng lên qua một làn khói trắng xóa: Thịt bò hành tây, tỏi bắt đầu tiết ra những chất ngọt.

Mấy ông khách già nghiện rượu đã lè nhè giục. Vịnh chất thêm đóm cho to lửa. Những thanh nứa phơi chưa khô sùi bọt vàng và thở phì phì. Những đầu củi gỗ, cháy đã thành than, đỏ rực như những khối vàng diệp. Lửa hồng tia ra làm nhiều ngọn vờn chung quanh chiếc xanh đồng có những đốm li ti vàng dính lên lượt nhọ đen xốp.

Mắt Vịnh long lanh. Gò má ửng hồng. Một mảng tóc loáng thoáng. Những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán rồi rớt xuống má.

Tấm ngực nở nang của Vịnh trong vuông yếm trắng càng phập phồng. Bỗng Vịnh cười, hai môi tươi mọng nở nhẹ trước ánh đen nhánh của hàm răng. Trên nhà, lại những cái giọng ồ ồ vẳng xuống.

- Thịt bò xào xong chưa cô Vịnh ơi?

- Đem lên chứ cô Vịnh ơi!

- Cô Vịnh ơi, mau lên!

... Cái ồn ào của chiều dần tắt. Ao bèo trước cửa bếp chìm sâu nữa dưới

những lớp khói đen nhờ. Mấy cây xoan ở bờ hồ tít đằng kia đã như những nét chì than, lẩn vào nền trời tím. Nắng chỉ còn thoi thóp, theo những cánh chim bay mềm về một phía trời. Gió thổi mạnh.

Vịnh chợt rùng mình, khép vội tà áo lại, khi vừa ra khỏi cửa bếp lấy rổ rau cần để cho vào xanh thịt. Lễ mễ bưng chậu đầy thức ăn này lên trên nhà, Vịnh không phải xuống bếp nữa. Vịnh lau qua tay vào những miếng giẻ giắt ở gầm chõng hàng rồi ngồi vào chỗ mình. Hết bát nước này đến bát nước khác, Vịnh lại còn nào têm thêm trầu, nào đưa cho người này diêm, người kia chuối, bánh kẹo, và tính hộ cho mẹ từng xu một bán cho khách hàng. Tóc vương cả xuống mắt, xuống cằm Vịnh cũng không dám sửa khăn lại. Và Vịnh cũng chẳng kịp để ý đến những câu hỏi ỡm ờ của mấy anh trai trẻ. Nhưng cái em Vịnh thấy người ta chòng ghẹo chị mình nhiều quá thì gắt lên, văng tục. Vịnh phải mắng nó vì cái tính đỏng đảnh ấy, và Vịnh cười nói xin lỗi những người trẻ tuổi nọ.

Không phải Vịnh lẳng lơ, chỉ vì Vịnh không muốn làm mất lòng ai. Vịnh nhận thấy rõ bọn họ có đùa cợt Vịnh chẳng qua để vui cười chứ không cố ý chim chuột hay mua chuộc Vịnh như với những hạng gái kiếm tiền. Thật ra cũng vì Vịnh mến họ. Những cử chỉ, những lời nói sỗ sàng là do tính tình chất phác của họ khiến Vịnh tin cậy họ lắm. Hơn nữa, Vịnh còn thấy rất gần họ. Nhiều lúc Vịnh đã nao nao trong lòng nghe họ kể lể cảnh sống của họ, hay khi họ oán thán những sự vất vả thiếu thốn đày ải họ mà nào họ lười biếng, hoang phí cho cam.

Vịnh đã một lần giấu mẹ dúi trả lại hẳn hai đồng bạc tiền nợ cho một anh thợ sơn. Anh này đã sửng sốt, nhưng nhận ra Vịnh có cái cử chỉ ấy vì ái ngại cho mình, đầu tháng lĩnh tiền xong mà không còn đồng nào đưa về nhà, anh đành im lặng và cố giấu vẻ thẹn thùng. Anh đã không dám chào Vịnh, lùi lũi đi. Về nhà, thuật lại chuyện cho vợ, thì vợ anh ngay hôm sau xoắn xuýt chào hỏi Vịnh, rồi từ bấy thành một người bạn thân nhất của Vịnh.

Anh thợ này là chồng chị Mấn, người đàn bà ban nãy mua thức ăn cho mẹ Vịnh.

Đối với ai Vịnh cũng ân cần dịu dàng như thế. Cả với những khách ăn cù nhầy. Mẹ Vịnh đã nhiều phen đay diếc Vịnh nào "hỗng", nào "dai mả" nào "cứ như thế thì có ngày gì... để ngoài da" và day dứt Vịnh đã phải lòng những đứa khốn nạn ấy nên không dám đòi hỏi ráo riết công nợ. Không những Vịnh không thay đổi các tính nết nọ mà còn lại gây thêm cho mẹ những cơn tam bành, làm Vịnh bị chửi mắng tàn tệ hơn. Vịnh còn nằn nì xin hộ và đánh tháo cho cả những người đói quá vào hàng ăn liều, cơm rượu hắn hoi, rồi thì lột quần áo thế, hay không thì ù té chạy...

***

Tối rồi.

Nhà nào nhà ấy đã lên đèn. Vài cửa hiệu tạp hóa to thắp đèn "măng sông" sáng trưng. Quãng đường trước những nhà ấy tách hẳn ra dải đường đá gồ ghề như những miếng vải trắng xanh nối cách nhau trong tấm vải thâm. Cát bụi vẫn lầm lên nhưng không rõ. Mỗi lần xe ôtô phóng qua người ta mới thấy những làn bụi như vôi lơ rắc ra khung cửa sáng. Rác rưởi đánh đống ở dưới mấy gốc cây và ở ven đường bốc lên một mùi tanh nồng, không khí nặng nề càng thấy rõ.

Tới giờ lắm nhà mới bắt đầu làm bữa cho chồng con về muộn tầm; ấy là nhà chị Vượng, chồng làm thợ mộc ở nhà máy diêm, nhà mẹ Minh có hai con lớn đi tập thợ nguội, nhà bác Chín, chồng đi bổ củi, nhà bác Tý bác Na, chồng làm phu khuân vác dưới bến tàu.

Khói bếp tím đặc quấn quýt lấy lá đen sẫm dần dần bị gió tản ra, lẫn với sương đêm.

Đã có tiếng rao phở, bánh rán nóng và "cà lốc dì chê". (1)

---

(1) Mía hấp.

Hàng ngớt khách ăn. Cái em gái Vịnh đã tót sang hàng xóm chơi với đứa bạn nhỏ tuổi như nó. Mọi khi nó phải lau chùi bàn ghế và rửa bát đĩa xong mới được đi, nhưng tối nay nó trút cả những công việc ấy cho chị. Chỉ nhìn qua em một cái rồi Vịnh làm cả mọi việc và lại nói đỡ cho nó khi bà mẹ quát gọi.

Chỉ còn vài ba người kề cà uống rượu và dăm bác phu xe ngồi trước cái chõng nước chầu chực mua lại xe với cái giá rẻ của những bạn quen đã chạy được đủ tiền trả cai xe, tiền chè chén và bữa gạo nhà. Thỉnh thoảng họ lại châm lửa ở ngọn đèn hoa kỳ vặn nhỏ bằng hạt đỗ và kéo những điếu thuốc lào giòn tan. Nét mặt rám nắng của họ mờ hẳn đi trong đám khói cay nồng. Họa hoằn họ mới móc ở cái cạp quần ra một trinh con mua nước uống.

Đường thưa người đi lại. Những cây bàng cao và to đẫm bóng tối, dán xuống đường những bóng lá đen sẫm. Những vũng nước mà người ta đổ bừa ra, trước còn lấp lánh ánh mấy vì sao nhưng khi nền trời đặc sương hạ thấp xuống nữa thì đen ngòm, không phân biệt trên mặt đường mấp mô.

Mẹ Vịnh đã tính tiền. Bà ngồi xếp hàng trên cái ghế dài bằng lim. Một chiếc hộp con đầy xu, hào lọt thỏm trong lòng bà. Bóng bà lù lù cả một bức vách. Giơ tay lên gãi đầu, cái cánh tay của bà khuỳnh ra dài xuống tới bếp. Đồ đạc của tất cả hai gian nhà và một gian bếp này cũng không hôi bằng cái áo dài của bà may rộng như cánh buồm và chẳng bao giờ được biết mùi xà phòng là gì. Với cả cái khăn vuông ít khi giặt và cái mớ tóc trắng gầu ấy, bà rũ ra có thể đuổi ra xa không cần phải nói nửa lời với những ai cố ý kèo nhèo xin xỏ, vay mượn.

Cái em gái Vịnh đã lần về. Nó chỉ dụi dụi chân vào cái chổi lúa là leo lên giường. Sợ muỗi đốt nó, Vịnh phải bỏ màn cho nó. Vịnh giũ luôn cả chăn và quạt màn cho mẹ. Rồi Vịnh thu xếp nồi niêu, dao thớt, và đóng cửa bếp lại. Nhưng Vịnh chưa được đi ngủ, Vịnh còn phải thức nữa để bán hàng. Theo thói quen, Vịnh tắt bớt ngọn đèn rồi ngồi co ro bên chõng nước.

Gió thổi mạnh, tát cái lạnh vào mặt Vịnh. Vịnh run run, ủ hai tay vào nách, nép sát người vào bức vách. Sự mỏi mệt đã đè nặng lên lưng Vịnh. Vịnh thấy trên trán có một vật gì tôi tối trĩu xuống, Vịnh gục mặt lên đầu gối, nhắm mắt lại.

Tiếng san sát của người mẹ cất ngay lên:

- Kìa cái Vịnh, mày đã buồn ngủ rồi cơ à?

Vịnh choáng người, luống cuống:

- Không... không... con ngồi thế chứ có ngủ đâu.

Người mẹ cười nhạt một tiếng:

- Ừ ngồi thế chứ có ngủ đâu! Hay vào giường mà ngồi vậy.

Vịnh lại thấy đau đớn. Lờ đờ Vịnh nhìn mẹ rồi ngồi thẳng lên.

Khí lạnh đã đốt buốt chân Vịnh. Vịnh phải giậm giậm xuống đất. Tưởng Vịnh dằn dỗi, người mẹ trừng mắt:

- Tao nói thế mà mày dỗi phải không?

Vịnh nhớn nhác:

- Không, con có dám làm gì đâu?

- Mày giậm chân là cái gì đấy!

Vỡ nhẽ, Vịnh đau đớn quá. Mẹ Vịnh đay nghiến Vịnh chỉ vì cái cử động tự nhiên mà bà cho rằng là một sự phản kháng. Vịnh chua xót nghĩ không biết đến ngày nào Vịnh mới thoát khỏi những sự đè nén ấy. Nước mắt của Vịnh đã lại mọng lên. Nhưng Vịnh không dám khóc. Lòng Vịnh lại mở ra để đón những giọt nước mắt thầm nọ rút xuống với những tiếng nghẹn ngào trong cổ họng.

Gió càng nổi to, sương mù thêm.

Vịnh buông tay trên đùi, thẫn thờ nhìn ngoài đường.

Trước nhà Vịnh là vợ chồng bác Nhân làm bánh cuốn. Giờ bác gái đương tráng bánh. Những ánh lửa bếp chờn vờn qua những kẽ liếp đến sáng rõ mới tắt. Lúc ấy người chồng mới dậy để đi làm. Còn người vợ chợp mắt ít giờ rồi phải dậy để thổi nấu cơm nước cho con cái và đi bán hàng.

Nói đến đám con của vợ chồng bác ai cũng phải buồn cười. Lúc nhúc đúng mười hai đứa mà thằng lớn nhất mới mười ba. Người ta đã không hiểu tại sao những đứa bé ấy sống đủ cả. Nào chúng nó có được chăm bẵm, no ấm? Đứa nào đẻ ra cũng chỉ được mẹ bế ẵm nhiều nhất là mươi ngày rồi thì quẳng cho thằng anh con chị, suốt ngày phơi nắng, phơi gió. Rồi ngoi ngóp ngồi vững và ăn được miếng cơm nhá nhót, sữa phần nó lại phải dành cho đứa mới đẻ và cho đứa bé khác lại mới đẻ nữa, mà ăn toàn cơm mớm, ăn cơm hột của mẹ hay của hàng xóm. Quần áo toàn của chung quanh cho. Người này cái áo cũ của con, người kia cái quần cũ của chồng. Thế mà lắm nhà giàu có hỏi xin những đứa bé ấy về nuôi đỡ thì vợ chồng Nhân nhất định từ chối.

Người ta đã nhiều lần nghe thấy người vợ nói câu này:

- Đây còn mạnh chân khỏe tay, còn kiếm được miếng thì còn là đẻ, còn là

nuôi.

Và những lúc say rượu, người chồng lại thủng thẳng nói:

- Mười hai chứ đến mười lăm đứa đây cũng chẳng cần. Lớn lên, con trai, thằng cái búa, cái cuốc, cái xe, cái cày; con gái, đứa cái thúng, cái mẹt, cái quang là đủ có gạo bỏ vào nồi rồi. Không có thì làm mà ăn chẳng luồn lụy, nhờ vả đứa nào cả.

Mấy kẻ đã phát ghen vợ chồng Nhân. Bọn họ thấy bằng ấy đứa con chẳng đứa nào được ăn học, chăm nom thì bĩu miệng:

- Rồi mà xem đấy, cứ những ngữ ấy thì chỉ đứng đường đứng chợ thôi chứ làm được cái gì!

Sẵn tức với chồng Nhân, bọn họ đâm ghét cả những đứa con. Thị của, bọn họ xúc từng bơ gạo cho ăn mày trước mặt hai người. Bọn họ còn cấm ngặt con cháu không được chơi với chúng nó, và chúng nó có bén mảng đến thì bị xua như xua ruồi vậy.

Không hiểu tại sao lúc này Vịnh lại nghĩ đến vợ chồng nhà Nhân và đàn con lúc nhúc ấy. Vịnh có cảm tưởng Vịnh là một người rất thân trong gia đình y. Vịnh xót xa cho gia đình y nheo nhóc quá. Những kẻ hắt hủi vợ chồng y thật là ác quá. Bọn họ chỉ vì ghen với y được nhiều con đứa nào cũng kháu khỉnh tuy bỏ lay lứt, bữa cơm bữa cháo. Mà họ nào tẩm bổ sâm nhung quế phụ, cầu hết đền nọ phủ kia nhưng cứ trơ ra. Biết đâu rằng vì nhàn rỗi, sung sướng quá, không còn biết làm việc gì cho qua thời giờ, chồng con, anh em họ đã khí hết khí lực cho cờ bạc, trai gái, nghiện hút, chơi bời.

Sương mù ném xuống những mái nhà và là là cả ở trên mặt đường. Những xe tay lặng lẽ chạy qua với ánh đèn đục, lờ mờ, thấp thoáng. Những bóng người thưa thớt. Thỉnh thoảng tiếng rao phở phào lên rồi chìm mất trong

sương khuya. Chó của vài nhà gần đấy sủa ran ran.

Vịnh thấy lạnh thấm người và mọi vật chung quanh. Những bàn ghế, giường, phản, chõng hàng đã ọp ẹp, những bức vách nứt nẻ, loang lổ, những kèo cột xộc xệch, chằng chịt mạng nhện... dưới ánh đèn treo vàng cặn, tất cả những vật ấy úp súp, tồi tàn thêm. Không phải nó đã thay hình đổi dạng trước mắt Vịnh mà nó thế nào Vịnh thấy đúng thế vậy, không như mọi khi chỉ được Vịnh nhìn qua và chẳng nghĩ ngợi gì; Vịnh hơi rùng mình, mắt chớp chớp rồi quay vào ánh đèn.

Vịnh lờ mờ nhận thấy những năm tháng sống bên mẹ, bận rộn mua bán đun nấu từ tang tảng sáng đến nửa đêm, thật là dằng dặc. Chẳng riêng mình Vịnh, cô Viễn con bà lý Cư bán mắm muối, cô Minh con ông phó Thung làm phu hồ, cô Vượng, cô Hiển con ông cựu Vịnh làm nhà diêm, cái Sửu, cái Bống đi đội than, cũng y như cảnh Vịnh. Vài cô mới đi lấy chồng kẻ vừa có con, kẻ đương to bụng, còn thì đều ở nhà làm lụng quần quật chờ một ngày kia về làm dâu con một gia đình mà cha mẹ kén chọn để rồi cũng lại đầu tắt mặt tối. May cô nào gặp được nhà chồng tử tế, người chồng có công ăn việc làm chắc chắn, chứ không lại như nhà mẹ Minh, cái Sửu rạc đi vì vất vả lo toan, nào phần mẹ chồng, em chồng cay nghiệt, nào làm ăn thiếu thốn công nợ chồng chất, bao nhiêu miệng ăn, bao nhiêu giỗ tết, đóng góp trông cả vào mình, nào như nhà Nhân đeo đẳng một lũ con, không còn lúc nào cất đầu lên được.

Vịnh dân dấn nước mắt và thấy tức ở ngực.

Hai vai gầy và đã đầy chai của Vịnh rung rung. Những cái nghẹn ngào chen lấn nhau dồn dập trong cổ họng. Tâm trí Vịnh lâu lắm mới lại bị kích thích mạnh. Vịnh thấy mình rồi sẽ như chị Mấn, vợ nhà Nhân, cái Sửu sống trong cảnh cùng khổ, bị hắt hủi khinh bỉ. Đến bấy giờ Vịnh cũng sẽ vẫn ở cái xóm này, cái chỗ ở này trừ phi có bỏ hẳn đi, đổi khác tất cả thì mới mong được sáng sủa, rộng rãi.

Lá bàng rụng rào rào. Mưa bay đã lớt phớt.

Mẹ Vịnh ngáp muộn mấy cái rồi khàn khàn nói:

- Vịnh, thu chõng ghế vào đi thôi.

Một mình Vịnh chuyên hết các thức vào nhà. Chỉ còn đóng tấm phên liếp và tra gióng vào là xong. Tấm phên to, dày nặng quá! Vịnh phải hết sức mới kéo được lên thềm. Rồi Vịnh xoải chân, tỳ vai, nâng cao nó lên cho thật sát mái lá. Trong người Vịnh nóng bừng sau khi lắp được xong cái gióng cửa bằng cả một cây tre già. Vịnh kiễng chân kéo cái khăn mặt ướt vắt ở lao màn xuống để lau mặt. Vuốt miếng vải bông ướt lên trán lấm tấm mồ hôi và qua cặp mắt khô nhức, Vịnh thấy đầu nhẹ bỗng, Vịnh thở ra một cái thật dài đoạn tìm guốc rửa chân.

***

Công việc chồng chất hàng ngày của một người con gái lớn trong một gia đình làm ăn đã tạm ngừng. Nhưng đêm nay, tuy rời rã, người con gái chịu khó ấy lại trằn trọc không sao ngủ được.

1938

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Tôi Dạy Học

Những trường ấy ở những vùng ngoại ô mà nhà cửa chen chúc trong một làn không khí nồng nực mùi hôi thối của rác rưởi và ao lầy, ở những ngõ hẻm giữa những phố xá sầm uất mà người và vật lúc nhúc trong nhớp nháp, bụi bậm. Những tốp học trò lóc nhóc từ sáu, bảy tới mười tuổi, trông coi và dạy bảo là những ông thầy cằn cỗi, bơ phờ, trạc bốn, năm mươi, hay những cậu giáo mười bảy, mười tám tuổi, cuộc đời xơ xác và tâm hồn đầy chán nản. Những trường ấy cũng như những kẻ trọng tội bị truy nã, lẩn lút trong những gian nhà ở góc vườn, ở xó gác, hay ở dưới hàng hiên.

Vì học trò không lấy được giấy khai sinh và là con những gia đình cùng khổ. Vì thầy dạy không có giấy phép bởi khai trình khó khăn, phiền phức và không thể chạy được nào tiền đóng bàn ghế, tiền thuê nhà trong lúc sinh hoạt vô cùng đắt đỏ này.

Học lẩn lút mỗi tháng mất từ bốn, năm tới sáu bảy hào, dạy lẩn lút từng giờ lo sợ hồi hộp mỗi tháng kiếm sáu bảy đồng bạc, món tiền nuôi sống một cách hèn hạ những con người nheo nhóc: dở trò, dở thầy!

***

Hơn ba năm, tôi đã là một "cậu giáo". Hơn ba năm, tôi đã nhờ cái nghề gõ đầu trẻ lẩn lút này mà nuôi sống được miệng tôi, được người mẹ hiền quá của tôi, được người chú dượng khờ khạo, lẩm cẩm và đứa em gái dại dột của tôi.

Xóm tôi ở là xóm C. Cái xóm mà người lạ lớ ngớ đi vào thì không thể nào tránh được nạn bớp mũ, giật khăn ở những con đường chật hẹp, ngoằn ngoèo,

hai bên ngập ngụa rác rưởi.

Một cái xóm cặn bã! Nó chứa chấp một phần đông phu Sáu Kho - những phu đanh đá, ngỗ ngược cả từ đứa con gái còn để tóc xõa đến người đàn bà đã có bảy, tám con, những tốp làm xe thất thường, những bọn thợ linh tinh, những đàn bà buôn thúng bán bưng và những me tây, gái kiếm tiền cùng mạt nhất.

Một cái xóm mà đường đi thường lụt máu! Vì một cái mở bát chạc, một ván bài ù không được tiền, một giọng cười khiêu khích của người con gái không cần đẹp lắm nhưng lẳng lơ.

Nhưng mọi người đối với tôi đều tử tế. Họ mến tôi lắm. Những cha mẹ học trò dù hung bạo chừng nào cũng kính nể tôi. Vì tôi là cậu giáo, người đã dạy con cái họ...

- Chữ này là chữ C, nó giống cái lưỡi câu.

- Chữ này là chữ O, nó tròn như quả trứng gà.

- Chữ này là chữ Ơ, thì thêm cái móc.

- Chữ Ô thì thêm cái dấu mũ.

- Lơ đanhđông là gà sống tây.

- La punlơ là gà mái.

- Perơ là cha.

- Merơ là mẹ.

Và nào luân lý, vệ sinh, toán pháp, địa dư.

Ba tháng, mỗi tháng bốn hào, tất cả một đồng hai, món tiền thường thua những lúc mở bát liều. Chỉ mất có một đồng hai mà các cha mẹ nọ được xem con mình viết, con mình làm tính, và sung sướng khi nghe nó đọc lai nhai những bài học thuộc lòng của tôi đặt ra:

... Đàn con ngày khôn lớn

Cha mẹ ngày héo hon,

Sữa mẹ dần cạn hết,

Thân cha một gầy mòn

Làm con nên nghĩ tới

Công ơn trời bể kia,

Giữ tình thương đằm thắm,

Đừng bao giờ san chia...

... Hơn ba năm, cái gia đình bốn người của tôi đã sống bằng số tiền học thu hằng tháng. Hơn ba năm, chúng tôi yên lặng sống trong hai căn nhà: một căn, kê một cái giường, một cánh phản và một hòm chân, dưới đó xếp nào thạp gạo, vại dưa, rổ bát, nồi niêu, một căn có khoét cửa sổ hẳn hoi và không che liếp. Gian thứ hai này là gian lớp học, kê chật ních bốn cái bàn học dài và bốn hàng ghế bằng chân niễng và các ghế đẩu ghép lại, hay một mảnh ván kê lên bệ gạch. Hơn ba năm, tôi đã sống với hơn hai mươi học trò, ngồi chen chúc nhau, có khi phải leo cả lên cái bàn một chân của thầy giáo - hơn hai mươi đứa trẻ lau nhau, rách rưới con các phu phen, người buôn bán nhỏ nhặt, gánh nước, bồi bếp.

Đầu tháng, giữa tháng, cuối tháng, con vào học ngày nào họ trả tiền ngày

ấy. Họ trả rất sòng phẳng vì cậu giáo nghèo, và hơn nữa, họ còn tỏ ý thương và mến tôi. Tôi còn ít tuổi, mới mười bảy. Họ chỉ thấy tôi chúi mũi vào sách và cặm cụi viết. Họ chẳng biết tôi viết những gì mà cứ hết tập này lại tiếp luôn tập giấy khác, và đêm nào cũng như đêm nào, khuya lắm mới tắt đèn.

Hơn ba năm, tôi đã yên lặng sống trong sự cần mẫn làm việc, trong sự túng thiếu luôn luôn và trong tình thương xót của một người mẹ và một người em gái muốn có việc làm mà không sao được.

Hơn ba năm, tôi đã sống bằng đồng tiền máu mủ của những cha mẹ cũng cùng khổ như tôi hay có khi hơn tôi.

Đã có lần tôi hỏi một đứa học trò thường thiếu tiền học:

- Bá (1)cháu lĩnh lương chưa?

---

(1) Bá: bố.

Con bé tóc xoã hung hung và óng ánh như tơ này ngước mắt nhìn tôi. Mắt nâu trong của nó mờ đi sau những màng nước dày và óng ánh, nó nghẹn ngào:

- Thưa cậu, bá cháu mất việc từ tháng trước rồi!

Và một đứa nữa:

- U cháu nghỉ chợ hay sao mà cháu chưa trả cậu tiền?

Thằng bé để tóc rẽ và lúc nào cũng có nụ cười trong đôi mắt sáng ấy, đáp lời tôi gọn lỏn:

- U cháu mới đẻ hai em bé thì đi sao được!

Tôi đã cố gắng giữ tiếng nấc trong cổ họng và quay rất nhanh mặt đi để chùi nước mắt khi thằng An béo xị và ụt ịt như con lợn khoe với tôi:

- Thưa cậu bá con bị bắt bỏ "bóp"!

- Sao thế cháu?

Thằng An nói nhiều lắm, nhưng tôi không muốn nhắc lại, vì mỗi lời ngọng nghịu của đứa trẻ mới chín tuổi đầu mà đã chịu đói luôn luôn này, như một mũi kim ấn từ từ vào tim tôi.

- Thưa cậu người ta bắt cả gánh hàng của bá cháu nữa.

An, Phòng! Như! Lết!... các em nhỏ của tôi! Cha mẹ các em đã giúp tôi sống trong ba năm đói kém và cùng cực vô cùng, ba năm mà tôi luôn luôn hồi hộp lo sợ mỗi khi có đội xếp tây, hay ta cũng vậy, đi vào trong xóm! Nhưng ba năm ấy, các em đã cho tôi nhiều phút sung sướng đến tê tái khi các em biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ chỉ sau vài tháng, và khi các em bi bô đọc những tiếng một chữ Pháp. Trong ba năm các em đã cho tôi hưởng một cách thầm lặng nhưng thấm thía tình quyến luyến trìu mến của bầy chim nhỏ với một bàn tay thương mến dịu dàng tung thóc.

... Xa xôi lắm, hơn bốn năm rồi! Tôi thôi nghề gõ đầu trẻ này được hơn bốn năm. Sự hoạt động đã lôi cuốn tôi đi hết tỉnh này sang tỉnh khác và các sự thay đổi dồn dập trong đời đã làm mờ đi bao nhiêu kỷ niệm của ba năm tôi kiếm sống một cách lẩn lút như kẻ gian ác! Mỗi khi tôi nhìn về quãng dĩ vãng tối tăm kia, mắt tôi vẫn lạnh rợi như nhìn một cảnh gì hoang vắng qua làn mưa bụi mau hạt về một chiều đông mịt mờ...

1938

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Hai Nhà Nghề

Tặng Lê Thanh Xuân

Đã lâu lắm Nhân không làm cái nghề nhào lộn ấy để kiếm cơm ăn. Nhưng, mỗi khi nghe thấy tiếng thanh la inh ỏi, tiếng phèng phèng khua ran, hay những điệu kèn ru rủ rè rè, Nhân lại thấy hồi hộp náo nức. Một cái gì mến yêu lại đến rung động trong thâm tâm Nhân, và một sự chua xót lại làm tê tái cả lòng Nhân. Nhân thế nào cũng phải xa bạn trẻ làm trò kia.

Những ai đã từng nếm những vị ngọt bùi hay cay đắng của một nghề nào, hẳn có những phút giây bùi ngùi như Nhân, sau khi bỏ nghề ấy, bỏ hẳn nghề ấy. Nhất là kỷ niệm ấy lại là của cái tuổi thơ ấu, dù êm đềm tươi sáng,hay thê thảm tối tăm, bao giờ cũng chan chứa cảm tình.

Một ngày xuân đã qua, một ngày xuân sáng ấm, đã khắc sâu vào tâm khảm Nhân một kỷ niệm không thể mờ nhạt được.

Hồi ấy, bọn trẻ con cặn bã đặt cho Nhân cái tên kép: Nhân đen. Vì hết năm ấy sang năm khác, lang thang trong nắng mưa, gió, bụi, Nhân có một nước da đen nhẫy như nước gỗ lim của những bàn học cũ. Chúng còn gọi Nhân là Nhân đu đủ, vì Nhân kiếm tiền của thiên hạ rất dễ dàng bằng những bài kèn "lamát", "mácxâye", hay "madơlông" thổi với ba ống đu đủ.

Trước kia, đi theo Nhân, có một thằng bé kém Nhân ba tuổi. Nó không biết thổi kèn và ca những bài ca cải lương mà bây giờ nhiều người đã thấy chướng tai vô cùng, nhưng nhào lộn rất giỏi. Nhân gặp nó ở một chợ nhà quê vùng Hà Đông, dắt thuê cho một ông già ăn mày mù. Thấy nó kháu khỉnh,

mắt sáng, môi đỏ mọng cười luôn, tóc hung hung mà xoăn, lại tính nhanh, chỉ xem Nhân nhào lộn vài lần là nó bắt chước uốn cầu vồng và đi bằng tay được mấy bước, Nhân bèn rủ nó bỏ ông cụ ăn mày, theo Nhân làm xiếc.

Cùng nhau lang thang nay đây mai đó được hơn một năm thì nó bỏ Nhân, vì nó biết làm nhiều trò và có thể kiếm tiền một mình, còn Nhân thì ốm yếu luôn, nhào lộn, thổi kèn và ca hát ít. Mấy hôm đầu, Nhân khóc quên cả ăn. Luôn ba tháng Nhân buồn rầu và nhớ nó như nhớ anh hay em chết, ở dọc đường khi tha phương cầu thực. Nó bỏ ông già nọ vì sống với ông khổ sở và bệ rạc bêu riếu quá, nhưng làm bạn với Nhân, được Nhân thương mến, có cái gì cũng chia sẻ cho mà nó đánh rơi ngay Nhân khi cùng quẫn, thì còn sự bội bạc nào khốn nạn hơn?

Tuy một phen bị phản bội, Nhân vẫn cố tìm một đứa bé kháu khỉnh và tinh nhanh khác để truyền hết các môn múa lộn và thổi kèn. Nhưng hơn hai năm, Nhân chẳng gặp đứa nào hết. Sang năm thứ ba, Nhân càng ốm yếu, rồi sang năm thứ tư, Nhân bắt đầu đi sâu vào một quãng đời cùng cực.

Tiếng hát của Nhân đã khàn khàn, tiếng kèn không vang to và ngân dài như trước, Nhân đi bằng tay chỉ được bốn năm thước, nhiều lúc trên dây thép Nhân phải bỏ dở trò vì thấy đầu óc nóng rực lên, mắt nảy đom đóm.

Nghề làm xiếc của Nhân đến thời kỳ cùng mạt rồi!

***

Nhân bỏ Hải Dương về Hải Phòng giữa lúc người đời đang vui cùng xuân mới. Rời cái tỉnh nhỏ lèo tèo vài phố vắng đến một thành phố sầm uất, Nhân hy vọng sẽ kiếm được món tiền kha khá đủ cho Nhân chuộc bộ áo quần gán cho mụ hàng cơm và cắt mấy chén thuốc.

Xe lửa qua khỏi cầu Phú Lương, lại bắt đầu phóng rất nhanh, đến các

quãng đường vòng, tưởng như xe sắp chồm ra ngoài đường sắt.

Ánh nắng vàng tươi đã ửng khắp cả bầu trời không gợn một vết mây đen rồi tràn ngập mênh mông vùng quê yên lặng trong những màng hơi nước mong manh. Khi mặt trời lên cao và gió lồng lộng thổi tung cát bụi lên thì đâu đâu cũng vang động. Từ cánh đồng bao la luôn luôn dướn cao lên và cúi rạp xuống những ngọn lúa xanh rờn, từ những mặt nước luôn luôn rùng lên những gợn sóng, đến những chòm cây, những luỹ tre đều lấp lánh ngun ngút sinh khí, đều kêu gọi lòng ham sống của con người.

Hễ mải nhìn những cánh chim nhịp nhàng bay về một phía trời ửng hồng, Nhân phút chốc mất hết những sự chán nản, buồn phiền. Nhân hân hoan cảm thấy nếu mình còn sống thì thế nào cũng gặp những ngày sung sướng, không phải bằng nghề này, nhưng bằng nghề khác. Lòng Nhân nhẹ lâng lâng và êm ấm. Nhân không còn nghĩ đến những cảnh vừa qua. Nhân nằm liệt trong những quán trọ bẩn thỉu, đã không được một ai săn sóc lại còn bị hắt hủi xua đuổi. Tâm trí Nhân cũng giũ hết cả mọi sự căm hờn, phẫn uất.

Xuống ga Hải Phòng, đeo túi vải trên lưng, Nhân đi lên Ngã sáu, rẽ xuống phố Tám gian. Thấy không có mấy đám bạc và nhiều trẻ con, Nhân quặt ra phố Đầu cầu. Phố này có bóp cảnh sát, các đám bạc cùng mạt không thể họp được. Nhân phải lên phố Khách. Đến vườn hoa "Đưa người" thì Nhân dừng lại. Nhân đặt cái túi vải xuống thềm gạch, Nhân tháo miếng vải vàng trước kia lợp mui xe đeo ở sau lưng ra, Nhân quăng nốt cái mũ dạ tàng rúm ró lên cái túi đó. Sau cùng, Nhân mặc một may ô đỏ dòng dọc đen và một quần cộc láng thâm cạp trắng, đoạn lấy ở túi vải ra cái kèn bằng hai ống đu đủ, gióng nhỏ và dài cắm vào đầu gióng ngắn và to.

Nhân phồng má lên thổi một bài kèn.

Cũng như lần trước, trăm nghìn lần trước, điệu kèn nhà binh lúc thắng trận kia đã kéo đến chung quanh Nhân rất đông người. Nhân hởi dạ, ngẩng

mặt lên giời dùng hết hơi thổi nốt một đoạn cuối.

Sao hôm nay điệu kèn vang to thế? Hay bởi dạ dày Nhân rỗng quá nên Nhân nhiều hơi chăng?

Điệu kèn bỗng ngừng, dưới ánh mặt trời đã chói lọi gay gắt. Nhân đen từ từ đưa ngang cánh tay khẳng khiu gạt mồ hôi trán. Một giọt rơi xuống mắt, xót quá. Nhân phải dụi dụi một hồi lâu bằng mảnh khăn bông giắt ở cạp quần. Rồi Nhân nhấc miếng vải vàng rải ra giữa thềm gạch.

Bắt đầu từ phút này Nhân đen mới được người ta chú ý một cách sốt sắng.

Chung quanh Nhân có tới hàng mấy trăm người. Nhiều nhất là trẻ con, đến các phu phen ế việc, những người đi ở vờ vịt ra máy lấy nước, và vài bọn đàn bà nhà quê bỡ ngỡ ra tỉnh. Nếu không có mấy người quần chùng áo dài và mấy người lính vừa uống rượu ở hàng ra, thì tốp khán giả nọ sẽ làm Nhân đen dù kiên tâm tới mực nào cũng phải nản lòng. Với những người xem cũng túng thiếu, cũng bệ rạc như mình thì Nhân còn trông hòng gì?

Nhân đen đi ngược bằng tay ba bốn lần chung quanh hè, lại đến giồng cây chuối và nhào lộn trên mặt đất.

Nhân như không phải là một người bằng xương mà toàn bằng thịt. Lưng Nhân lúc uốn cong như lưng tôm, hai chân Nhân lộn ngược về đằng sau quặp lấy cổ, cánh tay Nhân như rắn vờn trên mặt đất.

Bao nhiêu tiếng vỗ tay, tiếng reo hò không ngớt. Trong phút ấy, từ người lớn đến trẻ con tưởng chừng như đã lạc vào được một rạp xiếc nào. Họ không ngờ bỗng dưng lại được khoái chí đến chừng ấy. Trời! Một cuộc vui hiếm có làm sáng lên cả một quãng ngày đói khó của một đời hèn hạ kéo dài.

Những trẻ con ăn mày, những trẻ bán hàng rong ế ẩm thích quá nhảy như choi choi. Những người phu khuân vác mồ hôi chảy đẫm trên lưng da bóng

nhẫy, và những người lính sặc hơi rượu gật gù "được! Được! Giỏi". Những người đàn bà quê mùa cả thẹn không dám cười to thì đờ mặt ra nhìn.

Nhưng, Nhân đen đã thở bằng tai sau hai trò nhào lộn trên hai sợi dây thép. Nhảy xuống đất rồi mà Nhân còn quay tròn đi một vòng vì mắt Nhân bắt đầu tia ra những đốm sáng, và hình như trong đầu Nhân, óc dào dạt đập vào thành sọ.

Nhân phải nhắm nghiền mắt lại đứng lặng đi. Nhân vội rút khăn tay lau má và thấm mồ hôi trán, đoạn Nhân vươn vai thở hắt mạnh ra mấy cái. Bao nhiêu sự nhọc mệt bỗng biến mất. Thân thể và tâm trí Nhân lại trở nên nhẹ nhàng tươi tỉnh.

Đời sống cấm ngặt Nhân không được một giây nào chán nản và uỷ mị, phải luôn luôn hoạt động và hớn hở như là ánh nắng tưng bừng nô giỡn trên cây cỏ đầy nhựa mạnh của trời xuân.

Không ngờ Nhân sắp sửa xin tiền, đám khán giả càng khen và thúc giục:

- Làm nữa đi! Làm nữa đi!

- Làm nữa đi, kìa người xem càng ngày càng kéo đến đông kìa.

- Thế nào cũng được nhiều tiền đấy!

Nhân cười, không đáp. Nhân trật cái mũ nồi đội lệch trên đầu ra. Nhân thong thả đi lại chỗ những người vừa nói, lễ phép:

- Vâng, nhà nghề xin làm nữa, nhưng xin các chư ông chư bà hãy thưởng cho ít nhiều để nhà nghề phấn khởi làm nhiều trò lạ về sau.

Nét mặt tươi tỉnh của những người nọ phút biến đi. Có người lắc đầu một cái rồi ngoảnh mặt, lùi về đằng sau. Nếu là đứa trẻ ăn mày thì Nhân sẽ kèo

nhèo, nhưng đây chả ra gì Nhân cũng là một nhà nghề, một kẻ đem tài năng mình ra phô diễn để kiếm tiền, nên Nhân chỉ đưa mắt rồi chìa mũ xin mấy người lính.

Sự làm thinh và luống cuống của mấy người khách sang này làm Nhân chán ngán. Nhân phải đến xin người khác. Tuy ăn vận bảnh bao nhưng người này cũng lắc đầu như mấy người trước. Và đến người thứ mười... thứ mười mấy, đều lẳng lặng rồi bỏ đi hẳn chỗ khác.

Rồi những phu phen, những đàn bà nhà quê cũng lảng dần. Còn lại mấy chục đứa trẻ suýt soát tuổi Nhân giương những con mắt thao láo ra nhìn.

Ngay bấy giờ những tiếng nhạc kêu soang soảng từ đầu phố tới, Nhân ngẩng đầu lên trông: một thằng bé tóc húi kiểu móng lừa dựng ngược, quần áo vải xanh thô, giầy đen đế "kếp", vừa đi vừa tung đôi dao sáng loáng, vừa lắc một chuỗi nhạc đồng. Kêu gọi người xem, anh nhà nghề này hét những tiếng hát rất lạ:

- Sế cô pa lý sềnh ế ề ê... Sể cổ pà tỷ sềnh ể ề ề, ể ề ề.

Lũ trẻ bỏ ngay Nhân, chạy xúm đến chung quanh thằng bé nọ. Bọn đàn bà và phu phen lại kéo đến liền. Phút chốc trên thềm hè còn trơ mỗi mình Nhân mà đằng đầu phố lại đông nghịt những người.

Thằng bé múa dao hởi dạ, tung thêm một con dao nữa và giáng sức ném nhanh hơn, vừa lắc mạnh chuỗi nhạc. Cái giọng nhè nhè của nó cố dướn cao lên:

- Ế ề ê... ế ề ê... sê cô pa lý sềnh ế ế ê... Sể cố pả lý sềnh ể ề ế... ế ề ề...

Hơn cả lần xem Nhân nhào lộn trên dây thép, tốp người xem, vẫn tốp khán giả của Nhân, vỗ tay reo hò:

Thằng bé múa dao bỗng dừng tay. Nó rút một cái khăn mặt bông cũng giắt ở cạp quần ra, lau mồ hôi trán và tháo cái bình nước đeo ở sau lưng tu một hơi dài. Mặt nó đỏ bừng đã dìu dịu. Nó cởi cái áo cụt tay ném phăng xuống đất, mắc xích sắt vào một đôi dao, đoạn trọ trẹ nói:

- Các ông các bà tứng lôi ra, tứng lôi ra...

Dứt lời, nó cầm chắc hai lưỡi dao có chuôi nối dây xích, hất một lưỡi dao khác. Lưỡi dao này vừa rơi xuống, thằng bé không bắt bằng tay mà lấy một chuôi dao trong tay hất bắn chuôi dao kia lên. Đồng thời, một lưỡi dao sáng loáng khác vọt lên theo. Nguy hiểm hơn, không dùng chuôi dao, nó dùng đoạn dây xích căng thẳng mà hất cả hai con dao, cho tung lên và lộn mũi xuống.

Nó tung rất nhanh, mắt nó lấp lánh, loang loáng, vầng trán bóng dô hẳn ra cũng nhịp theo.

Trò nhào lộn của Nhân trên dây thép đã nguy hiểm nhưng đem so sánh với trò múa dao của anh nhà nghề người Tầu này còn thua kém xa.

Nếu không cứng tay, nếu không tinh mắt, nếu chỉ nghĩ lảng ra một giây thì hai mũi dao sắt nhọn và mỏng kia sẽ cắm sâu hoặc trên đầu hoặc giữa mặt. Những tia máu sẽ vọt lên.

Tiếng nhạc đồng càng soang soảng, tiếng hát kỳ lạ càng cất cao lên và dồn dập để kêu gọi và thúc giục những ai chậm đến xem. Hai lưỡi dao tung lên rơi xuống chỉ còn là những dòng sáng tới tấp.

Nhân quên hẳn mình đang cần phải kiếm tiền nuôi miệng bữa chiều nay và những bữa ngày mai. Nhân thẫn thờ trông anh bạn giang hồ không quen của mình trổ tài năng.

Bỗng tràng nhạc đồng rung lên một hồi thật dài rồi ngừng tiếng. Phập!

Bốn lưỡi dao chập cả lại vào bàn tay phải. Thằng bé múa dao quì một gối xuống đất, nó cúi đầu chào tất cả mọi người. Cánh tay nó duỗi thẳng ra, bốn mũi dao đỡ lấy một cái giỏ mây xinh xắn. Nó yên lặng chờ những xu,hào.

Không thể nói nhanh tới chừng nào, những cảm giác chua cay và đau đớn ran lên khắp người Nhân, Nhân không thể cầm lòng nhìn thằng bé dạn dầy ở đất khách quê người và lang thang bơ vơ kia quì lâu thêm một phút nữa để chìa giỏ xin tiền những người xem kia chỉ có thể xem không và ngượng nghịu rút lui. Chỉ thêm một phút nữa, con tim trơ trọi của Nhân sẽ vỡ tan... Nước mắt đã giàn ra, Nhân chạy vội lại, đỡ thằng bé múa dao kia dậy: Nhân muốn nói với nó một câu gì nhưng cổ họng đã nghẹn ứ mất rồi...

1938

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Sau Cơn Giông Tố

Có lẽ vì tên anh là Thường nên sự sống anh tầm thường quá với một cái xe đã cũ và một con ngựa đã già, anh làm nghề chở hàng hóa và hành khách đường Hải Phòng - Đồ Sơn.

Sáng sớm, lúc mặt trời chưa mọc người ta đã thấy tiếng vó ngựa lọc cọc với tiếng hòm xe xóc xách trên cái trục đã mòn. Mãi tới khi ở phương tây ánh nắng mờ mịt trong sương lam, thứ tiếng ấy mới mất đi, và, quãng đường nối cái thành phố nhiều ống khói mắn mặn đùa bỡn trong những chòm thông kia lại trở nên hoang vắng, tối tăm lạ thường.

Xe của Thường phải qua những làng xóm nào, dừng ở những chợ nào, đến đâu đón được nhiều khách, nhận được nhiều hàng, Thường có thể nhắm mắt lại đánh xe đi mà không lầm. Đường lối Thường đã thuộc làu, cả con ngựa già cao lớn, lông màu nâu sẫm, đuôi dài óng ánh cũng thuộc đường như thế.

Không như những bạn đánh xe khác chỉ thích chở cá lậu đêm về Hải Phòng và biệt đãi những cô hàng hoa tươi trẻ, những bọn học sinh nhí nhảnh nhân ngày nghỉ rủ nhau đi tắm biển, Thường chẳng kén chọn một thứ hàng hóa, một loại hành khách nào. Thường thản nhiên trước mọi cảnh vật: cảnh trời rực rỡ của buổi chiều hè êm ả, cảnh ủ dột âm u ngày cuối đông mưa phùn mà những luồng gió bắc cuồn cuộn như chực cuốn đi cả những làng xóm, rồi cảnh những cánh đồng xanh rờn hay vàng rực làm nổi bật chân trời xanh ngắt.

... Tất cả đều không thể nào làm sáng lên cặp mắt Thường lờ đờ, mệt mỏi.

Đã bao lâu rồi Thường sống cái cuộc đời tẻ nhạt như thế? Năm năm? Mười năm? Hay mười lăm năm?

Lâu rồi! Đúng mười ba năm đã qua? Trên gương mặt đen sạm có cái miệng rộng, lưỡng quyền cao, cặp mày đen rậm và vầng trán bóng này người ta chỉ thấy vẻ bình tĩnh, âm thầm của cả một tâm hồn không say mê, không ham muốn, không giận hờn.

Thế đấy, sau cơn giông tố ghê gớm, thường là mặt biển lại trở lại phẳng lặng với một tiếng rì rào mơ hồ cũng như vòm trời mở rộng trên làn nước mông mênh lại trở nên bao la, quang đãng, với những cánh chim lặng bơi trên các từng mây.

Đời Thường, một anh đánh xe ngựa, đã trải qua một cơn bão táp mà mọi vật ở chung quanh đã tan tác như cát bụi tung lên trước làn gió lốc rồi lặng cả lại ở một nơi âm thầm kín đáo.

Cơn bão táp ấy nổ ra cách đây hơn mười bốn năm vào một đêm khuya.

Cả một bình hoa bằng pha lê chiếm gần hết cái bàn tròn phủ lụa màu rêu lao xuống nền lát đá hoa.

Một tiếng động dữ dội nữa nổi lên. Những vụn sứ tóe ra như những đốm lửa ở miếng sắt đặt trước ngọn đèn sì. Trên mặt bàn mất nốt cái đĩa cổ có thể đựng được một rổ bày đủ các thứ hoa.

- Phá! Phá hết!

- Thì cứ phá, ai ngăn!

Tiếng gầm thét vang lên:

- Được, cứ đứng đấy, mở to mắt ra! - Xoảng... xoảng... xoảng...

Độc bình, chậu hoa, đôn sứ, tấm gương treo sáng chói khung gỗ mun táo tàu, cái tủ con gỗ lát hoa, chiếc bàn con chạm trổ tinh vi... tất cả lần lượt văng ra ngoài sân, tung vào góc nhà, đổ sập trên những mảnh pha lê, những mảnh sứ vỡ vụn.

- Đập nữa đi, nữa đi! Kia còn đôi song bình, đồng hồ treo, bát đĩa cổ kia kìa!...

- Này song bình, này đồng hồ!

Ầm ầm, loảng xoảng... Rồi đến những tiếng cười gằn.

- Vú em ơi, mau lên mở cửa buồng ngủ cho "cậu" mày sang.

Nghe tiếng "cậu" nói một cách sõng sượt, khiêu khích, mỉa mai, hai con mắt người đàn ông quắc lên, chiếu thẳng vào cái gương mặt trái xoan hồng hồng vẫn giữ vẻ tươi cười.

- Con đĩ, con đĩ, không phải thách.

Cái giọng nói mọi ngày vẫn dịu dàng êm ái bỗng rít lên:

- À... thằng đểu! Mày có câm ngay cái miệng chó má ấy đi không?

Chát! Bốp! Huỵch!... huỵch...!

- Ối giời ơi, nó đánh chết tôi, nó giết chết tôi rồi... Ối trời ơi!

Cánh cửa bên trái mở toang, một người đàn bà ăn vận lôi thôi chạy xổ ra, ôm chầm lấy người đàn ông. Phích! Một cái đá làm mụ nọ ngã giúi vào cái bàn lộn ngược. Nhưng mụ vội bò ngỏm dậy, lăn xả vào gỡ tóc cho người đàn bà, vừa kêu thét ầm ĩ.

Tài xế, bồi, bếp, và người làm vườn kéo cả lên buồng khách. Chỉ có anh

tài xế dám xông vào gỡ cho bà chủ.

Dù cơn giận điên cuồng đã tăng thêm sức khoẻ cho người đàn ông, nhưng hắn ta cũng bị hai bàn tay cứng như sắt của người tài xế khóa chặt lấy, đẩy hắn ra khỏi buồng.

***

Một tuần lễ sau, trong tòa nhà lộng lẫy xây trên một khu đất um tùm cây cối, bao quát cả một cánh đồng mông mênh, người ta không còn nghe tiếng trẻ khóc trong những đêm im vắng.

Cái chết đã làm im lặng mãi mãi một đứa trẻ mới bập bẹ gọi ba ba... ba ba. Và cái chết của cái hình hài do khí huyết của cặp vợ chồng ấy tạo nên đã như một lưỡi dao sắc cắt đứt sợi dây thân ái, trước đây bền chặt ràng buộc lấy hai người, nhưng sau cứ dần dần mềm ải.

Cho kẻ hầu đầy tớ đi khỏi, người đàn ông yên lặng xách một va li nặng ra ga đón chuyến tàu Lao Kay - Hà Nội. Người đàn bà cũng yên lặng xếp quần áo và tư trang vào một va li còn to hơn va li của chồng, đoạn trao chìa khoá cho người bõ già đứng khoanh tay bên cửa buồng.

Đồn điền đã bán đứt! Nhà cửa và đồ đạc bị tịch biên hết. Con chết. Vợ chồng mỗi người một ngả, quyết lìa mặt nhau cho đến ngày trọn đời! Cái hạnh phúc xây dựng nên bằng bao nhiêu năm cực nhục, đau khổ và hy sinh ngày nay bỗng tan như cát bụi trong giông tố.

Họ chỉ có thể sống với nhau đến giờ phút ấy, bởi vì đến giờ phút ấy họ cùng thấm thía nhận ra rằng còn ở bên nhau giờ nào, phút nào, họ còn làm khổ nhau giờ ấy, phút ấy. Một giây phút nhìn nhau, một lời nói với nhau, một cái hôn lên trán đứa con ngây thơ của nhau, họ đều coi như những mũi dao khoáy sâu vào lòng họ. Phải rút nó ra! Vứt nó đi! Không thì chết! Họ đã thoả

mãn rồi!

Người đàn bà về Thanh Hóa ở với người dì góa chồng. Không bị ai ngăn cấm, tha hồ cờ bạc, ăn thua thật to, bạc trăm là ít. Mất bao nhiêu cũng được, miễn là đánh sướng tay, cho bõ lúc còn ở với chồng không được mặc sức tiêu pha.

Người đàn ông về Hà Nội, cái quê hương náo nhiệt, xa xỉ của anh. Anh miệt mài hết đêm này sang đêm khác trong những nhà chơi đắt tiền.

Bạc! Bạc! Tiếng bạc xoang xoảng... mùi giấy bạc thơm phức... Tất cả được vung vãi ra cho những xác thịt ấm áp, những bàn ăn la liệt sơn hào hải vị, những khay đèn trị giá tới bạc nghìn mà nằm bên nó, hưởng thú say sưa của nhà phiến, là những kẻ quan sang, giàu có.

Hai năm ròng, những tiếng tiền xoang xoảng trong chiếc bát và chiếc đĩa sắt, những cơn say đắm bên làn khói thuốc phiện uỷ mị, những đêm mệt mỏi rã rời bên những xác thịt nõn nà, ngào ngạt... tất cả đã cướp hết tiền và thì giờ của cặp vợ chồng kia.

Và cướp đi cả một vài phút giây hồi tưởng của họ nữa!

Họ quên, quên hẳn, rằng đã có một lần có hai vợ chồng anh ký khổ lìa bỏ quê hương theo bọn phu đi Nam Kỳ kiếm ăn. Hơn bốn năm, cặp vợ chồng ấy hết lòng thương yêu nhau, ra công làm lụng và ky cóp dành dụm. Mặc dù bị sự đau ốm rút bớt khí lực, cặp vợ chồng ấy vẫn cố gắng làm ăn, để rồi có được một món tiền hơn trăm bạc. Đem món tiền ấy cho vay, buôn bán, gọi họ, cầm mua đồ vật, chả mấy chốc họ đã có bạc ngàn. Rồi họ về Bắc, với đứa con đầu lòng mới sinh và hơn ba ngàn bạc, cùng nhiều đồ vàng bạc. Họ có ý định mở đồn điền cho cấy dẽ để an nhàn hưởng sự sung sướng.

Trong cảnh giàu sang họ bắt đầu đua đòi ăn chơi. Không ai cấm được ai!

Vì ai cũng có quyền dùng đồng tiền mình kiếm ra. Tình thương yêu và sự hoà thuận dần dần phai nhạt, rồi một ngày kia mất hẳn, cũng như cảnh đời êm ấm đã bao đêm làm hai người phải thao thức.

***

Vắt! Vắt!

Tiếng dây da quật vào càng xe.

Con ngựa nâu sẫm gõ móng cồm cộp xuống mặt đường và hếch mõm lên thở phì phì. Miệng nó sùi bọt, mắt ướt át, lờ đờ.

- Vắt... vắt...vắt... Jocky... Jocky... đi... đi...

Con ngựa vươn cao cổ lên và rít mấy tiếng. Đoạn nó du mình về một bên làm cái xe nghiêng hẳn đi. Thường phải nhảy vội xuống, cầm sợi dây da kéo mặt nó áp vào mặt mình. Anh vuốt xuôi sống mũi nó đang thở phì phì.

- Jocky... Jocky... Ngoan...

Thường xách một thùng nước đến. Con ngựa xục ngay mõm vào, lỗ mũi đen nhánh của nó lấp lánh luôn. Thùng nước vợi, Thường tháo giành cỏ dưới gầm xe bưng ra trước mõm Jocky. Nhìn hàm răng trắng hếu nhai soàn soạt những ngọn cỏ xanh, Thường càng lờ đờ. Anh luôn tay vuốt ve nó, se sẽ nói:

- Jocky... Jocky...

Giọng nói ngọt ngào, êm đềm quá khiến người ta tưởng đến khi xưa. Thường vẫn vuốt ve và nói nựng đứa con đầu lòng ngồi trên đùi mẹ nó, uể oải nuốt những thìa sữa "con chim".

Mặt trời đã nổi hẳn trên một nền mây xanh biếc, mấp mé bên một rặng đồi óng ả như bọc bằng nhung lam. Gió chiều vu vu đùa bỡn trên những chùm

xoan lơ thơ. Ở chân trời xa xa, người ta thấy sương bạc trải rộng ra.

- Vắt, vắt!

Bánh xe rít lên một tiếng. Con ngựa vươn cổ lên, rồi bốn vó lướt nhanh trên mặt đường nhựa không còn in bóng xoan lưa thưa. Chuyến xe cuối cùng về Đồ Sơn.

1938

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Người Chị

Vân ốm lắm, đã phải nghỉ hơn một tháng nay. Vân ăn nhờ người bạn. Cả tiền tiêu vặt và tiền thuốc, Liên, người bạn nọ, cung cấp cho Vân. Cứu giúp nhau trong khi nguy hiểm là một bổn phận, nhưng chịu ơn Liên, Vân áy náy vô cùng. Vì Vân cảm động và lo nghĩ xa xôi.

Chiều nay xuống nhè nhẹ. Sắc xanh dịu của lá chuối non láng nền mây. Vượt trên mái nhà, những chùm sấu đùa giỡn trong ánh nắng vàng diệp, rắc lên lớp ngói xám những bụi phấn mong manh.

Nằm trên giường, gần cửa sổ mở rộng, tóc xõa trên gối bông trắng. Vân yên lặng nhìn ra ngoài trời. Mọi thứ tiếng ồn ào đều đưa vào gian buồng, thứ tiếng vui vẻ của một ngày cuối thu mát trong đó có giọng cười nô nhí nhảnh của những cô học trò bé nhỏ về học khua vang guốc trên bờ hè, tiếng chuông xe đạp, xe nhà tới tấp, tiếng rao nhanh nhẹn của bầy trẻ mới lĩnh báo ra, tranh nhau bán. Để ý chút nữa còn thấy tiếng chim sẻ líu ríu trong những chòm cây gần nhà ở.

Vân lắng nghe. Phút chốc Vân quên sự mệt nhọc chán nản. Vân có cảm tưởng đương đi trộn lẫn trong lớp người kia, lòng hớn hở, trí tươi sáng, da thịt nở mạnh đón những cảm giác hân hoan của sự sống linh động. Bất giác một nụ cười nhẹ nở trên cặp môi nhợt nhạt của Vân. Vân nhẹ nhàng vuốt tay lên cái chăn len kéo ngang ngực. Các sợi len nõn xoa ấm lòng tay nàng.

...Tiếng ồn ào ở ngoài đường mất dần. Nhưng các chòm cây càng náo động vì không biết cơ man nào chim sẻ kêu ríu rít và chuyền nhảy. Như có

những cơn mưa rào trên các ngọn sấu, ngọn bàng kia. Sự bực dọc lại dần dần đè nặng lên người Vân.Vân gắt lên một tiếng rồi trở mình quay mặt vào trong.

Dưới biển trời màu chì, các nóc nhà xám thẫm hơn.

Một thứ khói ướt át xanh lờ lờ đương phả ra. Lá cây xanh biếc nặng trĩu xuống. Ô cửa kính phòng Vân thấp thoáng vài bóng giang.

Rồi gió bắt đầu nổi lên. Khi ánh nắng thoi thóp tắt hẳn thì khí lạnh dâng lên, mênh mang tràn ngập cảnh vật.

Vân rùng cả mình, vội nhắm mắt lại. Nóc nhà tối thẫm như từ từ hạ thấp xuống mắt Vân, và, bóng tối quấn chặt lấy người Vân. Một lúc sau Vân ngủ thiếp đi...

***

...Khi Vân thức giấc, phòng bên vang lên hai tiếng đồng hồ ngân nga. Trong giây khắc, Vân choáng váng vì một làn ánh sáng biếc lạnh chạy ùa vào gian buồng ban nãy đầy bóng tối. Cổ họng Vân khô đắng. Ngụm nước chè hột lúc này thơm ngọt quá.Vân thấy rõ ràng cái cảm giác êm dịu chạy từ từ xuống dạ dầy. Uống nước xong,Vân hất mớ tóc về cả đằng sau và lại xoay mặt ra cửa sổ.

Nếu không mệt nhọc, Vân sẽ đứng dậy ra hiên gác. Đã lâu lắm Vân chưa bước chân xuống đất, và, lần này là lần thứ mấy mươi Vân thèm được đi lại, được trông nhìn xa rộng. Màn trời sau khung cửa sổ với hai chòm nhãn và dãy mái ngói kia, trong thời khắc này cọc cằn quá, chỉ làm Vân bực dọc nếu không buồn rầu hay chán nản.

Cái thói quen đi lang thang ấy lại nhắc Vân nghĩ đến những giờ vắng lặng như đêm nay, lạnh dịu trong gió thu và ánh trăng. Vân một mình thờ thẫn ở

những quãng đường gần tòa án, gần bờ sông.

Vân làm nghề gái nhảy. Tiệm đóng cửa xong là Vân ra về. Khác hẳn các bạn cùng nghề, họ hoặc dìu một tình nhân đi ăn, hoặc la cà ở những hàng bán quà đêm để kiếm một món khách, hoặc sà chân vào các bàn chắn. Vân rửa sạch mặt phấn, ra cổng sau theo những con đường vắng về nhà.

Thoát khỏi những phút dài dằng dặc đầy chán nản, Vân nhẹ hẳn người. Tuy nhiên sự buồn phiền vẫn riết chặt lấy tâm trí Vân. Nhiều lần Vân đã tự nhủ "sao lại mua dây mà buộc vào người như thế?". Dừng nghĩ ngợi gì thì đã sao? Lúc nào cũng vui đùa như những con Chi, con Tuyết, con An, hay bừa bãi như những con Vinh, con Thúy kia để được mọi người yêu mến, vừa có nhiều tiền tiêu có phải hơn không?

Không! Vân xét thấy mình không thể như các cô gái nọ được. Cái tính di truyền đoan trang của mẹ Vân và cái giáo dục nghiêm khắc của một gia đình Nho giáo ngăn cản Vân. Vân thấy cố gắng thì chỉ càng thấy cay đắng, và càng thấy chết trong người.

Nhiều lúc Vân đã khóc, nước mắt đẫm cả mùi xoa. Nhưng sau khi đó Vân lại thấy một sự phẳng lặng, một sự an ủi. Vân chỉ có thể than thở với bóng của mình, với cái yên vắng lạnh lùng của đêm khuya, còn đối với những khách nhảy vui ồ ạt và hay làm ra bộ trụy lạc và từng trải, Vân thấy không thể nào để lòng mình gần họ được. Không những Vân hoài nghi, Vân còn khinh miệt tất cả mọi người đàn ông quen biết. Trông ai Vân cũng thấy rõ các sự hèn hạ, giả dối của họ, dù họ tử tế và ân cần đến đâu, dù họ hứa hẹn nhiều chừng nào nữa!

Tiếng đồng hồ ở phòng bên lại vẳng lên. Ba giờ rồi! Tâm trí Vân càng đi sâu vào những ý nghĩ. Vân nằm thẳng, lòng lắng lại.

Trên nền mây biếc lạnh, trăng thu một giờ một rắc nhiều ánh xuống những

chòm nhãn và dẫy mái ngói trước khung cửa phòng Vân. Gió lạnh luôn luôn làm xao xuyến thứ bụi sáng phảng phất hương hoa cau thơm ngát ấy.

Cùng lúc này, ở một làng bé nhỏ xa tỉnh kia, cạnh dòng sông Thương lặng lờ, trong một khoảnh vườn đầy hương hoa, một người đàn bà đương đi lom khom từ cụm cây này đến cụm cây khác.Thân thể còm cõi của bà run rẩy, da mặt bà tái đi, thỉnh thoảng bà thở ra những hơi dài và nhẹ. Bà hái không biết bao nhiêu hoa, nào hồng, nào huệ, thược dược, cúc, mẫu đơn, ngâu, sói, đựng đầy một rổ to lót lá chuối và độn nhiều lá ngâu.

Da mặt bà càng tái đi, tay bà càng tê cóng, chốc chốc bà lại gạt những sợi tóc mềm mại mà gió lạnh thổi xõa xuống mắt. Bàn chân của bà dẫm trong cỏ ướt đã dại hẳn đi.

Vân đã khóc nức lên. Vân bưng lấy mặt. Tình thương xót đã dâng ngập lòng nàng, Vân mím chặt môi, day day mặt viền chăn len. Vân tưởng đến mẹ nàng còn phải làm rất nhiều việc nữa cho tới khi trời sáng rõ. Nhưng, sau buổi chợ, chỉ nghỉ ngơi giây lát, rồi bà lại phải chúi đầu vào bếp làm bữa cơm cho bốn đứa con đi học sắp về. Không phải chỉ một đêm mẹ Vân bận rộn như thế. Đã mấy mươi năm ròng rồi, bà mẹ ít nói, ít cười ấy đã dãi dầu làm lụng đầu tắt mặt tối trong một gia đình nề nếp: bố chồng trước là ông đồ, chồng là ông đồ, mẹ chồng chất phác và nhịn nhục cũng như bà. Tới khi chồng mất, bà càng phải gắng sức hơn để nuôi đàn con mồ côi mà Vân là lớn nhất.

Một câu hát chợt vẳng lên trong trí nhớ Vân êm ái và lâng lâng, rồi đến những tiếng khóc oe oe của một đứa trẻ miệng đầy hơi sữa.Vân không dám động đậy. Tiếng hát ru trong sáng tưởng tượng và tiếng khóc măng sữa kia đã thắt chặt lòng Vân, gợi dậy trong lòng Vân tất cả sự kính mến và tình yêu thương mẹ và em dại.

Vân lại chua xót nghĩ đến sự tủi cực của mẹ nàng mỗi khi nghe họ hàng và hàng xóm bêu rếu nàng bằng đủ mọi tiếng thô bỉ. Những người đó cố ý

làm mẹ nàng nhục nhã và đau đớn chỉ vì thấy có một người con gái dám bỏ làng ra tỉnh, nghĩa là cô không cam tâm chịu đựng sự cùng cực càng ngày càng chồng chất ở nơi quê mùa và quỵ lụy họ, khuất phục họ. Hơn nữa, họ còn ghen tức thấy đàn em nhỏ của Vân đã có đứa được lên tỉnh học bằng số tiền hàng tháng của Vân gửi về mà họ cho là nhơ bẩn vô cùng: tiền làm đĩ!...

Sao lại có những người độc ác đến như thế? Sao những người hiền từ như mẹ Vân lại bị đày đọa, chịu nhiều cơ cực như thế? Và biết ngày nào các em Vân mới nên người để giả nghĩa mẹ, và, bà mẹ kia được hưởng những sự êm đềm vui tươi của hạnh phúc?

Nước mắt tràn trề. Vân nức mãi lên...

Ngoài kia gió thổi vù vù, làn bụi xanh biếc và thơm ngát của vành trăng khuya vẫn chập chờn xao xuyến!...

1938

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Sau Hai Mươi Năm

- Con mẹ nó... lại sấp một kìa!

Theo liền câu chửi dẫn từng tiếng ấy, Tâm lao mạnh cái bát sắt vào cột nhà.

- A! Tâm định phá đấy phải không?

Cặp mắt của Cai Năm xóc cái long lên, chiếu vào cặp mắt vằn những tia máu của Tâm. Tâm cười gằn, giơ tay ra.

- Không phải nặng nhời.

- Đấy nào dám nặng nhời với ai. Nhưng mà ném bát đi thì định phá chứ còn gì?

Cai Năm hừ một tiếng cười. Hắn bắt cánh tay của Tâm giơ ra rung rung, cái sẹo sâu lõm ở trán Tâm đã cau lại, nhưng, thoáng một ý nghĩ, Tâm dịu giọng:

- Thử vào cái nước ấy xem nào? Khát con mẹ gì mà hàng mười tay lẻ, đều tay mười một cũng lẻ nốt!

Một mụ đàn bà chề môi, quệt cốt trầu. Thị xen nhời:

- Thôi anh Cai cũng thôi mà bố Tâm nó cũng thôi. Bạc nó rền chứ ai khiến được. Mà bóc lột ai chứ bóc lột anh em nhà thì để lấy cái khố rận à?

Mụ cao giọng hơn, ra vẻ kẻ cả hơn, biết điều hơn. Mụ trỏ một người bó gối ngồi bên cái giành nước và cái điếu:

- Gầy! Nhặt cái bát ở ngoài sân vào.

Bốn con mắt nảy lửa thôi nhìn nhau. Một cặp mắt cúi xuống mấy đồng hào vương vãi lẫn lộn với những vỏ diêm, giấy thuốc lào ở dưới gối.

- Gầy! - Tâm hất hàm - Đưa tao cái điếu đây, cả đèn nữa.

Sau một tiếng rít thật dài ở các nõ điếu ngập tàn đóm và bã thuốc rút lên, làn khói nồng nặc tỏa ra, trong đó Tâm ngước mặt lên cười những tiếng cười mệt mỏi, hằn học:

- Canh này lại trần chắc. Sao tháng này xúi thế. Thò đồng nào thì hết đồng ấy.

Cái bát sắt úp trên đĩa sắt lại rung lên ở đầu hai bắp tay Cai Năm bóng như gụ, nổi bật hai con rồng xanh trổ đậm. Tiếng tiền rao sang sảng rồi im lìm. Mọi vẻ mặt đều trở nên nghiêm nghị. Xóc cái đặt bát xuống. Họ - hơn hai chục con người vừa đàn bà, đàn ông, chen vai thích cánh nhau trong cái không khí ngùn ngụt của căn nhà lá úp xúp ấy - đều cùng những con mắt sáng loáng.

- Thừa lẻ sáu đồng.

Một mụ đàn bà bị nóng ngốt, để trật yếm và vén quần lên gần háng, vừa gãi vừa cuống quýt nói:

- Đây dắt... đây dắt rồi... có ai "canh" hai "ăn" năm không nào.

Cởi ruột tượng, dốc ra mấy tờ giấy bạc và hàng chục đồng hào đôi, mụ cười:

- Cha con đẻ mẹ nó, thôi thì bà cũng đành liều. Hết vốn thì mai đi chợ. Chả nhẽ lại "lẻ" đến sáng được.

Nét mặt tươi tỉnh và những nhời thong thả của mụ nọ được ngay một người chồm chỗm ngồi bên cái điếu tán tụng:

- Thua cũng vui như thường chị Lùn nhỉ. Chả chợ thì đừng. Tiền góp tháng đồng bạc ngày năm xu chứ một hào cũng được. Miễn "mẹ nó" được mở bát...

Hắn ta chưa dứt tiếng, mụ nọ đã lườm hắn một cái thật dài.

- Thôi đừng chõ mõm. Giả cái điếu cho thằng Gầy nó mang đến cho người ta đương gọi kia kìa.

Hớ hớ hớ... hắn ta nhăn răng ra cười, rồi lại thưởi cái miệng vẩu ra hau háu nhìn những đồng tiền trên chiếu bạc mà chẳng mấy canh hắn có được nổi một đồng bạc để đánh một tiếng.

Lại có tiếng người vứt tiền xuống mặt lẻ. Cai Năm ngồi xếp bằng giữa hai mụ quần áo vẫn còn dính những vẩy cá, lại cao cao giọng xướng:

- Thừa lẻ bảy đồng...

- Bảy đồng... lẻ thừa...

- Thừa lẻ bảy đồng - Hắn hạ tiếng, chặc lưỡi - "cáy" (1)thật, làng toàn thấy đâu đánh đấy!

---

(1) Cáy: sợ.

Một người đàn ông đi làm than về mặt mũi vẫn còn nhọ nhem nhìn Cai

Năm và Tâm ngồi lắc đầu thở dài. Cạnh y, một gã đội mũ nồi vận quần nhiễu tây đen, thích khuỷu tay vào một ả chỉ đeo có "coóc-sê" không mà môi thì đỏ nhợt, mắt quầng đen nhẫy:

- Húc một tiếng nữa thôi. Cầm bằng hôm nay không làm được năm đồng của thằng "quéo" ấy chứ gì!

Ả này liền nguýt cho gã một cái và lẳng lặng quăng ra mặt lẻ hai đồng.

- Thừa lẻ chín đồng.

Cai Năm nhăn mặt xướng. Thấy mọi người như không nghe thấy hắn nhắc to hơn:

- Chín đồng... lẻ thừa.

Dứt tiếng hắn gạt mồ hôi trán, đưa mắt cho một gã cũng đội mũ nồi và vận quần nhiễu tây đen ngồi ngay cạnh bầu đèn đất. Gã hồ lì bèn đếm tiền ở hai mặt:

- Chẵn có ba đồng sáu, lẻ có mười tám đồng, cái cân năm đồng, còn lẻ nặng cả mặt... lẻ thừa mười đồng...

Cai Năm xoáy thêm bát:

- Thừa lẻ mười đồng.

Không một tiếng hắng giọng.

Người đánh càng im lặng.

Tiếng bạc càng lâu, càng to, càng làm cho nhiều kẻ gần như bị bẹp ngực vì mong đợi, lo lắng, suy tính, choáng váng...

Chỉ có thế! Tất cả chỉ có mê man có thế. Những con người cùng khổ không còn thấy chút nghĩa lý trong những công việc dằng dặc của mình: buôn bán đầu đường cuối chợ, kéo xe, khuân vác, cúp tóc, đốt lửa, thợ sắt, giang hồ... những đời sống không thể nào có những sự nghỉ ngơi, giải trí vui tươi. Những con người lầm than ấy, trong đêm nay, đầu óc bốc nóng, mắt đã dứt kẽ, chỉ còn mỗi cái sung sướng bóc lột được nhau bằng bốn đồng tiền đen trắng nó sắp hiện ra đây kia như diện quất vào mắt vào ngực người ta...

Tâm hút mồi thuốc lào này không biết thứ bao nhiêu. Nhưng những làn khói mà Tâm thở ra không bị những mụ đàn bà lấy quạt xua, vừa ho, vừa gắt. Còn Tâm, trong cái không khí nóng nực, vẫn ngước nhìn những làn khói của mình thở ra với cặp mắt lờ đờ, ngây ngất. Và càng lịm vào khói thuốc hôi cay mà ngon ngọt kia, đầu óc Tâm càng bừng bừng. Tâm càng được hoàn toàn mê man, buông mình cho mọi sự lôi cuốn...

Áo Tâm lại phanh rộng nữa. Bàn tay trái Tâm đen và gân guốc đã rút hẳn cái ví ở trong túi ra. Tâm vân vê một tờ giấy năm đồng. Gấp chéo, mở hẳn ra, lại gấp chéo, lại gấp làm đôi, tờ giấy bạc cứ lăm lăm ném xuống chiếu:

- Nên đánh một đồng hay cả hai đồng thôi? Mà lẻ hay chẵn đây?

Tâm tự hỏi, vừa đưa cặp mắt sáng ngời nhìn những đống tiền bề bộn dưới chân xóc cái...

Tâm ở sòng bạc ra thì đồng hồ đánh thức ở một nhà trong xóm ran lên một hồi chuông. Mình trần, áo vắt vai. Tâm chập choạng bước. Mắt Tâm đã mờ đi, gần như không còn trông thấy gì. Mấy con chích chòe ở khu vườn cạnh đấy đã đua nhau nổi những tiếng hót vang vang cả một vùng.

Tâm khạc, nhổ vào cửa liếp một nhà nọ, lẩm bẩm chửi rủa. Tiếng chim tưng bừng đón chào và tiếng người gọi thúc giục nhau buổi sớm lúc bấy giờ, bên tai Tâm chỉ là một sự quấy rối.

Đến đầu đường Tâm phải đứng dừng lại. Ở đằng xa xanh mát một vầng vàng ối rực lên. Từ trong dẫy nhà hiên lờ mờ đi ra, Tâm vụt choáng váng vì những mái lá mới và nước hồ lộng gió hắt ánh sáng vào mắt.

Tâm lại chửi rủa.

Quặt sang con đường khác để về nhà, Tâm càng cáu kỉnh vì tiếng guốc inh ỏi và tiếng cười nói om sòm của một bọn thợ dồn bước trong đám phu đàn bà xe than. Bà cụ bán xôi cháo ngay rìa đường, thấy Tâm thất thểu, đầu óc bơ phờ, bèn vội vã mời. Nhưng Tâm làm thinh, lùi lũi đi. Một người phu xe ngồi húp cháo sùm sụp trên càng xe cũng gọi:

- Bố Tâm nó ơi! Cháo đậu rán tốt lắm, hẵng làm vài bát đã. Phát tài thế kia để làm gì.

Hắn cười se sẽ. Tâm quay lại gườm gườm nhìn hắn:

- Tiên sư nó, sung sướng gì mà lúc nào cũng rửng mỡ được thế!

Đến nhà, Tâm ẩy cửa liếp đánh thình rồi nằm vật ra cái giường kê liền với hai cánh phản ngổn ngang bốn đứa trẻ trần truồng. Xế chỗ này, nằm trên cái chõng, một người đàn bà đầu tóc bù xù đương cho một đứa bé bú. Mặc người mẹ nọ ngoái cổ ra gọi, Tâm quay mặt vào bức vách, gối đầu lên cánh tay, nhắm mắt lại, để một cảm giác nặng nặng, bừng bừng đè dần xuống tâm trí.

Tâm đã ngáy. Tiếng ngáy của Tâm ò ò hổn hển bên tiếng ụt ịt làu nhàu của đứa bé nhay vú mẹ. Phút chốc, trong xóm rực nắng lại bắt đầu ồn ào và khói bụi lầm theo lên, cuồn cuộn ngột ngạt.

***

- Ớ Tý! Đánh thức thầy dậy đi.

Thằng nọ nhăn nhó:

- Thôi lúc nào thầy con muốn dậy thì thầy con ăn.

Người mẹ hắt mớ tóc ra sau lưng, dằn tiếng:

- Thì tao bảo, mày cứ đánh thức cho tao nào.

Đến bên giường, thằng bé rụt rè mãi mới dám đặt tay lên vai Tâm đã đẫm mồ hôi. Nhưng vừa chạm tới cái da thịt nhầy nhụa ấy, nó vội chùn người lại, xịu mặt nhìn vẻ mặt hầm hầm của Tâm. Mãi nó mới dám lay lay:

- Dậy... thầy ơi! Bu bảo thầy dậy ăn cơm.

Tâm vẫn ngáy. Một lúc sau Tâm mới cựa mình và ú ớ như nói với cơn mê.

- Chốc nữa!... Mà này đi gọi người gánh nước cho tao.

Người mẹ cố giữ giọng nhẹ nhàng:

- Vại nước tôi mới gánh đầy đêm hôm qua đấy, dậy mà tắm đi thôi. Còn quần áo đút xó ở cuối giường, tôi đã giặt phơi gần khô rồi.

Tâm đã không ngồi lên mà quay hẳn mặt vào bức vách. Người mẹ liền tha thiết giục:

- Kìa thầy mày dậy tắm rửa còn cơm nước chứ. Mười giờ hơn, người ta đi làm trên phố sắp về tầm còn gì.

Đáp lại, Tâm quơ lấy cái quạt phạch phạch xua ruồi. Người mẹ không tự nén được, bật tiếng:

- Thức khuya cho lắm vào. Mười một, mười hai giờ còn chưa chịu hốc

cho trẻ nó ăn với. Cơm nước đến giờ còn huỳnh hãm. Đứa bé, đứa nhớn khóc quấy như rươi thế này thì còn đi cất hàng cất họ gì được.

Người mẹ chưa dứt lời, lũ con ở dưới bếp đã mếu máo gọi lên:

- Bu ơi! Cơm đi... cơm đi...

Tâm càng làm thinh. Hắn buông cái quạt, nằm dài ra. Mặt hắn tái mét, tóc xồm lên, từng mảng dính bết lấy trán. Sự rã rượi của người chồng bê tha càng thắt chặt lòng người mẹ. Mang sẵn bệnh đau tức kinh niên, ngực y chói buốt thêm vì những cảm tưởng đau đớn.

- Ớ Tý! Thôi mày dọn cơm cho các em ăn đi để tao còn lên phố chạy tiền mai làm hàng chứ.

Chị quay lại rít tiếng bảo Tâm:

- Cơm nhà hầu đến tận miệng không thèm ăn, chốc nữa lại bò ra hàng cơm mẹ Bốn mà ăn chịu, uống chịu. Hai kỳ tiền lĩnh ngót chục bạc, vợ con ở nhà chẳng được một đồng xu, thế mà chỉ giả tiền nốc rượu cũng không đủ.

Choang... cái điếu sành liền bị quăng ra giữa nhà, tung tóe những mảnh vụn và nước đen hôi sặc:

- Giời ơi! Con quỉ Côi này... mày có để yên cho ông nằm, không thì lại vỡ mặt với ông bây giờ.

Tâm trạng người mẹ đã ngùn ngụt và lòng thì chua xót. Nước mắt y ứa ra ròng ròng. Y nuốt và nuốt những cái nghẹn dồn.

Sáu đồng bạc của y vay góp chiều qua, người chồng nghiện đủ mọi thứ nọ đã lấy đi đánh bạc không biết còn hay hết. Mà có lẽ nướng hết rồi! Đầu kỳ tiền, xóc đĩa sòng Cai Năm phải to, phải đầy những kẻ giết nhau. Trước canh

bạc lại còn bữa rượu ở hàng con mẹ Bốn béo sưng với đủ cả lòng bò xào, thịt giả cầy, chả mực và thịt gà, thịt vịt, chân giò luộc nữa, chếnh choáng rồi thì lại bỏ sao được mấy điếu thuốc phiện ở tiệm lão bếp Răng vàng nó cứ quyến người ta như mật quyến ruồi ấy.

Người mẹ rít lên:

- Đấy muốn phá gì nữa thì cứ phá, ngót chục bạc nữa lạy van mãi mới vay được của người ta, đem đi phá hết còn không thỏa hay sao? Người đâu, chồng con đâu lại nhẫn tâm như thế?

Một tiếng gầm kéo dài rồi im lìm. Sau đó, những tiếng đập thình thình xuống giường:

- Im! Im!... giời ơi!... nó cứ khêu gan chọc tiết tôi.

Nước mắt người mẹ càng chảy ra, tràn cả hai gò má giờ thật chỉ còn xương với da:

- Quá lắm! Quá lắm! Thua hết chỗ tiền ấy thì anh nên cầm dao thí trước cho tôi mấy nhát rồi đến sáu đứa con anh... hự! Hự...

Nức nở một lúc, người mẹ nói tiếp:

- Con, đứa bé quấy khóc rứt thịt ra, đứa nhớn ốm đương nóng như hòn than kia, vợ tiền ngày gạo góp đòi réo rắt, thế mà chẳng biết lo cho một tí gì cả.

Tiếng gầm lại vẳng lên:

- Ông đã lo nhiều rồi! Làm lụng lắm ông đã mệt đến chết rồi! Bây giờ ông chẳng còn thể lo được nữa. Mặc xác chúng mày! Con mày đẻ ra thì mày phải nuôi.

- Thì tôi có cần anh nuôi đâu. Nhưng đã không giúp đỡ tôi, đi làm về không đưa tiền cho tôi, chỉ việc ăn và đến sòng sao lại còn lấy vốn liếng của tôi, ăn cướp cơm của các con mà rượu chè, cờ bạc?

- A! Con này giỏi!... Mẹ mày khôn ngoan dối cho mày những lời ấy phải không?

Chạm đến vong linh con người chịu mọi sự cùng khổ để nuôi con khôn lớn này, Tâm đã làm người vợ vùng lên:

- Đồ đểu! Mẹ tao nào được của mày miếng trầu quả cau hay nhờ vả mày tấm nhớn, tấm bé gì để mày bới móc. Đồ khốn nạn! Giời ơi!...

Một tiếng động dữ dội. Cả cái mâm cơm đầy rau muống, cà, tương và bát đĩa bị hất ra sân. Lũ trẻ òa lên khóc. Đứa bé bíu lấy đứa nhớn, đứa nhớn run cầm cập lại chực níu lấy mẹ. Thằng Tý nhớn nhất, quen rồi, chạy tót ra sân kêu giời và gọi hàng xóm.

Tâm lại vắt áo lên vai, hầm hầm ra đi.

Người mẹ lại rên rỉ khóc. Y vừa khóc vừa ôm ngực ho. Tiếng ho quang quác, những hơi thở hổn hển và cái mớ tóc rũ rượi càng tăng thêm sự nặng nề, đè nén của gian nhà tồi tàn mà vẻ đau thương đã bao năm cứ bám lấy không một phút rời bỏ.

... Trước kia, ngày một người mẹ còn là người con gái hây hây nhanh nhẹn, thùy mị, ngày một người cha còn là một trai tráng vạm vỡ, tươi cười, thì ai có thể tưởng được hai cuộc đời phối hợp đầy thanh xuân ấy lại đi tới như thế? Người ta, những người phu già trong xóm và những bà đi chợ xa gần từ hàng ba bốn mươi năm nay đã không cầm được lòng vui phải cười nói bông đùa hơn cả bọn giai trẻ để mừng cho đôi lứa ấy trong một lễ cưới chỉ vài mâm cơm cúng thết đãi mấy chỗ bà con quen thuộc thay mặt cho hai bên

cha mẹ.

Ông cụ phó mộc, chú họ vỗ vai anh con giai, cười ha hả, nói:

- Thật tốt số nhé. Vớ được cô ả Côi này vừa đẹp gái, vừa đảm đang, vàng cũng không bằng. Chuyến này thì chả mấy chốc tậu được cả nhà gạch trong xóm đấy.

Mặt Tâm đã đỏ bừng, hai con mắt long lanh cúi xuống.

Bà cụ khâu bao ngoài Sáu Kho, đi chia trầu cho Côi, trước khi ra về lại gọi y đến bên, thủ thỉ lần nữa:

- Em Côi ạ, cứ gì phải giầu sang mới sung sướng. Làm thân đàn bà được cảnh chồng một, vợ một, không phải làm dâu con là nhẹ mình rồi. Chị đã trải qua cái cầu điêu đứng ê chề vì mẹ chồng, em chồng, bà cô bà dì nhà chồng, nên chị biết lắm. Em nên nghe chị đừng nên phàn nàn gì về cái cảnh nghèo nàn, vắng vẻ của nhà thằng Tâm. Nó hai bàn tay trắng nhưng nó hiền lành, nó chịu khó làm ăn, nó có nghề nghiệp hẳn hoi, vậy đời em chắc phải được phận nhờ. Em chả xem đấy như, nó chăm chỉ thật thà đến nỗi cai nào hễ được nó làm cho là phải níu lấy nó. Công việc, tiền nong, hàng họ giao phó cả cho nó, tin cậy nó hơn cả người nhà mình... Cảnh em, chồng đi làm, vợ chợ búa, thì chả mấy chốc mà mở mày mở mặt.

Người con gái, tâm trí rạo rực vì cơ man hy vọng rực rỡ, nghe những nhời ngọt ngào kia thì thầm bên tai, đã ngây ngất thêm như được sống sâu nữa trong giấc mơ thần tiên. Tấm lòng trong trắng tươi sáng của y còn mong ước gì hơn được vuốt ve bởi những hứa hẹn của cuộc đời đằm thắm trong tình thương yêu; trong sự bảo ban nhau mà làm, mà ăn.

Gương mặt người con gái càng ửng hồng. Mắt y óng ánh những giọt nước... Rồi người ta thấy đôi vợ chồng trẻ ấy như đôi chim bồ câu chung

quanh một đứa con trai bụ bẫm... Rồi người ta thấy tiếng hát ru nhẹ nhàng với tiếng võng đưa trong một căn nhà ngăn nắp, sạch sẽ ở đây cứ sáng sớm thì chồng đi làm, gần trưa vợ gánh hàng đi chợ, đến tối cả hai cùng về ríu rít với con, bên mâm cơm và ánh đèn.

Đến ngày nay...

Người mẹ cúi cúi vào nhà. Y vừa đặt thùng bánh cuốn xuống chõng, cả thằng Tý và ba em nó liền bâu đến. Hai đứa nhỏ tranh nhau lật cái vỉ buồm đen nhờn những mỡ và sặc mùi nước mắm lên. Nhanh mắt, một con bé nhớn túm được gói quà bèn cướp lấy ù té chạy. Thằng Tý vội đuổi cùng với hai đứa nhỏ lếch thếch chạy theo.

Người mẹ lắc đầu, nhìn lũ con. Y chờ chúng nó đi hết thì đến lay thằng bé thứ nhì dậy. Y đưa vào tay nó chiếc bánh giò, xoa xoa trán nó:

- Đây bánh của con đây. Ban nãy hàng cháo đi qua, thằng Tý nó có mua cho con ăn không? Con đã khỏi hẳn sốt chưa?

Thằng bé ấp lấy miếng bánh vào ngực, chỉ lờ mờ nhìn mẹ. Người mẹ vỗ về, dặn dò nó mấy câu nữa đoạn quay sang cánh phản bế nhấc con bé vào lòng. Con bé mở choàng mắt và vừa thoáng nhận ra cái khăn vuông và hơi hướng quen thuộc, nó liền toét miệng cười. Người mẹ vuốt mồ hôi trán cho nó rồi lấy vạt áo lau mũi, mồm nó nhoen nhép. Không dám để nó chờ lâu, y trật vội yếm, nhét vú vào cặp môi đỏ chót của con bé chỉ hau háu hập bú.

Ánh nắng không còn chói lọi. Rải lên mái lá trước nhà Tâm, một thứ bụi vàng diệp lung linh dưới sắc xanh trong của da trời. Đầu nóc nhà, hai chòm cau xào xạc loang loáng như những cánh chim trả. Ngoài sân, những vũng nước mưa đọng chiều qua hắt ánh sáng lên qua những làn hơi trắng mong manh.

Ngồi xoa mảng lưng của con bé sần như da cóc vẫn còn nóng sực, người mẹ thờ thẫn nhìn ngoài trời sáng sủa, lộng lẫy trong ánh sáng và tiếng ồn ào với những ý nghĩ một phút một thêm tơi bời...

Bóng râm dần dần đậm nét! Các mái lá thẫm lại. Mấy thân cau không còn là những dòng ánh sáng chảy từ nền trời lơ nhạt xuống nữa. Bốn đứa trẻ tranh nhau hết gói ngô bung, đã kéo ra đầu ngõ nô ầm ĩ với những trẻ hàng xóm. Ở sân chỉ còn những tiếng chiêm chiếp của những con gà trụi nhỏ xíu bới hết chân giậu này đến đống rác khác!

Chiều rủ gió mát đến. Nhưng ở hướng tây, nhà Tâm vẫn ngốt như cái lò. Áo người mẹ lại đẫm thêm một lần mồ hôi.

Con bé bú no đã ngủ. Đặt nó xuống phản, kéo chăn đắp, người mẹ rón rén đến bên chõng giở thức ăn đựng trong thúng hàng ra cái mẹt to. Rau muống, mắm, muối, hành tỏi... thứ nào cũng từng rổ, từng liễn, và hơn chục bơ gạo chia thành ba bữa. Người mẹ lễ mễ bưng ra sân. Nhưng vừa đến đầu cái giường ở góc nhà, y đặt vội mẹt thức ăn xuống đất, cúi nhìn mặt chồng:

Để tụt hết chăn, Tâm nằm co quắp, run cầm cập, mặt đỏ tía và nhờn nhụa, dãi ngoen trắng cả hai bên mép, miệng há hốc thở hừng hực.

- Mình! Ớ mình này...

Tâm vẫn nhắm nghiền mắt, rên rỉ. Người mẹ luống cuống:

- Ớ mình! Kìa mình này!... bố Tý nó này!...

Ánh sáng của gương mặt người mẹ hơi trở lại, khi Tâm cựa quậy và ấm ú:

- Đừng nào!... Ơ kìa giời ơi!... lấy hết cả tôi rồi.

Một lúc sau Tâm mới mở mắt lờ đờ nhìn vợ. Người vợ bèn sờ trán Tâm, y

thở dài:

- Lại nóng hơn thế này! Lại cũng chẳng đỡ được tý nào như thằng Tu ấy?

Người mẹ càng tê tái trông xuống hai cái lỗ mắt sâu hoắm của Tâm đưa đẩy trên khổ mặt xám bì bì chỉ thiếu chút máu nữa thì thật là một người hấp hối. Chợt Tâm phều phào:

- Cho tôi uống nước... khát lắm...

Ấm dành nhà còn nước nhưng nguội quá. Người mẹ phải chạy ra ngoài đường mua nước nóng. Thấy vợ đưa cho mình bát nước bốc hơi ngút, Tâm liền chống tay, lẩy bẩy ngồi dậy. Nhưng chưa cất nổi cái đầu lên, Tâm đã nằm sập xuống, không thể được! Tâm ốm lâu quá rồi. Cái sức khỏe còn sót lại kia được bao nhiêu! Hai cánh tay Tâm cứ run bắn, đầu Tâm lại nặng trĩu, nhức nhói, choáng váng thêm.

Người vợ phải ngồi hẳn xuống đỡ chồng lên cánh tay mình và bưng bát nước kề vào hai răng lập cập của chồng. Cúi sát vào cái miệng vều nọ sộc ra một mùi hôi quá thể, người vợ thoáng rợn. Mắt y xanh lên, toan quay ra chỗ khác.

Tâm uống tham quá. Hết nước rồi mà Tâm vẫn còn níu lấy bát, dốc ngược lên, để nước cặn chảy tong tong cả vào mũi khiến Tâm ho sặc sụa.

- Thôi... đặt tôi nằm xuống. Lưng tôi buốt quá, có mua lá náng chờm cho tôi không?

Người vợ gật đầu, đấm bóp cho Tấm một lúc nữa rồi mới đứng dậy. Sợ giời sập tối, y vội vàng đem nồi niêu ra cầu rửa. Đương vo gạo thấy tiếng Tâm gọi, y tưởng Tâm giục lại càng mải miết:

- Hẵng chờ tý nào, còn phải nhóm bếp chứ.

Vừa nói người vợ vừa đưa cánh tay gạt mồ hôi trên trán. Nhưng chưa kịp chớp mắt vì mồ hôi rớt vào mắt xót, người vợ đã lại thấy tiếng gọi khàn khàn của Tâm. Y đành phải đặt rổ rau và rá gạo lên vại nước, chặn bằng cái thớt rồi vào nhà:

- Cái gì, mình...

Tâm giơ một cánh tay lên rung rung:

- Đỡ tôi dậy, cho tôi uống nước nữa.

- Chết sao uống nhiều thế? Cố chờ tý nữa tôi sắc lá hương nhu mà uống.

Tâm lắc cái đầu bù xù và lừ đừ, đưa hai con mắt đỏ ngầu nhìn vợ:

- Khổ quá cứ cho tôi uống, không tôi chết khát mất; nước chè tươi hay nước lã cũng được. Tôi uống rồi tôi chết cũng được mà.

Người vợ thêm lo sợ. Y thấy tiếng Tâm nói hơi ngọng ngọng và hơi thở càng nặng mùi, càng ngắn. Y cuống quýt, lại xách ấm tích đi mua.

Lần này, được đỡ dậy, Tâm hập luôn bát nước không kịp để vợ đưa, làm sánh quá nửa bát nước ra chăn. Nhưng Tâm chỉ hớp có vài hụm rồi ngặt cổ ra, mắt trợn ngược, thở dội lên. Người vợ suýt buột tay. Đặt được Tâm nằm gọn trong cái chăn. Y cũng run và thở hổn hển. Y vuốt vuốt ngực cho Tâm rồi nắn bóp từ thái dương xuống khắp cả chân tay Tâm.

Bỗng người vợ giật mình, nhớn nhác cúi xuống nhìn Tâm.

- Tàu An Xương trong Nam ra rồi nhỉ? Có nhiều gạo bốc lên không?

Người vợ không đáp. Y càng xoa mạnh ngực Tâm mà những tiếng hừng hực nghe như những tiếng của kẻ bị tra tấn đã lả. Sau mấy cái hớp hớp không khí, Tâm lại nghển cổ lên, lào phào:

- Thằng Tu và cái Tý út đã khỏi sốt chưa? Không! Không... mai tôi phải đi làm thôi... Bu mày mau đi nướng lá cho tôi chườm đi... mau lên...

Ngừng lại, Tâm nấc nấc mấy cái rồi từ từ nhắm mắt. Những giọt nước nóng nóng liền rào ra, ròng ròng xuống gò má.

Tâm thở rốc tiếng nữa, duỗi phịch chân tay. Cả người Tâm thỉnh thoảng lại run bắn lên như khắp cả xương thịt Tâm lại bị những nọc độc cắn rứt.

Mắt người mẹ đã mờ nước. Y toan đứng lên để cất nhắc và kêu gọi hay lấy một vật gì nhưng có một sức mạnh giữ riệt y xuống giường. Y càng sát người vào mình Tâm, tâm trí lạnh giá, y bàng hoàng nhìn cặp mắt nhắm nghiền của Tâm và nghe Tâm lào phào:

- Không!... Không... mai tôi phải đi làm thôi... Thằng Tu và cái Tý út ốm lâu thế thì chết mất! Mà kìa thằng Tý và chúng nó đâu, bu mày gọi chúng nó về ăn cơm đi thôi...

1938

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Con "Đoàn" Cuối Cùng

Muốn làm nghề bán dao, tức là đâm chém thuê phải có một con "đoàn". Con "đoàn" này càng đẫm máu bao nhiêu, tay anh chị kia càng nổi danh bấy nhiêu. Nhân thế mà đời chơi của anh được đàn em bái phục như dân chúng sùng bái một vị anh hùng nhiều phen hy sinh giúp nước.

Nhưng có một con "đoàn" chẳng phải dễ gì. Vì đã là lưỡi dao dùng lấy máu người thì phải cho ra vẻ chứ không đem đọ nó với dao của kẻ khác mà nó xấu hơn, chủ nhân nó sẽ không được mấy ai tín nhiệm.

Ngắn nhất cũng phải một thước tây. Nhẹ nhất cũng phải nặng tới bốn cân rưỡi. Mũi dao vát, rộng, thật dày, lưỡi thật mỏng và sắc, soi gương được. Chuôi dao phải bằng đồng, khắc một chữ "sinh" để đối với chữ "tử" ở một bên.

Người ta sợ con "đoàn" không hẳn vì nó bén và sáng, cũng không vì cái ý nghĩa kiêu căng của hai chữ Nho ở chuôi dao mà chủ nó dùng để hình dung tất cả mọi cái tàn bạo, ngạo ngược của mình.

Trên đời này, ai cũng tham sống, sợ chết. Nhưng một tay chơi làm nghề bán dao lại khinh thường cả chết lẫn sống. Va nắm sống và chết trong tay, sự sống, chết của va và của người khác.

Cho một nhát lên bả vai anh-chị để người bị chém được sống sót. Trái lại, chỉ trong chớp mắt đưa lưỡi dao mỏng như lá mạ phạt ngang cổ, anh-chị kết liễu gọn ghẽ một kiếp người. Đền vào mạng người đó, anh-chị chịu năm, mười năm khổ sai nếu nhà chuyên trách dò xét ra được thủ phạm. Cầm bằng

tấn thảm kịch diễn ở một góc đường vắng, hay trong một ngõ hẻm, hay ở vùng ngoại ô gần đồng ruộng, anh-chị vẫn ung dung sống một cuộc đời ngang tàng bằng máu người.

Nhưng đừng tưởng hễ có nhiều tiền là dễ dàng thuê được người chém kẻ thù mình. Anh - chị không bao giờ sả một kẻ nghèo hèn cùng mạt, dù người thuê chém trả bao nhiêu tiền chăng nữa. Và anh-chị còn lắm phen được người ta khen vì vui lòng chém không lấy tiền một kẻ quen dùng đồng tiền để áp bức người.

Tôi có qua anh Sáu H.G, người có một con "đoàn" có nhiều thành tích vẻ vang nhất của làng chơi. Tôi đã trông và ngắm và vuốt ve con "đoàn" nhiều phen đẫm máu ấy. Và tôi đã được tay anh-chị cừ khôi nọ kể cho nghe cái tâm sự của va, trong một tiệm thuốc nấu vắng khách, một đêm xuân.

***

Đêm ba mươi Tết.

Ngoài đường, gió rào rào lướt qua những chòm sấu. Ghé mắt vào khe vách, tôi thấy không còn một bóng người trong cái màn mưa bụi dày đặc dần dần biến thành một màng khói xám lạnh, ngăn cản không cho ánh đèn điện vàng ngà ngà soi dõi đến những xó cửa.

Mấy người khách hút đã lần lượt ra về. Trong tiệm Sáu H.G làn không khí trở nên buồn bã u uất với ngọn đèn dầu lạc lụn dần.

Sáu ngồi dậy, vuốt ngược hai cánh tóc xoã ra hai mang tai. Đặt mồi thuốc lào, châm lửa xong, Sáu kéo một hơi dài. Làn khói trắng phun ra tản mạn trước mặt Sáu, tăng thêm vẻ đờ đẫn của va. Tôi có cảm tưởng Sáu là một thằng đẫn thua cay luôn mấy canh bạc.

Cánh cửa liếp kẹt mở, một người vận âu phục và một người cao lênh

khênh ủ tay vào hai nách bước vào. Anh chàng rỏng rớt như người đàn bà ốm sài mòn, nói:

- Anh Sáu chưa đi ngủ, còn nằm đợi giao thừa hẳn?

Đoạn, hắn cười se sẽ và trỏ Sáu giới thiệu với người vận âu phục:

- Thưa ông, đây là anh Sáu H.G, đàn anh chúng tôi.

Người vận âu phục liền ngả mũ dạ chào và cười một nụ cười hóm hỉnh. Sáu H.G lại nằm duỗi trên cánh phản, nâng dọc tẩu lên gần ngọn đèn. Tôi thay mặt Sáu hỏi người vận âu phục:

- Ông muốn hút thì nằm xuống đây, chúng tôi nhường bàn đèn cho.

Tôi quay bảo Hiến, anh chàng gày và cao, trần một cái áo tây vàng sã vai và cái quần thâm xoạc gối phải dúm bằng mấy sợi gai.

- Anh đi mua thêm mấy xu dầu và đun nước pha chè.

Hiến không đáp lời tôi, trườn người vỗ vai Sáu H.G:

- Anh Sáu, khoan hẵng hút. Em có một chuyện quan trọng muốn nói với anh.

Sáu đưa nghiêng cặp mắt lờ đờ nhìn Hiến. Người vận âu phục nằm ghé bên mình tôi, thong thả nói:

- Thưa ông, tức là anh Hiến đây thay lời tôi xin ông giúp cho một việc.

Sáu nhếch cặp môi thâm như hai miếng chả trâu ôi, ngắt lời người nọ bằng một câu hỏi rất tự nhiên, trơn tru của nghề nghiệp:

- Ông lại muốn nhờ tôi lấy máu của một kẻ thù chứ gì?

Người vận âu phục mỉm một nụ cười. Tiếng nói của va run run vì những cảm giác mãnh liệt kích thích. Ôm lấy cặp mắt vụt sáng ngời, đôi lông mày rậm của va chau lại:

- Ông đoán trúng đó. Vậy xin ông giúp tôi để tôi rửa cái vết nhục lớn này.

Im lặng một hồi lâu, người vận âu phục nói tiếp bằng một giọng căm hờn:

- Thằng chó đểu! Nó thuê vợ chồng tôi làm công cho nó, rồi nó dùng tiền mê hoặc vợ tôi, nó vu cho tôi ăn cắp đồ hàng của nó để bỏ tù tôi, sau đó cướp vợ tôi. Tiếc thay, tôi còn mẹ già và một đàn em dại nên không thể vác dao băm nó ra làm nghìn mảnh được!

Nét mặt đen sạm của người ấy vẫn tối tăm, vẫn giữ những vẻ phẫn uất tới cực điểm của một lòng đau khổ, tủi nhục:

- Vì vậy, nghe thấy nói ông là một kẻ trọng nghĩa khinh tài, một tay chơi can trường, tôi đánh bạo ngỏ ý nhờ ông trừ bỏ một thằng khốn nạn đã làm hại tôi và không biết bao nhiêu người khác. Ngay bây giờ, tôi xin đưa trước ông một số tiền tiêu Tết.

Tôi chợt thấy mắt Sáu H.G sáng lên, và trên làn da xanh bủng, đôi mày lơ phơ giãn ra, miệng hơi hé mở, lộ hai cái răng nanh bịt vàng. Tôi nhìn thấy sự thương xót lấp lánh trong cặp mắt Sáu, cặp mắt bỗng trở nên sắc và sáng như lưỡi dao cạo vừa liếc vào miếng da thấm nhiều dầu. Bất giác tôi trông lên đình màn, tưởng đến con "đoàn" lâu ngày không đẫm máu.

Nhưng Sáu H.G đã dịu ngay nét mặt, chép miệng ôn tồn bảo người vận âu phục:

- Thấy chú Hiến nó dẫn ông đến đây, lại nghe ông kể về những nỗi áp bức làm thâm gan, tím ruột ông, tôi rất có cảm tình với ông. Nhưng tiếc thay, tôi không thể nào giúp ông được. Vậy xin ông bảo chú nó dẫn đi tìm người

"chơi" khác. Tôi rất ân hận không giúp được ông, tuy chính tôi cũng đang lo tiền tiêu Tết.

Tôi ngạc nhiên nhìn thẳng vào mặt Sáu H.G lúc bấy giờ bì bì trước ánh đèn dầu lạc vàng ngà ngà. Mắt tôi đưa suốt một lượt trên thân hình Sáu, nằm dán xuống manh chiếu bẩn thỉu chẳng còn nổi cạnh những thớ thịt đen bóng như mun.

Sáu nói tiếp, giọng của người ngái ngủ:

- Ông bằng lòng vậy. Thôi, chú Hiến dẫn ông đi kẻo lỡ việc.

***

Nhịp theo tiếng giọt tranh tí tách, Sáu đặt cái dọc ngang bụng, lè nhè ngâm:

- Nhất đăng thiêu tráng sĩ.

Tấc trúc mạt anh hùng.

Sáu láy lại:

-... mạt anh hùng ư... ư... mạt anh hùng...

Không còn một vẻ gì ngang tàng ngạo ngược trên nét mặt đờ đẫn của tay chơi. Mắt Sáu H.G lúc bấy giờ lờ đờ như ngọn đèn dầu lạc mờ mờ giữa cái khay bẩn thỉu. Núm ria bằng con đỉa vắt trên môi thâm sịt làm biểu hiện cho sự bệ rạc, mềm yếu.

Tiếng gió rét thỉnh thoảng rướn lên cao như tiếng sáo diều chợt gặp luồng gió mạnh. Những chòm cây lù mù trong làn mưa bụi âm thầm nhắc người ta tưởng đến những cái gì cằn cỗi sắp thối rữa đương quằn quại trong bóng tối. Ánh đèn điện mờ thê thảm vô cùng, thà tắt đi còn hơn.

Trong tiệm, làn không khí càng lạnh lẽo, u uất. Mấy cái giường thấp lè tè như đã gí xuống tận mặt đất nhớp nháp. Bức vách quét vôi trắng lâu ngày đã trở nên vàng khè, đầy vết bẩn, tăng thêm những cảm giác khó chịu cho người nhìn, như cái màu nâu cặn nhuộm những đồ vật ngổn ngang ở các xó nhà.

Trong cái im lặng riêng biệt của tiệm hút lúp xúp vắng khách, Sáu cất tiếng thở dài:

- Tôi đã đến thời kỳ cùng mạt rồi!

- Sáu nói lạ!

- Thật đấy! Bây giờ thì tôi đành cởi giáp xin hàng bất cứ kẻ nào sinh sự với tôi.

- Nghĩa là Sáu không thèm chấp, nhưng đã có đàn em "thưa chuyện" hộ cho.

Sáu H.G lắc đầu uể oải:

- Ông lầm! Tất cả chúng nó đều đá đít tôi rồi!

- Nhưng vẫn còn con "đoàn" oanh liệt.

- Nó han gỉ rồi.

Tôi ngạc nhiên hết sức. Tôi không hiểu tại sao trước đây hai năm, Sáu H.G nhanh nhẹn, vui vẻ, nói năng toàn bằng một giọng kiêu căng mà nay lại biến đổi khác hẳn như vậy? Ngắt ý nghĩ tôi, Sáu H.G nói:

- Tôi chẳng còn can trường một tí nào. Đấy, ban nãy có người đến thuê tôi lấy máu, tôi phải chối từ liền. Ông xem thì đủ rõ.

- Sáu dư tiền tiêu sài nên không cần "đi" chứ gì?

Sáu H.G yên lặng nhìn tôi, mắt như ướt át:

- Ông tính ngày nay bám vào con vợ "dao cạo" (1)hạng "tã" thì đào đâu ra dư tiền?

Tôi nằm yên, chú hết tinh thần nghe Sáu kể cái tâm sự chua chát của va:

- Hơn hai mươi năm đi chơi, tôi đã kiệt lực rồi! Bao nhiêu năm tù tội đã làm thối chí, núng lòng tôi. Tôi chán hết, ngán hết mọi sự đời...

Mắt lờ đờ như đắm đuối vào quãng quá vãng đầy những kỷ niệm mỉa mai, cay chua, Sáu nói tiếp:

- Nếu không vì con Liên, tôi quyết ăn, hút một bữa cho đã đời rồi đâm đầu xuống sông cho rảnh kiếp.

Nhếch một nụ cười thê thảm trên cặp môi xám xịt, Sáu hất hàm hỏi tôi:

- Ông còn nhớ Liên chứ? Con trùm "phỉnh" (2)ở các săm từ Hàng Bông tới Yên Phụ ấy mà. Liên nó yêu tôi, lấy tôi, rồi cung phụng tôi như ông hoàng, chỉ vì muốn "vây" với các trùm "phỉnh" khác rằng "cậu" nó là anh chị. Cũng vì núp dưới sự ngạo ngược của tôi mà nó làm nhiều tiền và dễ dãi: ở săm nào nó ngủ cũng không mất tiền, bảo xe nào cũng phải kéo không, bắt tụi ma cô kiếm được "cốc" cũng phải dẫn đến cho nó.

- Tôi đã sống với nó hơn tám năm, nhưng...

---

(1) Dao cạo: gái làm tiền.

(2) Phỉnh: đĩ.

Ngừng lại một giây để thở dội lên một cái, Sáu H.G nói tiếp:

- Mỗi khi nghe nói đến tiếng "nhưng" ông đã biết trước những cái éo le trong câu nói ngập ngừng ấy chứ gì? Thật éo le quá ông ạ! Con Liên và tôi bị một thằng đàn em nhân tình với một con "phỉnh" mới mọc mũi chém sả vai, vì vợ tôi và "miềng" (3)thằng nọ tranh nhau "cạo" một con "bò" (4). Thằng nọ bị hai năm tù, nó chưa được ra thì Liên lăn cổ ra chết. Vì thế nên tôi mới phải gắn bó với con "dao cạo" cùn lưỡi hiện giờ.

---

(3) Miềng: nhân tình.

(4) Bò: kẻ ngu ngốc và nhiều tiền.

Bỗng nhiên như bị một sức mạnh gì kích thích, Sáu H.G vùng ngồi dậy, mím môi lại, rít tiếng nói:

- Gắn bó với con này và mở tiệm thuốc nấu này để kiếm miếng ăn, điếu thuốc, tôi nào có sung sướng gì đâu! Nằm chúi một xó không muốn "đi" đâu, chỉ vì tôi gắng gượng chờ đến ngày thằng đàn em và tụi nó ở tù ra để lấy máu cả bọn rửa nhục cho tôi và vong linh con Liên vợ tôi.

Tôi mở mắt to hơn nhìn. Mắt Sáu bỗng sáng quắc như một con thú dữ bị một vết thương tê buốt. Tôi cảm động và ghê sợ cho cái ý nghĩa của sự chịu đựng của Sáu H.G, một tay chơi về già, một hạng người cắn cỗi.

Thì Sáu đã vùng đứng lên, rút con dao giắt trên đình màn ra. Y chém một nhát mạnh xuống cạnh phản. Để lưỡi dao ngập sâu vào gỗ, Sáu cười gằn bảo tôi:

- Ban nãy tôi nói thế là nói đùa, chứ đời nào con "đoàn" của tôi han gỉ, đời nào tôi chịu hàng phục một ai, đời nào tôi để đàn em khinh tôi, và đời nào

cảnh tù tội làm núng lòng, thối chí tôi!

Vừa nói, Sáu vừa cầm bàn tay tôi vuốt nhẹ lưỡi dao như người mẹ đưa đứa con hồng hào xinh xắn của mình cho người bạn quý mơn trớn:

- Đấy ông xem, con "đoàn" tôi thửa lần cuối cùng cũng "sứa" (5)như những con "đoàn" trước phải không?

---

(5) Sứa: sắc

Qua cửa sổ, một luồng gió rít lên. Xa, gần bỗng nổi ran tiếng pháo giao thừa quanh mình tôi, một thứ hơi lành lạnh. Tôi ghê rợn tưởng như khí lạnh ấy ở lưỡi dao sáng kia hắt ra, và đưa trên lưỡi dao, bàn tay tôi như đã đẫm chút máu người.

1938

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Tội Ác

Thịnh không còn nhớ hôm ấy chiếu phim gì. Phim buồn lắm thì phải. Buồn đấy không có nghĩa là cảm động, mà khiến người xem chán ngán, phải ngáp luôn. Nhất là Thịnh, với những ý nghĩ thấm thía ấy trong tâm trí, càng thấy sự nhạt nhẽo quá chừng của những phút yên lặng ngồi trước một màn ảnh ngây ngô.

Vào xem, Thịnh không mất tiền vé, Toàn, bạn Thịnh thấy Thịnh lảng vảng trước cửa rạp, liền khoác ngang tay, kéo ra một chỗ:

- Đi xem à?

Thịnh nhìn vẻ mặt vui mừng xoắn xuýt của Toàn thì biết ngay anh bạn này thế nào cũng vay tiền mình.

- Tiếc quá, tôi chẳng có một xu nhỏ nào Toàn ạ!

Thịnh đã tưởng Toàn sẽ chưng hửng vì câu nói ấy, sẽ phải ngượng nghịu khổ sở. Thịnh còn e ngại: nếu Toàn biết mình hổ thẹn vì không giúp bạn được một việc như thế. Nhưng không, Thịnh đã lầm! Toàn mỉm cười vỗ vai Thịnh:

- Tôi có hỏi vay anh đâu mà anh đã vội chối. Tôi mời anh đi xem phim cơ mà. Anh muốn ngồi hạng nào cũng được.

Thịnh chau mày nhìn Toàn. Toàn rành rọt cắt nghĩa:

- Đây tôi chỉ có một hào. Nhưng dúi cho thằng soát vé kia - Toàn chỉ một người mảnh dẻ ngồi bên - rồi mình vào ngồi xem ở hạng nhì hay hạng ba tùy ý.

Thịnh còn dùng dằng, Toàn đã kéo luôn vào cửa. Lúc đó không có ai đi lại gần đấy. Người xem ảnh quảng cáo dồn cả về phía cửa bên kia. Anh soát vé thấy hút Toàn tiến đến, liền đưa nhanh mắt lấm lét nhìn. Cặp mắt trong quầng thâm loang loáng như lưỡi dao cạo liếc nhanh. Sự gian lận làm rung rung cánh tay hắn khi hắn đưa tay ra vờ xé vé. Thịnh cũng là một kẻ cắp rồi.

Thấy Toàn không đưa mình vào ghế mà còn dẫn đi dẫn lại, Thịnh hỏi thầm, thì Toàn khẽ đáp:

- Bây giờ còn vắng lắm, mà những thằng đi lậu như mình cứ tuôn cả lên ghế trên, chủ nó biết mất. Anh chịu khó chờ đến lúc tắt đèn sẽ ngồi.

Nhưng đến lúc nổi hồi chuông thứ ba, mặc dù Toàn trà trộn vào hạng trên, Thịnh không bỏ cái chỗ ngồi ở dãy ghế chót kia. Sau phim thời sự, thấy tâm trí rối loạn vì những sự băn khoăn, Thịnh muốn ra về. Song hai giờ trước, đã đi bộ quá nhiều, Thịnh đành ngồi rốn lại cho hai ống chân hồi sức.

Nét mặt xanh xám lấm lét của người soát vé càng bám chặt lấy trí tưởng tượng Thịnh. Cái cảm giác ghê rợn khi bàn tay xương xương run run của hắn giơ ra nắm lấy bàn tay Thịnh vẫn riết chặt lấy Thịnh. Thịnh không trông lên màn ảnh, lờ đờ nhìn ra ngọn đèn đỏ trong một lồng kính có những nét chữ đen ở lối đi bên. Bóng tối của những góc tường và màu ximăng xám nhạt làm dịu mặt Thịnh. Thịnh cố tìm tòi một sự giải quyết trong làn ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn nhả xuống.

Vào một buổi trưa mùa hè nhưng Thịnh không thấy bức lắm. Lòng Thịnh dần lắng lại, tai Thịnh để cả vào một thứ tiếng thì thầm trong sự yên lặng nặng nề.

Người soát vé không phải ngồi đón khách. Hắn nhẹ nhàng bước đi bước lại từ cửa ra vào đến bục gỗ dưới màn ảnh. Thân thể hắn gầy còm, thấp, lướt bóng trên mặt tường. Cái bóng mờ quá gần tan hắn với màu vôi nhợt nhạt. Thỉnh thoảng hắn lại ngước đầu nhìn về một góc nhà. Hai con mắt lấp loáng trên gương mặt xám ngắt. Rồi hắn lại cúi đầu xuống như bắt đầu vội vàng sắp chạy trốn.

Người xem vẫn im lặng. Một vài đứa nhỏ cựa quậy trong lòng người lớn. Luồng điện chiếu lên màn ảnh thả một làn ánh sáng xanh xuống những bóng người ở suốt dãy giữa. Khói thuốc lá cuốn lên rồi tản ra trong thứ bụi sáng biếc đó.

Thịnh như không nghe thấy tiếng nói của máy phát thanh. Thứ tiếng thầm thì ấy càng rõ rệt bên tai anh. Nó là tiếng trống ngực của người soát vé hay tiếng rên xiết của nỗi lo sợ vì những lời dọa nạt làm một người khi phạm tội thấy bất kỳ cái gì cũng có thể tố cáo hành vi bất chính của mình?

Một lúc lâu sau, người soát vé gieo mình xuống cái ghế bên cánh cửa, dưới ngọn đèn đỏ, gần chỗ Thịnh. Thịnh có thể nhìn rõ mặt hắn. Hắn còn trẻ lắm, hăm ba, hăm bốn là cùng. Trán hắn còn nhẵn bóng, gò má hắn cao nhưng là vì khổ mặt hốc hác. Cằm hắn lẹm, yết hầu lộ rõ rệt. Với mớ tóc húi cao và cái áo dài thâm cùng đôi giày cao su, tất cả những nét trên đều cho biết hắn là một người học trò quê mùa, nghèo nàn hiện đang là đứa con " cơm gạo " của một gia đình khốn khó. Thêm sắc da xám ngắt và hai quầng mắt thâm đặc, gương mặt kia còn kể đến cả những ngày đói rét học thâu đêm, những giờ mệt nhọc, ốm yếu mà vẫn phải gắng gượng đi làm, những lúc chết hắn người trong sự đay nghiến vì làm không đủ ăn. Trời, nếu hắn còn đa mang vợ con, mà người đàn bà nọ lại đần độn, mấy đứa trẻ lại sài đẹn quặt quẹo luôn!

Một luồng khí lạnh chạy ran khắp não cân Thịnh. Thịnh day day môi giữa hai hàm răng. Anh thấy mình đương sống trong một thảm kịch mà người soát

vé lại là vai chính.

Thân hình xơ xác của phạm nhân diễn tả một cách đầy đủ và rõ ràng những nguyên nhân của tội ác. Sự lo lắng, bứt rứt trong và sau khi phạm tội là tiếng nói của phạm nhân trước bản án của lương tâm. Và thái độ ủ rũ ấy là hình ảnh sự đau đớn khi phạm nhân chịu hình phạt.

Người soát vé đã nhúng tay vào tội ác mà vẫn sáng suốt lo lắng và đau đớn thấy mình gian trá nhưng phải làm. Lương tri của con người không mất! Phạm nhân chỉ là kẻ bị động, chỉ là một nạn nhân của sự cùng cực.

Đèn điện bỗng bật sáng. Tiếng cười ồn ào và tiếng ghế ngồi bị xô đẩy đập mạnh vào tai Thịnh. Thịnh chụp mũ lên đầu rồi lẳng lặng ra sau cùng. Gần ra khỏi cửa, Thịnh còn quay lại nhìn người soát vé.

Đến ngày nay, gương mặt hốc hác xanh xám và những cử chỉ run sợ cùng dáng điệu bơ phờ của "Người ăn cắp" nọ vẫn rõ ràng trong trí tưởng tượng Thịnh. Và những ý nghĩ băn khoăn kia nổi dậy luôn luôn.

1938

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Mối Hờn

Mắt họ đều sáng cả lên, dồn vào người khách. Người nọ cúi mặt xuống, xiết xiết móng tay lên chiếu. Nét mặt y tối thêm. Cái nước da dầu dãi ấy sạm hẳn lại trước ánh sáng gay gắt của ngọn đèn dầu tây vặn cao, khói ngùn ngụt. Mãi y mới cất tiếng run run:

- Thôi, như thế này thì xin các anh em vui lòng giúp cho. Đây tôi còn đúng một chục bạc, tôi đưa hầu nốt cả anh em. Tôi xin thề với quỉ thần hai vai rằng nếu tôi có thể xoay giở thêm được nữa thì bóng đèn này tắt, tôi tắt theo, không còn được về mà ăn thêm một Tết nữa với bố già và hai con dại của tôi.

Lùn đưa mắt nhìn Ba. Ba ngước lên trông Giản. Nhưng Giản vẫn đăm đăm. Minh Trổ đứng bên Giản liền cười nhẹ mấy tiếng rồi bàn tay phải cụt hai ngón của hắn lừ lừ đưa ra nắm lấy bàn tay rung rung của người khách:

- Vâng! Ông đã cạn nhời nói như thế anh em xin nhận và xin hết sức giúp ông. Nhưng anh em muốn thưa với ông điều cuối cùng này là công việc xong xuôi, ông để lại cho anh em con "đoàn" này.

Người khách chớp mắt một cái. Y lại cúi mặt xuống, môi mím mím. Một lúc sau, y bật ra một tiếng thở gắn đoạn nắm chặt lấy bàn tay tàn tật của Minh Trổ, nói như nức nở:

- Thôi, được anh em rửa cho cái nhục này, tôi há còn dám tiếc nó - Y lắc đầu - Vậy tôi xin biếu anh em và mong anh em giữ gìn nó cho vì nó là cái vật tự tay tôi làm ra mà hai ba năm nay không bao giờ tôi dám rời nó hoặc không

tơ tưởng đến nó.

Người khách rút cái ví da cũ, lấy tập bạc đặt lên lưỡi dao để trước mâm rượu. Y xoa xoa tay, khẩn khoản nói với bốn người nọ một hồi nữa mới chụp mũ lên đầu đi ra.

Vút ... ào ào ... cái thân hình còm cõi, quần áo xốc xếch ấy chưa lách ra khỏi cánh cửa liếp, gió đã lồng vào. Một cái lạnh tối thẳm cuốn lấy tiếng pháo xa xa, đâu kia, lác đác ran.

***

- Thôi anh em cạn chén nữa đi cho kẻo Giao thừa đến nơi rồi. Minh Trổ bỏ tập bạc vào cái đĩa, đặt lưỡi dao nằm đè lên rồi đập chén thình xuống giường, cười sè sè:

- Rót! Vậy tôi xin rót tiếp cho anh em ...

Đón lấy chén rượu của Minh Trổ đưa, Ba cũng chưa ngồi vào chỗ vội. Hắn bóc bao nến, lấy hai cây tốt, cắm lên mặt bàn sau giường. Gian nhà rực rỡ hẳn lên với những bức tranh Tầu rất sặc sỡ và những hoa giấy lòe loẹt khắp cả bức vách. Bốn chén rượu rung rung nhấc lên. Mặt mọi người đỏ thêm, mắt càng long lanh. Như không phải vì men rượu bốc lên ở những gương mặt nọ mà là máu của người sắp bị lưỡi dao mỏng và nhọn hoắt trên đĩa bạc kia đưa suốt qua cổ họng hay ngập sâu vào giữa ngực. Sự sống chết của nạn nhân này đã được đánh giá bằng hai mươi đồng bạc. Người khách tìm đến bọn Lùn, Trỗ một cách gấp rút như thế bởi mối hờn của y đêm nay mà không rửa được thì suốt đời y sẽ bị nung nấu, bị điên cuồng vì đau tủi.

Y đã bị vợ phụ tình: vợ y bỏ y và hai đứa con vẫn còn mến vú theo một tên bạn của y, lẳng giai và tài xoay xở. Tên bạn còn cướp nốt cả miếng ăn của y: y đương làm cho chủ bỗng chủ đuổi y sau một cuộc khám xét thấy nhiều

đồ dùng của sở giấu trong nhà y mà y đã mấy năm mua gian bán lận rất trôi chảy. Hơn hai năm nay y thất nghiệp. Cảnh đói rét và có lẽ chết chóc tan nát nữa, sẽ đến nếu chỉ một vài tuần lễ nữa y không vay mượn thêm được ai hay được việc gì làm. Hôm 23 đây y được tin vợ y và kẻ thù vừa ở Sài Gòn về, đem hàng bạc nghìn về tậu ruộng, sắm sửa, may mặc. Mồng hai tết cặp nọ lại vào trong ấy. Chuyến này thì thật y hết trông mong hắn và người đàn bà kia trở về đất Bắc ...

Những chén rượu đầy lại cạn. Ba hất mạnh cánh tóc cánh gà lên, mắt gờm gờm đưa lướt qua mâm rượu và qua mặt các bạn:

- Anh em! Định ai đi bây giờ?

Vừa nói Ba vừa giơ cái cánh tay trổ quấn một mình rắn và những đáo hoa lăm lăm:

- Không! Không ai cả! Phải phần tôi!

Lùn cười gằn, cái cằm vuông bạnh ra:

- Sao lại phần anh? Sao lại không phần Ba, phần Giản, phần Đậu Nhất hổ này? Không! Không phần ai cả!...

Ba gừ một tiếng, bàn tay nắm chặt đưa đi đưa lại trước mặt:

- Không! Không! Lần này xin anh em để tôi. Đã lâu lắm rồi tôi không được động đến con "đoàn" "sứa" (1)nào cả. Tôi cũng nhớ anh em trong "hỏa loẹt" (2)lắm rồi! Tôi đã đến nỗi nào đâu! Ha ... ha ... Anh em khinh Ba này quá!

Giản vẫn im lặng, duy có cặp mắt càng loáng lên, ngầu ngầu nhìn mọi người. Minh Trổ hất hàm:

- Kìa Thiết Giản! Nghĩ gì mà lung thế? Buồn chăng? Giời ơi! Việc gì mà phải buồn? Sao đến lúc này đông anh em mà vẫn còn buồn?!

Giản nhếch mép cười, uống cạn chén rượu. Môi dưới của Giản thâm nhợt và bị xẻ đôi hơi mím lại. Minh Trổ vội quài tay lấy chén rượu rung rung trong tay Giản mà rót ồng ộc vào chén mình:

- Giản "sưa" (3)rồi sao? Thôi, để Minh đỡ vậy ... A ha ha ...

Trước cặp mắt Giản lừ lừ đưa nhìn, Minh Trổ thoáng có một ý nghĩ rờn rợn. Hắn vội cười và quay rót cho Giản:

- Nói thế chứ, Giản "sưa" làm sao được! "Diễn hàng bo" (4)Giản đánh ngã cả Bẩy Nhè bên Hạ Lý thì giờ mươi chén này mùi gì! Đây, tôi lại tiếp Giản đây. Kìa! Giản! "cộng" (5)chén rượu của tôi mời đi.

---

(1) Sứa: sắc.

(2) Hỏa loẹt: đề lao.

(3) Sưa: say.

(4) Diễn hàng bo: uống từng bát.

(5) Cộng: cầm.

Ha ... ha... ha... Minh Trổ cười sằng sặc và cất cao giọng:

"Ai đưa... tôi đến... chốn này...

Bên kia... tòa án... bên này... lao đề lao..."

Hát xong, Minh trổ lại cười sằng sặc, vỗ vai Giản:

- Đây còn là "hỏa loẹt" nữa đâu, Giản ơi! Và bữa rượu này có phải bữa rượu vào phép, quây quần, chen chúc nhau ngồi "mổ" trên xà lim với những bát gáo dừa đâu?

Giản vẫn không nói. Chợt y đặt dằn chén rượu xuống cạnh mâm, quay lại với lưỡi dao, đưa ngược lưỡi dao trông thẳng lên sống mũi mình. Đôi mày rậm và xếch chau lại. Giản thong thả buông tiếng:

- Trong anh em đây ai cũng có thể đi được cả, và chính tôi, tuy - Giản cúi cúi mặt, ngừng lại một giây - thôi! bất tất phải nói. Vậy không nên anh em nào tự nhận "bồng" (6)"đoàn" mà chỉ nên ...

---

(6) Bồng: đem.

Lùn vội kêu lên:

- Chọn bài, a! Như thế lại theo cái lệ chọn bài. Không! Không! Xin anh em cứ giao "đoàn" cho Đậu Nhất hổ này.

Giản vươn tay đặt lên vai Lùn, cười:

- Như thế lại Minh Trổ, lại Ba và cả Giản nữa cũng đòi "đoàn" thì sao?

Mắt Lùn long lên nhìn Giản. Giản lắc đầu và vẫn giữ nụ cười trên cặp môi bị chém xẻ làm đôi. Giản kéo Lùn ngồi hẳn xuống đoạn quay lại, với lấy một cọc bài tổ tôm trên mặt bàn. Giản rút ra bốn cây, một quân nhị văn, một quân tứ vạn, một quân nhất sách và một quân bát vạn.

- Thôi đây, anh em nên chọn đi.

Minh Trổ thoáng nhìn Giản. Hắn run run muốn bảo Giản một nhời, nhưng không hiểu sao cổ họng hắn như tắc và lưỡi thì ríu lại. Bên cạnh Minh, Lùn lại chồm lên, toan nói nhưng Ba liền kéo lấy hắn:

- Như thế phải rồi! Đúng rồi! Đây, tôi ... (Ba rút phắt một cây bài úp lên, quật đét ra chiếu) - A! Quân nhị văn... quân đen...

Lùn cũng vội tranh rút theo, nhưng hắn thất vọng, gắn tiếng:

- Nhất sách! Cũng quân đen!

Hồi hộp.

Minh Trổ lại đưa mắt nhìn Giản, một trong hai người cuối cùng mà sự ngẫu nhiên sẽ chọn đây. Thì Giản đã nhoai người ra, nhắm nghiền mắt, vơ lấy hai cây bài trên chiếu, trang đi trang lại. Mọi người đều tưởng sắp hoa cả mắt trong cái giây chờ đợi. Ai "bồng" "đoàn" đây?!! Ai "bồng" "đoàn" đây?!!

Đét! Như một tiếng roi da quất nhanh lên da thịt người, cây bài đỏ đã vật ra chiếu:

- Bát vạn! A! Bát vạn! Thế là Thiết Giản "bồng" "đoàn" rồi!...

Lùn vồ lấy cây bài, Ba thì reo lên.

Trước ánh đèn nến ngùn ngụt, cây bài nền trắng in hình con cá và những hoa chữ đỏ tươi nổi bật lên như thật một con cá đẫm máu vùng giẫy. Mặt Giản bừng đỏ. Mắt Giản lấp lánh. Giản, Minh Trổ không nén được những nhịp thở hổn hển, đành để dội ra luôn mấy tiếng gắn. Minh đau đớn... Minh đau đớn... Minh thấy sao Giản lại chọn phải quân bài đỏ ấy? Lần này thì Giản thoát sao khỏi được án chém nếu đêm nay Giản lại đem dao đi lấy dấu. Giản vừa vượt lao ra. Giản chưa khỏi những vết thương của lính bắn và của bức tường mảnh chai đã làm Giản bại cả một nửa người. Và Giản cũng còn bố già

phải nuôi nấng. Người cha này tam tứ phen đã cầm dao đuổi chém Giản. Ông bảo ông chết thì thôi chứ không nhận cái đứa con du đãng như Giản. Tiếc rằng ông không được biết sớm sự hư hỏng của Giản chứ không ông quyết trôi sông Giản ngay từ thuở Giản mới nhớn và ngạo ngược. Trước kia ông vẫn sống bằng cái chõng trầu nước bán cho những phu xe ở đầu đường. Gần đây ông bị mù, ông phải ở nhà chữa cái quang cái gánh, cạp lại cái rổ, cái rá cho quanh xóm để kiếm bữa rau bữa cháo...

Tiếng cười ha hả của Giản cắt đứt ngay những ý nghĩ của Minh. Giản đã cầm lấy đôi đũa và lại nhắm nghiền mắt lại. Tay Giản rung rung gắp vào đĩa thịt gà.

- Anh em! Tôi gắp được miếng gì đây nào?

- Cái đầu! A! Cái đầu! Giản ạ.

Ba nói như reo lên.

Cái đầu gà! Phải, chính cái đầu gà luộc còn dính óc trắng và một nửa vỏ vẹt đi, giơ cao trước mắt mọi người. Cái đầu của người bị thuê chém mà Giản chọn phải!

Giản đã mở mắt. Mặt Giản tím lại. Hắn lừ lừ nhìn con dao và cái đầu gà.

Xoảng... Đôi đũa vứt lăn ra mâm. Giản nhoài người với lấy lưỡi dao. Minh Trổ toan giằng lấy, Giản liền vung tay, mắt long sòng sọc:

- Sao lại thế? Kìa! Sao Minh Trổ lại định tranh hàng của anh em?

Giản ngửa cổ, uống ực chén rượu đầy tự tay mình rót rồi gạt phăng cái ghế dưới chân giường, bước xuống, giơ cao lưỡi dao sáng loáng:

- Thôi Giản đi đây. Sang năm mới, sáng sớm mồng một anh em nhớ đón

Giản ở đầu cầu xe lửa...

***

Những tiếng gì đương làm vang động cả bầu trời khuya thế? Không! Chỉ là những tiếng pháo nổ và những tiếng chiêng, trống ran ran. Và những mùi thơm ngan ngát qua những làn gió thổi ào ào chỉ là những hương nhang hương trầm và hương thuỷ tiên hé nở thấp thoáng theo khói pháo.

Giản đi như chạy

Giản không tưởng tượng nhưng những cảnh rực rỡ cứ hiện ra trước mắt. Những gian nhà đèn nến, hoa lá sáng trưng... Những ban thờ đồng, sứ bóng lộn... những lễ phẩm từng mâm nhớn mâm bé... già, trẻ, nhớn, bé, hồng hào, tươi hớn... những tiếng cười... những tiếng chúc mừng...

Trong cái áo tây dạ tím và cái quần nhiễu đen cũ, da thịt Giản tê đi. Một cái lạnh chói buốt lao vào ngực Giản. Men rượu đã hả gần hết rồi! Đầu óc Giản càng hoang mang, đầy những tiếng rối loạn.

Giản cắn chặt môi, nhìn chênh chếch xuống đường. Mặt đường nhựa xám xịt. Những bóng lá chập chờn. Bên phải, sông Tam Bạc và bến tàu nam đen như mực, lù mù những thuyền, sũng, đò, sà lan chen chúc nhau như những con cá chết. Bên trái dẫy đằng sau của phố Khách, chi chít những ngõ ngách, những bức tường lởm chởm và những lỗ hổng rác bẩn và cứt đái: một dẫy hang sâu thẳm, không khí ầm ì chực nuốt lấy người ta. Bên kia, khu nhà thổ Hạ Lý đến giờ mới được im, thoát khỏi những sự quấy phá và những sự đâm chém nhiều khi chẳng ai hiểu ra làm sao.

Khu Giang Đông! Đây, Giản đã được gọi là Thiết Giản. Lúc này nó cũng bị ngập trong những lớp sương dầy. Những nhà Năm Lỳ, nhà Béo, nhà Khiễng và nhất là nhà Sửu Già phải đương khó chịu vì những tiếng khóc tỉ tê

mà những mụ chủ nọ chỉ có thể tươi cười, dỗ dành, vỗ về người khóc.

Giản cắn chặt môi thêm. Bước nhanh hơn nữa. Ngã ba phố Khách. Giản xuống đường, rẽ về tay trái. Gió thổi vào mặt ngày càng buốt. Cái mũ nồi đội bịt lấy cái đầu cạo trọc tưởng như không có. Đỉnh óc Giản như bị dội nước đá. Giản vội thu tay ủ vào nách.

- Suýtítít...

Giản kêu rít lên, khe khẽ. Lưỡi dao gài ở túi áo trong cứa vập phải tay. Giản giật tay ra. Thấy rát và ươn ướt, Giản giơ chỗ đau rớm máu ra ánh sáng cây đèn bên đường, mút vội những giọt máu. Nhổ dứt bãi nước bọt mặn lợm, Giản nhấc lưỡi dao ra, chau mày nhìn. Đến giờ, cầm nó ở trong tay và ngay dưới mắt, Giản mới nhận thấy rõ cái mỏng của lưỡi thép. Nếu không có cái chuôi sừng thì nó hệt như một lá lúa loáng sương mờ đêm trăng. Chỉ hơi đưa tay, lưỡi thép này cũng đủ suốt qua rất ngọt những khớp xương rắn chắc nhất. Giản nhìn thêm giây nữa rồi lật sang mặt kia. Một gợn sáng gai góc lướt qua mắt. Giản gõ nhẹ một ngón tay lên. Keng... keng... như là những tiếng của đồng chuông ngân sâu vào tai Giản.

Một hình ảnh vụt nổi lên.

Giản thở hắt ra một cái mạnh.

Giản tưởng đến lần trước đây, chưa đầy hai năm, cũng với một lưỡi dao, Giản chém sả vai một người để cướp món hàng lậu. Lần ấy Giản bị một năm tù và năm năm biệt xứ. Hết hạn, lại với lưỡi dao, Giản lại nay sòng bạc này, mai một cổng kho, một ngõ hẻm khác. Chưa được mấy tháng, vòng xích lại khoá chặt cổ tay Giản, và đây kia, xa một chút, sau những lùm cây lù mù, cái đề lao ấy lại giam Giản.

Lần này! Thôi lần này! Nhẹ thì cũng là cái "sổ đỏ chung thân" sẽ đóng

vào ngực áo. Hà Giang. Lai Châu. Côn Lôn... Đây Giản lại gặp những bạn bè tội lỗi. Tù... tù mãi rồi đi đầy... rồi hết đời! Năm nay Giản hăm sáu. Hai mươi sáu tuổi thế mà hết một đời... Khốn nạn! Sao lại thế? Bố mẹ đẻ ra Giản cũng đủ cả, khỏe mạnh, tinh nhanh mà sao đời Giản lại thế? Kìa kìa... cái trường Bonnal ngày xưa Giản hai buổi cắp sách đi về, cũng quần chùng áo dài, cũng được tiền ăn quà, tiền đánh đáo, chơi bóng dù bố Giản chỉ là cu ly kéo xe và mẹ Giản bán rau rong phố. Ừ, nhà nghèo, không được theo đòi lên tận những lớp thành chung, cao đẳng, nhưng bố mẹ có dám để cho Giản ra đời một cách lêu lổng đâu? Mười lăm, mười sáu tuổi, như những trẻ cùng xóm khác thì đã phải đeo cái hòm lạc rang, cái rá bánh rán buôn bán đỡ đần cha mẹ đồng rau đồng mắm. Đây Giản cũng vẫn ngày hai buổi đi tập việc rồi về cơm nhà, quần áo nhà, tiền thuốc lá, cạo đầu cũng của nhà. Như thế thực Giản sướng lắm! Chính bố Giản thường nghiến răng chỉ vào mặt Giản:

- Quân súc vật! Mày lại không biết rằng bố mày là thằng cu ly, rạc đời trên cái tay xe à? Nhận của cai tầu xe, bố mày chỉ thiếu của nó dăm xu, nó cũng chửi cũng đánh vùi đánh dập bố mày. Còn mẹ mày, đầu đường cuối chợ, có đói thì thắt cho chặt cái bụng mà đi kiếm gạo về nuôi mày. Thế mà mày không biết chịu khó, không chịu chăm chỉ học tập làm ăn, thì đời mày còn ra cái gì. Mày miệng đọc tay viết mà không chịu nghĩ cách mở mày mở mặt, cất đầu cất cổ thì mày còn là cái giống người sao được?!!! Giời ơi, sao tôi đẻ nó ra, tôi hết sức vun xới cho nó mà nó cứ lông bông thế hở giời?! Sao trước kia bố mẹ tôi lại không chịu dạy dỗ cho tôi học hành để tôi phải chịu cái đời khổ sở nhục nhã thế này?!

Giản đã khóc. Giản lại đến xưởng với bộ quần áo xanh lấm láp, chúi mắt chúi mũi vào công việc. Nhưng chỉ được ít lâu, Giản lại buồn nản không thể chịu được. Giản thấy mệt mỏi, một cái mệt mỏi đen kịt khiến Giản không thể giữ nổi một chút gì vui, tin vào cái đời sáng sủa mai sau. Chung quanh Giản, người ta chăm chỉ làm ăn đấy, từ phu, từ cu ly, từ thợ đến cai, đến ký thế mà quanh năm suốt tháng và tới già, chỉ càng ngày càng xơ xác, túng thiếu cùng

cực. Thạo nghề hay không nghề, giỏi giang cũng như vụng về, nay đương có việc mà mai đã bị dãn ra rồi, không thế thì cũng bị rút lương, bị đe dọa phải có lễ lạt, dần dần cũng đến thất nghiệp, công nợ, đói rét nheo nhóc, rạc rài... Vậy nếu Giản có chịu khó, có thành thạo thì cũng chỉ vài năm là cùng được làm ăn đều hòa rồi sớm tối cũng lâm vào cái cảnh sống dở chết dở để sau cùng thì bán thân xác đi phu cao su, phu mỏ, dốc nốt khí lực ra rồi chết... Ấy là Giản một thân một mình, không đa mang vợ con gì. Chứ nếu có vợ có con mà con bồng con dắt, thì cái nhà mà Giản đi về sẽ thành một địa ngục mất. Bởi với cái lương ấy, với những công việc dằng dặc ấy, với sự sống còn đành trông vào may rủi ấy, Giản sẽ không còn được một phút nào nghĩ đến sự nghỉ ngơi, được một giấc ngủ nào đẫy mắt và biết thế nào là ánh sáng, là không khí, là hoa cỏ của giời đất ngoài ba chữ "vợ", "con" và "đói"...

Trong khi ấy, ngay trước mắt Giản, có một cảnh đời sao lại sung sướng, vui vẻ thế? Giản không mấy lúc không tưởng tới mà không bị cái tên của nó làm cho nghẹn ngào sôi nổi: người hàng phố. Cái gì của "người hàng phố" cũng như tiên cả. Từ sự ăn mặc, đi đứng, chuyện trò, cười nói, nhà ở, cửa hàng, vườn hoa, sân gác đều chói lòa. Nhất là những người Tây, những người mà ít khi Giản được đứng gần hay dám trông lâu lên mặt, thì Giản thấy thật là họ còn vui sướng hơn cả tiên. Không dám mơ ước được hắn như họ, mà chỉ được ăn mặc, đi chơi, ngồi ôtô và xem chớp bóng một giờ như họ thôi, Giản có chết cũng xin cam. Đời Giản, đời một người An Nam như Giản, được như thế là quá đủ mãn nguyện rồi!...

Một sự đau xót ghì lấy tâm trí Giản. Giản nổi gai cả người. Ngay đó, những tiếng pháo đằng đầu phố ran lên...

Giản chậm bước, thở hổn hển, nhìn hút vào những lớp bóng tối cuồn cuộn.

- Tít em! Tít em!...

Mấy tiếng đó bỗng rền rĩ bên tai. Nước mắt Giản liền ràn ra, Giản nức lên:

- Cái Tít! Giời ơi! Con này!...

Giản lại phải nghĩ đến Tít rồi! Cái người có hai con mắt sắc như nước và tiếng cười lanh lảnh này lại đến rồi! Giản đã mê Tít! Giản đã luôn hai năm chẳng còn biết gì ngoài Tít. Lấy hàng ngoài Sáu Kho, đón đường chặn đồ lậu, gác sòng bạc, chém người thuê... cũng vì Tít. Cái Tít em! Cả linh hồn của Giản. Giản chỉ xa Tít em một ngày cũng thấy choáng váng, như điên như dại. Mà Tít em càng ngọt nhạt với Giản, Giản càng lao đầu đi làm tiền, lao đầu vào lòng Tít, như bị say hoa mắt, như bị hút vào một làn lửa rực... Đùng cái, Tít lơ hẳn Giản. Cái Tít em bán cà phê bánh ngọt ở chợ đã thành bà Balô chủ chợ. Cái áo vải đồng lầm, cái quần nái, cái khăn vuông đã biến đi, nhường cho cái áo bồng vai, quần khít đũng, tóc uốn và nhuộm... rồi nào vàng, ngọc đầy tay đầy cổ. Tuyết An! Người đã đều gọi Tít bằng cái tên này. Tuyết An diện ôtô đi Đồ Sơn. Tuyết An diện ôtô đi chợ phiên. Tuyết An diện ôtô đi đăng-sinh... Tuyết An đã thành một bà tiên không còn nhìn qua Giản.

Ngay sau đó một tháng, Giản đi tù. Và những án tù bắt đầu từ đó cứ chồng lên đời Giản... Cả bầu trời như đổ sầm xuống. Giản phải đứng hẳn lại, chao đảo giơ tay với lấy cái cột đèn. Gục mặt lên cánh tay ấy, mặc cho nước mắt đầm đìa... Mặc cho đã nghiến rít lấy môi, sự đau rát vẫn cứ dội lên trong lòng Giản. Giản thở hồng hộc. Dưới cặp mắt Giản đầy những đốm sáng, lưỡi dao ở trong túi áo trật ra, rung rung, thích thích vào ngực Giản.

Chợt Giản đứng vùng lên, rút lưỡi dao ra, vút một cái vào không khí, rít tiếng:

- Tít em và thằng Sệ kia! Lần này thì chúng mày phải chết! Không! Giời ơi! Chúng mày phải chết.

***

Trưa hôm mồng một và suốt mấy tháng ròng, khắp tỉnh Hải Phòng và ra cả tới Quảng Yên, Hồng Gai, vào cả tới Vàng Danh, Uông Bí, rầm lên cái tin sau này:

Cả vợ chồng người Tây Balô chủ chợ bị chém nát nhừ. Hung thủ không lấy qua một vật gì. Khi chém xong lại tung tất cả vàng bạc, của cải ra đường rồi đốt nhà... Không chạy trốn, hung thủ rạch nát ngực mình và chết trên đống lửa...

1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Nhà Bố Nấu

Nói thế chứ bác Nấu làm gì có nhà. Một gian nhà lá lụp xụp, thuê tám hào một tháng, là chỗ ở của gia đình bác với những đồ đạc ọp ẹp lắt nhắt không bao giờ thay đổi. Khói bếp luôn luôn lùa vào đầy nhà khiến bà mẹ bác mỗi khi bế cháu ra sân lại vừa chấm nước mắt, vừa ho sặc sụa và lại rền rĩ kêu trời. Những ngày hè nung nấu, ở gian nhà ấy, từ cái giường, cánh phản, cái bàn mất chân đến những quần áo, tã, rổ rá đều nồng hắn lên trong một làn bụi nhảy múa và mùi hôi gây làm nghẹn cả thở. Rồi những ngày mưa, cống rãnh trong xóm tuy nhiều nhưng không có lối thoát, nước mưa ngập lại ở sân, tràn vào nhà, dềnh đến nửa giường là thường. Bác Nấu gái phải đun bếp ngay trên cánh phản gần đó nổi lềnh bềnh những rác rưởi của các xó xỉnh đùn ra.

Nhà bố Nấu.

Chỉ thêm bốn hào nữa là gia đình bác được ở gian trên kia kê được hai cái giường mà vẫn còn lối đi, có cửa sổ, mái lá không dột, vách đất quét vôi lơ hẳn hoi, thềm có gạch và lại xa bếp, xa cầu rửa nữa. Bốn mươi xu, món tiền chỉ mua một thỏi son bằng đầu ngón tay, hay một điếu thuốc hút chỉ vài phút đã hết, hay một ly rượu thơm không đủ súc miệng mà bao nhiêu kẻ không hề nghĩ tới. Nhưng, với gia đình này, nó đã có một giá trị sinh mệnh một con người sống trong những cảnh sống suốt đời đầy những khó khăn thiếu thốn với hai bàn tay trắng.

Năm cái miệng xì xụp húp những bát cháo lõng bõng chia nhau những ngày mưa dầm, gió lạnh. Một thằng nhỏ cởi trần, mồ hôi nhễ nhại, tóc trùm xuống quá gáy, cắm đầu cắm cổ đi bốn năm cây số dưới trời nắng để đưa cho

mẹ thêm vài lạng đường bán cháo. Một người đàn ông thần mặt ra trước những bàn tay xỉa xói vì thiếu mấy buổi tiền góp... Những hình ảnh này thường thường nhắc đi, nhắc lại trong cái dòng đời khổ sở ê chề nọ.

Hưng ở chung xóm với nhà bác Nấu đã hơn hai năm. Hưng làm chấm công ngoài Sáu Kho. Buổi đắt buổi ế, Hưng đã phải nhận những sổ về chép và những sách về đóng lại để đỡ vực cho nhà cũng năm miệng ăn: một mẹ già và ba em trai nhỏ. Bảy tám đồng bạc kiếm được hàng tháng của Hưng chỉ đủ trả tiền bốn, năm mươi ống cân gạo đong chịu ký của người ta mà cả Hưng, mẹ và các em chỉ dám ăn ngày một bữa. Hưng lại đành phải dạy một lớp học tối mà trong số những học trò chẳng tháng nào trả đúng tiền ấy có thằng con bác Nấu.

Riêng bác Nấu trai, hễ rỗi là sang nhà Hưng. Bác kể lể, than thở với Hưng thân mật và tin cậy hơn hết cả. Vì Hưng biết trả lời những câu bác hỏi về cuộc đời, về sự sống, về số phận mà từ ngày gặp Hưng bác choáng váng thấy bác đã u u minh minh, chịu khốn nạn, mà chẳng biết mình khốn nạn. Lòng tha thiết thương yêu và tin tưởng ở những con người lầm than đã làm đậm đà thêm lời nói của Hưng, đưa nó một ngày một đi sâu vào sự rung động và suy nghĩ của bác Nấu. Nhiều lúc, bác đã bừng bừng cả người, thấy sao những đau khổ, tàn ác, bất công cứ kéo dài mãi mà người ta rất có thể trừ bỏ đi để sống một cuộc đời no ấm tốt tươi.

Bác Nấu biết rất nhiều nghề: làm phở, kem, bánh cuốn, đổ bún, bánh bao, lục tào xá, cháo gà, kẹo kéo. Có ai thuê bác còn làm cả thợ nề, xe, vườn. Sẵn có sức khỏe và chẳng bao giờ dám ngại ngùng việc gì, bác làm cho ai mướn bác cũng vừa lòng, cũng tin cậy. "Nhà bố Nấu" cái tên này không một ai trong xóm Cấm không biết. Nhắc đến nó, người ta phải tưởng ngay đến một khổ mặt đầy đặn, một giọng nói thong thả, một dáng đi mạnh mẽ và những câu chào hỏi thân mật với mọi người.

Bác Nấu cũng còn mẹ già. Bác muộn con. Gần bốn mươi mà bác mới

được đứa lớn lên tám và ba đứa nhỏ hãy còn khóc quấy.

Vợ bác, khác hẳn phần đông những đàn bà trong xóm. Bác Nấu gái ít điều, ít lời, lúc nào cũng tươi cười. Không bao giờ bác chịu bỏ một buổi chợ. Từ giã xôi, nồi ngô bung, đến mẹt bún, bác Nấu gái biết ế cũng cứ làm. Bác say mê buôn bán đến quên cả ăn cả ngủ. Và bác còn bỏ cả ăn, ngủ vì nợ. Bác nợ nhiều quá, chưa xong món này đã tiếp ngay món khác. Nhiều phen bác phải giấu cả chồng. Bác không dám để chồng thấy sự thua lỗ, chồng chất trong cái lúc khó khăn mà thà một mình bác chịu tất cả mọi nỗi còn hơn để chồng con hay biết.

Đã có lần người chồng điên lên, túm lấy tóc vợ, hét:

- Giời ơi! Mày có vay mượn ai cũng lại cho tao biết chứ. Chỉ thậm thụt, thậm thụt để người ta đương réo rắt chửi bới kia kìa...

Người vợ gỡ tay chồng, gục mặt vào lòng, nức nở:

- Biết thì anh làm gì được! Thôi tôi van anh, họ chửi bao nhiêu tôi xin nghe cả.

Nước mắt người chồng lại giàn giụa, và đau tủi lại hiện cả lên gương mặt đáng lẽ sáng sủa nhưng vì dầu dãi nên đen sạm và càng ngày càng hốc hác.

Bác Nấu còn là anh cả. Dưới bác, một người em trai cũng lấy vợ sớm, con cái bé dại, thuê một gian nhà như bác, và cũng buôn bán nhỏ nhặt lần hồi. Sau người em này, một người ở nhà quê làm ruộng, một người thợ sắt và một người em gái mới lớn. Trước kia người em gái này theo bác Nấu gái chợ búa. Bẵng một dạo, vắng mặt y. Tý cô đi lấy Tây. Cái tin ấy đã rung mạnh tim Hưng trước nhất và hơn hết. Nhưng bàng hoàng giờ lâu, sau đó, lòng Hưng bị thắt chặt lại bởi một tiếc thương tê tái và chua xót.

Tý cô không đẹp lắm nhưng là một con gái nổi nhất xóm. Nước da Tý

trắng hồng, mắt long lanh, môi mỏng tươi, tiếng nói lanh lảnh. Tý rất có thể trở nên một người vợ đảm đang, một người mẹ nhiều con, một sự giúp đỡ cho một người chồng lam lũ và một niềm an ủi cho một người mẹ chồng thèm cháu kháu khỉnh và dâu chịu khó.

Cái việc Tý bỗng thay đổi ấy Hưng vẫn thấy sao mà nhanh chóng đến thế được? Tý hay làm dáng, cười cợt và chỉ ưa buôn bán những thứ hàng nhẹ nhàng sạch sẽ như bánh trái. Khách hàng của Tý phần đông ở ga và cổng Sáu Kho, cổng trại lính. Có khó khăn gì phải cười một nụ cười lẳng lơ với một người khách hàng đĩ tính. Khi ấy nói giá bao nhiêu họ cũng mua. Rồi từ sự đụng chạm coi thường đến lúc nắm lấy tay nhau, ngồi sát cạnh nhau, cười tíu tít lên... chả mấy chốc người con gái nọ coi cả sự ái ân cũng là sự mua bán.

Không! Tý không thể mãi mãi là một cô hàng cứ để không cho khách hàng cười đùa mà Tý thấy nhiều kẻ thật là cục súc, tàn nhẫn, đểu giả, chúng chỉ bỏ năm bảy xu một hào mà được cả những lời ân cần và sự gần gụi. Nhất là Tý lại có chút nhan sắc và khôn ngoan. Vậy Tý đã nghỉ chợ, tìm một cảnh nhàn hạ, sung sướng như một số những người con gái cũng nhan sắc và khôn ngoan nhất là một sự tất nhiên. Lấy ai cũng là chồng. Tý không muốn nhận cái tiếng đĩ thõa của trong xóm, ngoài phố bêu riếu. Tý không muốn ước ao mãi cái ao ước chỉ được ngày hai bữa ăn chắc bụng, chỉ được khỏi rách rưới, rét mướt. Và Tý không muốn thấy mãi Tý không có chút hy vọng rực rỡ gì, Tý cứ sống lẽo đẽo mãi với mẹ, với anh chị và các cháu nheo nhóc mà Tý cần phải giúp đỡ, và tìm mọi cách nào để cũng được mở mày mở mặt.

Khắp mặt người lớn, trẻ con, ông già bà lão trong xóm đã đổ xô ra nhìn Tý ở trên xe bước xuống đi vào cái cổng vẫn ra vào mẹt cam, gánh thạch của Tý. Tý mặc áo nhiễu tây hồng, quần lụa trắng, tóc chải bồng, hoa tai, nhẫn ngọc lung linh. Hình dáng Tý đã nổi ngời lên giữa cái sân ngổn ngang những chum vại, chậu rửa, bếp than, quang gánh, rác rưởi. Tý đã chỉ cười, ai hỏi cũng cười, ai gọi cũng cười. Tý đã cho tiền tất cả trẻ con hàng xóm và xoa

đầu chúng nó.

Bà cụ mẹ bác Nấu nhìn con gái, lắc đầu một cái rồi đi vào nhà, ngồi sụp xuống đất, bưng mặt khóc không ra tiếng. Cuộn bạc giấy ấn vào tay bà cụ đã bị vứt tung ra phản giữa đống áo quần mới may: quần nái, áo the, khăn vuông baga tóc, dép da láng biếu bà cụ. Không thể nào dỗ được mẹ, Tý cũng ngồi xuống bậc cửa và úp mặt vào tay khóc theo. Vợ chồng bác Nấu thần người ra, trông nhau. Đám trẻ con bâu đến trước gian nhà đều ngơ ngác. Chúng không cười nói ồn ào như trước.

Hôm sau, Tý từ giã mẹ để theo chồng là một viên cai xếp ra Móng Cáy. Đêm qua, Tý khóc nhiều quá, mắt sưng mọng. Một lần nữa, trước khi ra xe, Tý lại ép mẹ nhận và Tý lại khóc vì bà cụ vẫn nhất định chối từ:

- Cô sung sướng mặc cô. Tôi có rách mặc rách, quần lành áo tốt cô may cho tôi đấy cô đem đi cho ai thì cho. Và tôi chẳng dám cần cô đem tôi đi mà phụng dưỡng báo đáp. Tôi chỉ ở chết già với thằng bố Nấu và các con nó thôi.

Tý đã ra đi trước tiếng reo hò của đám trẻ:

- Hê!... Hê!... Hê...!... Cô Tây! Cô Tý Tây!

Những tiếng reo này và biết bao nhiêu con mắt nhìn giễu cợt đã theo Tý ra tận ngoài đường.

***

Đến ngày nay.

Cái gia đình lam lũ kia vẫn lúc nhúc trong gian nhà úp xúp và hôi nồng đã ba năm không một vật gì mới hiện ra ở dưới cái mái lá tối mờ. Vẫn cái giường tre đu đưa, kêu răng rắc mỗi lần những đứa trẻ nhún nhẩy; vẫn cánh phản lè tè mọt nghiến rền rĩ; vẫn cái bàn mất chân buộc vào cột vách. Trưa

hè, dưới nắng lửa, vẫn những làn bụi lầm lên chập chờn. Ngày mưa to gió lớn, trên mặt đất ngập nước và rác rưởi người cha vẫn làm thuyền cho những đứa trẻ chơi. Sáng sớm và chiều tàn, khói bếp vẫn tuôn vào đầy nhà khiến bà cụ già lại bế cháu ra sân, vừa ho sặc sụa, vừa dụi mắt và kêu trời day diết.

Trong ba năm Tý đã lấy đến năm đời chồng. Hiện giờ Tý về tỉnh nhà, gần mẹ. Tý sang hơn trước nhiều. Bạn của Tý ra vào nhà anh Nấu của Tý cứ như đi xem hội. Ai nấy đều chải chuốt. Vàng ngọc rực rỡ. Tý đã đi xe đạp và nhảy đầm nữa.

Ngày nay, đi về ở xóm Cấm, người ta vẫn luôn luôn gặp bà cụ Nấu ra ngõ. Không bao giờ bà cụ không chào hỏi trước người quen. Cũng không bao giờ người ta thấy vắng trên tay cụ cái Tý Rang khóc nhèo nhẽo. Nhiều nếp nhăn chất thêm lên cái trán lặng lẽ dưới những sợi tóc cứng, bạc lam nham. Hai gò má bà cụ trũng thêm làm chìa hàm răng móm mém. Trên cái thân hình còm cõi ấy, vẫn cái thứ áo nâu mỏng tứ thời, lúc nào cũng nhớp nháp dãi của con bé cháu.

Tất cả người bà cụ đã cằn như một que củi. Nhưng, ở cái nụ cười luôn mở rộng ấy vẫn thắm thiết cái vẻ hiền từ và chịu đựng của một lòng mẹ già chỉ biết có con và cháu trong cái cảnh đầu tắt mặt tối đổ mồ hôi lấy bát cơm ăn.

1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Hai Mẹ Con

XÓM CHỢ

Xóm chợ đã ngập bóng tối và mùi của rác bẩn, của nước ao hồ lọc qua sương khuya, lan ra rất rộng, rất xa.

Đêm còn thoáng có mùi hoa dạ hương cay ngát và tiếng ụt ịt của mấy chuồng lợn, tiếng chiêm chiếp của mấy ổ gà rì rầm ở ven những giậu đầy gai góc, những cống rãnh ứ bẩn.

Sau một ngày náo nhiệt, mọi vật đều nặng trĩu nhọc mệt, cũng như bà mẹ Thưởng vì chạy đông, chạy tây suốt ngày nên mình mẩy đau nhừ, lưng sụn đi. Những giậu găng, những giậu râm bụt, những cụm ráy dại ngoi ngóp trong cát bụi và rác rưởi tích lũy ít ra cũng hàng năm. Thời giờ đâu mà quét dọn, giữ gìn các chỗ này? Ai ai cũng có thể đổ ra đó hàng thúng vụn vặt lông lá, xương xẩu, cá mú, sau những chiều chợ họp cố đến tận tối mịt.

Cả những mái lá nâu cặn, những túp lều phủ rơm đen mốc, cũng bẩn nhớp và tối tăm vì đầm đìa thứ khói bếp tím đặc về những buổi chiều gần tàn, giờ phu phen thuyền thợ sắp tan tầm, những sáng tinh sương, giờ đám người lao động kia đã bắt đầu một ngày đầu tắt mặt tối. Những nóc nhà ấy lụp xụp thêm, lún hẳn xuống, như những lưng còng của người già sống dai.

Mấy cây bàng non, mấy cụm chuối đực và mấy chòm cau khẳng khiu một ngày một xơ xác. Đất trồng đã hết màu rồi, con người đã cướp lấy để nuôi những cây rau ăn độn cơm. Trong gió lạnh, những cây kia bơ phờ rung động. Lắm lúc như sắp bật lên để đi tìm những mảnh đất khác được chăm bón cẩn

thận, hoặc chưa hằn vết một lưỡi xẻng hằn học.

Hơn hai mươi năm chung đụng với nhau, người và vật bị ràng buộc lại bởi không biết bao nhiêu tình cảm.

Cũng như những đêm đã thao thức, trằn trọc vì lo nghĩ hết việc này đến việc khác, bà mẹ Thưởng thấy trong khắc giờ yên tĩnh, cái xóm chợ lúc nhúc, tối tăm kể lể với bà nhiều lắm, bằng một giọng thân yêu chậm rãi, của một người bạn già, bằng một giọng thật thà âu yếm làm cõi lòng mở rộng ra. Nhiều ý nghĩ đã nảy ra trong tâm trí bà mẹ Thưởng bởi những tiếng rủ rỉ ấy! Nhưng nó cùng bà trả lời không sót một điều nào.

MỘT THỜI QUÁ VÃNG

Ta hãy cùng bà mẹ Thưởng trở về quá vãng ít phút rồi hãy cùng bà sống những ngày giờ trằn trọc, thao thức trong đêm ấy.

Tên bà là Gái nhỡ. Cái tên không biết của ai đặt cho. Người con bồ côi cha mẹ từ khi chưa biết nói này đã chuyển qua tay nhiều người và ném đi nhiều tỉnh. Mãi đến năm lên chín cái tên Gái nhỡ mới là cái tên nhất đinh. Gia đình nuôi bà nghèo lắm: Cha mẹ già yếu, hai vợ chồng hiếm hoi, sống lần hồi, thiếu thốn. Nhưng tất cả đều cùng tốt bụng thương mến người cùng cảnh ngộ. Người chồng làm thợ cưa, quần quật suốt ngày. Nhiều khi bác phải thức tới nửa đêm để kéo khoản hàng trăm mạch. Người vợ làm và bán quà bánh. Mùa đông, mùa thu: thang, cuốn. Mùa xuân: bánh trôi, bánh chay. Mùa hạ: thạch, chè nước, xôi vò. Bà rất hiền lành và chịu khó, được mẹ nuôi mến lắm, sắm cho cả vòng khuyên và áo the, quần nái bằng món tiền bỏ ống mỗi ngày dăm ba xu đổ ra.

Nuôi nấng bởi tinh thần ham sống và làm việc của cha mẹ nuôi và những người nghèo khổ chung quanh, bà đã là một cô gái tháo vát nhưng vẫn thùy mị, nết na. Và đến lúc vợ chồng người nuôi bà theo nhau chết trong một

tháng, sau vài cơn sốt kịch liệt, bà vui vẻ và sẵn sàng nhận lấy cái trách nhiệm làm ma chay và thay mặt kẻ chết mà trông nom ông cụ, bà cụ già yếu.

Người ta còn nhớ mãi đến lúc liệm xác và hạ huyệt hai vợ chồng người chết, bà mới cất tiếng khóc. Những người đi đưa cũng mủi lòng rớt nước mắt theo. Rồi khi bà vén chiếc mũ mấn và sụp xuống chân huyệt lạy thì tất cả đều ôm lấy mặt mà khóc nức nở.

- Cha mẹ ơi! Giờ đây con biết lấy gì mà giả nghĩa công ơn nuôi nấng, dạy bảo sớm hôm? Hờ cha ơi! Hờ mẹ ơi! Từ giờ trở đi con biết ăn cùng ai, nói cùng ai! Chua xót cho con, cha ơi! Mẹ ơi!

Tất cả lòng thương xót thấm thía của bà vọng cả lên chan hòa trong tiếng khóc nghẹn ngào mà bà không còn thể giữ được. Mấy người đàn bà nói khẽ với nhau:

- Thế mới biết con nào cũng là con, cứ đối đãi tử tế thì thế nào cũng được lại sự thủy chung nhân nghĩa.

Rồi chạnh tưởng đến chồng con mình đáp lại sự lam lũ vất vả của mình bằng sự bội bạc, ngạo ngược, họ càng tủi thân, càng tràn trề nước mắt, khóc, khóc. Người đàn bà Việt Nam cắn cỗi vì cùng khổ, vì con cái nheo nhóc, vì bị cầm xích bởi những thành kiến, phong tục lễ nghi đè nén nặng nề, đã để tất cả lòng phẫn uất kêu lên trong tiếng khóc, những lúc họ không còn thể chịu đựng được, chứ không biết tìm cách tự giải phóng, thoát khỏi những sự áp chế bằng năng lực dồi dào sẵn có của mình...

Năm ấy bà mới mười bẩy. Người mảnh dẻ, da đen giòn, mắt sáng miệng cười tươi. Gánh hàng nhún nhẩy trên vai thon thả của bà và những tà áo nâu mềm mại bay bướm làm bao nhiêu trai tơ say mê. Nhưng bà chỉ cúi mặt lặng thinh những khi người ta ngỏ ý làm mối bà cho đám này, đám nọ. Ông cụ, bà cụ đã nhủ nhỉ nhiều lần khuyên bà đừng e ngại đi lấy chồng thì hai người sẽ

trơ trọi hay bị nhà chồng hắt hủi. Cốt nhất chỉ ở bà đối đãi cư xử khéo léo thôi. Dân dấn nước mắt, bà đứng dậy và đi sang nhà chị em.

Đâu vì duyên cớ mà bà chối từ việc hôn nhân! Bà có phải như nhiều người con gái khác lấy chồng không phải cho mình mà cho cha mẹ. Bà không còn một ai thân thích, không bị ép uổng, vậy bà có quyền tự kén chọn. Nhưng lòng bà lúc này vẫn còn phẳng lặng. Thỉnh thoảng mới có một tình yêu ngây thơ, xa xôi, nhẹ nhàng, rung động. Người mà bà sẽ trao gửi cả một đời chưa gặp! Bà còn phải chờ. Thì, trong khi ấy tình thương mến của bố mẹ người đã nuôi bà thấm thía quá, ấm áp quá! Bà sung sướng và tự kiêu thấy mình hẳn là ruột thịt của hai con người chất phác kia.

... Người đàn ông ấy đã đến! Nhưng chưa được bao lâu đã xa hẳn cuộc đời êm đềm của bà. Chồng bà chết khi bà vừa đủ hai mươi tuổi, với một đứa con còn nằm trong bụng.

Một lần nữa với những tiếng khóc nức nở.

Đứa con ấy là Thưởng ngày nay.

Thưởng không sài đẹn, quặt quẹo như những đứa trẻ khác. Sữa bà tốt lắm, phải cho mấy đứa con hàng xóm bú đỡ. Thưởng giống bà như lột: mắt đen láy, miệng nhỏ, môi mỏng và có hai lúm đồng tiền ở cặp má hồng mọng... Nhiều người đã lầm tưởng là con gái. Bà gánh hàng đi đâu, Thưởng theo đi đấy. Người ta gọi Thưởng là "cái đuôi của cô hàng xôi chè".

Mấy thức gì của bà làm ra cũng bán chóng hết, vì rẻ và ngon lành, nên bà không gánh đi các chợ và những phố xa nhà. Bà có đủ thời giờ mà chăm nom cho ông già, bà già nọ và đứa con nhỏ bồ côi cha.

Hơn hai mươi năm bà ở nguyên xóm chợ. Mấy lần cháy mấy lần bão đổ, mấy lần bị dỡ, những nhà bà ở tính ra có hơn chục cái. Dù lắm khi bà có sẵn

một món tiền và thấy người đánh tiếng bán lại nhà hay cho thuê đất rẻ, bà cũng không dọn đi xóm khác. Rời bỏ nó, đối với bà, như là một sự tình phụ, một sự tan nát mà tất cả tình cảm tốt đẹp trong lòng ngăn giữ không cho làm.

Thưởng lớn như thổi. Đùa nghịch suốt ngày. Không dám để con lêu lổng, bà phải cho Thưởng đi học. Năm ấy Thưởng lên tám, bà hai mươi tám; ông cụ, bà cụ suýt soát bẩy mươi. Tới năm Thưởng biết đọc biết viết thông quốc ngữ và nghe hiểu ít câu tiếng Pháp thường dùng. Bà nhờ người xin cho Thưởng vào tập thợ nguội ở một xưởng máy nhỏ.

Bắt đầu từ đây, đời bà chật vật trải nhiều cùng quẫn! Gánh hàng của bà đã thấy nặng trên vai gầy. Gió rét lúc sáng sớm và sương đặc của đêm khuya lắm phen làm bà rùng mình và chép miệng thở dài. Cả nắng tháng năm thổi bóng đường đi.

Biết làm sao! Cả nhà chỉ trông cậy vào mình bà! Nghỉ một chiều chợ, bốn miệng đói một ngày, và đèo nặng thêm một món lãi. Bà càng phải cố gắng và càng rạc người đi.

- Sao mà ế thế này hở giời!

- Đánh nhau làm gì cho lắm để mà đường, bột bán gấp đôi gấp ba!

- Nghị viên với nghị hòn! Chả xin được cái gì hết!

- Thuế vé nặng mãi lên! Cơ mầu này người nghèo đến chết đói hết thôi!

Người mẹ nọ đã thốt ra những câu ấy những lúc nhặt từng hột gạo vương ra đất và đi nhặt từng xu quà chịu suốt buổi chiều. Ngô, sắn độn cơm cũng thiếu. Phải rút đi ngày một bữa. Nhiều hôm hai mẹ con phải nhường cơm cho ông cụ bà cụ.

Bà cố nuốt nước mắt cay đắng, gượng gạo làm vui cho hai cụ khỏi buồn

và Thưởng yên chí học tập công việc. Nhưng trong thâm tâm, bà không thể không khóc được và thấy nào mình có lười biếng, đần độn, mà sao càng đầu tắt mặt tối thì lại càng công nợ càng thiếu thốn. Hay bà gian ác nên bị giời đày đọa? Sự cư xử, ăn ở của bà đối với mọi người, ai ai cũng phải nhận rằng có tồn hồ nhân nghĩa. Nếu có trời thì trời nào lại cay nghiệt đến thế! Thấm thía bà nhận thấy rằng càng cố công cùng sức bao nhiêu bà chỉ làm giàu cho những người giàu sẵn ăn mặc thừa mứa, tiêu pha phung phí.

Nhưng bà không thể tìm ra sự giải quyết, sự hiểu biết để tranh đấu cải thiện đời sống trước những sức ngăn cản của các giai cấp bóc lột. Khi bà chỉ là người mẹ chịu khó, nhẫn nhục và hay lo sợ vì thấy những sự bắt bớ, tra tấn và đầy ải tù tội.

ĐÊM ẤY

Ánh đèn hoa kỳ vàng ngà không đủ chiếu sáng hai gian nhà chật hẹp, lụp xụp. Những xó vách và những gầm giường ẩm ướt, đầm đìa trong bóng tối.

Bóng bà Thưởng ngồi trên cánh phản mọt, kê sát cái bàn có ngọn đèn, rung lờ mờ trên bức vách vàng cặn. Bà đã ngồi yên hàng giờ rồi.

Hai tay bỏ xõng trên đùi, đầu hơi ngả về một bên, mắt nhìn một khoảng tối.

Gió thỉnh thoảng rít lên, những tiếng lao xao của cây cỏ nổi dậy, tràn ra rất xa. Đàn lợn của mấy chuồng gần nhà chen lách nhau kêu rầm rĩ.

Khí lạnh ướp cóng da thịt.

Tiếng ngáy ngủ ở gian bên ran đều đều. Mấy đứa con chị cu Năng nằm co quắp, chen chúc trên một cái giường ở dưới bếp nói mê luôn. Hoặc chúng chửi rủa, hoặc chúng kêu gọi, hoặc chúng cười nức nở.

Vẻ thê thảm tối tăm của xóm chợ lúc đêm khuya rõ rệt quá! Không còn sự ồn ào nhộn nhịp lôi cuốn người ta làm việc, cuộc đời lầm than lột trần ra tất cả những cái trống rỗng buồn tẻ, trong số đó đám người cùng khổ kia đã lúc nhúc sống hết năm này sang năm khác.

Bà mẹ Thưởng đã tê tái vì những cảm xúc, những ý nghĩ. Bà đã toan nằm xuống giường để giấc ngủ đem lại sự bình tĩnh, sáng suốt cho tâm trí, sớm đây sẽ giúp bà giải quyết nhanh chóng và chu đáo cái việc quan trọng kia. Nhưng khi duỗi thẳng bắp đùi mỏi nhừ và kéo chăn đắp, bà lại úp bàn tay lên trán. Những ý nghĩ rối loạn trong đầu óc. Rất nhiều lời thúc giục bên tai hãy thức suốt đêm nay để tìm cho câu trả lời chín chắn để khỏi phải mang hận sau này.

- Nên cho Thưởng đi hay không nên?

Bà mẹ lại đau đớn nghĩ đến bố mẹ người cha nuôi mình già yếu không còn trông mong vào đâu để sống và sự sút kém của khí lực mình, rồi đến bao nhiêu nỗi khó khăn không thể vượt qua, bao nhiêu sự điêu đứng sẽ vùi dập đời sống. Lòng càng thắt lại. Bà không dám kéo dài sự tưởng tượng hắc ám mà vội rẽ sang mớ ý nghĩ khác.

Thì lại vẫn những hình ảnh ấy hiện ra, với tất cả vẻ thê thảm, ghê rợn. Vì đồng tiền trong lúc đói rét và thiếu thốn đủ mọi thứ này mà phải để Thưởng ký vào giấy hợp đồng làm việc, bà thấy rõ ràng bà bán đứt con cho sở mộ phu, và bằng lòng cái chết của con đến sớm.

Bà đã nghe người ta nói nhiều và đã thấy nhiều.

Thời hạn năm năm ở đất trồng cao su đó, biết bao kẻ đã bỏ mình, những kẻ đã mang tất cả sức mạnh của một con người trong hai bắp tay rắn chắc, trong lồng ngực mở rộng, với cái tuổi không quá ba mươi tràn đầy hăm hở. Toàn là những trai tráng con cái hy vọng của những gia đình đông đúc, của

những người mẹ cả một đời chỉ tìm thấy sự sung sướng trong tình yêu con.

Mẹ Thưởng cũng vẫn chưa quên được những đêm mới đây. Hàng nghìn phu phen, tay xách nách mang, tay bồng, tay bế, lũ lượt kéo xuống tàu trong sự huyên náo của đàn vật đói ngấu bị lùa vào chuồng. Họ kêu gọi nhau, chào bâng quơ, và cười hát huyên thuyên. Trên "ke" máy trục hàng chuyển ầm ầm, xe goòng xô đẩy không ngớt, phu khuân vác hò hét luôn miệng, từng đàn hàng trăm trâu, bò tải sang bán cho Tầu, cho Nhật rít lên.

Nhưng muôn nghìn tiếng ồn ào ấy cũng không giấu nổi vẻ thê thảm tối tăm của sự vui mừng man rợ của đám phu tha phương cầu thực nhốn nháo xuống tàu. Thì, ký vào giấy hợp đồng, đi khám bệnh và lấy dấu tay xong, rồi nhận một món tiền hơn chục đồng. Thưởng sẽ là một người phu cũng bị nhốt kỹ hàng tuần trong một tòa nhà như một đề lao, đến một đêm kia cũng sẽ bị giải đi trong tiếng reo hò của trẻ con náo nức chạy theo xem, và cũng bị dồn xuống tàu, rồi cũng kêu la, cũng chào hỏi. Nhưng, khác tụi phu nọ không có một ai là thân thích đứng tiễn biệt trên "ke", Thưởng có một người mẹ và hai cụ già đứng không vững trông với và kêu gọi bằng con mắt đầy lệ.

Gà đã lên tiếng gáy nhiều lần. Ở mấy gian bên, giường chiếu động sột soạt. Những người làm bánh cuốn, bánh khúc, bánh sắn, nấu cháo, thổi xôi và làm những thứ quà sáng khác đã dậy.

Tiếng vo gạo, rửa rau, đập bột, chẻ củi, thổi lửa ồn dần lên. Bà mẹ Thưởng mệt quá, thiếp đi. Ánh đèn dầu tây vàng đục phủ màu chì lên da mặt bà rám nắng. Mấy sợi tóc rối bơ phờ trên vầng trán tối của bà nói rằng bà tuy ngủ, nhưng tâm hồn vẫn quằn quại trong sự đau đớn và lòng vẫn nức nở những tiếng khóc nghẹn ngào.

Càng về sáng, ánh đèn càng mờ, bóng tối đè nén nặng nề quá! Thỉnh thoảng ở ngực bà mẹ Thưởng rút lên mấy tiếng ho khô khan và những tiếng thở nấc.

Hết vốn rồi, hàng ngày mai không làm! Chồng quang gánh của bà lẩn trong xó tối bị chuột đến sục sạo luôn. Nhưng có gì mà mò mẫm! Một sợi bún cũng không còn dính ở mẹt, một mẩu xương, một vụn thịt cũng bị đứa con chị Năng nhặt nhạnh. Tất cả đều nhẵn quẹn, những thúng mủng ấy, tất cả đều ải mủn cả rồi! Bao nhiêu năm dầu dãi nắng mưa còn gì!

ĐÊM NAY

Đêm nay, đã khuya lắm, hai mẹ con Thưởng vẫn còn bàn tính. Thưởng ngồi bó gối, lưng dựa vào vách. Một cái bàn gỗ đã mọt ngăn giường anh và giường bên. Trên bàn lờ mờ chiếu sáng một ngọn đèn dầu tây. Ông cụ trùm kín trong chiếc chăn bao gai, nằm trên chõng tre ở góc nhà. Ở giường bên kia, bà cụ nép mình sát bức vách, ngủ mệt lắm. Bà đã xay đỡ mẹ Thưởng hai cối bột và lau rửa mẹt hàng và bát đĩa.

Mẹ Thưởng thở dài và nhắc lại câu hỏi ban nãy. Thưởng thong thả đáp lời:

- Mẹ ạ, không khổ sở và nguy hiểm như người ta thường nói đâu! Con đã đọc kỹ bản giao kèo rồi. Theo đúng như trong đó thì công việc chẳng lấy gì lam lũ quá. Mình được nhiều giờ nghỉ ngơi, ốm đau không phải đi làm, thuốc thang của sở phát cho, tiền lương cứ mười tám tháng lại tăng một trật, tiền lưu được lãi vậy việc gì mẹ phải lo lắng. Con chỉ phải xa nhà một ít lâu, nhưng con khỏe mạnh thì chẳng làm sao hết.

Bà mẹ lắc đầu:

- Khi cần người làm ai không nói hay nói tốt! Chỉ cốt rủ mình vào tròng thôi! Lúc đó mình trơ trọi ở đất họ, có bị hành hạ, đầy ải làm lụng đầu tắt mặt tối, thì chỉ cắn răng mà chịu. Kêu ca với ai? Mà ai bênh vực cho? Mẹ đã rõ lắm con ạ. Bao nhiêu người ở xóm ta có đi mà chẳng có về. Một đôi khi có người về thì mang theo đủ mọi thứ bệnh tật, nào sốt rét, nào phù sũng, nào ho

hen, nào báng tích. Vài ba kẻ chuyên tiền của về cho cha mẹ, vợ con thì toàn là nhờ cờ bạc chứ có nhờ đâu về công ăn việc làm mồ hôi nước mắt của mình? Con không xem đấy như, được đối đãi tử tế thì chẳng ai dại gì chưa hết hạn mà lại trốn về xứ sở, để đến nỗi bị tù tội, đánh đập...

Những điều bà nói, Thưởng biết cả, biết rõ hơn nữa kia. Nhưng Thưởng vẫn phải nói hay, nói tốt cho cái chế độ làm phu để mẹ khỏi lo ngại, cho anh đi. Vì trong lúc này, việc làm không có, người thất nghiệp đông vô vàn, thuế má nặng, buôn không có vốn, và cái gì cũng đắt đỏ, vậy anh ở nhà để chết đói sao? Thưởng chua xót thấy chỉ còn mỗi cách bán mình cho sở nọ, để kiếm miếng cơm manh áo cho mình và cho gia đình.

- Vậy con nhất định đi? - Bà mẹ dân dấn nước mắt hỏi Thưởng.

Thưởng tươi cười ngọt ngào trả lời. Bà mẹ ôm mặt khóc và chua xót có cảm tưởng rằng Thưởng không thương mình nên mới nhất định cưỡng lời. Nhưng, thực ra lòng Thưởng đã bị bóp chặt bởi sự đau đớn của người mẹ yêu dấu con hơn cả thân mình. Tỏ ra vẻ thản nhiên trước sự lo sợ đến cực điểm của mẹ lúc này, Thưởng biết mình tàn nhẫn quá. Nhưng biết sao? Anh không thể cũng lấy nước mắt mà an ủi mẹ. Vì như thế chỉ càng tỏ rõ sự nguy hiểm mà anh sắp dấn thân vào, khiến mẹ anh thêm sợ hãi.

Thưởng cố yên lòng nhìn vai mẹ rung động, và nghe những tiếng nức nở khoan sâu vào ngực anh.

Không khí nặng nề khó thở quá. Như đầy hơi hắc ín đun sôi, ngọn đèn hoa kỳ vặn to nhả thêm vào thứ khói hôi nồng. Thưởng đầu bứt rứt vì những cảm giác rộn rực. Thưởng khổ sở thấy bỗng dưng mẹ mình và mình phải đi sâu vào sự đau đớn vô ý thức.

Nhưng Thưởng vẫn phải tươi cười.

Vóc người Thưởng vạm vỡ nổi bật trước ánh đèn vàng đục. Mớ tóc lùng bùng vén cao lên, lộ một vừng trán nở rộng trên hai mắt sáng. Cặp môi đỏ mọng của anh đẹp như hai múi quýt. Toàn thân anh là một sức hấp dẫn tất cả tình yêu của người mẹ vì vẻ hồn nhiên dễ mến thương và tất cả khiếu thẩm mỹ của những ai say mê cái sức mạnh đẹp đẽ của bắp thịt.

Bà mẹ lấy vạt áo chấm nước mắt rồi ngẩng đầu lên:

- Con nên nghĩ kỹ. Thà ở nhà lần hồi bữa rau bữa cháo mẹ con được trông thấy nhau còn hơn. Mà biết đâu chỉ nay mai con lại có việc làm ngay tỉnh nhà. Con nên nghe mẹ con ạ. Mẹ van con.

Thưởng không đáp, nét mặt anh bỗng biến sắc. Anh tưởng tới vì sự bịn rịn này có lẽ anh đến phải đi trốn. Ý nghĩ tàn nhẫn ấy thích những mũi gươm vào tim anh. Anh gục mặt xuống đầu gối, cắn ghì lấy môi, để cái cảm giác đau đớn đánh át sự bứt rứt của tâm trí đi.

Chiếc chõng tre bỗng kêu cót két. Tiếp đến những tiếng ho dồn dập ở ngực lép kẹp của ông cụ già rút ra. Tiếng ho vừa dứt, thằng nhỏ con chị Năng khóc thét lên ở dưới bếp.

Đầu Thưởng đã bốc nóng.

Thấy Thưởng yên lặng một lúc lâu, bà mẹ tưởng con đã xiêu lòng vì sự van xin tha thiết của mình, bèn lay vai Thưởng thúc giục:

- Con nên nghe mẹ... Thôi con đi ngủ đi kẻo mệt. Khuya lắm rồi!

Thưởng bật tiếng nói, mặc dầu anh cố gắng ngăn giữ.

- Vâng, con xin nghe mẹ đi ngủ. Nhưng mai con sẽ đi!

Sắc mặt bà mẹ bỗng tím lại; bà nhìn thẳng vào mắt Thưởng làm thinh hồi

lâu, rồi bà dằn tiếng:

- Anh nhất định đi? Mai anh đi?

Giọng nói sắc như lưỡi dao cạo ấy làm Thưởng ghê rợn. Anh cúi đầu xuống không dám nhìn lại mẹ. Bà nói tiếp:

- Thì anh cứ đi, tôi sẽ đón anh lúc xuống tàu, rồi đâm đầu xuống sông chết ngay trước mắt anh.

Dứt lời, bà ngã vật ra giường, mặt tái nhợt như không còn một giọt máu! Thưởng vừa cuống quýt lay người mẹ vừa ríu lưỡi kêu gọi:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Suối nước mắt nóng của lòng Thưởng đã tràn ra.

1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Khói "Ken Nếp" Và Xà Lim

Khói thuốc phiện mơ màng bay trong xà lim Lô cốt (1), một nơi tối tăm nghiêm ngặt nhất...

Nhưng chỉ một giây thôi, cái hương thơm u ẩn, ngây ngất kia biến mất, không còn một dấu vết.

Trưởng Phác, mắt đương lim dim, hếch mũi, hít lấy hít để, bỗng choàng dậy. Một vẻ tiếc giận in sâu trên khuôn mặt xanh xao.

Thì ra, trời ơi! "So ken thoòng" (2)này mơ... mơ thấy khói thuốc phiện mơ màng bay...

---

(1) Lô cốt: Xà lim làm ngay dưới chòi canh, trước kia trên chòi giam tù cấm cố, nay lính gác ở đấy.

(2) So keng thoòng: Tiếng lóng của các kẻ ăn cắp, thằng nghiện thuốc phiện.

... ba dãy xà lim. Một dùng để giam những kẻ bị kết án tử hình, án cấm cố, và những tội nhân đã đi đày... mà còn làm nhiều sực rắc rối, bị giám thị trên ấy, giao trả về... Xà lim này gọi là xà lim xử tử hay xà lim A.

Ai còn đương dưới quyền ông Chưởng lý thẩm xét về một việc gì quan trọng, những tù trẻ con bướng bỉnh hay đánh nhau, hoặc khám thấy trong

mình có thuốc lào, thuốc phiện thì nằm ở xà lim B và được hưởng cái ân riêng: miễn cùm.

Mà các bạn muốn biết xà lim nó thế nào thì xin yên lặng, nhắm mắt lại, tưởng tượng ra một gian buồng chật hẹp như cái chuồng "hôi" của dân An Nam ta, cửa bằng gỗ lim dầy, cửa sổ cũng bằng gỗ lim, nhưng những thanh gỗ ghép ngược lên phía trên, để người ở trong khó nom được ra ngoài. Và, muốn cẩn thận hơn, người ta đem bịt cánh cửa ấy một lần lưới sắt ken thật sít. Vì thế, quanh năm suốt tháng, xà lim tối mờ mờ, nồng những mùi hôi hám.

Mặc dầu, những người bị nhốt và xà lim cũng phải vui lòng nhận lấy nó vừa làm buồng ăn, buồng ngủ, buồng đi đại tiện, tiểu tiện của mình.

Nhưng xà lim xử tử và xà lim B còn kém xa, thua kém xà lim Lô cốt tuy đã làm tội nhân cực hết sức, làm tội nhân, dù kiên nhẫn đến đâu, cũng phải nóng lòng sốt ruột mong ngóng cái ngày được trông thấy vừng trời đầy ánh sáng.

Trưởng Phác buông một tiếng thở dài. Hắn lờ đờ ngước mắt nhìn các bóng tối âm u, nặng nề hết ngày này sang ngày khác bao phủ lấy xà lim Lô cốt rồi khẽ lắc lư cái đầu bù tóc trên ngấn cổ lộ rõ yết hầu.

Nắn hai cổ chân tê tái, buốt nhức giữa cùm sắt, Trưởng Phác nghĩ đến sự cực nhục bao nhiêu, bác càng tức tối cái cụ suvaydăng B... trời đánh không chết kia bấy nhiêu...

Đáng giận thay! Tay đã cầm lấy rá bánh trái của người nhà xin phép vào thăm, mũi bác hình như đã đánh thấy hơi thuốc phiện táo gói giấy bóng nhét trong đầu khúc cá chép kho, bác chỉ chực bước ra khỏi buồng "nói chuyện" mà cụ B... nọ còn kéo giật bác lại, moi mãi cái đầu cá kho, tìm cho ra cục thuốc phiện để bác phải phạt.

Vốn là người ăn, nên bốn hôm nay Trưởng Phác đành nhịn đói. Thứ cơm gạo máy nhạt phèo, nhão bét với vài hạt muối trắng khiến bác những lợm giọng. Một vài người khoẻ mạnh còn chẳng ăn được, bác ốm yếu, nghiện ngập thì nuốt sao trôi.

Trưởng Phác chán nản tới cực điểm, gục đầu vào bàn tay, mặc những ý nghĩ hắc ám đến lôi kéo tâm trí mình đi. Trưởng Phác muốn chết để tránh khỏi cái cực hình hơn là ngắc ngoải sống những ngày trong xà lim dài đăng đẵng, thiếu khói thuốc phiện.

Xúc động trong lòng Trưởng Phác bật lên thành tiếng nấc ngắn ngủi, tiếng nấc ngắn ngủi ấy gieo sâu vào cái tịch mịch của gian buồng tối mò.

Tư Choáng bị cùm nằm gần đấy vội bịt chặt tai lại, mắt nhắm nghiền. Tiếng nấc quái gở kia giống hệt của một người ho lao kinh niên xua những cơn ho dữ dội.

Trời tối sầm. Gió rét cất lên. Từng lớp mưa phùn tạt vào dãy bàng trơ trụi đứng sừng sững ở ngoài sân. Trong bụm lá muỗm hãy còn um tùm, tiếng gió rì rào nối điệu với giọng âm ỉ của các người ốm rên rỉ trong nhà phemì (infirmerie).

Thê lương hơn, ánh sáng đèn điện ở ngoài sân không đủ sức chiếu qua lớp sương mù. Và, đèn trại P.R., trại Tám mươi, trại Nặng năm, trại Chống án đều tắt cả, nên... thê thảm lạ lùng.

Một luồng gió lạnh vừa lùa vào gian xà lim Lô cốt, Trưởng Phác rùng mình, bưng nay lấy mũi. Mùi ô uế ở hai buồng "phân" hai bên và cái bể "phân" đằng sau buồng làm làn không khí rất khó thở.

Đầu Trưởng Phác nhức như búa bổ; trời đông tháng giá được mảnh chăn, lại phải mảnh chăn rách bung. Và chẳng biết phát từ đời nào, hễ bác đắp lên

mặt thì lại hắt hơi hàng hồi. Đành cởi áo ra, bác quấn kín đầu, để nửa mình cho rệp, rận tha hồ đốt. Tưởng như thế sẽ ngủ yên, ngờ đâu chỉ được vài phút cơn nghiện đã kéo đến làm bác ngáp đổ dồn, mũi lạnh buốt, nước mũi chảy giàn giụa, chân tay tê tái mỏi nhừ.

Trưởng Phác buồn bã, vật vã mình mẩy. Nhưng bác càng vật vã, hai ống chân bác bị ép trong cùm sắt, bản ngang rộng chừng sáu, bảy phân tây, bề dày chừng hơn một phân tây, cạnh sắc, càng buốt nhức.

Lại một nỗi đi đại tiện mới khó khăn, phải thật khéo, trườn người ra cho vừa phải, nhẹ nhàng với cái "bô". Chật vật lắm, vô ý hay mạnh một tí thì người lật sấp đi, hai ống chân sẽ tán nhừ. Mà nhấc được cái "bô" lên sàn, nào đã xong đâu, phải chống tay đỡ bổng người lên, mượn người nằm bên luồn nó vào tử tế đâu đấy rồi mới dám "làm việc".

Hàng nửa giờ khổ sở về phần xác, Trưởng Phác qua khỏi lấy làm sung sướng quá chừng, quên cả những vết lằn lên, tím bầm, như bị ai đem cái vòng sắt nung chín gí vào thịt vậy.

Một ngày mùa đông cách đây vừa đúng một năm, Trưởng Phác không lo phiền, không buồn bã, nằm bên một ngọn đèn dầu lạc trong sáng.

Bác lim dim mắt, say sưa nhìn làn khói thuốc phiện uốn éo, mơ màng tỏa trên trần nhà vừa cảm thấy bao nhiêu cảm giác đê mê.

Hương vị tuyệt vời của "ken nếp" đã chắp cánh vàng cho thân thể bác, nâng tâm hồn bác lên một thế giới huyền ảo, mung lung và kỳ dị. Ngọn đèn trước mắt bác toả muôn nghìn tia sáng lung linh, cái dọc tẩu chói lọi muôn nghìn tia sáng lung linh, cái dọc tẩu chói lọi muôn nghìn màu rực rỡ, đĩa bánh ngọt và hoa quả sực nức muôn nghìn hương thơm. Cảnh vật xung quanh bác đã tắm trong một bầu không khí dịu dàng xa lạ, cái bầu không khí lơ mơ, chập chờn mà không rung động.

Trưởng Phác không phải là "người" nữa, là một thể phách thần tiên.

Nhưng than ôi! Cảnh phong lưu này đã biến rồi! Hiện tại, một cảnh tối tăm, hèn hạ với mảnh chăn rách bung, cơ man rận, rệp với sàn gỗ ướt át hôi hám, với bao nhiêu sự cực nhục, đọa đày, một ngày một nhiều hơn lên mãi.

Nằm rũ trên tấm chăn mốc thếch, Trưởng Phác thở dài... Cõi lòng bác tê tái tới cực điểm. Bác giương đôi mắt mỏi mệt để nhìn sự sống của mình về cái ngày hai mươi sáu Tết này.

- Này, Chó Mực (tên người) mày cởi dây rút nó ra, nó thắt cổ kia kìa.

Anh chàng gầy như que củi đương thiu thiu ngủ, nghe thấy Tư Choáng gọi mình giật giọng hốt hoảng ngồi nhỏm dậy:

- Được "phóng" (3)à?

- Không!

---

(3) Phóng: tha.

Chó Mực càu nhàu:

- Thế thì việc "đếch" gì mà đánh thức người ta.

Tư Choáng hất hàm bảo:

- Thì mày hẵng trông xem bên cạnh mày một tí đã nào.

Tư Choáng vừa nói dứt lời tiếng kêu cất lên:

- Trời ơi! "So trô (4)" thắt cổ này! Nó định gieo vạ cho ai đây?

---

(4) So trô: thằng nghiện.

Hí hoáy mãi, Chó Mực mới cởi được nút dây ra, còn Trưởng Phác nghẹn hơi ngất đi một lúc, hồi lâu mới thức dậy. Bác mở hé mắt lờ đờ nhìn vơ vẩn xung quanh.

... Khói thuốc phiện mơ màng bay...

Trưởng Phác cất tiếng yếu đuối mơ màng hỏi:

- Hộp nửa lạng, mợ em còn để trong hòm đấy không?

Chó Mực đương bực tức cũng phải phì cười. Tư Choáng cười sặc sụa.

- Thế mà tự vẫn, cha mẹ ơi!

Chó Mực nối lời:

- Thế thì dậy, dậy mau lên, "ken" đây này.

Tưởng thật, Trưởng Phác cố dùng hết tàn lực chìa tay ra đón, nhưng chợt biết mình lầm, bác vội rụt tay lại, chua xót trông thẳng vào bức tường quét hắc kín vừa há mồm ngáp dài.

Cánh cửa xà lim Lô cốt bằng gỗ lim nặng trịch thoáng mở. Dưới cặp mắt nghiêm khắc của cụ B... hai người nhà pha kì cạch vặn bu loong cùm ra. Không đợi cụ truyền, Chín Khấu bó thản nhiên bước lên sàn, đút hai chân vào lỗ cùm.

Bấy giờ, trên nét mặt những tội nhân trong trại P.R. vẽ ra không biết bao nhiêu vẻ vui mừng.

Một kẻ gian ác tàn bạo quen vào tù, quen đè hầu bóp cổ để bóc lột quần áo những tội nhân yếu đuối bị phạt vào xà lim thật chả đáng thương một tí nào.

Lần đầu tiên, Chín Khấu bó buồn! Qua cái khung cửa tò vò, Chín nhìn mảng trời đen sẫm lờ mờ vài ngôi sao. Phút chốc, những ngôi sao biến mất, mà tâm tưởng của Chín Khấu bó cũng dần dần tối om. Rồi, tự nhiên trong trí nhớ hắn từ từ hiện ra một khuôn mặt hốc hác xanh xao, lộ bao nhiêu vẻ chua xót.

Rùng mình một cái, đoạn Chín quay người lại lay mình Chó Mực khe khẽ gọi:

- Chó! Chó!

Mấy tiếng ấm ứ đáp lại Chín. Chín nhoai người nắm tay Trưởng Phác, giọng run run:

- Ông Trưởng! Ông Trưởng!

Trưởng Phác đã bảy hôm không có thuốc phiện nên mệt lả, chỉ giương cặp mắt sâu hoắm trông Chín mà không buồn trả lời.

Còn Tư Choáng, Tư nằm ở đầu dãy cùm, xa quá, Chín không thể với tới. Như một tên hung thủ đứng trước những tang vật của mình, Chín Khấu bó sợ lạnh toát người và lẩm bẩm:

- Đã ba năm rồi mà vẫn "còn" thì có lạ không?

Ba năm rồi, quãng thời gian khá dài, nhưng xóa sao được dấu vết tấn thảm kịch xưa. Trong ba năm, Chín Khấu bó nay đây mai đó lăn lộn với cái nghề "chạy vỏ (5)" Chín tưởng sẽ mãi mãi vô tư lự, không một phút chạnh lòng. Là vì Chín Khấu bó chịu luôn luôn ảnh hưởng xấu xa của tụi bạn bè vô lại, và từ

bé đến lớn, hắn không được một ai uốn nắn, dạy dỗ, tuy hắn đã mấy lần tù song cảnh tù tội bó buộc đối với hắn đã thường lắm rồi. Ngồi trong tù, hắn càng rỗi rãi, càng được đo cái tính hung tợn, cái tài giỏi gan góc của mình với của các bạn đồng "nghệ". Ăn bằng bát gáo, dùng những món ăn xô bồ, Chín Khấu bó cho rằng đó chỉ là một cách hãm mình giản dị để mua lấy cái thích, cái mến những sự ăn uống, phiện phờ, chơi bời khi ở ngoài vòng luật pháp.

---

(5) Chạy vỏ: ăn cắp.

Mỗi luồng gió lạnh đem theo một mùi hôi hám nồng nực lùa vào đầy buồng. Một tiếng nấc không biết của ai cất lên, tiếp đến những tiếng nghiến răng kèn kẹt. Cái im lặng nặng nề trong xà lim Lô cốt thêm đè nén, thêm ghê rợn.

Chín Khấu bó xanh mắt lại:

- Lần ngồi xà lim nay mới "cáy" (6)ghê.

---

(6) Cáy: sợ.

***

Chó Mực và Tư Choáng đã ngạc nhiên càng ngạc nhiên hơn. Chó Mực bấm Trưởng Phác bảo khẽ:

- Đừng rên nữa, để nghe xem thằng Chín nó nói gì.

Trưởng Phác mắt lờ đờ, uể oải gật đầu. Thì không phải như trăm nghìn lần trước, hễ động mở mồm là càu nhàu, Chín Khấu bó, bằng một giọng run run, lẩm bẩm:

- Chết!

Tư Choáng phì cười nói:

- Ông Bônbe chết?!

Như không để ý đến câu nói châm chọc ấy, Chín tiếp lời:

- Rồi tất cả chúng ta đây sẽ chết rũ trong này thôi!

Lời nói run run mà rắn rỏi ấy làm Trưởng Phác sợ sệt. Bác yếu ớt hỏi Chín:

- Thật ư?

- Phải!

Tư Choáng đổi giọng:

- Phải à?

- Ai nói dọa làm gì! Chúng ta sẽ chết rũ trong này thôi, vì xà lim Lô cốt có "tinh".

Chín Khấu bó ngừng lại một giây, nuốt nước bọt đến ực một cái rồi nói tiếp theo:

- Mà con "tinh" này là hồn người tù vì tôi mà chết cách đây đã ba năm.

Trong bóng tối, cả Chó Mực, Trưởng Phác, Tư Choáng đều rùng mình một loạt. Ba người hồi hộp nghe giọng Chín nói tha thiết như của một tín đồ đạo Thiên Chúa phủ phục dưới chân bàn thờ, miệng đọc bản kinh sám hối.

Còn Chín chẳng đợi ai hỏi: chậm rãi thuật lại thiên thảm sử của cái người

chết đã thành "tinh" cho ba người nghe.

- Xin nhớ cho rằng chỗ kia là chỗ người chết dạo nọ nằm đấy nhé.

Trưởng Phác và Chó Mực quay ngay đầu về phía Chín trỏ. Trưởng Phác lạnh lùng nhìn, Chó Mực có vẻ sợ hãi vì chính bên chỗ hắn nằm.

- Mà lần này vào Hỏa lò là lần thứ tư.

"Một buổi tối, Cai trại chống án và tôi lôi một người lính khố xanh ở trên mạn ngược chống án về... ra khảo thuốc phiện. Cứ theo lời tên "tiểu yêu" thì "so" này giấu "ken' ở trong áo bông. Chúng tôi đã kiểm soát rất kỹ lưỡng cái áo ấy mà không tìm thấy thuốc phiện, mãi sau phải dùng đến cách cuối cùng là bóp cổ hắn tới lúc gần tắt thở.

"Bất đắc dĩ, hắn xé cái áo bông, lấy lần lót trong tẩm thuốc phiện đưa cho chúng tôi. Tưởng thế đã yên thân, ngờ đâu vì chúng tôi chia nhau không đều, đâm ra đánh nhau làm ồn ào cả trại, nên hắn bị phạt lây vào xà lim Lô cốt.

"Hai hôm sau Cai trại hết hạn tù được tha. Trong xà lim chỉ còn tôi với người lính ấy".

Đến đây Chín dừng lời nói, chép miệng, buông một tiếng thở dài. Hắn cảm thấy người thiệt mệnh đương ủ rũ tiến đến gần mình. Vội vung mạnh tay để xua đuổi cái ảo tưởng gớm ghiếc kia, Chín lấy hết can đảm nói tiếp theo kẻo Chó Mực giục giã.

- Tội nghiệp người lính ấy! Luôn luôn hắn than phiền: "Trời không có mắt" và oán trách chúng tôi đã làm cho hắn bị vào xà lim Lô cốt. Hắn bị phạt cũng chẳng qua vì tôi, rồi chết cũng vì tôi!

Chín Khấu bó lại ngồi yên lặng rồi hắn nói tiếp theo:

- Từ hôm bị cùm, hắn bỏ cả cơm, suốt ngày chỉ khóc. Hễ khi nào cơn nghiện nổi lên hắn lại gờm gờm nhìn tôi như muốn xé tan xác tôi ra. Trước, tôi để tâm giận hắn, sau, thấy hắn vì không có thuốc nuốt nên ốm yếu quá, tôi động lòng thương hại. Lắm lúc tôi phải nâng giấc hắn, chăm nom nước nôi cho hắn, nhưng hắn vẫn ra dáng không bằng lòng, còn tôi, càng thêm sợ sệt, không hiểu tại sao?

Một ngày người lính ấy một xanh xao, gầy còm, tôi chưa thấy ai hốc hác đến thế bao giờ. Hắn rên rỉ và nói mê luôn miệng làm tôi lắm đêm không sao chợp mắt được.

Bảy hôm ròng rã, tôi chịu biết bao nhiêu sự bực tức, sợ hãi. Giữa đêm khuya, cũng về mùa rét, mà thỉnh thoảng cất lên những tiếng rú thê thảm, ai là người không kinh khiếp. Tôi càng kinh khiếp hơn nữa, khi thấy hắn trợn mắt, hổn hển sau những câu nói chập chừng:

"Tôi oan! Nó giết tôi! ... Nó hại vợ con tôi... Nó giết tôi!"

Một buổi sáng cụ suvaydăng B... cho hai người nhà pha vào quét dọn xà lim, tôi liền khẩn khoản xin cho hắn được phép khai ốm, nằm ở "phemì" thì bị mắng hắt đi.

...

Cụ chẳng thèm ngó tới người lính ấy, nhìn tới vạt áo vàng hắn... đẫm đờm dãi. Khi "nhà pha" rửa qua loa nền xi măng xong, cụ đóng cửa lại, nguây nguẩy đi ra.

Thế rồi một đêm sau cùng, không thể chịu đựng được tiếng rên rỉ rầu rĩ của hắn, tôi ghé tai hắn bảo to rằng:

- Cụ im cho tôi ngủ chứ! Tôi van cụ đấy!

Nhắc đến lần thứ tư, hình như hắn mới hơi nghe thấy. Chẳng buồn cất tiếng hắn thao láo mắt nhìn tôi. Tôi rủn cả chân tay, quay mặt đi, trùm chăn kín mít.

Sáng sớm mai là sáng hôm thứ tám bị phạt cùm vào xà lim tôi chưa kịp mở mắt đã thấy phảng phất một hơi lạnh và thối tha lạ lùng. Chợt nghĩ đến người lính tôi vội quài tay lay mình hắn, thân thể hắn cứng đờ, tôi sờ ngực hắn: ngực hắn lạnh buốt: thì ra hắn chết từ nửa đêm hôm qua, giờ nào không rõ, mà mắt vẫn mở trông trừng trừng vào tường quét hắc ín, mồm há hốc tay chới với như khi hấp hối hắn vẫy gọi ai.

Tôi kêu vang lên, một lúc sau có một người suvaydăng với hai người nhà pha vào. Hỏi tôi qua loa xong, suvaydăng truyền vặn bù loong cùm... rút... người lính ra.

...

Nó kéo lê thây cái "băngca" gác ở bậc lên xuống đằng trước xà lim. Rồi... họ đưa người lính đi...

Chín Khấu bó kết thúc chuyện bằng một cái vò đầu. Trên nét mặt anh nổi lên không biết bao nhiêu vẻ ăn năn tha thiết. Chó Mực và Tư Choáng rùng mình ghê sợ.

Trưởng Phác thở dài ảo não. Chạnh thương người quá khứ cùng một cảnh ngộ, chạnh xót xa cho thân phận bị đày đọa trong nơi cùng cực của sự đọa đày, Trưởng Phác rớt nước mắt và khóc nức lên.

Gian xà lim yên lặng tối mờ vẫn hoàn toàn yên lặng tối mờ.

1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Tết Của Tù Đàn Bà

27 THÁNG CHẠP

Mưa phùn tạnh từ hôm kia, nhưng gió rét càng thổi mạnh. Da thịt người buốt nhức vì khí lạnh. Con nhỏ của tù đàn bà khóc suốt đêm. Chúng không chịu được rét dù được ôm ấp trong lòng mẹ. Chúng khát sữa nữa - sữa mẹ chúng như cạn hết rồi!

Sáng sớm trong sân trại giam. Những mảng rêu mạng khắp chân tường còn long lanh sương. Một bức tường, dưới chòm canh, vẫn giữ những màng nước mong manh. Nắng non mới rãi vàng trên vài chòm xoan phấp phới những mảnh chai thủy tinh lấp lánh trên bức tường ngoài cùng.

Bốn người đàn bà rách rưới, nối tiếp nhau thẳng một hàng, trườn người ra, đẩy những bao gai cuộn tròn để dồn nước rãnh vào cống cái. Thỉnh thoảng gió lật tung váy, bày ra những bắp đùi trắng từ bụng chân trở lên vấy bùn rác. Các chị vẫn chúi mũi làm, làm như máy, có khi húc đầu vào người chổng mông đùn bao ở đằng trước. Người bị húc, hất đít lên, xô đẩy người trên. Tất cả ngã chúi đi.

Hai chị cai tù đứng ốp và mấy mụ tù nhà giàu phá lên cười, nhịp cười vang vang trong không khí lạnh rợn.

Thành phố thi hành chính sách tiết kiệm. Trừ nước uống là nước máy, còn giặt giũ và rửa ráy bằng nước giếng ở sân trại ngoài. Tù đàn ông chỉ khiêng nước đến cổng, đàn bà cỏ vê phải ra chuyển vào mà rửa ráy.

Bốn thùng nước to chưa kịp đặt xuống đất, họ đã ùa đến. Nào gáo, bơ, nón tranh nhau sục vào. Lắm người bế con thơ không chen được, phải chờ tất cả múc xong, mới té chỗ nước cặn ra vò tã và quần áo bẩn.

Thứ nước này nhơ bẩn không thứ nào bằng. Tội nhân gọi là nước rau hay nước mũi. Quanh năm vẩn đục, nhớt như lá mùng tơi vò, và, những tháng năm, tháng sáu gần cạn, nước đổi sang màu gạch cua nồng nặc hơi bùn. Bốn thúng nước chuyên vào lần thứ hai, nhưng tù đàn bà vẫn tranh nhau giặt giũ. Giám thị chờ lâu gắt ầm lên. Cai trại mượn thể càng quát tháo. Chỉ còn ít phút nữa cửa trại đóng.

Nền nhà và các rãnh lênh láng nước. Người quét không kịp đổi tay chổi và ngẩng đầu nhìn. Mùi hôi hám bốc lên trong bóng tối, càng nặng nề, càng như nạo ruột. Người quét choáng váng, mặt nhợt nhạt.

Nửa giờ sau, tội nhân phải dồn ra sân. Những con người rách rưới, còm cõi ấy ngồi run run trong hơi ấm của nắng đông. Trẻ con bớt khóc. Mẹ chúng có thời giờ đụp vá quần áo. Vài cụ già vạch yếm bắt rận vừa thì thầm kể lể những chuyện xưa kia hay thuật cho nhau nghe những cái nhỏ mọn nhất, dễ được nhất, như có vài bộ quần áo nâu dày, một vài đồng bạc làm vốn chợ búa lần hồi, một chuồng lợn nhỏ vài ba con, một ổ gà mắn đẻ.

Cai trại và tù nhà giàu ngồi riêng biệt. Họ xõa tóc ra cho bọn con gái nhổ tóc sâu, tuốt trứng và chấy. Mùi trầu cau đậm đà ở miệng họ nhai rất ngon lành phả ra làm nhiều kẻ phải nuốt nước miếng.

Hôm nay là ngày 27 tháng chạp. Những tù đàn bà hiền lành kia vẫn yên lặng như mọi ngày trong mấy tường đầy mảnh chai và thủy tinh. Ban chiều tiếng pháo thưa thớt ở đâu đây vẳng lên. Nhưng mơ hồ quá, họ có nghe thấy không?

28 THÁNG CHẠP

Chánh sếp người Tây quăng mạnh chùm chìa khóa xuống đất, hất hàm nhìn cánh cửa sắt quét sơn màu tro. Anh loong toong vội vàng đóng khóa lại và yên lặng chờ mệnh lệnh. Những khi cử chỉ giận dữ như thế, viên quản ngục thế nào cũng làm tội nhân hết hồn.

Cũng nên thuật qua để bạn đọc biết chút ít về lão sếp này. Y nổi tiếng là quái ác và tinh ngoan. Người hắn lùn, chân ngắn, đi lạch đạch như vịt. Nhưng lúc có việc quan trọng, hắn lanh lẹn khác thường. Thoáng chỗ này, thoáng chỗ khác, hắn mà ốp việc thì không một tội nhân nào có thể lờ vờ.

Người ta đặt cho hắn cái biệt danh: Một mẩu.

Trước "Một mẩu" là giám thị ở Hỏa lò Hà Nội. Nay hắn được đổi về Nam Định, giữ chức Chánh sếp. Được tin hắn đổi về, tất cả các trại dự bị một cuộc tranh đấu như tuyệt thực, không đi làm, để giữ lấy quyền lợi.

Không cần phải nghe nhiều, các bạn đã rõ những sự bóc lột và hành hạ của cai tù được các giám thị dung túng. Nhờ đó mà chúng sống ung dung trong lao và có thể nuôi vợ con ở bên ngoài một cách sung túc. Chỉ bằng tiền của những tội nhân giàu có, những kẻ thân cô thế cô, yếu đuối và nhút nhát! Chỉ bằng những quần áo lành lặn sạch sẽ mà người ta đã phải nuốt nước mắt nhìn chúng lột trần. Chỉ bằng những công việc may vá, đan vẽ, thêu của các người thợ khéo bị tù muốn tránh những việc quét tước, khuân vác nhơ bẩn và nặng nề. Dạo ấy, trong lao Nam Định có một buồng để giam những tội nhân bị kết án từ năm năm đến mười năm khổ sai. Toàn những kẻ trộm cướp, giết người đốt nhà. Tụi hung bạo, liều lĩnh họ không kiêng nể giám thị và quản ngục. Muốn tránh những sự lôi thôi phá phách, giám thị và quản ngục ta làm ngơ đi. Chúng có ở mãi đâu! Chỉ vài ba tháng. Rồi hoặc bị phát vãng, hoặc giải lên Hà Nội chờ phiên tòa Thượng thẩm. Tụi cai trại ăn cánh với tụi tù nặng năm này. Bóc lột và bán chác được vật gì thì chia đôi. Các công việc đều trút lên đầu những tội nhân hiền lành, đần độn, không thân thích trông nom, không có vật gì đáng giá để thay người.

Nhưng, vỏ quýt dầy có móng tay nhọn. Mới nhậm chức, "Một mẩu" dò hỏi ngay lính gác về tâm tính của tội nhân ở đề lao này. Rồi được biết từ trước đến giờ các Chánh sếp khác vẫn nhân nhượng, mặc cho bọn giám thị ta xử sự, đến nỗi để gây nên một số cai trại cầm đầu đề lao, "Một mẩu" bèn sắp đặt chiến lược.

Hắn quyết trừ tiệt cái nạn tù bóc lột tù, mua bán các thức ăn, quần áo, thuốc phiện, rượu mà bọn tù anh chị được đặc quyền hưởng.

Hai hôm đầu, tội nhân cỏ vê đi làm về không bị khám xét, tha hồ mang bánh trái, thức ăn và thuốc hút. Đến giờ phát cơm, "Một mẩu" thân đứng trông coi. Quần áo, chăn chiếu cũ rách hắn thải cả loạt, phát toàn đồ mới. Đêm, hắn không đi "ronde". Tội nhân chuyện trò phè phỡn tới sáng!... Chiều hôm thứ ba khi tù cỏ vê đi làm hết, chỉ còn tù vị thành án nặng nằm ở nhà, "Một mẩu" xin thêm bên trại khố xanh một toán năm mươi người lính. Hắn cắt hai mươi người đứng trực ở một góc sân. Những lính còn lại đi kèm hắn. Đồng thời lính gác lên các chòi canh và vây quanh đề lao. Dự bị đã chu đáo, hắn truyền cho giám thị dồn tù vị thành án và tù nặng năm vào hai sân. Không ngờ có cuộc đàn áp, tội nhân ở buồng nguy hiểm (1)thản nhiên kéo nhau ra. Người cuối cùng vào xong, hai mươi người lính ở một góc sân đổ xô ra, chia đều đứng bốn góc, súng nạp đạn và cắm lưỡi lê chĩa đều một loạt. "Một mẩu" và ba mươi người lính tuồn ngay vào.

---

(1)Salle dangereuse

Giám thị ta truyền tất cả phải cởi truồng, quần áo vứt làm một đống, rồi đứng hàng hai. Bọn tù nặng năm choáng váng, răm rắp theo lệnh. Anh nào nhốn nháo hay chậm chạp bị "Một mẩu" quất ít là hàng trăm chiếc roi bằng cao su, đầu quấn dây thép và có móc sắt. Chúng lần lượt chổng mông, giạng

háng, lè lưỡi, rũ tóc cho "Một mẩu" khám. Lỗ mũi, lỗ tai, kẽ chân, đâu "Một mẩu" cũng móc vào. Đoạn, hắn bắt tất cả ngồi xuống và cấm không ai được nhúc nhích. Hắn và ba giám thị ta lục soát quần áo.

Ai dám bảo tội nhân nghèo, nếu thấy lưng một thùng sắt tây đựng xu, hào? Ai dám bảo tội nhân đói khát trước một thùng đầy bánh kẹo, thuốc lào, thuốc lá và thuốc phiện? Ai dám bảo tội nhân rét mướt bên một đống cao ngất quần áo toàn bằng vải lụa đắt tiền?

Tù cỏ vê đã đi làm về. "Một mẩu" bắt hãy xếp hàng ở sân ngoài và truyền tất cả lính đi coi phụ lực với tốp lính hộ vệ hắn dẫn ngót bốn trăm tội nhân nguy hiểm kia vào cùm. Buồng nhì lúc đó cũng bị một bọn giám thị khám xét xong. Trước cửa buồng, chồng chất những bơ, gạo, bát đĩa, củi đóm, chụp đèn, dọc tẩu, điếu thuốc lào và rổ rá đựng thức ăn. Rồi "Một mẩu" khám tù vị thành án rồi đến tù cỏ vê. Ta thử tưởng tượng một đống đồ vật nhiều biết chừng nào của hơn bốn trăm tội nhân tha lôi ở ngoài về, từ mảnh tre, đến lá đến gói muối. Tù đàn bà xưa nay không bị khám, tha hồ đem quà bán cho tụi đàn ông không được ra ngoài, giờ thật trần trụi. Những thứ đã loại được, "Một mẩu" tống cả vào thúng rác, trừ các thức ăn để cho nhà Hủi.

Các cai trại bị khai tên và mấy tù nặng năm bạo nghịch bị nhốt vào xà lim ngay đêm ấy. Và bắt đầu ngay đêm ấy, các giám thị ta phải chia nhau mọi việc trong đề lao.

... Ngày nay, tuy tiếng cai trị đã mất, nhưng thật ra bọn giám thị vẫn còn cắt một số tù chân tay để phân phát công việc. Do đấy cái nạn bóc lột và hành hạ vẫn còn. Nhưng, thỉnh thoảng "Một mẩu" lại khám trại; vì y vẫn còn được tin có bàn đèn thuốc phiện trong đề lao, do tụi tù đàn bà đưa vào. Hôm 28 tháng chạp này, "Một mẩu" chợt nghĩ đến cái nạn cờ bạc, rượu chè và thuốc sái về mấy ngày Tết mọi năm, bèn cùng hai anh loong toong xuống khám trại đàn bà.

Một buổi chiều cuối đông lạnh lẽo. Mây trời xanh biếc. Không khí như có mạt thủy tinh, thở buốt mũi. Gió rét thổi dài, sắc như những lưỡi dao. Các chòm xoan lá ngọn trên bờ tường thỉnh thoảng lại rùng lên, trút xuống sân một ít lá vàng. Nắng chiều hồng nhạt rắc phấn trên những mái ngói xanh mốc rồi dần tan trong màu tàn hương của chiều tàn.

Trại tối mờ. Đèn bật lên rồi mà bóng tối vẫn còn lởn vởn mùi hôi của nền nhà, gần sàn và chăn chiếu chẳng đụp tuy không nồng nặc quá, nhưng đã có khí lạnh tê buốt nạo ruột gan những con người xơ xác kia, và những tiếng rên xiết của mấy người tù già ốm nằm cuộn tròn trong mảnh chăn rách mướp chích những mũi kim sắc nhọn nhất vào các tấm lòng dồi dào tình thương. Trẻ con nhớn nhác nhìn, đứa khóc thét lên, đứa lịm hẳn đi trên những cánh tay còm cõi run rẩy.

Ánh nắng đã chết hẳn. Muôn tiếng động của chiều dần chìm vào những cánh sương xõa rộng ở nơi xa. Hơn hai trăm tù đàn bà ngồi co ro dưới chân tường đẫm rêu chỉ còn là những cái bóng yên lặng.

Từng người một đứng lên, đến trước mặt "Một mẩu", trật khăn dang tay cho hai chị cai trại khám. Người ta thấy nhiều tia mắt sáng loáng chiếu nhìn "Một mẩu", những tia mắt nẩy lửa của mấy người đàn bà phải giũ tung tã lót rồi đặt con xuống đất, giơ cao hai tay run run lên chờ hai bàn tay dữ tợn của chị cai thọc vào yếm và cạp quần.

28 tháng chạp! Bọn đàn bà hiền lành không biết tội ác là gì, họ đã bị đầy ải hàng giờ trước gió lộng, một chiều cuối đông đầy nước mắt.

GIAO THỪA

Không khí nao nao tràn ngập những sự bùi ngùi thương nhớ.

Tháng thiếu, 29 lấy làm 30. Đêm nay là đêm giao thừa trong cái thế giới

tối tăm của những tù tội. Dù ngăn cấm và khám xét chặt chẽ, họ cũng cố vượt qua trăm sự ngặt nghèo đưa vào ít vàng hương, hoa quả. Hồn của đất nước, của tất cả những tiểu gia đình trong đại gia đình vũ trụ, ấm áp quá, thân mật quá, lên tiếng gọi đêm nay. Dù chỉ là những con người chất phác, ít suy nghĩ, ít tình cảm chăng nữa, nhưng trong những giờ mà mọi người náo nức đón chào xuân mới, mà mọi người mở rộng lòng ra đón lấy bao nhiêu cảm giác mới lạ, thì họ cũng bị sự nghiêm trọng và thiêng liêng của Tết đè nặng lên tâm hồn. Ở trại đàn bà, họ đã sắp sẵn. Mấy người nhà giầu và tụi cai trại tốn nhiều công của mới có từng ấy thứ đồ dùng. Họ đã quả quyết nói rằng: "Lễ giao thừa xong, dù "Một mẩu" có khám thấy các vật cúng ấy, phạt cùm và nhốt họ vào xà lim, bắt ăn cơm nhạt hàng tháng, họ cũng cam tâm!".

Gần mười một giờ, tất cả thôi chuyện trò và bắt đầu im lặng. Ba chiếc mũ óng ánh những miếng kính tròn đặt lên một bệ cao, xếp bằng rổ, rá, thúng, nón và ống bơ chồng chất trên sàn. Dưới cỗ mũ, một đĩa hoa, ba đĩa mứt, hai đĩa bánh chưng và một đệp vàng giấy bày thẳng một hàng. Ba đinh vàng ở dưới cùng để cắm hương nến.

Bóng đèn điện được lau chùi cẩn thận đêm nay. Ánh sáng vui vẻ chiếu xuống cái bàn thờ kia.

Không còn ai nằm. Họ ngồi quây quần ở một góc sân. Vài ba cụ, không thể ngồi được lâu, phải phục lên lưng người còn khỏe mạnh. Tiếng ho rất ít và rất khẽ.

Bỗng tiếng pháo ran lên, tiếng pháo của không biết những nhà nào gần đấy. Tiếng pháo giòn tan kế tiếp nhau như không bao giờ hết trong những vang động dồn dập của chuông trống.

Một tội nhân, quần nái dài chấm gót, áo the cài khuy, khăn vuông baga óng mượt, lặng lẽ đến bàn thờ. Chị đánh diêm châm nến và thắp hương. Mấy người ăn vận gọn ghẽ, khép nép đứng một bên, lần lượt nhận những nén

hương nhả khói thơm ngát.

Bao nhiêu tia mắt sáng loáng chiếu cả vào những ánh nến rung động, những miếng kính tròn lấp lánh, và những tia khói nhang nhẹ nhàng cuộn lên trần nhà. Gương mặt mọi người sáng lên và tràn đầy vẻ kính cẩn. Mắt không dám trông thẳng, đầu cúi thấp, hơi thở mạnh và nhanh hơn.

Đĩa hoa quả, ba cỗ mũ và ba đinh vàng bỗng sáng ngời. Một thứ hào quang của vàng ngọc tỏa ra chung quanh, trong đó có những bóng dáng chập chờn. Tất cả linh hồn của tội nhân đang cầu khẩn. Thứ tiếng thầm lặng của lòng người ấy nhịp với thứ tiếng huyền bí của mùi hương hoa thơm ngát, bơi trong gió lạnh vi vu, rồi tràn lan mênh mông. Bao nhiêu hình ảnh nổi lên trong tâm trí với bao nhiêu màu sắc, bao nhiêu hương vị xao xuyến. Những ý nghĩ tối tăm hay sôi nổi nhất, hay giẫy giụa nhất... tạm chết trong giây phút. Hồn lắng lại để cho màu xanh biếc của tương lai mơ hồ lặng tan ra rồi dần dâng lên một sự êm mát.

Bỗng, ở một xó tối, một tiếng động nấc lên. Phút chốc bao nhiêu tiếng nức nở ở những góc sàn khác cất theo. Rồi, buồng giam sôi lên những tiếng nghẹn ngào dồn dập.

Pháo nổ thưa dần.

Tiếng kiểng canh rè rè buông từ từ, quằn quại trong bóng tối. Ở trại giam bên kia, trẻ con thức giấc từ lâu khóc thét mãi lên, những trẻ con ốm yếu của các tù đàn bà vô tội.

MỒNG MỘT TẾT

Những dải sương đượm khói pháo thơm và hương ngát còn vương vấn trên những nóc trại, những chòi canh. Khác hẳn mọi sáng tấp nập, ồn ào, sáng nay đề lao yên lặng như không có một người tù.

Cho tới khi mặt trời lên cao.

Nắng vàng chảy mênh mang. Sương mờ tan trong phấn nắng chập chờn. Lá cây xanh biếc và mái ngói mốc rêu óng ánh vàng diệp. Nhạc gió rung vang lừng.

Cửa tò vò mở rộng ra sân bên bắt đầu trút ánh sáng vào trại giam sâu thẳm như một cái hang lớn ngập bóng tối. Bằng những ô trống của mấy khoảng thông hơi ở hai đầu trại, nắng mới tuôn vào từng thác. Tám giờ rưỡi mà cửa chính vẫn đóng. Tội nhân dậy từ lâu. Họ không đi lại nhộn nhịp, ngồi cả trên sàn, nói chuyện khẽ với nhau.

Hơn hai trăm con người ấy lúc nhúc trong một bầu không khí quanh năm chật hẹp và nặng nề, hôm nay không phải đi làm. Họ sẽ được hưởng những suất thịt lợn, rau cải, cơm oản nhiều hơn, ngon hơn ngày thường chút ít. Trừ một ít kẻ giàu có bị tù vì bị bỏ thuốc phiện hay mua nhầm đồ trộm cắp, còn toàn là những người cùng khổ can án rượu, muối lậu. Rất ít kẻ ăn cắp và lừa đảo; mà, có bị khép những án đó, chỉ là bị khép oan! Chủ ruộng, chủ đồn điền không bóc lột được chồng, con họ nữa thì thưa họ về những tội ấy, những tội mà họ nhận thấy chính là của các kẻ ăn sung mặc sướng bằng mồ hôi, nước mắt của họ suốt một đời. Họ là những nạn nhân của những miền quê luôn luôn bị lụt lội, hạn hán hay nạn đói rét và dịch bệnh tàn phá; thâm tâm họ đã tràn đầy những sự phẫn uất, căm hờn. Đời sống súc vật và bùn lầy của họ không thể yên lặng mãi được. Càng ngày miếng ăn manh áo càng rất thiếu, trái lại, việc làm của họ càng ngày càng tăng thêm.

Chín giờ, cửa trại mở. Tất cả tội nhân dồn ra sân. Hôm nay trại chỉ quét qua, không phải rửa nước như mọi khi. Chín rưỡi, ở ngoài kia, tù nhà bếp bắt đầu xếp mâm bát. Mười giờ đúng, hai xe cơm thầu lịch kịch chuyển bánh qua mấy lần cửa sắt rồi hạ càng trước trại phát cơm.

Bữa nay chỉ khác ngày thường một chút là suất thịt lợn to hơn độ hai ngón

tay và đèo thêm vài miếng lòng; suất rau cải luộc thêm vài ba củ; suất cơm oản gạo trắng và bớt sạn bớt nhão. Những chị cai trại và mấy người nhà giàu có thân quyến vào "phép" nhiều bánh trái và thức ăn, họ "nhường" mấy miếng thịt nhà thầu kia cho tụi tù đàn bà con mọn.

Bữa ăn không cùng một lúc. Bọn nhà quê án rượu, muối lậu và các người già cả cùng khổ ăn trước. Khi cửa trại khóa xong, mười một giờ, tụi tù có địa vị và nhiều vây cánh mới bắt đầu sửa soạn bữa.

Ba chiếc chiếu rộng nhất trải ra giữa trại. Vỉ buồm, giấy dầu, lá chuối dùng làm mâm. Các món ăn đựng trong bát đũa toàn bằng gáo dừa của tụi tù tôi tớ khi nhàn rỗi đã gọt mài nhẵn bóng. Không được nóng sốt, nhưng cũng gần đủ thức của một bữa cỗ. Nào bóng vây, mực, gà vịt hầm, giò chả, thịt kho. Cơm oản bỏ đi, chúng dùng bánh chưng và cơm nếp nhẫy mỡ trên những tập lá chuối bày bốn góc. Vào tiệc, họ còn chào mời ầm ĩ. Khi ăn, họ chọn gắp cho nhau từng miếng. Những cử chỉ cảnh vẻ, đài các,... những lời chúc mừng nhắc mãi không biết chán,... những chuyện nhỏ mọn nhất của gia đình kéo dài hàng giờ trong những nhịp cười giòn tan.

Tụi tôi tớ phục dịch chạy lăng xăng, đưa đĩa này, đĩa nọ cho người ăn. Vài mụ già ngồi vừa đấm lưng vừa phỉnh phờ tán tụng và chầu chực xắn bánh, sẻ xôi vào bát.

Khi ấy, ở trạm giam bên kia, những người nhà quê đi dạo ngồi xếp bằng trên nền nhà và sàn gỗ. Mấy bà cụ ốm yếu không gượng được thì nằm phục bên các người khỏe mạnh. Tất cả hướng mặt về mẫu ảnh đức Chúa Giêxu bị đóng đinh trên cây thánh giá treo trên tường. Họ thì thầm đọc kinh. Giọng đọc đều đều không phân biệt, âm thầm trong bóng mờ mờ của nhà tù. Lòng tin tưởng của những con người sống cực nhục, tối tăm không còn biết bấu víu vào đâu đầm đìa và chan chứa trong những bản kinh "Lạy nữ vương", "Tôi ở dưới vực sâu", "Đức Mẹ hằng cứu giúp".

Toàn là những người ở miền biển, có tiếng nói vang vang như tiếng đồng. Nhưng, giờ đây nghỉ trưa, bắt buộc phải yên lặng, họ không dám đọc to. Và, cũng vì họ sợ làm bận tai bọn cai trại khác tôn giáo họ. Để cầu kinh, họ có một thứ giọng riêng, càng kéo dài càng rên xiết.

Tiếng pháo giòn tan mừng xuân thỉnh thoảng vang lên và tiếng cười nói hả hê của tụi cai trại và tù giầu càng ran lên, trùm lấp cả những tiếng cầu khẩn tha thiết và thầm lặng của bọn tù đàn bà.

Trưa nay đỡ rét và được bú no, trẻ con ngủ mệt trong lòng mẹ. Nhịp thở đều đặn nho nhỏ của chúng hòa hợp với giọng đọc kinh của nhiều người mẹ trong lúc này chỉ còn là những hình thể bất động.

Ánh nắng không chói lọi như ban sáng. Song sắt của bốn khung cửa tò vò gắn sâu vào trong những mảnh trời xanh biếc. Tượng Chúa chịu nạn trên tường lờ mờ dưới một thứ ánh sáng lạnh giòn của pha lê. Hai cánh tay rỉ máu dang ra một vệt mực tím loãng dài. Mắt Chúa lờ đờ dưới vầng trán bọc gai nhọn đẫm thêm bóng tối.

Không có nến thắp và hoa dâng nhưng lòng trong sạch của ngót trăm con người kia cũng đủ lửa để bừng sáng, đủ hương thơm để soi thấu được ý nghĩ của loài người và nhận định số phận của vạn vật. Lúc này, trên đầu bọn tội nhân đầy đọa kia, sẽ nhỏ những giọt nước mắt cảm động vì tấm lòng tin tưởng tha thiết một sự thưởng phạt công bằng. Nhưng ta đã thấy, bao nhiêu xương thịt tan tành, thối nát, bao nhiêu nước mắt và máu đã lụt ngập tỉnh thành, bao nhiêu sinh mệnh đã chết và đương chết trong cảnh đói rét bên một đám người hả hê sung sướng, mà có bao giờ tìm ra được những sự giải quyết ở Trời?!

NHỮNG NGÀY ĐẦU XUÂN

Mồng một tết, đến mồng hai, mồng ba rồi mồng tư. Đời của những người

đàn bà khốn nạn ấy trong những ngày đầu xuân vẫn tối tăm, vẫn yên lặng trong trại giam chật hẹp, hôi hám.

Mưa phùn lại bắt đầu kéo dài... Gió rét lướt thêm muôn cạnh sắc... Mây trời xám ngắt càng chụp thấp. Bầu trời đè nén nặng nề quá! Người ta mong ngóng ánh nắng xuân mau tràn ngập để lọc không khí cho dễ thở và đem đến sự ấm áp cho những da thịt thiếu máu và quần áo.

1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Lớp Học Lẩn Lút

Tâm mượn được thêm hai cái bàn học dài và rộng. Tâm ngắm mãi địa thế gian nhà chật hẹp để lựa chiều xếp chỗ ngồi của học trò được vừa sáng sủa, khỏi chen nhau và trông thẳng lên bàn Tâm.

Người ta mới dẫn đến cho Tâm bốn đứa trẻ. Hai đứa chưa biết chữ quốc ngữ, một đứa mới bập bẹ đánh vần, một đứa mới bắt đầu học chữ cái tiếng Pháp. Đáng lẽ là bốn đứa trẻ này học ở một trường ngoài phố, vừa gần nhà chúng, vừa ở ngay một quãng đường sạch sẽ. Nhưng trường nọ đông học trò quá, dạy không xuể, bố mẹ muốn giao chúng cho sự chăm nom cẩn thận của một ông thầy tận tâm. Nhà giáo xứng đáng với sự ủy thác này ở trong xóm chỉ có thể là Tâm.

Lớp học của Tâm có mười sáu trẻ, chưa đứa nào quá mười bốn tuổi. Tâm đã tốn hàng hai, ba giờ để soạn bài cho chúng. Mỗi đứa một bài, không thể ghép chung nhiều đứa làm một bọn được. Tâm không nỡ và không dám thấy sự cố gắng thái quá của những đứa còn non cũng như sự uể oải của những đứa phải học thụt lùi. Vì mỗi khi nhận tiền học trả đúng hạn, Tâm lại sung sướng thêm một lần và càng nhận thấy không thể có một sự tha thứ cho sự cẩu thả hay trễ nải của mình.

Thu dọn đã xong.

Cái phên liếp che cửa phải chống lên để lấy được nhiều ánh sáng ở ngoài sân vào lớp học. Ngay bờ hè đó, kê chiếc bàn để Tâm ngồi chấm bài. Trước mặt Tâm, một chiếc bàn tí xíu vừa đủ cho ba đứa bé nhất trường, từ sáu đến

tám tuổi. Hai bàn giữa là của mười đứa đã biết làm tính nhân và viết những bài ám tả Pháp rất ngắn, rất dễ, những bài chúng đã học thuộc tuần trước. Bàn cuối cùng cao và rộng, với một ghế bằng cái chân miếng gỗ lim rất chắc chắn, dành cho bốn thằng đã biết làm tính đố và học nhiều bài chữ Pháp.

Miếng bìa lịch che ô cửa ở bức vách trong cùng bỏ đi. Lớp học sáng thêm lên. Mặt bàn sơn đen bên ô cửa lấp loáng những ánh vàng phớt. Mấy tấm hình cài ở phên liếp ngăn lớp học với gian cạnh nổi bật lên màu sắc và nét in thắm hơn. Cảnh cánh đồng buổi sáng và một bờ sông về mùa xuân, dưới hai mảnh kính nhỏ nhắn kia như linh động trước mắt Tâm, linh động với một vẻ tươi tốt và dịu dàng. Một nỗi vui man mác mở rộng trong lòng Tâm. Tâm thẫn thờ nhìn gian nhà lá lụp xụp, lúc này, đối với Tâm, thân mật và ấm cúng bao nhiêu. Tâm mơ hồ thấy tiếng ngòi bút chạy loạt xoạt dưới những búp tay đỏ mọng. Tâm nghĩ đến những cái đầu hơi nghiêng nghiêng nói rằng thứ não cân ngây thơ đương sáng lên, đương nẩy nở những cái gì tốt đẹp, bởi những sự suy nghĩ vừa phải... Thế rồi những giọng hòa hợp vang vang ở những miệng xinh xắn thốt ra, nhịp với trống ngực non nớt, rung sâu vào tim Tâm... Tâm lờ đờ ngước mắt nhìn khoảng không, trên cặp môi rung rung một nụ cười.

Dịu dàng quá, cái thế giới dưới mái lá đen cặn này! Cái thế giới bé nhỏ quá, hèn mọn quá, nhưng càng ngày càng chồi thêm những tình cảm đẹp đẽ, sắp lại mở ra đón thêm bốn đứa học trò nữa. Tâm lại mỉm cười, nhưng vẫn ngồi im lặng. Tâm sợ một sự tan vỡ trong trí tưởng. Tâm lắng hết tinh thần để nâng niu hình ảnh hai thằng nhỏ ngây ngô trong bộ quần áo lụa mỡ gà, tóc hung hung phấp phới như tơ ánh trước gió, và hai đứa con gái đứng nép vào trong lòng mẹ, cặp mắt mở to thỉnh thoảng ngước nhìn trộm Tâm. Tâm còn thấy chúng đương ngồi ở bàn đầu và bàn thứ nhì, ngơ ngác bên những đứa học trò cũ, và mỗi khi bị Tâm gọi, lại giật nẩy mình.

Tâm đã rạo rực đến cực điểm. Người Tâm nóng bừng, Tâm đứng dậy, làm

một việc gì để dịu bớt sự rộn ràng của các dây thần kinh bị kích thích. Tâm mở cuốn sổ ra, ghi vào bốn dòng cuối cùng những con số sau đây: 0 50,

0 50, 0 70, 0 70. Đoạn Tâm làm một tính cộng. Tâm lại mỉm cười trước con số kết quả. Tiền thu tăng lên hai đồng bốn hào. Ờ, Tâm sẽ mua thêm được ít sách cũ, được vài tờ báo và sẽ đi xem chớp bóng. Tâm kéo dài thêm các dự toán. Sang tháng nữa, Tâm sẽ sắm được một cái đồng hồ đánh thức mà Tâm thường mơ ước, khi đi tập thể thao. Sang tháng nữa, Tâm đưa tiền cho bà mẹ để bà cân cho vài thang thuốc bổ, vì Tâm yếu lắm, ho luôn luôn.

Đã mười giờ rưỡi, vợ chồng nhà Bình đã về chợ. Bố Bình đã ra tầu xin được gánh than, hắn thở hồng hộc một lúc, rồi gạt mồ hôi trán với vạt áo nâu dày cộp. Vợ chồng anh Ba Cổng đương rủa con cái sa sả bởi chúng nó bâu đến các thúng hoa quả chưa bán mở hàng. Ngoài sân, tiếng vo gạo rào rào trong bếp, ran ran tiếng chuyện trò. Khói thổi nấu tản mỏng ra trong ánh nắng chói lòa, rồi bị dồn lên cao, rồi tan mất trong sắc xanh giòn của mây pha lê.

Tâm chắp hai tay ra sau lưng, đi lại ở lối ra cổng. Sự sung sướng rạo rực đã lắng lại, trong lòng Tâm còn man mác một tin tưởng tha thiết, một thương yêu đắm đuối. Những phút này, Tâm gần những con người cần lao ở cái xóm cặn bã này hơn hết. Không phải bởi lòng tự phụ, thấy mình dồi dào thì san sẻ cho họ, thấy mình hiểu biết nhiều thì cúi xuống họ, nâng đỡ họ. Mà bởi ở cùng một hoàn cảnh, cùng một đời sống thấp kém và tối tăm vì thiếu thốn đủ mọi thứ, vì phải chịu đựng đủ mọi thứ.

- Ớ An ơi! Cõng em về cho nó ăn cơm thôi.

Tiếng một bà cụ già vẳng cao lên trong trưa hè. Tâm quay nhìn một bữa ăn sắp sẵn trên mặt đất. Một mâm gỗ long hết sơn, đen bóng, đựng một chén mắm tôm bắc lỏng với khế xanh, một bát ôtô nước rau muống đỏ lờ lờ lấp lánh ánh nắng, và một đống rau muống cao có ngọn. Nồi cơm còn ở trên bếp đầu rau gần đây. Khói trắng tia ra, tạt về một góc bếp chạt bồ hóng và mạng

nhện bởi gió từ ô cửa lùa vào. An lếch thếch cõng một đứa bé còm nhom, nó vừa chạy vừa lên tiếng thưa. Qua cổng, gặp Tâm nó cuống quýt chào:

- Lậy cậu ạ!

Tâm giơ tay, ngăn nó lại. Con bé em nó nhớn nhác nhìn Tâm, còn nó, nó cúi gầm mặt.

- An! - Tâm nghiêm nghị hỏi nó - Áo cánh đâu mà mày không mặc để mình trần cháy đen và nhễ nhại mồ hôi thế kia?

An càng thấp đầu xuống, Tâm nâng cằm nó lên, nhìn sâu vào mắt nó:

- Có phải cởi trần để dễ vày vò đất cát, bùn lầy phải không?

Mặt An xám lại, An phào ra hai tiếng:

- Không ạ!

Đồng thời, tiếng bà An sang sảng thốt lên:

- Thưa cậu, cậu phải đánh phạt nó thế nào mới được, chứ chúng tôi không thể sao dạy nổi nó. Thoáng một cái, nó đã ra đống đất ngoài đầu ngõ đùa nghịch với trẻ con rồi.

Tâm lắc tai An, đe dọa:

- Chốc nữa tao còn thấy mày nghịch thì mày sẽ nát đít với tao. - Rồi Tâm chậm rãi hỏi: - tính tao ra chiều qua đã làm xong chưa?

Mặt An càng xám lại. An yên lặng một lúc lâu rồi run run nói:

- Thưa cậu chưa ạ!

Tâm "hừ" mạnh một cái và lay tai nó:

- Giỏi thật! Thôi được, để mai tao sẽ xem bài vở mày.

Tâm ra ngoài cổng, vài đứa trẻ vừa trông thấy Tâm đã chào răm rắp. Không phải chúng là học trò Tâm. Vì Tâm tuy đứng đắn nhưng rất mến trẻ. Tâm hay hỏi chuyện chúng và cho chúng xu, nên Tâm được chúng quý trọng. Nhiều đứa đã cố nằn nì cha mẹ xin cho mình được thôi học ở trường tư dưới phố để học Tâm. Cha mẹ chúng tuy bằng lòng nhưng không muốn cho chúng thôi ngay: làm như thế tỏ ra mình phũ phàng quá. Trong khi chờ đợi, những trẻ này bứt rứt lắm. Càng thấy học trò Tâm được thưởng giấy bút và dắt đi chơi luôn chúng càng thúc giục cha mẹ. Nhiều người đã bảo các phụ huynh nọ:

- Để con mình học gần nhà và luôn luôn bị thầy dọa nạt có hơn không?

Họ tưởng Tâm cũng như các nhà giáo khác, ngoài bổn phận dạy dỗ trẻ còn phải trông coi chúng như cai tù khắc khổ đối với tù. Không! Tâm mặc chúng tha hồ đùa nghịch những giờ nghỉ, miễn là đừng chơi bời tai quái, dại dột. Một đôi khi, bất đắc dĩ phải đe nẹt chúng, Tâm chỉ làm cho chúng biết lỗi bằng những lời ngăn cấm và khuyên bảo chứ không bằng roi vọt. Như đối với An trên đây, Tâm đã vì bà nó mà cử chỉ gay gắt đến thế. Thật ra, Tâm bằng lòng để nó nô nghịch thoải mái. Ngày thơ ấu tối tăm và đầy đọa của nó chỉ có chút ánh tươi vui trong tiếng reo cười những phút say sưa, ham mê chơi bời.

Bà mẹ Tâm cũng đã làm cơm xong. Tâm ngồi vào ăn. Mẹ Tâm luôn luôn nhìn con, mắt sáng lên, lấp lánh những ánh vui hồn hậu.

- Năm cái bàn kê vừa xinh con nhỉ?

Tâm cười với mẹ, thong thả đáp:

- Con đã loay hoay hàng giờ mới thu dọn được như thế đấy. Mẹ xem, lớp học vừa sáng sủa, vừa có hàng lối nữa.

Bà mẹ Tâm yên lặng một lúc rồi chỉ những bàn:

- Tất cả bao nhiêu học trò hở con?

- Hai mươi hai đứa.

Bà cụ sẻ thêm canh vào bát của Tâm:

- Bốn đứa mới xin học con nhà khá lắm đấy. Lúc ra về họ có nói với mẹ nếu con họ tấn tới và ngoan ngoãn thì con lấy bao nhiêu họ cũng trả.

Bà ngừng lại một phút nhìn sâu vào mắt Tâm, rồi bà chập chừng muốn nói câu gì nhưng lại thôi. Tâm nhìn thấy rõ lòng bà lắm. Cũng như Tâm, bà đương rạo rực với những hình ảnh một tương lai sáng sủa và tươi đẹp. Hy vọng đó sắp thực hiện, bà sung sướng bao nhiêu! Bà đã nâng niu nó! Đã tê mê với nó những đêm thao thức nghe tiếng Tâm thở đều đều sau một ngày vất vả mệt nhọc.

Tâm là con trai đầu lòng của bà. Bà đã gieo neo vì Tâm không biết là bao nhiêu ngày, tháng. Hồi ông thân Tâm mới mất, Tâm mới mười hai tuổi. Sự buôn bán ở tỉnh nhà khó khăn, bà phải đi những nơi xa. Đó, bà cực nhục và chua xót vì thế. Thấy bà còn trẻ đẹp, lại tươi tắn và dễ thân mật, họ hàng nhà chồng nghi ngay bà có ngoại tình. Trước những lời ong, tiếng ve, bà chỉ cười. Lòng bà đây, đàn con bà đây chứng cho bà. Sau, sự bêu riếu, giày vò chồng chất lên bà nhiều quá, bà đành dắt ba con đi nơi khác làm ăn. Lại thêm không biết bao nhiêu sự cùng cực, khổ sở cho cảnh đời nghèo nàn và trơ trọi của bốn mẹ con yếu đuối, chất phác kia.

Mẹ Tâm, năm ấy chưa qua ba mươi sáu tuổi. Tuy khổ sở đau đớn nhiều quá nhưng bà không sút kém như ai. Da dẻ bà vẫn hồng hào, trán mới thoáng

vài nếp nhăn mỏng mảnh, tóc bà còn đen nhánh. Hỡi người mẹ hiền từ và chịu khổ, có phải lúc nào bà cũng thương yêu người khác nên bà dồi dào và tràn đầy hạnh phúc? Lòng vị tha quý hóa ấy, người ta chỉ tìm thấy trong những người nghèo, người bị bóc lột, người bị đè ép. - những người có bao nhiêu năng lực và đức tính bị dập tắt dưới cái chế độ xã hội tàn ác này.

Sự vui sướng đang mênh mông trong lòng Tâm bỗng cạn ráo. Ý nghĩ tối tăm ấy lại quắp chặt lấy trí não Tâm.

Tâm dạy học không có giấy phép. Tâm dạy giấu giếm trong một căn nhà tồi tàn. Tâm đương trốn tránh trước pháp luật!

Bát cơm cuối cùng vừa hết miếng chót, Tâm đặt xuống, mời bà mẹ, rồi đứng dậy.

Mười một giờ rưỡi. Phu phen và thuyền thợ làm lụng ở trên phố đã tan tầm. Sự huyên náo cuồn cuộn trào lên ở đường cái trong xóm. Mỗi người trong những lớp người lam lũ đều mang một mảng nắng chói lòa trên vầng trán bóng nhẫy, trên những nón lá vàng ánh, trên những xẻng cuốc sáng lóe. Quần áo họ toát ra những mảnh hơi mờ mờ: đó, sự mệt nhọc thái quá của những con người mà khí lực bị việc làm đầu tắt mặt tối hút dần, hút dần tới khi cạn hẳn.

Cha mẹ thằng Keng, thằng Độ, thằng Vòi, con Tuyết, con Pha, con Tý về gặp Tâm đều chào hỏi vồn vã. Tâm tươi cười chào lại. Nhưng khi cười nói xong, lòng Tâm lại dại thêm một thớ nữa. Tâm nghĩ đến một ngày kia, một ngày gần lắm, Tâm sẽ bị những câu nói sau này khoan sâu vào ngực.

- Cậu ơi! Cậu tính sao bây giờ! Cháu nó đương học cậu tấn tới lắm mà.

- Này cậu giáo, vợ chồng tôi ân hận vô cùng, biết tìm ai để giao phó cháu bây giờ!

- Thế này thì tiện lắm cậu giáo ạ, cậu dạy riêng hai thằng cháu nhà tôi, buổi trưa và buổi tối vậy. Chứ không chúng nó chẳng chịu học ai, vì chúng nó quen sự dạy dỗ của cậu và mến cậu lắm.

Đáp lại những cảm tình thấm thía ấy, Tâm chỉ có thể cảm ơn họ, rồi, để chối từ họ, Tâm phải viện những lẽ sau đây: Tâm còn ít tuổi, Tâm không thể nào có tiền để mở trường. Tâm sợ sự khai trình phiền phức, các khoản cam kết chặt chẽ, chờ đợi lâu ngày.

Đường cái vào trong xóm đường về Cầu Đá, đường về Đông Khê sáng lóe hơn. Thỉnh thoảng mới có vài người qua lại, yên lặng và uể oải. Mái lá đen cặn ri rỉ những tia khói mỏng manh, dưới đó, con người đương bị hun đốt trong một sự bức bối oi nồng.

Tâm trở về nhà, ngồi ngả lưng lên dựa ghế, bên cái bàn có một chồng sách, vở và một lọ mực đỏ. Mẹ Tâm đi chợ mua thức ăn bữa chiều, hai em Tâm sang chơi ở bên hàng xóm. Còn trơ Tâm ở lại với cái yên lặng nặng nề của trưa hè.

Sự hứng khởi ban nãy đến giờ thật tắt hẳn, sự tê tái ran hơn mãi lên khắp trong lòng Tâm. Cái lớp học lẩn lút lại đầy những vẻ thảm hại trước mắt Tâm thẫn thờ. Cái lớp học mà Tâm hằng mong muốn đổi mới. Năm chiếc bàn cũ kỹ sơn đen co ro sát vào nhau với ba chiếc ghế gỗ tạp và một chân niễng cục kịch, một mảnh ván dài kê trên hai bệ gạch, trong một gian nhà lụp xụp, lấp lánh những tia sáng rung rung từ những lỗ dột trên mái lá rỏ xuống, bên phải có một tấm liếp lem luốc, bên trái là chỗ ăn ngủ của gia đình Tâm. Cả đời sống của bốn con người đã thu hẹp lại ở một nơi tồi tàn này mà vẫn không yên ổn! Tâm mím môi lại, bàn tay phải nắm chắc xiết lên mặt bàn. Thâm tâm vang lên những tiếng kêu, và giây phút, Tâm cảm thấy phải đi suốt đến sự phá bỏ tan tành những cái khe khắt trói buộc Tâm và bao nhiêu người khác.

Mắt Tâm càng sáng mãi lên, và những hơi thở nóng hổi trong lồng ngực

Tâm phùn phụt toát ra.

1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Những Mầm Sống

Ánh nắng mênh mông tràn ngập. Đường nhựa sáng lóa như dát bằng vàng diệp. Lá cây rung lên, muôn vàn tia hào quang bay phấp phới. Các mái ngói, các ống máng, các cửa kính, các biển hàng lấp lánh những ánh ngời.

Một sự huyên náo như không bao giờ tắt. Tiếng guốc khua vang vang trên bờ hè, những lớp sóng cười nói trào lên cuồn cuộn, rồi tràn lan, rồi tung cao... Bánh xe bò chuyển rầm rầm, lăn loang loáng những vòng lửa trong nắng xuân chói lòa... Những xẻng cuốc và ván gỗ đẩy trong hòm xe bắn ra những trận mưa rào rào... Và những tà áo, những nón lá, những chóp mũ trắng thở ra những làn bụi bạc li ti. Một sự sống mãnh liệt quá, đè lên, vượt qua và cuốn theo tất cả những sự ủy mị, những cái tối tăm, những cái gì có vẻ chậm chạp.

Giờ đây, tầm về của phu phen, của thầy thợ. Giờ đây, những con người cần lao ấy được thở ánh sáng và không khí ngoài trời để lấy thêm sinh khí cho các bắp thịt, chốc nữa đây sẽ làm nô lệ cho các đồ dùng làm việc và các xe cộ. Giờ đây, được máy móc và các kho hàng, các chủ cai bao thầu nhả ra, cái giai cấp lầm than này đã mệt mỏi và đói lả mà vẫn còn bị những sự lo lắng phiền muộn băn khoăn giày vò tâm trí. Ánh nắng chói lòa thêm hào quang ở các viền mây cẩm châu tia ra đốt hết những cái vẩn đục của da trời pha lê xanh biếc. Những ánh ngời của các vật bằng gỗ, đá, thủy tinh, đồng sắt kẽm và các vật màu tươi láng đã thấm hết những hơi ướt át còn rớt lại của mùa đông. Những màng nước cuối cùng vương trong các bụi cây cỏ và những dòng nước cống rãnh chảy rì rì đã bốc thành hơi, đã tan trong không khí.

Người ta không còn thấy một vẻ ủ dột, một chút lạnh lẽo, một gợn nhỏ tối tăm dưới cái bầu trời tràn ngập rực rỡ. Sự thay đổi hoàn toàn đem lại bao nhiêu cái mới mẻ, tươi tốt nó cuốn hết cả cái mùa đông buồn thảm tê liệt cả hồn người.

Nhưng, sự cải tạo đời sống của con người chưa thấy! Biết bao nhiêu xiềng xích vẫn ràng buộc tự do, biết bao nhiêu nỗi áp chế vẫn đè nặng các mầm nảy nở, biết bao nhiêu cách bóc lột vẫn hút sâu mãi những sinh khí trong đời sống của con người.

... Thêm vào những làn sóng người lao động cuồn cuộn trên bờ hè và hai bên rìa đường kia, những tốp đàn bà đi chợ về chợ hay buôn bán trong phố và những đoàn xe đạp của các viên chức lương ít phóng vùn vụt. Một góc thành phố chuyển động vì sự nhộn nhịp, huyên náo làm bằng tiếng guốc khua vang, tiếng cười nói trào lên như gió bão, tiếng xe bò chuyển ầm ầm, tiếng chuông ran không ngớt của muôn ngàn người cùng chung một đường đi, cùng dưới một bầu trời tràn ngập ánh nắng rực rỡ này.

Mặt ai nấy đều đỏ hừng, vầng trán bóng loáng, mắt lấp lánh. Những sự rạo rực đã phát tiết ra cả những tiếng nói và những cử chỉ của họ không thể kìm hãm được trong lúc này. Mỗi hơi thở hắt ra của họ trút thêm vào bầu không khí một ít lửa của mong muốn, phẫn uất, căm tức, tin tưởng và hăm hở. Mỗi làn nhỡn quang của họ tia ra lan thêm vào ánh nắng rực rỡ, chói lòa, để cùng tràn đến những nơi sầu thảm. Cũng như họ, cây cỏ rung lên trước gió, mưa rào rào phấn vàng, phấn bạc và tung ra khắp bốn phương trời những hột bụi nẩy nở của muôn vàn bầu nhị.

Một ai đây dù hoài nghi đến đâu khi trông nhìn cái rừng chuyển động này, cũng đâu phải tin rằng cái hình thức tối tăm, cằn cỗi và như thối nát của sự sống một phần nhân loại lầm than chỉ là một cái vỏ mỏng sắp sửa nổ vỡ. Vì trong cái vỏ ấy, bao nhiêu cái mầm sống nẩy nở đã chín muồi sắp chồm dậy, sắp xé tung sự trùm lấn, đè ép để tự do thở hít ánh sáng và khí trời, để được

gieo rắc mênh mông.

Nắng xuân càng tô thêm muôn vàn ánh ngời vàng ngọc lên cảnh vật, gió xuân rướn cao mãi muôn vàn bản nhạc vang lừng. Làn sóng người đã lan ra khắp hang cùng ngõ hẻm. Người ta mong đợi một ngày kia làn sóng cuộn cuộn ngày hôm nay sẽ lôi cuốn được tất cả những làn sóng rải rác khác để chồm lên và vượt qua những dốc cản trở, những tảng đè nén, những hố sâu vùi dập, để đi tới một dải đất rực rỡ, xán lạn như bầu trời xuân tràn ngập ánh nắng trong buổi trưa nay.

1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Cô Gái Quê

Người con gái ấy đi sâu vào bóng mờ.

Hộ mím môi lại, nhìn dáng người mảnh dẻ kia nhạt dần. Phút chốc, cái sắc đẹp hồn nhiên say đắm Hộ suốt ngày ròng biến hẳn vào màu xanh thẫm của làng mạc trong sương chiều.

Những hạt mưa phớt lạnh qua mặt Hộ. Cổ anh lạnh buốt vì gió thốc mạnh vào. Hộ bước thêm vài bước rồi dừng lại.

- Đi đâu bây giờ?

Hộ ngẫm nghĩ một phút rồi quả quyết đáp:

- Không cần biết! Đến đâu cũng được!

Nhưng con đường ấy không đưa Hộ trở về làng Cầm. Hộ phải dừng bước lần nữa, chau mày lại, nhìn một con đường xa thẳm trước mặt và một lối đi nhỏ hẹp ở bên trái, chạy đến một đám nhà thấp thoáng trong những lũy tre. Hộ đứng yên lặng một lúc lâu. Chán nản chợt nghiến mạnh lấy tâm trí anh. Cả xác thịt Hộ mềm hẳn ra. Hộ muốn đánh rơi mình xuống vệ cỏ ướt.

Cái dáng người mảnh dẻ kia lại tha thướt trong trí tưởng Hộ. Hộ bật lên một câu chửi. Nếu lúc này Hộ có quyền hành như một viên tri huyện chả hạn, Hộ sẽ truyền lệnh trói riệt người con gái nọ, sai hàng chục kẻ quật roi gân bò lên thân thể cô ta, rồi Hộ sẽ nghiến răng, cười rít vào mặt cô. Vì say mê mà không được thỏa mãn, Hộ đã trở nên hằn học. Có tàn ác như thế Hộ mới đỡ

hờn.

Những hạt mưa to xối mạnh thêm vào mặt Hộ. Hộ đập mạnh giày lên vệ cỏ, đoạn bước gấp về phía có nhà ở kia.

Một người như Hộ không bao giờ nhất định được lâu. Làm việc gì cũng theo cái đà hăm hở hướng về một cái lợi phút nghĩ ra và tưởng rằng có thể nắm lấy được. Đi được một quãng, Hộ đã thấy nhiều hy vọng nhóm lên. Anh mỉm cười với ý nghĩ ấy vừa xóc xách những đồng hào trong túi quần:

- Với bộ quần áo kiểu mới lạ mắt này, với vẻ trai lơ này, sao ta lại không tìm thấy một cái gì hay hay trong đêm nay!

Nói đoạn, Hộ thấy nổi rầm lên những tiếng kêu chen lấn:

- Cậu đẹp trai quá! Cậu sang quá! Chúng tôi khổ vì ngắm trông cậu, cậu ơi!

Đó là những tiếng kêu của những người con gái nhà quê cùng khổ, lòng phút cháy đi vì thèm khát.

Hộ bước nhanh hơn. Đến cây đa ở lối đi vào xóm kia, Hộ đánh diêm châm thuốc lá. Hộ chỉ còn đợi một người đàn bà đẹp lọt vào mắt là anh bước vào cái nhà có người đó hay gần người đó.

Hộ vào một hàng cơm nhỏ ở giữa dãy nhà tranh bên trái.

- Thưa ông hỏi gì?

Hộ mỉm cười:

- Tôi mua bát nước.

Người bán hàng, giọng run run:

- Thưa ông nước nguội một chút, ông xơi tạm, cháu múc.

Hộ đã ngồi xuống chiếc ghế gỗ dài bên chõng hàng, ở phía trong. Hộ lật chiếc bát sành viền một lượt cáu vàng ở mép. Hộ tươi cười nói:

- Đương khát mà được nước lạnh uống còn gì bằng!

Người bán hàng tráng kỹ chiếc bát nọ rồi mới đổ nước trong chiếc gáo con có chuôi dài ra. Một làn hơi mỏng nhẹ nhàng tản lên. Nước chè ánh màu vàng tươi. Một chiếc lá cuối cùng nổi lềnh bềnh trong bát bị đầu ngón tay út của cô hàng vớt ra. Hộ từ từ đưa lên miệng, tợp một ngụm rồi mỉm cười:

- Nước ngon quá, ở nhà quê nấu khéo lạ!

Vừa nói Hộ vừa đắm mắt vào hai mắt long lanh của cô hàng. Má cô đỏ ửng ngay lên. Hộ uống từng ngụm, thong thả ngắm nghía cái vẻ xinh tươi của gương mặt trắng hồng. Rồi Hộ lại nhớ ngay tới cái sống lưng mềm như gợn nước, cái dáng uyển chuyển hút chặt lấy mắt người nhìn và mảng ngực phập phồng dưới vuông yếm trắng nõn của cô gái ban nãy.

Cô hàng mơ màng trông ra ngoài đường. Cái nhìn say đắm của người khách trẻ tuổi đã rung chuyển tất cả thớ thịt trong người cô. Tim cô đập rất mạnh. Cô phải kêu thầm lên:

- Em sợ lắm ông ơi! Ông cứ nhìn em mãi như thế, em đến phải đứng dậy, chạy đi chỗ khác thôi!

Hộ uống vợi bát nước. Anh đặt bát xuống chõng. Trong làn khói thuốc lá thơm tỏa rộng, mắt Hộ lim dim như mắt con mèo nằm gần thớt thịt trước mặt chủ. Cô hàng bỗng giật mình: Hộ bỗng hỏi cô, vừa chỉ vào cái tủ kính nhỏ:

- Những cái gì ở trong này thế? Hình như bánh, kẹo?

- Thưa ông phải ạ. Có cả bánh gai đấy, ông xơi, cháu bóc?

Hộ đứng dậy, nhoài người ra, chiếc ca vát dính một kim băng mạ kền thả xuống mặt chõng. Hộ với lấy một cặp bánh gai:

- Bao nhiêu một cặp thế này?

- Thưa ông có hai xu thôi ạ. Bánh của bác Tư ở Cầm thường đưa ra tỉnh bán cất.

- Ồ thế chắc phải ngon!

Người con gái bóc hai tấm bánh, ngọt ngào mời Hộ.

- Ông xơi tạm thứ quà quê mùa này.

Hộ cười to, nói theo kiểu nhà quê: ăn thật lực chứ còn tạm tiếc gì. Quà nhà quê mộc mạc ngon và lành mà lỵ!

Cô hàng che miệng cười. Hai mắt cô càng ngời lên, như hai viên ngọc. Tất cả những cái gì trong sáng và tươi mát của sắc đẹp cô hàng phát tiết ra cả những ánh mắt ấy. Hộ ăn bánh rất thong thả và hút thuốc lá.

Mưa càng dội mau và nặng hạt. Màn sương trắng đục bùng rộng ra, với bóng mờ của chiều tàn. Cây bàng ở trước hàng rùng lên luôn, lao mạnh xuống đất những lá đỏ tía. Bên kia đường, ở hiệu tạp hóa và mấy cửa hàng nhỏ, người ta lần lượt lên đèn. Ánh đèn dầu tây chảy lan ra ngoài đường vàng đục như lửa cặn của lò than gần vạc.

Bỗng, những tiếng rên khe khẽ ở gian buồng bên đưa ra. Hộ chau mày lại, làm ra vẻ quan trọng:

- Nhà ta có ai ốm thế cô?

Thản nhiên, cô hàng đáp:

- Thưa ông, bu cháu ạ.

- Cụ làm sao thế?

- Thưa ông, bu cháu vốn có chứng đau bụng, cứ mấy tháng lại đau một lần ít ra cũng bốn, năm ngày.

Hộ mở to mắt:

- Cụ uống thuốc gì thế?

Cô hàng ngượng nghịu:

- Dạ, uống cái lá cái lẩu và thuốc viên của bà lang Tiêm ở chợ ạ.

- Chết! Cô phải cân thuốc bắc hay ra tỉnh lấy thuốc tây cho cụ chứ!

Dứt câu này, Hộ thấy trong lòng rạo rực hẳn lên. Bao nhiêu ý nghĩ kế tiếp nhau sáng lên trong đầu anh.

Một cô gái chất phác, nhà nghèo, mẹ ốm, dọn một hàng cơm nhỏ ở một phố nhà quê hẻo lánh, đó tất cả những chỗ yếu sẽ bị thu phục bởi trước nhất là đồng tiền sau đến các mánh lới tán tỉnh, cái y phục lòe loẹt và vẻ mặt trai lơ của Hộ.

Hộ dán thêm một lần nữa cái nhìn nồng nàn vào hai mắt lóng lánh, vào cái lúm đồng tiền mơn mởn ở má đương mờ nét dưới mái tranh thấp và tối. Tuy chỉ hiểu biết một cách hời hợt, nhưng Hộ cũng mê mải say sưa với cái vẻ đẹp chập chờn, lờ mờ kia.

Thở xong hơi thuốc lá, Hộ nghiêm trang hỏi cô hàng:

- Cụ nằm một mình, không có ai đấm bóp?

Cô hàng cúi thấp mặt xuống, giọng nói nhỏ:

- Có hai em cháu thì chúng nó ra xem vào đám ở Cầm, còn cháu phải trông hàng...

Ngừng lại một phút cô nói tiếp:

- Nhưng rồi bu cháu cũng phải khỏi!

Sự chua xót trào lên câu nói ấy rõ rệt quá. Hộ cảm thấy tất cả nỗi túng thiếu của cái gia đình nhà quê không còn thể trông cậy vào ai sự giúp đỡ, sống lần hồi, vất vưởng. Nhưng, con vật trong người Hộ đã kêu rống lên. Hộ chỉ cần biết rằng: "Phải được thỏa mãn! Phải được thỏa mãn!". Không phải chỉ một lần này, đã bao nhiêu lần khác, Hộ dửng dưng trước những cảnh lầm than đau khổ.

Sinh trưởng ở một gia đình giàu, Hộ chẳng phải mó tay vào một việc gì. Ngày hai buổi Hộ đi học rồi đi chơi rong phố, hay góp mặt ở rạp chớp bóng, ở nơi đàn hát, hay cùng một cô gái nhí nhảnh nào đó tự tình ở những chốn cây cỏ, mây nước, rồi cùng nhau chụp hình, cùng nhau ca hát các bài hát tây mới. Sự suy nghĩ bị Hộ ghét cay, ghét độc. Hộ muốn tâm trí lúc nào cũng như bọt nước trên một dòng sông êm ả, trôi đến đâu thì trôi. Châm ngôn của đời Hộ lúc thanh xuân này là: sung sướng với một cô gái đẹp nhí nhảnh, với các quần áo lạ kiểu, với các cuộc vui ồ ạt như cảnh đời phù phiếm trên màn ảnh, như cảnh thơ mộng toàn yêu đương trong những tờ báo để các trai gái mới lớn đọc khi không biết và không muốn làm việc gì.

Có tiếng chân dậm thình thình ở ngoài thềm. Cô hàng nhoài người ra. Tiếng một đứa trẻ reo lên:

- Chị ơi! Vui quá! Vui quá!

Hai đứa nhỏ bước vào nhà, vung vẩy hai đôi guốc chạt bùn. Chúng không chào Hộ, trâng tráo nhìn Hộ. Cô hàng cốc nhẹ lên đầu thằng lớn:

- Đưa em vào rửa chân rồi còn ăn cơm chứ!

Nói đoạn cô hàng đánh diêm, châm ngọn đèn treo trên cái cột bương bên chõng hàng.

Bóng tối đã dày đặc. Màn sương lùng bùng đen thẫm lại như khói. Trong mù tối, ngọn bàng cao lớn không còn một dấu vết. Dãy nhà bên kia đường mờ dần đi chỉ còn thấp thoáng ánh đèn vàng cặn và những hình nhờ nhờ.

Hộ kêu lên:

- Chết rồi!

Mắt cô hàng sáng lên, chiếu vào mắt Hộ.

Hộ thở hắt ra một cái thật dài:

- Thế này tôi về làm sao được!

Cô hàng sửng sốt:

- Thưa ông về đâu cơ?

- Tôi về Hà Nội.

Cô hàng chau mày lại:

- Ông là người nhà cụ Hàn ở Bùi ra.

Hộ mỉm cười:

- Không, tôi không quen một ai ở đây hết! Nhân ngày nghỉ lễ tôi đi chơi,

thấy nói Cầm vào đám, tôi tạt vào xem. Lúc về, vui chân và mải nhìn phong cảnh nhà quê, tôi lạc đường, rồi thấy lối là theo bừa đi thì đến đây.

Hộ ngừng lại một phút rồi gieo mạnh vào sự ngạc nhiên của cô hàng câu này:

- Làm sao bây giờ?!

Cô hàng bật nói lên:

- Thưa ông không thể về Hà Nội được! Phải ra chợ Giã mới có tàu và ôtô, nhưng tối rồi, chẳng còn chuyến nào! Mà lại qua dốc Đề thì lo ngại lắm, nhất là người ăn vận sang trọng như ông.

Hộ hỏi xoắn xuýt:

- Dốc Đề! Sao đi qua dốc Đề lại lo ngại?

Thằng bé lớn đến sau lưng Hộ lúc nào không rõ. Hộ giật mình vì tiếng nói đột nhiên của nó:

- Nhiều cướp lắm ông ạ. Nó lột bao nhiêu người đi chợ Giã về, mà họ đi từng bọn năm, bảy người, có cả đàn ông đấy!

Hộ nhìn sâu vào mắt cô hàng:

- Thế thì tôi phải ở đây hết đêm nay?!

Cô hàng yên lặng, cúi mặt xuống. Tâm trí cô rạo rực lên vì suy tính cho ông khách sang trọng và trai trẻ lạc đường.

- Vâng, ông phải ở lại đây thôi!

Thằng bé nhớn chen lời:

- Ông phải trọ ở nhà ta chị nhỉ.

Cô hàng ngước mắt nhìn em; thằng nọ nói tiếp:

- Chứ không còn trọ ở nhà nào phố này.

Hộ vui vẻ nói với cô hàng:

- Vâng! Tôi ở lại đây, cô làm ơn cho ngủ nhờ một tối rồi lấy bao nhiêu tôi cũng trả.

Thằng bé mắt sáng lên, mỉm cười với chị, để bảo thầm:

- Chị còn nhớ cái ông khách tỉnh cũng trẻ tuổi và sang trọng như ông này không? Chỉ trọ một đêm và bảo pha một ấm chè tàu, lấy vài chiếc bánh mà sáng dậy, ông cho cả đồng bạc. Chắc ông này cũng rộng rãi như thế. Đấy chị xem, ông ta chẳng nói mình lấy bao nhiêu tiền ông cũng trả cơ mà!

Nó cố giữ Hộ lại bằng câu nói này với chị:

- Chiếu nhà mới giặt và đêm nay lại không rét chị nhỉ?

Hộ mỉm cười, nhìn thằng nhỏ. Hộ tự nhủ:

- Cái giống nhà quê chúng mày hễ thấy tiền là y như tối mắt lại! Con ơi! Mất chị với tao đêm nay rồi!

Rồi Hộ bắt sang chuyện khác:

- Kìa! Cô dọn cơm cho hai em ăn chứ!

- Thưa ông có gì mà dọn. Cơm ở nồi, cá kho và dưa ở chạn, chúng nó ăn bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu.

Nụ cười vẫn không rời môi Hộ:

- Hàng chỉ có thế thôi ư?

Cô hàng bẽn lẽn:

- Thưa ông chỗ quê mùa mà lại.

Hộ nói tiếp ngay:

- Đương lúc tôi đói này giá hàng có trứng hay thịt?

Mắt cô hàng lại sáng lên:

- Ông muốn xơi cơm?

- Phải! Cô tính từ sáng đến giờ tôi chỉ ăn có hai chiếc bánh tây và mấy xu chả thì làm gì chả đói.

Tiếng người đàn bà ở buồng bên lại vẳng ra rền rĩ:

- Lựu ơi! Mưa gió thế này chả còn ai ở nữa đâu, con đóng liếp vào. Nhà còn chục trứng gà và hành, mỡ đấy, con tráng cho ông khách xơi cơm. Mau lên!

Hộ cười thầm:

- Lại bà mẹ này nữa, hể hả mà dâng con gái cho ông khách.

Cô hàng cất tiếng vang vang:

- Nhưng bu để đâu cơ?

- Trong hòm gỗ dưới chõng hàng ấy.

Cô hàng đứng dậy, vòng đến sau lưng Hộ:

- Thưa ông ngồi nhích ra một chút cho cháu nhờ.

Rồi cô trườn người ra, với cái hòm gỗ nhỏ ở gầm chõng. Cánh tay cô vươn dài, một tà áo buột ra, Hộ muốn nuốt ngay lấy bầu vú rung trong yếm trắng. Một cảm giác đê mê khắp người Hộ. Hộ điên cuồng tưởng đến lúc vuốt tay lên mảng ngực cẩm thạch và cắn chặt lấy cặp môi chúm chím kia.

- Thôi em vào ngủ với bu đây.

Thằng nhỏ nũng nịu nói với Lựu, Lựu nhẹ nhấc cánh tay của nó ủ dưới nách Lựu ra:

- Thì em đi mà ngủ.

Hộ, ngồi gần cối bột, ngáp dài rồi cười to tiếng:

- Cả tôi nữa!

Lựu đưa nhanh mắt nhìn Hộ, má nàng đỏ ửng lên:

- Vâng đã khuya, thưa ông đi nghỉ kẻo mệt.

Hộ, giọng thân mật:

- Cô còn giã bột đến bao giờ?

- Dạ, đến một hay hai giờ sáng mới xong ạ. Mai là phiên chợ, phải gói gấp mấy đôi bánh.

- Chợ đây gọi là chợ gì?

- Dạ, chợ Vân Cầm.

- Chợ Vân Cầm! Tên nhẹ như chim, như mây. Ồ! đẹp quá.

Cô hàng mỉm cười:

- Vâng ạ, phiên chợ này người ta bán nhiều chim lắm.

Hộ càng dán mắt vào mắt cô hàng:

- Những chim gì thế?

- Dạ, đủ mọi thứ, nào chích chòe, khướu, vẹt, sáo, yểng, bồ câu, chim ngói, chim gáy, cò ruồi, sẻ cam, sơn ca, bạch yến.

Hộ reo lên:

- Cô biết nhiều tên quá, cô Lựu!

Thấy tên mình thốt lên, cô hàng càng đỏ mặt. Cô chớp mắt một cái rồi cúi thấp đầu xuống.

Tiếng chày nện đều đều trong cối bột vẫn vang trong đêm vắng. Cô hàng yên lặng như một pho tượng, mắt lờ đờ nhìn xoai xoải.

Hộ cởi giày và quần ngoài ra, lên nằm ở cánh phản chỗ bầy mâm cơm ban nãy, trước bàn thờ, gian giữa. Nhưng, Hộ không ngủ. Trí tưởng anh bị hai con mắt, cặp môi và bầu vú của cô hàng vây chặt không rời một phút. Nhắm mắt lại, Hộ thấy nó hiện ra trong đầu anh, linh động và thắm nét; và, hễ mở mắt ra, Hộ lại phải nhìn nó nổi bật lên ở cái hình người mảnh dẻ, yên lặng in bóng trên bức vách trắng đục.

Hai con mắt ướt át và lấp lánh, ẩn dưới hàng mi cong và đen ánh ấy, có những tiếng kêu van thầm lặng, tha thiết vô cùng. Cặp môi hé nở ngoài hai hàm răng huyền thơm và ngon làm sao! Nhìn nó, người ta phải tưởng ngay đến quả nho đỏ mọng và búp đào mơn mởn. Và, cái bầu vú thây lẩy trên

mảng ngực cẩm thạch kia, một người đương lạc giữa sa mạc chỉ nhìn thoáng qua sẽ cháy cổ đi rồi chết!

Lựu, Lựu vẫn yên lặng trong tiếng chày nện vang vang. Chỗ Lựu ngồi ở ngay lối đi ra sân. Cửa liếp ở đây đã đóng. Thỉnh thoảng nó lại rùng mạnh lên, như sắp rứt phăng cái gióng tre giữ riệt nó lại với gian nhà tranh cũ kỹ này. Những làn gió vu vu lùa vào nhà ấy, những sợi tóc mai của Lựu lại bay phấp phới, mềm mại và óng ánh.

Lựu biết người khách hàng để ý tới mình, nhưng Lựu vẫn thản nhiên. Người trẻ tuổi nào chả vậy? Nhất là một người trẻ tuổi có học tây, đối với bất kỳ ai họ cũng dễ dàng thân mật, bởi tính nhã nhặn, tử tế. Lựu tưởng như thế, rồi Lựu không nghĩ tới những cái nhìn say đắm đầy ý nghĩa và những nụ cười dịu dàng của Hộ.

Gà ở nhà ông Khán Binh, bác xã Tuất, cụ Phó Nhã đã lên tiếng gáy. Bị rung chuyển, cái triền miên nặng nề của vùng quê tối tăm gần như vỡ lở. Cùng lúc này, bu thằng Bồng vợ anh Cò, chị xã Khải, cái Tèo con bác Khán Vị, mắt đã mờ, lưng gần gẫy gập, đít đã ê ẩm, cánh tay mỏi rũ, ngồi yên lặng bên những sàng thóc, cối gạo, nồi cám, nồi bánh. Những tiếng gà gáy ran ran kia vang dần vào lòng họ, làm xao động lên. Nhưng chỉ vẫn những cảm giác bùi ngùi và lành lạnh thắt con tim họ lại. Họ mênh mông thấy mình yếu ớt hèn mọn quá dưới một định mệnh ghê gớm, cái định mệnh như được hầu hết những đàn bà An Nam cần lao tin tưởng và khiếp phục! Sự vất vả, lam lũ chồng chất lên đầu lên cổ họ gần như là một dĩ nhiên. Cả sự làm tôi đòi cho cha mẹ, họ hàng và chồng con!

Tiếng chày nện trong cối bột càng mau và đều. Mắt Lựu mơ màng hơn, đắm thêm mãi vào thinh không. Nhưng người con gái hiền từ và chịu khó này không suy nghĩ gì hết. Làm việc lúc này, Lựu như là một cái máy, cũng như muôn nghìn cái máy người khác đương tăng sức nhanh để công việc chóng xong rồi sau vài giờ nghỉ, lại bắt đầu chạy. Cứ như thế mãi, cứ như thế mãi

nếu chưa có một sự chồm dậy, hất tung và san bằng những cái đè nén và ràng buộc đi, cái đời đàn bà nhà quê cằn cỗi ấy.

Hộ bỗng vùng dậy, tiến lại chỗ Lựu ngồi. Bóng Hộ lừ lừ in lên bức vách trước mặt Lựu. Lựu giật nẩy mình, ngước lên:

- Ông! Chưa ngủ cơ?

Hộ mỉm cười:

- Lạ nhà, tôi không sao ngủ được!

Lựu yên lặng nhìn Hộ. Hộ ngồi lên chiếc ghế gỗ nhỏ, đối diện Lựu.

- Tôi thức xem cô làm hàng để đỡ buồn.

Lựu, má đỏ ửng lên, mắt lấp lánh:

- Có gì đâu mà ông xem!

- Thì đã có cô nói chuyện.

Tiếng ngực Lựu đập rộn ngay lên, Lựu cúi mặt xuống. Hộ kéo ghế lại gần cối bột hơn:

- Cô bằng lòng chứ?

Lựu giọng run run:

- Thưa ông đi nghỉ kẻo mệt. Em còn làm khuya.

Hộ giữ lấy cái chày gỗ:

- Tôi cùng thức với em mà... em Lựu!

Lựu cố gắng mãi mới thốt ra tiếng:

- Ông đi nghỉ thôi!

Nói đoạn, Lựu chiếu cặp mắt sáng ngời vào cặp mắt nảy lửa của Hộ. Lựu càng thấy lạnh chói ở ngực.

Hộ lại mỉm cười, và nhanh như chớp, cánh tay anh quàng lên vai Lựu. Lựu tái mặt đi:

- Ông!

- Anh chứ! Anh của em Lựu chứ?

Lựu tưởng như đứt thở:

- Ông!

Nàng vừa dứt tiếng, Hộ đã nắm chặt lấy bàn tay nàng chực gỡ cánh tay Hộ ra, và nàng bị Hộ ôm ghì lấy.

- Ông! Ông buông ngay ra!

Hộ liền hút chặt cặp môi chúm chím nhấp nháy của Lựu. Lựu quắc ngay mắt lên, dằn mặt Hộ ra. Nàng thở hồng hộc:

- Không! Không!

- Sao lại không? Tôi yêu em lắm rồi! Em xinh quá! Xinh gấp trăm, gấp nghìn các em ở Hà Nội, em Lựu ơi! Em có muốn gì không? Muốn gì tôi cũng cho! Ừ đi, em!

- Không! Không! Ông buông tôi ra! Tôi không muốn gì cả! Ông buông tôi ra!

Hộ không muốn đáp, hút chặt lấy môi Lựu lần nữa và thở rít lên. Lựu lại dằn mặt Hộ ra!

- Không! Không! Ông buông tôi ra! Bu tôi kìa!

Hộ thều thào nói:

- Không việc gì, bà cụ ngủ mệt mà! Vả lại cụ có biết cũng không sao, tôi sẽ lấy em, tôi sẽ giúp đỡ cụ và giúp đỡ em.

Môi Hộ lại cắn chặt lấy môi Lựu. Lựu kêu rít lên một tiếng, rồi năm đầu ngón tay nàng, như năm móc sắt, bổ mạnh vào mặt Hộ. Hộ vội nhắm mắt lại và hất bắn Lựu ra.

Tiếng gà gáy lại ran lên. Từng mảng yên lặng tối tăm rơi lả tả.

Lựu vùng dậy, hất mạnh mớ tóc rối ra sau lưng, mắt sáng quắc chiếu vào mặt Hộ đỏ bừng dần tái nhợt:

- Tôi không ngờ người tỉnh thành các bác lại đốn như thế! Sang trọng, lắm tiền, có học mà làm gì?!

Hộ đã đứng dậy, đầu cúi thấp. Lựu thở hồng hộc. Những tia mắt của Lựu càng ngời hơn lên, dồn từ từ Hộ lùi về chỗ cũ. Trong bóng mờ, cánh phản gỗ mọt đỡ lấy cái xác thịt mềm nhũn của Hộ lừ lừ đổ xuống.

1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Những Giọt Sữa

Đứa trẻ ưỡn người ra và khóc thét lên. Người mẹ ngả thấp cánh tay phải xuống, chau mày lại, yên lặng nhìn con. Trên tay y, cái dúm thịt nhớp mồ hôi và nóng như than hồng ấy thở dồn dập. Những đường gân xanh ở cái cổ bé nhỏ căng ra và chun lại như những sợi cao su trong hai bàn tay tinh nghịch. Cặp mắt mờ lệ của đứa bé vẫn trân trân nhìn mẹ, và, bàn tay của nó gầy guộc như một chân gà, vẫn giữ riệt lấy tà áo nâu hôi hám.

Mười hai tiếng đồng hồ ngân nga ở một tòa nhà gạch gần đây vẳng lên. Người mẹ vùng đứng dậy, bế xốc đứa bé lên.

- Ớ Duyên ơi!

Không tiếng đáp. Người mẹ lại cất tiếng:

- Ớ Duyên ơi! Duyên ơi!

Một lúc sau, thằng Duyên mới thưa lên: Nó thưa từ ngoài ngõ thưa vào, và vừa chạy vừa xắn quần. Thấy mặt Duyên người mẹ rít tiếng:

- Mày đi chết ở đâu hở thằng giặc kia?

Duyên không đáp, giơ tay ra đón đứa bé. Nhưng, thằng bé nọ túm vội lấy yếm mẹ và lại rít lên những tiếng khóc dài và sắc. Người mẹ vội vàng ấp đứa bé vào ngực rồi vỗ tay nhè nhẹ trên lưng nó.

- Thôi bu xin con, xin con.

Duyên càu nhàu:

- Xin với xìn gì nào! Thôi bu đưa nó cho con bế không nhỡ tầm mất.

Đứa bé lại ưỡn người ra và càng khóc thét lên. Người mẹ phải đỡ đứa bé xuống cánh tay trái rung rung:

- Thôi, thôi, bu xin con, bu xin con trai bu! Tội nghiệp, con trai bu sao nóng quá thế này...! Mai bu nghỉ ở nhà để lấy thuốc cho con trai...

Vừa nói người mẹ vừa vén yếm lên, ấp cái miệng ướt át của đứa bé vào một bầu vú chảy xễ. Đứa bé bặt ngay tiếng khóc, quờ quạo vào yếm mẹ. Người mẹ liền day mạnh tay lên mảng ngực rồi vuốt xuôi xuống từ từ như để dồn tất cả máu ở quả tim xuống bầu vú đã cạn sữa. Đứa bé càng nhay nhay núm vú thâm xịt.

Bỗng một hồi còi réo vang trời. Tầm nhất máy sợi rồi. Mắt người mẹ chợt sáng lên. Cùng lúc ấy, đứa bé cắn chặt lấy núm vú, kéo dài ra, và hằn học day rứt. Người mẹ rít lên khe khẽ rồi dằn mặt đứa bé ra. Những tiếng khóc dài và sắc lại cất lên.

Người mẹ vội vàng trao đứa bé cho thằng Duyên. Duyên ôm chầm lấy em chân trước chân sau chực chạy. Người mẹ kéo vội Duyên lại, nói rất nhanh:

- Em chưa bú no đâu. Mày bế nó sang bú nhờ chị Vận, chị ấy đã về tầm đấy.

Nhưng, khi Duyên chạy ra khỏi sân người mẹ gọi giật nó lại:

- Này, Duyên, mày mượn ai lấy một xu mà mua phở cho nó ăn thôi. Đừng bế nó sang chị Vận nữa, sáng nay chị ấy đã nói với tao chị ấy cũng thiếu sữa cho thằng Vịnh bú rồi.

Lại một hồi còi réo vang trời át cả tiếng khóc thét của đứa bé quằn quại trong hai cánh tay gầy guộc của thằng Duyên. Người mẹ rút cái áo nâu dài trên lao màn, vắt áo lên vai rồi chạy mải miết.

Những tia nắng chói lọi lao xuống vầng trán y bóng nhẫy và vọt ra tung tóe.

***

Cũng giờ này. Một tuần lễ sau. Người mẹ ấy, cũng áo dài nâu vắt vai, chạy mải miết cho kịp tầm. Chị vừa chạy vừa khóc, nhưng khóc không ra tiếng. Đứa bé con chị đã chết rồi! Nó vừa chôn xong!

***

Đứa bé nọ đã chết rồi!

Phải đem sữa lại cho những người mẹ nhiều con dại ở các nước bị chiến tranh tàn phá; những người mẹ đương để tang cha, chồng, anh em; những người mẹ đương phải thay những người đã chết vì chiến tranh kia, làm đủ mọi việc để có đủ quần áo và lương thực cho tụi quân lính hung hãn đi xâm chiếm những nước yếu hèn.

Phải trả sữa lại cho những cái miệng bé nhỏ há rộng, lưỡi gần cứng đó, dưới những bầu vú lép. Những cái miệng khát sữa, chờ mong sữa trong khi những mụ đàn bà phú hào và quý tộc tắm bằng sữa cho da thịt mịn màng, trong khi bọn tư sản đổ hàng ngàn, vạn thùng sữa xuống biển để có thể bán chỗ sữa còn lại với một giá đắt trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng...

Sữa! Sữa! Hỡi những thiếu nữ! Hãy dừng tiếng cười, dừng chân nhảy một phút. Kìa! những bàn tay bé nhỏ đương vẫy các bạn, những con mắt lờ đờ ướt át đương van lơn các bạn, những cặp môi đỏ mọng đã héo quắt lại trước khi cười với các bạn những nụ cười ngây thơ và xinh tươi.

Bằng một chút bố thí.

Bằng một sự đòi hỏi.

Bằng những cách ngăn cấm sự hủy hoại.

Bằng những nắm tay cướp lại.

Sữa! Sữa!

Người ta đương chờ đợi ở một thi sĩ một bài thơ, ở một nhà văn một trang truyện, kêu đòi sữa cho trẻ con.

1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Sự Đau Khổ Của Một Con Người

- Bình! Mày ra xem ai giật chuông ngoài kia mà chó cắn rầm lên thế.

Thằng nhỏ đội cái mũ nồi trắng dạ vội một tiếng rồi chạy bổ ra sân với cả chiếc giầy ủng và mảnh dạ. Thoáng phút, Bình chạy vào. Nó chưa kịp thở, Lân đã quát:

- Ai?

Bình ríu cả lưỡi:

- Dạ... ông đốc Tiến...

Lân trợn mắt, dằn tiếng:

- Thằng cha đốc Tiến? Đốc Tiến?

Bình lại rơi vào một sự kinh ngạc khác. Bình không thể sao hiểu được một ông chủ thích giao du và hách dịch như ông chủ nhà Bình sao lại tức bực, gắt gỏng đến thế khi người bạn ông có bao nhiêu xưởng dệt, giầu sang khét tiếng kia lại chơi? Nhất là người này lại là một bạn trong những bạn luôn luôn đến nhà chè chén với ông và cùng ông đi đâu cũng có nhau? Nhưng Bình đã phải chạy ra để mời ông khách vào ngồi chờ buồng nước. Trong khi ấy, trước một tủ gương cao ngất, ông chủ Bình lại tiếp tục sự ngắm nghía ve vuốt những quần áo rất đắt tiền mới lấy về mặc lần đầu.

Ông đã thắng đủ bộ rồi.

Lót mình, ông mặc áo sơ mi lụa như dán lấy da thịt của ông mọng và nung núc. Cà vạt ông thắt một thứ sặc sỡ, múi tết lù lù, ngắn ngủn. Vét tông rộng, dài và có đai. Quần cộc, hở hai bắp đùi xồm lông.

Hất mặt lên lần nữa, Lân sửa lại cà vạt. Chợt ông cau mày lại, lầm lầm nhìn vẻ mặt mình lồng lộng ở trong gương. Một ý nghĩ như lửa lại vút mạnh qua tâm trí. Lân mím môi;

- Thằng khốn nạn này! Giời ơi! Thằng khốn nạn này!

Sau đó, Lân giật nẩy mình, quay lại. Tiến vỗ vai Lân, vừa cười vừa nói:

- Đi săn mà diện thế? Xong rồi chứ?

Lân vội cười:

- Chờ sốt ruột định đi rủ thì đã dẫn xác đến rồi. Gớm! Thiêng quá!

Tiến cũng nhô mặt vào gương để sửa cổ áo:

- Vậy thì đi.

Bốn gót giầy tiếp nhau nện vang vang trên nền gạch hoa. Ở ngoài sân kia có bồn cỏ, giàn nho và thống lan, hai con chó to nhớn bằng hai con bê, luôn luôn chồm lên, nanh dài, nhọn và trắng ánh nhe ra với những tiếng chói óc. Bình phải rúm cả người để ghì giữ xích. Mặt Bình đỏ tía, Bình thở hồng hộc.

Thoáng thấy bóng chủ đeo súng, hai con chó càng lồng lộn. Nhưng Lân và Tiến vẫn dẫn từng bước trên lượt sỏi xào xạo.

Tiến, thở xong hơi xì gà, hỏi Lân:

- Cho cả Jocky và Stincelle đi chứ?

- Đấy tùy “toa”.

Tiến gật gù:

- “Moa” tưởng một súng thì mình Jocky là đủ, đưa thêm Stincelle chỉ tổ bận mình.

- Vậy thì Jocky.

Nói đoạn, Lân vẫy thằng nhỏ đương cuống quít với cái dây xích bị giằng phừn phựt trong tay:

- Alê, Jocky thôi.

Bình vội móc xích con chó ở lại vào cái mấu sứ ở cây bàng rồi dắt con được đi lao đầu chạy lại phía chủ.

Trong tiếng chó sủa vang, thấp thoáng tiếng dặn đầy tớ của Lân:

- Bà có đi cân thóc về thì mày thưa đến chiều chúng tao về. Và nhớ lấy thêm “vang” uống đấy.

Lân và Tiến đã song song ở ngoài tường. Hai người đi gần bờ hè dưới hàng xoan tây cành lá lơ thơ. Tuy về buổi trưa nhưng ánh sáng phớt lạnh, lẫn với sắc xanh mướt của cây cỏ. Trên cao, trời mịn như thạch.

- Chúng mình lên Bảo Lộc hay xuống đầm Đục? - Tiến hỏi

Lân rung rung cái túi vải bên nách:

- “Moa” cho xuống đầm Đục thì tốt hơn. Dạo này mòng két và vịt giời chắc về đấy nhiều lắm.

- Nhưng không biết có kịp tầu không?

Lân rút cái đồng hồ vàng ở một túi áo trên ra:

- Mới mười rưỡi, mà mười một giờ tầu mới chạy.

Dứt tiếng, Lân hắt hơi luôn mấy cái. Hắn gắt lên với mình:

- Lạ thật!

Tiến hóm hỉnh đưa mắt nhìn Lân, tủm tỉm cười:

- Dạo này vẫn đến đằng Liên Hương đấy chứ?

Lân tròn mắt:

- Nhảm nào! Đã hơn tháng nay có dám gì đâu!

Tiến vỗ vai Lân:

- Nhưng sao lại hắt hơi một cách khả nghi như thế?

Câu hỏi này làm Lân ngẩn mặt ra. Không biết giả nhời sao, Lân cười xòa, lảng sang chuyện khác.

Những chuyện và chuyện. Toàn những chuyện để họ cười nức nở với nhau, cười híp cả mắt cả mũi, cười rung cả má, cả bụng lên. Họ kể cho nhau nghe những cái khoái bất ngờ của mấy chầu hát vừa đi ăn mảnh nhau; những nơi ăn chơi mới lạ vừa tìm ra được ở ngay gần nhà họ và nhà những người quen họ; những thủ đoạn tuyệt diệu đã đưa đến cho họ những người đàn bà đặc sắc trên mấy chiếu bạc... Rồi họ văng ra những câu chửi rủa để chấm cho những đoạn mà họ bực tức và lại cười rộ lên vừa bàn tính những cuộc vui mê tơi sắp tới...

- Thế nào, có phục bản lĩnh của đệ không?

- Bái phục! Đệ xin bái phục!...

Tiến càng gõ mạnh gót giầy và vểnh mặt lên, sau đó ít phút thì bặt tiếng nói. Cả Lân cũng im. Lân dần thấy gai cả người và không dám nhìn vào cái mặt lồm lộp của Tiến, lông mày đen rậm, mi mắt mòng mọng vì ngủ không đều tuy ngủ rất nhiều.

Qua khỏi dãy phố Tây, hai người quặt sang một bờ hè vườn hoa. Vẫn cái bóng râm lạnh lạnh tỏa xuống. Máu trong người Lân càng dồn dập. Lân thấy bừng bừng. Thì thêm mỗi bước bên cạnh cái dáng đi khệnh khạng của Tiến, Lân càng rạo rực. Lân cố hết trấn tĩnh tâm trí mà không được. Lân cứ phải nghĩ, nghĩ một cách hằn học, nghĩ một cách cay đắng.

Bấy giờ, không biết Tiến chú ý đến cái gì mà Tiến để Lân im lặng như thế?

Lân nghẹn ngào. Lân nhắc thầm lại câu hỏi ban nãy của Tiến:

- Thế nào, có phục cái bản lĩnh cao cường của đệ không?

- Bái phục! Đệ xin bái phục!

Đoạn Lân phác họa một tấn kịch có hai vai, một là anh chàng bạn tốt, không bao giờ biết làm một việc gì, rất giai lơ, và một người đàn bà có tuổi, có con hằn hoi, chỉ mê man cờ bạc mà chồng thì hiền lành, cặm cụi. Cái màn dâm ô ấy diễn ra ở một nhà gá thổ đồ hồ trang hoàng lộng lẫy giữa một ban ngày khi bao người đương bán thân bán xác làm việc để kiếm gạo cho gia đình.

Lân đã thấy lòng sôi lên. Lân đưa mắt nhìn Tiến thì Tiến đương trịnh trọng nhả những hơi xì gà. Qua những đợt khói tim tím, mặt Tiến bì bì thêm.

- Thằng đểu! Thằng đểu!

Lân ghê tởm. Lân muốn nhổ. Lân tưởng da thịt mình đến nứt mất.

Sao cái con người có cái gương mặt lồm lộp, trán và đầu bóng nhẫy ấy lại là một bạn mà Lân không thể rời bỏ được? Sự tình cờ nhiều lúc thật tác hại vô cùng cho người ta. Xui khiến gì chả xui khiến lại xui khiến Lân gặp Tiến, Lân đã bắt ngay chuyện với Tiến, vồ vập sung sướng như đã hiểu hết nhau, thân mến nhau từ bao năm. Rồi đùng một cái Lân lại ghê sợ, hằn học với Tiến hơn một quái vật, một tử thù.

Hơn năm tháng nay, Lân bị một sự hun đốt rừng rực trong tâm trí nó làm Lân không thì thôi chứ hễ phút nào nằm nghỉ ngơi hay không biết chơi bời gì thì Lân khổ sở, đau xót hơn là chịu những tra tấn, những chửi rủa. Những lúc đó, Lân nằm ườn ra sập, đắm mình vào cái nhún nhẩy của giường lò xo, mơ màng hút thuốc lá, hay phè phỡn, tê mê trong men rượu sau những bữa ăn đến phát ợ, Lân đều thấy không thể nào có một chút sung sướng với những ám ảnh hình phạt ấy.

- Sao lại như thế?

- Sao lại có thể như thế được?

- Sao lại... sao lại... sao lại... như thế được?

Giời ơi! Lân điên mất! Điên mà vẫn phải sống, vẫn biết rõ mình điên.

Tiến đã giàu mà Lân lại giàu gấp hai Tiến. Lân thừa hưởng của cha mẹ mấy nghìn mẫu chè và hàng mấy chục nhà gạch ở những thành phố buôn bán to nhất. Vợ Lân lại là con một nhà giàu có gấp năm Lân, và anh em vây cánh quyền thế sang trọng thì đông không kể được. Chính vợ Lân đã đem thêm tiền vạn vào két của Lân với bao nhiêu văn tự địa đồ ruộng đất, nhà cửa. Lân đã hoàn toàn sống một cái cảnh mà lắm kẻ khao khát, ghen tức gần chết được. Năm tháng của Lân là những năm tháng của tiệc tùng ma chay, cưới

xin, khao vọng, và tổ tôm, tài bàn, đi hát, đi săn, đi nghỉ mát, uống thuốc bổ và ăn uống tẩm bổ...

Nhưng trong cái dòng đời đối với Lân là tất nhiên ấy, bỗng nổi lên một ngày mà Lân không thể nào quên được, nó khắc vào tâm trí Lân một dấu vết như chữ chàm hằn lên trên trán một tên tù khi xưa. Và mang cái dấu vết ấy, Lân thật có cảm tưởng đeo những gông cùm nặng nề nhất của một nhà tù đầy ải Lân suốt đời...

Hôm ấy, Lân uống đến cốc sâm banh thứ mấy không biết thì người mềm hẳn ra, ngã gục xuống bàn tiệc, nôn thộc ra vung vãi những thức ăn đã thỏa thích dạ dày Lân nhất. Người ta phải cởi cả giầy và quần áo ngoài cho Lân, vực Lân vào giường, xoa dầu cho Lân, ngâm chân Lân vào nước nóng,

Lân thiếp đi đến gần sáng thì sực dậy. Miệng Lân đắng, chát, nồng; cổ họng bỏng rộp, dạ dày nôn nao như một thứ nhựa đu đủ. Lân rùng rợn cả người. Ợ mạnh mấy cái, Lân chùi xong dãi dớt thì tưởng ngay tới một chất nước mát, ngọt và thơm. Lân thều thào gọi đầy tớ.

Đến lượt thứ ba mới có tiếng người đáp lại, - tiếng người ồn ã ở buồng bên kia:

- Im! Im! Hình như ông Hàn gọi kia kìa...

Một người khác quát tiếp:

- Nhỏ, chạy vào xem ông gọi gì mau!

Lân vội cất tiếng khi người đầy tớ đẩy cửa buồng vào:

- Nhà có sữa và cam đấy chứ?

- Bẩm quan có ạ.

Lân cuống quýt:

- Mày pha ngay tao một cốc sữa và bổ mấy quả cam. Mau! Mau lên!

Người đầy tớ quay gót, Lân bỗng gọi giật lại:

- Ngoài kia các cụ, các bà còn đánh tổ tôm phải không?

- Bẩm quan, còn ạ. Thưa quan có cả quan bà nhà nữa.

Lân đưa mắt nhìn gian buồng tờ mờ và nghĩ tới sự khó chịu trong người:

- Nhỏ! Mày đỡ tao ra ngoài kia đã.

Người đầy tớ vội kéo đôi dép dừa lại, nâng xỏ tận chân cho Lân rồi đỡ lấy hai nách Lân, theo Lân từng bước.

Lân loạng choạng. Lân càng thấy đầu nặng, chói và trong người nôn nao không thể nào chịu được.

Lân vừa lù lù hiện ra giữa khung cửa trước ánh đèn sáng trưng, mấy người đàn bà nhao nhao lên:

- Ông Hàn! Kìa ông Hàn!

Tiến cũng ngoảnh ra, vừa quật đánh đét cây bài xuống sập:

- Thất vạn, phỗng. Kìa anh Hàn! Đã tỉnh rồi ư?

Vợ Lân ngồi sát bên Tiến, hất hàm bảo chồng:

- Đã tỉnh sao không nằm mà ngủ, lại còn mò ra đây, nhỡ gió máy thì sao?

Lân không đáp, vịn tường đi lại sập. Một người đầy tớ khác ngừng chia bài, kéo cái ghế bành để Lân ngồi. Thoáng phút, anh con giai ban nãy vận

quần áo trắng bóc, đầu chải bết dầu, đã bê đến trước mặt Lân một khay bạc bầy một cốc sữa trứng gà bốc hơi lởn vởn và một đĩa cam nước sớt cả ra khay. Lân không chờ đưa và cũng không kịp mời ai, nhấc vội lấy cốc sữa quấy rất nhanh, tợp tợp.

- Ngon quá! Chà chà, giời đất, ngon quá! Vàng cũng không quí bằng.

Lân nốc thêm một hơi nữa rồi đặt mạnh cốc xuống sập, ngả đầu, ngả đầu lên dựa ghế, lim dim, cười một mình:

- Say ghê! Mãi mới lại được một bữa say như thế này.

Vợ Lân liền gắt:

- Thôi đi ngủ đi, lè nhè... lè nhè!

Lân cười một cái cười ngây ngô và như nũng nịu:

- Trong người nóng như thiêu ấy thì có giời ngủ được.

Ngừng tiếng, Lân lại ực một cái, vội nhoài cổ ra, nhổ. Vợ Lân càng dằn tiếng gắt, Lân lại cười nhưng cùng cái cười này, Lân văng tục ra mấy tiếng vừa gờm gờm nhìn vợ. Trên gương mặt nhợt nhạt, hai con mắt đỏ ngầu của Lân làm mấy người đàn bà rờn rợn. Một người phát vợ Lân, mắng ngọt:

- Thì để ông ấy ngồi đây một lúc cho dễ chịu rồi đi ngủ càng tốt chứ sao.

Tiến vừa giương bài cho vợ Lân, vừa cười xòa, nhìn vào mắt ả ta:

- Chị này chỉ được cái ích kỷ. Thấy anh ấy hiền cứ gắt tướng mãi lên - Quay lại phía Lân, Tiến gật gật - Anh cứ ngồi đây để hộ tôi một hội xem có khác tý nào không. Ba hội rồi, ù mỗi ván bạch định là thôi không biết ù gì nữa... gần hết một “bách” rồi.

Nói đoạn, Tiến chập bài đưa cho Lân và dề môi bảo vợ Lân:

- Chị ích kỷ lắm! Ích kỷ lắm!

Mắt Lân càng long sòng sọc. Vợ Lân đỏ tím mặt lại, giằng lấy bài vứt xuống sập:

- Các bà đánh, tôi nghỉ.

Người đầy tớ lại bưng một đĩa cam nữa đến. Lân lừ lừ đưa mắt xuống. Lân ăn luôn mấy miếng, đoạn gạt nước miếng bằng bàn tay:

- Mát ruột.

Rồi Lân lại ngả đầu lên dựa ghế, mắt nhắm, mồm há hốc. Cái bụng sệ của Lân sượt ra ngoài cạp quần, nhô lên thụt xuống như nói rằng Lân đã ngủ và Lân thở bằng nó. Vợ Lân rền tiếng quát người đầy tớ. Tên này vội chạy lại nhưng Tiến gạt đi:

- Thôi, để tôi và chị đỡ anh ấy vào thôi. Còn nhỏ dọn khay đĩa và lau chùi chỗ này đi...

Tiến nói và làm ngay. Tuy Lân to béo gấp rưỡi Tiến nhưng cũng bị Tiến dìu đi. Đặt Lân nằm xuống giường, kéo chân Lân duỗi dài ra, Tiến vỗ vỗ nhẹ lên trán Lân, cười:

- Ngủ kỹ nhé!

Vợ Lân ra trước, đứng ở ngoài cửa:

- Gớm chết! Ra còn lên bài chứ! Các bà ấy đương gọi kia kìa

Tiến vỗ thêm mấy cái nhẹ vào má Lân mới đi ra.

Lân lờ đờ đưa mắt nhìn theo.

Trong cái bòng mờ mờ xanh xanh của hành lang, bóng vợ Lân và Tiến song song rồi dán lại làm một. Lân lờ mờ nghe thấy một giọng nói nhẹ rồi như một tiếng tát má khẽ.

- Sao lại có thể như thế được?

Giời ơi! Cái tên bạn thường ăn ngủ ở nhà mình, thường chơi bời thâu đêm suốt sáng với mình kia! Nghĩ tới cái đêm ấy, với những con mắt ấy, với những giọng nói ấy, với cái bước đi ấy, với cái thứ tiếng hình như tát má ấy, Lân thấy buốt chói cả đầu (...bản thảo mất một số dòng...) Không! Lân không thể chịu đựng được những sự khốn nạn, bẩn thỉu kia bôi lên đầu Lân bằng những bàn tay mà Lân tin cậy. Lân không thể sống trong cái nhàn hạ, thừa đủ mà vẫn còn phải uất ức, đau khổ. Nhưng Lân sẽ phải làm những gì để trừng phạt những kẻ gây nên cho Lân sự rối loạn ấy? Lân phải trừng phạt chúng đến thế nào để cho lại được sống những ngày không lo nghĩ, thỏa thuê như trước?

Lân đã suy nghĩ, đau đớn, tê tái. Lân đã tính toán đến nát óc. Lân đã nhiều phen có một cảm tưởng choáng váng rằng Lân lại kém cả những kẻ ăn mày ăn nhặt, rách rưới, ốm, đói, mà Lân chỉ dám quẳng vội tiền cho.

Nhưng, hàng năm rồi!...

Vợ Lân vẫn cả ngày biền biệt, vẫn liên miên chắn, tổ tôm, vẫn về đến nhà là gắt ầm lên. Còn Tiến, thì đấy, bên cạnh Lân vẫn kè kè, đùa bỡn khoái trá. Đối với vợ, Lân vẫn phải ngọt ngào, với Tiến, Lân vẫn phải niềm nở. Lân vẫn phải chăm chỉ với hai người ấy trên những đống tiền vung ra không tiếc để hưởng những vui cười, đón tiếp, vì nể, nhắc nhở.

Tiến và Lân lại rẽ quặt sang một đường nữa. Tới đây, không còn cái im

vắng và sắc xanh mướt của một khu nhiều cây cỏ nữa. Hai người đi trong những ồn ào của hai dãy phố cân thóc gạo ở gần bờ sông đông nghịt kẻ đi lại, hàng quà bánh bán rong, xe bò, xe cút kít và những phu khuân vác. Thoáng phút, một lũ trẻ đã bâu theo Lân, Tiến và con Jocky. Cái khẩu súng hai nòng oai vệ của hai nhà đi săn dẫn những bước khệ nệ với con chó to nhớn, lừ lừ, lông xám vằn vèo như lông hổ, mõm tô, lưỡi đỏ chảy thè lè, răng trắng nhởn nhọn hoắt, càng lôi kéo thêm nhiều trẻ nữa đến xúm xít chung quanh. Chúng cười, nói suỵt chó, xô đẩy nhau để chó dồ.

Tiến hứng trí. Tiến đã không xua đuổi lũ trẻ nọ lại thỉnh thoảng xồ Jocky vào lũ trẻ để chúng nó kêu váng lên, chạy toán loạn rồi lại bâu đến.

Lân, Lân đã đến cực điểm của khó chịu. Lân vẫn cứ mỉm cười để tán thưởng sự nghịch ngợm của Tiến và lũ trẻ

- Nó sướng lắm!... Nó hể hả thế kia mà!... - Lân đưa mắt nhìn Tiến, gầm lên trong tâm trí - Cái gương mặt lồm lộp, cái trán nhẵn bóng và cái miệng toe toét của nó sao mà ghê sợ thế?

Lần này, Lân không còn thể bấu víu vào một sự nghi ngờ nào để quên và an ủi được mình. Lân phải tin với một lòng tin vững chãi nhất của một kẻ thấy rõ ràng trước mắt mình tất cả những chứng nhận điều mình tin là có thật.

- Sao lại có thể như thế được?!

- Sao lại có thể như thế được?!

Con Jockey càng dồ vào lũ trẻ, chúng càng kêu, hét ầm ầm và chạy cuống cuồng. Lân phải kéo giật con chó của mình lại, lắc mạnh đầu nó mấy cái. Thấy vẻ mặt Lân lầm lầm, môi mím chặt, mắt sáng quắc, Tiến tưởng Lân đã phật ý vì mình nhảm quá ở ngoài đường, bèn quát lên đuổi tụi trẻ. Nhưng Lân vẫn cười, bảo chúng nó:

- Alê thôi! Chúng mày không được theo nữa! Không nghe, tao suỵt chó thật đấy.

Và Tiến quay lại nói bằng tiếng Pháp với Lân:

- Hôm nay mình rửng mỡ thật!

Lân cũng cười:

- Con vật trong người anh nó muốn thế mà.

Tiến nháy nháy mắt, không đáp mà lại bắt đầu huýt sáo và gõ gót giày đánh nhịp.

Đã tới bến tầu.

Tiến lấy hai vé. Chuyến này có những hai cái chạy. Hai người chỉ phải chờ dứt hồi còi là tàu sình sịch, chuyển cái guồng dào dạt.

Lại thêm sự bực dọc nữa cho Lân. Sao mọi khi thì Lân hay bị nhỡ tầu thế mà giờ thì lại vừa kịp? Nhìn cái đồng hồ bỏ túi trễ ra với cái dây vàng, Lân chỉ muốn đạp tan nó đi để phạt cái tội đúng giờ tai hại trong lúc này.

Dựa khẩu súng vào lan can và mắc xích con Jocky liền với súng xong, Tiến và Lân xuống boong dưới, lại đằng cửa ngắm phong cảnh.

- Hôm nay giời nặng quá nhỉ.

Tiến nói, chỉ ra xa. Vùng quê này đã cách hẳn thành phố. Dưới vùng trời xám ngắt, đồng ruộng mênh mông im vắng. Một màu mực tỏa trùm lên. Những lũy tre, những mái gianh như những nét bút mực tầu quét lên một nền lụa cũ.

Tiến lại cất tiếng trước:

- Hôm nào chúng mình thử vào trọ một đêm ở làng gần đây, ăn cơm gạo đỏ và muối vừng xem nào.

- Để làm gì?

- Để xem có cái "thú" nhà quê nào không, chứ còn để làm gì.

Như mọi lần, đến những chuyện này là Lân cùng Tiến cười híp mắt và thế nào cũng kéo dài chuyện ra. Nhưng giờ, đối với Lân, nó như đấm vào tai Lân. Thấy Lân không đáp, Tiến vỗ vai Lân, cười phá lên:

- Thích chết người đi rồi phải không?

Lân phải cười gượng mấy tiếng;

- Nhưng giờ hồn, không khéo có phen lại chết mất xác đấy.

- Hừ! Đời nào! Mình tha không sửa đứa nào thì thôi, còn đứa nào dám ho he, động đến gót mình. Vả lại, đứa nào được mình "chấm" đến là phúc đấy.

Cổ họng Lân như bị bóp chặt. Mắt Lân càng sáng hơn nữa. Với vẻ mặt quỉ quyệt, những câu nói ngạo nghễ ấy, Tiến đã nói thẳng vào mặt Lân. Tiến bất chấp mọi người đàn ông, bằng những mưu mẹo, bằng cái tài quyến rũ và đồng tiền thế lực của Tiến. Tiến muốn người đàn bà nào là được người đàn bà ấy.

- "Toa" phải biết! - Tiến vừa nói vừa trỏ vào mặt Lân - Đây, cho "toa" nghe một "quả" rất khó khăn nhưng "moa" đã xơi một cách rất ngọt vừa xong. Toa còn nhớ con ông Tham Đình Bảng bên Bắc không?...

Chấm câu hỏi, Tiến quẳng mạnh mẩu xì gà xuống sông, nhảy phốc lên tấm gỗ chắn cửa boong tầu.

- Ối giời ôi!... Ùm!...

Cả cái thân thể đẫy đà và quần áo chải chuốt của Tiến lăn xuống sông. Vì hấp tấp và nhảy mạnh quá, Tiến đã bị trượt đít, nhao người đi, không kịp bấu víu được lấy cái gì. Hốt hoảng, Lân cũng kêu thét lên tiếng dữ dội. Không đầy một phút, tất cả hành khách đã đổ xô lên boong tầu.

Một sự huyên náo ghê gớm trào lên.

- Có người lăn xuống sông! ... Có người lăn xuống sông...

- Nhà ông đi săn lăn xuống sông...

Chưa biết người này là ai, mấy người đàn bà buôn tôm cá và mấy cụ già tíu tít kêu gọi, giục giã:

- Ai đấy? Ai thế? Ai biết bơi làm phúc nhẩy xuống vớt người ta đi...

Trên dòng nước đục lờ chảy nặng nề giữa hai cánh đồng bát ngát, Tiến cố ngước mắt lên, tóc ướt sũng, rỏ nước ròng ròng. Hai cánh tay Tiến bải hoải ngoi ngoi. Càng thở, càng cố phào lên những tiếng gọi, Tiến càng bị tầu bỏ xa tuy người ta đã hãm máy. Mấy lần, Tiến bị gió thổi tóe nước vào mặt và sóng tràn ngụp đi... Nhìn cái mẩu người nhấp nhô ấy, các đàn bà và người già cả càng rối rít. Trong khi ấy, con Jocky bị xích cứ nhẩy chồm lên, đâm bổ vào cái hàng rào người nhốn nháo ở trước mặt nó. Tiếng sủa gằn rít của cái mõm tua tủa răng nhọn bắn ra, dội thêm sự khủng khiếp vào cái huyên náo. Người ta càng chỉ trỏ, hỏi, gọi nhau. Không một ai nhảy xuống vớt...

Phựt! Jocky đã giằng đứt cái móc kền móc vào dây xích. Nó lồng lại đằng cuối boong rồi ngược lên rồi lại lộn xuống và bổ chân vào đám người. Nhiều kẻ giật nẩy mình, ngoái cổ trông, hét lên và giãn ra. Jocky gác chân lên lan can, dãi chảy long tong, mắt long lanh nhớn nhác.

Bỗng, ở boong dưới, trào lên một loạt tiếng hét và một loạt đầu cúi rạp

xuống. Đánh vút, một bóng xám vươn dài ra, lao xuống dòng sông. Lân đương chạy lăng xăng, thoáng thấy cái bóng nọ liền chạy xồ ra cửa boong. Không sao ngăn được sự kinh ngạc và , trong một giây bị nổi gai lên vì một ý nghĩ lóe ra, Lân đâm xổ ra nhìn, rít lên:

- Con Jocky!...

Ngay đó, mọi người reo ầm lên, ván tầu bị dận, nhẩy thình thình. Hàng mấy trăm con mắt sáng ngời chiếu cả vào con vật mạnh như mũi tầu, rẽ nước, tiến về phía Tiến ngoi ngóp.

Mặt Lân như bốc lửa. Lân hoa cả mắt nhìn con vật nọ. Nó càng đến gần Tiến, trống ngực Lân càng đập dồn và cái cục tròn trong cổ họng Lân càng nở ra, càng rút chặt lên.

Jocky chỉ còn cách Tiến một quãng ngắn. Tiến đã ngụp đi lần nữa để lại cố nhô lên, xoài đến con chó. Nhưng, chưa cất khỏi đầu trên mặt nước, Tiến lại bị chìm nghỉm lâu lâu rồi mới ngoi được lên, hai cánh tay chới với. Trên tầu, tiếng reo hò cất cao như sóng bão:

- A a a a a... Được rồi! Được rồi!...

Mõm con chó đã gần sát mặt Tiến. Rồi cái cổ của nó vươn dài nữa ra để cánh tay lẩy bẩy Tiến ôm chầm lấy và để cái đầu Tiến ướt sũng ghếch lên.

Vùng cái, Lân quay ngoắt lại, mắt nẩy lửa, nhìn vào khẩu súng hai nòng của mình:

- Jocky! Mày phải chết bởi phát đạn này...

Nhưng, chỉ vừa dứt câu, Lân liền thấy lạnh cả người. Và tâm trí mềm nhũn hẳn đi. Cái ý nghĩ trên kia tắt nhanh hơn một gợn gió, nhường cho một ý nghĩ khác.

Lân mím môi, run bắn cả chân tay, rền khẽ tiếng:

- Giời ơi! Vậy đến bao giờ thằng khốn nạn kia mới chết? Mà nó không chết thì con chó vô tích sự kia phải chết thay nó giời ạ!...

1939

(Di cảo)

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Người Đàn Bà Tàu

Một trưa ở Hà Nội.

Trời xám như thiếc chụp xuống những nóc nhà đen cặn và những ngọn cây trơ trụi. Gió rét thổi hun hút. Tôi vội vã ra ga Hàng Cỏ, xách một va li đầy sách báo. Đến vườn hoa Cửa Nam, tôi đương mê mải tưởng tới những cảnh vật sắp diễn ra ở đường trường thì phải dừng lại. Một dãy xe cao su và xe bò chồng chất đồ đạc ùn lại, chắn lấy ngang đường chờ một chuyến xe điện đi qua. Nhưng, khi hai toa tàu nọ vừa chuyển bánh thì ba cái ôtô bóng loáng ở sau đám xe bò và xe cao su liền rít còi, chạy vụt lên trước. Sự rối loạn tức thì trào lên. Tiếng xe đạp "ếp ếp" thất thanh, chuông bấm inh ỏi. Tiếng chửi gắt của những người ngồi xe tay bị chậm, nện chân xuống sàn xe thúc giục. Tiếng kêu thét của những người hàng quà gồng gánh và của những người mẹ líu ríu con cái. Và từ giữa đám huyên náo ấy, tôi thấy văng vẳng có tiếng reo của những trẻ con và người đi đường ùn ùn ở giữa phố đổ đi theo:

- Người Tàu chạy loạn!... Người Tàu chạy loạn!...

Tôi ngạc nhiên hết sức. Lần đầu tiên tôi thấy một đoàn người chạy giặc thật tuy tôi đã nhiều lần gặp nhiều đoàn từ Thượng Hải, Hồng Kông sang Đông Dương qua Hải Phòng nơi tôi ở, để tránh nạn chiến tranh của quân Nhật gây nên.

Không phải những "sếnh sáng" lụng thụng những áo lụa nhiễu, không phải những cái bụng khệ nệ trong những quần áo rất đắt tiền nhưng để trễ cả thắt lưng và tòi cả sơ mi ra; không phải những cái đầu tóc xù lên những

đường sóng uốn điện và chải dầu thơm nhẫy, ngông nghênh, đú đởn như đi dự những cuộc chợ phiên; không phải những thân thể gần như lõa lồ đầy vàng kim cương, ngọc thạch; không phải những xe ôtô, xe cao su chất ngất những va ly, hòm da, chăn đệm và trên cùng nghênh ngang những cây đàn, những mặt bàn để đánh bài sừng, và những con chó bông Nhật Bản đeo cả vòng xích bạc.

Đây là những đám người xô đẩy nhau, cuống quýt, ngơ ngác trước những bọn cảnh sát Tây, mắt xanh gờm gờm nhìn, súng lục lấp ló trong những bao da đeo lệch bên sườn, và những xe đạp của chúng cứ lừ lừ như những xe bọc sắt chỉ chực chặn lấy, xông vào giữa người ta. Những đám người ấy còm cõi, xanh xám, quần áo ngắn nhuộm chàm, rách rưới, lấm láp. Những đám người ấy, kẻ thì đi không được kẻ thì chạy thở dốc lên, cuồng cuống kêu gọi nhau. Những đám người đó rất đông là trẻ con lếch thếch cứ ríu lại với nhau, và những đàn bà lưng địu con, tay vừa xách làn mây, xách khăn gói, lại còn gánh những quả mây, những hòm sơn da đen rách nát phải chằng chịt bằng các thứ dây dợ, nặng nề hơn cả gánh của những đàn ông. Còn những đàn ông thì lại còn rách hơn. Họ tuy cao lớn nhưng gầy gò và có vẻ mệt nhọc hơn, gánh những cái túi vải dày và những cái hòm gỗ nhỏ thủng vỡ đựng những dụng cụ làm việc mà tôi chỉ thấy nổi hằn lên nhưng không rõ là những đồ gì.

Tôi đã tự hỏi nhiều lần, không biết những người cha lam lũ và hàng mấy trăm đứa bé đầu trọc, chân không, sợ sệt quấn quýt bên những người mẹ xơ xác kia ở vùng nào bên Trung Quốc chạy sang? Và sang đây họ sẽ ở đâu, sẽ làm gì mà sống giữa cảnh người thất nghiệp và bần cùng đông vô vàn, giữa bao nhiêu sự đói khổ đang diễn ra khắp hang cùng ngõ hẻm, thành thị, thôn quê với bao nhiêu sự áp bức, bóc lột tàn bạo này?

Còi tàu dồn toa ở phía ga đã rúc lên gấp rút. Tôi không thể đứng lại nhìn và nghĩ thêm được nữa, phải rảo bước. Cùng với những bước gấp ấy, tâm trí tôi càng bừng bừng. Bên tai tôi cứ bập bùng những tiếng gọi, tiếng khóc,

tiếng gắt của đoàn người nọ. Đặc biệt là những tiếng gọi và vẻ mặt hốt hoảng của một người mẹ đi sau chót, đã gánh một gánh nặng lại địu một đứa nhỏ gương mặt như tầu lá úa, cổ ngoặt ra, và còn dắt một đứa lớn, nó cứ mếu máo chùn bước lại.

- "Hoảng" à!... "Hoảng" à!... (1)

Người mẹ hổn hển gọi không ra tiếng, vừa giật giật cánh tay thằng bé mếu máo nọ. Những khi người mẹ cất tiếng gọi ấy, một thằng bé rụt đầu rụt cổ gánh hai giỏ mây to đi trước lại kêu:

- A má!... Chẩu phai phai à!... (2)

Người mẹ giọng nói càng hổn hển và nét mặt càng tha thiết hơn, bà đỡ hẳn cánh tay đứa con chậm chạp lên mà như năn nỉ:

- "Hoảng" à!... "Hoảng" à!...

---

(1) Hoảng à! Hoảng à! (tên đứa con).

(2) Mẹ kìa! Đi mau lên.

***

Tôi đã tưởng không thể nào lại gặp được người mẹ chạy giặc ấy. Và hình ảnh bà, gương mặt tròn, da nâu mai mái, mắt to một mí, lưng gù gù, quần áo chàm đặc và rách, - cái hình ảnh riêng biệt và quen thuộc của những người mẹ Hoa Kiều lao động làm ăn vất vả chung đụng với tôi ở bến tàu, ở các khu xóm thợ Thượng Lý và Hạ Lý của Hải Phòng ấy, tôi đã tưởng quên đi, lẫn đi, trong những đám hình ảnh khác. Nhưng không! Tôi đã được gặp người mẹ ấy lần nữa, và lần này còn đem cho tôi những cảm xúc và những ý nghĩ sâu

mạnh hơn, rung chuyển tất cả tâm não tôi và in vào trí nhớ tôi những nét sắc và chói lòa như thép, như lửa.

Từ ngày tôi về Hải Phòng đến đó đúng sáu tháng. Tháng 6-1939. Một trong những tháng lịch sử của phong trào công nhân Bắc Kỳ, đặc biệt là ở Hải Phòng.

Ngòi chiến tranh lăm le bùng nổ. Giá sinh hoạt vọt lên gấp đôi, gấp ba. Nhất là nhà ở, gạo, củi và vải đắt không thể tưởng tượng được. Thợ lương một ngày không được bốn hào, mà ăn chỉ có cơm, rau muống chấm tý nước muối dầm me, dầm sấu cũng mất ba hào, ấy là không kể đồng diêm thuốc, nắm xôi. Ấy là không kể còn miệng ăn của vợ con, cha mẹ phải nuôi. Thấy chắc sự sống còn đói khổ nữa và bọn thống trị không những không cải thiện cho công nhân lại còn nhân lúc này chúng sẽ tăng giờ làm, bớt tiền lương, giảm thợ, trở lại những cúp phạt và đặc biệt sẽ đàn áp các tổ chức "ái hữu", các quyền tự do dân chủ bao năm đấu tranh mới được cởi mở chút ít... thấy chắc cái chế độ đế quốc còn đen tối hơn nữa và đời sống sẽ bị chúng nó dìm sâu nữa trong khủng bố, công nhân Hải Phòng nhất định cùng nhau chặn tay chúng lại.

Hơn năm nghìn công nhân Máy tơ đã nổ đình công. Yêu sách giữ vững tất cả những quyền lợi và đòi tăng lương theo giá nhà ở, giá gạo, thức ăn, nhất là với giá vải mà chính chúng bán tăng lên rất cao. Một hôm... hai hôm... cuộc đấu tranh kéo dài đến hôm thứ bốn mà bọn chủ vẫn không chịu giải quyết. Bốn hôm liền nghỉ việc, lương mất, công nợ ngập mặt, nhưng ai nấy đều vui vẻ ở nhà. Từ thợ đến đại biểu, từ người già đến các chị em đông con, đều bảo nhau kéo dài muốn bao lâu thì bao, kỳ tới được thắng lợi. Bất chấp cả mật thám và bọn chủ đe dọa bắt bớ, bỏ tù, bất chấp những chủ nợ là những cai thầu, những đội xếp tay chân của chúng thúc bách ghê gớm, nhiều gia đình tiền hết gạo không, chẳng còn cái gì cầm bán được, cũng vẫn không chịu đi làm.

Tất cả tinh thần đó đã làm sáng rực và sôi nổi hẳn lên bầu không khí than bụi của Hải Phòng. Đây, những thợ, nhất là những "phu", những "cu ly" ở các sở khác, lương lại còn ít hơn. Họ đã bao lần xin nào thanh tra lao động, nào đốc lý, nào báo chí can thiệp mà cũng không được một chút kết quả nào. Rút cuộc anh chị em cũng đã phải đình công, biểu tình rồi bị bắt, bị thải. Và bọn chủ thâm hiểm đã cất nhắc lên lương cho dăm ba xu nhưng chỉ tăng cho một vài tốp thợ, rồi lại càng bắt cai "ốp" việc hơn nữa, cúp phạt nhiều nữa, ngặt nghèo hết sức với các anh chị em đau yếu, sinh nở.

Nhưng lần này, cuộc đình công của hơn năm nghìn công nhân Máy tơ tổ chức càng chặt chẽ, quyết liệt hơn nhiều những cuộc trước. Cả thợ và cai ký đều nghỉ hết. Anh chị em đại biểu bao giờ cũng ở bên cạnh thợ, và thợ bao giờ cũng đông đúc không rời đại biểu. Các khoản yêu sách lương chính, lương phụ, tiền phụ cấp gạo đưa ra rất sát. Tất cả mọi gia đình công nhân đều đồng tình và tìm các cách giúp đỡ, khuyến khích lẫn nhau. Rồi khi nghe thấy chủ muốn điều đình nhượng bộ và anh chị em cũng rục rịch muốn nhận lời đi làm thì đại biểu gấp rút đòi phải ký kết ngay và hô hào anh chị em càng bình tĩnh hơn nữa.

Cuộc đình công đã thắng lợi hoàn toàn.

Máy tơ - người ta quen gọi nó với cái tên trước của nhà máy chạy tơ nhưng giờ hoàn toàn chạy sợi - Máy tơ thắng lợi! Máy tơ thắng lợi! Những tiếng trên đây đã ran ran khắp mọi nơi. Con bảo mẹ, vợ bảo chồng, chị bảo em. Người làm xưởng máy kháo giục người làm sở khác. Từ xó kho hàng, ngoài cầu bến, đến thượng tầng máy cái, từ trên phố vào tận cùng các xóm... những ý nghĩ đình công, đòi tăng lương, phụ cấp gạo đắt, bảo vệ những quyền tự do dân chủ đương âm ỷ trong tâm trí mọi người nay bùng hẳn lên sau khi nghe những tiếng vui reo kia.

... - Máy tơ thắng lợi! Máy tơ thắng lợi! Trong vòng tuần lễ, hết nhà máy này đến sở khác, bao nhiêu chỗ có công nhân làm nối tiếp nhau đình công

hết: Sáu Kho, Tapi, Máy chai, hai sở chè Buynle và Côtơsích. Anh chị em Sáu Kho được tăng lương ngay. Giữa lúc này, tàu đi về, hàng hóa xuất cảng, đạn dược ôtô thuốc men của Mỹ của Anh chuẩn bị cho cuộc chiến tranh, đương mở hết tốc độ. Công việc liên miên, không còn biết giờ giấc, biết bao nhiêu người. Sáu kho vừa đình công, bọn chủ phải nhượng bộ ngay. Nhưng công nhân năm sở kia đã không được chủ xét qua bản yêu sách mà lại còn bị tấn công dữ dội.

Cuộc đấu tranh cũng lại kéo dài đến hôm thứ bốn. Lại những cảnh túng thiếu, công nợ, con cái nheo nhóc. Luôn bốn hôm, hàng giờ anh chị em đến gặp nhau trước Sở thanh tra lao động và Sở đốc lý, chia sẻ với nhau từng tin tức, từng đồng bạc của các nhà máy bạn ở Hà Nội, Gia Lâm, Vinh, Nam Định, Hòn Gai, Uông Bí gửi đến. Nhà gần, nắm cơm mời nhà xa cùng ăn. Đi nắng nôi, nhường nón mũ cho những người già, yếu, con mọn. Cuộc đấu tranh với bọn thống trị và tay sai của chúng không thể dễ dàng như một số người tưởng. Trước những mưu mô đàn áp và mua chuộc của quân thù hết sức phá hoại, trong hàng ngũ của anh chị em không thể tất cả đều trọn vẹn hăng hái hy sinh. Và không phải lúc nào cũng như lúc nào, công nhân có thể giằng lại những miếng cơm manh áo của mình bị bọn tham tàn kia bóc lột.

Nhưng dù thiếu thốn, cùng quẫn, dù bị một số người giáo giở, dù không thấy một tăm hơi gì ở những bàn giấy lạnh lùng kia nhả ra, gần hai ngàn công nhân của năm sở vẫn không chịu đi làm. Mỗi khi hai tiếng "đi làm" bắn đến tai họ thì lại ran lên những tiếng đáp lại:

- Không! Không!... Năm ngày, hai mươi ngày, hay một tháng nữa đói cũng tranh đấu.

- Đói! Tuy đói bây giờ nhưng đỡ đói đỡ khổ mãi. Đói khổ lâu nữa để tranh đấu còn hơn chịu tan rã, khốn cực với chúng nó.

Những chị công nhân, những anh trẻ và cả những bà cụ già cũng đứng lên

nói với mọi người như thế. Có những câu dài hơn, kêu gọi nhau:

- Anh chị em! Chúng ta bị bóc lột đói khổ nhiều rồi, thế mà trong những bước đấu tranh đầu tiên này chúng ta không chịu đoàn kết, hy sinh nữa thì cái đời bán sức lao động tối tăm của chúng ta không bao giờ được giải phóng hết.

Bên những câu nói quyết liệt của những đại biểu còn có những câu thong thả khẽ nói thôi cùng những anh chị em tin cậy:

- Anh! Chị! Rồi cuộc chiến tranh sẽ nổ, vô sản ở các nước thuộc địa và cả các nước đi xâm lược còn trải nhiều cuộc đấu tranh gay go. Chúng ta sẽ còn phải tiến lên tổng bãi công, chống vũ trang khủng bố, tuần hành thị oai, chiếm xưởng, và điều kiện già dặn, chúng ta nổi cách mạng, cướp lấy chính quyền. Vậy chúng ta phải luyện tập, phải giữ vững tinh thần và hàng ngũ đấu tranh, xung phong mạnh mẽ ngay từ bây giờ.

Cuộc đình công đã sang ngày thứ sáu. Một buổi sáng mới bừng ánh mặt trời, gần hết công nhân năm sở kéo đến trước Sở thanh tra lao động để đòi cho đoàn đại biểu được tiếp nhận và bọn chủ phải đến đây giải quyết những bản yêu sách của anh chị em. Đó là những điều rất chính đáng trong cái lúc bọn thống trị, bọn chủ và tay chân của chúng chia tay nhau vơ vét tiền lãi cứ hết vạn này tiếp triệu khác, còn công nhân thì túng thiếu vô cùng.

Từng hàng năm, anh chị em đi từ phố nọ sang phố kia cũng vẫn không hết người. Già trẻ trai gái đều nắm tay nhau, bước đều như một đội lính. Tiếng nón mũ sàn sạt, những bước chân rào rào, những con mắt nhìn đăm đăm, lấp lánh. Trăm hàng như một, không một người cười nói.

Lập tức ở các ngả đường dồn về khu đó, xe đạp của cảnh sát liền tới tấp phóng đến bao vây các đầu đường. Có hàng chục tên đeo súng lục, cầm dùi cao su lăm lăm xông vào. Chúng nó hô anh chị em phải đứng lại, bắt tản đi theo mình. Tuy bị chúng nó ngắt ra làm mấy quãng và xô đẩy cho chúi bước

lên nhau, anh chị em chỉ lộn xộn giây phút, sau lại bảo nhau tăm tắp thành hàng rồi mới chịu rẽ sang ngả khác.

Tôi theo chị em hai sở chè Buynle và Côtơsích quặt ra phố Ga. Tới đây, một ít chị em đi muộn - đồng hồ ga mới bảy rưỡi nhưng chúng tôi vẫn cho rằng muộn - đương hớt hải trên hè bên kia vội chạy sang nhập vào hàng. Ngoái trông lại chúng tôi thấy đoàn anh em Máy chai sắp đến Sở thanh tra lao động đã bị dồn mãi tít lên đường Tòa án và hình như anh em không những bị chúng xô đẩy bằng tay, bằng dùi cui mà còn bị những tên cảnh sát Tây lao xe đạp vào, đấm đá nữa.

Tiếng hô phản đối, tiếng thét, tiếng khua guốc nổi ầm ầm ngay lên. Bọn cảnh sát Tây càng rối rít, sấn vào đàn áp.

- Đi... đi... Alê... Côsông... Xalô. (3)

- Đi... đi... Giải tán... phải giải tán hết...

---

(3) Giống lợn, đồ chó.

Hai tên đội xếp Tây càng thúc xe vào mọi người vừa mím môi chửi rủa, vừa quắc mắt ốp những tên đội xếp ta phải thẳng tay đàn áp như chúng. Hàng phố nhà nào nhà nấy đều đổ ra xem. Có mấy anh kéo xe, mấy người gồng gánh và mấy thanh niên học sinh cũng nhập nốt vào hàng biểu tình:

- Đi... đi... im... Côsông... Xalô...

Bỗng những hàng người chùn lại thành một đám đầy, đông nghịt, với những tiếng hô phản đối càng âm vang lên. Dưới bánh xe đạp của một tên đội xếp Tây sán vào, một chị bị đạp dúi xuống đường. Tức thì, cả đám người mở ra vây tròn lấy cả đội xếp và chị bạn nọ. Tên đội xếp vội vung tay, quăng bừa

xe đạp vào đầu, vào mặt mọi người. Một chị khác nhảy luôn vào, giằng lấy xe đạp, đoạn cúi xuống xốc nách chị bạn ngã lên. Rũ ra như tàu lá úa, cái thân hình nọ vừa đứng lả vào người bạn, thì mắt mọi người càng hoa lên, cái huyên náo càng ngùn ngụt. Người bị nạn chính là chị công nhân Tapi có chửa đã theo anh chị em đi luôn mấy hôm nay. Mặt chị tái nhợt. Mắt đen bầm, nhắm nghiền. Một mảng bụng trắng căng trật ra ngoài cạp quần. Máu băng băng trên mặt đất.

Tên đội xếp Tây bị giằng lấy cái xe đạp không đánh đập được nữa, nó nhớn nhác nhìn những lớp người ngợp lên nó. Nó lại hét lên, sùi cả bọt mép. Nó chửi rủa, rồi huýt còi thất thanh, vừa luống cuống bấm khuy bao súng. Cái ôtô xám chuyên đi bắt người của Sở mật thám đã phóng đến. Đám người giãn ra. Một tên Tây khác ở trên xe nhảy xuống nắm lấy tay chị công nhân chết ngất, định lôi lên xe.

Một anh thợ - anh Ty bé nhỏ, làm ở nhà máy tơ giờ nghỉ tầm nhưng cũng đi dự đấu tranh - chồm ngay lên cửa xe, níu lấy chị bạn lại. Tên đội xếp Tây mới đến cố ý đánh tháo cho tên thủ phạm, liền giơ chân giày đạp thốc vào ngực anh Ty. Ty "hự" lên một tiếng, ngã vật xuống chân xe. Tên đội xếp đạp bồi thêm Ty một cái nữa cũng vào ngực, rồi lôi chị công nhân lên. Đám người lại chùn lại, bỏ tên đội xếp giữ xe đạp, quây lấy cái ôtô. Mấy chị khác lăn xả vào giữ lấy chị bạn mà họ biết thế nào bọn chúng cướp được đi thì sẽ làm biến hết tang tích nếu chị chết.

Tiếng huýt còi gấp hơn. Thêm không biết bao nhiêu đội xếp đạp xe đến. Và, quái gở, không hiểu ở đâu hiện ra hai tên lính lê dương và hai tên lính da đen hùng hục như lợn lòi xông vào. Những cánh tay lông lá của chúng văng vào làm tối tăm hết cả mặt mũi mọi người lại cùng với những giày đinh đá tràn đi, đạp tràn lên. Đám người rạp cả lại. Bọn đội xếp và lính lê dương sấn lên các người bị ngã, để chồm vào anh Ty và mấy chị cố ôm giữ lấy chị công nhân Tapi.

Tiếng kêu, tiếng hét chuyển cả một góc trời. Cả mấy chị đều bị hai tên lê dương và hai đội xếp Tây đạp bắn xuống đường, chỉ còn anh Ty vẫn ôm lấy chị bạn. Nhưng, sau khi bị tên đội xếp Tây thủ phạm đạp một cái nữa vào giữa mặt, anh Ty nhào nốt xuống đường... Nhưng cái xe xám vẫn chưa chuyển được bánh. Một loạt người khác lại lăn xả vào. Mấy chị khác lại ôm chầm lấy chị công nhân Tapi. Và, lần này đột nhiên có một cánh tay giơ lên, rung rung với bàn tay nắm chắc, hô những tiếng rất lạ làm mọi người ngước cả mắt lên:

- Tả tào khủng phu... Tả tào khủng phu... Cung dần xi ung ti mân thoen chê i thieo sin chiu tchu sân sang tô thủng trư ba. (4)

---

(4) Đả đảo khủng bố; đả đảo khủng bố... Toàn thể anh chị em công nhân cứ phải đoàn kết cứu lấy đồng chí bị thương, cứu lấy đồng chí bị thương (chú thích của tác giả).

Không!... Rõ ràng với cặp mắt của tôi mở to vằng vặc nhìn giữa ban ngày lúc đó, tôi thấy nắm tay ấy giơ lên rung chuyển với những tiếng hô kỳ lạ nọ. Và đó là người mẹ tóc búi, quần áo vải xanh đặc rách rưới, địu một đứa bé gầy còm, xách một làn mây chằng buộc dây vải. Bà ở đầu đường chậm chạp đi đến, đăm đăm nhìn đám đông, rồi bỗng vụt qua đường chen vào chỗ ôtô và cố dướn người lên hô:

- Tả tào khủng phu... Tả tào khủng phu... Thoan chê thieo sin chu tchu sang tô thủng trư ba!

Cùng với tiếng hô trên đây, những tiếng hô "Đả đảo khủng bố" "Đả đảo khủng bố" càng cuộn lên, mọi người mặc kệ cả đấm đạp, mặc kệ cả những chày cao su, cả súng lục, mặc kệ cả những giằng xé; càng lăn sả vào những chiếc xe đạp và những tên cảnh sát đè sấn lên họ, giày nghiến lên họ mà chà

đạp. Không thể làm gì hơn được với cả cái khối người quấn lấy nó, lợi dụng lúc lộn xộn, cái xe ôtô xám đành lùi bánh, rồi bẻ lái chạy thẳng. Chị công nhân Tapi đã kéo vào được giữa đám anh chị em cùng với anh Ty máu đầy mặt, bước lả đi trong những cánh tay của mấy anh thợ già và mấy chị công nhân trẻ tuổi. Cả hai tên lính lê dương, hai tên lính da đen, cả những tên đội xếp Tây đều phải lùi lại. Còn tất cả anh em lại lên cả bờ hè, từng hàng, từng hàng lại mở ra, tràn ra con đường Sông Lấp đi về phía đường Đốc Lý để tập trung với các đoàn khác.

Không! Cả hai sở chè, cả Nhà máy Tapi và Nhà máy tơ đều không có người mẹ kia làm, và, tất cả những anh chị em biểu tình hôm ấy đều không biết bà là ai cả! Chỉ có tôi. Tôi được biết bà là một người trong những đoàn dân Trung Quốc xơ xác ốm yếu, dìu díu nhau chạy nạn tàn sát của giặc Nhật sang Việt Nam, và, tôi đã gặp bà ở gần ga Hà Nội, một buổi trưa u ám, lạnh lẽo, bọn cảnh sát thực dân súng đạn sẵn sàng áp tải những người nọ đến chỗ tập trung không khác gì đối với những tù tội hay những dân chúng mà chúng vây bắt vậy.

Chỉ có hai lần thoáng qua thôi nhưng hình ảnh ấy, cái sống lưng còng còng, bộ quần áo xanh chàm rách và, đôi gò má cao hốc hác và đôi mắt to một mí kia nói lên bao nhiêu đau khổ của những người mẹ Trung Quốc lao động nghèo đói càng thấm thía trong tâm tưởng tôi.

Người mẹ Trung Quốc địu con và chạy giặc tôi được gặp!

Người mẹ ở một nước có những trận lụt, đói và dịch tễ giết hàng ba, bốn triệu nông dân và luôn luôn bị những vó ngựa, gươm súng của bọn địa chủ, quân phiệt thống trị và bọn xâm lăng bắt tay nhau, thi nhau cướp phá, hãm hiếp, bắn giết kia! Người mẹ ở một nước có Quảng Châu công xã...

Người mẹ cần lao tha hương nào vậy? Người không phân biệt tiếng nói, quê hương và đất nước, đã giơ cao nắm tay cùng với nhân dân lao động Việt

Nam đấu tranh. Nhân dân lao động Việt Nam quyết mãi mãi giữ chặt lấy nắm tay ấy, và đấu tranh cho đến toàn thắng...

8-1939

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Mợ Du

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Bố Con Lão Đen

- Ối giời đất ơi!... Anh đánh chết tôi đi... Anh cứ việc đánh chết tôi đi. Ối thiên địa giời đất ôi!

Mặc mụ vợ kêu, lão Đen không thèm đáp lại một tiếng. Lão cứ nghiến răng và, hự! Hự! Hự!... Hắn cứ giáng liên tiếp cái dùi đục xuống lưng vợ. Cả cái thân thể cao lớn và chắc nịch của vợ hắn chồm lên, oằn lại, vùng vẫy. Nhưng, cái nắm tóc dài ghì trong tay lão Đen chỉ càng xoắn thêm.

Mặt lão Đen tím bầm. Làn da nâu sạm biến thành một thứ vỏ sú, vỏ vẹt đã ngâm nước. Mắt hắn sáng quắc tưởng xì ra lửa. Hai mép hắn ngoác ra. Cái vết dao chém bập vào gò má hắn trước kia, dúm lại. Hai bọng thịt ở gò má nổi tròn lên như mang rắn đang phun nọc. Bị đè dưới hắn, mặt dằn xuống đất, mặt mụ vợ những lúc cố ngước vẫn lấp lánh. Và càng giãy giụa, những gợn sóng trong mắt mụ vợ càng loang loáng chiếu vào cặp mắt điên cuồng của lão Đen.

- Hự! Hự! Hự!

- Ối giời đất thiên địa ơi, ối giời cao đất dày ơi, tôi chết mất!...

Tiếng kêu hổn hển của mụ vợ đã khản đặc và ngắc ngoải. Nhưng vẫn không một ai vào can. Mà bên cạnh có người ở, trước mặt có người ở, sau lưng có người ở, chung quanh vợ chồng lão Đen lúc nhúc những hàng xóm đấy. Đã xế trưa, hầu hết người ta đi làm, nhưng vẫn còn đây tiếng chẻ củi chan chát, kia tiếng ru con ời ợi, kìa tiếng giã gạo thình thịch và gần đó, một giọng nghêu ngao từ trưa đến giờ kể mỗi chuyện "Trê cóc".

- A! Thằng này, có phải mày chim vợ ông không?

- A! Cái con này chính mày xúi bẩy vợ ông theo giai đây.

- A! Những nhãi ranh này, chúng bay vào nhà ông ăn cắp à?

Lão Đen hét lên, kêu rít lên. Cầm bất cứ trong tay củi tạ, búa đinh, dùi đục, chân bàn hay gì gì đấy, hắn choang liền vào bất cứ chỗ nào cái người dại dột đến can vợ chồng hắn. Nhưng ở xóm này đã hơn mười năm, đàn ông, đàn bà, già trẻ nhớn bé, chẳng ai lại dại như thế cả để khi không bị là nhân tình vợ hắn, đưa đón, mồi chài cho vợ hắn, ăn cắp của nhà hắn và giơ đầu chịu búa đinh, củi tạ, chân bàn...

Tuy bị đánh như thế hay gấp mười nữa, vợ lão Đen cũng chẳng coi mùi gì. Cứ trông mụ đã bị hắn ngồi lên kia mà mụ vẫn to gấp rưỡi hắn. Và sao ngày thường ở ngoài Sáu Kho, mụ quại băng băng lên vai cả một tạ gạo, vật nhau cả với những người đàn ông lực lưỡng, thích cùi tay vào mạng mỡ người ta, đấm xỉa vào lá mía và cứ nhè chỗ hiểm lên gối, mà giờ mụ lại chịu bẹp như thế? Đâu phải đã đẻ với lão Đen bẩy tám bận nên mụ bị suy kiệt khí lực? Mụ vẫn đội từng sọt khoai, gánh từng bốn thùng ngô đầy ăm ắp đấy. Trái lại, lão Đen mặt càng sắt thêm, bắp tay không còn thể đánh thình thịch vào những cây sắt như trước, tuy năm nay lão mới ngoài ba mươi tuổi chứ không già cả như người ta tưởng trước cái tên "lão" kèm theo tên Đen kia.

Còn mụ vợ không như những người đàn bà khác trong xóm, tay mụ làm, hàm mụ nhai. Sự may mặc sắm sửa cho mụ đều do cả đồng tiền kiếm được bằng mồ hôi trán của mụ từ khi mới lấy lão Đen cho tới ngày nay. Hết bến tàu xi măng, cốt phát lại Sáu Kho, Máy tơ vân vân... trừ những khi sinh nở phải nghỉ dăm bữa nửa tháng, còn quanh năm suốt tháng đều có mặt mụ ở những nơi đó. Đun goòng, cầm bò, khuân vác, mưa, nắng, giời rét chết cò, mụ chẳng từ một buổi nào hay một việc gì tuy nhiều người đàn ông đã phải chùn lại.

Mụ lấy lão Đen, bị trói buộc lại với hắn, chẳng vì cheo cưới hay tiền của vốn liếng gì. Anh làm phu, chị làm phu; anh không cha mẹ, chị cũng trên không chằng dưới không rễ; anh chị thân mật với nhau, vui buồn với nhau dưới một trời than bụi và hơi dầu máy. Một hôm kia, họ hẹn mà tìm nhau trong một đêm tối, sau đó thì họ trở nên vợ chồng. Đã nhiều lần tay bế một đứa, tay dắt một đứa, và còn sắp thêm một thúng con quần áo, mụ vợ quyết lìa hắn anh chồng. Mụ ra Cẩm Phả, vào Vàng Danh, Uông Bí thuê hắn nhà, mua lại hắn giường. Nhưng chỉ được mươi hôm, những buổi sớm tinh sương, những buổi chiều mờ tối, những bước chân dồn dập của những người làm ăn buôn bán trở lại nhà giữa những tiếng eo sèo của cảnh cơ cực, lại làm mụ Đen khóc. Mụ khóc rưng rức. Thế là người ta lại thấy vợ lão Đen về với hắn, rồi lại đẻ với hắn và bị hắn đánh những trận thừa sống thiếu chết.

- Ông đã bảo mày mà, ông đã bảo rứt lưỡi ra mà mày cũng không nghe ông. Mày là vợ ông mà mày không nghe ông thì mày chết!...

Đánh mụ vợ chán tay rồi lão Đen ngồi vừa thở vừa nói. Mụ vợ nằm co quắp ở một xó đất, rên rỉ. Mụ ta chờ lão Đen nguôi đi một lúc nữa rồi mới nói. Để khi đó không lo sự phá tan đồ đạc hay một mồi lửa điên cuồng đốt tất cả những quần áo đi.

- Lo! Ai khiến mày lo? Mày lo để làm gì? Đời ông đây khổ đã nhiều rồi, ông chẳng cần gì hết. Chẳng giàu có gì mà mày phải bắt ông chắt bóp. Còn sống ngày nào, còn lê ra được cái đất Sáu Kho, còn cầm nổi cái ngoáo sắt, còn đi được một buổi tầm, thì ông chẳng sợ gì chết đói. Con nhớn, con bé ông kia, nhớn lên thì lại Sáu Kho, lại xi măng, chúng nó thân lập thân, khổ sở hay sung sướng mở mặt mở mày là do ở tay chúng nó. Bây giờ cốt sao ông nuôi nổi chúng nó ngày hai bữa, không để chúng nó phải ăn mày, ăn nhặt là được rồi!

- Thôi tôi xin anh! Ờ anh không lo nhưng tôi lo. Tôi vun thu hàn gắn, tôi thắt lưng buộc bụng dành dụm để có đồng buôn đồng bán sau này tôi sắm sửa

trong nhà thức nọ thức kia, anh đã không giúp tôi thì chớ sao lại còn phá của tôi?! Anh chắc được mạnh chân khỏe tay mãi à? Anh chắc con nhớn con bé không bao giờ ốm đau, sài đẹn đấy hẳn? Anh cứ tưởng làm ăn được dễ dãi mãi hay sao? Ngay bây giờ đấy công nợ đương réo rắt kia kìa. Anh có ở nhà luôn đâu mà biết! Mà anh biết thì anh có lo cho tôi đâu, hay chỉ chửi bới đánh đập thêm thôi.

- Khổ quá câm đi! Câm đi không có cái điếu này lại vào mặt mày bây giờ. Công nợ bao nhiêu nữa, có thì giả. Vay của họ, mua chịu bán đựng của họ thì phải chịu thêm lãi cho họ chứ chẳng chịu không. Mấy lại ông còn sống đây chứ đã chết đâu mà mày sợ?!

- Phải "ông" còn sống đây, nhưng cơ cực lắm, sống để mà cùn đời rạc rài công nợ à, để cứ nheo nhóc mãi à?!

Ngoài sân nắng đương reo, ánh vàng chói lòa tràn ngập. Dưới đất, mụ vợ vẫn co quắp, tóc rối bù, lòa xòa. Những tiếng rên nức nở, hổn hển làm oi nồng thêm cái không khí dưới mái lá, quanh năm lởn vởn thứ bóng lúc đen loãng, lúc tím mờ, lúc tối đặc. Rít xong một hơi dài thuốc lào, lão Đen bước vùng xuống đất. Hắn chạy đến một góc nhà, kiễng chân tìm bọc tiền. Tiếng lá sột soạt, lão Đen gầm khẽ:

-... Đâu? Mày giấu gói tiền của ông đâu?

- Ở đấy chứ còn ở đâu.

Soạt, lão Đen rút xuống một cuộn vải. Hắn rứt phừn phựt sợi dây chằng ra, rồi kẹp tập giấy bạc đếm:

- Sao lại thế này? Sao lại mất đi sáu đồng thế này?

- Mất đi - mất đi vào cái thạp gạo kia kìa, vào cái siêu thuốc của mấy nhãi con kia kìa, chứ tôi chẳng đem cho (mụ rùng cả tâm trí vì một ý nghĩ ghê rợn,

vội nói) chẳng còn cha mẹ anh em nào mà cho cả.

Tu ừng ực nước trong bình tích, lão Đen lấy cánh tay quệt ngang miệng xong, khoác cái áo vải tây vàng lên vai, rồi khom người qua cửa, ra đi. Trong này bóng mờ chợt rùng lên. Mụ Đen vùng dậy, hất tung mớ tóc xõa ra sau lưng... Không phải mụ đuổi theo chồng. Mụ gieo mình đánh thình xuống cái giường ở sát cửa. Mụ vật vã chân tay một lúc rồi nức nở:

- Hự! Hự! Giời đất ơi! Hự! Hự! Cha mẹ ôi! Sao thân con lại khổ thế này? Chồng với con không có tiền cũng dằn vặt, mà có tiền thì cũng lại khốn cực! Hơn chục bạc phát tài đấy, vợ con giữ cho thì không đưa mà cứ đem đi cờ bạc phung phí kia kìa!...

Mụ Đen gào lên giãy đành đạch:

- Thế này thì tôi chết mất, tôi chết mất giời ơi!

***

Thằng Bùng nhớn nhác nhìn chung quanh. Vừa bước chân vào nhà nó thấy một cái gì lạnh vắng khác hẳn đi. Nhưng Bùng vừa đưa mắt tới người nằm co quắp trên giường, thì cái cảm giác kia tan ngay. Nó vứt sách vở xuống bàn, chạy lại lay gọi:

- Bu ơi! Ối bu ơi! Bu thổi cơm chưa?

Mấy tiếng ú ớ đáp lại Bùng. Sau đó một cặp mắt đỏ lừ mở ra nhìn Bùng với những nét mặt nhăn nhó:

- Thằng Bùng đã về đấy à? Hôm nay bu đau quá không thổi cơm được, nhưng nhà còn nhiều cơm nguội đấy, mày gọi cái Tý nhớn và cái Tý con về cho nó ăn. Rồi đến tối có đói, tao cho xu ra ngoài ngõ mà ăn phở.

Chị em cái Tý đã về. Cái Tý nhớn cõng cái Tý con, tóc rối bù, mặt đẫm mồ hôi, đất cát và vết bẩn loang ra nhớp nháp. Tý nhớn chớp chớp mắt cặp mắt xếch dưới đôi mày to, vừa đến bên giường:

- Bu ơi! Cơm nguội ăn sao đủ, còn độ bốn bát cơm thì ban trưa con và cái Tý con đã ăn hai bát rồi. Hay bu đau không dậy thổi cơm được thì đưa gạo nhờ bác cu bên cạnh thổi cho.

Thằng Bùng vội ngắt lời chị:

- Không, chẳng nhờ vả gì hết! Bu cứ cho con tiền ra hàng ngoài kia mua thêm cơm.

Cái Tý nhớn đưa mắt nhìn thằng Bùng:

- Thế chỉ mày ăn chứ thầy không về ăn à?

Mụ Đen rên rỉ:

- Ối giời! Bố mày mà vác tiền đi thì còn thiết gì nhà cửa ăn uống? Và tao với chúng mày có chết lăn ra đấy cũng chẳng cần nữa là!

- Nhưng bu ạ, mắm tôm bắc gần hết rồi thì ăn cơm với cái gì?

Cái Tý nhớn vừa dứt lời, mụ Đen đập tay xuống giường thình thình:

- Giời ơi? Thế ban nãy hai đứa mày ăn muối ruột hay sao đấy? Vừa mua năm xu mắm bắc với cả hào sườn, nhà chưa ai dúng đũa, mà chỉ hai đứa mày ăn cơm nguội đã hết rồi. Chúng mày xem, những trẻ mỏ ở xóm này đấy, cơm ăn chỉ với tí nước cáy, tí dưa mà còn không có. Hỏi bố mày đưa cho tao được đồng nào mà chúng mày hành hạ, phá hại tao như thế?

Mụ Đen trở mình. Nét mặt mụ càng rúm lại. Luôn luôn mụ đưa tay xoa miết xuống ngực và hai bên sườn. Những vết tím bầm và những vết sẹo hãy

còn đỏ chật ra dưới mảnh áo rách xoạc.

- Hự! Hự! Sao lại đau thế này??

Mụ Đen rên rỉ. Mụ quằn quại. Không thể nhịn được những cái đau chói và tức, người mụ còn cong lên. Và mụ nghiến răng rít những tiếng dài. Thằng Bùng đã thấy cồn cào cả ruột gan, nó nhăn nhó:

- Kìa bu ơi! Cho tiền con ra hàng mua cơm đây.

Cái Tý con đặt ngồi bên mụ Đen đã lại khóc nheo nhéo. Nước mũi nó lòng thòng xuống miệng, thêm mấy con ruồi rủ nhau đến bậu. Cái Tý nhớn cũng như thằng Bùng, như không trông thấy và nghe thấy những cái gì ở trước mặt, mà chỉ có mỗi cảm giác buồn bã, day dứt trong dạ dày và các hình ảnh ngon lành của những bát cơm, bát canh giờ đây đã dọn ra ở bên nhà hàng xóm. Nó xịu mặt ra lè nhè:

- Đi! Bu đi! Bu không cho tiền mua cơm thì lấy gạo cho tôi và thằng Bùng nhờ bác cu nấu cho vậy.

Tý nhớn vừa dứt câu, con bé em quờ tay níu lấy áo nó, kéo giật nó xuống, nghẹo cổ ra:

- A... A... A... Aaaaa...

Cái Tý nhớn gạt phắt tay em đi, con bé liền khóc thét lên, ngay đó mụ Đen rít tiếng:

- Thôi tôi xin các ông, các bà làm khổ tôi vừa chứ. Tôi xin dậy đây để thổi nấu cho các ông, các bà xơi.

Mụ ngắt câu lại bằng mấy tiếng rên và những cái quằn quại.

- Còn đồng năm xu ở cái ruột tượng vắt trên sào màn kia kìa, thằng Bùng

ra ngoài hàng mua ba xu xáo bò và hai xu đậu kho. Lấy cái liễn mà đựng xáo, bảo người ta cho nhiều nước vào cho con bé nó ăn với, và để cái đĩa lên cái liễn cho nước khỏi sóng ra. Còn cơm thì tôi thổi đây, chứ bác cu bác ấy sắp đi hàng, còn bận tối mắt tối mũi thì nhờ sao được?

Mụ Đen chống cánh tay xuống giường, run run ngồi lên:

- Bùng ạ, mày nhớ xin cho tao một nắm bã chè tươi nóng đấy. Đưa cái rá cho con Tý nhớn nó cầm đi, lấy nhiều về để tao bóp. Mau lên! không được đinh đáo gì cả. - Mụ Đen lại nhăn mặt đấm nhẹ vào lườn - Sao lại đau thế này? Sao hễ đau thì lại khó thở thế này?

Theo thằng Bùng bưng thức ăn về, con Tý nhớn quẳng cái rá bã chè xuống cạnh mụ Đen rồi cõng em chạy tót ra sân. Thằng Bùng cũng thế. Chúng nó mặc mụ Đen, đi xin lửa, nhóm bếp bắc nồi, vo gạo. Tới khi cơm chín, mụ Đen còn phải sắp mâm bát cho chúng nó và dọn cả thức ăn ra. Trong nhà, bóng mờ đã dầy; muỗi kêu vo vo, át cả mọi tiếng. Mụ Đen không ăn nhưng vẫn ủ cơm để phần chồng. Thằng Bùng và cái Tý nhớn bảo nhau mang cơm ra giữa sân ăn. Chúng nó ngồi hai ghế con hai bên để cái Tý con ngồi chầu hẫu dưới đất.

Người đi làm trên phố đã về. Ngoài ngõ, tiếng guốc công cốc hỗn loạn, tiếng người ồn ào. Những gian bếp bên kia sân, mé trái nhà và chung quanh đều lào rào những tiếng vo gạo dội nước. Khói quét bốc lên. Mái lá đen mốc xám thêm lại. Cái tối mờ và nặng nề của chiều đổ xuống mặt đất gần hơn. Dưới những mái lá lúp xúp sự eo sèo lại bắt đầu với những trẻ con khóc và người nhớn mệt nhoài.

Thằng Bùng vứt bát đũa vào cái chậu ở cầu rửa, không buồn đổ lấy một gáo nước. Nó chùi miệng vội vàng với cái khăn mặt đen thui và nhơm nhớp mà mẹ nó vừa lau mặt rồi nhảy tót ra ngõ. Cái Tý nhớn lại lăn vào đám trẻ con nô đùa ầm ầm, mặc kệ các em bò lê bò la trên đất.

Chuông nhà thờ chợt nổi lên, boong, boong... gọi các con chiên già cả ở trong xóm. Phía trời đây kia đã thâm lại như một vỏ cây già. Xế tây chỉ còn một khoảng đỏ rực. Nhưng không phải sắc đỏ của hoa hồng, của vàng diệp hay của lụa màu. Đó là sắc của nước vang nhuộm áo, của máu một thú vật bị tên đồ tể thọc dao vào họng, trong đó bao nhiêu tia sáng thoi thóp của mặt trời đều bắn cả lên. Những đám mây đều nổi bật với những gợn tím hồng quân, nghệ tía và phẩm lục.

Khói tàu và nhà máy tỏa ra trùng trùng điệp điệp. Vòm trời trên xóm nhà mụ Đen tối sầm lại, như lợp bằng những quả núi đương lở dần, không tiếng động. Dải đường đá gồ ghề và khúc khuỷu càng rầm rập bước chân người. Ở bãi đất trống đầu xóm, không biết bao nhiêu trẻ con đã kéo đến tụ họp. Chúng cười nói, kêu hét, reo hò mê man với một quả cầu độn bằng vải to như quả bưởi. Sự huyên náo thêm rối loạn, khi quả cầu nọ đã mướp ra, và một số đông trẻ con nữa từ những ngõ lẻ dồn vào.

Bãi đất trống đã hoàn toàn ngập dưới những tiếng ầm ầm. Chợt mấy tiếng tục tĩu chửi rủa văng lên. Liền ngay đó, những tiếng cãi cọ và đấm đá huỳnh huỵch. Rồi gạch đá ném vung lên. Rồi lại những tiếng kêu hét reo hò đinh tai nhức óc vang lên khắp xóm. Nhiều người lớn đã đổ xô ra hốt hoảng.

- Ối giời ôi! Lại thằng cu nhà này rồi!

- Khổ thân tôi chưa? Lại ông Tý nhà tôi đánh nhau kia.

- Hờ Dần ơi! Dần ơi! Bố mày không biết dạy mày để mày lại làm khổ bà kia, Dần ơi!

Mụ Đen mở choàng mắt. Cả người mụ rùng lên, Phập! Lưỡi dao của lão Đen thường để giữa nhà và để đi ra kho lao xuống cạnh mụ. Thằng Bùng cũng vừa ngồi sụp xuống luống cuống. Máu từ mũi nó rỏ ròng ròng. Nó vội đưa tay bịt lấy cả những tiếng nức nở, vừa lay lay lưỡi dao. Mụ Đen hét lên

một tiếng. Mụ ôm chầm lấy thằng Bùng, ríu cả lưỡi.

- Sao lại thế này, con ơi! Bùng ơi sao con lại thế này?!

Thằng Bùng vung hai tay lên:

- Bu bỏ con ra, bu bỏ con ra ngay! Thằng con bố Bếp nó chết với con! Nó cậy lớn nó ức hiếp con, nó kéo bạn nó đến đánh con đây này.

Mụ Đen càng ghì chắc vòng tay, giữ con lại. Toàn thân mụ nóng bừng, và, mắt mụ nẩy đom đóm. Mụ run bắn, thở hồng hộc, như đương trong cơn sốt rét:

- Thôi bu lạy con, để rồi bu mách bố nó cho.

- Không! Không! Bu ơi! Bu không bỏ con ra thì con chết mất.

Thằng Bùng gầm lên qua những tiếng nức nở.

Mẹ Đen cũng rít lên:

- Không! Bùng ơi! Con mà đi bây giờ thì bu cắn lưỡi chết ngay đấy!

Theo liền tiếng nói, nước mắt mụ Đen tràn ra, trong đó tiếng nói tắc lại. Lưỡi dao bên cạnh hai mẹ con vẫn đứng thẳng, hơi rung rung. Ánh thép lấp lánh tuy gian nhà chỉ có mỗi ngọn đèn hoa kỳ và chút lửa ở bếp đây kia chiếu lên.

Tiếng lão Đen bỗng nổi lên khàn khàn: "Chúng nó đâu cả rồi?". Lão bước vào, ném phịch một gói to xuống phản, làm vung vãi những chiếc bánh cao lâu, kẹo tây và bút viết, bút chì, tập đồ, giấy thấm...

- Thằng Bùng và chị em cái Tý chúng nó đâu? Kìa bu nó ơi!

Tiếng "ơi" chưa dứt khỏi miệng hắn, mặt hắn đờ ra và mắt hoa lên. Hắn nói như hết hơi:

- Sao thế Bùng ơi! Sao con tôi lại thế kia?!...

Mụ Đen xua tay:

- Không! Không! Có việc gì đâu!

Lão Đen chạy xô lại, rút phắt lưỡi dao lên, nhớn nhác nhìn. Thằng Bùng vẫn nghẹn ngào và máu mũi nó vẫn chảy ròng ròng.

- Thầy, thầy, thằng con bố Bếp nó đánh con đây.

Một hình ảnh vụt qua trí tưởng lão Đen. Lão mím môi lại, các thớ thịt trên mặt và cổ gân lại càng rung rung.

- Thằng Bếp nào? Có phải thằng Bếp béo nấu cho lão đốc công ở ngoài Kho không?

- Hự! Hự! Phải đấy thầy ạ.

- A! Ha! Ha!...

Lão Đen gầm lên. Vút! Người lão lao ra sân với lưỡi dao va xoảng vào những sợi dây thép phơi quần áo. Mụ Đen vùng chạy theo. Cả trời đất trước mặt mụ tối sầm lại.

Nửa tháng sau, mụ Đen đứng trước một bàn giấy rộng. Dưới mắt mụ, để ở rìa bàn, cái lưỡi dao dài mỏng, mũi nhọn, phớt vài ngấn máu thâm sịt. Đầu mụ cúi thấp, tâm trí mụ hoang mang. Có những tiếng hỏi sang sảng bên tai mụ, nhưng mụ không nghe thấy gì cả.

Ngoài cửa sổ, gió ào ào, nắng phấp phới.

Lúc này đây, lão Đen trốn lên Hà Nội đương gò người trên cái càng xe bò ở một vùng ngoại ô; thằng Bùng đi lang thang cạnh một trường tư; cái Tý con mặt mày nhợt nhạt, khóc nheo nhéo trên sống lưng gầy rạc của cái Tý nhớn.

1942

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Cái Xích Cũ

Bà Phó ngồi thụp xuống, chống một tay trườn người vào gậm giường, đưa lia cái chổi tới sát vách. Vài cái rác quét ra. Chợt bà nheo mắt lại nhìn một vật tròn kéo lanh lảnh trên đất. Bà nhặt nó lên, ghé miệng thổi phù phù rồi cất tiếng gọi:

- Ớ Thuột ơi, cái bánh xe mày đánh mất, mày đi tìm mãi đây này. Quái con đâu! Có thế thôi mà cũng nằm lăn ra khóc hàng mấy tiếng đồng hồ.

Con bé gầy còm, tóc nó xõa và rối bù mặt đen sạm và trô trố đôi mắt trắng dã, chạy xồ đến vừa reo lên:

- Đâu bà? Đâu bà?... Bà tìm thấy rồi à?

Cái Thuột vồ lấy mảnh sắt tròn hãy còn trong tay bà nó. Nó cười khanh khách, trán, mắt, mũi chun cả lại. Nó giơ cái bánh xe ấy lên, vừa nhảy vừa reo luôn miệng. Con bé con ngồi chồm chỗm trên giường nhớn nhác nhìn cái Thuột và bà nó rồi òa khóc. Bà Phó phải gắt lên:

- Thuột mày lại ngồi chơi với em đi. Không nó khóc hết hơi bây giờ.

Nhưng vẫn không đành tâm thấy hai môi đỏ mọng của con bé ngoác ra, dãi chảy ròng ròng và cặp mắt đầy nhử giàn giụa nước mắt, bà Phó buông chổi, chạy đến với cháu. Bà bế áp mặt nó vào ngực, vỗ nhẹ lưng nó, nựng nịu...

- Bà thương cháu bà rồi! Cha mẹ con cái Thuột kia, mày chỉ mải chơi để

cháu bà phải ngồi một mình.

Và bà phát đôm đốp nhưng chỉ để có tiếng kêu vào đít con Thuột.

- Đây bà đánh nó đau rồi. Thôi cháu nín đi, tý nữa bà ra hàng bà Quế mua bánh tai voi cho.

Con bé gào lên mấy tiếng nữa, rồi nín bặt. Bà Phó lại đặt nó xuống giường. Cái Thuột trèo lên ngồi bên cạnh con bé. Thuột kéo áo chùi mảnh sắt, và, để cho thật sạch, nó nhổ nước bọt rồi lấy áo kỳ đi kỳ lại. Trò chơi chẳng có gì lạ nhưng cũng đủ làm con bé cười sặc sụa. Cái Thuột búng tròn mảnh sắt, lấy cái mũ trắng bẹp rúm chụp lên,và mỗi lần như thế, Thuột reo òa một tiếng vào tai đứa bé.

Bà cụ Phó lại bắt tay vào việc. Quét xong nhà bà đem chiếu ra giũ, giát giường ra đập rồi phơi dựa vào cái hàng rào bằng nứa tép vây lấy mảnh sân rộng hơn mảnh chiếu trải. Bà lau chùi đồ đạc; một cái bàn nhang, bốn bài vị, hai chân nến bằng gỗ, một mâm bồng, và rất nhiều thứ lắt nhắt khác: vỏ chai rượu, nậm sành, ấm chén vân vân... Toàn những thứ sứt mẻ, cong cớn, long lở và mọt ruỗng cả rồi. Từng chiếc một, bà cụ Phó nhấc ra lau chùi xong bầy ngay ngắn đúng vào chỗ cũ.

Thu xếp xong trong nhà gọn gàng, bà Phó xuống bếp và ra sân quét dọn. Nồi nào vào rế ấy, tro trong những ông đầu rau xúc bớt đi, mấy thanh củi khẳng khiu dựa vào vách. Bên ang nước, những viên gạch kê các chậu rửa, chậu giặt xếp lại. Bà không để một tí rơm rác nào vương víu ở chỗ đó. Đến mảnh sân bà Phó nhổ không sót một ngọn cỏ dù mới lấm tấm mọc. Suốt chân hàng rào, các dây mùng tơi và dây mướp lại bị tỉa đi những chiếc lá chớm vàng.

Chợt thấy tiếng chuông nhà thờ dồn dập ngân nga vẳng tới. "Ba giờ hơn rồi đấy", bà Phó nhủ thầm. Bà nheo mắt nhìn những giọt nắng vàng từ một

chòm cau xanh loáng rớt xuống. Bà đựng chổi rễ vào góc sân, đứng dậy. Nhưng chưa cất được bước, bà Phó vội níu lấy bờ giậu, đứng lặng người đi. Mắt bà đã nẩy đom đóm và đầu óc choáng váng. Giây phút sau bà chập choạng vào nhà, nằm duỗi dài trên chiếu:

- A! A! A! Aaaaaaa...

Con bé lại khóc. Tiếng hò leo nheo liên miên hết nhịp này tiếp nhịp khác. Bà Phó mở choàng mắt, thấy con bé nằm trơ trỏng giữa giường, bà vùng dậy, không kịp vấn tóc, chạy sang.

- Ơ Thuột ơi! Ớ Thuột ơi! Mày không về đây thì chết ngay với tao bây giờ.

Không một tiếng thưa! Bà Phó gân cổ gào lên:

- Ớ Thuột ơi! Thuột! Mày không về chơi với nó cho tao còn kín nước tưới rau à? Thuột ơi! Thuột ơi! Mày mà để bà phải ra tìm thì bà cứ chôn sống mày.

Tiếng đứa bé khóc đã trở nên rít và sắc, luôn luôn réo lên rồi lặng đi, rồi lại réo lên. Nước mắt, nước mũi giàn giụa, mặt nó bẩn như bôi hề. Nó đái vung cả phản. Rồi nó giẫy, nó lăn, tuy bà Phó đã bế xốc nó lên và cao giọng hát ru. Cũng như cháu, người bà Phó đã đẫm mồ hôi. Những giọt nước ấy mặn thêm vì qua lần da mặt cóc cáy, thấm cả vào miệng bà. Không sao chịu được cái nóng hun đốt trong gian nhà lúp xúp, bà Phó đành bế cháu ra ngoài ngõ.

- Giời ơi! Con yêu con quái này, tao gọi mày rát cổ bỏng họng mà mày đứng đấy mày không thưa à?!

Cái Thuột phụng phịu đứng nép bên bức vách. Mặt nó nhem nhuốc thêm vì lớp đất cát khác chạt vào cả ngực nó phơi trần ra. Thuột chớp chớp mắt,

yên lặng một lúc nữa mới làu nhàu đáp lại:

- Khốn nhưng lúc nào cũng cứ đèo đẽo bên cạnh, hễ buông xuống lại khóc thì ai người ta chịu được? Sao mẹ nó không ở nhà mà bế nó? Tôi có phải đầy tớ bố mẹ nó đâu?

Bà Phó lắc đầu và cười nhạt:

- À thế ra ở trong nhà này chỉ bà là con ăn đầy tớ chúng bay thôi! Mày nhớn bằng ấy đấy, hỏi ai vẫn còn phải hầu mày? Hỏi con mẹ mày nó đi làm biền biệt cả ngày kia, nó để lại cho bà được một chén gạo thì cái cơm nguội buổi trưa vào mồm mày có đủ không? Và cái thằng bố mày nó nghe chúng nghe bạn vào Sài Gòn, Sài chéo kia, hỏi nó đã gửi cho bà chục nhớn chục bé gì mà từ khi mày còn như là cái giẻ vắt vai, bà phải giường cứt, chiếu đái cho mày, cho tới ngày nay, mày bắt chước con mẹ mày miếng một miếng hai với bà?!

Con Thuột đưa mắt gờm gờm nhìn bà nó, miệng nó dẩu ra:

- Khốn nhưng bố tôi...

- Bố tôi làm sao (bà Phó nói át tiếng) có phải thằng bố mày cướp công cướp của của bà không?! Cái thằng bố mày chỉ sấp mặt vào vợ để nó chửi lại bà, để bố mày chửi bà chưa chán thì lại cả mẹ mày nữa. Giời ơi!...

Ngay lúc đó như có thật bố cái Thuột xuất hiện trước mắt người mẹ già này. Đó là một gã cao lớn, mặt đầy trứng cá, mi mắt hum húp, ngoác cặp môi dày ra mà quát vào tai bà Phó:

- Bà không được chửi vợ tôi, bà không mất tiền mua gạo đổi nó mà chửi nó!

Bên cạnh hình ảnh này, một mụ đàn bà nung núc những thịt là thịt. Mặt

mụ ta phèn phẹt như cái cơi trầu. Mắt xếch, mày rậm. Trừ những ngày rét chết cò, còn luôn luôn mụ chỉ phong phanh cái áo cộc ngủn.

- Ai dào! Tôi đây thì chó nó chửi cũng được. Nhà cửa tôi ở xa...

Những lúc mụ đàn bà này lên tiếng bên cạnh chồng như thế, người mẹ già đành thôi. Bà phải nuốt xuôi những cái nghẹn dồn lên cổ họng rồi quay đi chỗ khác, bắt tay vào việc. Một năm, hai năm, ba năm,... cho tới khi được con cái Thuột là cháu đầu lòng, người mẹ già không còn thấy sôi nổi lên vì bực tức nữa. Và, bà như là không trông thấy gì, nghe thấy gì, trong gian buồng của vợ chồng thằng con trai ở đầu nhà kia!

Đã lùi lũi vào nhà với con bé, cái Thuột vẫn lúng búng trong mồm, tuy Thuột thấy bà nó là phải! Bà nó! Cái trí nhớ của Thuột tuy mong manh nhưng vẫn không quên được cứ những lần nào bố nó bỏ nhà đi xa và mẹ nó không đi chợ hay đi làm được, thì những lúc nó đói không một ai cho nó ăn đấy, chỉ có bà nó thổi cơm cho nó ăn, mua chịu quà bánh cho nó nữa. Cái Thuột được ăn thật no hàng tuần lễ, hàng bao lâu không biết nữa.

Bà Phó bế đứa bé vào theo. Trong nhà xộc thêm lên một ít nồng nực vì hơi mồ hôi người và quần áo nhớp nhúa. Bà Phó đặt con bé xuống giường, nhớn nhác trông xem cái quạt nan ở đâu để mà quạt cho cả hai bà cháu, không người đến điên lên mất vì nóng nực. Cái Thuột đưa cái khăn mặt sấp nước vào cho bà nó. Bà lau mặt, cổ, ngực cho con bé rồi mới lau cho mình. Một tay xoa rôm ở lưng con bé, một tay bà quạt liên tiếp.

Nắng bên ngoài vẫn chói lọi. Ánh vàng sáng ngời tràn ngập hết mọi khoảng, trời cao vút, mênh mông xanh. Ở những nhà chung quanh nổi rõ những nhịp võng đưa đều đều, những tiếng ru uể oải và những tiếng gà chiêm chiếp. Đâu đây tiếng ve sầu kêu ran đã thành một làn thanh âm buồn rượi không thay đổi dưới nắng thiêu và những làn hơi mờ mờ.

Con bé đã gà gà, bà Phó cuộn một cái áo cũ, gối đầu nó lên. Bà càng đều tay xoa quạt. Giây lát sau chân tay con bé duỗi mềm ra. Sự phẳng lặng nổi hẳn lên trên nét mặt nó. Bà Phó nhìn đôi mắt hơi xếch, khép lim dim, và vành môi cong ngậm hờ hờ, lắc đầu chép miệng:

- Lại đến giống con mẹ mày thôi!

Mẹ nó! Thật ra con bé này như đúc ở khuôn mặt ấy ra: cái trán nó cũng dô, lông mày ngắn ngủi, mũi to thây lẩy và huyếch, môi trên cuộn và loe lên. Mẹ nó cả ngày cũng biền biệt đi chợ. Nhưng khác mẹ cái Thuột là chị ta kiếm được tiền, đùm bọc được bà mẹ đẻ ra mình. Thì ngày được hai miếng cơm chín, bà Phó lúc nào cũng dìu dịu con cháu ngoại ấy, và luôn luôn ngồi lặng người đi mà nghe con gái gào hét sau những buổi chợ mà y mỏi mệt và đã phải chịu nhiều sự uất ức chỉ chờ về đến nhà là trút ra:

- Giời ơi, sao thân tôi khổ thế này mà bà không biết thương tôi! Thóc cao gạo kém, bà ngồi nhà hai bữa đã có người nai lưng ra lo cho đến miệng, bà lại còn lấy của tôi dấm dúi cho cháu rượu của bà. Tôi với con mẹ nó có phải chị em gì đâu. Cả thằng chồng nó nữa! Thằng kia ở nhà nó vẫn nghe con đĩ nọ mà chửi như tát nước vào mặt tôi, bà không biết đấy à? Thôi! Cơ mầu này mẹ con tôi chết đâu thì chết để bà tha hồ mà trông nom cho nhà chúng nó.

Có khi mụ con gái này còn nằm lăn ra đất, giãy lên đành đạch, nếu người mẹ già nói lại, hay là cái Thuột cũng gào hét đối đáp vì không chịu kém cạnh và mang tiếng bấu bíu.

Đứa bé đã ngủ mệt. Bà Phó trao cái quạt cho con Thuột:

- Mày ngồi đây với nó, thỉnh thoảng phe phẩy cho nó mấy cái để tao còn ra đón bà hàng gạo mà đong chịu dăm hào.

Cái Thuột uể oải trèo lên giường. Bà Phó bước xuống lẩm bẩm:

- Chịu mãi của người ta mặt mình đã dày như mặt mo rồi, thế mà mình có hỏi đến tiền thì con gái, con dâu lại tru tréo lên rằng ăn uống gì mà lại hết nhiều thế! Giời đất!...

Bà Phó cắp cái rá ra ngõ, ngồi bên cạnh một hàng quà dọn trên những thúng mẹt bầy ngay dưới đất. Gần đấy, có một chõng hàng nước. Bà bán hàng đương phe phẩy cái quạt mo đuổi những con ruồi cứ chực sà xuống mâm bánh đúc, bánh cuốn. Qua ánh nắng chói lòa, một dáng người đi lại, bà hàng nước vội cất tiếng:

- Ông Vườn ôi, có đậu rán mới cất đây!

Ông già nọ đựng cái cuốc vào bờ tre sau lưng bà hàng, ngồi xuống cái ghế gỗ thấp, cười:

- Ừ, thì bảo cháu nó đi mua cho tôi cút rượu về nhắm nào.

Dứt tiếng ông già nheo mắt nhìn sang bên cạnh.

- Bà Phó đấy à? Bà ngồi đón gì đấy?

Bà Phó cười:

- A, ông đi làm bên chùa đã về! Tôi ngồi đón bà hàng gạo đây, vừa xem có rau cỏ gì thì mua vài mớ rau muống chẻ cho chúng nó ăn với mắm cáy. Nhà tôi mới muối được hũ mắm ngon quá, tí nữa ông về bảo cháu nó mang bát ra lấy một ít mà ăn.

Ông lão gật gật đầu rồi móc tiền ở cái dạ cá trước bụng, đưa cho bà hàng bảo cháu bà đi mua rượu. Rượu về, ông rót cả ra chén, khề khà uống:

- A nào bà Phó, con vện nhà bà thế là mất đứt rồi đấy nhỉ?

- Ôi dào, ông tính bây giờ thì chúng nó ăn đã ra bờ rồi còn gì!

Ông già chép miệng:

- Sao lại có những đứa ác tâm như thế mà giời không vật chết chúng nó đi? Con giống, con má của nhà người ta nuôi đương mơn mởn ra mà nó đang tay vật ra làm thịt, nó ăn như thế thật bằng ăn con cái nhà nó đấy.

- Đấy ông xem, mình có chửi rủa thì lại mang tiếng lắm điều, ác khẩu.

Ông già tớp nhẹ một hớp rượu, xé miếng đậu chấm với tương vừa ăn vừa nói:

- Con vện nhà bà khôn quá nhỉ. Tôi chưa thấy một con chó nào như nó đấy. Người ta cứ bảo chó nhà nghèo thì tham ăn mà con chó nhà bà thì cơm để đến tận mồm còn ngoảnh đi. Tôi vẫn nhớ một hôm bà Đồng cạnh nhà tôi gọi nó sang, đổ chỗ cơm trong nồi ra cái bát chậu có bao nhiêu xương gà cho cả con vàng nhà bà ấy. Thì con vàng sục ngay mõm vào hốc lấy hốc để, còn con vện thì hình như biết phận, ngồi nép bên cái cột đằng xa, mắt lờ đờ nhìn đi chỗ khác. Bà Đồng phải đánh con vàng một cái, lấy lại một tảng cơm quẳng cho con vện, và bà năm lần bảy lượt giục, con vện mới ngoạm lấy miếng cơm, lấm lét chạy về nhà.

Ông già dứt câu này nghển cổ lên nhìn một người khách vừa đến ngồi xuống ghế. Chè tươi nóng múc ra bát, và, người khách chọn một miếng trầu. Y cũng vừa uống nước và nói với bà hàng những chuyện làm ăn của y và những chuyện mưa, nắng ở Bắc Kỳ, Sài Gòn mà hắn đã đi khắp cả. Nhưng bà Phó không nghe thấy gì. Tâm trí bà đã hoàn toàn bâng khuâng và như có những làn gió lạnh thổi vang, trong đó sự chua xót lại thắt lấy lòng bà. Con chó mà ông già vừa nhắc đến kia bà nuôi ngay từ khi nó mới rời vú mẹ, tới nay được vừa đúng một năm. Nó là giống chó chùa ở ngay sau nhà bà, trông to và dữ lắm. Khi bà Phó xin con vện về, tất cả con gái con dâu đều nhao nhao phản đối nào tốn cơm, nào ỉa bậy, nào hay chạy rông ra ngoài phố bị

phạt thì lấy tiền đâu mà nộp, nào nhỡ hóa điên cắn phải người ta thì rũ tù.

Nhưng con vện cả ngày chỉ quấn quýt bên bà Phó. Người đâu chó đấy. Những lúc tủi cực, uất ức quá vì sự cửa nhà, bà Phó đã lảng ra tít đằng góc sân chùa và phải xua đuổi mà con vện vẫn cứ theo bà, lưỡi thè lè, thở lừ khừ, mắt cũng lờ đờ nhìn một khoảng không. Bà Phó đã nhiều lần bị con gái day dứt vì tội cơm nước tốn kém, bà thoáng có ý định bán con vện đi thì chỉ một giây sau bà thấy không thể nào làm như thế được. Ruột gan bà đến đứt ra mất nếu con vện bỏ bà.

Một đêm mưa to gió lớn, sợ trộm, bà Phó đã phải xích con vện ngay dưới chân giường bà nằm. Bị phải cái dây xích cũ, và không hiểu tại sao con vện lại sổ ra để đến nỗi mắc bẫy. Luôn mấy hôm bà Phó đi khắp xóm, làng trên, làng dưới rêu rao xin chuộc chó, chứ không dám chửi bới gì.

- Thôi con chó nhà bà vào nồi rồi!

- Thôi có bị giời đánh thì chịu chứ những quân kia nó không khai khẩn ra đâu!

Người ta đã cười và nói với bà Phó như thế.

Một xe ngựa bỗng lộc cộc chạy đến. Bà Phó vội ngước mắt lên reo nhẹ tiếng:

- Kìa bà hàng gạo đã về.

Bà vội đứng lên để chỗ cho một người đàn bà áo the, quần nái, vòng khuyên vàng, cùng một người đàn ông quần đùi thâm, áo cụt tay chuyên những giỏ gạo thóc ở trên xe xuống. Nhưng bà chưa dám mua vội, bà phải để cho những người có tiền ngay đong trước. Cho tới khi bà hàng gạo ngơi tay đong, tẩn mẩn nhặt những hạt thóc, bà Phó mới mon men lại. Mặt cúi, bà Phó ngập ngừng mãi mới dám lên tiếng. Bà phải nằn nì hết lời, một lúc lâu sau

người bán mới chịu khảo gạo cho bà Phó.

Bà cắp rá gạo vào với ba mớ rau muống cầm riêng ra. Thấy đứa bé vẫn ngủ, bà dặn thêm cái Thuột mấy câu nữa để nó chịu khó trông con bé rồi xuống bếp. Chia gạo đều cho con gái và con dâu, để của đứa nào vào giường đứa ấy rồi, bà Phó bắt đầu chẻ rau.

Bóng mái nhà đã ra tới nửa sân. Trong ánh nắng, những ngọn mướp non và hoa vàng đương phơ phất. Tiếng chim chích chòe rộn ràng vắng bặt đi từ sáng, giờ lại nổi lên vang vang trên chòm xoan ở nhà bên cạnh. Con dao bài trong tay bà Phó đưa đều lên những ngọn rau. Từng sợi nhỏ tỏa xuống cái chậu sành sâm sấp nước. Bà Phó mắt đăm đăm cúi xuống không chớp. Cái yên vắng lâng lâng dưới vòm trời xanh bao la của chiều hè đã tràn vào tâm trí bà. Bà tê mê. Những làn gió nhẹ từ ngoài vườn cau thoảng tới mơn man trên gáy bà.

Chợt mấy tiếng chó sủa ran lên. Như qua những lớp sương mù dầy đặc một đêm đông nào, những tiếng "gâu gâu" ấy vang trong trí tưởng tượng của bà Phó. Rồi một bộ lông vàng vằn và xám, hai lườn nung núc thịt, hai tai to vểnh lên, và một cái đuôi ngoe nguẩy... lướt qua mắt lờ đờ của bà Phó. Tiếng chó sửa càng vẳng lại gần và rõ ràng, gờn gợn trong cảm giác của bà Phó. Và, như có tiếng người nói: "Kìa con vện của bà Phó ở đâu đã về kìa".

Đánh thót cái, người bà Phó giật bắn lên. Bà đứng vùng dậy, nhớn nhác trông, cất tiếng gọi ú ớ như bị bóp lấy họng:

- Ối vện ơi, vện ơi! - Liền với tiếng gọi, những giọt nước mắt ấm từ hai hốc mắt rỏ ra, rơi nặng xuống gò má hóp.

Nhưng đâu nào con vện? Đâu nào người gọi?! Đây kia cái lỗ hổng ở một góc giậu mọi khi con vện vẫn chui ra chui vào, từ bấy đến nay vẫn chưa rào lại, và đây kia dây xích hoen gỉ lòng thòng dưới chân giường. Ngay đó, trên

nhà cái Thuột gọi léo nhéo:

- Bà ơi! Bà ơi! Cái bé đã dậy rồi, bà vào mà dỗ nó đi.

Bà Phó tất tưởi chạy vào, không kịp chùi nước mắt, bà vỗ nhè nhẹ lên lưng con bé, cầm quạt quạt mạnh và nựng nịu:

- Thôi cháu bà nín đi, nín đi để bà còn xuống thổi cơm cho mà ăn. Chóng! Cháu bà ngoan lắm...

Chờ cho con bé bặt hẳn tiếng khóc, bà Phó nói nịnh nó mấy câu nữa rồi lấy rá gạo của phần mẹ nó đưa ra cầu rửa. Theo những bước chập chừng của bà Phó, hình ảnh con vện lại chờn vờn trước mặt bà. Bà kéo dải yếm đen thủi chấm những giọt nước mắt còn đọng lại, vừa đi vừa sẩy lại mẻ gạo độ hơn một bơ trong cái rá con.

Nắng đã héo hẳn đi. Ánh vàng chỉ còn đọng vài gợn nhạt trên mấy chòm cao cao ngất. Khói thổi nấu ở nhiều mái lá bốc lên, từng làn sáng đục tạt dài trước gió. Trong bếp nhà bà Phó, mấy thanh đóm cháy lom nhom. Cả cái hình thù còm cõi, quần áo rách rưới của người mẹ già này dần nhòa đi trong bóng mờ của buổi chiều dâng lên với những vang động ồn ào mỗi phút một dầy đặc.

1942

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Người Mẹ Không Con

Chưa bao giờ Mão Chột thấy cực khổ như lúc bấy giờ. Hắn thua xóc đĩa hết cả sáu đồng bạc tiền mươi công làm vừa lĩnh xong và lại còn vay năm đồng của con mụ "chào tiền khách" ở ngoài sòng, cứ một đồng lãi ba hào một tháng. Không còn một xu dính túi! Không còn thể vay mượn ai! Không thể cầm bán vật gì trong nhà nữa!

Bước khỏi ngưỡng cửa, Mão Chột gieo thình người xuống giường. Hắn bỏ thõng chân, một tay vắt trán. Hắn thở phì phì và thỉnh thoảng lại rít lên khe khẽ.

Tiếng trống cái vẫn khua inh ỏi. Trên bục rạp hát, trẻ con cứ sấn sổ cướp lấy cái dùi. Chúng nó chen lẫn nhau, chửi nhau và kêu hét ầm ầm. Thêm không biết bao nhiêu đứa tuồn lên đó, đua nhau chạy nhảy. Các cột gióng rung chuyển, cát bụi mù mịt.

Vút! Vút! Cái roi mây của tên phu điếm lại quất tới tấp lên đám trẻ con.

Một phần đông chạy rào rào xuống đất, tản ra khắp ngả. Những tiếng khóc của những đứa lóc nhóc theo đứa lớn đi chơi ran lên như ri. Nhưng tiếng trống vẫn ầm ầm với những tiếng giậm chân thình thịch và vỗ tay reo hò.

- Chúng mày thì đã có Quan ôn, Hà bá là dạy được thôi!

Nghe tên phu điếm môi dề và thâm tái nọ gườm mắt, gầm rít, những đứa trẻ con càng nhăn răng ra cười. Chúng nó bảo nhau cùng "híp hơ híp híp hơ" và xỉa đều tay vào cái mặt nghiện bủng ấy. Chợt xế rạp hát, trước một sòng tổ

tôm, điếm, nổi ran một tràng pháo. Trẻ con bâu ngay đến đó, và từ những hàng quà, người ta đổ dồn về phía đoàn xe tay vừa sịch xuống sân chùa.

- Cai Túc! Cai Túc đã đến!

Cai Túc, quần lụa mỡ gà, áo sa phủ áo gấm lam hoa bạc, làm ra vẻ rất bệ vệ, bước xuống xe. Theo sau hắn, một bọn sáu người quần áo nhố nhăng không kém. Thoáng trông ra, lão chủ sòng liền toét miệng cười, chạy vội tới giơ tay khom người mời. Trong khi ấy, cái vòng người chen vai hích cánh nhau trước điếm bài, lại ồn ào xô đẩy nhau dãn ra.

Mấy tên phục dịch được dịp lấy lòng chủ, tíu tít cả lên mời chào và xếp chỗ cho bọn khách có tiếng là chơi sang với người cai bao thầu nọ. Tiếng trống cái càng rung lên những hồi thôi thúc. Nắng xuân giội xuống mái ngói đỏ tươi của ngôi chùa và những cờ bay phấp phới. Từng làn xác pháo bay lên rồi giạt vào bờ cỏ xanh bị xéo lụn. Những ánh sáng ngời thêm ở những đồ đồng, đồ sứ, kiệu võng, bát bửu bầy trước cửa chùa và những rồng phượng nạm thủy tinh, mảnh sứ trên mái, trên tường. Cả ba đám xẩm đều kín người xem. Đàn, nhị, tấu lên như ễnh ương kêu gọi nhau trong đêm tối, sau trận mưa rào.

Trong người Mão Chột lại bốc lửa, ruột gan đầu óc hắn đau đớn. Hắn nhìn trừng trừng lên cái nóc nhà thấp hắn ở. Qua những chỗ hổng, nắng xỉa xuống những góc vách, bụi bay loạn xạ như đàn ong vỡ tổ, chỉ chực bâu vào mặt hắn.

Mão Chột ghê rợn, hắn nuốt ừng ực những cái nghẹn đờm. Ơ kìa! Ở đâu mà bay ra nhiều giấy bạc thế? Toàn là những giấy mới tinh, thơm phức, giấy năm đồng, giấy hai mươi đồng và giấy một trăm đồng nữa, cứ vung vào mặt hắn, hằng hà sa số. Đồng thời càng khua động trong tai Mão Chột tiếng tiền xóc đĩa reo rộn ràng, tiếng reo bài ngân nga và tiếng trống tưng bừng.

Đám bây giờ mới vui. Ba giờ chiều đúng rồi. Phường chèo cải lương sắp đến diễn buổi đầu với tích "Nỗi oan Thị Kính" sở trường của họ để trưng tài, cổ động cho ban tổ chức đám hội này có các quan viên sành sỏi thế đấy. Trong nhà chùa chỉ lát nữa đèn nến sẽ sáng choang, nhang trầm nghi ngút, người lễ bái không còn chỗ nào đặt chân.

Đã sáu năm nay mới thấy làng này vào đám. Vẫn mang tên cũ, nhưng hầu hết làng đã biến thành phố ngõ và xóm rồi! Mấy ông già chức sắc trước kia và mấy ông già là cố cựu trong làng vừa quyên tiền tu bổ cho ngôi chùa còn sót lại nọ chẳng có sư mô chủ trì, gần như bỏ hoang. Nhân ngày xuân họ xin phép mở hội để khánh thành công trình này, vừa lại được những buổi hội họp để khoe ăn, khoe nói giữa thiên hạ.

Những trai gái quanh năm đầu tắt mặt tối nhờ đó có dịp chơi bời, và những trẻ con say mê được rước xách thỏa mãn. Suốt dải đường vào xóm, người ta lại bầy bán những bát khế, những liễn trám dầm đường, những lọ lạc rang, ô mai, hạt dưa và những hộp pháo tép, pháo xiết, làm không khí tết kéo dài thêm chút nữa. Cho tới khuya, ở những điện thờ, đàn hát trầm bổng và hương hoa ngào ngạt, những người mẹ chỉ còn biết tin cậy vào thần thánh lại tha hồ hầu đồng bóng.

***

Vợ Mão Chột bước vào nhà, hồi hộp. Mắt mụ chớp chớp nhìn. Mụ lại thấy chồng mụ nằm sóng sượt ra thế kia sau mấy ngày đi biền biệt. Quái gở!

- Thôi, ăn hay không cũng mặc! Không ăn nhà thì chốc nữa lại ra ngoài đám mà nốc rượu.

Mụ Mão nghĩ thế và mụ đã quay gót, một ý nghĩ khác kéo dừng mụ lại:

- Hừ! Nằm thiếp đi mà thở hưng hức thế kia chắc mệt và đói lắm! Cơm

nước nhà không ăn lại ra hàng uống rượu thì còn hơi sức nào! Thôi cứ liều đánh thức ông ấy dậy. Mình đi rang cơm cho ông ấy ăn vài miếng rồi muốn đi đâu thì đi.

Nhưng tưởng tới sự cáu kỉnh như điên cuồng của hắn, nếu do mụ mà nổ ra trong lúc này thì mụ lại đến chết mất thôi. Vậy đành để hắn nằm người đi, lúc nào hắn dậy mụ sẽ mời hắn ăn.

Mụ Mão lẳng lặng xuống bếp. Mụ đổ rau và tép ra rổ nhặt để tý nữa nấu với dưa và cà chua. Mấy hôm nay, Mão Chột không ăn cơm nhà, nồi thịt kho tàu chỉ mình mụ ăn. Mụ đã ngấy mỡ và xót ruột quá, tưởng đến phải bỏ cơm: mà mụ đã bỏ cơm thì còn quà bánh gì cho lại được, còn hơi sức đâu mà đi làm nữa.

Con chó vàng chầu bên cạnh mụ Mão từ lúc nào không biết. Nó nằm áp bụng xuống đất, thô lố mắt nhìn mụ, lưỡi thè lè thở hổn hển. Cái bức sốt đã báo hiệu rồi! Sự mệt nhọc làm cơm nước chẳng thể nuốt được chỉ mai kia thôi sẽ vật nhoài cả nó và người ta ra.

Và kia kìa, chồng mụ đương thiếp đi vì cái nắng đã lại lầm lên cùng cát bụi đấy.

Vợ Mão Chột đưa mắt nhìn con vàng. Bất giác mụ nhìn luôn về phía chồng. Tuy hắn ta quay mặt vào bức vách, nhưng mụ thấy rõ ràng một mắt hắn đang lim dim cạnh một bên mắt con ngươi lồi lên như đầu ốc khêu thây lẩy. Vài con muỗi vo ve. Vài gợn khói lởn vởn ở trong cùng giường Mão Chột. Nằm trong cái im vắng tờ mờ, Mão Chột đương nghĩ gì thế! Hay Mão Chột đương bị căng cả người ra vì những nung nấu day dứt?

Vợ Mão thở một tiếng nhẹ rồi cúi xuống mớ tép. Dưới mắt thẫn thờ của mụ, những vảy ốc con, những hạt sỏi và những vụn cỏ nhặt bỏ ra dần dần biến đi để hiện lên những đống gạch đá xếp đầy hai bên bờ một dòng sông

đục ngầu. Suốt đấy những lớp xe bò kéo đến và chở đi rầm rập. Cát bụi mù mịt. Mồ hôi người ta đẫm hết cả áo. Mặc, người ta chỉ đưa cánh tay quệt qua mặt rồi cứ vừa thở vừa làm việc! Ông già, đàn bà, trẻ con đều như thế cả.

Mụ Mão lặng người. Thêm bao nhiêu hình ảnh vang động và ồn ào nữa nổi lên trong tâm trí mụ. Những ống khói đen sạm. Những nóc xưởng máy san sát, rất rộng. Những lớp cửa to như những cổng chào mở toang ra để nhìn thấy tất cả những hàng máy chạy ầm ầm và người làm mải miết. Và những cột buồm, những ống khói tàu tua tủa cất lên trời xanh. Khu Xi măng và khu Hạ Lý bên kia sông Lấp.

Khu Sáu Kho và cửa biển xa kia... Cảng Hải Phòng ấy đương sầm uất, vui vẻ với những người làm việc cũng từ thuở nhỏ lần hồi khốn khó như vợ chồng mụ.

Hôm nay nếu vợ chồng mụ không nghỉ, thì cả hai đều có mặt trong đám phu phen thợ thuyền ấy. Chồng thì khuân sắt hay vác hòm đinh cho sở, vợ thì đẩy xe chuyển các thứ ấy đến kho.

Thường thường mụ Mão dậy trước, từ bốn giờ sáng, thổi cơm hai vợ chồng ăn. Tới chỗ làm nhận thẻ vừa đúng sáu giờ. Trưa hai người ăn qua quýt mấy khoanh cơm nắm, ngồi uống nước một lúc rồi lại bắt tay vào việc tối mịt mới về nhà. Liên miên như thế hàng bao nhiêu năm, dù mưa nắng, bão rét, mụ Mão cũng chẳng dám ngại ngùng chán nản, mà chỉ những lúc nghỉ lâu không có việc làm phải ở nhà là đáng sợ, buồn bã đứng ngồi không yên.

Quái lạ, sao chồng mụ và nhiều người khác lại cứ thích ở nhà! Và sao hễ ở nhà là không rượu chè thì cờ bạc? Những người máu mê như thế từ thuở còn trai trẻ không nói làm gì. Đây cả những người mới đầu năm kia còn hiền lành và chỉ biết có làm ăn chắt bóp dành dụm, thế mà đùng cái trở nên bê tha thì tại sao? Rồi đương xốc vác vui vẻ, họ thành phờ phạc, cau có, khổ cả vợ con, đương là một người tử tế, họ đâm ra phá tán độc số, tội lỗi.

Nghĩ đến sự tối tăm khó hiểu đó, mụ Mão thường thấy hoang mang, đau đớn. Mụ chua xót nhìn những đồ đạc bị bán đi. Không! Đó không phải chỉ là cái tủ, cái bàn, cái giường, bị người ta mua rẻ, mà là xương thịt của mụ bóc ra bởi những con thú dữ, các chủ nợ và các con mẹ chào tiền cờ bạc, chúng nó chỉ lăm lăm nhảy đến cấu cổ người ta.

Mụ Mão kiếm mỗi ngày chỉ được năm hào là cùng, nhưng mụ hết sức không động chạm đến. Mụ giấu tiền ấy để chơi họ và chung phần với một phường buôn nhỏ ngoài Sáu Kho. Mụ chỉ tiêu mọi khoản trong nhà với tiền của chồng đưa. Về phần miệng mụ, mụ ăn gì chả được! Tý mắm tôm bắc, tý dưa muối, mớ rau muống luộc: cơm nước của mụ thế là sung sướng lắm rồi! Mụ chỉ lo sao chồng mụ mỗi ngày có một bữa rượu ngon và chỉ mong chồng mụ tin rằng mụ phải tiêu nhiều trong nhà, hắn phải đưa thêm tiền về cho mụ trang trải để mụ giấu đi sắm sửa và làm dấn vốn dành dụm phòng khi hắn...

Vô ích, thứ gì đáng giá mụ Mão mua được, khi chồng mụ túng tiền đánh bạc cũng đều đem bán như vứt đi và gạt bừa nợ. Bàn, ghế, mâm, thau, bát đĩa, và cả chăn màn quần áo nữa... đã lần lượt hết kéo bọn đồ này đến bọn đồ khác, theo nhau chui vào cái bát, cái đĩa, ống tiền hồ của sòng bạc và những cút rượu uống cháy cả tim phổi những đêm khuya con ngươi phờ ra. Cả đến vốn của mụ hắn cũng moi hết. Nói nhời không được thì dùng cổ tay gót chân.

Hết tháng này sang năm khác, hết cuộc phá đám này đến cuộc phá đám khác. Giờ mụ Mão không thể nào can ngăn được nữa, và thật hết hy vọng hàn gắn, xây dựng. Mụ chỉ còn mong giời đất thay đổi hắn thế nào để hắn một ngày kia nghĩ lại, thì mụ mới hòng có nhà cửa, chỗ ăn, chỗ ở tử tế và khỏi cái tội công nợ day dứt. Năm nay mụ đã gần bốn mươi, tóc đã chớm bạc, mắt nhìn thường hoa lên giữa trưa và chiều, chân tay mỗi khi giở giời lại ê ẩm, người ngày càng rạc đi.

- Con cá rô đực kia! Ở với cái mặt mày lúc nào cũng nhăn nhó như thế thì đến đời nào tao mới mọc mũi sủi tăm lên được hở?

Mão Chột nghiến răng hét vào mặt mụ, những lúc hắn ta thấy mình cứ ngoi ngóp mãi trong sự túng thiếu nợ nần, rạc rài. Và cả những lúc thua thấy trần trụi mà về, nhưng sau đó thì lại là những "nước" bạc đoán chắc nịch như nằm trong đĩa, mở ra đúng như thế, Mão Chột lại đổ cái đen đủi, xúi quẩy lên đầu mụ vợ, lên sự xấu xí quái gở của mụ vợ.

Ừ! Sao lại có người đàn bà khẳng khiu như thế được. Chân tay mình mẩy cứ đét lại, chẳng có một vẻ gì sinh nở cả. Nhất là khổ mặt. Trán thì dô, gò má cao, răng hô, da nhăn nheo, vành khăn trên đầu chẳng bao giờ gọn gàng, mà tóc thì ngắn, nhiều đám xoăn như sợi móc. Nếu mụ Mão đứng yên cho người ta ngắm, mụ sẽ trở nên một pho tượng gỗ đẽo gọt nham nhở dưới đất móc lên hay hun khói. Người mụ còm cõi gày rạc như thế, đâu phải vì Mão Chột để mụ phải đói khát? Không bữa nào ngồi ăn với mụ mà hắn ta không gắt gỏng vì mụ cứ nhất định nhường cho chồng những thứ ngon lành. Hắn phải ép, phải san sẻ cho vợ như một người khách lạ. Thịt cá xào, nấu, sao cứ nghèo là không được mơ tưởng đến? Và người vợ trong nhà làm ra sao cứ phải chấm mút quá, mà để phần cả cho chồng con. Mão Chột uất ức thấy vợ cứ đọa đầy cho hắn độc hưởng sự sung sướng ấy. Không, hắn đã khổ sở, hắn đã cơ cực, thì những lúc làm được đồng tiền hay cờ bạc gỡ gạc được chút ít, hắn cũng muốn cho vợ hắn cũng như hắn, ăn uống tiêu pha thật thỏa thuê để quên mọi sự đi.

- Giời ơi! Con cá rô đực kia! Tao đã có thân tao lo, việc gì mày phải lo cho tao hở? Mày có xéo ngay đi cho khuất mắt tao không?

Không dám ngồi để bị coi là trêu gan chọc tiết hắn, con "cá rô đực" chỉ biết khóc rồi gạt nước mắt đứng dậy. Mụ sang hàng xóm hay xa hơn một chút, lên chợ, ra ngoài Sáu Kho, khuây khỏa ở chỗ đám đông với chị em. Rồi dù bị đánh đập thâm tím mình mẩy, đến bữa cơm trưa hay cùng lắm bữa chiều, mụ Mão cũng về nhà, thổi cơm và để phần chồng như thường. Mụ thấy rằng mụ cứ phải ăn ở như thế còn mặc giời với hắn. Số phận mụ bắt phải thế,

mụ phải vâng theo cho tới chết. Không thế, ai bảo mụ đi lấy chồng, và lấy ai không lấy, vớ ngay lão Mão Chột này, hắn vì rượu chè cờ bạc, có thể cầm bán cả thân mình được thì cũng cầm, cũng bán.

***

Có tiếng cười nói rít rít qua tai mụ Mão. Bác Tám quần nái mới, áo vải Đồng Lầm, thắt lưng lụa đi qua nhà mụ. Bác ta một tay bế đứa nhỏ, một tay dắt đứa nhỡ đi giữa hai đứa con gái lớn suýt soát tuổi nhau. Mấy đứa trẻ nọ hí hửng vẫy gọi những bạn, cười nói, khoe quần áo mới, guốc mới và cả xu mới của chúng nó nữa. Người mẹ bị con gái quấn quýt phải luôn luôn đứng lại, khi thì đẩy các con, khi thì kéo chúng nó dạt vào bên đường để tránh xe cộ.

Mụ Mão chỉ thoáng nhìn mẹ con nhà Tám rồi cúi ngay mặt xuống. Mụ ghê rợn, không dám để cặp mắt sáng lên ở gương mặt hớn hở của người mẹ kia nhìn mình, nó như là hai lưỡi dao sắc cứa vào lòng mụ vậy. Nhà Tám thuở còn con gái, cũng là bạn chợ búa với mụ. Thấm thoắt mới ngày nào người ta nhận trầu cau của cái Thơm chia cho, thế mà bây giờ y đã thành mẹ Tám, có con gái lớn đã mười bốn, mười lăm, chỉ vài bốn năm nữa là gả chồng được. Nào chỉ mình Thơm, các bạn gái mụ ở trong xóm, người nào cũng đề huề chồng con thế cả.

Họ phần đông vẫn đi đội than hay xe gạch hay buôn bán đầu đường cuối chợ, họ nhiều khi khổ sở lam lũ hơn cả mụ nữa, nhưng so sánh với mụ thế là sung sướng vô cùng. Vì ai nấy ít ra cũng được hai ba con, mà khi những người đàn bà dù nghèo túng và khốn cực đến đâu, có lấy một đứa con thì cũng có thể quên nhiều nỗi khổ não của đời mình và lại còn được nhiều hy vọng nữa. Đây mụ Mão không hiểu sao mình cứ trơ ra chẳng chửa đẻ gì! Mà nào mụ có độc ác hay đời cha mẹ ăn ở thất đức điều gì? Đền, phủ, chùa, miếu nơi nào nổi tiếng linh thiêng, mụ đều cúng lễ cầu đảo cả rồi. Mụ đã nuôi cả con nuôi để mong đứng đầu đứng số đẻ được chăng, nhưng nào có thấy gì! Sao lại khốn nạn cho mụ thế hở giời? Sao lại đẩy mụ vào cái cảnh cô độc còn

ghê gớm hơn là tù tội như thế? Không một lúc nào nghĩ đến cái số phận thảm khốc ấy, mụ Mão không thấy chết thêm ruột gan.

"Con cá rô đực kia! Mày thì có đẻ ra gỗ ấy"! Không phải riêng mình chồng mụ rủa sả, mà cả thiên hạ như đều chõ vào mặt mụ mà nói. Càng những lúc tê tái lặng người đi nghe sự đau đớn nghiến rứt, mụ càng thấy những tiếng quái gở kia rít bên tai. Rồi cả trong những lúc ngủ và những khi mụ đau yếu quằn quại và lịm đi trên giường với hơi thở của mình và những bóng mờ dưới mái lá canh khuya...

***

Trên nhà, Mão Chột đã ngáy đều. Hắn nằm nghiêng, đầu gối co sát ngực, một cánh tay gập lại làm gối. Nắng nhạt hắn vàng hoe hoe như mạ úa. Một nửa sân nhà mụ Mão man mát trong bóng rợp. Gió thổi từng làn dài. Những tàu lá chuối to và xanh mướt tung loạt xoạt. Những buồng chuối quả múp míp ẩn hiện. Những chòm cau cao vát phơ phất rác xuống bờ cỏ mơn mởn những cánh hoa nhỏ tý; những áng hương hồn hậu và mong manh lâng lâng trong không khí. Sắc xanh mọng của vườn su hào, bắp cải và rau diếp ở xung quanh đấy cuồn cuộn chạy theo gió, tràn cả ra cả bên ngoài. Mặt đất thấp thoáng những gợn quằn quại của cây cỏ đương nảy nở tìm khoảng rộng và màu mỡ mới. Trên cao, những đám mây trắng xốp vừa tản ra, nắng lại bừng lên tưới xuống ào ào. Nhà mụ Mão hướng về phía tây nam, gió lộng vào với ánh nắng thổi tung cánh màn lùng thùng, trên giường Mão Chột đương gáy giòn.

Ở gian giữa bàn thờ bỗng sáng lên. Cái vẻ âm u của cảnh hương khói vắng lặng bớt đi một phần thê thảm. Hôm nay mười rằm tháng hai, ở nhà khác thì cái mâm bồng kia thế nào chẳng đầy hoa quả. Đây nhang cũng chưa thắp, và tấm màn vải tây điều bạc phếch cũng chưa vén lên vì còn chờ tối đến mụ mới sửa lễ. Từ ngày mụ Mão về nhà này, cả những giỗ chạp, tết nhất, chỉ một mình mụ dâng cúng. Nhiều khi mâm cơm cúng hạ xuống lại chỉ mình mụ

ngồi ăn trước bếp lửa.

Có tiếng người quen, phải, chính tiếng nói sang sảng của Ký Phát đương cất lên giữa sân chùa:

- Cái thằng Cai Túc làm đầy tớ ông không đáng kia! Mặt mày mà cũng dám vác lên với ông à! Nhờ làng ông có đám xá thì mày mới được vác mặt đến đây, chứ không cái đời mày chỉ lê la lạy lục ở chỗ ông làm thôi. Mày tưởng cái thứ mày mới vốc vác được dăm ba nghìn bạc là sang trọng lắm đấy? Không thấm! Không thấm gót chân ông đâu Cai Túc ạ.

Mặt Ký Phát nung núc và hồng hào thế mà tái hẳn đi. Những giọt mồ hôi ướt đẫm cả trán hắn. Ở bên kia sân, trước sòng tổ tôm, Cai Túc gác một chân lên ghế, một cánh tay chống vào cạnh sườn, vênh mặt lên đáp:

- Hà! Hà! Ký Phát! Ông biết mày danh giá gớm rồi, cái đồ bám gấu váy đàn bà ấy! Sao cái thứ mày lại còn dám mở miệng nói những lời như thế?

Từng tiếng đối đáp nghe rõ mồn một. Trẻ con đều im phăng phắc. Đằng sau Cai Túc những cặp mắt sáng quắc lên, làm da thịt nhiều người rờn rợn. Họ ghê chợn tưởng đến một sự xâu xé nhau vì hội hè, cờ bạc, trai gái.

- Lại đến giết nhau thôi!

Mụ Mão rền tiếng tự nhủ. Mụ không dám nhìn nữa. Nhưng dù đã quay mặt vào bếp, mụ Mão còn thấy rõ mặt Ký Phát gân lên và rung rung. Ký Phát vẫn chõ mặt vào mụ, bộ ria vểnh lên mà oang oang cái giọng cố làm bộ hách dịch như cha ông người ta. Mụ Mão hằn học:

- Mày thì trót đời cũng không chừa được cái thói này! Ấy là mấy lần những đứa ngang ngược nó đánh cho thối ngực và làm cho suýt tù tội đấy.

Những câu nói này lại làm hiện ra bao nhiêu hình ảnh trong tâm trí mụ

Mão. Trước kia mụ lấy Ký Phát những mong là người chồng một đời của mụ. Hắn ta góa vợ, cưới mụ chẳng mất gì ngoài nghìn cau và hơn cân chè tàu để mụ chia cho xóm làng. Rồi mụ về với hắn đủ cả quần áo, hòm xiểng mà mụ sắm bằng tiền của mụ.

Cả ngày Ký Phát biên chép ở ngoài Sáu Kho, hắn cần người trông nom thổi nấu cho hắn, cho mấy đứa con nhỏ của hắn, vì cha mẹ hắn đã già lọm khọm. Mụ đã ba mươi tuổi, có tiếng là chịu khó, tần tảo. Tích những điều kiện này thêm vào sự lấy nhau không phải mất tiền chục bạc trăm gì cả, nên Ký Phát thấy không còn đám nào trong xóm hời hơn nữa. Mặc dù hồi còn con gái, mụ cũng gầy còm, xấu xí, nét mặt khó đăm đăm, có mấy người ở xa để ý rồi lại bỏ qua vì đều sợ cái tướng cọc cằn ấy. Thấy mình không còn mẹ cha anh em gì, lại cứ sống trơ trọi cô độc rồi chết già, chẳng được ai người máu mủ để nương tựa, mụ nhận lời Ký Phát ngay.

Chẳng gì Ký Phát cũng có gia đình, cha, mẹ, con cái đông đủ, dù mụ có khổ nữa vì sự lo toan, gánh vác cũng chẳng quản. Làm thân đàn bà là phải thế cả. Và, chính mụ mồ côi cha mẹ, khổ nhiều rồi, giờ chịu thêm một đoạn trường nữa cũng được.

Ăn ở với Ký Phát được đến hai năm, mụ cũng chẳng chửa đẻ gì. Người mụ lại gầy đi, mặt mày nhăn nhó thêm. Bỗng một hôm Ký Phát gây chuyện chửi bới đánh đập mụ, quẳng xống áo của mụ ra đường, đuổi mụ đi. Rồi cứ thế, suốt hai tháng ròng, ngày ngày mụ Mão không bị một trận đòn thì lại bị chửi rủa. Thì ra Ký Phát lại lấy vợ. Người đàn bà ở trên phố. Ả ta có một đời chồng. Ả còn đẫy đà gấp rưỡi Ký Phát. Ả làm chủ một cửa hàng đáng mấy nghìn và chẳng có con cái, anh em.

- Thôi đi nằm xuống đây để con bóp cho, chứ đêm hôm khuya khoắt thế này dì còn đi đâu làm gì nữa?

Tối hôm ấy đứa con gái lớn Ký Phát níu lấy cổ mụ kéo lại. Ông bố Ký

Phát ngồi ho sù sụ trong màn cũng cố nói ra, giọng phều phào:

- Dì cái Tý định đi đâu hở? Thôi con ở nhà cho cái Tý nó đấm bóp cho rồi thầy bảo... Con phải nên nghĩ đến thầy và chúng nó, còn thì mặc giời! Mà thầy u và trẻ mỏ cũng chỉ biết có con, chỉ ăn ở với con, chứ không mong gì sự sung sướng của ai hết!

Ký Phát về nhà lúc nào không biết, sừng sững ở giữa cửa. Mắt hắn long sòng sọc, môi mím lại.

- Xéo ngay! Xéo ngay đi con cá mắm kia! Mày phải lìa ngay cái nhà này đi, nếu không còn ở ngày nào thì chết với ông ngày ấy. Mà mày cứ lì lì ở nhà ông làm gì, cái thứ con vợ như mày ấy! Hở con cá mắm?!

Cả bố mẹ Ký Phát đều nín thở, lấm lét nhìn cơn thịnh nộ của con trai nổi lên. Mụ còn bàng hoàng chưa kịp nghe ra câu gì, Ký Phát đã xông lại. Hắn xoắn lấy mớ tóc của mụ, lôi xềnh xệch mụ ra ngoài cửa, gầm hét vang nhà. Bốn đứa con nhỏ của Ký Phát run cầm cập, nép vào nhau. Đứa bé nhất đương phải bế bỗng òa lên khóc. Những tiếng khóc khác liền vỡ ra như ri, tưởng mụ như là cái xác chết của người mẹ năm đứa bé nọ khi liệm vào áo quan, phu đồn khiêng đi, lũ nhỏ lăn vào níu giữ năm xưa.

Từ ngày mụ đi khỏi, Ký Phát tưởng bòn rút được tiền của ả kia, ngờ đâu một xu ả cũng không rời! Đi làm hai buổi về, Ký Phát chỉ được ăn bữa cơm chín cùng với bố mẹ và năm con, rồi phải trông nom thu xếp cho ả như một đầy tớ hết lòng. Ngoài ra, Ký Phát còn phải muối mặt chịu sự rủa sả, đào bới cùng với bố mẹ, con cái, tất cả đều không dám hé răng và thấy đời mình như một địa ngục không còn trông mong gì thoát khỏi...

Trên nhà, Mão Chột đương lục sục trở dậy. Mụ loáng thoáng nghe như tiếng hắn gọi. Mụ vội chất thêm một thanh đóm rồi đứng lên. Vừa ra tới sân, mụ giật nảy mình. Bên chùa, tiếng kêu hét, hò reo và đập phá rầm rầm.

- A... a... a, Ký Phát chết rồi!

Những vòng người đã giạt hẳn một bên. Mụ Mão chạy xổ ra ngõ. Thoáng cái, mụ đưa mắt qua đám đông, trong đó Ký Phát nằm sóng sượt dưới đất, mặt mày đẫm máu. Mụ Mão không nén được kêu giời một tiếng, rồi lao người vào đám đông.

*

* *

Không! Những tiếng hò ấy đã im rồi mà sao trong tâm trí mụ Mão vẫn còn văng vẳng?

Mụ Mão không thể nào nhắm mắt được và cũng không thể nào nằm yên chiều lấy vài phút. Không phải chỉ có tiếng khóc rền rĩ, của bà mẹ Ký Phát, mà còn thấy rõ cả tiếng khóc của cái Tý nhớn hòa với bốn em nó trước bàn thờ. Làm ma cho Ký Phát xong, ả nọ liền đuổi ngay bố mẹ và lũ con của Ký Phát đi. Họ đi đâu, làm gì cũng mặc kệ. Ả cấm hẳn không được một ai lai vãng đến nhà ả. Rồi ngày hôm nay; ả làm chay ăn uống tốn kém đến bạc trăm, ả cũng không cho gọi.

Ông bố Ký Phát đành sửa lễ ở nhà mình vậy. Trưa mụ Mão gặp cái Tý ngoài chợ, mua vàng hương và hơn chục bạc thịt với tiền một người bạn Ký Phát giúp cho. Mụ Mão đã toan đi theo cái Tý nói với nó một câu, nhưng không hiểu sao chân tay mụ cứng đờ ra, mụ đành thần người nhìn cái Tý cắp rổ về nhà. Cái Tý! Ừ, con bé ấy, không hiểu nó sửa soạn cơm canh thế nào với một xâu thức ăn kia? Rồi một lũ năm cái đầu khăn xô, áo xổ gấu lượt thượt ấy mời mọc những ai và cúng lễ thế nào?

Mụ Mão càng đau đớn, các hình ảnh và những tiếng khóc không lời càng kéo lê thê trong tâm trí mụ.

Tuy không nhìn ở trước mắt, nhưng mụ thấy rõ ràng trên cái giường cũ trước kia những ngày nắng to mụ thường đem giát ra đập bụi và bắt rệp, bà mẹ Ký Phát đương nằm rũ ra và nức nở. Ông cụ thì ngồi bó gối ở tấm phản gỗ thấp dùng để ăn cơm. Lũ trẻ con đứa đứng tựa cột nhà, đứa nằm còng queo cạnh một xó vách, đứa lê la dưới chân bàn thờ sấu mếu với nhau. Và tất cả những đồ vật tồi tàn trước kia luôn luôn mụ Mão thu dọn lau chùi khiến trong nhà vẫn sạch mắt, cũng như ủ rũ cùng với bọn trẻ từ nay trở đi càng nheo nhóc đói khổ.

Mụ Mão nức mấy tiếng, nước mắt mụ giàn ra, nếu mụ không đi lấy người khác giờ ở với hai bố mẹ và lũ trẻ con côi cút nhà Ký Phát, thì chắc chắn những con người khốn nạn ấy lúc này đây càng gần gũi, thân mến mụ. Mụ sẽ cùng khóc với những đứa trẻ và mụ được nói những lời nghẹn ngào an ủi như trong cái thời kỳ tất cả nhà Ký Phát bị tình phụ, cơ cực rau cháo với nhau. Mụ không có được sự sung sướng đẻ con cái, nhưng thay mặt mẹ chúng nó, nuôi nấng, chăm nom chúng nó. Mụ cũng được rung động với cái tình mẹ quý báu đó. Chúng nó tất nhiên cũng thương yêu lại mụ và do thế, mụ càng nức lòng trong việc làm ăn và có được sự thiết tha để sống qua những khó khăn của cuộc đời.

Bỗng, thật như có hơi nóng quen thuộc của lũ trẻ sát vào người mụ.

Ba đứa em nhỡ của cái Tý nằm ngổn ngang xung quanh mụ, thằng bé út ngáy đều đều trên đầu gối mụ. Soi sáng cho gian nhà lá ngọn đèn hoa kỳ vặn nhỏ lặng nhìn mụ như một con mắt tê mê nổi trên cái nền mờ mờ tối dưới mái lá. Quấn quýt bên mụ Mão, những đứa trẻ ấy được nuôi nấng, dạy dỗ và cho ăn học thế nào chẳng có đứa nên người. Hai thằng con trai lớn lên, mụ cho tập nghề, ba đứa con gái mụ tập cho gồng gánh buôn bán. Ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy chốc mà chúng nó đứa thành thợ nhà máy, đứa chợ này đứa chợ khác, rồi lấy vợ lấy chồng...

Tiền nghìn bạc vạn mụ không dám mơ tưởng, chứ cái cảnh gây dựng êm

đẹp kia, mụ chắc chắn có thể nên lắm. Vì những người chịu khổ mãi, dầu khốn khổ đến đâu, nhưng được cái hạnh phúc ấy thì những người như mụ cũng cam chịu tất cả.

Nhưng, những sự sắp định ấy mất hết rồi! Tan tành hết rồi! Giờ mụ Mão không còn trông mong gì nữa! Mụ đã lấy Mão Chột ngót ba năm rồi! Mụ phải sống một đời khác, xa cách hẳn lũ trẻ kia! Mụ ngoi ngóp đắm đuối mãi với Mão Chột. Mụ sẽ còn bị khốn nạn hơn ai hết trong cái xóm này, dù họ có nghèo gấp năm gấp mười mụ.

Mụ Mão càng thấy bứt rứt, khó thở. Ngay đó tiếng rền rĩ của mẹ Ký Phát lại vẳng đến. Mụ thấy không thể sao nhắm mắt nằm yên chứ không nói là ngủ được. Thế nào mụ cũng phải ngồi dậy và sang với người mẹ già kia...

Hôm đưa ma Ký Phát, sợ Mão Chột ghen tuông, khiến nhà cửa lại tan hoang, mụ đành nuốt nước mắt đi theo sau áo quan một quãng mới trở về. Rồi trưa nay, bốn chín ngày Ký Phát, mụ chỉ đến nhìn theo cái Tý mà vẫn không dám hỏi nó lấy một câu.

Mụ Mão tê tái trong lòng với những ý nghĩ nọ và đưa mắt trông ra ngoài. Bên ngoài, trời cao xanh đặc, lấp lánh vài ngôi sao. Những nhà cửa và cây cối trong xóm, đều thiêm thiếp, chỉ còn thấy thấp thoáng vài kẽ sáng vàng đục qua những tấm phên. Giờ Mão Chột chắc đang mê mệt ở một chiếu bạc. Hắn có về cũng phải đến hai, ba giờ sáng. Vả lại nếu hắn biết, mụ cũng xin chịu mọi sự ghê gớm xảy đến, để mụ khỏi phải hối hận vì không ăn ở theo cái nghĩa của người ta.

Mụ Mão ngồi dậy, run run quấn lại mái tóc và kéo cái áo nâu vất trên sào màn xuống. Mụ lấm lét nhìn xung quanh rồi kiễng chân rút ở kẽ lá ra một túi vải con. Mụ còn năm đồng bạc giấu ở trong đó để phòng cái tháng Mão Chột không đưa tiền về nhà thì mụ giả đỡ tiền gạo đong chịu và đong thêm lấy một đồng để ăn đi làm. Rồi nếu đêm nay có tiêu cả mấy đồng ấy mụ phải vay lãi

cũng được. Mụ còn sống còn có thể gánh vác mọi việc, thì dù công nợ thêm nữa mụ cũng không lo cái tiếng vỗ nợ của người ta.

Lẳn kỹ cái túi vào cạp quần, mụ Mão cài chặt tấm cửa liếp lại, vụt ra đường. Cái đen thẳm của đêm khuya giội xuống mặt mụ. Người mụ lạnh toát thêm, càng bước gấp. Không dám nhìn thẳng vào xung quanh, mụ Mão trông hút vào một khoảng tối để tránh con mắt của Mão Chột hiện ra, quắc lên chiếu vào mặt mụ. Đây kìa, đằng đầu ngõ, đằng cuối xóm, trong giậu găng, trên chòm xoan... ở hốc tối nào cũng có con mắt lồi ra vằn lửa. Và, một bàn tay gân guốc đang quờ quạng, sắp sửa ghì chặt lấy cổ mụ Mão với những tiếng nghiến răng kèn kẹt:

- Con này giỏi! Con này giỏi! A ra thế mày vẫn hai lòng. Mày vẫn mơ tưởng đến nhà Ký Phát. Mày có tiền mày dấm dúi cho bố mẹ nó, con cái nó. Thôi! Thế là ông phải lìa hắn mày! Ông phải lìa hắn mày!...

Mụ Mão càng dấn bước và chỉ muốn nhắm nghiền mắt trốn những ám ảnh khủng khiếp ấy!

Một trưa hôm sau, cả xóm Cấm tưởng như toang ra vì cơn điên cuồng của Mão Chột. Hắn băm vằm tất cả đồ đạc, vất đống ra sân, châm lửa đốt ngùn ngụt. Mấy người đàn ông lực lưỡng phải túm ghì lấy hắn, không thì cả nhà của họ cũng bị cháy lây vì Mão Chột định thiêu nhà hắn. Mụ Mão lại thâm tím cả mình mẩy, đầu toạc ra, môi vều lên. Và mụ lại khóc sướt mướt cắp thúng quần áo đi.

Nhưng lần này, buổi chiều đến người ta không thấy Mão Chột về nhà ăn cơm. Hắn nghỉ việc trên phố, ra Sáu Kho làm, ăn và ngủ ngay ở đấy. Đầu tháng tới hắn xuống tàu với đám phu tình nguyện sang Tân thế giới. Từ bấy giờ biệt hắn tăm Mão Chột. Còn mụ Mão, mụ vẫn ở xóm Cấm. Mụ không đi làm nữa. Trên cái thân hình mụ chỉ còn da bọc xương, và đen sạm như cẳng gà hun khói, lại lẽo đẽo gánh bún riêu, xôi chè đi khắp Lạc Viên, chợ con và

rong phố như năm xưa. Và đây kia, dưới một mái lá lúp xúp ở tận cùng xóm, mụ lại chui ra rúc vào với hai ông bà cụ già ốm yếu mù dở và bốn đứa con suýt soát bằng nhau, lóc nhóc như bốn con nhái bén.

Bốn đứa bồ côi bố mẹ của Ký Phát, nguồn hy vọng và niềm vui độc nhất của mụ Mão trong cuộc đời cô độc chỉ có hai bàn tay trắng.

1942

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Miếng Bánh

- Canh bánh đa nóng, ông xơi ạ...

Chỉ nghe tiếng giày cồm cộp, người đàn bà hàng quà đã vội cất tiếng mời vồn vã, trọng vọng như thật chị đã trông lên, thấy sự ăn mặc lành lặn và vẻ mặt chữ nghĩa của Hưng rồi. Hưng chỉ nhìn qua người đàn bà lúi húi bày đồ hàng nọ, lạnh lùng đáp:

- Không!

Người đàn bà như không nghe thấy, ngước hẳn mặt lên:

- Ông xơi một bát canh nhà cháu mới múc.

Hưng cau mặt lắc đầu và bước nhanh nữa để thoát sự mời chào nọ. Hưng khổ sở thấy sao dọc đường hay có những người bán hàng kệch cỡm như thế. Họ xoắn xuýt bất cứ người đàn ông nào đi qua để được bán bóp mắt người ta. Họ không chịu biết rằng những thứ quà bún riêu, bánh cuốn, canh bánh đa và gì gì nữa của họ, thì những kẻ vận tây hay quần chùng áo dài chết đói thôi chứ không thể đi đường mà đứng lại ăn bao giờ. Cả ngoài đường nhìn chõ vào người ta, mặt thì cúi xuống, miệng xì xụp, nhồm nhoàm, tóp tép như thế, còn gì thể diện, nhân cách! Ấy là không kể sự bẩn thỉu ghê gớm trong sự ăn uống. Nào bát đũa, mẹt của họ đang nhớp nháp, họ chỉ lấy mảnh khăn vải đen rách mép chùi vét một cái rồi bày ngay thức ăn cho khách hàng. Còn khách hàng và vội lén lút, để cả nước canh sớt xuống áo, vụn rau dính bên mép, mỡ màng ngoen ngoen ra má, và vừa ăn xong vừa quệt miệng với bất cứ cái gì, tay áo, tờ quảng cáo chiếu bóng, tờ giấy nhật trình, vỏ bao thuốc lá, phong bì

thư mới bóc...

Bệ rạc quá chừng!

Ấy Hưng nghĩ thế, nhưng nếu được ai bỏ tiền mời mình hay mình có tiền, Hưng sẽ ngồi xuống ngay cái ghế kê mấp mé bên bờ hè kia mà ăn ít cũng hai bát. Canh họ nấu mới ngon làm sao! Nhác nom qua, Hưng đã nghẹn nghẹn ở hai góc miệng. Bánh đa thái mỏng như thạch, nước canh loáng màu gạch cua và cà chua. Rau rút xanh non, nhai vào miệng phải biết là sồn sột!...

Hưng không dám tưởng nghĩ thêm đến những hình ảnh màu vị ấy nữa! Hưng càng bước nhanh, mắt đăm đăm nhìn đằng trước.

Người bỏ tiền để Hưng ăn không có, nhưng Hưng có tiền. Ép vào cái ví bằng bìa ở túi áo trên của Hưng kia, cả một đồng bạc giấy mới. Đấy là số tiền Hưng "tàu bè" lên Hà Nội mà tý nữa Hưng hỏi giá cả, nếu vé xe đúng tám hào thì vừa đủ tám hào vé, đồng bạc nọ còn vừa được hai hào. Hai hào ấy để Hưng uống nước và phòng một sự xảy ra bắt buộc tiêu tiền.

- Mình đi mau rồi về đấy. Chiều nay năm giờ tôi thổi cơm chứ không để đến tối mịt như mọi khi đâu!

Vừa rồi, Hưng đã ra khỏi cửa, vợ Hưng còn gọi giật lại để nói, Hưng chưa kịp đáp, người đàn bà nọ dồn dập dặn thêm:

- Này!... Ở ngoài ngõ có con mẹ gánh nước mặt cối đá đấy. Hễ đi ra thì phải trông xem không có nó hãy ra. Và đi hỏi giá xe xong thì phải về nhà ngay để đi đến nơi về đến chốn. Hôm nay ngày xung của "ông" đấy!

Hưng quay lại bứt rứt nhìn vợ:

- Khổ quá!... Đã bảo thế nào người ta cũng ra bãi tập thể thao mà! Vậy cứ như mọi khi bảy giờ tối hãy nấu cơm.

Ngưng lại, Hưng lẩm bẩm.

- Dặn với chẳng dè, xung với chả xung! Chỉ nhảm nhí khốn nạn!

Vợ Hưng giãy ngay người lên:

- Lại cứ thế!... Không có thức ăn, có mỗi bát canh rau muống ban trưa đã phải sẻ bớt lại để ăn bữa chiều, vậy không ăn sớm, giời nắng này nó nóng thiu thì đào đâu ra thức khác; hay lại cơm với muối trắng hở? Người ta tập võ, người ta có tiền ăn uống tẩm bổ, và chẳng phải lo gì, chứ mình chỉ có miếng cơm nóng, lại còn ăn nguội tanh thì tập vào cái săng ấy à?

Hưng chậc lưỡi, giây phút sau thì lắc đầu, cười:

- Ừ thì tôi ra hỏi ôtô rồi về ngay, bằng lòng nhé!

Vợ Hưng đã không cười lại còn lườm một cái thật dài.

Hưng cụt hứng đi ra.

Khoảng trời xanh cao và rộng, bãi cỏ mơn mởn nổi những quần đùi trắng, những bắp thịt nâu bóng. Từng làn gió tung nắng sáng lòa và tiếng cười reo vang vang... những cái đó càng làm trí tưởng Hưng rạo rực. Nhưng nghĩ lại, Hưng đành phải nghỉ buổi tập theo ý vợ, vì Hưng thấy vợ mình thật có lý. Với bát canh rau muống ăn làm hai bữa, người đàn bà nọ viện ra để đánh đổ sự rắp định của Hưng, thật Hưng tắc hết đường nói.

Hai xu vừa rau vừa mắm và mấy củ hành còn sót lại nấu cho một người ăn cũng thiếu, mà vợ Hưng chỉ nhấm nháp tí nước còn nhường cả cho chồng ăn bữa chiều. Vì mai Hưng phải ra đi. Hưng lên mãi Hà Nội để tìm công việc. Cùng quẫn ừ cùng quẫn, nhưng lòng nào mà nhìn người chồng sắp phải lặn lội xa xôi ấy ăn nhạt cái bữa tiễn chân đáng lẽ phải có thịt cá này? Thấy vợ nhường nhịn như thế, Hưng lại tự hỏi: Ừ thì xong được bữa chiều nay, nhưng

bữa mai, ngày mai, ngày kia, ngày kìa, vợ Hưng sẽ ăn gì?

- Mặc tôi! Anh cứ biết anh đi cho được việc. Tôi ở nhà ăn uống thế nào cũng xong.

Nghe vợ đáp Hưng trợn mắt:

- Nhưng tiền đâu mà có cái gì ăn uống mới được chứ?

Người vợ lại rền rĩ ngắt lời Hưng. Và Hưng lại đành im. Hỏi như thế chính Hưng cũng không biết làm thế nào, cả cho vợ và cho mình nữa. Trái lại, người đàn bà đâu chịu thế. Họ thường nghĩ ra và thực hành hàng trăm cách để có gạo, củi, thức ăn cho nhà, cho con, nhất là cho chồng, mà thường khi người chồng đã được no nê trong những lúc đói nhất ấy, lại còn gầm tiếng chửi mắng người vợ đã khiến họ khổ sở, nhục nhã vô cùng. Đời tài trai mà để vợ mình như thế!

Hưng lấy vợ đã được ba năm. Vợ Hưng là con thứ của một người mẹ góa từ năm ba mươi tuổi, một nách bốn con gái nhỏ. Khi bố mẹ Hưng vừa ngỏ ý xin người con gái nọ, bà mẹ vội vàng nhận lời ngay, và chia xong trầu cau cho họ hàng xóm làng nhà trai hỉ hả đón dâu về, thì bà như thoát được một gánh nặng, một tội nợ, tai vạ. Hưng và vợ chỉ có hai bàn tay trắng, nên sau cái ngày được phép ăn ở với nhau, cả hai lại chúi đầu vào công việc. Hưng đi dạy học cho một trường tư ở tỉnh khác. Vợ cất chè hột, chè mạn và mắm muối đi các chợ quê bán. Hai vợ chồng thuê một gian nhà lá, nhập hẳn vào với những người lam lũ sống lần hồi ở rìa thành phố.

Hơn một năm, người đàn bà nọ đẻ, rồi con chết, rồi y ốm phải nghỉ chợ. Mọi sự ăn tiêu thế là trông cả vào số lương tháng của người chồng. Thì được ít lâu, trường Hưng thu bớt lại hai lớp, Hưng bị giãn ra. Hưng cậy cục rất nhiều chỗ rồi mà vẫn chưa có việc làm. Từ ngày đó đến giờ đã năm tháng. Hưng đương tưởng chết mất, bỗng có một người bạn viết thư mách Hưng một

chân thư ký bán hàng trong một hiệu buôn liền với hiệu của anh ta làm trên Hà Nội. Chỗ này vừa mới mở. Nếu lọt vào làm thì ngoài số lương hàng tháng mười hai đồng, Hưng sẽ còn kiếm thêm được dăm bảy đồng ngoại tài nữa. Vậy Hưng phải lên gấp để xin việc rồi sẽ thu xếp cho vợ lên sau...

Để trả tiền gạo, tiền củi nước, tiền nhà, gần hết những cái đáng giá của vợ chồng đã bán đi: bộ bàn ghế mây, cái mâm đồng, ba chục bát, đĩa cổ của bố mẹ chia cho và cả áo the quần lĩnh giầy tây, mũ dạ... của vợ và của chồng. Hôm qua nhận được thư bạn Hưng đã cuống lên. Vợ Hưng đã chạy vạy khắp xóm mà không được. Cuối cùng, người vợ phải xếp tất cả quần áo và những thứ lặt vặt vào hai chiếc thùng rồi đem cầm cái hòm da còn mới cho một bà đổi tiền ở chợ lấy một đồng rưỡi bạc lãi một ngày năm xu...

Đồng bạc trong túi Hưng là tiền cầm cái hòm nọ, còn tiền gạo ăn hôm qua, hôm nay là vào năm hào.

***

Hưng đã đến bến ôtô, sự tấp nập ồn ào phút làm Hưng hồi hộp. Có hai chiếc xe ca mới về; hành khách đương lên xuống tíu tít giữa những vòng trong vòng ngoài xe tay chồ đến tua tủa, một cái xe buýt sắp đi, chỗ ngồi và trên mui xe đều chật ních người và hàng hóa. Những hàng quà bánh cứ xúm lại mời chào như bắt nợ.

Trống ngực Hưng càng đập mạnh. Hưng thấy cái đám đông người ở trước mặt Hưng như chõ cả mắt vào sự rụt rè ngượng nghịu của mình. Họ như biết rõ Hưng là một người thầy giáo thất nghiệp đương dò hỏi giá cả mỗi đồng bạc trong túi: Tiền đó họ chỉ ăn vài bát bún thang và mua mấy phong bánh làm quà cũng không đủ.

- Thưa bác, xe chạy Hà Nội - Nam Định bao nhiêu?

Hưng chờ một người phụ tài xế ra hắn chỗ ngồi đợi mới hỏi, người nọ vừa đi vừa đáp:

- Ca chín hào, buýt sáu hào.

Hưng liền láy lại:

- Thưa bác ôtô buýt sáu hào ạ?

- Phải!

- Vâng, thế thì mai có những chuyến xe mấy giờ?

- Năm rưỡi, bảy rưỡi, xe buýt bảy giờ, chín giờ xe ca. Ấy là xe xanh, còn xe đỏ xe vàng, nhiều chuyến khác nữa, ông ra bao giờ cũng có xe.

Hưng ngả mũ chào người nọ, nhưng vẫn chưa chắc, Hưng còn hỏi lại mấy người phu bắt-tê.

Đúng thật như lời người ét nọ, nghĩa là muốn ngồi xe sang, chạy nhanh, Hưng mất chín hào, bằng Hưng chịu ngồi xe chen chúc và chậm rì rì, hay có khi bị om hàng lại năm tiếng đồng hồ ở giữa đường thì Hưng lấy vé sáu hào.

Hưng nhẩm tính, đi ra đường, tâm trí bừng bừng.

Gió chiều đã thổi. Cái mát cuối tháng tám thoáng qua với những làn ánh sáng trắng xóa. Trời cao xanh mênh mông, mây tuyết và nắng vàng lung linh. Những cây sữa bên đường đã nhả thứ hương thơm rờn rợn và nồng nàn. Hưng không đội mũ nữa, cầm tay, mặc tóc xõa trước gió, náo nức nghe những tiếng trống sư tử của trẻ con chơi vớt vát.

- Chín hào xe ca, sáu hào xe buýt, sáu hào xe buýt, chín hào. - Hưng nhắc đi nhắc lại rồi lẩm nhẩm: - Mình cứ đi xe ca. Đi xe buýt lợi được ba hào đấy nhưng nhỡ ra xe chậm hỏng việc và mình quần áo nhất bộ, ngồi chen chúc

bẩn thỉu nhầu nát thì thật chết!

Hưng dằn mạnh ý nghĩ trên đây, đoạn lại tự nhủ:

- Đi chuyến xe "ca" bây giờ thì chín giờ đã đến Hà Nội, vừa sớm sủa vừa thoải mái. Biết đâu nhờ thế mình lại gặp một việc hay ở trên đó trong cái lúc đến sớm cũng nên.

Những ý nghĩ tốt đẹp khác lại nổi theo. Hưng thấy nhất định phải đi ôtô "ca" và nếu như Hưng về nhà nói cho vợ nghe thế nào vợ Hưng cũng tán thành vì y chỉ mong thế.

Hưng bước thêm bước nữa. Hưng lại nảy ý nghĩ khác:

- Không! Tội gì mất ba hào! Mình dậy sớm đi chuyến buýt năm giờ, thì dù xe chậm như rùa chín giờ cũng phải đến Hà Nội kịp với xe "ca".

Mùa thu, sáng mát, trời đẹp, đi như đi chơi để ngắm cảnh vậy, thú bao nhiêu! Thôi! Đi xe buýt thôi. Vừa lợi được ba hào vừa được ngao tầm con mắt sau bao ngày ro ró ở cái tỉnh nhỏ này. Ba hào... ba hào!... Nếu mình không tiêu mà đưa cho vợ thì còn được bao nhiêu việc.

Lòng nhủ lòng như thế, Hưng thấy trong người cồn cào ngay vì những vị ăn ngon lành, nào bánh giò, chả quế, kẹo lạc, phở, bánh đậu xanh... bao nhiêu thứ nữa. Giọng mời vồn vã của người bán canh bánh đa ban nãy lại vang lên bên tai Hưng. Hưng thần mặt ra, mặc tâm trí xiêu xiêu.

- Không! Không! Lại tính toán bần tiện rồi!

Chắc đâu rồi được mấy hào hay lại nhỡ cả công việc mà vẫn ăn hết, uống hết! Hưng cau mày, Hưng thấy mình đã sắp sửa hèn hạ. Hưng dằn tiếng:

- Phải đi xe ca! Đi xe ca!

Hưng đã đi xa quãng đường có những hàng nữa mời Hưng. Khỏi dãy hiệu xe đạp, thợ may, ty rượu, hàng cơm, thợ cúp, chụp ảnh.

Hưng sắp tới con đường đá rẽ vào trong xóm về nhà. Chợt Hưng chậm bước, và thoáng cái, Hưng tạt lên bờ hè, vào gian hàng bánh khảo liền vệ đường. Mùi nước hoa bưởi trộn với bột trắng tinh, ngào ngạt lừng sâu nữa vào mũi Hưng. Cảm giác Hưng lại nhấp nháy rựm rựt. Hưng bàng hoàng thêm vì những tiếng chan chát nhộn nhịp hơn chục người thợ đứng đóng bánh ở hai cái bàn dài.

- Ông mua bánh nướng, bánh dẻo?

Hưng lắc đầu, vẫn bàng hoàng nhìn xuống quầy bánh.

- Đây bà cho tôi hai chiếc này.

Hưng run run cất tiếng như người đã chạy mệt, Hưng trỏ vào đĩa bánh đầy những tảng bánh mỡ nhầy cả ra ngoài bì lổn nhổn những nhân hạt dưa, đỗ lạc, mứt, bí và cả thịt nữa.

- Dạ, ông lấy bánh cao lâu thập cẩm. Ông lấy hai chiếc thôi ạ? Bánh này nhà cháu mới làm, ông lấy xơi thử cả chục.

Vừa nói, người đàn bà vừa bẻ một tảng sáu chiếc bánh đưa lên, lật đi lật lại!

- Ông xem, nhân hạt dưa và lạp sường ngon hơn cả bánh nướng!

Hưng móc ví lấy đồng bạc, đưa người đàn bà.

- Bà cho tôi hai chiếc một hào.

Tảng bánh dẻo bẻ ra lay lứt mãi không dứt hẳn mà dưới vành khăn đen mượt, cặp mắt sáng của người đàn bà cứ chớp chớp, nhìn Hưng, Hưng thấy

mặt nóng lên, Hưng nghĩ đến người nọ phải lách cách mở ngăn kéo giả lại Hưng những chín hào và y đã phải bỏ bao nhiêu thời giờ gói bánh để tiếp Hưng. Vội vàng Hưng nuốt một cái gì như nghẹn ngào ở cổ.

- Thôi! Bà cho tôi cả bốn chiếc hai hào.

Dứt tiếng, Hưng đến lấy tảng bánh, tự gói lấy, nhận tiền trả lại, rồi chào vội người đàn bà đi ra.

Hưng không về nhà. Hưng sang bên kia hè, vòng ra sau chợ. Không còn ai họp, cái khoảng đất dưới lợp mái ngói rộng thênh thang này vắng nhất. Hưng không còn sợ một ai để ý, tha hồ mà vừa đi vừa ăn. Nhồm nhoàm hay nghiến ngấu cũng mặc.

Một khía bánh bẻ ra. Hưng đưa lên miệng cắn lém một cái hết nửa. Vị ngọt sắc của đường hoa mai nhào với thịt mỡ, đỗ lạc vỏ quýt bùi bùi, tê tê, dần dần tan ra với nước miếng của Hưng. Ngay đó Hưng đã bẻ khía bánh thứ hai, lăm lăm đưa lên miệng cắn. Mắt Hưng ngời lên, Hưng nhìn chiếc bánh bỗng khác hẳn đi, nhẫy hơn, ngọt lịm hơn, như dằm chất máu tươi của da thịt non vừa cắt. Hưng nuốt ực miếng bánh nhai vội rồi đưa khía bánh mới lên cắn. Miếng này vừa hết, Hưng đã bẻ khía bánh thứ ba và cũng lăm lăm đưa lên miệng.

Chợt Hưng cau mày lại, ngước mắt nhìn phía đằng trước mặt. Một sự rùng rợn liền chuyển mạnh trong tâm trí Hưng. Hưng ngừng lại, đăm đăm nhìn chiếc bánh, giây phút sau, Hưng lắc đầu thở gắn một cái.

- Khốn nạn!... Khốn nạn!...

Trong tay Hưng khía bánh biến đi. Đuôi mắt Hưng lờ đờ. Vợ Hưng hiện lên nhìn Hưng long lanh.

Sắc mặt y xanh hơn. Đó là sắc mặt không còn sinh khí của một người đàn

bà bị hậu sản, da bủng, mắt vàng đục, môi nhợt. Vợ Hưng vốn gầy sẵn, giờ ốm dài lại không thuốc thang, không ăn uống tẩm bổ gì cả, ngoài bát nước đái trẻ con nhắm mắt uống những sáng sớm. Y còn phải lo nghĩ, chạy vạy nhiều hơn trước, nên y càng hốc hác, mặt y tóp đi, nửa gò má sạm thêm, cổ ngắng, hai vai hóp, ngực lép kẹp. Ngay khi vợ Hưng còn chửa, cân cũng kém Hưng, mà Hưng đã thuộc vào cái hạng trai tồi, lúc khỏe nhất cũng được hơn bốn mươi cân! Cái cột giậu nứa tép ấy đã thế lại còn mặc tân thời, nghĩa là cái áo cánh chít nách, quần hẹp đũng, áo dài sáu khuy nịt người. Tất cả đều vá víu, đen thui vừa giặt xong cũng không hơn giẻ lau của những nhà giàu mấy tí.

Như có tiếng rít mắng vào mặt Hưng, tiếng rít mắng của bao người đâu đây.

- Khốn nạn! Sao mày lại lén lút, ăn không chia sẻ với vợ con như thế! Mày thèm khát thế vợ con mày no đủ hay sao? Mày còm cõi, thế vợ mày béo tốt sao? Nói như thế này quên sao được mấy tháng nay mày tuy không được ăn uống thỏa thuê, nhưng thỉnh thoảng mày còn được bát phở tái, hào bánh cuốn, dăm chiếc kẹo lạc, bát chè đậu xanh, chứ vợ mày được những thứ gì? Hỏi vợ mày thì được những thứ gì, thằng kia? Hay chỉ cơm rau muống luộc, nước mắm mặn, và xót ruột quá mới ăn vài múi chanh, múi khế? Mày nhẫn tâm thế à!

Hưng thở dội lên, lắc đầu. Hưng buông tay xuống, nắm chặt chiếc bánh trong mảnh giấy gói vò soàn soạt. Một ý nghĩ nữa thoáng qua làm Hưng lặng thêm đi. Mê man, Hưng bỗng vung tay đưa khía bánh cắn vội một miếng.

Cái ngoạm này to quá, chỉ để sót tí mẩu. Hưng vừa nhai vừa thấy trong miệng và cổ họng bị bóp lại, tức nhối và tê dại. Mặt Hưng càng bừng bừng. Hưng sáng mắt nhìn những miếng còn dính hàm răng nghẹn vào bánh. Hưng lắc đầu, đưa nốt mẩu nọ nhai đè lên miếng bánh đang nuốt, mà vị ngọt bùi chẳng còn thấy tý gì.

- Mình còn phải đi làm kiếm tiền. Hàng tháng trong người thiếu hẳn chất đường, giờ mình có ăn cả mấy miếng bánh này hay thêm mấy hào bánh nữa cũng chẳng thấm thía gì. Nhất là mình lại tập thể thao, tập thở để tránh bệnh lao thì càng phải bồi bổ chất đường. Vả lại mình đâu có ăn uống phung phí, đâu có quên sự vợ con cũng chịu khổ với mình? Mình chỉ tâm niệm khỏe mạnh đi làm kiếm tiền để vợ con cùng hưởng no ấm, cũng được vui vẻ sung sướng...

Hưng càng thở dội, lòng Hưng càng rưng rưng lành lạnh. Mắt Hưng càng dại đi. Hưng xót xa nghĩ đến sự gày yếu của mình mà Hưng không phải là kẻ chơi bời, lười biếng, dâm đãng. Lớn lên được cha mẹ nuôi đỗ được mảnh bằng sơ học, Hưng rời khỏi nhà trường và bắt tay vào làm việc. Ngày Hưng còn ở với cha mẹ cho tới giờ có vợ, dắt díu nhau đi kiếm ăn, lúc nào Hưng cũng tha thiết với sự làm việc, cầu mong được sống tàm tạm với sức lực của Hưng đem đổi đi như những kẻ nghèo khổ, chịu thương chịu khổ ở chung quanh Hưng.

Mấy tiếng nức nở vỡ ra trong tâm trí Hưng. Bước chân Hưng chậm lại, môi Hưng mím mím, ngực hổn hển. Vụt cái Hưng đã đưa khía bánh cuối cùng lên miệng, răng Hưng đã cắn vào, nhưng Hưng rùng mình vội nhả ra.

Gương mặt hốc hác của vợ Hưng lại hiện lên. Hai con mắt vàng đục của vợ Hưng lại nhìn Hưng lờ đờ, bao giờ cũng như thiêm thiếp một sự cam chịu và nhường nhịn tất cả. Cả trước khi lấy Hưng, lần đầu tiên Hưng để ý đến y, cũng đã thấy hai con mắt ấy đầy những lo sợ và khuất phục? Cuộc đời, thân thể và sự sống của y như không có đối với y. Trong sự hiểu biết suy nghĩ và mong mỏi của y, chỉ bàng bạc một hình ảnh: đó là gia đình. Gia đình của mẹ y, chị y, em gái y. Gia đình của mẹ chồng và một người cha già khắc khổ, và hai anh lớn, con đã mười lăm, mười bốn mà chưa ai đến bốn mươi tuổi. Và cái gia đình sau này. Cái gia đình hiện đang nhóm rau, nhóm bếp và chưa biết sẽ thành ở đâu đây - với Hưng, với những con Hưng, và nếu giời thương, với

những đứa con của những đứa con kia. Ngoài những con người ấy, chồng con và cháu ấy, bất cứ cái gì xảy ra, lôi cuốn hay chồng lên đời y cũng được, đói rét, ốm đau, chợ xa, đường vắng, ngày mưa ngày nắng dầu dãi khác, gánh rau, gánh đất làm thuê làm mướn... những gì gì thay đổi nữa y cũng xin cúi đầu chịu lấy hết, nếu những người kia sống và y sống. Hưng mê man thêm, lặng nhìn khía bánh. Hưng gai người tưởng đến nếu Hưng ăn chiếc bánh này, vợ y giờ đương lúi húi thổi cơm ở cái bếp chật chội khói mù trong cái xóm nhà lá lụp xụp kín mít người kia, đâu có biết? Nhưng không, mãi mãi mỗi khi nhớ tới miếng ăn này, Hưng sẽ bị một nhục nhã như chàm, như lửa táp vào mặt, Hưng sẽ đau đớn còn hơn bị xác thịt kìm cặp. Phải! Nếu Hưng sẽ bị kìm cặp hay hun đốt và trút sạch dấu vết của những phút đương sống này! Hưng đã để cho vợ, người đàn bà xác xơ, héo hắt nọ san sẻ cho Hưng, còn Hưng, Hưng có ý thức, có suy nghĩ và vẫn cứ làm cứ nhẫn tâm, không chịu bớt của mình chút gì. Trong đời này, Hưng là chồng y, Hưng là người chiếm hết lòng yêu thương, tin cậy và thiết tha của y mà Hưng còn thế, nữa là kẻ không ràng buộc với y bằng một tâm tình gì, một quyền lợi gì, không chịu nhìn nhận y cùng hàng với mình. Những kẻ chỉ biết có tiền, gian ngoan, đàn áp, bóc lột, vơ vét tiền!

Trước mắt Hưng bỗng tối sầm, cả người Hưng run lên như trong một cơn sốt. Miệng Hưng tan hết những vị ngọt, bùi, chỉ thấy tức và đắng ở góc hai hàm răng xuống suốt tới cuống họng. Chớp mắt, Hưng đưa khía bánh vào miệng nuốt ừng ực. Qua những cái nghẹn cuồn cuộn trong người Hưng có một thứ gì mặn chát và tanh như máu giàn ra. Cổ họng và ruột gan Hưng bị xoắn lại... Tâm trí Hưng nức nở. Hưng bước chân lên, lảo đảo, miếng bánh nhai càng như mảnh thủy tinh tẩm mật cá, Hưng cố nuốt, nuốt...

1943

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Người Con Gái

Người con gái da nâu nhờn. Đó vừa là nước da của hai cha mẹ không nhan sắc mấy, vừa là cái sắc riêng biệt của hạng người phải làm ăn lấm láp. Vả lại có muốn trau chuốt, người con gái ấy cũng không thể khác hơn. Những thứ phấn màu gạch non hay da cam cho hợp làn da và những thứ son thắm tươi, thơm, hạng tốt, y không có tiền mua, mà dùng táp nham hay xin của chị em bạn mỗi người một tý thì chỉ làm rõ rệt cái nghèo nàn đắng cay của mình.

Điều này chết thôi chứ người con gái ấy không dám để ai nhìn thấy. Y ghê gớm nó lắm! Mỗi lần yên lặng tưởng đến nó thôi, y đều rùng rợn, tâm trí xám lại. Những lúc đó y chỉ muốn nhắm nghiền mắt để khỏi trông thấy một ai và muốn mình khuất hẳn đi giữa cái mặt đất này.

Ai đấy ở lâu Hải Phòng chắc hẳn còn nhớ cái ngõ hẹp giữa hai bức tường thẳng vút, tỏa ra làm mấy ngõ nữa với những dãy nhà một mái cho thuê từng giường, cái ngõ Hàng Gà trước cầu Carông đi sang chợ Sắt ấy. Đây, đêm ngày nhớp nháp vì người ta gánh nước, đổ rác, đưa rau đậu đi chợ và luôn luôn nổi lên những tiếng kêu cướp giật, ăn uống chẳng bửa, đi xe quỵt, đánh chém nhau!

Mười ba, mười bốn năm về trước, con bé ấy vẫn thường bế em ra ngoài ngõ này, hau háu nhìn những hàng quà và sự nhộn nhịp suốt bờ hè. Nhà y cũng thuê được một gian, chen ngay vào dãy nhà của phường buôn gà vịt. Mẹ y mất đã hơn một năm, phường buôn kia thỉnh thoảng lại chép miệng nhắc đến người bạn tháo vát mà biết điều, không biết đến bao giờ mới được một kẻ

như thế. Cha y đi làm cho xưởng thợ tiện của người Khách bên kia phố. Ba cha con ăn uống do vợ người em trai ở chung nhà thổi nấu.

Con bé ấy cũng được đi học như mấy đứa trẻ con mấy nhà buôn bán và đi làm khá ở trong ngõ. Cái trường tư nọ ở ngay đầu phố. Một ông giáo không biết đỗ bằng gì, đã già và lại đông con bé, mở ra và trông coi một mình. Ông dạy cả học trò Khách to lớn gấp ba ông, và dạy buổi tối những người thợ đứng tuổi.

Một nách hai con dại, người ta thường khuyên ông lấy vợ kế. Ông chỉ cười và lắc đầu. Không hiểu vì ông làm không được mấy đồng, vì ông thương con cái sợ chúng bị đẩy vào cảnh mẹ ghẻ cay nghiệt, hay vì ông thấy đã có em dâu cũng đông con, số tiền kiếm được để đỡ vực cho y, để y trông nom cho còn tốt hơn, hay còn vì lẽ gì nữa mà người cha ấy cứ ở vậy. Sáng sớm ông ra đi, trưa ăn quàng quéo bên phố, chiều tối mới về, từ năm ông mười bảy, mười tám tuổi tới giờ đã hơn hai mươi năm ròng như thế. Ông gần như không có một người bạn. Cả những chiều, trời đất xam xám, hai con ông long tong ra đường đón ông, ông chỉ nhếch mép cười và nhiều khi lại cau mày bảo đứa con lớn:

- Thôi cho nó vào đi!

Chẳng chờ đợi con ông, ông đi trước. Cái mũ vàng sờn vải, quần áo vá víu, xộc xệch, đầy vết dầu mỡ, người cha lùi lũi bước, lom khom như trên đầu, trên lưng bị sự mệt nhọc và một ý nghĩ rã rời đè trĩu xuống.

Cũng như vợ, ông nóng, sốt ho, người cứ rộc đi, ăn uống không được rồi chết. Năm đó, thằng nhỏ con ông đã chập chững đi và con bé ấy đi học biết đọc, viết thông quốc ngữ.

Ai nuôi hai đứa trẻ này bây giờ? Chôn cất người cha xong, một buổi chiều cúng cơm có tiếng kể lể rền rĩ trước cái bàn thờ loi nhoi ánh đèn nhang,

những người họ hàng và quen biết bỗng ứa nước mắt. Họ gọi hai chị em đứa trẻ đến, nói với chú thím chúng và xin chúng về nuôi. Cái ý kiến này nảy ra, chính họ không ngờ. Một bà nhà cày cấy nhiều, không thể tin vào ai mà giao phó một phần công việc, một bà buôn bán ngược xuôi được mỗi mụn con gái thì lại quặt quẹo luôn, một ông là em họ mẹ hai đứa trẻ nhỏ làm cai bao thầu, ba người ấy đến giờ mới rõ mặt chúng mà không hiểu sao lại đối với chúng một cách sốt sắng như thế?

Trong phút đó tình thương xót của họ chan chứa ra tưởng chừng vì hai đứa trẻ bồ côi, họ có thể quên cả thân mình. Kẻ thề sẽ trông nom con mình sao thì chúng vậy. Kẻ cam đoan gây dựng đứa biết buôn bán, đứa học hành đỗ đạt, để chúng làm rạng vẻ cho cha mẹ như con ai kia giàu sang. Kẻ xin làm giấy khai sinh nhận chúng là con đẻ để sau này chúng hưởng sự sung sướng bằng con họ.

Người chú kéo hai cháu lại gần bàn thờ. Chờ mọi người đứt câu, ông mới nói qua một nụ cười nhẹ:

- Thưa chư ông, chư bà, vợ chồng tôi xin cám ơn tất cả chư ông bà đã có lòng nghĩ tới tình hai cháu dại. Tôi chỉ còn biết lạy tạ chư ông bà, chứ thật không còn biết nói sao, còn gì hơn để hai cháu nương tựa chư ông bà để sau thành người. Nhưng xin chư ông bà rộng lòng hiểu cho vợ chồng tôi mà để hai cháu ở với vợ chồng tôi. Dù vợ chồng tôi làm ăn vất vả, lần hồi bữa rau bữa cháo, tôi cũng không thể xa hai cháu được. Giời để tôi còn sống ngày nào, tôi xin lo cho trọn cái đạo đối với vong linh anh chị tôi, đối với hai cháu dại.

Chỉ là những câu nói chập chừng đến nhiều chữ khó thì ngắc lại, nhưng nghe nó nức nở trong cái yên lặng thoảng mùi nhang và mùn cưa, thật là đầm đìa nước mắt. Em người chết không khóc! Chỉ thấy những nếp nhăn và gương mặt đen sạm của ông quằn quại. Ông cũng ít nói nhưng không bơ phờ như người anh. Dưới đám lông mày rậm, mắt ông luôn luôn long lanh như có

lửa. Thường những buổi trưa đi tầm, người đàn ông này dắt con và cháu ra tận đầu phố, cười vẫy chúng tới khi chúng lấp ló trở vào ngõ. Thì sau phút đó, cái trán kia lại cau lại, mắt đăm đăm vào những lớp người dồn dập. Vẻ vui tươi không còn một gợn. Những nét se sắt rắn và tối thêm. Rồi đến chiều tối, ông cũng về tầm mải mốt, không chuyện trò gì với ai, đầu hơi cúi phảng phất như cha người con gái.

Con bé ấy phải thôi học. Y ở nhà để trông coi cả em mình và hai đứa con nhỏ của chú thím. Mười tuổi đầu rồi. Vào cái trạc này, những trẻ nhà nghèo khác đã xách được ấm nước, cái hòm kem phấn đánh giày mũ, hay rá bánh rán, bánh kê, đi trong phố kiếm ngày mươi lăm xu đỡ cha mẹ. Đây, y không phải dầu dãi mưa nắng, đầu đường cuối chợ, chỉ nhởn nhơ chơi với các em cho người lớn lo ăn, thì cũng phải tập làm đôi việc chứ.

Quét tước nhà cửa, dọn cơm rửa bát, dần dà biết đun ấm nước, luộc mớ rau rồi ghế nồi cơm, con bé ấy còn phải nhận lấy nhiều công việc lặt vặt khác. Cái con bé tóc cợp bằng chiếc lược nhựa xanh, xưa kia luôn luôn có mặt ở ngoài ngõ, giờ thỉnh thoảng mới dám ra khỏi nhà. Nhưng chỉ đùa được một lúc rồi sực nhớ y lại vội vã dắt lũ em về trước cửa, trống ngực đập thình thình. Cửa vẫn khép chặt, đồ đạc vẫn y nguyên, tiếng reo cười ngoài kia vẫn rộn ràng, con bé thần mặt ra, vẻ mến tiếc và tủi cực hiện ra như in qua sắc da bừng bừng mồ hôi nhễ nhại.

Người thím, trưa đến không gửi hàng về nhà nữa; cả người chú, ông vào làm thay anh và cũng lại biền biệt từ sáng sớm đến chiều tối. Tinh sương con bé ấy dậy cùng người đàn bà nọ. Bà thổi cơm cho cả nhà ăn rồi nắm sẵn mấy bát để lúc nào những đứa bé đói thì bảo chị lấy cho ăn. Không buôn cất của người ta, bà lần mò đi những chợ xa mua rau đậu, hoa quả. Hai gánh hàng của bà nặng trĩu, cả những đàn ông khỏe nhấc lên cũng phải nhăn mặt. Thế mà nó cứ đèo đẽo trên vai bà một tháng đủ ba mươi ngày nắng mưa cũng mặc.

Đã nhiều hôm, sau một đêm ngủ li bì bàng hoàng thức dậy, người thím thấy mặt mày choáng váng, hai thái dương đau chói và khắp người ê ẩm, đã tưởng đến nằm liệt giường mất. Nhưng chỉ một nồi lá tre, lá bưởi hay lá sả đun sôi lên xông, và ít gừng giã, hòa rượu đánh với tóc rối, người thím lại áo dài nâu thắt vạt ra đi với những người đàn bà khác.

Mặt trời mới lộ một khoảng hồng phớt mà người thím cuống quýt lo sợ như ngày đã bị cướp đi gần hết. Bà quẳng vội cho con bé ấy đồng năm xu, nói qua những tiếng thở:

- Đây, cầm lấy trưa mua bún hay canh bánh đa cho chúng nó ăn. Trưa nay không có cơm và tối tao mới về được đấy.

Cúi mặt xuống, nghe từng tiếng nói khản ấy dẵn ra, con bé thấy rõ trên đầu mình hai hàm răng người thím rít lại và hai con mắt bà lại gườm gườm đưa nhìn qua mình ra thằng bé em còn nằm ngủ thiếp đây kia. Thằng em con bé này nuôi mãi mà đi vẫn chưa vững. Đến bao giờ nó mới lớn, đi làm được và có đồng tiền đưa về?...

***

Đó là những chiều hè, hoa xoan tây đỏ ối, bụi lầm đường, những màu áo tơ lụa phất phới. Phố xá ồn ào như có những tiếng hát man rợ tràn lên cuồn cuộn. Những giờ đó con bé ấy thường bế em ra chơi. Tuy nhà cơm nước thu dọn xong rồi, người thím đã về chợ rửa ráy cho con cái, con bé ấy được phép đưa em ra đường nhưng y vẫn phải lảng vảng gần nhà. Trẻ con đứa nào đứa ấy đều về quấn quýt lấy bố mẹ, y có muốn nô đùa cũng không có bạn. Y chỉ còn biết thơ thẩn nhìn cái ồn ào rực rỡ tỏa ra mọi nơi, trong khi thằng bé em lò dò dưới những tủ hàng, mắt ngơ ngác.

Qua ngõ nhà con bé ấy, khu Trại Cau, An Dương mở ra bên kia. Đường đây rộng, trắng xóa, chạy vút về những vùng quê xa có ruộng lúa chín vàng

và bóng núi tím mờ mờ lẫn với mây. Những ôtô bóng loáng thỉnh thoảng phóng qua. Mui xe cụp xuống, những người ngồi thoáng hiện ra như trên màn ảnh. Tóc họ bay phất phới rắc trong gió những mùi thơm sực nức cùng với những mùi phấn sáp và quần áo. Những đứa bé tóc như tơ vàng, da thịt hồng hào lồ lộ, đứng hẳn lên, cười hát vẫy gọi, trông còn xinh tươi hơn những tiểu thiên thần trong tranh.

Những người khác không đi ôtô thì đi xe nhà, chồng một xe, vợ một xe, người ôm con lớn, người con bé, song song chuyện trò theo những bước chân của người kéo. Cũng có nhà đặt con nhỏ vào xe đun để người ở trông rồi dắt con lớn đi sau mà hưởng cái mát của chiều. Trong đám trẻ ấy thường có mấy đứa trước học với con bé. Từ ngày y thôi đến cái trường ông giáo già kia, những bạn nhỏ mặt mày rạng rỡ, quần áo đẹp mắt, cười nói ngoan ngoãn ấy, thế là xa hẳn. Không một đứa đến tìm y. Có qua nhà y, chúng mải ríu rít với nhau cũng có, và cố làm lơ đi cũng có.

Gần gụi con bé chỉ còn những đứa tên nghe thế nào ấy: cái Sẹo, cái Bống, thằng Nhớn. Bố mẹ chúng thì nào bác Sế Cấu, bác Phở, bác Bò, bác Củi. Nhiều nhà còn để chúng nó rách rưới hơn y và lắm khi phải sang nhà y cầu cạnh vay tiền, vay gạo và xin cả cơm về mớm cho con. Họ ở gần nhà y. Không một tý gì y không biết. Hết mè nheo, cắn dứt lại đánh chửi nhau, họ như là bị đẩy vào với nhau chứ không phải là tình gia đình thương yêu, hy vọng vào hạnh phúc.

Khác hẳn những cảnh trên kia, con đường ngoài ngõ và dãy phố bên con sông Lấp bị chắn một đầu lúc đó huyên náo vô cùng. Suốt bờ sông bờ hè, san sát hàng quà. Toàn những hàng nước chanh, nước đá, kem và hoa quả. Những ánh chai lọ thủy tinh đựng những thứ nước xanh đỏ, và những sắc tươi của dưa hấu, mận, xoài làm nhức cả mắt. Vang tỏa trên mấy khu đó, những tiếng sôi động ngùn ngụt của những phố Hàng Cháo, Đầu cầu dồn lại. Đây, người ta đương mê mải ăn uống, may mặc sắm sửa, như không biết

chán, như đã bị bao năm hết sức kìm hãm, sự khát khao rõ cả những tiếng thở hổn hển và nóng rực.

Nhưng thế nào nhỉ, những buổi chiều mùa hè ở những xứ gần đường xích đạo trong những bài ám tả chúng ta đã viết và trong những đoạn văn ta đã đọc thuở nhỏ? Chiều có chân trời vàng diệp, trên cao pha lê xanh, hương hoa dạ hợp cay ngát bay ngợp không khí mọng như trái dứa đã chín. A! Thiên thần! Người ta đê mê trong cái phút giờ của hoàng hôn mà ánh nắng lưu luyến với cảnh vật như đôi tình vương víu. Tất cả lúc đó chỉ là cái cảm giác bừng bừng với bao hương sắc kỳ lạ. Phải không? Chúng ta đã chia nhau chép những câu văn lộng lẫy về chiều vào những cuốn sổ nhỏ giấy trắng tinh, bìa cứng chữ vàng, rồi học thuộc, ngâm nga với nhau như thơ!...

Người chú về tầm ăn cơm xong là giở đồ làm ra ngay. Nhà ông không có tiền mắc điện, thắp cây đèn dầu ngọn vặn cao, vàng ngụt. Búa, đục, giũa, kìm, đinh ốc, dây thép, sắt vụn... bày la liệt trên cái mặt bàn rộng như cái giường, tự tay ông đóng lấy với những mảnh ván thùng xi măng. Trước ông chỉ nhận việc tư về làm những ngày nghỉ. Giờ cả trưa và tối. Ông chữa xe đạp, đồng hồ, khóa, máy chữ, bất cứ cái gì về những máy móc thường dùng.

Một gian nhà thuê chung đã kê hai cái giường, một tấm phản xép và một cái bàn đã chật ních, lại còn xếp bao nhiêu thúng, mẹt và những đồ đạc, trông bức bối còn hơn cái lò. Mồ hôi vã ra đằm áo, tóc dính bết vào trán, mà người chú không quạt, quạt lấy một cái. Mặt ông chỉ tái đi thêm, và môi mím lại. Dưới đất, chỗ cửa ra vào, người thím cũng cặm cụi như thế. Bà chọn, nhặt rau, đậu, bó lại từng mớ rồi xoay ra chẻ củi, gánh nước, giặt giũ cho cả nhà.

Hai đứa con trai lớn của người chú cũng đã tám, chín tuổi. Không thể để nấn ná ở nhà, ông đã phải cho đi học tư. Chơi một lúc, chúng lại vào ngồi học ngay dưới ánh đèn trên bàn người cha làm việc. Nghe chúng ê a một cách trơn tru là ông bằng lòng chứ không biết các con đọc đúng hay sai những vần chữ Pháp. Ông cũng như con bé cháu, đọc và viết được quốc ngữ thì thôi.

Giờ ông phải tháng tháng bỏ ra hơn hai đồng bạc tiền học và giấy bút cho con vì thấy mình đã chịu thiệt thòi quá, mà đã cay đắng thế này lại còn để dây dưa đến kẻ máu mủ thì tủi cực vô cùng cho ông. Nhưng cả vợ chồng ông đều chỉ mong mỏi chúng theo đuổi chữ nghĩa lấy dăm năm rồi mau mau phải xin cho chúng vào làm ở một trong những xưởng máy đương chạy ầm ầm đêm ngày đây kia.

Thằng em con bé đã ngủ rũ ra trên vai chị. Y len lén bế nó vào giường, đặt nằm ở mé trong. Ra ngoài chơi một lúc như thế là quá đủ rồi. Cả hai đứa nhớn đã học thuộc bài và làm tính, viết tập thêm đã xong. Hai em chúng nó, mình mẩy đầy rôm sẩy như gai mít vẫn chưa chịu lên giường, còn quấy khóc. Con bé nhìn chú, nhìn thím, rồi ngồi xuống chỗ những đống rau cạnh giường hai đứa nhớn ngủ. Y nhặt nhạnh, xếp đặt, cùng với hai bàn tay thoăn thoắt của người thím. Thỉnh thoảng y lại phải lấy quạt quạt cho hai đứa nhỏ, xoa lưng và dỗ dành chúng nó.

Giữa những tiếng nhèo nhẽo của con nhà mình và những tiếng khóc tiếng ru của những mẹ con nhà chung quanh, người cha như một cái máy chỉ có cử động chứ không một lời nói. Thông phong đèn lau lúc chập tối đã cháy bỏng và đặc khói bên trên. Sương đêm mờ mờ xám dần là là xuống mái ngói. Cái cửa sổ xế bàn người chú vẫn sáng rực. Ánh đèn vàng ngụt tỏa ra với những bụi bậm. Chiếc bóng đen của ông đầu tóc bơ phờ, in dài ra ngoài đường, rõ như cắt. Tiếng sắt giũa ken két siết sâu vào cái yên lặng. Ông càng cúi sát mặt vào các đồ làm.

Lúc đó ở cái máy nước đầu ngõ, tiếng ầm ầm xô xát giành giật nhau vẫn không giảm đi chút nào. Những giọng cười hát kệch cỡm vẫn thấp thoáng trong cái không khí đặc sệt dưới bầu trời sao đầy như cát.

***

Nhà người con gái ấy phải dọn đi phố khác. Trong cái ngõ chật hẹp, nhớp

nháp và khuất nẻo kia, không thể nào xoay giở cách làm ăn khác được. Người thím buôn hàng khác và người chú phải có nhiều khách mới và một chỗ tiện để họ đưa đồ đến thay chữa.

Một cảnh tượng khác đã đổi trong gia đình này. Một con lớn ông lấy vợ đã được một cháu. Người con thứ cơm nhà đi tập làm hàn xì sắp thành nghề. Hai con nhỏ ông và thằng bé em người con gái thì đứa lớp nhất, đứa lớp nhì. Và, lạ lùng, người thím bẵng đẻ đi tám năm, tưởng đã ngoài bốn mươi thì thôi hẳn, bỗng lại có mang và đẻ một cô sau khi con dâu bà ở cữ được một tháng.

Người con gái ấy không phải chăm bẵm các em nữa, và, y không còn phải mặc cái quần vải thâm kéo xếch đến bắp chân, áo cánh cứ mướp ra như khăn lau vì các em bôi bẩn, giẳng xé. Y luôn luôn ở trong nhà, có công việc ra ngoài hay đến nhà chị em, y đều áo dài quần trắng tha thướt và tóc chải mượt, búi ý nhị. Y đi nhanh như bị thúc giục, mắt cúi xuống, thỉnh thoảng chớp chớp. Một tiếng gọi to, một cái nhìn sáng vút, một cái va chạm nhẹ, đủ làm y giật mình, trống ngực thình thình, trong người bừng bừng, gò má đỏ lên.

Trước mắt người con gái ấy, sự thay đổi tuy dần dà, nhưng sực nghĩ đến, y không thể nào không ngạc nhiên, vì thấy lại thật là nhanh chóng, rõ rệt quá. Phần nhiều những người con gái mà y quen biết, đã chồng con ríu rít cả. Kẻ ở ngay gần phố. Kẻ ở một tỉnh bên cạnh. Kẻ theo chồng đi xa hàng mấy năm y mới gặp. Không biết họ thế nào, chứ y thấy họ sung sướng lắm. Người thì chồng đi làm sở nọ, sở kia, người có riêng cửa hàng buôn bán. Vợ chồng họ ở một căn nhà có bàn ghế tiếp khách, có giường tây, tủ đứng. Ngày ngày vợ chồng đi chợ, vú em, con sen cắp rổ theo sau.

Người con gái cứ thấy họ hây hây. Mặt họ tươi, miệng, mắt hớn hở, tuy người họ hoặc gầy đi đôi chút, hoặc sồ sề hẳn ra. Phải kể những người con gái lấy chồng được như thế, chứ những kẻ con cái nheo nhóc, làm ăn đầu tắt mặt tối, nhiều khi còn bị nhà chồng đầy đọa hay chồng bê tha, tình phụ, thì

nói đến làm gì. Vả lại như thế, người con gái ấy cũng không cho là khổ. Đời đàn bà phải vui lòng chịu những tình cảnh, nguồn cơn kia, nhất là mình lại con nhà nghèo.

Nhà hơn mười miệng ăn, lo toan mãi, người thím đã không còn thể gắng gượng hơn được nữa. Giờ bà đi buổi chợ nào hay buổi chợ ấy, và công việc nhà giao phó cả cho con dâu và cháu. Nhưng người con gái ấy phải nhận lấy cả. Vì người em dâu kia đẻ xong đã phải đi làm ngay không có tháng tháng nhà hụt đi bảy tám đồng thì sẽ khổ vì nợ, và cái chân trong máy chỉ hở một phút là mất! Vả lạ, ở nhà không là một cái tội. Y vốn con nhà không buôn bán các chợ thì lại chen vào các chỗ làm ăn ngay từ thuở nhỏ, chân tay giờ không thể nào ngừng cử động được.

Tuy quần quật việc cửa nhà cả ngày mà người con gái ấy vẫn phải chịu nhiều sự eo óc. Tiếng rằng mấy người lớn kiếm được tiền đấy, nhưng có đủ đâu? Người chú vẫn nhận việc thêm mà chẳng được mấy đồng vì thợ thuyền và máy móc tinh xảo mỗi ngày một nhiều, ông chỉ phải cặm cụi thêm. Vài chục bạc của ông và tiền của vợ, của con dâu, đong gạo, mua thức ăn, lắm tháng đến ngoài hai mươi đã hết. Bao nhiêu sự chi tiêu khác thế là phải trông cả vào người con lớn. Thì người này sức làm việc cũng có hạn và anh không đừng được sự may mặc cho vợ con. Do nào thiếu thốn, vất vả, công nợ, sự riêng tây, người kêu ca, kẻ nghiến rứt, khiến trong nhà không mấy ngày không ầm ĩ.

Cái không khí nặng nề càng nén thấp xuống đầu họ nhức nhối.

Người chú đã ít nói lại ít nói thêm. Trái lại, người thím hễ về nhà là bắt đầu chửi rủa, rêu rao, kể lể ngay từ ngoài cửa. Trước, mỗi người con gái ấy, giờ lại thêm người con dâu và cả nhà phải nghe cái đĩa máy nói không ngừng kia mở nguyên một giọng. Cất tay bà nói, cất chân bà nói, nhấc cái chén bà nói, cầm cái phất trần bà nói, sáng sớm dậy nói trước nhất cho tới khuya, người đàn bà khô đét như con mắm này không hiểu sao lại có thể sa sả nói

được thế? Nhiều lúc người chú đã hắt tung cả mâm cơm và những đồ làm đi mà gầm lên:

- Giời ơi! Con vàng nanh đỏ mỏ kia, mày có câm đi không. Mày có muốn để người ta sống mà làm ăn hay nhà cửa tao phá tan hoang, mỗi đứa, mỗi nơi?

Người con gái ấy và lũ em chỉ biết nhìn người cha già và nghe sự đau đớn ran lên trong lòng giữa cái yên lặng khó thở lúc đó. Những lần xảy ra cảnh đập phá ấy, y chỉ biết ghi vào cuốn nhật ký, rồi giở ra đọc thầm qua những giọt nước mắt vào những buổi xế trưa cả nhà đi vắng và những đêm khuya tiếng ngáy ngủ dồn dập cất lên rõ mồn một trong bóng tối. Những phút yên lặng được khóc thầm với mình này còn là những lúc sung sướng cho người con gái ấy.

Bếp nước xong, chân tay sạch sẽ, y lừa cho hai đứa nhỏ con người thím và người em dâu ngủ thật say. Không giở những quần áo rách của nhà ra vá thì y đem những đồ đan của chị em bạn nhận cho. Vài đồng bạc công ấy, y muốn đưa cho người thím để rồi xin lại bà một món may mặc, hay y giữ lấy cũng được. Nhưng thường người con gái đan được đồng nào đều đưa cho bà, và, có thì chỉ bớt dăm hào để tiêu vặt về phần mình và mấy đứa em nhỏ.

Nhịp với hai que sắt mạ kền thoăn thoắt kết những sợi len lại, người con gái ấy để cuốn tiểu thuyết mượn của chị em bạn xế trước mắt, đọc miên man từng dòng, từng chữ. Có cần gì đâu những truyện sâu sắc và đưa đến những ý tưởng tươi đẹp! Người con gái ấy chỉ cần thấy mình càng đau đớn và chán nản với những cảnh thê thảm trong truyện là y cho rằng truyện viết hay, là y sung sướng với sự giải trí sách vở đó. Có rung động một cách như thế, y mới là người và cao quý nữa. Vì so sánh mình với những nhân vật tiểu thuyết, y thấy hai cảnh đời sao mà gần gũi với nhau thế, cùng là những cái gì người ta phải coi là kiểu mẫu và tấm tắc rằng trên mặt đất này chỉ những linh hồn đau khổ ấy mới xứng đáng được yêu mến, kính phục thôi. Với y, những linh hồn

chị em trong sự tối tăm thật là chứa chan thi vị, phải có những con đường đi riêng cho những đời sống cô độc, lạnh lùng không được mấy ai hiểu biết kia.

Người con gái ấy xót xa cho mình vô cùng, và y xót xa cho cả những người thân mến, họ đau khổ mà không rõ, y thương cho người chú cặm cụi nuôi các con cháu đến tận giờ mà cũng chưa được đền bù chút gì. Y thương cho người thím cằn cỗi gần như điên cuồng, đến y là kẻ dễ tha thứ và chứa chan cảm tình với mọi người mà lắm lúc cũng không thể chịu đựng được bà và cũng bị bà coi như quân thù, quân hằn. Y thương cho hai đứa con nhỏ của chú và người em của y thua anh, kém bạn. Và y man mác nghĩ đến hai đứa bé mới đẻ của thím và người em dâu kia, cha mẹ chúng làm ăn lam lũ như thế còn mong gì gây dựng cho chúng được sung sướng?!

Người con gái ấy đã khóc rất nhiều, khóc luôn luôn trên những trang tiểu thuyết. Càng đầm đìa nước mắt, y càng thấy mình được gội trong một làn nước mát hay những lớp sương gió. Sự uất ức ngùn ngụt hun đốt người y được giây phút tắt đi. Y được nhắm mắt lại trước cuộc đời như là những ngọn lửa cuồn cuộn lao vào mặt.

Lệ Hà, cái tên hai chữ này bắt đầu từ đây, cái Lệ Hà đen, cái Lệ Hà mùa thu, tất cả bạn người con gái ấy đều gọi y với cái tên đó. Và, trong những bức thư, những tấm khăn nhỏ của y dùng, hai chữ Lệ Hà viết rất đậm, thêu thật uốn éo, nổi lên đỏ như máu.

***

Người con trai ấy đã đến với Lệ Hà, và Lệ Hà đã ra đi với người con trai ấy.

Anh ta được một người bạn gái, thường sụt sùi than thở với Lệ Hà giới thiệu. Anh đã gửi cho y một thư. Y đã trả lời luôn hai thư. Sau liên tiếp năm thư viết cho nhau trong những đêm buồn như tận thế, họ đã cầm tay nhau và

nức nở nói rằng yêu nhau.

Trắng trẻo, tầm thước, tóc không uốn mà bồng lên, và mắt sáng như nước, anh ta mới hăm ba tuổi, hơn người yêu vừa đúng ba tuổi. Anh giữ chân bán hàng cho một hiệu cao đan hoàn tán, mở nguy nga như nhà bào chế tây giữa một phố lớn. Ngoài những thì giờ bán hàng, anh còn giúp vào việc gửi gấp hàng nghìn thứ thuốc cho những đại lý ở tỉnh xa, cứ một ngày lại mọc thêm sau những cách quảng cáo rất kỳ lạ của ông chủ tốn hàng bạc nghìn.

Thôi học, ở nhà quê ra, anh ta đã ngoi ngóp đi bốn, năm tỉnh và xin việc đủ mọi nơi. Nhưng chẳng có lấy một cái bằng, và vai không thể vác được gạo, tay không thể kéo được xe, anh ta nấn ná làm ở vài chỗ, rồi cậy cục vào hiệu thuốc nọ thì khư khư giữ lấy cái việc sổ sách đó như kể sắp chết đuối vớ được cọc. Anh tự nguyền phải hết sức cẩn thận, và ghê tởm vô cùng những kẻ dại dột đã vì mê chơi hay đứng núi này trông núi nọ mà bỏ công việc!

Kể ra không phải đeo đẳng vài bổn phận thì anh cũng có thể như vài người bạn trẻ kia, chiều chiều nhởn nhơ ngoài phố với cái đầu nhẫy bóng, áo lót mình bằng hàng tơ, túi quần xóc xách tiền, nghênh ngang vào hiệu cao lâu, rạp chớp bóng, ganh đua với những trai gái khác. Lương tháng anh hai mươi đồng, ngoại tài trung bình chục bạc, một thân một mình ăn tiêu vừa phải thật ung dung. Vì dạo đó một hào được hơn ống cân gạo, vải chúc bâu trắng tốt nhất có ba hào một thước, gian gác kê đủ bàn, tủ, giường và mắc cả điện thuê tháng đắt lắm chỉ tới bốn đồng. Sự sinh hoạt dễ chịu quá, số tiền anh kiếm được, biết cách ra có thể làm giầu được.

Đây, anh ta còn một người cha mới sáu mươi tuổi mà đã lọm khọm, ngồi lâu một lúc cũng thở không ra hơi, như một cụ già tám, chín mươi ngấp nghé miệng lỗ. Ông ta có hai đời vợ, hai bà đều khỏe mạnh mà lại chết cả. Mỗi bà đẻ đến tám chín bận, nhưng chỉ còn mỗi mình anh là con trai và hai đứa con gái nhỏ con bà hai. Ba người này ở luôn luôn bên cạnh anh, sểnh một chút là bị những cái rất ghê gớm trong đời cướp nghiến ngay đi. Nhà anh là ngành

trưởng. Bao nhiêu giỗ tết, còn sống hai người đàn bà kia phải lo đủ; từ giờ anh phải gánh vác cả. Tuy đã dắt nhau ra tỉnh, bốn cha con thuê hai gian nhà lá ở một xóm xa thành phố mà người làng, người họ vẫn cứ tìm đến không một kỳ đóng góp nào bỏ sót.

Người con trai và người con gái ấy yêu nhau lắm. Không được như những trai, gái khác đường hoàng âu yếm khoác tay nhau ngoài phố, họ phải hẹn hò nhau ở những phố xa, vắng và có bóng cây. Họ đi song song, bước đếm từng miếng xi măng lát hè, nói nhỏ nhỏ từng lời, rất yên lặng thoáng nhìn nhau qua những cái chớp mắt. Họ còn tìm nhau ở vài nơi bên bờ sông, trên một con đường quê gần tỉnh, và đã vài lần, say lên quên cả mọi sự, họ đã lang thang ở một vùng có sông rộng, chân trời in nét núi xanh.

Họ sung sướng và thấy không gì bằng. Vì họ được xa chốn đông đúc bụi bậm. Họ được xa những cảnh ăn chơi nhộn nhịp, mà lâng lâng trong sự khoáng đãng. Như thế chứng rằng họ hiểu nhau lắm, hòa hợp với nhau bằng hai tâm tình tinh túy nhất của tâm hồn. Họ đã khác hẳn những cặp trai gái khác. Một sự tự kiêu xứng đáng khiến họ có thể cất cao đầu lên giữa những cái gì mà người đời ghê gớm lắm, gọi nào là bùn lầy, nào là tội lỗi, nào là trụy lạc. A! Tuổi xanh! Họ còn trẻ quá và lại được gặp nhau tha thiết với nhau, sự tha thiết đầu tiên của hai tâm hồn!

Phấp phỏng gần gụi nhau như thế nhiều lắm mới được vài giờ, rồi họ phải chia tay nhau. Đi xa rồi, trông lại nhau ruột gan họ đau buốt thâu đêm. Đã thương nhau lại càng thương nhau vô cùng. Họ thấm thía thấy mình cùng phải chịu bao nhiêu sự thiệt thòi, cùng chung một tương lai không có gì tốt đẹp. Hơn nữa, họ còn phải vì nào cha mẹ, anh em, những người ruột thịt mà chìm đắm với họ trong sự khổ não mãi mãi.

Một tháng.... hai tháng..... nửa năm.... một năm, thế là họ đã yêu nhau được một năm. Càng ngày, tưởng gần nhau chốc lát hay trông thấy mặt nhau là đủ, ngờ đâu sự nhớ mong càng ngùn ngụt. Không phải hàng tuần mà chỉ

một ngày hay một buổi vắng nhau, họ càng nghẹn ngào, bứt rứt chán nản rũ ra được. Về phần người con gái, lòng nung nấu đôi lúc còn dịu đi vì y hết sức đè nén bởi phải giữ gìn với người chung quanh và với cả chính mình. Chứ người con trai thì anh đau khổ quá, khó mà chịu hơn được. Anh không còn cất nhắc nổi cái quản bút, tính trọn một trang số mà cả người không rời rã, bải hoải như bị tra tấn thâu đêm. Cứ thế mãi, anh đến chết mất! Không phải ở trên cái giường bệnh hay trong tay một người nâng giấc, anh sẽ chết cái chết khủng khiếp của một người điên lên cơn, treo mình lên cành cây, lao vào đầu tàu xe lửa, đốt cháy nhà rồi đâm vào...

- Lệ Hà ơi! Chúng ta phải lấy nhau.

Những tiếng này đã rền rĩ hoang mang bên tai người con gái. Y rùng rợn. Mắt anh con trái sáng một cách dữ dội. Hơi thở anh hồng hộc như con lợn giẫy giụa chống với con dao đồ tể. Người con gái đã run run đẩy người tình ra, lắc đầu nhìn.

Không còn có thể giấu giếm được nữa, cuộc yêu đương này. Cả người chú cũng đã biết. Không phải ông nghe vợ ông hay con dâu ông nói. Chính ông là người nhà đầu tiên bắt được người con gái đi tình tự với người con trai. Buổi trưa ấy, ông đưa đồ của sở đến đặt làm và nhận riêng vài bọn khác. Người con gái đã tái mặt đi, tưởng đứt thở mất trước cái nhìn từ từ rồi quay đi của người chú như không hay biết. Tối hôm đó và luôn một tuần lễ sau y không dám đi đâu. Lúc lên đèn, nhà cơm nước xong, ông chú giở việc ra, người con gái liền vội vàng đem ngay quần áo nhận đan làm ở bên cái ánh sáng ấy. Y thức khuya hơn mọi khi, ngồi hàng giờ thoăn thoắt đưa những mũi que mà không nói, không ngả lưng. Trong khi ấy, người chú còm cõi, tóc đã lớt phớt bạc kia, thỉnh thoảng mới đưa mắt nhìn cháu. Vẫn với hai con mắt yên lặng, lờ đờ, ông nhìn cái vẻ mặt như muốn trốn tránh của cháu, thấy trong lòng nổi lên vừa đau đớn, vừa tức và bùi ngùi thương xót.

Đã lâu lắm ông mới chú ý đến cháu. Ông ngạc nhiên thấy cháu cao và nở

nang khác hẳn đi. Y gần như không còn tý gì của thuở bé. Từ đôi mắt, cái cằm xuống đến vai, đến ngực đều thay đổi. Tóc chải bồng, da nâu chín, môi dầy tươi, răng tuy thô một chút nhưng trắng muốt, cháu ông không xấu lắm tuy chẳng trắng trẻo, son phấn như những người con gái khác.

Người chú nhẹ thở dài:

- Nó đã lớn rồi!

Ông nghĩ nếu cháu ở vào một nhà có buôn bán hay cha làm sở nọ anh em sở kia, vàng đeo tay, vàng đeo cổ, quần lụa áo là thì ít ra cũng được vài nơi nhòm ngó. Những nhà giàu sang như thế, họ chỉ tìm những dâu con nhà như họ hay hơn họ. Còn những kẻ thợ thuyền hay làm ăn nghèo ngặt thì vừa không lo được tiền cheo cưới, vừa phải lấy hoặc gái phu hồ, đội than, khâu bao để cùng gánh vác sự lam lũ với mình và không khinh mình, chứ họ đâu dám với tới cháu ông, chẳng gì cũng là con nhà hàng phố, tân thời, chỉ biết có việc bếp nước nhẹ nhàng. Trở lại, chỉ những tụi trai lơ, vô công rồi nghề mới tìm đến. Thì thà rằng thấy con cháu mình chết già chứ chẳng cha mẹ nào dám liều gả con đi, vì con cháu họ sớm tối rồi cũng chết khổ sở đầy đọa thôi.

Người cháu gái ông lấy chồng giàu sang, ông không dám và cũng không thích mơ tưởng đến sự đó. Đôi khi chợt tưởng đến sự chồng con của cháu, ông chỉ muốn y làm vợ một người nào đó nghèo nàn hay bơ vơ cũng được, nhưng cốt nhất phải có nghề nghiệp. Cheo cưới thế nào cho khỏi mang tiếng để cháu theo trai, ông sẽ cho cháu về với người ta. Vợ chồng đều còn trẻ sẽ vui vẻ với nhau mà kiếm cách sinh sống cho khỏi đói rách, con cái khỏi nheo nhóc là được. Ông chú đã nghĩ thế, tâm trí nao nao. Người anh ông hay người chị dâu còn sống và có đôi chút tiền của để lại, ông sẽ chẳng lo lắm. Đây, người cháu gái sống với ông đã khổ sở lại còn khổ sở nữa thì ai oán cho y quá. Thôi, y đã thương yêu ai, và người ta đã thương yêu y, hai người có thể gắn bó với nhau, ông chẳng cần gì hơn, và, cả hai con người đã chết sớm kia cũng chỉ mong thế.

Người con gái ấy hồi hộp nhìn người chú luôn tay kìm, búa, dưới ánh đèn, thỉnh thoảng mới ngửng lên. Y cảm thấy rõ sự yên lặng thấm thía của chú mà ứa thầm nước mắt. Y tưởng đến hình ảnh của bố mẹ mà y chỉ còn thể nhớ được lờ mờ. Mười mấy năm rồi, người đàn ông này không bao giờ nói đến chị em y một lời. Bố mẹ y cũng chỉ hiền từ đến thế. Cái búa tạ dùng lâu còn vẹt đi nữa là người. Cứ còm cọm hết việc này chưa xong đã bắt ngay sang việc khác mà chẳng được lấy vài ngày nghỉ ngơi, ăn uống tẩm bổ, không khéo mai kia thôi chẳng thể gượng gạo được nữa, ông chỉ bị một trận ốm là khuỵu. Nhắm mắt chết, ông nào đã được gì? Được một chút gì thật yên vui trong đời đâu?

Người con gái lại thấy không thể nào lìa bỏ chú mà ra khỏi cái nhà này được. Yêu người yêu, tha thiết với người yêu, y sung sướng với cái ý nghĩa ấy thì càng phải biết thương chú, hết lòng với chú, một người tận tụy với chị em y không một lời than thở. Y nhất định ở với chú tới bao giờ hai đứa con trai nhỏ của chú và đứa em của y lớn lên, có vợ con tử tế, làm ăn phụng dưỡng ông, y sẽ lấy ai hay không cũng được. Chứ đương lúc này trong nhà luôn luôn eo óc, giờ ăn uống nghỉ ngơi cũng đầy khổ não như ở chốn tù tội, thế mà y về nhà người khác, thật vô cùng nhẫn tâm. Y chẳng làm được nhiều tiền giúp đỡ nhưng có y cơm nước sạch sẽ, đồ đạc thu dọn gọn gàng, các trẻ nhỏ trông nom cẩn thận và được an ủi, âu yếm... người đầy tớ hết lòng nào như y thuê được?!!

***

Người con trai ấy phải đi, không còn thể viện một lẽ gì cưỡng lại được.

Anh đã mất việc, ông chủ hiệu thuốc bảo anh nghỉ để nhường cái chân bán hàng và giúp việc lặt vặt ấy cho người cháu họ ông. Tuy người cháu này ít tuổi, chưa làm đâu cả và dại nghếch, nhưng ông cần gì! Cốt sao ông bảo thế nào y nghe vậy. Y không biết ăn cắp của ông, thông với người ngoài tiết lậu

những cái bí mật của ông, nói tóm tắt chỉ làm lợi cho ông là đủ.

Nghỉ một ngày, chơi một ngày là hư hỏng một ngày và để gia đình phải khổ sở. Bởi vậy, người cha già anh con trai tức tốc bắt anh phải tìm ngay việc khác, và, cả ông sáng sớm uống xong chén chè tàu nghiện ngập, ông liền khăn áo đi cày cục chỗ làm cho con. Một người bà con đã làm ơn nhận lời cầu khẩn của ông, đưa anh con trai đi với mình. Họ đi Sài Goòng. Trong đó, người bà con nọ trông coi kho cho một nhà in còn mở mang to nữa. Anh con trai không bán hàng thì giúp việc ấn loát hay nếu xem ra chí thú, có chí lập thân, y sẽ bảo cho anh cách giữ sổ sách và tiền nong làm phụ y.

Lương tháng y sẽ xin ông chủ trả cho ba mươi đồng, khi nào thông thạo việc sẽ tăng. Ăn ở nhà y, y lấy rẻ hai mươi đồng, kể cả các khoản giặt giũ quà sáng. Như thế anh còn có thể gửi về nhà năm bảy đồng, hay chịu thương chịu khó, không tiêu pha gì thì cả chục. Đó là một món tiền cha và em anh kiếm đâu ra được ngần ấy bây giờ? Vậy chủ nhật tới này, hai người sẽ lấy vé tàu hỏa đi suốt vào chốn làm ăn kia.

Người cha đã thân dẫn anh con trai về quê lấy thẻ căn cước. Ông thân làm mấy mâm cơm lễ để dâng gia tiên trình ngày lên đường của con và cầu sự phù hộ. Ông mua cả cho con những khăn mặt, xà phòng, dầu bạc hà, thuốc ký ninh... Cộng với tiền tàu bè về quê, tiền chè, tiền xe cho lý trưởng và những tiền khác, tất cả đúng hai chục bạc. Ấy là không kể hai chục bạc lấy vé tàu cho con và cảm tạ người bà con cứu tinh kia một vé. Ba sào ruộng giỗ chạp cuối cùng thế là đi đứt. Nhưng người cha không một chút hối hận. Rồi lại tự tay ông, ông bỏ tất cả sách vở, ống quyển và những di tích của thời lều chõng của ông gói ghém cất đi, nhường cái hòm sơn chắc như cái tủ sắt ấy cho con. Ông xếp vào đó không thiếu một thứ gì cần dùng của con, kẻo vào cái xứ tiêu tiền như ăn gỏi ấy mà cứ thiếu một tý lại đi sắm, thì kiếm được bạc trăm cũng chết vì nợ mất!

Luôn mấy đêm ông không ngủ được. Ông càng cố nhắm mắt thì trong

người càng bừng bừng như lửa đốt và như là có những tiếng đờn hát ran ran bên tai. Sự chiêm nghiệm của ông càng thấy đúng. Cái may thường kèm cái rủi, trong cái rủi thường nảy ra cái may, tưởng người con trai ông thất nghiệp dông dài, hay đâu nhờ sự ưu nhân tích đức của ông và số kiếp tới ngày đạo đạt, người bà con kia đến chuyến này phải là chuyến bay nhảy của con ông. Vừa được giữ việc sổ sách, vừa được học tập công việc nhà in, con ông cũng có đôi chút thông minh, y dần dần thông thạo, ấy là sẽ có một cái gậy chắc cầm tay. Rồi giao dịch buôn bán nhiều với Tây, Tàu, với kẻ nọ người kia, y thế nào chẳng gặp cơ hội tốt.

Cái mộng đêm ngày ông xây đắp gần lụn đi ấy, ngày nay sắp thực hiện rực rỡ. Ông sẽ chuộc lại ruộng vườn, làm lại nhà cửa, có trâu cày, ngựa kéo, ăn trên, ngồi trốc trong làng. Con trai ông sẽ lấy con gái một nhà khá giả, sự giàu sang cứ đời nọ tiếp đời kia. Càng tưởng tượng, người cha già càng thấy sự cho con đi làm mai đây chỉ có một bề như là sự sống chết. Bỏ lỡ dịp này ông sẽ tiếc suốt đời. Con trai ông rồi cũng cả đời khó lòng mở mày mở mặt. A! Mà lâu nay ông đã được biết y đi vào con đường tình và say mê sắp quên cả mọi sự. Tuy ông không được rõ mặt, nhưng nghe người ta nói, thì người con gái cám dỗ con trai ông kia phải là hạng hư hỏng lắm. Cái thứ đàn bà con gái gì mà tóc chải cuộn lên, mặt đầy phấn sáp, quần áo mỏng dính, chỉ cựa mạnh là toạc ra, chẳng biết chịu thương chịu khó, chắt bóp dành dụm gì, cứ nhà hát, chớp ảnh, xe đạp, tiểu thuyết? Đó là những yêu ma tác quái cho người ta chứ không phải là người.

Lệ Hà! Người yêu đầu tiên của người con trai, và người con trai, nguồn hy vọng đầu tiên của Lệ Hà!

Đôi này đã khóc đằm đìa với nhau tuy họ nhất định đi với nhau. Người con gái cũng xin gấp được thẻ căn cước và sắp xong một va li hành trang. Y phải đi vì thấy không thể chịu đựng sự nhục nhã, đau khổ hơn nữa, người thím y cứ sáng, chiều, hết ngày ấy sang ngày khác rêu rao chửi rủa y. Nào y

hư hỏng, bội bạc, bôi gio trát trấu cho nhà, sống cũng bằng thừa. Không phải giờ bà mới quyết liệt như thế mà từ ngay khi được biết cháu phải lòng trai, dám hò hẹn lén lút với trai.

Người con gái ấy đi, ai chứ, bà đã chẳng giữ lại còn gạo muối tiễn tống nữa. Y không tự ra khỏi nhà bà, thì tới bây giờ bà đã nuôi cho tới mười chín, hai mươi tuổi đầu, bà cũng chẳng còn hơi sức đâu trông coi. Y muốn theo ai, làm gì cũng mặc. Và chết thì thôi chứ bà không sao nhìn nhận được người con trai kia làm cháu rể bà, dù anh và ả trở nên ông nọ, bà kia, tiền trăm bạc nghìn đưa bà, bà cũng hắt đi.

Người con gái ấy cũng biết lắm, cũng tủi cực lắm. Y biết ra đi như thế sẽ gieo bao nhiêu tai tiếng cho nhà, làm lo phiền cho người chú và các em, đối với bà thím, tức là đánh một cái dấu tận tình. Biết làm sao? Ở lại để chán nản rồi chết vì buồn ư? Đương yêu nhau mà nhìn kẻ ở người đi thì sớm chầy trong sự chia ly cũng có một sự không hay xảy đến, và, theo liền là cảnh tan nát không thể nào hàn gắn được. Người ta thì có một đời, một tấm tình và một hạnh phúc để sống. Thế mà tất cả những cái này không ghì riết lấy, không hết lòng với nó, thì còn gì là con người, là sự vui sướng? Nhất là tấm tình! Tấm tình yêu bao trùm cả sự vật, trong đó hai con tim kia gần nhau, chung một nhịp thở đã thấy sự hòa hợp êm đềm bên cạnh bao nhiêu con tim khác đã thành đôi!

Vả lại cái mắt nhìn, cái miệng cười, cái tiếng nói, cái hơi thở, cái bóng dáng của người nhau, tất cả những cái đó đã thành như một thức ăn uống của họ rồi. Gần nhau không những họ được tỉnh táo mà còn hăm hở chung sức với nhau để gây hạnh phúc, càng ngẫm mình, người con gái càng thấy thật không có chút gì tội lỗi. Y và người thương sẽ quyết hết sức chịu khó làm việc, dành dụm lấy ít tiền gửi về cho nhà cheo cưới rồi mới ăn ở với nhau. Họ sẽ có một vốn nhỏ mở một hàng tạp hóa, nhận cả các quần áo đan. Khấm khá, người con gái sẽ cho đứa em ruột mình và hai em họ theo học lâu để đỗ lấy

"Thành chung", "Tú tài". Ông chú sẽ nghỉ nhà. Bà thím cũng thế. Cuối cùng người cha già, người con trai, chú thím y sẽ hiểu tấm lòng của cháu thủy chung, hiếu nghĩa.

Còn một buổi tối nữa. Sáng sớm mai người con gái đã ra đi. Một lần nữa, y rụt rè đến trước mặt bà thím, đầu cúi thấp, run run xin lỗi bà và xin phép bà. Nhưng bà đứng phắt dậy, xua tay bỏ sang hàng xóm. Người con gái đành gạt nước mắt nhìn theo. Để tránh sự xô xát tan hoang làm đau lòng thêm cho chú, đến trưa người con gái lên sở chú. Ông chỉ yên lặng nhìn cháu rồi thở nhẹ một tiếng. Ông nói ừ thì y đi. Nhưng, đã biết y không phải là hạng gái hư hỏng, ông vẫn dặn dò y và xin y hết sức giữ gìn thân mình, phải cẩn thận từng ly từng tý trong bất cứ công việc gì để khỏi hối hận về sau. Ông lấy ở túi áo trong ra mười đồng bạc, bắt người con gái phải cầm để thêm vào tiền tàu, và lại dặn hễ vào tới trong đó, phải gửi ngay thư về, rồi làm ăn ra sao hay gặp sự gì không hay cũng phải cho ông biết tin luôn.

Người con gái lại chan hòa nước mắt. Trưa hôm ấy nắng. Những tiếng reo vàng rực của gió và cây cỏ làm hoa cả mắt y. Y đã chợt toan ở lại vì thấy những cái như là dây chão, là dao sắc, trói ghì lấy lòng y và xẻo ra từng miếng.

Sài Goòng, một trong những viên ngọc Viễn Đông. Đây người ta nói thành phố to như Thượng Hải hay xa xôi hơn, như Nữu Ước của Mỹ châu. Ban đêm, sự buôn bán làm ăn không ngừng, ánh sáng còn sáng, còn rực rỡ hơn ban ngày. Chung quanh, các miền cày cấy cứ thẳng cánh cò bay, lúa chín rừng rực, sông nước mát rợi, cá ăn không hết... Bao nhiêu công việc tạp nhạp người trong ấy để cả cho khách trú và người Bắc làm hết. Hầu hết họ cứ đến bữa ăn thì ra tiệm, tối đến đi chơi, chẳng lo nghĩ gì cả. Đồng tiền thật như nước. Bao nhiêu kẻ đã nhờ đây mà nổi cơ đồ. Cả những kẻ đi phu, vợ con dắt díu nhau với chăn chiếu, quần áo tay xách nách mang kia, họ bước chân xuống tàu đều tươi như hoa nở.

Chuyến xe lửa chạy suốt vào Sài Goòng khởi hành lúc sáng sớm. Người con gái dậy từ bốn giờ, chào lạy chú thím, nức nở cầm tay các em bé, cháu bé rất lâu rồi đi...

***

Tám tháng sau, người con trai trở về Bắc. Anh về mỗi mình với cái hòm sơn của cha anh cho. Người anh gầy tóp, xơ xác; phải nhận lâu mới ra. Cái nhà in anh làm sang tay chủ khác đã năm tháng. Anh là một trong bọn người ông chủ mới giãn ra. Còn người con gái nghe đâu y cũng ốm lắm. Mà vừa ốm, vừa tiền không, quần áo lành lặn không, y đâu dám trở về cái nơi đã ghen tức nhìn y ra đi với một người con trai hớn hở. Một dạo, được tin y thôi giữ chân bán hàng, lại về ở trọ nhà người quen nhận quần áo các nơi đan. Bẵng đi khá lâu, mới thấy nói y theo giúp một chị em người Bắc mở nhà hộ sinh. Rồi cả người con trai và người chú cũng không hay biết gì về y. Hiện giờ người con gái này ở đâu, còn sống hay chết và làm gì?

Lệ Hà! Lệ Hà da nâu chín, trán thô, tóc cứng chải bồng lên kia hiện giờ ở đâu, còn sống hay chết và làm gì, hỡi những bạn đọc tin cậy của tôi?

1943

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Một Trưa Nắng

Minh,

Buổi trưa ấy vào tháng tư, tôi đi theo đằng sau xe, ở mé ngoài. Cùng đi với tôi, người đàn bà ở mé trong không có nón phải lấy vạt áo che nắng. Không! Nói cho đúng thì dưới thác lửa ngùn ngụt chói lòa của mặt trời, với cái mảnh áo mỏng, to hơn bàn tay, y chỉ che được tý gáy và đỉnh đầu.

Áo y bằng vải nâu đã bị dầu dãi cào mỏng dính và bạc thành như vải màn. Nhưng chưa chắc đến mấy năm nữa nó mới rời khỏi thân thể người đàn bà xốc vác nọ. Nó mới chỉ vá ở vai, ở khuỷu tay và ở lưng thôi, nghĩa là chưa phải thay cái phần dễ bục nát ấy bằng cái áo cũ khác để trở nên chiếc áo đổi vai. Dưới cái vạt áo ấy hãy còn lấm tấm những giọt bùn. Mặt người đàn bà căng nhẫy càng đầm mồ hôi và vẻ yên lặng càng rắn lại. Phải! Vẻ yên lặng của khổ mặt nâu xám, má gồ, miệng hô, răng hạt bí ấy, càng hệt như đúc bằng thép và phơi dưới một biển lửa mênh mông.

Đi với tôi, lúc nào cũng như lúc nào, bước chân y cũng nhanh đều. Đó là những bước chân ngắn thôi, của người đàn bà liền liền như dính vào nhau và quấn quýt lấy mặt đất, nhưng có thể hết năm ấy sang năm khác băng băng trên những quãng đường mà người ta dám thách tất cả những chàng lực sĩ cừ khôi có thể đi lâu và dài đường như thế.

Trưa nay, y đi chợ này, tinh sương, gà gáy ngày mai y sẽ đi chợ khác. Đến chiều, y lại về nhà rồi. Cũng như hôm qua, hôm kia, tháng trước, năm trước, từ thuở y còn con gái tới giờ và sự sồ sề đã thấy khắp người y. Đi như thế đâu

phải trên vai y chỉ có một sức đè nén của thời tiết mà còn bao nhiêu nặng nề của những gánh ngô, đỗ, thóc, gạo, dây khoai, bèo lợn, gốc tre, và bao nhiêu điều lo toan về nuôi nấng chồng con, đóng góp cho họ hàng làng mạc. Và đi như thế đâu phải y muốn đầy đọa thân mình, hay không hiểu gì. Trên quãng đường, những ôtô choáng lộn phóng qua mặt y, thường làm y nghĩ ngợi về những tiện lợi sung sướng của cuộc đời.

Nhưng người đàn bà chợ vã, một trong những giữa trưa ấy đã đi với tôi. Tôi cũng không quên cùng chiếc xe bò ấy còn có ba người nữa, ông cụ già kéo xe, người đàn ông đội cái mũ sơn đen đi sau cả người đàn bà và tôi, và đứa bé cõng trên lưng bác.

Đằng trước chúng tôi, chỉ trừ khi xe dừng lại nghỉ thì mới biết có ông già. Cả người ông bị cái xe chồng chất đồ hàng hóa che khuất hẳn. Cúi rạp xuống càng xe, ông như một vật không còn là người, hự... hự... hự... tôi chỉ thấy những tiếng thở tức tối này. Rồi thỉnh thoảng cái giọng khàn khàn của ông mới cất:

- Dốc! Dốc đấy!

Ông nói để báo hiệu cho chúng tôi cái quãng đường sắp làm chùn cả bánh xe và chân ông. Không để ông phải gọi đến tiếng thứ ba, người đàn bà cùng tôi liền nhoài thêm ra đẩy như ông và cũng thở như ông. Trong khi ấy người đàn ông đội cái mũ rơm và cõng con cũng thất thểu như không còn đủ sức bước. Bác lẽo đẽo sau chúng tôi hàng hai chặng cột dây thép và nhiều lúc bác còn thụt xa nữa. Qua những lớp nắng chang chang và cát bụi nghi ngút, cái bóng bác cũng lom khom lầm lì như bóng ông già.

***

Bọn chúng tôi đã họp nhau lại rất nhanh chóng, ông già kéo xe không về tỉnh. Người đàn bà tuy nhiều hàng nhưng toàn là chổi, quạt nan, dưa gang, cà,

những thứ không lãi mấy để bác thuê riêng hẳn chuyến xe ngựa. Còn người đàn ông, bác là thợ rèn đã nghỉ việc đến hai tháng, giờ dọn đồ đạc và đưa con ra tỉnh cho người vợ ở vú ngoài ấy để kiếm chỗ làm. Và tôi, tôi cũng phải đi gấp để kịp giờ tàu chiều. Và cũng không có tiền thuê hẳn một xe tay để ngồi thoải mái với cái hòm chỉ có sách cũ.

Một đồng rưỡi... một đồng bảy... hai đồng... hai đồng mốt... hai đồng hai... đến ba đồng năm xu ông già mới nhận chở. Tôi đã ngạc nhiên với cái giá hạ này. Kể ra riêng chỗ hàng người đàn bà giả đến ba đồng xe ngựa cũng không được. Thế mà lại còn bao nhiêu đồ của người đàn ông và tôi nữa.

Chúng tôi khởi hành vào khoảng một giờ. Lúc đó người mua bán đang mải miết ồn ào trong cái chợ phủ họp ở hai bên con đường gạch san sát xây quán ngói quán lá. Lúc đó cái nóng cũng đang tột độ gay gắt. Trên cao, mặt trời không còn để một ai nhìn lên vầng lửa đỏ rực của nó, cứ đỗ xuống mắt người ta cơ man những bó kim sáng chói. Không những thế, nếu người ta ngước mắt lên thì còn phải chịu sức cản ghê gớm nữa là không trung. Không trung bao la, không trung bát ngát. Không trung chót vót. Nắng sém lại thành một tảng vàng dầy đặc, nắng không cái gì đủ để đo lường, bốc khói cuồn cuộn mênh mông, chỉ chờ người ta chớp mắt một cái là sập xuống. Cảm giác nào của người ta cũng bị tan đi trong một cái choáng váng ở giữa khu vực thắm và lò điện đương ra thép...

Từ nhà trọ bước ra tôi đã rung cả tâm trí, toan thôi. Nhìn xung quanh tôi và nhìn đâu đâu tôi cũng chỉ thấy nắng. Mọi nhà ở, vườn tược, lũy tre, cánh đồng, gần xa đều mờ mờ toát hơi. Gió vắng bặt và hễ nổi lên lại tung cát bụi lầm. Cái nóng dội nữa vào mặt người ta, xộc vào tận đỉnh óc người ta, làm cồn cào gây người thêm.

- Dốc!

- Đẩy mạnh!

- Ôtô kìa!

- Nghỉ uống nước!

Suốt quãng đường trừ mấy tiếng trên đây còn chúng tôi ít khi nói với nhau. Vừa phần mệt nhọc, vừa phần bị thôi miên bởi sự đi tới sao cho mau chóng, nên chúng tôi không bảo nhau mà kìm gần hết lời nói lại để chuyển tâm lực mà đẩy xe.

Vả lại, về phần ba người kia còn có bao nhiêu ý nghĩ làm tâm trí họ tơi bời. Một thân già hốc hác trườn mình trên càng xe. Một cảnh buôn bán lặn lội đầu sông ngọn nguồn chồng con mong ngóng ở nhà, một nách đàn ông dìu địu con dại, đương không biết làm đâu để sống và đứa con kia sẽ ra sao đây? Ba người này chỉ hãy vừa đi vừa nghe những tiếng nhủ thầm của những giọt mồ hôi vã đầm cả trong người mình đã.

Cả trong khi dừng lại nghỉ, chúng tôi cũng chỉ chuyện với nhau được vài câu rồi ai nấy vẫn phờ phạc, ngây ngất nhìn cái nắng ở trước mặt mình. Đến nhiều hàng nước rộng nhất chúng tôi cũng ngồi xa nhau. Kẻ đánh bệt đít cạnh một chân cột. Kẻ núp mãi vào giậu râm bụt hay giậu mùng tơi. Kẻ nằm lăn ra đất và chỉ chực ngủ thiếp đi trên cái mát hôi hổi của nền đất. Và chúng tôi quạt, quạt bằng nón, bằng mũ, bằng mo cau. Quạt hết tay này sang tay khác. Tiếng quạt tới tấp nghe rõ mồn một và tiếng thở dồn dập không phải chỉ là của chúng tôi mà của cả những người đã vào uống nước ngồi lâu rồi. Còn là của cả các con vật vô tri khác nữa.

Trong cái yên lặng phảng phất vẻ hoang vu và phấp phỏng của những năm dịch tễ đã qua, còn nhiều tiếng triền miên nữa. Tiếng hổn hển của những con chó áp bụng dưới gầm giường, tiếng chim cu rền rĩ qua bụi tre, tiếng cối xay nghiền thóc ken két.

Lắng nghe những tiếng này tan dần, xa xôi thêm, để nổi lên mỗi thứ tiếng

cháy sôi của nắng và của những màu sắc gai góc mà cảnh vật đang bị âm ỉ hung đốt.

Đàn ông, đàn bà, trong nhà, ngoài đường, đều nằm ngồi khác hẳn. Một vẻ rã rượi ê chề đóng dính lấy người ta. Mặt người ta gân guốc, rạn nứt và nhễ nhại những giọt mồ hôi đỏ nhờ. Cả cảnh vật nữa. Lác đác những ruộng màu như rỏ máu, những luống đất mới vỡ lại và những lạch nước có khơi vào ven bờ, những ngọn cỏ may cháy xám, xác xơ hơn những tóc trụi trên đầu người sốt rét kiệt lực. Khắp vùng cánh đồng chói chang lúa trải vàng không có lấy một bóng người. Tháng tư rồi. Đất âm âm những tiếng rên xiết mong chờ gặt hái, mưa và sự cày bừa, tưới bón mới.

Nghỉ chưa được dăm phút chúng tôi lại giục nhau đứng lên lảo đảo bước ra khỏi cái bóng râm mát của mái rạ và những cây cối.

Đầu tôi nặng trĩu thêm đưa bước chân đi, tôi lại cồn cào. Và ngước mắt nhìn đường cứ xa hút. Nắng chang chang, bụi rừng rực, tôi lại toan gợi chuyện với người đàn ông đi sau. Tôi muốn tỏ riêng sự chú ý đến bác, để bác có một chút vui và bước nhanh hơn bước đầu, kịp với chúng tôi. Nhưng mấy lần môi tôi đã mấp máy và định quay lại nhìn bác mà phải thôi, bác cứ sùm sụp cái mũ sơn đen trên đầu, mặt cúi xuống, nét mặt vừa nhẫn nại, vừa phờ phạc, đầy chán nản khổ sở. Còn đứa bé bác cõng ngoặt đầu trên vai cha, mắt nhắm lại. Nó đã ngủ mà miệng vẫn há, dãi nhoen ra mép tong tong. Nó ngủ, mặc kệ cả các bước hẫng của người cha làm nó giật nẩy mình, cả những tia nắng chói xuống mắt. Bên những tiếng thở phì phào của người cha, tiếng thở của nó cũng rõ ràng không kém. Khò khò rè rè, thỉnh thoảng tắt rồi sụ sụ, rồi lại như trước. Chú bé vẫn ho vẫn còi cử vẫn quằn quại trong sự nghiến rứt của bệnh tật.

Thêm một lần nữa, tôi nhìn thẳng cái mặt bủng híp, nhầy nhụa của đứa bé mà tôi không được rõ là trai hay gái, đương ốm bệnh gì và ốm đã bao lâu. Tôi thôi nhìn cả người cha nữa. Người cha đội mũ sơn đen, quần áo cũng bằng

vải đen. Một cục than bỏ rơi trong cái biển nắng lúc bấy giờ. Tôi lại quay mặt nhìn vào cái xe chuyển ì ạch, chịu một sự tê tái hoang mang đè xuống tâm trí với những tầng nắng vàng rực dưới một không trung xanh lòa và ngùn ngụt khói.

***

... Minh! Tôi sẽ viết dài về buổi trưa nắng ấy cho Minh đây. Những ông già kéo xe, người đàn bà che vạt áo, người đàn ông thất thểu cõng đứa bé trên vai kia! Tôi sẽ đưa các người như thế nào trên mặt giấy? Tôi sẽ viết thế nào để thoát khỏi những ám ảnh dứt không được, dập không tắt trong tưởng tượng của tôi?

Các người nào chỉ bắt tôi vẽ hình ảnh người như người đã đi với tôi giữa trưa nắng ấy?

Các người còn đòi tôi cả một tâm hồn u ẩn của người, cả những rung động tiềm tàng của người.

Các người còn đòi tôi cả những đau buồn, thương xót, mừng vui khao khát, mong ước và tin tưởng của người. Sự sống của các người giữa những tuyệt vọng tối tăm, giữa những xây dựng những sự tiến tới rực rỡ của cuộc đời đang vượt qua sự bừa bãi hỗn độn này.

Người còn đợi tôi - Ơi run sợ - một cái gì không phải vì riêng tôi, nhưng nếu tôi, trí tôi không tha thiết, không tận cùng yêu dấu và tin tưởng thì tôi sẽ đau khổ gấp bao nhiêu với sự đau khổ của người.

Vì đó là trọn cả một sự cắn cỗi, một sáng tác chết. Một sự nói dối quái gở thái ác.

Phải không Minh, người bạn còn đọc nhiều tôi kia?

Ông già, một người cha già nào của chúng ta kia! Người đàn bà, một người vợ nào của chúng ta kia! Người đàn ông và đứa con, ta và đứa con nào của chúng ta kia! Những hiện thân của Minh, của tôi, của hầu hết chúng ta, hay không sẽ là cuộc đời của chúng ta thôi. Chúng ta phải nói gì về người, làm gì về người. Để tìm thấy một con đường, một chân trời êm mát, tốt tươi qua những ngày mưa dầu nắng lửa.

1943

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Láng

Họ im lặng đã lâu rồi. Hai vai lẳn thịt của Láng dần bứt rứt. Dưới mắt Láng bắt đầu chớp chớp, những ngọn cỏ và sắc xanh tốt của chiều chờn vờn, nhập nhòa. Ngồi bên Láng, Nấm, người bạn mảnh khảnh và gương mặt khô khan ấy, như không tưởng đến sự về, cứ vân vê cái thắt lưng của Láng mới sắm bằng thứ lụa mộc rẻ tiền.

- Thôi tối rồi kia kìa, Nấm mày để tao về chứ.

- Về làm gì vội con ranh Láng này. Mày đã đói lắm hay sao? Mấy hôm nay mày trốn tao ở nhà và đi cắt cỏ ở đồng khác không đủ sao?

Láng nhăn mặt, gỡ nhẹ tay mình đã nóng lên trong bàn tay chặt chẽ của Nấm. Láng kêu khẽ:

- Khổ quá!

Nấm giẫy người một cái, hắt tay Láng xuống đùi:

- Thì đây!

Láng bứt rứt nhìn bạn cười:

- Có thế mà cũng dỗi, thôi cho tao về nhé. Thế nào đến ngày kia là hai mươi, mày cũng chờ tao ở đồng Ngói bên Phương Hạ tao xuống giúp ông Lý họ nhà mày ấy và nhân tiện cắt cỏ nữa.

Lại được gặp bạn, ngồi bên nhau, nói đủ mọi chuyện với nhau và lại hẹn

nhau, Láng thấy lòng nhẹ hẳn đi và trong người hồi hộp lạ. Láng bước vội trên con đường nhỏ chạy khúc khuỷu giữa cánh đồng. Cái gánh cỏ nhún nhẩy xuống vùn vụt của Nấm cũng dần khuất. Chiều xuống thấp nữa. Ánh vàng úa tan hẳn trong những lớp khói xám trên những mái rạ và những ngọn cau. Tiếng người làm lụng ngoài ruộng dồn về cả trong xóm, để mình tiếng gió vang vang qua những ngọn lúa và những lũy tre. Họ, kẻ vác cày, cuốc, đập, đòn gánh, người dắt trâu hay mang những nón áo, ấm đất, điếu cày. Tất cả đều lặng lẽ phờ phạc vì đói, mệt.

Láng về đến đầu đường đá thì lũ trẻ mục đồng đã tíu tít: "Nghé ơi! Nghé ơi!" rầm cả một vùng. Mồ hôi Láng vã ra đẫm ngứa cả lưng. Nhưng Láng chỉ xốc đòn gánh sang vai bên rồi càng bước nhanh qua những ngõ đã tối, để kịp cái bữa ăn chắc chắn các em Láng lại chờ đợi, mặc dầu chúng nó đã đói lắm vì từ sáng tới giờ mới được miếng cơm nóng. Quả nhiên mâm cơm đã dọn ra giữa sân. Hôm nay mười tám, trăng lên muộn, nhưng cái ánh trời rộng cũng đủ lắm. Hai đứa em nhỏ của Láng đương lăm le bên hai cái chổi lúa, thoảng thấy Láng đi vào chúng liền reo lên và ngồi sà ngay xuống đất.

- Chị đã về, đã về. Thôi bắc cơm ra đi!

Vừa nói chúng vừa bốc mấy ngọn rau, nhồm nhoàm nhai và tranh nhau so đũa. Cái em nhớn Láng lễ mễ bưng nồi cơm lên, rít răng rủa sả rồi thẳng tay cốc cho mỗi đứa mấy cái. Hai đứa nhỏ nọ xoa đầu, văng ra một tràng những tiếng tục tĩu. Láng nhăn mặt nhìn các em, vừa lấy vạt áo chùi mồ hôi:

- Chúng mày cứ giữ cái thói ma đói, ma khát ấy! Cơ khổ! Và sao cái Nhớn, cơm chín rồi không dọn cho chúng nó ăn, còn vẽ chờ tao làm gì.

Cái Nhớn càng tức, đánh thêm chúng nó mấy cái nữa và ẩy một đứa ềnh ra, khiến sự chí chóe càng ầm ĩ. Láng phải thét lên. Chẳng kịp rửa qua cái mặt và đặt gánh cỏ vào quá bên trong, Láng phải ngồi ngay xuống xới cơm cho chúng nó. Bữa cơm lại trở nên vui vẻ, không phải vì sự chuyện trò hay vì

những nét mặt tươi cười trước những món ăn khác lạ. Cũng như mọi hôm, chỉ thấy những cái miệng ấy nhai rất ngon lành. Cơm đỏ tía, rời rạc, còn hơi nong nóng, xới ra, từng bát sành đầy cứ hết veo veo. Đĩa rau muống lùm lùm liên tiếp bị gắp ra những cuộn dài lê thê chấm đẫm vào thứ nước cáy tanh. Không dùng thìa và cũng không có thìa, cả chị lẫn em chuyên tay nhau bê bát nước rau đánh dấm khế lên húp sùm sụp.

Không một ý nghĩ, không một chút hay biết cái gì ở bên ngoài. Tất cả cảm giác mấy chị em Láng dồn hết vào những miếng ăn, những bát cơm hẳn hoi bữa giờ mới có ăn để được ngủ yên và có sức sống sáng ngày mai làm việc. Bùi, ngọt, kích thích dồn dập như rượu mạnh, nhai những miếng cơm to và rau chấm mắm kia thật là hừng hực trong một sự say sưa ngùn ngụt. Nhất là cái Nhớn, mồ hôi nó vã ra, mặt mũi nó nóng rực, càng ăn nó càng thấy thòm thèm giá có thể cuốn cả một lúc tất cả cơm rau vào bụng thì mới thỏa.

Năm nay Nhớn mười bốn tuổi. Người ta vẫn gọi nó là con bé Nhớn hay cái Gái Nhớn chứ không là cô là chị gì cả. Nhớn chỉ cao hơn thằng cu em một cái đầu mà thằng này mới lên chín. Nhớn cũng gầy như nó nhưng đen hơn nó, đen cóc cáy quá cả cái mức bẩn thỉu. Láng còn có những ngày nào phải làm những công việc nào, chứ Nhớn thì sáng ra tự trên giường bước xuống đất là luôn tay luôn chân, sục sạo, xốc vác quần quật cho tới khuya. Vớt bèo, hái rau, xin nước gạo, nấu cám lợn, đi chợ bán những thứ rau đậu nhà trồng, làm vườn, cắt cỏ, lấy lá tre, nhặt củi rào, thổi cơm, giặt giũ, dọn dẹp cửa nhà, tất cả những công việc không nhất định một chỗ và không hẳn một tên này... đều dồn vào phần Nhớn, và Nhớn phải nhận cả lấy, mê man mà làm cho trọn.

Đó là những công việc trước kia của Láng và của mẹ Láng.

- Thôi chứ! Còn gì mà vét, vét mãi. Để người ta rửa ráy rồi đi lấy bèo, lấy cám mai nấu cho lợn.

Cái Nhớn giật phắt lấy bát nước cáy mà thằng Cu và con Út tranh nhau

quét đũa để ăn nốt bát cơm còn nửa. Nó lườm thêm hai em một cái nữa vì thấy chúng nó còn lấm lét nhìn chỗ cơm để sáng mai mỗi người chia nhau lưng bát.

- Nứt bụng ra rồi mà vẫn thế. Không xem những đứa ngoài quán kia, cả ngày chỉ vừng cháy, củ khoai chứ đâu được như các ông các bà nhà này!

Láng đưa mắt nhìn hai em nhỏ. Không chút ngẫm nghĩ, Láng bẻ làm đôi miếng cháy đương ăn chia cho chúng nó. Chóp chép miệng, Láng đứng dậy. Uống hết bát nước chè tươi nóng hổi ở ngay dưới bếp, Láng thấy mất hẳn sự thòm thèm hàng ngày, hàng năm và có lẽ mãi mãi.

- Nhớn ơi, thế mai mày gánh gánh cỏ sang bên bà cụ Bá cho tao nhé?

- Vâng ạ, con nhớ rồi, bà không phải dặn. Vậy con đi thế ở nhà ai hái rau, ai bán rau?

- Thôi tao bán cất cho người ta.

Nhớn giãy nảy:

- Lại chỉ bốn nhăm xu một trăm mớ và còn phải chầu thêm năm mớ. Thôi! Thế bà cứ để đấy cho con, con đi sớm rồi con ra chợ vậy. Mai ngày phiên, còn có chục trứng gà bán nữa.

- À mà này Nhớn, mẻ gạo tao mua đâu, đưa tao sảy ra và nhặt nhạnh lại nào.

Nhớn không đáp, trỏ vào trong buồng rồi ra cầu ao. Nền mây đã bừng sáng. Mấy ngọn tre phơ phất ở đầu ngõ lấp lánh rắc xuống nước những giọt bạc mới. Trăng ngoài kia đã lồ lộ. Cái vành sáng của nó lẹm đi một phần càng nổi lên, càng vằng vặc, làm lung linh cả một vùng cây cối lộng gió, nổi rõ những cành lá xanh biếc và thấp thoáng như là những làn tơ tím. Hầu hết

người trong làng lại tiếp tục làm việc. Ở từ những mái rạ chật chội, xiêu vẹo, đến những nóc nhà ngang chắc chắn kín đáo, chỉ thấy những tiếng động, những dáng người cặm cụi mà rất ít tiếng cười nói. Và tịnh không một ngọn đèn. Cả ở những bờ hè mà mấy người già tiếc rẻ thời giờ và ánh sáng, còn giở quần áo ra và vừa ho sù sụ, vừa thở ì ạch mà vẫn phải gắt gỏng, để mắng những đứa cháu chí chóe ở bên cạnh.

Cả Láng, Nhớn và hai đứa nhỏ cùng ở ngoài sân mà nền đất đã nhẵn thín và dưới trăng, như láng thiếc. Trong tay Nhớn, những nắm bèo cái xồm xuề cứ ngoem ngoém tơi ra bởi lưỡi dao thái đều như máy. Bên những tiếng soàn soạt này, tiếng học bài nghêu ngao của hai đứa nhỏ càng vang lên, khiến người ta tưởng chúng nó hát với nhau. Mẻ gạo Láng đã nhặt được quá nửa thì mắt Láng nhức lắm, ứa nước và nặng trĩu. Không làm việc lặt vặt như em, Láng cũng đã quần quật từ sáng sớm tới năm giờ chiều. Láng đi giã bột thuê cho một chủ hiệu khách bên chợ Huyện. Cả tháng đủ ba mươi ngày thì được bẩy đồng rưỡi. Đó là vào món tiền gạo, mắm của bốn miệng chị em trông phần lớn vào đó. Còn sự đóng góp, giỗ chạp nữa, Láng và Nhớn phải bảo nhau mà lo cho đủ để khỏi tai tiếng cho nhà, cho thằng em trai sau này nhớn lên còn hòng đường vợ con và sự ăn ngồi trong dân làng. May mặc là chuyện cuối cùng, rách thì vá, vá không được thì chắp nối đụp lại rồi mới dám tính đến cái mới. Như cái dây lưng lụa mộc, giá ba hào chỉ kia, Láng chỉ được phép thắt khi ra ngoài đường bị mắt thiên hạ xét nét từng li từng tí.

Cất mẻ gạo vào thạp, Láng thấy vẫn còn sớm, bèn ra ao hái thêm vài chục mớ rau muống nữa để đỡ việc cho em. Ra khỏi ngõ nhà, rẽ vào cái lối đi sát với hàng rào nhà người dì ruột, Láng chợt đứng lại hồi hộp. Bên ấy có tiếng cười nói vồn vã:

- Bu xách cái gì thế? A, dứa đấy à?!

Người dì Láng ở ngoài ngõ vào, một cánh tay trĩu mấy quả dứa vàng ấy vẻ mặt tràn đầy hể hả. Con bé em họ Láng vội đỡ lấy hai quả, nhấc lên tít mắt

ngắm nghía.

- Dứa mật đầu mùa, quý lắm. Để dành đến hăm tư này thắp hương cúng ông, bu ạ. A mà ai cho thế hở bu?

Người dì Láng cởi chiếc áo đổi vai vắt lên cây nứa mé sân:

- Của bà cụ Bá gửi bà Trưởng biếu tao đấy.

Cởi một cái áo cánh lụa mới ra, người đàn bà nọ nói tiếp:

- Bà Bá lại cho tìm tao để nói về việc lo cái Láng cho cậu Hai nhà bà và có thì đến tháng hai sang năm, năm hợp của cậu ấy thì lo.

- Thế bu có nhận không?

- Ấy tao cũng chỉ bảo còn xin phép bà thư thả để hỏi ý cháu đã. Mày tính ai mà lại không bằng lòng. Nhà mình thì vẫn còn nợ của người ta, mà nhà nó thì đất, cát, vườn, ao đều ở nhờ người ta, và nó lại được người ta có lòng thương yêu đến như thế là tốt số lắm đấy. Được làm dâu, làm con của nhà bà Bá, có sao, ít lâu rồi thì tha hồ mà sung sướng.

Ngừng lại, người dì Láng tấm tắc:

- Hôm nay, mới vào hẳn chỗ nhà thờ đằng bà Bá mới biết nhà người ta sang trọng, sung sướng thật. Có mấy bà làng ngoài đến giả nợ và cầm đồ toàn là những bà Phó, bà Lý cả, thế mà bà ta mặc, để mấy bà cứ lủi thủi mãi dưới nhà ngang, lâu lắm mới cho người nhà gọi lên. Đấy dứa là của bà Phó biếu để khất nợ đấy. Còn vô số trứng gà, xoài của họ, bà đã xếp vào cái nắp quả cho tao năm quả xoài, ép tao lấy, nhưng tao phải hết lời xin phép bà, bà mới thôi. Mình cũng còn nợ người ta ngót trăm thúng thóc, vụ mùa này đã chắc gì lo được giả bà, vậy không tết nhất bà thì chớ ai lại còn dám nhận quà của bà. Thôi chuyến này bốc hót cho thầy bu nó xong là tao nói với trong họ cho

người ta lo liệu ngay cho nó thôi...

Con bé nọ lại cười tít mắt. Nó chẳng cần nghe thêm chuyện của mẹ mà lại nhấc quả dứa lên mũi hít hít, xuýt xoa khen. Người mẹ phải giằng lấy:

- Thôi cất đi. Của cúng bái mà cứ vần vò thế. Kìa! thầy mày bảo tối nay ra đình họp hội đồng thế mà đã sang ông Lý đánh tổ tôm rồi phỏng? Chết! Sao mày không tắt đèn đi mà để thế kia. A mà thôi, vặn nhỏ cũng được, để tí nữa bà Bá sang nhà cái Láng bảo nó đến giúp cho bà ấy chứ không ra ngoài huyện làm bột cho hiệu Khách nữa, nhỡ bà có tạt vào nhà chăng.

Láng đã bàng hoàng như bị một cái gì đập mạnh vào mặt. Láng liền bước vội ra cầu ao với những tiếng nức nở trong cổ họng:

- Chết thì chết!

***

Nấm cười bảo Láng:

- Mày lấy hay không lấy, chúng tao cũng mặc mày, vậy chúng tao hỏi, việc gì mày phải chối!

Cặp má phinh phính của Láng đã bừng bừng. Láng càng cúi gằm mặt xuống cái đòn gánh trên bờ cỏ. Hai người con gái ngồi bên, nhìn chõ nữa vào mặt Láng trong cái vẻ mà họ cho rằng là thẹn thùng. Họ tin rằng Láng đương sung sướng, sự sung sướng chính họ nhiều lúc cũng rung động trước kẻ nhắc nhở đến chuyện chồng con của họ sau này ở những nơi giàu có. Riêng Nấm hiểu được nỗi niềm của Láng nhưng y vẫn cười, và trong cặp mắt nâu ánh, vẻ sắc sảo đặc biệt của Nấm vẫn ngụt lên những khiêu khích:

- Tiếc thay chúng tao chẳng bén gót mày để được hết nhà nọ đến nhà kia săn đón, mối manh như thế.

Hai người bạn gái lại tíu tít cười để tán thưởng Nấm. Mắt họ sáng hơn lên vì sự nồng nàn của những cảm tình đối với Láng, Láng cũng trạc mười tám, mười chín, đôi mươi như họ nhưng họ thấy Láng đẹp và đáng yêu mến quá mà không biết con trai thì phải say mê Láng đến đâu. Người nẩy nở, uyển chuyển, da dẻ hồng hào, không thì thôi hễ cười là hàm răng và mắt ánh cả lên. Láng lại còn lưu luyến thêm chung quanh bằng sự ít nói chịu nhịn, dễ nghe và hay giúp đỡ. Nhất là những bà mẹ khá giả trong làng, đương nhòm ngó vợ cho con thì "cay" Láng chết được.

Họ đều không thể không ao ước trước những đường mạ cấy thẳng như xe chỉ, những nhịp cắt lúa cứ ngọt lịm đi, và những gánh cỏ, gánh rơm trông rõ nhỏ mà dỡ ra thì đầy lùm mặt đất. Lại còn sự chịu khó, sự khỏe mạnh và cái nghèo nàn của Láng nữa. Cái nghèo: lấy Láng cho con họ, họ không phải cưới xin, sắm sửa tốn kém để sau này con dâu họ có làm bù, làm để trả lãi họ và trả cả nợ cho họ, họ cũng vẫn thiệt. Chỉ vài nghìn cau, vài cân chè, dăm chục bạc cho Láng sửa lễ qua loa đấm miệng những họ hàng ăn nói, và vài thứ quần áo vải nái, người mua Láng về sẽ tha hồ mà bằng lòng với sự sinh sôi nảy nở của Láng.

- Hay Láng này, mày không ưng cũng cố mà lấy, để còn mấy cậu anh em con chú con bác nhà nọ vơ vào nốt cho chúng tao làm chị làm em, chạy đi chạy lại với nhau cho vui.

Hai người con gái càng cười ran:

- Phải đấy! Phải đấy! Chúng em cũng đương chẳng được ma nào để ý đây, đương mong có ai thấy chỗ nào sung sướng như cửa nhà cụ Bá thì đánh tiếng giúp cho.

Nắng chiếu qua những vầng mây vừa tan ra, vàng rực rỡ. Những mảnh vàng lấp lánh tỏa rào rào xuống chỗ họ mà cỏ và lá tre nồng nàn một thứ hơi ấm cũng lành mạnh như da thịt họ. Cạnh đấy, những luống đất vừa cấy xong

phơi lổm nhổm những tảng đất mịn và sáng, mờ mờ bốc hơi. Tiếng mấy người canh điền hò trâu vang thêm. Dưới nước da đen và nhẫy mồ hôi, nét mặt họ rắn đanh đăm đăm như khó chịu vì mấy con vật cứ vẳng dây thừng và sự cười nói nhàn hạ của bọn Láng ngồi trong bờ.

- Thôi, chúng em về đây, hai chị còn cắt nữa ở lại.

Hai người con gái nọ ríu rít chào Láng và Nấm lần nữa rồi mới đi. Họ vừa rẽ ra con đường đất thì mặt Láng xịu lại. Ngay đến Nấm đã ngồi sát vào người Láng, nhìn vào mặt Láng, giọng nhỏ đi:

- Láng mày giận tao đấy à?

Láng mím môi, lắc đầu, quay ra bên. Nấm kéo vai Láng lại:

- Hề... hề... Thôi tao xin lỗi mày, khỉ ạ!

Láng vẫn im lặng và mắt càng long lanh. Nấm chợt thấy run run trong tâm trí, Nấm hối hận cứ đùa bỡn mãi với sự lo nghĩ đau khổ của bạn. Nấm nhíu mày lại một lúc rồi cất tiếng nói hổn hển như trong một sự mệt nhọc:

- Tao biết rồi, tình cảnh mày khổ lắm. Và tao chắc rằng không đời nào mày lấy thằng Hải nhà bà Mậu ấy. Thứ con giai gì mà xanh mướt ra, người cứ lướt như tàu lá, học hành chẳng ăn thua gì, chỉ giai gái chơi bời, đã thế lại còn cứ bệ vệ ra vẻ ta đây, và động mở mồm thì đồ bay, chúng nó, quân này, phỉ nhổ vào mặt người ta. Mày có vô phúc thì mới về làm dâu nhà ấy. Gương tày liếp ai còn lạ gì những cảnh như thế. Như mấy con làng này về bên Phương Thượng đương tươi tốt như hương như hoa ấy, thế mà chỉ hơn một năm mà võ hẳn đi, con quấn con quýt mụ mẫm cả người, chẳng còn được đi đến đâu, biết đến ai. Nhà nó có lắm thì chỉ ngập đầu mình công việc và sảy đi một tí là mình bị đay nghiến rứt từng miếng thịt ra, chứ báu quý sung sướng gì? Và chắt bóp, và hành ác nghiệt lắm, chắc gì! Khỏi đời mình, đến đời con

cháu, chỉ mấy cái mớ bát, mấy lần tranh nhau việc làng và hống hách lắm, chỉ mấy lần tiêu sưng... là ăn mày ngay...

Láng đã chớp chớp mắt, và khi Nấm dứt câu, Láng lắc lắc đầu, nét mặt tối lại với một vẻ van xin Nấm đừng nói nữa. Hay Nấm có nói thì cứ việc tô điểm cho cái nhà mà Láng ghê sợ kia thật hay, thật tốt như thế lại làm cho Láng đỡ cực lòng, còn muốn chuyện trò. Vì tất cả những cái Nấm tách bạch ra ấy, không phải Láng chỉ hiểu biết thôi mà như thật Láng đã thành vợ cậu Hải, về làm dâu bà Bá đương sống từng giây phút cái cảnh sống bề ngoài rất đẹp đẽ mà bao người, kể cả kẻ trong cuộc và kẻ chung quanh đều tin như thế, khao khát được và gìn giữ mãi mãi.

- Có phải dạo nọ nó cho chị em mày thêm một trăm bạc và chị em mày đã ký giấy dứt cái chỗ nhà, vườn, ao bu mày cầm cho nhà nó phải không?

Láng gật nhẹ đầu, lờ đờ nhìn Nấm.

- Ừ, nhà nó đưa thêm trăm bạc nữa nhưng chưa bắt chị em tao ký giấy. Nó chỉ nhắn dì Hương tao và bác Khán tao rằng nếu khi bốc hót xong cho thầy bu tao mà tao không lấy thằng Hải thì nó mới xử thế, bằng tao nghe nó thì nó vẫn để cho ở và xem sao, nó sẽ cho không văn tự thằng tao nữa.

Nấm bĩu môi:

- Úi dào!... Tử tế thậm! Nhà nó có lòng tốt thế thì khi bu mày còn sống, bu mày ốm, mày năm lần bẩy lượt đến nhà nó vay tiền, sao nó không cho mà còn luôn luôn thúc bu mày giả nợ không thì nào đuổi đi, nào cắm đất?! Tao nhớ mãi cái lần con em Nhớn mày nó dắt bu mày đến nhà nó vay thêm tiền, mẹ thì run không được, mặt mũi xanh xám, con thì đói, gầy tóp như cái que, tao gặp bu mày ở cổng nhà nó đi ra tay không, tao chào nhưng bu mày cố quay mặt đi.

Ruột gan Láng đã bị xoắn chặt, Láng cố giữ nước mắt nhưng vẫn không thể ngăn được cổ họng nghẹn ứ. Láng cúi gằm mặt xuống, móng tay xiết be bét những vết ngập mặt đất. Láng thấy xót xa cho mẹ còn gấp trăm mình. Vì đó là sự nhục nhã, đau khổ của một kẻ đã chết và suốt đời chẳng được một chút sung sướng. Mẹ Láng cũng như hầu hết những người đàn bà trong làng, về đến nhà chồng là phải chúi mắt, chúi mũi làm để giả cái nợ cưới xin của mình. Rồi từ năm có con, chưa dứt đứa nhớn đã tiếp đứa bé, mẹ Láng chỉ còn là một hình nhân có cử động mà không cười nói, bên cạnh cha Láng ngày ngày quát tháo hơn chục đứa trẻ ê a học chữ Nho đến bữa có cơm thì ông ăn, có rượu thì ông uống, và có quần áo thì mặc, ai đến rủ thì đi.

Năm đẻ thằng cu thứ ba em Láng chỉ nuôi được vài tháng, bố mẹ Láng còn hơn mẫu ruộng cầm và bán nốt cho bà Bá thì hết thứ cày cấy. Sau đó ít lâu, ông Khóa chết, cái bếp nhà gỗ năm gian hiện chị em Láng đương ở và ba sào vườn cùng một sào ao là những cái của cải cuối cùng đem cầm cho bà Bá để lo trọn những công việc ma chay cho ông Khóa trả nợ dân làng. Hoàn toàn hai bàn tay trắng, mẹ Láng lại càng ra sức làm việc với đứa con gái đầu lòng đã thông thạo và xốc vác được như mình là Láng, với cái Nhớn, đứa em gần Láng, nó đã có thể vừa trông coi các đứa nhỏ, vừa thổi nấu, dọn dẹp. Nhưng chỉ được hơn năm nữa, mẹ Láng ốm, ốm luôn, ốm chưa khỏi đã lại phải gượng dậy. Sau cùng, bà đành chịu quanh quẩn ở nhà, nhận sợi của người ta về quay và may vá vụn vặt.

Ba mẹ con, trừ thằng Cu được đi học và thêm con bé Út, bằng ấy cánh tay không mấy lúc rời nghỉ, đấu vào nhau mà sống lần hồi từng ngày. Cái cảnh heo hút, thiếu thốn, của năm mẹ con vẫn như khi ông Khóa còn sống, không bợn một tai tiếng và người ta vẫn thấy sự yên lặng ấy là của sự đầy đủ. Cái dòng đời ấy như là một dòng suối nhỏ chảy trong một rừng cây um tùm, bị khuất hẳn và không một tiếng róc rách vẳng lên.

Trong khi sự cảm động ánh cả lên mắt Láng, Nấm cũng bắt đầu thần

người ra. Cảnh Nấm chẳng khác gì Láng mấy, tuy bố mẹ Nấm còn sống và Nấm không đến nỗi phải ở nhờ ở đậu. Nói những câu trên đây, Nấm nói cả cho mình nữa. Nấm không được những nơi như bà Bá nhòm ngó, nhưng nếu được thì cái hạng chồng như thế cũng chẳng làm Nấm vui gì. Mà Nấm càng bị người ta rẻ rúng, chẳng ai để ý đến, Nấm càng ghê gớm cái cảnh chồng con đầy đọa kia như để trả thù sự người ta ghê gớm đối với mình.

Tại Nấm gầy và đen, thỉnh thoảng trái gió trở trời lại sốt, ốm như ông già bà lão ho hen kinh niên, hay gần hơn, như cha Nấm vậy. Cha Nấm nghiện rượu từ năm hai mươi, bỏ làng đi biền biệt những Lào Kay, Cốc Lếu, Vàng Danh, Cẩm Phả về. Đến năm ba mươi, cha Nấm mới lấy mẹ Nấm, mà mẹ Nấm không hiểu tại sao cũng khỏe đẻ như mẹ Láng và nhiều người mẹ khác, tất cả mười bận, giờ chỉ còn có bốn. Nấm là con gái thứ ba nhưng thành cả, hai thằng nhỏ và một con bé vẫn còn đương bú. Nấm còn đông đủ cả ông bà. Mấy người cô và thím Nấm lâu nay lại trở về, chia nhau mấy gian nhà dưới. Khi nào nhà nhiều việc thì họ làm giúp, ông bà Nấm cho ăn, không họ phải lo lấy, con cái nhịn đói.

Cái người Nấm, cái thân hình củi gộc và củ súng ấy còn tí gì là lộc? Rước nó về nhà chỉ để làm hình nhân thôi chứ trông mong gì sinh đẻ. Và được người đỡ đần đâu không thấy thấy ngay cái tội phải hầu hạ thuốc thang, tốn kém cả tiền và thời giờ đã. Ấy là chưa kể cái ông bố tính nết lèo nhèo kia và những thằng em Nấm chẳng được học hành, nghề ngỗng gì cả, nhớn lên không hiểu làm gì? Thôi, lại chỉ đến nhà chị, nếu chị có khấm khá, thì xin dấm xin dúi, chán không được lại hở ra đâu là ăn cắp đấy thôi!

Nấm chỉ có Láng là thân nhất và vài người bạn thường con nhà cũng nghèo hèn như Nấm. Vả lại Nấm không chọn thế cũng không được. Tất cả những con gái cùng trạc Nấm đều xa lánh Nấm để khỏi như bị lây những cái xấu xa, hẩm hiu, cô độc cho rằng là trời đày Nấm phải chịu suốt một đời kia.

Nấm lại cầm tay Láng, bẻ bẻ những khớp:

- Thằng Tỵ nó vẫn làm đồng bên Phương Thượng hở Láng? Đúng nửa tháng rồi đấy.

Láng gật đầu. Nấm nhìn sâu hơn nữa vào mặt Láng:

- Mày vẫn không chịu gặp nó? Và sao mày lại không đón nó ở ngoài Quán Đồng?

- Gặp thế nào được? Và đón làm gì?

Nấm cau mặt:

- Sao mày lại cứ thế! Con này lạ quá! Mày có biết như thế là mày làm khổ nó không? Nó không nhắn gì tao, không nói gì với tao, nhưng nửa tháng nay chiều chiều tao cứ thấy nó thơ thẩn đằng đầu đường Quán Đồng thì tao biết nó mong mày lắm. Hay thôi được, mày không bảo thì tao bảo thằng Tỵ vậy để nó gắng đi...

Nấm toan nói tiếp nhưng thoáng nghĩ đến tình cảm Tỵ, Nấm liền ngừng lại vì thấy mình lại làm bạn tủi cực. Như Tỵ, thì gắng thế nào? Đào đâu ra tiền để lo sự cưới xin? Hay bán thân, bán xác đi? Hay liều theo không nhau để chịu những sự dê diếu khó mà sống được ở cái đất này?

Tỵ là người con trai chỉ có Nấm biết là kẻ thương yêu độc nhất của Láng. Tỵ không phải người làng. Một năm đói kém, người ta thấy một đôi vợ chồng dắt nhau đến chợ Huyện với một cái gánh, một bên có bốn đứa con, một bên xếp ních những quần áo, nồi niêu, bát đĩa. Gần hai mươi năm, cái gia đình không ai rõ tông tích ở đâu ấy lần từ ngoài chợ dần dần vào trong này rồi lấy thẻ làng. Người chồng thì làm thuê, người vợ bán quà vặt, bốn đứa con cũng phải đem góp những cánh tay non nớt vào việc đan vó để kiếm cơm ăn. Sau, nhận được hai mẫu ruộng bồi ở bãi Đồng Xá của bà Bá thì hai vợ chồng ở nhà cày cấy cho tới giờ. Tỵ đã hai mươi hai và một đứa em gái Tỵ đã mười

sáu. Con sống có, con chết có ở cái nơi không phải chôn rau, cắt rốn mình và có mồ mả tổ tiên mình này, cha con Tỵ đã cất được một cái nhà tre, sắm được cái bàn thờ và may mới hẳn vài cái quần áo chúc bâu, đi đâu trông cũng tươm tất. Nhưng, sự sống của những bàn tay trắng ấy cũng như của Láng, của Nấm, lần hồi được ngày nào biết ngày ấy thôi.

Tỵ còn làm khỏe gấp ba người cha khi còn trai tráng. Tỵ vừa vạm vỡ, vừa vui tươi khiến trông cái vóc người, cái miệng cười và hai con mắt của Tỵ, không một ai có thể nói được rằng đời Tỵ chịu khổ và Tỵ để cho vợ con nheo nhóc. Tỵ ngoài việc cày cấy cho cha mẹ còn làm thuê cho mấy nhà trong làng. Một dạo Tỵ cũng đi giã bột thuê với Láng nhưng thấy ngày giờ bó buộc quá lại thôi. Tỵ trở về cái chân canh điền của Tỵ mà Tỵ bằng lòng những công việc đồng áng, đất cát đã thuộc với đời Tỵ khiến Tỵ bứt rứt, buồn khổ không thể rời bỏ được.

Láng và Tỵ yêu vụng nhớ thầm nhau đã hơn ba năm, từ ngày mẹ Láng còn sống. Họ vẫn chỉ dám thỉnh thoảng gặp gỡ nhau, nói với nhau vài câu và chưa tỏ với nhau chút gì bằng lời nói rõ ràng sẽ lấy nhau. Ở những trai gái ngoài thành thị hay những đôi lứa bạo dạn trong làng, thì đó chỉ là một thứ tình bạn, người ta rất có thể xa nhau mà không phải một điều hối hận, đau đớn rằng một kẻ đã phụ tình hay bị tình phụ. Nấm cũng thân với Tỵ và cũng thường chuyện trò với Tỵ. Thấy đã lâu rồi mà hai người không đả động đến sự lo liệu cưới xin, đã nhiều lần Nấm cười bảo Tỵ:

- Kìa sao thế? Chị em tôi phải đợi giầu cau của cô Láng nó đến bao giờ?

Tỵ chỉ đỏ mặt lên, cười một cách ngậm ngùi rồi môi hơi mím lại, và lại tránh mặt người nói chuyện mình hàng tuần lễ.

Láng không hẳn như Tỵ. Láng cũng cười nụ cười cay đắng gượng gạo nhưng Láng còn nói lại, giọng ngập ngừng, nghẹn ngào như thói quen của Láng:

- Tôi chẳng lấy ai cả!...

Những khi lại phải nói những câu phũ phàng với lòng mình như thế, thì sau đó Láng càng thấy đời mình không thể nào không ăn ở với Tỵ cũng như Láng muốn sống, vui mà sống, thì không thể nào có một lẽ sống sáng sủa để theo mà lại bỏ đi. Trong cuộc lấy nhau phải có tình yêu dấu, thương xót, phải có sự hết lòng, và đã phải khó nhọc, đã cùng đổ mồ hôi nước mắt với nhau thì phải cùng hưởng với nhau những hạnh phúc làm ra với những con cái rạng rũa do khí huyết tốt tươi của mình. Đời Tỵ chỉ đi làm thuê, làm mướn, bố mẹ và các em thì thô lỗ bảo sao nghe vậy, chẳng dám quản một việc gì nặng nề. Nhưng với con người hiền hậu, lành mạnh, chăm chỉ ấy, trong cái gia đình đông đúc ấy, Láng nhìn thấy chắc chắn sẽ đến những điều mình tâm niệm trên kia mà sự thật đã tỏ ra ở mấy chị em bạn Láng cũng nghèo, cũng sống cảnh chồng con như thế.

Nhất là trong sự chồng con của Láng, bao giờ cũng phải trọn vẹn cái tình của Láng đối với em Láng, và cuộc đời của các em Láng bên cạnh đời Láng, cứ vẫn phải mãi mãi được gần gũi có sự chia sẻ, có sự bao bọc. Điều này Láng còn thấy cốt yếu hơn cả hạnh phúc riêng mình. Bất cứ khi nào, hễ Láng nghĩ đến ba đứa em bồ côi, bồ cút, chung quanh không có một người họ hàng thân tình, thì Láng đều không cầm nổi nước mắt. Sự cô độc, sự đói rét, sự đầy đọa... bao nhiêu sự đau khổ, cùng cực Láng cũng xin cam chịu tất cả cho các em Láng, cho nhất là thằng Cu rồi đến cái con bé Út kia. Cũng như mẹ Láng đã dang cả người ra để đùm dúm lấy cha Láng, chị em Láng, vâng theo cái bổn phận không cần ai kiểm soát và không có tên tuổi của đời đời kiếp kiếp những đàn bà.

Tỵ hẳn là người chồng bằng lòng để Láng trông nom các em và cũng quý mến chúng nó, đỡ vực chúng nó. Ăn nhạt mới thương đến mèo, có nghèo mới biết cảnh nghèo ra sao. Tỵ cũng không có gì, Tỵ cũng một lũ em trông mong vào Tỵ và Tỵ cũng hết sức làm lụng nuôi chúng nó, lẽ nào Tỵ lại giẳng tay

các em Láng ra khi chúng nó níu lấy Láng để sống? Và cả bố mẹ Tỵ nữa một khi bố mẹ Tỵ biết sẻ bát cơm của Tỵ cho các em dại của Tỵ, cho các con dại của mình, thì bố mẹ Tỵ phải biết để Láng chăm bẵm các em Láng bằng chính mồ hôi nước mắt của Láng để đổi lấy cơm áo cho chúng nó. Láng đã nghĩ như thế về những con người đã từng nếm những xót xa cay đắng của cảnh bơ vơ, đau khổ mà lòng dạ vẫn không bị vùi dập hẳn kia.

Không phải chỉ mình Láng mà hầu hết những người con gái hiền hậu cùng cảnh với Láng đều ủ ấp trong lòng như thế. Từ Nấm thân thiết với Láng nhất đến những cô chỉ chào cười nói qua với Láng. Mắt họ sáng thêm, má họ hồng thêm, thân thể rung rinh uyển chuyển thêm và giọng nói thơm tho thêm trong cái bừng bừng của sự tưởng tượng nồng nàn thổi như lửa vào tâm hồn họ, những tâm hồn càng bị cố gắng dồn ép, càng thấy bứt rứt, thì người càng tràn ra những ánh hồng tươi.

Nhưng Tỵ và Láng cũng như bao đôi lứa khác, có thể thương yêu nhau và ăn ở với nhau, dễ dàng như một sự tất nhiên sao được? Và làm sao tất nhiên trong tình yêu thương nhau, cùng nhau gắn bó đem hết sức ra mà sống, họ được hưởng những hạnh phúc giữa bao nhiêu nghịch cảnh của cuộc đời? Tỵ và Láng làm sao cùng nhau vượt qua những quãng đường đêm tối có chông gai bưng bít để khỏi phụ lòng nhau, đau khổ lòng nhau, sống với nhau mà vun xới sự yên ấm vui vẻ?

Về phần Tỵ, Tỵ muốn nghĩ xa xôi thế nào cũng mặc! Láng chỉ cần biết không bao giờ có ý tưởng phụ Tỵ, Láng ngại ngùng nỗi khổ sở chịu đựng vì Tỵ, và Láng để những cái giàu sang, sung sướng mà người mối lái nói ở lâu trong tâm trí Láng, khiến Láng khinh ghét mình rằng đã có lúc xuôi lòng. Và, những sự nghi hoặc đau tủi của Tỵ như cho rằng thân phận, gia thế mình hèn kém, nhưng chắc gì Láng lấy mình, chỉ ít lâu nữa là Láng đi hẳn về với sự chồng con, tiền của ngồn ngộn rồi quên hẳn mình... Nếu như Láng có lấy mình rồi ra khi so sánh thấy thua chị kém em thì Láng cũng đến than thân

trách phận, chán ghét, rẻ rúng nhà mình: Nếu Tỵ có nghĩ như thế, mặc! Láng cũng vẫn mặc giời với Tỵ. Láng cũng chỉ biết lòng mình phải ăn ở cho trọn tình thôi mà Tỵ sẽ phải hiểu cho Láng, thương Láng và tìm hết cách để lấy được nhau...

Nắng chiều đã ngập cả chỗ Nấm và Láng ngồi. Khắp cánh đồng trước mặt chói lòe lên hơi bùn lầy bốc ngùn ngụt. Sắc xanh của lúa và đất nâu chảy ra nhễ nhại trong cái oi ả bị nung chín về xế trưa. Vợ chồng nhà Năm và bố con cái Tẹo lại ra làm, kẻ theo bừa, người nhoài ra kéo... Mấy con trâu nhà bà Bá cày vào trong này. Tiếng người vắt, họ luôn miệng, tiếng trâu thở phì phì, tiếng dây văng đen đét và tiếng giày xéo bì bõm làm nhộn nhịp cả quãng đồng. Mùi đất ải xông lên với mùi chua của những thửa ruộng đã bón màu bốc men nồng nàn. Cả những người làm đất ở ruộng trên cũng cởi trần trùng trục, cuốc đập huỳnh huỵnh, chẳng ai gọi đến ai.

Nấm chợt ngước mắt lên. Láng đã đứng dậy, hất hất giũ mái tóc để vấn lại. Nhìn mắt Láng long lanh và môi Láng mím chặt, Nấm kéo vội tay Láng:

- Nhắc đến thằng Tỵ, mày lại khóc đấy à?

Láng lắc đầu, giọng nói nhỏ và dồn dập:

- Thôi đứng dậy đi chứ.

Nấm tha thiết:

- Còn nắng thế này đi làm gì vội, mày! Cắt chỉ một loáng là xong thôi mà.

Láng càng long lanh nhìn Nấm. Láng không đáp, bước mạnh xốc quang gánh lên vai, vèo cái ra đường. Ngay đó một người thợ cày vang tiếng gọi:

- Cô Láng ơi ời!... Hôm nay cô có gánh cỏ đến cho đằng cụ Bá thì sơm sớm một tí nhé. Buổi nay tôi cho trâu về sớm đấy.

1943

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Lúc Chiều Xuống

Lưu cúi mặt và cố tránh mắt nhìn của người con gái. Một lúc lâu rồi y vẫn còn lật đi lật lại hết xem bìa sách, gáy sách lại giở những tờ bên trong. Và, cuốn này vừa đặt ra bên, ngẫm nghĩ sao y lại nhấc lên, chăm chăm ngắm nghía!

- Ông lấy bao nhiêu?

Bằng một giọng nhạt nhẽo, người con gái giờ mới hỏi Lưu. Lưu chán nản lắm nhưng vẫn phải ôn tồn:

- Thưa bà, bà giả cho tôi bao nhiêu thì cứ giả.

Người con gái buông thõng cuốn cuối cùng đương cân nhắc xuống đống sách, giọng uể oải hơn.

- Biết bao nhiêu?

Rồi y yên lặng như chẳng thiết mua tý nào bọn sách của Lưu mà chả nhẽ y xua đuổi ngay Lưu thì không tiện. Trước mặt người con gái, khắp da thịt Lưu đã bứt rứt như bị cắn đốt. Lưu đưa nhìn một bên hai cuốn sách học và ba cuốn tiểu thuyết dày ngổn ngang nằm lên nhau, chờ sự định đoạt của những kẻ sẽ giày vò nó như những mớ rau cỏ ế. Lưu mím nhẹ môi, chỉ đợi người con gái đó nói thêm mấy tiếng là Lưu sẽ gạt cả cho y không thì mang phắt ra ngoài cho thoát tội.

- Đấy của ông tất cả tám quyển thì chỉ có năm quyển chúng tôi dùng được,

vậy ông lấy bao nhiêu?

Lưu bật nói, miệng nhếch dưới một nụ cười:

- Xin bà cứ giả. Bà xem giá của nó ở bìa mà tính một phần năm hay một phần mười hay một phần trăm gì đấy cũng được.

Người con gái vẫn giữ nét mặt lạnh lùng, y không đáp. Chờ Lưu dứt câu y lại cầm ba cuốn tiểu thuyết ta lên xem. Y quay lại, lục soát những ngăn sách ở cái tủ đằng sau. Chợt y cau mày rút một cuốn ra lẩm bẩm:

- Nhà đã có quyển này rồi mà! Nhưng thôi chúng tôi lấy giúp cho ông.

Lưu càng thấy trong người như bị cào xé. Mặt Lưu bừng bừng. Lưu đã toan giật lấy bọn sách của mình, thì đặt trả cuốn sách vừa lấy ra để so xem vào chỗ cũ, người con gái sắp xếp cho thật thẳng, thật khít rồi quay ra nói:

- Hai quyển Arithmétique, Grammaire (1)và ba quyển tiểu thuyết ta, tất cả năm quyển ấy chúng tôi giả ông hai đồng.

---

(1) Toán, Ngữ pháp.

Lưu choáng váng:

- Bà giả có hai đồng? Chết! Cả sách học và tiểu thuyết của tôi những năm quyển còn mới nguyên mà.

- Cái đó tùy ý ông. Dù sách ông chưa rọc nữa, vừa mua xong chúng tôi cũng chỉ tính theo giá sách cũ vì chúng tôi cũng chỉ bán làm sách cũ. Đấy, chúng tôi giả trọn ông hai đồng, ông bán, không thì thôi.

- Vâng thì tôi bán hầu bà.

Chợt có tiếng ho sù sụ và một giọng khàn khàn:

- Cái gì thế?

Lưu trông vào mé trong. Đó là một người đàn bà trùm khăn vuông, mặc áo bông cộc ngoài áo kép, ngồi lom khom khuất sau quầy hàng.

- Dạ, ông ta bán sách.

- Sách gì?

Người con gái không đáp. Và người đàn bà kia cũng không hỏi. Bà ta chỉ ngước mắt kèm nhèm nhìn Lưu rồi lẳng lặng đưa về phía người con gái, ý nói: "Công việc hàng họ giao phó cho mày đấy, phải liệu mà mua bán con ạ".

Xếp gọn năm cuốn sách ra bên, người con gái lấy chùm chìa khóa trong thúng đồ đan ở chỗ ngồi, xóc xách định mở ngăn kéo. Lưu hồi hộp, không cần giữ gìn nữa, mắt sáng hẳn lên chiếu xuống cái ngăn tiền sắp mở. Nhưng không, người con gái ngừng lại nghiêm nét mặt hỏi:

- À quên, ông làm ơn cho xem "các-tơ" (2)(carte).

- Carte gì cơ? Lại còn phiền thế!

- Carte nhà trường hay thuế thân của ông cũng được. Đây chúng tôi mua của ai cũng phải ghi tên và số carte. Cả đội xếp nếu đem bán sách cũng phải biên số. Vì lắm bận, nhiều hiệu sách vừa phải giả lại sách, vừa phải nói khó với người ta, vì người ta mất những sách đó.

---

(2) Thẻ, giấy căn cước.

Mặt Lưu sạm lại. Lưu nghẹn ngào cười nhẹ một tiếng:

- Bà phòng xa quá! Thật của tôi tôi mới đem bán, mà khi đưa bán sách của mình ai có nghĩ đến sự chặt chẽ ấy để đem carte đi đâu!

- Thế thì thôi! Ông có carte chúng tôi mới mua.

Giọng người con gái tuy vẫn lạnh lùng nhưng quả quyết lạ. Lưu biết không thể sao được nữa bèn nhìn thẳng vào người con gái để bao nhiêu khinh bỉ dồn cả ra cho bõ từ nãy đến giờ, vì sự bán chác mà phải lén lút tránh mặt. Thì Lưu càng thấy khổ sở, tủi nhục, căm tức. Cái người mà Lưu trân trọng một điều thưa bà, hai điều thưa bà kia thật không bằng con sen làm cho nhà bố mẹ Lưu. Y gầy choắt, thấp như đứa trẻ mười ba mười bốn, gương mặt xanh mướt, tóc chải bồng một cách thảm hại như một thứ cô đầu mạt hạng. Trời cuối đông, thế mà y chỉ mặc có mỗi cái áo dài the thâm để thò cả cổ tay và gáy áo cánh đen thủi ra.

Lưu rợn cả người vì ghê tởm, Lưu trề môi cười thẳng vào mặt người con gái:

- Thôi! Chào cô.

Lưu vênh mặt đi ra. Nhưng vừa khỏi ngưỡng cửa, Lưu thấy tâm trí lại nặng trĩu xuống và tối như mực. Lưu không còn muốn cất một bước. Đầu gối Lưu đã nhủn ra, và toàn thân Lưu đã rã rời tới cực điểm vì mệt, vì chán nản rồi.

***

Lưu về nhà, Lưu để cả mũ nằm thịch xuống giường, chân thõng mặt đất. Thấy cái gói sách chồng đưa đi bán vẫn y nguyên, vợ Lưu cũng cứ hỏi:

- Không được à, hở mình?

Lưu không nhìn vợ, Lưu càng hầm hầm, mặt tái thêm. Vợ Lưu chép

miệng:

- Họ giả bao nhiêu? Thì được đồng nào mình bán phắt đi cho khỏi đưa đi đưa về khổ thân.

Lưu gườm gườm nhìn vợ, chờ người vợ đến gần nhấc gói sách lên lẩm bẩm:

- Hay mình để tôi đi bán vậy.

Lưu vùng tay giằng lấy, ném xuống đất, rền rĩ:

- Giời ơi!... Để đấy! Để đấy!...

- Thì dù thiệt một nửa hay bao nhiêu nữa mình cũng để tôi đi bán. Mình gấp khúc, mình cần tiền, nhân lúc đó nó mới bóp chẹt được mình thì mình đành phải dằn lòng chịu. Vậy mình để tôi đi kẻo năm giờ hơn rồi mà giời lại mưa kia kìa.

Vừa nói người vợ vừa chớp mắt nhìn ra. Bên ngoài trời đã xám ngắt. Những bụi nước trắng đục bay dìu dịu. Dáng người ta đi như biến. Hai rặng cây bên đường đen lù lù thay nhau rùng lên, bắn vào mặt người những giọt nước rát buốt. Một mùi hương ngát bỗng thoáng vào căn gác của vợ chồng Lưu. Đây kia, một đống lửa đương cháy rực. Tàn vàng bay lả tả, rèo rèo. Nhà nọ đã cúng rằm rồi. Những đứa trẻ cứ quấn quýt chung quanh đống vàng mã bắt lửa ngùn ngụt, mắt và tóc chúng nó đều lấp lánh. Bên trong một bàn thờ nghi ngút đèn nhang, và tấp nập những người lớn, quần chùng, áo dài, mặt mày tươi hớn hở.

Một cái lạnh tê tái dội lên trong người vợ Lưu. Kể ra mới bữa sáng nay hai vợ chồng không ăn cơm, nhưng Lưu đã được hai bát phở năm và vợ Lưu ba chiếc bánh khúc sáu xu. Còn chiều hôm qua, trưa hôm qua, hai vợ chồng không thổi nấu ở nhà thì đã ăn chịu no nê bữa cuối cùng ở hàng cao lâu quen

đầu phố rồi. Từ chiều tới giờ, cái đói thấy thấm thía, sâu sắc một phần vì trời đổ mưa, rét, vì hai người đã chạy tiền từ sáng sớm mà không được, vì sự tủi cực thấy những chỗ mua chịu bán đựng như đã biết mình trần trụi, cũng cùng quẫn như những người nghèo khổ, phải lần hồi từng miếng cơm, từng ngày sống một.

Trong sự đau đớn chua xót, sắc mặt vợ Lưu lặng đi càng nhợt nhạt. Những sợi tóc rối xòa xuống trán và thái dương, tăng thêm vẻ thiểu não. Trông vợ Lưu như một người đàn bà đã mấy bận sinh nở và ốm yếu hàng năm rồi, chứ không phải là con gái mới hăm mốt, hăm hai, trong người máu tốt đương bừng bừng, da dẻ không cần phấn sáp mà vẫn mượt mà hồng hào.

- Tôi đi đây... Thôi thì sách vở của anh, anh giữ lại.

Lưu choàng nắm lấy cánh tay vợ. Năm ngón tay của Lưu bấu chặt lấy lần áo nhiễu tây đen mặt khít vào người của vợ. Lưu hừng hực như bị bóp cổ, mắt càng long lên:

- Mình phải ở nhà.

Vợ Lưu rung cả người:

- Giời đất!... Sao anh cứ thế... Anh cứ ngăn giữ, cấm đoán tôi một cách vô lý thế?

- Không!... Phải nghe tôi!... Phải nghe tôi! Đói chết với nhau ở nhà cũng được. Và đã đói lắm đâu mà sợ chết. - Lưu cười gằn, lắc đầu - và tôi đã để đến nỗi đói thế đâu?...

Không ngờ người chồng dứt câu, người vợ dằn tiếng:

- Tôi đã phải nghe anh nhiều rồi, nhiều rồi!... Và đã chịu sự vô lý, sự quá quắt của anh cũng hết mực rồi! Anh vẫn không chịu biết cho, cứ đè nén, trói

buộc mãi tôi! Lúc có tiền, chuyến ba trăm, chuyến hai trăm luôn luôn trong tay anh anh không chịu mở mang buôn bán và cũng không cho tôi chợ búa buôn bán. Anh cứ may mặc, cứ cải lương, chớp bóng, cô đầu, nhảy đầm cho không còn một xu, lại phải xoay ra vay mượn, cầm bán, lại phải về nhà ông cụ, bà cụ lấy tiền! Mà đâu chỉ dăm tháng, ba tháng? Mấy năm giời nay ròng rã như thế rồi. Để đến nỗi lại chuyến này la bành cờ hiệu, chẳng phải tội gì, chẳng phải ốm đau, con sài mẹ ghẻ gì, chẳng phải lo toan công nọ, việc kia gì, mà cũng chịu cái nông nỗi được bữa sớm, mất bữa tối!... Mà còn như bây giờ anh sợ mang tiếng với những nhà quen ở dưới phố, anh chờ đến chiều tối mới đưa sách ra tít ngoại ô bán nhưng không bán được, thì phải để tôi đi chứ. Hay không thế thì phải mặc tôi xoay xở vay mượn ai đấy để sống cho qua cái đêm nay rồi liệu về còn tính những ngày mai, ngày kia. Anh thật ác tâm! Phải! Đói thì chưa đói lả, chưa chết được, nhưng cứ thất thường no dồn đói góp, bê tha rạc rài mấy năm nay đã mòn mỏi héo hắt rồi! Và đêm nay hay ngay lúc này đây, vấn vít với nhau để nghiến rứt nhau rồi chịu không nổi, nhà cửa lại thêm tan nát thôi!...

Giọng người vợ càng nhỏ đi. Y nức nở nhìn chồng:

- Ác! Ác! Lần nào cũng thế, bực dọc ở đâu đâu ấy không làm gì được là về nhà mà nếu tôi có định bàn tính lo toan với thì lại quay ra vùng vằng, lại giở sự hành tôi như vì tôi mà bị mọi sự khổ sở đổ lên đầu vậy!...

Người vợ ngồi xuống mê man. Ánh chiều đã mất gần hết sinh khí, chỉ còn một chút sáng như ở tấm gương mờ phả ra. Cái khung cửa sổ độc nhất của gian gác âm u thêm. Nó buồn thảm nhìn xuống cái sân gạch và cái bếp chung của năm gia đình làm hàng phở, bán rau, khâu giầy, thợ rèn và làm phu, thuê hai gian bên dưới, và lén lút nhìn lên những tầng gác ở dãy phố đằng kia có lan can, có sân thượng, có hoa leo và đèn bật sáng trưng sau những màn hoa diềm đăng ten mà hồng, xanh hòa hợp. Gần cái lỗ hổng cửa sổ chui lọt một người đầu nọ, kê cái giường tây mà hai vợ chồng đương ngồi và chốc nữa sẽ

ngủ. Sát cái giường là cái bàn, hai cái ghế đẩu và một cái hòm. Thế là hết chỗ! Tất cả những thức dùng khác đều chui vào gầm giường, gầm bàn hay leo lên suốt dọc tường.

Nếu cũng so sánh thì cái nhà của vợ chồng Lưu sống với nhau, thật lại không bằng nốt cái xó bếp riêng cho thằng xe của bố mẹ Lưu, nhất là lại so với cơ ngơi của hai anh ruột và người em rể Lưu! Giờ đây những con người nọ phải đương vui vẻ lắm. Ở những buồng ăn, buồng khách lồng lộng cơ man những đồ đồng, đồ sứ, đồ gỗ lúp, gỗ gụ, vóc, nhiều vàng bạc, bố mẹ Lưu chắc đã lại họp tổ tôm với các ông các bà rồi. Đằng hai nhà anh Lưu và em rể, nếu không thế thì rầm rập những khách khứa buôn bán tiền nghìn và những kẻ lo chạy công việc. Khi đó con hầu, đầy tớ tíu tít lên vì phục dịch. Ngoài ra còn những cháu Lưu, đứa nào cũng trắng trẻo, rạng rũa, cười nô, chí chóe nhau ầm ầm mà bố mẹ chúng nó đã không chút khó chịu lại còn sung sướng và lắm người đến nhà cũng thấy thèm khát.

Tất cả những người thân Lưu chỉ nghe nói vợ chồng Lưu ăn ở súi số, chứ chưa bị thật mục sở thị cái cảnh ra vào chui rúc của hai người trên cái căn gác thuê ba đồng một tháng, trong cái ngõ khuất giữa hàng mấy dãy phố, lẫn lộn với những hạng người làm ăn nhỏ nhặt, đầu tắt mặt tối nọ.

Vợ chồng Lưu phải dọn đến đây ở đã được nửa năm. Và họ lấy nhau đã được ba năm. Họ lấy nhau trong sự say mê của tình yêu trai gái dậy thì còn ngùn ngụt hơn lửa điên. Dạo đó, Lưu vừa thôi học cày cục xin được vào làm thư ký trong Nhà máy sợi, tại đây vợ Lưu đương đứng ở máy guồng. Nhà vợ Lưu không có gì, bố mất sớm, anh em lại đông. Còn nhà Lưu tuy đã mấy đời giàu sang, hiển hách, nhưng tới đời cha Lưu thì chỉ còn cái tiếng suông mà trong tay không một tấc đất, một gian nhà, một chút nghề. Gần đây, hai anh Lưu và một người em gái Lưu làm ăn gặp dịp, rồi kẻ lấy vợ kẻ lấy chồng, toàn những nơi nhiều của. Bố mẹ Lưu hễ nghĩ đến Lưu lại không thể không đau xót. Nếu Lưu không sớm u mê về tình ái, để đến nay gia đình chọn chỗ

khá giả gây dựng, thì có phải đời Lưu cũng được sung sướng, được chỗ nương nhờ mãi mãi.

- Thôi! Nó đã không muốn tử tế mà muốn ăn mày ăn nhặt, đèo bòng cái thứ vợ con mạt hạng ấy thì cho nó chết.

Cha Lưu đã lắc đầu cười nhạt nói với họ hàng như thế. Và ông đã rít tiếng, giơ cái giáo quạt vào mặt vợ chồng Lưu:

- Ông cấm cửa! Xéo! Chết đâu thì chết!

Vợ Lưu chỉ giựt giựt áo Lưu giục đi ra. Y không một lời nói qua nhưng trong lòng càng đau đớn như dần. Sau đó, y lại nghẹn ngào bảo Lưu:

- Thôi! Cả nhà vẫn không nhìn nhận tôi thì anh cũng nên liệu xem để về nhà mà hưởng sự sung sướng. Anh nên nghĩ anh còn anh em anh, còn ông cụ bà cụ, còn cả đời anh mà! Nhưng nếu anh vẫn thương yêu tôi, không nỡ dứt tình tôi, thì anh phải tìm kiếm công ăn việc làm cho rõ ràng, mươi lăm đồng một tháng cũng được. Khi đó thì tôi ở nhà thổi cơm nấu nước, chăm sóc cho anh. Đấy anh không chịu đi làm mà lại bắt tôi ở nhà, không cho tôi chợ búa hay vào Máy diêm Máy chỉ mà xin việc thế là nghĩa gì? Mình đi làm kiếm tiền, mình có xin xỏ của các anh các chị ấy, nhờ vả cô chú ấy, hay luồn lụy họ hàng, hay lường đảo thiên hạ đâu mà sợ xấu, hèn hạ? Mình làm việc để mình khỏi vất vưởng đói rách? Mình nuôi lấy mình bằng mồ hôi nước mắt của mình, mình trọng lấy mình đã!

Vợ Lưu dứt câu thường nước mắt đầm đìa. Bố mẹ y có nghề nhuộm. Hai anh y, một người thợ tiện, một người thợ hàn. Hai em gái y cũng đi làm. Còn y, y đã theo một người cô đi chợ từ năm lên chín tới mười ba tuổi, thì y xin vào đứng ở máy guồng mà hiện giờ hai người em gái y vẫn làm. Cả ngần ấy con người có ai ỷ lại vào ai đâu? Có ai khinh bỉ, rẻ rúng ai đâu? Tuy họ không hay chuyện trò hỏi gọi nhau, nhưng kẻ nào cũng có bạn bè, và cười nói

nhiều với nhiều người ở chỗ làm rồi còn vui, còn thân và rộng rãi hơn, nên sự yên lặng đối với nhau đó không phải là vì họ buồn rầu, chán ghét nhau.

Lấy Lưu, một người chữ nghĩa, quen sống sang trọng, với ai chứ với Lưu, y thấy cảnh ngày ngày chỉ quanh quẩn niêu cơm, ấm nước, quần áo nhà cửa, sồng sồng vợ chồng nhìn nhau là một cái tội. Thảnh thơi, sạch sẽ đâu không thấy mà thấy ngay sự day dứt, nặng nề, mụ mẫm cả người đã. Mà chưa con cái đã thế, huống chi lại vài lần sinh nở, con ẵm, con dắt, thì thật con người chỉ còn là cái xác con "vờ". Nhưng Lưu cứ nhất định không chịu nhận điều đó. Tuy Lưu có không hơn cái bằng sơ học, trầy trật thì mới được đi làm, được năm tháng đã thôi, rồi cứ lỳ lỳ ở nguyên cái tỉnh đây, Lưu từ tấm bé chỉ ấp vú mẹ, Lưu vẫn tin chắc chắn mình sẽ gặp một thời vận rực rỡ nghĩa là đời Lưu cũng sẽ như anh, em Lưu và bao kẻ giàu sang khác. Như lúc này đây, Lưu không một xu trong túi, nhưng Lưu vẫn quyết chỉ mai kia hay chốc nữa cũng nên, sự tình cờ của số Lưu sẽ đưa đến cho Lưu tiền tiêu thừa mứa mà chẳng phải tí lấm láp khó nhọc. Hoặc một người nào đấy cậy Lưu nói với anh Lưu mua bán hàng hóa, hoặc một việc kiện tụng hay chạy chọt công danh muốn nhờ thế lực của em rể Lưu, hoặc Lưu được mẹ Lưu, cô Lưu - thường là hai người đàn bà này - dấm dúi cho tiền nếu thấy Lưu bơ phờ ở ngoài đường.

... Chiều càng xám đặc, cái rét thấm thía hơn với những luồng gió thổi như bão, hắt vèo vèo những hạt nước vào đầy nhà. Vợ Lưu chợt ngước mặt lên, ghê rợn thấy không thể ngồi thêm được nữa. Y đứng vụt lên, long lanh nhìn Lưu, Lưu giật mình choàng dậy, song không kịp. Vợ Lưu đã thoắt ra ngoài cầu thang, bỏ mặc gói sách của Lưu để trên bàn. Y đi ra, tay không và đầu cũng không. Lưu cau mày trông theo vợ, toan gầm lên gọi lại. Thoáng giây, cái dáng người bé nhỏ, nhưng chắc chắn nhẹ nhàng kia đã mất hút sau những lớp bóng mờ và bụi nước dày.

Lưu thở dài một tiếng, đành nằm xuống giường, mắt nhắm lại, mặc sự mệt mỏi như mềm nhủn và đen tối trĩu xuống tâm trí và từ từ dìm Lưu vào giấc

ngủ.

***

Vợ Lưu đi nép dưới hàng hiên, bước rất nhanh, chẳng cần biết rõ làm gì. Những chỗ quen thuộc tử tế, vợ chồng Lưu đã vay mượn hết lượt rồi. Còn mấy chỗ khác cũng sẵn tiền đấy, nhưng vợ Lưu hết hòng cậy thêm của họ lấy được một đồng bạc nữa, trừ phi có đồ vàng, quần áo tốt hay một thứ gì đáng giá. Nghĩ đến gói sách Lưu bỏ xó đấy, y tiếc sao không đưa đi bán việc gì còn phải khí khái bỏ lại, vì chẳng nay thì mai nó cũng đến bán tống bán tháng đi như bao nhiêu vật khác! Nhưng tưởng tới những vẻ giọng nói căm hờn và xua đuổi của người nhà Lưu, vợ Lưu liền lắc lắc đầu:

- Hừ! Sách vở chữ nghĩa người ta sắm sửa cho con người ta học hành, mình động chạm đến làm gì. Mình chẳng ăn cả vào đó nào, rồi có sao người ta lại bảo vì mình mà con người ta có cái gì cũng phải lột ra hết.

Câu nói thầm này vừa dứt, vợ Lưu rưng rưng nước mắt. Y cắn môi, bước nhanh hơn.

Đèn phố đã bật. Những tia điện vàng đục chảy nhễ nhại với những nước mưa. Quãng đường này gần chợ, sự nhớp nháp càng nồng nặc. Người đông nghịt cùng xe cộ và gồng gánh chen lấn nhau ồn ào lêu nghêu nổi lên cái đám đông xám xịt và nhộn nhịp ấy, những cành đào bán sớm, lá và nụ mới chớm trông khẳng khiu, gai góc như những cành rào găng cháy nắng. Đã thế, những người nhà quê lặn lội ra để bán hớt nhau, vừa lảo đảo vác, vừa phải luôn luôn kêu lên để tránh sự xô đẩy. Hai bên bờ hè, những gánh cam, quất, cúc, thược dược và những hàng tranh Tàu, tranh lợn gà, câu đối dần dần bị tràn đi, rồi ngập hẳn trong cái bể mực cặn của phố xá đương nô nức sắm sửa.

Vợ Lưu đã thở bằng tai, và mồ hôi đã đẫm nách. Trống ngực đập rộn lên, vợ Lưu chớp chớp mắt nhìn như là những cái chớp nhoáng ở trước mặt. Vẻ

tưng bừng của thiên hạ lúc này mới thật rõ rệt. Tiền bạc thật là tung ra, thật là bị tranh giành, ngốn ngấu. Những sự say mê, ganh đua, gắng gượng, quằn quại, nhọc nhằn đều ngùn ngụt khí nóng, làm tối thêm, đè nén thêm cái không khí của buổi chiều mà cái tết đã bắt đầu hiển hiện. Những năm trước, ngày còn con gái và đương đi làm, dạo này là vợ Lưu cũng đương hồi hộp vô cùng. Cả một năm y đi đủ tầm, sổ sách mà trên nhà giấy sắp tính trọn vẹn, y sẽ được thưởng mười công, một cái chăn và năm thước vải để ăn Tết. Đem bán lại những thức này, thêm vào món tiền tháng chắt bóp được, do ngồi bát họ dốc ống mới lấy về, y may mặc, sắm sửa thêm vành cánh, để dành thêm sau này khi đi ăn tây ở riêng và để góp mặt với chị em đi đây đó. Thế là đủ sự khao khát. Ngoài ra, cái mùa xuân cái năm mới sẽ đến kia, tốt đẹp hay thay đổi ra sao cũng được. Vì, tuy không biết nói nên thành lời những sự ấp ủ, mong muốn của tâm hồn mình, nhưng còn trẻ và chịu khó như y, y không tin sao được đời mình thế nào mà lại không tươi sáng sung sướng.

Nhưng giờ khác hết cả rồi! Người con gái phơi phới vui tin kia đã thuộc về hẳn một người: Lưu. Lưu kiếm cho y ăn, y mặc để y chăm nom hầu hạ Lưu. Y đổi lấy những sự cần dùng cho mình bằng sự làm việc hết lòng của mình mà vẫn mang tiếng nhờ vả, lười biếng, vô tích sự. Trước mắt bao người, y chỉ là kẻ làm khổ sở, bệ rạc cho chồng. Lưu yêu thương y, y biết lắm. Nhưng nhiều khi sự yêu thương lại là một sự hèn đớn làm cùn cả tinh thần, làm nhục cả con người. Cho dẫu cả anh em, họ hàng Lưu, nếu họ chịu nhận y làm dâu con! Thà rằng y vất vả lầm than mà tự tay mình nuôi thân, rồi ngoi ngóp cất đầu lên, tìm được đường lối gây dựng cho đời mình.

Không riêng vợ Lưu mà nhiều người đã nghĩ và nhất quyết như thế! Chịu sao được cái tình thương thừa thãi, thí bỏ của kẻ vuốt ve người ta mà vẫn rẻ rúng người ta, lợi dụng rất nhiều người ta mà vẫn nêu cái tiếng cưu mang phúc đức? Người ta chỉ cần được quý trọng với cái giá trị thực của sự làm việc và tình cảm của mình. Và, cũng một tấm lòng thương yêu nhưng đó thật là của tâm can con người hiểu biết nhau, cảm thông sự đau khổ, mừng vui, tin

tưởng với nhau, và cùng chung với nhau những thiết tha mong muốn. Sự thực của cuộc đời càng ngày càng chứng tỏ sáng suốt điều ấy. Chỉ tự tay mình chỉ những con người như trên kia mới thật là ruột thịt, cởi mở hết cả cho nhau, và bắt tay với nhau được đến cùng để đi tới hạnh phúc.

Vợ Lưu nức nở, nuốt nuốt những giọt nước mắt giàn giụa vào miệng, đau đớn thấy lần này phải là lần chót. Sau đêm nay, sáng mai y phải làm việc ngay. Đi đan, làm nhà máy, hay buôn bán nhỏ nhặt gì cũng được. Còn Lưu, mặc Lưu với những mơ ước say sưa của Lưu.

Vợ Lưu lại qua một ngã tư. Tới đây, bớt người đi lại. Sự ồn ào loãng thêm qua những tiếng rào rào của những chòm sấu chùm bàng lộng gió. Ánh điện nhập nhòe. Mưa và sương trắng xóa. Bóng tối hun hút. Vợ Lưu đứng lại dưới một mái hiên trước một nhà khóa trái cửa. Y lấy vạt áo chùi mặt rồi thần người ra. Y sực nghĩ đến Lưu chắc đương nằm ôm bụng ở nhà, mà y ra đi không ý định gì. Hay nếu không bực dọc quẳn quại trên giường, thì Lưu lại đến ngủ li bì để bù những đêm Lưu chơi bời liên miên. Mấy dạo túng thiếu trước, trông người Lưu còn khá, chứ dạo này thật là xác xơ quá thể. Sự ăn mặc của Lưu ừ thì bộ nọ bộ kia bán đi, giờ trơ bộ dạ tím đã bạc, phải mạng nhiều chỗ, và đôi giầy, cái mũ dạ cũng rách và lợt màu cũng được, nhưng sự xanh xao hốc hác của Lưu thì vợ Lưu không thể nào nhìn thấy mà không đau xót!

Người Lưu gầy hẳn đi. Áo sơ mi của mình mà Lưu mặc lùng thùng như đi mượn. Lắm hôm Lưu phờ phạc chẳng còn thiết cơm nước như người sắp lên cơn sốt xong, nếu vợ có hỏi thì Lưu lại cười, bảo làm gì mà bị bệnh tật, ốm yếu. Mắt ngầu ngầu quầng thâm, má tóp, trong giấc ngủ, cái bộ mặt nọ hếch lên trên tấm gối trắng lại càng đầy vẻ trụy lạc. Rồi Lưu còn nói mê, kêu hốt hoảng và nhiều lúc run rẩy, quờ quạng mà vợ Lưu vừa lay gọi Lưu xong Lưu lại vẫn thế.

Tê mê trong những hình ảnh bừng bừng ran trong tâm trí, chợt vợ Lưu lắc

đầu rồi từ từ mím môi lại. Một lúc sau tay y vân vê chiếc cúc áo nhiễu tây đen mặc ngoài. Chiếc cúc ấy vừa tuột ra, y cởi tiếp chiếc khác và chiếc khác. Thoáng cái cái áo nọ cởi hẳn, giũ soàn soạt. Nhưng không, y không mặc vào mà cởi thêm cái áo hàng bom bay màu ra. Sau đó y chỉ mặc mỗi cái áo nhiễu đen còn cái áo hàng màu hoa cà nọ gấp gọn lại.

Một hơi thở nóng rát như xé hết tim phổi người đàn bà từ từ dồn ra. Vợ Lưu lặng đi, chập chừng:

- Thôi thế là hết!... Thế là hết! Hừ! Mà thôi! Tiếc làm gì! Tiếc làm gì những cái mã này!... Còn ăn ở với nhau, muốn sống với nhau no đời mãn kiếp, thì giữ làm gì những cái mã này?!

Cầm cái áo màu ấp vào ngực, vợ Lưu bước xổ ra đường, chạy sang hè phố bên kia! Phố Hàng Vải Thâm. Những nhà hàng cầm ở đây còn mở cửa sáng choang và hàng nào cũng năm bảy người ngồi hàng. Người vợ vào ngay cái hàng đằng đầu chào một thiếu nữ bằng trạc y đương xem sách bên cái tủ kính cao chất đầy những quần áo và đồ đồng, đồ sứ. Người nọ vừa ngước lên, vợ Lưu liền giơ cái áo tơ vẫn bóng tinh của mình ra. Trước cặp mắt mở to của người nọ, vợ Lưu run run cất tiếng vừa long lanh nhìn lại:

- Thưa cô... Tôi có cái áo này muốn bán... áo hàng mới may còn tốt lắm...

Cuối 1943

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Hai Dòng Sữa

Qua ngọn lửa, tiếng người nói sang:

- Thật là mưa vàng, mưa bạc! Không mau có trận mưa này thì người ta còn là khổ! Giời với đất! Hại người ta, làm gạo một đồng bảy ống cân, kiếm bao nhiêu cũng không lại với cái ăn. Người nhớn méo mặt đẳng người nhớn, trẻ con thì đậu sởi, đâu cũng kêu oai oái, cầu đảo mãi cũng chẳng thấy gì.

- Tôi mới thật chết, tưởng làm được bu nó nhà tôi lại nhận cấy cả hơn mẫu ruộng bên cạnh nữa. Bao nhiêu tiền của tôi ngoài này đều dồn cả vào vụ chiêm, thế mà ông cứ nắng chang chang hơn cả nắng tháng năm ấy, ruộng nẻ căng da, lúa cứ đỏ đi, ngòi thì xa và gạn hết hơi cũng không được một giọt nước, hỏi còn mong vớt vát gì được nữa? Chưa bao giờ giêng hai mà lại không có tí mưa phùn nào, giăng vàng kềnh kệch, đêm ngủ phải vứt cả chăn đi, sáng ra sương cứ mù trời như thế?

Có giọng đàn bà xen vào:

- Thôi được trận mưa này, tháng ba tới nhà quê tha hồ mà vào đám. Các phường chèo không còn kịp hát, đòi bao nhiêu một bản các cụ cũng nhắm mắt mà giả.

Cái giọng vui cười ấy ngừng lại giây phút thì reo lên:

- Thày nó này, đã tráng sạch cái thùng đem ra hứng nước chưa? Mưa càng to lắm đấy, chỉ một lúc là đầy thùng, đỡ được mấy chuyến vào tận trong làng mà vét từng thau nước đục lầm lầm.

Gió ùa vào, thổi đánh soạt lên mái tôn và rung ầm ầm tất cả những tấm phên tre. Ngọn đèn dầu tây tạt dài, suýt tắt. Mưa rền vang. Những tiếng vu vu như của muôn nghìn cối xay thóc chạy đều trước những bắp tay mê man. Những tiếng nói lại im bặt. Vợ chồng người phu chẻ nốt cái gốc củi cho thêm vào bếp. Người phu bạn ngồi sát mé trong, tóc đã phớt bạc và da mái mái đã nhăn nheo. Bác lại rót nước chè tươi trong cái ấm đun lơ lửng trên bếp ra chén. Y cùng vợ chồng người bạn vừa thổi vừa uống từng hớp nhỏ.

Sự khoan khoái tràn cả tâm hồn Huyên đã tan hết. Đầu Huyên dần nặng trĩu, cả người bứt rứt. Người ta nói những gì bên tai, Huyên như không nghe thấy. Ngả lưng vào tấm tôn, chân co lại, cánh tay vòng lấy đầu gối, Huyên thấy rõ một sự mỏi mệt đen thẫm đã chạy khắp mạch máu. Huyên đành phải ngồi yên mà chịu cái hình phạt không tên ấy, bằng đi một dạo, giờ lại đến kìm kẹp, thiêu đốt Huyên.

Trưa hôm nay, nắng hoe lên một chút rồi lại lịm đi. Mây xám từng đám nhỏ tụ dần vào đoạn lan ra, nhợt nhạt, đẫm lấy gần hết trên cao.

Gió lạnh nổi lên luôn luôn, dài và xoáy. Vài hột mưa lác đác bay, sau đó cái nồng nực oi ả lại bừng dậy. Không khí đặc sệt thêm. Huyên nằm, ngồi không sao yên được một phút. Tâm trí Huyên cứ ngùn ngụt trước đống sách báo ngổn ngang, Huyên đi lại mãi trong gian phòng nhưng không dám trông ra đường để khuây khỏa với sự đi lại. Chói vào mắt Huyên, cái dải nhựa xám xịt và nhớp nháp cùng những bóng dáng lộn xộn và trốn tránh kia, còn ghê sợ hơn là những gai lửa.

Đến hai giờ, người bạn Huyên ở Uông Bí lại đánh luôn dây thép gọi Huyên vào ngay. Chắc trong đó có một cuộc vui gì đang sôi nổi lắm và phải có Huyên mới tưng bừng, nên hắn mới thúc giục như thế. Huyên đã định không đi. Huyên sợ lắm cái không khí toàn than bụi và nhất là đêm tối buồn đến mủn người ra được. Huyên đã vào đấy mấy lần, chỉ ở chơi được một ngày là phải từ giã ngay.

Nhưng, hôm nay nếu Huyên ở nhà cũng lại khổ sở vô cùng vì không còn chỗ nào để đến chơi và một việc gì để cất nhắc. Rồi cứ vất vưởng trong cái gian gác bề bộn và đi ra những phố cảnh tượng như vẩy mực ấy, Huyên chỉ càng sôi thêm người và lại trở về nằm vật ra giường mà chịu những cấu xé của chán nản. Không thế thì Huyên chết mất. Huyên không thể nào chịu được cái cảnh trời u ám và một tâm trí rũ rượi ấy được.

Nền trời hẹp nén nữa xuống cảnh vật với sắc xám nhờ. Gió vù vù, bắt đầu nặng và ướt. Huyên hết sức đạp, môi mím lại, mắt nhìn hút lấy đằng trước, Huyên sang qua đò Bính và vừa khỏi núi Đèo, gió càng quấn lấy bánh xe của Huyên. Đây đó cây cỏ như sắp bật tung cả rễ. Mây đen đặc chạy dồn dập trên đầu Huyên vút những giọt nước lạnh xỉa mạnh hơn, đầy hơn vào mặt Huyên.

- Chết rồi! Mưa to đến nơi rồi!

Huyên rít lên một tiếng, rạp thêm người xuống, thở hồng hộc và đạp, Huyên không thể nào trở về được. Đành rằng Huyên ướt hết và cảm ngã vật ra dọc đường. Như thế còn hơn Huyên không ngủ được, trằn trọc nghe rõ ràng ở xa kia tiếng cười nói réo lên cùng ánh sáng đèn, qua tiếng mưa, gió và bóng tối vây bọc bên ngoài. Trong cuộc hội họp huyên náo ấy, người ta lại luôn luôn nhắc tới Huyên. Và người ta đàn hát, vui vẻ say sưa bao nhiêu.

Qua được hai cái cầu, băng hẳn vào quãng đường không còn nhà cửa ruộng nương gì nữa, Huyên đạp chậm dần. Cái mũ dạ Huyên đội đã ướt sũng. Những quần áo đẫm nước nặng như một hòm sắt chất trên lưng Huyên. Tai Huyên ù đi, ngực tức tối. Từng hơi thở toát ra như đem theo từng khúc ruột, Huyên phải đạp chậm hơn nữa, và chau mày lại, quắc nhìn cái vùng tối thẫm và ầm ầm chạy trước mắt.

Huyên thấy phải dừng xe, không đến đứt thở mất, Huyên đã quá tin ở sức mình, giờ mới rõ đã suy kiệt lắm rồi, không còn Huyên hăm hở đi bộ ngày

sáu mươi cây số và đạp xe Hà Nội - Hải Phòng từ sáng đến chiều cứ như không! Cái sống lưng đau sụn và hai bên mạng mỡ gò lại, nói hẳn vào mặt cho Huyên biết rằng Huyên sắp bất lực trước cả một việc làm mà người thường chẳng coi mùi gì? Vì sức Huyên đã bị hút hết bởi sự ăn không ngồi rồi và chơi bời thâu đêm.

... Người chồng, gương mặt rắn và mày rậm, đưa mắt cho vợ rồi nhìn vào những đầu củi cháy lom dom ở trước mặt. Người vợ gật đầu, y ngước trông lên vẻ phờ phạc của Huyên. Huyên không có gì là hạng người xốc vác dầu dãi mà giờ phong phanh mỗi cái áo lót mình lùng thùng thế kia, chắc là Huyên rét lắm, nên môi tím tái, vai rung rung. Nghĩ thế, người đàn bà quay ra đút nốt bó củi dở, Huyên vội ngồi thẳng lên xua tay:

- Thôi bác ạ, thế này là đủ ấm lắm rồi, cám ơn bác.

Người vợ cứ chất củi vào bếp, Huyên liền kéo ra, trỏ vào đống than bánh xếp cao ngất đằng sau người chồng:

- Than đốt hồ lô còn nhiều thế này, củi làm nòm chỉ có mấy bó nhỏ, thiếu thì sao? Chợ lại xa.

Người chồng cười:

- Củi đây chúng tôi có phải mua đâu mà sợ xa? Củi sú, củi trang đầy bãi ngoài kia kiếm về đốt đấy chứ. Ông tính đốt nhiều như chúng tôi, tiền đâu mà mua cho xuể?

- Vâng, thì củi sú, củi trang nhưng đâu phải tự nhiên mà có? Các bác phải lầy lội khuân về phơi phóng và chẻ khó nhọc mới có chứ. Vả lại tôi có rét nữa đâu, đốt phí đi.

Ngay trong câu nói, Huyên thấy lòng mình càng rạo rực. Nếu Huyên không lần mò vào đây với họ thì có lẽ họ đã ngủ kỹ, đâu phải đun nước, ngồi

uống cầm chừng với nhau để chờ khuya thêm ít nữa, thu xếp chỗ nằm. Bọn họ tất cả tám người không kể đàn bà. Nhà của họ, Huyên đang trú đây, chỉ là một lớp những tấm tôn, những ván gỗ ghép với nhau dựng lên mái xoai xoải dựa vào một gốc cây gạo và một bụi cây dại. Chỗ tạm bợ của những phu làm đường chui ra, rúc vào. Họ góp tiền đong gạo, mua thức ăn để vợ người phu kia thổi nấu ăn uống cho mà làm việc.

Người ta chia cái mái đó ra làm hai khoảng ngăn bởi một dãy những xẻng, cuốc, đập, thùng hắc ín, ván gỗ và những đồ dùng lặt vặt khác nữa. Khoảng bên kia hẹp hơn, ngổn ngang những vật liệu. Trên một đống mảnh ván, đúng sáu người phu nằm sát vào nhau, đắp chiếu lù lù. Bên này rộng gấp đôi, có một tấm phản ghép nhỉnh hơn cái chiếu. Đó là cái giường độc nhất nhường cho người đàn bà và ba đứa nhỏ. Những đứa này đương nằm rúc vào nhau trong cái chăn bao tải ở mé sau lưng Huyên.

Trời mưa, bao nhiêu củi đóm người ta dọn cả vào ngăn bên hai vợ chồng, nên cái phần chiếu để người chồng và người phu đứng tuổi nằm bị lấn đi gần một góc. Cạnh đấy lại chất bếp và bên trên hong kín quần áo. Như thế Huyên nằm sao được. Huyên, một người mặc quần áo tây, đầu chải mượt và đi cái xe đạp mạ kền sáng choang trông còn sang hơn cả những ông thanh tra của họ. Bọn phu sẽ chẳng để cho Huyên nằm chật chội nào, một người sẽ dọn bớt đi một số đồ đạc, rồi kê vài tấm ván ngủ trên đó, mà để cái chiếu phần Huyên và chồng người đàn bà.

Không! Huyên chẳng dám nhận sự đặc biệt nằm trên cái giường kia đâu. Huyên sẽ ngủ chung dưới đất với cha mấy đứa nhỏ. Nhưng dù sao Huyên vẫn thấy mình xa cách hẳn họ. Người ta trọng đãi Huyên một cách sợ sệt, miễn cưỡng chứ đâu vì sự thân mến, hiểu biết? Rồi mai, nếu ngớt mưa, Huyên ra đi thế nào họ chả nhìn theo Huyên với những con mắt khoan khoái của những kẻ trút được gánh nặng, tuy Huyên cho mấy đứa trẻ hàng đồng bạc nữa?!

Không nghe Huyên, người đàn bà đã chặt củi, đốt cháy ngùn ngụt. Những

ngọn sáng vàng rực tỏa ra cả bên ngoài, làm chập chờn hẳn một khoảng trời. Cạnh bếp lửa không kiềng, không đầu rau gì cả, vóc người Huyên nổi lên, hoạt động luôn luôn trên tấm tôn quét vôi trắng. Da mặt Huyên đã lại tươi, tóc chải lại, vén cao trán lên, răng trắng muốt lấp lánh. Những tia sáng ở mắt Huyên ngời ra nhiều hơn. Người phu đứng tuổi và hai vợ chồng thấy Huyên yên lặng đăm đăm, họ không dám nhìn Huyên nữa, cả ba cùng trông vào ngọn lửa, hồi hộp chờ một dịp cất tiếng nói với nhau.

Rào.. rào... rào... mưa gió vẫn đều một nhịp. Chớp nhoáng luôn luôn xé ra. Hai bên đường bãi lầy, sú và cỏ dại mọc mông mênh đã ngập nước, trong ánh chớp, vệt đường loang loáng chạy vút đi, và những đám núi thấp, lởm chởm, mốc thếch, nhảy chồm lên thành những hình thù quái dị. Cả cái vùng cây số hai mươi cách Uông Bí này chìm hẳn trong một biển mưa. Mấy bóng nóc nhà và những lùm tre cuối cùng ở tít mù đằng chân trời biến đi nốt với những thửa ruộng nhỏ hẹp chỉ cấy được một mùa, cố khai lấn ra bãi lầy mà không được.

Không cứ đêm tối, ngay giữa ban ngày vẻ cọc cằn cũng gai góc và bao la như thế. Dân đây hầu hết đổ vào Uông Bí, Vàng Danh hay đi Hồng Gai, Hải Phòng làm việc. Còn lại đàn bà và người già thì trông coi con trẻ, bắt cáy và kiếm củi bán. Nhà nào có dăm sào vườn ấy là được chỗ đất tốt lắm. Họ trồng kín rau, khoai, đỗ và đổ đất dựng nền ở ngoài bãi mà ở chứ không dám lấn vào cái khoảng trồng trọt quý hơn vàng ngọc này.

Suốt dải đường có vừa đúng ba quán nước mà bún riêu là quà sang nhất. Thứ này và kẹo lạc kẹo vừng chỉ để bán cho khách qua đường chứ người làng thì đừng hòng, dù chỉ một xu. Mệt lắm họ vào ngồi nghỉ, uống trinh nước, hút nhờ điếu thuốc rồi ra đi. Trời nắng sém cây cỏ, mồ hôi đầm đìa, nhễ nhại cả da thịt rắn như sành, thế mà họ cứ đầu trần, lẽo đẽo trên vai gánh củi nặng trĩu buộc kèm một nắm cơm và một ít muối vừng gói vào chiếc mo.

Huyên không nhìn vào bếp lửa nữa, trông ra ngoài. Cái nền tối thẫm kéo

hút lấy mắt Huyên tới một vùng sáng rực thì dừng lại. Uông Bí đấy. Giờ đây chắc cũng đương mưa to lắm. Mấy dãy phố lèo tèo nhà gạch và những xóm nhà lá đông đúc của phu, thợ càng được dịp lặng đi trong cái yên ắng vang vang tiếng máy chạy của nhà điện, nhà sàng, của xưởng thợ và của những đoàn xe goòng chở than thâu đêm ra Đền Công. Những tiếng chuyển động của sự làm việc không ngừng này phải vui lắm, kích thích lòng hăm hở và tin tưởng lắm với những người nghèo khổ như bọn phu lục lộ đây hay những dân vùng chung quanh họ nghe lúc ban đêm và tưởng đến mai kia con cái họ sẽ có công việc tốt ở những nơi có máy móc đó. Được trận mưa to gió lớn thổi tan cái oi nồng đi, giấc ngủ của họ còn có tiếng máy chạy ru thêm, thuốc bổ nào bằng. Sự buồn nản và bại liệt chỉ ở trong người Huyên hay những ai như Huyên sống không phải làm gì, chứ những tâm hồn chất phác và chịu khó đâu bị như thế!

Có tiếng nước rỏ lộp độp gần chỗ Huyên, người chồng giật mình, ngoảnh lên kêu:

- Chết, mưa bắn cả vào đàn ông rồi!

Huyên quay lại, người chồng vội đứng dậy, nâng hai tay cái đàn lên, nhớn nhác tìm chỗ để.

Huyên cau mày đón lấy và phải cố cất tiếng để qua sự khổ sở:

- Bác cứ dựng ngay cuối giường kia. Dẫu có ướt cái hộp cũng chẳng cần.

Người chồng cười lắc đầu:

- Không ạ, dựng thế nhỡ ra trẻ nhà cháu chúng nó giẫy đạp phải và hơi đất lên hỏng mất! Của bạc chục của các ông chứ ít ỏi gì. Để tôi gạt những quần áo phơi về bên mà treo nó lên vậy.

Huyên xua tay:

- Được bác ạ, dựng lui vào mé trong được mà. Quần áo của các bác phơi để mai mặc đi làm phải để nguyên đấy.

Không dám để người đàn ông phải loay hoay vì cái vật chẳng có ý nghĩa gì với họ. Huyên nhấc bổng cây đàn lên, dựa mạnh vào cuối tấm phản.

Người chồng vẫn mở to mắt nhìn Huyên. Ngay đó người vợ rụt rè hỏi:

- Thưa ông cái đàn tây ấy bên ta chắc không làm được?

- Có bác ạ, giờ bên ta làm cũng không kém mấy.

- Thưa ông thế mua hết những bao nhiêu?

- Có hơn chục bạc thôi.

Người đàn bà giương mắt lên rồi tươi cười:

- Đàn thế chắc đánh nghe hay lắm! Ấy năm ngoái cháu ở trong Uông Bí, ngày hội thấy các quan cũng mời các ông trong sở và ngoài Hải Phòng vào đánh đàn. Hàng mấy nghìn người, cứ im phăng phắc mà nghe, chưa bao giờ cháu được xem như thế.

Người phu đứng tuổi gật gù:

- Cả cháu cũng chả hiểu là bài gì mà cũng cứ muốn đứng nghe suốt đêm. Thưa ông, vậy vào Uông chuyến này, thế nào ông chả ở đến chủ nhật sau có mấy hội đá bóng thi và học trò tập võ?

Dựng vội quá, cây đàn của Huyên vừa bị một luồng gió rung mạnh liền đổ sầm xuống. Ren.. ren... những tiếng ngân ran ra. "Chết chửa", cả hai vợ chồng và người phu bạn đều kêu lên. Huyên cau mày và lần này Huyên thấy sôi hẳn người. Huyên nghẹn ngào đứng dậy để lại hộp đàn. Cái móc kền lâu ngày không còn chặt, buột ra, nắp hộp he hé. Huyên run run cài ấn vào,

nhưng vừa buông tay, Huyên thở rít một tiếng nhẹ, mở từ từ nắp hộp ra, lờ lờ nhìn cây đàn. Bỗng Huyên cúi xuống đưa dài mấy ngón tay gãi mạnh lên bộ dây lấp lánh dưới mắt. "Phrưng... phrưng... phrưng... rưng... Trong những âm thanh rối loạn nọ cả da thịt và tâm hồn Huyên vụt đau chói như bị một loạt dây da có móc câu quất lên. Huyên mỉm cười, lắc đầu đóng lại nắp hộp rồi lừ đừ ngồi vào chỗ cũ.

Tưởng rằng Huyên để ý đến câu mình nói vừa rồi, người phu đứng tuổi cười nhìn Huyên:

- Hay thưa ông có việc gì kha khá ông nói với ông chủ ở lại mà làm. Dạo này trong đó có cả nhà Ôséc và mới mở thêm mấy dãy phố vui lắm.

Không thể yên lặng được nữa, nghe mãi người ta hỏi mình, Huyên nhìn sâu vào gương mặt dầu dãi với nước da mai mái của người phu nọ, lắc đầu nói:

- Không bác ạ, tôi chỉ có thể ở đây được ngày mai rồi về Phòng ngay.

- Thế ông vẫn làm ngoài Phòng, hôm nay chiều thứ bảy nghỉ đi chơi?

Huyên cúi mặt xuống, run run:

- Không tôi chưa làm đâu cả. Nhưng tôi chỉ được ở lại Uông ngày mai thôi.. Tôi.. tôi...

Người đàn bà đăm đăm nhìn Huyên, mắt long lanh. Y khó hiểu quá. Huyên không đi làm sở nào sao chỉ được ở lại chơi có một hôm? Có điều gì bắt buộc Huyên như thế? Hay Huyên đã có vợ con, vợ con Huyên là người buôn bán gìn giữ Huyên nên Huyên phải trốn tránh nhà đi và mới bị mưa rét?

Tâm trí Huyên tê tái vì thêm cái nhìn ngạc nhiên của người đàn bà chói vào y. Huyên chớp chớp mắt:

-... Mà có khi tôi ở lại Uông Bí cũng nên. Nếu có việc thì dù chỉ đủ ăn tôi cũng làm. Ba bác ạ. Tôi còn vào cả trong Vàng Danh nữa.

Người đàn bà tươi ngay nét mặt:

- Thế mà cháu cứ tưởng ông đương bận việc, ngày chủ nhật thì chơi. Vâng, ông có làm việc trong Uông Bí hay trong "min" thì công việc của các ông cũng nhàn lắm. Nhưng ông phải ở trọ chứ không thể đưa bà và các em vào được. Đây nhà cửa chật chội, nước nôi hiếm lắm, mùa bức thật khổ.

Huyên bâng khuâng nhìn lên.

- Không, tôi chưa thành gia thất, tất nhiên tôi phải ở trọ. Khi đó tôi cũng chỉ kiếm những chỗ gần gũi với những người dễ dãi như các bác đây mà ở cho vui thôi.

Người đàn bà nói như reo lên:

- Ông vẫn ở một mình vậy? Phải rồi, những người giỏi giang như ông rồi lấy ai chẳng được. Thế này cháu hỏi không phải, ông đương làm cho ông chủ rạp hát nào ngoài Hải Phòng mà định thôi vậy? Làng cháu cũng có mấy cậu ra tỉnh học, giờ thôi học mà cũng chẳng phải đi làm gì cả, chỉ tối đến đi đánh đàn, thế mà có cậu kiếm được bạc trăm một tháng, ăn tiêu sang lắm.

Huyên đã choáng váng, chỉ còn nghe thấy lờ mờ tiếng nói của người đàn bà. A! Người này đã tưởng Huyên là con một nhà giàu có; đã tưởng Huyên có vợ con! Giờ thấy nói Huyên không có gia đình ràng buộc thì y lại tưởng Huyên là một kép đàn, một thứ nghệ sĩ khốn cùng, rạc rài sống vất vưởng với những gánh hát trôi dạt, nhưng bề ngoài vẫn ra vẻ phong lưu. Phải! Người ta cho Huyên vào hạng như thế cũng rất đúng. Không có nghề gì, không làm đâu mà kè kè cây đàn bên mình thì chín phần mười Huyên phải nhờ sự đàn hát mà sống.

Thật ra Huyên không hẳn như thế. Huyên không đàn cho gánh hát, cho tiệm ăn, tiệm nhảy nhưng từ ngày thôi học và đàn giỏi, Huyên cứ nay tụi bạn này cho ăn, giúp mặc, mai nhà kia mời đến ở, bao đủ mọi sự tiêu pha, rồi một gái nhẩy, một bọn thiếu nữ ăn không ngồi rồi khác nhờ dạy đàn và tăng tiền. Ngày Huyên chỉ dông dài với cây đàn, rồi tối đến lại thâu đêm ở những nhà hát, những tiệm nhẩy, tiệm hút. Huyên đã núp dưới cái danh nghệ sĩ mà sống bám vào lưng người ta. Hắn Huyên là một kép đàn hay một anh xẩm kiếm tiền trước công chúng, chứ đây thứ nghệ sĩ của Huyên chỉ là một thứ nghệ sĩ ăn mày, thứ nghệ sĩ trùng bệnh độc, sống bằng khí lực người ta, hút cạn ý chí của người ta và làm trụy lạc bao cuộc đời, mà nhiều hạng người vẫn ca tụng và khao khát gần gũi.

Tâm hồn Huyên đau như xé ra: Huyên nhìn đắm vào những ngọn lửa vàng rực, một ngón chân di di lên đất. Nước mắt bên trong trào ra đầm đìa. Huyên phải hết sức đè nén lòng để tránh sự vỡ lở. Ngập ngừng mãi Huyên mới nói, giọng gần nức nở:

- Không! Tôi vẫn dạy học tư đấy bác ạ, tôi mới thôi ít lâu nay. Trong quê nhà tôi cũng cấy được dăm mẫu. Ông bà tôi mất sớm, được một mình tôi nên tiền bán thóc tôi tiêu cũng thừa. Giờ tôi đi làm là tự ý đấy thôi chứ có ai bắt tội đâu!

Câu nói trên đây vừa dứt, thêm một sự trói buộc nữa ran ra khắp người Huyên. Huyên đã nói dối! Huyên nào có dạy học. Nhà Huyên nào có cấy được lấy một mẫu! Thầy mẹ Huyên mất để lại cho Huyên vẻn vẹn năm sào ruộng thì bà cô Huyên nhận và phải cáng đáng mọi giỗ tết. Huyên còn cái nhà gỗ năm gian và hơn sào vườn, nhưng ở nhà quê ai thuê? Sự sống của Huyên hoàn toàn không có chút căn bản. Xác thịt Huyên sống vất vưởng, nhiều bữa ăn đến bội thực, nhiều bữa lại chẳng có gì, về tinh thần cũng thế, Huyên luôn luôn vui đến mê tơi rồi lại buồn lả đi như chết. Nào một năm? Hai năm? Đã hơn năm năm! Năm nay Huyên đã hăm sáu tuổi.

- Thưa ông...

Người đàn bà vừa cất tiếng, đứa bé út thức giấc khóc oa oa. Nó đạp tung chăn ra, lồm cồm bò dậy, nhớn nhác tìm. Người đàn bà bỏ dở câu chuyện hớt hải chạy đến ôm chầm lấy đứa bé. Y bế vác con lên, vỗ mạnh mạnh vào người nó:

- Nao ôi! Con tôi đã dậy mà. Con giai tôi đã dậy mà tôi không biết.

Đứa bé cứ cong người lên, mặc sự nâng niu của mẹ. Nó khóc thét như bị cắn cấu ấy. Người mẹ phải ẵm ngửa nó ra, vạch yếm cho bú và cao giọng ru. Dưới mái tôn gần chấm đầu người, tiếng ru vang vang cố át tiếng khóc đi mà không được. Đứa bé cứ túm lấy yếm mẹ kéo giăng ra vừa đạp thục chân vào bầu sữa. Người mẹ cuống quýt gỡ tay nó, cười:

- Giời đất ơi! Dữ quá, dậy không thấy bu mà hờn thế này đây. Thôi bu xin, bu thương con giai, con giai bu bú đi.

Người chồng nhíu mày gắt:

- Không chiều thế được. Lên hai, ăn được cơm rồi, không cho bú nữa. Cái thói đâu cứ phải có mẹ nằm bên mới chịu ngủ. Lại sán hơi như cái Gái chị trước kia thì còn làm được việc gì?

Đứa bé như hiểu câu trách mắng, lại cong người lên, ngoác miệng khóc. Người đàn bà cau mặt nhìn chồng:

- Tôi tức sữa lắm rồi, nhà để cho nó bú thôi. Từ trưa đến giờ nó được miếng nào đâu, chỉ được cái ác.

Dứt lời người mẹ cúi xuống lấy vạt áo chùi chùi vào mắt và hai má hồng hào của đứa bé. Y ấp mặt nó sát vào ngực, vừa vỗ nhẹ vào lưng nó và cho nó bú. Đứa bé còn nức nở một lúc nữa mới chịu ngậm vú. Nó hừng hực như

người chạy thi và khát nước sắp lả đi. Một tay nó quều quào yếm mẹ, con mắt nó đen láy nhìn ra ngoài lửa sáng.

Vợ chồng người phu nói với nhau nhiều nữa, nhưng Huyên không bắt nhời. Mặt Huyên càng bừng bừng như sắp bị những ngọn lửa trong bếp quấn quýt lấy. Đứa bé đã nín, chỉ còn khụt khịt. Người đàn bà về ngồi chỗ cũ đối diện Huyên, lấy thêm cái áo cũ của chồng ủ cho nó. Đứa bé, mắt dần lim dim, không nhìn ra ngoài mà hướng lên mắt người mẹ. Cặp mắt nâu trong, mày to nhưng mượt này cũng lờ đờ nhìn lại. Và miệng y phớt một nụ cười giấu giếm, e thẹn.

Một lát sau, Huyên không dám nhìn thẳng vào hai mẹ con. Huyên lại trông ra ngoài trời, qua chỗ hổng ở tấm liếp làm cửa. Càng ngồi yên, Huyên càng lặng đi, tê tái. Vóc người mẹ tầm thước, gương mặt đầy đặn, và đứa bé bụ bẫm ôm vừa lắn gọn trong vòng tay nọ, rời khỏi nền lửa vàng rực, hiện ra giữa bầu trời tối thẳm trước mắt Huyên. Y vẫn cho con bú, đứa bé vẫn thoảng vào tai Huyên những tiếng ụt ịt do cặp môi mỏng và tươi nún nún lấy vú sữa nở.

Huyên nghẹn ngào sâu hơn mãi. Bên cạnh hai mẹ con này dần nổi lên, cũng một vóc đàn bà nhưng bé nhỏ. Y trắng xanh, gò má cao, mắt lờ ngờ. Y cũng mặc áo dài nâu đã bạc, vá vai và cái quần vải thâm dày cộp. Rõ ràng, mắt y ánh lên, cúi xuống một hình hài hồng hào thiêm thiếp bú. Một cảm giác sắc và lạnh gờn gợn trên trán Huyên. Những tiếng nức nở dồn dập vỡ ra không kịp trong lòng Huyên. Cổ họng Huyên bị bóp ghì hẳn lại. Mẹ Huyên và đứa em nhỏ của Huyên đã sống lại trước trí tưởng Huyên trong cái lúc Huyên cố nuốt những giọt nước mắt mặn chát cả tâm trí. Bà mất năm Huyên mới lên mười, sách vở mua cho cứ bị nhem nhuốc và bỏ quên trong đám khăng, đám đáo, hàng quà. Ngày đó Huyên còn ở nhà quê. Mẹ Huyên tuy góa chồng sớm và còn trẻ nhưng nguyền ở vậy cho tới chết với Huyên. Bà không về với cha mẹ, cứ lần hồi với hơn mẫu ruộng và mấy sào vườn nuôi Huyên đi

học.

Làng Huyên cuối vùng bể không kém vẻ cục cằn ở đây mấy. Không có những quả núi xù xì, nhưng nó cũng thừa làm người ta rùng rợn những ngày nắng chang chang, ruộng vườn khát nước như người ốm nặng đợi thuốc. Cả vùng toàn bãi lầy, nước mặn, váng riêu cua, sú và cỏ dại mọc đầy cứ bốc khói ngùn ngụt. Không cứ phải bị như vụ chiêm năm nay nắng hạn dữ thế thường thường thì cả vùng không còn thể cày cấy được tí gì. Thóc gạo đối với người làng còn quý gấp mấy mươi vàng. Tất cả những mong muốn khát khao của họ chỉ ở trong hạt gạo. Họ làm, họ kiếm được cái gì đều chắt vào hột gạo, ngoài ra thì vào những công nợ không bao giờ hết mà họ chịu day dứt để mà ăn lấy sống. Cùng với họ, quanh năm mẹ Huyên chỉ bữa cơm bữa cháo và tháng ba ngày tám thì ngô, khoai, có khi củ chuối nữa, thay cơm. Bên mẹ, Huyên vẫn ăn no, cơm có thịt như con nhà giàu. Đôi khi Huyên nổi lòng thương mẹ, phụng phịu không ăn vội, ép mẹ phải ăn với mình. Nhưng mẹ Huyên lại gắt lên, đứng dậy ra chỗ khác.

Bà rung động vô cùng vì cái tính ngọt bùi chia sẻ của con sớm tỏ ra trong cảnh cùng khốn, song bà không thấy cơ cực lắm vì khổ sở quá mà phải bóp mồm, bóp miệng để nhường nhịn thế này. Đó là một điều tất nhiên, chung quanh bà, hầu hết những người có chồng có con đều nhịn thế cả. Nào bà có nghe một ai hé răng ta thán một lời? Người ta vẫn tươi cười cày cấy, mò cua, bắt ốc, làm hàng xay hàng xáo và chợ búa quần quật suốt ngày, suốt năm. Chính ngay bà, bà cũng chẳng thấy nhọc nhằn, thèm thuồng, đau đớn gì lắm, vậy bà kêu ca sao được? Bà sống khác thế nào được?

Mẹ Huyên như thế cho tới lúc hấp hối. Trong cái giờ bà biết mình không thể sống làm việc nuôi nấng và vui vẻ với con cái nọ, người ta mới được nhìn bà quằn quại và lộ mấy tiếng rên rỉ. Trên giường, thân thể bà quắt như một dây chão xác, cứ run run, hết vật tay sang trái lại quặt mình về bên phải. Bà cố nằn nì người họ dẫn Huyên vào.

- Con ơi!... Mẹ chết mất!... Giời ơi!... Tôi bỏ con tôi làm sao mà đi được hở giời?!... Sao thân tôi lại khổ thế này hở giời?!... Sao đời mẹ lại cơ cực đến thế này hở con?...

Huyên mếu máo nắm chặt lấy tay mẹ:

- Không! Bu ơi! Bu ở với con cơ...

Người cô Huyên lại phải lôi Huyên ra. Lần này mọi người cũng nhất định giữ Huyên ở bên một nhà người họ, để mẹ Huyên đi cho xuôi, không bà cứ ngất đi lại tỉnh dậy mãi. Chính người cô này nhận lời giối của mẹ Huyên nuôi nấng, chăm nom Huyên. Bà cũng gầy yếu như mẹ Huyên nhưng bà xấu xí lắm. Bà bị chồng bỏ lửng hơn năm, đoạn hắn đi lấy vợ khác. Sau có mấy người hỏi bà rồi lại thôi. Bà mặc kệ vì bà cũng không thiết cảnh chồng con ấy. Từ ngày Huyên giao phó hẳn cho bà, bà thấy không còn gì để bà ao ước, vui tin hơn nữa.

Ở với cô, Huyên bỗng bớt ngỗ ngược, chịu sự đe nẹt và khuyên bảo. Huyên luôn luôn bên cạnh cô và thấy thương cô vô cùng. Tình mến thương này có lẽ còn nồng nàn hơn cả đối với mẹ Huyên khi còn sống. Huyên chọn mấy đứa cùng mồ côi hay cùng nghèo nàn như Huyên mà chơi rất thân. Sự cô độc và khổ sở của Huyên còn khiến Huyên bùi ngùi, bâng khuâng cả trước những gia đình sống lần hồi rau cháo chung quanh Huyên mà con cái họ nheo nhóc, không mấy đứa được học hành, chúng thường tìm đến Huyên.

Năm Huyên mười bốn, Huyên đỗ bằng Sơ học Pháp - Việt. Một người họ ngoại buôn bán ở tỉnh, thấy Huyên học được thì khẩn khoản với cô Huyên cho ra với y, để y trông nom. Nhưng Huyên chỉ theo học thêm ba năm nữa rồi Huyên nói dối có việc đi làm, và Huyên đã lớn, xin cho Huyên được ở riêng, kiếm lấy nuôi thân. Cuộc đời lúc đó dễ dàng quá trước mắt Huyên, Huyên muốn làm đâu chả được. Huyên đương trai tráng lo gì không bay nhảy xa. Và đàn giỏi, bạn nhiều, được ai quen cũng không rời bỏ cái tính nhu mì của

Huyên. Như thế Huyên thiếu gì sự giúp đỡ.

Thôi học và "ra đời" Huyên chẳng phải làm lụng khó nhọc mà cũng đủ ăn, đủ mặc và có lúc còn sung sướng hơn kẻ giầu sang. Cứ thế tới năm nay, cuộc làm ăn mỗi ngày một gay go, người ta phải trầy trật mới kiếm được đồng tiền, sự dễ dãi cùng lòng tin cậy hẹp dần lại, Huyên đã phải nhiều lúc bàng hoàng rồi cau trán lại, rùng rợn nhìn những cảnh khổ lăm le lôi cuốn Huyên.

Lắng vào vùng tối thẳm, mắt Huyên đã chói nhức. Mưa gió ào ào trộn với những đốm sáng ở mắt Huyên tia ra, dầy đặc lại và ngời hẳn lên. Bên tai Huyên những tiếng ngáy của bọn phu nằm bên kia nghe càng giòn, nhịp nhàng. Huyên thở dồn dập, Huyên thấy trong người nóng rực và đau xót như bị cào toạc ra. Những ý nghĩ sôi nổi mở ra nhiều thêm. Chợt Huyên lắc đầu, mím môi, thở gắn một tiếng.

Huyên ghê rợn, Huyên thấy rõ ràng đời mình đen tối và khốn nạn vô cùng, không còn một cái gì để tô điểm, che đậy lấp láp được nữa. Huyên sống bao năm như thế có nghĩa gì? Nếu Huyên cứ thế có khác gì một kẻ ho lao không chịu chạy chữa cứ lao đầu vào những cái vui tạm bợ, mặc cái chết đến lúc nào cũng được. Huyên đương bị đục khoét bởi một sự thối tha song không chịu nhìn nhận ngay. Huyên đã tưởng đàn hát, nhởn nhơ như Huyên thế là làm được những cái mới lạ, khác thường. Nhưng đâu? Và những cái gọi là hay là đẹp, là tuyệt diệu ấy, có ích lợi chút nào cho đời người, hay chỉ để vui tai, mê hồn và đắm đuối cho một hạng người lười biếng, nhẫn tâm?

Cái âm nhạc ấy chỉ là cái âm nhạc phóng đãng, trụy lạc của những thứ linh hồn ốm yếu, sống những cuộc đời chết mà vẫn tưởng là cao trọng, vẫn ca tụng thêu dệt bằng chữ vàng. Không ở trong sự làm việc, gom góp hơi thở với sự sáng tạo của chung quanh, không biết những nỗi nhọc nhằn, những quằn quại, những lo âu, những sự nỗ lực để được sống, Huyên và bọn nhạc sĩ dông dài và ỷ lại như Huyên không cảm thông với cái âm nhạc dồi dào của tinh thần con người chiến đấu cùng sự vật.

Cái âm nhạc làm bừng sáng những tính tình, làm rộng rãi những tâm hồn, làm nảy nở mạnh mẽ thêm ý chí trong sự tin vui, Huyên không nhận thấy và dám nghĩ tới. Cái âm nhạc reo theo những điệu tưởng như khô khan ấy, chẳng kém chút gì những hiệu lực tràn lan của những nghệ thuật văn chương, hội họa, điện ảnh chân chính. Những cái này khiến loài người hiểu biết thêm nhau, ràng buộc thêm với nhau mà đưa văn minh đi cao, xa hơn, nhanh hơn trước những cản trở mỗi ngày một bị gạt tan của tự nhiên mênh mông.

Không phải chỉ để riêng mình, mà âm nhạc nảy lên còn để cho đoàn thể. đó là cái âm nhạc đã tiêu biểu những đặc sắc của một dĩ vãng bất hủ, một sức sống bất diệt của một dân tộc trong những chặng lịch sử nguy nan, tối tăm, một lần sinh khí bốc trên những mặt đất đẫm mồ hôi nước mắt của đám dân ấy, một cái hồn muôn tiếng, muôn lời nói rung chuyển người ta như hồn người mẹ mà người ta bú sữa. Qua các đại dương, các rừng thẳm, từng bản âm nhạc ấy bốc lên, bay đi hòa lại. Một thứ ánh sáng hào quang tỏa ra làm nền cho những điệu rộn ràng kia mà ai nghe cũng hiểu, cũng cảm, cũng phải cất giọng lên để dội vào không trung.

Nhưng... cái âm nhạc phóng đãng của Huyên, cái nghệ thuật trụy lạc của Huyên đối với người chung quanh Huyên người ta đều phải làm những việc quanh năm chí tối không thể rời bỏ cho ai được: những việc không có nó thì cuộc đời không thể tồn tại được?... Những cái cần dùng tất yếu, cơm ăn, áo mặc, nhà ở, xe đi, sách học, thuốc uống mà chỉ có sức làm việc cần cù là tạo ra được. Huyên và ai ai có muốn chối cãi bằng bao nhiêu lý lẽ cũng không được!

Huyên! Huyên đã chỉ để người ta nuôi sống mình mà không mất gì cả. Bao nhiêu cái du dương huyền ảo, thi vị hay xuất thần hay gì gì nữa mà Huyên cố làm ra cho có, đều tiêu diệt. Đó chỉ là những cái bỏ đi không tiếc! Và cũng cần phải bỏ đi cho bớt sự giả dối, say sưa và mê hoặc ở đời. Với những khoái lạc cho là của một nghệ thuật tuyệt vời ấy, ngay chính Huyên đã

chẳng nhiều phen chực đập đàn đi vì thấy mình quằn quại trong một cái trống rỗng đen kịt là gì? Vả lại nếu tất cả người đời cũng ích kỷ như Huyên, hễ đau khổ là đắm vào sự mê say, là đi tìm cái quên, mà không lo lắng gánh vác những công việc phần mình thì sớm tối mặt đất sẽ thành một rừng hoang và Huyên sẽ chết rũ ra.

Huyên còn trẻ, còn nảy nở, còn bao nhiêu hăm hở, Huyên chẳng việc gì phải buồn tủi, phải quên. Huyên cứ đi thẳng vào cuộc đời, xốc vác lấy một phần công việc với mọi người. Huyên chăm chỉ, chịu khó và tin tưởng cùng họ. Cái nghệ thuật âm nhạc của Huyên hòa hợp cùng tâm hồn họ. Những tiếng đàn của Huyên nổi lên thật là của những lòng thương yêu, những niềm tha thiết, những chí mạnh mẽ, những ý thức của con người biết rung động trong sự đau khổ và biết cùng nhau vượt tới những cõi đời tươi tốt rộng rãi. Sống như thế tức khắc đời Huyên sẽ rực rỡ, đáng sống vô cùng. Không được quyền trốn tránh, giết mình trong sự chán nản, phải vững bước vượt qua những chặng đường gai góc và u thảm của cuộc đời đương tiến tới sự tốt đẹp do tay những người lao khổ cùng nhau tạo ra. Sự sống bắt Huyên phải thế. Huyên muốn sống và còn rung động với mọi người phải như thế. Ngoài ra Huyên chỉ là lường gạt, phản bội, hèn nhát, đê hạ vô cùng.

Huyên quắc mắt lên, nhìn ngập hơn nữa vào trời tối. Huyên càng thở mạnh, những sự tức tối đè lấy ngực Huyên không còn nữa. Tâm trí Huyên lại nóng bừng những khoan khoái khác thường. Cái cảnh đồng ruộng và bãi lầy cọc cằn của làng Huyên, đây mẹ Huyên, cô Huyên, và bao nhiêu người cùng xơ xác vì dầu dãi bao năm đem hết sức ra làm việc, lại vụt hiện ra trí tưởng Huyên. Nối thêm vào những hình ảnh nét rắn như thép và sáng ngời ấy, hết lớp này đến lớp khác những cảnh làm ăn ồn ào gay gắt. Trước mắt Huyên, những mặt đường tấp nập và những phố xóm đông đúc mở rộng thêm với những dòng người quần nâu, áo vá, lấm láp dầu mỡ, cát bụi, họ hỏi gọi nhau vang vang và chen lấn nhau dồn dập.

Huyên buông cánh tay khỏi đầu gối, nắm chắc bàn tay lại đấm đấm xuống đất. Qua những hơi thở gấp, Huyên nuốt nước bọt ừng ực. Huyên thấm thía sau cái lần chua xót tê dại này, bắt đầu từ phút sôi nổi sung sướng này, Huyên không thể nào xa những con người kia, Huyên phải mãi mãi đứng bên tay trái họ, cảm thông tận tâm hồn với họ mọi sự đau khổ vui tươi; mong ước và tin tưởng. Đời Huyên bắt vào đời họ như rễ cây tơ bám riết lấy lòng đất, càng lâu bao nhiêu càng vững chắc bấy nhiêu, nảy nở bấy nhiêu với những màu mỡ không bao giờ cạn. Một phần ý nghĩa gần nhất của sự sống là ở đó. Huyên dang hết cánh tay ra, ôm lấy và cất bước ngay lên.

- Giời ôi! Thôi chứ, đã bú rát cả ngực người ta rồi, mà còn day day mãi thế này!

Người mẹ nhăn mặt, ấn nhẹ ngón tay vào má đứa bé rồi xoa xoa ngực. Đứa bé sắp no chỉ a a mấy tiếng đoạn nhả núm vú ra. Nhưng vừa rời khỏi bầu sữa, nó được mẹ xóc sang bên kia, liền hập ngay miệng vào vú và bặt tiếng lầu nhầu.

Cả người cha và người phu bạn cũng kêu lên: "Hư hư! Thế thì hư quá. Thôi chứ!..."

Huyên choàng mắt quay lại nhìn đứa bé. Ngay đó cặp mắt đen láy dưới vành mi phớt như tơ của thằng nhỏ giương lên thoáng chiếu vào mắt Huyên. Người mẹ cau mày, hừ một tiếng và cười. Y cũng ngước mắt lên, đưa nhìn cả chồng, người phu bạn và Huyên. Mắt y lấp lánh như đầy lửa, tay y sát mạnh lên bầu vú ban nãy nở tròn thế mà giờ chảy hẳn xuống trước tấm ngực đầy.

Gió lạnh lộng vào, vai Huyên rùng lên. Nhưng Huyên không thấy rét. Một cái êm mát tươi sáng cùng làn gió thổi tràn vào đầu Huyên. Huyên thở mạnh chớp chớp mắt, cúi đầu xuống bàng hoàng.

1943

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Giọt Máu

- Sao tôi lại thuê cái chỗ này mà không chịu xem xét trước?...

- Sao tôi đã đến xem rồi mà lại cứ ở?...

- Sao tôi lại ở một chỗ như thế với cái giá thuê dại dột quá vậy?

Càng nghĩ tôi càng không khỏi bứt rứt và ngạc nhiên vì cái chỗ ở nọ. Nó thuộc về ngoại ô làm trên một khoảng đất có ao, có vườn và sân, ở trong cùng một xóm chật chội, lúc nhúc giáp với cánh đồng. Tôi vào đây chẳng phải qua cửa ngõ gì. Tôi bước chân lên thềm nhà rồi mà vẫn thấy im lặng như tờ. Rộng rãi, mát mẻ, thật đúng như lời người mách, nhưng ấm cúng vui vẻ thì trái lại.

Cả mấy gian nhà đều trống hơ trống hoác. Một cái tối mờ hiện ra dưới mái lá như sương khuya. Mùi ẩm mốc thoang thoảng bốc lên. Tiếng mọt nghiến gỗ ken két.

Vào nhà, tôi còn đứng bâng khuâng nhìn những kẽ trời xanh ở suốt nóc nhà, thì mấy tiếng khóc nheo nheo khiến tôi quay nhìn ngơ ngác, chợt thấy rằng trong cái cảnh này không phải chỉ có mình tôi. Nhưng, những người kia vẫn như không để ý đến tôi. Người đàn ông tóc búi, mắt to và cao lớn ấy, vẫn cúi xuống cái rá. Bên cạnh y, một đứa con gái tóc lòa xòa, quần áo ngắn ngủi, cũng một vẻ cặm cụi như thế. Gần đấy, cái đứa bé khóc nheo nheo thì trần truồng ngồi xệp trên một bãi nước đái.

Tôi hồi hộp đi đến người đàn ông, chào y. Giờ y mới ngửng lên. Y chỉ thoáng nhìn tôi, mắt hấp háy như chói nắng, y buông thõng mấy tiếng:

- Không dám, chào cậu.

Đến khi ấy đứa con gái mới trông lên. Khác hẳn thằng đàn ông, mắt nó đã mở to sẵn lại giương hẳn lên mà nhìn thẳng một lúc vào tôi rồi mới cúi xuống. Lòng trắng sáng, con ngươi nâu ánh, mi dài và cong, mắt đứa con gái vừa tỏ sự sửng sốt vừa có một chút gì vui mừng sợ sệt. Trống ngực tôi đập mạnh hơn. Tôi phải cố giữ giọng được tự nhiên:

- Ông và các em ở đây?

- Phải!

Mặc sự đối đáp nhạt nhẽo, khinh khỉnh ấy, tôi cứ nói tiếp:

- Tôi đã nói với bà chủ thuê lại một gian ở với ông và các em cho vui.

- Đấy! Tất cả năm gian, tha hồ mà cậu chọn.

Tôi vẫn cười bảo người đàn ông:

- Như tôi ở chỉ một gian là vừa, vậy ông xem gian nào tiện việc thu dọn thì ông bảo cho.

Người đàn ông ra vẻ ngẫm nghĩ một lúc rồi lại thủng thẳng đáp:

- Hay cậu cứ ở cả vì cậu chắc phải nhiều đồ đạc.

Nụ cười cố gắng của tôi càng phải cố gắng nữa. Tôi khó chịu lắm trước thái độ của người đàn ông nọ. Thấy tôi tìm vào thuê, chắc y tưởng rằng tôi đã xâm phạm đến sự sống của y. Ừ nếu quả thật tôi là kẻ muốn tranh ở hết cả mấy gian nhà bằng một cái giá giả cao vọt lên, hay nếu tôi lù lù dọn đến cảnh nghèo hèn heo hút của y cả một cảnh sống sang trọng thì chính tôi là kẻ lạnh nhạt trước với y, có những cử chỉ khiêu khích y, mới đúng chứ? Không! Đây tôi cố tránh sự hiểu lầm và phải tươi cười chào hỏi y trước, mà sao y lại

không chịu hiểu? À, hay tôi cũng phải nhanh chóng khinh khỉnh như những "ai" kia mới được!

Tôi nghĩ thế, nhưng, sau một giây lòng nhủ lòng, tôi hối hận vì những ý nghĩ không đúng của tôi này:

- Ông tưởng thế đấy! Tôi chỉ có một cái bàn để viết và một cái ghế vải để nằm, ngoài ra chẳng còn có một cái gì để bày biện hết.

- Vậy cậu ở một mình, sao bà chủ bảo là nhà cậu dọn đến.

- Vâng, tôi chỉ có một mình, mà "nhà" là một mình tôi cũng được chứ sao?

- Thế cậu đi làm cậu ăn cơm hàng? À cậu đi làm sở nào?

- Tôi không đi làm ở sở nào cả! Buổi tối tôi ra phố dạy học thêm và soạn sách truyện cho các nhà in, nhà báo. Tôi làm việc như thế, còn ăn uống, gặp đâu ăn đấy!

- Như thế cậu được tự do lắm nhỉ!

- Vâng! - Tôi cười - Ông thuê đây đã lâu?

Người đàn ông cũng cười nhẹ một tiếng:

- Trước tôi được ở không để coi nhà, nhưng từ năm ngoái người trên phố đổ xô vào thuê nhà các xóm thì tôi phải giả mỗi tháng năm hào để bà ấy đóng thuế. Còn cậu, cậu giả bao nhiêu?

Tôi buột miệng:

- Một đồng rưỡi!

- Một đồng rưỡi, chắc cậu thuê theo lệ trên phố và giả tiền trước nữa? Hừ! Bằng tiền nhà gạch ngoài xóm còn gì! Thôi chuyến này bà ấy không còn sợ vắng vẻ, không còn kêu thuế má, chữa chạy tốn kém nữa.

Dứt câu này, người đàn ông đứng dậy, coi như chẳng có chuyện gì với tôi hay tôi vẫn đứng trước mặt y. Y bặt hẳn tiếng, cúi xuống cái rá gạo nhặt nhặt.

Sau đó thì cả hai cha con y cũng bỏ đi, mặc tôi tưng hửng bên cái đứa bé trần truồng và nhớp nháp nọ nhìn theo bằng cặp mắt giàn giụa nước và những tiếng nức nở.

Kẹt... kẹt... những cánh cửa lần lượt mở ra. Tôi không dám chờ người đàn ông gọi tôi, vì biết rằng y sẽ không nói thêm một lời. Tôi vội theo y bước vào. Vẫn im lặng, người đàn ông mở một cái liếp ở bức vách rồi lùi lũi ra sân, mặc tôi một mình trong mấy gian nhà. Tôi càng bàng hoàng. Qua cái hàng hiên rộng và thấp, nắng lùa vào rất nhiều với những bóng phấp phới của lá cây. Mấy gian nhà nhờ những cánh cửa mở toang, sáng hơn ít nữa. Tôi được nhìn thật hơn từ những chân cột đã ruỗng, lênh khênh trên những hòn đá tảng lún sát mặt đất, đến những rui kèo lệch lạc, khẳng khiu đen sì mạng nhện và khói bếp. Tôi được nhìn thật hơn những đồ đạc lỏng chỏng, gần mục nát, xúi xó ở những chân vách nứt nẻ và trống hoác mà bất kỳ gà chó hay người cũng có thể chui lọt. Một cái giường kê bằng gạch ở gian giữa, một ổ rơm vương vãi ở gian bên trái, những rổ rá thúng mủng ở các xó, còn ở trong gian cuối cùng bịt kín thoáng trông như là buồng kín, hai cái bếp đầu rau đương lởn vởn những tia khói trong những vạch nắng chiếu vào.

Một con chó trắng, nhỏ như một con mèo, gầy giơ cả xương nằm nhắm mắt trên một cái chổi cùn ở giữa cửa.

Tất cả những tiếng động từ nãy đến giờ như không động đến tai con vật nọ. Nó cứ thiêm thiếp cả khi tôi lại sát nó, trông xuống nó, và nó ngước lên nhìn tôi lờ ngờ, kinh ngạc, buồn bã. Tôi chưa bao giờ thấy con chó nào như

thế. Nó ốm, nó lành hay được khéo dạy mà cả khi người lạ đá phải nó cũng không dám cắn.

***

Người đàn ông nọ tên là Thành, người trong xóm gọi y là bác khán Thành. Bác khán Thành trai, bác khán Thành gái, cái Thạo nhớn, cái Thạo bé, cái Tý con, năm linh hồn này đã sống bên cạnh tôi trong mấy gian nhà cũ kỹ, heo hút ấy.

Thoạt nghe cái tên "khán" tôi đã tưởng bác ta giữ việc tuần phòng trong xóm, hay vẫn còn đóng góp với làng mạc ở nhà quê. Nhưng không phải, khu xóm đây bị cắm vào thành phố đóng thuế cho thành phố, và thuộc về "bóp" đội xếp ở đầu ô trông coi từ lâu rồi. Còn nhà quê, vợ chồng con cái bác bỏ hẳn, không nhìn nhận gì đến nữa.

Như người ta cho biết thì vợ chồng bác cũng đã có ruộng vườn, nhà cửa hẳn hoi của ông cha để lại. Hai người cũng đã hết sức cày sâu cuốc bẫm để được gặt một ít thóc về vụ mùa và dỡ một ít khoai, ít đỗ về vụ chiêm. Nhưng một năm một con nước không thể tưởng tượng được đổ giữa ngày tháng chín. Trong nháy mắt tất cả những cái gì là vật sống trên dải đất hàng trăm cây số ở ven biển đã bị cuốn đi. Đứa con trai đầu lòng và đứa con gái lớn của vợ chồng bác đã mất tích cùng với hàng chục người họ hàng nội ngoại bác và hàng trăm người ở mấy làng lân cận nữa. May vợ chồng bác và mấy đứa con bé lại vừa ra tỉnh làm ăn. Lần này thì hai người phải nói như lạy một người chuyên cho vay ở trong làng gặt nốt mấy sào lấy thêm mười đồng bạc nữa rồi ra tỉnh.

Chồng làm "cu ly" Nhà máy sợi. Vợ đi các chợ cất rau đậu về bán rong phố. Cái Thạo lớn theo mẹ đi chợ để tập tành đỡ vực. Cái Thạo bé và cái Tý con ở nhà lê la cho qua ngày chờ tới khi lớn thì hoặc chợ búa với mẹ hay lại cày cục đi vào làm với bố! Cái gia đình ấy làm ăn hoàn toàn như những

người nghèo trong xóm, họ đã lìa hẳn quê, sống gửi chết nhờ ngoài tỉnh.

Mưa nắng, cả hai vợ chồng và đứa con gái lớn đều dậy từ lúc gà gáy tinh sương, chẳng cơm nước gì cứ nguyên đầu tóc, quần áo ấy ra đi biền biệt đến sẩm tối mới về.

Ngày lại ngày, bữa nào cũng như bữa nào, năm miệng ăn chỉ có một nồi ba cơm. Gạo thổi không độn khoai thì độn ngô, và là thứ gạo máy, đong mỗi hào dôi được vài lẻ. Thức ăn của họ tôi chỉ thấy liên tiếp những rau lang, những rau diếp nhặt lại hay những rau bán ế. Họa hoằn mới có bát dưa muối hay nồi canh cải nấu với mắm tôm, mà cả nhà được sụp soạp những chiều nào lĩnh lương hay bán hết hàng.

Về những chiều tối này, nếu không phải đi dạy học, tôi thường ở nhà cùng vợ chồng bác chuyện đôi câu khi bác thổi nấu ăn uống. Nhưng, cả khi nhà bác có tiền mua dầu thắp đèn, cả khi dọn cơm ra bờ hè ăn nhờ ánh trăng và cả khi rét mướt ngồi bên cái đống củi vụn mà Thạo lớn nhặt nhạnh được về đốt lửa cháy hồng hồng khói lởn vởn, vợ chồng con cái bác cũng vẫn im lặng như những cái bóng lờ mờ xam xám của họ.

Người đàn ông chỉ đưa bát cho con xới cơm mà không cất tiếng bảo nó một lời. Người vợ chỉ gắp rau cho cái Tý con, cũng không hỏi nói gì cả. Cái Thạo lớn và cái Thạo bé thì cúi hẳn mũi vào bát. Còn đứa con bé nhất hoàn toàn là một cái núm thịt động đậy, khuờ khoạng và lấm lét.

Tiếng nói, tiếng cười, sự chuyện trò: vàng ngọc đã quý hiếm nhưng cũng còn dễ thấy hơn những tiếng người nói ra một chút vui mừng hay một ý nghĩ, một vài xúc cảm của mình, dưới cái mái lá thấp tối này, trong những buổi chiều của sự sum họp, nghỉ ngơi. Những lúc đó, tôi càng để ý đến một linh hồn trong đó: Cái Thạo bé.

Trước ánh lửa bếp lom nhom và ánh đèn lù mù, sắc mặt Thạo càng sạm

thêm, ngây dại và cô độc hơn. Con bé ấy gắp rau, húp nước dưa và nhất là xới cơm đều rón rén như sợ rằng nó không được phép ăn những thứ quý báu lắm ấy. Vì nó thấy rằng nó không thể theo mẹ đi chợ như con chị nó người đen như củ súng, nhanh nhẹn, khôn ngoan hơn cả nhiều đứa con gái lớn hơn nó ở ngoài xóm. Và nó lại không bé hắn như cái Tý con, bụng ỏng đít vòn, đặt đâu là ngồi ỉa đái đấy, để được hưởng sự đặc biệt ăn uống no nê và không phải làm gì.

Trước vẻ sợ sệt, ngơ ngác của Thạo bé, lắm khi cả nhà đi vắng, tôi muốn đến với nó mà không được. Hoặc Thạo bé lảng bế em đi, hoặc vì tôi thấy nao nao trong lòng, đành yên lặng mà nhìn Thạo bé, vừa nghe cái bâng khuâng của im vắng đi vào tâm hồn tôi như một mạch nước lạnh.

***

Một buổi trưa, tôi đương nhìn ánh sáng lao xao ở ngoài vườn, bỗng giật mình vì những tiếng chân lạ lạ đi vào ngõ. Mụ chủ nhà đã sang. Một tay mụ cắp đứa con, một tay cầm mấy cành củi mà do cái thói quen tham lam của mụ, mụ nhặt nhạnh ở ngay sân nhà người khác.

- Thầy mày đâu hở Thạo?

Cả cặp mắt ướt nhoèn của cái Tý con cũng ngước lên cùng với cặp mắt mở to của chị nó. Mãi Thạo bé mới lí nhí:

- Thầy con ra phố.

Mụ chủ nhà như không nghe thấy.

- Kìa thầy mày đâu? Giả tiền tao chứ! Hừ lạ thật! Nhà mày như câm cả đấy à?

Mắt Thạo bé chớp một cái như để lấy thêm sức mà chịu đựng cái nhìn

sáng quắc của mụ chủ nhà sừng sững trước mặt nó. Sau đó, Thạo cúi xuống, giọng nhỏ hơn:

- Thật thầy cháu ra phố ạ...

- Thế thầy mày không để tiền giả tiền nhà tao à? Hai ba tháng của tao rồi! Tháng này thầy mày đi đủ tầm, lĩnh được hơn bảy đồng cơ mà.

Lần này Thạo chỉ gắm mặt xuống với những sợi lá chuối tước giả làm rau bán ở dưới đất. Nó di di móng tay lên, trong khi mụ chủ nhà lại dằn tiếng:

- Sao nhà chúng mày lại khốn nạn như thế được? Người ta ăn ở như vậy mà không chịu biết. Bố mày, công ăn việc làm ông xếp nhà tao phải sai cả "adăng" đi nói cho, rồi gạo tao cũng phải bán chịu cho, không có lấy gì mà ăn, chồng đi làm vợ đi chợ, chúng mày nhởn nhơ cả ngày? Thậm chí đến tiền vốn của mẹ mày cũng là tiền họ của tao; thế mà có một tháng mấy hào tiền nhà bố mẹ chúng mày cũng chây lười. Thôi! Những tiền gạo và tiền mẹ mày vay góp kia tao không nói làm gì, nhưng còn cái tiền nhà về phần thầy mày chịu đã đóng cọc của tao ngót ba đồng rồi thì phải nghĩ mà giả tao. Một núi lạt một đồng xu, một hòn đất một bát cơm, tao có đi ăn cướp được tre lá, hay mượn không được người ta làm cho đâu? Tao có khất được thuế đâu? Thương tình nhà chúng mày tao đã cho ở không hàng năm rồi. Không xem đấy như ở ngoài xóm, một gian nhà hễ chui đầu vào là chổng đít ra liền với cống rãnh cứt đái mà cũng đồng bạc một tháng! Đây nhà tao bố mẹ mày đã ở vung vinh như động tiên ấy lại còn nào giường nào vại nào hòm của tao cúng tiến cho nữa... thế mà không chịu nghĩ! Hừ!... hay thấy tao không như ai thì bố mẹ chúng mày không còn nể? Thôi này, để tao phải nói ít chứ. Bố mẹ chúng mày quá lắm rồi, tao phải đối xử như ai lại bảo tao là con người ác... Cha mẹ chúng nó! Ấy những quân khốn nạn ở mấy cái xóm này nó vẫn kháo lên mãi trên phố rằng mình ác nghiệt đấy!...

Ngừng lại mụ chủ nhà thúc thúc đầu gối vào người Thạo bé:

- Kìa con này!...

Cái Thạo chớp chớp mắt lần nữa rồi càng gầm mặt xuống, ngập ngừng:

- Thầy con đi... thầy con khất bà...

- Khất, khất đến đời sang tiểu nữa à? Mà tao đã bảo nợ tao hai đồng rưỡi ấy, không có giả tao cả một lúc, thì giả góp tao mỗi ngày năm xu làm hai tháng thôi... Giờ lương thầy mày ngày hai hào được tăng lên những hai hào rưỡi, thầy mày chỉ bớt quà sáng hay quà trưa là thừa giả tao. Còn bu mày độ này, buổi nào tao cũng thấy bu mày hết hàng. Ít ra bu mày cũng kiếm ba bốn hào chỉ lãi một ngày, ấy là không kể con chị mày nó cũng thêm cặp được đồng muối, đồng mắm. Làm ăn như thế nhà mày vẫn cứ không chịu nghĩ đến công nợ của tao! Mà đây này!...

Mụ chủ nhà cúi xuống nắm lấy cái Tý con, giọng nói nhợt nhạt hổn hển:

- Áo nhà nó mới may cho nó đây này!...

Bị những ngón tay béo múp của người đàn bà xoắn lấy cái áo của mình bằng vải dường bâu dày như mo nang mà may chỉ đến rốn, Tý con chùn người lại, mặt xanh xám nhìn hết người đàn bà lại đến chị nó. Và càng bị day day, càng nghe cái giọng dằn xiết, con bé càng co rúm, càng níu lấy chị. Nhưng nó không khóc, miệng nó chỉ mếu xoạc như bị gang ra, không còn cất nổi tiếng.

- Thế này đây! Thế này đây!

Dứt lời mụ bặt đi một lúc.

Sự im lặng đột nhiên này làm cho tôi hồi hộp. Tôi có cảm tưởng một sự nguy hiểm, một sự ghê gớm sắp xảy ra.

Mụ đã vùng bước lên thềm. Mụ xộc vào bếp, mụ cúi xuống như vồ lấy cái nồi trên đầu rau, mụ mở nắp vung. Những gợn hơi trăng trắng tản lên: những hơi cháo đương sôi âm ỉ. Mụ hít hít, mụ ngồi thụp xuống lấy đũa cả ngoáy và lại hít hít. Đoạn mụ mím môi lại run run đứng dậy. Mụ vào chỗ giường nằm. Mụ kéo tung mấy cái chiếu ra. Mụ lật vỉ buồm đậy cái mẹt lên. A! Đến một bơ gạo giấu ở đó. Mụ bốc gạo đổ hẳn ra ngoài mẹt. Đó lại còn là gạo mùa chứ không phải gạo chiêm của nhà mụ bán. Mụ nhòm xuống gậm giường. Kìa! Cái gì sục sạo ở trong nồi đất? Cua. Đến lưng nồi cua ấy đương lổm ngổm húc cái mê rá để bò ra.

- Gớm thật! Giời đất thiên địa ơi! Gớm thật! Những quân này!

Tôi phải vội quay mặt vào và vờ nhắm mắt ngủ khi mụ chủ nhà hầm hầm đi ra. Tôi không muốn cho y thấy tôi đã để ý đến sự lục lọi của y. Và tôi cũng không dám thấy mụ phân trần thêm chắc phải dài dòng và thiết tha lắm.

Càng cố nằm im, tâm trí tôi càng ngùn ngụt. Tôi lại nghĩ đến một sự đe dọa ở cả trên đầu tôi. Sự đe dọa tối tăm và dằng dặc của một đời sống đầy những đói rét, cùng cực lầm than, đè nén.

Tiếng chân bước và tiếng lạch xạch của bộ dây xà tích của mụ chủ nhà đã từ thềm nhà xuống sân rồi ra vườn.

Trống ngực tôi vẫn thắc thỏm. Tôi cũng như cái Thạo bé lúc bấy giờ đều mong mụ chủ nhà mau chóng về đi.

Nhưng không, mụ bế con lại cuối nhà. Sau một lúc thì cái giọng the thé ấy lại xé ra:

- Kìa! Sao rau cỏ của tao lại cứ lụi đi thế?

- Luống xà lách này, đám rau thơm này, cũng gieo từ tháng trước thế mà ở bên nhà tao thì nó cứ tốt như được kéo lên ấy, mà ở bên này thì xác xơ chẳng

thấy lên gì cả. Nhà mày có tỉa ăn thì cứ bảo tao, tao có tiếc đâu. Nhưng có thích ăn không mất tiền, mất công thì cũng phải ngốn vừa chứ!

Người đàn bà còn rêu rao nữa. Trong tay mụ những cành rào nhặt thêm đã được thành một bó. Mụ lộn về đằng trước, kéo cái Thạo bé bỏ em đứng lên. Mụ lôi nó qua những luống rau bừa bộn những gạch, ngói vụn, đến gần cái đám đất chứa rác ở cạnh cụm chuối, đằng cuối vườn. Mụ đứng lại trừng trừng nhìn Thạo bé:

- Con này! Ngô nào mà mày giồng nhiều thế? Mày lấy ngô của tao gieo bên vườn nhà phải không?

Mặt Thạo càng xanh xám, nó run không được.

- Không... ngô của con... của con gieo... đấy ạ... con có bao giờ... dám sang vườn bên nhà đâu? Con mà sang thì con Vện... cả con Mực nữa... nó cắn xổ ruột con ra còn gì!

Mụ chủ nhà không đáp. Mụ cau mày nhìn cái hố đất trước kia mọc um lên lẫn với mảnh chai và các thứ thối nát chẳng ai buồn lấp, thế mà giờ được xới thành hai luống bằng hai mặt bàn, đất mịn tơi, mơn mởn những ngọn lá xanh mới nhú. Quay ra mụ nhìn vào mặt Thạo, nói rất nhanh:

- Thế mày chỉ biết làm cho mày chứ mày không nỡ trông coi một tí gì cho rau nhà tao à?

Cái Thạo càng gằm mặt xuống.

- Mà đất của tao để cho mày phá phách như thế đấy? Nhưng thôi - mụ cười nhạt - Lượt này tao gieo mấy luống rau kia, nhờ mày rỗi ở nhà chỉ có việc chơi với em trông hộ, xem mày trông coi ra sao.

***

Tất cả những sự đã xảy ra hôm ấy, cả tôi và đứa con gái kia gần như quên đi. Vì chỉ hôm sau, một công việc khác, một cảnh tượng khác khiến chúng tôi cũng mê mải: cái vườn của Thạo bé.

Tôi đã phải bỏ nhiều lúc đọc sách mà nhìn cái mảnh đất ấy. Nó như một ngày một rộng mênh mông như là cả một cánh đồng bên sông mà sắc xanh của sự trồng trọt dâng lên ngợp cả sắc xanh của trời mây. Sáng nào cũng thế, Thạo bé vội vàng quét dọn nhà cửa, bếp sân xong rồi thì dỗ em để nó ngồi chơi một mình, rồi ra vườn. Thạo nhìn, Thạo vuốt ve, Thạo nhặt, tỉa, xới, vun. Thạo lấy cái ấm đất nấu nước vối, hứng nước máy khệ nệ tưới. Không một ngọn cỏ nào mọc kịp, không một hòn sỏi hay mảnh gạch nào trốn nổi, không một con sâu tí tị nào lẫn vào. Đất cứ mịn, nhẹ nhàng và êm mát ôm lấy những gốc cây xanh hơn hớn...

Không riêng tôi mà chính Thạo cũng thường lặng đi mà nhìn. Có những lúc ở bên cạnh Thạo, cái Tý con ngủ ngay trên mặt đất. Qua mái hiên, nắng tỏa phấp phới vào chỗ chị em nó. Ruồi cứ vo ve trên mặt con bé em và lởn vởn trên mớ tóc xõa xuống vai của con chị. Trong khi ấy, ở ngoài ngõ, tiếng nô đùa ran ran. Thỉnh thoảng tiếng rao quà, tiếng hát của anh kẹo kéo và tiếng chuông xe đạp lại văng vẳng vào. Qua cái ngõ vắng gió nổi lên. Nắng và lá cây đùa nhau lấp loáng. Gà con, chim sẻ chiêm chiếp ríu rít.

Tôi phải giữ cho đều nhịp thở. Tôi nhìn vào mặt Thạo bé. Tôi nhìn vào mắt nó. Tôi nhìn những hình ảnh như lồng trong một khối lưu ly hiển hiện ở trên đôi mắt to, con ngươi rất sáng, mi dài và cong ấy, tê mê trong một vẻ ngây dại hơn, tươi mát hơn.

Những cây ngô lúc bấy giờ! Mới dạo nào lấm tấm như mạ non thế mà trải qua đâu mười mấy ngày mưa phùn rồi nắng to mà đã thành cây, rung rung với gió và ánh nắng. Những lá ngô rộng dài, xanh trông suốt được, cạnh sắc gợn, trổ vươn ra những nõn lá mạnh mẽ. Trên ngọn những tầng lá cứ mọc làm hai cánh, một thứ búp như kết bằng nhung và phấn luôn luôn rủ đến

những đôi bướm trắng có, vàng có, đen muốt có, đỏ nâu có, lốm đốm có, thoáng đỗ rồi thoáng bay đi. Và núp dưới cuống lá, che bởi cái màng gợn gợn như cánh cào cào, những bắp non nhú dần.

Tôi cũng đã không thể tự nén được. Hễ lần nào ra vườn là tôi phải mơn man những cái bắp nhú nhú kia mà tôi chỉ muốn bóc ra.

Gần hết tháng hai rồi. Trời chỉ một ngày một nắng nực. Ánh vàng ngời càng tăng sức nung nấu các thứ nhựa, các thứ hương thơm. Ngoài phía bờ rào xa xa kia, lúa đã hé đòng đòng. Những dứa, xoài, dưa đã lác đác bán thật đắt cho những nhà phải cúng của mới và chuốc ăn của mới.

Thế rồi một sáng kia, những bắp ngô của Thạo bé thấy múp hẳn lên, với những hẳn, những khía vàng vàng và những sợi tơ hung hung qua lần áo óng ánh kim tuyến. Rồi nắng càng chang chang. Tiếng tu hú gần như ran ran. Những hoa ngô dần xơ xác như vỏ may và những lá khô quắt lại rủ xuống như tay của người mẹ mệt lả khi gần đẻ. Khi đó những bắp ngô căng tới cùng độ mập mạp chỉ còn chờ người tách.

Tôi lại càng ngạc nhiên và thấy thêm bao nhiêu lưu luyến cái chỗ ở này. Tôi có ý định dành tiền nhà và làm lại cái nhà này, để bố mẹ chị em Thạo ở riêng hẳn hai gian. Tôi sẽ thuê cả cái vườn đằng sau nữa. Những ngày nghỉ, bố Thạo sẽ cùng tôi, và Thạo sửa sang trồng trọt cái miếng vườn chung.

Một chút gì có mồ hôi và tinh thần để làm "nhà quê" của mấy chúng tôi.

Tuy không bao giờ chịu hỏi nói với tôi một vài câu dài, nhưng người bố Thạo lầm lì kia, đã nhiều lúc để tôi đọc thấy rất nhiều nỗi niềm của y qua cái im lặng khắc khổ của nét mặt y và cái im lặng hoang dại của cái chỗ ở hẻo lánh này.

Cũng thường là những buổi trưa nắng. Trưa nào ở gần đồng ruộng, xa phố

mà chả rõ từng tiếng chim liếp nhiếp, tiếng cu gáy ru ri, hương hoa cau và mùi lúa. Những buổi trưa như thế, tôi thường phải nheo mắt lại nhìn ra ngoài trời ngun ngút nắng. Một thứ hơi oi ả sôi lởn vởn: chân trời xanh ngắt lóa lên những mặt đồng lúa âm âm như biển... Những lúc đó, nếu được nghỉ người cha kia thế nào cũng đem chiếu giải đằng sau nhà nằm ngủ muốn đến bao giờ thì đến. Nhưng tôi thấy không bao giờ y ngủ thẳng một giấc cho đến chiều tối mà thường vào khoảng hai ba giờ thế nào y cũng thức dậy, trằn trọc rất lâu rồi thì thần mặt mà trông hút về phía xa.

Bao nhiêu vẻ thờ thẫn, tê dại dồn cả lên hai con mắt của y trở nên lờ đờ, đuôi mắt chun chun những nếp nhăn ở mé thái dương. Nhìn như thế, y nào có thấy gì. Ngay khi râm trời, y còn phải cố gắng mới nhận ra được sự vật ở trước y chỉ cách hơn chục bước. Chăm chú nhìn quá, nước mắt y giàn ra như khóc, mắt y may lắm mới giữ được thêm vài năm nữa để y có thể đi làm nhà máy cho trọn ba mươi năm mà lĩnh mấy chục bạc tiền sở thưởng cho.

Đã một đêm tôi thấy có tiếng thở dài và nức nở. Người vợ được tin y suýt bị giãn. Y đã để dây da buột ra ngoài mà không biết, khiến vỡ mấy ổ máy.

Nhưng lần ấy y chỉ bị phạt mấy ngày lương rồi lạy van mãi với lão xếp chồng mụ chủ nhà, y lại được đi làm giữ cái chân quét dọn hiện giờ của một người bạn già vừa chết, công nhật hai hào.

Sau những buổi trưa nằm ủ rũ một mình và đờ đẫn ở đằng sau nhà chỗ giáp cánh đồng ấy, thế nào tôi cũng thấy y càu nhàu gắt gỏng.

Một buổi tối, tôi đã hồi hộp vì cái Thạo bé đương ăn cơm thì gọi bu nó, hớn hở:

- Bu này! Ngô của con sắp được bẻ rồi đấy!

Cái Thạo nhớn vội nói:

- Còn sắp với sặp gì, "ông" cho không bẻ đi mà ăn, rồi "nó" bẻ lại tha hồ mà khóc.

Thạo bé lườm ngay chị nó một cái thật dài:

- Gớm bẻ ngay để "cậu" ăn nhé! Của đâu thế!

- Chẳng của ai cả! Đây đưa hột về cho "cậu" gieo thì đây phải có phần.

- Gớm!... Gớm! Dễ nghe quá!...

- Hẳn chứ lỵ... đấy rồi xem!...

Không để chị dứt câu, Thạo bé văng tục ra mà chực òa lên khóc. Như mọi khi thế nào một đứa cũng bị người cha cốc cho vài cái. Lần này không, người cha chỉ ngước mắt nhìn các con và nhẹ giọng:

- Cái con này! Của nó chăm chút mà mày lại chực ăn không! Hột giống của mày nhưng không có công lao nó thì chỉ có đến vứt đi.

Thạo bé chùi ngay nước mắt và chớp chớp nhìn bố. Người cha nói tiếp:

- Chuyến này tao xem được bao nhiêu bắp, tao để nó bán cả, lấy tiền mua đôi gà con nuôi nhớn rồi để cho ấp, đến Tết nó bán gà nó may áo.

Người mẹ bằng lòng mười mươi rồi, nhưng vẫn gạt đi:

- Ôi dào! Gà với qué! Lôi thôi về để cho nó bới vườn rau của bà chủ mà nghe chửi à?

- Chửi cái gì! - Người cha vẫn không xẵng tiếng, lại còn dịu lời hơn - chị em nó ở nhà cả ngày là bụt mọc hay sao mà không trông được.

Cái Tý con ngồi sát cạnh mẹ đã đủ hiểu và nghĩ ra. Nó bèn kéo cánh tay

mẹ, phụng phịu đẩy một mồm cơm:

- Con cũng không ăn ngô, con cũng không đi chơi, con trông gà với chị ấy, đến Tết bu bán gà con, bu may cả áo mới cho con cơ.

Thạo bé vội vàng:

- May cả áo mới cho cái Tý. Vậy hôm nào bu xuống phố, bu xin than rồi con bế em đưa ra tận ngoài phố quạt bán cho các cô ấy đi làm kho và Máy tơ về.

Tôi đã có cảm giác thấy thật như những cây ngô của Thạo bé đã bẻ xuống. Nõ ngô, thân ngô đem phơi đun cháy vèo vèo. Những bắp non mà bị thui Thạo đem luộc, cả nhà xì xụp nhấm nháp với nhau một bữa trưa nghỉ chợ và nghỉ việc. Còn những bắp to, Thạo cất để dành chờ tối nào mưa gió mới đem quạt bán ở đầu ngõ ngoài phố. Cảnh những người đi tầm đêm, xe cộ và dáng người nhòa cùng bóng tối. Cái bếp than của Thạo bé sẽ nhóm lên. Ánh than hồng trong chiếc nồi vỡ. Mạt sáng thỉnh thoảng bay lên xèo xèo... Rồi một phiên chợ, tiếng gà sẽ liếp nhiếp ngoài vườn.

Hai tuần lễ sau, quả nhiên nắng bỗng úa đi, gió và cát bụi tung mù mịt. Mây đen kịt từng tảng lở ra. Trời không những giở rét mà còn mưa trút nước như bão.

Mụ chủ nhà bỗng sang. Lần này cái giọng the thé kia không từ ngõ nói vào, mà mụ vào tận nhà, thong thả gọi Thạo bé lại:

- Này Thạo! Tao bảo!

Thạo vẫn nhìn mụ chủ nhà nọ bằng cặp mắt run run. Không cho Thạo kịp dạ, mụ nói với Thạo một hồi dồn dập:

- Ngô của mày đã có bắp phải không? Thôi thầy mày còn thiếu tao sáu

hào rưỡi tiền nhà đấy, tao cho mày hào rưỡi mày đòi thầy mày mà ăn quà, còn năm hào tao chỉ lấy mười bắp ngô trừ thôi!

Nói đoạn mụ chủ nhà bổ xuống sân, mặc gió thổi như tát nước vào mặt. Mụ lấy áo tơi của mẹ Thạo trùm đầu, xéo bừa cả lên những đống rác, ra khoảng đất đằng góc vườn.

Rắc... rắc... soạt.. soạt... những bắp ngô bẻ nghiến ra, có bắp chặt quá mụ giằng cả cây xuống mà rứt. Năm bắp, mười bắp, mười lăm bắp, hai mươi bắp, thoáng chốc trên miếng đất ngổn ngang những lá xé tả tơi, còn trơ lại mấy gốc cây vừa thấp vừa hãy còn xanh. Mấy gốc ngô mà đến chết người ta chăm bón cũng không thể nào có bắp.

Cả buổi chiều hôm ấy, chẳng nón áo gì, Thạo bé cứ luẩn quẩn hết gốc ngô này sang gốc ngô khác vuốt, chắp chắp nối nối, và khóc. Nó khóc chỉ có tiếng nức nở chứ không thấy nước mắt. Nước mắt của nó bị nhòa hẳn dưới những trận mưa đổ rào rào xuống người nó run cầm cập và xám ngắt.

Mãi sáng hôm sau Thạo bé mới dám kêu sốt. Mình mẩy nó lúc nào cũng nóng như lửa. Không dám chờ bu nó lấy thuốc, tôi phải cho nó uống cả mấy thứ thuốc cảm tây. Nhưng nó cứ li bì suốt mấy ngày đêm rồi chỉ càng mê sảng nhiều hơn và kêu hét, giằng xé cả quần áo. Tôi phải nói mãi, bu nó mới chịu nghỉ chợ và đưa nó vào nhà thương, nếu không thì bu nó định vay mấy đồng bạc đi xem bói rồi sửa lễ tạ cho nó. Người mẹ này và cả mọi người đàn bà xóm trong, xóm ngoài và ngoài phố đều tin rằng không phải Thạo bé cảm sốt mà như thế, mà vì nó đã dại dột bế em nghịch ở miếu Thần linh, ở đống Ông Nổi, hay chạm vía một bà cô nào đó.

Thạo bé chỉ được nằm nhà thương có năm hôm, đỡ sốt là phải về. Hơn một tuần lễ sau Thạo bé lại phải bế cái Tý cho bu nó đi chợ, mặc dầu nó xanh ngắt như tàu lá, đứng lên đi chỉ được mươi bước, lại phải ngồi phịch xuống đất.

Trong cái khu vườn khuất nẻo, đứa con gái nhỏ nọ càng ngày càng ít nói. Trước kia, những trưa tôi không thể nào ngủ được và cố đọc sách mà không thấy hiểu, thấy cảm gì tôi còn được nghe những trẻ con cười nô mà Thạo bé khép nép rủ về. Nhưng từ hôm ở nhà thương ra và phải dậy bế em thì Thạo bé hoàn toàn là một cái bóng.

Cái bóng còm cõi ấy thường thần mặt ra mà nhìn thiếp vào khoảng không. Trong khối lưu ly của hai lòng mắt sâu sáng của Thạo bé, những ngấn long lanh lại luôn luôn hiện lên và mờ đi. Hàng mi dài, cong và tơ càng đờ đẫn thêm trong cái quầng thâm hằn như cắt ra khỏi nước da xanh mướt.

Dưới mái hiên, Thạo bé dỗ cho em ngủ trong lòng mình. Còn Thạo tựa vào bực cửa, đầu lệch về một bên, tóc rối xõa xuống gáy và dính mồ hôi lấm vào trên trán, chân duỗi dài, hai tay giao nhau trên lòng, Thạo bé ngồi hàng giờ không nhúc nhích nhìn ra vườn.

Nắng tháng tư ngùn ngụt. Cánh đồng ngay ngoài bờ tre rực lên, làm hoa cả mắt vì lúa chín như vàng diệp. Gió nam từng cơn rất nhẹ đưa vào trong xóm, hương lúa mới thoáng với hương hoa cau và hoa lý bắt đầu điểm trắng, vàng trên những nóc nhà và những bể nước. Các giậu mùng tơi lại mọc đầy, các giàn mướp lại lủng lẳng những quả là quả và cơ man những cánh tím tím hồng hồng rung rung ở những giàn đỗ ván.

Buổi sáng tinh sương, theo lệ thường tôi dậy tập thể thao. Tôi bỗng giật mình vì thấy sào sạt ở bờ giậu và có một cái dáng bé nhỏ lúi húi. Tôi đã toan kêu lên nhưng nén ngay được. Tôi nhẹ bước đi ra. Cái dáng lúi húi ấy là Thạo bé.

- Thạo bé làm gì đấy?

Ở ven miếng đất mà những luống ngô hôm nọ bị giẳng lên vỡ nát lả tả, không hiểu được xới lại, làm lại và nhặt sạch cỏ lúc nào, Thạo bé đương

khom khom với cái dao rựa cùn và một mảnh nứa trong tay. Nghe tôi gọi, Thạo bé choàng ngước lên, nhớn nhác nhìn tôi:

- Cháu làm gì đấy? Ai bảo cháu làm gì sớm thế?

Thạo bé chớp chớp mắt và đứng lên. Cái thân hình bé nhỏ áo thì sễ cả hai vai, quần thì cộc đến gối ấy, đã run lên ở trước mặt tôi với những tiếng nói run run như không thể vượt ra khỏi cổ họng:

- Cháu... cháu đã mua được lẻ ngô giống... cháu lại giồng ạ.

3-1942 - 5-1944

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Cánh Cửa Xám

Chúc đã phải ghét người tù nọ. Chúc ghét hắn đến mực không còn dám nhìn mặt hắn. Tuy Chúc cũng mặc áo số, chân đeo xiềng, và không được như hắn, Chúc lại không có ngày về. Chúc bị án khổ sai chung thân mà hắn chỉ có bẩy năm thì đã ở được hơn bốn năm.

Chúc để ý tới hắn từ hôm Chúc phải đưa ra nằm nhà thương đây. Chúc đã ốm chỉ còn chờ chết. Nhưng Chúc đã bớt và đã gượng gạo đi lại được. Chúc đã không thể sao hiểu được cái sự lạ thường này và cả nhà pha cũng đã ngạc nhiên vì thấy một người bạn tù sốt rét, đái ra máu, phải khiêng đi nhà thương và sớm tối xuống nhà xác, mà còn sống.

Cái mầm ghét đã chồi lên ngay từ lúc Chúc tỉnh dậy, chập chờn hay biết. Cái hơi nhà thương gây gây, hắc hắc, nồng những mùi kêdin, thuốc vàng, mồ hôi người và quần áo khét, vừa làm cho Chúc bàng hoàng hồi hộp, thì tiếng quát tháo của hắn rầm lên. Hắn quát từ ngoài cửa, chưa kịp bước khỏi những bực xi măng nó dội chói óc tiếng xiềng xủng xoảng. Mọi người đều ngước nhìn. Hắn đứng sừng sững, trừng trừng mắt, với bộ quần áo vải Nam Định hồ rất xanh, là bằng cách gối đầu, và với cái mũ bêrê cũng bằng vải, đội lệch, thêm cái số tù tẩy thật mờ, khâu nhỏ tý ở mép túi áo trên. Trông hắn hiện ra lúc đó còn hống hách, dữ tợn hơn cả những suvaydăng hay những cai tù ở những trại giam kẻ chưa thành án phần nhiều len lét, ai đánh chửi, sai bảo cũng được.

Hắn đập giường người này, tung màn người kia, văng tục vì một cái chăn lê thê xuống đất, dẫn hắt những chai thuốc không gọn gàng trên đầu giường.

Khi những câu bẩn thỉu đã dồn dập, hắn bước liền sang, chửi rủa nào kẻ nhổ bậy ra nhà, nào hút thuốc lào để vương tàn đóm, bã thuốc, nào ăn uống cá mú để dây dính nhớp nhúa. Kết cục, hắn gằn tiếng nhắc đi nhắc lại rằng "điều luật thứ nhất" trong nhà thương là giữ vệ sinh mà hắn là kẻ phải chịu trách nhiệm tất cả với ông xếp, với các thầy ký, và ông xếp cùng các thầy ký chỉ nghe hắn "bô" mỗi một câu là lập tức tống cổ hết kẻ nào không chịu vâng theo ra khỏi nhà thương...

Tất cả đều im lặng. Người thần mặt ra, người lấm lét nhìn, kẻ luống cuống ngồi vào chỗ, có kẻ lập cập đón lấy chiếc chổi của hắn quét và giục các bạn ốm xếp dọn. Họ bị sợ hãi, khủng khiếp như thế không phải bấy giờ mà đã nhiều quá rồi, lâu quá rồi. Họ là những người chỉ có hai bàn tay xương xẩu, liều thân lên đất rừng rú để cố kéo cái đời khốn khó mà no, đói, rét, sống, chết đều mặc số phận định đoạt cho thế nào được thế nấy. Họ gồm có bẩy người, không kể Chúc. Một người đi phu làm đường, một người đốt củi, một người đóng gạch, một người phụ bếp, hai người cu ly xe bò và một người đã mấy năm nay chỉ ốm hết nằm ở nhà thương, nằm ở chợ tỉnh lại lần vào ăn xin ở các lán bè, các lán mỏ.

Trong cái cơn sấm sét của tên tù, vẻ mặt bẩy người nọ xanh xám, hốc hác thêm, sau đó, họ càng phờ phạc, lờ ngờ. Nhưng thế hay hơn thế nữa, hắn cũng không thể làm nẩy ra cho hắn một xu nào, một vật gì. Trừ phi họ chết, chịu để hắn lôi xuống nhà xác thì những manh quần, tấm áo, cái dây lưng, đôi giầy vải - những của cuối cùng của họ kia - mới đành rời bỏ.

Cả buổi sáng hôm ấy, mặt trời đầu tháng hai hé nở, nắng vàng lấp lánh, cảnh vật tươi mát bao la, mà Chúc thấy khó thở vô cùng. Bao nhiêu cảm xúc và bao nhiêu ý nghĩ của Chúc đã sôi lên thành những đau xót và hằn học. Chúc chẳng còn thiết trông nhìn một vật gì mà chỉ cầu sao lại được thiếp đi. Càng cố lắng tâm trí Chúc càng thấy nặng nề, đè nén. Mỗi lúc cái chuỗi xích to và ngắn đeo ở cổ chân Chúc va chạm nhau, kéo giật bước chân Chúc lại là

Chúc lại lắc đầu, thở dài. Chúc ngồi rũ xuống giường rất lâu rồi ngước mặt lên, choáng váng, buồn bã.

Chúc lại muốn chết.

... Ngày lại ngày, cái cảnh quát tháo, hành hạ ấy cứ nối tiếp khi buổi sáng, khi buổi chiều, có lúc cả buổi chiều, cả ngày chủ nhật với một người ốm mới vào hay sắp ra, hay bất thình lình được tin có một sự khám xét, hắn phải quét dọn gấp. Đã gần một tháng. Ít lâu sau, tên tù kia cũng quen mặt Chúc. Chúc không thấy khó chịu lắm vì cái chổi vung văng, cái thùng sắt tây đổ nước tung toé, cái bộ quần áo nhà pha cũn cỡn hồ lơ và cái dáng đi loăng quăng hết buồng này sang buồng khác. Tất cả những cái ấy, đối với Chúc cũng như đối với bọn người ốm cùng khốn, nó đã thành một sự tất nhiên mà người ta không chịu cũng không được.

Về phần hắn, hắn cũng biết Chúc không ưa hắn nhưng hắn vẫn phải hỏi nói với Chúc bằng một giọng ôn tồn. Chúc tuy cũng là tù và mới phát vãng lên đây, không vây cánh, không có tiền vung vãi mua chuộc nhưng chẳng gì Chúc cũng là một kẻ thông thạo chữ nghĩa hơn cả những thầy ký trong đề lao và ở nhà thương. Chúc đã là một thư ký đầu một hãng buôn to, lương tháng bạc trăm. Quá chơi, Chúc đã tiêu hết cả tiền két rồi đầu độc người quản lý của hãng định để vừa thay chân y, vừa làm tiêu tan sự biển thủ. Vào tù, dáng dấp, ăn nói, cách đối đãi của Chúc vẫn đầy vẻ phong lưu, lịch thiệp khiến từ suvaydăng, khán hộ đến bà đỡ đều tìm Chúc, chuyện trò luôn, ông ông tôi tôi với Chúc, và bắt cả hắn phục dịch Chúc.

Nhưng trong sự đối đãi cố gắng thân mật giữa hắn và Chúc, Chúc vẫn thấy không thể nào quên được những cử chỉ độc ác của hắn chỉ lăm lăm bóc lột người ta. Giờ hắn một điều "thưa bác" hai điều "nhà em", tươi cười chào hỏi Chúc đấy, song chỉ mai kia thôi, nếu Chúc lại lả đi, sốt liệt giường, liệt chiếu, Chúc sẽ bị ngay hắn gắt gỏng và cả chửi mắng nữa để Chúc có gì trong mình thì phải mau mau lột cho hắn. Hoàn toàn hắn đã thuộc về cái hạng tù tối

tăm, bạo ngược, không thân thích chăm nom, đi tới đâu cũng kiếm cách kéo bè đảng với những kẻ uống máu người không tanh. Còn chung đụng với hắn, Chúc tránh sao được những sự giáo giở của một sự giả thù nung nấu!

Bên sự ghét hắn, không những Chúc ghê sợ hắn mà còn ghen hờn nữa.

Hắn tuy lùn nhưng vạm vỡ. Da hắn đen bóng, bắp thịt tay, bắp thịt chân, bắp thịt vai và ngực cứ rung rung, cuồn cuộn theo những cử động thoăn thoắt của hắn. Mắt hắn lúc nào cũng lấp lánh, cặp môi dày, mọng như tô son. Tóc hắn cứng, đen nếu luật nhà pha không bắt cạo trọc thì hắn cũng đến phải húi rất ngắn để hợp với cái đầu tròn và cái trán thấp của hắn. Trong cái thân rừng rực máu ấy hắn còn coi mùi gì những công việc nặng nề, khổ ải nhất, và, những mầm bệnh khó mà chớm lên vật hắn ốm được. Án bẩy năm chứ đến mười bẩy năm hắn cũng thừa sức ở lại cái mạn ngược của sốt rét, ngã nước, phù sũng này.

Không những hắn khỏe mạnh như thế mà còn được thêm những thứ của quý báu trên hết mọi "của" quý báu của những người tù là sự "vô tư lự". Không bao giờ Chúc được nghe một lời thở than của hắn. Cả khi còn ở trong trại với hắn, Chúc chỉ thấy hắn chuyện trò hát xướng chán rồi thì quay ra ngủ. Hắn ngủ từ chập tối tới khi kèn la vầy thổi vang mà vẫn còn ngáy giòn. Sự sung sướng này không phải hắn không hay biết. Hắn thường bảo đó là giời cho riêng những người vùng hắn. Hắn ở vùng Quảng Yên, quanh năm suốt tháng hắn đắm mình trong nắng gió và nước mặn mênh mông. Hắn chỉ ăn tôm, cá tươi và gạo đỏ lứt. Già như trẻ, những người vùng hắn đều đi nghề và đều bất chấp mọi sự vất vả, nguy hiểm.

Trông thấy hắn hơn hớn như thế, Chúc càng khổ sở, đau đớn, chán nản. Và lòng hờn ghét của Chúc càng bị nén đi càng âm ỉ cháy chỉ đợi một dịp ghê gớm bùng lên.

***

Sáng ấy cũng có sương. Sương rừng không chỉ tỏa ra ở xa xa, ở chân trời mà ở cả ngay trước mặt, cả ở trên đầu, cả dưới chân, ôm lấy người ta. Đã tưởng rồi nắng lắm nhưng mãi mặt trời vẫn chưa rõ. Cái sắc xám mịt mùng loãng đi, trong dần, mong manh. Cây cối, núi non từng khoảng xanh đặc và ướt át lừ lừ nổi bật ra.

Chúc không thấy lạnh. Ánh vàng đã chiếu lấp loáng dòng sông chảy ầm ầm sau nhà thương. Gió gờn gợn, xào xạc qua những đám lau trắng vàng pha mướt. Cái mát đi vào cảm giác Chúc như nước ngọt của lê, táo. Chúc thở như bằng thứ phổi khác và càng nhìn cảnh vật càng thấy sự khinh khoái lâng lâng ở trong người.

Gần mười giờ. Lác đác những quần áo chàm và những vòng cổ bạc đã xuống đường cái. Đó là những người Thổ ở gần đây ít cũng hàng chục cây số. Họ gánh rau, chuối, măng, gạo nếp, củ nâu đi chợ. Họ cười nói ríu rít, bô bô. Bắp chân to của họ cứ thoăn thoắt. Thỉnh thoảng có kẻ kèm theo con ngựa nhỏ, gầy, lặc lè thồ hàng.

Một lúc sau, những tiếng chim hót rộn ràng khi sớm mai hé trắng như thiếc, tan đi. Cả những tiếng xôn xao của người chợ búa. Yên lặng trở nên bát ngát, trong vắt, thăm thẳm. Sắc xanh loáng ánh nắng càng mọng mỡ.

Trừ hai ông già sốt rét đương lên cơn còn tất cả đều lò dò ra cái ghế ngoài hiên. Kể cả Chúc là năm. Một người cũng đã đái và ho ra máu. Một người sa đại tràng. Một người phù. Một người sâu quảng. Kể riêng thì thế nhưng chính bệnh họ là sốt rét. Họ đương nói nheo nhẻo đấy, thoáng cái đã về giường nằm, trùm chăn kín mít, hừ hừ, rung chuyển cả giường và uống hết chai nước này đến chai nước khác.

Khi tên tù nọ quét dọn xong và những tiếng hạch sách của hắn chuyển sang bên “san” đàn bà thì câu chuyện của bọn bệnh nhân ran ran hẳn lên. Trong kia, bốn gian bệnh viện càng trống hơ trống hác vì chơ chỏng hai hình

thù nằm co rúm sát vào tường như muốn có cái ôm ấp để có chút hơi nóng và vững chãi. Họ lại nói toàn những chuyện ở làng, ở tổng, ở huyện họ, chuyện tiêu pha may mặc và chuyện... ăn. Giờ đã đúng mười giờ, thuốc pha xong cả rồi, đằng đẵng những hai tiếng đồng hồ nữa mới đến bữa. Trông những gương mặt bủng beo, hốc hác, những thân hình xơ xác đùm dúm đều thấy nồng nàn những say sưa trong sự kể lể của mình. Ai cũng cho rằng đặc sắc nhất, phi thường nhất mà chỉ thoáng nghe người ta cũng thừa hiểu rằng họ chỉ cóp nhặt ở mỗi chuyện mỗi nơi một tý trưng làm chuyện sống của mình chứ mãn đời họ cũng chưa được hưởng những món ăn kỳ lạ, lắt léo ấy.

Bên cạnh bọn ma đói ấy Chúc đã bứt rứt cả người. Họ nói sao mà nhiều thế? Tranh cướp nhời nhau, kèn cựa, dè bỉu nhau, cười hơ hớ, ho sặc sụa... hàng giờ rồi! Mãi sau thấy chuyện mình đã nhạt phèo và tai thì bở hơi, bụng reo xào xạo, họ mới chịu thôi. Ngồi im, mặt họ thuỗn ra, đầy ngốc nghếch u mê. Cái yên vắng trở nên xám xịt càng đè nặng xuống tâm trí Chúc.

Một lúc nữa, trên buồng thuốc gần đấy, tiếng quét tước cũng bặt. Cái dáng đi loăng quăng nọ không thấy nữa. Hai người tù đàn bà, một người ta và một người Khách mà nhà thương thỉnh thoảng mới xin ra cũng đâu ấy. Người lính khố xanh coi họ thì nằm dài ra ngủ trong cái buồng khu buồng Chúc, trước khi dặn Chúc "gác" cho y chợp mắt gỡ một lúc kẻo đêm qua hắn đã bị cay sè mắt vì săngtinền và xóc đĩa.

Nắng đã rực lên. Gió thổi loang loáng những làn ánh sáng nồng nàn như phấn da cam. Những cây long não và xoan ta reo rào rào. Không khí vang lừng thêm vì những tiếng suối đổ đằng xa chan hòa bụi nắng.

Chúc lại có ý muốn trở về trại và mong chóng khỏi để đi làm. Tuy bó buộc, vất vả nhưng còn hơn ngồi ủ rũ không còn cái gì để vui, để bầu bạn, để chờ đợi. Trọn hai buổi cỏ vê dầu dãi đốc thúc, Chúc được cái sung sướng nghỉ ngơi. Chúc được ăn uống với một sự đói khát cào cấu. Chúc được nằm mà nghe cái ồn ào soang soảng tiếng xích của những bạn tù đi lại cười đùa,

hát xướng đè lên những tiếng cãi cọ, chửi rủa. Chúc được dự vào một cách tha thiết những phút vui hồi hộp, ngẩn ngơ vì những cái tin rằng có "ân xá", có sự "loại" bớt về Hà Nội. Và bao nhiêu sự thì thào bàn tán nữa: phát quần áo, đổi chăn, mổ lợn, giết bò đặc biệt, đổi giám binh, có quan to đi kinh lý...

Không thể nén được sự cồn cào, Chúc đứng dậy, đi lấy cái thau sắt con ở buồng đằng sau kia xin nước rửa mặt. Tay vịn tường, chân lần từng bước, Chúc cố thở đều để chống lại sự bải hoải cứ chực đẩy Chúc ngồi xệp xuống.

Qua hai cái giường và qua cái lối đi chính giữa, Chúc rẽ vào cái lối đi nhỏ. Gian buồng chứa đồ ở mãi tít mé bên trong, giáp giới một gian dành cho những kẻ có bệnh nguy hiểm truyền nhiễm và một nhà tiêu. Cho tới đây, ánh nắng chỉ còn mờ mờ. Cái mát lạnh lạnh lướt qua da người ta như hơi nước tỏa trên dòng suối ngập bóng cây. Dáng người Chúc đi nhẹ nhẹ, gần tan hẳn với bóng mờ. Bàn tay Chúc vin mặt tường run thêm. Mồ hôi Chúc toát ra ướt cả ngực áo. Chúc đã toan dừng lại ngồi nghỉ rồi quay ra chờ người đưa cơm đến, Chúc nói với hắn múc nước cho mà rửa ráy. Nhưng nghĩ tới những giọt nước hiếm như vàng mà Chúc đã khổ sở như điên vì nhớp nháp từ hôm qua rồi, Chúc lại cố bước.

Thoáng phút, cái cánh cửa xám của gian buồng chứa đồ đã sát tới tay Chúc với mùi kêdin và mùi ẩm mốc. Chúc chỉ phải đẩy cửa ra để lấy cái vật mình dùng. Rõ ràng lắm, cử động nhẹ này. Cái cánh cửa gỗ sơn nọ, vừa mỏng, vừa không khóa, quả đấm lại mớm lỏng lẻo, nên tay Chúc run run chỉ vừa khẽ quay cái nắm sứ là cửa hé ra, không một tiếng động.

Nhưng Chúc dừng ngay bước lại, và, mặt Chúc bỗng tối sầm, bàng hoàng như trước một sự xuất hiện ma quỷ trong cơn mê hoảng.

Trên cái giường sắt thải bừa bãi những chăn chiếu, mền bao tải, thùng sắt, chổi, tên tù cỏ vê đương áp má vào mặt người tù đàn bà. Đó là người tù con gái Khách. Không! Không phải Chúc hoa mắt nên trông nhầm. Rõ ràng người

con gái Khách vận áo trắng, cúc tết cài nách, quần thâm cộc, tóc đen nhẫy bện vòng lấy đầu, và vẫn giữ được đôi hoa tai bạc thây lẩy ở tai. Y phát vãng lên đây đã lâu, thường vẫn làm ở vườn hoa. Y nghe đã thạo nhưng nói vẫn chưa được cả câu và lúng túng luôn. Án y mười năm. Từ ngày y bị bắt, không thấy một ai thăm nom y và cũng không thấy y nhờ cậy ai viết thư. Tông tích y, chẳng một ai rõ. Chỉ biết y tòng phạm trong một vụ cướp của giết người rất tàn bạo ở biên giới.

Như những làn chớp xé ra giữa một trời tối đặc, những thù ghét, căm hờn, gớm ghiếc bùng cả lên trong lòng Chúc. Chúc toan kêu lên mà chỉ kêu một tiếng Chúc sẽ được tất cả mọi sự thỏa nếu Chúc muốn đã hờn. Hắn lập tức bị người lính Thổ đương phấp phỏng kia vùng dậy đánh cho thối ngực rồi điệu về pha phạt xà lim hàng tháng. Cả người tù con gái Khách cũng sẽ bị trừng phạt vì sự liều lĩnh của y.

Nhưng trong ngực Chúc hổn hển, tim Chúc bỗng bị bóp chặt. Chúc rùng mình một cái, lảo đảo lùi bước. Ngay đó cặp mắt lờ đờ trên da nâu nhờn của người tù con gái nhắm vụt lại. Y co rúm người, xô ngửa người đàn ông ra, cuống quít gỡ cái vòng tay vừa ôm ấp vuốt ve hắn, và y nhớn nhác, xanh xám nhìn theo Chúc với những tiếng kêu gọi ríu cả lưỡi:

- Ông ơi! Tôi van ông! Tôi chết mất! Chúng tôi chết mất!

Thoáng giây, Chúc rợn cả não cân. Chúc vụt tưởng đến bao nhiêu sự ghê gớm khủng khiếp, những trận đẫm máu gây nên bởi người đàn bà ở ngay trong tù mà Chúc được nghe kể và không thể nào quên, những vụ âm mưu vượt ngục bị vỡ lở thảm khốc trong những truyện viết và những phim ảnh của những tội nhân đi đầy hết đời; những cách hành dâm quái gở không còn tý gì của người để được dịu một chút tình dục giày vò mà chính mắt Chúc chứng kiến trong những đêm tối ở trong trại. Và Chúc tưởng đến sự thèm khát của cảnh thiếu thốn không phải chỉ vì nung nấu bởi xác thịt mà vì những tình cha mẹ, anh em, con cái, bạn bè thân mến chung quanh. Mất những ánh sáng và

không khí đầm ấm này, không phải chỉ những kẻ tù tội như Chúc mà cả mọi người đều khốn khổ, tiêu tan sinh thú, và thường lao mình vào bất cứ những cái gì tàn ác, say sưa, tối tăm.

Bước lùi lại, Chúc như không còn hay biết một tý gì ở trước mặt. Chúc như đi lần trên không khí. Chúc phải mau mau trốn tránh như chính Chúc là một trong hai kẻ khốn nạn kia. Tim Chúc nức nở. Trí nghĩ Chúc nức nở. Chúc đau. Chúc tê tái thấy người tù con gái và hắn ta phải tủi nhục lắm, khủng khiếp lắm vì cho rằng mình đã phạm thêm một tội, thêm một sự xấu và sắp bị ngập dưới những hình phạt không hiểu đến thế nào đây.

- Không! Không!

Chúc lắc đầu. Mắt Chúc choi chói. Nhưng Chúc không khóc. Nước mắt chỉ vỡ ra ở trong lòng Chúc làm nghẹn tất cả mọi nhơ.... (1)

1943-1944

---

(1) Mất chữ trong Di cảo.

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Thịt Chết

Đọc thêm mấy trang sách nữa Bào thấy mắt càng trĩu xuống. Sau cùng, Bào phải ngồi hẳn dậy, ra ngoài sân. Bào không buồn ngủ nhưng vì tâm trí đã bừng bừng, những cảm xúc dồn đập đã đốt nóng trí tưởng tượng của Bào.

Trời mới thoáng hơi sương. Từng đám khói trắng mờ mờ đùn bay là là ở những bãi cỏ, những vũng ao và những lùm cây. Những mái bếp trong xóm như vẽ bằng những nét bút đẫm mực. Ánh đèn hoa kỳ và lửa bếp thấp thoáng... Đằng xa, một vùng sáng vàng đục tỏa.

Không cần nghĩ thêm, Bào vào nhà mặc thêm cái áo dạ và quấn khăn len, ra đi. Trong túi Bào còn đúng ba hào. Thế là đủ cho Bào la cà thật khuya như mọi đêm, tới khi nào thật mệt, buồn ngủ lắm, Bào sẽ vào một hàng cà phê vắng uống và ăn bánh rồi về.

***

Bào ra đi

Cũng vẫn những con đường ấy và những phố ấy, Bào thong thả bước, lơ đãng nhìn: những khu nhà của Tây vắng thênh thang, cây cối um tùm, đàn hát văng vẳng, những bờ hè ồn ào sáng trưng những hàng tạp hóa, thợ may, thợ giầy, hiệu bánh; những lối xa hơn dẫn về những ngoại ô, ban ngày mù bụi ôtô, ban đêm đèn xanh, đèn hồng êm ả, áo tím, áo thiên thanh tha thướt; và những quãng khuất nẻo, tun hút mấy cái ngõ khúc khuỷu đây người ta thường giật mình vì những tiếng gọi, tiếng chào sặc mùi sái xẩm, bợm đĩ...

Bào đi thêm một quãng đường nữa.

Tới đầu chỗ rẽ này, Bào dừng lại. Bào đã thấy mỏi chân và cái lâng lâng đã mênh mông trong tâm trí. Ngước mắt nhìn thoáng những lùm cây xanh đặc của cái vườn hoa công cộng trước mặt, Bào đứng im một giây nữa rồi đi vào, ngả người xuống cái ghế không có ai ngồi. Bào chờ cho dễ chịu hẳn cả ở xác thịt rồi về ngủ chứ không ăn uống gì.

- Cậu xơi phá sang?

- Phá sang nóng cậu xơi?

- Lạc rang nóng giòn ngon lắm, cậu mua cháu mấy xu?

Những thằng bé bán lạc cứ kế tiếp nhau đến mời Bào như thúc nợ, còn thêm nào những hàng bánh rán, mía hấp và cả ngô rang nữa. Nhất là thứ sau này. Người bán là những cô gái rất đon đả , ngọt ngào. Chưa đủ, thỉnh thoảng họ còn cất lên những câu hát lẳng lơ và cười to lên với nhau. Trong khi ấy ở những cái ghế dưới những lùm cây, những hình thù thì thầm, cười cợt càng mờ đi bởi bóng tối...

Bất giác Bào đứng dậy. Bào nhăn mặt, bước tràn lên vệ cỏ, sang khu bên kia. Đây, không ghế ngồi, không trồng hoa, lù mù những bụi cọ to bằng cả một tòa nhà và những bụm lá um tùm bừa bãi. Cứ cách mấy cái hốc tối lại nhô ra một bóng người:

- Đi chơi! Đi chơi, cậu nào! Chơi nào!...

Trước còn mạnh mẽ, sau qua thêm mấy đám cây, tránh mấy cái hình thù gầy đét và mấy gương mặt nhợt nhạt hiện ra, Bào nhủn cả tâm trí, luống cuống bước.

Bào thấy ghê rợn.

Bào thấy sao Bào không về nhà mà rẽ vào đây?

Nhưng, vừa qua khỏi cái bụm cọ liền với rìa đường Bào lại nóng người lên. Bào đứng phắt lại, cau mày nhìn trước mặt. Như được tiếp bởi một cốc đầy rượu mạnh, Bào vụt bàng hoàng vì một ý tưởng. Bào bước nhanh xuống đường nhưng không đi ra mà sang khu vườn thứ ba ở mé bên kia con sông Lấp.

- Vườn hoa Đưa người!!! Vườn hoa Đưa người!!!

Những tiếng này xô đẩy ran ran trong ý nghĩ Bào, đưa thẳng bước chân Bào vào một chỗ có một cái chõng bán nước thấp lè tè, ánh đèn loi nhoi và mấy cái đầu đương túm tụm.

- Cậu đi chơi?

Bào cười, gật đầu. Trên cái khổ mặt choắt và nhăn nheo nọ, cặp mắt liền sáng lên:

- Đây, ba em nó đây.

Bào không có can đảm nhìn rõ xuống ba cái hình người ngồi chầu hẫu dưới đất nọ. Bào thoáng đưa mắt rồi trỏ vào một người vận áo cánh trắng đương chớp chớp mắt.

- Đây, em áo trắng.

Một nụ cười nở ra. Mụ đàn bà hất hàm cho con em:

- Kìa, thôi, cái em Áo trắng đứng lên.

Vẫn lặng lẽ, cái thân thể run run nọ trỗi dậy, phủi lộp bộp đũng quần. Y ngước mắt nhìn Bào, và, không đợi Bào, y bước trước. Bào bước nhanh theo nhưng mụ đàn bà gọi giật lại và cười nụ:

- Cậu cho tiền ạ.

Bào hồi hộp, cố tránh cặp mắt sắc càng long lanh của mụ:

- Bao nhiêu? À, đây năm xu.

Dứt nhời, Bào choáng váng như đã co chân, sắp nhẩy xuống một vũng nước thẳm. Bào tuy chưa "đi" ở cái vườn hoa này nhưng đã được nghe nhiều bọn bê tha nói rằng suốt từ cổng trại tới đây và sang cả vườn hoa Hạ Lý, cái giá định là năm xu. Năm xu hay "canh dấm" muốn gọi thế nào thì gọi. Với cái giá ấy, hoặc mụ chủ, hoặc con em, hoặc khách chơi có thể ăn được một bữa: bát cơm ba xu, hai xu canh hay cá nấu dấm, xì xụp cũng ngon chán về một sáng sớm rét hay một chiều đã chạy vạy vàng cả mắt.

Cái Áo trắng đưa Bào sang bên kia đường. Bào đương tự hỏi cái chỗ đi đây sẽ nhớp nháp, quái gở đến thế nào thì hai người đã tạt vào một bãi cỏ hoang. Bào sửng sốt toan lùi lại, cái Áo trắng liền đẩy cánh tay Bào:

- Đây rồi mà, ở quá trong ngõ này một tý thôi mà.

Bào càng bàng hoàng. Thêm mấy bước nữa, Bào đứng lại:

- Kìa, mãi tận đâu thế?

Cái Áo trắng lại cười:

- Thôi đây rồi!...

Nó trỏ tay cho Bào nhìn một vòm tối và bước vào trước.

- Trong này, sạch sẽ lắm.

Bào hơi run, cau mày trông. Bào nhận ra đó không phải là cái ngõ mà là

cái lối đi không có cửa để phu thùng ra vào sau một tòa nhà cao ngất. Bào cố nén ghê tởm để lần vào cái bóng tối mà Bào thấy phải hôi thối lắm. Nhưng không, chỉ có khí lạnh trùm nhẹ lấy người Bào. Cái khí lạnh của tường vôi mới nó gợi cho người ta cái cảm giác ở một chỗ vẫn còn bỏ hoang bởi một sự chết chóc gì.

Chợt Bào vin lấy cánh tay Áo trắng:

- Gì thế?

Cái Áo trắng không đáp. Nó lấy chân đá đá vào cái đống lù lù chắn lấy lối đi:

- Tôi đây!..

Tự cái đống ấy tiếng rền rĩ lại cất lên:

- Đi khách đấy à?

- Ừ! - Cái Áo trắng gắn tiếng

- Có diêm không?... Cho mấy que... Từ tối đến giờ thèm thuốc quá.

- Ai nghiện ngập gì mà lúc nào cũng sẵn diêm thuốc. Thôi cố nhịn đi.

Cái Áo trắng quay lại, Bào không để y hỏi:

- Tôi cũng không hút thuốc. Thôi đây cho hai xu mà mua.

Cái đống ấy đụng đậy. Một cái đầu bù nhô ra. Cái Áo trắng đón lấy hai xu của Bào, dúi xuống cái đầu:

- Đây, thôi nằm mà ngủ đi...

Bào lại theo sau Áo trắng. Quá đấy, Bào mới khẽ hỏi:

- Ai thế?

- Thằng què đấy.

- Nó ốm à?

- Không, nó đi ăn mày ban ngày tối về đây thì xoay ra gác. Chả ai mướn nó nhưng nó cũng cứ gác. Có nó gác thì yên trí lắm, không sợ chúng nó ngoài kia vào quấy.

Bào ngay thẳng:

- Sao không bảo để tôi cho thêm.

- Hừ! - Áo trắng lườm Bào - Hai xu thế là bữa lắm rồi. À, ban nãy anh đưa chị ấy những một hào cơ à?

- Ừ! Họ lèo nhèo xin thêm, ai còn dám mặc cả.

- Một hào! Anh sộp ghê!

Tới đây, cái lối đi bỗng sáng hẳn lên. Bào ngạc nhiên, ngẩng đầu nhìn. Trước Bào cả một khoảng lộ thiên cao vút. Hai bên tường, cửa sổ mở sáng trưng, ồn ào. Ngay đó, một mùi thơm lừng của những thức xào nấu tràn xuống với những tiếng mỡ reo, tiếng bát đĩa loảng xoảng.

Bào sực nghĩ ra đằng trước chỗ này là một hàng cơm tây, một khách sạn của Tàu và một cái "tràn" ba từng có đến trăm buồng mà lúc nào cũng kín người.

Bào và Áo trắng ngồi xuống một đống gạch. Trước Áo trắng còn ngần ngừ nhưng sau thấy Bào cầm tay mình kéo y mới ngồi hẳn lên hai hòn gạch

còn lành, phủi đi phủi lại. Giờ Bào mới thật được nhìn mặt Áo trắng. Áo trắng, ở trước mặt Bào, dưới một khung cửa thừa ánh sáng mới cho Bào thật một cảm giác rằng đó là một con người. Mặc kệ sự ngượng nghịu của Áo trắng, Bào cứ nhìn. Nhưng chỉ giây phút sau, Bào gần như hoa cả mắt vì một sự ngạc nhiên. Cái Áo trắng - cái con em của vườn hoa Đưa người - gương mặt trái xoan và da trắng hắn hoi. Lạ hơn nữa là hai con mắt. Nó sáng, óng ánh với những ngấn của lòng con ngươi nâu dưới hàng mi cong cong. Không, nó còn thêm hai quầng thâm nhỏ, thứ quầng thâm không do thuốc bôi mà của một da thịt ban đêm, thiếu máu, thiếu ấm áp.

Bất giác Bào nắm cánh tay Áo trắng, kéo ngả người y vào mình:

- Em ngồi lên đây.

Vừa nói Bào vừa vỗ và rung rung đầu gối để đón. Áo trắng cúi mặt, bẽn lẽn cười. Bào lại giục thì y đưa mắt cho Bào:

- Thôi, đi đi anh...

- Hừ! Thì hãy ngồi lên!...

Bào lại kéo tay Áo trắng. Áo trắng đành phải nhích đùi ghé vào đầu gối Bào.

Lại một nụ cười nở ra.

Nụ cười âu yếm của Bào.

Nhưng Bào vội ngừng ngay lại vì một mùi ghê tởm xộc lên mũi. Bào không dám nhìn hắn vào mặt Áo trắng nữa, cố hít hít rất nhẹ xem mùi ở đâu và là mùi gì. Không!.. Không!... Bào không lầm! Thật là mùi tanh hôi từ cái thân thể mà Bào ôm ấp. Bào càng rợn, và càng đánh hơi, Bào càng thấy rõ nó đóng dầy hàng lớp ở cái ngực đương thở áp vào ngực Bào.

Bào như bị giội thêm nước lạnh.

Bào ghê sợ. Bào còn thấy rằng trên gối Bào như không có một chút nặng gì tuy đó là cả một thân thể ngồi lên của một con người hẳn hoi, nó không còn dám từ chối bất kỳ sự ôm ấp , đè nén nào.

Áo trắng không chỉ thấp bé mà còn gầy nữa. Cánh tay Bào không cần khuỳnh ra cũng đủ để y lọt thỏm vào. và, dưới đùi Áo trắng, đầu gối Bào như đỡ lấy một đứa bé xương xẩu và bèo nhèo. Phần trên mình Áo trắng lại còn thảm hơn. Phải nói rằng, hai cái cánh tay ấy là hai ống sậy lỏng lẹo dính với cái vai và tiếp với cái ngực mỏng.

Trong sự kinh khiếp, tâm trí Bào dần nổi lên một cái gì nghẹn ngào và chói buốt. Bào lại nhìn vào hai mắt nâu long lanh có quầng của Áo trắng. Bào tự nhủ: “Người thế này chỉ mười lăm hay mười sáu tuổi là cùng!” Bào nghĩ đến những đứa con gái bằng trạc ấy thường vơ vẩn ở đầu vườn hoa, ở chợ ngoài kia, ngong ngóng người ta gọi đến thuê bế em và làm những việc vặt. Chính nhà Bào cũng nuôi một đứa như thế. Nó không ẵm con Bào nhưng ẵm các con người anh họ Bào, chơi với chúng nó và để cho chúng cấu, cốc, đấm và chửi khi chúng nó hờn dỗi.

Sao đêm nay Bào lại bỏ đọc sách và lại đi chơi một cách bê tha như thế? Hỏi Bào định tìm cái lạ gì, thú gì? Cảm giác mới! Hừ! Bào lại không biết những cảm giác nhớp nhúa, đau đớn của xác thịt bệnh tật rề rề một đống.

- Thôi! Bỏ ngay cái của quái của quỷ này mà đi ra ngay thôi. Mình còn mơn trớn không khéo không nén được rồi bập vào chỉ một tý là mày chết!

Bào cắn nhẹ môi, mắt đăm đăm.

Một ý nghĩ khác liền nổi lên:

- Vậy chịu phí cả tiền à?

- Ai bảo mày tiếc tiền? Mà mày tiếc làm gì mấy hào chỉ! Mày nên nghĩ đến sự tai hại tàn khốc nếu mày vướng phải bệnh một cách "vô lý" như thế! Ừ! Hay vì mày ngủ với con đĩ đáng để cho người ta ngủ, nó đẹp, nó sạch sẽ, thơm tho, ở một chỗ có chăn kê gối đệm?

Những câu nói này như hét vào tai Bào. Bào mấp mé đứng lên.

- Sợ gì! Sợ gì! Đĩ nào chả là đĩ! Cứ gì phải ngủ với những thứ "gà thượng lưu" mới sung sướng rồi có bị bệnh cũng cam tâm. Cái sung sướng còn do sự nổi tình, sự yêu mến nữa! Mà chính vì những cái này khoái lạc mới sâu xa không có chỉ là con vật giao hợp. Vả lại mình đã đi đến độ phải ngủ với nó đâu mà sợ. Vậy tội gì mất toi tiền đưa mụ chủ. Cứ ngồi ở đây một lúc nữa mà xem có những cái gì quái gở xảy ra. Rồi không thì đi ra, chẳng cho nữa cũng đi. Đi chơi "khan" như thế này là tốt lắm rồi! À... mà mình đã đưa con mụ chủ những một hào mà thường giá chỉ có năm xu, vậy nó ra có thể lấy ở con mụ kia năm xu mà "canh dấm"... Thôi được!...

Ngồi lâu trong cánh tay Bào, Áo trắng đã sốt ruột tuy biết Bào không như hạng đi chơi để̉u giả nào, vầy vò mình chán chê mê mỏi mới chịu cho tiền. Mà có cho, những đồng xu của chúng nó Áo trắng phải gớm lắm mới lấy được, nếu không chỉ hẫng với chúng nó một tý là bị chúng nó chạy làng ngay. Thật vừa uất vừa nhục. Có thể chết được! Nhưng trông người có vẻ ăn học như Bào kia, Áo trắng sẽ tránh được sự khốn nạn nọ, nhất là sự bứt rứt vì phải nghe những câu "thuyết" rất rồ dại và độc ác. Nó là những câu hỏi đã thành bài của một bọn đàn ông cộc cằn, kệch cỡm mà cứ làm ra bộ hiểu đời, thương đời để người ta phải màu mè đáp lại.

- Em ơi! Em ở đâu? Tại sao em phải bỏ nhà ra đi? Đời giang hồ của em đã có những phút nào phải khóc không? Em đã có lần nào rung động vì yêu không? Em có còn biết yêu không? Sao em không tìm cách thoát ra khỏi vòng ô uế này?... Em có tơ tưởng gì đến ngày mai không?...

A! Thế là người ta lại bị những nhát dao đâm vào gan, vào ruột. Người ta lại phải nghĩ đến những nguồn cơn, nông nỗi, nghĩ đến sự thật, nghĩ đến cuộc sống! Người ta lại phải nghĩ đến một sự tối tăm đau đớn của một cảnh đời không còn biết, còn dám mong gì mà đành chịu chết dần, chết mòn, chết thối tha, lay lứt...

Một cảm tưởng lạ lạ bỗng thoáng qua sự im lặng của Áo trắng. Áo trắng chớp nhìn Bào một cái.

- Hay cũng lại vớ vẩn đây?

Áo trắng băn khoăn, mắt lại chớp chớp:

- Lại phải chịu vậy thôi! Thằng cha này thế hay hơn thế nữa cũng phải bưng tai, bịt mắt mà "đi" với nó cho xong rồi mà lấy tiền. Cha mẹ kiếp nó! Còn cái đời này, còn phải sống cái cảnh này, thì còn phải đầy đọa khổ sở hơn cả nhà tù tội vì những thằng đàn ông bỏ tiền ra...

Áo trắng chưa dứt câu nói thầm, Bào đã nhích vòng tay, ôm sát lấy y. Bào xoa xoa lưng y và nắn nắn cánh tay y... cắc... cắc... cầm tay y, những ngón tay của Bào được lần lượt bẻ răng rắc. Y còn xoa xoa lại lưng Bào bằng cái bàn tay nhỏ, gầy và mềm của mình.

Nhận ra mắt Bào đã long lanh, cái Áo trắng mỉm cười.

Y bèn đưa tay lên vuốt những sợi tóc xõa xuống trán Bào và kéo áo tây Bào ngay lại cho khít với mép khăn len. Mùi thơm của tóc gội sạch, quần áo mới thay và khăn len mới lần lượt thoáng vào cảm giác của Áo trắng. Áo trắng cười một lần nữa và nhìn lên mặt Bào mà y thấy từ hai con mắt, sống mũi, đến cái miệng, hàm răng, cái cằm đều rạng mã, đẹp đẽ, thật là của một con trai nhà tử tế, tình cờ vào đây chứ không ham gì đâu.

- May thì một đồng không ít ra cũng phải năm hào đây.

Cái Áo trắng như đã được thật Bào đếm tiền vào tay, lòng mừng rỡ nao lên. Y choàng siết lấy người Bào.

Chợt Áo trắng thở một cái mạnh. Một hình ảnh rung lên trong tâm tư y. Như một cánh hoa rung lên trong ánh nắng. Áo trắng thấy hồi hộp, ngực nặng nặng. Nhưng chỉ một giây sau, y lắc đầu, để tâm trí rũ xuống dưới một cái lạnh tê buốt:

- Sao được! Mơ ước chuyện chồng vợ với hạng người giai trẻ, ăn học, sang trọng thế này làm gì cho thêm tủi!

Gần như có những nức nở trong những tiếng nhủ thầm kia. Áo trắng mím môi lại:

- Không!... Không!...

Trong người Bào hơi nóng đã ngùn ngụt. Rồi một cái buồn buồn, tức tức làm Bào rùng cả mình. Bào kéo hẳn ngực Áo trắng ấp vào ngực mình. Bào nhìn lại y, mắt cũng ngây ngất, đắm đuối. Thoáng cái, Bào ngả đầu y lên cánh tay, cúi xuống hôn rít lấy môi y.

- Khốn nạn!... Khốn nạn quá rồi!... Với của này mà mình say sưa đến thế này thì điên dại, mù tối hết mực rồi...

Cùng với những nhời tự nhủ này, bao nhiêu giọng nói khác như tát vào mặt Bào. Sự nghiến rứt, dè bỉu của người nhà, của người quen, sự dê diếu ê chề sống dở chết dở trước những kẻ phải kính trọng. Tất cả những bẩn thỉu sẽ phải chịu nếu mắc bệnh và cần đến sự chạy chữa. Bào đã rõ! Rõ một cách ghê sợ rồi bằng kinh nghiệm của các bạn lấy chơi bời giai gái làm một thú sống .

- Mặc!

Bào chặc lưỡi. Bào bứt rứt. Bào lại ôm chầm lấy cái ngực mỏng tẹt lọt thỏm trong tay Bào và lại hôn rít lấy cặp môi mà Bào thấy rõ từng khía nứt ram ráp... Những hơi thở hổn hển, khò khè. Cái mùi tanh tanh hôi thối. Một xác chết! Một tấm thân mà cơ thể đã nát ruỗng. Mặc! Bào ôm nữa. Bào hôn nữa.

Sương đã mờ mờ trên đầu hai bức tường cao vút. Nhưng các khung cửa vẫn sáng choang. Tiếng ồn ào ran ran hơn. Át cả tiếng cười, nói, đi lại và bát đĩa va chạm, những bàn mà chược la liệt khắp mấy từng gác càng khua ầm ầm. Tiếng đàn hát đã bắt đầu văng vẳng. Tiếng hát líu lo, nỉ non, rền rĩ cũng với tiếng đàn rung rung ngân vang...

Bọn Khách chạy loạn và đầu cơ đã tự những rạp hát chớp bóng và tiệm nhảy trở về. Những đèn thuốc phiện giờ mới thắp lên cạnh những bàn rượu rộng hàng nửa tòa nhà và kín thức ăn. Trên sàn gác, những thảm đã đầy hoa. Ca nữ quấn lụa vàng và kim cương từ Thượng Hải, Hàng Châu, Bắc Kinh sang đã cất giọng nhịp theo những dây tơ vang dội dưới những chiếc đũa ngà tung hoành.

Chợt có tiếng oe oe ở xó trong cùng lối đi và Áo trắng giật mình, quay lại.

- Cái gì thế? - Bào hỏi.

Áo trắng vội vàng:

- Không...

Y chưa kịp dứt nhời, tiếng khóc dội lên, rõ ràng tiếng khóc của trẻ mới đẻ bị bỏ một mình thức giấc. Không để Bào hỏi thêm, Áo trắng thoắt xuống đất, chạy vào cái xó tối âm u nọ. Bào chạy theo. Áo trắng xua tay nhưng không kịp. Y có vẻ sợ hãi, luống cuống bế ở cái đống chiếu lên một đứa bé đùm trong cả một cái chăn. Bào cúi hẳn nhìn cái mặt nhỏ, sần sùi và xám ngoét

của đứa bé. Bào bật tiếng:

- Con đấy à?

Áo trắng, mắt lấp lánh:

- Vâng, cháu đấy ạ.

- Nó được mấy tháng rồi?

- Cháu được chín tháng rồi nhưng bé lắm và cứ ốm mãi vì ngay khi mẹ nó mới đẻ, nó cũng chỉ bằng cái nắm tay và lại bị mẹ đau vú.

- Tội nghiệp!... Thế nó không phải con em mà là cháu?

- Vâng, nó là con anh em.

Bào sờ vào mình đứa bé. Một tay đứa bé quờ lên. Bào nắm lấy bàn tay nóng nóng và tóp như cái cẳng chim ấy.

- Sao không quấn tã và kiếm cái gì che gió cho nó?

Đến câu này, Bào không thể không ngượng nghịu. Mặt Bào sạm sạm như Bào phạm một tội. Bào đưa mắt nhìn Áo trắng cũng chỉ có một chiếc áo cánh ngắn ngủn mặc thay cho cả áo dài, cả yếm, và cái quần thâm không hiểu bằng thứ vải gì mà chạm phải Bào đã thấy nó như mạng nhện ấy. Còn chỗ nằm của đứa bé, nó là một lối đi thênh thang, hai bên tường bốn từng gác, trống hốc, lấy gì che được? Mà chỗ này đâu phải chỗ ở hẳn ngoài mấy giờ ban đêm để cái người đương bế nó kia vừa có thể chạy đi chạy về trông nó vừa kiếm khách?

Bố mẹ đứa bé đâu? Hai người này chết rồi hay vì đông con mà phải nhờ nuôi hộ để có thời giờ kiếm ăn? Hay nó thật là con đẻ của Áo trắng nhưng sợ cái tiếng con không bố và bố chỉ là một kẻ rực mỡ, đi chơi xong đêm ấy thì

không còn biết gì nữa nên Áo trắng phải chối? Hay đây là một cái "tuých" của một thứ làm tiền với một màn kịch thảm khốc trong bóng tối? Hay????....

- Giời ơi! Vừa ăn buông miệng ra mà đã lại khóc rồi. Khóc gì mà khóc lắm thế?! Lại cứ khóc thét lên thế?!

Áo trắng cuống quít ru, vỗ đứa bé. Bào lắc đầu:

- Không!... cứ ru nó đi. Mà nó vừa ăn cơm hay ăn thức gì khó tiêu, đau bụng nên mới khóc như thế đấy.

- Dào ôi! Nó khóc là nó khóc chứ có đau đớn gì đâu. Tính nó hay khóc ngay từ mới đẻ mà. Mà vừa phải cho nó ăn sữa đấy chưa dám cho ăn gì đâu!

- Hay vì cho nó ăn sữa nguội?

- Nguội với ngậm gì! Có sữa mà ăn là phúc rồi, chả xem như con người ta chỉ có nước cháo và cơm nát. Mà sữa tôi mua của hàng cà phê ngay đầu ngõ, pha vào chai xong là cho bú ngay mà. Thôi mặc nó! Giầu sang sung sướng gì mà lúc nào cũng phải có người ôm ấp và hễ mở miệng là có vú vú em ấn ngay vào...

Như hiểu những câu day dứt mình, đứa bé đạp đạp cái chăn quấn ra, ưỡn cong người, khóc hơn. Áo trắng phải bế vác nó lên, đi đi lại lại, và rối rít:

- Thôi cô xin! Thôi cô xin! Cô biết cháu cô rồi! Cháu cô đáo để lắm rồi! À cháu cô ngoan lắm rồi!

Ngước mắt lên, Áo trắng bảo Bào:

- Anh làm ơn kéo quấn lại cho cháu nó cái chăn nào... Khổ thật, động đến là tụt, cứ lê thê xuống cả đất...

Bào vội làm. Áo trắng cũng vội vàng:

- Ừ cháu nín đi... nín ngay rồi mai cô mua hẳn cả hộp sữa con chim và giã bột pha sữa quấy cho cháu ăn...

Mặc, đứa bé vẫn khóc thét.

Áo trắng quay ra đập đập vàp bức tường:

- Cha mẹ nó này!... Cha mẹ nó này!... Chúng nó chỉ ám ảnh làm cháu sợ, giật mình này. Ngày kia mồng một cô bế cháu đi lễ, cô xin dấu đeo cho cháu, đuổi chết mẹ chúng nó đi...

Áo trắng còn vung tay lên xua xua, đánh đánh như thật có những ma quỷ đói khát đương lởn vởn chực chõm ở chung quanh... Tiếng khóc càng sắc, như xé ra ở những miếng nứa bị dao gọt dài ngoài mặt cật... Sương xuống dầy thêm. Qua những lỗ hổng ở bức tướng trong cùng vít lấy lối đi, khói bếp lại tuôn ra, mù mịt, khét lẹt. Sự huyên náo ở trên cao dội xuống rừng rực hơn với ánh đèn chói lòa.

Bào cũng bứt rứt cả người. Trong những tiếng khóc của đứa bé không phải chỉ vì mê ngủ, đói khát, mà còn vì bệnh tật nghiến ngấu. Áo trắng đã giậm chân, rít lên:

- Giời ơi, sao mà khổ thế này!

Y đứng lại, rung rung cánh tay, môi mím chặt, như để nghe những tiếng thở hổn hển sắp đứt mất của mình. Giây phút sau, y đặt đứa bé xuống chiếu, lập cập quấn lại chăn và nói:

- Thế này không phải! Anh ngồi đây với cháu nó một tý, em ra hàng ngoài kia mua cho nó cốc sữa nữa vậy.

Áo trắng cầm cái chai ở dưới chiếu, chạy ra, để Bào lại bàng hoàng trong

cái không khí sặc mùi khói, tiếng ồn ào loạn xạ, và tiếng khóc đã khản và dồn dập của đứa bé giãy giụa.

Trong đời Bào, chưa một lúc chờ đợi nào dài bằng...

Bào đã reo lên khi cái bóng trắng trắng và bé nhỏ thoáng vào với những bước chân thình thịch:

- ???

Áo trắng lắc đầu:

- Xe nó đi đâu ấy rồi. Em đã lên mãi đầu phố và sang cả ngõ ngang cũng không thấy hàng nào cả. Hai giờ rồi còn gì!...

Giơ một cánh tay chùi mặt, Áo trắng cúi xuống bế đứa bé lên thì nó đã đái tóe ra, mình mẩy ướt đẫm và vẫn không ngớt khóc. Đốp!...đốp!..đốp! Những cái phát liên tiếp vỗ vào đít con bé. Áo trắng nói không ra hơi:

- Lại còn thế này nữa!.. Lại còn thế này nữa!... Có mỗi cái chăn đái ướt hết cả thì lấy gì mà đắp, mà nằm bây giờ!

- Đừng! Sao lại thế? Nó bé nó biết gì!...

Mắt Áo trắng long lên, giọng nói rít lại:

- Biết gì! Hờn! Hờn này! Hờn với tao này! Chỉ hờn với tao này! Tao làm gì mà mày hờn với tao hở?!

Đốp! Đốp!

Bào nóng cả mặt:

- Tội nghiệp, nó biết gì! Nó có đói, nó có ốm, khó chịu trong người thì

mới khóc chứ!

- Tội nghiệp! Này tội nghiệp! Này nó đói, nó ốm, nó khóc!...- Đốp! Đốp - hừ, nó bé nó không biết gì nhưng con mẹ nó biết! Con mẹ nó biết mà nó lại nhẫn tâm để nó đói nó khát, nó làm khổ người ta. Cái con voi giầy, quạ mổ cũng không hết tội kia! Cái quân khốn nạn đầu trâu da chó kia! Chồng nó lặn ngòi ngoi nước, đầu tắt mặt tối ở min ở mỏ với nó bao năm, ho ra máu sắp chết, con nó thì còn đỏ hỏn, thế mà nó bỏ chồng nó, bỏ con nó... Nó đi ăn sung mặc sướng, tiền trăm bạc nghìn. Nó thích làm bà, có kẻ vâng người dạ. Nó theo cái thằng Mặt ngựa đốc công, hút máu hút mủ người ta, róc xương lột xác người ta... Cha mẹ nó! Nó tham giàu! Nó chẳng cần tình nghĩa, chẳng cần gì miệng tiếng! Cha mẹ những quân chỉ biết mát lấy mặt mình, thỏa cái thân mình! Cha mẹ những quân chỉ biết có tiền mà không sợ gì xấu, không tưởng đến kẻ nọ người kia! Hự... hự... anh ơi! Anh chết đi... ai biết cho em không?... Anh ơi!!! Như thân em nếu không vướng víu con anh thì em còn thiết gì đời nữa đâu. Hự... hự... anh ơi! Giời ơi!...

A! Những gì thế? Những cái gì thế? Bào hoa cả mắt. Bào như bị cả một lò lửa dội vào mặt. Bào muốn hét lên...

- Làm gì thế? Chỗ chúng mày chửi nhau đấy à?!

Ào ào ào... tiếp liền những tiếng chửi rủa, không biết những chậu nước gì giội xuống tung toé. Bào không nén được nữa, hét thật. Cái Áo trắng cũng hét theo. Bào chưa kịp đứng dậy, những chậu nước nữa giội thêm. Không kịp để Áo trắng bế con bé đứng lên, Bào dúi vào tay y cả chỗ tiền còn lại trong túi, vùng chạy ra ngoài.

- Này! Này! Sao lại có thế này?...

Bào biết rằng Áo trắng xin thêm nhưng nếu có còn Bào cũng mặc. Bào phải ra ngay khỏi chỗ này! Cái địa ngục bên những tòa ánh sáng, đờn hát, cờ

bạc, ăn uống và dâm dục mê tơi này. Đuổi theo Bào là những tiếng gọi rít hắn lên:

- Lại thằng đểu kia nữa! Quân khốn nạn! Hơn đồng hào chỉ thế mà giữ mẹ nó gần hết đêm. Tình tứ gì hạng mày! Thương xót gì người ta! Tội nghiệp! Cha mẹ nó tội nghiệp! Ai cầu chúng nó tội nghiệp! Ai cầu chúng nó thương xót! Khốn nạn! Khốn nạn! Đồ đểu! Đồ đểu! Toàn những đồ khốn nạn! Những đồ đểu! Giời ơi! Giời ơi!...

Như trong cơn sốt, cả người toát mồ hôi, Áo trắng ngồi sụp xuống, đứa bé trong lòng y không hiểu sao lại bặt đi. Nhưng, như không hề biết có con bé trong tay, Áo trắng gục mặt xuống, ôm chặt cả con bé và đầu gối vào cánh tay, khóc nức lên:

- Hờ anh ơi! Anh ơi!... Cha mẹ ơi!.... Giời ơi!....

1944

(Di cảo)

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Buổi Chiều Xám

Xan bỏ hẳn kính ra, cất vào túi áo trong rồi ngước mắt trông. Xan hơi bàng hoàng vì sự hiển hiện đột ngột này. Trên đầu Xan, mây chỉ càng thấp xuống, và chung quanh Xan, cảnh vật càng thẫm lại. Gió thổi mạnh hơn. Bụi đường cùng lá cây cuộn lên thành từng đám dày, chạy rào rào và quẳn quại như những chim chóc chạy trốn trước cơn bão.

Cái lạnh càng thấy rõ nữa trong cảm giác Xan. Xan rít tiếng khe khẽ:

- Không biết còn rét đến bao giờ hở?

Câu hỏi này làm Xan cúi mặt xuống, không dám nhìn ra xa và nhìn kỹ chung quanh nữa. Từ những thân thể trần truồng, co quắp, những cái dáng đi lẩy bẩy mờ mờ, và những cặp mắt ngơ ngác của những đám người nhan nhản ở hai bên đường và các xó hè, đến những cây cối, nhà cửa và trời mây đều âm âm hỏi theo Xan:

- Đến bao giờ nữa hở? Đến bao giờ nữa hở?

Cái không khí u uất về chiều này! Cái cảnh tượng nhợt nhạt của chiến tranh này! Cái hoang mang của sự sống qua những đói rét, tàn phá và chết này! Nghĩ tới đây, thót cái tim Xan như bị kẹp mạnh bởi một cái kim, và ngực Xan như bị ai đứng dận lên. Lại như có từng núi gạo đương đốt ngùn ngụt ở trước mặt Xan. Lại như có từng đống xác chết vây bọc lấy Xan trong đó có cả cha mẹ, anh em, vợ con, và bao người quen biết của Xan, mấy tháng trước đây còn vạm vỡ, nhanh nhẹn không thể tưởng tượng được. Và không!... không!... có cả Xan nữa. Xan giờ đây ở nhà in và, nay vẫn còn khét mùi dầu

mắt vẫn còn những trang giấy dập thử lấp loáng dưới ánh đèn điện và trong đầu vẫn còn âm ỉ những tiếng máy. Xan - một kẻ trong hạng người cũng chỉ có hai bàn tay làm việc mà tiền lương chưa cuối tháng đã hết, gạo trữ không, ruộng vườn cày cấy thì thật hoàn toàn không bao giờ được biết đến.

Ình... ình... ình... sầm... một cái "cam nhông" lao qua mặt Xan rồi dừng lại trước một máy nước. Không bóp còi và phóng bừa cho tới cả lúc rẽ vào đám đông, cái xe quái gở nọ chỉ tý nữa là hất tung Xan đi hoặc đè nát Xan. Ngã dúi vào một cột đèn, Xan, khi đứng lên, không phủi quần áo vội mà chỉ trừng mắt nhìn. Sự căm tức lại chẹn lấy cổ Xan. Đó là cái xe của quân đội Nhật lù lù như con voi, bụi bậm bám đầy, với mấy chục lính lố nhố, súng dựng ở trước ngực, tay cầm rung rung như sắp vung lên bắn vào người ta.

Sau một câu chửi hổn hển, Xan đã toan đi, nhưng thấy mấy tên lính phốc xuống đất, sấn vào đẩy dúi những người chực nước mà tranh lấy cái vòi. Thì Xan nảy ra một ý nghĩ, bèn thôi. Xan muốn với tất cả đau xót trong lòng chứng kiến một lần nữa sự dã man mà đồng bào Xan phải chịu để xem nó còn tới mức nào trên những kiếp người hiền lành nhẫn nhục này.

Ê ê ê... hô hô hô...

Những tiếng dọa nạt, xua đuổi và cười đùa càng làm cho không khí đặc sệt lại. Chỗ này là một cái chợ chuyên họp về chiều cả các thứ hàng ế với các người làm ăn đầu tắt mặt tối. Bị cái xe cam nhông chắn gần hết lối đi, xe cộ, gồng gánh ứ lại, chen chúc nhau ầm ĩ. Trong khi ấy những kẻ chực nước và rửa ráy đun nấu hễ được dịp ghé vào vòi nước là lại xô đẩy nhau, thùng xích loảng xoảng, chửi bới lộn bậy. Bọn lính vừa phần bị vướng, vừa phần tinh nghịch, lại dẩy lại đạp, lại giơ thùng vung lên để cùng cười ran trước những trẻ con vỗ tay, reo hò... Xan tưởng đầu óc đến nứt mất.

Xan càng rừng rực cả tâm trí.

Chói vào tai Xan, ở những xe đằng đầu đường kia, lại luôn luôn có những toán lính ngồi lên, nhảy xuống, dận thình thình và cười hát hô hố. Cuối cùng, chúng thúc cái nắp mui xe lên. Thế là mấy tên lính nữa lại ùa xuống.

Nhưng trút được mấy tên lính xuống xe thì sự đùa nghịch đã bớt. Hơn chục tên lính còn ở trên xe lại dựng súng lăm lăm trong tay. Xan bỗng ngạc nhiên vì nhận ra một tên lính hình thù rất lạ trong số lính im lặng ấy.

Hắn - không! Một thứ người ở vùng rừng núi nào bên Triều Tiên, Trung Quốc hay ở một xứ nào khác thì mới phải chứ người Nhật sao lại thế - Hắn cũng lùn, nhưng đó là một thứ lùn dày và bè ra của một thân thể to chắc. Cái mũ hắn đội chỉ vừa dính có chỏm đầu, mà đầu thì tóc xoắn tít mọc trùm cả gáy! Mặt hắn chỉ để nhận thấy có hai con mắt, hai con mắt quăm quắm dưới đám lông mày lấm tấm bạc, hai con mắt rất sáng, rất tợn nhưng không làm người ta sợ - còn thì chỉ thấy râu ria xồm xoàm.

Một con khỉ độc!

"Con khỉ độc" này lại mặc cái quần thùng thình như cái váy, thắt lưng da trễ ra để hở cái rốn và lông bụng. Nó không lồng xuống đám đông để phá phách mà đứng ngây ra nhìn.

Trời tối gần hết. Chỉ còn một khoảng bằng cái hang nhỏ đỏ bầm ở góc phía tây. Dưới cái ánh sáng thoi thóp này, một ngọn núi tím đục cố ngoi lên giữa lớp sương nhờ nhờ như khói. Bao nhiêu ngọn cây và nóc nhà về phía này cũng đều như có khói quấn quýt. Và từ cái biển khói ấy, tiếng chim gọi nhau, tiếng lá xao động, tiếng gió vi vu thoang thoảng đưa lại hóa thành một thứ tiếng xào xạc heo hút vô cùng.

Cặp mắt nhìn quắm quặm của "con khỉ độc" bỗng chớp chớp. Gian hàng tạp hóa ngay chỗ ôtô đỗ đã bật đèn. Từ cái cửa sáng trưng đi ra một người đàn bà bế một đứa nhỏ cuống quýt chỉ trỏ:

- Kìa mợ đã về!... Em nín đi... chóng ngoan... Mợ về kia.

Đứa bé càng giãy đạp. Nó đòi bế hẳn ra hè để được thấy hẳn nếu thật mợ nó về. Người đàn bà bế nó phải chiều theo. Y càng ríu rít nựng nịu nó, vỗ về nó. Cảnh nhộn nhịp và những tiếng ồn ào dần dần quyến rũ đứa bé. Nó không những nín hẳn mà lại còn cười khanh khách và sà xuống nô với con chị nó đưa tay vẫy vẫy đùa cợt. Người đàn bà bế nó mấy lần phải nhào theo đà đứa bé mà y bế có vẻ nặng lắm.

Không phải vì trời rét nó quấn chăn bông và mặc nhiều áo nên nó làm người đàn bà khó bế. Da dẻ hồng hào, mắt sáng và xếch, môi tươi, cổ tay như bột nặn, đầu đội mũ len hồng bịt kín tai, kiểu mũ tàu bay, đứa bé tự nói rằng nó là một thằng cu khỏe lắm. Người đàn bà mỗi khi nâng nó lên hay xốc lại nó thì cả người đều chuyển động. Hai bắp tay béo mẫm của y gân lên, ngực y rung rung nổi căng, mặt y đỏ bừng.

Xan chợt giật mình.

"Con khỉ độc" bỗng quẳng súng lên mặt hòm nước, nhảy bịch xuống đất, xổ đến người đàn bà, hai cánh tay lông lá đưa ra như sắp ôm lấy. Người đàn bà rú lên, quay ngoắt đi. Khủng khiếp vì cái hình thù quái đản ấy, đứa bé cũng chóe lên một tiếng rồi nhắm mắt lại, gục mặt xuống vai người bế. Chết rồi. Khốn nạn!... Khốn nạn! Xan mím môi lại, quắc mắt lên, chờ một cảnh đùa nghịch dâm đãng sắp xẩy ra giữa người vú em béo trẻ và "con khỉ độc", mà kẻ sợ đến mất trí là một đứa trẻ ngây thơ đương cười nô hồn nhiên. Khốn nạn! Khốn nạn!... Sự khốn nạn đã đến cùng tột rồi! Đi bắn giết người, đi cướp đất người, đi bóc lột của cải, vơ vét thóc gạo trong khi mùa màng mất và sự đói kém tàn hại hàng triệu sinh linh chưa đủ lại còn hãm hiếp đàn bà một cách công nhiên nữa. A! Đồng bào xem! Hơn hai mươi triệu linh hồn máu mủ với Xan còn phải đợi những điều kiện nào mới vùng dậy, đập tan những thống khổ?

Nhưng không! Không phải. Xan lóa mắt. "Con khỉ độc" đã đến sát người vú em rồi mà cánh tay lông lá của hắn giơ ra vẫn chưa ôm lấy. Đã thế, thấy người vú em luống cuống chực chạy trốn vào nhà thì hắn lùi lại. Hắn khép bớt một cánh tay, và hắn vừa gật đầu vừa cười rất tươi bằng hai con mắt sáng nhấp nháy:

- Ê ê ê... tí ti ti...

Những ngón tay bắp chuối của hắn vung vẩy, miệng hắn toét ra những răng to và trắng ởn. Mặc, đứa bé vẫn giấu mặt vào ngực người vú và người vú vẫn quay đi.

- Ê ê ê... tí ti ti... tí ti ti...

Lần này, vừa nói hắn vừa tiến sát lại người vú. Một tay hắn níu lấy cánh tay bế em của người vú, một tay hắn vẫy vẫy đứa bé mà hắn ghé hắn mặt nó vào mặt hắn, vừa nháy nháy mắt, vừa gật đầu, khẩn khoản ra hiệu với đứa bé đừng sợ nữa, hãy theo hắn bế ẵm.

Trẻ con và người lớn đã đổ xô đến. Tất cả đều bấm nhau chỉ trỏ "con khỉ độc". Không để người vú trao đứa bé cho mình, "con khỉ độc" ôm giằng lấy nó mà ấp vào người. Hắn vỗ về nó, cười khà khà rồi xốc cao nó lên trên mặt mình nhăn nhó gật đầu, nháy mắt. Thế rồi, sau khi cái bàn chân bé xíu đi bít tất hồng nhảy nhảy trên cái mặt xồm xoàm nọ thì những tiếng cười nức nở rức lên. "Con khỉ độc" lại rít miệng vào trán, vào má đứa bé. Cái tã bông cài kim băng bị tuột. Hai bắp đùi mập mạp của đứa bé lồ lộ tất cả lần da thịt mơn mởn. "Con khỉ độc" liền ngoạm lấy, nhay nhay, suốt từ háng xuống gót, lại từ gót lên háng, sau đó thì hắn rúc vào cái dái quả ớt của đứa bé mà hít lấy hít để.

Như có một ánh sáng khác, một bầu trời khác mở ra trước mặt Xan. Một buổi chiều ở đảo Phù Tang xa nước Xan kia. Ngọn núi Phú Sĩ phơi lơ lửng

vừng trán trắng xóa giữa những sương lung linh cuồn cuộn nở. Hoa hạnh đào phơi phới ngợp trời. Một người cha đi làm về, ở một xưởng máy mịt mù than bụi hay ở một cánh đồng đất nâu xới mịn tơi như bột. Quần áo hãy còn nhớp nháp, tay vẫn còn đen thui, y đã ôm chầm lấy con bé trong tay vợ đứng đón ở trước cửa cái nhà gỗ nhỏ. Y cũng đã hôn hít, cũng đã trao tất cả tình thương yêu và lòng hy vọng đời mình vào da thịt của con, cái giọt máu của y sẻ ra... Ba năm, năm năm, mười năm rồi! Hay lâu hơn nữa cũng nên, cái buổi chiều ấy mới trở lại. Mà biết đâu, biết đâu nó lại sẽ không mất hẳn với một con người đã bị chiến tranh lôi đi không còn biết tới đâu, không còn biết đến bao giờ mà cả dân tộc của bọn đi xâm chiếm và dân tộc bị xâm chiếm, đều ê chề, tàn hại.

Xan lạnh tê cả người, Xan thôi không nhìn người lính nọ, đưa mắt trông lên tốp lính đứng trên xe. Vẻ hung bạo trên những con mắt một mí và những gương mặt lầm lầm kia không còn nữa. Đó là những bộ mặt phờ phạc, ngây độn dưới ánh chiều hấp hối đã gần lẫn hẳn với bóng tối. Quần áo màu nước dưa đen xỉn lại, vá víu, xốc xếch, nó cũng bẩn thỉu tồi tàn chỉ kém một tí những quần áo rách rưới của những người chung quanh. Sự thiếu thốn khổ sở đã kêu lên cả ở những con người này với những tiếng kêu bị bóp một cách chặt chẽ hơn, quyết liệt hơn, mà nếu kẻ kêu để bọn cầm đầu hay bên ngoài nghe thấy thì cái chết đến ngay lập tức.

Thoáng giây phút, Xan tưởng đến bao cảnh choáng lộn đã diễn ra làm bao kẻ phải nghẹn ngào khao khát. Những dãy ôtô bóng lộn, những cờ bay phấp phới, những vàng ngọc chói ngời, và những tòa nhà sực nức hương hoa của những ngày đại hội, của những dạ tiệc. Tiếng hát, tiếng đàn, tiếng kèn... âm nhạc lúc tưng bừng, lúc lả lướt, lúc loạn xạ, mê tơi đã cất lên át những tiếng rên âm u của đói và chết. Cảnh hoan lạc đã được cực điểm trang hoàng để làm quên một cuộc chiến tranh bẩn thỉu, quên rằng ngoài mặt trận kia khói và lửa đang ngút trời, từng lớp, từng lớp những người bỗng thành bia thịt, những máy bắn chém người không tiếc tay, giày xéo lên xác chết để làm giàu cho

một lũ lái súng, khát vàng và máu.

***

Cách buổi chiều ấy không đầy hai tuần, Xan đương coi máy chạy thì nghe được một chuyện sau đây:

"Một đêm kia ở một ga nhỏ trong một hàng cao lâu đã đóng cửa, có một viên võ quan Nhật còn rất trẻ và người lính già vào gọi cà phê. Cả hai uống xong rồi vẫn ngồi thừ trên bàn, chẳng ai nói với ai một lời. Chợt người lính choàng dậy.Y móc ở trong túi áo ra một bức thư, một tấm hình và một con búp bê nhỏ. Y đặt tất cả lên bàn, mếu máo nhìn rồi khóc nức nở. Xem bức thư, ngắm tấm hình và mân mê thứ đồ chơi của trẻ con nọ, viên quan cũng nước mắt đầm đìa và cũng gục mặt xuống bàn mà nức nở. Đoàng... đoàng... hai tiếng súng vang lên. Mọi người đều kinh hoàng. Người lính rút súng lục của viên quan ra lúc nào không biết ghé vào thái dương mình bóp cò. Viên quan nhanh mắt giằng được súng. Người lính già liền tuốt vội lưỡi lê, chạy vụt ra chỗ khác mà tự rạch nát cổ và xỉa be bét vào ngực mình. Lính đóng ở gần đấy đổ đến, thì sau một phát đạn suốt qua thái dương với khẩu súng của chính mình, viên quan trẻ tự bắn, chết gục xuống bên cái thây sũng máu của người lính già tùy tùng".

Như có một mũi kim chói vào tâm trí Xan. Máy đương rầm rầm dưới tay Xan mà Xan cũng thần mặt ra nhìn. Cái hình thù đầy bè bè và cái bộ mặt râu ria xồm xoàm, mắt quắm quắm của tên lính mà Xan gặp buổi chiều hôm nọ đã tưởng quên đi, giờ lại hiện ra trước mắt Xan. Xan lại thấy hai cánh tay lông lá thú vật ấy giơ ra đón đứa bé bụ bẫm, và cả cái mũi, cái miệng râu ria che kín của hắn cứ rít vào tay, vào trán, vào má, vào đùi, nhất là vào háng, vào dái đứa bé. Xan lại tưởng đến một buổi chiều xa xôi gần mờ mịt kia mà "con khỉ độc" ấy, một người cha cũng như Xan, đã ôm ấp hôn hít lần cuối cùng rồi dứt ruột ra đi.

Nước mắt Xan không vỡ ra nhưng một cảm giác đau xé ran lên khắp trí tưởng Xan. Xan thở hổn hển và vội nhăn mặt lại vì một câu hỏi:

- Người lính Nhật già kia có phải là "con khỉ độc" không? Hay cả "con khỉ độc" ấy cũng chết rồi, chết vì buồn nhớ, chán nản và đau khổ rồi?

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Trước Xác Chết

Thân một bên, Cúc một bên. Giữa hai người trên cánh phản quang dầu một xác chết còm cõi và khô héo đặt vào chiếc chăn dạ trắng gập tư. Cúc gục mặt vào lòng khóc nức nở. Thân khoanh tay, cúi đầu nhìn xuống đất, yên lặng.

Gió rét lồng lộng réo lên, văng mình qua những chòm thông những chặng phi lao, để vung vãi những cái gì của sự khoáng đãng, của sự mênh mông tràn lan trên cõi đất hẹp đầy than bụi này. Khí lạnh đã thấm sâu vào lòng hai người mà trong tâm trí bao nhiêu ý nghĩ chua cay đã nảy nở và lan rộng mãi ra. Cúc chực cất tiếng khóc to, Thân chau mày, xua tay can ngăn:

- Chết! Mình đừng làm thế. Đêm hôm phải để xóm làng người ta ngủ chứ!

Thân chớp mắt luôn mấy cái, nói tiếp:

- Mà mình có khóc mấy đi nữa thằng Xuân cũng không thể sống lại được nào!

Nhưng khi Cúc nắm chặt lấy bàn tay tý hon của xác chết, khóc nức lên mấy tiếng rồi nằm vật ra giường, lịm đi, thì Thân không thể cầm được nước mắt. Anh vội chạy đến lay gọi vợ:

- Mình, dậy! Dậy tôi bảo!

Một lúc lâu sau, Cúc mới lờ đờ hé mở cặp mắt ướt át, giọng thều thào:

- Tôi chết mất mình ạ! Trời ơi! Đứa này là thứ mấy rồi.

- Thôi tôi van mình, mình cứ uất ức mãi chỉ làm cực khổ thêm tôi thôi. Mình thương con cũng phải thương tôi chứ.

Thân gỡ tay Cúc ra, nhưng năm ngón tay như đã buộc chặt lại với bàn tay lạnh rợi kia. Thân thở dài, chua xót hỏi vợ:

- Mình định giữ nó lại hay sao?

Vô tình, câu nói ấy mỉa mai nhắc đến cuộc thất bại đau đớn của một người mẹ, một đêm vừa qua, ôm ghì lấy đứa con hấp hối vào ngực, để truyền sang cho nó tất cả sinh khí của mình. Nhưng, không thể sao cứu vãn được! Mà trước cuộc thất bại ấy, người đàn bà An Nam hiền lành và nhẫn nại kia đã trải bao nhiêu cơn chiến đấu gay go với sự cùng khổ, nguồn gốc của các nỗi phiền muộn, đau đớn và tội ác. Cúc, người mẹ này, trong đêm ấy, khí lực sút kém đi nhiều lắm! Trán gấp thêm nếp nhăn, vẻ trong sáng của hai mắt phai mờ, quầng thâm sẫm hơn, tiếng nói khàn khàn khản đặc.

Một cánh cửa bật tung, rít lên một tiếng dài. Nó kêu gọi sự phẫn uất của con người, nó kêu gọi tất cả những năng lực hãy chồm dậy, phá tung những cái gì đè ép và gập nát dần đời sống của con người. Ngọn nến thắp trên đầu đứa bé tạt dài về một bên rồi vụt tắt. Gian buồng tối mờ, trước ánh sáng đèn cây vàng, đục, bóng vợ chồng Thân chờn vờn trên tường vôi lơ nhạt với bóng xác chết dẹp và ngắn. Đồ đạc đều cùng một màu, màu nâu cũ kỹ.

Không khí lạnh buốt thêm, thở nhức mũi. Phổi người như ráo, máu như dần cạn. Nếu cứ mãi thế này, hai con người sống trong gian nhà thiếu hơi ấm áp, thiếu ánh sáng, thiếu khí trời trong lành, sẽ đến chết ngạt. Gió lại rít lên, tiếng dài và sắc như một lưỡi sắt mỏng gọt lên các vỏ rắn. Gió kêu gọi mãi. Gió thúc giục mãi, thúc giục mãi. Nó chờ đợi sự tức tối và thê thảm trong gian nhà của vợ chồng Thân lỡ vỡ tan tành.

***

Không phải một đêm nay người ta mới thấy cái cảnh tượng âm u, thê thảm như thế này. Nhiều lần lắm, không thể kể xiết.

Mãn tang cha mẹ, Thân đem vợ ra một miền mỏ làm ăn. Hai người sống no ấm hơn ở nhà quê một chút, phải vất vả khó nhọc và bị áp bức rõ rệt. Thân làm thư ký. Sáng sớm đã dậy, chúi mũi vào sổ sách cho tới 6 giờ chiều. Giữa hai buổi làm không kịp thở, mờ cả mắt ấy, Thân được về nhà ăn uống nghỉ ngơi không đầy hai giờ. Mà từ bàn giấy, xuống phố đi đã mỏi rời, thở ra hơi lỗ tai, thì cơm nước còn ngon lành gì!

Thân đã nhiều phen phàn nàn với các bạn đồng nghiệp, song chỉ được họ trả lời bằng tiếng thở dài. Họ đều căm hờn cái chế độ làm việc bóc lột ấy, nhưng họ chỉ để ngấm ngầm trong đầu óc! Vì họ đã phải điêu đứng khổ sở quá vì thất nghiệp nên họ không dám tham gia vào một đoàn thể để yêu cầu những sự cải cách đời sống của họ cho dễ chịu hơn. Họ sợ chủ đã không cho, lại còn sa thải họ. Bị thất nghiệp lần thứ hai trong lúc khó khăn này, đời sống của họ sẽ cùng cực khốn khổ không biết chừng nào!

Họ chỉ trông thấy đến thế mà không chịu nhìn xa hơn. Họ không biết rằng cứ nhẫn nhục mãi như thế, bước chân giày xéo càng chà đạp lên họ, các móng vuốt xâu xé càng lóc mãi vào xương tuỷ họ, rồi một ngày kia họ sẽ bị một cửa miệng no nê nhả ra. Lúc đó họ chỉ còn là một thân thể cạn ráo sinh khí, mà vợ con họ lại sẽ là những con vật thay họ mà lần lượt lao mình vào cái bàn ép tư bản kia.

Có một đêm, hơn chín giờ. Thân mới thất thểu về. Anh quẳng cái nón ra giường, liệng đôi giày bám đầy than bụi vào một xó nhà, rồi nằm vật ra chiếc chõng tre.

- Sao thế mình?

Thân làm thinh. Giọng nói nhẹ nhàng của Cúc nhắc lại:

- Mình nhọc thế tôi nấu cháo đậu xanh để mình ăn với đường tây cho lại sức nhé.

Cũng không thấy Thân trả lời Cúc chạy đến lay gọi:

- Mình phiền muộn uất ức điều gì thế? Tôi van mình, tươi tỉnh lên.

Thân lắc đầu, chán nản:

- Thế nào nó cũng kêu! Mình làm quần quật, tối tăm mắt mũi mà nó vẫn kêu là chậm thì chết người ta chứ. Một chồng tích kê một thằng vào sổ. Tiên sư nó, để cho công việc hút máu mủ người ta cũng phải vừa vừa...

Cúc, giọng run run, vội ngắt lời Thân:

- Chết mình đừng nóng nẩy quá! Mình lỡ mà mất việc thì dù tôi có buôn bán tần tảo đến thế nào cũng chỉ kiếm được bữa rau bữa cháo cho mình và tôi thôi. Nhưng còn lớn hơn, con bé đương sài đẹn, quặt quẹo kia thì làm sao?

Cúc lại nhắc nhở đến những ngày đói khổ khi xưa để kêu gọi lòng nhẫn nhục của chồng. Thân cay đắng quá, gục mặt vào lòng. Tưởng chồng đã động lòng, Cúc hối hả xuống bếp nấu cháo.

Nằm trên chiếc nôi mây, thằng Xuân đứa bé chết đêm nay thức giấc khóc oe oe. Thân mệt nhọc trỗi dậy. Anh đến bế con rung rung cánh tay ru nó. Nhìn da mặt xanh mướt và cái đầu trốc lở đầy phẩm xanh của Xuân, Thân càng đau quặn ruột. Mấy câu nói van lơn của Cúc thầm nhắc lại bên tai Thân. Thân cay đắng cảm thấy rằng đời sống vợ chồng anh sẽ phải vất vưởng cơ cực. Nhưng Thân không thể nào lùi bước một khi Thân đã giác ngộ rằng mồ hôi, nước mắt và máu của anh và bao nhiêu người khác đã đổ ra thành sự nhàn hạ, sung sướng cho một ít người hưởng, một khi Thân đã nhận thấy nếu

yên lặng sống mãi thế cái đời vất vả, thiếu thốn đủ mọi thứ, cam chịu đủ mọi thứ, vợ chồng con cái anh sẽ tiêu diệt mất.

Mười hai giờ, tiếng đồng hồ ở đâu xẩy ra ngân nga buông trong vắng lặng. Suốt ngày hôm nay, chạy đông, chạy tây để lo liệu việc chôn cất cho con, Cúc nhọc lả đi ngủ thiếp đi. Nâng Cúc dậy, đặt vào giường gối đầu cho Cúc xong, Thân mới nằm xuống.

Nhưng những ý nghĩ liên miên ấy vẫn kéo dài trong tâm trí Thân. Đồng thời bao nhiêu hình ảnh tối tăm khác từ từ hiện trước mắt anh. Những ống khói thở mù trời... những dòng than chảy dài dằng dặc, những con người xơ xác lúc nhúc trong than bụi... những chỗ nằm nhớp nhúa hôi hám... những bầy trẻ trần truồng đen thui... những bữa ăn bốc trên mặt đất... Mỗi một ý nghĩ ấy, mỗi một hình ảnh ấy, thấm thía quá, não nuột quá!

Bên ngoài, gió bể lồng lộng như muôn ngựa phi trên đồng cỏ để trốn thoát cơn bắn giết. Sóng tung vào bờ ầm ầm và tiếng phi lao reo réo vang trời như cùng kêu gào một khẩu hiệu: "Loài người ham sống, đứng cả dậy, đạp đổ hết sự áp bức, đè nén".

Thân vỗ nhẹ tay lên trán để xua đuổi những cái gì làm thao thức tâm tư chàng. Song Thân càng rạo rực. Bên mình Thân, Cúc vẫn thỉnh thoảng thở nấc lên. Và, thấp thoáng vờn lên vải màu trắng, vẫn còn cái bóng dẹp và ngắn của đứa bé chết, xanh xám trước ngọn đèn hoa kỳ.

Đồng hồ lại gõ một tiếng ngân dài.

Thân biết không thể nào ngủ được đêm nay. Thân nhẹ vén cửa màn, bước xuống đất. Từ cửa trước, đến cửa trông ra sân, Thân đi lại không biết bao nhiêu lần, để trốn tránh những ý nghĩ. Nhưng, đi lâu cũng phải chồn chân, Thân gieo mình xuống chiếc ghế dựa.

Ngọn đèn hoa kỳ le lói, mỗi lần gió bể lùa vào, lay lắt chực tắt. Thân châm lửa chiếc đèn cầy và tắt ngọn đèn bằng hột đậu kia đi. Tiện tay, Thân đốt thêm mấy nén hương cắm lên một cái gối bông nhỏ để lấy đầu xác chết. Việc làm nhỏ mọn ấy chỉ xua được trong vài phút sự ưu tư của Thân thôi. Một lúc sau, ngồi trầm ngâm nhìn đứa con còm cõi cứng đơ, lòng Thân lại nặng trĩu, và Thân càng thấy khó thở dưới bầu trời không khí âm u này.

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Đi

Người bố nhìn.

Suốt hai bên đường, người đổ ra chỉ càng thêm đông. Xóm nào, làng nào cũng chỉ toàn những người đi thôi. Bọn năm người, bọn mười người, có bọn hẳn hàng năm sáu mươi người. Người bố tưởng bọn mình gồm có năm bố con bà cháu nhà y và hai mươi sáu vợ chồng con cái bẩy nhà trong làng như thế đã là đông lắm rồi, ngờ đâu vẫn không thấm!

- Thế kia thì cả tỉnh bỏ đi còn gì!

Người bố nghĩ. Trước hai con mắt bừng bừng của y, càng rộn rập, những bước chân, những gồng gánh, những đùm chiếu, những sống lưng khặc khừ, những bụng mọng lặc lừ, những cái đùi tóp lẩy bẩy, những đầu tóc bù xù, những đứa bé bèo nhèo lờ ngờ. Và hai bên tai ù ù của y càng ran ran những tiếng nói hổn hển, những tiếng gọi thất thanh, những tiếng ho sù sụ, những tiếng rên thoi thóp, tiếng chửi, tiếng lạy van, tiếng trách móc và những tiếng cười, những tiếng hát... Những tiếng cười hô hố, khanh khách, những tiếng hát gào lên như điên như dại.

Thỉnh thoảng có vài cái xe tay ì ạch đi ngược lại thì người ta liền bâu đến đen ngòm. Một cái quần vá đũng một cái áo bợt cả vai, cả khuỷu tay, cả nách, một cái khăn vuông dúm mấy chỗ, một cái khăn bao tải mướp, một cái màn như vó bè, một bát đĩa cóc cáy, một cái điếu bát cổ sứt sẹo bịt chi chít, một cái nồi đồng bẹp, một cái chậu thau xoạc miệng... tất cả những đồ vật lăm lăm muốn trở thành cơm, thành khoai, thành ngô kia lại nhốn nháo giơ lên.

Nhưng chỉ có những bàn tay xua đuổi, những cái chân giậm thình thịch xuống sàn xe và những tiếng kêu: "Giời ơi giời! Khổ lắm! Khổ lắm! Nợ lắm!". Sau đó người ta lại giãn ra. Người ta phờ phạc xanh xám hơn, lờ đờ nhìn cố thêm lần nữa và van lơn cố thêm mấy lời nữa, những bọn lái buôn đi mua đồ cũ nọ đang cười trò chuyện trên những đống, những bị, những bồ, những tay nải, những va li xếp ùn ùn ở những cái xe mải miết chạy.

Trời đã nhờ nhờ càng tối thêm. Gió thổi cũng lộng hơn. Những cánh đồng lúa mới xanh xanh tím bầm hẳn lại, heo hút tiếng quạ rền. Mùa xuân có những nóc đình, chùa ngói đỏ tươi, những cờ phấp phới, những chiêng trống, bát âm, tù và ầm ầm, ríu rít, inh ỏi, những dải yếm hoa đào, những áo cánh sồi vàng chóe, những quần điều, những hào bao trễ bên sườn và những giọng hát thấp thoáng nỉ non, cái mùa xuân hội hè đình đám ấy như tự một đời nào quá xa, mất hẳn rồi.

Người bố lại đổi vai. Dưới chiếc đòn gánh rắn và lạnh hơn sắt, cái bên vai vừa mới được nghỉ đau chói lên và buốt như xương bị trật trắng ra. Sự thật, cái gồ xương chỉ còn dính tí da nọ đã trật ra từ bao năm rồi mà một con người lớn lên là quanh năm phải kéo cày, kéo bừa, kéo xe thay trâu bò. Người bố chỉ dám "xuýt" một tiếng khẽ, đoạn nghiến chặt hai hàm răng lại để ghì lấy sức run rẩy. Hai bên gánh nhờ thế vẫn nhún nhẩy đều. Một bên thúng, đứa bé nhất đã ngủ say, còn một đứa bên thứ nhì vẫn ngờ nghệch nhìn. Nó thấy những quán, những hàng sao nhiều mấy? Toàn những hàng cơm nắm, hàng bánh đúc, hàng nước lúc nhúc người và người.

Thằng bé càng bồn chồn thấy mãi bố nó không vào hàng nghỉ. Ừ, đã không mua cơm, mua bánh cho chúng nó ăn thì cũng cho chúng nó chiếc kẹo hay cho chúng nó nhấm nhá tí cám rang để dành trong gói kia chứ. Nhưng chợt nghĩ ra thì nó lại lo cho bố nó vào hàng thật. Đừng dại thế! Bố nó chỉ nên tìm một gốc gạo, gốc đa hay bờ suối nào vắng hãy nghỉ và hãy cho chúng nó ăn, kẻo không khéo những ăn mày kia xúm lại xin hết của nó hay cướp

hẳn của nó cũng nên.

Sợ quá! Hàng nào cũng mấy chục ăn mày là ít. Có cả những người lọm khọm như bà nó. Có cả những người mặt mày vêu vao như bố nó. Có cả những bé còm nhom như chị em nó. Và họ có những mụn gì ở đầu ở ngực to thế? Những chân cẳng gì lại bằng cái cột thế? Ở chợ làng nó, nhiều kẻ trông đã tợn, nhưng ở đây họ còn tợn hơn. Họ cứ lăn xả vào các hàng, đè sấn lên nhau mà nhặt những hạt rơi rụng. Họ móc cả mồm nhau mà giật những lá bánh, lá gói cơm, gói cá. Lắm người vứt cả con đi để cướp cái vỏ chuối giằng từ mồm người ăn xuống và tranh nhau đến nỗi vỏ chuối đã dí bét với đất mà vẫn cứ quào lấy mà ăn.

Nó còn thấy thêm điều nữa là nhiều kẻ còn rét hơn cả bà, cả bố, cả chị em nó nữa. Bà nó, bố nó, chị em nó còn có quần áo rách mặc, chứ họ thì trần truồng, khố không có mà đeo, phải quặp ủ tay vào háng mà vẫn run cầm cập. Họ nằm cũng run, ngồi cũng run và đi cũng run, mà hễ không run là chết cứng đờ... Họ chết ngay bên vệ đường, ngay bờ cỏ, ngay mé ruộng, ngay trước các quán, chẳng thấy ai chôn cất, khóc lóc... Họ chết như rạ ấy. A! Ban nãy nó loáng thoáng nghe người ta nói chuyện với nhau, vừa có một bọn ba người đàn ông và một người đàn bà cũng như nhà nó, bỏ làng đi tìm việc. Đến tối, rét và mệt quá, bọn này không có chỗ trọ bên rúc vào một đống rạ sau vườn nhà nọ. Mấy ngày sau nhà nọ thấy sao đống rạ nhà mình lại thối sực lên và lắm quạ thế, đuổi thế nào cũng không được, phải tính cách dỡ đống rạ ra. Họ đã kêu lên và cả làng đã đổ đến. Bốn cái xác chết co quắp lấy nhau cái mất tai, cái thủng mũi, cái lẹm môi, trật ra với mấy chục con chuột chạy biến đi.

- Bố mày nghỉ chân thôi chứ!

Người bố không đáp ngay, y để người mẹ già nhắc lại mới cất tiếng:

- Thôi đi cố một quãng nữa rồi nghỉ một thể, chứ cứ nghỉ luôn thế này nhỡ

có tầu mà không kịp lại ân hận.

- Tầu! Chắc gì nó có màn ở bến Tân Đệ không? Như tao thì tao cứ thủng thỉnh đi chẳng cần tàu bè gì cả. Đây lên Hà Nội hai ngày đường là cùng. Vừa đỡ được ít ra cũng bốn năm đồng bạc, vừa khỏi chen chúc, khổ sở. Mấy lại mày không nghe người ta nói đấy chứ, dạo này tàu bè nó chả màn bến lẻ nào hết. Lắm bến, người làm họ còn lấy cả xẻng đương xúc than đẩy khách lên tàu xuống sông, vì tầu đã chở quá nặng và chỉ chở những thứ hạng nhiều tiền thôi.

Người bố lại im lặng. Y hổn hển bước, mặc người mẹ già đi lẽo đẽo đằng sau nói. Mặt y, tai y, tất cả tâm tư y lại bị cuốn trong những đám người lũ lụt ở hai bên đường mà gió vù vù càng thổi tơi bời những manh quần, áo, chăn chiếu dum dúm quấn quýt lấy người họ.

Chợt người bố dừng lại. Nhưng không phải y nghỉ mà lại nghển cổ nhòm một đám đông ở dọc đường.

- Khiếp! Bố mày cứ như trẻ con ấy. Nghỉ thì không nghỉ mà cứ gặp cái gì cũng xem. Xem cái gì mà xem luôn thế?

Đưa mắt nhìn thấy được đó là một người đàn bà đầu tóc rũ rượi, nằm sõng sượt, người mẹ già liền bảo con:

- Lại người chết đấy mà. Đi đường bây giờ gặp đám chết nào cũng đứng lại xem thì mấy năm cũng không hết. Kia kìa... những hố nhớn hố bé cứ đào suốt hai bên đường vậy mà bố mày còn lấy làm lạ, xem với chả xem...!

Nhưng chưa dứt tiếng, người mẹ già cũng phải nghển ngay cổ để nhìn cho rõ. Cái gì thế? Cái gì mà lạ đến thế kia? Vẫn người chết, nhưng là người chết nằm ưỡn ngực lên. Ngực đã khô cứng đen cóc đen cáy. Ở cái đầu vú to thây lẩy một đứa bé vẫn cứ rúc vào bú, miệng nó nhay nhay, một tay nó luồn vào

nách, một tay nó vân vê cái bên vú lép hơn. Cái núm thịt chết khô căng lên ấy, đã được đứa bé tưởng là còn sữa, đầy sữa, như người mẹ đã lại được no, nên đứa bé lại cố nún ụt à ụt ịt một cách hăm hở và lại vân vê một cách sung sướng như thế.

Tất cả mọi người đều đờ đẫn nhìn ba mẹ con nhà nọ. Có mấy người đàn bà rơm rớm nước mắt. Nhưng rồi cũng bỏ đi. Người mẹ già vội quay ra kéo tay con:

- Thôi!... Bận sau thì đừng có xem nữa. Cứ xem làm gì mãi thế!

Người bố nuốt ừng ực mấy tiếng trong họng, quay trở gánh con ra. Y không nhìn lại hai bên đường nữa, mà trông hút về một phía xa. Mắt y mờ dần... Cảnh vật cũng dần dần xám đen lại...

***

- Kìa! Sao thế hả bố mày?

Người mẹ già quay lại nhìn con trai ngồi sau cái gánh, gục mặt xuống gối sụt sịt. Bà cụ chớp chớp mắt:

- Bố mày khóc đấy à? Việc gì mà khóc!

Hai vai gầy của người con trai càng giật mạnh lên với những tiếng hừng hực. Y vắt mũi sùn sụt. Người mẹ già lại năn nỉ:

- Làm sao mà khóc? Việc gì mà khóc!

Mãi người con trai mới nức nở ra nhời:

- Đi, giời đất bây giờ thì còn làm ăn được gì nữa mà đi. Đấy... đi đấy... đi khốn cực, chết vạ chết vật như thế đấy... đi...

- Thì mình phải cứ như ở mình chứ. Có người chết cũng còn có người sống. Còn người thì phải còn ta.

- Nhưng bao nhiêu đời ông đời cha mẹ có đi như vậy đâu. Cho đến đời mình cũng chỉ chân lấm tay bùn ở nhà quê, bây giờ bỏ làng ra đi mãi đâu đâu thế này thì biết làm gì để sống một nhà hàng năm miệng ăn?

Mắt người mẹ già cũng long lanh:

- Nhưng còn ở quê quán sao được nữa? Đến đằng anh Bài có cái nhà gỗ lim cũng phải bán rồi, đằng cụ Thiện thóc giống cũng dỡ ra ăn nốt. Rồi đằng cụ Tư đem ra chợ bán cả hoành phi câu đối mà người ở tỉnh về họ cũng chẳng thèm mua. Như thế cái túp nhà mình ở, cái miếng đất tận cùng tịt cuối xóm lại cạnh bãi tha ma ai chết cũng vùi ngay đấy, thì còn trông mong gì. Ở tổng bên làng Chanh ấy, nhà nào cũng mấy cái khung cửi chạy rầm rập suốt ngày suốt đêm, ai nấy cũng quần nái, yếm lụa, đường gạch san sát mà cũng người chết người đi vắng hẳn, trong làng xơ xác bỏ hoang, vậy hỏi làng mình toàn những người làm thuê làm mướn, ruộng bãi cầm bán hết, một thước đất cấy cầy không còn, thì ở lại làm sao được? Tao chỉ nghĩ đến cụ Xã già cố ra ngồi bên cạnh con mẹ Thương, rồi ông con cùng chết ngoài bờ ao, là tao không còn tâm trí nào rốn lại được nữa. Thế là cả cái chi họ Nguyễn nhà này, người bỏ đi, người chết chỉ còn độc bố mày. Cái đận này lặn lội ra tỉnh, tao chẳng dám mong no đủ, mà chỉ cầu sao giữ lấy được thằng cu cho nó hương khói rồi dù có sao tao cũng...

Người mẹ tắc lại. Những tiếng run run, nghẹn ngào thành hẳn những tiếng nức nở. Đến lượt người con giai nhìn mẹ. Y thần mặt ra lúc lâu rồi thều thào lắc đầu:

- Nhưng khó khăn lắm mẹ ạ. Mẹ không xem suốt dọc đường chỉ những người đi và toàn những cảnh vừa rồi đấy. Giờ thì đâu đâu cũng thế thôi, chả đâu còn có công ăn việc làm cả, chả ai còn thể thương xót và cưu mang được

ai hết!...

- Đã có giời! Không ai cưu mang được ai nữa thì đã có giời. Chả nhẽ giời lại đoản hết cả mọi người? Bố mày với tao còn nhúc nhắc được thì vẫn còn có thể trông mong qua khỏi cái đận này. Có việc thì bố mày với tao cùng làm. Ít việc quá thì mình bố mày làm tao ở nhà đi nhặt nhạnh cái rau cái cỏ. Nếu khó khăn khốn cực quá thì cả tao và bố mày cùng ăn xin, xin được ai là người hiền từ nhân đức cho một hột cơm hột cháo nào thì để cả mà nuôi lấy thằng cu, và cái gái nhớn cái gái bé. Giờ đã ngoài đôi mươi tháng giêng, mà cuối tháng ba sang tháng tư thì có thóc chiêm. Giời để cho sống qua mấy tháng nữa là không việc gì nữa. Phải! Không lo nữa, có thóc chiêm, hơn hai tháng nữa có thóc chiêm... Có thóc chiêm...!

Đến kỳ "thóc chiêm", những cánh đồng xanh rì kia sẽ vàng rực. Những bông lúa trĩu hạt. Những lưỡi liềm cắt xoàn xoạt. Những gánh lúa kẽo kẹt. Những tiếng đập thình thịch. Những tiếng cối xay ù ù. Và lại những tiếng cười.. tiếng nói...

Người mẹ già hổn hển:

- Làm người thì không được ngã lòng, còn sống ông lão, tao không thấy bao giờ ông ấy hé răng kêu ca nửa lời. Tao thường kể chuyện với bố mày năm vỡ đê Đồng Dụ, tao đương có mang bố mày, còn con mẹ Trương mới lên sáu, cả nhà chỉ biết trông vào ông ấy thì ông ấy lại ốm. Nửa đêm ông ấy đương sốt, thế mà vừa động trống ngũ liên, tao ngoảnh đi ngoảnh lại đã thấy mất ông ấy rồi. Giời tối như mực, như trút nước xuống, gió thổi bay cả người, ông ấy chẳng nón áo gì cứ thế ra đê. Chẳng phải mình ông ấy mà cả làng đều thế, già, trẻ, nhớn bé vuốt mặt không kịp, cứ nước dâng đến đâu, thì đắp đất cao đến đấy. Thật là đánh vật nhau với nước, tranh nhau mà làm, thế mà quan huyện, chánh tổng vẫn còn hò hét đánh đập. Nhưng rồi nước cũng tràn vào. Chớp mắt đã ngập băng cả mọi nhà cửa. Ông ấy bơi ngay về nhà ghép giường phản cho mẹ con ngồi với cả con vện. Nhà có hũ ngô, ông ấy nhường cả,

đoạn lại vớ cây chuối bơi ra đình. Trận lụt ấy hơn hai tháng mà chưa rút hết nước, thóc gạo cũng kém, nhiều nơi cũng đói, cũng phải bồng bế dắt díu nhau bỏ quê quán đi tha hương cầu thực...

Những giọt nước mát giàn hẳn ra ròng ròng xuống gò má. Người mẹ già lấy dải yếm chấm chấm đoạn cổ giữ lại giọng:

- Vừa lụt xong ông ấy làm lại nhà ngay, rồi lại xin với cụ Bá nhận non mẫu ruộng và cấy chia. Bao nhiêu công của lại đổ ra đồng, ngờ đâu nước rút thì đến hạn hán, ông ấy phải từ mờ sáng đến nửa đêm rạc cả người tát nước mà cũng không vớt vát được. Lại đói kém. Lần này thật không còn thể đào bới cái gì ăn được nữa. Nhưng không hiểu sao năm ấy cũng mất hết cả thóc lúa, cũng phải bán ruộng, bán đất, bán nhà, nhưng mà không thấy khó khăn kinh khiếp như bây giờ! Không thấy chết nhiều quá! Nhưng giờ thì ai cũng sạch sành sanh, thức gì cũng đắt như vàng, rõ sẵn đấy mà không thể mua được. Người chết không còn thể đếm được là bao nhiêu... Chết hơn cả Quan ôn dịch tễ bắt đi. Chết!!...

Người con trai như thiếp đi trong những tiếng nói của người mẹ. Khổ mặt hốc hác của bà cụ càng nhợt nhạt, và hai con mắt kèm nhèm càng lõm sâu xuống như mất hẳn vì nhòa nước. Thằng bé gầy nhom ôm trong lòng bà cụ được ngồi lâu đã lại ngủ. Trông hai thân hình nọ dán vào nhau như là một người có hai đầu, hai mặt và hai cặp mắt vậy. Chợt người mẹ già choàng ngước mắt lên:

- Bố nó này... mày có thấy đôi chỗ lúa đã tốt rồi không? Và ở mấy chỗ bãi dâu đòi được về không phải giồng đay mà được giồng ngô, thì có cây bắp đã nhu nhú. Năm nay như thế chắc chỉ đến tháng tư là cũng nhiều nơi được gặt. Vậy tao tính chỉ cuối tháng ba là về thôi. Nguyên gặt cho đồng làng cũng phải sang tháng năm, rồi hết tháng năm có được cao công mẹ con hãy đi làm, không lại nói với ông quản lý xin cái đám ruộng của cụ Tuần ấy mà cấy chia. Xin cái mẫu ruộng hai bố con mày bán năm lụt ấy mà cấy. Ngay vụ chiêm

này tao với bố mày có cũng chỉ nên ăn một bữa thôi, rồi đến tháng chín, tháng mười phải giồng ngay khoai và phải gieo thêm su hào bắp cải đằng vườn mẹ Trương nữa... Thôi, chỉ còn phải đói mấy tháng nữa, giời để qua khỏi là lại được no, phải, lại được no, bố nó ạ.

Người con trai loạng choạng đứng lên. Người mẹ già chống đầu gối đứng dậy theo, vừa xốc thằng cháu cho nó cưỡi thật chắc trên lưng... Những bước chân ê ẩm lại lê đi trong những đám người lũ lượt, trần truồng, tả tơi, run rẩy. Trên đầu họ, trước mặt họ, trời mây càng xám đặc, gió càng lồng lộng hun hút.

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Tàu Đêm

- Thóc gạo gì lại cứ một ngày một giá thế này? Gạo xấu trước kia chỉ bốn đồng một tạ là cùng thế mà trong vùng này tháng này lên mười lăm đồng rồi ba mươi đồng rồi tám mươi đồng, đến một trăm thì đã ghê sợ quá. Sau lại tăng hẳn lên hai trăm, ba trăm, rồi cũng tưởng không còn thể cao được nữa, thế mà giờ lên sáu trăm, bảy trăm, tám trăm và không khéo lên một nghìn hay hơn một nghìn cũng không biết chừng. Vậy thóc gạo đi đâu? Còn lên đến thế nào nữa?... Cứ kém đói như thế này rồi đến chết hết mất sao?

Chỗ gần buồng máy lửa cháy rực và ầm ầm ì ì càng đông người thêm. Trên dòng sông, gió thổi như bão và sương tỏa mờ mịt. Đêm khuya tháng tư lạnh không kém gì mùa rét. Đây là người thứ tư rồi mà câu chuyện và cái đói vẫn không bớt phần sôi nổi, trái lại càng gay gắt hơn, mê mải hơn. Người đàn bà ấy kể:

- Cái con ấy tên là cái Tý, năm nay nó độ mười bảy hay mười tám tuổi. Không hiểu bố mẹ nó và quê quán nó ở đâu! Nó đến làm cho bà Cả ở xóm tôi được ba bốn năm thì bà Cả mất. Nó sang làm cho bà Ký. Sau bà Ký dọn lên phố, nay nhà này mai nhà khác, hễ nhà nào có việc là nó làm, không thì nó đi chợ cất lại rau bán ở đầu làng. Sang tháng hai năm nay cả xóm chỉ còn nhà con mẹ Nghị Huy là còn thóc. Trong nhà nghị Huy ruộng tư hàng năm chục mẫu mà nó còn chiếm cả hai chục mẫu ruộng công để cấy nữa. Nhà nó thuê đúng hai chục người làm rồi mà vẫn còn thiếu. Tuy nhà thóc lúa từng kho chật vậy mà khi con mẹ Nghị Huy mượn được cái Tý thì nó giao hẹn ngay với cái Tý rằng ngày chỉ nuôi có hai bát cơm bữa sáng, và một bát cháo bữa chiều, và nếu chẳng may phải hôm mưa gió chỉ có một bát cơm hay bát cháo

thôi thì cũng phải chịu. Cái Tý không những nhận nhời ngay mà còn cam đoan ở với con mẹ Nghị Huy mãi mãi, và muốn bắt làm việc gì hay cho ăn thế nào cũng được.

Nào sáng tinh sương đã phải dậy đi vơ bèo, nào lên phố ngày hai buổi để xin nước gạo, nào quét tước dọn dẹp sân sướng, nhà cửa, thổi nấu cơm nước và rỗi thì bế em, thấy cái Tý nó làm mà tôi thương hại. Vì thật nó làm bằng năm người khỏe mà ăn thật không bằng con chó nhà con mẹ nọ. Thế mà đến cuối tháng ba nó cũng lại "thất nghiệp". Hai con lợn sề của con mẹ Huy không hiểu sao bỗng lăn cổ ra chết. Con mẹ Nghị Huy bảo chỉ tại cái Tý ăn cả cám lợn của lợn nó. Nó đánh cái Tý liền mấy trận. Cái Tý khóc sưng cả mắt, đành phải trốn đi. Nó vơ vất gánh thuê ở các chợ rồi cũng ốm. Lúc gượng dậy nó đành phải đi ăn mày.

Bẵng đi mấy hôm tôi không thấy nó và tôi cũng quên đi. Bỗng một hôm đi chợ về, tôi qua cái đám cúc tần ở mé đường sau làng thì tôi giật mình, thấy lạ quá, sao có một con bé giống nó thế. Sau tôi nhìn kỹ nó, nghe nó cất tiếng chào thì tôi lại càng ngạc nhiên hơn. Vẫn cái Tý đấy! Nhưng nó lại chỉ bằng nửa cái dạo nó mới ốm dậy. Mặt nó quắt lại, mắt trố ra, cổ ngẳng, chân tay lèo khèo như chiếc củi rào, cả người đen sạm và chỉ có một miếng vải bằng bàn tay che... Tôi nhìn kỹ thêm thì thấy nó tuy rạc đi như thế nhưng vẫn không ghẻ lở, mặt mày vẫn tỉnh táo lắm. Nó bảo tôi rằng nó ở trên phố về. Nó cố lê về đây vì trên ấy người ta đuổi, và cũng chẳng xin gì được nữa, đã thế lại còn rất ghê sợ cái tụi đàn ông, cũng ăn mày nhưng còn khỏe. Tôi đã mua cho nó chiếc bánh đúc hai hào và tìm cho nó chiếc nón rách.

Lại bẵng đi hơn một tuần lễ, tôi không thấy nó. Khi tôi được nghe nói thì mới biết nó vừa mới chết. Cái bà cho tôi biết tin nó chết còn kể thêm cho tôi nghe cái lúc nó chết như thế này:

Buổi chiều hôm ấy những người phu rác kéo xe bò nhặt những xác chết thì thấy nó nằm ở bờ cỏ đằng mé đầm thả sen chỗ mát mẻ sạch sẽ nhất. Một

người đã toan thòng dây thừng vào cổ nó lôi đi, thì nó mở mắt ra rên rỉ nói: "Con lạy các ông, con chưa chết đâu!... Con xin các ông làm phúc để con nằm đây đến sáng mai thôi".

Một người khác chạy đến thoạt nghe nó nói đã phải phì cười nhưng sau nghiêm ngay nét mặt và quát lên:

"Còn vẽ, mai với thuổng gì nữa? Thôi để người ta chôn một thể cho tiện việc, đàng nào chả chết!"

Cái Tý liền cố ngóc hẳn đầu lên:

"Không! Con lạy các ông làm phúc để con nằm đây chỉ đến sáng mai thôi, con lạy các ông!"

Nó đã chắp hai tay lạy hẳn hoi. Mấy người phu rác đã xẻng cuốc quay đi chỗ người khác nằm, nhưng thằng cai chủ nhà thầu cứ thét lôi cổ Tý đi chôn, bảo lệnh trên truyền không được để một ai đói nằm chết bẩn thành phố cả!

Thế là người phu rác cầm thòng lọng tròng thừng vào cổ cái Tý lôi xềnh xệch nó xuống hố.

- Thế thì khiếp quá! Giời đất thiên địa ơi!... Kinh khiếp quá!...

Những người nghe kể chuyện đều kêu lên. Sự bàn tán ồn ào lại được một dịp nữa ran đi suốt mé tàu này sang mé tàu khác. Một người đàn bà khác lại tiếp ngay nhời:

- Kể thế thì cũng khiếp nhưng vẫn chưa bằng chuyện "cái nồi luộc" và "thằng quỷ lồi mắt" ở vùng tôi.

- "Cái nồi luộc"! "Cái nồi luộc" là cái gì? Và lại còn "thằng quỷ lồi" mắt nữa?...

- Ấy một cậu em tôi học trên Hà Nội, về thấy cái cảnh đói chết nọ thì đặt cho mấy cái tên như vậy, rồi tôi cũng cứ thế gọi quen mồm đi.

Người đàn bà thứ năm nọ cũng lại nhấp giọng bằng một miếng giầu rồi kể:

"Vùng tôi vốn chỉ trông vào cái khung cửi nên lúc trước sợi khan đã đói rồi sau đây vừa mua sợi không được, vừa làm không thể nào kịp với giá thóc gạo, thì lại càng đói, đói quá, đói đến nỗi không nhà nào không có người chết, và, ai còn sống thì chỉ còn có hai lỗ mắt. Đói bán hết cả mọi cái... Trong làng chỉ còn nhà hoang và người nằm hấp hối... Đói, sau đến nỗi cậy cả đất vách ra ăn vì nhà dỡ ra bán không ai mua. Đói, lắm kẻ bòn vét các thứ, cố lê ra tận chợ huyện bán được đồng bạc, mua được mấy lẻ ngô sống ăn và uống nước đoạn thì chết ngay ở chợ. Lại còn có kẻ cũng nhặt nhạnh bòn vét bán được hơn đồng bạc, lúc về cứ cầm đồng bạc ấy ngẩn ngơ cho đến chiều đoạn lả đi chết ở cổng làng.

Sang cái tháng ba, thì trừ mấy nhà lão chánh tổng, lão Nghị viên cày cấy nhiều nhất làng, còn thì chẳng thấy chỗ nào có khói lửa và tiếng nói, tiếng gọi gì hết. Những kẻ làm thuê làm mướn vừa phần chẳng có công ăn việc làm gì, vừa phần đâm ra tê liệt phù sũng cả, nên bỏ con cái chết gần hết. Thấy vậy, mấy nhà bà cụ Giáo, ông cụ Tú và bà cụ Lang gần chợ chung nhau bỏ ra mỗi phiên một vài bơ gạo và nói với làng không lấy thuế chợ mà quyên các hàng, hàng thì vài lẻ ngô, hàng lẻ cám, một lẻ gạo, một nắm cơm để phát cho những kẻ con mọn. Ai muốn lĩnh cơm thì lĩnh, ai muốn để con ở đến chiều về nhận cũng được. Gửi con ở đây đến chiều thì con vừa được nắm cơm ăn mà mình thì được rảnh tay mà kiếm cái cua cái ốc, hay khỏe thì đi gồng gánh thuê.

Phiên đầu có ngay hàng hai chục người gửi con. Phiên sau tăng lên năm chục. Phiên sau nữa hơn trăm. Được ba phiên là chu đáo rồi sau không ai còn hơi sức dỗ dành, dọn cứt đái và cho ăn, cho uống, chăm nom bằng ấy đứa trẻ được nữa. Về cuối tháng ba thì đến cả mấy nhà đứng ra quyên và cho gạo,

cho tiền cũng đói nốt. Đã thế trẻ gửi lại càng đông nên người ta đành phải bỏ mặc. Rồi trong mấy quán chợ, ăn mày nằm chết ngổn ngang, người ta phải làm như là một cái chuồng, không phên, không lá che gì cả, chung quanh cửa đóng gióng tre, dựng ở dưới gốc gạo cạnh bờ ao cuối chợ, để quây chung những đứa trẻ cho tiện việc trông coi.

Trong chuồng hơn trăm đứa bé cứ trần truồng lồm ngồm như những con chuột đỏ hỏn. Sáng còn khá, mười giờ giở đi nắng chói chang, hơi bùn ao ngùn ngụt xông lên như nước sôi, người ta cũng đành mặc. Được miếng cơm lúc tám giờ, đứa nào no thì thôi, còn đứa nào đói thì có cái chậu đựng mươi bát cơm ở giữa chuồng ấy, bò bò lần lần đến lấy mà ăn. Cơm dính bết ở cạnh chậu, cơm vương vãi ra đất, cơm lẫn cả với cứt đái nữa. Còn khát, cũng có một cái chậu đựng nước ở giữa chuồng mà chúng nó vầy vò đục ngầu lên uống với nhau.

Sang cái tháng tư này, cảnh chuồng nuôi những đứa bé lại càng gớm quá! Đứa thì dái sưng đỏ mọng lên, nằm còng queo; đứa thì ngồi rũ ra, mắt díp lại; đứa thì khóc nheo nheo không ra hơi bên cạnh đứa đã cứng đờ, cứt đái dề dề ở đít; đứa thì hễ đứng lên lại ngã dúi xuống, mặt mũi càng tím bầm mà mắt vẫn lờ ngờ không khóc khiếc gì cả. Ruồi nhặng bâu đen ngòm lấy chúng nó, thỉnh thoảng lại rào rào bay lên vì có đứa quờ quạng bò đi chỗ khác. Những đứa này leo cả lên đứa chết, dính bết cứt đái vào người, đưa cả tay vào mặt vào miệng đứa chết mà quệt mà hít. Lại có lắm đứa đói sữa quá, bị nắng quá, trông thấy ai đi chợ cũng tưởng là mẹ, lêu nghêu cố lách ra ngoài, khiến người ta lại phải lôi vào.

Phiên nào ít cũng bốn năm đứa bé chết. Phiên gần đây thì hàng chục. Có cái thằng lồi một mắt trước kia là tay chân của nhà chánh tổng chuyên làm khách nợ cho nhà lão Nghị nhận trông nom thì vừa đói rượu, vừa lười, nó cứ để đến chiều mới nhặt những xác chết đem chôn một thể. Nó xách chân từng đứa bỏ vào cái xe bò như những con mèo chết ấy. Một hôm giời đương nắng

chang chang bỗng nổi cơn nổi trận, mưa như trút nước xuống, thành thử những đứa bé cứ ngoi ngóp bùn nước ngập ngụa trong chuồng. Thằng Lồi mắt vừa nhặt xong mười mấy cái xác chết nên không kịp chôn. Sau trận mưa thấy mấy đứa nữa chết, nó nghiến răng chửi váng cả giời đất lên, rồi nó xách chân những đứa bé đứng ngay trong chuồng mà ném bình bịch vào xe. Không biết hôm ấy nó có đào lỗ không, hay chỉ vùi ở cái hố rác, mà sáng hôm sau người ta thấy có đứa trôi ra đường, không hiểu vì nước mưa chảy giạt đi, hay đứa bé ấy cũng như cái Tý bà nọ vừa kể, hãy còn sống nên cố ngoi ra".

- Ở quê bà hở? Vùng nào thế hở bà?

- Giời đất thiên địa! Lại còn đến thế nữa cơ à?

Những tiếng người đương hỏi nhao nhao ở một phía thì cả tàu bỗng ầm ầm lên, xô đẩy nhau rối loạn:

- Có người bỏ con xuống sông!... Có người bỏ con xuống sông!

Nghe được rõ tin này tất cả hành khách đương bàng hoàng tỉnh hẳn người lại như cất được gánh nặng. Họ đã tưởng có tàu bay đuổi mà cái tàu họ đương đi này tuần lễ trước đã bị bắn sạt nóc, hành khách suýt chết hết nếu tàu không chạy gần một bờ sông cạn và lái nhanh được vào bờ. Nhưng thoát khỏi sự hãi hùng bị bom đạn tàn sát, người ta lại càng ồn ào hơn. Không chỉ xô đẩy nhau thôi, người ta còn xéo bừa qua cả đầu nhau để được nhìn xem cái người đàn bà nọ sao mà có thể nhẫn tâm như thế được?

Tiếng hỏi gọi, tiếng trả lời, tiếng kêu ai ái, tiếng chửi rủa và cả tiếng khóc thét của trẻ con nữa dồn đến tối ngòm cả lại một góc tầu.

- Làm sao có người lại đang tâm bỏ chết con họ như thế?

- Nó người như thế nào nhỉ?

- Trói nó lại cho mại bản khi đến bến điệu nó lên "bóp" thôi!

Những người nói chẳng còn thể nghe ra ai với ai. Và chỉ có những người đi buôn gạo, đi mua rẻ đồ đạc ở các vùng quê và mấy đám nhà giầu ra tỉnh chơi quần lành, áo tốt, vàng bạc đầy người là làm ầm ĩ lên thôi. Còn số đông những người cũng ra tỉnh nhưng để trốn đói và những mong có công ăn việc làm, bọn năm người, bọn mười người, khư khư ôm giữ con cái bên những gồng gánh lủng củng chồng chất lên nhau, thì họ chỉ nghển lên trông và vẫn chẳng nói chẳng rằng gì hết.

Thoáng phút, chung quanh một người đàn bà rách rưới, mặc váy, ngồi sụp xuống sàn và gục mặt vào lòng, những kẻ xúm đến can thiệp đã chi chít như kiến. Kẻ chửi, kẻ mắng, kẻ trách, kẻ chặc lưỡi, kẻ thở dài, kẻ bàn tán... không biết bao nhiêu giọng, bao nhiêu nhời dội tới tấp lên cái đầu bù xù và cái mặt cúi gằm xuống nọ.

- Đói thì đói chứ sao lại khốn nạn đến như thế?

- Ở nhà quê không làm gì được, đã cố công bế con ra đến đây thì cố giữ lấy nó mà đi xin nuôi nó chứ sao?

- Hay muốn rảnh rang nữa thì cho nó vào nhà bà Sờ xem ai hiếm hoi thì để người ta nuôi có được không?

- Ôi dào cái hạng mụ này thì chỉ biết có lúc no ăn ấm cật... ấy thôi mà. Giá có bế con đi ăn mày thì có ai cho con thứ gì mẹ cũng lại tọng hết vào miệng mẹ, rồi chỉ khổ đứa bé bêu nắng, bêu mưa.

- Giời đây!... Giời đày cả đấy! Sấm ông Trạng đã truyền "mười người chết bảy còn ba, ba người chết hai còn một" cơ mà. Chuyến này thi phúc, thi phận cả đấy!

Có kẻ lấy chân đá đá vào người mẹ nọ mà vẫn không làm được y nhúc

nhích. Không những y không cất tiếng đáp mà gần như không khóc nữa. Cái mặt gằm xuống đầu gối ấy thỉnh thoảng mới rung rung cùng hai vai gầy, áo toặc ra để hở lỗ chỗ da thịt. Chán chê rồi người ta mới chịu về chỗ, bỏ mặc người mẹ nọ ngồi rũ một mình ở xó tối. Cả cái đám đông ban nãy chuyện dở dang về cái đói cũng thôi. Sự ồn ào chỉ còn tiếng máy chạy, tiếng nước ngược bị xé ra, tiếng sóng và tiếng lầm rầm của hành khách chen vai thích cánh.

Bên ngoài đen như mực. Sương mù quấn lấy cả tầu. Làng mạc, ruộng nương, bờ bến âm âm, u u, thăm thẳm. Họa hoằn mới có vài ánh lửa leo lét. Nhiều người đã ngáy. Họ phải ngủ ngồi hay không thì phải nằm co quắp với nhau ở cả những lối đi nhớp nháp. Mặt ai nấy đều nhăn nhúm phờ phạc. Lẫn với những tiếng thở hổn hển, khò khè, rên rỉ, còn có thêm những tiếng ho sặc sụa, tiếng khóc oe oe, nheo nheo. Không khác gì cảnh các ngã tư, các bờ hè, các cổng chợ, các bến ôtô và ga tầu hỏa của cảnh đói đương diễn ra ở các thành phố. Đây ban đêm ánh đèn cũng đục lầm và trên mặt đất người sống và xác chết cùng rũ ra, ngổn ngang, không chăn không chiếu. Những sắc mặt cũng đen sạm, những con mắt cũng vàng lờ sâu hoắm. Già trẻ, đàn ông, đàn bà cũng khó mà phân biệt nếu không có những mái tóc, những ngực và những khoản dưới phơi ra. Một mùi hôi thối nồng nặc cũng ngụt lên với sự ồn ào. Và ở xó xỉnh nào cũng chỉ thấy nói những chuyện gạo, chuyện ăn, chuyện thu thóc, chuyện giồng đay, phá lúa, chuyện bom đạn, chuyện chết chóc, chuyện bắt bớ, tra tấn tù đày bắn giết...

- Đến bao giờ mới hết chiến tranh?... Đến bao giờ người ta mới có cơm ăn việc làm no đủ?... Đến bao giờ dân Việt Nam mới cất đầu mở mặt?

Những câu hỏi trên đây cũng lại thấy thốt lên như đã thốt lên trong mọi đám đông, từ tờ mờ sáng cho tới đêm khuya, khi mà người ta mệt lịm đi, ở các ngả đường, các hang cùng ngõ hẻm.

Bỗng những tiếng kêu rú lên. Cả tầu lại một lần nữa bị chuyển động ầm ầm vì hành khách nhốn nháo hỏi gọi nhau.

- Người đàn bà bỏ con nhảy xuống sông tự vẫn theo con rồi!... Người đàn bà nhảy xuống sông tự vẫn theo con rồi!...

Lần này có thêm rất nhiều người xô cả về một mạn tàu. Nhưng dưới vùng trời đen kịt, người ta chỉ thấy dòng nước như mực chảy ì ì, luôn luôn réo lên trước mũi con tầu đầy lèn người và hàng hóa, - những người, trong số đó chín phần mười là dân quê cùng khổ lũ lượt nối tiếp nhau bỏ đồng ruộng bị bão gió tàn phá, bị vơ vét thóc lúa, bị sưu cao thuế nặng, bị cướp nhà cướp ruộng, họ dắt díu, bồng bế vợ con ra các thành thị, tha lôi những gồng gánh, chổi cùn rế rách, nồi đất bát đàn, quần tã áo mướp, những đồ vật không còn thể sao đổi lấy được vài lẻ gạo, những đồ vật cuối cùng của cả một đời sống bằng hai bàn tay trắng và mồ hôi... họ ra đi bán mình cho bất cứ công việc gì... với bất cứ giá nào để sống...

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Vũng Máu

Quang bảo Tâm:

- Anh uống gì?

Tâm đã phải ngẫm nghĩ mới trả lời được:

- Lại cà phê.

Quang cũng cau mày giây phút rồi mới gật đầu:

- Ừ thôi lại cà phê vậy.

Quang quay ra gọi người bồi đương tíu tít hầu khách.

- Hai cà phê phin, hai cà phê phin!

Chung quanh Quang và Tâm các ghế đều kín người. Bàn nào, bàn ấy bầy ít cũng ba bốn đĩa bánh và la liệt cốc nhớn cốc bé, thìa, dĩa. Thấy Tâm gọi có mỗi thứ uống hạng bét kia, bọn bồi bàn quần áo trắng là và đầu chải bóng nhẫy nọ chỉ hất hàm cho nhau chứ không trả lời, rồi không một người nào đưa gì đến. Mãi sau mới có một đĩa lạc do một bé con cầm lại, để đánh ngoắt xuống bàn, đoạn bỏ chạy đi bàn khác. Hết sữa, lại sôcôla, lại trứng đường, lại cà phê "rom", lại rượu mùi cứ tuôn đến những bàn khác với cả cam quả vắt và đá đập nữa y như đã hẳn mùa bức vậy. Hai người không thể không sốt ruột. Riêng Tâm, Tâm thấy bừng bừng cả mặt. Mấy bọn khách ăn xong và mấy lũ khách vào sau, được tiếp rất kính cẩn. Mãi mới đến lượt Tâm, Quang.

Và khi hai người không lấy đĩa bánh đem lại mà chỉ uống có cà phê thì họ thấy mình hoàn toàn chướng quá trong cái đám đông nọ chen chúc nhau ăn uống nhồm nhoàm và cười cười nói nói...

Giời đã tối hẳn. Những cơn gió lạnh nổi lên cùng một ít hơi sương trở lại sau mấy ngày hoe nắng.

Nước trong ngăn lọc đã rỏ khá nhiều xuống cốc và mùi thơm ấm áp đã sực nức. Hai người vội bỏ ngăn lọc ra, cho đường vào cốc lấy nước sôi chế. Tâm chỉ quấy sơ, rồi tợp luôn một ngụm! Khà... Một ngụm nữa... Một ngụm nữa...

Quang đặt cốc xuống bàn nhìn Tâm:

- Anh khát thế cơ à?

- Khát thì không khát lắm, nhưng tôi uống cái gì nóng tôi cũng thích uống liền mấy ngụm như thế. Vả lại đến hơn tuần lễ nay mới lại thấy trở gió lạnh, mới lại được uống cà phê nên tôi thấy ngon lắm.

- Anh thì cái gì mà chả thích chả ngon!

Tâm cười, Quang trỏ đĩa lạc giục:

- Ăn đi chứ, mà này, ta gọi gì uống thêm.

- Ừ... Ừ... Uống thì uống.

- Nhưng uống gì?

- Cà phê chứ còn gì.

Khì... Quang cười bật ra:

- Có sách của anh thì mới tái bản chứ cà phê thì không ai uống hai lượt cả. Và theo như mấy ông "phong lưu ẩm" cà phê uống hàng cốc thế này là "ngưu ẩm" đấy!

- Mặc chứ, tôi thích thì tôi cứ uống hai lần hay ba lần cũng được.

- Không thể được! Thôi đây! (Quang quay ra hất hàm cho một người bồi đến). Hai "rom" (1)không "sôđa" (2)và cũng không đá, và một đĩa lạc nữa.

---

(1)Rom: một thứ rượu nặng.

(2)Sôđa: một thứ nước men để chế.

Người Tâm đã nóng rực lên sau tợp rượu mạnh. Mặt Tâm càng bừng bừng và cái đám ồn ào ở trước mặt Tâm càng ồn ào hơn. Thêm hàng chục võ quan Nhật gót giầy choang choang, gươm dài lách cách, lầm lầm đi vào. Thêm hàng mấy chục những áo đỏ, áo vàng, áo kim tuyến, những tóc lưỡi trai, tóc cánh nhạn, tóc bò liếm, những cánh tay trần, váy cũn cỡn. Đó là những con rắn quấn quít bên những cái ủng da, bên những cái cặp to phình, những cái điếu tẩu thuốc lá khói mù, những cái bụng khệ nệ áo sơ mi lụa cụt tay và quần đùi cộc. Còn có thêm cả những cặp mắt xanh, những cái mũi lõ và những cái đít ưỡn ẹo nhơn nhởn phè phỡn một cách lạ.

Cái chỗ ngồi nọ xây nhô ra khỏi mặt hồ nước xanh nhờn với những ánh vàng ngọc gần như không cần đến ánh đèn. Chỉ thiếu mấy cây đàn đánh lên thì đây sẽ hiện ra ngay một cuộc khiêu vũ tưng bừng mê ly như trong những phòng trà thâu đêm ca nhạc đương mở ra như mạng nhện khắp thành phố.

Đĩa lạc thứ hai đã hết. Tâm để yên người bồi thay bằng đĩa bánh to, và, không chờ Quang mời, cầm bánh ăn trước. Không thể giữ được, Tâm phải hỏi to lên:

- Kìa! Bánh bây giờ mà cũng còn có những thứ ngon đến thế này ư?

Thấy Tâm sửng sốt, Quang không nói ngay, mãi mới thủng thẳng cười và hỏi lại:

- Cái gì lạ thế?

Tâm nhắc lại vừa giơ tấm bánh ra trước mặt Quang. Quang vẫn giữ nụ cười:

- Thế thôi à? Chỉ vì anh được ăn cái bánh bằng sữa tốt, trứng tươi, "sôcôla" và "vani" nguyên chất mà kỳ ngạc? Hừ!... tôi đã tưởng anh kêu vì thấy một đốt ngón tay, một miếng tai, hay một miếng lưỡi trẻ con như thứ bánh giò nào kia mà mấy hôm nay cả thành phố xôn xao bàn tán vì nhiều người ăn thấy thế ở những bến tàu Nam Định - Thái Bình. Hay tôi tưởng anh lại nghe được tin mấy hầm gạo mấy ngàn tấn hấp một cách hoá học để làm lương thực kéo dài cuộc chiến đấu của anh hùng thực dân ba giờ đầu hàng nọ, mà người ta tìm thấy đã mục ở dưới đất. Lạ! Có phải lạ như thế không? Chứ nếu lạ vì những thứ ăn uống rất ngon, rất đắt như bây giờ thì còn phải lạ nhiều hơn nữa nếu anh phải ăn những bữa tiệc, phải uống những cốc rượu, phải hút những thuốc phiện, thuốc lá ở mấy khách sạn, phòng trà và khách thính thượng lưu quý phái nọ. Nhưng thôi, đấy còn là chuyện cầu kỳ ở xa. Đây, tôi cho anh biết một sự lạ xoàng thôi ở ngay trước mắt anh đây.

Quang ngừng lại, nhìn vào mắt Tâm, mày cau cau hỏi rất đột nhiên:

- Một người thợ như người thợ nhà in mà anh được biết lương một ngày bây giờ bao nhiêu?

- Ba đồng.

- Một người phu xe hay phu bắt-tê thì thường thường ngày làm được bao nhiêu?

- Cũng ba đồng là cùng.

Quang gật gù:

- Vậy một người thư ký hạng thường?

- Mười đồng.

Quang lắc đầu:

- Không được! Ấy là ngay hạng thư ký chính ngạch công sở. Hay nếu được, thì kẻ đó ít ra cũng phải có bằng thành chung và có từ năm đến mười con và một vợ như loại tôi... Vậy còn những người buôn bán nhỏ nhặt như bà cụ, như chị anh?

- Mẹ tôi, mẹ tôi bán nón lãi mỗi chiếc nhiều lắm mới được hào rưỡi, hai hào. Phải gánh đi những chợ xa hàng mười cây số, và phiên đắt nhất mới bán được sáu bảy cái nón. Còn chị tôi, cái gánh rau đậu sang đón mãi ở cầu Đuống hay lên cầu Phùng ấy, may lắm mới được hai đồng. Có hôm lại lỗ vốn.

- Còn anh?

- À tôi... tôi... cái nghề văn sĩ của tôi... nghề viết sách có được phép in, có được phép bán mới có tiền ấy... tôi... tôi kiếm...

Quang ngắt ngay lời Tâm, giọng càng rành rọt:

- Thôi anh đừng ngượng nữa. Đây, thế này có đúng không? Trung bình một năm anh viết được một truyện dài và mười truyện ngắn. Truyện dài nhà xuất bản in 2.000 cuốn - tác giả nổi tiếng và nhà xuất bản được tín nhiệm lắm, tôi mới dám tính đến số sách in như thế - mỗi cuốn bán 5 đồng. Anh lấy dần lấy mòn, tháng đưa tác phẩm lấy một trăm, tháng in tác phẩm xong lấy

trăm rưỡi, tháng phát hành tám chục, năm chục... Rồi trừ tam khoanh tứ đốm nào sách ế, sách tặng, món tiền tác giả ấy anh được tất cả là 800 đồng. Còn 10 truyện ngắn đăng báo mỗi truyện 40 đồng. Ấy cũng là truyện ngắn vào hạng cừ và tờ báo chạy lắm. Mười truyện được 400 đồng. Vậy vị chi mỗi năm tiền sách, tiền báo anh được tất cả 1.200 đồng. Ấy là vì may anh có chút tiếng tăm, vừa phần anh phải viết gò ngực, mờ mắt chứ nhiều bạn anh thì...

Tâm không thể không đỏ mặt, nghẹn ngào cười bảo Quang:

- Thì chết đói! Và tôi kiếm như thế là may mắn lắm chứ gì! Phải là có một nghề tự do, một "nhà văn hóa" thì mới sống được như thế chứ gì?

Quang trỏ vào mặt Tâm:

- Kìa tôi đã cho phép anh mỉa mai đâu! Nhưng thôi anh đã nóng tai đỏ mặt thì cứ việc nóng tai đỏ mặt. Và đây, đã đến cái kết của những câu tôi hỏi lục vấn anh. "Anh có biết mỗi ngày một người bồi thôi ở cái tiệm "Lơ lắc" (3)của thượng lưu trí thức và phong lưu tư sản sang trọng này ở đây kiếm được bao nhiêu không? Một người bồi thôi chứ chưa tính đến những thượng lưu trí thức và phong lưu tư sản sang trọng ăn chơi kia?

---

(3)Lơ lắc: Bờ Hồ.

- Thì lại hơn tôi chứ gì?

- Không được! Không được! Phải hơn bao nhiêu chứ!

- Hơn à... thôi tôi xin chịu!

Quang cười nhếch một tiếng.

- Anh chịu là phải, vì các anh còn biết cái đếch gì ngoài những cái "gọi là

rung động" một cách rất thiếu thực tế của các anh. Đây, anh nghe tôi: một người bồi hầu hạ ở cái nơi "quý phái" này ngày nào mạt nhất cũng được hơn 40 đồng của chúng nó quẳng cho, ấy là không kể những ngoại tài khác.

Tâm suýt bật kêu lên thì Quang lạnh ngay nét mặt:

- Chính tôi đã ngạc nhiên hơn anh nhiều. Nhưng anh cứ xem những cảnh sống ở đây và những nơi khác, ăn uống ngập ngụa, ăn uống cho mồm thật ngấy, cho bụng thật căng, cho đầu óc nhức nhối, choáng váng, để đi chơi, tán láo, cờ bạc rồi dâm dục, rồi ngủ, rồi lại dậy, tắm rửa, lại đi ăn uống, dâm dục... Những cảnh giấy bạc tiêu như vứt đi như thế kia thì cái đồng tiền mà bao người phu xe, thợ nhà in, mẹ anh, chị anh và tôi còn là phải khốn cực nữa mới kiếm được.

"Thiên đường! Chính cái sự sống như trên kia được gọi là thiên đường đấy! Cái thiên đường này là của một ít kẻ chuyển hết cả tinh khôn, tàn ác ra mà giữ lấy. Và chúng vu khống, bịt mồm, kết án, bỏ tù những người vạch thật nó ra, muốn phá bỏ nó. Còn như anh và tôi hay bao người ở cạnh cái thiên đường ấy muốn không phải lo từng đồng bạc, không phải ăn dè cho con từng bát cơm, không phải bóp mồm cha mẹ từng cái bánh, thì lúc này...

Quang chợt giật mình, đưa thoáng mắt nhìn sang bàn bên có hai người ngồi im hút thuốc lá mà một người thì mắt một mí quần cộc đũi, áo sơ mi trắng, xắn tay nhưng vẫn phồng phồng hẳn một khẩu súng ngắn ở túi quần. Nhưng, sau một cái thở gằn, Quang liền nói tiếp, giọng tuy thấp nhưng vẫn dằn mạnh:

- Anh phải thôi hì hục viết những truyện xã hội, xã hiếc. Tôi phải thôi lóc cóc hai buổi đến nhà dây thép làm thay cho những máy chữ, máy tính. Và mọi người biết ăn biết nói, biết chữ, biết nghĩa hãy thôi chịu khó làm lụng, suy nghĩ, phát minh, kiến thiết. Anh và tôi, chúng ta, tất cả mọi người gọi là lương thiện ấy phải... đàn ông thì đi làm chỉ điểm, làm bồi cho Nhật buôn,

Nhật lãnh sự, Nhật hiến binh, và đàn bà, cố nhiên có vợ anh, vợ tôi, em gái anh, em gái tôi, thì đến Takara karô hay Môni-cô-nica gì đó mà làm... làm gì nhỉ? Làm gì không phải tốn sức mà lại có cả cơm ăn, "bông" vải , "bông" đường, tiền kéo vàng, tiền cho cả cha mẹ, cả chồng nữa?...

Quang nhấc ly rượu uống hực một hớp, đặt chát xuống bàn, cười hét lên một tiếng, đoạn đứng dậy, gật một người bồi đến. Quang chưa kịp quay ra, người bồi đã lại đứng khoanh tay trước mặt Quang cúi đầu:

- Ngài gọi gì con ạ.

Quang cũng cúi đầu:

- Thưa thôi ạ, ngài làm ơn tính tiền cho tôi.

Hết mười đồng ba hào nhưng Quang đưa cả hai tấm giấy năm đồng và tấm một đồng rồi kéo Tâm bước tràn ra cửa. Mấy lần Tâm vấp phải những cái đùi ngộn ngộn vắt vẻo trên ghế. Mấy lần Tâm suýt trượt vì những thức ăn vương vãi, nhớp nháp mà nếu Tâm không lầm thì Tâm đã xéo hết cả một chiếc cùi bánh mà người ăn chỉ khoét lấy kem ở trong ăn.

Hai người ra đường.

Giời đen xịt. Gió hun hút. Mưa lất phất. ở những đám cây lù mù, lại thấy co ro lượn đi lượn lại mấy cái hình thù quần đen áo trắng, quần trắng áo đen và không có mặt.

- Có chơi không?

- Chơi nào!

Những tiếng gọi thào thào qua tai hai người như toát ra từ dưới hốc cây hay dưới cỏ ướt. Quang kéo Tâm sang hè bên kia, ngược lên phố trên. Lại

những hình thù nữa sầm vào mặt họ. Nhưng đó là những người nằm ngồi rúm ró dưới hàng hiên, ôm giữ những thúng, những bị ở trong lòng. Có cả mấy người ôm con, mấy người vừa ho vừa rên và mấy người đấm bụng thình thịch. Họ là những gia đình đi lĩnh gạo. Mẹ thay con, con thay mẹ, cháu thay bà, ông thay cháu, chầu chực không biết đến bao giờ. Sang một khu phố nữa. Cái dãy người rũ rượi co quắp và xám xịt ấy còn dài hơn. Và trên nền đất nhớp nhúa, lộng gió ấy lại nổi lên có cả những tiếng khóc nheo nheo và những tiếng ru đã khản.

- Đương nắng lại mưa, lại rét thế này thì lại thêm hàng vạn người nữa bị "rụng" đây!

Quang lẩm bẩm nói rồi chợt cất tiếng hỏi Tâm:

- À anh mới được một cháu giai nhỉ. Dạo này thằng cu ấy có khỏe không, đã biết làm trò gì rồi?

- Khỏe lắm! Nhiều trò lắm! Giờ nó mới được tám tháng rưỡi, chỉ mười một tháng hay đầy năm là có thể đi được.

- Thú nhỉ. Còn tôi, cái thằng cùng đẻ với cháu nhà anh ấy lại sắp có em rồi. Không hiểu cuối năm nay lúc đẻ cái ông hay cái bà tướng thứ bảy ấy, chiến tranh liệu có hết không? Sự sống liệu có thay đổi không?

Quang cười rộ lên mấy tiếng rồi im bặt. Sau đó một lúc, Quang nắm lấy cánh tay Tâm giọng run run :

- Anh! Anh có biết những tin gì đương âm ỷ ở các vùng quê không? Và những tin gì bừng bừng của thế giới đương bị bịt đi không? Cách mạng! Phải có một cuộc cách mạng mà máu của chính mình đổ ra, phải có một trận cuối cùng của quần chúng lật hẳn cái chế độ xã hội này đi nếu không thì đến tắc thở, đến phát điên cả mất.

Đảo chính... độc lập... chính phủ... những gì gì viết bằng chữ vàng nữa của những tổ chức giờ đây trương lên hò hét cổ vũ... cũng chỉ là một thứ ăn cướp, ăn cắp, và ăn mày, không hơn, không kém.

Ngừng lại một lúc lâu, Quang lắc lắc đầu rồi nhìn vào mặt Tâm:

- À... À... Anh đã được nghe thấy một chuyện gì vừa xảy ra không.

Tâm nhìn lại Quang cười :

- Lại một chuyện chị bồi rượu ông hiến binh Nhật hay một con "gà" của một thằng chủ buôn đồng bán sợi chơi một cái "bổng" cũng hơn cả tiền một đời tôi viết văn chứ gì ?

- Không ! Một chuyện khá khủng khiếp tôi vừa đọc trong tờ báo, không hiểu anh ở nhà quê ra đã đọc chưa ?

Quang đợi Tâm im lặng rồi lắc đầu, hổn hển :

- Vẫn chuyện đói nhưng thảm lắm anh ạ. Một đêm giở rét tuần trước, ở một khách sạn sang nhất Hà Nội mà cả Hà Nội biết tiếng là Mêtrơpôn đấy, một ông to béo quấn đầy len dạ, mồm phúng phính xì gà, tay lật đật dắt một con phấn sáp ngào ngạt chệnh choạng đi ra chỗ ôtô chờ. Trên vỉa hè ngay đấy, không biết bao nhiêu thân hình trần truồng, tả tơi, già có trẻ có, đàn ông đàn bà lẫn lộn, ngổn ngang, tất cả nằm thoi thóp. Còn mấy bước cách những đống thịt hôi thối nọ, ông to béo đứng lại, hắt hơi váng lên rồi nhăn mặt, lắc lắc đầu. Bỗng, hự một tiếng, ông khom cái bụng khệ nệ lại mà khạc, khạc đoạn cứ thế ồng ộc nôn. Tức thì những đống thịt nọ ngóc cả đầu dậy, mắt bàng hoàng, nhớn nhác, long lanh rồi xúm cả lại quanh bãi nôn mà...

Quang đã bỏ dở lửng câu. Còn Tâm, như có một tiếng thét ở đầu Tâm, Tâm ù hết cả tâm trí không nghe thấy gì nữa...

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Bà Cụ Việt

Tên chánh hội đã trèo lên cái bàn giữa sân, mặt bừng bừng, hồn hà hổn hển, xua tay nói :

- Không được! Không thể được ! Nếu như thế thì cả làng này đến tan nát hết thôi. Các cụ các ông các bà không nhớ năm nào họ đưa tầu bay bỏ bom triệt hạ bao nhiêu làng ở Hải Dương, Kiến An, Nghệ An, Hà Tĩnh đấy như. Rồi hàng năm cứ đến ngày ấy, mật thám Hà Nội, lính khố xanh tỉnh, lại về khám xét, bắt bớ, chẳng còn ai làm ăn gì được. Chỉ những lo là lo. Lo đêm lo ngày... tra tấn, tù đày, mất nhà, mất người, mất của...

Hắn định nói nhiều nữa, sau lý trưởng cất tiếng hắn mới ngừng lại, nhưng vẫn bồn chồn cuống quít khi lý trưởng nói :

- Đói! Vâng, cái đói ai mà không lo. Của mồ hôi nước mắt bị sa sẩy ai mà không xót. Nhưng càng lo, càng sót, càng phải nghĩ xa hơn, tính sự chắc chắn hơn. Dân đói, làng sẽ mở những cuộc lạc quyên, sẽ xin tiền cứu tế mà chính quan huyện đã hiểu dụ hứa cho dân. Rồi ngay các vị chức sắc trong làng đây, chính tôi đây nữa, làng có thiếu thốn đói túng quá, chúng tôi xin đem đầu đi lạy các cụ tiên, cụ phủ, cụ đốc vay thóc cho làng. Có khó khăn cũng chỉ mấy tháng nữa. Giời cho phong đăng hòa cốc, mạnh chân khoẻ tay thì chả mấy vụ mình lại gỡ ngay đấy mà. Tôi, tôi thật không dám ngăn cản gì mà chỉ xin thiển nghĩ như thế. Vậy mình cố chịu đói kém ít lâu rồi lại bình yên vui vẻ có phải hơn không ?

Đến đây cái khổ mặt bì bì, môi dầy thâm xịt của tên lý trưởng quay về

phía đám đông trong đó có bà cụ Việt khom người trên cái gậy tre nhỏ :

- Thưa cụ Giáo, tôi xin thưa thêm vài nhời với cụ. Kể như cụ hô hào dân làng giữ lấy thóc rất phải, nhưng xin cụ hãy bình tâm nghĩ lại một chút. Riêng về phần cụ, làng cảm cái tình nhà ta, hết anh Giáo Việt đến cậu Huy bị tù, bị đày, nên làng vụ này miễn đong số thóc ruộng cụ. Rồi ra làng còn định cấp thêm cụ thửa ruộng năm sào chân đám mạ ngay cạnh ruộng nhà để chị Giáo cấy thêm. Cả dân nữa, ai cũng túng quá, làng cũng lấy ruộng cho thêm. Thưa cụ, trên là với cụ, dưới là với dân làng, làng xử đối như thế, vậy cụ và dân nên biết mà nghĩ cho trong cái lúc khó khăn hiểm nghèo này. Bạo động thì rất dễ. Nhưng sau rồi lại bị thất bại, bị trừng phạt thì không còn thể nào vớt vát được tí gì! Lại về phần cụ, tôi xin thêm một điều nữa là tình thế này chỉ vài bốn tháng nữa là cùng, anh Giáo và cậu Huy thế nào cũng được tha về. Trên tỉnh đã tư giấy hỏi hạnh kiểm. Tôi đã ký nhận bảo đảm. Như vậy mà giờ cụ lại nghe theo những người ở đâu đâu mà cầm đầu những việc quá bạo này thì thật e ngại quá cho anh Giáo, cho cậu Huy...

Đấy, trên là cụ tiên có mặt ở đây, sau là các cụ, các ông các bà toàn dân, xin nghĩ cho mấy nhời tôi thưa như thế đấy.

Lại ồn ào. Sự ồn ào ở hai đám. Đám trong đình với bọn kỳ dịch, chức sắc, ruộng nhiều. Đám ngoài sân với dân làng đói khổ và giai tráng. Những cặp mắt lấp lánh của những vòng người ngoài sân càng dồn vào người mẹ già nọ. Từ nãy đến giờ cái giọng run run nhưng rành rọt ấy vẫn chưa cất lên, trái với mọi lần, những khi đối đáp thì nó bắt lấy ngay nhời kẻ địch, đáp lại như những nhát búa rèn trên đe, như những lưỡi dao gọt vào gỗ vậy.

Bà cụ Việt đã đi ra. Bà cụ chống gậy tiến thêm mấy bước ra trước cái đám đông của nhân dân và giai tráng bao bọc chung quanh bà cụ. Nhưng bà cụ cũng chưa nói. Bà cụ chỉ ngước cặp mắt nheo nheo nhìn vào cái mặt bì bì của tên lý trưởng. Im lặng hẳn một lúc. Bà cụ nắm chắc đầu gậy chống dằn một cái xuống đất rồi cười một tiếng và nói :

- Dân làng và tôi cũng xin đa tạ lòng tốt của ông lý tới giờ đã chịu nghĩ đến dân làng và tôi. Như lời ông lý khuyên dân cố chịu đói, chịu khổ, chịu bóc lột thì không phải giờ làng mới nghe mà đã nghe nhà nước bảo hộ và các quan các cụ khuyên hàng mấy mươi đời nay rồi. Chả cứ phải lúc chiến tranh nhà nước mới lo nhiều việc, chi nhiều khoản, mà dân mới như thế này. Ngay lúc trước, thời bình, gạo tám thơm bốn đồng một tạ, diêm bảy xu một chục bao, muối một xu ăn hàng tháng, thì dân làng cũng chỉ được ăn gạo hẩm, độn ngô, độn khoai, tháng ba ngày tám thì ăn cháo, ăn rau má. Còn thuế lúc đó không phải một đồng năm hào như bây giờ mà những hai đồng năm hào. Dệt được vài chục vuông vải đi chợ bán cũng thuế. Bắt được giỏ cua ra tỉnh bán được vài ba xu thì mất một xu thuế. Nuôi được con gà, bòn nhặt được rổ chè, chục na, mấy nải chuối ra bán, thì hàng ba xu, bốn xu thuế. Rồi túng đói quá, cố bò ra các tỉnh Hải Phòng, Nam Định thì thuế cư trú, thuế nước, thuế đèn. Đấy...! Ngay lúc thái bình nhà nước bảo hộ dân làng cũng đã phải ăn đói mặc rét, phải đóng góp cùng kiệt rồi...

Bao nhiêu năm nay đã như thế đấy. Vậy giờ dân làng đã đến bước không còn cả gạo hẩm, ngô sắn đâu mà ăn độn, ăn đói nữa. Không còn tiền đâu mà đóng được sưu cao thuế nặng nữa. Không còn quần áo đâu mà lột ra cầm cố được nữa. Nhà nào ăn chắt để dành lắm, gặt hái trả công trả nợ xong cũng chỉ còn được năm, bảy nồi thóc. Bố mẹ vợ chồng con cái chỉ còn trông vào mỗi một chỗ thóc hai sương một nắng còn lại ấy để cầm hơi. Thế mà lại không còn được giữ lấy. Thế mà lại còn phải bán đi, không có mà bán thì bị khảo đá, cùm kẹp, tù tội. Dân phải bòn vét nốt mà bán, đến nỗi giờ mười nhà thì chín nhà không còn lấy một bát gạo. Như thế dân làng lấy gì mà ăn? Chả nhẽ lại ăn đất? Nhưng mà đất có ăn được thì cũng lại chẳng giữ được. Vì bao nhiêu đất, hết nhà nước cướp đi cho các công sứ, các nghị viên các chủ làm đồn điền làm mỏ, lại đến Nhật cướp để làm trường bay, xây pháo đài. Chả bao nhiêu ruộng bãi thóc lúa, ngô khoai sắp được ăn thì bị nhổ lên để giồng đay đấy như.

Còn bạo động để giữ lấy cho hàng trăm, hàng nghìn người, cho bố mẹ anh em, vợ chồng con cái mình được sống thì sự bạo động này phàm ai là người muốn sống, muốn không phải làm mãi mãi cái kiếp ngựa trâu, đều phải bạo động hết, dù có bị tù đày, chết chóc chăng nữa... Dân Nga không bạo động ấy à? Người Nga được sung sướng, nước Nga thành cường quốc, không vì bạo động ấy à? Nhiều dân nước khác nữa mà tôi "nữ nhân nan hoá" ít chữ nghĩa nên không biết rõ, cũng chẳng bạo động hết cuộc nọ đến cuộc kia đấy sao?

Giữ thóc đây chỉ là một việc nhất thời, để dân làng no, dân làng sống đến vụ tới. Nhưng rồi còn sang mùa khác, sang năm khác. Còn cả đời mình, đời con cháu mình. Chả nhẽ cứ chịu nô lệ đói khổ mãi sao? Chả nhẽ cứ phải chết đói đi một dạo, bỏ làng bỏ mạc đi chết vùi chết dập một dạo để rồi lại đói, lại chết sao? Đằng nào con người ta cũng chết một lần. Vậy mà chết một lần để được mãi mãi tự do sung sướng, mở mày mở mặt thì lại càng không nên sợ chết,

Không biết ông lý làng nhà xem báo chí tình hình các nước rồi xét đoán thế nào, chứ như tôi võ vẽ nghe dân gian bàn tán thì cả ông Nhật cũng là giống đi ăn cướp, mà ông Tây cũng thế. Hai quân ăn cướp ngồi cùng mâm thì không thể nào không ghen nhau ăn được đâu! Vậy cái lúc nhà bị cướp mà quân cướp chúng nó ganh nhau, đánh nhau, thì mình là chủ, anh em con cái trong nhà phải bảo nhau xông ra mà phang cho chúng nó chết để lấy lại của. Việc nhà cũng như việc làng. Việc làng cũng như việc nước. Toàn gia, toàn quốc, đâu đâu cũng bảo nhau, nghe nhau, giữ cho nhau người sống của còn là được.

Thằng giáo Việt, thằng Huy nhà tôi chúng nó không bằng dân, bằng nước được. Dân có sống, nước có sống, có tự do, sung sướng thì chúng nó mới sống, mới tự do, sung sướng, mới cất đầu, mở mặt lên được.

Quay lại, cặp mắt nheo nheo của bà cụ Việt nhíu thêm, sáng quắc lên. Giọng nói hổn hển của bà cụ dằn hắn xuống:

- Trên Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, nhiều nơi dân theo Cách mạng, theo Việt Minh nhất định không nộp thóc thì đã giữ được thóc, nhất định quân Nhật chống quân Pháp thì đã đánh tan quân Nhật, quân Pháp. Còn ở Bắc Ninh, Hưng Yên, dân nhất định không đi phu cho Nhật, không để cho Nhật phá ruộng cướp đất, không chịu bỏ lúa trồng đay, thì Nhật phải chịu. Còn dân làng ta thì cứ chịu nộp thóc, nhịu làm nô lệ, chịu bóc lột róc xương róc thịt cho Nhật Pháp đè nén, tù đày, bắn giết hết đời mình, đến đời con cái cháu chắt mãi sao? Chúng ta phải thoát đời trâu ngựa. Chúng ta phải sống cho ra người. Chúng ta phải nổi lên mà tranh đấu. Hy sinh mà tranh đấu!...

Tiếng tranh đấu được toàn thể dân làng hô lên vang dậy. Cùng với những nắm tay, những đòn ống, đòn gánh giơ lên, những tiếng hét xé lên:

- Đả đảo giặc Pháp! Đả đảo giặc Nhật!

- Đả đảo đế quốc Pháp! Đả đảo quân phiệt Nhật!

- Không nộp thóc! Không đóng thuế! Không giồng đay! Không đi lính!

- Bắn Việt gian... Bắn hết những đứa làm tay sai cho giặc bóp cổ mổ hầu dân chúng.

-Việt Minh muôn năm...

- Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm.

Tiếng kêu, tiếng hét, tiếng gầm, vùn vụt mãi lên. Những đám người, những vòng người, những lũ người rách rưới hốc hác ấy ùa cả ra cổng làng, chỗ nhà lý trưởng chứa kho thóc. Không phải chỉ những đòn gánh mà thêm cả gậy tày, tay thước, đòn càn, liềm hái, dao phạt bờ, quang thúng, gánh gio, gánh gạch, gánh cát, gánh ngói ùn ùn chạy theo và tua tủa giơ lên. Trong những lớp lớp xô đẩy, chen lấn, vang ầm ấy có cả những người mẹ bụng chửa

vượt mặt, những em nhỏ tóc để cun cút, và có cả những lưng còng những cái gậy dắt díu sờ rờ...

Bỗng... tiếng trống, tiếng tù và, tiếng còi, tiếng thanh la, tiếng thùng và tiếng kêu, tiếng hò hét ở khắp các luỹ tre, các chân đồi các làng chung quanh đấy tràn ra. Những người, chỉ có thể nhận ra đó là "những người" thôi, mà vẫn không thấy một bóng người nào trong những tiếng ầm ầm bao tỏa nọ.

Dân làng vừa ra tới cổng thì chiếc ôtô sơn xám đã ình ình trên đường cái. Theo sau ôtô, một dãy dài xe bò chất đầy thóc có lính khố xanh đeo súng đi kèm. Tên Tây đồn mặt đỏ sần ngồi nún nún cái tẩu thuốc lá to như mẩu củi gộc ở trên xe giật mình. Nó cau mặt nhìn cái đám đông khác lạ vô cùng nọ tiến đến trước xe với một cái im lặng sao mà cũng lạ lùng quá chừng.

- Gì thế? Gì thế? Phó quản?

Viên phó quản đã đoán ra rồi luống cuống tìm câu trả lời. Thấy vẻ mặt biến sắc và sự run rẩy của kẻ tuỳ tùng, tên Tây đồn đỏ gay mặt lên, quay lại:

- Đội! Hô lính đứng lại. Lưỡi lê lên đầu súng và sẵn sàng bắn... Còn phó quản xuống xem chúng nó kéo nhau định ăn mày cái gì?

Xe phì thêm một tiếng dài nữa, dừng lại. Không để ôtô đỗ hẳn, viên phó quản bước xuống theo Tây đồn hầm hầm, súng lục lăm lăm cầm tay.

- Chúng bay kéo nhau đi làm gì? Chúng bay kéo nhau đi xin gì?

Vẫn không có tiếng đáp. Không một chút nhốn nháo. Hơn ngàn cặp mắt chỉ càng quắc nữa lên. Bà cụ Việt toan bước ra trước đám đông, một bàn tay liền nắm lấy cánh tay bà cụ kéo lại:

- Cụ Giáo! Chúng con xin cụ... Cụ để anh em giai tráng chúng con...

Bà cụ Việt phải nhắm mắt lại một giây mới nhận ra được người nọ. Bà cụ cảm động:

- Anh Điền! Anh cũng ra bao giờ thế?

Đó là người thợ cày lùn đen và rỗ hoa không hiểu ở đâu đến làng này đi ở đã bốn năm năm nay. Ngày còn Huy ở nhà, Huy vẫn dấm dúi sách báo và đi nói chuyện với anh. Hơn ba tháng nay, không ai mượn, Điền chỉ quanh quẩn ở nhà bà cụ Việt và mấy nhà nữa trong xóm, có ngày chẳng có hột cơm nào, vậy mà vẫn tươi như không, đọc các báo bí mật cho mọi người nghe cho mãi đến khuya. Điền thấy bà cụ nhìn mình có vẻ suy nghĩ, anh càng thở mạnh:

- Cụ Giáo! Cụ già yếu! Xin cụ để chúng con...

Lại mấy bàn tay nữa run run nắm lấy hai cánh tay gầy tóp của người mẹ già nọ:

- Cụ Giáo! chúng con xin cụ... cụ để chúng con... anh em thanh niên chúng con...

- Sao lại thế? Tôi phải ra! Càng già yếu lúc này càng phải ra. Bảy tám mươi tuổi đầu rồi có sao tôi cũng chẳng ân hận gì vì được gánh vác cho dân làng, cho đất nước, mà để các anh em giai trẻ ở lại... còn...

Tiếng quát của viên phó quản lại rít lên. Chưa dứt tiếng, bà cụ Việt đã chống gậy lại tiến ra trước đám đông. Giọng bà cụ vẫn sang sảng:

- Dân chúng tôi không xin gì cả. Dân chúng tôi chỉ đòi lại chỗ thóc mồ hôi nước mắt của dân chúng tôi đem bán thôi... dân chúng tôi đói khổ lắm rồi...

Viên phó quản gằn tiếng:

- Bà cụ đòi là đòi cái gì? Nhà nước mua hẳn hoi của dân chứ có bắt nộp

không đâu? Và nhà nước mua để bán lại cho phu phen thuyền thợ, các người nghèo, các người đói khổ, ở các thành phố chứ có lấy cho mình đâu?

Bà cụ Việt chờ hắn tên kia ngừng lại một lát mới cất tiếng:

- Vâng, nhà nước không lấy không nhưng thóc bốn trăm tạ mà giả không được ba mươi đồng một tạ. Của mười đồng không được một đồng. Ai không bán thì bị tù, bị cắm ruộng, dỡ nhà. Đấy nhà nước mua như thế đấy!

Còn những thợ thuyền đi làm ăn ngoài thành phố thì mỗi người ăn đói cũng phải hai mươi cân một tháng, vậy mà chỉ được mỗi người chín cân, trẻ con lại không được. Và thợ thuyền cả nước có hàng mấy mươi vạn nhưng thử tính xem bao nhiêu người được mua gạo, bao nhiêu vợ con cha mẹ họ có được tiền mua gạo? Đã thế lại còn thất nghiệp, nhà máy nào cũng hạ lương, cũng đuổi thợ. Vậy thợ tiền không có, vợ con nheo nhóc, buôn bán làm ăn không ra, thì có bán rẻ gạo đấy cũng đói vẫn hoàn đói...

Như quan quản ở trong nhà binh quan biết đấy, nhiều nơi tích trữ thóc ăn không hết đến nỗi phải đổ xuống sông, phải đốt, phải chôn đi. Có nơi phải luộc, hấp gạo bảo để dự trữ nhưng rồi cũng để mục nát phải chôn lấp đi. Ấy là chưa kể thóc lấy nấu cồn cho máy bay, cho ô-tô Nhật chạy... thóc làm bột luyện than để đốt... Bao nhiêu chủ sở, bao nhiêu ty rượu, bao nhiêu ông nọ bà kia quyền thế tay chân của quan tư, quan năm Nhật tha hồ mua bán thóc gạo, lãi vàng đánh từng trăm lạng.

Chính quan quản và anh em lính tráng cũng mang tiếng được thóc gạo no đủ. Nhưng thật có được no đủ đâu! Anh em, họ hàng làng mạc và cả bố mẹ vợ con ở nhà quê cũng phải ăn đói, ăn nhạt, chết dần chết mòn, đương phải bỏ quê quán đi tha hương cầu thực kia kìa...Vậy thóc nộp cho quan nọ, quan kia, cho liên đoàn này, liên đoàn khác, thóc dâng cho Nhật để chúng nó đi ăn cướp mãi, phá lúa, chiếm ruộng, bắt lính, bắt phu, khiến dân tan hoang chết chóc, thóc nộp như thế hỏi dân cứ nộp mãi à? Không đòi lại à?

Viên phó quản tái mét mặt. Hắn luống cuống thêm vì thằng Tây đồn giục nói lại cho nó nghe. Trong khi ấy bà cụ Việt đã đến tận mặt thằng đồn, đứng trước ngay mũi súng lăm lăm của nó. Giọng nói của bà cụ vang lên hơn. Người đứng tít bờ ruộng đằng kia cũng nghe rõ từng tiếng và cũng thấy rõ những ánh sáng lấp loáng trong đôi mắt bà cụ ngước lên nhìn vào mặt kẻ địch.

-Tao không cần biết!... Con mụ già chó lợn kia phải cút ngay đi nếu không viên đạn sẽ suốt qua cái đầu bẩn thỉu của mày. Chúng mày lại định bắt chước những con vật dại dột năm 1930 ở Nghệ An, Hà Tĩnh và năm 1941 ở Nam Kỳ đã làm bẩn những viên đạn của tao à?

Bà cụ Việt vẫn không rời mắt kẻ địch:

-Ông không phải quát tháo nạt nộ. Ông phải giả thóc cho dân chúng tôi. Thóc chúng tôi không phải để ông bóp cổ lại dân chúng tôi... Để ông dâng cho Nhật đi ăn cướp... Để dân chúng tôi chết đói...

-Tao không thèm nghe gì cả. Con mụ già chó lợn bị đẩy ra cầm đầu nói nhảm này phải xéo ngay. Một lần cuối cùng tao truyền cho mày và tất cả đàn cừu dại dột đi theo mày cũng phải xéo ngay. Tao chỉ có mệnh lệnh: là chúng mày phải nghe. Và tao nhắc lại, chúng mày đừng có ngu xuẩn lại làm bẩn những viên đạn của tao như những đàn vật ở Nghệ An Hà Tĩnh và Nam Kỳ kia. Phải xéo ngay... xéo ngay...

Cái mặt sần sùi của thằng đồn càng tía thêm. Cặp mắt xanh như lè lửa. Nó lại nghiến răng nhắc lại lần nữa:

-Lính! Lưỡi lê cắm lên... Sẵn sàng rồi bắn...

Lách cách... phập phập... lách cách...

Ngay đó bà cụ Việt quay ra:

-Quan quản, ngài đội và các anh em binh lính... Sao quan quản, ngài đội và các anh em binh lính bằng này người mà lại để một kẻ khác máu tanh lòng cai trị mình, sai khiến mình đi bắn giết hàng trăm hàng ngàn đồng bào. Bao nhiêu năm nay chúng nó đã mượn tay anh em để đè nén, bóc lột, vơ vét của cải nước nhà, hàng rừng, tiền bể của rồi... Chúng nó đối với anh em, với đồng bào máu mủ của anh em, thì như vua, như chúa, như hùm, như beo mà đối với thằng Nhật thì như tôi, như tớ, như giun, như dế. Ngoài hơi sức gan trường can đảm của anh em ra, chúng nó chẳng dám làm gì hết. Chúng nó còn vững được, còn sống được, còn quyền cao, chức trọng, sung sướng được chỉ vì có lưng anh em, có người anh em làm bia đỡ đạn và đi lính giết người cho chúng nó.

Chúng nó đã thua nhục nhã đầu hàng thằng Đức ở bên Tây... Chúng nó hiện đang sấp mặt cúi đầu dưới chân thằng Nhật ở Đông Dương... Thời cơ tốt đã đến. Anh em đồng bào không thể bắn giết lẫn nhau, cùng nhau chịu nô lệ lầm than mãi mãi. Không thể thế được!... Anh em hãy quay súng mà bắn vào đầu chúng nó... Bắn cho tan đầu quân tham tàn hèn nhát ấy đi. Anh em là con dân nước Việt Nam. Anh em hãy ủng hộ và tranh đấu cùng dân chúng Việt Nam. Nước nhà sắp được tới lúc tự do, sung sướng, vẻ vang. Anh em hãy ủng hộ, tranh đấu cho nước nhà cùng chúng tôi. Anh em hãy đi theo dân theo nước nhà mà quay ngay súng lại...

-Ma quỷ! Sao lại thế kia?

Tên đồn rợn người, nhớn nhác; thấy những binh sĩ chung quanh nó đều không nhúc nhích. Thằng quỷ mặt tím ngắt đi ấy lại gầm nữa lên. Nó vươn thẳng tay đấm vào mặt bà cụ Việt. Thuận chân nó đá phốc thêm vào giữa ngực bà cụ. Rồi cứ cái gót giầy toàn sắt ấy nó đạp và đạp. Bà cụ Việt đã gục xuống đất lại chồm dậy, lăn xả vào ôm lấy cánh tay cầm súng của thằng đồn và kêu gọi. Tiếng hò reo liền trào lên. Dân làng chồm cả lại cái ôtô và đoàn xe bò thóc.

- Đả đảo đế quốc Pháp! Đả đảo đế quốc Pháp...

- Phải giả thóc cho dân!... Phải giả thóc cho dân...

- Anh em binh lính hãy ủng hộ dân... Hãy quay súng lại mà bắn giặc...

Tiếng súng nổ vang. Viên đạn đầu tiên của cái súng lục sạt qua đầu bà cụ Việt. Ngay khi bấm cò xong, tên đồn lập cập nhảy vội lên xe, đóng sầm cửa lại, chúi mặt xuống dưới cái cánh tay của nó run run giơ lên khẩu súng. Những lớp người tràn đến. Gió, cát, gạch, đá ném xả vào xe. Mấy tiếng súng lục nổ nữa rồi tắt. Lách cách, lách cách, một ngọn súng đen sì khác chĩa ra. Tiếng nổ lần này ran lên, xé lên qua một làn khói lửa:

- Nó bắn liên thanh... Tây đồn nó bắn liên thanh anh em đồng bào ơi!... Dân làng ơi!... Nằm rạp cả xuống, nằm rạp cả xuống...

Tiếng kêu của đám đông. Có cả tiếng kêu của những cai đội và lính tráng. Nhưng những lớp người vẫn cứ chồm đến với bà cụ Việt mặt đẫm máu và khắp người đầy máu. Ngùn ngụt. Tiếng hò reo, kêu thét. Những xe bò thóc hất ngược càng lên. Những quang gánh thúng mủng sục vào tới tấp. Trên hai con đường ở làng dưới và làng trên, người đã đổ ra ùn ùn đen kín hết cả các bờ ruộng. Cũng quang gánh thúng mủng, cũng hò reo... Tiếng chiêng khua thêm... Cả một vùng giời chuyển động...

...

Sau đêm ấy, đêm có giăng hay tối giời, ở sân đình sân trường, đường làng, ngoài bãi, ở cả những nhà rách vách nát đến những tường hoa sân gạch, những tiếng hát và những tiếng bước chân cứ vang lên theo nhịp hát:

Môôột hai...

Một hai đi một hai

Toàn dân đương lạnh đói

Toàn dân đương cùm trói

Tiếng khóc ran bên tai...

Môôột hai...

Một hai đi một hai

Việt Nam mau dấy lên

Đánh tan quân Nhật Pháp

Bắn tan lũ cường quyền

Cướp lấy chính quyền...

Cả trẻ con để chỏm, bòi dái tồng ngồng, cả những cái váy vá đùm vá đụp, đến những cái quần nái gọn ghẽ mới tinh... cả những bắp đùi nẫn rắn đến những ống chân lẳng khẳng và những cái lưng còng... cả xóm bên đi đạo, xóm ngoài mươi nóc ngụ cư... cả làng trên làng dưới... những tiếng "một hai" là tiếng độc nhất nổi lên trên những luỹ tre ra khắp cánh đồng.

Luôn luôn không khí vắng lặng hẳn đi. Một cái gì âm ỉ bừng bừng nén lấy ngực tức tối của cả mọi người.

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Lửa Thiêu

Quang vùng bước xuống đường. Ra hẳn ngoài hàng cây và quá vườn hoa rồi mà Quang vẫn thấy đầu óc bừng bừng. Sự huyên náo ấy vẫn theo đuổi Quang, chưa chịu buông tha Quang. Những tiếng đàn - những thứ đàn gì thế và sao lại hàng năm chục chiếc thế? - và những tiếng kèn, tiếng sáo, tiếng chũm chọe, tiếng lắc cắc, tiếng trống vẫn cứ rít lên, chói vào tai Quang.

Đêm nay ở Nhà hát lớn, những bọn trước làm tay sai cho giặc Pháp giờ quay phắt sang làm cho giặc Nhật, lại tổ chức đại hội cứu tế. Chúng hoà nhạc, chúng tung hoa, chúng bán hoa, chúng quăng tiền, chúng thu tiền, và chúng cười, vỗ tay, reo hò ầm ầm giữa một không khí chói loà ánh đèn điện và ngột ngạt những quần áo, phấn sáp, vàng ngọc.

Ba nghìn... bốn nghìn... năm nghìn rưỡi... sáu nghìn... tám nghìn... một vạn... vạn tư... vạn tám... hai vạn rưỡi... bốn vạn... Bốn vạn đồng! Giá một bó hoa danh dự cướp được trong tay một ả lừng tiếng quen biết nhiều bậc quyền cao chức trọng, những cố vấn đại thần, những thượng thư, những tai nọ mặt kia, giàu sang nhất nhì... Những cái bụng lặc lè... Những cái má sề sệ... Những gươm lê thê sáng loáng. Những lon vàng, chỉ bạc, bài ngà, hoa vóc... Những cái đầu bóng soi gương được... Những cái mặt lồm lộp không thể cái gì nhẫn lỳ hơn được... Những bộ ngực, cặp môi không thể cái gì núng nính hơn được. Cả một phè phỡn mê tơi... Cả một mùi thơm nồng nặc... Cả một ánh sáng rực người.

Trong lòng Quang, nước mắt đã rưng rưng.

Cổ họng Quang tức nghẹn.

Ngực Quang bẹp dí. Những hình ảnh bừng bừng ở trước mắt Quang đã nhiều lúc quay lộn tan nát, nhòe nhoẹt.

Quang đã phải cắn ghì lấy môi.

Những dòng chữ ấy và những tiếng nói ấy đã lại nổi lên như gai như lửa trong tâm trí Quang:

"Một dạ hội chưa từng có!!! Tất cả những danh ca Khâm Thiên, Vạn Thái, Ngã Tư Sở cùng tất cả những danh cầm của kinh thành hoa lệ sẽ biểu diễn một nghệ thuật tuyệt vời để giúp quỹ ủng hộ quân đội Nhật và các hội thiện".

Từ nửa tháng trước đây, cái bùa này vừa treo lên, quả nhiên một phần Hà Nội rung chuyển ngay. Một số những trai trẻ vô công rồi nghề và sẵn tiền, những chỉ điểm, hiến binh, những con cái quan lại, nghị viên, địa chủ, gặp nhau đâu bọn chúng nó cũng hất hàm hẹn hò nhau và bất luận giờ nào cũng bàn tán say sưa. Những cảnh vũ nữ cởi truồng che mặt múa hát của sân khấu năm xưa được bọn Pháp khuyến khích cho mở rộng, tuy không trở lại, nhưng với đêm vui nọ, sự khát khao dâm đãng cũng được vuốt ve đôi chút bởi bao nhiêu "đào" lọc chọn của những nhà hát, những tiệm nhảy, những phòng trà đương mọc lên như nấm. Chẳng phải khó khăn tốn kém lắm, bọn người chỉ biết có khoái lạc này, cũng sẽ được đón tiếp, được mời chào, được cười cợt, được đụng chạm không những với các hạng gái trên kia mà còn cả với hạng gái nõn nuột của những con nhà thượng lưu cao quý.

Còn một số nữa đông hơn.

Đó là những con buôn đầu cơ, những kẻ chạy hàng sợi săm lốp, dây điện, "đadênăng", v.v... những thần thế với các phòng kinh tế, sở mỏ, phủ toàn quyền, với các lãnh sự, tham mưu, tổng tư lệnh... những bồi, ma cô, chạy việc

của những cửa khó khăn ấy... những mặt mới bốc vác, những đĩ chuyên môn... những đại tri thức mua chuộc để làm quảng cáo, - cả một lớp người tiêu bạc vạn, kiếm bạc triệu, thừa mứa trên những sống lưng xác xơ của dân chúng lầm than mà chúng lớn tiếng gọi lòng thương xót cứu giúp.

Cái nhà hát rộng bằng cả một xóm ngoại ô kia đã mở hết cả hàng nghìn bóng đèn. Những tường đắp hoa và chỗ ngồi lót toàn nhung và sáng rực lên để nhìn thấy từng hạt bụi. Bảy từng ngồi chót vót, không hở một chỗ. Nhiều bọn đứng chực bên ngoài đã phải dúi giấy bạc hai mươi đồng vào tay các ả kiểm soát và năn nỉ như ăn mày để vào mà không được. Mặc kệ cả luật lệ phòng thủ chiến tranh, xe ôtô đều bật tung đèn và cứ vun vút đổ đến, vây mấy vòng sáng loáng trước cửa nhà hát. Đứng từ xa mà nhìn, người ta phải tưởng một "thiên đường" nào mới hiện ra.

Hơn một giờ trong cái biển ánh sáng và tiếng ồn ào ấy, Quang đã bao lần cố nhắm mắt lại, cố không nghĩ đến mà không thể được. Mỗi lần hàng mi lập lòe của mắt Quang vừa chụp xuống thì sự tưởng tượng của Quang càng ngùn ngụt hơn.

Ở ngoài kia.

Cái bên ngoài mà Quang vừa đi khỏi kia.

Trời đỏ bầm ở phía tây. Mây đen không ra đen, tối không ra tối, cứ lờ lờ đọng ở trên đầu người ta như khói sôi của cường toan ngấm kẽm.

Cây cối đờ đẫn. Bụi đường lởn vởn làm thành một màn vôi cháy âm ỉ vây không để hở một ngả nào. Trông mọi hình dáng đều phờ phạc, mọi sắc mặt đều nhợt nhạt, cả những hình sắc của những đôi uyên ương dọc đường tình tự.

Quang ra đi, không dám thở mạnh và không dám nhìn lâu vào một vật gì

ở hai bên hè.

Một mùi tanh nao ruột tẩm lấy không khí. Những xác chết và cả những thân thể trần truồng, đen như than còn thoi thóp ở tý bụng hoi hóp dính trên mặt đất, đều nằm thành dãy, đều trông lên mắt Quang với những con mắt lờ ngờ vẩn máu cá, và đều rên rỉ cùng một tiếng:

- Đói!

Người qua lại như không nhìn thấy. Nhưng Quang vẫn thấy nhiều tia mắt hơi ánh lên và nhiều nếp trán hơi chau lại.

Lòng thương tuy đã bị dạn đi nhiều nhưng chưa bị tắt hẳn, tuy đứng trước một cảnh tượng tàn khốc mà người ta cảm một cách rõ ràng và ghê sợ rằng mình bất lực. Hơn nữa, người ta còn choáng váng thêm vì thấy còn chiến tranh, còn phải bán thóc cho quân Nhật hay bất cứ tổ chức nào của chính phủ Nhật đưa ra, còn sự đầu cơ hoành hành, còn sống hay chết là ở trong tay những hiến binh tha hồ bắt bớ, tra tấn, bắn giết, và còn chỉ trông vào đồng lương tháng, cái vốn nhỏ, vài mảnh ruộng, hay hai bàn tay không thì cái chết thế nào cũng đến. Chết! Không! Đói đã rồi mới chết. Chết nhan nhản như đây kia. Chết... cả vợ mình, con mình, cha mẹ mình, anh em mình và chính mình...

Chiến tranh... Bóc lột... Đàn áp... Thống khổ... Giầu sang... Những tiếng rên xiết cùng vang trong tâm trí Quang. Sáng nay một tờ báo tuy chỉ được phép nói lờ mờ thôi, nhưng cũng phải để dân chúng biết số người bị cái đói cướp đi đã tới hai triệu rồi. Quang không còn thể đau đớn hơn được.

Nguyên hai tỉnh Nam Định và Thái Bình, nơi Quang sinh trưởng, bị tàn sát thế là nửa dân số. Tại đây, có làng đã chết hết. Cả những nhà đã cày cấy bốn năm mẫu, mọi năm nào thóc ăn, thóc để. Không còn một ngọn rau, một củ chuối. Có kẻ đã ăn sống cả lúa non để bồng bế con cái ra đi hẳn, bỏ mặc

cha mẹ anh em thân thuộc ngắc ngoải ở lại. Nhà cửa trơ trụi, vườn đất cỏ mọc um. Nhìn đâu cũng thấy mờ mờ khói. Sáng, trưa, chiều hôm nay... ngày mai... ngày kia... làng mạc, đồng áng cứ lịm dần, lịm dần, và, dưới mặt trời chang chang, trông xa thăm thẳm như vùng Mê Hà trong truyện Tây du, đọc thầm một trưa hè.

Trong khi ấy, những tin thóc lấy lại của những kho Pháp tích trữ sẽ đem bán cho dân và những tin gạo ở miền Nam tải ra tiếp tế cứ nhạt dần đi. Thay vào đó, những tin gạo cứ tăng giá vùn vụt. Năm trăm... năm trăm rưỡi... sáu trăm... bảy trăm... tám trăm... và có nơi đã tới một nghìn một tạ gạo. Thợ lương ba đồng một ngày... buôn bán mỗi mớ rau lãi dăm xu... kéo xe ngày trừ tiền thuế còn được bốn năm đồng là đắt khách nhất... làm mướn đi cày khoẻ lắm mới được chủ mượn công không hay có công chỉ dăm hào một buổi... đi ở vú em cơm một bữa cũng không đắt. Phải cả một đời, suốt cả một đời, nhịn cả mọi thứ, dân nghèo chưa chắc đã mua nổi một tạ gạo. Đã thế, chỗ này bọn đầu cơ được giấy của Nhật lại về đong với hàng va li toàn giấy bạc năm trăm, chỗ kia hàng đoàn cam nhông về chuyển nốt thóc. Xa hơn, bao nhiêu toa xe lửa đã không chở gạo mà chỉ chở đường để bán gấp mùa bức. Rồi được chuyến xe bò nào hì hục chuyển gạo ra gần tới Bắc thì lại bị quân Nhật lấy hết. Thùn thụt, lại thêm không biết bao nhiêu cam nhông khác đã đưa gạo qua biên giới không phải để nuôi lính mà để bán chợ đen cho bọn "hán gian" cùng các tay sai dùng.

Cứu tế!... Cứu tế... Hai tiếng này càng được khua ran...

Kịch, hát, chiếu bóng, trưng bày tranh ảnh, ngày vui phụ nữ, bữa nhịn trong tù... trại Giáp Bát... đoàn Khất thực... dân chúng các nơi cứ phải nối tiếp nhau đứng lên mà chống đỡ nạn đói.

Người chết chỉ tăng thêm.

Ở thành phố xác chết đã tới mức phải đem đi bằng xe ôtô rác vào vùi từng

hố rộng.

Và ăn mày. Những ăn mày đông hơn cả người đi đường, lũ lượt ngổn ngang tràn hết cả mọi ngả. Họ đi như thế để rồi lả đi, thay thế ngay bằng những lớp khác.

Hơn cả mấy miền quê tàn hại nhất, phố xá đã lắm buổi chiều vắng lạnh một cách hoang mang như những năm dịch tả ngày xưa các cụ già kể lại. Đèn che lù mù. Nhiều hàng chỉ hé hé sáng! Nhà thường thì đóng cửa kín. Xe tay lơ thơ. Những gánh quà bánh bán rong phải họp từng đám, chúi vào nhau ở trước cửa mấy hiệu đóng. Cả những đầu đường trước kia huyên náo không thể chịu được cũng chỉ ồn ồn một lúc chập tối. Những hiệu sách có tiếng là sầm uất đều ế trơ ra. Ai có vào, dán mắt tìm ở các tủ thì vẫn thấy những quyển sách đã bày từ mấy tháng trước, từ năm ngoái hay không, thì là những tờ báo lem nhem, mỏng teo. Sách học hoàn toàn là những sách cũ. Giấy bút tuyệt nhiên không được một học trò nào hỏi đến. Cái lớp tuổi xuân phơi phới ganh đua và vui tin kia đã bỏ hẳn nhà trường, vơ vất lông bông ở nhà; còn những người lớn chung quanh thì bơ phờ chán nản trong các công sở, các nhà máy, các bàn giấy, các phòng đọc sách, âm ỉ một thứ không khí nặng nề, u uất, ngột ngạt.

Nước mắt Quang đã vỡ ra chan hòa trước tấm phông chói lòa. Sự sống đã đến chỗ tắc rồi! Cái bức tường lửa - như lời của một người bạn Quang đã nói - không phải giờ mới hiện ra. Bao năm rồi! Trong cảm giác và trong trí tưởng Quang nó đã dựng lên, cháy bừng bừng. Dội vào nó, muôn vàn tiếng kêu đã trào lên:

- Sống!... Phải sống!...

Lúc này đây, những tiếng kêu thống thiết ấy, nhiều khi đã tưởng bị dập tắt đi lại càng cất cao lên, bóp chặt lấy tâm trí Quang. Quang thấy đương sống một cuộc đời u tối, căm giận hơn bao giờ hết. Một lũ ăn cướp và một lũ vô

lương tâm, tàn ác và tham lam vô cùng, đã ùa ra mà hò hét cổ võ cho nhau vơ vét, bóc lột. Thêm vây cánh cho bọn này, một lũ hiểu biết sự đau khổ, nhục nhã hắn hoi nhưng chẳng bao giờ dám phản đối một bạo quyền nào, đã cố cúi đầu mà chấm mút những phần máu đó. Dưới cùng là bao nhiêu lớp dân chúng cần lao và hiền lành đã bị tất cả những bè lũ trên đây tuốt thịt rút xương và bị chúng làm cho thù hằn nhau, chia rẽ, lục đục, để chúng đàn áp và bóc lột cho đến chết!

A! Đế quốc! Khai sáng!... Giải phóng!... Dân tộc Việt Nam của Quang, hơn hai mươi triệu linh hồn máu mủ với Quang đã bị giết đi một phần rồi dưới những chữ mạ vàng kia. Bom đạn, phu phen, lính tráng bắt buộc, buôn bán phá sản, làm lụng thất nghiệp, tù tội đày ải, chết rét, chết đói, dịch tễ? Tất cả những sự tàn khốc này đã bị một tổ chức tuyên truyền nhồi sọ khéo léo đến nỗi người ta thấy thành một tai giời và một cuộc thi phúc thi phận. Trước thì bọn giặc Pháp, sau thì bọn giặc Nhật, hết sức xô đẩy nhân dân, cùng nhau tàn phá một ngày một đêm sâu sắc hơn để làm kiệt quệ thêm cả mọi sinh lực chiến đấu. Cạnh những tấn thảm kịch ấy lại còn những cảnh đau xót là nhiều kẻ cùng dòng máu Việt Nam nhưng vì bị mua chuộc mà quên cả tổ tiên, anh em con cháu sau này, đã giúp cho quân thù phân chia tàn sát đồng bào, đạp đất nước xuống sâu nữa cái hố diệt vong.

Và bao nhiêu dân tộc khác với bao nhiêu triệu sinh linh cũng bị hy sinh một cách tàn nhẫn, cho những danh từ choáng lộng của một lũ lái súng và chúa đất tung ra kia...

Những mẩu tin tức bí mật gần đây lại nhắc lại trong trí tưởng Quang. Quân Đức phản đối rầm rầm ngoài mặt trận. Thợ thuyền và dân chúng Đức có nhiều kẻ bị cả nhà chặt đầu, treo cổ vì tội biểu tình, đòi bớt giờ làm, thêm bánh mì, và thôi đi lính. Bên Nhật cũng thế. Một sự rối loạn ghê gớm đương âm ỷ chỉ chực bùng lên ở khắp mọi nơi chiếm đóng và ở ngay trong nước Nhật khiến từng xâu người bị phơi nắng cho chết. Còn bên đế quốc Anh Mỹ

sự bóc lột, đè nén, càng tàn bạo. Nhiều trận đói cũng đương giết hàng triệu người ở Ấn Độ và ở các nước nhược tiểu châu Mỹ, đương làm ngòi cho cả một phong trào sâu rộng, mạnh mẽ mà bọn đế quốc đã tìm hết cách kìm hãm bao năm rồi, giày đạp trên bao nhiêu xương máu của dân chúng. Cả miền Bắc Phi, Angiêri, Marốc nữa, một khi còn bị bọn thực dân, bọn giả dân chủ thiết lập lại cái chế độ thuộc địa thì sự thống khổ vẫn thế. Rồi ở cả ngay chính nước Anh và Pháp ê chề bại hoại sau mấy năm ròng, mất bao thanh niên trai tráng, không hiểu sẽ đền bù những sự đau khổ tàn sát, đổ mồ hôi nước mắt của những người mẹ mất con, vợ mất chồng, con mất cha bằng những cái gì? Hay lại vẫn một lũ người giầu thêm, thừa mứa ăn chơi thêm. Hay lại phải một cuộc cách mệnh lụt máu để thay hẳn cái đời sống quỷ quái, đểu giả nọ.

Căm hơn! Đau xót! Cái nhân loại căm hờn và đau xót đã tới cùng mực chịu đựng rồi...

Nhân danh những "tự do" "chính nghĩa" một lũ tham bạo đã đẩy con người vào một cảnh thiếu thốn, khổ sở không thể còn giấu giếm hơn được nữa. Thợ thuyền làm việc như súc vật, không còn giờ giấc. Dân quê nai lưng ra cày cấy để nhịn và chết đói. Binh lính bị bịt mắt lại đi các mặt trận để bắn và đỡ đạn của những kẻ cũng khốn cực như mình, nhưng đã biết đứng dậy phá xiềng xích định đoạt đời mình. Kẻ cầm ngòi bút bắt buộc chỉ để ca tụng. Các trí óc chỉ để vâng các lệnh sai khiến...

Và tất cả đàn bà, con trẻ, kẻ già đều phải nhịn ăn, bớt mặc, đầu tắt mặt tối làm những người máy. Không một tiếng kêu được cất lên! Không một lời đòi hỏi được rỉ ra. Không một chút gì là quyền sống, là hạnh phúc của mình được nhìn tới!... Chỉ có bắn và giết!... Sự bắn giết diễn ra không còn kể ngày đêm... Không còn biết đến bao giờ... Dưới quyền hành tuyệt đối của một lũ khát vàng và máu.

Tấm phông chói loà ở trước mặt Quang bỗng biến đi.

Quang quắc mắt lên trông.

Một hình thù hiện ra, rã rượi, lẩy bẩy và chập chờn.

Từng bước, từng bước, hình thù họ lùi dần vào một khoảng tối âm u rồi thoắt cái ngập hẳn đi.

Quang choáng váng.

Quang ghê rợn, thấy hình thù nọ rõ ràng có đôi mắt long lanh, một cặp môi tươi mọng và một lồng ngực phồng nở. Một con người lành mạnh đấy. Hay chính Quang đấy! Hay thật một người lính Nhật, lính Đức, dân Anh, dân Pháp, dân Ấn, dân Mỹ đấy?

Hay một người của đất nước Trung Quốc, Triều Tiên, Mã Lai, Nam Dương cũng đương quằn quại bên cạnh đất nước Quang đấy.

Một con người sắp bị chết thảm khốc hái đi, đã hiện ra một lần cuối ở trước mặt Quang. Một con người dưới cái chế độ này, chịu cái chế độ này. Một con người đã có hẳn một sức mạnh và một tâm hồn và một lòng tha thiết. Nhưng nó đã là một con người lẻ loi bị tỉa ra, di lên như sâu kiến.Nó đã không cùng những con người khác cũng bị đau khổ vì bóc lột, áp bức, sát cánh nhau vùng lên thành hàng ngũ mà bẻ những gông cùm giằng lấy sự sống trong tay quân thù.

A! Một con người cam chịu chết. Không! Không thể như thế được!...

Quang nức nở, tim Quang bị xóc hẳn lên. Nước mắt Quang đỏ ngầu vỡ nữa ra. Quang run cả da thịt. Sự vật chung quanh Quang cũng run lên, vang ầm. Những câu hát - cách đây năm năm, hồi Quang còn mười tám tuổi đi học việc trong một nhà máy, hồi Quang đã từng dự vào những tổ chức thanh niên bí mật và những cuộc đình công biểu tình bị đàn áp tàn nhẫn, Quang thường âm thầm cất lên những lúc vui mừng, hay đau khổ và chán nản - những câu

hát đã lâu lắm Quang không dám nhắc đến ấy giờ cất hẳn lên, rầm rầm trong đầu Quang.

Quang vụt nghĩ đến phong trào cách mệnh đương sôi nổi và bao lần tiếng gọi của nó vẳng đến tai Quang và Quang đã cố đón hút lấy. Không thể nén được, Quang vội nghiến răng gầm lên theo: "Dấy lên! Những ai nô lệ trên hoàn cầu", "Dấy lên! Những ai bị áp bức trong đời"...

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Cơn Sốt

- Thế là bà giết người... Bà giết tôi, giết hai con tôi, giết cả hai đứa bé còn nằm trong bụng kia. Buôn bán!... Bà mà lại buôn bán à? Bà buôn bán cái gì? Tiền vạn bạc triệu đâu dễ bà như người ta quẳng ra mua từng kho hàng rồi bỏ đấy, vài tháng sau tiền thành gấp đôi, gấp ba, và nhỡ có sao thì đã đút lót cả rồi, với đốc lý, mật thám, công sứ, đoan, quân Nhật, lãnh sự Nhật.

"Bà thì phải như thế họa chăng bà mới buôn bán, chứ hơn trăm bạc mua vụng, mua trộm mấy cuộn dây đồng lãi không thấy đâu, thấy lỗ, rút cục để mật thám Nhật nó ăn chặn mất, vậy bà tính toán xoay giở như thế thì tính toán xoay giở làm gì. Cái trí khôn ngoan của bà để đâu đến nỗi đương lúc gạo một ngày một cao, hơn sáu trăm đồng một tạ, người ta xô nhau đi buôn gạo, mà bà lại dám húc đầu đi cầm sổ buôn gạo ba tháng lấy có hơn hai trăm bạc? Trí khôn ngoan của bà để đâu? Bà là người hay là cái giống gì? Hay quen mồm quà bánh chịu đựng quá rồi nên vẽ chuyện cầm sổ, buôn bán bị mất để lấy tiền lấp liếm đi... Phải! Chỉ lấy tiền lấp liếm đi chứ vàng nanh đỏ mỏ như bà thì còn bị đứa nào ăn được! Hở! Giời ơi!"...

"Là cái giống gì mà lại nhẫn tâm đến thế hở?"

Hắn hét. Hắn hét. Rồi hắn nghiến răng, nắm tay run run giơ ra trước mặt. Hắn không những muốn cắn xé người chung quanh mà cắn xé cả hắn nữa. Thì tất cả những cái ghê gớm của hắn được đáp lại ngay.

Người mẹ mà hắn định làm cho sợ hãi nhục nhã kia, sau một lúc im lại vênh mặt lên, cười nhạt, nói dằn từng tiếng:

- Phải!... Bà quen mồm ăn quà. Bà nợ nên bà xoay cầm sổ lấy tiền buôn bán rồi kêu mất hàng. Bà giết mày, giết vợ con mày đấy! Nhưng ai bảo mày kiếm được hết trăm ấy đến trăm khác, hết món hàng nọ đến món hàng kia, chẳng chịu biết đến con gái già này, con mẹ trẻ kia và lũ mẹ nhớn bố bé mày, mà mày cứ cô đầu con hát, ăn uống chơi bời cho ngập mày ngập mặt, cho mắc bệnh nọ tật kia, để trút cái gánh nặng nhà này cho bà mấy tháng giời, để lúc thân tàn ma dại, mồng bốn mồng năm Tết mới chịu bò về nằm nhà mà rên... Hơn hai trăm bạc, hừ! Đến hơn năm trăm bạc nữa liệu có đủ tiền đong gạo nấu cháo cho những mồm thuồng luồng kia không? Ấy thế lại còn ngót trăm bạc giả ông lang cho con mẹ mày đương nằm tếnh bệnh kia kìa... Lại còn tiền đưa chúng nó nay chạy báo động vào Hà Đông, mai chạy báo động lên Chèm... lại còn tiền tiêu Tết... tiêu cho cái bàn thờ kia kìa của nhà mày... Hơn hai trăm bạc... Hừ! Hơn hai trăm bạc... mày thử hỏi cái bàn thờ kia kìa của nhà mày mấy mâm hôm ba mươi và mấy mâm hôm hóa vàng có đủ không?

- Giời ơi! Thế này thì chết mất. Vậy ba trăm bạc tôi gửi về dạo tháng một đâu? Ba trăm bạc dạo ấy mẹ con chúng nó có biết đến xu nào, thì đâu? Và gạo dạo ấy mới hơn ba trăm một tạ, nhà lại có gạo bông, thì ai đói? Ai nuốt?

Người mẹ liền quay ra trỏ người vợ:

- Thì cũng lại hỏi mẹ trẻ mày kia. Ba trăm bạc! Ba trăm bạc! Thế hai cái tháng chín, tháng mười mày đi Sài Gòn thì lấy cứt mà đổ vào mồm các bố, các mẹ mày à? Này thôi... bà bảo, muốn cho bà đi khỏi cái nhà này thì bà đi, bà đã khổ nhiều rồi chẳng báu gì nữa đâu. Bà đi cho chúng mày tha hồ sung sướng với nhau. Rồi có đói, có gạo lên tám trăm, chín trăm hay một nghìn mà không kiếm được tiền thì con đấy tống mỗi đứa một cửa cho người ta nuôi, hay giời đất này chẳng ai dám rước cái tội ấy thì đem chôn chúng nó đi... Chỉ còn cách ấy là tha hồ rảnh rang, tha hồ chơi bời, tha hồ kiếm tiền...

Huỵch... Hắn nằm vật xuống giường như người bị quật ngã. Hắn nuốt

nước bọt ừng ực. Mặt hắn, nước mắt cứ ứa ra. Cuối cùng, hắn oà lên, nức nở:

- Thôi!... Thôi! Giời ơi! Mẹ quỉ mẹ ma kia...! Tôi chết mất!...

Lại tiếng hét... tiếng giẫy đạp... Hắn lịm đi. Ruột gan và tâm trí hắn càng như bị thiêu đốt. Những hình ảnh lại hiển hiện. Tiền! Những giấy bạc từng ghim, từng tệp, từng bó, từng va li, từng két giấy năm đồng... Giấy hai mươi đồng... Giấy một trăm... Giấy năm trăm... Giấy kiểu cũ... Giấy kiểu mới... cứ phấp phới, cứ nổi cao lên, cứ vây bọc lấy hắn! Một bộ quần áo mới năm trăm... Một đôi giầy mới trăm rưỡi. Một cái xe người đạp hai nghìn... Một cái gác có điện, có nước, có xa lông, buồng ngủ, buồng ăn, buồng tắm cho thuê hai trăm một tháng... Những quà vặt, cà phê, bánh ngọt, ăn trưa, ăn đêm, ba bốn chục một lần... Tiền... phải luôn luôn trong túi ít nhất là bạc nghìn... Không kiếm được, thế thì khổ quá con chó... Không kiếm được, thế thì lại chỉ về nhà ăn đói, ngủ trừ, buồn bã, bứt rứt... Buồn bã, bứt rứt và chờ chết. A! Chết... Chết vì không có tiền, vì đói.

Những kẻ chết vì thế đã nhan nhản ở các ngả đường rồi. Những cái xác còng queo hay rũ ra hay sõng sượt trong gầm cầu, dưới một gốc cây, một lỗ "tăng sê", cạnh một chuồng xí, mấp mé một bờ rãnh, một bãi rác. Già, trẻ, nhớn, bé, đàn ông, đàn bà đều khô đét, dề dề cứt đái với hai lỗ mắt nhìn sâu hoắm vào thiên hạ còn sống, ồn ào, nhộn nhịp, tưng bừng. Ngày xuân. Nắng vàng. Hoa tươi. Áo màu tha thiết. Năm ngoái, năm kia... hắn cũng hưởng những ngày xuân như thế giữa Hà Nội. Hà Nội làm ăn của hắn. Hà Nội càng ngày càng ran những chuyện món vải này lãi mười vạn, món sợi kia lãi hai mươi vạn, những kho diêm, đường, sữa, hàng mấy trăm tấn của thằng A, con P vẫn y nguyên, từng nhà săm lốp ở phố nọ vừa mới bị sở Mật thám tịch thu gọi phạt, nhưng liền bị ôtô Nhật đến chở cướp đi ngay. Hà Nội, đây hắn đã len lỏi, sục sạo, nghe ngóng... Hà Nội có những dẫy người xếp không biết là hàng mấy đầu từ phố này, mình vắt sang phố kia, đuôi kéo tít ra mãi đâu đâu để được lĩnh mỗi người một cuộn chỉ, một bao diêm, mấy tấc vải, dưới những

cái dùi cui, giầy săng đá, đánh đạp tràn lên cả những bụng chửa, những lưng còng, những trẻ loắt choắt chờ thâu đêm suốt sáng... Hà Nội có những xe tay chúi chúi một quãng mới đứng lại được; người kéo gầm mặt vén vạt áo chùi mắt và trán rồi ngửng lên tưng hửng vì mấy hào rách ném vào tay, sau đó một bà đầm toàn đít và vú núng nính, mặt vênh vênh, môi biu bĩu, hai tay dắt hai đứa con quấn đầy len và ngào ngạt nước hoa, líu tíu với một con chó to lớn, tai vểnh, lưỡi thè lè, nanh nhọn hoắt; tất cả lừ lừ đi vào để đám người chi chít như kiến nọ tự dãn ra, rồi thoáng giây phút, vải thì hàng súc, sợi hàng ôm, xà phòng mấy cân, đường trắng tinh hàng bì, diêm gói tướng, lặc lè, nhơn nhơn xách ra...

Hà Nội, hắn sắp ra đấy, phải ra đấy!...

Phác - tên hắn. - Phác lại tức chói cả ngực. Phác phải nhắm mắt lại, cố thở đều để tĩnh trí lại mà suy tính.

Trước mắt Phác, người mẹ vẫn lầm lầm trên cái chổi. Vợ Phác thì hoàn toàn nằm im. Người thị béo sẵn lại có mang gần tháng đẻ nên thị là cả một súc gỗ trên giường. Bao giờ cũng thế, thị đã nằm thì khó mà dậy được. Vì hễ nằm là phải ngủ. Giấc ngủ mới ngon, mới quí làm sao. Nó khiến thị thiếp đi như say thuốc phiện, chẳng còn phải thèm thuồng nghĩ ngợi gì cả.

Nhưng giờ vợ Phác không ngủ. Từ chập tối tới bảy giờ sáng nay, vợ Phác đã ngáy no rồi. Vợ Phác cố thức xem chồng và mẹ chồng còn những chuyện gì nữa rồi muốn ngủ cũng thừa kịp. Khi Phác đi khỏi. Bên cạnh những tiếng ì ạch của thị, trong nhà chỉ còn tiếng mọt cót két và thỉnh thoảng gió rào rào thổi vào. Nhà Phác ở giữa xóm. Đằng trước, đằng sau, mé phải, mé trái, những dãy nhà cũng úp súp như thế. Và tất cả đều nồng nặc những mùi cống rãnh, chuồng xí, ao bùn. Những tiếng hét vừa rồi của Phác đã mất hẳn vào cái khoảng không vắng ngắt, nặng nề mà trên là giời xám, dưới là những mái rạ, những hồ ao, những ruộng như đám khói. Một con đường đã chạy qua đấy, nhưng họa hoằn mới thoáng một bóng xe đạp.

Không một đứa trẻ, một con gái, một đàn bà nào đổ đến xem như mọi khi. Họ cũng như mẹ Phác, đều mệt mỏi, cồn cào vì đói, vì rét nên chẳng dám cử động để chịu thêm một hình phạt. Số ít người không đi làm và không đi chợ mà ở lại nhà và còn cố gắng được thì lần lần ra mấy cái bãi gần đấy và ra ngoài tận đường cái kia nhặt rau má, rau dền chỉ còn lấm tấm ở vài đám cỏ lụn. Những tiếng trẻ con nô đùa, những tiếng lào xào trong mấy cái quán nước, lò rèn, thợ may, thợ cắt tóc, những tiếng cười nói của người đi đường và tiếng gà tiếng chó như đã có từ một đời nào, chứ giờ trong cái xóm chợ xép này chỉ còn thỉnh thoảng tiếng còi ôtô đằng xa vẳng đến hay tiếng quạ rền lên ở một bờ ruộng, một tha ma đâu đây.

Nắng chót hoe hoe, phớt vàng trên mấy tàu cau và rỏ xuống đầu giường Phác. Phác rùng mình vì một ngọn gió, sau đó Phác ngước mặt lên, sợ hãi nhìn. Một cái gì vừa ghê, vừa đau bóp lấy thái dương Phác đánh thót cái. Phác thấy chỗ Phác đương nằm đấy. Nhà của Phác, mẹ Phác và vợ con Phác ở như không có ai cả. Cái giường tre một bên, tấm phản nứt nẻ ọp ẹp một bên, cái chõng một xó, và mấy cái thúng đựng tã... tất cả như của những người chết nào bỏ lại, đương dần dần mọt, phủ bụi và chằng mạng nhện vậy. Phác giục nhà chạy báo động, tránh bom đạn, nhưng trong cái cảnh sống này thật không còn sự tan hoang nào hơn được!

Có tiếng thở dằn.

Mẹ Phác đã lên nằm ở cái chõng. Bà nằm co, gối đầu tay, lim dim. Mải đối đáp với con mệt, bà cũng chẳng buồn vấn lại tóc, mặc nó bù cả xuống gáy, xuống trán, xuống mắt. Dưới những sợi tóc dở đen, dở trắng, cứng và xoăn ấy, gương mặt bà càng khô xác, xương xẩu, hốc hác nổi bật hẳn lên. Giời rét, bà mặc có mỗi cái áo cánh cộc tay, rách bươm, và áo vì không chịu vá để hở cả cái ngực chật xương và cái vú beo. Hình hài ấy, mảnh áo ấy, mẹ Phác đấy. Nào đã lâu gì, cách đây bảy tám năm là cùng, mẹ Phác hãy còn làm việc quần quật suốt ngày. Cái áo nâu buộc chặt hai vạt lại đằng sau, cái quần

xắn cạp lên mấy nấc và còn kéo cả ống lên, mấp mé đầu gối, thế là bà cất gánh đi. Gạo, đỗ, cá, rau, cà chua, gà, vịt, bà không từ một thứ gì. Chỗ tiện đường tàu hỏa càng hay không thì xe ngựa. Không nữa đi vã, nắng, mưa, mặc... Nhưng từ ngày Phác đi làm ra tiền, nhất là từ ngày Phác xoay sang chạy hàng sách (1)và Phác lấy vợ, thì mẹ Phác thôi chợ búa rồi nghỉ hẳn... Mẹ Phác ở nhà, mẹ Phác chỉ biết có tiền Phác đưa về... Người mẹ ấy giờ chỉ còn là một cái xác thé thé được, cười nhạt được và gầm được, rít được, đương nằm lù lù ở trước mặt Phác... Phác lạnh người.

---

(1) Có lẽ làhàng xách (không có hàm nghĩa sách báo...)

Người mẹ của Phác ấy chỉ thiếu một chút nữa thì thành một thây chết, một thây ma bỏ đường. Ừ! Rất có thể thế được. Thóc gạo càng đắt như vàng; buôn bán làm ăn gì cũng không lại, trong lúc đó mẹ Phác cứ hóng hóng Phác xoay được món này, món khác, tiền chục, bạc trăm, không cất nhắc việc gì cả, ăn lại ăn ngon, tiêu lại tiêu hoang, có tiền không lễ bái thì chắn cạ, mẹ Phác sống như thế không khéo thì Phác bị ốm trận nữa chết, hay không may Phác bị bắt, bị tù, hay cứ như tình thế này, mỗi ngày một khó khăn, một mối lời chưa hở ra đã có nghìn kẻ bâu đến, ra đến đường toàn chạm trán phải những giai gái măng măng ganh nhau sục sạo tìm, đón hàng. Phác hết kế xoay tiền, thì sớm tối mẹ Phác cũng sa vào cái bước gớm ghê kia thôi.

- Cả mày nữa! Còn mày nữa!

Phác xanh mắt lên và suýt kêu rú.

- Còn vợ mày nữa... vợ mày nữa!...

Phác nhìn hắn về phía vợ. Đã bốn năm, cái hạng dở đĩ, dở buôn bán ấy đeo đẳng chằng chằng lấy Phác: một đứa con... lại đẻ... rồi đây lại sắp đứa

nữa. Lầy nhầy, ì ạch, cái mình và cả cái người kia chỉ oằn oại trở dậy khi một nắm bạc dúi vào tay. Rồi thì chỉ thi nhau ăn quà với mẹ chồng, và, một đằng miệt mài ở các điện, các bàn chắn thì một đằng ở các rạp cải lương mà ngồi lịm đi nghe: "Thôi cô buông tôi ra... thôi cô bỏ tôi ra để tôi đi chốn sông mê biển khổ... Nào ai có đi giăng thề"... và nhìn những cái môi son kề lên những bộ giáp nhung viền kim tuyến, những bộ giáp nhung viền kim tuyến quấn quýt bên những cái môi son.

- Thế này thì chết mất! Phải thế nào chứ không mãi thế này thì chết hết mất.

Phác gầm một tiếng vùng dậy. Người mẹ vội dậy theo, hất mớ tóc ra sau lưng, cười khanh khách.

- Gớm! Chết cái gì mà chết lắm thế. Ai chẳng biết không tiền về cái nhà này thì phải chịu đói, chịu khổ, chịu cực. Thế còn con gái già này chịu mãi thì sao? Thôi này trong lúc đói kém bom đạn này chỉ nên mỗi đứa một ngả, mạnh đứa nào đứa ấy sống. Bà, giờ bà cũng chẳng thiết gì nữa. Bà xem trong nhà này còn cái gì bán được bà bán nốt rồi bà đi chết đâu thì chết. Cầm bằng có mày như mày chết, cái công thắt lưng buộc bụng nuôi mày khôn nhớn, ăn học, rồi lạy người nọ, van người kia tam tứ phen xin việc cho mày chỉ là cái công gánh nước cho chó đẻ.

Mắt người mẹ long lên, bà ngừng nụ cười, rền tiếng:

- Phải! Cái công của bà chỉ là cái công gánh nước cho chó đẻ. Người ta cũng có con, người ta cũng buôn bán hai sương một nắng, lần hồi nuôi con, con người ta cũng khôn nhớn đi làm thì sao người ta mát mày mát mặt thế. Sao những con mẹ đội Vinh, con mẹ ký Tạo, con mẹ Vĩnh Tường kia chúng nó giàu có thế? Cả đến con mẹ cái Thơm, con mẹ cai Sửu, mang tiếng con gái làm đĩ hết Tây chán đến Nhật nhưng chúng nó lại cửa cao nhà rộng, kẻ thưa người gửi sung sướng thế. Còn mày ăn học, chữ nghĩa thông minh, tài giỏi

hắn hoi thì thế. Sao mày lại chịu thân tàn ma dại, để mẹ quá con mẹ ăn mày, hở cái giống ăn cứt mà chết kia?...

Tiếng rít của người mẹ vừa dứt, có tiếng trẻ con khóc và tiếng cuống quýt dỗ dành ở ngoài ngõ. Phác hoa cả mắt, run bắn lên, tìm cái mũ. Phác chẳng kịp chụp mũ lên đầu và mặc cái áo tây vào người, cứ lòng thòng cái áo sơ mi rách bươm bổ ra hè.

- Phượng ơi! Phượng ơi, đưa ngay em vào đây...

Phác gọi nhưng không chờ đứa con gái nhớn bế em vào. Phác chạy ra ôm chầm lấy thằng bé lẫm chẫm dắt, mặt mũi nhem nhuốc nghêu ngao. Phác bế xốc con lên đoạn cúi nắm tay đứa con gái, líu lưỡi nói:

- Đi... đi... chúng mày đi với tao thôi... đi biệt một xứ nào thôi...

Người vợ đã bước xuống đất. Thị lạch đạch chạy theo, rền rĩ gọi:

- Này, này... tôi bảo không phải hành hạ đưa chúng nó đi đâu cả. Nhà còn cái chăn và cái màn kia kìa, có người hàng ngoài ngõ ngấp nghé mua đấy thì đưa cho bà cụ bán được bao nhiêu bà cụ lấy rồi ngày một ngày hai lại đem bà cụ về Hà Nội thôi. Báo động mặc báo động, bỏ bom mặc bỏ bom, để bà cụ khỏi ru rú ở cái đất hang cùng ngõ hẻm, phải nhịn cả mọi thứ này... cứ thế là hết chuyện... hết cả mọi chuyện...

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Lưới Sắt

Minh thấy lạnh quá. Minh khít thêm cánh tay ủ vào nách và ngồi nép hẳn vào góc tường. Nhưng tất cả cử động này chỉ một giây sau là lại chẳng có nghĩa gì với cái rét lúc bấy giờ.

Chỗ Minh ngồi đợi là cả một cái buồng thênh thang. Nền lát xi măng giả làm gạch hoa. Tường bằng bích-toong mài nhẵn, không có đồ đạc gì kê liền. Một lối ra vào rộng như cổng đình xuyên qua với những luồng gió hun hút, xám như thiếc. Trước mặt, một cái buồng cũng trống hơ trống hác như thế. Rồi đến một gian to gấp sáu, im lìm những bàn giấy lọt thỏm ở khoảng giữa nhà. Ánh chiều ở đây còn mờ hơn vì chiếu qua một lần cửa kính ráp vàng bệch.

Tiếng đập của tim Minh nghe rõ mồn một. Minh có cảm giác không khéo Minh bị giữ lại mất. Nghĩa là một lệnh ở chỗ nào trên gác hay ở trong cùng kia truyền ra, gọi Minh vào, đoạn Minh theo một người adăng đi... Minh lại bị giam... Lại bị tra tấn... Lại bị tù... Tâm trí Minh hơi choáng váng. Mắt Minh xanh lên nhìn bóng mờ lớn vởn như hơi nước đá rỉ vào buồng Minh. Và một bộ mặt hiện ra trong đó. Bộ mặt lừ lừ có nước da mai mái, hai con mắt nhìn rất sắc nhưng chỉ nhìn thoáng qua, và cái cười nhếch mép.

Tên đao phủ đã làm đổ máu hàng vạn con người, hết lớp cách mệnh này đến lớp cách mệnh khác, không bao giờ cất một nhời nói to, không bao giờ gắt một tiếng và không bao giờ để lệch lạc cái khăn nhiễu, cái cổ áo the chùng, cái quần trắng là, đôi giầy cao su đen thắt nơ!

Bị giải về đây, Minh chưa được hắn ta hỏi đến, nhưng sau khi chào hắn, Minh liên miên bị hình ảnh theo dõi. Lắm lúc đi đường, lúc xem sách, lúc nói chuyện, lúc thiu thiu ngủ. Minh bỗng quật mình, lạnh toát cả người. Minh lại nghĩ đến hắn. Hắn có không biết bao nhiêu mắt để dò xét Minh, không biết bao nhiêu tai để nghe ngóng Minh, bao nhiêu trí nhớ để ghi từng cử chỉ, từng câu nói của Minh, rồi một khi Minh đến trước mặt hắn, trong buồng giấy riêng của hắn thì hai con mắt lạnh lùng và cái miệng nham hiểm kia sẽ mỉm cười, cái giọng nhẹ nhàng kia sẽ gật gù hỏi, sự quằn quại của Minh dưới những dùi cao su đều đều vào đỉnh đầu, vào thái dương, hay vào hai khuỷu tay. Minh bị treo ngược, kéo từ từ lên phía trên cho máu trong mồm, mũi, tai, mắt và lỗ đít nữa ứ ra, hay những dây điện gí gí vào cổ vào chỗ kín đồng thời với những gáo nước giội vào mũi. Hàng giờ như thế. Mấy ngày như thế. Mấy tháng như thế. Cho kỳ tới bao giờ Minh chịu nhận, chịu khai, không còn thể sai một khớp nào của hắn đã đặt thành những câu hỏi.

Những lúc bị những ám ảnh ấy làm tối tăm cả tâm trí, Minh lại thấm thía đau đớn nhớ đến những câu nói của các bạn:

- Bao nhiêu phong trào ở Nam Định bị một tay nó phá rồi!

- Cán bộ nào về đây là một, về Hải Phòng, Quảng Yên là hai, tức là cầm chắc sự bị bắt, sự chết trong tay.

Nhiều kẻ còn nói thêm:

- Không! Quảng Yên có đòn bó giò và lộn mề gà của Cung Đình Vận và Hải Phòng có tụi chính trị phạm cũ quay ra làm chó, len vào các tổ chức cũng hoạt động rồi phá, làm bao thằng bị chặt đầu, bị chết, cũng đã sợ nhưng vẫn không sợ bằng ở Nam Định. Đây, thằng phán T. nó tổ chức khéo đến nỗi không kíp thợ nào, không tràn phu nào, không xưởng thợ nào, không phố nào, xóm nào, mà không có người của nó. Cả những thầy giáo, những đốc trường, những hội trưởng thể thao, những huấn luyện thể thao, những thân

hào hàng phố và cả những cò Tây, cũng chỉ bảo dò xét cho nó mới ghê chứ. Cha cấm con, vợ giữ chồng, anh em đề phòng nhau, chủ thợ ngăn ngừa người làm, tay sai chức dịch nay được tăng lương, mai được thưởng phẩm hàm, kẻ buôn bán được độc quyền thứ này, bỏ thầu việc nọ, kẻ trí thức được trọng vọng, vì nể. Một phần dân chúng cứ xô nhau mà tố cáo, phá hoại mọi cuộc vận động, mọi cuộc tổ chức dù chỉ có tính chất xã hội được cho phép hẳn hoi.

Bởi thế, khi được tin được tha, Minh đã mừng nhưng thấy trong giấy ký phải giao trả về nguyên quán Nam Định và bị quản thúc ở đây, thì Minh lại buồn và sợ vô cùng.

Minh bị tù rồi bị đưa đi an trí trên căng Bắc Mê, căng Phú Thọ, căng Bá Vân, đã hơn ba năm, từ dạo Minh bỏ tỉnh này đi kiếm ăn rồi hoạt động chính trị ở các nơi xa đã ngót mười năm. Thật không còn có một tí gì gọi là căn bản để Minh sinh sống ở cái nơi quê hương ấy. Có chăng sự dính líu chỉ làm Minh đau khổ vì những họ hàng, những kẻ quen thuộc, những tai tiếng, tất cả đều sợ sệt, xa lánh và ruồng bỏ Minh trong một cảnh cô độc như thú dữ, như yêu quái? Cứ mỗi tháng ngày mồng một và ngày mười lăm Tây, Minh phải tự tay cầm cuốn sổ xanh dán một tấm hình chụp đeo số và lăn tay lên trình sở Mật thám. Mỗi khi muốn ra khỏi tỉnh, bất cứ về việc gì, Minh phải xin phép trước một tuần lễ và có được phép mới được đi. Nhưng Minh cũng như hầu hết những người khác có sổ; chẳng bao giờ dám xin đi đâu cả. Tất cả đều sợ nhỡ ra trong ngày mình vắng mặt mà ở chỗ mình đến lại xảy ra những việc như phát truyền đơn, biểu tình hay bắt được sách báo bí mật thì thôi không thể viện tình lý gì cãi được. Vả lại, bao năm giam cầm tù đày trong bốn bức tường và ở một xó rừng còn chịu được nữa là... Vậy về đến quê quán, được nghỉ ngơi, được ăn uống, thuốc thang tự do, được vớt vát thêm ít năm sống, thì còn mong gì hơn nữa! Riêng Minh, Minh được về với cái khí hậu đồng bằng, được có một việc làm nghiên cứu học hành, Minh cũng muốn tỏ như là lòng biết ơn sự khoan hồng của Chính phủ, của sở Mật thám nên Minh không xin gì đi đâu cả.

Những ý nghĩ buồn nản càng miên man trong tâm trí Minh. Đầu Minh cúi thấp, mắt lờ đờ. Khí lạnh và bóng tối đẫm nửa xuống người Minh với một thứ tiếng thì thầm ảo não.

- Kìa sao lại lâu đến thế này?

Minh cau mày ngước lên nhìn. Minh càng bứt rứt thấy gần hết giờ rồi mà vẫn không thấy bóng một người tùy phái nào. Mọi chiều Minh đi trình sổ cũng có lần vào phải hôm thứ bảy, nhưng Minh chỉ phải chờ một lúc là xin được chữ ký. Thế mà chiều nay sao lại lạ thế này?

- Hay người adăng gác thường trực về nhà rồi? Nếu thế sổ của mình chậm mất một ngày, mình biết lấy ai làm chứng?

Minh run run trong ngực. Minh lại gai cả người. Minh vội lắc đầu xua đuổi những hình ảnh khủng khiếp lại hiện ra trong tư tưởng Minh.

- Không!... Không!... Sao lại có thể vô lý và khốn nạn cho mình đến thế được! Mình làm gì mà bị giữ lại! Mình có làm gì nữa đâu!

***

Minh lập cập bỏ cuốn sổ vào túi áo trong, đi ra. Bước khỏi cổng rồi, Minh vẫn còn những tiếng trống ngực thình thình. Biết đâu Minh được về hẳn hay bị gọi lại, lại ngồi chờ đợi trong gian buồng âm u kia? Minh đã toan chạy nhưng nghĩ đến sự vô lý của mình, Minh chỉ rảo gót thôi. Minh thấy những cử chỉ trong khi vui mừng điên cuồng ấy nhỡ lọt vào mắt bọn chó, Minh sẽ gây cho chúng một câu hỏi mà Minh có thể chết vì nó.

Đèn phố đã bật. Cứ cách hai cột gần trăm thước mới có một ngọn, bóng chỉ bốn mươi là cùng. Ánh sáng còn yếu thêm trong cái chụp sơn đen trông như cái mũ mấn, cho đèn chiếu thẳng xuống đường một khoảng bằng mặt bàn, luôn luôn gió và bóng cây nhòe đi.

Một thứ tiếng ồn ào nhộn nhịp và dồn dập đương trào lên. Giờ thợ nhà máy sợi về tầm. Tiếng cười nói chuyện trò rất ít. Chỉ thấy những tiếng guốc chan chát, những tiếng bước chân huỳnh huỵch, những tiếng nón, áo tơi sàn sạt. Mặt mày và hình thù mọi người đều xám xịt, như một dòng bóng ma vừa được nhả ra khỏi một hang tối, xô đẩy nhau đi tìm cơm cháo.

Minh giật mình, đứng lại trông, bàng hoàng.

Bao lâu nay Minh mới lại được thấy cái quang cảnh huyên náo, dầu dãi về chiều, nhất là Minh lại cùng đi trong những lớp người và tiếng động cuồn cuộn. Minh hồi hộp một cách lạ trước những thân thể chắc nịch bước qua mặt Minh với những quần áo vải xanh, nồng mùi dầu mỡ, và những tấm áo tứ thân, những cái khăn thắt chặt đi liền với nhau rất nhanh và rất đều. Minh bừng bừng thêm vì nhận thấy có rất nhiều trẻ con, cao chỉ đến nách Minh thôi, mà cũng quần áo kiểu nhà máy, cũng những mũ lem luốc, rúm ró, cũng những đôi guốc đẽo lấy, làm chói tai vì cá sắt. Chúng còn vượt lên trước cả những người nhớn, loắt choắt nhưng đăm chiêu ra vẻ ăn làm. Rồi đến những người mẹ sồ sề, những đứa con gái, lũn cũn, tay thì xách quang liễn bát, đũa, tay thì lếch thếch ôm những mảnh ván, những cuộn dây, những đai thép. Có những tiếng reo trong lòng Minh. Minh lại thấy có một cái gì như là sức mạnh hay tinh thần đến với Minh để Minh đưa tay ra mà đón tiếp. Bất giác Minh bước vội lên.

Những tiếng ồn ào dần dần như lửa tỏa ra trước mặt Minh. Minh chỉ có biết mỗi cảm giác bừng bừng.

Chợt Minh thấy rờn rợn. Minh vội đứng lại mà cau mày, ngước mắt nhìn lên.

- Chết! Sao ta lại lẫn vào với anh em thợ về tầm thế này?

Minh tự nhủ đoạn quay gót toan rẽ sang đường khác. Nhưng thoáng có

một cảm tưởng, Minh chậm ngay bước và lại cứ giữa đám đông mà đi. Sự xót xa của Minh đã ran lên, Minh thấy Minh cứ một ngày xa mãi những thợ thuyền. Từ ngày được tha, chẳng những Minh không đến chỗ họ làm việc, đến chỗ họ tụ tập mà còn tránh cả đi qua những xóm họ ở đông. Có lần một người bị sở răn không hiểu vì lẽ gì và cũng không được một ngày lương nào trong cái thời hạn đi tìm việc làm khác, anh ta đến nhờ Minh làm đơn khiếu nại mà Minh cũng chối từ mặc dầu anh ta không còn thể nhờ ai bởi không có tiền giấy bút. Thậm chí Minh rất mê xem đá bóng nhưng chỉ vì bãi này chiều nào cũng đông thanh niên học sinh và thợ nhà máy ra tập, mà Minh đành chịu không dám vào. Và một tối tại hội "Học giới bảo trợ" có một họa sĩ trưng bày những tác phẩm của mình và diễn thuyết về hội họa để lấy tiền giúp quỹ tù binh Pháp, Minh đã đi nửa đường lại quay về.

Quần chúng và đám đông, cả một sự mê man trước kia của Minh.

Minh đã chỉ có mỗi vui sướng là được gần gụi họ, làm việc với họ, đi về cùng họ; chuyện trò với họ; giải thích cho họ những mối băn khoăn, những nỗi đau khổ; khuyến khích họ hoạt động, tổ chức, tranh đấu trong những lúc bị bọn thống trị Pháp khủng bố ghê gớm; và sôi nổi cùng họ niềm tin tưởng ở cuộc cách mệnh giải phóng sau này mà cảnh tự do, hạnh phúc sẽ dành cho những kẻ chăm chỉ, ngay thẳng hưởng một cách xứng đáng.

Sực nhớ lại, Minh run rẩy cả tâm trí. Mặt Minh nóng lên. Minh nghẹn ngào. Hình như đằng đầu đường kia những người nọ đã đứng lại, đen ngòm chung quanh một người cũng quần xanh, áo xanh, mũ dạ mướp, được kiệu lên cao diễn thuyết.

Tiếng hô vang lên cùng những nắm tay, những mũ, nón giơ cao, vùng vẫy. Cái rừng người càng chuyển động. Phút chốc nó tan ra, không bảo nhau, trai gái, già trẻ xếp thành hàng kéo đi với những tiếng hô quyết liệt hơn, đều hơn, vang dội hơn.

Minh thấy tức tối trong cổ họng. Những tiếng hô tưởng tượng kia được những tiếng hô nức nở của thâm tâm Minh đáp lại chỉ chực vọt ra ngoài. Minh vội bước lên, như thấy có cuộc biểu tình, diễn thuyết đương xảy ra ở đầu đường. Minh vừa bước, vừa gầm khe khẽ một giọng hát.

Cái lạnh mịt mùng bao phủ lấy tâm trí Minh tan hẳn. Nhiều hình ảnh nữa sáng ngời lên. Minh lại nhớ đến những vùng Hồng Gai, Uông Bí ở đấy Minh đã hoạt động và bị bắt. Cũng những buổi chiều mùa rét, bóng tối, sương mù và gió bấc tỏa ra, Minh đón những người thợ liên lạc để giao cho họ những sách, báo bí mật truyền cho những tiểu tổ. Trong xưởng tiếng búa đập, tiếng giũa sắt, tiếng khuân vác va chạm, tiếng máy chạy, tiếng dây da siết, tiếng lửa reo đương ầm ầm, bỗng một hồi còi rú lên, rùng cả mặt đất. Những tiếng huyên náo trên kia liền rút ngay xuống, còn mỗi tiếng máy điện và lò nấu ầm ĩ. Từ những cổng sắt mở rộng, những lớp người lần lượt khám xét xong đổ ra như nước vỡ bờ, tràn về mọi ngả, chờ vừa đúng lúc này thì Minh mới đến. Sự hồi hộp của Minh đã đập mạnh đến nỗi nhiều lần Minh mất cả bình tĩnh. Minh đã quên không nhìn lại trước sau cẩn thận mà nhập ngay vào đám thợ trong đó Minh bị lẫn hẳn với bộ quần áo của một người trong tổ chức cởi cho. Mỗi lần người nhận tài liệu đòi nhiều thêm: mỗi lần được y báo cáo tình hình sinh hoạt rất lạc quan; mỗi lần khai hội được thấy tinh thần và ý thức anh em lên đã cao trong khi thảo luận; mỗi lần giao công tác cho họ làm tròn và những hình thức tranh đấu nhỏ như họp nhau yêu cầu chủ can thiệp vào việc cai ăn hiếp hay xin tăng tiền làm giờ súp hơn giờ thường mà họ tổ chức được thắng lợi, thì khi về Minh lại muốn ngủ ít đi nữa để có nhiều thời giờ huấn luyện tuyên truyền, hay nhịn ăn một bữa để lấy tiền ủng hộ khi anh em tranh đấu thất bại bị đuổi, lấy tiền mua giấy bút, sách báo phát cho những tiểu tổ nghèo quá.

- Cái áo tây này là kỷ niệm cuối cùng của Sáu đây!

Minh thở một cái mạnh và lờ đờ ngước nhìn về một khoảng xa. Minh thấy

như có bàn tay của Sáu - người thợ cùng bị bắt và đi tù với Minh - vẫy mình khi Sáu đi khiêng gỗ ở sườn đồi và Minh thì theo lính giải về.

***

Minh bước lên thềm rồi mà chó vẫn im tiếng.

Trong nhà, bác Tý và hai con đương ăn cơm. Nghe tiếng kẹt cửa ba mẹ con bác vội ngẩng đầu lên chào, và con chó chầu bên mới hơi quay ra nhìn. Minh vội đáp lại rồi cầm đèn xuống châm. Nhờ ánh sáng cây đèn để liền với tấm liếp chỗ đan thưa nhất, chỗ ăn của mấy mẹ con mới rõ hơn một chút.

Một cái mâm gỗ sứt sẹo; một bát dưa chua nấu với tép vụn, một rổ sề rau diếp. Nhặt đâu được chùm sung, đứa con gái nhớn vẽ bầy ra khiến cho bữa ăn có vẻ nhiều thứ lắm. Buổi nay người cha lại đi tầm đêm, may ra nhờ vợ đi chợ đắt hàng, y về sở được vài bát cơm nguội để phần không lại ngủ suông. Thường họ chỉ ăn bữa cơm, bữa cháo, lắm hôm mưa gió hay người vợ ốm thì có bữa cháo không thôi. Từ khi về ở nhờ nhà người họ cái gian bên cạnh này, Minh rất ít trò chuyện với người đàn ông nọ. Mà phần y cũng ít nói, mà phần y biền biệt làm lụng cả ngày có khi cả đêm. Y trông coi máy điện trong nhà máy chiếu, ngoài giờ tầm y đi nhận sửa chữa xe đạp và sơn biển hàng dưới phố. Hình như y mê xem sách lắm thì phải. Hễ lúc nào y ở nhà, Minh lại thấy y âm thầm với những cuốn sách báo đã rách chẳng hiểu là sách báo gì.

Minh cởi dép, gác lên niễng đoạn tung chăn nằm dài ra giường. Minh vừa mệt, vừa đói nữa. Hơi cơm nóng bên kia đưa sang với mùi canh mặn và những tiếng nhai rau sột soạt khiến dạ dày Minh cồn cào thêm. Mấy hôm nay Minh cũng chỉ có một bữa và bữa nào cũng đúng một hào. Gạo lại cao, thức ăn lại đắt. Bát cơm bốn xu chỉ lum lủm, miếng đậu một xu chỉ bằng hai ngón tay. Minh ăn xong mà ngao ngán vì thấy bụng vẫn nhẹ thênh, miệng càng nhạt nhẽo, thòm thèm.

- Thôi được thế cũng là may, còn hơn là nhịn đói và chết đói.

Minh đã tự nhủ. Minh càng đau xót hơn. Ừ Minh chưa nhịn hẳn nhưng ăn uống thế thì chỉ có thể gọi là bữa mèo ăn chứ là bữa người ăn sao được? Và Minh chưa chết đói nhưng sẽ suy kiệt quá rồi cũng thế. Trong bọn anh em chính trị phạm được tha về quản thúc, nhiều người ốm thêm bị chết rồi, nhiều người hóa điên, nhiều người xác xơ chỉ còn hai con mắt là thấy còn sống, còn tinh thần. Trái lại, trong số đó, mấy người trở nên rất sung sướng một cách không thể tưởng tượng được. Kẻ được hàng tháng lĩnh mấy kiện sợi về dệt, kẻ trưng thu cả một bên sông, kẻ được giấy mua bán đồng, nhuôm tha hồ. Kỳ vừa qua đi trình sở, Minh chạm trán phải với Hảo. Minh không còn thể sao nhận ra được Hảo nếu người a-dăng không gọi tên Hảo lên. Hôm đó nắng ấm hẳn hoi, nhưng Hảo đã để hở mỗi cái mặt, còn thì dạ, len quấn từ đầu tới chân. Ở Cảng, Hảo đã cẩn thận nhưng cũng không đến nỗi ghê gớm đến thế. Các bạn tù ai mà quên được những buổi trưa, những buổi tối, người đi làm về mệt ngủ nhiều ra thì Hảo cắm cúi trên cái hòm gỗ, viết những bức thư dài như những truyện ngắn và đẹp như những bản thảo của những nhà thơ lập dị, để gửi cho người vợ mới cưới. Nghe những bạn cùng tỉnh với Hảo thì "Lan là một con nhà buôn bán nền nếp và thùy mị xinh tươi lắm, mê Hảo", con người can trường khí phách, đã từng nằm ở Hỏa lò, từng đi Côn Lôn, nên cha mẹ ép lấy người khác giàu sang nhưng nhất định không nghe. Hai bên yêu nhau gần nửa năm rồi lấy nhau. Một bữa tiệc cưới đông đủ cả các bạn của hai bên đã tưng bừng đúng như lễ thú của người Tây. Giai toàn mặc y phục đen, gái toàn y phục trắng và hoa trắng thật có ngập nhà. Rồi khi chúc từ đọc xong, một đôi chim câu trắng đã tung lên giữa những tràng vỗ tay ran hơn pháo nổ...

Từng bát đĩa lách cách, tiếng nói lào xào im dần. Dưới mái lá thấp ọp ẹp trên những bức vách, không khí lặng hẳn đi tối thẳm mênh mông hoang mang. Chẳng cần rửa chân, chỉ chùi vào cái chổi, mẹ con bác Tý đã vùi đầu vào cái chiếu ngủ sớm để sáng sớm mai dậy còn sang bên kia sông cất rau về bán. Bên ngoài gió thổi như bão, sương tỏa ra từng tảng dày. Nhà cửa, cây

cối trong xóm chìm ngập hẳn.

Mới bảy giờ. Từ giờ tới sáng mai, lúc mặt trời hơi lên, ánh vàng nở ra, sự sinh hoạt trở lại với những tiếng động ấm áp, vui vẻ, còn mười hai tiếng đồng hồ nữa. Một nửa ngày. Một nửa đời người.

Đêm nay Minh lại đến căng mắt ra vì xác thịt bị nghiến rứt và tâm trí thì bị nung nấu. Minh lại nằm mà nghe từng tiếng chó cắn, từng tiếng guốc đi, từng tiếng ho, tiếng rên và tiếng trẻ khóc. Rồi có hoa mắt vì bóng tối và ngực tức tối vật vã, Minh có muốn dậy đọc sách hay ra ngoài đi lại cũng không được. Dầu tây thắp lâu và vặn nhỏ ngọn thì bị hạn chế, mua lén lút cũng không được, mà cũng chẳng dám dùng để nhỡ lại bị bắt, tra hỏi chỗ có rồi tù ít cũng vài tháng, nhưng có dầu lạc thì lại đắt như vàng, của đâu mà dám chong đèn suốt đêm? Còn ra ngoài thế kia, sương mù lấp hết mọi lối, đất ướt lạnh như nước đá, động nhấc chân chó sủa rầm lên, nhà nào nhà ấy úp xúp im lìm, như những nấm mồ, hỏi tâm hồn nào phiêu diêu nổi?

Phơ... ơ... ơ... ơ...

Tiếng rao ngân vang từ ngoài xóm vẳng lên. Minh quay ra nhìn một lúc thì cái khoảng sáng chập chờn vào cái gánh hàng lờ mờ đi vào. Minh ngạc nhiên. Sao tối nay anh hàng phở vào bán sớm thế? Sau Minh nghĩ ra hôm nay kỳ đầu tháng, các sở và trại lính phát tiền, trong xóm, tụi cờ bạc lại mở canh xóc đĩa. Minh bùi ngùi. Minh tưởng đến Minh cũng mang tiếng đi làm - Minh dạy học tư cho một nhà nọ buổi trưa và buổi tối - mà chẳng khác thất nghiệp. Lương tháng họ mặc cả với Minh sáu đồng song hết tháng ấy họ nếu có hai đứa trẻ trong mười hai đứa con cháu của họ không học nên họ chỉ giả năm đồng thôi. Rồi tháng thì mồng năm, tháng mồng mười, tháng quá mười lăm, họ cứ giả lùi lại. Có tháng hình như họ quên. Minh phải nhắc họ bằng một giọng tha thiết họ mới đưa cho ba đồng, còn khất đến cuối tháng. Minh đã cố tìm, cố nói với bao nhiêu chỗ khác đều không được, ở các tỉnh nhỏ này nhà ít, buôn bán nhiều, người ta rất sợ dây dính đến các người bị tù đày nhất là bị tù

đày về chính trị, vì phản đối chính phủ. Các nhà mượn Minh dạy học, chồng làm thừa phái ở tòa án, hiểu biết lắm mới có can đảm để Minh lui tới nhà mình. Vả lại, biết đâu chẳng là một dụng ý của sở Mật thám.

Có một người bạn đã bàn với Minh, anh ta còn miếng đất của cha mẹ để lại đem bán đi lấy tám chục, một trăm cũng được, cùng nhau làm vốn mở một hàng phở ở đầu đường ngoài xóm: ăn lãi ít, phở ngon, tiếp đãi niềm nở, hàng thế nào cũng đắt khách, sự sống của hai người sẽ đỡ chật vật, khổ sở đôi chút. Nhưng nghĩ đến cách làm ăn đó đối với sở Mật thám rất đáng nghi, hai người đành chịu ở nhà, kẻ ăn bám mẹ, kẻ đi dạy học một cách khốn nạn.

- Chính trị phạm, biết chữ nghĩa, có chỗ nhàn hạ làm ăn, sao lại bán phở ở đầu đường cho những cu ly, cu leo?

Một câu hỏi như thế Minh trả lời sao? Không đủ ăn, hừ! Lập tức cái miệng cười mỉm kia sẽ hất hàm nhẹ một cái:

- Vậy thì làm cho chính phủ. Hay lại đi "căng" để có nhiều sinh hoạt quần chúng hơn.

Minh đau đớn. Lòng Minh như bị xé ra.

Cái địa ngục Minh và dân chúng đương sống không phải chỉ có một lần mà hàng trăm lần tầng sắt đè nén, gông cùm. Hơn một tháng nay cố bóp miệng để mua báo xem, Minh chỉ thấy toàn những tin buồn thảm. Quân Đức chỉ những tiến là tiến. Mốtcu, thành trì của cuộc giải phóng thế giới, đã bị đánh chỉ còn cách bốn mươi cây số. Pháo đài Goócki, tượng trưng cho một sức mạnh tinh thần, chưa biết đến bao giờ mới lấy lại được? Những trận mưa bom cứ luôn luôn giội xuống Luân Đôn. Cả Âu châu đã nhuộm màu đen sẫm. Bàn tay thép của bầy lũ phát xít đã bóp tắt gần hết mọi tiếng kêu, đã khóa gần hết mọi cánh tay chống cự. Quay sang Á Đông, Nhật tấn công đến đâu đại thắng đến đấy. Riêng đất Đông Dương, bọn thực dân Pháp hoàn toàn thành

tay sai của chúng, bóc lột dữ hơn để vơ vét thêm. Nào lời kêu gọi của Thống chế, nào những khẩu hiệu phụng sự Mẫu quốc Pháp, phục hưng đế quốc Pháp, nào thanh niên Pêtanh, phong trào khỏe, nào những anh hùng gương mẫu, nào trở lại những bổng lộc mũ cao, áo dài... hàng nghìn thứ bùa mê... hàng vạn thứ thuốc độc bên cạnh một kho khổng lồ, súng đạn, xe tăng, tầu bay, tầu chiến để đàn áp.

Tí dầu trong đĩa đã cạn. Cái chấm đỏ càng úa. Ánh sáng leo lét chỉ chực tắt. Minh toan dậy tắt để khỏi nhìn một cảnh hấp hối nhưng Minh không thể nào nhấc mình lên nổi. Minh đành nằm im, mắt nhìn dán lấy ngọn đèn chập chờn, mờ dần, và bóng tối quấn quấn dầy thêm trán Minh. Cuối cùng đốm lửa lụn hẳn. Minh rùng mình, nhắm mắt lại. Cái giường gian bên lại kêu cót két, tiếp đến rên rỉ của bác Tý bị chứng đau bụng kinh niên không chịu được tiết giời xuống quá lại lên cơn. Sáng nay, bác đã ì ạch nhấc rổ rau lên đầu về mà phải vào nhà, nằm vật ra giường thiếp đi tưởng chết. Nhưng quá trưa, lúc Minh đi dạy học về đã thấy bác đi chợ rồi. Đến tối bác lại thổi nấu, ăn cơm, gánh nước và quét dọn nhà cửa.

- Cậu Minh! Cậu Minh!

Nghe tiếng gọi, Minh vừa mở mắt thì một thân hình đã hiện ra ở đầu giường, Minh rợn tóc gáy:

- Adăng mật thám đến rồi! Thế lại bị bắt rồi.

Minh tung chăn luống cuống không biết nên ngồi hay nên đứng xuống đất. Minh hối hận sao buổi chiều nay đã bao nhiêu triệu chứng, bao nhiêu linh cảm báo sự nguy hiểm sắp tới mà Minh vẫn không chịu trốn. "Dùng dằng", ai được yên ổn. Minh cố hết sức ở lại chuyến này thật là Minh bằng lòng nhận lấy sự tù đầy, bằng lòng nhận lấy cái chết vậy.

- Cậu Minh! Tôi đây mà...

Cái giọng quen thuộc hổn hển ấy khiến Minh nhẹ hẳn người và nóng bừng. Bớt lo sợ nhưng Minh càng ngạc nhiên. Mắt Minh gần bật ra vì cố nhìn con người lạ lùng nọ. Run run, Minh phải cố gắng mới cất được tiếng:

- Bác Tý! Có việc gì thế? Hay bác gái bên nhà làm sao?

- Không, nhà tôi chẳng sao cả. Mà cậu đừng sợ, không có việc gì đâu.

Không để Minh chờ đợi hơn, cái thân hình tầm thước và dầy dạn ấy ngồi xuống cạnh Minh, đưa vào tay Minh một mẩu giấy.

- Giầu gửi cho cậu giấy này đây. Cậu phải theo tôi đi ngay. Lại sắp có một cuộc tổng khủng bố ghê gớm nữa! Mà mối lại chắp được rồi. Đoàn thể lại tìm được đến cậu rồi.

Minh choáng váng, suýt bật kêu lên:

- Giầu nào? Giầu ho lao phải không? Bác đã vào tổ chức?! Giầu ho lao tổ chức bác?

- Vâng, tôi vào tổ chức trước ngày cậu về. Còn Giầu tôi không biết ho lao hay không nhưng thấy người hốc hác, ốm yếu hơn cậu nhiều. Giầu đã vào nhà một lần nhưng tránh không cho cậu gặp.

Bàn tay Minh bất giác đưa ra, lập cập nắm lấy bàn tay to và nứt nẻ nọ:

- Đồng chí! Đồng chí ở ngay cạnh tôi mấy tháng rồi mà tôi không ngờ! Đồng chí lại điều tra và giới thiệu tôi cho đoàn thể! Tôi... tôi.. thành thực cám ơn đồng chí...

Hai bàn tay liền nắm chặt lấy nhau. Cặp mắt quăm quắm dưới bộ mày rậm của Tý sáng lên:

- Thôi cậu lấy ít quần gói đi ngay cho kẻo "dét tê" chờ.

- Cả đồng chí cùng đi với tôi.

- Phải! Nhưng tôi công tác ở một chỗ xa khác.

- Bác thoát ly hẳn!

- Còn gì nữa!

Trăng cuối tháng đã hé cái vành thon như lá lan. Ánh sáng nhợt nhạt hơi lấp lánh trên mấy tàu cau xanh đặc. Minh ngước mắt lên, gặp ngay cặp mắt của Tý! Minh nhìn Tý! Minh nhìn cái bộ mặt bầu bầu, trán thấp nhưng rộng và cằm sạm râu. Cái bộ mặt thô lỗ ấy lờ mờ trong đêm vẫn không bợn một vẻ gì phản trắc. Minh đăm đăm nghĩ và thấy không có lý gì đáng ngại Tý. Minh về đây có hoạt động gì để sợ bị phá? Còn mật thám muốn bắt Minh thì giữ Minh lúc buổi chiều chứ tội gì để đến khuya tối tăm rét mướt mà chẳng có việc gì quan trọng cần phải giữ kín? Nhưng Minh lo cho Tý. Tý mới tham gia phong trào, đâu có nhiều thủ đoạn, mánh lới? Nhỡ Tý lộ rồi mà không biết. Bọn chó để Tý đưa Minh đi đến chỗ gặp người giao thông và theo dõi phá cho xâu nữa.

Tâm trí Minh đã rối bời. Dần dần, Minh bủn nhủn. Hay Minh chối từ vậy? Ở mạn ngược về Minh cứ mấy ngày lại lên một cơn sốt thì còn sức đâu mà hoạt động? Chả nhẽ đi để cho đoàn thể đeo mọi sự chướng ngại! Thôi Minh cứ ở lại. Lại khủng bố! Ừ lại khủng bố! Nhưng Minh ngồi im cơ mà.

Đi! Thế nào được! Hoạt động thế nào được với bọn chó vây lưới không hở một chỗ sơn cùng thủy tận nào? Minh càng bủn nhủn. Minh lại nghĩ đến cái không khí âm u khiến người ta buồn rũ ra, hay không thì phát điên ở trong xà lim về mùa rét này. Minh lại nghĩ đến những cách tra tấn toàn bằng những cực hình mà ít kẻ có thể chịu đựng nổi. Minh lại nghĩ đến những nắm cơm nhạt, những lúc đau ốm ỉa đái mà chân thì bị cùm, tay thì bị xích. Đây! Người

vào chỉ còn chờ chết giữa những tiếng rên, tiếng kêu.

Minh bỗng cau mày lại vì một ý nghĩ:

- Hay ta...

Nhưng Minh rùng mình, vội lắc đầu xua đuổi. Minh tưởng đến Hảo! Minh tưởng đến những cái nhìn hóm hỉnh đầy khinh bỉ không thể nào giấu nổi của tụi thanh tra cẩm mật thám khi Hảo kính cẩn đi vào; Minh tưởng đến những tòa nhà lộng lẫy, những cửa hàng tơ lụa thênh thang của Đức của Thái, chưa tối đến đã đóng chặt cửa, đèn sáng trưng trong những chao lụa hồng, mà bên ngoài, nhiều lần đi qua Minh thấy có mấy mẹ con hoặc một người tàn tật đương so súi bỗng nhỏm cả dậy trước những tiếng quát sang sảng và tiếng chửi, tiếng đá bình bình... Minh mím chặt môi hơn, bỏ dở sự tưởng tượng.

Tý đã đứng dậy. Cặp nách Tý, một bọc nhỏ. Tý giục.

- Cậu đưa quần áo đây tôi bọc làm một bọc nào. Thôi ta đi ngay bây giờ để đến chỗ hẹn thì vừa tang tảng sáng. Đêm nay rét cứng thế này chúng nó ngủ lì ở nhà chứ rời sao khỏi cái chăn, đi đâu được? Mấy lại chúng ta có bị theo thì dao đây, tôi chỉ cho mỗi đứa một nhát.

Minh như mê man, đứng dậy theo. Minh kéo cái áo lót mình và cái quần trên dây đưa cho Tý gấp, đoạn Minh mặc hẳn cái áo tây vào người, rồi khua chân xuống giường tìm giầy đi. Một ngọn gió lọt vào, Minh lạnh buốt đến ruột. Minh chỉ cái chăn hỏi Tý:

- Hay ta đưa đi, tôi không đắp thì bác đắp.

Tý cười:

- Đến đâu hay đấy. Rét, có chiếu không cũng đủ. Đa mang nhiều thứ làm gì cho khổ.

Hai người rón rén ra. Minh nhẹ nhẹ khép cửa lại. Thấy hai cánh gỗ không được khít, Minh cúi xuống toan nâng một cánh lên thì Tý xua tay. Tần ngần Minh đã thôi nhưng vẫn còn cố khép thêm vào, bước được một bước, Minh đứng lại, kéo cổ áo lên.

- Bác thoát ly hẳn?

Minh lại nhìn vào mắt Tý, run run hỏi. Tý lại mỉm cười nhưng nụ cười lần này chỉ hơi nhếch.

- Chắc cậu ngại cho tôi. Hừ! Kể cũng đáng ngại thật. Hai con bé, vợ đau ốm, một tấc đất không, lần hồi ở đồng đất thiên hạ, ai trông nom? Ai săn sóc? Ai đỡ đần? Nhưng bao năm nay vợ chồng con cái quấn quýt lấy nhau đấy, làm ăn đầu tắt mặt tối đấy, thế mà có được lúc nào sung sướng không hay chỉ càng ngày càng thiếu thốn khổ sở. Chả trước thì sau, còn chịu sống dưới cái chế độ này, thì rồi cũng đến phải lìa bỏ nhau, dứt ruột mà đi kiếm lấy miếng ăn. Nào chắc gì được! Rồi không muốn cũng phải chịu cảnh chết chóc, khốn cực hơn. Mà chịu như thế thì đau xót phí hoài lắm. Vậy thà dấn mình vào con đường tranh đấu để giành lấy cuộc đời mai sau. Sự tự do, hạnh phúc, bất hạnh mình không được hưởng thì những người khốn nạn đau khổ khác như con cháu mình sau này hưởng cũng thế. Miễn là cái xã hội tối tăm này thay đổi. Miễn là cuộc đời tù ngục này thay đổi. Người ta sẽ được thật làm người chứ không là kiếp trâu, kiếp chó, nô lệ nữa.

- Cậu ạ! Từ ngày tôi được biết đoàn thể thì tôi hy vọng tin tưởng vô cùng. Tôi thấy tôi không bị chìm đắm nữa. Đế quốc Pháp, phát xít Nhật mạnh như không sức gì lật đổ được đấy nhưng không thể nào đứng vững mãi được. Loài người còn khao khát, còn tranh đấu đòi công lý, tự do, hạnh phúc thì không thể nào bị tiêu diệt. Giai đoạn tối tăm này chỉ là cơn giãy chết của con thú dữ mù quáng thôi. Dân chúng qua cơn khủng khiếp này như một người đàn bà thai nghén tất nhiên phải chịu những sự nhơ nhớp đau đớn, để mà đẻ con, mà tạo nên một cuộc đời khác. Lịch sử cách mệnh thế giới đã chứng

thực điều đó, tôi vào hàng ngũ cách mệnh, tôi được nghe báo cáo về các phong trào đương âm ỉ lan rộng, tôi càng thấy vững lòng, càng tin tưởng, càng hy vọng. Và tôi thấy sự sống còn của mình phải giải quyết với sự sống còn của dân chúng. Dân chúng có được giải phóng thì mình mới được giải phóng, dân chúng có được yên vui thì mình mới được yên vui, như thế mình không cùng dân chúng tranh đấu, không theo đoàn thể lãnh đạo tranh đấu sao được?!

Đầu óc Minh như có lửa bốc ngùn ngụt. Minh thở không kịp và thấy lồng ngực có một cái gì căng thẳng chỉ chực tung ra.

- À! Cậu Minh! Giấy của Giầu gửi, cậu xem rồi xé đi chứ. - Đi một quãng xa và sau một lúc im lặng, Tý hỏi Minh.

- Ờ quên đấy nhỉ!

Minh đáp, đoạn bước nhanh đến cột đèn, giở giấy ra đọc:

Có ruồi!

Cậu Minh theo Tý đi ngay. Trù trừ một giây nữa là lại bị bắt thôi. Trận cuối cùng quyết liệt định đoạt sự sống còn đã đến rồi. Chúng ta không được đào ngũ. Chúng ta không được rời khỏi ngọn cờ. Chúng ta không được quyền ngồi nhìn dân chúng và đoàn thể đổ máu mà không chiến đấu với quân thù. Bên trái hay bên phải, ta phải chọn lấy một bên. Mà tim ta ở đâu thì mối căm hờn ta ra đó, tin tưởng ta toát ra ở đó, ta chiến đấu về phía đó. Cách mệnh sẽ thắng, cách mệnh phải thắng! Nắm tay chào.

Lao Nam Định ngày 28 tháng Chạp 1941

Minh không kịp xé mảnh giấy vội lùi lại:

- Thế Giầu lại bị bắt rồi?

- Bị bắt từ tháng trước, vì một tiểu tổ ở trại lính bị vỡ. Gửi giấy này cho cậu hôm kia thì hôm qua Giầu lại bị gọi sang sở Mật thám tra mấy trận nữa. Sáng nay, tôi vừa được tin Giầu bị quay điện xong khái huyết nhiều quá, chết rồi!

Không biết nước mắt Tý có ứa ra không, chỉ biết Tý đứng lại, cúi đầu xuống một lúc rồi nức nở:

- Trưa nay, mẹ Giầu vẫn tưởng Giầu còn sống, bảo con dắt đến sở Mật thám để xin phép đưa quần áo và quà thì nó đuổi bà về, rồi bắt thêm người em gái nhớn Giầu đi làm ở Máy tơ, mặc người mẹ mù ấy với đứa con nhỏ lăn vào ôm cả lấy bánh xe ô tô mà van lạy kêu khóc...

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Ngòi Lửa

Cả bọn tiên chỉ, lý trưởng, phó lý, chánh phó hội và hơn ba mươi chức sắc kỳ mục trong làng lốc nhốc đứng sau cái bàn giấy nọ, đều bứt rứt tưởng phát điên mất.

Mẹ Bồng ở cổng làng lại lên cơn sốt rồi. Quần áo mặc chị vứt hết. Còn mảnh nào mà người nhà có buộc vào người chị, chị xé bươm nữa ra. Rồi chị lại đầu tóc rũ rượi, mình mẩy trần truồng lếch thếch ôm con vừa chạy vừa reo, vừa hò. Đến nhà nào có đàn ông con trai, chị cũng vỗ tay bành bạch rồi cười, cười khanh khách, quơ tay tung lên: "Cho đây này... cho đây này, đẹp lắm, đẹp lắm, quý lắm, quý lắm!". Đoạn lại chửi. Chửi hơn tát nước vào mặt người ta. Chửi ngay đầu tiên trước nhà bố mẹ đẻ, đến nhà bố mẹ chồng, đến nhà cụ bá, cụ tiên, cụ phó lý, trương tuần rồi đến nhà hội đồng, đến chùa, đến đền và sắp vào đình đây!

Tiên chỉ đưa mắt cho lý trưởng. Lý trưởng nhăn nhìn phó lý và bọn tuần. Mười giờ rồi. Chậm lắm cũng chỉ mười lăm phút nữa là cả quan huyện, quan Nhật về lấy thóc, mà "con quỷ cái" nó ra đình thấy đông người thì không thể làm sao cho nó đi chỗ khác được.

Những tiếng gọi hách dịch của tiên chỉ đã rít lên như tiếng kêu của một con ngựa giở chứng. Tiếp đến những tiếng xe chạy ầm ầm, ình ình. Ngoài đường cái, ba ôtô xám đã lù lù tiến vào làng.

Ngay đó mẹ Bồng ưỡn ẹo cười cười nói nói, đi vào giữa cái sân gạch rộng thênh thang, bốn đống thóc chất hai bên và đông nghịt những người và quang

gánh. Hôm nay mẹ Bồng lại ghê lại lạ gấp mười ngày thường. Không hiểu chị nhảy xuống ao bùn nhà nào mà từ háng trở xuống đen như quét hắc ín, rồi cách một khoảng luề xuề những lá cây, những hoa râm bụt, những giẻ xanh giẻ đỏ che ở khoảng giữa, từ ngực trở lên đến mặt và cánh tay chị, lại chạt bùn. Đứa bé cũng ma mút như mẹ. Con bé dạo này càng gầy, chỉ còn hai con mắt lờ ngờ. Mỗi lần nó bị xóc lên vì những cái nhẩy cỡn của mẹ, thì mắt nó lại nhắm lại, nó "hự" theo và lả đầu vào vai mẹ, run cầm cập.

Mẹ Bồng chỉ những lúc nào nhao người đi thì mới lại biết trên tay có đứa con nhỏ. Nhưng chị chỉ cúi xuống nhoẻn cười với con, trỏ trỏ tay, dẩu dẩu môi làm cái trò chẳng hiểu là trò gì, rồi lại nhẩy cỡn lên, ưỡn bên phải, ưỡn bên trái và tung vào mặt mọi người.

Chợt mẹ Bồng quay phắt về phía những người con gái làng bên. Tiếng cười khanh khách bặt lại. Mẹ Bồng xỉa xói:

- Bà biết rồi... Chúng mày xui thằng binh Bồng nó bỏ bà... Những con đĩ voi giày kia. Cha tiên sư chúng mày... Cha tiên sư cả thằng Bồng Binh nghe những con đĩ me Tây bỏ bà. Hờ binh Bồng ơi là binh Bồng ơi!... Hờ chường ơi là chường ơi! Khi đi trúc chửa mọc măng... Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre. Hờ chường ơi là chường ơi! Rồi chuyến này bà thuê tàu bà đi tìm. Tìm được thì bà giết cả thằng binh Bồng, cả chúng mày... Hờ cha mẹ ơi là cha mẹ ơi! Sao bố mẹ đẻ con ra lại gả cho thằng binh Bồng để con khổ thế này? Một nong tằm là năm nong kén... Một nong kén là chín nén tơ... Thằng bán tơ cho Nhật nó phá nhà cô Kiều... Còn cái thằng lý Tư thì mày khai cho chồng bà đi lính, nó bỏ bà... Thằng binh Bồng nó mê những con đĩ me Tây nhẩy đầm nó bỏ bà ở nhà. Bà ở nhà một mình bà đẻ con thì mặc bà, bà đẻ chứ bà có chửi cha chửi mẹ chúng mày đâu mà chúng mày cũng nhâu nhâu vào mà cắn l... bà. Bà đẻ con thì bà nuôi. Con bà, bà cứ ru rín, bà cứ nuôi cứ giữ con bà cho chúng mày xem...

Mẹ Bồng vỗ vỗ, lim dim mắt nhìn đứa bé, cất cao giọng:

- "A ơi ơi... con cò mày đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao. A ời ơi..."

Mẹ Bồng nâng đứa con lên:

- Bà lại cho con bà bú nữa. Bà cho nó bú đến năm lên mười cơ... Ngày xưa mẹ bà cho bà bú đến năm mười tám cơ. Bà chết đói thì chết bà cũng cứ cho con bà bú, chứ bà không đi ở vú cho cái mặt nhà thằng lý Tơ đâu. Bà lại hát nữa cho mà xem đây này.

Mẹ Bồng toét ngay miệng cười. Một tay xóc giả làm quạt che miệng cất tiếng "ối a" hát chèo. Chưa dứt bài hát, mẹ Bồng ngồi phịch xuống bệ cây bàng, hai chân xoạc ra, ngả hẳn đầu đứa con vào lòng, lấy tay cậy cậy lượt bùn bám ở đầu vú nhổ bọt chùi xong mới cho con bú. Con bé nhìn lại mẹ. Hai cái môi mỏng còn giữ được chút gì là tươi tắn nún nún rất lành, cái đầu vú teo đi gần dán hẳn vào những xương ngực đen cóc cáy. Và một tay của nó nhỏ như ống sậy, đưa lên vân vê đầu vú bên kia, vừa đu đưa chân, y như một đứa bé sung sướng với một người mẹ lành mạnh trong những phút âu yếm nhất vậy.

- Không biết kiếp trước tôi có ăn trộm chuông chùa hay lấy cái gì của Đức ông không mà để đến bây giờ tôi phải chịu cái tội con cháu thế này?!

Có tiếng sụt sịt sau một đám quang gánh. Bà cụ đẻ chị Bồng vừa nói vừa lấy vạt yếm chấm nước mắt. Nhưng cả bà cụ và chị Bồng chỉ được mọi người nhìn qua rồi ai nấy lại chăm chắm vào đống thóc chất như núi ở hai bên sân và những gánh thóc la liệt ở chung quanh họ. Và tất cả đám đông cũng như đống thóc đều rung rung trong những tiếng ình ình của ba cái xe cam nhông đã tiến ra khỏi cổng làng.

Những thóc sao mà nhiều thế? Những ôtô không hiểu loại gì mà cũng to

thế? Ba trăm bao thóc đã xếp rồi mà còn cơ man gánh lớn, gánh bé ngồi chờ và những gánh kĩu kịt đương đổ đến. Giờ thì không còn trông mong gì vớt vát lại được. Trừ có còn sống và khỏe mạnh để lại hai sương một nắng cày cấy cho đến khi nào hết chiến tranh hết trồng đay, hết thu thóc thì may ra mới còn giữ được cái mà ăn. Ghê thật! Sáng qua trên huyện sức về cho tiên chỉ phải thừa lệnh, và tiên chỉ vừa đốc lý trưởng cho mõ rao, thì trưa hôm nay ôtô Nhật đã mang lính, mang súng về đây kia rồi.

Chỉ có tiếng trống ngực, tiếng thở dài. Mặt ai nấy càng xanh xám đờ đẫn. Vẻ đờ đẫn xanh xám càng thê thảm với những thân hình chỉ còn xương bọc da, đeo những mụn vải xác xơ. Có mấy người cũng còn có chút da chút thịt. Đó là mấy người con gái bên cạnh quang gánh, họ ngồi xổm và thỉnh thoảng lại nhấp nhổm chứ không ngồi thụp hẳn xuống như những người ốm yếu chung quanh.

Nắng càng chói chang. Hơi đen bốc lởn vởn trên những nóc nhà, trên những tường vách, cửa phên loang lổ, xiêu đổ, trên những ao hồ rêu nhờn lạnh và trên khắp đồng ruộng bờ bãi không có một bóng người. Thỉnh thoảng một đàn chim, lông cánh đen ánh, lừ lừ như là những chấm người đi qua cái không trung ngun ngút mây chì.

Tiếng ình ình chuyển càng mạnh. Một mũi xe đã lấp ló sau bờ tre gần ao đình. Tiên chỉ không nén được nữa, rít lên mấy tiếng rồi trỏ tay quát phó lý và trương tuần:

- Khổ lắm! Khổ lắm! Các quan Nhật và quan huyện về, vào đình đến nơi rồi. Các người không lôi con quỷ cái ra cho tôi à?

Hai người nọ tím mặt lại, lộc cộc tay thước chạy đến gốc bàng. Vừa lúc mẹ Bồng đứng dậy chớp chớp mắt cười.

- Ôtô... ôtô... hí hí, ôtô... ôtô Nhật to quá! Ta không đi tầu bay nữa, đi ôtô

vậy. Thích quá! Hí hí...

Mẹ Bồng chưa dứt lời, trương tuần cầm cái roi song sơn đỏ thoắt nắm lấy cánh tay chị, kéo giật một cái:

- Có xéo ngay không... ra ngay ngoài kia, không ông lại cho trương tuần lôi ra điếm cùm như hôm nọ nào.

Mẹ Bồng cau mày, mắt long sòng sọc nhìn. Viên tiên chỉ phải vội vàng chạy lại:

- Chị Bồng đấy à? Này tôi bảo: Sắp có quan huyện và cả quan Nhật về hiểu dụ đấy. Chị cho cháu vào quá trong kia một tý mà xem nhé. Chị nghe lời. Chóng! Hôm nào tôi ra tỉnh tôi hỏi tin anh ấy cho. Mà này: chốc nữa tôi cho cái đĩ nhớn nhà tôi nó đong mấy bơ gạo đem cho chị.

Mẹ Bồng khuỳnh tay, vênh mặt lên:

- Ta cứ ở đây cho con ta bú. Ta cho bú xong rồi, ta cho con ta đi ôtô cơ... Ta cứ ở đây!

Phó lý càng không nhịn được, chạy đến giật lấy cái roi sơn của trương tuần:

- Giống này thì không nặng không được! Có cút ngay đi không ông quất cho mấy roi đây này...

Mẹ Bồng vung mạnh cánh tay:

- Bà chẳng đi đâu hết. Bà cứ đứng đây bà bế con bà xem. Quan huyện bà cũng đéo sợ. Chúng mày ăn l... bà đây này...

Tất cả mọi người đều tái mặt. Tiên chỉ vẫn cười nhẹ:

- Này chị Bồng, chị Bồng này, tôi có nói gì chị đâu! Đứng trong kia đông người xem càng vui thì chị bế cháu vào. Tôi chỉ bảo có thế thôi. Chóng! Nghe tôi rồi tiện chuyến ôtô này tôi tìm ngay anh binh Bồng về cho.

- Chẳng bảo ban gì hết! Chẳng vui vẻ gì hết! Bà cứ đứng đây bế con bà chơi. Bà xem xem mặt mũi những thằng nào con nào xúi giục binh Bồng bỏ bà, cắm đất, cắm nhà, lấy thóc của bà...

- Không! Không có ai xúi giục gì anh Bồng đâu! Anh ấy ra Hà Nội làm trong trại lính mấy tháng rồi về mà! Chị cứ vào trong giải vũ kia. Các quan về, tôi sẽ thưa với các quan ký giấy gọi anh về ngay cho chị.

- Bà chẳng cần thằng binh Bồng về nữa. Nó đã bỏ bà rồi. Thằng lý Tơ đã lấy hết đất, hết thóc của nhà bà rồi. Lấy đất lấy thóc của nhà bà để mẹ con bà đói bà khổ thì còn tốt cái gì. Bà cứ ở đây. Bà cứ đứng ở đây xem đứa nào có giỏi làm gì bà thì làm...

Tóc gáy mọi người càng ngược lên. Chánh hội và lý trưởng cùng bọn kỳ mục đứng túc trực ngoài cũng đều vò đầu vò tai xua xua tay cho phó lý và trương tuần.

- Này thì bà cứ đứng! Này thì bà cứ đứng!...

Trương tuần vung tay túm lấy cánh tay mẹ Bồng, kéo giật chị mấy cái rồi lôi đi.

- A... a. Cha mẹ nó này... bỏ bà ra nào... Chúng mày lại cứ việc cùm bà... Bà đéo sợ... Bà thì bà phá cùm, bà cứ đi... Bà cứ đi ra đây bà đứng... Bà hát nữa... Bà xem chúng mày lấy thóc của nhà bà đưa đi đâu nào?

Trương tuần càng siết cánh tay vùng vẫy của mẹ Bồng. Bỗng hắn thét lên "ối" một tiếng, đoạn bưng mặt lịm đi. Máu ở mặt hắn vọt ra như bị móc theo cả lòng con ngươi mà những móng tay sứt sẹo của mẹ Bồng bổ vào. Ngay đó

trên một xe ôtô bóng loáng đỗ lại giữa cửa đình, viên quan huyện xuống, áo gấm thẻ ngà xúng xính, lom khom cười, mở cửa và ngả cánh tay ra. Tên quan Nhật lạch xạch thanh kiếm lạnh lùng bước qua mặt tên quan huyện. Nhưng cả hai tên nọ vừa quay bước tiến vào sân thì lùi ngay người, nhớn nhác nhìn. Mẹ Bồng, một tay ôm con, một tay quơ lấy cành hoa râm bụt chạy ra cửa đình, khua khua lên, chồm chồm vào xe các quan đỗ mà chửi:

- Quan huyện bà cũng chẳng sợ. Quan Nhật bà cũng chẳng sợ. Bà chẳng sợ thằng nào hết. Chúng nó có giỏi về đấy bắt nốt mẹ con bà đi... lấy thóc của mẹ con bà đi... dỡ cửa dỡ nhà của mẹ con bà đi...

- Cái gì thế? Cái gì thế?

Trước những tiếng hỏi dồn dập, giọng sang sảng của tên quan huyện gần như vỡ ra nọ, bọn kỳ dịch ríu cả lưỡi:

- Bẩm quan lớn không ạ! Bẩm quan lớn không ạ!

Mẹ Bồng cười khanh khách tung vào mặt tên quan huyện mấy cái rồi lại chửi:

- Cha con đẻ mẹ mày, cái thằng mặt nhẫn như mặt gì kia. Mày ăn đầu ăn đuôi bao nhiêu thóc của làng bà... mày tậu ruộng làm ăn, ăn sung mặc sướng để mẹ con bà đói. Vườn đất nhà bà mất rồi, còn cái áo dạ lính của chồng bà mặc rét đi cày, bà cũng phải lột ra bán, còn mấy vuông vải mới nhuộm nâu để may áo cho con, bà cũng lột ra bán... Mày ăn chán, mày để cho chánh tổng, lý trưởng chúng nó ăn của bà. Chúng mày nhâu nhâu vào ăn thịt mẹ con bà. Cha con đẻ mẹ chúng mày... Chúng mày muốn rước Nhật, rước Tây về bà cũng chẳng sợ...

- Kìa lính... chúng bay...

Hai tên lính chưa kịp cất tiếng "Dạ", mẹ Bồng đã xốc con chồm hẳn lên

tận mặt hai tên quan nọ:

- Chúng mày kéo nhau về đây định ăn thịt mẹ con bà phải không? Phen này bà nhất sống, nhất chết với chúng mày chứ không để cho chúng mày làm khổ mẹ con bà mãi đâu!...

Cặp mắt lừ đừ một mí của tên quan năm Nhật quắc lên. Nó thoáng đưa nhìn những vòng người xanh xám, nhớn nhác, lào rào ở giữa những đống quang gánh lởm chởm đầy sân đình và những tên lính đã nhẩy cả xuống đất chĩa lăm lăm.

Chị Bồng bỗng thét lên vì hai bàn tay như móc sắt của hai tên lính khố xanh nắm chặt lấy cánh tay mình. Chị quằn người lại vùng vằng.

Đứa bé cắp bên nách mẹ cũng thét lên theo. Hai tên lính càng thở hồng hộc, cố lôi mẹ Bồng đi... Thịch, con bé tuột xuống đất. "Ái giời ời". Một tên lính chùn người lại. Mẹ Bồng lại ngoạm vào tay nó. "Ái giời ơi". Tên lính thứ hai nữa kêu lên. Cái miệng nghiên nghiến sủi bọt của mẹ Bồng nhay đứt hẳn vào tay thằng lính. "Ái giời ơi!" "Ái giời ơi!"... Những tiếng kêu rống lên. Không chỉ với hai hàm răng mà với cả mười móng tay, mẹ Bồng vừa cắn vừa cào, vừa rứt, vừa xé bất cứ chỗ nào của hai kẻ địch. Tên thứ hai cũng lại ôm mặt bỏ chạy. Tên thứ nhất nằm lăn ra ôm lấy chỗ hiểm mà tru tréo.

Cặp mắt mẹ Bồng căng nẩy lửa. Chị thét lên, nhẩy chồm chồm. Chị chửi rít lên một hồi nữa rồi đứng khuỳnh hai cánh tay nhìn, một lúc rồi choàng người chạy chạy. Chị cuống quýt tìm tòi rồi òa lên cười. Chị cúi ôm chầm lấy đứa con, bế nó lên,vừa nhẩy vừa reo:

- A con ta đây. Con ta đây rồi!

Cái miếng vải mướp chị Bồng quấn cho người với dây dợ cành lá tung ra đất. Chị nhặt lấy quấn quấn ủ cho đứa bé rồi chạy té đến bên một đống thóc.

Chị trèo lên cái chồng bao xếp ở gốc cây có tấm bia đá, lại ngồi giạng thếch hai đùi ra, vênh mặt lên nói:

- Ta cứ ru con ta ở đây!... Ta ru con ta... ta cho con ta bú đến năm mười tám cơ (giời ơi - Chị Bồng nằm xuống). Chị để núm vú vào miệng đứa bé. Chị vỗ cả lưng nó và vỗ xuống bao thóc, xoa xoa bao thóc, tay luôn luôn múa lên vừa hát. Đột nhiên chị Bồng nhỏm dậy. Mắt chị lại long sòng sọc nhìn trước mặt:

- Đấy thằng nào có giỏi thì cứ đến đây ăn cướp những đống thóc này của làng bà. Thóc làng bà thì bà giữ lấy. Nộp mãi thóc để làng bà chết đói à? Hí hí... (chị Bồng vừa đếm vừa cười) một đống... hai đống... ba đống... bốn đống... lại còn bao nhiêu thóc gánh nữa kia. Thóc nhà bà cũng có. Chuyến này nhất định bà không nộp cho đứa nào nữa để mẹ con bà phải ăn đói. Bà cứ ngồi đây suốt đêm coi thóc cho làng. Bà thổi ngay cơm ở đây bà ăn. Bà ăn cả ngày rồi cho con bú cả ngày. Bà cho con bà bú đến năm mười tám thì cũng gả chồng. Đây bà ru rín cho con bà cho chúng mày xem đây này...

Những ngón tay cóc cáy lại thấm nước bọt chùi chùi cái đầu vú beo. Đứa bé lại ngả đầu vào ngực mẹ mà nún nún với cặp môi đỏ nhợt, vừa lờ ngờ ngước mắt nhìn mẹ. Nắng chiều chếch qua đống thóc làm thành một làn bụi lớn vởn nhẩy múa bay chung quanh hai hình hài gầy đét, đen sạm, mồ hôi ròng ròng.

Chợt mấy tiếng hiệu lệnh gằn lên. Có tiếng lách cách lưỡi lê tuốt và súng lên đạn. Sau đó, tiếng giầy thình thịch tủa ra mấy phía. Những vòng người ngồi xệp trên nền đất giật thót mình trông cả ra đình. Mấy người nhấp nhổm đứng lên vừa líu ríu gọi nhau. Tên quan Nhật long mắt đưa nhìn, nghiến thêm một tiếng nữa:

- Im... im... hễ đứa nào đứng dậy hay nhốn nháo thì cả làng sẽ bị bắn chết hết.

Tiếng gầm ra lệnh của tên quan Nhật vừa dứt thì một tên Nhật cũng mặc quần áo chẽn nhưng chỉ đeo súng lục chứ không có kiếm tiến lên bước nữa và nhắc lời viên quan thượng cấp:

- Im... những con ma đói và con chó đói này phải im... phải ngồi im... không chết hết.

Hắn và năm tên lính cắp súng chạy trước vào sân đình, đứng chiếm lấy hai bệ gốc cây bàng. Đồng thời mười tên lính khác sầm sập cắp súng chạy tỏa ra chung quanh... bịch... bịch... Tên quan Nhật ngoắt tay ra lệnh cho tên huyện. Hai tên cùng đi lên đống thóc mẹ Bồng ngồi. Roạt... lưỡi kiếm sáng toát tuốt ra. Mẹ Bồng vừa chớp mắt nhìn lên thì cả một sức mạnh chém xuống. Cánh tay trái người mẹ nọ sả ra với nửa mình đứa con. Hự... óc phọt lên... cổ và cánh tay người mẹ sả xuống nốt. Hai cái xác xối máu. Cái to nhớn chồm lên rồi lăn xuống đất ôm đè lên cái bé nhỏ.

Vẫn không một chút đổi nét mặt, cặp mắt một mí lừ lừ nọ hất lên nhìn... Nhiều người cúi rạp xuống, nhắm mắt và run bắn. Ở cái bàn trước gian chính giữa đình, tên Nhật đeo súng lục quay lại bảo tên thông ngôn:

- Hỏi lý trưởng có đúng bốn trăm tạ thóc không? Bảo những thằng lính khố xanh và tuần phiên ra cả mé kia cùng với phu làng chuyển thóc lên ôtô... còn dân làng chúng mày trông gương kia... Ngồi im... Phải ngồi im. Thôi... Cả lũ lý trưởng, phó lý, phu lính chúng mày thừa lệnh làm đi, chuyển thóc lên xe đi. Làm đi!... Những giống chỉ đáng ăn cứt!...

1945

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Tiếng Nói

Tất cả mặt mày họ đều đen lại rồi, đen lạ lắm, như là bằng than đốt đỏ lên rồi dúng nước vậy. Da họ nứt hết. Mắt càng trũng xuống, càng vàng lờ, càng ngờ nghệch. Trông họ càng bần thần. Bàn tay họ như không phải của họ, thỉnh thoảng lại quờ quờ lên mặt, tìm một cái gì đó trong không khí, run run đưa vào mũi, vào miệng đoạn từ từ bỏ xuống và mắt dần nhắm lại...

Trời không nắng chói. Bụi và nắng mờ lẫn lộn. Ở trên cao, những cửa sổ mở ra lừ đừ như những con mắt bệnh tật. Khói nhờ nhờ đùn lên. Mây nhợt nhạt chạy xuống với những quầng sáng đục ngầu. Dưới đường, ở các ngã tư, các phố buôn bán, không thấy "họ" qua lại nhiều như trước. Họ đã nằm gần hết. Họa hoằn mới có kẻ ngồi thì thường là trẻ con. Chúng nó lạy và kêu như những cái máy, van xin cho mẹ, cho bố, cho anh, cho em, hoặc đã chết, hoặc gần chết, nằm bên cạnh chúng nó.

Đầu phố nọ, cũng ở dưới một chân tường bừa rác và cứt đái, mấy dãy người cũng đã nằm xuống rồi. Nhưng ở trước khu nhà bị bỏ bom tan hoang có một người đàn ông cũng gầy guộc, cũng đen sạm, mắt cũng vàng lờ, tay cũng lờ quờ, từ hôm đến đây cũng chỉ ngồi. Anh ngồi cạnh một cái cổng sửa chữa ôtô bửa ra làm đôi. Sau lưng anh, một hàng rào sắt bị bật lên, những gióng sắt rúm lại dàng dịt với nhau. Cách vài bước, cả một đống kèo cột, gạch ngói ngổn ngang lẫn với cỏ với rác. Anh ngồi lên một cái chiếu lành hẳn hoi, xa hẳn những xác chết thành dãy nọ, cách hẳn một quãng hai cột đèn, và, tuy chỗ anh cũng gần một đống rác nhưng không nhớp nhúa ruồi nhặng.

Suốt ngày, suốt đêm, bốn hôm rồi, anh chỉ ngồi ngả người vào cái cổng nọ

nơi anh đã khật khừ ôm chiếu đến. Lúc nào anh ngủ là lúc hai con mắt đờ đẫn nhắm lại, hai cánh tay cứng nhắc bỏ thõng trên đùi. Trong khoảng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, những giấc mơ như thế gộp lại chỉ được ba bốn giờ là cùng, còn thì hai cái lỗ mắt kia cứ nhìn không thể hiểu để làm gì mà chẳng thấy anh ngước lên, lạy van ai một tiếng.

Mấy nhà gần đấy đã phải để ý đến người đàn ông nọ. Họ lấy làm lạ cho cái người đói ấy bị bệnh gì hành mà lại ngồi như thế, không ăn gì, không xin ai. Đâu như một buổi chiều có một người phu xe hạ càng xe xuống trước mặt anh ta, lắc đầu nhìn, rồi lay gọi. Người đàn ông đã mở choàng mắt, đăm đăm nhìn lại người nọ song vẫn không cất tiếng. Mãi sau người phu xe phải cúi xuống đón lấy hai bàn tay của người đàn ông nọ, quờ quạng đưa lên, vừa rung rung, vừa vẫy vẫy, lào thào không hiểu nói gì. Một lúc sau, cả hai người im lặng. Cuối cùng người phu xe đi ra máy, lấy cho người đàn ông một ống nước đầy, đặt cẩn thận bên mình anh, rồi kéo xe đi.

Thế thôi. Hôm ấy tới giờ đã bảy hôm. Không một ai cho người đàn ông cái gì, và không thấy anh ăn cái gì cả.

Tối hôm ấy là hôm rằm. Giăng vằng vặc, giời xanh ngắt, vẩy tê tê từng khoảng sáng như vàng. Gió đi đâu hết, bụi cứ mịt mù. Những xưởng máy càng ngùn ngụt ánh đèn điện, ánh lửa lò than, lửa lò hàn xì. Trên những ống khói, khói và tàn than đỏ chốc chốc lại phì ra, làm khu phố rực lên như cháy và những tòa nhà sụp đổ tan hoang hiện ra như ở tự một đời giặc giã man dại nào.

Người nào người ấy hễ ngơi tay quạt mồ hôi lại vã ra. Ai cũng kêu nhà mình nóng như cái hầm và vác cả ghế ra hè ngồi nói chuyện.

- Này hai bà! Hay cái người đàn ông ngồi chỗ gara bị bỏ bom ấy chết rồi.

- Việc gì người ta chết!...

- Họ không chết sao tôi không thấy đụng đậy, ăn uống, nói năng gì cả?!

- Thì cứ phải động đậy, phải ăn, phải nói cho bà xem mới là sống ư?

- Hắn chứ lại.Tôi thì tôi cho người ấy thế nào cũng chết ngồi.Vì cái nghiệp đói nó làm cho người ta cứ lả dần đi rồi chết lúc nào không biết. Mà nếu họ chết, thì khi còn sống họ nằm co quắp, thì chết cũng nằm co quắp, khi còn sống họ gục xuống thì chết họ cũng gục như thế. Vậy giờ người đàn ông nọ ngồi như thế không khéo đã chết rồi mà hai bà không biết, hay rồi họ chết thì thế nào cũng cứ ngồi như thế mà chết.

- Tội nghiệp! Sao giờ lại sinh ra nhiều cái chết khốn chết nạn như thế?!

- Dào... chả tội nghiệp gì hết!... Thân làm tội đời cả thôi. Những ngữ này lúc còn mạnh cái chân, sáng con mắt, khỏe mạnh cứ ăn nhồi ăn nhét cho thật đẫy tễ, rồi lúc không có việc làm, hay vấp phải ốm đau thì rạc ngay người đi, mấy hôm đói là chết thôi...

- Tôi thấy nói dưới trại Giáp Bát, Giáp biếc gì gần Văn Điển ấy, người ta nuôi cho ăn, vậy sao họ cứ đi ăn mày, không chịu xuống đấy nhỉ?

- Gớm cái bà này mới quái chứ! Vậy cả như bà thì không lạc quyên, không cứu tế, không thương , không giúp... thì làm gì bây giờ?!...

Một lúc lâu sau mới lại có tiếng nói cất lên, và tiếng nói nhẹ hẳn đi, hơi run run:

- Làm gì?!... Các bà tính còn làm gì bây giờ được nữa!... Như chồng mình đi làm, lương tháng ba bốn trăm bạc, con cái hàng đống, nhà cửa thuê, lần hồi buôn bán cầm trong tay bạc nghìn mà cũng chẳng ra gì. Hễ động mua hàng gì thì lại hạ, rồi có lỗ, có muốn vay mượn xoay xở vớt vát thì những đứa có của chúng nó thấy vàng không có, kim cương không có, nhà cửa chồng con thế kia, chúng nó chối ngon chối ngọt... Đấy cảnh mình thóc gạo kém cót, mà

còn lo lắng chạy vạy ăn như thế huống hồ... Rồi đây lại còn kém nữa, đồng tiền lại còn mất giá nữa, lại còn nay chạy báo động, mai chạy báo động thì mình cũng đến chết cả mất!...

-Thôi!... Thôi!... Không nghe những chuyện ấy đâu. Gớm!... Chuyện gì chẳng chuyện lại cứ những chuyện chết chóc ấy!...

Tiếng quạt phành phạch một thôi một hồi, ngắt nhời mọi người lại. Sau đó lại im lặng. Lần này một bà chỉ ngồi nghe đến giờ mới nói:

- Các bà này! Thôi ai thế nào mặc ai! Còn đổi đời đến thế nào nữa mình cũng chỉ nhờ giời... Đấy tôi chỉ còn nghĩ thế... Còn như mình đối xử với những người ăn mày thì mình phải tùy từng người mà đối xử. Như con mẹ cứ đến đêm lại đánh con nó để con nó khóc thét lên làm hàng phố phải cho cơm, hay như cái lão già gần về sáng mình chợp ngủ lại dắt cháu đến mà khóc kể lể rầm phố, thì mình không cho cũng không được; chứ như cái người đàn ông ở cổng gara bị bom nọ, tôi thấy thế nào mình cũng phải cho người ta. Người ta có được cơm cháo gì của Cứu tế cho hay không mình không cần biết, mà mình chỉ nên nghĩ rằng mình cho người ta được miếng nào , người ta biết thêm miếng nấy, rồi nếu người ta có chết nay, chết mai, chết khốn, chết nạn thế nào, người ta cũng đỡ oán hận rằng ở gần những nhà còn có ăn có uống, người ta ngồi đói như thế cho đến lúc chết mà không được qua một miếng gì.

- Ừ, thì cho người ta... cho người ta để được phúc đức về sau thì còn gì hơn!... À mà hôm nay cúng rằm, bên bà còn những gì đấy?

Tiếng cười đáp lại:

- Không!... Thưa bà đã mấy tháng nay tuần rằm, cúng giỗ nhà tôi đều tinh giảm đi rất nhiều, chỉ còn hương hoa thôi. Các bà tính bày vẽ ra mâm nọ mâm kia bây giờ nào có ít ỏi gì! Rồi khi mình ăn lại cứ lờm lợm, ghê ghê nghĩ đến những ruồi nhặng và người chết chung quanh thì còn ai dám bày vẽ

ra nữa?...

- Thế bà định cho gì? Nhà giáo mô phạm nói có khác!...

- À... Chiều nay cả tôi và cháu cứ váng vất thế nào ấy, tôi lại bảo cái nhà Cả nó nấu nồi cháo đỗ đen cả nhà ăn cho mát. Ấy chẳng đường tây, đường ta gì mà bốn cháu chúng nó mỗi đứa cứ hàng bát to ăn ngon đi. Còn một bát để phần thầy cháu đi dạy học về, nhưng giờ chưa thấy thầy cháu về thì thôi đem cho người đàn ông nọ để bác ấy ăn... Hôm nay tôi, mai bà nào có gì cho nấy.

Cả bọn ồn ào đứng lên... Một người con gái của một bà được gọi ra bưng bát cháo của bà có chồng đi dạy học xăm xăm đi trước. Một cột đèn... một cột đèn nữa. Mùi thối đã thoang thoảng. Không bảo nhau, mấy bà đều chậm bước không dám khạc nhổ nữa, chỉ bưng mũi. Một bà đã toan bảo mấy bà hàng xóm quay lại nhưng thấy đến chỗ người đàn ông nọ chỉ còn vài bước và không phải qua một xác chết nào thì lại cứ đi.

- Này!... Này!... (Đến bên người đàn ông, người con gái nọ lấy chân đá vào đùi anh, gọi) - Tôi cho cái này đây...

Người đàn ông như không nghe thấy và không biết rằng có kẻ thích hắn guốc vào mình. Anh chẳng đụng đậy và cũng chẳng lên tiếng. Người con gái vừa đá vừa gọi nhiều nữa mà người đàn ông vẫn không nhúc nhích.

- Đấy! Tôi nói có sai đâu, chết ngồi rồi!

- Chết! Việc gì mà người ta chết! Chết mở mắt nhìn và bụng vẫn thở thế kia à?

- Ừ thì chưa chết hẳn mà chỉ chết đến mỏ ác thôi.

Người con gái mới gội đầu xong đương hong tóc, sốt ruột liền gí bát cháo vào tận miệng vẫn he hé nọ:

- Đây cháo có cả đường đây. Có ăn không? Này! Cầm lấy mà ăn.

Mọi người đều giật mình, suýt lùi bước chạy.

Người đàn ông bỗng quờ tay lên, mắt trắng lờ đờ đưa đẩy vừa nhìn vừa lắc đầu, thều thào:

- Không!... Tôi không ăn đâu!...

- Không với không gì nào! Cháo đậu xanh sánh sành sạnh với đường cát của người ta đây mà!

Người đàn ông nhăn rít mặt lại, chỉ lắc đầu thôi, không đáp.

Bà có con gái bưng hộ cháo cúi hẳn xuống:

- Ốm đau mệt mỏi cũng phải cố mà ăn đi chứ! Ngồi nhìn mãi được à? Này, này cháo nhà bà giáo mới nấu chứ chẳng phải cháo ôi cháo vữa gì đâu. Bà ấy thấy bác từ hôm đến chỗ này đói mà vẫn giữ gìn sạch sẽ và chẳng được ai cho cái gì, thương tình bà ấy mới đem cho, chứ chán người đang sa sả kêu van kia kìa...

Người đàn ông chớp chớp mắt rồi giương hẳn mắt lên, nhìn như bật con ngươi ra những cái đầu người cúi cúi ở trước mặt mình.

- Tôi không ăn gì nữa... Tôi không ăn gì nữa... Tôi không muốn ăn là không muốn ăn chứ có phải tôi ốm đau đâu... mệt mỏi gì đâu!...

- Không ốm không mệt sao lại đến đây ngồi? Rõ nợ! Người ta đã bưng thức ăn đến tận miệng còn vẽ...

Cái giọng gắn nọ chưa dứt thì người đàn ông nhắm mắt lại thiêm thiếp như trước.

- Thôi không ăn thì mặc, cái Liên bưng về đi. Giở chứng ra đấy chứ gì!

Người con gái cũng gắn tiếng:

- Phải họ sắp chết nên giở chứng ra đấy!Con bưng về cho người ăn mày góc phố và bảo mấy thằng phu rác đêm nay thế nào cũng phải tống cái ngữ này đi chỗ khác như cái con mẹ đánh con và cái lão già dắt cháu khóc ấy!

Bà mẹ vội quát giật con gái lại:

- Con ranh này để hỏi tí nữa xem nào! (Bà lấy tay lay vai người đàn ông) - Này bác, bác bảo không ốm đau, không mệt mỏi, ừ thì bác không ốm đau, không mệt mỏi, nhưng dù thế hay không thế, bác cũng cứ húp mấy thìa cháo của chúng tôi xem nào...

Lần này, sau khi hai con mắt lờ ngờ kia mở ra nhìn trừng trừng mọi người, thì toàn thân người đàn ông run bắn lên. Không phải một cánh tay mà cả hai cánh tay của y giơ lên, lật bật đẩy cái bát cháo kề vào tận miệng mình:

- Không!... Bà ơi!.. Cám ơn bà... tôi không ăn đâu!...

- Khổ quá!... Bác này lạ quá!... Ăn đi!...

Tất cả cái khổ mặt xương xẩu và đen sạm nọ lại nhắm rít lại, và trên những nét nhăn nhó đó có hai con mắt sâu hoắm không tối nữa, long lanh sáng hẳn lên:

- Các bà... Xin cám ơn các bà...các bà cho tôi. Xin cám ơn bà... Nhưng tôi đã thề tôi không ăn tí gì nữa. Giờ các bà thương cho tôi... Nhưng mai...mai thì sao?... Hay cho dẫu tôi lại được ăn ngày mai thì lại còn... lại còn ngày kia... Ngày kia... Ngày kia các bà... và mọi người có thể thương... thương cho tôi mãi được đâu? Kém đói! Ăn mày... ăn mày... không!... Không!... Chúng tôi chỉ muốn đi làm... đi làm thôi! Nhưng giời làm đói kém quá... hự... giời lại

không còn để... Không để cho những... người nghèo khổ có công ăn việc làm gì, mà thóc gạo lại bị thu cướp... càng ngày càng đói kém. Hự hự... giời muốn những người nghèo khổ chết đói... chết đói... chết đói hết... Tôi... hự... các bà thương cho tôi ăn... Xin cám ơn các bà... nhưng không... Tôi không ăn mày... không ăn mày... Tôi chỉ muốn đi làm... đi làm... đi làm... tôi... tôi... các bà... bà... bà....

Người đàn ông nhắm mắt lại trong khi tiếng nói vẫn lào phào nức nở. Sau cùng cái đầu bù lại ngả vào tường. Người đàn ông lịm hẳn...

Gần về sáng đêm ấy, một trận gió ào lên với những hột mưa lộp độp. Không được năm phút, khi gió tắt thì mưa theo. Cái nóng lại ngụt lên. Sáng ra người ta thấy người đàn ông không ngồi bên cái cống bị bom đổ vỡ mà lăn đến một gốc cây ngoài bãi cỏ, mặt sấp xuống, môi và răng bê bết cát, cắn vào một miếng đất bật lên bằng nửa miệng chén với những hằn răng lỗ chỗ. Hôm sau và mấy hôm ròng nữa, cái xác khô đét, đen sạm ấy lại cũng như những cái xác trần truồng và bê bết cứt đái khác, cứ nằm phơi nắng, phơi sương mãi...

1945-1946

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Một Buổi Chiều Nhà Quê

Cánh đồng lác đác còn vài bóng người. Mặt trời đỏ ngầu; hơi đất ngùn ngụt; ruộng bãi, ao đầm và làng mạc mờ mờ như trong một màn khói tỏa ra với lửa than vạc. Trên con đường cái xứ bỏng giẫy, lồi lõm, lầm bụi, người đi làm về đều phờ phạc. Mặt họ đen sạm lại, mắt họ vàng lờ lờ, mồ hôi họ ròng ròng khắp người... Không có một tiếng nói.

Vác những cày, những cuốc, những bờ cào, những gầu... đàn ông, đàn bà chỉ còn những bước gần như lảo đảo. Bên cạnh họ, những con trâu càng ì ạch, phập phì, luôn luôn đứng dừng hẳn lại, sừng chúi xuống vùng vằng và mắt loáng lên, dưới những cái dây thừng quật đen đét. Những vũng nước đã lướt qua; những vũng nước chỉ còn mấy vúc nữa là hết của những cái đầm mọi khi mênh mông, lá sen giải ra xanh rợi, lóng la lóng lánh.

- Người đi làm đồng đã về cả rồi kia kìa... Gái ơi! mày đã nấu bèo cho lợn và đã dọn cơm nước xong chưa mà đã tót đi đâu không thấy hồn vong bóng vía thế hở? Giời với đất, nắng gì mà nắng mãi thế này? Đất khô như rang, lúa má chết hết cả rồi. Giặc hại đằng giặc, giời hại đằng giời, sống làm sao được?

Một người mẹ vú thâm sì chẩy hết ra ngoài yếm, chưa đặt xong cái gầu xuống thềm đã phải đón lấy đứa con mũi dãi ngoen khắp mặt. Y vẩy vẩy cái vú vào miệng con đoạn thì cuống quít với lấy cái quạt nan quạt phành phạch vừa rền rĩ gọi.

Đằng phía phủ, những tiếng thùng thùng từng hồi một bỗng vang lên dồn dập, làm nhiều người hai bên phố bổ ra, nhớn nhác:

- Trống gì thế? Trống gì thế?

Một người mẹ đương bế con chỉ trỏ những chiếc diều trắng, tít tắp ở trên cao, cũng sửng sốt quay về phía tiếng trống. Giây sau, y reo lên:

- A... trống Bình dân học vụ. Hôm nay dưới phố phủ, Bình dân học vụ họ đánh cả trống gọi học trò đấy...

Người mẹ này dứt nhời, mấy đứa con gái đã đi đến, ríu rít:

- Mày cũng đi học à?

- Cái Thơm nó vẫn còn phải bế em à?

- Tao rủ được cả cái Tý nó đi học cơ.

- Ngòi bút tao mới thay tốt lắm. Chú tao làm ngoài Hà Nội cho tao đấy. Tao giả lại ngòi bút này anh giáo viên phát chứ tao không lấy đâu.

- Ê... ê... đi học biết chữ mà còn xấu hổ. Thế đi chợ không đọc được biển phải đi lối "đường mù" thì không xấu hổ!

Ở những căn nhà so le và tối mờ hai bên phố, người ta đều ra cả đường mà nhìn. Mấy người mẹ bồng con chơi trên hè cạnh những con chó đú đởn, buông hẳn con xuống, xua xua tay:

- Thôi đi học đi... đi học với các "đồng chí" đi. Nhớn rồi phải đi học chứ ai lại còn ôm chằng chằng lấy mãi cái vú thế này!

Không khí bỗng chuyển hẳn lên, ồn ào tấp nập. Mọi người đều trông về con đường qua bãi cỏ rộng trước cái cổng phủ cũ kỹ còn lại của một tòa thành xưa.

Huỵch... huỵch... huỵch... Một... hai... một... Một... hai... một...

Đám đông tiến lại, rõ mặt dần. Người quần áo nâu ngắn, người quần vàng áo nâu, người áo đen quần nâu, người cởi trần quần xanh, người áo cuộn lên trật cả rốn, người mặc mỗi áo tây phanh rộng cái ngực thây lẩy, lông lá. Họ đi đều tăm tắp, bước chân nện đến lõm đất, tay vung vẩy soàn soạt, súng gỗ, gậy gỗ, gậy tre lố nhố.

Một... hai... một... Một... hai... một...

Mặt người nào người ấy ngước lên, rắn chắc, đăm đăm. Nhất là mấy người đi đầu được bồng súng thật và đeo lưỡi lê hẳn hoi. Mắt họ quắm quắm hơn; ngực họ phưỡn hơn, những thớ thịt nâu nhẩy rung rung hơn. Hơn ba chục bước chân nọ như không thấy gì ngoài đằng trước: con đường ngoằn ngoèo về làng và người chỉ huy đi bên trái, mắt nồng nàn chăm chú.

- Toàn những người đi làm thuê ở trong làng nhỉ.

- Ừ toàn những người phải chạy gạo đi tập chứ chả thấy giai công tử nhởn nhơ nào cả nhỉ?

- Công nhân đấy! Họ vào "công nhân" đấy! Có người vừa đi làm, đi chợ về không kịp ăn uống gì mà cũng cứ tập ngay...

- Thôi đi mau lên không lại bị "phê bình" bây giờ... Hay có nhớ "anh" nào thì bảo chúng tao để chúng tao...

Câu nói trên đây là của mấy người con gái đã nhớn run đẩy, cười nói líu ríu. Trong khi ấy lũ trẻ con giai đã chạy ùa đến trường, reo hò ầm ĩ, theo sau lũ trẻ con gái hồn hà hổn hển, mát mẻ, dằn dỗi, gọi nhau choe chóe...

Mặt trời chìm hẳn. Vùng tây đỏ như gấc, dần tím bầm lại. Những ngọn cây, những luỹ tre, những nóc đình chỉ còn những đám đen mờ mờ. Con đường tầu chạy hút về xa, cao bật lên, chơ vơ những cột dây thép vướng víu những đám hơi nước. Những tiếng ộp oạp, ri rỉ trùm lên cánh đồng xám nhợt.

Toàn dân nước Nam giờ đây quyết tâm...

Đứng lên tranh đấu xích xiềng đập tan...

Tiếng hát vang động xa dần... Một điệu khác lại nổi lên:

Du kích quân, du kích quân...

Toàn dân trông ngóng... du kích quân, du kích quân.

Tiếng thình thịch mất hẳn. Chỉ còn tiếng hát văng vẳng trên dải đường đá nóng rát chạy thành một vệt chì trước những gian nhà tối om, nhô ra, thụt vào, cái bằng gạch cửa sắt, cửa gỗ kín mít, cái bằng lá xiêu vẹo, úp xúp, trống hơ trống hoác.

***

Tiếng trống càng đổ dồn. Trong một khoảng tối âm u ánh đèn bỗng rực lên.

Lớp "Bình dân học vụ" của phố phủ sắp giảng. Đó là cả gian đình mái mốc rêu dưới một đám cây si cành rễ chằng chịt và hai gốc bám đầy những mấu sù sì, lá xếp hàng chục tầng. Bốn cái bàn học trò hẳn hoi kê ở dưới cùng. Hai cái bàn có ngăn kéo kê ở phía trên, chung quanh ghép mười hai cái ghế dựa khác nhau. Hai cái bàn học trò nhỏ đã ọp ẹp và hai cái chõng gần mất hết nan, kê chếch hai bên lối đi, châu đầu ở hai bên bảng. Trên cùng, một cái bàn ba ngăn kéo nứt nẻ, khập khiễng, cũng quây hơn mười cái ghế dựa, dùng cho cả giáo viên và học trò. Từ bực cửa bước vào, người ta đã vấp phải ngay những bàn ghế. Muốn đi, người ta phải len lỏi qua những hàng ghế hay trèo qua bàn.

Sân trường ban ngày họp chợ. Mấy hàng gạo, hàng rau, hàng mắm muối, hàng thịt dọn ra la liệt trên mặt đất. Mấy người đàn bà hàng phố độc quyền

buôn bán ở đây với những chỗ bóng cây và lát gạch. Đường cái xứ chạy ngang ngoài kia, đằng sau lưng đình mà mặt tường bao giờ cũng chi chít những hình người, những chữ những giấy, những biển và cả những cái rất quái quỉ, kệch cỡm. Một cái chợ thứ hai giăng ra ở ngoài này, cái chợ của những hàng nước, hàng cơm, hàng quà và lúc nào cũng xúm xít những phu xe.

Rác rưởi chưa dọn, bốc lên tanh nồng nặc. Thêm vào đó, những mùi bùn, mùi bèo thối của những ao đầm ngập ngụa bẩn thỉu gần đấy.

Trong cái đám lủng củng những kèo, cột, hoành phi và câu đối, ánh đèn đã bớt xô động. Những cái đầu đã nổi riêng ra thành hàng. Nhưng tiếng nói càng ồn ào, càng ngùn ngụt. Tiếng nói ở cả bên ngoài của mấy lớp trẻ con, đàn bà bồng con, dắt cháu, cõng em chen chúc nhau kín mít cả mấy bực lên xuống, cố rúc đầu vào xem cho kỳ được.

Chát... chát..., cái thước kẻ gõ lần nữa xuống bàn:

- Các anh chị em giữ trật tự..., các anh chị em sắp sửa chào cờ.

Người nữ giáo viên béo núc, tóc húi ngắn nhưng vẫn chít khăn vuông, áo cánh trắng chẽn, quần đen, thắt lưng xanh múi lệch, cố lấy giọng oai nghiêm cất lên. Sau đó, hai ngọn đèn phía trên lại được vặn lại cho đều lửa. Rồi người nữ giáo viên ấy hô:

- Đứng dậy... nghiêm. Chào, chào...

Bàn ghế sầm sầm, một loáng sau im bặt. Tất cả bên trong và bên ngoài đều đắm về phía trước mặt sáng rực lá cờ đỏ sao vàng treo trên bảng đen... Chát... chát... Thước kẻ lại gõ. Bàn ghế lại rung chuyển. Mọi người ngồi xuống, vẻ mặt choáng váng.

- Hôm nay các anh chị em học ôn lại bốn bài vừa học... Các anh chị em

vẫn nhớ đấy chứ?

Tiếng đáp ran ngay lên. Từ một mé tường, một nữ giáo viên quần áo trắng dài đi ra. Y búi tóc, trán dồ, người dỏng dớt, da đỏ phớt hồng trông lạ quá giữa cái đám học trò lúc nhúc nọ. Những nét phấn trắng rung rung dần hiện lên dưới cái bàn tay nhỏ và thon:

i t ti

Cái trán dồ ấy quay ra. Đôi mắt quầng thâm và lờ đờ nhìnn suốt một lượt. Một giọng nói khản khản cất hỏi, môi chỉ hơi mấp máy:

- Ai biết chữ gì đây?

Những cánh tay nhao nhao giơ lên. Người nữ giáo viên áo cánh trắng chẽn, cau mày:

- Trật tự... trật tự... Không được làm ồn lên thế!...

"Cái trán giồ" lờ đờ nhìn xuống bàn những người nhớn; y im lặng một lúc nữa mới gọi:

- Ông Ba... chữ gì trên bảng?

Người chỉ đọc như không nghe thấy trong khi mấy đứa trẻ cứ xăm xăm chực đứng dậy.

Giọng nói nhỏ của "Cái trán dồ" nhắc lại, run run, khi cái vóc người dầy dặn, tầm thước nọ đứng lên rồi vẫn không đọc.

- Chữ gì? Chữ gì?... Kìa ông Ba!

Người giáo viên quần cộc vàng, mắt xếch, đi đến, cau mày giục. Thì hai con mắt kèm nhèm của người học trò tóc đã lấm tấm bạc nọ càng nheo lại.

Một vẻ cố gắng đau khổ, một nét gì nứt vỡ của trí tưởng - chói hẳn lên ở những nếp nhăn tủa ra như nhài quạt ở đuôi mắt y. Mấy giọt mồ hôi dần tụ lại ở hai gò má nâu cháy, long lanh như nước mắt. "Cái trán dồ" đi hẳn xuống. Y nhìn, đuôi mắt cũng chếp lại, cái gương mặt tê dại như bị hình phạt của người học trò.

- Chữ... chữ bài học thứ nhất ấy mà...

Có tiếng nhắc lào xào. Ở bên ngoài, có thêm mấy tiếng cười:

- Rõ tội!... Ở cho bà Bá, cả ngày đi cày đã vất vả giờ lại còn học khổ, học sở thế kia!...

Anh giáo viên quần cộc vàng, mắt xếch, nghiêm giọng:

- Không ai được nhắc đấy!... Hừ!... Mà các bà bên ngoài, lạ quá...

Người nữ giáo viên áo cánh trắng chẽn, đi xuống nốt, nắm lấy cánh tay Ba:

- Hay hôm nay ông ngồi xa và chói đèn nên không nhớ ra nét chữ. Thôi... ông lên trên bảng mà đọc vậy.

- Không!... Không!... - mãi cái giọng rụt rè nọ mới thốt ra được - Đồng chí mặc tôi... mặc tôi.

Hai con mắt nhăn nheo nhíu thêm, sau cùng, tiếng nói phào ra:

- Chữ i... Hà... chữ i móc câu...

Cả lớp rầm rầm cười.

Người con gái áo cánh chẽn vội gõ thước chan chát. "Cái trán dồ" trở về trên bảng, trỏ sang chữ bên cạnh hỏi:

- Chữ gì nữa?

Đăm đắm nhìn thêm một giây, cái giọng rụt rè ấy lại phào ra:

- Chữ tờ... chữ tờ có ngang.

Cả lớp lại rầm rầm cười.

Người con gái áo cánh chẽn lại gõ thước chan chát! "Cái trán dồ" trỏ xuống hai chữ dưới:

- Ông đọc cả hai chữ này.

- Tờ i ti... tờ i ti...

Cái mớ lấm tấm bạc trên gương mặt xương xẩu cháy nắng nọ vừa dứt tiếng cúi xuống thì "cái trán dồ" chớp chớp mắt, quay ra. Y gõ nhẹ thước kẻ xuống bàn:

- Anh chị em đọc đều lên nào... Một hai... Chát!

I tờ giống móc cả hai... i ngắn có chấm, tờ dài có ngang...

Tiếng đọc ầm ầm lên, ngọng nghịu, bập bõm, sai lạc, chậm chạp, dớ dẩn, liến láu, lanh lảnh... Cái vang động nóng ngốt lên ấy một lúc lâu sau mới rút xuống.

- Dậu! Dậu lên bảng viết.

Một đứa bé con gái mắt đen láy, mặt mũi nhếch nhác, vừa đứng dậy vừa vén tóc. Nó lập cập toan mang cả bảng và sách đi ra, thì một đứa lớn kéo lại, rúc rích cười:

- Kìa! Xách hòm đi chữa khóa đấy à?

Người nữ giáo viên áo cánh chẽn chạy đến, đỡ Dậu ra hắn ngoài. Dậu lên bảng. Anh giáo viên mắt xếch bê cái ghế đẩu đến cho Dậu đứng. Nhưng con bé vẫn phải kiễng kiễng vừa hổn hển miết cục phấn, mắt đăm đăm theo những chữ mẫu. Mấy cái nét nguệch ngoạc như chữ bùa ấy lại khiến mấy người đàn bà thì thào:

- Ấy thế mà cũng hơn khối bà không viết được.

- Dào! Cứ hẳng viết được như thế. Ngày trước mình bằng cái kẹo như nó thì đi ỉa, chùi đít cũng khóc gọi người nhớn nữa là...

- Này! Bác hàng khóa bác ta nhặt nó dạo đói hồi còn Pháp, về nuôi thế mà thấm thoắt hơn năm rồi đấy. Cả như lúc lôi nó gầy đét ở giữa hai cái xác bố mẹ nó ra, thì ai còn tưởng nó sống được đến ngày nay. Ấy rồi mà thấm thoắt chả mấy chốc đâu. Cô Liên con ông Thừa Tảo đương dạy học kia dạo nào bà Thừa bà ấy nhặt về nuôi cũng còm dòm như thế mà... Nhưng quái cô ta đương học giỏi thế sao lại bỏ hắn ở nhà nghỉ, và cô ta còn con gái mà sao cứ một ngày một gầy rạc đi như thế, còn cái cô Hương hàng tấm em cậu cả Hào cũng dạy học kia càng ngày cái cửa hàng càng to thêm thì càng phây phây ra.

- Dào, hết Tây phát vé sợi lại đến Nhật nó "tẩm bổ" cho làm gì mà không đẹp? Đến bà mẹ già cốc đế mà cũng tươi hơn hớn, đâu cũng sắp lại lấy chồng nữa là... Nhưng mẹ con nhà cậu ta xung khắc thế nào ấy... Cậu ta nhất định không về ở với mẹ với em mà chỉ mê mệt vào hết tập tành cho thanh niên lại đi dạy học tối...

"Cái trán dồ" lại rung rung đưa những nét phấn lên bảng.

o ô ơ a

na mơ ta no ôtô...

"Cái trán dồ" lại vừa thở vừa gõ thước kẻ:

- Bác Ao đọc.

Một người đàn bà và một đứa con gái cùng đứng lên. Đứa con gái chột mắt, mặc coócsê trong áo nâu cổ xẻ nọ lau chau nói trước. Người nữ giáo viên áo cánh chẽn vội gõ thước.

- Cao! Cao ai gọi? Chị Liên giáo viên gọi bác Ao cơ mà!

Người con gái ấy, bán bánh tây giò chả khét tiếng nghịch ngợm và chua ngoa ở trên ga, vùng vằng ngồi xuống trong khi người đàn bà hàng rau bụng chửa trật ra cả ngoài đùm thắt lưng và dải yếm đen đủi, sượng sùng lẩm nhẩm.

- Bác đọc to lên. Chữ gì?

- Chữ o... chữ o... - Người đàn bà chửa thỏ thẻ như một đứa bé.

"Cái trán dồ" lờ đờ nhìn "người-mẹ-học-trò" của mình, thong thả hỏi tiếp:

- Chữ gì nữa? Kìa! Bác cứ trông thẳng lên mà đọc.

- Chữ ô

- Chữ gì nữa?

- Chữ ơ.

- Chữ gì nữa?

- Chữ a.

Người-mẹ-học-trò ngồi xuống đoạn, anh giáo viên mắt xếch gõ thước trỏ:

- Bác Tân, đứng dậy, đánh vần chữ này.

Một người đàn ông cao nhớn, tóc phờ như tóc cò, mặt sần sùi vẫn còn bừng bừng, cái khăn mặt vải dòng dọc ướt sũng vẫn vắt trên vai áo đóng bao nhiêu dấu, và mồm vẫn sặc hơi rượu - cái bác học trò kéo xe mà người đi chợ gọi là "Ngựa lồng" ấy đứng lên, làu nhàu nói một thôi một hồi:

- Thưa đồng chí chữ o, chữ ô, chữ ơ, chữ a, chữ nờ a na... chữ mờ ơ mơ...

Cả lớp lại rầm rầm cười. Nhưng "Cái trán dồ" giọng càng nhẹ nhàng:

- Anh giáo viên gọi bác đánh vần chữ đầu thôi mà...

- Hì hì... thôi em đánh vần cả một thể cho tiện đồng chí ạ.

Tiếng cười càng trào lên. Anh giáo viên mắt xếch cũng cười, vỗ vỗ cái lưng khom nọ:

- Thôi được... bác ngồi xuống.

Cái mặt đỏ phừng phừng của "Ngựa lồng" lại cười khì khì ngoan ngoãn ngồi theo xuống nhịp tay của người giáo viên.

- Tý! Tý đánh vần...

- Cu Chắt đánh vần...

- Gái nhớn đánh vần...

Một người con gái nhem nhuốc luống cuống đẩy một đứa bé ngồi níu lấy đùi mình ra.

- Chết!... chết!... buông tao ra nào... Cứ bám lấy tao thế này thì còn học thế nào? Buông ra... kẻo anh giáo viên anh ấy đuổi ra bây giờ... chóng ngoan rồi chiều mai tao bế đi "một hai" với các "chị bé"ngoài phố...

"Cái trán dồ" trỏ gọi thêm một người học trò con gái nữa rồi gõ thước:

- Chát... chát... - o tròn như quả trứng gà,

ô đội nón chóp ơ là có râu,

o a hai chữ khác nhau

vì a có cái móc câu bên mình...

Những giọt mồ hôi đã lấm tấm trên cái trán giồ. Những giọt mồ hôi càng ròng ròng ở tất cả những cái mặt bừng bừng. Mồ hôi còn đẫm ra có thể vắt được ở mọi sống lưng. Trộn với mùi mồ hôi, những mùi quần áo rách rưới, mùi dầu tóc chua khét, mùi chân tay ghẻ lở sực thêm lên, làm không khí ngụt nóng hơn nữa trong ánh đèn cháy rực.

Hai con mắt thâm quầng và lờ đờ của "Cái trán dồ" đã khác hẳn, lấp lánh một cách khác thường, sau khi y ho mấy tiếng khan. Xóa xong bảng, y lại ho rồi lại viết:

\ / . ? ~tờ mờ, ú ớ, tí tị, tỉ mỉ, mũ ni.

- Ai đọc? Ai đọc?

Lần này tất cả mọi cánh tay đều chồm chồm giơ lên. "Cái trán dồ" chớp chớp mắt nhìn, môi nhợt mím mím, cái ngực lép nhấp nhô càng rõ. Y long lanh nhìn xuống bàn dưới gọi:

- Anh Tiến! Đọc...

Tiến lập cập đứng dậy. Cánh tay Tiến vừa run run tì xuống bàn để đứng cho thẳng thì mắt "Cái trán dồ" ngời lên và, bỗng y mỉm cười:

- Không!... anh cứ ngồi đọc cũng được.

Anh học trò què chân làm thợ máy nọ như không nghe thấy. Mặt anh càng đỏ ửng. Lúc sau, cái thân thể lệch lạc ấy đứng hẳn dậy, một cánh tay rung rung tì xuống mép bàn, anh vừa thở vừa đọc:

- Dấu huyền, dấu sắc, dấu nặng, dấu hỏi, dấu ngã...

Tiến đọc xong, anh giáo viên mắt xếch đến đỡ Tiến ngồi xuống, trỏ một đứa bé.

- Vòi, đọc theo đây.

Vòi đứng dậy, khoanh tay đọc ngược lên theo cái thước kẻ của giáo viên trỏ. Những tiếng đọc thong thả và vẻ mặt chăm chỉ hồn hậu của thằng bé quét chợ tai quái nọ lại làm mấy người đàn bà bên ngoài lào xào. Sau cu Ty, một người đàn bà đi gánh thuê, và tất cả trẻ con ngồi bàn đầu.

- Huyền ngang, sắc dọc, nặng tròn

Hỏi khom lưng đứng, ngã buồn nằm co...

Cái thước kẻ của "Cái trán dồ" lại nhịp nhàng gõ xuống bàn cho những tiếng đọc ran lên. Tiếng đọc ngừng, đều tắp. "Cái trán dồ" liền trỏ gọi từng người đánh vần những chữ dưới đoạn lại ra lệnh đọc chung. Tiếng đọc đã thành hẳn tiếng hát, nhịp nhàng, vang ngân. Sau đó tất cả những cái đầu nhớn bé nọ cúi cả xuống những chiếc bảng thay cho vở tập, mắt ngước lên ngước xuống nhìn những chữ mẫu trên bảng, lục tục viết.

Những nét phấn trắng bám cả lên miệng, lên mũi, lên trán, lên áo... Những tiếng thở và tiếng lào xào... Những cánh tay ngượng nghịu... những bàn tay nổi gân... những cặp mày nhíu lại... những cái miệng mim mím... những nét mặt băn khoăn... những vẻ nhìn tê mê...

"Cái trán dồ" thần mặt ra, mắt lại đắm đuối nhìn xuống những cái đầu cắm

cúi.

Anh giáo viên mắt xếch thì ngồi hẳn bên cạnh ông Ba, người học trò thợ cày, tóc lấm tấm bạc, cầm lấy bàn tay xù xì của y mà nắn nót.

Người nữ giáo viên béo núc, tóc húi ngắn, áo cánh chẽn, quần đen, thắt lưng xanh múi chếch, quay mặt ra ngoài trời, tờ báo cầm tay lơ đãng bỏ xuống bàn.

Ánh đèn đỏ rực thêm. Khói phụt lên tụ thành đám lởn vởn như đàn muỗi mắt. Mồ hôi nhờn hẳn xuống các mặt bàn. Ngoài kia, sao đã lấp lánh chi chít như những vụn mảnh chai... Gió tắt. Cảnh vật đen kịt, le lói vài tia đèn sáng. Tiếng tát nước dào dạt ở những thửa ruộng cạnh đấy nổi lên rõ mồn một với từng tiếng thở hự... hự...

Người ta lại ra đồng.

Sau một ngày ăn vội ăn vàng mấy bát cơm chín, dân quê lại ra đồng. Tháng ba rồi... từ tháng một tới giờ năm tháng rồi, giời vẫn không rỏ một hột mưa. Lúa chỗ mới cấy thì xác như cỏ may, còn ở chỗ nào đâm bông thì cờ hết. Trong Nam Bộ, quân Pháp càng bắn giết đốt phá dân Việt Nam... Gạo đã hạ xuống ba trăm lại vùn vụt lên bốn trăm, hơn bốn trăm rồi...

1946

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Con Gái Người Mãi Võ Họ Hoa

Những cuộc múa võ như thế thường diễn vào buổi chiều. Nơi diễn thường là bờ sông Tam Bạc, giữa quãng bến tàu Tây Điếc (1)tàu Quảng Đông hay ở quãng dốc Cầu Gióp (2)đổ xuống vườn hoa chợ Baty (3). Người xem có những khách chờ tàu đi Hòn Gai, Móng Cái, đi Nam Định, Thái Bình, những phu khuân vác, chân sào, thợ sắt, thợ nề, đi ở gánh nước, du côn bấu sấu. Nhiều khi có cả thủy thủ tàu Ăng-lê, Hà Lan, Na-uy, Mếch-xích, họ say rượu lạc đến đây, ngồi trên xe kéo khật khưỡng như đảo đồng, hay đứng cặp kè khoác chặt tay nhau rồi mà vẫn cứ liêu xiêu xô dụi cả vào người chung quanh.

---

(1) Tên chủ một hãng tàu chạy đường sông.

(2) Tên một tướng Pháp nổi tiếng trong Đại chiến thứ nhất ở Pháp.

(3) Tên một thực dân quan lại Pháp.

Nhưng đông nhất vẫn cứ là trẻ con. Toàn những trẻ con lam lũ, tinh nghịch, ngang ngạnh, sục sạo, bạt mạng - những "lỏi" những "nhau" đặc biệt của đất Sáu Kho, đất Hải Phòng.

Tôi thường đến đây vì đây là độ nghỉ chân cuối cùng của tôi sau một ngày đi tìm việc làm ở các Khu Sở Dầu, Xi măng, Cốt phát trở về nhà. Tôi hay nghỉ ở đây cũng vì cảnh vật sông bến, tàu bè, nhà máy và người đi kẻ lại ở quãng này cứ càng ngày như quen thân với tôi, hứa hẹn với tôi nhiều lắm.

Gánh võ chỉ có hai người và một con gấu. Con gấu không to, lông đen mướt. Một khoảng trắng như cái yếm che dưới ức và những đốm trắng ở trán. Cổ gấu đeo một chuỗi nhạc đồng có chiếc to bằng quả lê và một vòng xích sắt bện dạ vàng kết thêm chùm bông đỏ. Gấu đứng ngồi cạnh một thanh dao cắm sâu xuống đất, xích mắc vào cán dao.

Hai người là cha con.

Người cha còn trẻ, cao lớn, đầu trọc, trán dô, hàm bạnh, râu quai nón, da thịt đen bóng, gân guốc. Cả những ngày rét buốt, ông cũng cởi trần, hay nếu mặc áo thì chỉ khoác một tấm áo rộng vải màu xanh lục, không cúc, cổ thắt dải. Người con gái tuổi chừng lên bảy, lên tám, cao cũng bằng con gấu. Da cô bé trắng ngần, mắt long lanh như mắt thỏ cườm, hai má như hai quả táo đỏ. Tóc cô tết thành hai cánh rủ chấm ngang vai, thắt dải tết tua bằng cẩm châu hồ thủy.

Người ta không cần phải xem diễn, chỉ thoáng trông thấy bóng dáng gánh võ và nghe tiếng nhạc đồng là cả khu bến tàu, đầu cầu, vườn hoa - chợ nọ ra đến ngoài cửa sông đã nao nức lên rồi. Người cha lừng lững gánh đôi bồ mây quang dầu, tay cầm thanh đao mắc xích con gấu, cổ đao buộc một lá cờ đuôi nheo đỏ viền kim tuyến phấp phới một chữ "Hoa" to cũng viền thêu kim tuyến. Cô gái lưng đeo cái gù cũng bằng mây quang dầu, khi thoăn thoắt đi bên cha, khi đi bên con gấu trông thì khệnh khạng, chờn vờn nhưng bước rất nhanh, nhạc cổ kêu xoong xeeng. Tay cô bé cầm đôi roi tết chỉ ngũ sắc buộc rủ tua bông trắng cũng xoong xeeng tiếng nhạc đồng.

Ngay buổi đầu tiên, đến xem vào lúc nửa chừng, tôi cũng ngạc nhiên, hồi hộp lạ lùng.

Hôm ấy, vừa ở dốc cầu đi xuống, tôi đã bị hút ngay vào đám đông đen nghịt giữa những tiếng thanh la, tiếng thét, tiếng nhạc inh ỏi, dồn dập. Tôi phải cố len lách, kiễng chân, nghển mãi mới nhìn được vào bên trong.

Người cha mình cuồn cuộn gân thịt, ngang lưng thắt cả một tấm da báo, quần đen ống chẽn, đánh thanh la làm nhịp cho cô con gái bé và con gấu đấu võ. Cô bé mặc áo chẽn màu da trời, thắt lưng lụa đào, quần cẩm châu màu mận chín, khoa đôi roi tua bông trắng quần với con gấu. Nắng chiếu cuối thu ấm áp, rực rỡ. Đôi roi múa lúc thành một làn mưa hoa, lúc thành những đợt sóng, lúc thành một áng cầu vồng rùng rình như có các thứ chim bạc cá vàng bay nhảy, lúc thành những lớp ngựa phi như xung trận rồi thoắt cái lặng đi, phất phơ tha thướt. Con gấu cứ lừng lững tiến rồi lui, lui rồi tiến, hai bàn tay vuốt nhọn khuờ khoạng, khi đỡ ngọn roi bên trái, khi quay sang bên phải, rồi lại chới với che đỡ trên đầu, che đỡ trước mặt...

Đôi mắt của cô bé long lanh, lúng liếng trước đôi mắt nhỏ và nhọn của con gấu đen nhoi nhói nhìn lại cô. Nụ cười trong mắt, trong môi, trong cặp má đỏ hửng của cô bé càng rực rỡ say sưa đáng mến bao nhiêu, thì con gấu càng như hiểu thêm mình phải làm gì. Nó rình, nó đỡ, nó đón, nó bắt, nó vờn, nó chộp, nó tránh càng nhanh hơn, trúng hơn, càng nhịp nhàng hơn với làn roi và bước chân cô bé. Hai bàn tay gấu khuều khoào bộ vuốt chờm chởm cái miệng gấu nanh trắng nhọn thỉnh thoảng lại gầm gừ, lưỡi đỏ lo le. Gấu nhiều lúc còn như sắp chồm hẳn vào mặt cô bé, nhưng vẫn không có vẻ gì hung tợn rồi cuống cả. Càng thật là không phải con gấu chống đỡ những ngọn roi. Cũng không phải con gấu là một hình hoạt động gây sự lo ngại ghê sợ mà là dáng vóc, điệu bộ gây sự hồi hộp, kỳ thú lạ lùng trong vùng ánh sáng của đôi roi tua bông trắng bay múa với những rung vang của bộ nhạc đồng. Trong khi ấy tiếng thanh la đập càng mạnh, càng giật. Bắp tay đen bóng gân guốc của người cha cầm thanh đao lưỡi to, sáng biếc buộc lá cờ đuôi nheo đỏ thêu chữ vàng, giơ lên hạ xuống cũng mạnh cũng giật như thế. Nhưng đôi mắt ông càng sáng lại càng đầy vẻ hiền từ âu yếm, cũng như nụ cười trên bộ râu quai nón cằm bạnh của ông vậy.

Nhưng đường roi hoa của cô bé chợt loạng choạng yếu hẳn đi. Cả bước chân nhịp tay cũng rời rạc, liêu xiêu, lỏng lẻo như vừa say đòn, vừa mệt mỏi.

Con gấu lại khác hẳn. Mắt nó càng nhoi nhói nhìn vào gương mặt đỏ bừng và đôi mắt long lanh của cô bé. Còn hai bàn tay khoằm khoằm vuốt của nó không những chỉ để đón và tránh những ngọn roi, mà cứ chờn vờn tiến dần tiến dần, rõ ràng là sẽ chồm hẳn vào kẻ địch. Thế rồi trong chớp mắt, hai ngọn roi rối loạn hẳn. Con gái người cha mãi võ nọ vừa né mình về bên để tung ngọn roi không cho con gấu định túm lấy, thì cả cái khối thịt lông lá có những ánh tua tủa như kim bắn của con gấu bỗng sập xuống. A! A a a! ... cả cái khối thịt lông lá móng sắc nanh dài của con gấu đã sập hẳn xuống cái dáng vóc nhỏ bé kia rồi, trong tay chỉ còn đôi roi bện chỉ ngũ sắc buộc tua bông trắng và chùm nhạc quả nhỏ như của vòng tay trẻ lên ba hiếm hoi mẹ đeo để lấy khước vậy. Rồi đúng là bàn tay con gấu khúp lấy vai cô bé; cái đầu lắc lư, nanh xỉa như mũi dao của nó như đã hập vào má vào gáy cô bé.

Có tiếng rú lên. Đám người chen chúc nhau vòng trong vòng ngoài liền dạt cả ra. Nhiều kẻ rùng rùng muốn chạy.

Xoảng xoảng .... oảng ... oảng...

Tiếng thanh la chập vào nhau long cả góc trời, ngân như xé. Tiếp đó là tiếng cười xòa rất khoái chí của người cha. Như một làn chớp, cặp roi hoa vung ra với hai cánh tay áo xanh da trời tung lên. Dây xích con gấu loảng xoảng đập vào nhau. Hai bàn tay và cả thân hình con gấu như bị cặp ngọn roi và cánh tay của cô bé hất bắn đi. Con gấu chệnh choạng một cách ngượng nghịu rồi ềnh ra đất, hai chân to kềnh bơi bơi, hai bàn tay lều nghều vờn vờn che mặt, như ra vẻ chịu bị quật ngã và lấy làm xấu hổ.

Tất cả mọi người reo lên. Họ như muốn xông vào tận mặt con gấu để xem.

Xoảng ... oảng... oảng.... tiếng thanh la lại chập vào nhau. Cô bé tung ngọn roi múa một đường thật khác lạ. Cô nhảy lên vai cha, rồi từ vai cha cô phốc lên thanh đao giơ ngang trên đầu cha mà múa tiếp. Hai cánh tay người

cha cuồn cuộn nổi lên những làn gân, những u thịt, nâng thanh đao. Hai bắp chân ông khuỳnh ra đứng tấn, tưởng như một thế núi không thể sức gì lay chuyển nổi. Múi thắt lưng da báo xòa dưới bụng. Lồng ngực ông phồng lên những múi thịt vú, thăn, lườn cứ rần rật. Những bước nhảy múa và đôi roi hoa của cô bé càng nhanh bao nhiêu, lại càng như không động gì đến thanh đao, mà thành một làn ánh sáng bay lướt và phấp phới trên đầu người cha. Và trên đầu người cha cũng có một đường ánh sáng nằm ngang lấp lóa lấp lóa. Đó là thanh đao dưới gót chân tung hoành của cô bé và dưới cành lá của gốc bàng già lộng gió và ánh nắng.

Tôi đã ngẩng lên trông cả những đám mây trắng trên trời cao lúc bấy giờ. Tôi thấy như cũng có những làn roi hoa và gót chân của cô bé ở trên đấy.

Ngay khi cô bé vừa nhảy lên vai cha, con gấu liền thoắt dậy. Nó quần chung quanh chân người cha. Mình nó cứ quẳn đi vật lại, vật lại quẳn đi với bộ lông đen mướt càng lấp loáng, càng như tua tủa những mũi kim nóng cháy. Con gấu lại cùng diễn với cô bé. Nhưng lần này cũng như đường roi của cô bé, những đường bước gân thịt của con gấu thật khác hẳn, khác hẳn.

Tôi không biết chữ Hán. Tôi hỏi mới biết chữ vàng thêu to trên lá cờ đỏ đuôi nheo là chữ Hoa. Rồi tôi vừa phỏng đoán, vừa nghe người cha, nghe mấy người xem gọi cô bé là Sẻo Hoa, nên tôi mới biết Hoa là họ của hai cha con. Tiểu Hoa, tên gọi của người con gái tôi được biết rồi. Nhưng cô là Hoa gì? Cả người cha nữa, tên ông là gì? Ông thuộc môn phái nào quê quán ở đâu của đất nước Trung Hoa hào hiệp và mênh mông gợi cảm của tuổi thơ và trí tưởng tượng của tôi kia?

Một buổi chiều, tôi đứng nán lại chờ gánh võ chuyển đi nơi khác. Tôi nhìn theo người cha cao lớn, râu quai nón, hàm bạnh, mình trần, thắt lưng da báo, tay xách thanh đao, gánh đôi bồ mây quang dầu thênh thênh xếp gọn cả một gia tài đồ lề làm ăn. Tôi nhìn theo người con gái bé, mặt tròn, bầu má như táo chín, áo chẽn xanh da trời đeo cái gùi cũng thênh thênh, ton ton bên bước

chân cha. Tôi nhìn theo con gấu lông đen mướt, ức trắng, vòng cổ xoong xeeng nhạc đồng, chạy chồm chồm, lúc ở đằng trước, lúc ở đằng sau, lúc ở bên cô bé. Bụi đường bay lầm. Ráng chiều đỏ rực. Gánh võ đi mãi mới khuất...

Về sau, chiều chiều qua đây, nhớ đến những buổi múa võ và lại thấy gồng gánh hình dáng của người cha râu quai nón, cao lớn, mình trần, tay xách đao và người con gái tươi hớn như hoa cùng con gấu lông đen ức trắng hiển hiện rồi khuất đi trong bóng chiều, tôi lại càng thấy bâng khuâng.

Trong một truyện võ hiệp tôi đọc cho bà nội và cha tôi nghe năm tôi còn nhỏ tuổi, cũng có một người mãi võ họ Hoa. Người mãi võ này cũng có một cô con gái nhưng tuổi cô đã mười sáu mười bảy, còn ông đã già, râu tóc bạc hết. Hoa lão vừa làm nghề mãi võ vừa làm nghề chở hàng thuê từ tỉnh này sang tỉnh nọ. Có những chuyến hàng lúc ra đi là đầu mùa thu trở gió, khi ở dọc đường đã sang mùa đông bão tuyết, đến nơi giao hàng đã là giữa xuân, nhạn về tuyết tan. Trên những quãng đường thiên sơn vạn thủy ấy, Hoa lão cưỡi con ngựa ô xám, con gái cưỡi con ngựa màu lửa, đi bên đoàn xe trên chiếc xe đầu trương một lá cờ lớn nhung đỏ cũng thêu vàng chữ Hoa rất to ấy phấp phới trên chiếc xe đã qua không biết bao nhiêu vạn thủy thiên sơn, từ lúc Hoa lão còn trai tráng đến lúc sinh được mụn con gái nọ. Có chặng nửa tháng ròng đoàn xe băng qua toàn những rừng mênh mông trắng xóa. Đó là những rừng mai, rừng táo. Hoa rừng bay cùng trời với gió bão và hoa tuyết. Con gái Hoa lão cưỡi con ngựa lông lửa, mang đôi kiếm báu, trong mặc áo chẽn nhung màu mận chín, ngoài khoác một tấm áo toàn bằng da rái cá; còn Hoa lão tay xách đoản đao, cưỡi ngựa ô xám, mũ bịt tai cũng lót da rái cá. Cả hai người và đoàn ngựa đều trắng tuyết và hoa...

Các chủ hàng quán nổi tiếng ở dọc đường cũng như các tay anh hùng hào kiệt chiếm giữ các núi cao lũng hiểm, chỉ cần thoáng thấy đằng xa lá cờ đỏ thêu chữ Hoa trên đoàn xe là cho người đón mời ngay Hoa lão và con gái.

Nhiều khi tiền cơm nước họ đã không tính mà con thân đi tiễn chân cha con Hoa lão, biếu thêm thức ăn quý lạ để ăn đường cùng nhiều quà quý nữa. Thường đến những độ nghỉ chân đông đúc, Hoa lão và con gái lại diễn võ. Xem người con gái múa đôi kiếm báu và Hoa lão tung hoành cây đoản đao, không một người nào không thán phục, cũng như không thể nào không truyền tụng hai tài nghệ tuyệt vời kia.

Người ta còn chuyện với nhau, vợ Hoa lão ngày xưa chưa sinh con gái, còn múa kiếm giữa những hàng dao cắm ngược lưỡi kín mặt đất. Bà đi chân không, múa trọn bài kiếm, lúc xuống đài mặt không biến sắc và không một vết xây xước ở chân.

Mùa đông năm ấy có những đợt rét hàng tuần thật dữ dội. Trời nắng đẹp nhưng gió thổi buốt tận óc, chân tay tê cứng như muốn rụng. Tôi được xem mấy buổi biểu diễn nữa của gánh võ họ Hoa. Ra giêng, khi chim nhạn vừa lác đác lác bay về, gánh võ lại đi nơi khác. Năm sau, năm sau nữa. Chiến tranh xâm lược càng tàn phá. Ở Đông Nam Á, quân phiệt Nhật tràn lấn dần dần, chiếm đóng các nước. Bọn thực dân thống trị Đông Dương càng mở rộng các cửa đón quân Nhật vào.

Ở một trại giam của Pháp ra, tôi lại trở về Hải Phòng. Đi một mình trên đường phố tiêu điều của Hải Phòng lúc mùa rét càng thấy lạnh. Nhất là ở các khu Sáu Kho, bến tàu, các khu nhà máy. Sáu Kho không có một tàu to nào cập bến. Cả những tàu đò chạy đường Hồng Kông, Sài Gòn cũng không. Bến tàu Nam Định, bến tàu Hòn Gai, mỗi phiên chỉ có một hai chiếc chạy ọp à ọp ẹp. Khách đi cũng ít. Các khu nhà máy gần như bỏ hoang. Các xưởng sửa chữa sà lan, ô tô, máy móc đóng cửa. Cả Máy chỉ, hơn ba trăm công nhân cũng đóng cửa. Lính Nhật, quan binh Nhật, ô tô Nhật, ngựa Nhật rầm rập, nghênh nganh các ngả đường. Những phố buôn bán đông nhất tối đến cũng vắng tanh. Đèn phòng thủ xanh mờ, đèn các cửa hàng không có hàng và không có người mua lại càng trơ trụi vàng vọt. Thê thảm hơn hết vẫn là các

vườn hoa tối, các quãng đường cây cối tối.

Nhiều hôm có việc phải sang khu Xi măng, khu Tam Bạc, đi bộ về biền biệt thấm mệt, nhưng tôi cũng không dám ngồi nghỉ lại như trước ở những độ đường quen thuộc. Chỗ cái ghế gỗ dưới gốc bàng cổ thụ cạnh bờ đường trước bến tàu Tây điếc nơi cha con Hoa ông múa võ với con gấu kia, đã xa xôi quá đối với tôi. Tất cả những hình ảnh kỳ diệu rực rỡ kỷ niệm thiếu thời của tôi gần như bị chìm hẳn, biến hẳn dưới bao nhiêu hình ảnh thối nát, đen tối, ngang ngược, hung bạo và cái không khí âm ỉ, nung nấu của sự sống, của thời cuộc lúc bấy giờ.

Cách mạng Tháng Tám bùng nổ. Rồi toàn quốc kháng chiến. Giặc Pháp biến Hải Phòng thành một thành phố, một bến cảng tồi tệ nhất, và ở đây cũng là một cái lò giết người, khủng bố cách mạng khủng khiếp nhất. Nhưng Hải Phòng đã được giải phóng. Hải Phòng được giải phóng cuối cùng trên miền Bắc. Tôi đi cùng quân đội và cán bộ của Chính phủ vào Hải Phòng giữa một mùa hè hoa xoan tây nở rực chưa bao giờ từng thấy. Khắp nơi, càng những xóm cùng ngõ hẻm, những khu nghèo hèn lầm than nhất, thì cờ sao băng biển lại càng nhiều, càng tưng bừng.

Tôi ở tổ phóng viên của tờ báo Hải Phòng hàng ngày. Tổ này chuyên viết về đời sống công nhân trong thời kỳ tạm chiếm và những nhà máy, xưởng thợ trọng điểm của thành phố phục hồi sản xuất 1935 - 1955. Thế là đúng hai mươi năm, tôi đã được mắt thấy tai nghe một số sự việc mà những bước biến chuyển đáng ghi nhớ của thành phố và bến cảnh lịch sử nọ, vừa là quê hương thứ hai của tôi.

Một buổi chiều sang thu trời bỗng trở gió. Tôi ở nhà chị K, một cơ sở cũ của Nhà máy chỉ đi ra. Như mọi khi ra khỏi ngõ, tôi lên xe đạp ngay. Nhưng chiều nay, tài liệu để viết bài đã đầy đủ và cả bài đăng số ngày mai cũng đã đưa nhà in sắp chữ rồi. Vừa phần bỗng nhiên gợi nhớ đến bao nhiêu chuyện, bao nhiêu cảnh, bao nhiêu người ở khu cửa sông thân thuộc này, tôi bèn dắt

xe đi thật chậm. Phía sau tôi là ngã ba sông Gấm, sông Xi măng, sông Tam Bạc. Gió thổi vào nghe rõ cả tiếng sóng và nước triều lên. Trời xanh bát ngát trên đầu tôi với những lớp mây trắng bay dồn về phía nhà máy Xi măng.

Chợt tôi nghe tiếng nhạc đồng xoong xeeng. Một con chó xồm nhỏ lông đen mướt chạy quẫng, quấn quýt dưới chân một em bé mặc áo vải xanh "hòa bình", quần vải hoa, tóc tết làm hai cánh buộc dải bướm hồng đung đưa ở hai bên bầu má đỏ như đào chín. Bé gái chạy trước con chó, bước chân rướn lên dưới hai cánh tay như múa. Trong tay bé, hai cái que quấn vải tím hoa sim, đầu buộc hai bông tua lửa lựu, tung lên vờn xuống, vờn xuống tung lên, khiến con chó càng chồm chồm quấn quít.

Tâm trí tôi sững hẳn lại. Tôi sực nhớ ra cái ngõ sâu đường bên tay phải tôi quặt vào kia vẫn còn cái lán xẻ bỏ hoang, những bụi râm bụt xanh rườm rà và một gốc ngọc lan. Cái ngõ năm xưa tôi đã theo chân cha con người mãi võ - Hoa ông và Tiểu Hoa - cùng con gấu lông đen mướt ức trắng gồng gánh dắt nhau về nhà trọ. Thấy tôi dắt xe sau bé gái nhảy múa với con chó xồm, chị tổ phó đại biểu nhân dân khu phố này đi chợ mua thức ăn về vội gọi tôi:

- Anh vào bà Hoa đấy à? Bà Hoa có nhà đấy! Phải, anh vào thăm bà Hoa rồi cố nói với bà nhận số gạo của thành phố giúp nhé! Hôm nọ có anh trên thành cũng xuống hỏi chuyện bà Hoa rồi nói với bà nhận gạo, nhưng bà một mực lắc đầu, nói chỉ mong thành phố mở lại nhà máy để lại được đi làm thôi.

Bà tổ phó còn đến hẳn bên tôi thì thầm:

- Không biết có phải là người "cơ sở" không? Sở mật thám bắt giam hai lần, cũng bị Tây mặt đỏ tra tấn. Ngày chúng nó bắt người đi Nam, người nhà thằng bang trưởng nghiện đến bắt trộm cái Sẻo Hoa đưa lên phố Đông Kinh rồi, vậy mà vẫn đánh tháo mẹ con ở lại đấy...

"Bà Hoa... bà Hoa... Sẻo Hoa, Sẻo Hoa...", những tên đó vang hẳn lên,

chuyển giật cả tâm trí tôi. Tôi càng thấy trong người dào dạt nao nức. Tôi lại thấy dấu hiệu một cuộc gặp gỡ rất lạ đương đến mà tôi không thể nào tưởng tượng nổi.

Bà Hoa ở đúng chỗ cũ. Thay đổi chỉ có mấy gian nhà bằng gạch xi măng, mái tôn mới làm ở hai bên. Còn cái nhà lúp xúp trước đây là hàng cơm cạnh lán xẻ gỗ và đóng xe bò, và cái sân đất nhỏ có một gốc lan chỗ buộc con gấu vẫn y nguyên. Hàng cơm không còn nữa. Chỉ còn một chõng gỗ bày bưởi, chuối, mấy lọ bánh kẹo; người bán hàng là một cụ già bé nhỏ lưng còng, mặc áo nâu dài, tóc bạc hết như tơ cước. Chỗ người cha mãi võ căng lên tấm vải bạt cạnh gốc ngọc lan này là một mái ngói, tường xây hẳn hoi: nhà bà Hoa. Gian nhà nhỏ mà tôi đến không phải tìm hỏi gì cả, y như tôi đã biết, đã có lần vào rồi!

Người thiếu phụ gọi là bà Hoa đang ngồi khâu giầy ở trước ngưỡng cửa dưới bóng cây ngọc lan. Thoáng thấy tiếng chó rít, tiếng bé gái reo, tiếp đó là tiếng tôi chào, bà Hoa từ mừng rỡ chuyển ngay sang trang trọng giữ gìn. Bà đẩy cái ghế trúc con vào góc cửa, nghiêng mình chào tôi, đôi mắt lấp lánh nhìn chênh chếch. Tôi càng ngạc nhiên, tôi càng rưng rưng. Tôi đã nhận ra và nhận thấy đúng đôi mắt xếch, lanh lanh hạt cườm. Tôi đã nhận ra và nhận đúng cặp môi hạnh nhân chúm chím. Tôi đã nhận ra và nhận ra đúng cái gương mặt tròn, má như đào chín, có hai cánh tóc tết cài bướm đào đung đưa. Phải, tôi đã nhận ra cô bé múa roi hoa hai mươi năm trước đây. Sẻo Hoa con gái ông Hoa đấy! Sẻo Hoa và con gấu của gánh võ họ Hoa.

Tôi đã nhận ra như thế, mặc dầu trên gương mặt ấy nay gò má đã lấm tấm tàn hương và mắt đóng quầng, không còn đâu ánh tươi hớn của tuổi trẻ thơ. Mặc dầu thân hình thoăn thoắt nhẹ thênh như hoa, như ánh sáng trước kia nay trở nên gầy yếu, chậm chạp, lặng lẽ. Mặc dầu mái tóc tết cài dải bướm hoa đào hai cánh đung đưa trước kia nay thành một búi tó, ôm chặt lấy cả gáy, và cái trán xinh mơn mởn nay đã dô dô có nếp nhăn. Phải, mặc dầu như vậy tôi

vẫn thấy đầy đủ nguyên vẹn các vẻ, các dáng ngây thơ, lồng lộng, bừng sáng của Tiểu Hoa ngày trước. Và đầy đủ nguyên vẹn các lớp, các điệu múa ấy lại hiện ra trước mắt tôi cùng với Hoa ông cao lớn mình trần, thắt cả một tấm da báo, vừa đánh thanh la cầm nhịp cho con gái bé đấu roi với con gấu lông đen mướt điệu bộ lừng khừng, mắt nhỏ nhọn nhoi nhói, ức trắng lắc lư xoang xoảng chuỗi nhạc đồng.

Tất cả những hình ảnh, nhạc điệu và âm vang ấy càng trở lại rõ ràng trong tâm trí tôi khi tôi nhìn vào chỗ bày bàn thờ. Một chữ Hoa rất to nổi giữa tờ giấy hồng điều điểm kim nhũ phất trên tường. Khác với chữ Hoa thêu trong lá cờ buộc vào thanh đao thường cầm trong tay Hoa ông, chữ này viết bằng mực đen, nét đậm, rất bay, rất khỏe. Vẫn ở trước bàn thờ, có một thanh đao cắm trên giá gỗ mun. Cũng chính là thanh đao buộc lá cờ ngày trước, nay lá cờ vẫn được giữ nguyên, và mắc thêm vào thanh đao có cả tấm da báo, đôi roi có tua bông trắng và cái vòng cổ bện dạ vàng mắc chuỗi nhạc đồng của con gấu...

Bà Hoa rót nước chè hột trong bình tích bằng đồng ủ ở giành mây ra chiếc chén to có vung đặt vào một đĩa riêng mời tôi. Tôi ngồi ở ghế bành lót chiếu cạp vải điều bên cái bàn độc. Từ trần nhà rủ xuống gần mặt bàn có một bức tranh giấy bồi vẽ thủy mạc một cánh rừng núi sông bến thôn xóm xa xưa. Bà Hoa ngồi cái ghế đẩu cạnh bộ phản cũng trải chiếu cạp điều. Con chó xồm nằm to hó dưới chân bà. Bé gái nép bên mẹ, đôi mắt long lanh nhìn mẹ bé và tôi nói chuyện.

Càng nhìn kỹ hai gương mặt dịu hiền ở trước mặt tôi và những đồ vật bày trước bàn thờ nổi lên chữ Hoa nét bút như cánh đao trên giấy kim sa, tôi càng bâng khuâng. Nhưng càng tin càng thấy chắc, tôi vẫn không thể dằn mất hẳn đi cái câu hỏi nọ: "Biết đâu chẳng có một sự ngẫu nhiên về người, về các di vật, về nhiều điều giống nhau, vân vân..., để rồi sẽ hóa ra đây thật không phải là Tiểu Hoa của gánh võ kỷ niệm của tôi!..."

Nhưng không! Thật đúng là Tiểu Hoa múa võ năm xưa. Trong làn hương thoang thoảng của cây ngọc lan lộng gió và nắng đầu thu và trong cái lặng lẽ của gian nhà nhỏ không khí xa xưa nọ, Tiểu Hoa đã kể cho tôi nghe một phần câu chuyện hai mươi năm qua của cuộc đời mình.

Chính ở gian nhà đây Hoa ông đã nhắm mắt. Đúng thao đao, dải lưng da báo, đôi roi hoa và cái vòng cổ bện dạ vàng có bộ nhạc đồng là những vật để lại. Hoa ông mất năm Tiểu Hoa mười bốn tuổi. Năm 1941, Nhật mở rộng chiến tranh tràn vào Đông Dương. Đường Lạng Sơn bị đóng, bị khám xét rất ngặt. Gánh võ phải ở lại Hải Phòng. Thực dân Pháp càng ra tay khủng bố, bóc lột dân chúng. Thóc cao gạo kém. Người thì đói nhưng gạo lại đem nấu cồn nộp cho Nhật chạy ô tô, chạy máy bay. Ruộng bãi thì phá ngô nhổ lúa để trồng đay. Cái gì cũng khan hiếm, cũng đầu cơ tích trữ. Đâu đâu cũng khó khăn, tiêu điều, ngột ngạt. Gánh võ đã lên Hà Nội, rồi đi về cả mấy tỉnh lẻ và những phủ huyện nổi tiếng là giàu, dễ làm ăn và không hề biết bom đạn là gì. Nhưng gần Tết năm 1943, gánh võ cũng lại phải về Hải Phòng. Đi thêm nhiều nơi, con gấu cũng gày lắm. Nhiều bữa, nó chẳng chịu ăn gì cả. Nhiều chủ hiệu thuốc, hiệu cao lâu cứ cho người săn đón hỏi mua con gấu.

... Ngày hôm ấy là chủ nhật, tiết xuân nắng ấm. Cuộc diễn vào buổi sáng, vẫn ở quãng dốc cầu Hạ Lý gần cái vườn hoa gọi là vườn hoa Ba Ty toàn những cây to mà không có một luống hoa nào kia. Tan lễ nhà thờ lại gặp phiên ngày chẵn có tàu thủy chạy Hòn Gai, Nam Định nên khách xem cũng đông. Giữa lúc tiếng thanh la cầm nhịp vang dậy, đôi roi của Tiểu Hoa bay múa chung quanh con gấu đen, và con gấu đen tránh đỡ càng ngộ nghĩnh kỳ thú, thì có tiếng ngựa hý, rồi tiếng chó sủa. Một con ngựa cao lớn, mỡ mượt lộp cộp đến đứng sững ở bờ đường. Một tên quan Nhật, mũ lưỡi trai chum chủm trên đầu, trễ bên sườn một thanh gươm dài đốc buộc tua kim tuyến, mắt nhọn, nghiêm và lạnh, đưa mắt nhìn loáng vào đám đông rồi nhè nhẹ ghì dây cương. Theo sau hắn, một người lính béo lùn, áo cộc tay, quần đùi, lấn quấn cầm một chùm dây da mắc xích ba con chó. Cả ba con chó nọ lông đều xam

xám vằn vèo, cũng rất mỡ mượt, đứng gần chấm ngực người dắt. Con nào con nấy tai vểnh nhọn hoắt, lưỡi đỏ lo le, mắt rần rật lắc lơ lắc láo.

Huýt ... uýt... uýt...

Thấy con ngựa bỗng nghển đầu lên, lắc lắc, thở phì phì, và tên quan đã dừng cương, người lính thổi còi miệng cố dìu ba con chó lại. Trên ngựa, tên quan lim dim cặp mắt, vẻ mặt càng lạnh, càng ra vẻ không thèm thấy có ai cả. Không ai bảo ai, đám đông liền dãn ra. Cả quãng bờ hè trước đàn chó và tên quan Nhật cưỡi ngựa liền trống không. Mặc dầu có bọn khách đặc biệt nọ bỗng đến, Hoa ông vẫn chỉ chăm chú vào nhịp thanh la và khúc múa của Tiểu Hoa với con gấu. Còn Tiểu Hoa thì hơi chột ý. Hơn nữa, Tiểu Hoa còn thấy linh tính như báo rằng một tai họa khủng khiếp gì đương đến. Cũng là lúc Tiểu Hoa là ra vẻ đường roi loạng choạng rời rạc, mà con gấu thì như say, chỉ rình xông vào Tiểu Hoa.

Xoảng... oảng... oảng...

Con gấu đã chồm hẳn lên người Tiểu Hoa. Nhưng cũng là trong tích tắc đôi roi và hai cánh tay áo của Tiểu Hoa tung phất lên. Theo nhịp đó, con gấu lại như bị hất lộn đi, lăn ềnh ra, chân tay giơ lên quẫy quẫy thở phì phò. Rồi khi Tiểu Hoa chập đôi roi lại, tiến ra cúi chào đám đông đang vỗ tay khen thưởng, con gấu liền trỗi dậy. Nó chạy rất nhanh đến với Tiểu Hoa, quấn chung quanh Tiểu Hoa như để cùng Tiểu Hoa đón nhận sự chào mừng, cùng "múa" thêm một nhịp chào mừng đám đông.

Xì xì ì ì... một tiếng gì như tiếng cười.

Không! Đó là một hiệu lệnh. Tên quan Nhật gằn một tiếng khẽ. Cặp mắt lá răm của hắn chau lại. Lần này cả đám đông rùng rùng cuống cuồng mà chạy. Có tiếng rú.... Nhưng đó không phải là của người mà là của ba con chó cùng một loạt vừa rú vừa xông vào con gấu trước đó những cặp mắt lấc láo

của chúng rình chằm chằm.

Tiểu Hoa thét hắn lên.

Tiểu Hoa chưa kịp tránh ra bên, thì có tiếng rống rít, sằng sặc. Con chó to nhất và cũng là con thứ nhất định nhảy vào cắn con gấu, đầu vọt máu, vừa kêu vừa lăn ra đất, quều quào cố cứng lên mà không được. Con chó này bị một cái tát giữa mặt. Bàn tay vuốt như lưỡi gươm khoằm của con gấu đã bổ ngập sống mũi, xé bật hai con mắt con chó ra.

Tiểu Hoa liền lùi lại sau con gấu.

Con gấu lại chồm lên.

Khi nó vằng đầu một cái thì cũng là lúc con chó thứ hai xông vào bị lăn ra đất, đầu cũng ồng ộc máu, một mảng mặt bị lóc ra.

- Hùng Quảy à! Hảo à... hảo à à à!

Hoa ông cầm thanh đao bựt mất xích con gấu giơ cao lên, lớn tiếng như cả cười lẫn thét...

... Chúng nó đã bắt giam Hoa ông và Tiểu Hoa. Chính bọn lính Nhật đóng ở trại pháo thủ gần đấy đã đổ ra. Lưỡi lê, súng vây lấy Hoa ông và Tiểu Hoa, đấm đánh, đẩy hai cha con vào hầm giam. Ba hôm sau, lúc mặt trời lên quá con sào, chúng nó đưa cha con Hoa ông và con gấu ra hành hình. Chúng nó trồng một cột sắt, chung quanh quây rào sắt và dây thép gai. Chúng nó đã xích con gấu vào cột bằng những xích tàu, lại còn đóng thêm xiềng vào chân và tay con gấu. Miệng con gấu còn bị rọ dây thép. Hoa ông cũng bị nó đóng xiềng chân tay vào cái cột đối mặt với con gấu, ngay cạnh rào sắt. Tiểu Hoa bị trói quỳ dưới chân cha.

Tất cả bọn quan trại ngồi dàn đằng trước, chung quanh có lính cầm súng

lắp lưỡi lê lên đạn đứng quây mấy vòng trấn giữ cả ở ngoài xa. Chúng nó thả mười con chó to nhất và con chó bị thương sống sót cho cắn xé con gấu suốt sáng tới chiều. Sau đó chúng nó nấu thịt con gấu bắt cha con Hoa ông ăn. Cha con Hoa ông đã chịu các thứ đòn tra tấn hết mùa xuân sang hè, đến cuối thu, ngày ngày chỉ được mấy vét cơm canh thừa, có khi còn phải nhịn hẳn và ăn cỏ của ngựa. Khi được thả ra, Tiểu Hoa chỉ còn da bọc xương đã cõng cha về nhà trọ. Đêm hôm ấy, Tiểu Hoa vuốt ngực cho cha thở hơi cuối cùng.

Tất cả đao, roi, nhạc đồng còn được là nhờ còn có người xem quen, họ thu nhặt với cả gánh đồ đưa về nhà trọ. Họ còn cùng với mấy bà con Hoa kiều đi quyên tiền, quyên gạo, rồi gửi nhà hàng để nuôi nấng thuốc thang cho Tiểu Hoa...

... Thấy tôi định rót nước mời lại, Tiểu Hoa chớp chớp mắt, nghiêng mình xin cám ơn. Bà rót lấy một chén nhỏ, chỉ nhấp nhấp. Nét mặt, dáng ngồi vẫn lặng lẽ, giữ gìn và giọng nói vẫn nhẹ nhàng. Tiểu Hoa kể tiếp những chuyện của mấy năm sau. Tôi vẫn chăm chú nghe, nhưng tâm trí không thể nào dứt ra khỏi cái cảnh con gấu đã tát chết hai con chó hãnh tiến hung hăng của bọn lính Nhật, và tiếng thét lẫn tiếng cười rất bằng lòng rất tự hào của Hoa ông, cùng cái cảnh tùng xẻo hành hình nọ. Cả đoạn đời sau này của Tiểu Hoa, tôi chỉ nghe chứ không hỏi thêm gì cả. Mặc dầu khi nói chuyện, tôi để ý thấy ngoài những di vật của Hoa ông cũng chữ Hoa như ánh đao nổi trên bàn thờ, còn thì không có đồ vật gì của đàn ông ở trong nhà. Và cả trong những năm ở Hải Phòng bị tạm chiếm, tôi cũng không thấy Tiểu Hoa hé một chút gì về đời chồng con của mình.

Tôi đã có ý nghĩ hay bé gái này là con nuôi. Là con nuôi nên mới tên cũng là Tiểu Hoa, lấy họ của bà Hoa, chứ nếu con đẻ và bà Hoa góa chồng, thì đã gọi bé gái theo họ nhà chồng. Hay bé gái chính là con bà Hoa và bà Hoa góa chồng thật? Hay chuyện chồng con của bà có điều gì mắc mứu, ngang trái không thể nói ra?

Bà Hoa rất cảm động được biết tôi còn là người đã từng xem Tiểu Hoa múa võ. Bởi vậy khi thoạt nghe tôi nhắc lại mấy chi tiết của một số cảnh vật và sự việc cũ, bà Hoa đã chớp chớp mắt nghiêng đầu, không giấu nổi vẻ ngạc nhiên mừng tủi, và càng trầm tĩnh nghe tôi hỏi và đáp lời tôi. Bà Hoa và tôi chuyện tới lúc ngoài trời ánh nắng đã trong hẳn để rồi dần tối. Tôi chào bà Hoa. Bà đưa tôi ra mãi ngõ ngoài và khẩn khoản mời tôi có dịp sẽ lại đến chơi nhà để bà được nói chuyện thêm. Hơn tháng sau, xưởng máy dệt kim X phục hồi, bà Hoa lại đi làm. Bà không đứng máy mà làm tổ trưởng một tổ chuyên cài hoa, vẽ kiểu, chọn màu chỉ cho các hàng mẫu.

Một buổi chiều tôi đi lấy tin, đạp xe về tòa báo, nhìn mẹ con bà Hoa dắt nhau từ xưởng dệt về qua con đường vườn hoa bên bờ sông Tam Bạc, tôi đã nảy ra một ý định. Đoàn xiếc Việt Nam đang mở to, tôi sẽ giới thiệu bà Hoa và cô gái bé sinh hoạt ở đây. Nếu như bà Hoa không biểu diễn được nữa thì bà truyền nghề cho bé gái và bé gái sẽ học thêm các môn vũ đạo hiện đại khác. Mặt khác, bà Hoa vẫn có thể giúp thêm một số kinh nghiệm cho ban huấn luyện.

Nhìn bé gái theo mẹ đi làm về, tôi càng hồi hộp. Cũng hai bầu má như hai quả táo chín, cũng đôi mắt cườm long lanh, cũng gót chân như bay và cánh tay như múa. Y như Tiểu Hoa lần đầu tiên tôi gặp cách đây đúng hai mươi năm, lon ton chạy theo Hoa ông lừng lững gánh đôi bồ mây, tay xách thanh đao, con gấu đen chồm chồm đi bên, xoong xeeng nhạc đồng trên bờ sông Tam Bạc nước triều dâng lên, những đám mây trắng và những tầng khói nhà máy đang bay trong nắng chiều cuối thu...

***

Tháng 4, tháng 5 - 1967.

Giặc Mỹ càng điên cuồng dã man đánh phá Hải Phòng.

Nhưng chúng càng thua đau, thua nhục. Chiếc máy bay thứ 1800 bị bắn tan. Rồi từ 80 đến 90 đến 100 chiếc bị đền tội trên mặt đất Hải Phòng. Lâu không về Hải Phòng nên ngay khi bước chân lên ô tô, qua cầu sông Cái đi xuống đường Năm, nhìn về chân trời vùng biển, tôi càng rưng rưng, nao nức cả tâm trí. Bởi vậy, khi xuống đến nơi, được nghe nói chuyện về những cuộc chiến đấu của quân dân thành phố Cảng và được sắp xếp đi với mấy đơn vị tự vệ quyết thắng của mấy nhà máy quen thân, tôi mừng rỡ hồi hộp vô cùng. Y như được trở về nhà, được gặp những người ruột thịt thương yêu đã lớn mạnh vẻ vang mà mình đặc biệt để tâm trí theo dõi vậy.

Trời nắng như đổ lửa.

Chưa sáng, xe cộ đã rầm rập, bụi mù. Nhưng ở các khu vườn hoa các quãng đường có nhiều cây cối, và ở các phố Cầu Đất, đường Cát Dài, trai gái vẫn tập thể dục giăng giăng trên bờ hè.

Vì tình hình gấp rút nên tôi không còn cả thời giờ đến thăm mấy bà con bạn bè và cơ sở làm việc cũ nữa. Tôi cùng với mấy anh em viết văn đến ngay nhà máy T. Trưa nay vừa nắng lại vừa gió tây nhưng chiều chuyển gió. Trận địa của đội tự vệ nhà máy ở ngoài sông. Nếu như tất cả những quãng đường và các khu phố, các làng xóm trong kia ngùn ngụt bao nhiêu thì quang cảnh trên sông đây cũng dồn dập bấy nhiêu, nhưng lại vừa có một sự thênh thang mạnh lớn thật là đặc biệt. Ba bề sông nước với trời mây mở ra phía trước mặt. Các thứ thuyền, các thứ buồm, các thứ sà lan, sà lúp băng băng trên sông có phù sa lũ nguồn đổ về. Nhẹ nhất, đông nhất vẫn là những thuyền buồm. Buồm trắng to, chạy vát gió, chồm chồm như những con ngựa chiến khổng lồ bờm tuyết mao, đua nhau vượt bước trong một thế trận giao tranh quyết thắng.

Trận địa thứ nhất chúng tôi đến thăm ở ngay bờ sông. Lối đi chung quanh các ụ pháo đều rải sỏi và cát già xào xạo dưới chân người còn có lẫn những lá cây, cành rong, sú vẹt, vỏ hà hến,... Chung quanh các ụ pháo, những luống

đất xây bờ bằng gạch xi măng gạch trắng men cũ vẫn mơn mởn những khoảng cỏ tóc tiên. Mấy gốc hồng, nhài, lựu, loa kèn còn lại vẫn nở hoa. Cũng màu ấy, dáng vẻ ấy, nhưng ở một bến bãi ngổn ngan sắt thép xi măng gạch đá, giữa cảnh mây nước trước một trận địa im lặng chờ đánh giấc, sao mà thấy đẹp thấy quý?!

Trận địa thứ hai của đội tự vệ ở khu trong. Đây là bãi đất trống cuối cùng của khu nhà máy. Bãi đây cũng chính là những ao, vũng, hồ, gò đống gạch đá di tích quân Pháp bỏ lại sau chín năm chiếm đóng Hải Phòng với dãy nhà giam khét tiếng khủng khiếp. Bãi đất ở gần xóm chị K. và xóm của bà Hoa mà tôi định sẽ trở lại sau khi thăm bà Hoa và chị K. Phải, nhà Tiểu Hoa của tôi trước ở trong kia, cây ngọc lan vẫn còn, nhưng chung quanh là những nền, những móng bê tông cốt sắt được làm dở cạnh những nhà đã làm xong, lắp máy chạy rồi. Cũng thênh thang những con đường rải nhựa có những vườn hoa, những sân rải sỏi xinh xắn ở trước nhà sau nhà.

Vừa đi vừa nghe đồng chí chính trị viên diễn tả lại các cuộc chiến đấu mới đây và chuyện thêm về các chiến sĩ xuất sắc của nhà máy, tôi vẫn cứ phải ngoái lại nhìn về phía bên kia trận địa. Đây cũng là một khu nhà máy đương xây dựng và chính là khu những năm 1943, 44, 45, lính Nhật đến đóng trại. Trong bãi, Hoa ông, Tiểu Hoa và con gấu đã phải chịu cái cuộc hành hình phải gọi là tùng xẻo nọ. Từ trận địa nhìn sang, bất giác tôi thấy hiện vụt lên thanh đao của Hoa ông giơ cao trước tên quan Nhật tím mặt ngồi trên ngựa. Thanh đao sáng lạnh, lưỡi vụt đâm lên nền trời cuồn cuộn mây trắng mà tất cả những nòng pháo của trận địa đương chĩa lên, lá ngụy trang lấp loáng ánh nắng, ánh đồng diệp của những băng đạn và ánh thép của miệng pháo cùng chói rực.

Tôi đi qua con đường nhỏ ngày trước là con đường đi tắt vào xóm bà Hoa để vào bãi pháo. Chúng tôi thăm khẩu đội tự vệ trai xong thì đến khẩu đội gái, khẩu đội của Trần Thị Mơ.

Ban sáng, ở bàn giấy ban Giám đốc có cả ban chỉ huy tự vệ nhà máy, chúng tôi đã được nghe Trần Thị Mơ kể lại các cuộc chiến đấu của khẩu đội và cả của Mơ, đặc biệt là cuộc chiến đấu trong mấy ngày giặc Mỹ bắn phá ác nhất, nhưng cũng thua đau nhất. Giờ đây, Mơ đang đứng trên mâm pháo vẫy đón chúng tôi ngay từ bước chúng tôi vào trận địa. Đến lúc chúng tôi sang khẩu đội của Mơ thì đôi mắt và nụ cười của Mơ càng rực rỡ, hớn hở, thân thiết.

Mơ mới mười chín tuổi. Cha làm thợ mộc, anh cũng làm thợ mộc. Ngày bé, Mơ ở nhà bế cháu cho chị dâu và anh đi làm. Mơ được học đến lớp 4. Năm mười sáu tuổi, Mơ được vào nhà máy. Từ việc cạo gỉ sắt Mơ đã chuyển sang đứng máy bào và học bổ túc xong lớp 7. Ngay từ ngày giặc Mỹ cố ý và điên cuồng hơn nữa bắn phá thành phố cảng của Mơ, Mơ xin vào đội tự vệ, chiến đấu liền. Tất cả những đợt quyết liệt, Mơ đều ở trên mâm pháo. Trong một trận khói lửa đất đá mù mịt, bom tấn của giặc giội tới tấp, điện và dây nói từ đài chỉ huy đến trận địa bị cắt phá, chính Mơ đứng quan sát và bắt mục tiêu đã để đến tận lúc máy bay giặc lao xuống trút bom, Mơ mới ra lệnh cho cả khẩu đội bắn.

Giữa trận địa dại nắng và lộng gió chiều, trông gương mặt và vóc dáng Mơ càng hồng hào, khỏe căng. Tất cả đôi mắt, bầu má, cặp môi, hàm răng và nụ cười của Mơ đều tươi trẻ lạ lùng. Bên kia nòng súng chỗ Mơ đứng một cô cũng quần xanh có yếm, mũ vải xanh. Chúng tôi chưa bắt tay Mơ xong, Mơ đã quay ra giới thiệu bạn. Giọng nói của Mơ như nhạc rung, nụ cười càng hơn hớn:

- Hoa Bảo Vân đấy! Hoa Bảo Vân pháo thủ số Một của khẩu đội vừa được tuyên dương toàn thành đấy ạ ạ ạ!!

- Chào Hoa Bảo Vân!

- Chào cô Vân!

- Chào cô pháo thủ số Một của nhà máy!

- Chào cô Hoa Bảo Vân!

Cô gái tự vệ nhà máy cười, chớp mắt, cúi đầu chào lại chúng tôi. Đồng chí chính trị viên, giọng miền Nam, cười lớn tiếng.

- Con Sẻo Hoa, con em gái út của đơn vị đấy. Nó với con Mơ cứ như hình với bóng. Mười tám tuổi, pháo thủ số Một của khẩu đội, chiến sĩ xuất sắc, về nhà còn khóc, bỏ cơm bắt đền mẹ, vào nhà máy lại khóc bắt đền ban chỉ huy. Vì tội mẹ cứ không chịu thổi cơm sớm, đang ăn thì báo động, bỏ chạy từ bên phố sang nhà máy, cổng nhà máy lại đóng, trật tự không cho vào, nên không được dự trận đánh... Nó cũng ở đội văn nghệ với con Mơ nhưng con Mơ chỉ có chèo giỏi, chứ nó hát cũng giỏi múa cũng giỏi. Múa thì múa võ, đánh cặp roi sắt hay cặp kiếm thì tuyệt vời, tuyệt vời...

Tim tôi chợt như đập tung lên.

Cái tên gọi, những hình ảnh và con người mà tôi được nghe nói, nghe tả, nghe kể ban sáng và đương định tìm gặp đã đến với tôi kia rồi, ở trước mặt tôi rồi, Sẻo Hoa, Hoa Bảo Vân! Hoa Bảo Vân! Sẻo Hoa!

... Hai ngọn roi bện chỉ ngũ sắc buộc tua bông trắng của Tiểu Hoa năm xưa bỗng như hai làn ánh sáng vút qua tâm trí tôi cùng với thanh đao và bắp tay gân guốc của Hoa ông vung lên. Ngay đó từ đầu nòng súng đương chĩa ra phía biển khơi có Trần Thị Mơ và Hoa Bảo Vân đứng ở hai bên kia, tôi thấy còn vụt lên những làn lửa chớp. Những làn lửa chớp đã xả vào các đợt các kiểu máy bay giặc lồng lộn gầm rú bắn phá, những làn lửa chớp của những băng đạn cuồn cuộn, quyết liệt, căm giận vô cùng, và cũng bình tĩnh tin tưởng vô cùng, bắn lên từ một sức sống cũng thật là mới lạ, kỳ diệu vô cùng...

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Những Ngày Thơ Ấu

### I. TIẾNG KÈN

... Thầy tôi làm cai ngục. Mẹ tôi con một nhà buôn bán rau đậu, trầu cau lần hồi ở các chợ và trên đường sông Nam Định - Hải Phòng. Tuổi thầy tôi hơn ba mươi, gấp đôi tuổi mẹ tôi. Hai thân tôi lấy nhau không phải vì quen biết nhau lâu mà thương yêu nhau. Chỉ vì hai bên cha mẹ, một bên hiếm hoi muộn cháu và có của; một bên sợ nguy hiểm giữ con gái đẹp đến thì ở trong nhà và muốn cho người con ấy có chỗ nương tự chắc chắn, được cả một dòng họ trọng đãi nếu mắn con.

Tôi đẻ ra đã được bao nhiêu người nhà những tội nhân có máu mặt đến mừng, biết bao nhiêu kẻ nhờ vả ông bà tôi lại thăm nom. Đồ vàng bạc, các thứ lụa là, gạo thơm, gà béo, trứng mới, cá biển tươi... từng tráp, từng thúng, từng bu đã chật ních cả tủ áo và chạn thức ăn. Vú bõ trong nhà đã hả hê có số tốt được hầu hạ một cửa "quyền quý". Sau này, mỗi lần nhắc tới ngày sinh vui vẻ của tôi, trong cái giọng nói hổn hển thỉnh thoảng lại ngắt quãng với những tiếng ho khan của bà nội tôi, tôi thấy có nhiều sự cảm động lắm. Cảm động vì nhớ tiếc, vì đau xót.

Thầy mẹ tôi lấy nhau không phải vì thương yêu nhau, trái ngược cay đắng đó tôi đã hiểu biết rõ rệt và thấm thía ngay từ năm tôi lên bảy lên tám, ở vào cái tuổi mà tính tò mò rất dễ bị kích thích và trí ngây thơ trong suốt đã ghi giữ một hình ảnh gì, một nỗi niềm nào thì ghi giữ mãi mãi.

Những buổi chiều vàng lặng lẽ, lạnh lẽo của mùa đông, những buổi chiều

mà bụi mưa như có một thứ tiếng van lơn thầm thì trong hơi gió vu vu, lửa lò than rực rỡ vờn lên chân tường những ánh hồng lấp lánh hay rủ rê tâm trí người ta vào những cõi buồn nhớ, là những buổi chiều làm tê tái mẹ tôi hơn hết. Tuy mẹ tôi có tôi ngồi trong lòng cười nô với mấy con búp bê, tuy trước mặt mẹ tôi có cả một bữa cơm thức ăn tỏa mùi thơm ngon lành trong hơi cơm tám xoan bùi ngọt, tuy mẹ tôi vẫn tươi cười và luôn luôn thưa gửi dịu dàng với thầy tôi và bà tôi.

Lúc bấy giờ, trong đầu óc mẹ tôi quẳn quại những hình ảnh gì, những ý nghĩ gì, thầy tôi đoán biết sao được. Vẻ mặt xinh tươi kia, giọng cười nói nhẹ nhàng kia, sự thùy mị kính cẩn kia, sao có thể là của một người đàn bà mà tâm tư hằng giá buốt vì những phiền muộn, những đau đớn cay chua nhất, tối tăm nhất? Hay thầy tôi cũng như mẹ tôi cả hai đều thản nhiên và lặng lẽ để che giấu cả một lòng đau đớn? Có lẽ đúng! Vì thầy tôi, nếu là một người vô ý thức hay là một kẻ xốc nổi, chỉ biết có sắc đẹp và sự chiều chuộng của mẹ tôi, thì đã chẳng yên lặng nhìn tôi, miệng hơi nhếch về một bên, khi tôi níu lấy vai, lay lay hỏi:

- Cậu ơi! Em Quế con không phải là con cậu mà là con cai H. phải không?

Cùng lúc nghe câu tôi hỏi ấy, mắt mẹ tôi bỗng sáng lên, gò má hơi ửng hồng. Mẹ tôi nhìn nhanh thầy tôi rồi hoặc quay mặt đi chỗ khác, hoặc cúi xuống thẫn thờ nhìn tôi. Trời! Thốt lên câu hỏi dại dột trên kia nếu tôi là con một người cha độc ác hay ghen, phát uất ức, và một người mẹ bỗng hổ thẹn, sợ hãi vì có kẻ mớm lời cho con mình để phá hoại sự thanh khiết của đời mình, đời phải chung thủy của một người làm vợ, thì cảnh tình giữa cha tôi và mẹ tôi lúc bấy giờ sẽ ra sao?

Nhưng không! Thầy mẹ tôi chỉ lặng lẽ nhìn nhau và tôi cũng vẫn được nâng niu vỗ về trên hai đầu gối mẹ tôi ấm áp.

***

Quế, em gái tôi, là con người khác: cai H, sự ngờ vực trong đầu óc tôi thoát ra với câu hỏi trên kia không bao giờ được trả lời cả.

Đem hỏi thầy tôi, thầy tôi yên lặng. Ôm ấp trong lòng mẹ tôi, được mẹ tôi vuốt ve là tôi nhắc đến câu hỏi ấy. Cũng như thầy tôi, mẹ tôi không đáp. Nhưng hai con mắt sáng ngời trên nước da mịn màng như trứng gà bóc ấy khác hẳn cặp mắt sâu tối của thầy tôi. Và, những lúc ấy, mẹ tôi hay áp má lên lùm tóc tôi, hai ngón tay nhẹ nhẹ vuốt từng sợi một.

Không chịu thắc mắc, tôi còn hỏi cả hai cô tôi, hai anh họ tôi, bà tôi và những người hàng xóm.

Cô tôi, hai anh họ tôi không trả lời còn có lý chứ bà nội tôi và những người ở gần nhà tôi thấy tôi hỏi lắm thì hoặc làm lơ đi, hoặc gắt lên thì thật vô lý quá chừng. Chính mấy người này đã gieo cái ý nghĩ vẩn vơ ngờ vực vào tâm trí tôi. Đã một lần bà tôi vẫy tôi lại, ôm tôi vào lòng, xoa đầu tôi:

- Ai đẻ mày?

Nhìn những miếng bánh kẹo thơm phức trong giấy bóng xanh đỏ ở tay bà tôi, tôi nũng nịu đáp:

- Bà đẻ con.

Bà tôi lừ mắt, tát vào má tôi:

- Bố mày, chỉ được cái hóm thôi. Không phải!

- Vậy con là con cậu bà nhỉ?

Bà tôi lườm tôi một cái dài, lại hỏi:

- Cậu làm gì?

- Cậu làm ông xếp đề lao.

Bà tôi, vẫn một giọng ngọt ngào:

- Còn cái Quế là con ai?

Tôi đã hơi cáu vì thèm ăn lắm mà chưa được miếng nào, tôi ngoẹo đầu ngoẹo cổ, phụng phịu:

- Con không biết!

Bà tôi lại tát nhẹ vào má tôi:

- Láo nào! Bố mày! Nói đi rồi bà cho.

Nhưng tôi dại gì chậm nói để chậm ăn, tôi liền kéo tay bà tôi cầm bánh thấp xuống tí nữa:

- Em Quế cũng là con cậu.

Tôi đã thất vọng. Bà tôi hừ mạnh một tiếng, đổi nét mặt:

- Không phải!

Tôi gắt lên:

- Chả con cậu là con ai? Không cho con thì thôi!

Dứt lời, tôi gỡ tay bà tôi, chực chạy đi chỗ khác. Bà tôi phải bóc ngay phong bánh, bẻ cho tôi một nửa rồi cặp chặt tôi vào hai đầu gối:

- Bà bảo không phải là không phải mà.

Tôi không cắn bánh vội, cau mặt nhìn bà tôi:

- Thế nó không phải là con cậu con, sao nó lại được ăn sữa bò, lại có vú bế?

Tôi lý luận như thế vì tôi cho rằng được vú em chăm bẵm và ăn sữa bò là một vinh hạnh, một sự biệt đãi. Tôi có biết đâu rằng bà tôi chẳng muốn mẹ tôi bận bịu vì em gái tôi, để tôi được độc quyền hưởng sự nuôi nấng chăm bẵm của mẹ tôi. Bà tôi lại xoa đầu tôi và cười. Nụ cười làm rung động cặp môi rạn nứt chảy xệ ấy, tôi vẫn chẳng thấy gì là vui vẻ. Và nụ cười vừa tắt, bà tôi lặng ngay nét mặt nói:

- Không phải! Cái Quế nó là con thằng cai H.

Tôi mở to mắt, lay mạnh vai bà tôi:

- Bà nói dối để không cho con nốt chỗ bánh kia. Nó cũng là con cậu.

Cặp mày lơ phơ trên đôi mắt nâu càng chau lại, nhưng giọng nói bà tôi lại trở lại nhẹ nhàng, ngọt ngào:

- Không! Bà bảo thật mày đấy, nó không phải là con cậu mày mà là con thằng...

Bà tôi ngừng lại, đăm đăm nhìn vào mặt tôi:

- Mày có biết thằng cai H. không?

Tôi lắc đầu. Bà tôi nghiêm nét mặt:

- Cái thằng buổi chiều nào cũng dẫn lính sang đề lao và thổi kèn ấy mà.

Tôi reo lên:

- Thế thì con biết rồi!

Nhưng tôi chẳng cần hiểu biết rõ rệt hơn đứa em gái thật là con thầy tôi hay là con ai cũng được, thấy bà tôi hớ hênh tôi liền giật phăng cả gói bánh và mấy chiếc kẹo, chạy tót ra đường.

... Và một lần, dưới gốc xoan tây, trước một cái bếp bằng những hòn gạch vỡ và đốt bằng những cành xoan và lá vàng hong khô, tôi được ẵm trong lòng một người đàn bà vẫn đong gạo và vay tiền của mẹ tôi. Trước thì tôi mải chơi với một con mèo nhỏ vờn quấn dưới chân tôi nên tôi không để ý đến chuyện trò của người đàn bà ấy với một người đàn bà khác, nhiều tuổi hơn, yếm trắng, thắt lưng xanh, cũng là vợ một người cai lính khố xanh, và cặp mắt vẻ mày cũng sắc sảo lắm. Khi con mèo bị tôi nắm đuôi chặt quá chóc lên một tiếng cào tôi rồi chạy đi chỗ khác, tôi mới bắt đầu chú ý nghe. Người đàn bà ôm tôi cười toe toét. Người kia lại còn lắm miệng hơn. Nhiều lúc cả hai cùng nhìn tôi, mắt ánh hẳn lên rồi cười rũ rượi.

Tôi không ngạc nhiên lâu mà liền căm tức. Cái căm tức dội lên nghẹn ngào. Nhưng tôi phải yên lặng. Không biết một sức gì đã giữ riết lấy tôi không cho tôi chồm lên, không cho tôi văng vào mặt họ mà đấm đá mà chửi rủa. Hai người đàn bà này chê bai bới móc mọi người hàng xóm chán rồi lại quay về chuyện nhà tôi. Nào thầy tôi nghiệt ngã, thâm hiểm lắm. Trái lại, mẹ tôi vừa trai lơ, vừa dễ dãi, và gần như đần độn nữa ấy, chẳng biết gì cả. Còn bà tôi thì đủ các tính ác, tính xấu, những cái ác, cái xấu của những người đàn bà từ thuở lọt lòng đã phải sống với những thành kiến, những lề thói tối tăm cay nghiệt, rồi phải coi học thức như là một sự quái gở, tự do như là tội lỗi, và thích thú sự áp chế, hành hạ nếu mình được dịp và có quyền áp chế, hành hạ kẻ khác.

Sau cùng, giọng nói của người đàn bà nhiều tuổi có cặp mắt sắc sảo bỗng nhỏ đi. Y trỏ một người trắng trẻo, không phải bồng súng, đương chắp tay sau lưng đi lại ở cổng đề lao, thì thầm với người đàn bà ôm tôi bỏm bẻm nhai trầu:

- Con bé em thằng này là con hắn ta đấy!

***

Buổi chiều nào cũng vậy, dù nắng nực hay mưa rét, tốp lính khố xanh ấy cũng phải đi qua nhà tôi. Vừa đúng hai chục người: mùa hạ, quần áo vải vàng, mùa đông, quần áo dạ tím. Họ đi chân không, quấn xà cạp, đội nón chóp đồng. Ba người hàng đầu đeo ở cánh tay áo một chiếc lon màu hoa lý to hơn chiếc đũa. Cùng hàng với ba người này, ở bên trái, cách chừng một bước là một người tầm thước, gương mặt trắng hồng, mắt sáng, sống mũi hơi cao, hai hàm răng trắng phau. Y ăn vận gọn ghẽ hơn cả. Tay y đeo hai lon vàng đính thêm một đường chỉ đỏ thêu to. Chân y đi giày vải đen, bít tất bao giờ cũng trắng như mới. Không phải bồng súng, y ung dung cầm một chiếc kèn đồng có tua đỏ, mỗi lần hoa nhanh lên lại tỏa ra một làn ánh sáng vàng diệp dưới ánh nắng rực rỡ của chiều hè.

Cứ khi nào tốp lính đến gần nhà tôi ở xế cổng đề lao thì tiếng kèn vang lên, vui vẻ quá, hùng tráng quá. Át cả tiếng vỏ lưỡi lê đập phanh phách vào đùi và những bước chân soàn soạt, tiếng kèn mỗi giây một rướn cao, một vang to, rung động cả làn không khí êm ả của một góc trời. Rồi nương tiếng gió lao xao trong những chòm cây phấp phới, âm thanh nao nức, dồn dập của tiếng kèn càng cuốn lên cao, tràn ra xa, rất xa, đến những vùng xa sáng tươi nào đó. Càng về sau tiếng kèn càng niềm nở, ân cần như những lời thúc giục thống thiết rồi đổ hồi trong giây khắc đoạn im bặt.

Một lúc lâu sau, một tốp lính khác ở cổng đề lao đi ra, vẫn người thổi kèn ấy.

Lần này, tiếng kèn nhanh hơn trước, nhịp với bước chân vội của tốp người nhọc mệt và đói ngấu mong ngóng sự nghỉ ngơi, no say... Hãy bước đi, hãy bước đi, như làn lá nhỏ bay theo gió. Tiếng khèn vồn vã vẫn rõ ràng, trong sáng, và, bầu trời mở rộng vẫn rung vang. Sau tốp lính, một lũ đàn bà, trẻ con

long tong chạy theo, trên lưng, những đứa bé ngồm lên ngồm xuống như cưỡi ngựa.

Quá nhà tôi một quãng ngắn, tiếng kèn lại dần dần rướn cao lên. Đến khi tốp lính và lũ đàn bà trẻ con bị những lớp găng dày và một góc vườn um tùm và một hàng cây che khuất thì tiếng kèn tắt hẳn. Gió chiều bỗng rít dài lên, nền mây rung mạnh, khi âm vang của tiếng kèn không còn một gợn sóng.

Đương nắm tay tôi, tự nhiên mẹ tôi buông mạnh ra bước xô xuống thềm gạch, ra đường. Tôi ngạc nhiên, níu chặt lấy vạt áo mẹ tôi, cuống quýt:

- Mợ ơi! Chờ con với. Mợ ơi!...

***

Bao nhiêu buổi chiều như thế? Đã mấy trăm buổi chiều như thế? Tôi không thể ghi rõ là bao nhiêu mà chỉ nhớ rằng mẹ tôi đã không biết bao nhiêu lần dắt tôi ra sân trước, đón những tốp lính kia đi qua với tiếng kèn rộn rã tưng bừng để rồi một lúc lâu sau chậm chạp dắt tôi trở vào. Mẹ tôi đã đứng trong tươi sáng và ấm áp ở ngoài trời hay trong gió lạnh, mưa bay ở dưới mái hiên, và, bao nhiêu buổi chiều êm ả đã qua, óc non nớt của tôi ghi làm sao được không lầm, không sót những con số nhất định? Nhưng trong hồn tôi thì mãi mãi rõ ràng thắm nét hình ảnh những con mắt của mẹ tôi sáng lên nhìn người thổi kèn và hai gò má mẹ tôi ửng hồng khi cặp mắt long lanh của người đàn ông nọ chiếu tới. Và cho tới ngày trọn đời, tôi không thể sao quên được cái cảm giác lạ lạ do một bàn tay nhỏ nhắn run run bỗng từ đầu tuột xuống vai tôi, và một màng lạnh lạnh mong manh vương qua một cặp mắt lờ đờ nhìn vào mắt tôi chợt làm ngực tôi lạnh rợi đi... Rồi đến một giọng van lơn khi tôi níu lấy áo mẹ tôi kéo vào nhà lúc không còn bóng dáng và tiếng kèn của tốp lính nữa.

- Đừng quấn mãi lấy chân mợ mà!... Thôi!... Con đi trước đi mợ xin theo

con...

... Rồi một buổi chiều, tôi cũng không thể nhớ rõ là một buổi chiều rực rỡ hay âm u, mẹ tôi không dắt tôi ra sân nữa. Và từ buổi chiều ấy trở đi, chỉ có mình tôi lon ton chạy ra đón xem tốp lính đi qua với một người thổi kèn khác. Lắm lúc thấy tiếng kèn vui quá tôi chạy vào nhà, nắm tay mẹ tôi, hết sức kéo dậy. Nhưng mẹ tôi chạy vào nhà, nắm tay tôi ra rồi quay mặt vào tường hoặc tiện thể kéo ngả người tôi vào lòng ôm lấy tôi. Bên tai tôi, tiếng ngực mẹ tôi đập mạnh lạ thường, và từ mảng ngực phập phồng nóng ran lên đó truyền sang da thịt tôi những cảm giác ấm áp giữ tôi lại rất lâu trong cánh tay mẹ tôi.

Lúc bấy giờ mắt tôi như mờ đi vì hơi thở nóng sực của mẹ tôi và tôi càng bâng khuâng trong đôi mắt thẫn thờ như muốn khóc của mẹ tôi.

***

Em Quế chính là con "cậu" tôi. Anh họ tôi, các cô tôi, cả bà tôi và những người hàng xóm dần dần bảo tôi như thế sau ngày người cai kèn kia đổi đi nơi khác không biết là đóng ở đâu và mẹ tôi càng kính cẩn hầu hạ bà tôi, càng chiều chuộng thầy tôi và chăm nom anh em tôi. Nhưng cũng từ ngày ấy tôi càng ít thấy hai thân tôi trò chuyện vui vẻ với nhau trừ khi ở trước mặt bà tôi hay những người nào thân thiết nhất.

Tới năm em gái tôi khôn lớn cũng thế, thầy mẹ tôi không bao giờ nhìn thẳng vào nhau mà hỏi gọi nhau, cười nói với nhau. Trong con mắt, giọng nói và nụ cười của hai thân tôi bao giờ cũng đượm vẻ trầm lặng, chua chát, hờn tủi. Sự đau đớn âm thầm ấy theo dõi mãi mãi thầy tôi và mẹ tôi với cái kỷ niệm sâu xa của mấy đêm kia - tôi tin chắc chỉ mấy đêm thôi - hai con người đã phải gắng gượng ăn nằm với nhau, và để khỏi tủi lòng hai đứa con có phúc lọt vào một cửa giàu có và hiếm hoi, hai người càng cố phải gần gụi nhau trong một sự êm ấm giả dối vô cùng.

## II. CHÚA THƯƠNG XÓT CHÚNG CON

Nhà đã bán mất rồi. Cái nhà gạch hai tầng ở phố Hàng Cau của bà tôi cố dành dụm bao năm và vay mượn bao nhiêu nơi mới xây được để làm từ đường.

Năm ấy là năm 1927, tôi nhớ rõ như thế, đồng tiền buôn bán còn kiếm được nên nhà tôi mới bán được giá cao đến thế: một nghìn chín trăm đồng. Và cũng vì ở giữa một phố sầm uất, có nhà cầm đồ, có hiệu khách xuất cảng và nhập cảng gạo, có nhiều hàng cơm đông người ăn nhất, nếu không nhà tôi sẽ bị dìm giá, trầy trật mới bán được. Bởi nhà đất vừa hẹp, đằng sau không có, cầu rửa và bể nước ở ngay trong nhà, không còn lối nào mở cửa sổ, gác thì thấp, lan can lại bằng gỗ, và chủ nó đương cuống vó, mất ăn mất ngủ vì các món nợ ghê gớm, văn tự viết cầm nhà thì đã đến hạn đoạn mại.

Ông tôi mất sớm, năm thầy tôi chưa lấy mẹ tôi. Bà tôi cũng sinh nở mười tám bận. Nhưng các cô, các chú tôi chết dần chết mòn gần hết, kẻ ngay khi lọt lòng mẹ, kẻ mới bập bẹ còn trần truồng chạy nhông ngoài đường. Trong sự nuôi nấng cẩu thả và mê muội của một người mẹ luộm thuộm suốt ngày đầu tắt mặt tối, đàn con đông hơn đàn vịt kia sống sót ba người: thầy tôi và một người chị gái thầy tôi, một người em gái thầy tôi.

Công việc mua bán chỉ đi lại trong có nửa tháng là nhà tôi đã về chủ khác. Tuy vậy, trước ngày mà hai cô tôi ký tên vào giấy bán nhà cùng với bà nội tôi ở tòa án rồi nhận trước mặt viên lục sự mỗi người một trăm rưỡi đồng, gia đình tôi cũng chẳng ổn thỏa nào.

Thầy tôi cười một tiếng nói với bà tôi:

- Hai con ấy chính là hai con quỷ. Chúng nó là con gái may sinh vào cái buổi Tây Tàu này, tôi đã phải cho mỗi đứa một trăm bạc, hỏi còn bất công gì mà chúng nó ỏe họe dọa không ký. Chúng nó mà cao kỳ quá thì tôi để toàn

quyền cho tòa án.

Bà tôi chỉ chép miệng:

- Đấy tùy anh, anh muốn làm thế nào cho tôi nhờ thì làm. Hai con kia nó đã được nhờ chồng, thằng làm thông phán, đứa cửa hàng đồ gỗ tiền nghìn, chúng nó cần gì hai trăm bạc của anh chia cho chúng nó một cách xử đối khinh rẻ như thế. Muốn cho chúng nó ký nhận tiền, anh phải nói năng với chúng nó cho ra nhời ra nhẽ, chúng nó đã vậy, nhưng còn chồng chúng nó. Thôi tôi xin anh, anh đừng cậy mình là ông trưởng, mà giở trò nhờ quan tòa, nhờ thầy kiện. Tôi bảo thật chỉ đục nước béo cò, chỉ chia năm sẻ bảy, rồi cái nhà này đến mất không thôi.

Nghe bà tôi nói thầy tôi càng tím mặt lại:

- Anh sức dài vai rộng, anh thông thạo chữ nghĩa, anh thừa sức làm công nọ việc kia để kiếm miếng đổ vào miệng anh, vợ anh, con anh. Chứ tôi đây đã ngoài bảy mươi tuổi đầu, mấy năm trước Chúa cho còn mạnh chân khỏe tay, còn buôn bán, còn làm cái hàng cái họ được, nhưng từ nay trở đi thì còn làm gì nảy ra tiền nữa. Ăn uống, thuốc thang, đóng góp hội hè giỗ tết, một năm, hai năm nếu Chúa còn để tôi sống được ngày nào nữa, và ma chay sau này, nếu không được nhờ cậy các anh các chị thì thôi. Thiệt một xu tôi khổ vì một xu, thiệt một đồng tôi đứt ruột vì một đồng, thiệt hàng chục hàng trăm thì anh cứ cầm dao thí ngay cho tôi một nhát còn hơn.

Bà tôi nức lên rồi ôm mặt khóc:

- Anh làm khổ tôi vừa vừa chứ! Anh ỷ mình vừa vừa chứ! Đương tự nhiên anh thôi việc nhà nước. Đương tự nhiên anh vác bàn đèn về nhà, hút ngày hút đêm... Rồi bỗng dưng anh đem văn tự địa đồ đi cầm lấy hàng năm bảy trăm bạc, chịu lãi hàng mười phân để đi Sài Gòn, Sài chéo, cậy cục hàng trăm bạc để lấy sổ đi làm những tàu Tây, tàu Nhật, tưởng nên vương tướng gì hay đâu

không việc hoàn không việc, nghiện ngập hoàn nghiện ngập.

Tiếng khóc càng to, và từ trong hai cái hốc mắt tối những giọt nước tràn ra lai láng trên gò má hóp răn reo, như một đập nước đương khô cạn bỗng đầy ứ đến vỡ lở. Vừa khóc bà tôi vừa réo tên tục ông tôi và thầy tôi mà kể lể oán trách. Một đời tối tăm của người đàn bà thường dân, nhanh chóng nhưng thấm thía và rõ rệt, đã kêu lên bằng giọng khàn khàn rền rĩ của bà tôi. Ngay khi lọt lòng mẹ, người đàn bà ấy đã phải chịu ngay cái bất công trong sự chăm nuôi cùng các anh trai, em trai, lớn lên một chút choáng váng vì u mê vì sự dạy bảo sai khiến của ông bà, cha mẹ và họ hàng... mười bảy mười tám tuổi đã thành một người con gái cắn cỗi, lúc nào cũng khép nép, lo sợ, rồi thì về nhà chồng với một lòng nhẫn nhục ngày càng dạn dày, một tính khiếp phục ngày càng mạnh mẽ... Hàng ba bốn mươi năm sau thời kỳ làm dâu con, bước lên địa vị làm mẹ rồi làm bà. Tuổi già kém sút đến. Nhưng rồi ra cũng được hơi yên ổn, vui sướng. Sự sống thảnh thơi và già cỗi ấy ở giữa những sự sống mê muội tối tăm khác của những lớp con cháu cứ thế kéo dài cho đến phút cuối cùng. Người đàn bà ấy chết... Chết bên một cỗ áo quan thật tốt đóng sẵn từ mười năm trước để một góc buồng, bên một đống quần áo lành lạnh thơm tho giữ y nguyên những nếp là từ thuở mới bước chân về nhà chồng... chết trong những tiếng khóc rền rĩ của con gái, con dâu, chị em xa gần mượn dịp này để đay nghiến lẫn nhau, khóc mà tưởng như hát lên những khổ cực đau tủi mình đã phải chịu.

Thầy tôi đã lạnh lùng đứng dậy, đi vào nhà trong mặc bà tôi ngồi kể lể. Tôi nhìn nét mặt thầy tôi thấy sao mà dữ, mà sợ. Chờ thầy tôi khuất hẳn, tôi vội trèo lên giường bà tôi, lay vai bà tôi, rơm rớm nước mắt nói:

- Bà! Bà đừng khóc nữa. Cậu bán nhà này của bà đi rồi cậu làm nhà khác mà.

Một giọng mếu máo đáp:

- Có làm thêm mấy cái bàn đèn nữa đấy! Bố mẹ mày giết tao... Hồng ơi!...

Tôi càng lay mạnh vai bà tôi:

- Cậu con không làm được thì lớn lên con đi học con làm cho bà. Bà nín đi...

Bà tôi ngước mắt lên, hai bàn tay chỉ còn xương bọc da khô róc, hất nhanh mớ tóc điểm bạc ra đằng sau. Những giọt nước mắt đổ dồn về hai thái dương, ròng ròng rớt xuống gáy.

Một tháng sau, hết hạn ở lưu, nhà tôi phải dọn đi nơi khác. Hôm đó hai mươi ba hay hai mươi bốn tháng Chạp. Một buổi sáng lạnh lẽo tuy khô ráo. Suốt hai dãy phố, trừ mấy hàng cau và hiệu cầm đồ là tấp nập còn nhà nào cũng quét rửa xong, bàn thờ hoa cúc, cành đào, chân nến đỉnh đồng bày biện đâu đấy, và bắt đầu cửa đóng, dán giấy hồng điều và tranh rồi.

Những năm xưa thái bình ăn tết sớm lắm!

***

Một sáng sớm tôi bỗng thức giấc thì thấy lạnh và chân tay nhẹ bẫng đi. Tôi bò nhổm dậy, dụi mắt trông: màn đã vắt, chiếc khăn bông cuộn lệch lạc đùn về một góc giường, thầy tôi khi ngủ bao giờ cũng phải cho tôi gác và ủ tay vào nách không thấy nằm bên nữa.

- Cậu ơi! Cậu ơi!

Tiếng kêu gọi của tôi đã thành tiếng hét làm rát cả cổ, bà tôi và mẹ tôi tung màn chạy theo tôi ra vườn. Cả con bé em tôi nữa.

- Làm sao thế? Làm sao thế?

Tôi mếu máo nhìn bà tôi:

- Cậu con đi đâu rồi?

Bà tôi quát:

- Cậu mày đi sau chứ đi đâu mà phải khóc?

Tôi liền chạy vào đạp tung cửa nhà xí.

- Bà ơi! Đâu nào?

Bà tôi nắm tay tôi lôi xềnh xệch vào nhà:

- Hay cậu mày đi mua thuốc?

Tôi lại vội chạy vào buồng. Không thấy cái bàn đèn để trên mặt bàn kê ở cuối giường và tìm đâu cũng không ra, tôi nức nở:

- Mất bàn đèn rồi!

Nhận ra chỗ thầy tôi nằm không bao giờ xếp dọn sớm như thế và quần áo vắt trên màn không còn cái nào lành, bà tôi hốt hoảng hỏi mẹ tôi:

- Mẹ mày có biết bố nó đâu không?

Mẹ tôi nhìn bà tôi, không đáp! Bà tôi càng cuống quýt:

- Lạ thật! Lạ thật!...

Bữa trưa hôm ấy, cơm và thức ăn nuốt vào thấy khô đắng quá! Nước canh thịt hòa với nước mắt tôi. Thấy tôi khóc nhiều quá và dỗ mãi cũng không nín, bà tôi cũng khóc theo:

- Mợ Vui - Gọi theo tên tục thầy tôi - thằng Vui nó vào nhà chung lấy cả năm trăm bạc của tao gửi cha xứ rồi. Cha xứ hỏi nó, nó bảo lấy tiền để làm

vốn sang Lào buôn bán. Vậy mợ mày bây giờ nghĩ sao?

Mẹ tôi quay nhìn cái gian buồng lúc nào cũng mờ tối, giường quanh năm màn chỉ vén lên, trong đó thầy tôi hết nằm lại ngồi, hút chán lại ngủ, không bao giờ đi chơi đâu và chẳng bao giờ hỏi gọi đến mẹ tôi. Mẹ tôi nhẹ thở dài. Hai mắt mẹ tôi vẫn lờ đờ mệt mỏi như giọng nói:

- Thưa mẹ không! Cậu nó đi là đi, có dặn gì con đâu!

***

Mùa thu ngắn quá, tiếp ngay đến mùa đông dài và buồn.

Mùa đông năm ấy mưa phùn liên miên như không bao giờ hết trong cái lạnh lẽo tê buốt của những luồng gió lộng. Người ta như đặc cả phổi dưới làn không khí ướt át của vòm trời thấp tối. Nhà tôi ở chung với nhà hàng sũ. Trong nhà, trừ gian bày bàn thờ, còn đâu đâu cũng thấy xếp gỗ phiến, gỗ tấm, gỗ bắp và các thứ săng ván. Quanh năm, mùi gỗ vàng tâm và gỗ dẻ thơm nức không khí.

Những ngày mưa gió, khách mua hàng vắng, chủ nhà và thợ đều rỗi. Trưa đến, thợ mộc và thợ xẻ đều chui vào những chỗ trống ở hai chồng ván, kéo những giấc ngủ kỳ no chán. Về những ngày vắng lặng đó, đi học về, ăn cơm xong, mở sách ra học, tôi thấy tâm trí vơ vẩn như muốn bay đi những đâu đâu, mặc dầu ở trong lớp tôi đã lơ đãng nhiều rồi. Nhất là những giờ tập đọc kinh và làm tính, tôi chẳng để ý nghe nghĩa lấy một phút.

Một tay khoanh lên bàn để che, một tay tôi vân vê hai mảnh vỏ lạc tây đã tỉa hết nhân và cọ sát rất nhẵn của thầy tôi bỏ lại. Tôi và em gái tôi gọi là hai mảnh gỗ rùa. Tôi còn đặt thêm cho cái tên là "rùa thần" vì đêm ngày chầu chực ở hai bên ngọn đèn dầu lạc của thầy tôi. Trí tưởng tượng non nớt của tôi đã dàn xếp ra những cảnh rất kỳ dị trong những giờ yên lặng nhất của buổi

học chiều.

Mặt bàn gỗ lim nhẵn bóng là tầng mây xán lạn, mênh mông trên đó hai "rùa thần vỏ lạc tây" kia bơi theo chiều gió. Ngón tay giữa và ngón tay trỏ của tôi đặt lên hai vị tiên đồng: tôi và em gái tôi, cưỡi linh quy bay trên tầng không, hai tiên đồng kia đã bao nhiêu năm tháng tìm kiếm các phương trời một người cha thân yêu bỗng dưng lìa bỏ hai con mà không báo cho chúng tôi biết chỗ mình ở, ngày mình về. Rồi càng bay xa, càng bay lâu, chỉ càng thấy ruộng nương, sông hồ, rừng núi và biển cả mịt mùng...

Nhưng ở nhà trường, giữa những vui chơi của các bạn nhỏ, tôi không thấy sự buồn nhớ thấm thía quá mỗi khi chợt nhớ đến thầy tôi. Về đến nhà, ngồi trên cái giường mọi khi có ngọn đèn vàng ngà ngà im lặng trong cái chụp trong suốt luôn luôn vương vấn làn khói mong manh thơm phức, người tôi càng nao nao cồn cào như sau mấy bữa chỉ ăn có cháo loãng. Những ngày mưa, từng giọt nước lạnh từ ống máng rơi xuống chiếc thau đồng đã thấm từng chút khí lạnh vào lòng tôi; từng tiếng kêu chiêm chiếp của con sẻ lẻ loi rũ lông trên mái ngói đã quện đi từng hơi êm ấm của hồn tôi. Và những ngày nắng, mây trời xanh bát ngát, mái ngói xanh rêu, tường vôi trắng xóa vẫn cứ vương qua mắt tôi một màng mong manh lạnh lạnh.

Tôi buồn ngủ lắm rồi! Không thể sao học bài được nữa. Vì mỗi câu đọc xong, tôi chưa ôn lại thì những chữ muốn gợi ra trong trí tưởng đã biến đi đâu hết. Não cân tôi tê dại vì nhớ thương đã trở thành như bằng chất sắt, không thể ghi nhớ các bài học dù chỉ rất ngắn, rất dễ học kia.

Ngồi xếp bằng ở giữa giường trên đệm bông có lò than tàu đỏ rực, bà tôi im lặng trước cây thánh giá bằng đồng treo giữa hai chậu huệ trắng và hai chân nến sơn son thếp vàng. Không có những tiếng lâm râm như tiếng nói của một người gần hấp hối ấy, không có những đầu ngón tay khô róc lẩy bẩy lần chuỗi tràng hạt ấy, bà tôi sẽ thành một pho tượng mà tất cả cái tinh thần chuyên chế và sức đè nén tối tăm của các thành kiến hiện cả lên trên cái

gương mặt hốc hác nhăn nheo và trong hai quầng mắt sâu thẳm.

- Chúa tha tội chúng tôi!

- Chúa thương xót chúng tôi!

Lời van xin càng rền rĩ.

- Chúa nhận lời chúng tôi!

- Chúa phá mọi sự dữ, ban mọi sự lành cho chúng tôi!!!

Bao nhiêu tia sáng trong cặp mắt bao lâu nay không còn ánh một vẻ vui sướng gì của bà tôi dần tắt đi... Bà tôi nhìn Chúa Giê-su rầu rĩ mệt lả dang hai cánh tay rỉ máu trên cây thánh giá hồi lâu rồi từ từ cúi xuống hôn mẫu ảnh nhỏ, tròn bằng bạc ở tràng hạt. Tiếng nói lào thào càng run run:

- Chúa tha tội chúng tôi! Chúa thương xót chúng tôi!

- Chúa phá mọi sự dữ, ban mọi sự lành cho chúng tôi!

Nhiều lần nữa bà tôi rền rĩ nhắc lại mấy câu trên kia, từ khi tôi bắt đầu nói sõi bà tôi bắt tôi đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu vạn lần.

III. TRỤY LẠC

Trừ chiếc tủ chè bằng gỗ gụ, tuy không đẹp nhưng chắc chắn, nhà tôi không còn một đồ đạc gì đáng tiền nữa. Tủ áo, trường kỷ, án thư, sập sơn lần lượt bán đi. Cả những đồ đồng và đồ sứ: chậu, mâm, độc bình, bát đĩa. Sự túng bấn còn cướp nốt một đồ vật quý nhất của nhà tôi: cái đồng hồ quả lắc.

Tôi không rõ trước cái ngày đẻ tôi bao nhiêu năm, nhà tôi đã sắm cái đồng hồ treo ấy. Chỉ biết hộp gỗ đã đen bóng, mặt sơn trắng trở nên vàng khè, lắm nét chữ mất đi cụt ngủn, quả lắc dù lau chùi và đánh thuốc thế nào cũng chỉ

khỏi xám xám. Người anh họ tôi đã nhiều lần vác nó đi chữa, nhưng giờ giấc chỉ đều được vài tuần, rồi ngày một chậm, sau cùng máy lại liệt, tuy các chốt, các đanh ốc và bánh xe vẫn nhẫy dầu.

Đáng lẽ cái đồng hồ ấy bán đi từ bao giờ. Chỉ vì mỗi lần người mua đến, bà tôi lại chép miệng thở dài, thấy thế thầy tôi lại phải theo.

Đôi mắt nâu của bà tôi lờ đờ nhìn cái đồng hồ treo ở đầu giường mình - cái đồ vật mà khi ông tôi còn sống sau những trận cờ bạc thua cháy và say rượu trở về đánh chửi bà tôi cũng đã mấy lần đem đi cầm, bán ấy, - tỏ rằng lúc bấy giờ cõi lòng già lại thắt lại thêm vì nhiều nỗi cơ cực. Cả tôi cũng phải buồn rầu. Tôi không biết chép miệng, tôi không biết thở dài, không có những giọt nước long lanh khóe mắt, nhưng vẻ mặt ngơ ngác của tôi cũng đủ chứng tỏ rằng tôi cũng cùng một cảm tưởng với bà tôi. Lần nào cũng vậy khi người mua đến khuân đồ đi, tôi lại thần người ra hồi lâu, rồi vơ vẩn tìm một vật gì để thay vào. Và tôi đã ghen cuồng lên chỉ muốn cướp lấy, muốn đập phá, khi thấy các đồ đạc nọ được người mua mang về lau chùi bóng bẩy trông như mới.

Theo liền với sự nghiện ngập mỗi ngày một nặng và sự ốm yếu rũ rượi của thầy tôi, sự buôn bán của mẹ tôi cũng mỗi ngày kém mãi.

Trên những vòng kê ở chợ, không còn những thúng táo tây khoe màu đỏ thắm hay vàng tươi, những rổ đào Vân Nam rực rỡ trong màu hoàng yến và lá trắc bách diệp xanh đậm, những lồng cam Hoa Kỳ mọng nước óng ả, những bắp cải nõn nà, và những mớ cà rốt, súp lơ, đậu Hòa Lan, cần, hẹ tươi ngon bày từng đống cao chấm bụng... Hoa tai và nhẫn vàng, mẹ tôi tháo bán đi lúc nào không rõ. Cái thúng thanh con trước kia, hễ tan chợ là đầy xu, hào, nay chỉ hàng ngày loáng thoáng mấy đồng hào con và tiền trinh. Lắm bận, chờ mẹ tôi quay đi chỗ khác, tôi lẻn đến khẽ nhấc vỉ buồm lên, định ăn cắp tiền đi đánh đáo và ăn quà, thì chỉ thấy thúng không.

Bao nhiêu năm qua, nhưng tôi không thể quên được những buổi chiều hè ấy. Hơn ba giờ, chợ vẫn còn nhiều hàng đông người mua bán, mẹ tôi đã cắp thúng lủi thủi về. Trên bờ đê, dưới những chòm xoan tây lấp loáng hoa đỏ, mẹ tôi mặt rầu rầu, đầu hơi cúi, mắt nhìn như không thấy gì, đi rất chậm. Qua những lớp người dồn dập, huyên náo, trông mẹ tôi sao mà mệt mỏi, buồn thảm. Tâm trí mẹ tôi lúc đó chắc đã hoàn toàn tê buốt vì những ý nghĩ thấm thía về sự trụy lạc không phương cứu chữa của gia đình, sự trụy lạc tất nhiên, kết quả của những ép uổng, cố gắng, nhẫn nhục, buồn nản và hy sinh.

Một người cha và một người mẹ tính tình khác nhau, không hiểu biết, không yêu nhau và gần như khinh miệt nhau, mà phải gần gũi nhau trước hai đứa con nhỏ nhởn nhơ ăn chơi và một người mẹ già đã ngoài tám mươi tuổi, chỉ còn mỗi cái mê say được sống với những giọt khí huyết của mình nảy nở, và sau đây về chầu Chúa thì được chịu đủ các phép của lề lối Hội thánh, và được hưởng đủ mọi sự đóng góp của hàng giáp của nhà thờ. Những đêm lạnh mà dài để mà thao thức lo toan, bàn tán, vun đắp cho nhà cho cửa cho tuổi già, cho con cái, là những đêm một người thiếp đi trong khói thuốc phiện, một người thì âm thầm trằn trọc. Người thứ nhất chán ngán như không còn biết sống. Người thứ hai câm lặng chua xót, thấy sự sống trong tình yêu thương con vẫn lạnh lẽo, thiếu thốn, và cả hai đều thấm thía thấy rằng sẽ chết dần, chết vì chán ghét đau đớn...

Thầy tôi đã phải ngày ngày lấy tiền của mẹ tôi để mua thuốc phiện. Ngày một đồng cân thuốc ba hào, tôi biết lắm, chẳng đủ cho thầy tôi hút nào. Trước kia, thầy tôi chỉ hút năm hôm hay sẻn lắm được sáu hôm là hết một lạng thuốc, nhưng giờ thầy tôi chỉ hút có nửa bữa. Từ chín giờ sáng đến nửa đêm, thầy tôi chỉ ra khỏi buồng lúc hai bữa cơm. Nhiều khi, ở trong màn giường ngoài nhà, lần xong một tràng hạt và đọc hàng trăm kinh rồi mà vẫn còn thấy tiếng vo vo kéo dài kéo dài, bà tôi đã khẽ ho và lên tiếng hỏi thầy tôi:

- Cậu thằng Hồng vẫn còn thức đấy ư?

- Không! Thưa mẹ con sắp xong rồi mà...

- "Sắp xong rồi mà!" - Bà tôi láy lại câu nói của thầy tôi đoạn thở dài. Sự giận dữ của bà tôi đã tới cực điểm nên bà tôi mới dám hỏi thấy tôi như thế, từ ngày thầy tôi luôn luôn ho ra máu, thầy mẹ tôi phải lo toan cáng đáng cả mọi sự ăn uống trong nhà. Và, hỏi câu ấy, bà tôi còn có một dụng ý nhắc nhở một cách khéo cho thầy tôi biết rằng:

- Vợ mày nó đã coi thường cả tao lắm đấy! Liệu mà tìm cách chừa bỏ thuốc xái đi thôi.

Không! Mẹ tôi đâu dám thế! Đời sống của mẹ tôi bao giờ cũng chỉ là cái bóng ngăn của bức tường dày mãi mãi thần phục ở dưới chân để rồi sẽ tan xuống đất nếu ánh sáng soi tắt. Và, người đàn bà hiền lành dễ cảm động ấy, khi nào lòng lại bợn những vết kiêu căng, thù hằn? Mẹ tôi đã chẳng thờ thẫn nhìn trộm thầy tôi khi thầy tôi ngồi ôm ngực ho từng trận rồi rũ rượi nhổ, mẹ tôi cúi mặt xuống thở dài ư? Và, trong đôi mắt lờ đờ của mẹ tôi, đã chẳng nhiều lần long lanh như khóc.

... Một hôm, mẹ tôi dắt em Quế tôi lên Hà Nội, bảo đi thăm mấy nhà chị em và nhân tiện vay họ tiền để một phần trả nợ, một phần làm vốn dọn hàng. Trước khi đi, mẹ tôi đong trữ mấy ngày gạo và để đủ tiền thuốc cho thầy tôi hút một tuần lễ. Mẹ tôi cũng không quên dúi cho tôi một hào xu để ăn quà dần.

Sáng hôm cắp thúng ra tàu, mẹ tôi đứng ngoài cửa buồng xin phép thầy tôi và cúi đầu chờ thầy tôi trả lời. Nhưng thầy tôi làm thinh hồi lâu mới đáp. Giọng nói vẫn thản nhiên như của một người xa lạ.

Hơn một tuần lễ rồi mà mẹ tôi và em gái tôi cũng chưa thấy về. Nhiều khi ra bến tàu đón, chờ những chuyến tàu đến sau cùng, khách lên hết, quét tàu rửa boong rồi tôi mới chịu thôi. Lại trở về một mình, tôi càng ngao ngán bực

dọc. Tiền mẹ tôi cho tôi đã hết ngay hôm sau. Nhằm vụ nghỉ hè, tôi một mình lêu lổng ở ngoài đường, nhìn hàng bánh trái đi nhan nhản, tôi khổ sở vô cùng. Chẳng biết xin ai, và không thể xin ai trong nhà ngoài mẹ tôi, đã có bận tôi toan ăn bớt tiền mua thuốc phiện của thầy tôi. Nhưng nghĩ đến ngọn roi song vun vút vấy máu đít ra, tôi lại thôi.

Nhưng nhịn quà lâu còn có thể chịu được, chứ nhịn đánh đáo luôn mấy hôm, tôi bồn chồn, chân tay ngứa ngáy không thể ngồi yên được. Tôi đã phát khóc lên vì tụi trẻ con chơi bời xúm năm tụm ba, cười đùa, cãi cọ, chửi bới ở trước cửa nhà tôi.

Một buổi trưa, thầy tôi đưa tôi hào tám mua nửa đồng cân thuốc. Chẳng cần nghĩ ngợi thêm nữa, tôi quặt ra ngã tư đường, không đến hiệu thuốc vội, nhập với bọn trẻ nọ, đánh dăm ván đáo đã. Những trẻ trong đám đáo này toàn là những trẻ cầu bơ cầu bất, bán kẹo, bán báo, hoặc làm nghề ăn cắp. Chúng nhiều thời giờ tập luyện và không ngày nào không có những ván đáo sát phạt nhau, nên chúng "cả lỗ" (1), "dọi tí" (2), "câu díu" (3)thật là tuyệt diệu. Hơn nữa, chúng lại còn có đức tính bình tĩnh cả đến lúc còn mỗi xu cuối cùng và lượt đánh gần hết. Nhưng tôi không thua. Bao nhiêu năm tháng được mẹ cho đồng nào ăn quà sáng tôi chỉ đến trường sớm đem "nướng" cho các đám đáo, tôi cũng trở nên một tay đáo kỳ khôi rồi. Từ chỗ ngộc nghệch chỉ dám chơi với những bọn cà mèng, tôi tiến hẳn tới mức chơi toàn với những bọn giỏi nhất và tôi cũng là một "tài tử" nhiều mánh lới.

Gần tụi trẻ con có một đám đáo của những người lớn làm phu gạo và thợ cạo. Họ không chầu trinh mà chầu xu đồng, và, mỗi người mỗi ván những ba xu. Tôi liền bỏ đám đáo trẻ con nọ, nhập bàn đáo ăn thua của người lớn kia. Tôi tính toán: "Tuy họ dài tay, tuy họ dọi mạnh nhưng "cả lỗ" và "dọi tí" không mềm, không trúng thì cũng vứt tiền đi. Nhất là họ lại có nhiều tiền, đánh dù thua hết tiền cũng sòng phẳng, không phá bĩnh, không "u lò" (4), như những trẻ kia.

---

(1)Cả lỗ: lấy đồng xu cái thả trúng vào cái lỗ khoét làm đích trên mặt đất.

(2)Dọi tí: Lấy đồng xu cái đánh trúng vào đồng tiền ở gần vạch chỉ.

(3)Câu díu: ném cho những đồng tiền dính làm hai hay ba lại với nhau, tốt nhất chỉ hai đồng dính thôi.

(4)U lò: cướp chạy.

Hôm nay sao tôi "đỏ" thế? Đánh chắc tay thế? Có một lúc mà mười tám xu vốn của tôi đã lên tới bốn mươi xu. Chơi đã lâu và sợ đánh vài ván nữa nhỡ thua hụt đi, tôi bèn ăn non. Tôi đã khôn ngoan mua thêm năm xu thuốc nữa và nghĩ sẵn một câu trả lời rất tự nhiên đề phòng nếu thầy tôi vặn hỏi về cái tội chậm trễ.

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm. Rửa qua mặt mũi, tôi tếch ra ngay đầu đường đánh đáo. Tôi lại được dăm xu thôi. Món tiền đó tuy ít nhưng đối với bọn trẻ cùng mạt thì cũng đã khá to. Một bữa cơm, một chầu phở no đấy. Chẳng những là tay giỏi mà còn phải liều, phải gan mới nuốt được của chúng những đồng xu kia buộc bằng mấy nút dải rút và lẩn kỹ vào cạp quần. Chiều hôm ấy, tôi lại được; lần này những ba hào, gấp đôi ngày hôm qua, và tôi được một cách rất dễ, rất mau chóng. Tụi thua tôi là tụi trẻ con nhà giàu, chơi giấu cha mẹ ở một xó tường kín đáo, như trước kia tôi chơi giấu thầy mẹ tôi.

Mấy hôm ròng, ăn cơm xong, tôi tót ra đường ngay, đi lùng hết đám đáo này đến đám khác. Thua cũng có, được cũng có. Phần nhiều thua về tụi trẻ cùng mạt và được của tụi người lớn và trẻ con nhà giàu. Kinh nghiệm còn dạy tôi thêm: muốn kiếm được nhiều tiền ăn quà và đi xem chớp bóng thì phải đến những phố có nhiều nhà tây hay hiệu to tìm những bọn trẻ con thừa tiền nọ rủ đánh, hay đến những chỗ gần chợ, bến tàu, những tay "ét", những

phó cạo rửng mỡ lúc nghỉ việc.

Từ ngày thấy mình có một biệt tài và nhận ra sự lợi hại trên kia, tôi bắt đầu đi lang thang khắp thành phố với một đồng xu cái vừa dày vừa rõ chữ, hơn một hào vốn và với lòng ham muốn ngùn ngụt được nhiều tiền để ăn tiêu.

Ngày nào tôi cũng kiếm được một vài hào. Lấy thế làm sung sướng, tự do và vẻ vang vô cùng.

***

... Một buổi chiều mưa gió, ngồi xổm ở trên giường trong buồng, hai đùi ấp lấy ngực và đầu gối đỡ lấy cằm, thầy tôi gọi tôi, ngọt ngào:

- Hồng, lại đây cậu bảo.

Thầy tôi ít khi gọi tên tôi một cách nhẹ nhàng như thế, nên bây giờ không những tôi không sung sướng mà lại còn hồi hộp lo sợ. Mặt tôi tái mét, chân bước rất chậm, men men đến gần giường thầy tôi. Thầy tôi nhếch mép cười, vẫy tôi một lần nữa.

- Không! Cậu không đánh con đâu, cậu hỏi thôi.

Tôi đến bên thầy tôi, trống ngực đập mạnh không thể tưởng tượng được, chân tay tôi bắt đầu run hẳn lên và nước mắt bắt đầu rơm rớm. Thầy tôi vẫn thản nhiên, một tay quàng lên vai tôi, một tay nắn túi tôi:

- Con có tiền, phải không?

Cái bàn đèn im ắng và sạch sẽ kéo vào tận góc giường nhắc tôi nghĩ ngay đến bữa hút buổi chiều mà giờ đã quá bốn giờ, tôi vẫn chưa phải đi mua thuốc. Và tôi liền nhớ tới chiều hôm kia thầy tôi cũng không hút rồi ngày hôm qua nhờ có bà tôi không biết bán chác gì được vài hào mới có tiền đưa

tôi mua một đồng cân thuốc. Thì chỗ thuốc này chỉ vừa đủ cho bữa hôm qua và sáng ngày nay nếu "bao" đến xái tư, xái năm.

Những nỗi lo sợ của tôi phút tiêu tan hết, thay vào những uất ức căm giận. Tôi nghẹn ngào gần tắc cả mọi lời. Vì tôi cảm thấy rõ rệt thầy tôi không thuốc hút, thấy tôi có tiền, thế nào thầy tôi chả lấy tiền của tôi. Mà nào năm xu, một hào cho cam. Dây rút quần tôi buộc hơn chục đồng kền năm xu; một món tiền khá to mà tôi phải bê tha lăn lộn ở các đầu đường xó chợ, hết phố này sang phố khác, mánh lới, liều lĩnh, mới kiếm được.

Lòng căm hờn của tôi sôi lên khi tưởng đến món tiền đó biến thành những điếu thuốc cháy xèo xèo rút nhanh vào cái nhĩ tẩu nhỏ tí trước cặp mắt sâu lờ đờ của thầy tôi. Tôi ứa nước mắt, quay mặt đi, đáp lời thầy tôi chỏng lỏn:

- Con không có.

Thầy tôi lại nhếch mép cười, nụ cười chẳng làm sáng thêm chút nào cái gương mặt xám và bì bì như đá mài ấy.

- Thật không chứ?

Nói đoạn thầy tôi lần vào cạp quần tôi. Tôi ro rúm người lại, kêu thất thanh:

- Cậu bỏ con ra, con lạy cậu. Thật con không có mà.

Thầy tôi trừng mắt quát:

- Im!

Và kéo người tôi lại.

Tôi chực gỡ tay thầy tôi nhưng thấy hai lòng trắng mắt của thầy tôi như sắp bật ra ngoài và những hơi thở nóng hổi ở miệng thầy tôi cố mím lại mà

không được cứ hắt vào mặt tôi, tôi đành phải đứng yên. Thầy tôi lần ra sau lưng tôi rồi thọc vào trong túi quần để tìm cọc tiền giấu đi.

Không còn một chút tình trong lòng tôi lúc bấy giờ.

Thầy tôi lại lần ra đằng trước, mặt tôi càng tím lại, cổ họng càng nghẹn ứ... Rồi tôi bật thét lên một tiếng khi bàn tay thầy tôi vừa chạm vào mẩu dây buộc cọc tiền bỏ lòng thòng trong quần. Phựt... mẩu dây bị giựt đứt. Một cảm giác thắt ruột tôi lại. Tôi nghiến răng nắm chặt lấy cạp quần và cọc tiền, giậm thình thịch xuống nền nhà. Thầy tôi càng nghiêm nét mặt, hất ngược cằm tôi lên:

- Hồng! Mấy hôm nay ăn cơm xong mày đi những đâu?

Tôi chỉ khóc mà không dám thưa. Nhưng trong đầu óc tôi, rành rọt một câu trả lời: "Tôi không có tiền ăn quà, tôi phải đi đánh đáo chứ còn đi đâu!". Thầy tôi vẫn quắc mắt nhìn tôi:

- Ai cho phép mày đi đánh đáo hở Hồng? Ai cho phép mày chơi với những trẻ ăn mày ăn nhặt? Nằm xuống đây... Mau! Không thì chết... Hồng!...

- Con lạy cậu! Cậu tha cho con... Con trót dại.

Thầy tôi cười:

- Hừ! Trót dại thì cũng nằm xuống đây.

Chiếc roi mây nhanh như chớp, rút ở trên đình màn xuống.

- Con lạy cậu... Cậu tha con... Lần sau con không dám thế. Con mà thế nữa cậu đánh chết con.

Môi thầy tôi càng mím chặt, hai lỗ mũi càng phập phồng phì phì. Tất cả thớ thịt của người tôi run bắn lên. Những cảm giác đau đớn của từng miếng

thịt vặt ra dưới những ngọn roi mà tôi tưởng tượng dần đánh át cả những ý luyến tiếc cọc tiền đi. Tôi mếu máo nói với thầy tôi:

- Con lạy cậu... Đây con có bao nhiêu tiền con xin đưa cả cho cậu, vậy cậu tha cho con... Con lạy cậu... Cậu tha cho con...

Tôi vừa dứt lời, ngọn roi mây đưa vút về đằng trước:

- Thì cứ ra nằm ngoài giường kia mau! Mau lên!

Chưa buông xong câu nói, mắt thầy tôi đã nhòa đi. Từ vầng trán xám ngắt vã ra từng giọt mồ hôi to. Nét mặt thầy tôi càng tối sầm.

- Mau!...

Thầy tôi lại quát. Nhưng lần này tiếng quát không rõ và ngân dài như trước. Nó đánh phào một cái như tiếng nút chai bị giựt trượt mà người giựt đã phải dùng tận lực...

... Rồi thầy tôi chỉ ngồi rũ ra, không đánh tôi. Và cọc tiền của tôi vẫn y nguyên. Tôi mừng rỡ, ngạc nhiên và khó hiểu hết sức. Từ hôm đó thầy tôi hễ nói với tôi là một điều con, hai điều con, giọng ngọt ngào quyến luyến một cách lạ. Và thầy tôi luôn luôn nhìn tôi, đôi mắt vẫn mỏi mệt lờ đờ, thỉnh thoảng lại còn cười với tôi, nhưng nụ cười chóng tàn quá trên cặp môi nhợt nhạt.

Giọng nói ấy, con mắt nhìn ấy, những nụ cười ấy tuy đầy vẻ yêu thương tôi, nhưng đã làm tôi nhiều khi rờn rợn. Nhất là những lúc thầy tôi bó gối trong căn buồng tối mờ và khó thở, trừ một miếng kính bằng cái bảng con ở trên trần để lấy ánh sáng còn không có một cửa sổ nào...

IV. TRONG LÒNG MẸ

Tôi đã bỏ cái khăn tang bằng vải màn ở trên đầu đi rồi. Không phải đoạn tang thầy tôi mà vì tôi mới mua được cái mũ trắng và quấn băng đen.

Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về. Trong đó nghe đâu mẹ tôi đi bán bóng đèn và những phiên chợ chính còn bán cả vàng hương nữa. Tôi nói "nghe đâu" vì tôi thấy người ta nhắn tin rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:

- Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

Tôi cũng đã cười đáp lại cô tôi:

- Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt:

- Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu?

Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chằm chặp đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng, cúi đầu xuống đất; lòng tôi càng thắt lại, khóe mắt tôi đã cay cay. Cô tôi

liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng:

- Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

Nước mắt tôi đã ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng "em bé" mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô muốn. Nhưng không phải vì thấy mẹ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chửa đẻ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm trốn tránh như một kẻ giết người lúng túng với con dao vấy máu của nó. Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi:

- Sao cô biết mợ con có con?

Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe. Có một bà họ nội xa vào trong ấy cân gạo về bán. Bà ta một hôm đi qua chợ thấy mẹ tôi ngồi cho con bú ở một bên rổ bóng đèn. Mẹ tôi ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi, thấy thế bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che...

Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi.

Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai tôi, nhìn vào mặt tôi, nghiêm nghị:

- Vậy mày hỏi cô Thông - tên người đàn bà họ nội xa kia - chỗ ở của mợ mày, rồi đánh giấy cho mợ mày, bảo dù sao cũng phải về. Trước sau cũng một lần xấu, chả nhẽ bán xới mãi được sao?

Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chừng nói tiếp:

- Mấy lại rằm tháng tám này là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng còn phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ?

Nhưng đến ngày giỗ thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về. Mẹ tôi về một mình đem rất nhiều quà bánh cho tôi và em Quế tôi. Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bối rối:

- Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!...

Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và, khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:

- Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi nói. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong, và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ

tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng. Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì. Trong những phút rạo rực ấy, cái câu nói của cô tôi lại nhắc lại:

- Mày dại quá! Vào Thanh Hóa đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa...

V. ĐÊM NÔ-EN

Sang đầu tháng chín mẹ tôi lại vào Thanh Hóa. Khi mẹ tôi đi, em Quế tôi và tôi cũng quyến luyến nhưng không nghĩ gì cả. Tại anh em tôi đều vui thích vì lời dặn dò của mẹ tôi:

- Chúng con cứ ở nhà với bà và cô để mợ đi buôn bán kiếm đồng nuôi chúng con và đến Tết về may mặc cho chúng con.

Nâng niu cái hy vọng được quần áo đẹp và nhiều tiền ăn quà trong đầu óc, tôi vui vẻ đi học, em Quế tôi ríu rít đem cỗ chuyền theo chị em đi chơi. Thấm thoắt tới mùa đông.

Nhắc đến mùa đông tôi có cảm tưởng những mùa đông thuở xưa rét mướt buồn tẻ hơn những mùa đông mới đây và hiện nay. Vì những ngày mưa phùn dài lạ lùng với những cảnh vắng vẻ, lạnh lẽo như không bao giờ hết. Phố tôi ở là phố Hàng Sũ, chỉ tấp nập những dạo tháng tư, tháng năm tới tháng bảy,

tháng tám. Bắt đầu sang Một, Chạp và Giêng, hai thì đường sá thưa hẳn người đi lại. Vắng những tiếng cưa gỗ sè sè và đục đẽo lách cách, sự sinh hoạt như ngừng trệ hẳn.

Tôi hãy còn những cảm giác tê lạnh khi hồi nhớ lại cái nền mây sẫm lởm chởm như ruộng màu mới cày vỡ và thứ hơi mờ mờ như khói do các cây cỏ ủng nát trong lạnh lẽo phả ra.

Món tiền mẹ tôi cho vừa tiêu hết và tôi mong ngóng mẹ tôi về. Càng mong ngày Tết đến, thời giờ qua càng chậm, tựa hồ như không chịu chuyển gì cả. Nhưng khi sắp nghỉ lễ Nô-en, nghĩa là chỉ còn hơn một tháng nữa sẽ hết năm mà mẹ tôi vẫn còn ở Thanh Hóa thì tôi lại cầu sao từ 23 đến 25 tháng Chạp Tây ngày giờ chậm bao nhiêu hay bấy nhiêu. Vì tôi thấy tâm linh báo trước gần nhất đến 29 hay 30 Tết mẹ tôi cố chạy chợ cho được đồng gạo, đồng thịt cá cho nhà và tấm áo manh quần cho con cái, nghĩa là cho cái Tết được đầy đủ, thì mẹ tôi có về mới về. Như thế tôi còn mong gì được hưởng những vui sướng về đêm Nô-en như mấy năm xưa?

Luôn hai ngày nghỉ học, tôi chỉ ở nhà một lúc ăn cơm, còn thì lang thang hết phố này sang phố khác, thấy đám đáo hay đám chẫn lẻ nào cũng sà vào. Nhìn những đồng trinh "câu díu" san sát trên vạch chỉ ở mặt đất, nhìn những đồng xu hào thành đống ở hai mặt chẫn lẻ, tôi càng nóng rực cả người lên. Gần những kẻ được bạc tôi bứt rứt khó chịu quá. Trẻ con cũng như người lớn sao họ tươi tỉnh thế kia? Sao họ vui vẻ thế kia? Mặt mày ai cũng đỏ bừng, mắt lấp lánh, tiếng cười hể hả sang sảng, tỏ rằng họ đã sung sướng đến cực điểm.

Hơn hai năm trước đây, những ngày hè oi ả chang chang, tôi đã chẳng tràn trề khoái lạc trong sự bê tha ấy sao? Mặc người quen thuộc chê bai khinh bỉ nào bố nghiện để con lêu lổng, nào đánh đáo để kiếm gạo và thuốc phiện, nào mồ mả đã đến ngày lụn bại... Mặc! Tôi đã thản nhiên sống lang thang với các trẻ và các cảnh đầu đường xó chợ kia. Chính nhờ những đồng tiền kiếm

được trong những ngày rạc rài ấy, tôi đã làm sáng nổi hai con mắt mỏi mệt, ốm yếu của thầy tôi và làm nở trên cặp môi nhợt nhạt của thầy tôi những nụ cười. Những tia sáng của hai con mắt ấy, những nụ cười của cặp môi ấy, đến khi tôi lớn, nghĩ tới tôi thấy thấm thía. Cha tôi đã biết mình không còn thể sống được bao lâu với hai đứa con nhỏ dại kia thế nào cũng hư hỏng bởi thiếu sự chăm nom, dạy dỗ, và sống thế chỉ là kéo dài sự đau khổ với người vợ cũng chết dần trong cảnh miễn cưỡng của tình yêu thương.

Đã đến đêm hai mươi bốn tháng Chạp Tây rồi. Em gái tôi vẫn nhởn nhơ chơi đùa. Nó hí hửng săn đón tụi bạn học cũ để hỏi tiền chúng ăn quà chịu của nó và mua thêm ít hoa quả như bưởi, khế, hột sắn để sáng mai ra cổng trường bà Sờ ngay bên cạnh nhà bán tranh với tụi hàng quà. Cô tôi đi đánh chắn vắng. Bà tôi ở nhà nhưng không thèm hỏi gọi đến tôi.

Mười giờ hơn, tôi lẳng lặng ra đi, vận áo chùng thâm, đầu trần, chân không.

Trên đỉnh gác chuông nhà thờ, những ngọn đèn mắc thành hình ngôi sao năm cánh đã bật sáng. Hơi sương bàng bạc trước ánh đèn điện sáng ngời bị dồn cao lên và tan ra xa, sau đấy một mảng trời trông như tấm màn nhung xanh phớt sắp sửa vén lên. Rồi những bóng điện mắc song song từ đỉnh gác chuông xuống tới thềm đá cũng bật sáng nốt, làm thành một cây ánh sáng chói lọi. Dân đi đạo ở các "họ" quanh tỉnh đã dồn cả lại trước nhà thờ. Tốp năm tốp bảy ngồi kín cả cái sân đá xây cao bảy bực, rộng đến các trẻ con chạy cũng phải cuồng chân. Đằng trước nhà thờ, không biết bao nhiêu hàng quà bánh và ăn mày, họ ngồi đầy ở trước nhà thờ và ở cả hai bên nhà thờ và hè bên kia đường.

Mặc có bộ quần áo trúc bâu mỏng và chiếc áo chùng thâm đã toạc vai, tôi thấy khí lạnh thấm vào da thịt càng tê buốt, và mỗi lần gió đông như ngọn roi quất nhanh qua mặt, tôi tưởng như hai gò má bị một lưỡi dao sắc cứa dài. Đi lại mãi, hơn mười vòng chung quanh nhà thờ rồi, và len lỏi bao nhiêu lượt

vào các đám đông, hai ống chân tôi đã mỏi rời.

Tiếng chuông bỗng nổi dậy. Rồi cả bầu trời rung chuyển lên bởi những vang động dồn dập đổ hồi. Cửa nhà thờ đã mở rộng. Một vòm chói lòa ánh sáng đèn nến và ánh ngời của thủy tinh, của pha lê và của vàng son tỏa ra. Tây đầm đi vào trước. Cả bầu đoàn, vú bế, vú dắt, chị hai, chị khâu, bé con cầm áo choàng và làn mây đựng đầy bánh kẹo hoa quả, ríu rít theo sau. Tất cả nghênh ngang đi ở lối giữa nhà thờ rộng thênh thang tới những hàng ghế trên cùng lót nhung cả ở chỗ quỳ chân. Rồi đến những chức sắc, những quyền quý giàu có trong bốn "họ" khệnh khạng, bệ vệ, hớn hở.

Khi nhà thờ nóng rực lên vì các lớp quần áo lấp lánh và mùi phấn sáp nước hoa ngào ngạt, khi các thứ đàn sáo nhịp với chiếc đàn to bằng cả một gian nhà và hàng trăm đồng nhi và con gái thơ kinh cùng cất tiếng lên để đón tiếp sự thanh bình, vinh hiển của những lớp người sang trọng vào trước, thì tụi bõ nhà thờ mới buông tay ngăn cản. Tức thì một làn sóng người rách rưới lếch thếch tràn vào, không phải bằng lối cửa chính mà chen chúc xô đẩy nhau ở các cửa bên mãi sau mới hé mở. Cảnh tượng huyên náo hỗn độn như của những dân bị lụt chen lấn nhau để lấy một chỗ đứng trước nhà tế bần.

Vượt nhanh khỏi mấy bực thềm đá, tôi cố gắng lách mình qua một chặng người để có thể nhìn thấy bàn thờ nhưng không sao được. Đã đến thế, mỗi lần tôi rúc đầu lách mình vào các đám đông hôi hám ở ngoài cùng ấy thì lại bị một người trong bọn họ đẩy xuống nếu không phải một cái cốc lỗ đầu. Dần dần tôi mất cả cái hứng thú xem cử lễ. Dần dần tôi thấy sự lạnh lẽo thấm thía hơn. Dần tôi cảm thấy một cách cay chua bên sự trơ trọi hèn hạ của tôi, một đứa trẻ côi cút cùng khổ, có bao nhiêu người vui sướng, say sưa, chỉ chạm đến tôi họ cũng không dám.

Tiếng đàn sáo ca hát càng rướn lên, dồn dập tưng bừng. Nhưng tôi đã bước khỏi bậc cuối cùng của cái sàn đá cũng kín người, - những người nhà quê đến chậm. Tôi lủi thủi đi ngược lên phía trên rồi ngoặt ra con đường

trung tâm của thành phố, có khu vườn cây, vườn hoa và những chuồng chim mọi ngày tôi thường thơ thẩn ở đây và đi qua đây.

Tôi không về nhà.

***

Màn sương đã lan rộng. Cảnh vật mơ hồ và êm đềm như ở trong một biển khơi khói chập chờn mông mênh. Những vừng cây ở hai bên đường xanh thẫm lại, ẩm ướt nặng nề. Trời bắt đầu lạnh. Mỗi lần gió vút qua mặt tôi, tôi thấy rõ có những bụi nước hắt vào da thịt. Cứ gì phải dầm lội trong mưa bão mới có những cảm xúc lạnh lẽo mãnh liệt. Như tôi trong đêm nay chỉ đi trong vắng lặng và nhớ thương người mẹ hiền từ cũng đủ rạo rực và đau đớn đến tê dại.

Gió càng mạnh. Khí lạnh đêm khuya càng thấm. Những mảnh lá chạy xào xạc trên mặt đường chạy cả vào lòng tôi cùng với những âm thanh mơ hồ như của tiếng chim rủ rỉ ở đâu đây. Ánh điện dần phơn phớt xám. Soi sáng cho cảnh vật vắng lặng chìm đắm lúc bấy giờ là hơi sương bàng bạc, hơi sương sữa một đêm trăng nặng mây. Trong lòng tôi, tiếng lá lao xao như không bao giờ tắt. Giá buốt quá. Trong lòng tôi xác lá vụn mãi ra, nhiều bao nhiêu lại biến nhanh đi bấy nhiêu. Tôi đi, mê man, với hình ảnh một đám ma tẻ lạnh không kèn không trống.

... Chính ngày rằm tháng tám, giữa lúc trẻ con hàng phố hoan hỉ trước bàn cỗ trông trăng, em Quế tôi và tôi lôi thôi trong bộ quần áo xổ gấu, lẽo đẽo theo sau một cỗ đòn cũ mang cái áo quan thầy tôi có hơn chục người khiêng cũng ở cổng nhà thờ đi ra. Đám ma đi, đi rất thong thả, qua đầu phố nào cũng được mọi người chăm chú nhìn vì trong người đưa đám chỉ thấy có hai đứa bé khóc. Em Quế tôi và tôi suýt soát nhau, chỉ sướt mướt hờ "Cậu ơi! Cậu ơi!... Hư hư cậu ơi!...". Tiếng khóc ngộ nghĩnh nức nở thốt ra làm nhiều người quay mặt đi cười. Người chị gái thầy tôi luôn luôn phải lùi bước lại,

ghé tai bảo chúng tôi:

- Đừng hờ là cậu, hờ là cha cơ...

Nhưng chỉ được vài câu rồi vì quen miệng, anh em tôi lại:

- Cậu ơi! Hư hư cậu ơi là cậu ơi...

Bao nhiêu năm tháng, tiếng "cậu" đã bắt đầu cho bao nhiêu câu gọi bỗng chốc thay đổi sao được? Khóc bằng "cậu" lúc đó tôi thấy mới thật là khóc. Khóc bằng "cậu" tôi còn thấy thêm như tôi được gần thêm con người thân yêu nhất của chúng tôi và chúng tôi phải cố níu giữ lấy với cái "tên" duy nhất kia.

- Cậu ơi! Là cậu ơi!...

VI. TRONG ĐÊM ĐÔNG

Mặt sau bìa lịch đã kín chữ rồi! Mỗi lần đau tủi, căm hờn tôi đều biên vào mặt bìa vài dòng thật nhỏ, viết bằng một chữ riêng chỉ mình tôi đọc hiểu thôi, tóm tắt ngày tháng và những sự việc, những nỗi niềm, những ý nghĩ của tôi:

Ngày 12-11-1931. - Cô C. chắt nước ở liễn cháo gà đã vữa vào cái bát con. Cô ấy gọi cho mình ăn. Ai thèm ăn? Dù có đói lả! Cô ấy quý đầy tớ hơn mình mà.

Ngày 14-11-1931. - Phải nhớ cái tát và câu rủa sả này cho đến chết: "Hồng ơi! Bố mày có chết đi, nhưng còn có mẹ mày nó dạy mày. Cầm bằng mẹ mày đánh đĩ theo giai, bỏ mày lêu lổng thì đã có chúng tao".

Mẹ ơi! Con khổ quá mẹ ơi! Sao mẹ đi lâu thế? Mãi không về! Người ta đánh con vì con dám cướp lại đồ chơi của con mà con người ta giằng lấy. Người ta lại còn chửi con, chửi cả mẹ nữa. Mẹ xa con, mẹ có biết không?

Ngày 20-11-1931. - Giá ai cho tôi một xu nhỉ? Chỉ một xu thôi! Để tôi mua xôi hay bánh khúc. Giời rét thế này, đi học một mình, vừa đi vừa cắn ngon xiết bao? Không! Không có ai cho tôi cả. Vì người ta có phải là mẹ tôi đâu!

Ngày 26-11-1931. - Nó khóc mà mình phải chửi có ức không? Ai trêu ghẹo cô ấy mà cô ấy nỡ lòng réo tên của mẹ mình lên mà chửi. "Cái giống nhà tao không có ai thâm hiểm đâu. Chỉ có mày thôi. Mày là cái giống con cái L. mẹ mày. Quyển truyện đáng giá bạc trăm hay sao mà mày dằn ngả con tao ra mà cướp lấy?".

Ngày 29-11-1931. - Thế mà cũng đọc kinh! Cũng xưng tội! Cũng hàng ngày chịu lễ. Chúa nào dạy có thức gì là dấm dúi cho cháu ngoại? Nó ăn đến bỏ thừa bỏ mứa cũng còn cố ép cho nó ăn. Thôi cũng chỉ tại đồng tiền. Giá mẹ tôi hàng tháng gửi về thì tôi chả đến nỗi đâu.

Ngày 1-12-1931. - Cậu ơi! Sống khôn chết thiêng cậu có biết cho con không? Mà con cầu xin cậu lẽ nào cậu lại không nhận lời con? Cậu phù hộ cho con được lấy một hào thôi. Con đói lắm cậu ạ! Trời lại mưa rét quá.

Ngày 4-12-1931. - Con cháu nọ nó là gì mà không sai? Một trinh vừa muối vừa tương cũng đến mình vác bát đi mua. Đi học về đói mờ cả mắt, sắp cất bát cơm và mà phải đặt xuống, nghĩ mà rơi nước mắt.

Mẹ ơi! Sao mẹ đi lâu thế? Mãi chẳng thấy mẹ về?

Có một lần bà tôi lạy van hết chỗ này đến chỗ khác mới cầm cái áo the mới độc nhất còn lại để mặc đi lễ được một đồng bạc thì giả ngay tiền quà cho đứa con gái con cô tôi hết sáu hào, và, còn mua thêm cho hai gắp chả và bún nữa. Lúc ấy cơm nước đã sẵn sàng. Nhưng tôi vừa mới cất lời hỏi xin chưa dám nói là xin gì thì bị hất ngay tay đi. Tôi vừa khóc vừa ghi vào bìa lịch.

Ngày 13-12-1931. - Cậu ơi! Cái D. nó là con cậu đấy. Nó sướt da một chút thì bà cũng đủ đứt ruột ra.

Người chị gái thầy tôi là cô C. Hồi thầy tôi còn sống không bao giờ cô C. dám bén mảng đến nhà tôi. Cô bị thầy tôi cấm cửa. Duyên cô ta giàu có. Cô có cả một cửa hàng đóng đồ gỗ, trong nhà lúc nào cũng hàng mười thợ. Tủ sập, bàn ghế, khung ảnh, cửa hàng cô đủ các kiểu lạ của bên Tây, bên Tàu, Nhật Bản, lần nào đi bày Hội chợ cũng được bằng khen. Nhà cô không còn một chỗ nào hở, những đồ sứ, tranh ảnh và hoa lá. Và người cô lúc nào cũng đầy vàng. Hột vàng quấn đã đầy cổ lại còn kéo trễ xuống ba vòng trước ngực. Đôi hoa tai to như cái khóa. Ngón tay trông một cách đáng sợ vì những chiếc nhẫn nạm các kiểu mặt ngọc thạch xanh đỏ.

Cô C. không có con. Cô sợ lúc chết thì tôi ăn thừa tự bèn độn bụng to lên rồi giả vờ ốm nghén. Năm ấy cô hơn bốn mươi tuổi và đã kêu chửa không biết lần thứ bao nhiêu. Chờ đủ ngày tháng, cô C. bắt đứa con riêng chồng mới đẻ về, nhận là con mình. Thằng bé này xa mẹ nó, khóc quá sinh sài, người róc đi như con nhái bén. Lớn lên nó vẫn gầy còm và trông rất buồn cười vì hai con mắt đầy lòng trắng, mở thao láo dưới mi mắt mọng những gân xanh. Tôi và em Quế tôi gọi nó là thằng Chẫu con. Hôm cô C. bênh đứa con ấy, vác củi tạ phang tôi lết chân đi không được nữa, tôi ghi sau đây:

Ngày 13-12-1931. - Đây có thèm tranh gia tài với thằng Chẫu con đâu mà định đánh chết đây.

Tôi còn biên nhiều lắm. Và mảnh sau bìa cũng đã hết chỗ rồi. Thôi nghe kể lại mấy đoạn trên kia, các bạn cũng đủ thấy mau chóng và rõ rệt quãng đời thơ ấu của tôi ra sao khi thầy tôi mất, mẹ tôi bỏ anh em tôi đi tha hương cầu thực. Và rút bớt những mẩu nhật ký ngộ nghĩnh kia đi, tôi còn sớm được dẫn các bạn cùng tôi đi vào những cảnh thấm thía với những giấc mơ mong manh của những đêm kỳ thú của tôi.

*

Nhà tôi không ở phố Hàng Sũ nữa, dọn ra phố Bến Gỗ ở chung với nhà cô C. Cô C. cũng bán nhà, không dọn hàng gì nữa chỉ ngồi ăn, và chắn cạ.

Vì ở nhờ nên chúng tôi, bà nội tôi, cô G. em gái thầy tôi, đứa con gái cô G. và anh em tôi bị nhét xuống bếp. Một gian nhà rộng chừng hơn hai manh chiếu lại còn phải chứa một khoảng làm bếp chung cho ba gia đình gần hai chục người. Cạnh nhà là một cái lối vừa là đường đi lên nhà trên, vừa là chỗ rửa bát và rãnh thoát nước. Diện tích còn lại vừa đủ kê một cái giường con, một cái bàn, một cái hòm sát với nhau không hở một phân, và dưới gầm giường không bao giờ được ai chui vào quét cả vì chồng chất các thứ củi đóm và rổ rá. Mặt bàn đầy những ấm chén, cơi trầu và các đồ dùng của bà tôi. Trên chiếc hòm chật ních quần áo của cô tôi xếp thêm hai, ba chiếc thúng đựng các thứ giẻ rách. Các thứ giẻ rách ấy là quần áo của anh em tôi và sách vở.

Không thể nằm và cũng không được nằm chen vào cái giường đã thừa người kia nó chỉ chực đổ sụp lên những nồi niêu bát đĩa ở bên dưới, tôi phải nằm ở cánh phản gỗ nhỉnh hơn chiếc ghế dài kê sát với giường ngay rìa lối đi lại. Chính trên cánh phản này tôi đã thao thức trong bao nhiêu đêm vắng lặng mà ngoài trời mưa phùn và sương đặc dệt thành tấm màn trùm lên cảnh vật, và tiếng gió vu vu một giờ một thổi sâu vào lòng người.

Chiếc chăn tôi đắp là cái đệm trước kia thầy tôi vẫn dùng để lót chỗ nằm hút thuốc phiện. Nó vừa ngắn, hẹp lại vừa mỏng. Tôi đã đem phơi nhiều lần nhưng nó vẫn thoang thoảng cái mùi khen khét của dầu lạc, khói thuốc lào và hơi người chung chạ. Không thể đắp trùm lên mặt, tôi phải lồng nó vào chiếc chăn đơn bằng vải nâu của cô G. tôi thải cho. Tôi còn phải đắp thêm một chiếc chiếu và nằm co rúm người lại, đầu gối chạm cằm, áp lấy ngực, cuộn đè cái mép chăn không cho thò một mẩu nào ra ngoài, để giữ lấy hơi ấm. Từ chập tối đến nửa đêm tôi còn chợp mắt ngủ được, nhưng lúc gà gáy đổ hồi

cho tới sáng tôi không còn thể sao nằm yên được với cái rét. Tôi nằm nghiêng chán lại nằm sấp. Khi ngực đau chói lên vì nằm sấp tôi lại nằm ngửa, co đầu gối lên ôm chặt lấy. Lúc đó tôi cảm thấy khắp người tôi, từ ngoài da vào trong ruột, từ ngón chân đến vành tai, đều buốt rức. Có bận tôi phải nằm duỗi dài, bắp đùi căng thẳng, cánh tay khoanh lại trước ngực, cố thiếp đi trong cái mệt nhọc vì vận dụng đến hết cả gân sức và não. Nhưng chỉ được vài phút, khi khí lạnh luồn qua chăn và như có cục nước đá xoa lên bụng tôi, thì tôi lại phải cựa quậy, lại phải trở mình.

Bên ngoài, gió vẫn thỉnh thoảng rít lên. Đồng thời một loạt tiếng rào rào ướt át nổi dậy rồi biến mất trong hoang vắng. Những âm thanh lạnh lẽo ấy càng gợi ra trong trí tưởng của tôi những lùm cây cối xanh mềm lả xô cuốn nhau để thoát khỏi mặt cỏ lùng bùng và những khóm cải hoa, thìa là tơi bời vì đã vùng vẫy để cũng như cố vượt ra khỏi khoảng vườn chật hẹp, gai góc và ứ bùn cống rãnh kia. Trằn trọc suốt mấy giờ, tôi rời rã hết cả cơ thể và tâm trí. Sau cùng tôi thật thiếp đi. Cái vắng lạnh của đêm khuya đã đưa tâm hồn tôi đến những cảnh mộng xa xôi.

Biết bao nhiêu cảm giác, bao nhiêu ý tưởng đằm thắm và say sưa đã rung động và mơn man cõi lòng tôi. Tâm tư tôi không còn lớn vớn những sự phẫn uất ghen hờn, nên những cái gì là tốt đẹp của một trẻ nhỏ đều được hoàn toàn nảy nở trong những giấc mơ tươi sáng và quen quen ấy. Tôi gọi là những giấc mơ "quen quen" vì những cảnh vật mộng tưởng kia không xa lạ, cầu kỳ một chút nào. Chỉ là những cảnh vật đã diễn ra lúc ban ngày, một hôm gần đây, hay một tuần lễ đã qua bao lâu rồi, hay một năm đã xa, dạo tôi lên bảy lên tám tuổi.

... Một đêm kia, tôi thấy em Quế tôi và tôi vịn vai nhau leo từng bực thang để lên một cái gác nhỏ hẹp của ngôi nhà ít cửa sổ, không có trần và lan can bằng gỗ ở phố Hàng Cau kia mà thầy tôi đã bán đi lấy tiền ăn hút. Em gái tôi bê một rổ con đựng bỏng cốm, khoai lang, lạc rang và bánh khảo. Tôi, tôi bê

một rổ to đầy những vỏ hến, hộp thuốc phiện, ống sữa bò hạng nhỏ, dao, thớt con và những đôi đũa bằng những que tăm.

Thưa các bạn, đó là hai đứa trẻ sắp sống một đời phiêu lưu giữa rừng sâu núi thẳm theo sự tưởng tượng ngây ngô của chúng. Rừng đây là mấy chậu cảnh của thầy tôi bày ở cái sân gác rộng hơn manh chiếu, chỗ độc nhất lấy không khí và ánh sáng xuống cho khu dưới nhà. Cái cù lao nhiều thú dữ chưa từng có chân người đặt tới, là cái xó gác chật hẹp chất những bồ bịch và chăn chiếu cũ. Còn cái hang trong lòng một dãy núi cao gần chấm mây xanh và bao quát hàng mấy trăm cây số là chỗ trống ở giữa một cái giường và bức tường.

Đồ ăn thức đựng của em Quế tôi xếp có thứ tự vào những rổ con treo trên cái chân niễng giả làm cành cây. Vì không cất cẩn thận như thế, nhỡ ra lúc vắng nhà, đi săn bắn, đánh cá hay đi tìm các kho vàng ngọc châu báu, hùm beo đến phá phách hủy hoại đi, thì hai nhà phiêu lưu kia biết lấy gì mà ăn uống để có sức vật lộn với những mưa bão gió tuyết và cầm thú hung ác.

Chúng tôi ăn rất dè sẻn. Hàng tháng - vài phút là một tháng - mới làm thịt một con lợn. Lợn là củ khoai lang cắm bốn cái tăm, chỗ múp là thủ, những khoanh to sau là bụng và đùi. Cố nhiên bốn cái chân giò phải vứt đi! Còn gà vịt chim cá là những hột lạc và bỏng cốm. Chúng tôi đun nấu trong những ống bơ sữa bò mỗi ngày vài con. Thức ăn xúc ra những vỏ hến, chấm với bánh khảo bóp vụn giả làm muối, làm đường.

Tôi lớn phải chống chọi nhiều với các ác thú, phải săn bắn, lặn lội gian nguy vất vả thì được ăn nhiều hơn. Nhưng ở giữa chốn rừng núi hoang vu kia, là đàn ông, tôi phải biết hy sinh cho người bạn gái trôi dạt với mình. Như thế, mỗi khi em tôi ngoan ngoãn sẻ thêm cho tôi ít xôi hay đỗ lạc, tôi lại vuốt ve nó, ngọt ngào nói rằng:

- Em ăn đi, anh no rồi. Anh khỏe anh ăn ít cũng được. Còn em yếu đuối

em phải ăn nhiều thì mới có sức cùng anh đánh nhau với thú dữ chứ.

Những ngày mưa gió.

Ngoài trời, từng thác nước mưa đổ xuống.

Gió reo vang.

Thỉnh thoảng một làn chớp vụt xé tầng mây đen sẫm.

Chúng tôi càng xuýt xoa: "Cứ mưa đi! Mưa to nữa đi!!!".

Tôi chạy xuống dưới nhà, xúc một ít than hồng ở bếp đương làm cơm bán cho khách hàng, lấy trấu rấm vào chiếc hộp bánh bích quy, đưa lên gác sưởi. Anh em tôi cũng hơ tay trên lửa đỏ, xuýt xoa như rét buốt lắm. Em Quế tôi nũng nịu nói với tôi những câu hết sức ngộ nghĩnh. Sau cùng nó ngả đầu vào vai tôi rồi giả vờ ngủ.

Thức ăn đã hết. Bữa thuốc của thầy tôi cũng vừa xong. Chúng tôi phải thu xếp đồ chơi, lại xuống nhà dưới để thầy tôi ngủ.

Thế là tạm ngừng một mẩu đời phiêu lưu của hai nhà mạo hiểm tí hon. Giấc mơ nhẹ nhàng và man mác như khói thổi cơm chiều lặng xuống, quyến ánh nắng thu vàng tiêu tan, để lại trong lòng tôi tới mãi lúc sáng rõ, có khi đến ngày hôm sau, những êm ái vô cùng. Sống trở lại những quãng đời ngây thơ mà mọi người mọi vật đối với tôi đều là những nguồn cảm rất phong phú, tôi càng bâng khuâng nhớ tiếc.

... Và một đêm, bị bà tôi mắng nhiếc tàn tệ, tôi uất ức thầm thì khóc tới một hai giờ. Rồi nhọc quá, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không rõ. Thoát khỏi những sự đau tủi giày vò, tâm hồn tôi lại trở nên thư thái, đi vào một cảnh mộng rất tươi sáng.

Đó là một buổi tối tôi đi học thêm ở nhà một bạn học, trên con đường vắng về nhà. Dưới ánh trăng bàng bạc bỗng hiện ra một bóng người mảnh dẻ, nhẹ bước trên bóng những cành lá xoan tây mờ mờ xao động suốt dải đường nhựa lấp loáng. Tôi vội chạy theo, nhưng không kêu gọi. Bóng người liền quay lại. Tôi thoáng thấy hai con mắt long lanh trên gương mặt trắng mát chiếu lên nhìn tôi. Trước chiều gió, những sợi tóc bay xõa ra như tơ, phấp phới dưới vành trăng ngọc. Tôi vội nắm lấy hai cánh tay ẻo lả của người con gái nhỏ tuổi ấy giơ ra đón tôi như trao cho tôi, muốn đưa đi chạy nhảy, múa hát hay nô đùa thế nào thì muốn. Bao nhiêu phút giờ không rõ, tôi và cô bé có một da thịt ấm áp và những tiếng nói âu yếm thơm tho kia đầu tựa vào vai nhau, im lặng trong con mắt nhìn thẫn thờ như xót thương, như san sẻ, chia đắp cho nhau. Không biết trong lòng cô bé đó có những cảm tưởng gì đương nảy nở. Riêng tôi, tôi thấy hồi hộp, ngực lạnh hẳn đi.

Tôi chẳng còn nghĩ đến cảnh đời đày đọa của tôi nữa. Lắm phen tôi muốn khẽ cất một tiếng nói bên tai cô, nhưng vừa trông qua vẻ mặt dịu hiền với đôi mắt lặng lẽ và những sợi tóc nhẹ nhàng phấp phới kia, tôi lại run sợ, ngồi im. Dần dần, tôi thiu thiu ngủ trong đôi mắt và hơi thở của cô bé mảnh dẻ. Trên bờ hè, ở chỗ chúng tôi ngồi, những vụn lá xoan vàng luôn luôn bay lên, tản mạn ra các nơi. Đồng thời lại có những vụn lá khác như bụi của vành trăng trong biếc loang loáng rơi xuống, rắc cả lên mái tóc chúng tôi và bay cả vào lòng chúng tôi.

Thu - tên cô bé mảnh dẻ dịu dàng đã sống với tôi những giây phút êm đềm trong giấc mơ ấy - là một cô học trò bằng trạc tuổi tôi. Hàng ngày Thu cùng với tôi đi về một đường. Trường học Thu cách trường học tôi chưa đầy một trăm thước, cách nhau có một bờ hè, một đầu đường và một hàng cây. Muốn tránh sự lôi thôi xảy ra cho bọn học trò nhỏ (bao giờ gây lỗi cũng là bọn con trai), bà đốc trường Thu bao giờ cũng để học trò mình về sau. Nhưng tôi cứ lùi lại để gặp Thu, hoặc đứng dưới mái hiên ở đầu đường chờ Thu đi qua.

Mới mười ba tuổi, đối với người con gái bé nhỏ ấy, tôi không hề có ý nghĩ gì vẩn đục cả. Tôi chờ đợi Thu, ngóng trông Thu như thế chỉ vì nhớ tiếc một buổi sáng.

Buổi sáng hôm ấy, dưới những bụi mưa phấp phới, tôi quàng tay qua vai một người mà tôi yên trí là thằng bạn tôi, tôi đờ mặt ra xem các trò vui như nhảy bị, bịt mắt bắt dê, đi xe đạp buông tay cúi lấy các đồ thưởng, của một ngày hội đình chiến. Một lúc lâu sau, cái cảm giác trơn và lạnh của một làn tóc gợi lên da tay tôi làm tôi giật mình. Tôi liền cúi nhìn mặt người mà tôi khoác vai.

Trời! Không phải là cái thằng mắt lác, đen như củ súng, cùng tôi đá bóng cả ngày, người cũng bẩn như trâu đầm ấy, mà là một người con gái thấp hơn tôi một chút, tóc màu gụ, nổi những đợt sóng mượt trên cái lưng thon, mắt nâu trong sáng, hai vành mi, mềm mại đen nhánh, môi tươi thắm.

Rồi bóng dáng người em gái nhỏ tuổi cứ theo dõi mãi tâm trí tôi. Tôi không lúc nào quên được bàn tay gầy nhỏ của cô nhẹ nhấc tay tôi lên và hai mắt nâu trong đưa nhìn tôi rất nhanh, ngạc nhiên, bàng hoàng, luống cuống. Luôn mấy tháng, những lúc cơ cực, đau đớn, hễ tôi cất tiếng khóc là tôi nghĩ ngay đến Thu, cô học trò bé nhỏ, xinh tươi dịu hiền quá, mà tôi mơ ước được quen, được cùng đèn, được ngồi cùng bàn viết, nhất là được kể tất cả mọi chuyện của tôi cho cô nghe và chỉ cần được đôi mắt lặng lẽ của cô nhìn tôi và nghe tôi nói thôi. Và, trong khi tôi khóc, trước cặp mắt tôi càng mờ lệ, thì những tà áo nhiễu tây nâu, làn sóng tóc màu hạt dẻ óng chuốt, nhất là đôi mắt và ánh trăng cùng bóng cây và vụn lá vàng bay, càng lung linh phấp phới.

## VII. ĐỒNG XU CÁI

Mấy ngày đầu xuân của năm ấy tươi đẹp như màu xác pháo phấp phới chạy là là trên những vỉa hè quét vôi trắng xóa.

Trưa mồng hai Tết, ăn cơm xong, mẹ tôi sai tôi xếp bốn quả cam Xã Đoài, một chục cau tươi và năm lá trầu vàng vào một nắp quả con. Ra ngoài đường tôi chực gọi xe, mẹ tôi gạt đi. Tôi nũng nịu:

- Từ nhà lên Phù Long xa lắm, con chả đi bộ đâu!

- Nhưng không có tiền xe!

- Thì mợ đi một mình vậy.

Mẹ tôi và tôi đến đầu phố, mấy người phu xe đổ xô lại. Không đắt khách, họ lại tản đi chỗ khác. Tôi đưa như vứt cái nắp quả cho mẹ tôi:

- Đây mợ bưng lấy. Con trở về.

Mẹ tôi yên lặng nhìn tôi giây phút rồi chậm rãi nói:

- Con đi bộ để mẹ bảo cái này.

Chưa bao giờ mẹ tôi có những vẻ mặt nghiêm nghị như lúc ấy. Tuy biết mẹ tôi dù cương quyết chừng nào nhưng vẫn yếu ớt không thể khuất phục được tôi, nhưng tôi không dám tỏ ra khinh thường. Vì sau bao nhiêu ngày tháng đày đọa, cực nhục, thiếu sự chăm sóc trìu mến của người mẹ, tôi đã tự hứa không bao giờ làm phật lòng mẹ tôi, mặc dầu mẹ tôi vì quá thương yêu tôi mà thành ra sợ tôi, vui vẻ chiều làm theo ý tôi như một tên nô lệ sung sức. Ý nguyện này của tôi còn có một ý nghĩa nữa là để mẹ tôi cảm thấy rằng con mình đã biết quý mến mình và sẽ đau đớn khổ nhục vô cùng khi mình đã lìa bỏ nó.

Tôi liền đỡ cái quả và vâng một tiếng ngọt ngào. Nhưng khi đi bên mẹ tôi được một quãng xa, tôi bỗng trở nên băn khoăn nghi ngại. Sao mẹ tôi lại bảo tôi đi bộ để nói chuyện với tôi? Xưa nay mẹ tôi có khi nào chuyện với tôi một cách kỳ khu như thế? Mà chuyện lành hay chuyện dữ? Tôi càng ngạc nhiên

hơn khi thấy mẹ tôi cúi đầu trông xuống đường và gương mặt mẹ tôi mờ đi. Mẹ tôi chợt phào ra một tiếng gọi:

- Hồng!

Tôi không thưa, càng mở to mắt nhìn mẹ tôi. Mẹ tôi gọi tên tôi một lần nữa rồi run run nói với tôi:

- Mợ hỏi con cái này. Con cứ trả lời cho mợ biết.

Từng tiếng của một câu nói nghẹn ngào chen lấn với những hơi thở dồn dập ấy điểm bên tai tôi. Tôi bối rối vội nắm lấy tay mẹ tôi lay lay:

- Cái gì? Cái gì... hở mợ?

Mẹ tôi ngước mắt nhìn tôi rồi lại cúi xuống trông đường:

- Con có bằng lòng không đã?

Tôi bực tức:

- Sao con chả bằng lòng! Nhưng cái gì, mợ bảo con ngay đi.

Mẹ tôi e dè:

- Ừ thì mợ bảo, nhưng con đừng...

Mẹ tôi, phải, người mẹ mới ngoài ba mươi tuổi, gương mặt còn tươi sáng ấy, sau vài phút ngập ngừng đã hỏi tôi một câu sau đây, giọng nói nhỏ và run rẩy:

- Con có bằng lòng cho mợ đưa em bé về không?

Trời! Một sự bêu riếu! Phong tục và lễ nghi cổ hủ đã bắt một người mẹ

coi sự sinh nở khi chưa đoạn tang chồng cũ ghê tởm hơn là những tội gian ác xấu xa nhất. Và các thành kiến gông cùm từ ngàn xưa truyền lại đã nâng một đứa con trai chưa đầy mười bốn tuổi lên một địa vị cao trọng để mẹ nó phải khuất phục, cầu khẩn!

Tôi lay mạnh vai mẹ tôi:

- Mợ đừng khóc nữa! Mợ cứ đưa em bé về! Việc gì mợ phải hỏi con?

Những ý nghĩ căm hờn đột nhiên nổi dậy trong tâm trí tôi. Bị kích thích, tôi nói rất nhanh:

- Mợ không sợ ai hết! Mợ cứ đường hoàng đưa em về.

Nghe câu nói cứng cỏi ấy không biết mẹ tôi có nhận thấy cả một lòng phẫn uất của tôi đã sôi lên không? Chịu bao nhiêu sự đày đọa, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu cả tình thương yêu, tôi đã nghiến răng giày đạp lên những cái quái ác hèn hạ của những kẻ khinh bỉ tôi vì tôi là con một người mẹ góa hiền lành và cùng khổ đã phải bước sớm đi một bước nữa. Mẹ tôi không đáp lời tôi, chỉ ngước mắt lờ đờ nhìn tôi vừa mỉm một nụ cười như không bao giờ hết trên đôi môi xinh tươi tuy không có son tô.

Chấm xong những giọt nước mắt, hai gò má mẹ tôi hồng lên và mắt lấp lánh: màu hồng của gò má ấy, tia sáng vui mừng của con mắt long lanh ấy, mơn mởn như những búp bàng non lặng thấm nắng xuân rực rỡ lúc bấy giờ.

***

Thấm thoắt đã hết tháng Giêng và tháng Hai. Những sung sướng trong tình thương yêu trìu mến lại bị ngắt quãng. Nhưng đời sống của tôi không đến đày đọa như trước tuy lần này mẹ tôi lại giao tôi cho bà tôi và người em gái thầy tôi, cô G., nuôi nấng.

Tưởng rằng bà tôi và cô tôi nuôi thật chẳng đúng tí nào. Chính tôi nuôi tôi bằng đồng tiền tay tôi kiếm được. Từ xu xà phòng, trinh lơ, một vài hào mua giấy bút và lấy vé đi xem chớp bóng, đá ban đều là tiền tôi. Mà hôm mẹ tôi cắp thúng ra đi, dốc túi còn đúng năm xu cho tôi và bảo tôi:

- Hồng! Con chịu khó ở nhà, mợ ra Hải Phòng vay bác T. một món tiền để vào Thanh đón em bé về làm vốn buôn bán mẹ con lần hồi nuôi nhau.

Một tuần, hai tuần... rồi một tháng, hai tháng, cũng không thấy mẹ tôi về, và tôi chẳng nhận được lấy một lá thư của mẹ tôi.

Những ngày trời nặng mây đen và bụi nước thấm thía về cuối mùa xuân năm ấy là phản ảnh lòng tôi trong những đêm dài mà tôi thao thức nghĩ đến sự thất vọng của mẹ tôi không vay được tiền lại đành phải vào Thanh Hóa, buôn bán đầu đường cuối chợ để nuôi đứa em gái mà tôi chưa được giáp mặt. Những nỗi nhớ mẹ tôi càng chua xót thì tôi lật quyển lịch cũ lên, thầm đọc lại những mẩu nhật ký bỏ dở trước đây.

Nhưng bắt đầu sang tháng ba, bỗng cuộc sống của tôi thay đổi hẳn. Tôi chẳng còn mấy khi đau đớn, phiền muộn nữa. Dần dần sự bình tĩnh vui vẻ trở lại lòng tôi. Tôi bước vào một quãng đời mới tự do và đầy đủ. Chỉ vì tôi đã nảy ra một cái tài phi thường: tôi muốn nói cái tài đánh đáo lối mới rất lợi hại của tôi.

Khi thầy tôi còn sống, cách năm ấy bốn năm, tôi đã là một đứa trẻ nhịn ăn nhịn mặc được chứ không thể nhịn "đáo" được. Nhưng đánh bao giờ cũng thua. Nào có ít, có ngày nướng hàng một, hai hào. Thầy tôi đã cùm tôi lại và đánh lấy máu đít tôi ra vì tôi dám vượt cả mọi sự ngăn cấm của thầy tôi mà chơi bời bê tha.

Rồi năm thầy tôi gần chết, tôi đã trở nên một tay "đáo" giỏi có thể đối chọi với các trẻ cùn mạt, ranh mãnh mà không thua, đã thế lại còn biết cách

rủ rê những kẻ ngờ nghệch như các người lớn rửng mỡ và các bọn trẻ nhỏ con nhà giàu để "gẫu".

Hai năm sau ngày thầy tôi mất, các môn đạo lần lượt đổi mới. Lối chơi cũ của tôi dù xuất sắc cũng vô ích. Tôi thua lụn thua bại, thò đồng xu nào mất đồng xu ấy. Có lần mẹ tôi ở Thanh gửi cho tôi hai đồng để mua sách, tôi chơi có hai tuần lễ mà thua gần hết.

Môn đáo thịnh hành nhất thời bấy giờ là đáo "bật" ở Hà Nội đưa xuống.

Cách chơi rất giản dị, chóng được chóng thua. Người chơi vạch hai vạch cách nhau chừng hai thước tây. Vạch dưới là chỗ đứng để quẳng tiền lên vạch trên. Đồng tiền ở xa vạch trên, gần vạch dưới thì khó "bật". Vì, cầm đồng xu cái đánh bay đồng trinh lên khỏi vạch trên mới được. Nếu đánh trúng mà đồng trinh vẫn nằm nguyên một chỗ hay không nhúc nhích qua vạch trên, hay chạm đồng trinh khác thì hỏng.

Suốt năm tháng ròng, chơi thứ đáo "bật" này tôi chỉ thua. Có nhiều tiền không sao, chứ hôm nhịn quà bánh, tích cóp được sáu bảy xu, chưa được mấy ván đã hết nhẵn, tôi cực phát khóc lên được.

Không còn tiền đánh, nhưng tôi cũng nán lại xem cho đỡ nhớ.

Những lúc đó, tôi càng để ý nhận xét, từ khi người đánh giơ cánh tay lên nhanh như chớp rồi vụt mạnh xuống, quật đồng xu cái lên đồng trinh con, thúc cho nó vượt khỏi hẳn vạch trên. Cách đánh của các tay "bật" giỏi kia, tôi đã hết sức bắt chước. Nhưng dù tôi dọi mạnh chừng nào nữa, đồng trinh chỉ gí xuống đất hoặc hơi nhích đi một vài phân. Mà điệu trên cách xa hàng thước!

Mưa dầm đã bắt đầu kéo dài hết tuần này sang tuần khác. Đất sân nhà trường, vườn hoa, các bờ hè chưa lát gạch, trơn và sền sệt như đổ mỡ. Tôi

càng quẫn bách vì thua đáo! Thì một buổi chiều, tôi không thể nhớ rõ buổi chiều thứ mấy, hai ống quần tôi nặng trĩu bùn, và tóc tôi đã vắt ra nước mà tôi vẫn mải miết đánh.

Một túi áo đầy lèn xu, nặng đến nỗi mỗi lần tôi cúi xuống dọi đồng trinh, tay trái tôi phải túm chặt lấy miệng túi để xu khỏi dốc ra và tôi phải nâng túi lên cho khỏi vướng. Một lúc sau, túi áo bên mà ban nãy tôi không dám bỏ tiền sợ làm ngược tay phải cầm xu cái, cũng lại gần đầy. Tôi phải đổi lấy hào đôi và hào con các một hào một trinh cho tụi hàng quà thấy tôi được nhiều thì bắt bí.

Bao nhiêu học trò đến trường sớm đều đổ cả lại xem bàn đáo của chúng tôi. Mỗi lần tôi giơ tay đánh, chúng lại reo ầm lên và dồn mắt vào đồng trinh vọt qua vòng người, còn bắn thêm đi rất xa.

Tụi trẻ thua phát cáu, nhiều lượt chúng bắt tôi đánh lại vì chúng nghi rằng tôi lấy ngón tay hất nhanh đồng trinh lên chứ có bao giờ và có ai dọi xu cái trăm bận đều thúc tung tiền lên cả trăm. Tụi bạn học đứng xem kịch liệt phản đối. Chúng cãi cho tôi rằng tay tôi quật xu xuống không bao giờ chạm tới mặt đất cả.

Trống trường đã điểm lần thứ nhất. Tụi trẻ thua hết tiền. Hai tay giữ túi đầy xu, tôi chạy ra máy nước để rửa chân tay và gột quần áo. Theo sau tôi hàng chục thằng bạn hỏi xin tiền. Tôi không thể từ chối được vì bị một thằng khóa lấy cánh tay tôi rồi nó cứ tự nhiên móc túi tôi, lấy xu phân phát cho những đứa xin.

Đồng xu cái ấy không lúc nào rời khỏi tay tôi. Khi tan đáo, tôi cạy hết bùn đất nhét vào các khe chữ, rồi rửa xu xong, tôi lau chùi thật khô, thật bóng, đoạn mới cho vào cái hộp sáp mỏng cất trong túi. Cẩn thận hơn, vài ngày một lần, tôi nhúng nó vào thuốc đánh đồng rồi lấy dạ mỏng cọ sát hàng giờ.

Giơ đồng xu lên ánh nắng, nó lấp lánh như bằng vàng diệp.

Tôi đã sung sướng, tự kiêu, và có cảm tưởng rằng nó còn quý hơn vàng. Vì nhờ nó mà mỗi ngày tôi kiếm được sáu, bảy hào, tính gộp số tiền đánh đáo được còn nhiều hơn giá một cục vàng đồng cân với nó.

Khi đi ngủ, tôi không dám bỏ vào túi, sợ nó văng ra giường ai bắt được tiêu đi. Tôi phải luồn nó vào dải rút, bỏ lòng thòng trong quần.

Có một lần, đánh mạnh quá, nó văng vào một bụi rậm đầy gai góc, tôi đành bỏ cả buổi học để tìm. Đòn vọt, phạt quỳ, phạt đi học ngày thứ năm, hay bị đuổi hẳn, tôi cũng không sợ bằng đồng xu cái hiếm có ấy mất.

Tôi quý đồng xu cái hơn cả những tiên nga và hoàng hậu giữ gìn thân thể, nhan sắc và châu ngọc của mình, hơn cả những anh hùng và hoàng đế trọng đãi những đạo binh cảm tử tinh nhuệ, từng lập nhiều chiến công hiển hách cho vinh quang của họ.

Nằm dưới gốc cây ở vườn hoa, tôi trông ngắm đồng xu cái mãi mà không chán mắt. Gãi tay vào cái cạnh sắc, tôi lấy làm khoan khoái vì có những cảm giác buồn buồn. Bốn chữ Nho, những chữ Pháp và hình người đàn bà nổi lên trong đồng xu đã đem đến tâm trí tôi một ý tưởng lạ thường: đúc một đồng xu có hình ảnh và tên tuổi mình để đi khắp các tỉnh kiếm ăn bằng nghề đáo.

Tôi không bao giờ dám dùng đồng xu cái quý hiếm nọ đánh thử. Sợ nó mòn đi hay sứt sát một cách vô ích. Và tôi còn có ý đặt nó lên một địa vị cao quý hơn hết cả mọi đồng xu khác, để tỏ lòng kính cẩn cái kỷ niệm sâu xa của một chiều kia, bỗng nhiên tôi được nó và nghĩ ra một lối chơi đáo "bật" tuyệt diệu đặc biệt của tôi ấy. Cái bí quyết gồm có mấy điểm: Không cần phải dọi mạnh, chỉ nhằm đít đồng trinh mà quật đồng xu dày dặn và sắc cạnh ấy xuống. Cạnh xu cái có thể thúc bay trinh lên và có khi để lại một lối bầm sâu xuống đất.

Lối chơi này sau một vài tháng phát minh, ở khắp tỉnh Nam Định, trẻ con nào cũng biết. Nhưng đều thua tôi. Chúng không thể như tôi, người nghĩ ra và thực hành đầu tiên, có thể đánh bất kỳ đồng trinh ở đâu cũng bật lên khỏi vạch trên.

Các bạn đọc và các trẻ chơi đáo đã đặt cho tôi cái biệt hiệu "Bật câu cơm". Tôi đã không hổ thẹn mà lại nghênh ngang nhận lấy cái danh hiệu mỉa mai ấy.

## VIII. SA NGÃ

Tôi như không còn mối liên lạc gì với nhà nữa. Tuy chỉ là cái gia đình nhỏ mọn rất có thể vui vẻ, đầm ấm trong sự yêu thương hòa hợp, gồm có một bà nội già, hai người cô và hai đứa trẻ mồ côi cha; tôi và em gái tôi. Trừ cô C. và thằng con trai sinh nở một cách "quỷ thuật" mà tôi đã giới thiệu trên kia là ăn ở đường hoàng, còn tất cả chúng tôi sống chật hẹp ở một gian bếp, vừa đủ kê một cái giường, một cái bàn và một cái phản con.

Sáng sớm tôi đã dậy. Có khi không cần rửa mặt và mặc áo dài, tôi nhét vội cái áo vào cạp quần rồi đến trường. Bữa cơm trưa, tôi ăn lấy lệ vài bát, rồi rửa bát, đoạn tôi lại cắp cặp đi ngay. Tan buổi học chiều, tôi còn nán lại ở trường hay la cà ở những phố có đám đáo tụ họp. Bảy giờ tối, tôi mới về nhà, tám giờ tôi đã có mặt ở rạp chớp bóng của hãng phim Tàu. Đêm khuya, nếu không thể gọi cửa được, tôi đi ngủ nhờ.

Ngày nào cũng thế, đã hơn ba tháng. Bao nhiêu lần bà tôi lườm nguýt tôi khi tôi đi qua mặt. Cứ chỉ đó tỏ rằng bà tôi đã ghê tởm tôi hơn cả một đống đờm dãi. Lật lồng bàn đậy mâm cơm lên, thế nào tôi cũng thấy bà tôi gờm gờm nhìn tôi như rủa thầm rằng:

- Mày thì đã có nhà nước dạy, thằng quỷ sống kia ạ!

Mọi khi bị khinh bỉ, hắt hủi như thế, tôi đã đứng dậy, bỏ bữa cơm ăn để phản kháng cách đối đãi rẻ rúng chênh lệch ấy. Nhưng nay, tôi cứ điềm nhiên ăn, ăn rất thong thả, nhằn từng hột thóc, gắp từng sợi rau, húp từng thìa canh để trêu tức bà tôi. Những bữa ít thức ăn tôi mua hàng hào giò chả về, cắt làm nhiều miếng, khề khà ăn như người nhắm rượu.

Bà tôi phát cáu, chửi rủa tôi, tôi lại nhe răng ra cười. Nhưng thấy bà tôi lại sắp dùng đến chính sách đòn vọt, tôi liền chạy thẳng.

Cô tôi không dám chửi tôi nữa. Vì một lần chực réo tên mẹ tôi lên, tôi liền chỉ vào đứa em họ gái, đáp lại:

- Mẹ con này có bị họ hàng bố nó đào bới đâu mà cô cứ đào bới mẹ tôi?

Tôi đã khoan khoái thích thú được đối phó với các cách cay nghiệt của bà tôi và cô tôi bằng sự khiêu khích, khinh nhờn trên kia. Tôi đã lấy thế là một cách trả thù thích đáng, cho bõ hờn những ngày đày đọa, cực nhục cách đây không bao lâu.

Dù sao bà tôi và cô tôi cũng phải cơm nước cho tôi tử tế hơn trước nhiều vì tôi đã nhiều phen bỏ nhà luôn mấy ngày mà không sút kém, vẫn vui vẻ như thường.

Chỉ nhờ có đồng xu dày dặn, sắc cạnh và cái tài đánh đáo, tôi đã sống thảnh thơi, đầy đủ, tôi may cả quần áo, sắm được giày mũ, muốn ăn gì cũng có tiền mua, đi xem chớp bóng, và đá ban không thèm ngồi hạng bét.

Đó là ảnh hưởng tốt đẹp hay quái gở của sự sống du đãng ngày còn nhỏ ấy, tôi không cần suy xét. Tôi chỉ biết tôi cần phải sống như thế. Vì tôi đã cơ cực khổ sở hơn là tù tội trong sự chăm nom thờ ơ của người bà già đã đem hết tình thương yêu thầy tôi bù đắp cho cô tôi, và đã coi mẹ tôi như một sự bêu riếu cho vong linh thầy tôi và dòng dõi tôi.

Ở vườn hoa, cổng chợ, bến tàu, bến ô tô, bãi đá bóng, tôi đã chung đụng với mọi hạng trẻ hư hỏng của các lớp "cặn bã". Tụi trẻ này tuy sống bằng những nghề nhỏ mọn như bán báo, bán xôi chè, bánh, kẹo, hoa quả, bán các đồ chơi lặt vặt, đi ở bế em hay nhặt bóng quần, hoặc ăn mày, ăn cắp từ con cá lá rau; tụi trẻ này tuy rách rưới, bẩn thỉu, nhịn đói, mặc rét luôn, nhưng hễ kiếm được tiền là phung phí. Quà gì chúng cũng ăn. Thua bạc bao nhiêu cũng không tiếc. Cảnh đời đày đọa của chúng như phải có cái say sưa trong sự bê tha kia để mà an ủi. Và mỗi một tính cách tinh nghịch, quỷ quái, gian ác là một kết quả của cái gia đình trụy lạc hoặc vì một người cha cờ bạc, rượu chè, hút sách rạc rài, hoặc vì một người mẹ dốt nát đanh đá quá, hoặc vì sự tàn tật đến kết liễu một đời làm việc tối tăm, hoặc vì cái chết thê thảm đã dần bóp nghẹt một đời sống chỉ để nhẫn nhục và đau khổ.

Tôi đã chung đụng với tụi trẻ lêu lổng mất dạy ấy. Ăn cánh với các đứa gian ngoan, ngạo ngược, tôi bóc lột những đứa khờ khệch bằng các môn đáo, những đứa mà đời du đãng chưa dạy cho biết những mánh khóe ranh mãnh.

Một lần, tôi vỗ vai thằng bạn nằm duỗi dài trên bãi cỏ, phì phèo hút thuốc lá:

- Thôi mày ạ, trả nó mấy xu đi.

Nó không thèm nhìn đến thằng bé chín mười tuổi một tay xách ấm bán nước bọc bằng bao gai, tai ấm móc một cái điếu cày, một tay cầm mấy chiếc bát sành, đứng sụt sịt khóc ở gần đấy vì thua đáo. Nó bĩu dài môi đáp lời tôi:

- Kệ mẹ nó, dại thì chết. Có thế mới mở mắt ra.

Cũng vẫn thằng ấy đã đá vào mạng mỡ một thằng Tây con thằng Cẩm, rồi bỏ thằng này chết ngất ở khoảng đất không bên cạnh nhà để báo cái thù bị nó suỵt chó cắn vì ném sấu ở trước cửa nhà thằng nọ. Nó vừa chạy vừa thở:

- Mày đã hả chưa?

Tôi không đáp vì không đủ sức cất tiếng trong sự lo sợ đã bóp nghẹt cổ tôi. Chốc chốc tôi ngoái cổ nhìn xem có ai đuổi theo không. Rồi hơn một tháng sau tôi không dám đi qua phố thằng bé nọ, sợ bố mẹ nó nhầm ra tôi là thằng bạn quái quỷ kia.

Chịu ảnh hưởng xấu xa của tụi bạn nhỏ vô lại, đầu óc tôi dần dần đầy rẫy những ý tưởng táo bạo liều lĩnh. Lúc nào tôi cũng như căm hờn ghen ghét, muốn phá tan tranh giành. Sự hỗn độn trong tâm trí đó khiến tôi chẳng thể ngồi đâu yên một chỗ. Đến trường không đánh đáo thì tôi đá bóng hoặc bày ra các trò chơi nguy hiểm, vào lớp học tôi phải luôn mồm chuyện trò và tìm hết cách trêu ghẹo những thằng bạn nhút nhát. Xong buổi học, nhất là những ngày nghỉ, tôi không ở nhà được lấy năm phút. Phải có mặt ở đám đáo, đám chẵn lẻ, đố mười, cát tê. Dù mưa nắng, tôi cũng để đầu trần, đi hàng giờ, sục tìm những đám bạc nếu phố tôi không có, hay có nhưng ít người, và đánh nhỏ.

Trong tình yêu thương đằm thắm và sự chăm nom đầy đủ của cha mẹ, một đứa trẻ cùng tuổi mười ba mười bốn như tôi đã cười reo lên khi nó thấy người nhà mua cho nó một chiếc xe đạp, hay một chiếc ôtô con, hay một khẩu súng nhỏ bắn chim, và nó nhảy múa reo mừng khi được dẫn đi chơi ở những nơi xa lạ. Nhưng tôi, tôi đã vui sướng như một nhà thám hiểm bỗng tìm ra một mỏ châu báu, khi thấy đằng xa một đám đông người rách rưới bẩn thỉu chen chúc nhau, chửi rủa nhau, mà cờ bạc ở bờ hè, góc chợ đầu đường, vừa gợi ra trong tâm trí tôi không biết bao nhiêu thèm khát những đồng trinh la liệt trên mặt đất, những quân bài dở dẵn xuống vất lên và những tiếng tiền reo sang sảng trong chiếc bát sắt và đĩa sắt. Được thua không cần tính toán gì cả. Phải lăn vào mà chơi đã! Sáng sớm, nửa trưa, chiều khuya... no, đói, bài học thuộc hay không, bài làm chậm trễ đúng hay sai... bà tôi, nhà cửa, thầy giáo, giờ học, cuộc thi hàng tháng, điểm đức dục... tôi không hề nghĩ đến. Tất cả hình

ảnh ở trước mắt tôi, và trong trí tưởng chỉ là ngoài đường, đám đáo, đám bạc và rạp hát, rạp chiếu bóng...

## IX. MỘT BƯỚC NGẮN

- Hồng! Mày lên đây!

Thầy giáo tôi mặt bỗng đỏ bừng vẫy tôi bằng ngón tay trỏ. Tôi vừa mới tới bục gỗ, thầy đứng ngay dậy. Chiếc ghế dựa xiết mạnh vào bục bật lên tiếng "ké... ét" thật dài. Tôi khoanh tay đứng chờ, không biểu bị gọi lên vì cớ gì. Vì đã gần giờ tan học, chỉ còn phải ngồi nghe đọc điểm các bài thi hàng tuần của từng người.

Thầy giáo tôi đã nhảy phắt xuống đất, hất mạnh cằm tôi lên, mắt long sòng sọc chiếu nhìn:

- Mày đứng im không thì chết.

Bốp! Chát! Bốp! Chát! Một cái tát trái đập mạnh vào mặt tôi bằng tất cả sức mạnh của con thú dữ đương cuồng lên. Lại một cái tát khác... rồi một cái tát khác... rồi những cái tát khác.

Hai bàn tay của thầy giáo vả vào mặt tôi chằng kỳ mắt mũi, gò má, thái dương. Tôi phải ôm lấy đầu. Thầy giáo liền giằng tay tôi ra và đưa những quả đấm nắm chắc vào một bên mặt tôi.

Đầu tôi đã quay tròn, máu mũi chảy ròng ròng.

Tôi vẫn không kêu khóc vì không hiểu bởi duyên cớ gì mà bị gọi lên đánh. Bị đánh ngay lúc đó tôi không thấy đau đớn, tôi chỉ ngạc nhiên và phẫn uất. Mãi sau tôi mới dám ngửa mặt lên nhìn, khi thầy giáo túm tóc tôi, lôi xềnh xệch đến gần bục gỗ.

Ống chân, mông đít, sống lưng, bả vai, và hai cánh tay tôi như bị vặt ra từng miếng thịt bởi những đầu thước kẻ. Trước tôi còn giơ tay đỡ nhưng sau mười ngón tay đã đau chói như sắp rụng, tôi phải lùi dần vào một góc tường.

Sắc mặt thầy giáo tôi đã tái mét. Hai mắt thầy như hai hòn bi ve ánh ra những vằn sáng. Cằm bạnh ra và hất về phía trước như một lưỡi xẻng.

Không còn một tiếng động trong lớp học. Tụi học trò đều nín thở.

Tôi đã lùi vào sau cái bảng quay, rồi ngồi xệp xuống.

Rắc! Cái thước kẻ quật lên đầu rồi vọt lên trần nhà. Thầy giáo tôi rít theo một tiếng. Một chân đưa gót giày lên sống lưng tôi. Nhưng tôi đã nằm gục xuống, người co rúm lại.

- Hồng, ra đây!

Tôi chập choạnh đứng dậy, choáng váng bước ra trước bục gỗ.

- Mày là thằng khốn nạn.

- Lạy thầy con không biết gì hết!

- Câm! Câm ngay! Đồ ăn cắp! Câm ngay!

Mồm tôi mặn chát. Tôi phải vuốt dòng máu mũi rỉ xuống mép và nhăn mặt nuốt thứ nước bọt lầy nhầy mằn mặn nọ.

- Quả con oan! Con không biết gì hết.

- Câm! Câm ngay! Đồ mất dạy.

Nước mắt tôi đến bây giờ mới chảy ra. Tôi ngước mắt mờ lệ nhìn thầy giáo:

- Thưa thầy, thật con không làm gì.

- Lại còn cãi. Câm ngay! Đồ khốn nạn! Đồ ăn cắp! Đồ mất dạy, đồ khốn nạn...

Từng ấy câu mắng nhiếc của thầy giáo càng làm tôi uất ức. Đánh đập tôi, xỉ vả tôi, mà không cho tôi biết vi phạm lỗi gì! Mà tôi thật chẳng phạm lỗi gì khi thầy dõng dạc cất tiếng bằng tiếng Pháp:

- Các anh ngồi yên nghe tôi đọc "nốt" (5)các bài thi đây này.

---

(5)Nốt: điểm bài.

Thầy giáo đã đứng dậy túm bờm tóc tôi ấn mạnh về lối đi bên trái.

- Xếp mau sách vở rồi lên đây.

Từ trên bảng đi về chỗ, tôi thấy tất cả lớp trông đổ dồn vào tôi, ngạc nhiên và ghê sợ. Đến chỗ ngồi, tôi hỏi một thằng bạn:

- Anh có biết tôi có tội gì không?

Nó lấm lét nhìn thầy giáo, không đáp. Tôi hỏi thằng ngồi sau:

- Anh làm ơn bảo cho tôi biết tôi có tội gì?

Thằng này cũng làm thinh. Trên kia thầy giáo tôi càng thúc giục.

Tôi luống cuống thêm, ấn cả lọ mực không đóng nút vào cặp sách, lễ mễ ôm lên.

Dằn từng tiếng, thầy giáo bảo tôi:

- Mày không được học nữa. Về nhà thôi!

Tôi sướt mướt van lơn:

- Lạy thầy quả con oan. Con không biết gì hết.

- Nhưng mày phải về, rồi mày sẽ biết mày có tội gì.

Câu này thầy nói hơi nhanh như có ý không muốn cho tụi học trò yên lặng khoanh tay trên năm dãy bàn nghe thấy.

Tôi gạt nước mắt:

- Lạy thầy, thật con không có tội gì.

Thầy cười gằn và ẩy vai tôi:

- Không có tội gì thì mày cũng phải về.

Ngừng lại giây phút, thầy nói, tiếng nói nhỏ hẳn đi:

- Mày là thằng khốn nạn. Đây tao hỏi mày, mày vừa nói gì khi tao sắp dọc "nốt"?

Tôi đờ người ra, tôi lại ngẫm nghĩ. Không! Tôi không nói một cái gì xấc láo, phạm đến thầy. Và lúc đó tôi cũng không nghịch ngợm, hoặc thò chân giựt áo anh em bạn học, hay quay lại gọi hỏi ai.

Thầy giáo vẫn trừng trừng nhìn tôi. Tôi phải định thần, để trước cặp mắt nổi những vằn máu đáng sợ kia, trí tôi trở lại bình tĩnh. Chợt tôi nghĩ ra: thằng bạn ngồi bên trái tôi nó đã vỗ vai tôi bảo:

- Hồng trông đây này.

Tôi chẳng cần xem nó loay hoay nghịch cái gì ở gầm bàn, hất hàm trả lời:

- Kệ xác mày!

"Kệ xác mày?"... Trời! Câu nói của đứa học trò xưa nay có tiếng là lêu lổng, hư hỏng khi thầy giáo nó trịnh trọng bảo mọi người:

- Các anh ngồi yên, nghe tôi đọc "nốt"!...

***

Cứ đến giờ vào lớp là tôi phải quỳ. Đã bốn hôm, sau cái bảng xoay, dưới chân một góc tường, là chỗ tôi ngồi học.

Học đây không phải là học chữ nghĩa, nhưng để nhận thấy, theo cái ý muốn của thầy giáo tôi, một cách thấm thía không bao giờ quên được rằng là sự nhục nhã ê chề và đau đớn của những hình phạt tuy độc ác nhưng lại sửa đổi tâm tính một kẻ xấu xa và trừ bỏ được các sự ngạo ngược, gian ngoan.

Những lúc quay mặt nhìn ra ngoài, tôi càng cảm thấy rõ ràng những ý muốn sâu xa kia trên vẻ mặt thản nhiên lạnh lùng của thầy giáo.

Nhưng, thầy đã lầm! Trái lại, các hình phạt quái ác chỉ nhóm thêm lòng tôi những phẫn uất, căm hờn. Tôi có lỗi gì mà hối hận?

Tại lòng tự ái, không muốn cho kẻ dưới cãi chữa khi bị trừng phạt, tại quá tin không bao giờ mình lầm lẫn, hơn nữa, sợ nhắc đến câu hỗn láo của tôi trước tụi học trò thì sẽ không được kính sợ nữa, thầy giáo tôi đã quẳng sách vở tôi ra sân, và trừng mắt lên nhìn tôi:

- Được, mày muốn đi học thì từ rày đến ngày nghỉ hè hễ đến lớp là phải quỳ.

Luôn bốn hôm, tôi không thấy đói và ăn chẳng biết ngon. Đánh đáo tuy

vẫn được nhiều nhưng không thấy thích. Những phim trinh thám, mạo hiểm đặc sắc không làm tôi hồi hộp say mê đến ngày hôm sau như mọi khi.

Và, tôi chẳng còn muốn nhấc bước những giờ phải đến nhà trường. Mùa hè mới bắt đầu, với ánh nắng rực rỡ phấp phới trên các cành lá óng ả mượt nõn và những chòm xoan xanh tươi hứa hẹn màu thẫm của các vừng hoa đỏ. Tiếng ve liên miên ghen ghét với vạn vật tưng bừng đã thấy vang tới. Không biết từ đâu, những lớp bụi đường trắng xóa quẳn quại cuốn theo những đít ôtô bóng loáng như muốn cưỡng chống làn gió ngược, để bay đi thật xa, rõ thật xa... Trên vỉa đường, các gánh dưa chuột, dưa gang và mận nhót, mềm mại, nhún nhảy nối tiếp nhau, hết tốp này đến tốp khác.

Những cảnh đẹp đẽ, vui tươi mở ra ở trong sân trường và ngoài đường kia chiếu sáng luôn luôn vào mắt tôi hàng giờ mỏi mệt và nặng trĩu vì màu tường vôi vàng cặn và mùi nền gạch hôi hám.

Trừ nửa giờ ra chơi, một ngày năm giờ học là năm giờ quỳ sau bảng. Và từ đấy đến kỳ nghỉ hè dài hơn hai tháng nữa. Trời! Đầu gối quỳ hơn hai trăm giờ có lẽ thành chai và ê ẩm hàng năm chắc!

Tôi rất khinh thường những sự đau đớn về xác thịt ấy. Nhưng mỗi lần tôi quay nhìn vẻ mặt thản nhiên của thầy giáo, sự phẫn uất lại kết thành khối đưa lên chẹn cổ tôi... Rồi ở khắp mạch máu tôi lại như có những sinh vật gì mơn man, làm cho bồn chồn, bứt rứt. Nếu ý quyết bất phục và phản kháng thầy giáo mạnh mẽ hơn chút nữa, tôi sẽ đứng ngay dậy, vứt cặp ra đường, hất hàm đi ra khỏi lớp.

Vô lý! Thật vô lý! Từ hôm tôi bị quỳ, những bạn tôi dù không thuộc bài, dù bỏ làm bài hay chỉ làm bài chiếu lệ, đều chỉ bị mắng nhiếc vài câu. Hình như thầy giáo tôi muốn dung túng cho những kẻ ấy để tỏ rằng chỉ có những tội hỗn láo của tôi mới đáng trừng phạt, và thầy giáo không phải là người cay nghiệt, trái lại, rất dễ tha thứ, có lòng thương mến tất cả bầy trò nhỏ biết sợ

hãi kính trọng mình.

Tôi còn ý nghĩ này, không biết có đúng không: Thầy giáo tôi còn có chủ tâm muốn gây ra giữa chúng tôi những sự ghen ghét. Một đằng tức tối căm hờn thấy kẻ khác có lỗi được tha thứ, một đằng ghê tởm ruồng bỏ thằng bạn ngỗ ngược bị người trên trừng phạt.

Tôi càng phẫn uất thấy bạn học cùng lớp một ngày một cách xa tôi. Cả mấy thằng lêu lổng, lười biếng xưa kia vẫn đồng tình với tôi ngấm ngầm phản đối thầy giáo vì thường bị phạt. Chúng như tự kiêu được thấy một kẻ bị khinh miệt và đẩy xuống một địa vị thấp kém hơn chúng.

Lòng tôi đã thắt lại những lúc bao nhiêu tiếng cười khoái trá cùng cất lên vì một câu trả lời ngộ nghĩnh của anh học trò lơ đễnh hay dốt nát. Vì, trong khi vui cười ấy, lắm kẻ che miệng trông tôi một cách hết sức tinh quái như bảo nhỏ rằng:

- Hồng, về chỗ ngồi đi, rồi cười góp với chúng tớ chứ.

Và, có đứa lại hỏi mát lúc tôi ra chơi:

- Ban nãy mày có buồn cười không hở Hồng?

Hoặc trêu chọc tôi với những câu an ủi đãi bôi:

- Mày bị quỳ từ hôm thứ hai nhỉ? Bốn hôm rồi, tội nghiệp.

Cũng may mà thằng nói câu ấy có một vẻ mặt không đáng ghét nếu không tôi chẳng cần nghĩ ngợi gì mà không cám ơn nó bằng một cùi tay vào sống mũi.

Chiều hôm thứ bảy, chưa một giờ tôi đã có mặt ở trường. Nằm trên bãi cỏ, dưới một bụi râm bụt và một gốc bàng, hai tay khoanh sau gáy, mắt lim dim,

tôi ngửa mặt trông lên vòm trời bao la như bằng thủy tinh xanh phớt. Ba năm trước đây, hồi còn học lớp tư, đã không biết bao nhiêu lần, tôi đến trường học sớm như thế này. Cũng trong bóng mát của bụi râm bụt này dạo ấy còn bị tôi chồm lên bíu lên cả ngọn và dìu xuống kéo sát mặt đất những cành to nhất. Tôi yên lặng nằm, để tâm trí theo những làn mây trắng bồng bềnh tan về một phía trời.

Gió thổi vù vù... Bướm say hoa trong ánh nắng.

Trong khoảng thời gian đó, chim chóc thôi không nhảy nhót. Chỉ còn tiếng xào xạc của bãi lau vàng ở đằng xa, bên kia sân, vẳng tới. Sự sinh hoạt của cả một thành phố phồn thịnh như ngừng trệ.

Tôi lại sống lại với bao nhiêu kỷ niệm của những năm học trước cũng vào mùa hè này. Chính ở bãi cỏ, bụi cây và góc trường này đã chứng kiến bao nhiêu cuộc vui chơi của tôi. Đặc biệt là những cuộc bày trận của lớp chúng tôi, một lớp nghịch nhất, và bàn chúng tôi là bàn hăng nhất. Cũng những buổi đến sớm như buổi này, tôi cũng chúi vào giữa bụi cây đây vừa tránh nắng vừa chờ giờ mở trường.

Sự yên lặng khoáng đãng lúc đó rất hợp cho sự suy tưởng của một anh học trò chưa quá mười tuổi đang đặt mình vào địa vị một ông tướng cầm đầu một toán quân tàn trước sức tấn công ghê gớm của quân thù.

Tôi, ông thống soái tí hon ấy, lúc bấy giờ trằn trọc loay hoay nghĩ các cách chiếm cứ thành trì của địch quân ở góc trường để cứu lấy mấy người tùy tướng can đảm, và cướp lấy lương thực khí giới.

Một bãi chiến trường cát bụi lầm diễn ra trước mắt tưởng tượng của viên thống soái kia. Và, bên tai y, vang dậy tiếng reo hò ầm ĩ của hai đám quân cảm tử giáp chiến, đâm chém nhau bằng các cành cây râm bụt, các cây lau, các cành xoan tây với tất cả say sưa trong ánh nắng gay gắt, trong cát bụi

nồng nực, trong cái tính khí quật cường sôi nổi. Ba năm qua... Những ngày vui náo nhiệt ấy không còn nữa! Tôi lớn lên mấy tuổi.

Hai khóe mắt tôi bỗng mọng lệ. Tôi hơi nghiêng mặt đi để nó cùng rớt xuống gò má. Thứ nước mằn mặn ấy rỉ ngay vào miệng tôi. Sự chua chát của những ý nghĩ phiền muộn, phẫn uất càng nồng nàn. Và, mắt tôi mờ dần sau một màng ướt át dày đặc. Những cái thở nóng ran dồn dập đưa mãi lên đến cổ họng tôi.

... Tôi trở mình, nằm sấp mặt lên cánh tay phải.

Từ hôm bị phạt quỳ đến nay là năm hôm, đến phút giờ này tôi mới thấy cơ cực đau đớn đến thế. Vì bao nhiêu hy vọng được tha đã tiêu tan cả rồi, ban sáng, tôi đứng chực ở cửa sau lớp, chờ thầy giáo đến để xin lỗi - tôi nhận rằng tôi có lỗi - và xin được về chỗ ngồi học, thì thầy đã quay mặt đi chỗ khác, hồi lâu mới hất hàm nói với tôi:

- Không bao giờ tao đổi lời! Mày muốn quỳ hay ở nhà tùy ý.

Đoạn, thầy làm thinh bước nhanh vào lớp.

Không! Tôi không thể chịu đựng sự nhục nhã lâu hơn được nữa! Một ngày quỳ năm giờ, tôi tưởng đầu gối ê ẩm sẽ quen đi, ngờ đâu chiều hôm thứ tư, tôi thấy chói nhức không thể nào chịu thêm được. Khi trống ra chơi đánh, tôi đứng dậy, phải nắn bóp một lúc mới khỏi loạng choạng.

Tôi căm hờn và lo nghĩ tới hơn sáu mươi ngày đằng đẵng, phải quỳ ở góc tường hôi hám, sau cái bảng xoay mà màu đen của nó một giờ một đè nặng lên tâm trí tôi với những cảm giác mỏi mệt, chán nản như lượt hắc ín bám chặt lấy tấm cửa đề lao.

Tiếng ve sầu lanh lảnh càng rướn cao. Trong làn không khí oi ả của trưa hè bỗng nổi lên, nhí nhảnh thấp thoáng, tiếng hót ríu rít của một đàn chim

khuyên bay chuyền ở những cây bàng chỗ tôi nằm.

Chợt một làn gió cuốn nhanh bụi về phía tôi. Tôi vội nhắm mắt lại. Mi mắt vừa chớp xuống, nước mắt tràn ra ngay. Nhưng khi tôi mở to mắt ra, cái màng nước đọng ấy vẫn còn mong manh. Tôi liền đưa cánh tay áo gạt đi.

Tức thì một thác ánh nắng ở trên trời rào xuống. Tôi có cái cảm giác trông thấy muôn vàn cành hoa cánh bướm phấp phới trong đám bụi vàng bụi bạc và trong ánh sáng ngời của pha lê chói điện.

Lại một làn gió khác... lại một làn gió khác...

Tiếng xào xạc trong các chòm sấu, các tán bàng và bãi lau rộng cất cao mãi lên.

Bầu trời xán lạn sâu thêm, rộng thêm, muốn kéo vút ngay người nhìn lên các cõi xa thẳm vô cùng tận.

Trống trường lần thứ hai bỗng nổi dậy. Một loạt tiếng rào rào ran lên rồi lịm dần.

Một cảm giác lạnh rợi bỗng chạy suốt sống lưng tôi. Như có một bàn tay bằng thép mỏng vuốt từ đầu xuống gáy tôi rồi móc vào xương quai xanh tôi để kéo tôi vào hàng học trò xếp dài ở sân: cái bàn tay của thầy giáo tôi đã dúi tôi vào cái góc tường hình phạt và không bao giờ nhấc cho tôi lên nữa. Tôi vùng đứng dậy, mê man, chạy như biến ra đường...

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Bước Đường Viết Văn

### I. CẢNH KIẾM SỐNG BAN ĐẦU VÀ CÁI HÒM SÁCH "CON TIN"

Thế là mẹ con tôi lại ra Hải Phòng. Lần này không phải đi thăm thú như lần trước, mà sẽ sinh sống ở đây, tìm con đường sinh sống ở đây. Tôi nao nức và cũng bùi ngùi vô cùng. Đồ đạc, tiền của vốn liếng chúng tôi chỉ có cũng như hầu hết những người tha hương cầu thực khác. Đôi chiếu nằm, cái nồi thổi cơm, một rổ con bát đĩa, một thúng đựng quần áo và các thứ vặt. Riêng tôi có một cái hòm.

Hòm đựng toàn sách báo. Cuốn quý nhất là cuốn tự vị tiếng Pháp in bán không hiểu từ năm nào của cha tôi để lại. Ảnh trong sách, ô tô cao lênh khênh như cái nhà táng, còi bằng nắm cao su lắp ở ngoài cửa. Xe lửa thì như cái xe hồ lô lăn đường. Còn tàu thủy chạy bằng guồng. Tôi đã dùng nó suốt mấy năm đi học, từ lớp nhì năm thứ nhất, lớp nhì năm thứ hai đến lớp nhất, rồi tốt nghiệp, bìa đã long, gáy đã nát, nhiều tờ đã rách. Vậy mà không hiểu mẹ tôi đã tính toán ngẫm nghĩ sao vẫn cứ giữ lại trong khi tôi đi tù và bà nội tôi già yếu ốm chết, nhà đã phải đi vay mượn các nơi các cửa, và bán đi nhiều thứ để lấy tiền gửi gắp cho tôi.

Tôi ở Phúc Yên, hết hạn tù ra lên dinh công sứ lấy giấy về quê quán, tên phó sứ thấy tôi vừa trẻ vừa nói được tiếng Pháp đã cho tôi hai đồng và bảo muốn tôi làm cho nó, làm bé con phụ bồi, bếp nhưng tôi không nhận.

Khi tôi đi tàu về quê, không hiểu vì mừng rỡ hay vì đã đưa món tiền đó cho mẹ tôi thắt vào lưng, mà tôi không ăn xu bánh quà nào cả. Đến Hà Nội

cũng vậy. Mặc dầu tôi lại đi chơi các phố, các đường. Tôi vào cả chợ Đồng Xuân, quanh không biết bao lần hồ Hoàn Kiếm, Hàng Đào, Hàng Buồm, nhà ga, Gô Đa, Tràng Tiền, Bờ Sông, Bến Nứa... Nhưng đến hôm thứ ba thì tôi bảo mẹ tôi đưa tiền cho tôi. Mẹ tôi đã hỏi đi hỏi lại tôi lấy tiền làm gì. Tôi chỉ bảo mẹ cứ đưa để tôi xem có sách gì cần mua thì mua. Tôi đã lấy lại cả hai tờ giấy bạc mới nguyên ấy, và mẹ tôi ngần ngại có ý dặn dò can ngăn tôi. Bà cũng định đổi tiền để bớt lại mà không dám!

Từ nhà người anh họ tôi ở đường Quan Thánh xuống Bờ Hồ, tôi đã đi như mê. Và tôi càng như mê hơn khi mua sách xong. Tôi mua hết cả hai đồng. Có những cuốn ngày xưa ở Nam Định, ngày ngày tối tối tôi đã ngắm mãi trong một hiệu sách nổi tiếng nọ. Có những cuốn tới đây tôi mới thấy đề tên ở sau bìa. Nhiều nhất là thơ của những tác giả tôi đã học bài hay được nghe các bạn học lớn tuổi, các nhà văn thời bấy giờ ca tụng. Văn xuôi, ngoài mấy cuốn truyện của Chateaubriand, Alphonse Daudet, còn là của Jean Jacques Rousseau, Voltaire, Diderot... dùng làm sách giáo khoa sau đây tôi phải tra cứu tự vị hết sức cực nhục mới hiểu được rất đại khái. Sở dĩ tôi chọn những sách của ba nhà văn trên này là để rồi đây mình sẽ có thể ăn nói với các "lão" học trò thành chung hay tú tài về sức học của mình dù không được ăn học như họ. Lý do thứ hai là để xem xem những tư tưởng lớn xã hội bác ái kia là thế nào mà được thế giới truyền tụng đến thế. Tôi như mê đi còn vì thấy cùng hiệu sách đây, cũng những cuốn sách này, nhưng ở tủ trong kia, ở bàn trong kia có hàng đống sách như thế đã bụi bám vàng ố, giá tiền chỉ có một nửa. Nghĩa là cuốn tôi mua mới phải trả một hào hai, thì cuốn cũ chỉ sáu xu, năm xu. Tôi như mê đi còn vì thấy ngay ở bờ hè phố sau hiệu sách đó, cũng có hàng đống sách cũ của mấy hàng sách đầu đường, giá bán lại chỉ một phần ba!

Chúng tôi đi tàu thủy. Mỗi suất vé một hào. Mẹ tôi phải vừa cãi vừa van xin hàng giờ, và phải mở tung cái hòm ra để phân bua rằng chỉ có sách và là sách học của tôi chứ không phải là hàng hóa gì cả, nên mới được miễn cước.

Lên bến, mẹ tôi lại phải một lần nữa mở hòm phân bua với người soát vé chợ. Rồi khi thuê xe ba gác, mẹ tôi cũng phải diễn lại tấn kịch ấy với người kéo xe. Nhưng lần này, bất kể là sách học hay là nhân ngôn, vỏ nhãn gì, chỉ biết là một hòm nặng, thì cứ phải trả tiền thuê chở.

(Tôi suýt quên! Cả mẹ tôi và tôi còn phải xúm lại giành giật với mấy người phu bến tàu, nếu không sẽ mất tiền khuân vác, trong khi tôi thừa sức vác lấy!)

Chuyến tàu tôi đi ấy về bến sau cùng, chậm đến ba giờ vì tí mắc cạn, tàu của hiệu Khách nhưng đỗ gần bến Tây điếc. Mẹ tôi thuê xe về ao Than Lạc Viên vào ngõ Tây cụt. Sắp đến nơi, xe bị gần như sụn díp, phải dừng lại để xếp lại đồ đạc ở đầu đường Máy nước hai vòi. Người kéo xe lại càu nhàu nhất định bắt phải trả cả hào rưỡi vì cái hòm sách nặng tổ bố thế kia, đường lại xa, mà mẹ tôi khi mặc cả lại cứ bảo đồ đạc chẳng có gì cả! Bác ta chỉ đòi hai hào rồi hạ xuống hào rưỡi, mẹ tôi vẫn không biết điều lại còn đòi bớt ba xu trả có hào hai!

Sau đấy tôi biết quả thật người kéo xe đồ đạc cho nhà tôi đã lấy một giá khá rẻ và chuyến xe cũng khá vất vả. Vì cái xe ba gác của bác là một thứ xe cà khổ quá rồi, không được phép chuyên chở nữa, lại không được cấp biển đồng. Bởi vậy, bác phải đi mua đường, để tránh con đường qua bóp Ngã Sáu của xếp Bảy-mề-đay.

Xếp Bảy-mề-đay không những chỉ ăn phạt mà ăn cả mắm tôm. Cuộc đời dạy học của tôi trong một cái xóm khốn khổ sau này, một phần cũng vì phải trốn tránh tên xếp cút lít Bảy-mề-đay đã thành tinh ở Hải Phòng, ở bên "An Nam" nọ!

***

Chỉ vừa trải xong cái chiếu ra nền nhà và không kịp sắp xếp đồ đạc gì cả,

tôi đã thấy cả một sự lạnh lẽo thê thảm đang đến với chúng tôi.

Ngay từ phút đầu tiên mở cửa gian nhà cho chúng tôi khuân đồ đạc vào, người chủ đã đổi ngay nét mặt, vừa cười một cách rất lạnh nhạt, vừa tiếp chuyện như tra hỏi chúng tôi. Đến bấy giờ tôi mới nhận ra hình như mẹ tôi đã giấu tôi nhiều điều, đã dối tôi nhiều việc. Điều quan hệ thứ nhất và việc cấp bách thứ nhất là chúng tôi chưa có tiền trả trước tháng thuê nhà. Đã thế lại không mượn được giường của người quen là cháu họ của bố dượng tôi, mà mẹ tôi đã nói đi nói lại với tôi nào là người rất tốt, nào ở lâu quen biết nhiều người cũng rất tốt ngoài Hải Phòng, nào là vợ chồng chị ta thu xếp đâu vào đấy cả rồi chỉ chờ đón mẹ con tôi ra làm ăn!

Cả ngày hôm trước, chúng tôi ăn cơm nắm. Đi tàu phải thức suốt đêm. Mờ sáng đến giờ lại phải khuân vác, đi bộ và chạy vạy hết nhà này sang nhà khác. Cứ phải ăn đã. Muốn ra sao thì ra. Chính vì bữa cơm đầu tiên thổi nấu lấy ăn ở nơi xa lạ ấy, mà tôi lại càng thấy buồn thảm.

Tuy có cái cóng để đựng nước, nhưng vì máy ở xa nhà, nước lại hiếm, không thuê ai gánh được, nên nhà tôi phải "vay" nước nhà chủ để vo gạo nấu cơm. Nhà lại chỉ có một cái nồi và một cái rá, mẹ tôi đã lau chau lại định hỏi mượn nhà chủ rổ và xanh để rửa rồi luộc rau, nhưng bố dượng tôi gừ gừ bảo đừng, tranh lấy làm bữa. Ông rửa rau bằng rá vào cái thau sắt đã thủng phải hàn bằng nhựa đường, và luộc rau trước vào cái nồi con để thổi cơm.

Bữa cơm dọn ra cái mẹt. Người đàn ông chủ nhà cứ ở nhà dưới chòm chõm trông lên chúng tôi ăn uống. Chúng tôi chưa kịp thu dọn bát đĩa, y đã lên. Lần này không cười, nét mặt rất đanh lạnh, tiếng nói sin sít, và chỉ nói mấy câu rất ngắn, y bảo chúng tôi tìm nhà khác mà ở, vì y đã nhận tiền của "người ta" rồi. Y nói chính vì nể người cháu bố dượng tôi, nên y đã giữ lại gian này hàng nửa tháng nay, vậy mà đã dọn đồ đạc đến, chúng tôi vẫn chưa nói đến tiền nong gì cả!

... Ba hôm ròng, tuy ở một gian nhà không quá mười lăm thước vuông, với đủ cả những đồ đạc thân thiết và cần dùng nhất của mình, tôi vẫn thấy và càng thấy thê thảm, buồn bã vô cùng. Cả mẹ tôi và ông bố dượng đều đi biền biệt. Nghe mẹ tôi nói thì bố dượng tôi đang đợi sự giúp đỡ của một người em gái có một cửa hàng rất to trên phố. Còn mẹ tôi lại đến với ông anh ruột và người cháu gái của mình. Thỉnh thoảng tôi cũng ra đi, nhưng chỉ được mấy phố hay chỉ một quãng khỏi nhà, tôi đã thấy bã bời cả người, phải quay về.

Nhưng rồi sự quyết định cũng phải đến. Tuần sau, một buổi quá trưa, mẹ tôi ở trên phố về lập cập bảo đã hỏi thuê được nhà gần đấy rồi.

- Ông bà đã hỏi thuê được nhà rồi? Ông bà dọn đi ngay?

Người chủ nhà hầm hầm hỏi mẹ tôi thế. Mẹ tôi vừa "thưa ông vâng ạ" xong, y liền hất hàm:

- Thế ông bà trả tiền cho tôi đã!

- Thưa ông... thưa với ông...

- Thôi bà đừng thưa với gửi gì cả. Bà cứ phải trả tiền nhà cho tôi đã.

Như thấy chưa đủ hiệu lực, người vợ y cũng lên, cũng lạnh, đanh nét mặt, và hất hàm bảo mẹ tôi phải trả tiền nhà đã rồi muốn dọn đi đâu thì dọn.

Tôi chưa biết và chưa thể tưởng tượng ra những phút giây của người tù tử hình chờ ngày lên máy chém như thế nào, nhưng tôi cũng cứ liều ví tâm trạng tôi lúc đó cũng như thế. Rồi tới khi vợ chồng y sa sầm cả mặt, nhận cho mẹ tôi để lại cái hòm sách của tôi, tôi đã như trút được một phần nặng nén. Được vợ chồng y bằng lòng, và giơ từng thứ trong hòm ra để vừa xem xét, đánh giá, vừa để giao hẹn với mẹ tôi, thì tôi thật như bị xẻo thịt.

Thế là tất cả hơn trăm số của mấy năm báo hàng tuần của một người bạn

thân cho tôi mượn vì tin cậy hết mực nọ, và những sách chữ Pháp đều giữ lại cả!

- Thưa ông bà, chỗ sách này cháu vừa mới mua trên Hà Nội, những hai đồng đấy ạ!

- Ôi dào! Sách với vở làm gì bây giờ!

- Còn chỗ báo này...

Tôi không thể nén, nói tiếp lời mẹ tôi:

- Ông bà giữ gìn cho chúng tôi tập báo! Tập báo tuy cũ nhưng có chục bạc bây giờ cũng không mua được.

Người chồng khinh khỉnh không đáp. Trái lại, người vợ chau chau mày, mở mở, nâng nâng tập báo mà tôi đoán rằng mụ ta tinh ý hơn chồng nên cũng biết giá trị thứ "con tin" này.

Mẹ tôi ra ngõ lại mặc cả một xe ba gác. Hai mẹ con lại dọn dẹp, sắp xếp đồ đạc rồi đi theo sau xe.

Hôm đó vào khoảng trung tuần tháng chín năm 1935. Một quá trưa hình như nắng đẹp.

Tới đây tôi xin phép được mở một đoạn ngoặc dài, để chen vào một chuyện ngồ ngộ sau đây tuy không liên quan gì đến ngày ấy cả... Chuyện vừa mới xảy ra tháng 7 năm 1969, tôi ở trên huyện Yên Thế đưa vợ tôi và đứa con gái út lên sáu tuổi về Hải Phòng chơi. Nhân có dịp đi Hòn Gai thăm biển, thăm vịnh Hạ Long và nghỉ mát ở Bãi Cháy, tôi bèn thu xếp cho vợ con đi. Để tiện việc xe cộ, tôi đưa trước cái Bé đến nơi tôi đang làm việc còn vợ tôi sáng mai sẽ thanh thản một mình ra bến xe.

Thoạt nghe được đưa ra chơi biển, tắm biển, cái Bé thích lắm. Nhất là mấy hôm nay vợ chồng tôi lại bàn tính và mấy lần xáo xác chuẩn bị đưa con đi rồi lại thôi. Nhưng nghe đến cơ quan ngủ với bố chứ không cùng đi với mẹ, cái Bé liền xị mặt ra: "Con chẳng thèm đi tắm biển, con chẳng thèm ngủ với bố đâu". Dỗ mãi không được, cuối cùng tôi bảo vợ tôi cứ đưa con ra xe cho tôi đèo. Cái Bé mọi khi được đèo xe chơi phố thì ngồi bám lấy lưng tôi mà cười và chuyện hơn sáo sậu, đến lúc này nó cứ oặt người ra. Rồi bắt đầu đi khỏi nhà là khóc. Ra đến ngoài đường lại càng khóc. Vợ tôi đã mấy lần định đỡ con xuống và nhất định: "Chẳng tắm biển, chẳng nghỉ mát thì đừng, bố nó không phải cái tội mà vừa dỗ vừa đèo xe nó đi như thế!"

Xe đạp phóng thêm. Tiếng khóc càng to, càng nức nở: "U ơi! U ơi! Con không đi đâu! Con về với u cơ! U ơi là u ơi!". Vừa khóc cái Bé cứ quay lại... Hơn hai cây số, xe đi trong đêm, cái Bé cứ quay nhìn về hướng mẹ mà "U ơi! U ơi!".

Ơi! An-phơ-rê Muýt-xê, An-phơ-rê Vi-nhi, Vích-to Huy-gô, Giăng Giắc Rút-xô, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, vân vân trong cái hòm gỗ sách báo "con tin" kia! Đứa bé mười sáu tuổi là tôi ba mươi tư ba mươi lăm năm xưa ấy, cũng vừa bám lấy xe đồ, vừa quay lại nhìn cùng đường. Tuy nó không gọi Muýt-xê ơi! Vi-nhi ơi! Huy-gô ơi! Rút-xô ơi! Thế Lữ ơi! Lưu Trọng Lư ơi!... nhưng nó cũng nức nở và đã giàn nước mắt!

Nước mắt giàn ra trong người nó, nước mắt tê lạnh hơn cả những băng tuyết tê lạnh nhất của trái đất này.

Chuyến xe lần này cũng loại xe cà khổ, nhưng không xộc xệch rúm ró quá như cái xe lần trước. Vừa phần lại chở nhẹ - bớt hẳn một hòm sách báo và một mớ củi to - nên đi khá nhanh. (Hay là cũng tại tôi đẩy mạnh và đi nhanh nữa!) Để xuống ngõ Ông Đồng lùn, xe lại qua đường Máy nước hai vòi.

Tuy đã nghe mẹ tôi nói hai ba lần rồi, tôi vẫn cứ hỏi:

- Nhà tìm thuê được ở ngõ Ông Đồng lùn hả mẹ?

Xe đỗ ở rệ đường. Mẹ tôi vào trước, tôi lần lượt khuân vác đồ đạc vào sau. Nhưng không đợi phải nhận xét tinh hay chuyện trò lâu la gì cả, tôi liền thấy một nguy biến mới lại xô đẩy chúng tôi đi nữa. Vợ chồng người chủ nhà này đã đứng tuổi. Người chồng gày cao, da xanh mướt, môi thâm xịt, giọng nói cứ è è:

- Kìa! Ông nhà bà đã ngã ngũ với tôi như thế nào mà đã dọn đến?!

Trong khi người chồng ngồi chồm chỗm ở giữa nhà, cứ nhìn đi đâu ấy mà hỏi mẹ tôi, thì người vợ - cũng gày rớt, mắt rất sắc, đảo ngược, đảo xuôi mà xét nét từng thứ đồ của nhà tôi:

- Không! Bà hãy cứ xếp đồ ở ngoài sân kia, để tôi còn chờ ông nhà bà về đã.

Thế là mẹ tôi lại giở cái "văn" rất sở trường của mình ra là nói khó, nói như van như lạy, nói như rên như khóc. Không phải chỉ có các trẻ con xúm đến xem cảnh dọn nhà lạ lùng của chúng tôi, mà cả những người lớn ở mấy gian bên, ở các nhà chung quanh. Cuối cùng có một người đàn ông cũng đứng tuổi nhưng trông có vẻ làm ký lục hay bàn giấy gì đó, trầm ngâm bảo chúng tôi:

- Nhà bà với cậu định ra Hải Phòng làm ăn à? Cậu đã đỗ sơ học Pháp Việt rồi? Thôi được, thế thì bà theo tôi sang ngõ Cô Ba chìa, tôi hỏi hộ nhà ông này xem có được không.

Tôi ở lại với đống đồ đạc nhếch nhác. Trời đã xế chiều. Mây xám mây đen vần vụ nhiều hơn. Lác đác có hột mưa. Chừng hơn tiếng đồng hồ sau, người đàn ông phúc đức nọ trở lại. Trông mẹ tôi hớn hở hẳn lên. Mẹ tôi cứ rúm người lại mà lạy người đàn ông nọ và chào vợ chồng người chủ nhà,

chào mọi người:

- Thôi khuân đồ đạc sang ngõ Cấm đi con! Nhà ở ngõ Cấm con ạ!

- Kìa! Kìa! Nhà bà không trả tiền xe tôi à! Phải trả thêm cả tiền tôi gác chờ thêm hơn một tiếng đồng hồ nữa đấy!

Quãng đường chỉ bằng một phần ba lần trước. Người kéo xe đòi thêm bốn xu nữa là một hào tư. Mẹ tôi đếm mãi cũng chỉ có sáu xu. Người kéo xe nhất định giữ lấy đôi chiếu và không chịu cho mẹ tôi và tôi khuân đồ đi. Sau nghe mọi người nói hộ, bác mới chịu cho chúng tôi xếp đồ đạc lên xe để bác kéo đến chỗ mới cho biết cửa biết nhà rồi ngày mai sẽ đến lấy thêm và lấy đúng một hào rưỡi.

Đến nhà được một lúc, trong khi mẹ con tôi khép nép cúi dúi khuân dọn, thì tôi nghe thấy tiếng trẻ con ồn ồn:

- Đấy bà ấy, cậu ấy dọn đến nhà anh Tiểu, chị Tiểu kia kìa!

Tôi choàng người trông ra, vừa giận vừa mừng vừa bàng hoàng. Ông bố dượng tôi đã về, cà lắp, cà lắp gọi trống không mẹ con tôi. Theo sau ông, lại có một người kéo xe ba gác! Đúng là một người kéo xe ba gác! Nhưng xe đó chở hẳn hoi một bó khung và giát giường, và một cái bàn rễnh roãng mọt lung tung, sơn đen nhôm nhoam, một chân đã mọt phải đáp bằng một đoạn gỗ khác. Không đợi ông lên tiếng chào hỏi nhà chủ và mọi người, mẹ tôi gắt lên, và khi ông đưa tay đón giúp mẹ tôi khiêng một thúng bát đĩa nồi chậu, thì mẹ tôi vằng hẳn tay ông đi. Suýt nữa hai người vặc nhau. May có bà chủ nhà cười nói can ngăn mới thôi...

Tiền xe cả hai chuyến thế là mất hai hào rưỡi. Mưa to. Ông bố dượng tôi và tôi mướt mồ hôi mới lắp xong được cái giường. Cái bàn tôi kê lấy. Mẹ tôi lẳng lặng đi vo gạo, nhặt rau nấu cơm. Bữa cơm đã sắp bát đũa rồi mà tôi vẫn

cứ xếp dọn.

Tâm trí da thịt tôi như vừa được gội một lần nước kỳ diệu, dạt dào, sáng láng và hương sắc. Như một ông tướng đang bị vây hãm tưởng đến cùng kiệt, bỗng được viện quân và các thứ lương thực, khí giới đặc biệt, tôi thấy tỉnh táo khỏe khoắn một cách lạ thường. Tôi tiếc sao ông bố dượng tôi không sớm mượn cái giường và cái bàn nọ, dù chỉ là hai thứ đồ đạc cà khổ, để nhà không phải chịu tất cả những cái đau, cái nhục từ hơn tuần lễ nay cho tới giờ phút gần đây!

Gian nhà của ông bà Tiểu chật hẹp hơn gian nhà trên ngõ Tây cụt. Chỉ có một cửa ra vào lắp cánh liếp và một cửa sổ gỗ độ hơn mười gang tay. Cửa sổ trông ra một vũng nước đen ngầu bọt, một chuồng lợn ngập ngụa phân tro và một nhà xí. Cái bàn mọt đáp chân tôi nhận phần kê bên cửa đó. Trên cái bàn này tôi đã viết những truyện ngắn đầu tiên rồi cả tiểu thuyết đầu tiên.

***

Ngay sáng hôm sau tôi đã ra đi. Tôi đi tìm việc. Tôi phải có việc làm để sống. Nghĩa là trước mắt để có tiền trả tiền thuê nhà, trong khi mẹ tôi phải chạy ăn, rồi để tôi có thể lại tiếp tục học. Học trưa, học tối. Học bất kỳ thầy giáo nào. Học một tuần lễ hai ba buổi trưa hay chỉ mỗi buổi tối. Cùng quá thì học hàm thụ. Còn làm việc, tôi sẽ làm bất cứ việc gì... Trừ ăn mày, ăn cắp, làm mật thám, đưa gái, tay sai cho những kẻ quyền thế, ăn gian nói dối, vu oan giá họa, ăn cướp cơm chim, bòn nhặt những đồng tiền mồ hôi nước mắt, xương thịt máu mủ của các người nghèo khổ khác!

Tôi ra bến tàu to Sáu Kho. Tôi sang nhà máy Xi măng, sở dầu Thượng Lý. Tôi chầu chực ở cổng các nhà máy Cốt phát, Máy tơ, Máy chỉ, Máy ống, các hãng chuyên chở hàng hóa, các bến ô tô, tàu thủy, các kho hàng, các cửa hiệu, các tràn than, lán củi. Tôi đến tất cả xóm ngõ, đầu đường, nơi đi về đông đúc của phu phen thuyền thợ, để nghe ngóng hỏi han. Có ba nơi tôi hay

đến nhất là: Sáu Kho, đầu cầu Hạ Lý, và vườn hoa Đưa người.

Sáu Kho - cái bến cảng to thứ hai của Đông Dương, cảnh vật và những sự việc đặc biệt của nó giằng gịt lấy tôi trong những ngày ấy, tôi xin phép dành lại ở chương sau.

Cầu Hạ Lý còn gọi là cầu Gióp, tên một tướng Pháp được phong thống chế trong Đại chiến thứ hai. Dòng sông vừa hẹp, vừa nông, vừa ngắn. Tất cả cống của mấy khu chợ, phố xá và nhà máy ở hai bên đều đổ ra đây. Tất cả rác rưởi, với những cọc, những xích, những gầu sắt, những chân vịt, những ống khói, những dây thép gai... không còn rõ từ năm nào cứ giăng giăng lập lờ, lởm chởm lẫn với bùn sông. Rồi các thứ nhà nát làm trên cọc, dưới gầm cầu, trên miệng cống cứ chi chít bám lấy hai bờ sông cùng các thứ tàu, boọc, sà lúp, sà lan, thuyền, xiệng ọp ẹp, rệu rạo, sập nát.

Nếu không có nước triều thì con sông sẽ là một bể bùn rác lúc nhúc các thứ hoạt động của người ta, từ việc quai búa, chặt tôn, đóng đanh, cạo gỉ, tiện, cưa, hàn, đúc, khuân sắt, vác gạo, đội than... đến sự tranh cướp nhau mua bán, ăn uống, hát xướng, cờ bạc, đĩ bợm. Còn ở giữa khu Hạ Lý hoàn toàn là hai dãy nhà chứa và hàng cà phê, hàng phở, tiệm hút.

Qua khu này và qua cái cầu sắt gọi là cầu Gióp ấy, hàng ngày đi về các thợ thuyền phu phen, đông nhất là của nhà máy Xi măng. Chao ôi! Những lớp lớp tầng máy, tầng lò xi măng với những làn khói tỏa ra mịt mùng, và những con tàu nguy nga, những cột buồm chót vót ngoài hải cảng kia, càng tấp nập, giàu có vui lạ bao nhiêu, thì càng làm tôi mệt mỏi thất vọng bấy nhiêu, những khi đi rạc cả người, ngồi rũ trên bờ hè, dưới gốc cây mà nhìn người qua kẻ lại mải miết, xe cộ tung bụi, rít còi.

Vì vậy vườn hoa Đưa người là độ nghỉ cuối cùng của tôi.

Cả những vườn hoa của Hải Phòng cũng đặc biệt. Từ vườn hoa bến tàu

Tây điếc, vườn hoa Chéo, vườn hoa Sông Lấp, vườn hoa Nhà kèn đến vườn hoa Đưa người, không một vườn hoa nào có lấy một luống hoa hay một bờ cỏ xanh tươi. Đây, nếu không bỏ hoang, bỏ trụi, thì cũng chỉ có những cây cơm nguội, những cây bồ kếp dại hay những cây dái ngựa.

Ở vườn hoa Đưa người, nền đất khô đanh như xi măng, rác rưởi ngập ngụa, cứ quãng quãng dưới những cây bồ kếp dại lại có một chiếu thầy bói, thầy tướng, cô đồng. Và các đám người lớn, trẻ con, đàn bà, con gái. Ốm yếu vàng vọt cũng có, khỏe mạnh lanh lẹn trai lơ cũng có. Quê kệch hâm hấp cũng có, lần đầu tiên ra tỉnh cũng có. Nay nhà này mai cửa khác, trên Hà Nội xuống, ở Nam Định ra, ngoài Hòn Gai, Cẩm Phả về cũng có, vừa ăn cắp vừa làm đĩ cũng có. Tất cả tụ tập sống vất vưởng dưới quyền mấy con mụ làm nghề đưa người.

Cố nhiên là chúng không chỉ đưa người đi làm con sen, làm vú già, vú em, thằng nhỏ, thằng bếp, kéo xe, vân vân. Và cố nhiên không phải chỉ ở đất Hải Phòng. Nghĩa là nếu có "khách" ở trên đường ngược xuống, hay ở các lán, các trại, các đảo về tìm người, thì những trẻ con, đàn bà, nhất là con gái kia, đều thành hàng hết! Phải! Nếu tôi không có cái gương mặt và những điệu ăn giọng nói và những cử chỉ mà ai muốn nhìn thế nào vẫn cứ thấy "nó" là học trò, thì tôi cũng sẽ ngồi bệt xuống với đám người kia, để người ta hỏi thuê mình và để mấy con mụ chào khách đặt giá mình vậy.

Tôi đến đây, những buổi trưa nhà không thổi cơm. Tôi đến đây những buổi chiều đi chầu chực các nơi không được việc gì cả, tâm trí cũng như xác thịt mỏi rã mỏi rời. Tôi đến đây, những buổi tối, cơm chiều không có, đèn nhà hết dầu, trong người buồn bã đau khổ vô cùng, lại thấy chỉ còn cách ra đi lang thang.

Chợ vườn hoa Đưa người còn trông xuống sông Lấp, mà một bên bờ có khu nhà thương và khu đề lao. Cũng từ trong những đám người chầu chực đi ăn đi ở dưới những gốc cây gai góc nọ, tôi thường trông ra đường đón xem

những chuyến xe chở vội những xác chết vô thừa nhận và những đám tù giải đi xử án.

Chao ôi! Lại những người tù! Lại những tù bị xích tay từng dây, đi như chạy, cũng lại có cả những người mặt mày hốc hác võ vàng, những người tợn tạo đanh đá, những người ngơ ngác mụ mẫm, và những người mặt đầy sẹo băm sẹo chém, trông có vẻ uống máu người không tanh. Nhưng mặc dù khác nhau một cách rất lạ lùng, tất cả vẫn thấy sao mà xanh xám, tối tăm, như không còn là người đang sống, mà là những hồn ma, bóng quỷ nào đang bị một sức tàn phá khủng khiếp xô cuốn đi, - một sức mạnh của sự cai trị quyền hạn tuyệt đối và cũng nhẫn tâm độc ác tuyệt đối.

Tất cả những buồn thảm trĩu xuống tâm trí tôi ấy mỗi ngày như một đen một đặc lại. Và càng đen đặc lại bao nhiêu lại càng làm tôi càng khao khát cái khoảng trời sáng kia. A! Cái khoảng trời sáng trong những lúc tôi tưởng xác thịt và tâm trí mình đã sập xuống, ngập đi, thì lại thấy nó trong ngần, tươi mát, thắm ngát, vời vợi... Cái khoảng trời chỉ có tinh thần là bay lên được, và chỉ có gội và thở với khoảng trời này thì mới còn tình yêu, sức sống, mới thêm tình yêu, sức sống.

Nghĩa là tôi phải học, phải học. Nếu như sự đói khổ của tôi là một, thì tôi phải học gấp đôi. Cứ thế, chỉ có thế. Không có tiền học thầy dạy thành buổi hẳn hoi cũng như không có tiền học hàm thụ, thì tôi tự học, tìm các cách để có sách báo mà học, mà đọc. Chính vì phải lấy sách báo thay cơm, và đọc sách báo không những chỉ thay sự ăn uống mà còn thay nhiều thứ, thêm cho mình nhiều thứ, nên tôi càng cồn cào da diết khi nghĩ đến cái hòm sách để làm con tin ở ngõ Tây cụt. Ngoài mấy cuốn được vợ chồng lão chủ nhà chiếu tình bớt lại, như là cuốn tự vị đã cũ nát với tập vở làm luận Pháp văn năm xưa mà tôi đã thấy ngây ngô xoàng xĩnh quá chừng, tôi còn giữ lại được tập báo Bạn của tuổi trẻ hiếu học (1)cũng mua từ năm xưa, tôi đã nghiền đến ngấy rồi phần làm văn. Bởi vậy càng thấy không thể mượn được ai, không thể tìm đâu

ra thêm sách, tôi lại càng như sắp phát cuồng vì nhớ tiếc và lo lắng cho cái hòm sách báo của tôi.

---

(1) Amis de la jeunesse studieuse.

Một buổi trưa mẹ tôi về chợ sớm hơn mọi hôm. Vừa lấy ở rổ hàng ra túm gạo, mấy mớ rau và dúm mắm kiếm được thường nhật, mẹ tôi vừa líu ríu bảo tôi.

- Chiều hay tối xuống nhà bác giáo T., bác bảo gì đấy.

Tôi như chưa nghe ra câu nói của mẹ tôi. Mẹ tôi phải nhắc lại lần nữa. Tôi bèn hỏi:

- Xuống làm gì hở mẹ, có việc gì đấy mẹ?

- Việc gì thì việc, bác gọi cứ xuống xem...

Bác T. là anh em cùng cha khác mẹ với mẹ tôi. Bác mở một trường tư. Trường của bác là một trong những trường nhỏ và lâu năm nhất của Hải Phòng. Hễ ai có con cháu nghịch ngợm và đã qua không biết bao nhiêu trường mà càng học chữ càng như nước đổ đầu vịt, thì người ta mách cho trường Saint Antoine. Một ông giáo đã có tuổi, sáng dạy là đọc kinh rồi đi lễ nhà thờ; chiều cũng phải đi "chầu" rồi mới về ăn cơm; ăn cơm xong lại đọc kinh rồi ngủ ngay chập tối. Cả ông bà và ba cô con gái không bao giờ thấy đi chơi ngoài đường, không bao giờ nhòm ngó đến cửa rạp chiếu bóng, rạp hát. Cả ông bà và ba cô con gái cũng không bao giờ thấy ăn một bát chè, một bát vằn thắn, hay cháo thịt ở hiệu cao lâu. Trong nhà, ngoài hai buổi dạy học, gần như không bao giờ thấy ông nói to tiếng. Trong nhà, ngoài hai buổi học, cũng lại gần như không bao giờ có tiếng cười, đặc biệt là tiếng hát, mà chỉ thấy triền miên rền rĩ tiếng cầu kinh và tiếng người lầm thầm ăn năn tội:

- Giê-su-ma! Lạy Chúa tôi! Để cho thầy đọc kinh chứ!

- Giê-su-ma! Lạy Chúa tôi! Để cho thầy nghỉ chứ!

- Giê-su-ma! Thầy đang đấm ngực kêu Giê-su-ma kia kìa!

Hoặc người vợ xuýt xoa gọi bảo các con cái. Hoặc các con cái nhăn nhó xuýt xoa gọi bảo nhau. Tuy khi ấy, trước một bàn thờ bày biện và treo không biết bao nhiêu thứ tượng ảnh, ông chồng mặt mày như thiếp đi vì buồn rầu suy gẫm các tội lỗi của mình. Từ tội tổ tông tuyền đến tội vẫn chưa răn bảo được con cái làm theo đúng như điều Chúa dạy, hay là tội của mình và nhà mình vẫn chưa thật là gương mẫu đạo đức với chung quanh...

Trường Saint Antoine của bác giáo T. tôi ở ngõ Cố đạo. Ngõ gọi tên như thế không phải có những cha Tây cố đạo ở, mà là ngõ của cha cố làm nhà cho người ta thuê ở, cũng như bao nhiêu ngõ khác với những tên như ngõ Xà Ích của một chủ người Ấn Độ, hay ngõ Hàn Điềm, ngõ Tham Thuật, ngõ Thông Vôi, ngõ Ký Bưởi, ngõ Lý Đàn, ngõ Bà cai He, v.v...

Thánh An-tong tên trường là tên ông thánh quan thầy của bác T. Mà bác T. tôi như sinh ra để được đặt với tên ông thánh ấy. Vì người bác cũng cao cao nhàng nhàng, trán cũng hói, đỉnh đầu trụi bóng, và trước ngực không bao giờ rời cỗ tràng hạt...

Buổi chiều hôm đó rồi sáng sau đi đường, tôi không thể nào không thấp thỏm. Bác T. nhắn mẹ tôi gọi gấp tôi có việc gì đây? Cố nhiên là không phải bác tôi sẽ cho tôi tiền hay sẽ nuôi nấng tôi ăn học. Cho dẫu thực có việc thứ hai này, thì tôi cũng không dám nhận. Vì tôi không thể ăn ở, nghĩa là không thể nào sống được cái không khí sớm đọc kinh, trưa đọc kinh, tối đọc kinh, sáng đi lễ, chiều đi chầu, và phải giữ gìn ý tứ khổ hạnh quá đi tu ấy. Hay bác đã xin được chỗ làm việc cho tôi, và chỗ làm việc này đang có nhiều người cầu cạnh chạy chọt, nhưng vì bác tôi có uy tín là một người ngoan đạo nhất

tỉnh nên tôi mới được?

Giời ơi! Nếu đúng như thế thì tôi phải gọi cái ngày hôm nay, cái ngày thứ nhất tôi có công ăn việc làm này là ngày gì, là ngày thế nào của đời tôi?!

... Phải! Tôi đã đi làm. Tôi làm cho bác T. Tôi dạy học cho bác T. Nhưng không phải là những học trò từ lớp một đến lớp ba như bác và người con gái lớn của bác dạy, mà là một ông... ông chủ nhà in, người Hoa kiều.

Ông học trò của tôi đeo kính trắng gọng vàng. Người béo lớn, mặt trắng trẻo đầy đặn, trông vừa hiền vừa dễ dàng và cũng vừa xét nét nghiêm trang. Quần áo tây rất sang, sang nhưng không phải là đẹp, là biết diện. Ông nói tiếng ta rất chậm và ngọng. Ông học tiếng Pháp và chữ tiếng Pháp. Nghe hai bác tôi giới thiệu và dặn dò các điều về tính nết ông và việc dạy ông, tôi được biết ông là con một chủ nhà in không to lắm nhưng có tiếng là lâu đời ở Hải Phòng, chuyên nhận các quảng cáo, sổ sách công việc của thành phố. Trước đây ông đã học bác tôi. Nghỉ học từ lâu rồi lần lần thay cha quán xuyến các công việc, giờ ông muốn giao thiệp rộng và ăn nói trực tiếp với các khách hàng người Pháp, nên ông lại đến nhờ bác tôi. Bác tôi phần vì yếu mệt không thể dạy thêm một lớp buổi trưa và lớp ấy chỉ có một người, phần vì thương tôi đang thất nghiệp nên cho tôi dạy thay.

Tôi đã dạy ông học trò Hoa kiều chủ nhà in ấy! Tôi dạy ông viết ám tả chữ Pháp, làm luận Pháp văn, đọc và nói tiếng Pháp. Tất cả cái vốn sơ học về tiếng Tây của tôi và tất cả những gì là tinh túy giỏi giang của tôi, tôi đã phải dốc vào các bài soạn lấy, từ ám tả, luận, tập đọc và vấn đáp cho hợp với ông học trò trang trọng, quý hiếm lạ lùng của tôi này.

Dạy buổi trưa, nhưng bao giờ tôi cũng soạn bài từ chiều hôm trước. Có những bữa mẹ tôi không kiếm được gạo mà ông bố dượng và tôi ở nhà cũng không vay được gạo, tôi lại nhịn đói ra đi. Để đẹp mặt cả cho mình, bác T. đã cho tôi đôi giày "giôn" cũ của bác. Quần áo vẫn là cái bộ tôi thường mặc để

đi tìm việc, nay phải giặt thật sạch gấp lót xuống đầu giường để lấy nếp và chỉ mặc khi đi đây đi đó. Tay cắp đệp sách vở lềnh kềnh, đầu chải mướt nước lã, quần áo có vẻ là hẳn hoi, giày "giôn" đánh bóng,... tôi đi trên đường phố thấy lắm lúc như đi trên mây và đi giữa những hào quang.

Mấy hôm đầu tôi trằn trọc gần suốt đêm. Bao nhiêu viễn tưởng rực rỡ cứ nối tiếp nhau mở ra trong tâm trí tôi. Thế là từ tháng này tôi sẽ có lương có tiền. Số lương này, món tiền này chưa biết là bao nhiêu. Ô! Sao không thể được sáu đồng hay năm đồng. Một mình học nguyên một lớp cơ mà... Và là một lớp cả buổi trưa... mà là học toàn là tiếng Tây... mà là ông chủ một nhà in... Ừ thế nào cũng được năm đồng! Ví như tôi có tiền và được học kiểu này, tôi sẽ nhất định trả người dạy mình còn hơn thế. Không thì mèng ra cũng được bốn hay ba đồng. Chao ôi, bốn hay ba đồng cũng ghê gớm đấy! Tôi sẽ đưa cho mẹ tôi hai đồng để thêm vào làm vốn chạy gạo, còn một đồng tôi sẽ trả tiền học hàm thụ. Trả các thứ cước phí, còn thừa mấy hào sẽ mua một cuốn sách mới gì đó. Một tháng, rồi hai tháng, đến tháng thứ ba, tôi sẽ xin lại mẹ tôi một đồng để may một cái quần chúc bâu, và tháng thứ tư thì phải mua một cái mũ "li-e-dơ" kẻo cứ đi đầu trần dù là đầu được chải chuốt trông vẫn không được! Bốn tháng rồi năm sáu tháng... Nếu thật tôi dạy giỏi, nếu thật học trò tiến bộ, thì tôi sẽ nói với bác tôi ướm lời hỏi ông ta xem nhà in ông có lấy thêm người làm không. Nghĩa là tôi sẽ xin làm công cho nhà in và vẫn dạy ông ta.

Cố nhiên là tôi dạy mà không dám lấy tiền học!

- Lại tính toán bần tiện kiểu ăn mày ăn nhặt rồi! Có chết đắm thì đắm sông đắm biển, chứ đừng đắm đĩa đèn!

Phải! Tôi đã rất giận dữ mắng thầm ngay vào mặt mình như thế khi tôi vừa có ý trên kia. Và tôi lấy hết trí nhớ và tinh thần mà diễn lại những dáng dấp, điệu bộ của những thầy giáo đã dạy tôi những năm tôi học lớp nhì, lớp nhất, và của cả những thầy giáo có tiếng giỏi văn ở trường thành chung dạy

các bạn thân tôi ngày trước mà giảng dạy cũng như chuyện trò với ông học trò nọ.

Đúng một tháng. Đúng ngày 30 hết tháng. Và đúng mười hai giờ trưa, tôi ôm sách vở đến trường Saint Antoine của bác tôi, trong lòng như có hoa nở, chim hót và cánh bay. Tôi mở cửa bước lên gác, ngồi ở tràng kỷ chờ ông học trò như thường lệ. Lạ quá, tôi chợt thấy có một cái gì khang khác. Kim đồng hồ nhích thêm đến gạch phút thứ mười lăm rồi mà ông học trò trang trọng, ít nói, rất đúng mực của tôi vẫn chưa thấy đến. Tôi hơi bồn chồn, rồi từ bồn chồn tôi thấy lành lạnh. Buổi đó giữa trưa nắng mà! Và thật là tôi lạnh toát cả người khi bác gái tôi từ sau tấm màn gió che đi ra, cười cười như một cô đồng định "choàn" "phán" hay ban phát một cái gì đây.

- Hồng! Xuống nhà dưới bác bảo. Khẽ khẽ chứ, bác giai hôm qua lại mất ngủ, trưa nay lại chỉ ăn được nửa lưng cơm!

Tôi bước theo, chỉ chực ngã vập xuống thang gác.

- Hồng! Ông chủ ấy hôm qua đã xin bác cho phép ông ta nghỉ một ít lâu.

Rõ ràng tôi thấy tim tôi bị giật thót, tôi cúi đầu, cổ họng nghẹn nghẹn.

- Hôm nay 30 nhỉ, ông ấy học anh từ hôm mùng 4 nhỉ. Đây... - Bác gái tôi móc túi đưa tờ giấy bạc một đồng như vừa xuất ở két nhà băng ra, cười nói bẻo lẻo hơn... - Bác đưa anh cả một đồng! Thôi bác cũng chả tính toán chi li làm gì, ông ấy trả tháng học hai đồng, bác chỉ lấy tiền bàn ghế một đồng, còn cho anh cả một đồng!...

Bác gái tôi đặt vào tận lòng bàn tay tôi tờ giấy bạc mới. Vẫn vừa cười vừa nói, bác lắc lắc cái đầu vấn khăn xa tanh đen, lóng lánh đôi hoa tai vàng nặng xễ:

- À... còn đôi giày, tôi bảo bác cho anh đấy! Anh đi phải giữ gìn. Đôi giày

đóng năm kia ở hiệu Đại Thành hơn ba đồng, bác chỉ xỏ chân đâu có mấy lần ngày tết...

Tôi ra đi, lại ôm tập sách vở trước ngực. Tôi không biết tính toán suy nghĩ gì nữa (cả cái dự định đi ăn một bát phở tái xách trần ở hiệu Hợp Lợi và uống một cút rượu ngọt hổ cốt ba xu mà tôi nhất quyết sẽ phải thực hiện, cũng bị nhào lấp đi!) Tôi lại đến cái vườn hoa Đưa người. Nhưng tôi không ngồi ở một gốc cây đông người như mọi khi. Tôi ngồi ở cái ghế gỗ đã mất gần hết những thành để tựa, gục mặt xuống đệp sách vở kẹp tờ giấy bạc kiếm được lần đầu tiên trong đời tôi, - tờ giấy bạc trả lương một tháng đi làm của tôi, mà nước mắt ròng ròng...

***

Tôi về nhà. Tôi tươi cười đưa đồng bạc ấy cho mẹ tôi, bảo mẹ tôi đi chuộc ngay hòm sách. Mẹ tôi đã căn vặn hỏi tôi nhiều điều, nào tiền dạy học được bao nhiêu, nào là dám nói hẳn với ông chủ ấy xin việc ở nhà in chưa, vân vân, nhưng tôi chỉ ầm ừ và cười bảo mẹ tôi hãy cứ đi chuộc hòm sách về cho tôi đã. Mẹ tôi tức tốc mặc áo dài, đội nón đi ngay. Khi về mẹ tôi không thuê xe, mà đội, đi bộ. Phần vì mẹ tôi tiếc tiền, năm xu xe cơ mà, phần vì mẹ tôi không còn một xu nào trong người. Hôm nay tất cả vốn liếng của mẹ tôi đã vét nốt để đong gạo, mua rau, mắm ăn bữa chiều. Món tiền dạy học của tôi mà mẹ tôi chờ đợi tính đón từng ngày, không những sẽ làm vốn lần hồi chạy gạo cho cả nhà mà còn là tiền để trả tháng thuê nhà nữa...

Tôi không ở nhà chiều hôm ấy, chờ mẹ tôi đi chuộc đồ về, tôi lại đi lang thang như mọi khi cho đến khuya, và lại rã rời không thể tưởng tượng được. Mặc dầu tôi như mê và chỉ muốn nằm rũ xuống một chỗ nào đấy, nhưng lúc trở về nhà thấy đèn sáng ngụt, hòm sách để giữa bàn và mẹ tôi đang nằm nhỏm dậy cuống quít gọi tôi, thì tôi lại tỉnh hẳn người. Tôi chạy rú vào vồ lấy hòm sách, mở ra, đếm đếm lục tung tóe vừa thét lên...

## II. NHÀ THƠ Ở NGÕ NGHÈ

Phải coi đây là bàn thờ của tôi hay còn quý hơn thế nữa. Cũng ngay sáng hôm sau, tôi kê dọn lại cái bàn bên cửa sổ. Tôi bày tất cả tập báo hàng tuần gồm hơn trăm số và mười mấy cuốn thơ văn chữ Pháp lên bàn với cả cuốn vở luận Pháp văn và cuốn tự vị kỷ niệm cũ kỹ nhất của đời đi học của tôi. Tiếc thay gáy của những cuốn thơ văn chữ Pháp mỏng quá nên tôi không thể bày đứng được. Tôi đã xếp đi sắp lại mãi mới đi đến quyết định bày nằm một số cuốn và để cuốn của Jean Jacques Rousseau trên cùng. Còn cuốn thơ của Victor Hugo và Alfred Vigny thì bày về một phía song song nằm bên nhau. Tập báo ở góc trong. Cuốn tự vị ở gần giữa bàn liền với một cuốn đang xem.

Tôi đã loay hoay mãi để có một lọ hoa, nhưng trong nhà, trừ hai vỏ chai bia, một đựng nước mắm, một đựng dầu tây, còn không có thứ gì là lọ là bình cả! Chả nhẽ lại lấy bát. Ừ, nếu được là bát Đông Thanh hay Nội Phủ, hay Giang Tây thì tôi cũng bằng lòng rồi, nhưng nhà tôi đâu có những thứ đó. Ngay cả lọ mực phải bỏ ra một trinh mua ở hàng chè chai, cũng phải tính toán mãi!

Tôi đọc chưa xong cuốn này đã đến cuốn khác, chưa hết bài này đã sang bài khác. Đọc cả buổi trưa. Càng về khuya, trước ngọn đèn che một nửa về phía giường mẹ tôi nằm, một tay tỳ trán lên, tôi càng lặng người đi mà đọc. Tuy vậy, nhiều lúc tôi phải ngâm khẽ lên thành tiếng để chia sẻ cho trời sao, cho tĩnh mịch, cho cả vũ trụ mênh mông sự dào dạt của mình. Và cũng để kiêu hãnh nói thêm với không gian, thời gian, với sự sống rằng: Có tôi đang học đây! Có một người dù cùng cực vẫn đang đọc sách một cách sung sướng không gì bằng và không ai bằng đây.

Càng đọc, tôi càng dẫn lên một sự kích thích cũng càng ngày càng dữ dội: Viết. Phải! Nếu như tôi phải ăn để sống, thì tôi sống phải học, phải đọc, đồng thời còn phải viết nữa. Nhưng viết gì đây, truyện ngắn, truyện dài hay nghị luận, hay làm thơ? Cái gì cũng thấy là đẹp với mình, là có thể hay được. Nghị

luận sẽ đăng báo, thơ cũng sẽ đăng báo. Truyện ngắn, truyện dài cũng đăng báo. Và cả in sách nữa. Nhưng đăng báo hay in sách, đó là việc thứ yếu, gần như không cần lắm! Cần thiết đối với tôi là tôi phải viết, viết ra thành chữ tất cả những gì chứa đựng, nung nấu, quằn quại, đau xót, và bay bổng và bát ngát của tâm hồn, của suy nghĩ. Viết để mình đọc trước nhất! Viết cho mình đọc trước nhất!

Tôi sẽ viết về những cảnh đói khổ, về những sự áp bức, về những nỗi trái ngược bất công. Tôi sẽ đứng về những con người lầm than bị đày đọa, bị lăng nhục. Tôi sẽ vạch trần ra những vết thương xã hội, những việc làm bạo ngược lộng hành của xã hội thời bấy giờ. Tôi sẽ gánh nhận lấy mọi trách nhiệm, chống đối cũng như bào chữa bảo vệ. Tôi sẽ chỉ có tiến bước, chỉ có đi thẳng. Tôi sẽ chỉ biết có ánh sáng. Và chính tôi là ánh sáng... Chao ôi, thế thì còn gì làm tôi đáng sống hơn nữa? Thế thì còn có hạnh phúc và sự giàu có nào đánh đổi hay so sánh được?

Thế là không những tôi chỉ đọc sách khuya mà còn đi lang thang suốt canh khuya. Tôi vừa đi vừa thì thầm tự nhủ, nhiều lúc vung hẳn tay lên như một nhà hùng biện trước một diễn đàn có tranh luận với hàng nghìn người nghe đứng về phía mình và cũng hàng nghìn người đứng về phía đối lập. Và tôi dang rộng không những chỉ có đôi cánh tay mà còn căng hết ngực lên như để đón để che lấy lẽ phải và sự thật của mình.

Thấy tôi đã không chịu đi đâu hỏi han công việc, cứ hết đọc lại viết, đọc và viết không hiểu những cái gì, bữa ăn có thì ăn, bảo thì ăn, người cứ thờ thẫn lừ đừ và gày rạc đi... Mẹ tôi lại càng rầu rĩ. Và bà cũng cằn nhằn ông dượng vì cả ông này cũng chỉ nằm khàn ở nhà hết ngủ lại hút thuốc lào, trong khi mẹ tôi với cái thúng, cái mẹt chạy từng bữa gạo, phải chầu chực biết bao nhiêu người quen thuộc và bao nhiêu "cửa" rồi. Mẹ tôi động nhắc nhở ông, ông lại bảo họ hàng ông tiếng như tiếng cồng, bè bạn ông toàn những ông nọ bà kia, ông lại biết nghề làm thuốc và có nhiều môn gia truyền rất thần hiệu,

nên ông chưa thể hay không thể hấp tấp và hạ mình cầu cạnh nhận cái sự giúp đỡ tiền nong lặt vặt được!

- Rồi đâu sẽ vào đấy!

Ông thở phào khói thuốc, vừa ho vừa khạc, vừa gắt lại. Rồi ông cũng đi. Cái quần giặt hồ lơ còn gấp nếp cẩn thận hơn quần tôi, cái áo lương treo trên đầu giường lấy xuống xỏ tay như chỉ sợ rách sợ sờn, cái ô đen chải đi chải lại, cái khăn cũng thế, lẹp xẹp đôi giày hạ, ông gật gù cái đầu, khệnh khoạng cái ô ra ngõ, như người đi ăn cỗ hay có chỗ mời mọc đón hẹn nào rất sang trọng... Rồi lúc ông về, vẻ mặt càng trịnh trọng hơn, chẳng nói chẳng rằng gì với chúng tôi, lại hút thuốc lào, lại nằm khàn, lại như không cần biết gì đến công việc nhà cả. Những công việc rồi đâu sẽ vào đấy. Phải, mẹ tôi không thể nào lại không tin tưởng hy vọng một người có những họ hàng tiếng như tiếng cồng, bè bạn toàn ông nọ bà kia như ông đã nói mà lại để mẹ tôi phải thiếu thốn, vất vả mãi!

Cũng lại một buổi quá trưa, mẹ tôi đi bán hàng về - có lẽ là mẻ bánh và buổi bánh cuối cùng vì nhà chủ nhất định không cho mẹ tôi mượn cái xoong nhôm để nấu bánh nữa, mặc dầu ông dượng hết sức lý giải và trình bày các cách để họ tin rằng ông sẽ không làm hỏng làm cháy đồ của họ, mẹ tôi lại lặng lẽ xếp ra chõng nào gạo, nào mắm, nào rau, vừa gọi tôi bảo:

- Anh Lễ anh ấy nhắn mai lên anh ấy hỏi việc gì đấy.

Tôi buông vội sách quay lại:

- Anh Thế Lữ chứ! Anh Thế Lữ nhắn con?

- Phải, phải anh Thế Lữ... anh Lễ... anh Lễ.

- Anh ấy hỏi gì con? Mẹ nói những chuyện gì với anh ấy?

- Tôi chả nói gì với anh ấy. Anh ấy chỉ hỏi: "Cậu ấy dạo này làm gì", tôi chỉ bảo rằng: "Nó chỉ ở nhà đọc sách, đọc sách và viết cả ngày".

- Thế anh ấy nhắn con lên nhà làm gì?

- Nào tôi biết được!

Như sợ tôi không nghe lời mình, mẹ tôi càng nói giọng như than van:

- Thì anh ấy đã nhắn... anh ấy ở Hà Nội chỉ về qua nhà hai hôm rồi lên tòa báo...

Tuy lại quay vào đọc và tự nhủ rằng đây sẽ chỉ là một việc gặp gỡ bình thường thôi, nhưng tôi vẫn không thể tập trung trí nghĩ với những trang sách đọc nữa.

Năm trước tôi đã gặp Thế Lữ. Mẹ tôi đưa tôi đến nhà anh và tôi đã bắt mẹ tôi phải đi cùng như đứa bé lần đầu đến ông thầy học hay như khi chịu lễ lần đầu đến nhà thờ vậy. Cũng may, được mẹ tôi cho biết là có họ với anh, bà mẹ anh mà mẹ tôi gọi bằng chị rất thương mẹ tôi, nên tôi mới có thêm can đảm để quyết định không bỏ lỡ dịp quý báu và hân hạnh vô cùng này.

Hình ảnh thi nhân tác giả những Cây đàn muôn điệu, Tiếng sáo thiên thai và Nhớ rừng, là một trong những hình ảnh lồng bằng hào quang và chiếu gợi vô cùng đối với tôi. Còn hơn cả những thiên thần, những thần tiên, những đấng chúa và thượng đế đã thành kinh thành chuyện mà tôi phải cầu nguyện và đọc đi đọc lại! Mỗi lần ngâm lên chỉ vài ba câu của những bài thơ kỳ diệu nọ, tôi cũng đủ thấy rưng rưng cả người, tâm hồn như chắp cánh và tư tưởng rung chuyển biến hóa dị thường. Cái tên Thế Lữ ấy lại còn làm tôi thấy mình gần gũi với văn thơ hơn cả tên những thi nhân, những văn hào thế giới có các bài các đoạn trích diễn trong các cuốn tập đọc chữ Pháp bắt buộc tôi phải học ở nhà trường. Cái tên Thế Lữ ấy cũng lại còn cụ thể hóa thêm nhiều cảm nghĩ

và sự so sánh của tôi về giá trị và sự nghiệp văn thơ của những tên tuổi được nêu lên lẫy lừng thời bấy giờ.

Chao ôi, nếu tôi chỉ được một vẩy nhỏ trong cái áo choàng hào quang của một người như Thế Lữ, nghĩa là nếu tôi làm được không cần cả một bài thơ hay một tập thơ, mà chỉ mấy câu thơ thôi, được ghi nhớ, truyền tụng như của Thế Lữ. Hay nói một cách khác, làm sao tôi chỉ được trời phú cho một cái vẩy bằng móng tay của tài năng và nghệ thuật như anh.

Vào khoảng cuối mùa hè 1934, tôi thôi học. Mẹ tôi đưa tôi ra Hải Phòng, ra Hòn Gai vừa để chào mấy người họ nội ngoại, vừa để thăm thú tình hình công ăn việc làm cho tôi. Hoa xoan tây vẫn đỏ ối. Đặc biệt đường phố Hải Phòng lại nhiều cây này hơn, và hình như hoa cũng dày hơn, rực hơn.

Ngõ Nghè của Thế Lữ cũng nhiều xoan tây. Trước nhà Thế Lữ là một gốc cây hoa bồng bồng như chồng, như đắp. Tôi không gặp Thế Lữ. Tôi chỉ được chào bà mẹ anh, chào vợ anh và được bà mẹ anh, vợ anh cho nghe mấy chuyện mấy điều về "cái thằng Lễ nhà tao", về "anh Thế Lữ anh ấy..." mà khi viết thư cho một người bạn học ở Nam Định, tôi cũng đã được coi như một nhà du lịch có diễm phúc vừa đi chiêm ngưỡng Kim Tự Tháp về và được đặc biệt biết nhiều cái kỳ lạ của nó trong khi chưa một ai được biết cả!

Thế Lữ cũng mồ côi cha từ sớm. Thế Lữ không những chỉ học chữ rất giỏi. Trong tủ sách ngổn ngộn của Thế Lữ vẫn còn một bức tranh thuốc nước, Thế Lữ họa khi ở trường Mỹ thuật. Nhưng Thế Lữ dù tài đến như thế, được vào cả trường Mỹ thuật rồi mà cũng vẫn bỏ... để làm thơ, làm báo. Thế Lữ đã sống ở Lạng Sơn với bà mẹ. Vàng và máu và Nhớ rừng đã từ những núi rừng bí hiểm xứ Lạng kia viết ra... Mười lăm mười sáu tuổi Thế Lữ đã làm thơ, đã làm sách... Thế Lữ đã... Thế Lữ đã...

Càng nghe chuyện, càng cố ghi nhớ ra và suy tưởng, tôi càng như người lên đồng uống rượu hỏa thang và rửa mặt cũng bằng rượu hỏa thang, rồi ăn

những hoa trái những mứt mật đặc biệt. Tôi ngạc nhiên hơn cả là... Thế Lữ cũng có vợ. Vợ Thế Lữ không những chỉ gọi chồng là anh Thế Lữ mà còn dùng cả hai chữ "anh ấy"... Thế Lữ cũng có con. Những hai con. Vợ lại đang to bụng. Bà Thế Lữ cũng vấn khăn xa tanh, tóc đuôi gà, áo cánh, quần nái, và cũng ở dưới bếp vừa thở vừa quạt càng ràng đi lên, mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Và bà Thế Lữ không những đang to bụng mà cũng mặt mày vêu vao, xanh xao và có cả mụn. Còn hai con Thế Lữ thì lại sao mà nhiều mụn thế?! Có những cái ở đầu mọng như quả nhót. Ở cằm, ở trán chơm chởm như đít ốc như đầu đanh. Cả cô và cậu hai con bé của thi nhân cũng gày vêu, dán cao đầy mặt đầy cổ đầy đầu, lại còn bôi phẩm xanh nữa.

Bà mẹ Thế Lữ và vợ Thế Lữ tiếp chuyện mẹ con tôi ở trong nhà trong. Không! Đó là một khoảng kê vừa đủ hai cái giường khuất sau một cái tủ áo to và tấm mành mành. Nửa ngoài cũng là giường, nhưng là những cánh phản to chỗ hai người thợ trẻ tuổi đang ngồi khâu. Liền đấy có một cái máy cũng một người thợ trẻ đang đạp máy và một ông đã có tuổi đang đo áo cho khách ở ngay lối ra vào. Tôi quên mất vừa phần cũng không chú ý đến tên hiệu. Nhưng tôi vẫn nhớ rõ hiệu cũng có một tấm biển vẽ màu hai cô tân thời mặc kiểu "lơ muya" rất bay bướm bày ở trước cửa, đúng như cách quảng cáo của tất cả các hiệu may thời đó.

Bà mẹ Thế Lữ nằm ở võng mắc trên sập, tóc bạc phơ, da đồi mồi, mắt rất sáng, người bé nhỏ xương xương. Bà mặc áo lụa nhuộm màu cánh kiến không cài cúc, yếm lụa màu cũng thẫm, trước ngực đeo một cỗ tràng hạt nạm bạc, có một chùm ảnh Đức bà và Thánh giá chúa vừa bằng bạc vừa bằng đồng. Võng của bà mắc ở ngay trước một tủ kính chật ních những lọ đủ các thứ thuốc viên, thuốc bột mà mẹ tôi thường ca tụng đây toàn là những môn thuốc cũng gia truyền của từ đời cụ kỵ bên ngoại tôi mà bà lang Th. đặc ân được truyền lại cho. Chuyện với chúng tôi, tiếng bà hơi khản, nhưng giọng nói và cách nói cứ nhẹ không mà vẫn như truyền lệnh như phán bảo, như ban phát.... Đôi mắt nhìn thì vừa sâu vừa sắc, đôi mắt của một bà mẹ từng trải,

thâm trầm...

Bà gọi mẹ tôi là "mẹ nó" và gọi tôi là anh, vừa thân mật mà vẫn giữ sự tôn ti họ mạc...

Thư về Nam Định cho người bạn thân, tôi không viết gì đến vợ và các con và chỗ ở của Thế Lữ. Không phải vì tôi thấy đây không là tháp ngà mà coi thường. Cũng như không phải vì không thấy đây là một "nàng" xinh tươi, yểu điệu, tha thướt, đang cắm hoa, đang thu dọn bàn viết hay đang dạo dương cầm. Hay nếu như là con thi nhân thì phải như là những thỏ bông, những chuột bạch, những búp bê trong các bưu ảnh, các tủ bày đồ chơi, các gian hàng hội chợ nhân dịp lễ Nôen hay tết Tây... Là vì tôi vẫn không thể không man mác, bâng khuâng:

Hàng tùng rủ rỉ bên cồn đìu hiu

Mây chiều ngừng lại sau đèo

Mình cây nắng nhuộm bóng chiều không đi...

Trời cao xanh ngắt, ô kìa

Hai con hạc trắng bay về Bồng lai.

Cạnh những câu thơ trên đây, lại liền có những:

Tiếng hát trong như nước Ngọc tuyền

Êm như hơi gió thoảng cung tiên

Cao như thông vút buồn như liễu

Nước lặng mây ngừng ta đứng yên.

Của một con người:

Với cây đàn ngàn phím tôi ca

Cái đẹp u trầm đằm thắm hay ngây thơ

Cũng như cái đẹp cao siêu hùng tráng

Của non nước thi văn tư tưởng.

Nghĩa là thi nhân Thế Lữ vẫn là một hình ảnh tuyệt vời của tâm trí và sự suy tưởng của tôi. Bởi thế, sự kỳ ngạc, khao khát và kính phục chỉ càng tăng thêm khi tôi kể cho bạn tôi biết về thời thơ ấu rừng núi của Thế Lữ, về Thế Lữ họa sĩ, Thế Lữ mười sáu mười bảy tuổi đã làm thơ làm sách. Nhất là Thế Lữ cũng mồ côi cha, nhà cũng nghèo và bà mẹ đúng là kiểu mẫu của những người đã sinh ra những bậc thiên tài...

Tôi lại phải mặc bộ quần áo chững chạc độc nhất của tôi đã phải vá thêm cả ở vai ở đầu gối và mạng nhiều chỗ nữa. Tôi đã toan không đi đôi giày giôn của bác giáo T. cho tôi. Nhưng vừa phần không muốn mượn đôi giày hạ của bố dượng tôi vừa phần đôi guốc tôi đã mòn cả gót, nên tôi lại đành phải ních chân vào đôi giày hành hạ ấy, vì chân bác tôi vừa nhỏ vừa dài, chân tôi thì to bè trùng trục. Năm xưa, tôi cũng đã khổ một dạo vì đi giày tây rồi. Số là thường thường đến buổi chiều lớp học cuối năm, học trò đua nhau làm văn chúc mừng thầy giáo và đốt pháo: "Năm cũ sắp qua... sắp sang năm mới... chim én phương Nam đang về, hoa đào đang nở cười chờ đón gió xuân... Chúng con...". Tôi được lớp cử làm... com-pờ-li-măng... Đáng lẽ tôi giữ chân đốt pháo. Vừa là loại ngổ ngáo nhất, vừa là học trò giỏi trong lớp. Các bạn đã bàn nhau giao tôi việc mạo hiểm này. Mạo hiểm vì có lệnh của đốc học cấm ngặt đốt pháo, vì lớp tôi là lớp nhất, lớp nổi tiếng các thứ đầu têu. Đốt pháo, nhà trường không những sẽ bị sở cẩm phạt mà thầy giáo còn bị khiển trách nữa. Để đánh lạc hướng chú ý của thầy giáo và cũng là một việc làm phải có

can đảm và tinh nhanh lắm, tôi sẽ chờ tới khi còn đúng một giờ là tan học, thì lên thẳng trước bàn thầy mà đọc văn.

Tôi mê đá bóng, giày dép nào nhà mua cho cũng mất vì làm cột gôn, vì quên, vì ném nhau. Cận ngày quá, buổi chiều long trọng và danh dự của tôi đến nơi rồi! Tôi phải mượn đôi giày... đơ cu lơ... tức là giày giôn vá trắng - của một người anh họ. Anh tôi chân vừa nhỏ vừa ngắn, thành thử tôi đã nong giày như nong cối. Đi từ nhà đến trường tôi đã tưởng không sưng thì cũng trẹo chân đến mấy ngày. Cuối cùng tôi phải cởi giày ra, chờ đến giờ sắp vào lớp mới xỏ giày...

Buổi hôm ấy đã thắng lợi rực rỡ. Đúng khi tôi vừa dứt xong cái đoạn: "Năm cũ sắp qua, sắp sang năm mới v.v"... thì một thằng bạn đã lẻn lẻn ra cửa đốt pháo. Tràng pháo châm ngòi đầu tiên và cũng là tràng pháo dài nhất, toàn hồng nhất, lại còn điểm những pháo lệnh rất ác...

Ra về, anh em đã xúm xít chung quanh tôi, đến tận nhà. Chả nhẽ tôi lại đi chân đất. Cùng đường với chúng tôi lại có học trò con gái. Tất cả những cô học trò lớn vào tuổi chị cả tôi hình như đều chú ý đến tôi và biết tôi là tay vừa làm vừa lên đọc văn chiều nay. Thế là cùng đường, tôi đành cắn răng lại mà cười đùa trò chuyện và cố đi cho khỏi khập khiễng. Chỗ phạm vì đôi giày kìm kẹp ấy vào cả mắt cá và gót chân. Tôi suýt bị què.

... Lần này đi giày không khập khiễng, nhưng bước chân tôi cứ thấy nằng nặng thế nào ấy. Không phải tôi có phần nào giảm bớt sự ngưỡng mộ Thế Lữ. Cũng không phải vì tôi nghĩ mình nghèo hèn, e ngại có sự hiểu lầm mình chăng. Không! Trăm phần trăm, Thế Lữ vẫn nguyên vẹn là một hình ảnh tuyệt vời trong lòng tôi. Tôi e ngại, chính vì tôi đang viết văn, thấy mình cũng viết văn! Phải! Tôi cũng là người viết văn.

Tôi cũng là một người viết văn, vì thế cho nên mẹ tôi có bộc tuệch bộc toạc rất thương tôi, và cảnh nhà có túng thiếu đói khổ đến đâu chăng nữa, thì

mẹ tôi cũng chỉ nên than thở với Thế Lữ và nhờ cậy anh xin công ăn việc làm cho tôi, chứ đừng khoe tôi đang tập viết mà rầu rĩ than vãn... "Anh thương em nó, dìu dắt em nó"... hay "Anh xem xem bài vở em nó có thế nào, thì anh, v.v..." Trời! Tôi có đói mà không có việc làm thì thà chịu chết đói! Tôi viết tồi, viết dở, viết kém thì bẻ ngòi bút đi, xé bản thảo đi. Chứ trong công việc viết văn, trong đời văn chương không thể có cái ngoại lệ nhận ân huệ. Không thể có gia nô gia bộc. Không thể có ông anh bà chị lo lót cho. Không thể có cầu cạnh luồn lọt. Không thể lấy bản thảo làm cái bát hay cái gáo của ăn mày!

Thế Lữ ơi! Thế Lữ thi nhân mà tôi khao khát gặp mặt ơi! Thằng bé học trò tên là Nguyễn Nguyên Hồng thuộc thơ anh, say thơ anh hơn cả thuộc và say kinh ngày xưa bà và mẹ nó dạy nó ấy, đang đi đến tìm anh đây! Trước anh, nó sẽ không chút ngượng ngập đón lấy anh và nhìn thẳng vào mặt anh mà tự giới thiệu: Tôi cũng viết văn! Tôi cũng là một người viết văn! Tôi viết văn và là người viết văn trong đám những người nghèo đói, đau khổ, lầm than! Tôi sẽ nói chuyện với anh thuần về văn chương, thuần về những cái gì là tư tưởng, là tâm hồn, là cao quý của những con người đang thương yêu và quý trọng nó vô cùng.

Vâng, tôi đã gần đến nhà anh! Thôi đây, tôi đã bước vào nhà anh! A a a... Thế Lữ ơi! Anh đây à... Anh đây à?...

Đúng tôi đã chào và bắt tay Thế Lữ. Thế Lữ có lẽ sắp sửa đi đâu nên quần áo có vẻ chải chuốt vừa mới mặc. Áo sơ mi lụa vẫn y nguyên nếp là, cà vạt bóng nuốt. Bộ tờ-rô-pi-can màu nhạt tuy hơi cũ nhưng rất trang nhã, rất hợp với khổ người xương xương của anh. Anh nắm tay tôi hơi lâu, buông ra rồi mà vẫn còn nhìn tôi trìu mến, chăm chú, và cũng có cả xét nét. Đôi mắt anh nâu trong, nhoi nhói, anh ánh hơi nheo lại dưới cái trán đã có nếp nhăn và mái tóc không chải, để bồng lên, điểm đôi sợi bạc.

- Cậu là cậu Hồng con bà Vui (tên tục cha tôi)?

- Vâng ạ!

- Cậu vừa đỗ xong, và phải thôi học?

- Vâng ạ!

- Cậu cũng viết... cậu đang tập viết?

Tới đây, Thế Lữ cười hắn thành tiếng ồ ồ à à một cách rất thích thú, nghe vừa có cả sự chân thật và khách tình.

- Phải đấy! Cố mà viết! Phải chịu khó mà viết. - Anh nói tiếp bằng tiếng Pháp và như không chỉ để nói với tôi mà với cả những ai ấy ở trước mặt, hay như với những khán giả trước sân khấu vậy.

- Viết là sự sống, viết là để thấy mình làm ra sự sống, viết là để thấy mình là một người có lý tưởng cao quý, đáng sống, tự hào vô cùng! À này, cậu đang viết gì?

Mồ hôi tôi như vã ra. Đầu tôi cúi cúi. Tôi nghẹn ngào:

- Thưa thưa... tôi đang viết... nhưng tôi thôi... tôi sẽ không viết nữa...

Thế Lữ thô lố hắn mắt:

- Sao lại thế? Ồ ồ ồ!...

- Thưa... thưa... tôi thôi... tôi sẽ không viết nữa, vì tôi thấy tôi viết xoàng quá... nhạt quá... tôi không bằng lòng một chút nào...

Thế Lữ liền ngả hắn đầu ra mà cười, hai tay giơ ra đập đập không khí. Anh vẫn nói bằng tiếng Pháp:

- Thật là đúng! Thật là đúng!

Anh trở lại nói tiếng ta, giọng đạo mạo nhưng rất say sưa và cũng rất chau chuốt, nhẹ nhàng, trầm bổng:

- Phải như thế cậu ạ! Khi thấy mình viết xoàng, viết nhạt, khi thấy chính mình cũng không bằng lòng mình, thì không nên viết. Chỉ nên viết khi thấy cần viết, phải viết, nghĩa là không viết không được... Viết phải là một sự cần thiết, một sự tất yếu!...

Chao ôi, tôi có nên khóc không? Nghĩa là tôi có nên để nước mắt giàn ra, và ôm lấy Thế Lữ mà khóc không? Từng lời nói của Thế Lữ như từng giọt mật và là giọt mật lạnh buốt rỏ xuống tâm trí tôi, rỏ vào tim tôi. Từng lời ấy, tôi chưa thấy nói ở đâu và đây là lần đầu tiên nghe nói. Nhưng sao như tôi đã đọc nó ở những trang sách, những dòng chữ nào đó rồi, và đã nghe nó hơn một lần, thì thầm cũng có, cất vang lên cũng có, trong đêm khuya hay một khắc giờ man mác rưng rưng không thể cụ thể hóa được ở vào lúc nào kia! Sau phút lâu lặng lẽ, Thế Lữ không nhìn tôi mà lại trầm ngâm nhìn ra khoảng không, giọng thấp hẳn xuống, run rẩy, thờ thẫn:

- Viết phải là một sự cần thiết, một sự tất yếu. Mà càng viết thì càng thấy khó khăn, càng không bằng lòng mình. Nhưng chính vì thế mà càng phải chịu khó, càng phải can đảm thêm, càng phải tin tưởng ở mình... càng phải viết... càng phải viết. Vì viết là sự sống.

Thế Lữ lại hỏi tôi đã viết những gì, viết về cái gì? Tôi ngập ngừng kể một số chuyện, một số việc tôi đã sống, đã chứng kiến và nói những dự định, những hoài bão của mình. Hình như chúng tôi chuyện đã lâu. Bà mẹ anh, và có lẽ cả vợ anh nữa, đã làm tôi thấy điều đó. Tôi bèn xin phép anh ra về.

- À! Cậu muốn mượn sách đọc? Cậu định đọc sách gì?

Tôi không chút ngẫm nghĩ:

- Anh cho mượn sách gì cũng quý. Nhưng xin anh cho tôi mượn những sách của những nhà văn... xã hội.

Thế Lữ cũng không chút ngẫm nghĩ. Anh quay lại mở ngay tủ sách, lục lục, tìm tìm. Anh đưa cho tôi hai cuốn dày cộp, bìa da, gáy rộng có gờ, chữ vàng. Đó là cuốn David Copperfield của Charles Dickens và một cuốn của Henri Barbusse, tôi không nhớ là cuốn Le Feu (2)hay cuốn Voyages à Moscou (3). Cuốn sau thì phải.

---

(2) Khói lửa.

(3) Hành trình ở Mạc Tư Khoa.

Tôi chào cả nhà. Trước khi đưa tôi ra tận cửa, Thế Lữ đặt thẳng cánh tay, bàn tay ấp lấy vai tôi. Đôi mắt nâu trong nhoi nhói, anh ánh của anh lại nhìn tôi cười cười và trầm ngâm, một ngón tay anh đưa lên trước miệng:

- Phải viết! Phải viết nhớ! Lần sau cứ đem đến cho tôi đọc. Đem cả tập cho tôi đọc... Thôi cậu về!

Đến nhà, cơm vừa dọn. Thấy tôi cầm nặng hai cuốn sách trông rất quý mà vẻ mặt thì tươi tỉnh khác thường, mẹ tôi đon đả cười hỏi luôn:

- Thế nào, anh Lễ anh ấy quý hóa lắm chứ? Đã bảo mà! Vậy anh ấy có bảo bao giờ thì xin việc cho không? Nếu được làm ở cùng nhà báo trên Hà Nội với anh ấy, không thì làm ở chỗ khác, làm ở chỗ nào cũng được con ạ!

Tôi chỉ gật gật, vâng vâng, dạ dạ để mẹ tôi vào ăn cơm.

Tối hôm ấy, ngọn đèn dầu tây thân thiết của tôi lại chong lên, che khuất

một nửa về phía mẹ tôi nằm. Nếu như cái bàn sách của tôi là một bàn thờ, thì hôm nay nó lại càng quý hơn vì được thêm đồ bày. Đó là chân nến? Không, còn quý hơn. Đó là tượng là ảnh. Vẫn không bằng! Vì... nó... lại là sách. Hai cuốn sách thật dày, thật đẹp tôi không thể ngờ được. Hai cuốn sách mới của tôi! Hai cuốn sách của tôi một thần linh cho tôi mượn: Thế Lữ.

Nếu như tôi đã thấy mình giàu có, đã thấy mình không phải đói, phải thèm nhục nhã quá chừng với chồng tuần báo tiếng ta và tập sách chữ Pháp cùng với cuốn tự vị cũ kỹ kia, thì nay thêm hai cuốn mới, ắt là tôi phải thấy mình giàu có no đủ hơn.

Ấy là một lý do.

Một lý do khác, là nếu như tôi tự so sánh với gia đình bác Lượng ở gian bên cạnh, tôi lại càng thấy mình sung sướng.

Hai vợ chồng, năm con dại. Bác gái có mỗi cái quần rách mặc đi chợ. Bẩn lấm quá thì chiều tối về giặt, mặc manh quần cộc và cái yếm mướp đi ngủ. Bụng chửa, bác vừa lùn vừa gày nên trông càng vêu vao ốm yếu. Bác chỉ đội, đội rau muống, chuối, dứa, gà vịt, tôm cá. Bác trai làm phu hồ công việc buổi đực buổi cái, người còm rom, nhiều đêm trở giời thở như trâu bò bị cắt tiết. Năm đứa con gần như trần truồng toàn ngủ đất và ăn bốc.

Tôi cũng sướng hơn bà cụ Trung, ông cụ Trung. Ông cụ ngoài sáu mươi, bại một chân, đi phải lết gậy. Có bốn con, hai trai hai gái. Hai trai hơn tôi bốn, năm tuổi, cũng thất nghiệp. Người con trai bé ngày ngày cũng đi tìm việc như tôi, và thỉnh thoảng còn boóng được bạn vài buổi quét vôi hay khuân vác. Chứ người anh cả ngày chỉ nằm nhà. Nằm vì đi mạn ngược về sốt rét và lở. Uống hàng thúng giun rồi mà vẫn không khỏi. Người con gái suýt soát tuổi tôi cũng gần như không có việc làm. Tuần nào, may lắm là được mấy ngày đội than, xe gạch, không có thì đi theo các mẹ buôn chợ quê gánh giúp để lấy ống bơ gạo hay một hào. Người chị cả buôn chè chai. Ông chồng

làm thợ cạo. Có hai con chung và một con riêng của vợ. Ông cụ, bà cụ, hai con trai, cô con gái và các cháu bé ăn một bếp. Người chạy gạo chính là bà cụ. Bà cụ cứ tối đến là gánh ấm nước chè tươi và hòm diêm thuốc ra đầu đường Máy nước hai vòi bán cho thợ thuyền phu phen đi về tầm muộn, anh em làm xe đêm, đặc biệt là phu thùng. Mặt bà cụ lúc nào cũng nặng trĩu, răng như nghiến lại. Nhà chỉ ăn có bữa chiều.

Và cả nhà chỉ có hai cái giường và một cái bàn. Một cái giường cố nhiên là phần của vợ chồng con cái người chị cả. Nhưng còn hai ông bà, hai con trai và người con gái, ai cũng sức vóc đẫy đà thì nằm thế nào? Cả cái ăn, cái ở, nói rằng nhà tôi sung sướng hơn nhà ông cụ bà cụ kể cũng không ngoa... Vì rằng đã được ăn ở mức khá hơn, nhà tôi lại còn không có tiếng trẻ khóc quấy, không bị giường cứt chiếu đái, không phải túm tóc giằng xé nhau "để cái thằng hen này tự tử chết cho mẹ con mày sống", hay "cái thằng già và cái thằng nằm chết trương kia, sao chúng mày không đâm đầu xuống sông xuống biển đi mà cứ báo hại tao mãi thế này"?! Chao ôi! Làm sao tôi không thấy mình sung sướng được?! Mà thấy mình sung sướng như thế, lại có cả sách mà đọc, giấy bút mà viết, bàn để ngồi, đèn thắp suốt đêm, thì làm sao tôi lại không đọc, không viết!... Không vì những con người ấy mà đọc, mà viết! Không vì vô vàn những con người cũng đau đớn khổ cực như thế hay hơn thế sống ở chung quanh đấy, ở khắp nơi, ở cả và mặt đất đầy rẫy những bất công này, mà đọc mà viết?

Nếu không có còi tầm nhất Máy tơ thì tôi cũng không biết mình đã thiếp đi và giờ là sắp sáng. Chỉ gục lên mặt bàn và chợp mắt một lúc như thế tôi lại thấy tỉnh táo. Rồi khi ra bờ hè ngước nhìn khoảng trời mờ mờ xanh xanh, hửng hửng và có vài thoáng gió mát mát qua mắt, thì tôi nhẹ hẳn cả đầu óc. Ngoài xóm và ngoài đường cái đã rào rào, rầm rầm. Một vang động náo nức dội dần lên. Thế nào nhỉ? Lại bắt đầu một ngày nhỉ? Một ngày làm lụng! Một ngày kiếm ăn. Một ngày được sống!

Tôi uống hết nửa bình nước máy sao mà mát mà ngọt. Tôi mặc áo dài, đội mũ ra đi. Mấy hôm trước tôi đã nghĩ đến sức khỏe và kỷ luật tập thể dục. Như thế hôm nay đúng phải là hôm bắt đầu đây... Còn mấy tháng nữa tôi mới mười bảy tuổi! Mười bảy tuổi ơi! Nếu tôi vẫn là học sinh thì có lẽ tôi cũng là một vận động viên hay một chân đá bóng khá của nhà trường đấy! Nhưng thôi, xa xôi quá rồi, những ngày tươi sáng rực rỡ và nên thơ vô cùng ấy. Chỉ biết bây giờ, tôi coi đọc sách cũng như ăn, thì khí trời và cảnh sắc bình minh kia sao tôi không thở hít thật nhiều, để thêm sức thêm tinh thần vậy. Tôi ra cái bãi rộng sau nhà Máy tơ. Bãi này trông ra sông cửa Cấm suốt đến ngoài khơi. Những ngọn núi Yên Tử chất ngất mịt mùng xanh biếc và những lớp núi Cát Hải xanh đặc chi chít cũng mở ra trước mặt. Chung quanh bãi có những gốc phi lao, những gốc gạo cao chót vót làm thành một lớp diềm giăng dưới bầu trời càng nắng to càng phấp phới rực rỡ.

Sáng ấy tôi dậy và đi cùng những thợ Máy tơ, những người khuân vác ở Sáu Kho, và những người làm lụng linh tinh ở các tàu, các sà lan, các kho, các lán, các xưởng gần đấy. Nhiều bà con trong xóm đã tưởng tôi làm chấm công hay chạy loong toong hay phụ bàn giấy biên chép gì đó...

Ơi! Những vòm đông, những chân mây, những đỉnh trời, những sương gió, những mù khơi, những bến bãi, những núi rừng, những chòm cây, những ống khói, những tầng lò và những lớp người lao động tôi không được biết tên, không được rõ tuổi đã sáng sáng cuốn hút bước tôi đi! Ơi! Những bình minh đói khổ lam lũ nhưng rất trong lành dào dạt của Hải Phòng... làm sao tôi có thể quên được rằng mười bảy tuổi xuân của tôi đã mở ra ở đây cùng với những dòng chữ nảy sinh theo ánh mặt trời, và bước chân của các con người mà tôi không thể yêu thương vô cùng cũng như tin tưởng vô cùng vậy?

Cũng như làm sao tôi quên được những Tiếng sáo Thiên thai, Cây đàn muôn điệu, Nhớ rừng, David Copperfield, Hành trình ở Mạc Tư Khoa và con đường ngõ Nghè đỏ rực hoa xoan tây kia?

## III. TẬP TRUYỆN NGẮN ĐẦU TAY ĐỂ RA MẮT... VÀ ÔNG CHỦ BÁO TRIẾT NHÂN...

Tôi lại đến ngõ Cố đạo.

Không như lần trước nao nức, bừng bột và tràn ngập vui sướng với một tập sách vở cặp trước ngực, lần này tôi cũng ấp trước ngực một cuốn vở nhưng là bản thảo của năm truyện ngắn, còn bước chân và tâm trí thì e ngại lo lắng vô cùng.

Tôi không nhớ hẳn tên đề tập truyện. Hình như là "Những linh hồn đày đọa" hay "Những linh hồn đau khổ" hay "Những linh hồn khốn nạn", v.v... Tuy phải lấy tiền chạy chợ của mẹ tôi mua giấy, tôi vẫn chỉ viết bản thảo thứ nhất, thứ hai bằng giấy học trò chưa kẻ hạng bốn xu một thếp, rồi sau thì chép ngay vào giấy trắng đẹp đóng sẵn thành vở giá bán những bảy xu mà chỉ được có hai mươi tờ hẹp: vở Aviat.

Phải, dù túng, dù đói, dù khó khăn đến đâu thì đến, đây cũng là mối tình đầu của tôi.

Phải, dù túng dù đói dù khó khăn đến đâu thì đến, đây cũng là đứa con đầu lòng của cuộc tình nghĩa ái ân đó.

Phải, dù túng, dù đói, dù khó khăn đến đâu thì đến, đây cũng là sự sống của tôi. Một sự sống nhất định không chịu theo số mệnh, không chịu thấy có số mệnh, không chịu cúi đầu trước số mệnh. Tôi phải chính tay mình nắm lấy vận mệnh của mình, chiến đấu mà chiến thắng. Tôi phải đi tới đích của cái lý tưởng cao quý, thiêng liêng đã tự tìm ra, đã tự chọn, đã tình nguyện.

A! Tôi đã ví von những gì gì nhỉ? Tình yêu thứ nhất, đứa con đầu lòng và số mệnh, vận mệnh, lý tưởng, v.v... Vâng, tôi đã ví như thế, vậy tôi xin phép được dẫn ra thêm một số ý nghĩ về công việc viết văn ngày đó của tôi.

Trong buổi gặp nhà thơ Thế Lữ, tôi đã trả lời một số câu hỏi của anh. Có một câu khi thốt lên, không phải là vội vàng, mà đã trải qua bao phen trằn trọc, xót xa, dằn vặt, gần đến như tuyệt vọng và buồn có thể chết được. "Tôi sẽ không viết nữa vì tôi thấy tôi viết xoàng quá... nhạt quá...! Tôi không bằng lòng tôi một chút nào". Tại sao như thế? Thưa... vì tôi đã đọc một số tác phẩm của một số tác giả. Những tác phẩm ấy tên rất lạ, rất choáng, rất bay bướm cũng như tên người viết ra nó vậy. Tôi đã nghĩ và thấy, chao ôi! Như thế này mà cũng đăng báo, cũng in sách, cũng báo nọ tán, báo kia tụng ư? Thoạt tiên tôi vừa ngạc nhiên, vừa coi thường. Không biết đây còn có phần nào là ghen không? Vì mấy năm trước đó, còn là mười hai, mười ba, mười bốn tuổi, tôi chỉ mới say mới mê đọc, chứ chưa nghĩ mấy đến viết, chưa tin tưởng rằng mình sẽ viết. Cho tới gần đây, tôi đọc lại cả một số tác phẩm của một số tác giả mà tôi rất phục, thì tôi cũng lại ngạc nhiên. Với những tác phẩm và những tác giả này tôi không đánh giá như loại trên kia, nhưng tôi lại thấy tâm trí tôi xóc nhói lên, buồn bực, khổ sở vô cùng.

Đời sống và xã hội đã có không biết bao nhiêu việc làm và bao nhiêu bộ mặt hèn hạ kinh tởm của những hạng bừa bãi chỉ cần có tiền, nhưng sao lại còn cộng thêm những sự hèn hạ kinh tởm, buôn bán kiểu này nữa trong sách, trong báo, trong văn chương? Tôi đã nhận thấy như thế, nhận ra như thế, thì tôi phải sao không là như thế, không làm như thế.

Hơn nữa, tôi không những không là như thế, không làm như thế, mà còn phải chống lại. Và để chống lại, tôi phải có những gì là chân chính của tôi, đặc biệt của tôi, kết đọng và sắc mạnh nhất của tôi.

Trước hết là tôi không được viết những truyện tình yêu phù phiếm bợm bãi, những truyện mơn trớn khêu gợi, những tình cảm thấp kém, những truyện để mua vui, để chiều ý, để cầu lấy chút khen ngợi hay sự nhắc nhở của một bọn vô công rồi nghề phè phỡn, khô khan, trơ trẽn, - cái bọn giàu có sang trọng gọi là thượng lưu xã hội lúc bấy giờ.

Cũng như tôi không được viết những cái gì là a tòng, những cái gì để tô điểm cho lối sống và bộ mặt của chúng, những bọn người mà tôi đã biết khinh bỉ, đã biết thù ghét, những bọn người phải thấy rằng sự chân chính, cao quý, có nhân phẩm và có đạo đức không thể thuộc về họ, mà chính là và thật là của những kẻ nghèo khổ, cùng cực đang bị họ rẻ rúng.

Như vậy thì trên cái võ đài văn chương nghệ thuật kia, tôi không thể chỉ không nên bắt chước những ngòi bút mẫu mực có tiếng tăm của thứ văn thơ thời thượng, mà ngay cả những ngòi bút cùng một khuynh hướng với tôi, đã đi trước tôi, mở đường cho tôi, kích động tôi, tôi cũng phải không là nô lệ, không là một cái bóng của sự phỏng cóp. Nghĩa là nếu như đã có thanh long đao của Quan Công, bát xà mâu của Trương Phi, thì bên cạnh phải thêm đường thương của Triệu Tử Long, cây cung của Hoàng Trung. Cũng như bên cạnh thiền trượng của Lỗ Trí Thâm, đôi búa của Lý Quỳ, thì lại có cả đôi bắp tay vo của Võ Tòng ở Cảnh Dương Cương nữa.

Những thanh long đao, bát xà mâu, trường thương, cung, thiền trượng, búa và đôi tay vo ấy không thể mượn được. Nhất là đôi tay trần của Võ Tòng.

Phải tự rèn, tự luyện cho mình. Chỉ có thể bằng sự tự rèn luyện cho mình. Sắt thép của nó lấy ở quặng mỏ của sự sống, của cuộc đời. Muốn mầu nhiệm và linh thiêng phải có máu thịt, máu thịt của con người, của chính mình. Muốn sử dụng thật hiệu nghiệm, thật có kết quả, thật là tuyệt vời sự mầu nhiệm và linh thiêng này, thì phải vừa học vừa xung trận. Thầy dạy là tổ tiên, là ông cha, là quần chúng, là nhân loại.

Biết ơn tất cả những tiếng nói, những dòng chữ trong lành, mạnh mẽ, hào hùng, tình nghĩa đã nuôi nấng, cảm hóa, giáo dục và cho tôi sức sống. Cũng "biết ơn" cả những ngọn roi sắt trần trục hay bọc bằng nhung của quân thù đã quật lên đầu lên ngực mình một cách trắng trợn ra mặt, hay khéo léo, giấu tay!

... Phải! Tôi đã viết xong được một tập truyện ngắn. Như có những ngọn cờ, những tiếng kèn hiệu lệnh xa xôi đã phất đã gióng lên trước mắt tôi. Và trước mắt tôi còn như có những áng mây và một bầu trời trong sáng vô ngần...

Trước khi viết và cả sau khi xong những lần bản thảo của từng truyện, tôi đều kiểm đi duyệt lại xem từ sự việc đến cảnh vật, đến mỗi con người, xem trong đó có giống của một nhà văn nào không. Thảng hoặc có nhà văn này hay nhà văn khác cũng tả "nó" thì "nó" của họ và "nó" của tôi có khác hẳn nhau không? Khác hẳn nhau không phải là của tôi thì cầu kì, hoa hoét, tỉa tót. Khác hẳn nhau ở điểm căn bản này, tính chất màu sắc và sự rung động, yêu thương.

Tôi đã tả lại một bà cụ già nhà quê ốm yếu mà tôi không nhớ là can án gì. Chỉ biết bà cụ bị ba tháng tù, thì đã ở được hơn hai tháng, cũng đi làm cỏ vê như những người khỏe mạnh, nhưng rồi sau kiệt sức quá - bà cụ bị bệnh kiết lỵ - được nghỉ hơn một tuần thì chết. Cỗ ván nhà thương vừa nhỏ vừa mỏng, xác bà như một đứa bé còm cõi lên sáu, lên bảy, tôi kéo xe bò chở ra nhà thương chôn, chỉ một tay cầm càng mà vẫn thấy nhẹ. Tôi vừa đi vừa nghĩ và càng nghĩ càng không thể tưởng tượng được sao lại một người như thế mà đã sống được. Và một người như thế thì còn sức đâu để hãm hại ai, để phạm tội mà chịu tù đầy?

Tên truyện này là Cát bụi lầm (4). Tên bà cụ là Vỉ. Cái vỉ buồm bé nhỏ, xơ nát sau bảy mươi năm đã che đậy cho cuộc đời. Đặt tên bà là Vỉ, tôi đã vấn vương ý nghĩ này mất nhiều hôm. Giá tôi kiếm được miếng khăn bông đắp mặt cho bà và mảnh chăn sợi hay manh chiếu đậu mà liệm, chắc linh hồn bà cũng đỡ lạnh lẽo tủi đau dưới suối vàng! Nhất là khăn và chăn chiếu ấy lại là của tôi, một kẻ chỉ đáng tuổi cháu bà và là bạn tù của bà.

Và một truyện nữa: Linh hồn (5). Truyện này hoàn toàn tôi tưởng tượng ra. Đây là một người vợ đi tù thay chồng vì tội làm muối lậu, gọi là tù án

muối. Chị còn trẻ, mới có mang. Chị bị cai tù hiếp, sảy thai. Giữa đêm trăng mờ ấy, người chồng đang cất vó khuya, vừa tính từng ngày vợ ra tù với đứa con đầu lòng.

Tôi đã tưởng tôi là người chồng có người vợ trẻ và đứa con ấy.

---

(4) (5) Truyện Cát bụi lầm tôi có gửi đăng báo nhưng không được. Lần sau đọc lại thấy ngây ngô, tôi cũng không giữ bản thảo nữa. Truyện Linh hồn đăng Tiểu thuyết thứ Bảy khoảng tháng 9, 10-1936. (Chú thích của tác giả).

***

... Tôi đến ngõ Cố đạo, cắp trước ngực cuốn vở giấy trắng đẹp hơn lụa, bản thảo những truyện trên đây để gặp ông chủ tuần báo Hải Phòng.

(Tuần báo còn tên là Hải Phòng chính luận hay Hải Phòng diễn đàn, hay Tiếng vang của Hải Phòng, v.v... nhưng vì lâu ngày quá tôi quên mất nên xin phép chỉ gọi tuần báo Hải Phòng thôi)

Tòa báo ở ngay cạnh nhà bác tôi, cạnh cái trường ông thánh Antong tôi đã dạy học không đầy một tháng kia. Nếu như không được đi qua những tòa báo có tiếng trên Hà Nội, cũng như không từng đánh đáo với em ông chủ tờ báo Kinh tế ở con đường sau nhà máy rượu của tỉnh Nam Định quê hương tôi, thì tôi sẽ thất vọng vô cùng trước cái tòa báo nọ. Cũng ở cả hai tầng như nhà bác tôi nhưng nhà chỉ có hai người: ông chồng và bà vợ bụng chửa vượt mặt. Biển đề tên báo cũng bằng gỗ, chữ sơn hai màu, buộc dây thép treo trước lan can gác song song với cái biển trường của bác tôi. Chỉ khác là biển mới và những chữ thì khích động vô cùng:

Tuần báo Hải Phòng.

Văn chương - nghị luận - chính trị - xã hội.

Những ngày đầu tiên ra Hải Phòng và trong những ngày được bác tôi nhường công việc dạy học, tôi đã chú ý đến cái gia đình hàng xóm ấy. Vợ da ngăm ngăm, tóc búi, gương mặt lành lành dại dại, hay mặc áo cánh lụa rộng và quần lĩnh trông như người Sài Gòn. Chồng tóc bù lên như bộ lông của con gà mái ấp dở, cúp xuống chấm gáy, tóc mai xoắn nhọn. Ông đeo kính trắng gọng vàng kẹp mũi, trông người có vẻ còn ốm yếu, chậm chạp hơn vợ. Vì da mặt ông xanh mướt, và, ngay ở trong nhà ông cũng mặc áo sơ mi cổ cứng, đóng cúc, lúc thắt cà vạt, lúc thắt nơ. Cà vạt và nơ đen. Không hiểu tính ông thế hay ông chỉ có mỗi bộ, nên sáng sớm, trưa, chiều, tối, khi ở nhà cũng như ra đường, đều thấy ông đóng cái bộ màu đen láng, cái bộ đồ mà mọi người chỉ mặc làm lễ phục.

Cả gian nhà dưới rộng thênh thang chỉ kê có một cái bàn giấy to và bộ xa lông. Một tủ chắc là đựng sách báo giấy tờ có diềm che kín. Trên phòng gác, thì tôi hoàn toàn không thể đoán được đồ đạc bày biện ra sao, và có những thứ gì. Vợ chồng ông hay đi chợ. Đi chợ ra phố với vợ, ông cũng chống can, cắp một đệp sách báo to xù. Thường thường chỉ thấy bà vợ xách về một làn những chuối, chanh, rau thơm, đu đủ và ít hoa... Ông cũng đọc sách cả ngày và cả đêm. Khác nhà tôi, cây đèn nhà ông cao như cây nến thờ, có chao hồng đào nên không khí của gian nhà vừa lặng lẽ vừa trang trọng, vừa rất nên thơ...

Tôi đã so sánh ông với nhiều người, nhiều hình ảnh, và nghĩ rằng ông rất có thể còn là một nhà chính trị. Chính vì nghĩ rằng ông rất có thể là một nhà chính trị, nên tôi càng yên tâm và cũng càng thấy thôi thúc hơn: Nhất định tôi sẽ đến với ông. Tôi đến với ông không chỉ vì tờ tuần báo văn chương của ông mà vì nó còn là tuần báo chính trị, xã hội với ông đúng là có vẻ một người làm chính trị.

Không hiểu ngày đó tôi đã đọc được những bài nào, những đoạn văn nào, ở những báo nào mà đã thấy đang có cuộc tranh luận. "Nghệ thuật vị nghệ

thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh". Và tôi cũng không thể nhớ được rằng tôi đã lý giải nghệ thuật vị nhân sinh phải như thế nào mà có quyết định tự xếp mình vào hàng ngũ môn phái này.

Vậy thì, về văn chương tôi đã được gặp Thế Lữ - thi nhân có thiên tài và tận tụy và chân thành vô cùng kia, tôi đã quyết tâm làm theo như Thế Lữ chuyện trò khuyên nhủ. Còn về chính trị và xã hội thì đây tuần báo Hải Phòng, đây ông chủ báo mà tôi cảm thấy có gì là khác thường, tôi sẽ lấy văn chương của tôi giới thiệu cái nghệ thuật cao quý và thiêng liêng cũng vô cùng của tôi mà viết báo cho ông, làm báo với ông, để phục vụ cho một tôn chỉ và khuynh hướng đứng đắn chân chính.

Không kể trong vòng một tháng tôi dạy học, lại thêm nửa tháng sau nữa, mà tôi vẫn chưa thấy tuần báo Hải Phòng ra đời. Trông vào gian nhà thênh thang tôi càng thấy lặng lẽ, cũng như để ý đến bữa ăn của vợ chồng ông, tôi càng thấy khói bếp rất thưa, vợ ông càng ít đi phố. Tôi càng nao nao tâm trí, càng có thiện cảm với cảnh sống nọ, và tôi càng thêm lòng tin ở ông, muốn tìm hiểu ông, và đón đọc số báo ra mắt của ông.

Bỗng một hôm rồi luôn mấy hôm tôi thấy ông có vẻ tất bật lắm. Ông đi phố luôn. Vẫn sùm sụp cái mũ dạ trên cái đầu bù xù tóc cúp xuống chấm gáy... vẫn bộ quần áo lễ phục chải chuốt, trong mặc áo sơ mi cổ là cứng thắt nơ đen, vẫn cái can trịnh trọng gõ theo từng bước..., ông cũng ra đường, nhưng nét mặt không đăm chiêu mà tươi tỉnh hớn hở khác hẳn.

Thế rồi buổi chiều hôm ấy, người con gái lớn của bác tôi, khe khẽ gọi tôi lại, khoe với tôi hình như hôm nay vợ ông ấy làm tiệc. Tôi không hiểu chị tôi nói gì. Chị tôi cho biết, vợ ông ấy mua những một bó hoa, những một con gà, những một nải chuối và giở ra phơi cái khăn trắng to để trải bàn ăn. Bữa tiệc không biết có rượu không, vẫn chỉ vợ chồng ông ăn với nhau, nhưng không ở trên gác như mọi ngày, mà ở dưới nhà, và bàn tiệc là bàn ông làm việc, ngồi đọc sách. "Vợ chồng ông ấy ăn mừng báo ra đấy! Ông ấy đã lấy báo ở nhà in

về đấy".

Trong tim tôi như se lại. Tôi ra đầu đường mua ngay một số Hải Phòng. Tôi vừa đi vừa đọc. Tôi đọc kĩ nhất bài phi lộ. Tôi về nhà mở rộng tờ báo trên mặt bàn, nhẩm đi nhẩm lại những tên, những mục và những người viết bài rao số sau... Tôi để tập truyện ngắn của tôi nằm giữa tờ báo, cũng đọc đi đọc lại... Sau thêm một tuần sửa chữa, hôm nay tôi đến với ông đây. Tôi đến với tờ tuần báo của ông đây.

Tôi đến với ông, đầu tiên để tỏ lòng hoan nghênh việc ra một tờ báo, có mục đích, tôn chỉ trang trọng. Là một kẻ tha thiết với sự sống công bằng tự do, bác ái, tôi sẽ tình nguyện giúp việc tòa báo trong buổi đầu nhóm rau nhóm bếp. Một công việc mà tôi xin được phép nói thật với ông rằng, tôi thấy có thể cảnh sống của ông cũng túng thiếu, phải chạy vạy vất vả lắm. Tôi sẽ đi lấy tin, lấy quảng cáo, viết bài, bất kỳ bài gì ông giao cho, tường thuật phóng sự, điều tra, phỏng vấn và cả nghị luận nữa. Tôi sẽ làm thư ký cho nhà báo, thậm chí đi đưa báo và cả bán báo ở đầu đường. Hay hơn nữa, tôi có thể thổi cơm, gánh nước, quét nhà quét cửa cho vợ chồng ông. Tôi làm như thế hoàn toàn không lấy một đồng nào, không lấy một xu nào. Cốt sao báo sống, báo ra đời đều, báo chạy. Nhất là báo chạy. Tôi làm như vậy còn với một ý định này nữa, là được kết nghĩa anh em sinh tử với ông. Vâng, thật là đúng lòng tôi nghĩ như thế. Còn như tập truyện tôi đem theo người đây, chỉ để ông đọc. Nếu thấy hay, ông cho đăng, không thì thôi. Mà có được đăng tôi cũng không lấy tiền.

Thưa ông quản lý kiêm chủ bút tuần báo Hải Phòng chính luận, Hải Phòng diễn đàn, Tiếng vang Hải Phòng, v.v... hiện nay đang lúc người ta đua nhau chạy theo đồng tiền, trong số đó không biết bao nhiêu kẻ làm báo để kiếm tiền, thì có một người rất nghèo khổ, một thằng học trò ít tuổi là tôi, cương quyết không theo con đường ấy, cái lối sống ấy... Không nói đâu xa, ngay như ở Hải Phòng này, có những chủ hiệu đại lý thuốc lậu ra báo, chủ

cho thuê xe kéo ra báo, những thằng chuyên đi lừa hết đám có tiền này đến đám có tiền khác cũng ra báo... rồi thành lập nào văn đoàn, nào tủ sách, nào nhóm, nào trường, nào phái, quảng cáo rầm rĩ, nương vào cửa này, dựa vào cửa khác,... thì cũng lại có tôi đây, kỳ vọng ở ông, rắp tin được cùng ông tiến hành một cách đứng đắn và dù phải hy sinh nhiều thứ để thực hiện một công cuộc lý tưởng và cao quý, cho đúng với những chữ chính trị, xã hội.

Tôi đi giữa lúc đường phố đang đông, đang vui, đang đẹp. Đông vui, đẹp vì trời nắng và học trò đến trường. Cuối thu, không còn thứ hoa xoan tây mà nhiều người làm thơ, làm văn và nhất là học sinh thường gọi là phượng vĩ. Nhưng đã có nắng dưới trời mây trong sáng rực rỡ. Nắng trong những chòm cây gió thổi phấp phới. Nắng theo những áo màu, như những cánh bướm, của những học trò con gái. Nắng qua những tủ kính bày các thứ mẫu len, dạ, nhung và các thứ áo. Nắng chiếu những sách bày nghiêng trên những giá mạ kền lót mặt gương. Và đẹp nhất vẫn là nắng trong những tiếng reo cười, tiếng guốc của học trò, và nắng trên những giá bày các tiểu thuyết, truyện ngắn và thơ mới xuất bản đang lừng tiếng.

Các bạn ấu thơ của tôi ơi! Các bạn có biết không, cái anh chàng đang đi giữa các bạn đây mới năm kia, năm kìa, và xa xôi hơn, sáu bảy năm trước đây, cũng là một học trò đấy. Nhưng rồi đây anh chàng sẽ là nhà báo, nhà văn, sẽ biết viết truyện cho các bạn đọc, mà các bạn sẽ không ngờ chính là người của Hải Phòng này, ở cái xóm tồi tàn trong ngõ Cấm kia!... Các bạn lớn tuổi trong đám các bạn, cũng như tôi trước đây, sẽ nhiều lúc bàn tán chuyện trò với nhau rằng cái người ký tên là... là vân vân kia, là ai nhỉ, mà viết cứng, viết hay, viết lạ, viết hắc, viết chúa, viết tài về chính Hải Phòng, về ngay Hải Phòng của mình vậy?

Chỉ thế thôi! Chỉ được nhắc đến thế thôi, đấy là tiền bạc, là châu báu, là lâu đài, là cung điện, là chức cả, là ngôi cao của tôi đấy. Mười bảy thanh xuân ơi! Tôi sắp bước sang mười bảy tuổi rồi! Tôi không còn được đến

trường ngồi ở ghế nhà trường thì tôi vào trường đời, ngồi ở vườn hoa, ở bến tàu, cổng nhà máy, toa xe, hầm mỏ, đồn điền cao su, hay cả ở giường nhà thương và xà lim nhà tù mà... viết bài, làm bài vậy!... Tôi gõ cửa tòa báo Hải Phòng, khi ông chủ báo quần áo lễ phục ở trên gác đi xuống, sắp sửa vào ngồi cái bàn to rộng xếp chất ngất từng chồng sách và báo tiếng Pháp.

***

Trong cái buổi gặp gỡ trang trọng lịch sử ấy, tôi lại mặc cái áo lương, cái quần chúc bâu trắng gối là ở đầu giường và cố nhiên lại đi đôi giày "giôn".

Mặc dầu vẻ mặt vốn đã thẫn thờ như người ở cung giăng cung gió, và đã đeo đôi kính trắng rất sáng, vậy mà khi mở cửa cho tôi vào, nhìn tôi chào, nghe tôi tự giới thiệu, ông chủ báo vẫn lộ vẻ ngạc nhiên và e ngại quá sức. Phải, tôi tuy lạ, nhưng sao ông chủ báo lại không nhận ra đó là anh chàng thỉnh thoảng vẫn đến cái trường ông thánh Antong hàng xóm của ông, và đã một dạo dạy học thay cho ông giáo hói trán đọc kinh cả ngày kia. Vậy mà cái anh chàng học trò dở dang người tỉnh nhỏ ấy lại giở toàn tiếng Pháp, thứ tiếng Pháp lớp nhất sơ học ấy mà, ra mà chuyện trò mà trình bày, mà đề nghị, mà yêu cầu...

Và hỡi ôi! Tôi đã còn dám liều lĩnh nhân danh cả các cụ Jean Jacques Rousseau, Diderot, Victor Hugo mà trình bày, mà chuyện trò về văn chương, về tư tưởng, về xã hội với ông chủ báo Hải Phòng của tôi.

Không như lần ở trước mặt Thế Lữ, tôi ngập ngừng e thẹn, váng vất, bàng hoàng, lần này tôi nói rất hung, rất hăng, rất nhiều và rất là dài! Tôi nói không còn để ông chủ báo kịp hỏi lại, kịp chớp mắt, để ông kịp thấy ông cứ há mãi miệng ra và kịp cả rút mùi xoa thấm mồ hôi trán. Tôi nói cũng mặc kệ cả bà chủ báo cứ thập thò mãi trong sân, không dám đi ra, và cũng không còn để bà đủ sự bình tĩnh mà nhận ra những cái tôi nói với chồng bà là những cái gì, không phải vì bà không hiểu tiếng Pháp. (Đôi khi ở bên nhà bác tôi ngó

sang, tôi cũng thấy bà ngồi bên bàn giấy dưới cây đèn sáng hồng làm việc, đọc sách, đọc báo chữ Tây với chồng)

Cũng may có cái chai nước đã cứu cho vợ chồng ông chủ báo. Đó là một chai trắng, đựng nước lã đun sôi để nguội, không hiểu sao tôi còn nhận thấy ra có nó ở trước mặt mình. Tôi cứ tự nhiên rót đầy một cốc mà uống ừng ực. Tôi uống như một chân đá bóng. Một chân đá bóng làm nhiệm vụ trung phong, nhưng vì tồi quá, đã như trâu lăn xông xáo từ cuối sân nọ sang cuối sân kia, mà chẳng mớm, chẳng truyền được một quả nào ra hồn cho hàng tiền đạo làm bàn. Rút cục "ông" mệt nhoài ra, còi vừa thổi cho giải lao thì nằm thẳng cẳng ra bãi mà thở, khi dậy thì uống nước như kiểu tôi uống vậy.

Ông chủ báo cũng rót nước, ông nhấp nhấp đoạn thấm thấm mồ hôi trán và lau mắt kính. Ông vẫn hơi cúi đầu, hai tay khoanh trên mép bàn, lặng lẽ nghe tôi nói và cũng lặng lẽ nhìn cả cuốn bản thảo của tôi mở ra, tên tập truyện viết chữ hoa tô nét rất đậm, rất bay bướm. Trong khi vẻ ngạc nhiên và e ngại dần dần nhạt đi trên nét mặt ông, thì một vẻ buồn buồn đượm chút gì phân vân bối rối, ánh ánh rõ hơn trong đôi mắt thâm quầng của ông.

... Tôi đã để lại tập truyện ngắn đầu tay cho ông chủ bút tuần báo Hải Phòng sau khi diễn tả lại với ông tất cả những ý nghĩ, những dự kiến bấy lâu nay đang thành quyết định và hành động của tôi. Ông lại lập cập mở cửa. Ông cúi cúi đầu mấy lần chào lại tôi, và khi nắm lại tay tôi, ông đã nhìn tôi cười cười rất lưu luyến và hứa hẹn.

Báo số một rao ra hàng tuần ngày thứ năm thì số hai ra ngày thứ ba. Ngày thứ ba đó lại cách hơn một tuần nữa. Rồi đến số thứ ba vẫn chưa thấy đăng truyện của tôi. Tôi chờ mãi cũng không thấy số bốn. Và một hôm, tôi bàng hoàng hỏi người chị lớn tôi, rằng tòa báo Hải Phòng ai đến ở thế kia và vợ chồng ông dọn đi đâu, thì chị tôi lắc đầu, luống cuống, nhăn nhó: - "Giêsuma! Vợ chồng ông nhà báo ấy à?... Giêsuma! Lạy Chúa tôi. Chị cũng không biết vợ chồng ông ấy dọn đi hôm nào, và cũng không biết vợ chồng ông ấy có ở

đây nữa không mà vẫn còn cái tủ sách, cái bàn giấy và bộ xa lông thế kia?" Tôi nhìn kỹ thì chỉ thấy còn tủ không. Nhưng trên nóc tủ lại có hai buộc báo mà tôi không cần phải trông tận nơi, cũng biết là những báo ế. Hai chồng báo còn to gấp đôi chồng báo hàng tuần cũ của tôi, nhưng không hiểu "nó" có phải cũng là "con tin" như là số phận của hòm sách của tôi không?

Đồ đạc còn lại của tòa báo thì như thế. Còn tòa báo thì ở góc nhà chỗ trước mặt tủ sách là một bộ phản bày bàn đèn thuốc phiện. Không những chỉ có đàn ông nằm ngồi ở đây mà có cả đàn bà. Đàn bà phong phanh thỗn thện, kẻ nằm tiêm, kẻ ngồi giạng chân làm gối, kẻ bá vai bá cổ người hút, người chuyện. Ngay cửa ra vào và cạnh cái cửa sổ tôi vẫn thập thò nhòm ngó ông chủ báo, nay kê hai giường tây, che màn gió nhưng vén lên, mấy người đàn bà cũng phong phanh thỗn thện, và còn mặc nhiều kiểu quần, kiểu coóc-xê lạ hơn, đang vừa chải tóc vừa cười đùa, vừa hút thuốc lá vừa ăn bánh giò, ăn bún ốc.

Đúng là một cái nhà thổ. Một nhà thổ kiêm tiệm hút không hiểu có môn bài không mà lại mở ngay giữa ngõ Cố đạo thế này?

1936, 1937, 1938, 1939, 1940... 1945... Tôi đã để ý nhiều báo, nhiều sách, để ý nhiều phố, nhiều tỉnh xem có tên tuổi hoặc tăm hơi tờ báo Hải Phòng và ông chủ báo nọ. Và tôi cũng muốn gặp lại vợ chồng ông, nhưng vợ chồng ông hoàn toàn chỉ là bóng chim tăm cá và tên họ ông, tôi chỉ còn nhớ được mang máng thôi. Nhưng cái đầu tóc ấy, cái bộ quần áo lễ phục ấy, cái can ấy, cái cà vạt, cái nơ đen ấy, cái gương mặt và đôi kính trắng ấy, cái bước đi ấy và cả người vợ hiền hiền ăn mặc dáng dấp người Sài Gòn ấy cùng với cái "tòa báo" trương một biển gỗ to "Tuần báo Hải Phòng - Văn chương - Nghị luận - Chính trị - Xã hội" ở giữa ngõ Cố đạo kia, thì tôi lại không thể nào quên được.

Chính vì thế tôi mới có chương hồi ký này.

## IV. CUỐN TIỂU THUYẾT ĐẦU TAY ẤY

Cái việc kiếm được miếng mà ăn ấy càng ngày càng thật là thấm thía đối với tôi. Trong nhà vẫn chỉ một mình mẹ tôi chạy gạo. Không bao giờ lưng vốn mẹ tôi có được lấy hai đồng. Tôi để ý thấy nhiều chuyến mẹ tôi chỉ còn độ bảy tám hào, rồi đến ba bốn hào. Khi mẹ tôi mua lại một hai cân mỡ, đi bán lẻ từng xu ở những xóm thợ. Khi mẹ tôi đón mua của những người buôn trầu vỏ nhặt nhạnh, rồi đem đến bán ở cái chợ đầu một ngã tư đường cũng đông đúc, phu phen thợ thuyền và các người nghèo khổ đi làm ăn về tụ họp: chợ Cột đèn. Mẹ tôi còn thổi xôi bán khuya ở vỉa rạp hát hay quấy bánh đúc ngô bán sáng ở đầu ngõ nhà.

Nếu mẹ tôi có được năm đồng bạc mà mua hẳn một lúc dăm cân đường, cân bột của những mẹ buôn lậu ở Sáu Kho hay phố Khách, và có vốn bán chịu, có tiền đong gạo ăn hai ba ngày, nhất là sắm được hay mượn được của bác tôi cái nồi nhôm, thì ông dượng của tôi lại làm các thứ bánh đặc biệt để mẹ tôi đem bán cho các nhà bà thông, bà phán đánh chắn, đánh tổ tôm và các gái nhảy, các đào kép hát ăn buổi trưa, như vậy sẽ kiếm được hơn! Còn như bán mỡ, bán xôi, bán bánh đúc... không những phải đi nhiều, phải thức khuya dậy sớm, mà lại phải lo phải sợ nữa: thuế vé! Mẹ tôi lẩn lút với cái thúng cái mẹt hàng còm cõi ấy còn khó khăn hơn cả một kẻ cắp.

Nhiều phen nếu không được những người tốt, nhà tốt mách bảo và che chở giấu giếm cho, thì mẹ tôi sẽ bị bắt, bị phạt, khốn cực không biết đến thế nào.

Chúng tôi cũng ăn ngày một bữa như gia đình ông cụ bà cụ Trung, như gia đình bác Lượng. Nhiều bữa phải vay gạo. Những bữa này hột cơm nhai nuốt cứ như lẫn sạn sỏi và là sạn sỏi ướp nước đá. Tuy vốn liếng vẫn chỉ có như thế nhưng mẹ tôi vẫn còn phải lo cả tiền nhà. Nhà thuê mỗi tháng một đồng sao lại cứ chóng hết tháng thế? Nếu như ăn những bữa cơm trên kia đã khổ não, thì trong những ngày mồng hai, mồng ba đến mồng năm mồng sáu

cũng thế. Không tháng nào nhà tôi không chịu lân. Cũng không kỳ nào trả được gọn một đồng. Mỗi lần ông chủ nhà lạnh lùng không chịu cầm năm, sáu hào "hãy xin đưa tạm", và nghe mẹ tôi van vỉ, tôi lại thấy trời đất như sắp đến ngày tận thế.

Chính vì thấy cảnh nhà như thế, nên em gái tôi lại đành bỏ chúng tôi trở về Thanh Hóa làm con nuôi một người họ xa có nghề hàng hương, mặc dầu nó đã quyết tâm ra Hải Phòng để anh em được sống với nhau, bảo nhau làm ăn. Một ước mong và một cảnh hạnh phúc mà tôi đã dùng hết lời lẽ thương tâm viết liền mấy thư cho nó.

Thế rồi mùa đông đã đến.

Muốn sao mùa thu vẫn là đẹp, là hơn mùa đông. Đẹp vì nhiều cảnh, nhiều sắc, đặc biệt là cảnh sắc trời mây và nắng gió. Đẹp cũng vì không có rét, không làm khổ người nghèo vì rét. Vì một điều nữa là những lo toan về cái Tết và những nông nỗi năm tận tháng cùng chưa thúc bách quá quắt, chưa chồng chất ghê gớm. Hay nói một cách khác, thì các cảnh trái ngược và bất công giữa sự giàu sang sung sướng và nghèo hèn đói khổ đến mùa rét lại càng phân biệt hẳn ra, làm những kẻ thỏa mãn thì cũng đặc biệt là thỏa mãn, thỏa mãn tột cùng, còn những ai đau tủi thì cũng thật là đau tủi, đau tủi vô hạn.

Tôi đã không còn tâm trí nào ngồi mà đọc, mà viết được nữa. Để tránh một sự hành hạ vừa như là lửa đốt vừa như là kìm kẹp nhay dứt, vừa như là nhựa ngái, nhựa cà độc dược triền miên ở trong người, tôi lại ra đi lang thang.

Tới giờ, cái mũ trắng của tôi mép viền đã xơ hẳn. Còn cái áo lương và cái quần chúc bâu trắng không những đã vá cả khuỷu tay, cả đầu gối, cả đũng mà còn dọa... sẽ bục to thêm nhiều chỗ, nếu tôi chỉ một chút vô ý cử động mạnh. Bởi vậy, không cần nhìn mình trong gương, tôi cũng thừa đủ thấy tôi tàn tã lắm rồi, dù mất công chải chuốt giữ gìn chừng nào nữa cũng không thể không

thấy như thế. Còn thêm một điểm này là tôi không còn vẻ gì là cậu bé, là cậu học trò nữa. Tôi đã giật mình, lạnh toát người, những lần có đội xếp tây, đội xếp ta hay mật thám chặn đường hỏi thẻ các bộ hành, mà tôi lại bỏ quên học bạ hay thẻ học sinh ở nhà! Nhất là vào những buổi đi về khuya.

Chao ôi! Thế ra không phải chỉ vì cái cổng trường, cái cửa lớp không cho phép tôi đến học nữa, còn là học trò nữa bởi không có tiền, mà chính tại vì hình hài dáng vóc và sự ăn mặc của tôi đã làm tôi cách biệt hẳn ra, cách biệt vĩnh viễn một cuộc sống dù sao cũng là tươi sáng, nên thơ, đáng yêu dấu vô cùng đối với tôi.

Tôi không như ngày năm xưa bị tù, mỗi khi chợt nghĩ đến tuổi ấu thơ và quê hương, tôi đã bưng mặt khóc, ngay dưới gốc cây, ngay bên vệ cỏ, bên cạnh cái xe bò rác tôi cầm càng, và vội vội vàng vàng lấy cánh tay lấy vạt áo chùi nước mắt thấy người đi qua. Nhưng lại buồn đau hơn.

Ơi! Những mái ngói rộng, những cửa kính, những bàn lim, những bản đồ rực rỡ, những bảng đen, những thước gỗ, những bụi râm bụt, ô rô gai góc um tùm, những gốc bàng, gốc sấu quý như những cây trong vườn Địa đàng. Ơi! Những "trong đầm gì đẹp bằng sen", "Ai bảo chăn trâu là khổ"... "Đêm qua ra đứng bờ ao, trông cá cá lặn trông sao sao mờ", "Lắng lặng mà nghe nó chúc nhau"... "Chiều giời bảng lảng bóng hoàng hôn"... Ơi! Những Alphonse Daudet, Victor Hugo với Buổi học cuối cùng, Đại dương đêm tối, những Jean Jacques Rousseau, Diderot, Voltaire, Saint Zust, Marat, Robespierre, Danton với những Tự do, Bình đẳng, Bác ái và Cách mạng 1789! Ơi! Những Ngô Quyền, Bạch Đằng giang, Đinh Tiên Hoàng, Hoa Lư, Lý Thường Kiệt, Nam quốc sơn hà Nam đế cư, Trần Hưng Đạo, Hịch tướng sĩ, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Bình Ngô đại cáo, Quang Trung, Ngọc Hân, Ngọc Hồi, Bồ Đề, Đống Đa... Ơi! Những thầy giáo, đặc biệt là thầy dạy lớp năm, thầy dạy lớp nhì năm thứ nhất, và thầy dạy lớp nhất lớp cuối cùng của ta. Nhà trường hỡi! Ta không còn được đến ngồi dưới mái ngói rộng, bên cạnh cái bàn lim của

ngươi mà trông lên bục của các thầy dạy, rồi nghỉ ngơi nô nghịch hay mơ mộng suy tưởng trong những bụi cây, dưới gốc bàng, gốc sấu của ngươi nữa. Vĩnh biệt ngươi, xin vĩnh biệt ngươi.

Tất cả những hình ảnh trên đây lại trở lại trong tâm trí tôi. Tôi đã đi, đầu cúi cúi, nhưng mắt vẫn ngước nhìn khoảng không ở đằng trước. Từng cơn gió lạnh vô cùng và vô tận táp vào mặt tôi. Tôi lại chợt bắt lấy cái ý nghĩ: "Hay ta cứ trở về Nam Định, cứ trở về cái tỉnh chôn rau cắt rốn, quê hương của ông cha kia!".

Phải, bất chấp mọi thành kiến, mọi tai tiếng, mọi con mắt nhìn, mọi thái độ đối xử, mọi khó khăn, mọi cực nhục... Tôi cứ trở về Nam Định. Biết đâu tôi lại không tìm được một việc nào đó trong thành phố, không thì ở một làng nào đó miền biển hay vùng đồng chiêm xa lạ, túng đói, kiệt cùng, buồn tẻ. Không được đi học nữa, không được kéo dài thêm cái tuổi thơ ngây yêu dấu dưới mái nhà trường, thì chí ít cũng được sống ở một mặt đất nếu tôi có quỳ xuống và áp mặt rỏ nước mắt lên, tôi cũng được thở được hít một chút gì là hơi hướng thân thuộc sâu xa của mình.

Chao ôi! Nếu tôi có đói mà đi thì cũng được đi trên những mặt đường, những bờ hè còn âm vang những tiếng trống, tiếng guốc, tiếng cười nô và tiếng lá bàng, lá sấu reo ấy. Tôi có rét mà đi thì cũng được đi qua những vườn hoa có hoa ấy: thược dược, phù dung, trúc đào, ăng-ti-gôn, cẩm chướng và đặc biệt là cúc, là hồng, cúc vàng, hồng vàng, cúc trắng, hồng bạch, cúc cũng đại đóa, hồng cũng đại đóa... Và bướm và chim nhỏ xíu chuyền nhảy gọi hót trong hoa, đan những đường ánh sáng qua những làn bướm...

Hay có kiệt sức lả đi, thì tôi cũng lả đi ở một gốc đa, hay gốc gạo không biết đã có từ mấy trăm năm, cao chót vót bên bờ con sông đào thênh thang mát rợi kia, mà nhìn những chuyến đò và nghe những tiếng phập phò, chi chát, choang choang của một lò rào:

Lặn lội thân cò trên quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông...

(Tú Xương)

***

Nằm lả đi và vẫn trông về cái gian nhà gác kiểu chuồng chim ở cái phố Hàng Cau mà nhớ lại những chiều đông lạnh, người cha của tôi hết sức mệt mỏi chán nản và buồn thảm đã chết, hồi ấy vẫn còn dạy tôi:

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa khách bước dồn

Kẻ chốn Chương Đài người lữ thứ

Biết ai mà kể nỗi hàn ôn.

và

Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Dừng chân đứng lại trời non nước

Một mảnh tình riêng ta với ta...

(Bà huyện Thanh Quan)

***

Tôi lại ngồi vào bàn bên cái khung cửa sổ nọ. Tôi bỏ buổi đọc sách, tôi lại

viết. Tôi viết tiểu thuyết! Phải! Tôi viết hẳn một truyện dài.

Giấy làm bản thảo lần này toàn là thứ giấy trắng xỉn, chưa kẻ, ba xu rưỡi một thếp mua ở một cửa hàng gần nhà, rất ế khách. Không có giờ giấc gì cả! Khi ngừng viết để nghỉ ăn cơm, hay nhức đầu quá phải đi lang thang ra bến Sáu Kho, xuống Cầu Rào hay vườn hoa sông Lấp, và những buổi lên phố chờ mẹ tôi chạy chợ hay đón người quen mẹ tôi gửi gạo về, tôi cũng vẫn viết. Tôi viết thầm: tôi vừa đi vừa lẩm nhẩm từng chữ, từng câu, rồi sắp xếp từng đoạn, "quay" tiếp theo những trang viết dở. Tôi thích nhất cách làm việc này. Bản thảo vừa được kỹ hơn, câu chuyện được nhào nặn và diễn biến rất kỳ thú mới lạ và sinh động. Nhưng cũng rất mệt, mệt vì nhiều đoạn lúc về nhà ngồi vào bàn viết, tôi quên bẵng đi. Tôi đã khổ sở như một kẻ khốn nạn bắt được của mà suýt để mất.

Mùa đông năm ấy hình như nắng nhiều và càng nắng lại càng rét ngọt. Và càng rét thì cảnh túng thiếu, chắt chiu, xoay giở chạy vạy ở chung quanh tôi thật là lấm mày lấm mặt, lầm than vô cùng. Bên bàn viết, tôi lại càng phải dằn người xuống, và tôi thấy tâm trí càng thắt lại. Lắm lúc tôi phải miết miết bỏng rát cả hai thái dương và trán để đầu bớt ê ẩm. Cũng như tôi phải kẹp chặt cứng một cánh tay vào hai bắp đùi căng thẳng để chống lại cái rét chỉ thừa cơ một tích tắc là bốc tôi ra khỏi ghế, sau đó tôi không còn thể nào giữ nổi tất cả gân sức cho khỏi run lên lạnh buốt và tim phổi trong ngực khỏi tê tím lại, rời rụng ra.

Tôi tình nguyện tự thít mình lại, gò người vào mép bàn, còn vì lý do này nữa. Tôi có ra phố, ra đường, đã không bớt mệt mỏi, nhẹ nhàng đầu óc, mà còn nung nấu, nhay dứt hơn. Vì những quảng cáo sách báo xuân. Đặc biệt là các báo tết trong đó có số đầu tiên của tờ Hà Nội báo ra quân rất rầm rộ, rất phải chú ý. Nào Thị Mịch của Vũ Trọng Phụng, nào Tiếng địch sông Ô của Phạm Huy Thông, nào Cầu sương điếm cỏ của Lưu Trọng Lư, tưởng chừng đến làm nghiêng ngả tờ Phong hóa của Tự lực văn đoàn, tờ Tiểu thuyết thứ

Bảy của nhà xuất bản Tân Dân, và sẽ kéo nổi lên theo nhiều cây bút xuất sắc bấy lâu chưa được ai biết đến...

Những gánh cúc thơm ngát và hãy còn sương của làng Hạ Lũng đi lên phố và những cành đào, cành mận cành mai tươi thắm bồng bồng của các làng xung quanh thành phố đem đi bán sớm, như không phải sửa soạn cho ngày tết của các nhà sẽ mua nó, mà là đón mừng trang điểm cho những vần thơ và tài năng nọ.

Năm trang, mười trang... hai mươi trang... Chương một, chương hai, chương ba... rồi bốn mươi trang, năm mươi trang, sáu mươi trang... Chương năm, chương sáu, chương bảy... Rồi hết phần thứ nhất, sang phần thứ hai. Tôi vẫn ăn một bữa, một bữa cơm xới ở nồi ra chia nhau từng bát. Thức ăn chỉ có canh rau cải nấu suông đập thêm mấy nhát gừng. Cũng múc ở nồi ra và phải trông nhau mà ăn. Nhưng khác hẳn đợt viết trước, tôi thấy hồi hộp một cách lạ sau từng trang, từng chương. Phải chăng:

Cây im sông lặng đợi xuân về...

(Thế Lữ)

Máu tuổi xanh của tôi đã tươi thắm và được truyền tiếp thêm với không khí đất trời và với cả chính những dòng chữ của mình.

Nhưng rồi cái ngày năm cùng tháng tận và cái buổi chiều thiêng liêng của nó cũng được lo toan đúng như kiểu nói của ông dượng tôi: "Đâu vào đấy hết!" Đúng trưa hôm ấy, mẹ tôi đội về một thúng có cả gạo, rau và nước mắm. Chỗ gạo lùm lũm khác hẳn mọi buổi, dễ thường ăn được đến mồng 4 mồng 5. Rau đủ cả cải bẹ để muối dưa, và cải canh, bốn năm mớ to. Nước mắm lưng chai. Mẹ tôi luống cuống xếp các thứ ra rồi lại đi ngay. Chợ càng đông. Trầu cau của mẹ tôi vẫn chưa bán hết và bán được giá. Mẹ tôi bán nốt rồi sẽ mua thêm thức ăn. Tôi đã nói đi nói lại với mẹ tôi có gì thì chỉ đong

gạo thôi, nhưng mẹ tôi đã mua cả thịt và cá. Tối mịt mẹ tôi đưa thịt cá về, ông dượng tranh lấy kho.

Nhà bác Lượng to bụng cũng về muộn. Giờ bác mới đong được gạo. Nhưng cá bác mua hẳn hai con chứ không phải mấy khúc như của mẹ tôi. Hai con cá dù chỉ là cá hồng đã ươn, nhưng to trông vẫn thích. Thịt thì có cả thịt sỏ, không kể miếng thịt bụng nhiều gấp đôi nhà tôi. Lũ con của bác mọi khi quấy khóc đánh nhau, cãi nhau làm bác lắm lúc như phát điên phát rồ lên. Giờ chúng nó ríu ra ríu rít, làm nũng làm nịu, anh anh em em cứ xúm xít chung quanh mẹ. Đứa lớn cũng tíu tít gắt gỏng kêu bố lần mần không biết làm gì cả.

Khi mọi nhà sắp cơm cúng, thắp nhang, nhà cụ Trung mới ăn cơm. Vẫn bữa cơm thường lệ: một nồi cơm gạo hẩm và một âu dưa muối xổi. Hình như bà cụ chỉ mua có ít mỡ vụn rán lấy tóp chưng mắm tôm, còn để xào rau. Không thấy kho thịt, kho cá gì cả. Bà cụ vẫn vừa nhai trầu vừa sin sít tiếng nói nhưng không cay ca đay nghiến ông cụ và anh Trung như mọi ngày mà tươi tỉnh bắt chuyện cả với bà cụ thím ông chủ nhà, vợ chồng bác Lượng và mẹ tôi.

- Thôi năm nay tôi lại ăn tết văn minh, chỉ kiếm mấy thẻ nhang để thắp cho ấm cửa ấm nhà đón các cụ về, rồi khấn với các cụ làm sao phù hộ độ trì cho con cháu được mạnh chân khỏe tay, sang năm mới tôi chạy sao được ngày hai bữa, thằng Trung, thằng Hiển anh em nó có công ăn việc làm... Còn ăn uống... thế chỉ có ngày tết mới ăn uống sao? Mà ăn gì thì ăn, cũng đến no bụng thôi!

Bà cụ vành hai ngón tay, chùi cốt trầu ở miệng rồi cười rất là thoải mái, rất là tự nhiên. Tất cả các ông các bà hàng xóm đều cười nói vui vẻ tán thêm vào tục lệ tết nhất. Trong khi ấy, ông cụ ngồi chống gậy trước bàn thờ có độc một bát gạo cắm mấy thẻ hương và một nải chuối xanh, một đĩa trầu cau và một chén nước lã bày trên cái mẹt bà cụ vẫn bán hàng. Ngẫm nghĩ sao, ông

cụ lại lần ra cửa, và cũng vừa run vừa thở lào phào bàn chuyện tết với mọi người. Ông cụ cũng tươi tỉnh khác hẳn. Còn bà cụ thì mặc ông cụ nói, chứ không lườm, không ôi dào, không "thôi đi" như mọi ngày...

Tôi nhìn miếng gỗ to hơn cái bảng học trò treo trên cột ở giữa nhà đủ cả chuối, trầu cau nước lã, và nhẹ nhẹ thấp thoáng ba vệt khói hương đen ngan ngát của nhà cụ Trung, mà tiếc nhà tôi không có được một bàn thờ như thế. Thế là tôi lại ngắm nghía, lại lau chùi, lại sắp xếp cái bàn sách của tôi. Rồi vẫn đủ lệ bộ, chồng báo hàng tuần, tập sách chữ Pháp, cuốn tự vị cũ và thêm mấy thếp, mấy cuốn bản thảo, cái bàn thờ của tôi ấy lại bày biện để đón giao thừa và ngày đầu xuân khai bút.

Chao ôi, nếu tôi có thêm được một lọ thủy tinh trong sáng cắm mấy cành lá xanh và mấy bông hoa huệ để trên chồng báo góc bàn và ở trước những Vigny, Hugo, Rousseau kia, hay tôi lại có một bức phong cảnh in màu treo trên khung cửa, thì còn thêm biết bao hạnh phúc, bao nao nức, man mác bâng khuâng?!

Suốt buổi chiều, tới giao thừa, tôi không viết thêm được gì cả. Cuối cùng, tôi đi ra đường cùng các bà con xuất hành hái lộc về xông nhà. Bà cụ Trung, bác Lượng gái, anh Hiển, ông dượng tôi và tôi thành bọn. Còn hai người mà tôi muốn kể rõ hơn là bà cụ N. và cô N. Bà cụ N. người bé nhỏ gày yếu, tóc bạc gần hết, thường đeo kính trắng và đọc kinh Phật. N. là con gái thứ hai của bà cụ, năm đó hai mươi bốn hai mươi nhăm tuổi.

Cô gần như không giống bà cụ, từ vẻ mặt cách đi đứng đến ăn nói. Cô ngăm đen, mặt mỏng và tròn, cằm lẹm, miệng như móm. Tiếng nói như khóc. Dáng đi cập rập thật vất vả. Cô thêu, đan, may khâu rất giỏi. Chuyên nhận làm hàng đăng ten cho trên phố. Hình như gia đình muốn cô về làm hai cho người chồng của chị, nhưng không hiểu vì người chị ghen, hay cô không thuận nên việc chưa thành. Người anh rể này có cửa hiệu khắc con dấu và chữa xe đạp trên phố rất phát đạt, chỉ được mỗi mụn con gái.

Chính vì có bà cụ N. và cô N. nên tôi càng thêm phần hào hứng đi đón xuân đêm ấy. Nhưng chỉ qua được mấy phố, tới lúc cả bọn vào đền Nghè để xem, thì tôi không còn bụng dạ nào.

Tôi vẫn đội cái mũ trắng mép sờn. Vẫn cái áo lương, cái quần chúc bâu trắng gần bạc và vẫn đi guốc. Guốc mới! Trong túi tôi vẫn không có đồng xu nào cả. Đến những hàng hoa, hàng hương, hàng nào hàng ấy đon đả như hát như múa mời khách du xuân, tôi làm ra vẻ rất tự nhiên như mặc cho bọn các ông các bà giao thiệp, còn mình đi chơi là đi chơi. Thật tình trông những bó hải đường, những cành đào, cành mận, những gói hoa, những bao hương... tôi như nghẹn cả người. Nhất là trông những cành đào, cành mận!

Rồi khi cả một làn hương khói và những tiếng chuông, trống, đàn, phách, tấu hát ở trong đền sực lên, thì tôi thấy trong người như rỗng, như hẫng hẳn đi. Tôi khẩn khoản nói với mọi người xin phép đến phố Bờ sông vì có các bạn học cũ hẹn. Vừa bứt khỏi bọn, tôi liền rảo bước vào khu vườn hoa gần đấy! Tôi ngồi xuống một cái ghế đẫm sương, bỏ mũ ra cho đầu bớt nóng, rồi ngả cổ, dang hai cánh tay, mắt nhắm lại.

Một lúc sau, tôi trỗi dậy, nhìn trước nhìn sau ra ngoài đường, rồi đứng lên dựa ghế, bẻ bẻ giật giật một cành cây đang nhú lộc. Tôi cầm cái cành lộc khẳng khiu, lờm xờm và hăng hắc ấy ra đường. Đường không có một bóng người khác. Hai hàng cây cơm nguội luôn luôn rào lên, gió lạnh hun hút. Sương và gió mỗi lúc một tỏa rộng và thổi vang trong tâm hồn tôi.

Tôi lại đọc thơ. Tôi đọc lại tất cả những bài thơ thuộc được của Thế Lữ. Có bài tôi đọc đến lần thứ ba, thứ bốn. Có câu tôi đọc đi đọc lại đến bảy tám lần. Có câu tôi cất hẳn thành tiếng, rung rung ngân nga trào lên cùng những làn gió lạnh buốt.

Cành cây cơm nguội đem về kẹp vào giữa tập sách chữ Pháp. A! Cái màu

xanh trên bàn viết của tôi. Tuy chỉ là những điểm xanh xanh nhu nhú nứt nanh. Nhiều khi phải trông rất kỹ mới khỏi lẫn với lần vỏ cây xám mốc, cành gày khô khẳng...

***

Tôi đã viết sang phần thứ hai, rồi sang phần thứ ba. Tám mươi trang, chín mươi trang, một trăm... một trăm năm mươi trang. Những trang chữ càng đặc sệt, càng lởm chởm và càng dày lên, thì người tôi càng như bị vắt ra, óc não như bị nạo sâu thêm. Và tôi càng mong càng bặt tin mẹ tôi. Mẹ tôi vào Nghệ An. Chỗ gạo đong ăn tết đến đúng ngày mồng 4 thì hết. Ngày mồng 5 mẹ tôi lại cắp thúng mẹt ra đi. Chiều hôm ấy mẹ tôi về cũng lại làm tôi ngạc nhiên. Gạo trong thúng lại lum lủm, chứ không phải là mấy bơ, mấy bát. Rau, dưa cũng nhiều. Chỉ thiếu có chai nước mắm, thịt và cá, là đầy đủ như hôm ba mươi cháng chạp. Rồi mẹ tôi dúi một hào rưỡi cho riêng tôi để tiêu, đặc biệt là để phòng khi nào hết gạo sẽ ăn quà, và dặn dò nếu "ông ấy" vẫn không chạy vạy tiền đâu được nữa, thì tôi cứ lên nhà bác tôi mà ăn, hay không ăn thì bảo "chúng nó" cho tiền. Cái L. nó không tiếc gì em đâu! Nó bảo sao bà cứ không chịu bảo cậu ấy lên chơi. Tới đây thì tôi thấy như nghe tuyên án vậy.

Thế là tất cả những nơi những chốn ở Hải Phòng để mẹ tôi nhờ cậy đã cùng kiệt rồi. Cũng như có thể chuyến này chúng tôi đành bỏ Hải Phòng để vào trong Vinh mà tìm cách sinh sống thôi. Được! Tôi hẳng chờ, trong khi mẹ tôi đi cầu phong, tôi vẫn cứ phải viết đã. Viết để hoàn thành hẳn hoi một tác phẩm. Viết cũng để không phải nghĩ tới bao nhiêu cái không hay, những điều rất có thể là thê thảm sẽ đến.

Ra giêng năm ấy trời càng rét.

Càng rét vì mưa dầm. Những ngày gió bấc mưa phùn mờ ảm, hun hút như không bao giờ hết. Cửa sổ tôi đã phải đóng chặt lại còn chít thêm giẻ, thêm giấy. Những ngọn gió lùa vừa sắc, vừa nhọn vừa buốt đã bịt được, nhưng khí

lạnh vẫn rỉ vào. Lắm lúc tôi chợt thấy mặt, thấy trán như dại, như chết, và ngực đau nhói, nặng nặng tức tối lạ lùng...

Ngày ngày cứ gần về chiều tôi càng thấy như ngồi trong một thứ quan tài vô hình làm bằng hơi ẩm, gió lạnh và bóng mờ. Còn tiếng muỗi đói ran ran ri ri là nền của một dàn bát âm cũng vô hình, trùm lên người mình. Tôi phải đội cả mũ, mặc áo dài, đi giày "giôn" mà ngồi viết. Không thể khoác chăn - muốn thế nào tôi cũng đang là trai tráng - tôi gập đôi chăn kẹp vào bụng và phủ lên cả đầu gối bắp chân để thêm hơi ấm và bớt muỗi đốt.

Với hào rưỡi mẹ tôi giấu cho, không nhớ tôi đã ăn kẹo lạc bánh ngô hay bánh chưng, hay phở, hình như chỉ có kẹo lạc và bánh ngô thì phải. Bánh ngô tôi ăn buổi sáng để chờ bữa cơm chiều. Còn kẹo lạc ăn khuya để nhấm nháp tận hưởng sự ngon ngọt, chống lại cái đói ê ẩm thấm thía vô cùng trong đêm mưa lạnh hoang vắng... Kẹo một xu một chiếc. Bánh cũng thế. Nhiều hôm tôi ăn cả bánh sáng, cả kẹo khuya. Hơn nữa, có buổi mua hẳn hai chiếc ăn. Cũng may tôi đã phải đấu tranh tư tưởng rất quyết liệt mới ăn dè được.

Vẫn thứ giấy ba xu rưỡi ở cái cửa hàng ế vắng gần ngõ nhà.

Chỗ gạo mẹ tôi để lại hết sao mà chóng thế. Một ngày rồi hai ngày rồi ba ngày rồi bốn ngày rồi năm ngày. Tôi không nhớ rõ, sang đến ngày thứ năm nhà không thổi nấu gì ấy, chúng tôi đã ăn uống những gì, và đã ăn uống ở đâu mà sống được. Ông dượng tôi đi đâu, tôi chẳng hỏi mà cũng chẳng cần biết. Tôi đi đâu, có lẽ ông cũng đối xử như thế. Một hôm đi phố, tôi thấy hình như ông ở ngõ nhà bác T. tôi ra, tôi đã tự nhủ: "Chả nhẽ ông lại mò lên đây để kiếm ăn à? Ai chứ bác gái tôi thì đừng hòng mời mọc!" Cũng chả nhẽ ông hỏi xin tiền chị tôi? Đến tôi, tôi cũng không chịu xin, nữa là. Chị L. cũng đã có lần dúi vào tay tôi hai, ba hào nhưng tôi không nhận. Chắc thấy tôi đói phờ cả người mà vẫn không chịu hỏi han gì cả, nên chị đã gói một gói ngô bằng giấy báo tây, buộc sợi len rất đẹp, chờ lúc tôi gần ra khỏi cửa, mới chạy theo, cười cười làm ra vẻ hốt hoảng:

- Ngô này rang nở lắm, con bé học trò nó cho chị để đấy. Cậu lấy một đấu về ăn đọc sách cho vui...

Có lẽ gói ngô này đã là những bữa ăn chính của chúng tôi với nước lã. Nhưng rồi ngô cũng hết. Tôi nhất định không đi đâu nữa, toàn uống nước lã và... viết. Tôi đã sang được chương ba của phần ba. Còn sáu bảy chương nữa là trọn truyện...

Một chiều mưa đã tạnh. Trời vẫn mờ mờ, vẩn vẩn, lạnh ngăn ngắt nhưng đã có khoảng hửng sáng. Tôi viết thêm hai trang thì gục mặt xuống mép bàn, khi ngẩng mặt lên thấy không khí có vẻ khang khác, bèn quay ra nhìn, thì nhận ra cảnh tượng trên đây. Vừa để đỡ mệt và cũng để suy nghĩ thêm, tôi ra chõng nằm, đầu gối lên hai cánh tay khoanh ấp vào nhau, mắt lim dim nhìn ngoài trời.

Ơ! Làm sao đầu tôi lại nặng, mắt tôi lại hoa thế này?

Tôi rút một cánh tay, tôi nặn nặn hai thái dương và cả trán, đoạn nhắm lại, cố lặng thiếp đi một lúc lâu như thường lệ thấy mình mỏi mệt quá! Nhưng lần mở mắt và động đậy đầu tóc này, thì tôi sợ quá. Không phải chỉ có mặt và đầu tôi sa sầm, mà cả người tôi nôn nao một cách lạ như bị bỏ vào một cái thùng tối lăn đi lăn lại. Trán tôi mồ hôi toát ra, lạnh nhớt nhưng lại hầm hập nóng ở bên trong. Tôi thấy gai gai rởn rởn da gà. Thế rồi ngực tôi như có ai đứng dận lên, cả tim lẫn phổi đều ngột ngạt. Tôi bật dậy, ho rũ. Cơn ho đầu tiên vừa dứt, tôi chưa kịp nằm im, lại phải ho. Cứ thế. Cứ thế... Sau cùng tôi phải vào ngồi trong giường, lưng tựa vách, để cố giữ cho khỏi ho và đỡ choáng váng...

Có lẽ lâu lắm tôi mới lại nhớ đến cha tôi, đặc biệt là những ngày ông gần chết. Ông ho ra máu hàng nửa năm. Tôi là đứa bé tớn tạo liều lĩnh nhưng khi đem ống nhổ của ông đi đổ hay quét tro những bãi đờm của ông thì vẫn cứ

phải ghê ghê chờn chợn. Đờm của ông như mủ, thứ mủ xanh có lẫn những hột, những vẩn máu tím bầm. Nhà không còn tiền thuốc thang cho ông nhưng ông vẫn phải hút thuốc phiện. Từ một nửa lạng thuốc trong tuần lễ, nay ngày chỉ có nửa đồng cân, rồi hai hào. Có lẽ ông càng ho và chóng chết vì thế. Thường thường những khi ông không hút thuốc mà đọc sách, thì ông ngồi cắm tì lên một đầu gối. Ngừng đọc, ông lại ngả người vào sách, cổ ngật về một bên, mặt thiêm thiếp, hơi thở khò khè.

Từ khi ông ho nặng, ông không đọc sách nữa. Và ông cũng không bảo tôi đọc. Phần vì tôi cũng không muốn gần ông. Tôi còn đi đánh đáo, bẫy chim, trèo cây, kiếm quả. Hỡi ôi, cha tôi đã nghĩ sao mà trong nhà còn một hòm sách cũng khá to, có mấy pho quý như Đông Chu liệt quốc, Tam quốc, Liêu trai chí dị, v.v... và nhiều sách Pháp khác trong đó có cuốn tự vị hiện nay tôi vẫn dùng và nhiều pho truyện như Tê-lê-mạc phiêu lưu ký, Lỗ Bình Sơn phiêu lưu lý, Miếng da lừa, v.v... sao ông không bán đi để lấy thêm tiền mà ăn hút những ngày biết rằng mình sắp hấp hối? Pho Tam quốc đóng làm hai tập. Tập hai bị mất. Tập một sau khi ông mất, tôi đem bán cho một hàng phở xe ở ngã tư phố nhà được một đồng. Bán được tuần lễ có mấy người hàng phố biết việc, xui tôi chuộc lại. Người hàng phở phải cho thêm tôi bốn bát phở thịt nhiều gấp đôi, hành củ thái từng nạm. Pho Đông Chu liệt quốc còn tập một, cô tôi đi đánh chắn, không hiểu cô cho bạn mượn mất hay cũng bán.

Nhớ lại những sự việc trên đây và hình ảnh cha tôi, tôi không còn đủ nước mắt mà khóc nữa! Không phải vì tôi đã khóc ông nhiều suốt luôn mấy tháng, những giờ tôi đi học một mình, những phút ra chơi ngồi dưới các gốc cây các bụi rậm, giơ ảnh ông ra tưởng ngắm, hay những đêm tôi đi chơi khuya trên những quãng đường ông sai đi mua thuốc phiện, dầu lạc và bánh bao kẹo lạc... Cũng không phải vì tôi không còn thương ông, hay ít thương ông. Trái lại, lúc này đây tôi lại càng đau xót. Tôi là con trai độc nhất của ông. Ông cũng là con trai độc nhất của cả một dòng họ. Ông cũng được nuôi ăn học. Tôi tuy không được học nhiều, được học trong một cảnh đầy đủ lâu như ông,

nhưng cũng là được đi học. Ông chết năm tôi gần mười hai tuổi. Vậy chỉ vì sống đói rét khổ cực như thế này, nếu tôi cũng mang bệnh như ông, cuối cùng bị thần chết cướp đi, thì thật là ai oán! Năm nay tôi mười bảy. Không đầy sáu năm trời sa sút, mà cả một dòng họ bị lụn tắt. Ông, ông chết, ông còn có tôi và con em tôi. Còn tôi, tôi không vì bắt chợp mà nghĩ đến sự nối tiếp huyết thống đâu! Nhưng tôi vẫn không thể sao không thấy rằng tôi phải có một sự nối tiếp. A! Một sự nối tiếp không bằng máu thịt mà là của tinh thần. Sự nối tiếp của tâm hồn tôi với những cái gì tinh túy nhất, thiêng liêng nhất để lại cho cuộc đời mà tôi yêu dấu.

Đêm ấy về khuya trời càng gió to, càng lạnh. Nhưng không khí khô tạnh, trong nhẹ hẳn đi. Trên cao, qua những vừng mây lớp này cuốn theo lớp khác, đã thấy thấp thoáng mấy vì sao xanh xa thẳm. Và có những làn hương, hương hoa hoàng lan, hương hoa lý nữa. Hương của cả những đồng cỏ xa, những vườn quả khuất. Tiếng các nhà máy cũng rõ hơn. Lắm lúc như có một lớp sóng toàn tiếng vĩ cầm dào lên, rồi tản ra, để lại một thứ tiếng rùng rùng âm vang bát ngát.

Sáng hôm sau, tôi lại dậy lúc tầm nhất Nhà máy tơ. Tôi lại đội mũ mặc áo chùng, ra đi cùng với những thợ thuyền phu phen trong xóm. Chao ôi! Kia rồi, cái bãi gần cảng Sáu Kho, sau Nhà máy tơ trông ra cửa Cấm, sông Bạch Đằng, ra mũi Cát Hải, vịnh Hạ Long và trông ra cả núi Yên Tử và rừng thông Quảng Yên.

Bãi trông càng vắng, càng rộng, cỏ ướt sương đêm và mặt hồ loang mờ khói làm tôi càng thấy mình xa lạ. Chỗ gốc gạo có tảng xi măng cốt sắt bệ cột đèn cũ tôi vẫn để quần áo mũ cho khỏi ướt khỏi lấm, nay lau mọc gần thành bụi. Còn khoảng đất phẳng phiu tôi chạy nhảy, thì không những đầy cỏ mà còn xâm xấp nước. Mặt trời vẫn chìm sau lớp mây xám nhờ. Những ngọn cây và những ống khói thường nhật vẫn nổi lên phấp phới rực rỡ, giờ vẫn im lặng chờ đợi.

Tôi ngần ngại đến bên bệ xi măng. Tôi toan bỏ mũ ra để làm mấy nhịp thở hít, nhưng lại ngồi xuống. Tôi đang mệt, trời lại còn lạnh, tôi chỉ nên ngồi nghỉ, xem cảnh mặt trời lên, chờ có nắng rồi vận động. Như thế cũng có thể đỡ nhức đầu, đỡ choáng váng, để tiếp thêm một phần sinh lực và lấy lại sức mạnh và sự sáng suốt cho tinh thần.

- Lại tính toán ma mị rồi. Muốn sống thì phải đứng ngay lên, cởi áo dài, đi hẳn ra mô đất giữa bãi kia. Chỉ có thế... chỉ có thế... Sáng nay có thể nghỉ viết, chứ không có thể nghỉ tập được. Hay nói một cách khác, nếu không tập thì đừng viết! Đừng hòng mà viết được!

Tất cả những ý nghĩa công dụng của nào chất "cực tím" trong ánh sáng bình minh và "dưỡng khí trong lành" bồi bổ cho cơ thể suy nhược, nào ảnh hưởng của ngoại cảnh với óc não với tinh thần, vân vân... đều nhẹ thếch đi trước những câu gắt, mắng trên đây. Tôi cởi áo, trụt guốc, co co hai khuỷu tay, nhún nhún chân để khởi động. Nhưng chỉ vừa mới nhảy nhảy chân không trên bãi cỏ ướt, nhất là cởi cái áo chùng ra khỏi người, thì tôi bàng hoàng cả người.

Tôi bàng hoàng cả người vì thấy mặt mày tôi sẽ quay cuồng. Tôi phải mau mau ngồi dúi xuống bệ xi măng nếu không sẽ nằm vật ra đất mất. Nghĩa là tôi vừa không chịu nổi cái lạnh, cái rét, vừa không còn đủ sức mà làm những cử động mạnh dù chỉ là nhịp nhàng của bài thể dục đơn giản nhất. Cùng với cái lạnh, cái mệt này, tôi lại thấy cả cái đói nữa. A! Cái đói làm ruột tôi quặn lại hơn là bị thắt bị vò bị xé. Cái đói làm trong người tôi như không thể thi hành những mệnh lệnh của thần kinh chủ đạo được nữa. Tôi thở rít lên một tiếng. Tôi không chạy. Tôi xỏ lại guốc, từ từ nhấp nhô đôi vai vừa thở vừa đi ra ngoài bãi. Mặt trời đang rạng. Qua những ngọn cây gạo và những tầng mây nền mây như có một cửa lò lửa khổng lồ phả lừ lừ ánh sáng ra. Giữa những đám mây đục mờ dần dần rực lên ấy, một lòng đỏ trứng gà bồng bồng nổi ra, tươi mịn ấm ngọt vô cùng. Thoáng chốc, cả đám mây lót chiếc lòng trứng ấy

cũng bồng bồng lên theo, mỡ màng đúng như lượt lòng trứng chín sôi trên đĩa mỡ vậy.

Tôi thở thật dài, thật nhẹ và giữ thật lâu không khí; tôi tưởng tượng thêm như có hương mật ong mà miệng tôi đang ngậm sau từng cùi dìa con pha uống với nước cam tươi. Còn mắt tôi thì "ăn" từng miếng bánh mì vàng xốp quệt thứ lòng trứng mặt trời kia. Mồ hôi trán tôi lại xâm xấp, trong người sừng sực. Tôi thở đủ hai mươi bốn nhịp thường lệ rồi thong thả quay vào cái bệ xi măng.

Tôi ngồi xuống vừa lúc mặt tôi lại sa sầm, óc não quay tròn. Tôi gục mặt lên đầu gối một lúc lâu cho thật khỏi choáng váng rồi đội mũ đứng dậy... Trên đường trở về nhà, đến một vòi máy nước, tôi nhìn trước nhìn sau rồi dừng lại cúi xuống, một tay kéo cái núm đồng, ghé miệng vào mà hớp từng hớp thật đầy...

## V. CHUNG QUANH CUỐN TIỂU THUYẾT ĐẦU TAY ẤY

Nhưng rồi mẹ tôi cũng phải về, và tôi cũng đã xong thiên truyện ấy.

Mẹ tôi về đang lúc tôi thiu thiu ngủ, bố dượng tôi và tôi ra ngõ ngoài đón, khiêng vào một sọt trầu vỏ. Chuyến hàng này tuy nặng và đã trốn được thuế nhưng chỉ bán được tám chín đồng bạc. Trả tiền nhà rồi, không hiểu mẹ tôi còn trả những tiền gì, - chắc phải là món tiền gạo đong trữ cho chúng tôi ăn - mà quanh quẩn mấy hôm vốn liếng chỉ còn được hơn hai đồng bạc. Mẹ tôi không đi chợ nữa, ở nhà làm bánh khúc bán sáng sớm và tối khuya. Nguyên chỉ vét những hột xôi dính chõ ấy, cũng là một hạnh phúc tuyệt vời của tôi!

... Hôm ấy mưa bụi đôi lúc lại tạnh. Nhưng gió vẫn to và lạnh hút. Bữa cơm chiều tôi ăn lại ít hơn, mồm miệng nhai cứ bã ra. Chương cuối cùng đã được già nửa. Chỉ còn độ hai ba trang viết nữa là tôi sẽ đề ngày, tháng, năm, nơi hoàn thành và ký tên. Chiều còn chạng vạng, tôi cứ lên đèn, ngồi vào bàn

viết. Muỗi càng kêu lọng óc. Gió đùng đùng bên ngoài. Thỉnh thoảng tôi lại ngừng bút và lật lật từng mười, hơn mười tờ bản thảo. Năm mươi, bảy mươi... chín mươi, một trăm... một trăm ba mươi... một trăm sáu mươi... Hình như tập bản thảo đầu tiên ấy vào khoảng trăm bảy mươi trang... Và đây, tất cả đã xong. Cả cái câu nói cuối cùng của nhân vật mà tôi nhẩm biết từ tháng trước, tuần trước và trong bữa ăn chiều nay. Cả ba ngôi sao để đánh dấu hết. Cả ngày tháng năm và nơi viết. Cả cái tên làm bút danh, cái tên mà tôi nhất định không thay đổi, cứ giữ y nguyên của bố mẹ đặt cho.

Tôi đã muốn reo, muốn thét, muốn cười, muốn khóc. Tôi đã muốn kêu gọi lên mấy tên người thân thiết yêu dấu và cả yêu đương của tôi. Tôi đã muốn đứng vùng dậy, dang hết cánh tay mà ôm, mà hôn, mà cắn. Tôi đã muốn làm thêm mấy câu thơ để ngâm như hát lên với một cung có thể đứt hơi. Tôi đã muốn cuộn lại, bọc, gói hết sức cẩn thận rồi đề bì gửi ngay đến cho những tờ báo, những nhà xuất bản nổi tiếng. Hay tôi nhất định sẽ không đưa cho ai, đưa đi đâu vội, mà phải cất đi, để lần sau sẽ viết lại lần thứ hai, lần thứ ba, kỳ đến lúc không còn sửa chữa được nữa, và cũng là lúc gặp một người bạn mới, một nhóm người, một tờ báo, một cơ quan nào thật chân chính mới đưa. Tôi đã muốn và đã làm theo tất cả những điều tưởng tượng bấy lâu, những khi nghĩ đến hoàn thành chương cuối cùng của truyện.

Phải! Tôi lại chỉ nằm xuống cái chõng ngắn hẹp của tôi, hai tay khoanh ấp lấy gáy, mắt nhắm lại mà nghe một cảm giác bâng khuâng, nghẹn nấc và tràn đầy trong người giữa những tiếng muỗi ran ran gần như át hết cả mọi tiếng động khác ở chung quanh tôi. Rồi tôi đứng lên, gấp mấy tập bản thảo lại vào cái bìa mỏng, lấy mấy quyển thơ văn của Huy-gô, của Vi-nhi đẹn lên.

Tôi mặc áo chùng, đội mũ, lại ra đi. Từng làn mưa bụi thổi hun hút qua mặt tôi. Tiếng gió như sóng. Đèn điện đường phố mờ mờ. Mấy hiệu thợ may và tạp hóa to vẫn còn khách ra vào. Cửa rạp hát Lạc Mộng Đài đằng đầu đường lại như sáng hơn, đông hơn. Những đèn của các hàng quà bánh, hàng

nước, hàng phở giăng ra sáng cả bờ hè bên kia đường. Tiếng rao, tiếng mời chào, tiếng cười nói và tiếng bước chân đến đây dồn lại làm không khí rực hẳn lên với tiếng đàn nhị, trống mõ trong rạp vẳng ra.

Tôi men theo những hàng cây cơm nguội. Nhiều hột nước táp xuống vào cả mặt, gáy tôi. Tôi cứ để yên. Không phải vì không thấy lạnh mà vì bằng lòng, vì vui lòng, vì sung sướng được đằm được thắm cái lạnh của giờ đây. Cái lạnh sao mà ngọt, sao mà dịu của một đêm xuân làm tôi thấy rõ thêm sự ngùn ngụt của một người sung sướng và sự hạnh phúc tràn đầy. Rõ ràng bên tai tôi chỉ có tiếng gió. Nhưng tôi thấy không phải chỉ là tiếng gió mà là tiếng nói của người, tiếng cười của người. Tiếng nói tiếng cười của chính những người đang hoạt động kia tuy không quen thuộc gì tôi, không hiểu biết một chút gì về công việc của tôi, nhưng cũng cười nói lên để tỏ lòng vui mừng với tôi.

Tôi có ý tìm xem mẹ tôi có bán hàng ở đây không. Chính trên quãng đường này, cái đêm trở lạnh ngày trong năm kia, tôi mệt mỏi ở trên phố đi về, thì nghe tiếng mẹ tôi rao: "Ai xôi nóng ra mua, ai xôi nóng ra mua". Tôi đã gọi mẹ tôi, hỏi mẹ tôi còn nhiều không. Lúc ấy đã gần mười giờ, mà chõ xôi mới bán được mấy đĩa. Mẹ tôi ép tôi ăn một đĩa rồi bảo tôi cứ về. Sau buổi hàng ấy mấy hôm, mẹ tôi lại hết vốn, và đó là đĩa quà ngon nhất tôi được ăn từ ngày ra Hải Phòng vậy!

Đêm ấy tôi không thấy mẹ tôi nhưng trông nhiều người sao cũng hao hao giống mẹ tôi thế ở cái dãy hàng quà lúi xúi bên kia rạp hát chuyên bán cho những người kéo xe và những người đi tầm muộn về.

Tôi qua phố Cầu đất rồi lại ngược lên đường sông Lấp, ra cảng Sáu Kho. A! Chính con đường tôi đi đêm giao thừa hơn tháng trước đây. Và đây này cái cây cơm nguội tôi chọn bẻ một cành lộc. Lại còn những cây cơm nguội, những hàng cây cơm nguội cao hơn, tôi đã đi dưới bóng tối ẩm lạnh của nó mà ngâm các bài thơ. Lại còn cả bầu trời mây gió vần vụ, sương tỏa mịt

mùng nữa!...

"Sự sống ơi! Cuộc đời ơi! Những ai là người cũng nghèo khổ cùng kiệt đang sống cái cuộc đời lầm than khó khăn và tủi nhục vô cùng nhưng vẫn đáng yêu đáng tin vì nhất định một ngày mai đây những nỗi áp bức bất công, những sự tàn bạo, độc ác sẽ được vạch ra và trừ bỏ đến tận ngọn tận nguồn... những ai là người cùng chung số kiếp với tôi ấy, vì Người, do Người mà tôi đã viết xong được một thiên truyện đấy!... Người cho tôi gửi tặng nhá. Người đọc cho tôi nhá! Người làm chứng cho sự sống của tôi nhá. Người đánh giá việc làm của tôi nhá. Người hãy nhận cho tôi! Người hãy nhận lấy những trang chữ, hãy nhận lấy trọn vẹn trái tim và linh hồn tôi, một đứa con xấu số chỉ có thể sống với cuộc đời của Người, ăn ở với Người cho đến trọn đời.

Tôi đã mở hai cánh tay, nước mắt tràn ra, vừa đi vừa nói thầm, nói thầm rất nhiều như thế...

***

Tôi nhất định không lấy những cái tên ấy. Những nàng thôn nữ lạc loài, Một kiếp trầm luân, Người con gái xấu số, hay cô Thắm, cô Hương, cô Sen, cô Lý, hay Một bản án thương tâm, Một linh hồn và đêm tối, Tội lỗi thuộc về ai, vân vân... Tôi gọi hẳn nó là Bỉ vỏ. Theo đúng tiếng lóng của cái xã hội ấy và cũng theo đúng với cuộc đời và câu chuyện của nó, bỉ là con, vỏ là ăn cắp: một con ăn cắp. Cũng như Hải Phòng đã gọi những ngõ Hàng gà, ngõ Tây cụt, ngõ Cô Ba chìa, ngõ Chè chai, ngõ Cố đạo, đường Máy nước hai vòi, đường Thiên lôi, đường Cầu đất, chợ Sắt, chợ Cột đèn, đường Quán bà Mau, hồ Quẹt, ao Than, vườn hoa Nhà kèn, vườn hoa Chéo, vườn hoa Đưa người, vân vân...

Phải, tiểu thuyết Bỉ vỏ là câu chuyện và cuộc đời của một con ăn cắp: Bính hay Tám Bính.

Nhà Bính ở một làng ven sông, bố đi làm nghề chở đò, mẹ và mình làm nghề xay xáo đi các chợ gần chợ xa. Bính đẹp và hiền lành. Chính vì đẹp và hiền lành nên Bính đã bị lừa dối và chịu nhiều nỗi oan ức, nhục nhã đau thương vô cùng.

Bính đã yêu và có mang với một thằng trai trẻ có chữ nghĩa, người thành thị, làm thư ký đạc điền mà Bính những tưởng trao xương gởi thịt. Không thể chịu được những tục lệ cay nghiệt và những tai tiếng quái ác, Bính đẻ xong, phải bỏ làng ra đi. Bính đi để tìm người tình nọ mà Bính vẫn còn nhiều tin yêu, trông cậy. Bính ra đến Hải Phòng. Bính lại liên tiếp sa vào những cảnh thê thảm tàn bạo khác. Bính bị hãm hiếp, bị lừa lọc và trở thành một tội phạm. Chuộc tội cho Bính là một chủ nhà chứa!

Ở đây, Bính đã phải làm nhà thổ, một hạng cùng mạt trong nghề mãi dâm, và cũng đã thấy rằng mình không thể sống được nữa. Vì bệnh tật, vì sự hành hạ và tuyệt vọng, Bính đã định tự tử.

Cứu Bính và khuyên can Bính, làm Bính hồi người lại là một người cũng làm nhà thổ như Bính, nhưng đã ở lâu trong nghề, tâm hồn cũng như thể xác tưởng như đã khô kiệt hoàn toàn. Thế rồi Bính đã được ra khỏi nhà chứa và được có chồng, được làm vợ hẳn hoi. Bính lấy Năm Sài Gòn. Năm Sài Gòn tứ cố vô thân, sống ở Hải Phòng làm nghề du côn, anh chị. Năm Sài Gòn đứng đầu các bọn này vì Năm Sài Gòn đã qua không biết bao nhiêu án tích. Đặc biệt vì Năm Sài Gòn không hề biết sợ. Sợ đổ máu! Không hề biết tiếc! Nhất là tiếc với bạn bè, với những người mà Năm Sài Gòn thích thú, yêu mến, quý trọng.

Nhưng càng được Năm Sài Gòn hết mực chăm sóc, chiều chuộng bao nhiêu, Bính càng lo nghĩ buồn phiền bấy nhiêu. Bính lo nghĩ buồn phiền vì Năm Sài Gòn. Bính không thể tưởng tượng sự sống của Năm Sài Gòn lại ghê sợ, khủng khiếp như thế. Và càng không thể tưởng tượng được một người như thế lại thương yêu mình, là chồng mình, thì Bính lại càng yêu và thương

Năm Sài Gòn.

Trong tình yêu thương này, Bính nhất quyết lôi kéo Năm Sài Gòn đi sang con đường khác, con đường bình thường của những người làm ăn lương thiện, mặc dù sẽ khó khăn vất vả, túng thiếu chừng nào Bính cũng sẽ vượt lên, nuôi lại Năm Sài Gòn.

Một lần nữa Bính lại tính lầm. Tất cả những gì là chịu thương chịu khó, phải chăng, êm dịu, ngọt ngào, trìu mến và thương yêu của Bính gần như không thể một mảy may lay chuyển được người chồng ấy. Hai người đã bỏ nhau giữa những ngày sống trở nên khó khăn. Năm Sài Gòn ở lại Hải Phòng, Bính trở về Nam Định. Tình cờ Bính gặp lại người bạn cũ cùng nghề nhà thổ trước với mình. Bính được người ấy giới thiệu rồi lấy chồng mới, làm mật thám gác xà lim. Cuộc đời làm vợ lần thứ hai này cũng có thể là an nhàn sung sướng.

Nhưng rồi Bính cũng lại phải bỏ cuộc đời đó mà đi... Bính ra đi lại làm vợ Năm Sài Gòn. Sang đoạn này Bính theo hắn Năm Sài Gòn làm nghề ăn cắp. Từ ăn cắp đường, đến ăn cắp trên xe lửa, trên tàu thủy, và từ vụng về đến lành nghề, sành sỏi và cũng tàn bạo như chồng, Bính mỗi lúc cố nhoi lên ánh sáng thì lại bị đẩy, bị kéo sập sâu hơn xuống vực thẳm.

Cuối cùng Bính đã bị bắt cùng Năm Sài Gòn trong một vụ vừa cướp của vừa giết người. Kẻ bị giết là một đứa bé con trai. Thằng bé này chính là đứa con mà Bính đã phải cho đi khi còn đỏ hỏn. Bính thỉnh thoảng còn có được chút hy vọng và thấy cái ý nghĩa sống thoi thóp trong cuộc đời tối tăm của mình, chính là chút hy vọng tìm gặp lại được giọt máu ấy!

Phút giây tra tay vào cặp khóa sắt cũng là phút giây đoàn tụ cuối cùng, rồi vĩnh biệt chồng, con và cuộc đời "tự do" của Bính...

Đã có những bạn đọc và cả những bạn viết trẻ thường hay hỏi tôi bằng thư

hay trong những buổi gặp gỡ chuyện trò về công việc viết văn. Rằng Bỉ vỏ là truyện có thật hay không. Nếu là tưởng tượng, là "hư cấu", thì tưởng tượng "hư cấu" đến mức nào? Hay là tôi đã sưu tầm tài liệu, đã sống, đã đi thực tế như thế nào để viết? Nhiều bạn lại còn nghi ngờ tôi phải được ai kể hay "gà" cho thì mới có được một sáng tác như thế. Ấy là không kể nhiều câu hỏi tỉ mỉ và hóc hiểm khác về nào cốt truyện, nào nhân vật, nào ngôn ngữ, nào kỹ thuật, nào tư tưởng, và về cả sự học hành và nghiên cứu, luyện tập nghề nghiệp của tôi, vân vân...

Vậy thì, trong phạm vi chương này, tôi xin phép kể lại một số sự việc và có một số ý kiến sau đây để các bạn tham khảo. Và cũng xin phép được viết không thành mục A, B hay I, II, mà cứ nhớ đến đâu, nghĩ thế nào, tôi viết như thế.

***

... Thuở bé, tôi thường phải đọc sách cho cha tôi và bà tôi nghe. Phần nhiều là truyện Tàu thuê mỗi ngày mỗi cuốn một xu, ở một hàng cho thuê truyện kiêm bán ô mai, chuối khô, v.v... Giá bán đề ở mỗi cuốn chỉ có ba hào, thường là của các nhà xuất bản trong Sài Gòn nhưng phải ký quỹ mất một đồng. Bao giờ thuê những pho truyện hay cũng phải chầu chực, hẹn hò và tranh giành nữa. Những cuốn này đều rách như sắp nát ra, phải vá, phải can, phải dán giấy bóng và bằng cả vải nữa. Có tập hình như nhà hàng san bớt ra để thêm cuốn. Vì thế, nhiều cuốn đáng lẽ là năm sáu mươi trang, lại chỉ có bốn mươi, hơn bốn mươi trang, và dày cộp lên, nặng trịch vì bìa bồi thêm, các tờ rách nát phải can phải vá.

Qua những pho truyện này, tôi gần như thuộc được phần nào sử của Trung Quốc ngày xưa, từ đời Phục Hy, Thần Nông, Tam hoàng Ngũ đế với các Lão Tử, Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thái Thượng Lão Quân, Phật Tổ Như Lai, Kiệt, Trụ, Đát Kỷ, Bao Tự, đến Đông Chu, Tây Hán, Đông Hán, Đường, Tống, Thanh... với những Phong thần, Đông Chu liệt quốc, Thất quốc chí,

Tây Hán chí, Tam quốc chí, Thuyết Đường, Chinh Đông, Chinh Tây, Phấn Trang lâu, Vạn Huê lâu, Ngũ hổ bình Tây, Bao Công kỳ án, Tống Nhạc Phi, Thủy hử, Càn Long du Giang Nam, Tây du, Liêu trai chí dị, Kim cổ kỳ quan, v.v...

Có những pho cha tôi cứ bắt tôi đọc đi đọc lại, khiến tôi gần như học thuộc. Cả bà tôi cũng thế. Nhưng có những pho tôi tự ý "nghiền" như thế. Thích thú vẫn là những pho tôi rủ mấy thằng bạn mê tiểu thuyết, nghiện tiểu thuyết, kết nghĩa làm anh em để làm một số việc như trong tiểu thuyết, và để góp tiền thuê tiểu thuyết đọc chung với nhau. Việc này chắc không có ở những anh hùng nghĩa hiệp, hào kiệt dị nhân kia!

Hầu hết những sự việc và nhân vật chính của những truyện này đã hằn rất nhanh rất sâu trong tâm hồn và trí nhớ của tôi, còn do tôi được xem diễn những vở tuồng mà tôi say mê hơn cả đọc. Không thể nào có tiền đi xem, nên đành phải tìm các phép, các mưu, các cách giải quyết. Trốn vé, lậu vé, trèo tường, chui cửa. Đóng các thứ kịch: tìm cha, tìm mẹ về nhà ngay có người ốm, người chết. Làm con, làm cháu các ông lính, ông bếp và các cụ nhà quê đi xem. Hầu hạ các ông kép hát, kép đàn, làm quen với các tay kéo phông, quét rạp hay bán bia nước chanh, thuốc lá trong rạp, để được kéo quạt hầu khách sang xem hát mà không lấy tiền công, v.v...

Đát Kỷ mê hoặc Trụ Vương bắt mổ Tỷ Can để xem tim và ăn tim "thất khiếu" của Tỷ Can; Bao Tự buồn bã ủ ê, vua nhà Chu bắt xé hàng kho lụa để chuốc lấy tiếng cười của Bao Tự khi nghe lụa xé. Vợ Ô Hắc Lợi đã chết vẫn còn hiện hồn làm đom đóm tiễn chân đưa dẫn đường cho chồng đi báo thù. Bá Ngọc Sương giữ lời đính ước, lìa bỏ cha mẹ đi tìm La Côn cả ba họ bị tru diệt. Tôn Nhị nương, Cố Đại tẩu quái kiệt trong đám anh hùng khuấy nước chọc trời ở Lương Sơn Bạc. Đỗ Thập nương, gái lầu xanh nhảy xuống sông chết với tất cả châu báu của các khách làng chơi đã say đắm dâng hiến cho mình. Anh hàng bán dầu rong đường si tình đã đem tất cả tiền lãi của một đời

đi bán dầu để "hát" một đêm, và anh đã "cảm" được hoa khôi nọ. Nữ tướng hồ ly nhả cả tinh ngọc của mình tu luyện để cứu chữa bệnh người yêu và người yêu xinh trai đẹp mã đã nuốt chửng cả ngọc quay lại giết mình (Tiết Giao đoạt ngọc). Và những hồ ly khác mê say, hào hiệp, tình nghĩa, thủy chung.

Và còn Kiều, - cái con Kiều: Làn thu thủy nét xuân sơn, hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh và Phép nhà tay lựa nên xoang, nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương.

Chao ôi! Cái truyện con Kiều này thì chính bà tôi lại "đọc" cho tôi nghe. Và bà tôi không đọc bằng sách, mà ngâm, và kể với một giọng bây giờ tôi khó lòng được nghe lại. Lúc đoạn này, lúc đoạn khác, cũng vào những buổi trưa nắng vắng vẻ, những chiều thu tàn lạnh, và cả những đêm xuân trong nhà rực hoa đào, hoa cúc, tranh tết, và quả mứt và cơi trầu đều có khăn lụa phủ lên...

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Buồn trông mặt nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu...

Nổi danh tài sắc một thì

Xôn xao ngoài cửa thiếu gì yến anh

Phận hồng nhan có mong manh

Nửa chừng xuân thoắt gẫy cành thiên hương...

Sống làm vợ khắp người ta

Hại thay thác xuống làm ma không chồng...

Nhà tôi trước bán hàng cơm và chứa trọ. Ngày đó có một người khách đàn bà làm tôi để ý. Tôi phải để ý đến người này vì thấy hình như y bị mọi người trong nhà ghê ghê, sợ sợ và khinh bỉ. Y nằm ở một tấm phản tồi tàn mé trong lối vào nhà bếp. Người xanh bủng, trông còn trẻ mà rã rượi, ốm yếu một cách lạ. Y ăn riêng, bát đũa phải rửa lấy và để ngay ở chỗ mình nằm. Thoạt đầu tôi cũng lây sự ghê ghê sợ sợ của mọi người. Nhưng sau được kín hở biết chuyện về y, rằng y làm nhà thổ, bị bệnh rất nặng, thì tôi lại càng tò mò, muốn có dịp đến gần và xem thế nào. Mặc dầu đã lấy hết sức can đảm, tôi cũng không thực hiện được sự rắp tâm nọ. Vì cứ đến gần y, tôi lại chùn cả người lại vì một thứ mùi hôi thối xộc ra ở chỗ y nằm, đặc biệt là ở ngay người y, khi y lần lần đi qua mặt tôi, hay khi tôi phải bước nhanh qua chỗ y. Cuối cùng, tôi còn thấy thêm một điều lạ này nữa. Không những y còn trẻ mà lại đẹp, và tuy ốm yếu, nhưng y vẫn lẳng lơ khêu gợi trong những lúc y trông hay nghe chuyện một người đàn ông khác có vẻ chú ý đến y.

Sao thế? Sao một người còn trẻ lại đẹp mà phải đi làm nhà thổ và bị bệnh nặng đến thế? Sao con nhà thổ ấy lại có họ với người làm bếp cho nhà tôi? Anh ta rất quê mùa cục mịch thế mà cũng lộ vẻ rẻ rúng khinh bỉ y, chỉ muốn mau mau chong chóng tống táng y đi đâu thì đi!

... Lớn lớn một chút, tôi được biết thêm một người nữa là chị L. Tuy bé nhưng tôi cũng ngượng ngượng vì chị. Chị làm nhà thổ. Chị có họ xa với nhà tôi. Không hiểu sao một hôm tôi lại dám vào cái nhà ghê khiếp của chị L. Chị đang đánh chắn, mặc quần đùi trắng, cởi trần đeo nịt vú, tóc vấn có lúc buột ra xã xượi. Chị vừa ăn phở, húp nước dùng đặc sệt ớt với hồ tiêu cứ xuýt xuýt, vừa lên bài, sắp bài, vừa "bốc" vừa "phát". Chị bắt tôi ăn một bát phở, cho tôi mấy xu, rồi mới cho tôi đi ra. Tôi cầm tiền, chẳng chào, chẳng cảm ơn, ù té chạy. Bẵng đi hàng mấy năm tôi lại gặp chị. Chị về nhà với mẹ và em. Em chị lấy chồng làm thư ký lục lộ. Ở cạnh nhà tôi. Chị cũng gọi tôi

trước, kéo tôi vào chỗ chị ngồi. Chị không mặc quần đùi, không cởi trần, đeo nịt vú, mà mặc áo cánh quần dài, chít khăn hẳn hoi. Nhưng vẫn đánh bạc. Vừa "bốc" "phát", vừa hút thuốc. Hút cứ sòng sọc, tỏa khói làm mọi người ho sặc sụa. Người chị đen, gày khẳng, và cũng làm tôi ghê ghê, sợ sợ vì vẫn như là mùi thối của bệnh tật thoảng ra từ người chị. Được ván ù to, chị lại cho tôi mấy xu, bắt tôi luôn luôn sang chơi, đọc truyện cho chị nghe, muốn ăn quà gì cứ bảo chị.

Nhưng lần đó là lần cuối cùng tôi gặp chị. Không hiểu chị đi bán xới ở đâu hay chị chết bệnh cũng ở đâu? Tôi không biết hỏi ai và cũng không dám hỏi ai. Đúng tên chị là Lan.

... Trường học của tôi ở gần trường con gái. Cách trường con gái một mặt đường là nhà thương. Sau nhà thương là nhà tù và Sở mật thám. Không hiểu sao có những buổi đi học, về học, tôi cứ lại qua khu nhà thương và khu nhà tù, cách xa nhà tôi hơn cây số. Và con đường tôi chọn để đi là con đường qua khu nhà gióng trong nhà thương. Ở khu này có mấy dãy nhà không có cửa kính cửa chớp gì cả. Cửa ra vào lắp toàn bằng gióng gỗ lim rất to, ngoàm sắt, chốt sắt, khóa to bằng cái búa tạ. Tít trên cao có một khung cửa gióng nhỏ hơn bằng sắt, xây liền với tường. Hai dãy nhà trông thẳng vào nhau, một dãy nhốt những người điên, một dãy nhốt những nhà thổ. Bên dãy nhà thổ, bao giờ cũng đông hơn. Có lúc tôi trông thấy hàng chục người ở trong ấy. Chao ôi! Thế này thì họ ăn, họ ngủ, họ sống thế nào được? Họ làm nhà thổ nhưng cũng là người mà!

Họ nằm ngồi ở trên giường sắt và cả ở nền xi măng. Chỉ mấy người có quần áo lành lặn hẳn hoi. Còn đều là quần đùi, cởi trần, đeo coóc-xê. Gần như không có ai còn máu mặt, không ai không loét lở sần sùi. Cũng có người trông hơi beo béo và sạch sẽ thì vàng ủng, trắng bợt như phù thũng, và gương mặt hùm hụp lại còn sợ hơn. Những ai tô hô nằm yên mà hát còn khá, nhiều người lại trèo đu lên gióng gỗ cửa mà cười nói, vẫy gọi, khi có các kẻ bên

ngoài là đàn ông. Sao họ bị bệnh nặng mà vẫn cứ hát, cứ đùa, cứ trêu cợt? Và họ đã ở nhớp nhúa chật chội lại còn ăn như thế kia thì sống sao được? Cơm mỗi suất đóng thành oản lật đít lên hum hủm đựng mấy con cá khô hay cá ươn kho muối và những cuộng rau muống, rau củ cải đã nẫu, quấn từng búi. Cũng như cơm của tù vậy. Đến giờ ăn, người đưa cơm tháo gióng gỗ ra, lấy chân đá đá cái mâm gỗ đựng những oản cơm vào cho họ, chứ không bước vào nhà họ...

Có những buổi trưa, tôi một mình đứng rất lâu dưới gốc cây đằng xa nhìn xem họ ngủ và nghe họ hát. Tôi nhìn xem và nghe cả những người nét mặt rất dữ rất ác lặng thinh ở mé cửa, ở góc nhà, lầm thầm như đang nguyền rủa. Mấy người này chính là người quần áo lành lặn hẳn hoi, nhưng lại bủng bớt vàng vọt có vẻ bệnh nặng hơn...

Một cảnh sống và một con người tôi muốn kể thêm nữa trong những ngày thơ ấu của tôi là: Cô Tắc Xê.

Cô Tắc Xê ở cùng phố tôi. Nhà tây hai tầng, tường đắp hoa từ chân lên tận nóc như kiểu Nhà hát Tây vậy. Cửa chính, cổng ra vào và cửa sổ đều bằng sắt. Ngoài cửa sắt còn có những khung gióng sắt và bịt lưới sắt. Trông vào nhà - tôi chỉ trông vào được gian nhà dưới và một khoảng trong cổng - không thấy chỗ nào không có đồ đồng, đồ sứ, pha lê, mặt gương, hoành phi, câu đối tranh ảnh. Các thứ kiểu tủ, bàn, ghế, sập, đôn... với một giá gụ cắm xà mâu, đao, chùy, kích, mười tám thứ binh khí ở cửa ra vào. Từ sập gụ khảm xà cừ, đến bàn ghế kiểu đời Càn Long, Khang Hy đến tủ bích phê, bàn rửa mặt chỉ những công sứ, chánh tòa mới có, đều kê bày chật kín cả nhà.

Cô Tắc Xê ở một mình, người hầu hạ có một con sen và một anh xe. Đi phố, đi chơi, cô Tắc Xê ngồi chiếc xe cũng khảm xà cừ, người kéo cũng cuốn xà cạp đỏ, quần áo trắng là, đội nón dứa chum chũm. Hình như tất cả vàng ngọc và nhung lụa, xa tanh, gấm của cả tỉnh đều đắp lên người cô. Từ những hột, dây chuyền, xuyến, vòng, nhẫn, hoa tai, trâm, cúc áo, ví, tráp, hộp phấn

sáp, ống vôi, "bót" thuốc lá... đều bằng vàng hay nạm ngọc, cứ quấn quýt, chề chễ, lỉnh kỉnh khắp trên người, trên tay và chung quanh cô. Tôi không thể đoán được phải bao nhiêu sáp và phấn đã trạt lên mặt cô, mà tôi thấy cả đến mặt của những hình nhân của các hàng mã kỳ công nhất, cũng không thể bóng, trắng và mỡ mượt như thế. Mặc dầu vẫn không thể lấp được những nếp nhăn của một khổ mặt to xương và một lớp da đã nhăn đã vỡ.

Năm ấy cô Tắc Xê nghe đâu gần năm mươi hay ngoài năm mươi rồi. Tôi tuy ở cùng phố với cô và là đứa trẻ rất tò mò, nhưng tôi cũng không thể biết được chuyện chồng con của cô, cũng như quê quán, họ hàng, lai lịch của cô. Khi thì thấy đồn chồng cô là một quan tư giám binh, một công sứ, một chánh án. Khi thấy nói chồng cô là những chủ gì chủ gì ở trên Hà Nội, ở trong Sài Gòn. Cũng có người thì thào rằng chồng cô, và là người chồng có con với cô hẳn hoi, hay thật là người đầu tiên ăn nằm với cô, là một cố đạo! Cha này đã phải về Tây, sau khi nhà thờ làm lễ lột da cái bàn tay chuyên cầm mình thánh Chúa cho con chiên chịu lễ!

Đây là những chuyện nghe đồn, nghe nói. Và đây là những điều thật tôi được biết: cô rất hà tiện. Ít thấy cô đi chợ mua sắm gì cả. Nếu có hàng rong nào qua nhà như bán rau, bán thịt, bán cá ế cô mới gọi mua. Bao giờ cô cũng gọi trước mọi người, nhưng bao giờ cô cũng là kẻ trả tiền sau cùng, và thường là rau muống cá vụn hay vài lạng thịt bụng để rim mặn. Không ai ở được lâu với nhà cô. Từ con sen đến người kéo xe. Cả những con sen và người kéo xe nghe nói là người nhà, người họ của cô. Chính những người này ăn mặc trông ra vẻ đấy, nhưng toàn ăn đói, khi đi ngủ thì cửa buồng khóa, cô giữ chìa từ tám giờ tối hôm trước đến sáu giờ sáng hôm sau.

Cửa cổng lại càng nghiêm ngặt. Sau cổng, xích một con chó lài và trong nhà lại còn mấy con nữa. Ở nhà, khi ăn cơm, cô Tắc Xê cũng đánh phấn, mặc quần áo, đeo vàng ngọc đủ lệ bộ. Không hiểu giàu có mà lại ăn uống như thế, sao cô vẫn béo vẫn khỏe. Nghĩa là không thấy cô cân thuốc, hay có cụ lang,

quan đốctờ nào đến nhà cô cả!

- Cha con mẹ đẻ mày! Bà làm đĩ, ừ thì bà làm đĩ, nhưng làm đĩ như bà có tàn có tán, có nhang án thờ vua, có trống chùa cầm canh!... Còn hạng đầu đường xó chợ như chúng mày có vào nhà bà giặt váy cho bà cũng không đáng!

Nhiều lần cô đã mua rẻ thịt, rau và còn quàm quắp của người ta. Người bán hàng nhiếc cô, và cũng là những tay bán hàng có sừng có mỏ, cô không thể túm đánh hay gọi đội xếp đến, thì đã vung tay mà chửi như vậy!

Tôi biết rõ không phải vì cô Tắc Xê không muốn chơi bời với ai, nên không thấy ai là bạn bè đến nhà, mà hàng phố như hết thảy bảo nhau không bắt nhời hay nhòm ngó gì đến "Con mẹ Tắc Xê" hết.

- Con mẹ Tắc Xê nó mà chết thì chết thối ra thôi. Chỉ có mõ tòa và cẩm sen đầm ở Nam Định đến nhà nó đi đưa nó!

***

... Những ngày mới ra Hải Phòng đi tìm việc và những ngày tôi viết tập truyện ngắn đầu tiên, tiếp đó xây dựng thiên tiểu thuyết Bỉ vỏ, tôi thường qua phố Hạ Lý. Nếu như tôi thường ngồi ở vườn hoa Đưa người mà nghỉ ngơi suy nghĩ, và càng thấm thía vì những cảnh tối tăm không thể tưởng tượng được ở nơi đây, thì khi đi qua phố Hạ Lý, rồi ngồi ở cái vườn hoa bến tàu Tây điếc mà trông ra con sông Tam Bạc và trông sang phố đó, tôi cũng ngạc nhiên đau khổ như thế. Khu này có mấy xưởng nhỏ sửa chữa sà lan, mấy nhà máy nhỏ, mấy kho hàng của Tây và Hoa kiều và cũng nhiều thợ máy, cũng nhiều phu phen, nhưng sao cảnh làm ăn ở đây lại có một vẻ gì khang khác, đặc biệt. Có lẽ vì những nhà máy, những xưởng thợ ấy xập xệ chật chội, và tối tăm quá. Hay cũng vì những kho hàng ấy tồi tàn quá (Nhiều kho đề xây từ hai mươi, ba mươi năm nay, cổng kiểu cuốn thư, lưỡng long chầu nguyệt, nhưng nóc thì

trống toác, cửa, cổng không còn gì cả, ăn mày tụ tập nấu khói um, rác rưởi ngập ngụa). Và đằng sau những dãy nhà này, trên bãi sông nơi thợ làm việc lại còn lầm lội, bẩn thỉu hơn.

Phần chính khu phố đây là khu nhà thổ cặn bã của Hải Phòng. Mấy chục gian nhà hai tầng ở ngay đầu phố và giữa phố hầu hết là nhà chứa, tiệm hút. Với mấy chục gian nhà ấy, tính ra có đến mấy trăm buồng. Mỗi buồng là một giường, mỗi buồng đều bưng ván, chịt giấy bịt liếp,... và sùm sụp buông màn che cửa. Quanh năm, chiếu ở trên cao giữa nhà, chỉ có một ngọn đèn vàng khè. Quanh năm nhớp nháp, mờ mờ hôi hám. Cả những ngày tết, ngày lễ. Những ngày tết Tây cũng như tết ta, những ngày lễ lớn mà các công sở đều được nghỉ, kéo cờ, mắc đèn. Không một lúc nào là không có cảnh cười đùa, kêu thét, hát xướng, chửi rủa, giằng xé, ăn uống, cờ bạc, hút xách.

Và quanh năm, bảo rằng ở đây người ta chỉ có đêm không có ngày cũng được, hay không có đêm chỉ có ngày cũng được. Quanh năm người ta chỉ thức không ngủ cũng được, hoặc chỉ ngủ mà không thức cũng được.

Trên đây là một phần lớn những người, những cảnh tôi đã được nghe được biết, được sống trước khi viết tiểu thuyết Bỉ vỏ. Tôi cũng xin phép kể thêm một số truyện của ta như: Anh hàng phở lấy vợ cô đầu, Mồ cô Phượng, Châu về hợp phố, v.v... tôi đã đọc khi còn bé.

Nhưng tất cả những truyện trên cũng như tất cả những tuồng, những phim tôi đã xem đi xem lại, đều chỉ đóng góp một phần nào đấy cho công việc viết của tôi. Là vì trong khi tôi xây dựng Bỉ vỏ, hoàn toàn tôi không tưởng nhớ, nghĩ ngợi gì đến những truyện kia cả. Cũng như khi tôi xây dựng nhân vật chính là Tám Bính, thì tất cả những nhân vật trong các tiểu thuyết hay trong cuộc đời, tôi cũng đều không tưởng nhớ nghĩ ngợi gì đến "họ" cả!

Hình ảnh Tám Bính, con người Tám Bính, cuộc đời Tám Bính, hoàn toàn do tôi tạo nên với tất cả sự tưởng tượng, suy nghĩ của tôi về sự đau khổ mà

tôi đang sống và phải sống ở cái xã hội bấy giờ.

Phải! Chính vì sự đau khổ tôi phải sống và đang sống ở cái xã hội bấy giờ nên tôi đã tạo ra Tám Bính bị lừa phản, chịu những oan ức; bệnh tật phá hoại thể xác, tội ác phá hoại tinh thần; con người cứ vùng lên dập xuống, dập xuống lại vùng lên. Trải qua bao nhiêu cảnh đau đớn, tủi nhục, tối tăm, tất cả trái tim và linh hồn bị xẻo, bị nướng, bị tan nát... tất cả những ước mơ trong sáng, tươi thắm đẹp đẽ nhất của cả một đời bị tàn phá... tất cả những gì lành mạnh, cao quý thiêng liêng nhất, thể chất cũng như tinh thần đều bị thay đổi ngoài ý muốn của mình, cuốn đi, xô đi bởi một sức mạnh tàn nhẫn, độc ác vô cùng... Tám Bính lẻ loi, bơ vơ, trơ trọi ấy, cũng có cả một phần tôi và một phần của bao nhiêu người cùng cảnh. Tôi mượn Tám Bính để đưa ra giữa ánh sáng ban ngày của trái đất một sự thật trong những sự thật của một hạng người, một số người. Tôi mượn Tám Bính để làm cho nhiều người thấy có một sự thật trong những sự thật như thế của xã hội.

Tám Bính là một sự sống để làm chứng một đời sống, để làm sống một đời sống. Tám Bính thay tôi để làm chứng, Tám Bính thay tôi để làm chứng cho khách quan hơn, thuyết phục hơn. Tám Bính là một con người để tôi gửi gắm tin cậy, và cũng một con người để tôi đau xót vô cùng. Phải! Chính vì có Tám Bính mà tôi càng thêm thương yêu, càng thêm tin tưởng và có trách nhiệm với sự sống vậy! Hạnh phúc và tình nghĩa biết bao cho tôi! Và cũng lo âu, vất vả, hồi hộp bao nhiêu cho tôi!

Thế là chủ đề và nhân vật tôi đã suy nghĩ tưởng tượng được rồi, trên cơ sở của sự sống mình đã sống, và cuộc đời của những con người tôi dựng hẳn lên. Còn những nhân vật phụ, những sự việc, những tình tiết, những diễn biến, những lớp lang, những cảnh, những đoạn, những hồi, v.v... tôi cũng lại vừa rút ra ở những điều đã mắt thấy tai nghe, vừa sáng tạo hẳn hoàn toàn mới mẻ.

Những cảnh bến tàu hành khách bị lôi kéo và được chào mời quá như bị

bắt nợ. Vé mua rêu rao tàu này lấy rẻ hơn tàu kia chênh lệch từng hai xu, ba xu, và mỗi suất vé mua còn được biếu nào một bao thuốc lá, mấy gói chè củ ấu hiệu Chính Thái chính cống, hay một bánh tây hai xu, một phong bánh khảo... Không kể lại có chiếu mới để ngồi, có võng nằm, v.v... Những ngày hội Đại cách mạng Pháp 1789 phá ngục Bátxtin với những người đi xem toàn những trò liếm chảo, chọc nước, nhảy bị, đập nồi, đập niêu, xóc đĩa, chẵn lẻ, ba que, bài tây và trẻ con bị ngã, bị đè, bị lạc kêu khóc như ri. Những vườn hoa còn hoang lạnh tăm tối hơn địa ngục. Những ngõ ngách quái gở. Những mụ chủ và những khách ăn chơi yêng hùng, tên tuổi không là Bạch Liên, Mộng Điệp, Phi Hùng Nga, Lục Kiếm Đồng, v.v... mà là Tài xế Cấu, mụ Béo và những Tư lập lơ, Ba trâu lăn, v.v... Và những nhà tù, ở đây, có những tên mật thám đã bị bọn tù thường phạm bắt ăn cả phân trộn tóc, chứ không phải là những nhà trinh thám kỳ tài gì cả. Và ở đây thành một giang sơn khủng khiếp, đất sống cuối cùng của đám du côn anh chị lừa lọc, xâu xé lẫn nhau, tuy trước kia vẫn cưu mang nhau, thuốc thang khi đau ốm, thăm hỏi quà cáp khi bị vận hạn.

... Tất cả những cảnh, những việc, những hoạt động và những không khí ấy lúc tưởng tượng sắp xếp, cũng như viết ra, tôi đều cố gắng sao cho thật là của tôi! Dù tôi non nớt, dù tôi vụng về, dù tôi không tài không giỏi không lọc lõi, không cao tay nghề, nhưng tôi nhất định không chịu kém trong tinh thần cố gắng, trong công sức sáng tạo, trong cá tính và nét riêng biệt của sự sáng tạo.

Về điểm cá tính và nét riêng biệt này, tôi thấy phải biết tởm lợm, phải biết sạm mặt, nếu vì để có được những "cái đó" mà phải cầu cứu đến sự bịp bợm, làm quỷ thuật, gian dối và trâng tráo, lì lợm. Để có cá tính và nét riêng biệt, ngay từ khi viết những truyện ngắn đầu tiên, nghĩa là ngay từ khi tôi rắp định bước vào nghề văn, làm nghề văn, tôi đã tự nhủ phải làm sao "cái đó" toát lên ở tâm hồn biết yêu thương của mình, ở màu sắc sự sống mà mình diễn tả, ở thái độ trước cuộc đời mà mình suy nghĩ, ở sự gửi gắm của mình với người

đọc, ở cái mình đem lại cho người đọc thật có một sự kết đọng cao quý và trân trọng vì nhân sinh không.

***

... Tôi đã thành cậu giáo với lớp học hơn mười học trò hẳn hoi chứ không phải chỉ được người ta gọi tên thôi như trước.

Khoảng đầu tháng tư năm 1936 ấy, bà Huề, con trai lớn làm dưới tàu to, còn bà chuyên bán trầu nước thuốc lào ngoài Sáu Kho, cũng thuê nhà của vợ chồng bác Tiểu với tôi, đã nhờ tôi dạy hai thằng con bé của bà. Sau đó nửa tháng, liền thêm ba đứa nữa. Tới khi có cái bé Xuân, cháu bà cụ ở xóm trong, trải mấy thầy dạy mà mặt chữ a b c cũng không thuộc, xin học tôi và cũng học tấn tới, thì tôi dọn vào ở nhà bà cụ ấy. Bà cụ Xuân còn có một cháu gái nữa học lớp ba. Tiền học hai cháu này vừa khoắm tiền thuê nhà bà cụ. Rồi tháng sau lại thêm hai đứa nữa; tháng sau nữa cũng thế. Chưa đầy bốn tháng mà số học trò lên đến mức làm tôi phải suy nghĩ có lúc cuống cả người lên.

Hơn mười đứa bé ấy, đứa học vỡ lòng, đứa mới biết viết, đứa đã làm tính cộng dễ và viết ám tả bài ngắn, đứa đã bập bẹ le café là cà phê, père là cha, mère là mẹ, v.v... đều ngoan ngoãn tiến bộ trông thấy. Các bài học của chúng, tôi đều nghĩ ra, hay chúng có phải học sách, thì tôi chỉ chọn những bài thích hợp. Càng những đứa trẻ được bố mẹ giới thiệu là tối dạ và nghịch ngợm, lại càng vào nề nếp, chịu khó và trở nên học giỏi. Tất cả những ông bố bà mẹ làm thợ Máy tơ, Xi măng, khuân vác ở Sáu Kho, dệt thảm, đi đan, đi khâu, thầy lang, bồi bếp ở trại lính Tây và dưới tàu to, kéo xe, đội than, xe gạch, đi bán tào phở, xế cấu, xôi, bánh đúc, rau đậu, trứng quả này,... đều hoàn toàn trông cậy ở cậu giáo và nhờ cậu giáo chăm cho con họ sao có thể rồi đây cũng được đi thi như ở các trường ngoài phố, rồi cũng học đến lớp nhì, lớp nhất!

Từ ngày tôi không phải lo tiền nhà và mẹ tôi đong được hẳn từng thúng

gạo, - dù phải đong gạo lứa mỗi đồng chỉ được ăn có hơn bảy hào hay tám hào, ấy là chỗ nể nang lắm, - thì tôi yên tâm hơn, trong dạ vui hẳn lên. Tôi không những chỉ đi tập thể dục buổi sáng mà cả buổi chiều. Còn viết, tôi viết cả buổi trưa, cả buổi tối, cả chiều thứ năm, cả ngày chủ nhật. Cái khoảng từ bảy giờ tối đến mười một giờ khuya trong những ngày mùa hè cũng như những ngày mùa rét, thật là quý báu vô cùng đối với tôi. Dù gian nhà thuê mái lá, vách đất, rất chật hẹp, mờ tối và ẩm thấp, vừa để ở, vừa làm lớp học,... dù cả ngày đã khản cả cổ, bù cả đầu, và nhiều lúc chóng cả mặt vì những học trò, nhưng tôi vẫn cho thế là tôi sung sướng lắm, hạnh phúc lắm. Vì tôi còn trẻ, tôi thấy mình sung sức. Tôi có một việc làm được quý trọng, được tin yêu. Tôi được sống một cách căn cơ, và lại còn được viết, viết đều hơn, viết nhiều hơn!

Tôi sửa chữa lại mấy truyện trong tập Những linh hồn đau khổ. Tôi viết những truyện mới. Tôi viết bản thảo lần thứ hai, thứ ba Bỉ vỏ. Và tôi đã gửi bài lên nhà báo trên Hà Nội: Tiểu thuyết thứ Bảy.

Báo Tiểu thuyết thứ Bảy đã bày bán ở cả hiệu sách nhỏ của cái phố đông đúc thợ thuyền phu phen đi về ngoài xóm tôi ở. Từ ngày tôi gửi bài cho báo, tôi càng phải vào hiệu sách này hơn. Tôi mua các thứ ở đây, từ thếp giấy, giấy hạng ba xu rưỡi, đến cái bìa, ngòi bút, và chiếc phong bì. Hôm này thứ này, hôm khác thứ khác, thứ gì đắt tiền thì dành đến hôm báo xuống để xem báo. Ngày ấy, giá báo những năm xu một số, mà chỉ với ba xu người ta có thể ăn được bữa cơm đầu ghế, hay với năm xu thì vào hẳn cao lâu, đàng hoàng gọi lấy bát phở áp chảo giòn với thịt bò, ăn hành tây, rau sống, giấm ớt tha hồ! Vì vậy dù là gửi bài cho báo, nhưng tôi vẫn không dám mua báo. Vì vậy mà tôi phải xem nhờ báo.

Chủ hiệu sách là hai cô. Chị em cô cũng vào tuổi tôi. Cô chị bé nhỏ hơn cô em và có vẻ là người quán xuyến chính. Cha hai cô là một ông phán gì đó về hưu và nhiều của lắm. Tuy chỉ được nhìn thoáng vào trong nhà và cái lối

cửa ngõ bên cạnh, tôi cũng đủ thấy những gì là sang trọng, căn cơ và cách biệt. Cũng tủ chè, sập gụ, cũng vườn hoa cây cảnh, cũng nhà gác hai tầng cao rộng kiểu không mới lắm, nhưng gia đình hai cô gần như không giao du với ai, và chợ búa nay thịt mai cá gì cả. Đặc biệt là bà mẹ, tôi gần như không thấy bà ra cửa, ngay cả ra gian hàng sách.

Tôi rất ngượng vì phải xem nhờ báo, dù chỉ mở vội vàng mấy trang, liếc một số bài trong đó. Tôi càng ngượng hơn, từ khi gửi bài, tôi phải tìm tòi hộp thư, và chờ đợi từng số để xem có trả lời mình không. Những số hộp thư in vào trang trong không xén một nửa còn khá, vì tôi còn he hé ra mà đọc. Nhưng hộp thư lại nằm giữa trang ruột, và lại chỉ xén có phía dưới, thì thật là khổ tâm vô cùng. Chả nhẽ đã trót bỏ ra những ba xu rưỡi mua một thếp giấy còn lâu mới dùng hay quyển vở năm xu rồi sẽ phải bán lại cho học trò, mà biết số báo có tin cho các bạn gửi bài lại không được đọc! Tôi đã đỏ chín cả tai, chóng cả mặt, khi phải kệnh kệnh hẳn ruột trang sách lên, nghiêng nghiêng xoay chiều này giở chiều khác để xem xét. Tôi tưởng như mình là một kẻ có ý gian, nhà người ta đã khép cửa, còn cố ý nhìn vào, dù chỉ hé cửa nhìn...

Cuối cùng tôi phải đi một hiệu sách khác. Vì tôi có cảm giác rằng hai cô này, nhất là cô chị người bé nhỏ, ăn nói rất chặt chẽ, cặp mắt nhìn xét nét một cách rất nghiệt rất tinh, đã biết tôi có bài gửi đăng báo, tôi viết văn. Chao ôi! Anh chàng nhà giáo cà khổ, dạy ở một lớp không bằng cái gian nhà bếp, bằng cái nhà xe của hai cô kia, mà cũng định làm nhà báo, làm nhà văn đấy! Làm nhà báo và nhà văn như cái ngữ tôi thì để cho ai đọc?! Và biết đâu, dù hết sức giữ gìn đúng mực, từ cách ăn mặc, đi, đứng, hỏi, nói, tôi vẫn cứ làm người ta thấy, làm người ta nghĩ rằng tôi cũng chỉ là cái hạng văn sĩ, nhà báo viết văn, viết báo để... "chim gái" thì sao?!

Rồi chính là để tôi được sống trọn vẹn một cách thi vị và thiêng liêng với những công việc âm thầm của mình, nên tôi nhất định không đến hiệu sách

của hai cô ngoài phố.

Bẵng đi một tuần, rồi hai tuần. Rồi một tối, ở một cửa hiệu vừa làm chi nhánh nhà thuốc lậu Hồng Khê dược phòng, vừa bán báo, tôi mở tờ Tiểu thuyết thứ Bảy ra xem, thì thấy rao số báo sau, trong những nhà văn "tên tuổi", đương thời sẽ có bài của tôi. Cố nhiên là kèm theo tên tôi. Tôi còn nghẹn ngào hơn, vì thấy số báo trước trong hộp thư cũng có tên tôi, mà tôi đã bỏ không chịu tìm đọc!

Tôi đã tưởng ngay tối hôm đó tôi về nhà sẽ có thể sửa chữa thêm mấy truyện đặc sắc nữa để gửi tiếp. Nhưng trong người cứ như bị rỗng hẳn đi, náo nức, rạo rực, bâng khuâng, không thể nào ngồi yên bên bàn, không thể nào cầm lâu được bút mà viết ra thành chữ! Phải chăng tôi như đã trúng số độc đắc với một món tiền hàng vạn? Không! Hơn thế! Phải chăng tôi như một ông tướng cố thắng một trận lớn nào đấy để lưu danh với đời? Cũng hơn thế!... Tôi thấy hơn thế, vì tôi không đánh số để lấy tiền, cũng như không phải xuất trận để lưu danh. Tôi đã lấy cả cuộc đời và trái tim và tâm hồn tư tưởng của mình, tôi đã đem tất cả hơi sức, hy vọng và lòng tin của mình để đánh cái số này, để đánh cái trận này...

Ngày ấy, riêng chỗ nhà tôi ở cũng có thể coi là một xóm. Hơn một chục gia đình sống chung ngõ, chung sân, gian nọ liền gian kia. Phần đông là đàn bà con gái làm ở cảng Sáu Kho. Nếu như sáng sáng tôi cùng họ ra đi, thì cũng đến khuya tôi mới cùng họ nghỉ. Chiếc đèn làm việc của tôi đã là một cây đèn bầu thủy tinh xanh biếc, thông phong cao như một cây nến, và có chao màu xanh dịu bằng bìa giấy gấp chếp nếp tôi làm lấy. Nhiều lúc tôi như nghe cả thấy tiếng còi tàu gọi ùm ùm trên sông, và tiếng ầm ầm không dứt của những máy cần trục mà gió biển thổi vang tỏa làm đêm khuya càng thêm sâu lặng. Vùng ánh sáng ngoài phía đó cũng nhiều lúc như mở ngay ra trên xóm tôi, dưới bầu trời sao.

Thường tôi viết và sửa chữa các truyện ngắn những ngày thứ năm, chủ

nhật. Còn các tối ngày thường, tôi sửa chữa viết lại tiểu thuyết. Sang bản thảo thứ ba, tôi càng thấy ham. Tôi không viết bằng thứ giấy ba xu rưỡi một thếp nữa. Tôi mua thứ giấy trắng kẻ sẵn năm xu một thếp. Đang sửa viết lại chương bốn, chương năm phần một, tôi thấy còn cần phải sửa và viết luôn lần thứ bốn hay lần thứ năm. Nhìn từng thếp, từng thếp bản thảo mới cồm cộm thành tập ở trước mặt, và ở một bên mép bàn lại còn thêm một chồng bản thảo cũ, sao mà thấy mình giàu có, đáng tin và nhất là có thể tự hào! Những cảnh, những việc, những nhân vật cứ lần lần càng như bụ bẫm lớn chắc. Đôi lúc tưởng chừng như là những đứa con từ mười ba, mười bốn tuổi chuyển lên mười sáu, mười bảy tuổi vậy. Hay như những bức tranh những đoạn phim đang mờ tối, lộn xộn, ngây ngô bỗng thay đổi rực rỡ, nhịp nhàng, ý nhị.

Nhiều đêm, không những tôi chỉ ngồi nghe những bước đi về muộn nhất từ ngoài ngõ vào, mà rồi còn nghe cả những tiếng ngáy giòn của những người này, nghe cả những tiếng vỗ về nói mê nặng con và những tiếng ụt ịt làu bàu của những đứa bé còn bú sữa thấy hơi mẹ, mà mẹ thì mệt thiếp không còn thấy còn biết gì cả. Những nhân vật của tôi nhiều đêm cũng quấn rúc tôi như thế, và tôi cũng mệt thiếp như thế.

Vào khoảng tháng mười một thì tôi xong bản thảo lần cuối cùng. Tháng mười hai tôi ở Hải Phòng về Nam Định.

Cho tới bấy giờ tôi vẫn chưa có ý gì hoặc đưa xuất bản, gửi đăng báo. Hay dự thi giải thưởng này giải thưởng khác. Tôi chỉ yên tâm là đã viết xong một tác phẩm dài một cách thận trọng và sung sướng với một niềm bâng khuâng rất thi vị. Thôi thì không cho đăng báo, xuất bản và dự thi giải thưởng cũng được, nhưng tôi không thể không có một thời giờ nghỉ ngơi để lấy thêm sức, như một người mẹ sau khi sinh nở. Vậy thì tôi nhất định về Nam Định. Tôi về quê hương, như một cô gái lưu lạc đã có một tấm chồng đứng đắn giỏi giang. Tôi về quê hương cũng như một người đàn bà chăm chỉ đảm đang nghèo khó xiêu bạt, nay đã có cơ bản sinh sống và con cái đàng hoàng tử tế...

Tôi đưa "người chồng và đứa con" ấy về trước hết để thăm hỏi các người xưa chốn cũ quen thuộc thân tình, sau xem sau phong cảnh làm ăn của mọi người thay đổi ra sao. Đầu tiên tôi lại đến khu trường cũ, rồi đi tìm mấy người bạn học cũ. Xen vào công việc này, tôi đi viếng mộ cha tôi, mộ bà nội tôi và nhìn lại mấy chỗ ở ngày xưa, đặc biệt là cái nhà nơi sinh anh em tôi mà cha tôi đã bán đi...

Người thứ nhất tôi gặp là anh Th. đã học cùng trường với tôi, sau tôi hai lớp. Chúng tôi thường đi về với nhau. Chúng tôi thân nhau, mê nhau không phải chỉ vì tiểu thuyết mà còn vì đá bóng. Anh cũng mồ côi cha nhưng nhà giàu có. Bà mẹ anh rất nghiêm, nên anh chỉ đến trường mới đá, chứ không như tôi chơi nghịch cả trưa, cả chiều, khi thì ở bờ hè, khi ở giữa đường, nắng cháy vàng cả tóc, đen nhẻm cả người. Chỉ với quả bóng bằng nắm tay - quả bóng quần vợt rất được trẻ con ham thích lúc bấy giờ. Sau anh cùng vào đội bóng của nhà trường với tôi.

Tôi đón anh đi học về. Anh bị học "đúp" lớp nhất. Tôi không ngờ anh vẫn còn đi học, nhất là vẫn học ở cái trường Gốc Ngái ấy. Đầu tiên, tôi chầm vập hỏi anh và chuyện với anh về đá bóng, các bạn đá bóng cũ nay còn những ai, và những chân đá cừ của các trường khác, của các đội khác thuộc hạng ngổ ngáo đá ác đá dữ mà chúng tôi kình địch, đã được lên loại rồi.

Anh vồn vã chuyện trò nhưng chỉ sau ít phút anh cười hóm hỉnh nhìn vào mặt tôi mà hỏi:

- Cậu viết nhiều cho Tiểu thuyết thứ Bảy thế có được tiền không?

Tôi như bị hẫng, luống cuống vô cùng. Sao? Viết văn viết truyện để lấy tiền à? Mà sao viết nhiều thì lại được tiền?! Giờ tôi mới nhận ra thêm nhiều cái khang khác ở người bạn cũ ấy. Anh đội mũ dạ bẻ vành cúp xuống trán, mặc áo xa tanh hoa, quần trắng là, xăng đan có mũi như mũi giày. Anh cao hơn tôi gần nửa cái đầu, mặt đã sần sần điểm trứng cá, mép nhìn kỹ thấy lún

phún ria hẳn hoi chứ không phải lông măng. Tiếng anh nói đã vỡ hẳn, giọng nói cũng từ tốn như trước nhưng chững chạc gần như của một người đã ra đời có từng trải. Sách vở của anh có lẽ thằng em anh mang trong cặp của nó. Anh đi cúi cúi đầu, tiếp chuyện tôi như có vẻ giữ gìn với người hai bên phố. Một người lạ nào đó sẽ tưởng anh là một thầy giáo hẳn hoi giữa những đám học trò rào rào như ong như chim.

Mặc dầu thấy cách ăn mặc đi đứng và nói năng khác hẳn trước, và mặc dầu anh đã hỏi tôi một câu quá sức tưởng tượng của tôi ấy, tôi vẫn như muốn cởi thêm ruột thêm gan cho anh:

- Mình viết truyện đăng báo ấy à, nếu nhà báo nó có bảo trả tiền mình thì mình sẽ... (tôi đỏ tía mặt lên, cổ họng như bị bóp) Th. ạ, viết văn chứ không bán văn, bán trái tim, bán linh hồn! Viết lấy tiền sẽ bị lệ thuộc thành thằng bồi! Văn chương mà đem đổi lấy tiền thì khốn nạn quá... khốn nạn vô cùng!...

Anh Th. vẫn cười bằng đôi mắt hóm hỉnh, và giọng nói anh vẫn rất bình tĩnh tự nhiên:

- Mình hỏi cậu thế để biết rõ thêm cậu. Những truyện của cậu mình đọc rất kỹ, khuynh hướng của cậu thế nào mình thấy cả.

Th. gật gù:

- Bao giờ cũng như bao giờ, viết văn, viết báo chân chính phải như thế... phải như thế. Thôi được!... Mình với cậu sẽ nói chuyện nhiều thêm với nhau về con đường lý tưởng.

Tôi rưng rưng cả người, muốn ôm lấy Th. Tôi không lầm, người bạn nhỏ cũng mê tiểu thuyết, thích văn chương của tôi sẽ lại cùng tiến với tôi trong cuộc đời, nhằm chung một mục đích.

- Th. có viết được nhiều không? Ông V. anh Th. có hay lên Hà Nội không,

có giúp Th. viết lách gì không?

Giờ đến lượt Th. đỏ mặt lên:

- Mình viết xoàng lắm, có mấy cốt truyện mình nhường cả cho ông V. ông ấy viết. Vả lại ông V. ông ấy cũng bận lắm! Ông ấy đang soạn một trường giang tiểu thuyết tâm lý và xã hội... Cậu có chủ trương chuyên về tiểu thuyết xã hội nhỉ... Cậu vừa xong một cuốn khá dài phải không?

Tôi cuống quýt mở ngay tập bản thảo Bỉ vỏ thuê đóng rất cẩn thận đưa cho Th. Và không đợi Th. hỏi, tôi liền kể ngay với Th. tất cả những gì tôi đã nghĩ, đã định, đã viết cuốn tiểu thuyết đầu tay đó. Đặc biệt tôi nói hết với Th. những cái mà tôi cho là đặc sắc, là độc đáo, là mới lạ, là có một giá trị sẽ được công nhận của tác phẩm. Trong khi tôi sôi nổi và nói nhiều quá đến gần thành choáng váng, thì Th. giở giở lật lật chăm chú xem xét nhiều đoạn, nhiều trang của tôi vừa giới thiệu.

- Khá lắm! Khá lắm! Mình chỉ mới đọc qua mà cũng đã thấy có một cái gì rất lạ rồi! Thôi này, thế cậu để Bỉ vỏ cho mình đọc và có thể cậu cứ giao toàn quyền cho mình. Mình sẽ giới thiệu cậu thêm với ông V. Nhất định ông V. sẽ còn đánh giá cậu hơn mình đánh giá cậu. Nghĩa là ông ấy thế nào cũng giới thiệu lại cậu với các... (Th. kể một lô một xốc những tên tuổi đàn anh, đàn chị, bực thầy, bực ông, tiếng tăm như cồn như sóng lúc bấy giờ). Các tay ấy sẽ đọc, sẽ lăng xê cậu. Chả tội gì Hồng ạ! Ra đời muốn thế nào thì thế cũng phải có cánh. Và muốn tài năng thế nào thì thế, mà không được lăng xê thì cũng bị nghỉm đi. Mình tuy chưa có bài đăng nhiều như cậu, nhưng mình quen biết khá nhiều cái xã hội ấy. Mình sẽ ân hận vô cùng nếu để cậu cứ lụi hụi mãi, rồi mai một đi! Thà mình chịu thua chịu thiệt, chứ cậu mà chịu thua chịu thiệt, thì mình...!

Tôi nắm lấy Th. và run run nói bằng tiếng Pháp:

- Cám ơn Th., cảm ơn thằng Th. vô cùng tin yêu của mình! Thế Th. giữ lấy cuốn tiểu thuyết của mình và điều cốt yếu cần nhớ, là mình không cần tiền đâu đấy!

*

Tôi như được chắp cánh thêm sau cuộc gặp gỡ Th. Với những cánh mới này, tôi càng man mát, bâng khuâng đi trên đường phố của tỉnh quê hương. Tôi lại tìm đến một người bạn cũ rất thân khác. Anh Nguyễn Ngọc M.

Anh M. đã học với tôi từ lớp nhì năm thứ nhất, lớp nhì năm thứ hai và lớp nhất rồi "đúp" lớp nhất với nhau. Có thể nói là anh M. gày yếu nhất lớp, hiền lành nhất lớp. Chân tay như cẳng gà, áo nào mặc cũng thấy rộng, cũng không thể bớt được vẻ gày yếu của cái thân hình bấy bớt và nhẹ thỏm của anh. Gương mặt anh thật là trái xoan, da anh còn trắng hơn ngó cần. Cả bàn tay cũng trắng muốt. Anh cũng có má hồng. Cái má chỉ hồng ở chỗ xương gồ những lúc e thẹn quá đỗi hay phải làm gì, chịu gì quá sức. Mắt anh cũng sáng. Thứ sáng long lanh của con trai thông minh, ý nhị, nhưng ít hoạt động. Tóc anh đúng là tóc mây, không cần chải chuốt cũng óng mượt một cách lạ.

Những lớp trước anh thường ngồi cùng hàng ghế với tôi. Đến năm "đúp" lớp nhất thì ngồi cạnh tôi.

Có lẽ vì học "đúp" nên chúng tôi trở nên loại khá năm ấy. Cũng vì thuộc vào loại khá nên chúng tôi càng thân nhau. Anh càng thân với tôi, vì tôi còn khá cả nghịch nữa. Mỗi lần lên bảng, thế nào anh cũng bị tôi thích cùi tay vào mạng mỡ hay cấu ngầm vào lòng bàn tay để dọa anh. Anh vốn đã dút dát nên khi đọc bài trước bàn thầy giáo lại càng luống cuống. Mặt anh đỏ ửng ngay từ lúc thầy gọi tên, rồi từ lúc anh lập cà lập cập bước ra khỏi hàng lên ghế, cạnh bục ngồi của thầy giáo, thì mặt anh cứ tái đi xanh xám lại. Vai anh đã hóp, cánh tay anh đã khẳng khiu, anh còn rúm lại để khoanh tay và run run vì phải cố sức dằn lên sự lo sợ và quên lẫn. Trông người anh lại càng thương.

Chính vì càng thương anh M., nên tôi càng lôi kéo anh vào các cuộc chơi. Nhất là đá bóng quần hay đá cầu lông. Đá bóng quần không bao giờ anh dám giữ các chân chạy. Vả lại lớp cũng không bao giờ dám cắt anh vào những chân này, để các địch thủ ăn tái anh. Vừa bị thua bàn, vừa thấy anh bị cướp ngon bóng, bị "cựa", thì có là đất thó cũng không chịu được! Ác nỗi, đá bóng anh còn giữ gôn được, dựa vào hàng tiền vệ và tiền đạo ngổ ngáo, liều mạng và có nhiều chân giỏi. Nghĩa là các bạn tôi hay tôi còn đỡ được cho anh nhiều thứ đòn, để anh chỉ có việc chộp nhẹ lấy quả bóng đối phương sút vào thành, sau đó chúng tôi cũng phải dàn ra che chở cho anh đá phát bóng đi. Nghĩa là chúng tôi có thể chèn, ấy với đủ các xiếc thuật cho anh lập công. Nhưng đến những trận bàn tôi phải đá đấu giải cầu lông với các bàn khác thì không còn cách nào mà thay anh được. Bởi vậy cứ đến lượt chúng tôi được từ ngoài đá vào, thì tôi thật là vất vả. Bàn có bốn người, anh với tôi là lớn là biết đá, cố nhiên phải đi giữa hay ở hai cánh bên. Để anh đi giữa phát cầu, tôi có thể sút được nhiều. Nhưng anh vừa yếu vừa chậm lại vừa thật thà hiền lành - tôi không dám bảo là anh dát - hỏi anh làm sao mà lừa học truyền cầu, đón cầu, nhất là giao cầu cho cánh tôi và cánh bên kia. Có lúc hàng mười quả anh đã giao hụt, cứ bị đối phương đá tung cầu đi; hay có lúc anh không còn thể xoay giở được chân vì bị chèn riết quá, và thằng chèn anh lại khỏe, chỉ hơi xô vào anh, anh đã liêu xiêu nháo nhào...

Vì thế, hầu hết các trận cầu lông tôi đều phải giữ chân đi giữa để giao cầu. Thì khốn thay, anh đi bên và đi bên trái - anh M. lại chỉ đá được chân trái - mỗi khi nhận cầu của tôi, cả những quả cầu tôi truyền lại cho anh cứ ngon sớt đi vì các thứ mánh lới và đòn ngón của tôi, anh M. vẫn sút vào gôn... nhẹ đúng như cái lông gà rơi lúc trời im gió lặng! Thằng giữ gôn đã không thèm bắt và cũng không thèm chơi xấu đá tung ra xa để làm mất thì giờ. Nó giơ chân làm bộ thật hùng hổ chừng như có thể đá bật cả cái gốc cây làm cột gôn đi được, nhưng là hờ hờ đón lấy quả cầu sút nhẹ trả lại qua đầu anh M. vừa giơ tay lên mang tai chào anh!

Tiếng cười reo của vòng trong vòng ngoài các lớp bạn đứng xem đã như là mực là chàm giội xuống đầu tôi. À tôi suýt quên. Cả khi đá những trận cầu lông ác liệt đấu với các lớp khác, anh M. cũng nhất định không chịu cởi áo dài. Anh thường mặc áo the thâm (không phải là vì anh sợ mất áo, chúng tôi đã có một thằng bạn chuyên ngồi giữ, chuyên trông giày, guốc, mũ và quần áo xếp làm gôn cho anh em cơ mà!) Trời nắng đổ lửa, anh cũng cứ đóng cả áo dài mà đá bóng, đá cầu vì... anh không thể chỉ mặc áo cánh thôi, chứ đừng nói là cởi trần, mà chơi được!.

Anh M. ơi! Thế mà bàn ta vẫn là bàn cừ và lớp ta vẫn là lớp cừ, dù chân giữ gôn là anh và đi bên trái là anh. Như vậy thì còn giời đất nào nữa!

Càng về cuối lớp, sắp đến kỳ thi tốt nghiệp, chúng tôi càng thân nhau. Anh và tôi cùng hai thằng bạn nữa đuổi nhau từng bài một. Tôi xin phép được thú thật, dù thấy anh cũng được nhiều điểm cao, nhưng tôi vẫn coi thường anh, nhất là môn luận Pháp văn, tập đọc và sử ký. Hơn nữa tôi còn ngài ngại có thể anh bị "hóc" về tính mất! Sự lo lắng này khiến tôi nhắc nhở anh luôn phải bình tĩnh và trao đổi với anh rất kỹ càng. Những hôm gặp bài khó, tôi thì thấy vẫn dễ mà anh thì đăm chiêu luống cuống ra mặt. Sau cùng tôi phải như là đóng kịch, rất thân thiết mà cũng rất giận dữ, bực bội bảo anh rằng:

- Không có gì sợ cả! Không việc gì mà sợ cả! Không đỗ thì thôi. Vả lại sức của M. thì lo gì mà không đỗ. Phải tin ở mình, phải tin vô cùng ở mình! Cho dẫu có phải kỳ thi khó, thì cứ chọn lấy một trong hai bài cố làm lấy một, hay không đúng réponse thì đúng marche, chỉ cần gỡ lấy một điểm thôi!

Anh M. lại trượt. Anh không trượt vì tính cũng không trượt vì ám tả. Dù tính và ám tả năm ấy cũng khá "hóc". Anh trượt vì luận Pháp văn. Đầu bài luận là "Anh hãy tả một tai nạn xe đạp mà anh đã trải qua". Sau đây tôi làm bạn với nhà tôi, nhà tôi kể các chuyện ngày xưa học hành của mình cho tôi nghe, thì nhà tôi cũng bị trượt vì cái đầu bài ma quỷ tai ác ấy!

Thi xong, tôi rất buồn. Buồn vì cảnh thôi học, nhà trường bạn bè tan nát. Buồn vì tôi biết tôi không còn thể nào được tiếp tục đi học, mặc dầu tôi tin chắc cuộc thi chuyển cấp vào trường thành chung, tôi không những đủ sức thi mà còn được nhiều bạn vào học trước truyền cho nhiều kinh nghiệm rồi tôi còn học thêm với họ, như vậy sao tôi lại không đỗ được điểm cao, xếp ở loại trên. Điều cuối cùng tôi buồn là vì không còn được đá bóng, nhất là thiếu anh M. trên sân trường.

Hôm thi xong là mồng sáu tháng sáu năm 1943, dù còn bảy, tám ngày nữa mới nghỉ hè, nhưng anh M. cũng không đến lớp. Trong khi ấy không kể những học trò thi đỗ, mà cả những đứa vừa không thi đỗ vừa như là không có bạn bè thân thiết với ai, chúng cũng đến trường, và lại có vẻ quyến luyến khác thường.

Cứ trông xa chỗ hai cây bàng làm cột gôn cầu lông, cứ trông lên bảng đen trước đó anh M. rúm hết cả người và xanh xám mặt mày khi đọc bài dù là những bài anh rất thuộc, hay trả lời rất đúng những câu thầy giáo hỏi,... và cứ trông lên bục kê bàn thầy giáo, ở đấy anh M. và tôi đã lần lượt hai tay nâng đón những sách phần thưởng cuối năm vào loại nhất nhì của thầy giáo trao cho... tôi lại càng buồn.

***

Tôi còn hồi hộp hơn cả khi đi tìm anh Th. Tôi đến phố anh M. Không hiểu tại sao tuy tôi đã đến gần nhà anh M. rồi mà vẫn cứ đinh ninh sẽ không được gặp. Vì anh được lên Hà Nội học hoặc anh đi một tỉnh xa nào rồi. Trống ngực tôi đập tưởng vỡ, tôi run cả người, khi bước vào cửa vẫn thấy một người đàn bà giống anh M. như đúc ngồi ngoài hàng, và một ông có tuổi, tóc búi, gày yếu, mắt kém cũng giống anh M. ngồi ở ghế bành bên cái kỷ gụ lối đi vào nhà trong.

Vẫn là chị gái và ông cụ đẻ ra anh M. Tôi cất mũ ấp vào ngực chào. Chị anh M. xét nét nhìn tôi giây phút rồi mới hỏi tên tôi và hỏi gặp anh M. có việc gì? Ông cụ anh M. nghiêng nghiêng đầu, nheo nheo mắt trông ra. Chính ông cụ lên tiếng gọi anh M. cho tôi, trong khi chị anh M. vẫn còn e ngại dù bà được biết tôi là bạn cũ của anh M. đi xa lâu ngày nay về thăm nhau.

Anh M. đã ra. Đúng anh M. đã ra. Anh cao hơn, gày hơn và cũng to người hơn trước, nhưng lưng hơi khòm khòm. Anh vẫn mặc áo chùng the thâm, tóc rủ xuống bên gò má xanh xao. Vẻ mặt mừng rỡ luống cuống, bước chân lập cà lập cập. Ông cụ đi lên gác nhường chỗ cho chúng tôi. Anh M. ngồi vào ghế ông cụ, tôi ngồi ghế ngoài. Bà chị ra vẻ không để ý gì đến chúng tôi, lại bổ cau để phơi. Anh M. rót nước ủ trong cái giành mây ra hai chén có nắp đậy. Cầm chén nước chè hột chế thêm hoa cúc mốc mà hương vị hàng bao năm nay tôi mới lại được thưởng thức này, và ngồi chiếc ghế nệm bông, phía trên đầu tôi treo một bức tranh cổ "ngư tiều" bồi lại và nẹp lụa, trước mặt tôi vẫn thấy kê đủ lệ bộ tủ chè, đỉnh đồng, độc bình, hoành phi, câu đối và sập gụ hai cánh trải chiếu cạp điều... tôi không thể nào không bùi ngùi và không nhớ lại bao nhiêu kỷ niệm ấu thơ. Anh M. cố nhiên vẫn đi học. Anh học ở trường dòng ông thánh Tô-ma Đa-kanh ngay đầu đường trong kia, chiều theo ý muốn của cha. Cả trường tôi chỉ có anh và một thằng nữa con quan thương tá nhưng khác anh, rất nghịch ngợm và rất dốt tính là học ở đây. Vào đây, anh được học năm thứ nhất thành chung, cố nhiên là phải đỗ tốt nghiệp loại sơ học, và cố nhiên là không còn đá bóng, đá cầu lông nữa. Cố nhiên trước mặt người chị nọ, những chuyện lông bông này chỉ được kể bằng mắt và bằng những cái nhìn, những nụ cười rất ý tứ của nhau. Còn tôi, mặc dầu hết sức giữ gìn vẫn không thể kìm được những xúc động trong cái giọng nói sôi nổi và tiếng nói hơi to quá của mình! Anh M. cũng thế, nghĩa là giọng nói anh không sôi nổi và không hơi to quá như tôi, nhưng gò má đỏ lửng hẳn lên, mắt càng long lanh mà tôi chưa thấy như thế bao giờ.

Trong khi câu chuyện đang tiếp nối nhau rất từ tốn nhưng rất lưu luyến

bỗng M. im lặng hẳn đi, cúi cúi mặt như để tránh nhìn tôi. Sau đó như phải cố gắng lắm, M. mới thốt ra được khe khẽ:

- Anh viết truyện, viết báo như thế mà đã lâu rồi đấy nhỉ?

- Sao? M. đọc tôi từ bao giờ mà bảo tôi viết đã lâu?!

Đúng là M. lại luống cuống và đổi hẳn sắc mặt đi.

- Có tôi được đọc và thấy anh từ năm 1935!

Tới đây thật là M. lại làm tôi choáng cả người!

Tôi nói M. "lại" làm tôi choáng cả người vì sau cái ngày thôi học không vui vẻ gì của tôi kia, giữa lúc tôi đang rũ rượi về nhớ tiếc, thì một cô Gì là em ruột cha tôi đi đánh chắn về qua nhà tôi, gọi tôi bảo "có việc này hay lắm". Tôi sững sờ, bồn chồn muốn được biết ngay thì cô tôi vẫn cứ lấp lửng: "Cậu có biết việc gì không? Cậu đừng giấu tôi! Cậu giỏi lắm đấy!". Rất lâu, gần như thấy tôi không thể chịu được sự chờ đợi nữa, cô tôi mới hỏi:

- Cậu có "cô" nào gửi thư cho cậu, viết những gì cho cậu thế?

Tôi càng rộn rực. Tôi không thể sao hiểu được! Tôi mà có "cô" nào?! "Cô nào" ấy lại gửi thư cho tôi, viết những gì cho tôi?! Chả nhẽ lại là cái cô bạn cùng phố vẫn đi học cùng đường với tôi? Cũng chả nhẽ lại là một cô nào đấy, mà tôi đã không chú ý; nhưng vì thấy tôi học giỏi vừa mới đỗ nên đã...?

Tôi gần như phát khóc, gắt hẳn lên:

- Thôi con không chuyện với cô nữa!...

Cô tôi càng tươi cười:

- Gớm chết có gì mà phải giấu giếm, mà phải bí mật như thế? Đây, thế tôi

hỏi, không cô nào, sao lại có thư này... cái thư lại viết như thế này?

Tôi chồm cả người lên:

- Thư nào, thư đâu?

- Thư kẹp ở trong sách ấy... sách của mày ấy!...

- Giời ơi khổ quá, sách nào, sách ở đâu hở cô?...

Phải phải! Đúng có một phong thư, một thư không có phong bì, viết hết cả một trang giấy trắng đẹp vở Aviat, chữ nắn nót run rẩy, từ lời đến ý vô cùng trìu mến, yêu quý, luyến tiếc, cậy trông... Chữ của M. và thư của M... M. đã kẹp thư vào một cuốn vở của tôi mà tôi đã quẳng tất cả sách vở vào một xó bàn. Thư đề trước ngày đi thi hai hôm, trong thư M. đã căn dặn tôi phải đỗ, và phải đỗ với điểm cao để lấy tiếng cho cả lớp, cả trường. M. chúc tôi những may mắn, những tốt đẹp, những hạnh phúc sau khi ra trường và M. sẽ là người theo dõi, hằng nhớ đến tôi, với tất cả tấm tình bạn trong trắng thắm thiết trên hết mọi sự trong trắng thắm thiết của tình người!...

... - Sao? M. đọc bài tôi ở đâu... từ bao giờ?... Tôi chỉ mới viết ở Tiểu thuyết thứ Bảy, có mấy truyện thôi mà!

Tôi sẽ sàng hỏi lại M., cố lấy lại sự tự nhiên để M. khỏi luống cuống, đặc biệt để bà chị M. ở ngoài không chú ý đến câu chuyện của chúng tôi ở trong này. M. vẫn đỏ rửng mặt, anh cười ngượng nghịu:

- Không!... Anh còn viết trước nữa, bài anh đăng ở Ngọ báo năm 1935.

Phải dùng đến hình tượng "ngã ngửa người ra" mới có thể diễn tả được sự bàng hoàng của tôi, khi nghe thêm câu này. M. lại rót nước ra chén và rê rê cả đĩa lẫn chén đến tận tay tôi:

- Kìa anh uống nước đi!... Xin lỗi anh, cứ uống nước nhé, chờ tôi một tí nhé.

M. lên cái gác xép ngay trên chỗ chúng tôi ngồi. Bước chân anh làm rung rung cả cái thang gác gỗ đã mọt. Khi anh xuống, tôi thấy rõ trán anh vã mồ hôi và không những gò má mà cả mặt anh hừng hừng. Miệng anh chúm chím nụ cười, anh đưa cho tôi một tờ báo gấp tư mà hai cột rành rành chữ in có tên tôi dưới một đầu đề rất lạ. Tôi vồ ngay lấy, chỉ một loáng mắt, tôi đọc cả một đoạn đầu, rồi xuống gần hết đoạn cuối. Người tôi như sốt. Bừng bừng hết cả mặt mày và da thịt. Phải! Từng chữ, từng câu một đúng là của tôi mà tôi nhớ lại rành rành. Có khác là bài báo ngắn hơn, ngắn hơn vì bị bỏ một vài đoạn:

Cảm tưởng của một người học trò nhỏ sau khi thôi học bị tù.

Cái khác chính còn là cái đầu bài trên đây thay đi thành: Trong trại tù trẻ con.

Bài này tôi đã viết cùng lúc với những truyện ngắn trong tập Những linh hồn đau khổ. Có lẽ vì tôi cho là hồi ký kiểu bài loại ấy là xoàng xĩnh, không như truyện ngắn, nên đã không để vào thành tập. Rồi khi gửi đi cũng không tự tin và không đặt hy vọng nhiều nên đã không chú ý hết sức. Còn lý do này nữa và là lý do chính. Ngọ báo ra hàng ngày buổi sáng ở Hà Nội. Thường thường ở Hải Phòng buổi trưa mới bán.

Ngày đó, tôi cứ phải chiều chiều đến cái phòng gọi là thư viện hay là câu lạc bộ của những công chức ngạch dưới của Hải Phòng ở một con đường khuất nẻo nọ để đọc báo. Tất cả báo chí ở đây có ba tờ: Đông Pháp thời báo, Hà thành Ngọ báo và Tứ dân văn uyển. Báo hàng ngày đã xuống chậm, lại còn bị ngâm, bị chiếm. Ông gác cửa câu lạc bộ thường om báo ở trong buồng ông cả buổi chiều hôm báo ra. Trừ hôm nào may mắn có các hội viên đến đánh bi-a, tổ tôm hay bài sừng, thì bọn độc giả lèm nhèm loại chầu rìa như tôi mới được đọc. Không những thế báo còn bị mất. Chẳng những ông gác lấy

mà cả những ngài hội viên cũng thủ túi! Đặc biệt là những số báo có tin tức gì lạ, hay truyện bài gì mà các ngài thích.

Không may cho tôi, bài đã đăng trong cái số "xấu số ấy". Thành thử dù tôi đã chờ đợi đón xem mà cũng không được. Phần vì báo hàng ngày lại đăng những bài sốt dẻo và không có lệ trả lời người gửi bài, nên tôi càng... yên tâm bài mình bị bỏ đi.

... Cầm tờ báo đăng bài viết đầu tiên ấy của tôi, từ hơn một năm trước đây, tôi ngậm ngùi vô cùng. Có nên ví nó như một đứa con còm cõi bị bỏ rơi hay xa lạc không? Chao ôi! Nếu sau khi tôi đưa tập truyện cho tuần báo văn chương nghị luận chính trị xã hội ở ngõ Cố đạo kia, dù không biết sự đánh giá tác phẩm mình ra sao nhưng mà thấy các bài nhỏ bé đó lại được đăng và đăng ở một tờ báo từng có những cây bút tên tuổi lừng lẫy ra đời, thì tôi sẽ suy nghĩ thế nào? Hay nói một cách "quan trọng", thì cuộc đời viết văn của tôi có thể có những ảnh hưởng và quyết định gì đặc biệt hơn không?

***

Đêm ấy tôi lại không sao nhắm mắt được! Tôi lại phải nghĩ đến những ngày đói rét, tủi cực và bơ vơ, không thể nào quên được kia, những ngày mới chỉ có cách đây gần hai năm thôi nhưng sao mà xa xôi, sao mà chìm nặng?! Và tôi lại càng nghĩ đến những truyện đã viết, từ tập Những linh hồn đau khổ đến những truyện đang chờ tôi ở Hải Phòng sau đây về sẽ sửa chữa hay viết lại. Tôi lại nghĩ đến tiểu thuyết Bỉ vỏ với bao nhiêu tình, bao nhiêu cảnh, bao nhiêu con người, bao nhiêu nỗi niềm tâm sự, thương yêu đau xót. Tôi không cần tiền, tôi cũng không cần cả tên tuổi, tôi không có một mảy may ý định gì là không trong trắng, không chính đáng trong công việc viết, thì sao tôi lại vội vã trao gửi cuốn tiểu thuyết đầu tay ấy cho những ai ai một cách dễ dàng, nông nổi, nôn nóng như thế!

Ơi! Những Trong trại tù trẻ con, Những linh hồn đau khổ và Bỉ vỏ! Ta lại

phải trở lại những ngày sống rất âm thầm, khắc khổ vừa qua mà ta đã viết nên các ngươi thôi! Nếu như tình yêu của cả một đời người, hay nói một cách khác, nếu như trái tim và tâm hồn của một con người, chỉ có thể sống với những gì là lý tưởng cao quý, thiêng liêng, thì việc phải làm ngay bây giờ là không được đưa đăng vội, không đưa in vội những tác phẩm mà mình quyết tâm viết ra phải có giá trị, phải được sự quý mến tin cậy của bạn đọc. Nghĩa là những tác phẩm không được phép phụ lòng tin cậy, sự chờ đón, theo dõi của một xã hội chân chính, vì nó và chỉ có nó, ngòi bút mới sống được!

Sáng sớm hôm sau tôi đón anh Th. ở cái ngã tư trước đây tôi vẫn chờ anh cùng đi học và đi đá bóng. Tôi khổ sở xin lỗi anh, nói với anh trả lại cho bản thảo Bỉ vỏ, anh Th. quay về nhà lấy đưa cho tôi lúc bảy giờ thì bảy rưỡi tôi ra bến tàu thủy, xuống tàu và trở về Hải Phòng... Ngày ấy đúng vào tháng chạp năm 1936. Ngày này, mùa rét năm trước, tôi đang viết bản thảo lần thứ nhất cuốn tiểu thuyết đầu tay của tôi đây.

## VI. NHỮNG HÌNH ẢNH THẮM THIẾT, NHỮNG TẬP SÁCH KỲ DIỆU!

Cái tin ấy đã làm tôi náo nức một cách lạ, và tất cả những cuộc gặp gỡ ấy cũng làm tôi bâng khuâng vô cùng. "Tù chính trị ở Côn Lôn đã về! Những chính trị phạm ở Côn Lôn đã về! Những tù Cộng sản ở Côn Lôn đã về! Các ông tù Cộng sản đã về Hải Phòng"...

Tôi không nhớ bà nào, bá nào, cô nào, chị nào làm ngoài bến Sáu Kho đã về xóm truyền đi những tin ấy. Nhưng không chỉ riêng có những người làm Sáu Kho mà cả những người buôn gánh bán bưng, những phu xe, đội than, xe gạch, và cả những người bán hàng, làm sổ sách ở trên phố... cũng thấy nói với nhau những chuyện ấy, những tin ấy. Tuy mỗi người chỉ nói một đôi câu rất sẽ sàng và nhiều khi chỉ thoang thoáng thôi, nhưng trong giọng nói, trong ý tình, thảy đều không giữ được tự nhiên. Hơn nữa, tôi còn thấy có những người xưa nay đi là đi về là về, gần như mặc kệ tất cả mọi sự việc chung

quanh, cũng trang trọng nét mặt mà thốt hẳn lên: "Đúng là chính phủ phải tha các chính trị phạm đi đày ngoài Côn Lôn về! Những người làm Cộng sản đi đày Côn Đảo không còn bị giam giữ nữa!".

Đang dạy lớp buổi sáng, chỉ thoang thoáng nghe nói, tôi liền bỏ chồng vở đang chấm, chạy vội ra sân. Rồi từ sân vào ngồi không đầy một phút, tôi chạy ra cổng. Rồi tôi lại vào lớp để rồi lại bỏ đi ra hẳn ngoài ngõ. Có lẽ bọn học trò bé nhỏ của tôi cũng ngạc nhiên vì tôi. Và chúng còn ngạc nhiên hơn thấy tôi sắp xếp các sách vở lại mà bảo: "Thôi hôm nay cậu cho các cháu nghỉ sớm! Các cháu về nhé!".

- Lạy cậu ạ!

- Lạy cậu ạ ạ ạ...

Tiếng chào ran ran, rối rít, ồn ồn và những bước chạy ùa ra ngõ, ra đường. Tôi mặc áo, đội mũ, chẳng dặn gì nhà ra đi. Lập cập đi khỏi ngõ nhà, và ra đến đường cái, nhìn người qua kẻ lại và xe cộ vận chuyển vẫn cứ như thường, tôi bỗng thấy hẫng trong người và tự hỏi: "Ta đi đâu bây giờ?! Ta đi đâu để đón những người tù chính trị ấy, những người làm cộng sản lại bị đi đày ấy, những người làm cách mạng đi tù về ấy bây giờ?!".

Trời không nắng, một màu xám lạnh giăng thấp nhưng rất xa rộng khắp cả bầu trời. Gió không mạnh, tuy vậy cũng làm cái rét thêm ngăn ngắt và những cây cối và mây trời heo hắt.

- Cứ đi!... Ra Sáu Kho, ra Sở mật thám, lên Đốc lý, đến ga chính, đến ngã tư trước Nhà hát Tây... Không thấy ở chỗ này thì thấy ở chỗ kia! Không gặp bọn này thì gặp bọn khác. Không gặp nhiều anh em này thì cũng gặp một vài anh em khác.

Tôi bồn chồn trông ngược, trông xuôi, chân đã bước xuống đường lại trở

lên hè, vừa lên bờ hè bên phải lại quay sang bờ hè bên trái và bước lộn lại. Lại thêm một câu hỏi nữa làm tôi càng bâng khuâng hơn:

- Nhưng biết thế nào là các "ông ấy" là các anh em mà nhận ra?!

Tôi đã nghĩ đến những bộ quần áo trắng vẫn còn nguyên dấu đóng bằng hắc ín. Tôi đã nghĩ đến những cái đầu trọc, thân hình bủng beo, gày yếu. Tôi đã nghĩ đến những cổ tay vẫn bị khóa và những hàng xích xủng xoẻng va chạm nhau. Cũng có cả lính khố xanh và đội xếp đi kèm nữa!

Chao ôi! Nếu đúng như thế, thật như thế ở giữa một thành phố lao động lầm than và cái thời thế đã cho ăn cho nói như giờ đây mà vẫn còn những cảnh ấy với những con người ấy, thì tôi càng phải đi và tìm mà gặp cho kỳ được! Hôm ấy, hôm sau, hôm sau nữa, rồi tuần lễ sau nữa. Tôi đã đi cả buổi sáng, cả buổi trưa, cả buổi chiều, cả ngày chủ nhật ở các nơi các chốn dò hỏi, nghe ngóng... Nhưng tin tức vẫn hoàn toàn là tin tức. Hay còn nhiều chuyến nữa? Hay không về qua đường này? Hay mật thám, tòa án chỉ thả ra ban đêm? Hay chỉ có mấy chuyến vừa qua là hết?

***

... Ngày tôi còn bé, người cha nghiện ngập, mệt mỏi và buồn thảm của tôi kia không những chỉ bắt tôi đọc truyện mà cũng lại dạy cả tôi học và kể tôi nghe nhiều bài thơ đặc biệt nữa. Từ bài Bể thảm mênh mông sóng lụt trời, Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi, Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió, Quanh lại cùng trong bể thảm thôi! mà tôi thấy tự tay cha tôi chép vào một cuốn sổ giấy rất dày, rất tốt, đến những bài thơ của Bà huyện Thanh Quan, tôi đã đọc thuộc lòng: "Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc, Thương nhà mỏi miệng cái gia gia...". Cha tôi còn dạy tôi những câu thơ mà tác giả đã được giới thiệu một cách hư hư thật thật, bí bí mật mật và rất kính cẩn:

Tam bôi hoàng tửu quần lệ huyết.

Nhất trản thanh trà bách tính cao

Nhân lệ lạc dư thiên lệ lạc

Ca thanh do xướng khấp thanh ca.. (6)

---

(6) Ba chén rượu cúc vàng, máu của dân đen.

Một bình trà xanh, tủy của trăm họ

Trời đổ nước mắt cùng người đổ nước mắt

Tiếng ca hát cũng như tiếng khóc.

C.t.t.g.

Những chữ những tiếng nước nước, non non, giang sơn, ái quốc, ái quần... đã thành những chữ thánh thót man mác vô cùng của trí tưởng và sự xúc động thơ ngây của tôi, cùng với những tên, những hình ảnh, những sự việc được truyền tụng cũng một cách thật thật hư hư, bí bí mật mật và rất kính cẩn như những câu thơ trên kia: những Hàm Nghi, Phan Đình Phùng, Tôn Thất Thuyết, Cần Vương, Tán Thuật, Đề Thám...

Rồi cái tin bàng hoàng cụ Phan Bội Châu bị bắt... những cuộc vận động đòi thả cụ, nhất là đòi không được xử cụ án tử hình. Trên Hà Nội, ở những con đường, những ngã tư đông nhất, phải toàn đội xếp Tây đứng gác đường mà nhân dân cũng trương băng giữa đường, chắn cả tàu điện lại. Cùng với những học sinh, sinh viên, thầy giáo, có cả những bà cụ đầu tóc bạc phơ, da mồi vóc hạc, đứng đón bên đường, chờ ôtô toàn quyền qua mà đưa tận tay y đơn yêu cầu tha cụ Phan. Và những số báo về buổi xử án, những dư luận từ Bắc chí Nam, cả ở ngoài nước, ủng hộ nhà ái quốc bị đưa ra kết tội. Năm ấy

tôi học lớp bét. Tôi đã đón mua những báo và đưa cả tập xử án có hình cụ Phan Bội Châu với những lời lẽ của cụ và của trạng sư cãi cho cụ đến trường, tụ tập các bạn cùng đọc nghe.

Sôi nổi, phiêu lưu, mạo hiểm, là việc chúng tôi để tang, chúng tôi đi dự lễ tưởng nhớ cụ Phan Chu Trinh. Cả cái trường từ lớp bét đến lớp ba, ở gần một gốc cây có điện thờ rất linh thiêng suốt ngày, suốt đêm, suốt tháng, suốt năm đều có người cúng lễ và lên đồng, gọi là trường Gốc Ngái hay trường Cây Ngái kia, đã bảo nhau bỏ học hết, đeo băng đen ở mũ ở tay mấy ngày liền và rủ nhau kéo đi kỷ niệm. Không hiểu vì người tổ chức trường chúng tôi nhận "mật hiệu" và liên lạc ra sao, để đến nỗi lễ tang làm ở chùa Cả, thì chúng tôi lại kéo đến Văn Miếu. Đúng là ở một đầu này tỉnh lại đi đến một đầu kia tỉnh. May chúng tôi bé quá nên không bị đuổi học!

Hàng tháng sau đó chúng tôi vẫn còn tiếc, còn hận. Chúng tôi bảo nhau tự làm lấy lễ. Thời gian vào tám chín giờ tối. Nơi chọn ở một khoảng rất vắng giữa một bệ cột đèn và một gốc cây xoan tây to gần đầu phố nhà chúng tôi. Chúng tôi chia nhau, thằng kiếm đất, kiếm cỏ về đắp mồ, thằng đi lấy lá lấy hoa về kết thành đài thành cổng chào. Tôi thường nhận phần việc dưới này. Lá và hoa tôi bẻ trộm ở vườn hoa thành phố. Chao ôi! Những giờ vắng lặng, bầu trời đen thẳm, sao nhấp nháy như hột thủy tinh có điện, hay như mắt thỏ cườm nhìn xuống các lùm cây xanh thẫm âm u. Tôi cố hình dung ra các thứ gian nan vất vả, các thứ đường trường sông núi, và đi quanh đi quất để làm lạc hướng cút lít và những người gác vườn. Tôi bẻ toàn cành ngâu và hoa phượng vỹ đem về, và, lần nào tôi cũng bịa thêm không biết bao nhiêu ly kỳ nguy hiểm trong những hành động phi thường của tôi...

Mộ đắp có cỏ tươi phủ, có đài hoa, cổng chào và rừng cây chung quanh. Chúng tôi xếp thành hàng cúi đầu lặng lẽ rất lâu, sau khi thầm thì không biết bao nhiêu điều căn dặn nhau về khí tiết cùng với bao nhiêu điều về giống nòi rất là văn hoa, lâm ly, thống thiết. Thường thường tôi ở lại sau cùng, ngồi gác

mộ cho tới khuya. Nghĩa là ngoài đường chỉ còn một vài bóng người kéo xe, hoặc ngồi rù ở ngã tư hoặc đi lửng thửng càng cắp bên tay, không còn buồn cất bước, và một hàng phở gánh leo lét ngọn đèn chai chờ khách đi xem hát về muộn nhất ăn rẻ. Khắc giờ đó cũng là lúc những sóng gió biển khơi xa xôi ở những Âu châu, Trung Hoa, Nhật Bản nổi dậy trong trí tưởng tôi cùng với những hình ảnh không những của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, mà đặc biệt còn có một tên tuổi mà mọi người cùng kính phục theo dõi, nghe ngóng và hết lòng tin cậy trông mong: Nguyễn Ái Quốc.

Những năm 1927, 1928, 1929 này, có một số tiểu thuyết lịch sử viết về những anh hùng và những chiến công xưa của dân tộc, đề cao tinh thần yêu nước, thương nòi như: Tiếng sấm đêm đông (Ngô Quyền), Vua Bố Cái, Châu chấu đá xe (Lý Thường Kiệt). Có truyện in thành sách bán trọn một cuốn. Có truyện ra làm nhiều tập, bán hai, ba xu một tập. Châu chấu đá xe đang ra thì bị cấm. Tiếng sấm đêm đông ra được mấy tháng mới cấm.

Những truyện này chúng tôi chung nhau tiền mua đọc rất mê mải, và mặc dầu đã thấy đăng báo cấm, cả gia đình cũng như nhà trường đều căn dặn không được giữ, không được đọc nữa, chúng tôi vẫn cứ giữ cứ đọc... bí mật ở những bụi râm bụt, những gốc sấu, gốc bàng trong trường hay ở những bờ búi hẻo lánh của vườn hoa thành phố.

Năm học 1929, 1930 ấy tôi đổi trường. Tôi được vào trường Trong. Khu đây là một phần thành trì của tỉnh Nam Định cũ ngày trước, chỉ có những lớp nhì và lớp nhất. Học trò nhiều người bằng tuổi thầy giáo và đã có con, ở các phủ huyện lên tỉnh ở trọ, hoặc thuê chung một gian gác, mướn người thổi nấu cho. Lương tiền bố mẹ hàng tháng đem lên, còn gạo ăn đúng là vợ gánh từ nhà quê ra. Tất cả gần hai mươi lớp. Lớp học xây ngay trên bờ thành, cao ráo, thênh thoáng mà vẫn còn chừa lại hai hàng hiên rộng lợp mái hắn hoi. Đi lại ở hàng hiên sau lớp, có thể trông ra các làng xa tít. Dưới hàng hiên trước mặt lớp lại còn bờ đất mà các cây cao um tùm, có khoảng như một bìa rừng. Râm

bụt, ô-rô mọc chen nhau ken thêm vào nữa. Thành đã cao, dưới chân thành lại vẫn còn hào rộng, nhiều chỗ ngập quá đầu người, thả sen. Trên bờ hào là những thửa ruộng cấy lúa. Tôi vẫn đi trước giờ vào lớp hay ở lùi lại đến tối mịt mới về nhà, để đi bắt cá đuôi cờ, ăn trộm ngó sen, và đào củ chua me ở hào và chân thành.

... Những ngày mùa rét gần Tết năm ấy, chúng tôi thấy có một sự xôn xao và một không khí căng thẳng như chờ đợi nghe ngóng một cái gì đặc biệt, rất lạ, rất ghê gớm, đang chuyển biến và sắp nổ ra. Chúng tôi được lệnh ngặt của đốc học không được đến trường sớm, không được tụ tập đọc báo, đọc truyện, không được ra khỏi khu vực nhà trường trong giờ chơi, và không được chơi ở những chỗ vắng, những bờ búi, những góc thành, sau trường và chân thành ngoài hào. Rồi tất nhiên, không được một lớp nào đốt pháo. Hình như có mấy học trò dại dột liều lĩnh và không nghe lời, vừa nổ pháo thì bị bắt, bị đánh và bị đuổi ngay.

Ra giêng, không khí càng lặng hẳn đi. Rồi tin ở trường này có thầy giáo vừa bị bắt đêm, trường kia thầy giáo đang dạy học cũng bị mật thám Tây ập vào xích tay. Có cả những thầy giáo đã bỏ nhà trốn đi. Có mấy gia đình xin cho con cháu tạm nghỉ học. Cũng có gia đình cử hẳn người lớn đưa đón con cháu bốn buổi đi học về học. Còn nghe đồn có nhà phải chạy hàng bạc nghìn với Sở mật thám để xin tha cho con, cho cháu.

Yên Bái đã bạo động! Yên Bái đã bạo động!

Đêm đêm ở cái thành phố làm ăn buôn bán sinh sống rất nền nếp - thành phố Nam Định, quê hương tôi ấy - nhà nhà đóng cửa đã sớm lại càng sớm. Cả mấy phố chính cũng lên cửa tắt đèn từ bảy tám giờ tối. Các đường có thợ nhà máy đi về, ban đêm vừa vắng lại vừa lạnh hoang lạnh ngắt vì không mấy ai qua lại. Các báo trên Hà Nội xuống, hàng phố đón mua sớm từng giờ. Phải, đã có bạo động ở Yên Bái nhưng đã bị dập ngay và các người khởi xướng "phiến loạn" đã lần lượt bị bắt!...

Nguyễn Thái Học, Ký Con, Phó Đức Chính... đã giải lên chém ở Yên Bái. Chúng tôi nghe chuyện, đọc báo và nhất là nghe tin, nghe đồn về các cuộc truy nã, các vụ xử án, đặc biệt là những chuyện về đời Đoàn Trần Nghiệp tức Ký Con. Chúng tôi vẫn cố ý không tin Ký Con bị bắt. Nghĩa là Ký Con vẫn sống, vẫn hoạt động ở ngoài vòng pháp luật!

Năm học ấy, tôi cũng có mấy bạn khá thân. Nhưng từ ngày xảy ra những sự kiện kia, thì bẵng đi một dạo, tôi chỉ đi về một mình. Cả khi đến trường, ngồi với nhau chờ trống vào lớp, tôi cũng không muốn chuyện trò nô nghịch gì cả. Biết bao nhiêu ý nghĩ và những câu hỏi về cuộc bạo động, về Nguyễn Thái Học, Ký Con và Phó Đức Chính đã bị tử hình. Trong cái buồn này có cả sự bâng khuâng, thương xót vô cùng.

Rồi phần vì ai nấy thêm một tuổi là phải thêm một khôn, một lớn, cũng như phải đứng đắn khác trước, nên tôi không đi đào củ chua me, không đi mò trộm ngó sen, không đi bắt cá đuôi cờ ở chân thành, ở ngoài hào ngoài ruộng nữa. Tôi thôi nghịch như thế còn để các bạn tôi thấy tôi cũng là một người đã có "đầu óc" rồi đây!

Sau cùng, có những buổi tôi đi học, vào trường gần như sớm nhất. Tôi lại lên con đường dốc, cây cối bờ búi um tùm. Tôi lại đến chỗ bụi găng rậm đằng sau một gốc cây mà rễ ăn sang cả bên kia đường, ra mãi vườn ngoài kia, và có những cái hốc cái gồ vừa cao vừa sâu hoắm, ở đây tôi không cần vít thêm những cành lá của các cây con cây dại cũng đủ làm thành một cái động, một hẻo rừng rất là hoang vu và cũng rất nên thơ. Tôi lách vào ngồi thỏm trong đó, bứt lá rải cho êm, có thể nằm ngủ được. Tôi đã bưng lấy trán mà suy tưởng. Trước mắt tôi là một trang bìa không hiểu tháo ở cuốn truyện nào ra in một cảnh có sông, có núi, có trời mây. Sông núi trời mây đó là Giang sơn và Tổ quốc. Và cái mấu gồ gồ như một mâm bồng nổi ở dưới gốc cây là bàn thờ, là đài Nghĩa liệt yêu nước thương nòi.

Chữ "Yên Bái bạo động" đã chiếu ra trước mắt tôi thành một hình tượng cùng với những hình ảnh vừa lạ lùng vừa man mác từ từ đi qua cái mấu gồ ghề của hốc cây sâu lạnh. Trên cao, những tàn lá càng phấp phới nắng. Gió thổi ù ù. Mây trắng cuồn cuộn. Trời xanh thêm, bát ngát xa thẳm.

Bao nhiêu tên tuổi và bao nhiêu ảnh hình xa xưa khác cũng rưng rưng chiếu thêm ra và như có cả những âm vang của trống rung, chiêng dậy, ngựa hí, súng nổ, cờ phất, quân reo... mở nước, giữ nước và chống quân cướp nước. Lại đến mùa hè rồi mùa thu. Rồi hết cả năm 1930 ấy, cái thành phố yên tĩnh và nền nếp Nam Định của tôi quả là không còn thể giữ không khỏi xôn xao sợ hãi được nữa. Phố nào, đường nào, xóm nào cũng thấy có người bị bắt. Càng những đường những xóm khuất nẻo của thợ thuyền và những người nghèo đói làm ăn lam lũ xưa nay ít ai chú ý, thì lại càng nhiều nhà bị khám bị bắt. Những câu chuyện, những tin đưa ra từ Sở mật thám và đề lao càng rùng rợn khủng khiếp. Tra tấn và tra tấn. Kim đóng lách vào các đầu móng tay, quấn chăn bó lấy ngực mà quật chầy gỗ. Treo ngược người và lộn đến ứa máu ở cả lỗ tai, lỗ đít. Tra tấn cả đêm. Toàn Tây lai tra tấn. Vừa uống rượu vừa lấy búa đóng kim, lấy chầy gỗ quật, lấy giày sắng-đá dận xoáy lên ngực, vừa hét vừa chửi. Người bị tra đã bị xích tay, cùm chân lại còn đóng hàm thiếc và không được uống nước! Hay có uống thì phải uống nước vôi, nước xà phòng, và uống cả nước đái của mình hay của anh em.

Khám cộng sản. Bắt cộng sản. Truy tìm cộng sản. Cung khai cộng sản. Tra tấn cộng sản. Xử án cộng sản... Không còn là những câu chuyện kín hở, rì rầm, thì thào nữa, mà công bố hẳn hoi. Chính kẻ đánh "người" công bố. Công bố cho những người nhà làm cộng sản, những bạn bè thân thuộc người làm cộng sản, những bà con xóm làng chỗ người làm cộng sản, và cho bất kỳ ai dính dáng đến cộng sản được biết rồi truyền đi cho các người khác biết! Còn làm cộng sản thì là làm những tội sau đây: quân phân các của cải, phá đồn điền, phá kho, phá lẫm, chia nhau ruộng đất, cướp giữ nhà máy, chống lại nhà nước, làm rối loạn mọi sự làm ăn, buôn bán, học hành, tôn ti trật tự,

đạo đức lễ nghĩa hiện hành. Và đi theo cộng sản thích và làm cộng sản số đông là những thợ thuyền, phu phen vô sản và những người nhà quê đói khổ, cùng túng, thoi thóp, xác xơ...

Nói cho mọi người biết, giảng giải cho mọi người hay về các "tội" cộng sản này, không phải chỉ là những chánh phó cẩm và các thanh tra mật thám, hay các chánh phó xứ, tổng đốc, án sát, thương tá. Cả những cha cố cũng dễ dàng dặn bảo các ông già bà lão con chiên về những việc làm của các "ma quỷ" ấy và cấm các ông già bà lão không được cho con cháu sa vào chước cám dỗ, nếu không sẽ bị tước phép thông công.

Tôi lại đi tìm các báo ấy và giấu giếm các báo ấy. Đó chỉ là mấy số báo hàng ngày bấy giờ đã đăng những vụ xử án cộng sản. Trong những bài này thỉnh thoảng mới thấy đăng đôi câu của các người bị khép tội đối đáp với các dự thẩm, các chưởng lý hay chánh tòa, đặc biệt là những khẩu hiệu như: "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm hay "Đả đảo chính phủ, v.v... còn thì phần nhiều là kê những án mười năm cấm cố, mười năm phát lưu, hai mươi năm phát lưu, hai mươi năm khổ sai và chung thân chung thân...

Tôi đã cố học thuộc những câu đối đáp rồi cũng hô những khẩu hiệu nọ. Tôi đã nghĩ nếu tôi cũng được giao cho công việc như phát truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm, v.v... rồi bị bắt, tôi cũng ra tòa lên tiếng kết tội lại chưởng lý và chánh án, và hô khẩu hiệu như những "ai" kia... thì "dù tù tội cũng vui lòng"... Rồi những tiếng đồn và bàn tán về bài thơ của Tống Văn Trân cắn lưỡi lấy máu viết lên tường xà lim, đã như là một thần thoại đối với tôi, bên cạnh những thần thoại khác về các trận tra tấn khủng khiếp mà các con người làm cộng sản ấy trải qua, tinh thần mà chí khí của họ đã khiến chính những kẻ cùm kẹp khảo tra phải khuất phục! Cũng như những việc làm của họ bị buộc, bị bêu là tội ác, thì tôi lại thấy rất đúng, rất phải, rất tốt, rất hay. Tôi không những chỉ kính phục những việc làm và những con người bị kết là tội ác kia, mà thấy còn phải bằng mọi cách chống lại sự nhận định qui kết vô lý

bất công, và làm sao cho rất nhiều người cũng thấy như tôi, cũng có thái độ như tôi...

***

Tôi đã đón đọc các báo ấy còn hơn cả tờ báo tôi gửi truyện và được đăng truyện: từ tờ Le Travail đến tờ Bạn dân, tờ Thời thế. Tôi xuống tận chỗ chia báo, mua ngay tự tay người bán số đầu tiên rút ở tập báo còn nham nháp mực và thơm nức. Tôi vừa đi vừa đọc. Càng những tin ngắn tôi càng đọc kỹ. Những bài xã luận, lý luận, bình luận chính trị, tôi đọc còn mê mải, hứng thú hơn cả những truyện ngắn hay tiểu luận mà tôi có một thói quen là đọc rất chậm, đọc đến gần như thuộc. Tôi đọc cả trong giờ dạy học. Sau đó tôi còn chọn đọc cho người chung quanh nghe những bài, những tin đặc biệt. Tôi đi cả mấy gia đình có con cháu học tôi ở ngoài xóm, ngoài ngõ giới thiệu những bài đó, số báo đó. Nhiều nhà tin tôi, và bất chấp những sự đe dọa, đã mua những số báo đó. Báo của cộng sản! Báo đang chống lại chính phủ! Có nhiều số tôi đã cố giữ, nhưng rồi phải cho mượn, và cho hẳn mấy gia đình ấy!

Đình công, bãi công, bãi thị,... chống các thứ thuế, chống các cuộc khám xét giam giữ, bắt bớ, cúp phạt đuổi thợ,... vạch mặt những việc làm trái phép, đen tối, gian giảo của nhà cầm quyền, của các chủ,... ủng hộ các phong trào đấu tranh của công nhân, của quần chúng trong nước và ngoài nước,... ủng hộ phong trào cách mạng của Mặt trận bình dân Tây Ban Nha và kháng Nhật cứu nước của Trung Quốc,... vạch mặt những dã man, tàn bạo và nguy hại của bọn phát xít và quân phiệt phản động xâm lược,... giảng giải về những nguyên nhân của các cảnh nghèo đói khổ sở, cùng cực lạc hậu của quần chúng trong nước và các xứ thuộc địa, đặc biệt là sự bóc lột và đàn áp của bọn tư bản, đế quốc thống trị... bàn luận giới thiệu những điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác, của xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa, của Cách mạng Tháng Mười Nga và công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa của Nga Xô viết,... bàn luận và giới thiệu các cuộc cách mạng trên thế giới... Tất cả những tin ấy,

những bài ấy, tất cả những cột, những khung, những trang sách báo ấy, không phải là những dòng chữ mà là những dòng ánh sáng, những luồng ánh sáng đi rất sâu, mở rất rộng trong tâm não trí tưởng của tôi. Đồng thời có cả một sự sống, một sự sống rất mới, rất giàu có, rất lớn mạnh, rất sắc sảo, làm tôi được thấy rõ thêm những ý nghĩa về xã hội này, ở cuộc đời, ở con người, ở mặt đất và ở tương lai của trái đất này.

Số học trò của tôi lại đông thêm. Cũng vào vụ nghỉ hè. Nhân giai đoạn phong trào lên, các báo đang đòi các quyền tự do dân chủ, tôi không dạy bốn buổi nữa, mà thu lại làm hai lớp dạy hai buổi. Tôi vẫn vừa dạy học vừa viết. Vào khoảng tháng bảy năm ấy (1937) tôi nhận được thư đặc biệt của Tiểu thuyết thứ Bảy. Phong bì đã viền xanh, lại còn viền mấy đường chỉ màu, tên và chỗ ở nhà báo in rất to. Giấy viết thư thì màu lụa mỡ gà, vân kiểu giấy bạc, mấy đường viền trong đây còn rực rỡ hơn, đúng là băng tam tài, còn cái thư thì như một cái bằng đấu xảo, địa chỉ và tên báo, chức vị chủ báo in toàn chữ nổi đen nhánh. Thư đánh máy, chính ông chủ nhà báo kiêm chủ nhà xuất bản ký tên.

Tôi đã hoa cả mắt, run rẩy cả tay và cả người, đọc đi đọc lại, cố hiểu thật sâu thật hết mọi ý của từng lời từng câu trong thư.

Thư nhà báo hoan nghênh tôi, mong muốn tôi viết tiếp nhiều truyện cho nhà báo. Để đáp lại sự cộng tác chặt chẽ đó, nhà báo sẽ trả tiền bài cho tôi bắt đầu từ ngày viết thư này. A ha! Thế là tôi thành một người viết báo có tiền nhuận bút, một văn sĩ mà các truyện viết ra không phải chỉ được đăng mà còn được trả tiền! Tôi sẽ có thể, rất có thể sống bằng viết báo, viết truyện. Tôi thành văn sĩ nhà nghề. Tôi là một trợ bút của hẳn một tuần báo to, có tiếng bên cạnh những văn sĩ có tên tuổi, vào bực đàn anh trong làng văn làng báo bấy giờ! Tôi đã tranh được một sự làm ăn mà bao người viết văn khác khao khát mơ ước, trong số đó có nhiều kẻ đã phải tìm các thứ mánh khóe, mưu mẹo, cày bẩy, luồn lọt, chạy chọt, thậm chí bán rẻ cả tài năng của mình để

thực hiện ý đồ.

Tôi không khoe việc này với ai cả, kể cả mẹ tôi và em gái tôi. Nhưng có lẽ vì sự sung sướng hân hoan không thể nào không lộ liễu của tôi, và hình như em gái tôi đã đọc trộm được bức thư của tòa báo ấy, nên cả hai người cũng vui ra mặt, và trong những câu nói với nhau, tôi thấy còn bàn tính đến cả sự sắm sửa chi tiêu cửa nhà từ nay trở đi. Hơn thế nữa, những bà con xóm lán thân thuộc cũng thì thào và tỏ ý mừng cho sự làm việc chịu thương chịu khó, cặm cụi đêm ngày của tôi đã tới lúc khấm khá.

Những cô gái xóm càng nhìn tôi một cách khác lạ hơn, bởi vậy càng làm tôi lặng lẽ hơn, đi đường chào hỏi họ giữ gìn hơn, và cả sự ăn mặc cũng thế. Tôi bắt đầu mặc tây. Tôi chọn mua một sơ mi dệt cụt tay ở cửa hàng trên phố; tôi đóng hẳn một đôi dép da ở một hiệu nọ có tiếng về giày dép cũng trên phố, đắt hơn dép mua thường bày sẵn của các hiệu khác ba, bốn hào. Còn quần, tôi nhờ một ông bạn thợ may cùng ngõ, học tiếng Tây mà tôi viết dạy âm bằng chữ ta. Ông bạn này chữa từ một cái quần ngủ thành quần mới thường rất khéo cho tôi.

... Nhưng rồi cái không khí vui mừng ấy ở trong nhà tôi cùng với bao nhiêu tính toán dự định của mẹ tôi đã tới phút quyết định đảo lộn.

Tôi thôi dạy học, bỏ hẳn nhà, lên Hà Nội. Tôi lên Hà Nội để đi học. Tôi lại đi học!

Mẹ tôi không thể sao tưởng tượng và hiểu ra nổi ý định này của tôi. Thứ nhất là bà khổ tâm và buồn, thấy tôi bảo giải tán hẳn những lớp trẻ nhỏ. Chao ôi! Thật thế này thì mẹ tôi ăn nói gặp gỡ chuyện trò với các bà con bố mẹ người nhà những trẻ nhỏ này ra sao? Con cháu họ theo tôi học hành đang mỗi ngày một ngoan khá, tuy tôi không bao giờ đặt giá nhưng họ đều trả cũng bằng tiền học các trường ngoài phố cơ mà! Hay giờ tôi viết báo viết truyện được nhiều tiền nên tôi không còn thiết gì con cháu họ, nhất là lại có những

bố mẹ nghèo túng thường trả lân tháng và chịu lâu quá của tôi?

Thứ hai là mẹ tôi thấy tôi dù hiền lành tốt người tốt nết đến đâu, nhưng một mình lên ở Hà Nội cũng sẽ đua ăn đua chơi như những thanh niên nào kia thì sao? Không hư hỏng kiểu như thế, tôi lại nông nổi dại dột, sẽ theo đòi làm những công việc nguy hiểm nào đấy! Chính sự lầm lỡ này mới thật đáng lo đáng nghĩ!

Thứ ba là gia đình sẽ bị thiệt thòi trông thấy. Tôi ăn uống ở nhà vừa được no đủ vừa không tốn kém. Hàng tháng tiền dạy học được bảy tám đồng, tiền viết truyện cũng được khoảng như thế. Ôi! Lương thư ký một nhà buôn Tây, một thầy giáo trường tiểu học nhà nước cũng chỉ như thế hay hơn thế năm, sáu đồng thôi, mà có được tự do như tôi đâu?

Đúng là tất cả những suy tính của tôi hoàn toàn ngược lại với mẹ tôi!

Tôi phải học cũng như phải viết cũng như phải sống. Tấm lòng tôi đối xử với học trò cũng như tấm tình tôi đối xử với bà con như thế nào, mẹ tôi không cần phải phân bua, thì bà con cũng rõ cả. Vả lại rồi đây các cháu cũng phải vào học trường công, học lên các lớp khác, tôi lẽo đẽo theo các cháu, nắm tay đưa chân mãi được sao? Như vậy thấy tôi lại đi học, bà con cũng chẳng giận gì, mà còn mừng cho là đằng khác. Chính nhiều bà con lúc tôi đến thăm hỏi, hay lúc đến chơi nhà tôi trả tiền học cho con cháu, đã tỏ ý tiếc tôi đang sức học mà phải bỏ dở!

Đã muốn đi học, nay được một hoàn cảnh tốt, tôi không thể tiếc thể tham mỗi tháng bảy, tám đồng tiền dạy học. Tôi không những phải dứt khoát, mà rồi ra có phải thiếu thốn ăn uống, tiêu pha kham khổ, thì càng phải chịu khó, càng phải quyết tâm.

Còn những sự ăn chơi hư hỏng hay theo đòi làm những việc gì nguy hiểm mà mẹ tôi lo nghĩ trước, thì sau đây sự sống và kết quả việc làm của tôi sẽ trả

lời. Cũng như mẹ tôi đã thấy được một phần nào ở sự sống vừa qua của tôi.

Tươi sáng đẹp đẽ và thiêng liêng biết bao, những hình ảnh, những dự định mới của tôi kia!

Tôi sẽ xin vào học hẳn ở một trường trung học tư thục, như là trường Thăng Long bấy giờ có tổ chức chặt chẽ bề thế với những giáo sư rất giỏi, rất nghiêm, rất yêu và lành nghề sư phạm để theo chương trình tú tài, xây cơ sở cho tri thức. Trưa, tối các ngày nghỉ tôi cũng vẫn đọc sách và viết như trước. Nhưng có phần khác trước là tôi sẽ tìm đọc nhiều những sách chính trị, triết học; tôi sẽ cố tìm hỏi và làm quen với mấy nhà chính trị, đặc biệt là những chính trị phạm ở Côn Lôn hay ở Sơn La về, để nghe giảng, để được trao đổi ý kiến học tập kinh nghiệm hoạt động. Tôi sẽ nhận một số việc họ phân công cho mà làm, để chứng thực cho tinh thần, cho ý thức cùng thái độ, trách nhiệm của tôi trước cuộc đời, trước xã hội.

Ơi! Hà Nội, kinh đô ngàn năm văn vật, một trung tâm chính trị, một diễn đàn có ảnh hưởng lớn của các sinh hoạt, các phong trào! Tôi sẽ lên sống ở đây, đem cả tuổi thanh xuân của mình chọi lại với các sự quyến rũ, thách thức, lừa lọc bấy giờ.

Tôi sẽ lại một bóng, một đèn, thắt người lại trong một sự khoan khoái mê say là được sống và tiến theo một lý tưởng mà tôi thấy là cao quí, thiêng liêng vô cùng. Tôi sẽ vẫn ăn, vẫn mặc bằng mồ hôi và óc não tôi vắt ra thành chữ thành bài. Và những chữ những bài của tôi vẫn sẽ rèn giũa kết đúc từ trong một trí não đã sống cái đời thật là nẩy nở, lớn mạnh của nó.

Tôi ra xe lửa lên Hà Nội với một hòm gỗ. Cái hòm gỗ lần này vừa to, vừa mới, rất nặng, vì ngoài những sách báo mới mua, lại còn các thứ bản thảo. Cũng vẫn một ngày mùa thu nắng đẹp!

Tôi ở nhờ một ngôi đền của phố Châu Long. Còn ăn, tôi đi ăn ở các hàng

cơm đầu ghế ở các ngõ, các đường phố, các ngã tư, các cửa chợ, các cửa ô Hà Nội. Mỗi bữa ba xu cơm và một xu canh dưa chua hay rau muống luộc, một xu cá kho. Chưa thể vào trường được vì tiền học hàng tháng hơn sáu đồng, nên tôi đi tìm hỏi các chỗ dạy trưa hay tối, và cũng tìm hỏi chạy chọt làm sao được đến thư viện đọc sách. Những phút giờ đi qua những con đường có các tòa báo Le Travail, Bạn dân, tôi càng bồn chồn cả người, vì tôi vẫn chưa làm quen được với một anh em nào ở đây, hay được một ai giới thiệu với anh em.

Trong người tôi dần dần thấy mệt, thấy mỏi một cách lạ. Có nhiều sách tôi đọc rất khó vào. Còn truyện thì tôi viết lại gần như có lúc không ra chữ. Càng ngày tôi càng thấy sự sâu sắc và da diết của một nỗi nhớ.

Tôi nhớ Hải Phòng; Hải Phòng mà tôi đã bỏ nó ra đi. Hải Phòng thân thuộc, yêu thương, đằm thắm vô cùng đối với tôi. Ôi! Có một điều tôi thấy cần phải viết thêm, là từ ngày tôi lên Hà Nội, tôi vẫn không nghĩ đến việc vào cái tòa báo Tiểu thuyết thứ Bảy của tôi kia, dù tôi luôn luôn đi qua đấy, dù loáng thoáng tôi vẫn gửi truyện đến, vẫn nhận được ngân phiếu nhuận bút. Và tôi vẫn không dám để người chung quanh thấy tôi là văn sĩ, là viết truyện gì cả!

***

Trở về Hải Phòng đầu mùa thu năm 1937 ấy tôi tìm mượn và mua đọc được cả Léon Tolstoi, Maxime Gorky và những sách của nhà xuất bản Xã hội của Đảng Cộng sản Pháp trong đó có tập Tuyên ngôn Cộng sản của Mác và Ăng-ghen.

Sau cuộc đình công của hơn bốn ngàn công nhân Máy tơ và liên tiếp những cuộc đấu tranh thắng lợi của Cảng Sáu Kho, nhà máy Xi măng, các hãng vận tải, các anh chị em buôn bán chợ Sắt, các anh em thợ xẻ, kéo xe, thợ may... thì có thể nói không khí của Hải Phòng sôi nổi rần rật như đã qua những ngày hội đặc biệt. Bao nhiêu câu chuyện, bao nhiêu tin tức, bao nhiêu

điều phải thì thào, lẩn lút, tránh né, nay đàng hoàng cất lên thành tiếng thành lời ở các cửa miệng của từ người đàn bà đội than, người làm phu thùng và đến cả những kẻ đi ăn đi ở cho các hiệu các nhà tận hang cùng ngõ hẻm. Các ái hữu cũng lần lần thành lập, có trụ sở trương biển ở cả những phố to, những ngõ đường đông đúc nhất của thành phố.

Nhiều sách bằng tiếng Pháp của loại sách mác-xít phổ thông bày bán, song song với những Nắng mới của Tự lực văn đoàn, Phổ thông bán nguyệt san của nhà xuất bản Tân dân, trong những tủ kính trên những giá gương mạ kền sáng choang. Cũng ở giữa những phố buôn bán to và những ngả đường tấp nập thợ thuyền đi về.

Cuốn Vấn đề dân cày của Qua Ninh và Vân Đình đã truyền đi và được giữ gìn vô cùng quí giá. Cuốn Ngục Kôngtum của Lê Văn Hiến thì chưa kịp bày đã hết. Sở mật thám Hải Phòng cũng không kịp tịch thu. Từ ngày mở hẳn chi nhánh báo Thời thế thì những sách của ta đã đưa đến tận tay quần chúng lao động độc giả Hải Phòng. Tôi cũng đến đây mua báo, mua sách.

Trụ sở... Cơ quan... Chi nhánh, phát hành... Thường trực, liên lạc... và tòa báo hay nhà báo Thời thế ở Hải Phòng ấy, là một căn gác phố đường Cát Dài. Chỗ ở kê được một cái giường, một bàn làm việc và một bộ ghế tiếp khách. Tất cả đồ đạc này đều đi mượn và đều mọt, gẫy, xộc xệch, ố xỉn cả rồi. Nhưng rất đỏm dáng, đường hoàng. Đỏm dáng đường hoàng với sự sạch sẽ, gọn ghẽ, thanh bạch đặc biệt của nó. Ngoài những chồng sách báo là thứ duy nhất làm nổi màu sắc, còn thêm những ảnh cắt ở báo, những ảnh chỉ đóng bằng đinh hay dán hồ chứ không khung, không kính gì cả. Uy nghi trang trọng, gợi nghĩ và cổ vũ nhất vẫn là ảnh Lênin. Lênin đứng trên xe bọc sắt, cả người lao ra trước đám đông quần chúng ngùn ngụt khí thế mà nói chuyện về cách mạng. Thêm mấy tranh áp phích đề khẩu hiệu của cuộc chiến đấu của quần chúng Tây Ban Nha và Trung Quốc chống phát xít Phờrăngcô và quân phiệt Nhật Bản.

Dưới gác tòa báo có hai cửa hiệu: hiệu cắt tóc hai ghế ngồi có cả gội với một gia đình, và hiệu thợ giặt cũng với một gia đình. Ngoài những người chính thức của hai gia đình này còn một số khách không mấy lúc vắng. Đó là người trong nhà quê ra tỉnh chơi và tìm công ăn việc làm. Gian bếp chật hẹp chung cho cả nhà dưới và gác còn là chỗ ăn ngủ của khách, ngoài việc phải chất chứa than củi, các đồ dùng, hong quần áo và nuôi cả gà nữa. Có lẽ vì được lợi như thế nên họ mới nhường cho tòa báo thuê gian gác, mà tòa báo chỉ có ba người, và nhà tuy thường là đông khách nhưng không thổi cơm nấu nước hoặc có đồ đạc gì ở bếp cả.

Kể ra tòa báo cũng có một số đồ dùng lỉnh kỉnh và không quý giá gì đến mức cần phải xếp ở một chỗ kín. Đó là những giày cũ, cái thau sắt tráng men đã cờn miệng vừa để rửa mặt vừa để ngâm quần áo, hũ vôi bột, thuốc hít riêng của một đồng chí bị bệnh phổi: đồng chí Búa nhà ta. Những thứ này xếp ngoài hàng hiên gác. Gọi là hiên nhưng ít khi người ta ra đây, vì nó vừa chật hẹp ngắn ngủn, lại còn mọt nát hơn trong gác. Chỉ đi mạnh chân là có thể làm lở thêm từng mảng vữa xuống đầu khách đang gội và xuống ngay nơi ông chủ ra vào đổi bàn là ở bếp lò, chỗ này trơ trụi gần hết gỗ dầm trên trần.

Còn lý do này nữa: lan can hàng hiên lại treo một biển rất to. Biển sơn nền màu đỏ rực, kẻ chữ trắng tên báo, một bên vẽ hình một công nhân trẻ đội mũ cát két giơ ngang thái dương nắm đấm chào kiểu Mặt trận.

A! Giữa thanh thiên bạch nhật ở một thành phố công nghệ và bến cảng ra vào tàu các nước thế này, đúng là tù chính trị, tù cộng sản ở Côn Lôn về mở hẳn trụ sở công khai rồi còn gì nữa! Chỉ thiếu không kéo cờ đỏ búa liềm của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng bên "nó" là Đảng Cộng sản Pháp và chung quanh "nó" là Đệ tam Quốc tế thôi! Nhưng không cờ thì lại có tấm biển đỏ chói kia, hình công nhân trẻ đội mũ cát két và quả đấm giơ ngang thái dương kia, có kém phần kêu gọi, tuyên truyền, động viên tập hợp đấu tranh đâu?!

Chao ôi! Làm sao mà người ta lại biết được hết những ý tình của những trí tưởng tượng, óc suy nghĩ và mắt nhìn xa rộng của những đại thần toàn quyền Bờ-rê-vi-ê, thống sứ Xa-tiền hay các quan lớn chánh mật thám Đông Dương Gờ-răng Giăng, đốc lý Hải Phòng Viếc-gi-ti, hay các quan cẩm mật thám, thanh tra mật thám lúc đó? Và mặc dầu dù biết có các thứ a dăng mật thám, mật thám phụ, chỉ điểm, xú dooc thay hình đổi dạng với các thứ quần áo mặt mày, nghề ngỗng, ngày đêm chia nhau chực chõm từ hai đầu đường đến nhà báo, canh gác và ghi tên tất cả những ai ra vào lên xuống nhà báo... biết cả như thế mà người ta vẫn cứ lên xuống ra vào để không những chỉ mua sách báo mà còn tìm hiểu trình bày, nhờ cậy sự giúp đỡ chỉ bảo, rồi đưa tin, mách chuyện, góp tiền quyên giúp cho tòa báo. Toàn những công việc vào các loại phản đối, tố cáo, yêu sách, v.v... không làm vừa ý, vui lòng các nhà cầm quyền đương thời một tí gì cả!

Tôi đã gặp anh C., anh Nh., anh Tr., anh Ch. Các anh đều đã qua các nhà tù độc ác, tàn bạo và dã man nhất của thuộc địa Đông Dương. Anh Tr., và anh Ch ở thường trực nhà báo. Ch. người cùng quê ở Nam Định với tôi. Những tên trường, tên phố, tên xóm anh kể chuyện cho tôi nghe hầu hết là những nơi gần ngay nhà tôi trước. Anh Tr. đã ở Sơn La, anh Ch. ở cả Sơn La và Côn Lôn. Chỉ mới gặp các anh lần đầu thôi, bao nhiêu sự suy tưởng của tôi trước đây về những con người hoạt động chính trị và làm cộng sản gần như được đặt hẳn lại.

Riêng anh C. đã làm tôi chú ý đặc biệt. Anh trẻ quá. Không phải vì nghe giới thiệu hồi anh C. ở Côn Lôn chuyên đóng giả gái mà tôi thấy anh trẻ. Anh C. trẻ cả từ dáng người đến khuôn mặt. Anh lanh lẹn khỏe mạnh và chắc chắn như một thợ máy trẻ, lại vừa có vẻ thông minh ý nhị của một học sinh đức độ, rất nhiều nghị lực. Tôi không thể tưởng được rằng người anh C. như thế mà đã trải qua các thứ Sở mật thám đến nhà tù, rồi ở Côn Lôn về! Anh C. gặp và chuyện với tôi chỉ mấy lần thôi, thì sau mỗi lần gặp tôi lại càng không thể nào không quý mến anh thêm, và ao ước có được sự trẻ mạnh, sáng suốt, chiến

đấu và đầy tự tin của anh.

Đi lại chuyện trò và làm việc với anh Tr. và Ch. ít lâu, tôi được hai anh công nhận cho tôi hoạt động trong tổ hai anh và chuyên liên lạc với các học sinh, các tiểu trí thức và viên chức. Muốn đỡ phiền và cũng đỡ tốn kém vì phải đi ăn cơm tháng, tôi nhận để mẹ tôi thổi nấu cho hai anh. Trước thì ngày ngày hai bữa tôi xách quang liễn cơm canh thức ăn đưa đến nhà báo. Sau hai anh về hẳn nhà tôi ăn uống. Một dạo ở với hai anh và theo về nhà tôi còn có thằng cháu con đồng chí Ng. L. B. Bố bị tù rồi vượt ngục rồi lại bị tù không có ngày về, cháu ở nhà quê tứ cố vô thân, lại phải ra đi sống với các đồng chí anh em của bố. Cháu đã cùng chúng tôi đi đưa sách báo nuôi mình bằng tiền hoa hồng sách báo. Bẵng đi bao năm tôi không gặp lại cháu, thì một hôm được tin cháu bị bom Mỹ chết không biết ngày nào ở Hải Phòng.

... Trong những buổi bàn luận rất sôi nổi, đốp chát, thường hay kéo dài và lôi cuốn thêm nhiều người đến nhà báo cùng tham dự, tôi càng hiểu, càng biết và càng thấy ra thêm nhiều vấn đề về chính trị, xã hội lúc bấy giờ, cũng như về các chủ nghĩa, các học thuyết...

Tôi rất thích và phục những tổ chức học tập và thảo luận trong nhà tù, đặc biệt là ngoài Côn Đảo với những anh em ở "ca xô", những anh em án nặng, những anh em chỉ võ vẽ biết đọc, biết viết. Bao nhiêu điều bấy lâu tôi được nghe nói và rất tin nhưng cũng thấy rằng rất cao, rất khó, cần phải có những tủ sách, những thư viện và trình độ của những học giả mới nghiên cứu và thấu suốt được, thì ở ngay trong bốn bức tường tù ngục kia, những con người hầu hết chỉ với trí nhớ, với những kinh nghiệm đấu tranh, với một tổ chức và tinh thần hiểu biết thật là cách mạng, đã dạy bảo lẫn nhau, soi sáng cho nhau, và vun xới cho nhau, để đi đến kết quả là cùng nhau nắm được chân lý.

Chân lý của tư tưởng. Chân lý của trí tuệ. Chân lý của hành động.

Trong khoảng những tháng cuối năm 1937 sang mùa hè 1938 ấy tôi gần

như nghỉ hẳn viết truyện ngắn.

Tôi chuyển sang viết phóng sự, điều tra. Tôi đi làm điều tra và phóng sự để biết thêm về đời sống của thợ thuyền phu phen và các người lao động cùng khổ. Tôi chú trọng sâu hơn nữa về sự bần cùng hóa của họ. Tôi không những chỉ đi thu thập tài liệu ở Hải Phòng mà còn đi thêm những tỉnh khác. Tôi lại vào mỏ than Vàng Danh. Khi vùng mỏ Vàng Danh nổ những cuộc đình công rất quyết liệt, tôi vào ngay đây. Tôi có một người anh họ ngày trước đi phu cao su đất đỏ nay trở về làm thư ký nhà đo của mỏ, và lấy vợ là một chị làm than. Tôi liên lạc thêm với mấy người thư ký trong đám này có anh Văn Trọng người cùng quê Nam Định với tôi và cũng muốn viết báo, viết truyện. Tôi đã định xin việc làm hẳn ở đây, nhờ anh họ tôi và anh Văn Trọng (7)tìm cho nhưng không được.

Gần Tết ta tôi vào Vinh, vào Bến Thủy. Ra giêng tôi lên Bắc Giang theo mấy người làm tàu thủy vào điều tra ở những đồn điền của những địa chủ Pháp nổi tiếng bóc lột và có thế lực chính trị lúc bấy giờ. Sau những chuyến đi này tôi chuẩn bị viết một thiên phóng sự dài lấy tên là Bụi đen (8)về đời sống của phu mỏ Vàng Danh.

---

(7) Anh Văn Trọng đã cùng tôi viết chung một số phóng sự, truyện ngắn và ký sự đăng ở báo Người mới và Mới. Anh thất nghiệp, ho lao chết năm 1942.

(8) Bụi đen viết được mấy chương đã rao đăng ở tuần báo Mới cơ quan của Đoàn Thanh niên dân chủ xuất bản ở Sài Gòn năm 1939.

Bao nhiêu chuyện mà trước đây tôi thấy như là thần kỳ của cách mạng, từ đời sống của các cán bộ, các cơ quan, các cơ sở quần chúng, đến các cuộc rải truyền đơn, treo cờ ở đường phố hầm mỏ, các cuộc bắt bớ, tra tấn, tù đầy, đến

các đồng chí các anh em đã hy sinh, tới nay tôi đều thấy thật là khiêm tốn, thật là giản dị và cũng vẫn thật là thần kỳ.

Thần kỳ vì rất thật, rất người. Thần kỳ vì chất sống của nó ở ngay trong những con người lao khổ, những con người đã đem mồ hôi, xương máu, trí não và tâm hồn của mình làm thành của cải vật chất và tinh thần của cả xã hội, của cả nền văn hóa từ xưa tới nay, vậy mà đời sống rất văn minh lại chỉ có một bọn được hưởng. Bọn tư bản, bọn thống trị "bản xứ" và đế quốc, chúng chiếm giữ tất cả những của cải kia làm của riêng, biến thành những công cụ để càng bóc lột sâu sắc, càng đàn áp dữ dội những con người đã nuôi sống chúng.

Những con người ấy có một giai cấp tên gọi là giai cấp vô sản vô tư nhất, quyết liệt nhất, mạnh mẽ nhất, đang đấu tranh và là duy nhất lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng cho bản thân và cho đất nước xứ sở mình, với một bộ tham mưu sáng suốt và vô cùng anh dũng của mình: Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản Đông Dương, một đảng đang đi tiên phong trong phong trào cách mạng của các dân tộc bị áp bức trên thế giới, và nhất định sẽ thành công với ngọn cờ soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Giai cấp lãnh đạo ấy, đảng lãnh đạo ấy, ngọn cờ và chủ nghĩa soi đường ấy, tôi đang đi tìm và tình nguyện nhập mình vào trong đội ngũ chiến đấu của nó đây.

Xã hội và đời sống càng thêm bao nhiêu ý nghĩa đối với tôi, giữa tuổi thanh xuân vào đời của tôi. Không! Không phải chỉ có thống khổ, đen tối và giàu sang xa hoa. Không phải chỉ có bóc lột đàn áp. Không phải chỉ có chịu đựng và rên xiết mà còn có ca hát và vùng lên. Không phải tương lai chỉ là những cảnh tươi sáng lành mạnh rực rỡ, tự do nẩy nở, nằm ở trong trí tưởng mà là những cảnh tự do nẩy nở, lành mạnh, tươi sáng, rực rỡ đã mở ra ở một phần sáu quả địa cầu trên một xứ sở gọi là Liên bang Xô viết thành trì của cách mạng thế giới kia. Cũng không phải đất nước Việt Nam mà tôi phải làm

một dân mất nước, và cái xứ sở Đông Dương mà tôi phải làm một tên nô lệ khổ nhục, cứ chịu xiềng xích mãi mãi mà nhất định sẽ có sự lật đổ tan tành cả cái chế độ tù ngục để xây dựng thật sự cảnh sống lý tưởng trên kia...

Và không phải ngòi bút của tôi chỉ có sức sống vì đắm vào trong sự đau khổ, quằn quại, làm việc một bóng một đèn, mà sẽ dồi dào sinh lực chính ở trong lao động và đấu tranh sát cánh cùng với những con người lao động. Ơi! Những con người lao động, không ngừng chiến đấu, tin tưởng và nhất định chiến thắng kia. Cùng với tôi viết về những con người tự mình nắm giữ lấy vận mệnh của mình ấy, còn có đông đảo những ngòi bút khác. Những ngòi bút bạn, những ngòi bút đồng chí. Những ngòi bút đang hình thành sẽ dần dần tìm đến nhau, qui tụ lại dưới một ngọn cờ lý tưởng góp thêm sức mạnh vào sự tố cáo, phá bỏ và xây dựng, nỗ lực hoàn thành những nhiệm vụ thiêng liêng của những ngòi bút chân chính tình nguyện đảm nhận, trước xã hội, trước đời sống.

## VII. MỘT BẦU TRỜI CỦA TUỔI XUÂN

Tôi lại lên Hà Nội.

Lần này, không có cái hòm to kệnh sách báo, bản thảo và quần áo phải thuê xe tay kéo nữa. Cũng không còn cả ý nghĩ, những tính toán học hành, ăn ở, sinh sống như kiểu của những thày dòng khổ tu năm trước. Tôi lên xe lửa rồi xuống ga chính đi giữa các phố Hà Nội thênh thênh với chiếc cặp da. Tôi đi để tìm các bạn làm thơ, viết truyện, viết báo. Tôi đi để dự cuộc biểu tình lớn đấu tranh ngày Một tháng Năm đang chuẩn bị ráo riết.

Hà Nội, lâu nay và nhất là trong thời kỳ này càng được cuốn vào một không khí vui vẻ trẻ trung mà chỉ ở kinh đô, ở Hà thành mới có. Các thứ chợ phiên với các cuộc thi sắc đẹp, xe hoa, dạ vũ và cả sòng bạc nữa, liên tiếp mở ra. Các phố, các xóm cô đầu Khâm Thiên, Vạn Thái, Vân Hồ, Gia Quất cùng với các "bar" "đăng xinh" không mấy phố không có, và đều suốt đêm đèn

sáng, đàn hát, ăn hút, mở kèn... Tin hội chợ sẽ mở ở khu Đấu xảo đồn đi, nào cả vợ chồng Bảo Đại trong Huế và các thứ quan gỉ quan gì, ông gỉ ông gì ở bên Tây nữa sẽ dự khai mạc, đã làm nhiều người bàn tán. Nhưng cũng không bằng cái tin cho đấu thầu mở sòng bạc, tiệm nhảy và cao lâu ở ngay khu đây. Thấy nói những bà trùm, ông trùm cô đầu và gái nhảy lừng tiếng nọ đang kình nhau ở các cửa thống sứ, đốc lý và mật thám. Trong khi ấy các trùm cờ bạc và lái chợ phiên có cả quan lớn Tây lớn ta, toàn những tai to, mặt lớn, cũng đang trả miếng nhau ở các hậu trường về những áp phe đặc biệt này.

Các thứ báo, thứ sách với những bài mục, những cái tên khêu gợi một cách hết sức trâng tráo và quái quỷ cùng với những bài hát ta theo điệu Tây bợm bãi không kém, thi nhau quảng cáo, dúi vào tay thanh niên và những học sinh lớn học hành dở dang. Một số tên "kiều diễm" của Hà thành hoa lệ và của màn bạc Mỹ, đã thành những thần tượng của trai gái. Tiêu chuẩn về tri thức và thẩm mỹ của họ là thuộc lòng, là tán giỏi, là đoán biết được có bao nhiêu người chiêm ngưỡng và có những nét đặc sắc kỳ lạ gì trong sự thưởng thức những trò, những ngón, những điệu, những thích thú riêng của những ngôi sao nọ. Đã có những cuộc thi "đẹp", thi "lạ", thi "nhớ", thi "thích" với những tặng thưởng rất rầm rộ, về màu tóc, cách đánh quầng mắt, uốn lông mi, kiểu cười, về những cái hôn đã hôn những ai và hôn "Mỹ" nhất với ai, về tiền lương và hoa hồng của những ngôi sao đã đóng những bộ phim có tiếng, về những biệt thự và bãi biển nào đã có hân hạnh được họ ở và quay phim, v.v...

Còn quốc tế dân sinh, xã hội, chính trị thì được tập trung sức chú ý vào sự kiện này. Trong cuộc tranh cử nghị trưởng dân biểu Bắc Kỳ ai sẽ thắng. Chủ nuôi ngựa thi Phạm Huy Lục, hay chủ ruộng Bắc Ninh và cửa hàng tơ lụa Hà Nội Vũ Văn An? Cũng có những bàn bạc, những theo dõi, nghe ngóng về công việc này. Đó là một phiếu bầu sẽ bán và sẽ phải mua bao nhiêu tiền? Những chầu hát ở Khâm Thiên và tiệc ăn ở Mỹ Kinh, Đông Hưng Viên, Mê-trô-pôn sẽ chi bao nhiêu? Cụ thể là những món, những khoản gì, từ tiền trợ

cấp quỹ đen đến những vụ bỏ thầu, những món hàng, những đồn điền mua bán kiếm chác được là bao nhiêu?

... Tôi phải đi tìm Như Phong.

Nhà Như Phong ở ngay trước chợ Đồng Xuân. Cách hai nhà là hiệu sách Đồng Xuân, cơ quan bán và phát hành các sách báo "của ta" ở trong nước và cả của bên Tây nữa lúc bấy giờ.

Tôi không quen Như Phong. Tôi đã chú ý đặc biệt đến anh không hẳn vì anh và tôi đã được Tiểu thuyết thứ Bảy giới thiệu và in nhiều bài của nhau. Chính là do những truyện của anh mà tôi thấy có một cái gì rung cảm, tươi thắm và có sự suy nghĩ cũng khác hẳn những truyện cùng đăng với chúng tôi hay những truyện ở những báo cũng nổi tiếng thời đó. Trước đó tôi gặp anh Cao Thọ Ân ở chi nhánh tòa báo Thời thế của Hải Phòng. Cao Thọ Ân cũng là một học sinh. Anh đỗ bằng cao đẳng tiểu học rồi nhưng không đi làm mà ở nhà viết. Anh thích và có ý định chuyên về kịch. Nghĩ đến lực lượng sau đây gồm có những ngòi bút mới, kẻ ở ngoài vùng mỏ sẽ chuyên về phóng sự như Văn Trọng, kẻ sẽ chuyên về truyện ngắn, kịch như Cao Thọ Ân, Như Phong và một số bạn cùng có hoài bão về một nền văn học chân chính, tôi càng khấp khởi vui mừng và càng nôn nóng muốn cùng nhau nhóm họp lại để làm việc.

Tôi càng không thể không hồi hộp trong khi chuyện với Như Phong thấy anh không những chỉ có cảm tình với phong trào cách mạng, mà cũng đang nghiên cứu và thấy rằng con đường lý tưởng một đời của mình, của tuổi thanh niên yêu dấu tha thiết của mình, của sự nghiệp văn học thiêng liêng cao quý vô cùng của mình, chỉ có thể đi với cách mạng, tiến bước dưới ánh sáng của một chủ nghĩa cách mạng khoa học: chủ nghĩa Mác.

Điều gần cận nhất và cũng là sâu xa nhất đối với chúng tôi là tập hợp nhau và hoạt động để thêm sức sống, thêm sự say mê và lòng tin tưởng ở cuộc

sống, thêm ý nghĩa cho ngòi bút chúng tôi mà không thể có quyền lực nào mua chuộc, lung lạc nổi. Và nếu như chúng tôi đã tự hào vô cùng, sung sướng vô cùng đem ngòi bút đó viết cho con người, viết cho sự sống, thì chúng tôi phải là những ngòi bút biết tố cáo, biết phá bỏ và biết xây dựng: ngòi bút của cách mạng, của tư tưởng cộng sản.

Phải, chỉ có ý thức như thế và làm theo như thế chúng tôi mới thật sự được sống say mê, tin tưởng, và phát triển tất cả những khả năng dồi dào, tươi tốt, những sức mạnh của tâm hồn và trí tuệ của mình...

Tôi được biết Như Phong có một người chú, họ thúc bá với cha anh, bỏ nhà sang Pháp, vừa đi làm vừa học và hoạt động chính trị, hình như đã chết ở bên ấy. Tên ông chú này anh lấy làm bút danh của mình. Lòng quyết tâm đem đánh đổi cả một cuộc đời để lấy cái hạnh phúc được sống theo lý tưởng của người chú nọ, rất nên thơ, rất kích động anh, cùng với những chuyện, những sự việc và những con người cao quý, chân chính hy sinh anh dũng của các phong trào cách mạng trong nước đã dội mạnh vào sự suy nghĩ và đời sống niên thiếu của anh.

Chúng tôi ở một gian gác có đủ tủ sách và bàn viết. Gian trong là nhà thờ lặng lẽ, nền nếp, bề thế. Trước phòng chúng tôi là sân thượng trông thẳng xuống chỗ tàu điện và cửa chính chợ Đồng Xuân. Trên sân thượng này, có những buổi chúng tôi đi chơi khuya về, không chuyện trò với nhau nữa về các thứ Liêu trai chí dị, Kim cổ kỳ quan, Đỗ Phủ, Lý Bạch, Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tản Đà, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, ca dao, tục ngữ, Maxime Gorky, Romain Rolland, v.v..., thì chúng tôi xoay trần mà hát toáng lên. Chúng tôi hát những bài Toàn thế giới sấm đã nổ vang rền, Bớ công nông phất cờ lên, mà tôi có cái hãnh diện đã học thuộc do các anh Ch. và Tr. ở Hải Phòng dạy, nay dạy lại ông bạn Như Phong rất mèng, về hát nọ, tuy tôi cũng vào loại hát kha khá là tồi vậy.

Đúng vào những ngày cuối xuân sang hè 1938.

Càng về các cửa ô, càng xa các phố chính của Hà Nội, không khí của cuộc biểu tình vừa diễn ra càng thấy lớn mạnh lạ lùng. Không phải chỉ ở những câu chuyện rất khác nhau, những điều bàn tán hết sức ngạc nhiên, những sự việc gần như không tưởng tượng, lường ước được. Mà còn chính ở những nét mặt, những giọng nói, những bước chân của mỗi người đều có một cái gì bừng bừng, cuồn cuộn, xô đẩy nhau như muốn băng tràn đi, vùng mạnh và mở rộng thêm nữa cái không khí đã nhóm lên ngùn ngụt trong người mình, chung quanh mình.

Vẫn còn những tốp, những nhóm, những đám, những đoàn... Vẫn thành hàng đi như trong đội ngũ... Thợ máy ở các nhà máy lớn, các xưởng to, thợ thủ công, các ngành dệt, ngành giấy, ngành thêu, đan, rua, giày, mũ. Thợ Hà Nội và cả Hải Phòng, Nam Định, Hà Đông, Bắc Ninh. Và những nông dân chung quanh Hà Nội, những đại biểu ở các tỉnh xa... Rất nhiều đám đi lẫn vào nhau mà chuyện trò không có chút gì xa lạ vướng vấp cả.

Mặc dầu mật thám và cảnh sát cố sức ngăn cản, chia xé ra, nhưng trên cầu sông Cái, vẫn từng đoàn, từng đám, từng tốp cứ nối tiếp nhau rầm rập kéo qua, làm không khí càng rung chuyển theo mãi, càng bừng bột thêm lên.

Vẫn những con đường, những ngã tư, những cửa ô bụi mù, chật chội, rác rưởi và ruồi nhặng đầy ngập lên, inh ỏi tiếng tàu điện chạy như rít, như xé, vẫn những con người vội vã, lam lũ ấy, nhưng hôm nay cảnh vật rõ ràng có một sự đổi khác. Cảnh xơ xác, lầm than, buồn thảm, cùng cực bỗng có một làn ánh sáng và một trận gió lốc vào, làm sự sống tươi tắn, rực rỡ hẳn lên.

Như Phong và tôi đã đi vào đoàn của các nhà báo, người viết báo, viết văn.

Buổi sáng hôm ấy, lúc tám, chín giờ, chúng tôi đã đi một lượt qua các

đường phố chung quanh khu biểu tình. Chúng tôi đã phải chú ý ngay đến cái quang cảnh vắng lặng thưa thớt suốt dọc đường Găm-bét-ta trước Sở mật thám qua khu Đấu xảo ra đến cửa ga, và các ngã tư đổ về đây. Cảnh sát Tây, cảnh sát ta, tuy chỉ thêm mỗi quãng một tên nhưng dáng dấp, mặt mày hoàn toàn là của những con thú đương rình vồ. Còn mật thám, ngoài những tên nhẫn mặt thường canh gác và đi lại khám xét những cơ sở của ta, thì có rất nhiều tên từ các tỉnh về cùng với những tên chỉ điểm thay hình đổi dạng các kiểu chia nhau theo dõi từng chặng đường. Trong khi ấy không có một đồng chí cũng như những quần chúng quen biết nào ở những quãng đường này cả. Rồi nhìn vào khu Đấu xảo, chỉ thấy loáng thoáng mấy người của mình đang sửa soạn rất khẩn trương ở kỳ đài và đấu trường. Như Phong và tôi lại bàn tán và suy diễn thêm về chiến thuật và đấu pháp của ta đối phó và tấn công chúng nó trong trận giao tranh công khai này.

Chúng tôi đi các chợ Hôm, Cửa Nam, Hàng Da, rồi trở về chợ Đồng Xuân. Cả những chỗ này, - trọng yếu là chợ Đồng xuân - cũng thưa thớt vắng lặng một cách đặc biệt.

Chúng tôi bảo nhau sẽ có nhiều cái lạ lắm đấy! Ở các cửa chợ, đầu các ngã tư, mà sao xe kéo cũng không thấy mấy cái thế này?!

Buổi trưa ấy không nắng lắm, nhưng chúng tôi cứ lục sục không ngủ được. Một giờ, rồi một giờ rưỡi, hai giờ. Đến hai giờ rưỡi, chúng tôi ra đi. Từ đường chùa Quán Sứ, chúng tôi đi ra. Cả từ đây và suốt đường Găm-bét-ta đến trước cổng khu Đấu xảo đã nhộn nhịp khác hẳn. Tấp nập mải miết, tranh thủ nhưng không ồn ào. Người nọ tiếp người kia, bọn này tiếp theo bọn khác, cứ liền liền liền liền nhưng không lũ lượt hỗn độn.

Từ thợ các nhà máy, các xưởng lớn đến các người làm hiệu buôn, thợ thủ công, đến chị em các chợ, các đường phố và anh chị em nông dân và đoàn thất nghiệp, từng người cũng như từng bọn, dồn dồn vào các cửa chính cửa phụ không có vẻ gì bỡ ngỡ, rụt rè, bối rối. Tất cả đều khẩn trương và quyết

liệt. Mặc dầu mật thám Tây, đội xếp Tây dàn hắn ra thành hàng từ ngoài vào trong, cứ như chắn lấy từng bước của từng người đi biểu tình. Cả đội xếp ta cũng được đeo súng để vây đón chắn giữ buổi này.

Sau đây, trong những cuộc đi theo chiến dịch của kháng chiến, tham dự những phút ở địa điểm xuất phát đến nơi chiếm lĩnh trận địa, tuy giữa ban đêm, tinh thần rất căng, nhưng tôi vẫn không khỏi không chợt nhớ tới những phút giây cùng tiến quân và chiếm lĩnh trận địa ở giữa Hà Nội ngày 1 tháng 5 năm 1938 ấy.

Ngay sau lớp cổng sắt chỉ thiếu có quét hắc ín và mắc dây điện, nhưng lại canh gác, vây chặn nghiêm ngặt, quyết liệt một cách rất long trọng rất khác thường ấy, cảnh tượng và không khí lại càng khác lạ. Dưới bầu trời xanh chói chang bao la, cả khu đấu trường người đông nghịt chỉ có một thứ tiếng ì ầm như cửa biển động, đôi lúc gió tỏa vang vang âm âm hắn lên. Tất cả các giới các đoàn rất nhanh gọn và linh động đã thành hàng ngũ và là những hàng ngũ làm thành từng ô, từng khối thật rõ ràng vững chắc.

Màu đỏ của cờ và băng biển càng rực lên trong ánh nắng, trong những hàng người, trên những hàng người. Và qua những lớp lớp người ngùn ngụt vì hơi thở, vì bụi nắng, có thêm một cái gì như của lửa của bão thổi ra từ toàn thân họ và từ những dòng chữ khẩu hiệu tay họ trương lên trong ánh đỏ.

Màu đỏ tươi thắm vô cùng. Màu đỏ của máu.

Màu đỏ của sự quyết liệt và tin tưởng vô cùng. Cũng vẫn là của máu.

Màu đỏ quý báu vô cùng, yêu thương vô cùng, thiêng liêng vô cùng, không thể có một sự pha trộn, vấy bẩn. Cũng vẫn là của máu. Máu sẽ đổ ra để phá tan, để xóa bỏ tất cả những sự bóc lột đàn áp, những cảnh bất công, thối nát, đen tối, và để xây dựng một chế độ, một đời sống thật sự tươi sáng tốt đẹp.

Từ những dải cờ bay phần phật và những tấm băng rùng rùng trên đài, đến những băng biển giơ cao trên các hàng người đứng kín cả khu Đấu xảo, màu đỏ ấy như thét và cũng như hát.

Hòa bình, tự do, cơm áo. Ngày làm 8 giờ. Tự do dân chủ, tự do lập nghiệp đoàn. Tự do ngôn luận... Những khẩu hiệu này dựng lên ở các băng biển trên đài và trong các hàng ngũ. Trên nền vải đỏ cũng như trên nền vải trắng, băng chữ đỏ cũng như băng chữ xanh, chữ trắng, tất cả những dòng chữ khẩu hiệu cũng như chỉ chực hát và thét lên.

Vào khỏi cổng, qua mặt các thứ mật thám và cảnh sát, chúng tôi không cần người hướng dẫn cũng nhận ra ngay và đi luôn vào hàng vào giới của nhà báo, nhà văn. Cả Nguyễn Công Hoan, Phùng Bảo Thạch, Nguyễn Tuân, Lưu Trọng Lư, Vũ Ngọc Phan, Thạch Lam... quen biết cũng đến rồi. Nguyễn Công Hoan đeo băng đỏ ở cánh tay trái giữ trật tự. Tô Hoài thì ở trong đoàn thất nghiệp và là đoàn đông nhất. Và có cả mấy bộ mặt khác nữa. Bộ mặt của mấy thằng làm báo ăn tiền quỹ đen, dở mật thám, dở lưu manh, và bọn tờ-rốt-kít chuyên khiêu khích phá hoại. Với mấy thằng "của quý" trâng tráo hết chỗ nói này, chúng tôi đã nghĩ đến một số trò chúng sẽ giở ra như chúng vẫn thường diễn ở những cuộc họp đứng đắn hay ở những đám đông đang tiến hành đấu tranh mà chúng đánh hơi sục đến. Nhưng có đồng chí trong Ban tổ chức bảo chúng tôi: "Đã có quần chúng. Đã có quần chúng giám sát!". Phải, quần chúng sẽ vít cổ ngay chúng xuống và dìm đi trong những cánh tay sẽ giơ lên và dưới những bước chân sẽ tràn bước như sóng như biển...

Hơn hai vạn người.

Cuộc biểu tình đã diễn ra với hơn hai vạn người, tuyệt đại đa số là quần chúng lao động và nhân dân Hà Nội có cảm tình với cách mạng, với Đảng Cộng sản Đông Dương, đã được cách mạng và Đảng tuyên truyền, giáo dục, tổ chức và huy động.

Trong số những quần chúng và nhân dân này, sau đây có bao nhiêu người thành đảng viên, cốt cán và cơ sở, có bao nhiêu con cháu, anh chị, bạn bè, và cả cha, mẹ, ông, bà nữa, đã xuống đường tuần hành, thị uy và khởi nghĩa những ngày 17 và 19 tháng Tám năm 1945.

Đoàn quân Việt Nam đi, sao vàng phấp phới.

Dắt giống nòi quê hương qua nơi lầm than...

Phải, cuộc biểu tình với hơn hai vạn người để kỷ niệm ngày Một tháng Năm ấy đã diễn ra giữa Hà Nội 1938. Cách đấy một mặt đường bước qua chỉ mười bước chân thôi là Sở mật thám, trong đó ở một lối đi mờ tối và hôi hám vẫn dựng đứng các hòm máy lớn đựng các bộ phận của máy chém thỉnh thoảng mấy tên cai máy gác ngục vẫn phải tháo ra xem xét và lau dầu. Đi qua cái khu tập trung của những tên đao phủ nổi tiếng khát máu và đã được luyện tập trong máu của cách mạng, của các phong trào suốt bao nhiêu năm này, thì đến trước một cổng sắt. Cái cửa sắt ấy ngày đêm đều mở và trông thẳng sang một cổng sắt cũng lớn rộng như thế cách một quãng đường chừng 50 thước: Tòa án.

Hàng ngàn hàng ngàn bản án, từ án ba năm, năm năm, từ giam tù đến cấm cố, đến khổ sai chung thân và án chém, đang được gìn giữ trong các tầng nhà đồ sộ và thăm thẳm kia. Những bản án của các chiến sĩ cộng sản và của quần chúng công nông cách mạng, đã bị các giống chánh án và chưởng lý kết tội và tuyên án cứ liên liến cái mồm trong những phiên tòa chỉ mấy tiếng đồng hồ mà các con người đã chịu không còn biết bao nhiêu trăm năm cấm cố, khổ sai, tù đày và án xử tử.

Rồi cũng cách một mặt đường chừng mười bước chân thôi, bước qua cái cổng sau của một khu nhà tượng trưng cho luật pháp và công lý của công cuộc văn minh khai hóa mà "mẫu quốc" Đại Pháp đã từ phương Tây đến thiết lập hơn sáu mươi năm trên đất nước Việt Nam này, cũng là cổng sắt. Cái

cổng sắt kín mít, quét hắc ín, của nhà ngục Hỏa Lò Hà Nội.

Hỏa Lò Hà Nội! Nơi này cũng là một thứ vườn hoa và cây quả đấy! Cái vườn hoa và cây quả, thành tích đàn áp, khủng bố làm bằng máu và thịt của con người, của dân tộc Việt Nam, của cách mạng Việt Nam, để bọn thống trị Pháp và các thứ tay sai tôi tớ ngắm nhìn ở một đầu này trên bán đảo chữ S, cân đối với cái vườn hoa cây quả ở đầu kia là khám lớn Sài Gòn.

Đồng chí Trần Huy Liệu của chúng ta, đại diện cho nhóm Cộng sản công khai và tòa báo Tin tức, cơ quan của Mặt trận dân chủ Đông Dương, đã đọc diễn văn chủ yếu của cuộc biểu tình.

Trước hơn hai vạn quần chúng, trước toàn thể nhân dân Hà Nội, trước toàn thể nhân dân Đông Dương, trước toàn thể các dân tộc thuộc địa, trước toàn thể giai cấp vô sản thế giới và trước toàn thể nhân loại, ngay giữa ban ngày, trên một diễn đàn dựng ngay trước mặt bọn thống trị, tiếng nói ấy đã cất lên. Tiếng nói thật sự vì quyền lợi và sự sống của quần chúng, của dân tộc, của con người. Tiếng nói của một đảng đang giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kiên quyết và triệt để nhất lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Tiếng nói được hoàn toàn tín nhiệm, được vô cùng hoan nghênh, được ghi nhớ, suy nghĩ và truyền bá. Tiếng nói của lịch sử.

Chiều hôm ấy dịu nắng thì có gió. Trời mây và các mặt nước hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, các đường cây, các tầng khối kiến trúc, các ống khói, các nhịp cầu, các bờ bãi sông Hồng cùng với phù sa chảy lừ lừ đang đợi các lũ nguồn, chưa bao giờ lại đẹp, rực rỡ trong nắng chiều và gió thổi lộng như bây giờ. Các đường phố Hà Nội như đang có một thứ máu mới dạt dào vậy.

Như Phong và tôi hai thằng lại hát. Chúng tôi vừa đi vừa hát. Chúng tôi còn hát cả lúc về nhà ăn cơm chiều. Chúng tôi còn đi hát lúc đêm khuya ở đường bờ sông Hồng lúc về nhà ngủ. Chúng tôi hát Quốc tế ca. Cả bằng tiếng ta và bằng tiếng Pháp.

***

Chúng tôi đã được có một đoàn thể để sinh hoạt: Đoàn Thanh niên dân chủ Đông Dương. Và Đoàn đã có một cơ quan ngôn luận: báo Thế giới.

Thoạt tiên báo thuê ở phố Nhà thương Khách. Từ dưới Hải Phòng lên, tôi đã tìm đến ngay Thế giới. Tôi hỏi đường và tới nơi rồi, đi đi lại lại mà vẫn không thấy "tòa báo" đâu cả. Quái thật, hay mình nhầm?! Không thể thế được! Tờ báo trong tay mình cầm đây in rành rành chỗ ở với quản lý và trị sự kia mà! Và cũng tờ báo đó ra mắt với bài của tôi (9). Tôi liền giở cả thư hẹn của Như Phong ra. Vẫn đúng là tòa báo ở phố Nhà thương Khách.

---

(9) Truyện ngắn Đến cây số 13.

Chao ôi, cái phố đã khuất nẻo, đã thưa vắng, nhà báo lại thưa vắng hơn. Nhà đúng một gian rộng. Qua lại trước cửa và thoạt trông, tôi đã tưởng là cái kho trống của phía sau một cửa hiệu nào vậy. Biển số nhà chỉ bằng bàn tay, chữ sơn lại nhòe, lại vỡ. Không có biển và cũng chẳng áp phích áp phung quảng cáo gì cả. Trong nhà chỉ thấy mấy cái bàn và bốn năm cái ghế.

Ra số 2, số 3, Thế giới dọn đến ngõ Phạm Phú Thứ, cạnh chợ Hàng Da. Cũng một gian rộng và vẫn ở gian dưới. Gác trên là gia đình đồng chí Đặng Thái Mai đang dạy học ở trường Thăng Long. Đến đây nhóm rau nhóm bếp, cơ quan thấy mỗi ngày một sầm uất nhộn nhịp lên. Báo ra tháng hai kỳ. Phần chính là nghị luận về các vấn đề của thanh niên và thời sự chính trị. Văn học nghệ thuật cũng là phần quan trọng. Nguyễn Thường Khanh (10), Như Phong và tôi lo chạy phần văn nghệ này, đặc biệt là truyện ngắn, phóng sự và thơ.

---

(10) Nguyễn Thường Khanh tức Trần Mai Ninh.

Báo ra hai kỳ một tháng nhưng vốn liếng hầu như không có lấy 10 đồng bạc. Đã thế cái gì cũng phải thuê. Nặng nhất là tiền thuê nhà in rồi đến tiền thuê nhà ở. Nguyên tiền nhà cũng gần bằng tiền ra một số báo, vậy mà ngoảnh đi ngoảnh lại đã hết tháng nhà. Nói như vậy không phải là không lo tiền báo. Cứ đến kỳ báo in xong là cả tòa báo ai nấy đều như có lửa đốt đầu. Mà báo càng chạy, càng in nhiều, in đẹp, thì lại càng lo. Đã có chuyến, tất cả tiền bán báo thu nhặt kỳ trước cộng với cả tiền riêng của anh em, đặc biệt là tiền cầm những quần áo quý giá nhất cho hiệu Vạn Bảo mà cũng chưa đủ chuộc báo về để phát hành. Không ai lấy lương của nhà báo, kể cả đồng chí chuyên việc quản trị nghĩa là lo toan chạy vạy, cầm cân nẩy mực các khoản chi tiêu cho nhà báo. Từ tiền thuê nhà đến tiền thuê xe tay đi đón báo, tiền mua giấy mực in để kẻ vẽ áp phích, cũng đều "cơm nhà vác ngà... Thế giới" cả. Có một buổi, phải duyệt bài cho xong số báo chẳng ai đi ăn cơm trưa. Cậu thì ngại về nhà trọ vì đã chịu quá tháng; cậu thì chả còn chỗ nào ăn ngoài hàng cơm đầu ghế, mà trong túi lại chỉ còn những cuống vé tàu điện và vỏ bao thuốc lá. Vào quãng một giờ trưa, đang xoay trần ra với nhau thảo luận và sửa chữa bài, thì một cô gái con anh Đặng Thái Mai bưng một mâm chè đỗ đen xuống:

- Thày mẹ cháu mời các chú ăn chè trưa cho mát!

Tất cả đều reo như thét lên!

Tòa báo vừa là trụ sở, vừa là câu lạc bộ của Đoàn. Vì thế, nếu như vừa dứt các tiếng tranh cãi về những vấn đề xã hội thiết thân của thanh niên hay những vấn đề thời sự đang nóng hổi, và cả những vấn đề văn học và nghệ thuật nữa, là có ngay các tiếng hát tiếp liền. Say sưa, sôi nổi, cuốn hút, nhất là những bài hát về cuộc chiến đấu anh dũng của quần chúng cách mạng và các chiến sĩ Đảng Cộng sản Tây Ban Nha mà anh chị em đang theo dõi từng ngày, từng trận, từng sự việc, từng tin tức...

Trụ sở và tòa báo không có cờ. Ở chính giữa trên mặt tường rộng của cơ

quan là một tranh áp phích in bên Pháp, vẽ hình một con sư tử chồm lên trên quả đất, với những chữ kêu gọi toàn thế giới ủng hộ cách mạng Tây Ban Nha chống phát xít Phờ-răng-cô.

Báo Thế giới còn liên lạc hoạt động với những anh em văn nghệ sĩ, trong đó có ban kịch Thế Lữ. Thời kỳ ấy tất cả các ngành các giới đều tích cực thành lập các ái hữu. Ái hữu kim khí, Ái hữu thợ nhà in, Ái hữu thợ may, Ái hữu thợ dệt, Ái hữu của các chị em buôn bán chợ Đồng Xuân. Những người làm bồi bếp, đi ở vú em, làm con sen thằng nhỏ cũng có ái hữu: Ái hữu công nhân tư gia. Để đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng, các ái hữu được xây dựng chặt chẽ, rộng rãi, mạnh mẽ, Đoàn Thanh niên dân chủ đã phối hợp với các ái hữu tổ chức những buổi chiếu phim diễn kịch.

Những buổi chiếu phim Công chúa Bạch Tuyết và bảy chú lùn, Tôi có quyền sống bán vé không kịp. Còn những tối diễn kịch của ban kịch Thế Lữ thì tổ chức hẳn ở Nhà hát Tây lấy tiền giúp Ái hữu cơ khí. Ngày đó diễn kịch phải có mùa, đặc biệt là diễn kịch ở Nhà hát Tây! Thường chỉ vài người Pháp làm kịch có thần thế và những tổ chức các dạ hội của bọn quan lại cao cấp hay những buổi từ thiện và lạc quyên đặc biệt thì mới diễn ở đây. Đến xem hầu hết phải những ai là thượng lưu xã hội, những trí thức và những công chức sang trọng đã quen thuộc với các lễ nghi, tập tục, từ cách đi đứng, quần áo ăn mặc, dáng vẻ cười nói, chào hỏi chuyện trò đến điệu bộ ngồi xem, lúc nào vỗ tay, lúc nào đứng dậy, lúc ra về phải như thế nào thế nào, v.v... Nhưng mà Nhà hát Tây buổi đó lại là của các thợ thuyền và các thanh niên họ đi rất đông, kín hết các hàng ghế, lúc vào cửa đến lúc ra về rất tự nhiên, thoải mái, hồ hởi. Những đoàn viên của Đoàn, chủ yếu là các anh chị em của báo Thế giới, đã làm các công việc tổ chức tối kịch.

Một tối đầu mùa đông nhưng rất rét. Gió bấc cứ như bão. Cửa nhà hát càng lộng gió. Đến cả những cô, nào áo len mặc lót, nào áo nhung mặc ngoài, cũng không giấu được sự co ro. Còn những người có tuổi xù xù những bộ đồ

tây, quấn khăn len, đeo găng mà vẫn xuýt xoa và run cầm cập hắn lên.

Đứng đón ở bực lên xuống chính giữa, vừa soát vé, vừa chỉ lối, vừa chào hỏi những bạn bè đồng chí và quần chúng thân thuộc của mình, có một chàng tóc húi ngắn, mặt đỏ gay như gà chọi, nhưng rất niềm nở một cách rất trang trọng nhưng hơi vụng về, tiếp đón mọi người.

Giữa làn ánh điện rực rỡ và những người đi lại lên xuống nhộn nhịp, chàng thanh niên càng nổi hẳn lên. Nổi hẳn lên vì chỗ đứng của anh, vì sự cởi mở, thân thiết của anh, và cũng vì bộ quần áo của anh. Một bộ quần áo đúng là trắng như bột và cứng như bìa, lại ngắn hũn. Trắng như bột, cứng như bìa vì nó được giặt giũ hồ lơ và là kỹ quá. Hình như chỉ trước lúc đến nhà hát một vài phút thôi anh mới dám đóng bộ. Cả sơ mi anh mặc trong cũng trắng như thế. Cổ sơ mi còn cứng nhắc hơn với cái cà vạt đen lánh như bằng tôn sơn véc ni.

Chàng thanh niên ấy là Nguyễn Thường Khanh của chúng tôi. Bộ đồ rét của anh đã phải đem "gửi" ở hiệu Vạn Bảo để lấy tiền chuộc báo. Vì tự trọng, đúng hơn vì tự ái, Nguyễn Thường Khanh kiên quyết không mượn quần áo của ai mà cứ mặc bộ đồ nực may từ năm anh mới vào trường Thành chung và là bộ đồ chỉ khi nào có việc mới được giở ra!

Trong đám anh em ở nhà báo Thế giới, Nguyễn Thường Khanh vào loại chăm tập thể dục. Anh thường cùng với Nguyễn Hải Kế (11)tập cả quyền Anh và võ Tàu để làm nhiệm vụ xung kích, bảo vệ hàng ngũ trong những cuộc mít tinh hay diễn thuyết bị phá, bị khủng bố. Chăm tắm nước lạnh sáng chiều và ăn uống rất bỗ bã, vậy mà nghe nói "Thằng Khanh tối hôm ấy về chỉ ăn có hai bát phở, và phải uống những hai kalmine thuốc cảm đấy!".

---

(11) Nguyễn Hải Kế bị đế quốc Pháp bắt giam, bị bắn chết trong đề lao

trước Cách mạng Tháng Tám ở Trung Bộ.

Thời kỳ này tôi đã làm quen với Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Phạm Hầu, Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng. Xuân Diệu và tôi đã tặng tiểu thuyết, tặng thơ cho nhau, Lưu Trọng Lư và Phạm Hầu thuê một căn gác ở cùng ngõ Phạm Phú Thứ. Phạm Hầu cho tôi biết anh đọc khá kỹ báo Thế giới, cũng định làm thơ và viết bài cho báo. Người thanh niên này đã kêu lên:

Hỡi ơi, tôi chỉ là du khách

Một phút dừng chận Vọng hải đài.

Tôi gặp Ngô Tất Tố ở nhà Vũ Trọng Phụng. Vũ Trọng Phụng mới lấy vợ, mở một hiệu sách nhỏ ở đầu phố Hàng Nón. Tắt đèn và Bỉ vỏ của chúng tôi bày bán trong cái tủ kính nhà Vũ Trọng Phụng, có cả những sách tập đọc A, B, C, lên sáu, luân lý giáo khoa thư, sử ký giáo khoa thư và dầu bạc hà Đại quang dược phòng, phấn xoa rôm cùng với bít tất, mũ len trẻ em và hoa giấy của chị Phụng cắt lấy.

Hôm ấy nếu như không gặp phải mấy người khách lạ xem và mặc cả hàng lâu quá, và nếu như chúng tôi nói chuyện với nhau ở một chỗ khác, thì cuộc trao đổi ý kiến về "mấy nhân vật nhà quê" chắc cũng nhiều lý thú. Thí dụ như được gặp nhau ở hàng phở Trưởng Ca phố Hàng Bạc, hay hàng chả cá Lã Vọng chẳng hạn. Cả Như Phong cũng thấy thế. Vũ Trọng Phụng bề ngoài lạnh lẽo và hay phá đám này đã nói chuyện thì rất vui, rất thẳng. Trong cả những vấn đề mà anh em bảo Vũ Trọng Phụng rất hoài nghi như vấn đề chính trị, kinh tế, triết học đương thời, Vũ Trọng Phụng không những không giội nước đá hay kê tủ đứng vào giữa bàn chuyện, mà trong khi tham dự bao giờ cũng tỏ ra một tinh thần nghiêm chỉnh, có trách nhiệm. Những lần gặp nhau sau đây, lần nào Vũ Trọng Phụng cũng nói dứt khoát trước mặt anh em rằng anh rất kính trọng những chiến sĩ cách mạng, những người làm chính trị chân chính, đặc biệt là những người cộng sản chúng ta, như những anh em tiêu

biểu ở nhóm báo Tin tức hay những anh em khác đi tù về. Vũ Trọng Phụng rất muốn nói chuyện và thảo luận với anh em và gần gũi với anh em. Một trong những người mà Như Phong và tôi được biết Vũ Trọng Phụng rất phục, rất trọng và muốn được liên lạc là đồng chí Trần Huy Liệu.

Vũ Trọng Phụng ít nói, lúc nói thường hay văng tục. Ít lâu, trước ngày anh mất, anh có đọc những tác phẩm của Tố Hữu, bài Những người không chết và Tâm tư trong tù. Anh đã nói với các bạn:

- Sư chúng nó (chỉ một số đông trong nhóm Tự lực văn đoàn), thế này mà chúng nó dám bảo thơ cách mạng không là thơ. Thơ thế này mà không là thơ thì là mả bố chúng nó đây à?!

... Cũng mùa rét 1938, chúng tôi được huy động vào một công việc đặc biệt: tổ chức một chợ phiên. Chợ phiên này không có thi sắc đẹp, nhảy đầm, ăn uống và đánh bạc. Chợ phiên chỉ bán sách báo, các sách báo chính trị, tranh ảnh các chiến sĩ công nhân, cách mạng thế giới, và các bài hát, các bản nhạc chiến đấu cách mạng. Biểu diễn có điền kinh, ảo thuật, xiếc. Các gian bày cả bàn bóng, xà đơn xà kép. Đàn hát đặc biệt với các tốp ca nhi đồng, tốp ca thanh niên. Tất cả tiền hỏa hồng sách báo bán được cùng với tiền thu vé các cuộc biểu diễn đều đem giúp "dân Tàu bị nạn". Tôi nhớ hình như không bán vé vào cửa.

Chợ phiên giúp dân Tàu bị nạn, tên gọi như thế, nhưng thực chất là ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc chống xâm lược Nhật Bản đang được Đảng Cộng sản Trung Quốc phát động và cũng đang thu hút tất cả sự theo dõi chú ý của chúng tôi lúc đó. Bãi mở ở khu cạnh bãi đá bóng Cột Cờ, mọi công việc cổ động và các cuộc vui chính báo Thế giới đảm nhiệm.

Một tối cũng rét khô, gió như bão. Không có sương. Sao lấp lánh đầy trời tím đặc. Những ánh lửa đặc biệt tỏa lên. Lửa của đuốc cháy rừng rực. Trong đám lửa khói và hơi người, hầu hết là thanh niên Trung Quốc và Việt Nam và

là thanh niên Hà Nội, một mô hình địa cầu khiêng bổng trên vai cũng của thanh niên Việt Nam và Trung Quốc. Địa cầu kết bằng khung tre phết giấy, vẽ hình năm châu. Dang tay nắm chặt lấy nhau, chung quanh địa cầu là hình ba thanh niên của ba màu da: vàng, đen, trắng. Đi hai bên mô hình và nổi lên trên đầu dòng người, không có băng biển và khẩu hiệu gì cả, chỉ có những cánh tay, những nắm đấm, những quả đấm cứ rào rào nhịp theo những tiếng hô. Câu bằng tiếng Trung Quốc, câu bằng tiếng Việt Nam, có câu cả bằng tiếng hai nước ghép liền, vừa hô vừa thét lên tinh thần ý chí đoàn kết và kiên quyết đánh bại cuộc xâm lược dã man của quân phiệt Nhật Bản, đoàn kết và kiên quyết đẩy mạnh cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Trung Quốc đến thắng lợi hoàn toàn.

Những tiếng hát, những nhịp hát và một bài hát rất mới lạ bỗng cất lên, rung chuyển cả dòng người, cả bầu trời. Một cái gì vô cùng thương yêu, thắm thiết, thúc đẩy, xô băng, tràn dâng lên, vút cao và thành như một cơn xoáy lốc và thác lũ cuốn bước tất cả dòng người đi. Chúng tôi đều hát. Một bài hát được nghe lần đầu mà hát được ngay, không đợi ai giảng giải, không đợi ai tập dượt! Khởi lai... Khởi lai... Bài hát của cách mạng, của cuộc kháng chiến của Trung Quốc đau thương, anh dũng và vĩ đại, lần đầu tiên chúng tôi được nghe, được hát dưới bầu trời Hà Nội. Và có lẽ cũng là lần đầu tiên bầu trời Hà Nội được nghe, được hát, rung chuyển nhịp theo cùng trái tim của hàng triệu, hàng triệu anh em sinh tử ở bên kia biên giới đang cùng mình chiến đấu và quyết thắng trong cuộc cách mạng giải phóng mình bằng máu của chính mình.

Trong chợ phiên, ở gian chúng tôi, có một đội nhi đồng Trung Quốc cả trai và gái. Các em vừa đàn hát, vừa nhảy múa và làm cả kịch nữa. Kịch loại lửa trại. Hầu hết những em này đều mồ côi. Nhiều em chết cả cha lẫn mẹ. Cha mẹ các em đã bị giặc Nhật giết. Các em quần tụ lại thành một đội, đi các nơi làm trò lấy tiền gửi về nước.

Đầu năm 1939, thế giới đang căng hết tinh thần trước một cuộc chiến tranh mới sẽ bùng nổ trước sự chuẩn bị hung hãn và ráo riết của phát xít Hít-le. Bọn thống trị ở Đông Dương càng lộ thêm bộ mặt phản động, bắt đầu những đợt khủng bố mới: khám xét, bắt bớ, trục xuất, giải tán các tổ chức công khai ở ngay Hà Nội. Bẵng đi một dạo tôi không có tin tức gì về đội Nhi đồng cứu vong này.

Bỗng một hôm Như Phong cho tôi biết đã gặp các em trong một cuộc họp của bà con Hoa kiều ở đình Hậu Quản. Cả đội chỉ còn có hai em trai, đồng chí phụ trách chính không thấy mà chỉ có đồng chí vẫn thường liên lạc với chúng tôi. Hai em vẫn quần cộc vải vàng, áo sơ mi cộc tay màu nước dưa. Đầu vẫn cạo trọc. Nhận ra Như Phong và thấy Như Phong đến ngay với mình, khi vừa thoáng trông thấy, hai em mừng lắm. Nhưng ít phút sau, chuyện được đôi câu với các em, Như Phong nhận thấy các em có vẻ gầy sút và buồn buồn. Hỏi ra thì đội các em đã phải chia xé đi vì có "lệnh" bắt như thế. Rất có thể hai em còn lại này chỉ mai mốt thôi cũng phải đi khỏi Hà Nội.

Như Phong nắm lấy vai, cánh tay, bàn tay các em hồi lâu:

- Lớn lên các em sẽ làm gì?

- Giết Nhật, giết Nhật!

Đó là câu hỏi cuối cùng của Như Phong và câu trả lời để từ giã. Cả hai bàn tay bé nhỏ ấy đã nắm lại và giơ cao lên khỏi cái đầu trọc mà cùng như thề vậy. Phải, được nghe hai tiếng ngây thơ ngắn gọn ấy, người nghe, không phải chỉ để làm chứng mà còn phải hành động với kẻ mình đã nhận thấy lời thề đó vậy.

## VIII. TRONG MỘT NHÀ TÙ: ĐỒNG CHÍ TÔ HIỆU ĐÃ SỐNG VỚI CHÚNG TÔI

Mùa rét năm 1939 ở nhà ngục Hải Phòng. Giờ đó hình như chúng tôi vừa ăn cơm chiều xong, lại bị lùa ngay từ cái sân chơi rộng độ trăm thước vuông vào nhà giam. Chợt có những tiếng bước chân ở cổng ngoài. Tiếng chùm chìa khóa xóc xách xủng xoẻng. Tiếng cửa sắt mở ra đóng vào ken két ình ình. Lại có việc gì bất thường đây? Lại khám trại? Hay trên Sở mật thám lại lấy người đi? Có những ông già và người ốm đang trùm chăn nằm, cũng nhỏm dậy. Đúng lớp cửa sắt dãy xà lim ở ngoài trại chúng tôi đã mở. Nhưng không phải chỉ có xu-ba-dăng và gác-điêng mà còn mấy người lếch thếch, bỡ ngỡ, nhấp nhô đằng sau.

- Lại có người bị bắt rồi!

- Ở đâu lại bị vỡ đây?

Những anh em trẻ làm ở Xi măng, Máy tơ, Máy chỉ, nhảy hẳn xuống sàn, nhấp nhổm rình rình ùa ra đón bọn anh em mới kia xem có người cùng sở, cùng phố của mình không để hỏi chuyện trước. Bọn cai ngục vừa ra khỏi trại là chúng tôi xúm lại với ba anh em nọ: B.Đ.Đ., N.M.L. và Tô Hiệu.

Chúng tôi ôm nhau, nắm cánh tay nhau, ríu rít cười nói như những ai kia thân thiết bỗng được gặp nhau trong một trường hợp hay ở một nơi thích thú kỳ lạ vậy. Các anh đã bị bắt ở bên Xi măng, bị giam tra hỏi ở Sở mật thám rồi giải sang đây. Anh nào cũng hốc hác, quần áo rách bươm ra. Tôi đã để ý đến anh Tô Hiệu. Anh mặc cái áo sợi cổ lọ, màu tím than rộng thùng, cứ dán lấy ngực. Ngực anh như bẹp rúm hết cả xương sườn. Anh cũng mặc quần xanh thợ. Quần bạc phếch vá đũng. Cái mũ nồi anh đang đội cũng bợt bạt, cũ kỹ. Trong cách ăn mặc ấy, Tô Hiệu càng xanh xao, rộc rạc. Nhất là mặt anh. Xương gồ hẳn lên. Một bên thái dương sưng và tím bầm. Cả hai quầng mắt vừa thâm, vừa trũng. Da xám như chì.

Tôi chợt nghĩ đến những chuyện được nghe mấy anh trên Hà Nội láng máng nói về Tô Hiệu. Trong số những chính trị phạm và là những người trẻ

tuổi nhất đi đày ở Côn Đảo về, Tô Hiệu bị lao nặng nhất. Có hôm anh đã ho ra từng bát máu. Phổi anh đi chiếu thấy hoắm hố rồi. Thì ra "cái thằng Hiệu khổ sai Côn Lôn, cái thằng Hiệu Xuân Cầu, cái thằng Hiệu ho lao phổi bị ca-véc rồi kia" không chịu ở nhà quê cho mẹ thuốc thang mà đã trốn xuống Hải Phòng, lại hoạt động! Cái thằng người gầy xương xương, đen, bí danh là thằng "Ba" ấy, tưởng ai hóa ra chính nó, chính thằng Tô Hiệu. Tô Hiệu, chính Tô Hiệu, qua bao nhiêu cuộc lãnh đạo đấu tranh đã đẩy lên cả một cao trào, làm bọn thống trị ở Hải Phòng như điên như cuồng. Chúng lùng bắt mãi mà không được. Rồi khi bắt được đúng "thằng Tô Hiệu", thì tất cả bọn mật thám Hải Phòng đã reo lên, ngạc nhiên, sung sướng vô cùng, coi như đã thắng một trận lớn, một trận căn bản đánh đúng vào tim óc của phong trào cách mạng Hải Phòng!

Nhìn Tô Hiệu quây quần giữa anh em, tay bắt mặt mừng, gương mặt tuy tươi tỉnh hẳn lên, nhưng người gầy rạc, giọng nói khàn khàn, đôi lúc phải ngừng lại ho khan một tiếng, tôi lại phải nghĩ đến sức khỏe của Tô Hiệu. Tô Hiệu đã bị tra tấn ở Sài Gòn. Tô Hiệu đi làm khổ sai, rồi bị phát vãng ở hết hầm nọ sang hầm kia của Côn Đảo, Tô Hiệu đã phải làm việc cả ở hầm xay lúa, thì Tô Hiệu sẽ sống ra sao đây?

***

Nhưng Tô Hiệu như không có bệnh, không đau yếu gì cả.

Tôi không nhớ rõ bọn anh còn bị gọi lên Sở mật thám mấy lần nữa. Tôi cũng không nhớ rõ từ cái hôm sang đề lao với chúng tôi ấy, anh Tô Hiệu đã nghỉ ngơi như thế nào. Tất cả những gì là thời giờ của anh, tất cả hình ảnh gì của anh trong những ngày anh sống với chúng tôi ở đề lao Hải Phòng, đều chỉ làm tôi thấy tập trung ở một điểm này: Tô Hiệu làm việc và chỉ có làm việc. Tô Hiệu làm việc lặng lẽ, vui tin, quyết liệt khiến mọi người đều phải suy nghĩ. Tất cả sức cảm hóa thúc đẩy đặc biệt của Tô Hiệu là ở đấy.

Tô Hiệu luôn luôn ngồi quần tụ với anh em, chơi bời và nói chuyện với anh em. Chuyện về tình hình thế giới, tình hình trong nước, về chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xã hội, chuyện về giai cấp vô sản, về đời sống và sự hoạt động của Mác của Lê-nin, về lịch sử Đảng Cộng sản Bôn-sê-vích Liên Xô, về Cách mạng Tháng Mười và Liên bang Xô viết, thành trì của cách mạng thế giới. Cả chuyện về bọn cải lương, bọn hoạt đầu, bọn cơ hội, bọn vô chính phủ, chuyện 1789, Công xã Ba Lê. Chuyện về Hít-le lên nắm chính quyền đã thúc đẩy thêm việc phát xít hóa nhiều bộ máy nhà nước; chuyện Đô-ri-ô phản bội, chuyện vụ án Lép-dích với đồng chí

Đi-mi-tơ-rốp đưa ra trước tòa án phát xít, là người bị cáo nhưng đã đứng lên tố cáo và kết tội lại. Chuyện Ma-đơ-rít thất thủ đau xót, Vạn lý trường chinh thần kỳ, Quảng Châu công xã và Xô viết Nghệ An chấn động cả dư luận thế giới. Và chuyện các đồng chí Trần Phú, Nguyễn Phong Sắc, Ngô Gia Tự, Trọng Con, chuyện xà lim án chém, bóp Ca-ti-na, chuyện Côn Lôn với hầm xay lúa và các chúa đảo mặt người nhưng tính ác thú. Chuyện các công nhân cao su đất đỏ, hãng Ba Son, nhà máy Trường Thi, chuyện các cuộc đình công, bãi công, lãn công ở các sở mỏ nổi tiếng quyết liệt. Chuyện làng Xuân Cầu và huyện Văn Giang quê Tô Hiệu liền mười tám năm vỡ đê, đói lụt. Chuyện bà mẹ đồng chí có hai đứa con yêu nhất thương nhất trong đàn con, thì thằng lớn là Tô Chấn cũng đi đày Côn Lôn, đóng mảng vượt ngục từ bấy đến nay vẫn bặt tăm, và thằng út còi cọc là Tô Hiệu thì cũng đi đày, làm bà đợi mòn con mắt, từ ngày tha về chỉ ở với mẹ được đâu mấy tháng.

Trong bất kỳ chuyện nào, anh em cũng thấy cuộc sống của Tô Hiệu thật giàu có, thật từng trải vững chắc, sáng suốt. Và bao giờ Tô Hiệu cũng rất khiêm tốn, bình thường, giản dị. Tô Hiệu không chỉ là một đồng chí lâu năm, một người anh lớn mà còn là một người bạn hồn nhiên, vui trẻ của anh em nữa. Cả khi đang nghe anh trình bày dẫn giải vấn đề, hay khi anh đã đi chỗ khác, có vấn đề anh kết luận, có vấn đề anh không kết luận, người nào cũng thấy rừng rực hẳn lên trong tâm hồn cũng như trong ý thức của mình, vì có

một sức mạnh tràn vào, một lòng tin bốc cháy lên, một ý chí quyết chiến đấu, chiến thắng. Sức mạnh của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của cách mạng vô sản, lòng tin ở lịch sử, ở sứ mạng của giai cấp vô sản và vai trò lãnh đạo của Đảng. Và ý chí phấn đấu cho phong trào, trong hàng ngũ cách mạng dưới ngọn cờ của Đảng hi sinh anh dũng, càng giương cao trước quân thù, trước một giai đoạn mới sẽ gay go quyết liệt vô cùng.

Mặc dầu vẫn còn bị Sở mật thám tra hỏi và đang chờ ngày ra tòa kết án, mặc dầu trong trạm giam có cả những tên đã đầu hàng rồi quay làm chó cho đế quốc, và những kẻ đã mất tinh thần, chỉ rình cơ hội lập công chuộc tội với mật thám, Tô Hiệu cũng tổ chức ngay một lớp nghiên cứu cho chúng tôi.

Tất cả anh em, người đã bị kết án, người đang bị lấy cung, người sắp ra tù, người chuẩn bị lên Hỏa Lò Hà Nội rồi đi phát vãng, công nhân Xi măng, Máy tơ, Máy chỉ, thanh niên nông dân, thanh niên dân chủ... đều dự hết. Trong trại còn có hai ông cụ. Một cụ chuyên nghề đi lưới dưới làng Đông Khê, một cụ người Hoa kiều, làm thợ máy ở Hòn Gai, bị bắt cùng với người con trai và người cháu. Nhiều buổi, phì phèo cái điếu tẩu, nõ khoét bằng gạch cạy ở ngoài sân, xe bằng cành bàng, cả hai cụ cũng ngồi quây quần với chúng tôi nghe Tô Hiệu giảng và nghe chúng tôi thảo luận. Có ai nhắc các cụ phát biểu ý kiến, hay hỏi các cụ nghe anh em thảo luận thấy thế nào, thì hai cụ chỉ cười, bảo: "Tốt lắm! Phải lắm, đúng lắm!". Cụ "lão đồng chí" và cụ "đồng chí bố này" đã bíu lấy vai chúng tôi, dậm chân, vỗ tay, cùng đi bài "Cùng nhau đi Hồng binh" trong những buổi chúng tôi tập hát và biểu diễn tuần hành thị uy ở trong trại.

Cụ người Đông Khê lúc được tha về làng, khi các cụ có con cháu bị bắt đến thăm, hay những thanh niên anh em họ hàng quen thuộc người bị giam đến hỏi tin tức, thì cụ đều hoa tay lên, cười hô hố, cười ngất, nói:

- Ở trong ấy chúng nó cứ nghịch như sấm, cứ vui như Tết ấy! Chúng nó học cả ngày cả đêm! Ăn xong buông đũa buông bát là đói... Càng đói, chúng

nó càng "hồng binh" mạnh!...

Tô Hiệu trình bày hướng dẫn chúng tôi nghiên cứu thảo luận theo bản đề cương Cách mạng Đông Dương của đồng chí Trần Phú và một số vấn đề về công tác cách mạng. Chúng tôi làm việc: buổi sáng, lúc làm cỏ vê trại xong, buổi chiều, suốt những giờ trong trại, buổi tối từ lúc ăn cơm chiều xong vào trại đến giờ "cấm lửa". Và những lúc được ra sân chơi. Mỗi buổi chúng tôi được ra sân chừng một giờ kể cả ăn cơm. Chúng tôi không họp chung thì chia nhóm. Nhiều buổi còn thảo luận ở cả ngoài sân, từng đám, từng đám đấu khẩu rất hăng, luôn luôn "trật tự" phải đến can thiệp. Trưa ngủ và những ngày nghỉ, nhiều người vẫn cứ lầm thầm ôn bài và bàn cãi.

Tô Hiệu gần như không ngủ buổi trưa nào. Và tối nào cũng vậy, anh em ngủ say cả rồi, tầm khuya Xi măng, Sáu Kho văng vẳng, Tô Hiệu vẫn thức. Bản đề cương cách mạng và những công tác đấu tranh từ tuyên truyền, vận động tổ chức công khai, nửa công khai bí mật, đến những việc in thạch, dán truyền đơn, treo cờ, đọc sách báo tài liệu, cất giấu, cùng những kinh nghiệm hoạt động, kinh nghiệm khi bị bắt, tất cả những vấn đề và những công việc mà chúng tôi nghe anh trình bày và chúng tôi đã trao đổi ý kiến ròng rã hơn một tháng trời, anh đều chép lại. Song song với lớp chúng tôi còn có lớp của chị em bên trại phụ nữ. Lớp này vẻn vẹn có năm chị, và một học viên lên ba: thằng con chị Đ. cùng bị bắt với mẹ. Chế độ nhà tù cũng như chế độ Sở mật thám nghiêm ngặt nhất với chúng tôi về sách báo giấy bút. Ngay cả bọn xu-ba-dăng vẫn thậm thụt với người nhà của chúng tôi, đưa tin tức, quà bánh, thuốc thang để kiếm lợi, vậy mà chúng cũng chịu không dám nhận đưa những thứ "súng đạn" kia. Thuốc lào, thuốc lá, quà bánh của người nhà chúng tôi gởi cho, chúng mở hết ra. Mứt kẹo hay thứ gì gói bằng giấy báo cũ cũng không được. Chúng tôi phải nhờ mối tù án thường. Tất cả những giấy thuốc lào, thuốc lá, vàng hương, chè tàu, bánh khảo... anh em bòn nhặt được, đều tuồn sang trại chúng tôi. Còn bút viết chỉ có bút chì, mỗi mẩu bút chì.

Càng đọc những bản Tô Hiệu viết tôi càng thấy lạ. Chữ như không phải viết mà là in. Một thứ chữ in rất đều, rất nhỏ, tăm tắp như chân kiến. Tuy giấy viết, tờ thì xanh đặc, tờ thì vàng nhờ, tờ thì lốm đốm xanh xỉn, mấu mí và gút rác nổi đầy, tờ thì hoen ố... nhưng mặt chữ vẫn sáng, vẫn rõ, xinh xắn, đẹp lạ lùng. Đặc biệt là những bản viết trên giấy bao thuốc lá Bát-tô, nền xanh nước biển, có những đường viền, những hình nét kim nhũ, hay trên những mẩu giấy chè Chính Thái hồng hồng cánh sen. Cầm những bản viết đó trong tay, thấy đầy đủ cả phần chương trình mình học tập ngày hôm qua, nếu đem in ít nhất cũng phải năm sáu trang chữ cỡ nhỏ.

Tôi đã nghĩ đến những kỳ công mộc bản hay bằng ngọc ngà chạm trổ trong truyền thuyết, và những tác phẩm nghệ thuật ở những bảo tàng nổi tiếng. Và cho đến bây giờ, tôi vẫn không thấy một mùi thuốc lá, một hương trà nào thơm tho như mùi thuốc, như hương trà mà tôi nâng lên ngửi ở những trang giấy lấp lánh những dòng chữ của Tô Hiệu viết trong tù kia.

... Trời mỗi ngày lại rét. Trại giam khi chật chội thì rất độc ác nhưng khi quá rộng thì cũng rất ác độc. Chúng tôi hơn hai mươi người ở một cái trại xây để giam hơn trăm người. Tường sơn hắc ín, sàn gỗ lim trần trụi, cùm sắt, cửa sắt, lưới sắt. Cái lạnh cái buốt càng ghê thịt ghê xương. Khuya tiếng người ho, người rên cứ âm âm lanh lảnh. Ngồi sát mặt tường hắc ín, gần ngay tấm cửa sắt chính của trại giam, chỗ độc nhất có ngọn điện vàng mờ chiếu sáng cho cả trại giam và dãy xà lim ngoài kia, Tô Hiệu một mình còm cõm viết. Chính vẫn ở trại chúng tôi đây, những năm 1929, 1930, 1931 vừa qua, hàng trăm, hàng trăm anh em công nhân, nông dân, và đảng viên cộng sản đã bị giam, bị xử án, và hết chuyến này đi Côn Lôn lại đến chuyến khác.

Trên đỉnh chòi cao đầu nóc trại và cũng là chính giữa khu đề lao, anh em năm trước đã treo cờ để kỷ niệm cách mạng. Hôm đó từ gác-điêng, xếp đến xu-ba-dăng đang hò hét thì có điện gọi liên hồi ở trên Đốc lý và Tòa án xuống, và mật thám rầm rập đến cửa đề lao. Cả thành phố Hải Phòng bên

ngoài ồn ào bảo nhau: "Làm sao cờ cộng sản lại kéo lên nóc đề lao thế kia?". Không những bà con hàng phố và anh chị em thợ thuyền các nơi đều trông thấy cờ, mà cả các ngài Đốc lý, Chánh tòa và Biện lý cũng mục kích cái cảnh tượng xuất hiện giữa ban ngày nọ...

Tháng 11-1931, cũng năm ấy, ở đây lại diễn ra một trận khác. Những anh em sắp bị đưa xuống tàu đi Côn Lôn đấu tranh hò la phản đối. Đốc lý đã hạ lệnh đưa lính khố xanh đến đàn áp. Súng đạn lưỡi lê lắp đầy đủ và lính đã dàn thành hàng ở ngoài cửa rồi, nhưng nghe lời kêu gọi của anh em, lính chỉ đứng im, chúng liền chuyển ngay lính lê dương đến. Tình thế lại diễn ra như trước. Nghĩa là những người lính tứ chiếng mà chúng cho là vong bản và mất gần hết lương tri này, cũng nghe lời kêu gọi của anh em, không chịu nhúc nhích mặc dù bọn chỉ huy đã ra lệnh.

Cuối cùng chúng bắt lính Pháp đến. Bọn này đã được uống rượu say. Súng đã nổ. Cửa trại đã bị phá. Lửa và thép đã tha hồ giội xuống những con người bị lột hết quần áo, bị phun nước xanh xám, những con người hầu hết là đau ốm, gày yếu mà khí giới để tự vệ chỉ có tiếng kêu, tiếng hò, tiếng thét.

Anh B.V.Tr. đã dự cuộc đấu tranh lưu huyết đó kể chuyện này cho chúng tôi thời kỳ anh còn ở thường trực chi nhánh báo Thời thế ở Hải Phòng. Tới năm 1964, gặp nhau ở Hà Nội, bên bờ hồ Hoàn Kiếm, kể lại sự kiện đó, anh Tr. vẫn còn nhớ từng tên bạn, tên đồng chí đã hy sinh: anh Xương, anh Tâm, anh Thuận nông dân ở Tiền Hải Thái Bình; anh Đang, anh Hồ thợ máy nhà Máy sợi Nam Định; anh Trinh, anh Dương học sinh. Anh Trinh đâu mới mười tám, mười chín tuổi quê ở Hà Nam. Nhớ lại chuyện cũ và những đồng chí đã hy sinh, tôi càng thấy dư âm những tiếng hò la như mới cất lên hôm qua, hôm kia và vẫn như còn vang chuyển dưới mái trại và bầu trời. Và tôi không thể không lại nhìn ra chỗ anh Tô Hiệu ngồi viết ngay sát cửa trại.

Mắt anh Tô Hiệu cứ dán xuống giấy bút... Mẩu chì cũng gần hết. Tất cả chỉ còn bằng ngón tay. Mỗi lần vót phải nhờ đến lưỡi dao đặc biệt đánh với

mẩu dây thép phơi quần áo, đem đập mỏng và mài sắc đến độ chúng tôi đã cạo được mặt, sửa được tóc cho nhau. Chính những hôm phiên tòa, chúng tôi đã đi ra đây, đầu tóc người nào cũng như vừa ở hiệu cắt tóc sang ngoài phố vậy. Tô Hiệu kẹp mẩu chì đó vào một đoạn đũa tre. Mỗi lần viết xong anh lại giấu đi ở một chỗ dành cho các tài liệu đặc biệt.

Khuya rét, lúc anh em ngủ im ắng cả rồi, tiếng ho nhỏ của Tô Hiệu chỉ thúng thắng. Cái bóng Tô Hiệu dưới ngọn đèn vàng đục, bên cạnh bức tường hắc ín rắn đanh như gang như thép, và tấm cửa sắt kỷ niệm sừng sững im lìm kia, cứ cắm cúi hàng giờ, nhiều khi không nhúc nhích gì cả. Các bản viết càng về sau dòng lại càng nhỏ hơn, chữ càng sít hơn. Trước kia, chỉ có buổi sáng tài liệu mới truyền sang xà lim phụ nữ, giờ cả buổi chiều. Trong chúng tôi nhiều anh em đã khẩn khoản nói với Tô Hiệu để anh em viết thay cho, nhưng Tô Hiệu nhất định không nghe. Anh bảo: "Không nên! Những tài liệu này nhỡ ra có bị khám, lọt vào tay đế quốc thì chỉ anh bị tra bị đánh, rồi chúng có kết thêm tội anh thì cũng chỉ đến hai mươi năm hay chung thân là cùng. Còn anh em kẻ án nhẹ, kẻ sắp ra, kẻ cần phải giữ bí mật, "tổ chức" phải giữ gìn cho anh em. Vả lại giấy bút giờ đây còn quý hơn cả vàng ngọc, anh em không viết quen, không đảm bảo được chương trình".

Tô Hiệu càng ngồi viết khuya hơn. Anh em đưa thêm chăn cho Tô Hiệu khoác, Tô Hiệu không lấy. Lúc sắp bị bắt anh có được thêm cái áo vét tông cũ màu nâu sẫm rộng thùng. Đó là hai cái áo ấm nhất để mặc suốt vụ rét của anh. Anh em muốn Tô Hiệu ăn thêm, Tô Hiệu không nhận. Thức ăn thêm đây là của mấy anh em có người nhà vào phép tập trung lại, như cá kho, thịt rim, tôm rang, mắm tôm chưng. Có mấy đồng chí khét tiếng về nguyên tắc và tính toán được cử đến chuyên giữ kho thức ăn này. Anh em ai muốn kêu, muốn nịnh, muốn kích, muốn chế, muốn nói gì thì nói, mấy đồng chí kia vẫn lạnh như nước đá. Các đồng chí cương quyết thuyết phục, cần mức sao cho anh em ăn được từ kỳ phép này đến kỳ phép khác. Nhiều bữa suất thức ăn thêm chỉ có mấy miếng bì lợn dính mỡ hay một ít sườn băm viên chỉ bằng đầu

ngón tay út, vậy mà nhiều anh em đi vận động rất nhiều người đề nghị với kho cho ăn dồn lại, nhưng chủ kho cứ phớt đi.

Nhưng rồi sau cả cái bì lợn dính tí mỡ và cái mẩu ngón tay sườn rang băm kia cũng thiếu nốt. Vì số anh em bị kết án tù mỗi ngày một nhiều. Nghĩa là những anh em tạm giam hàng tuần có phép mỗi ngày một hụt đi. Trừ mấy gia đình khá cố chạy vạy cho đến khi anh em chuyển lên Hà Nội để đi phát vãng, còn thì kiệt lực lắm rồi, nay chỉ còn phép góp và người đi thăm chung. Mấy gia đình dồn quà bánh thức ăn làm một thúng, cử một hay hai người nộp đơn vào thăm để nhắn tin tức. Có kỳ phép chỉ được vài gói xôi, nải chuối, gáo mắm tôm, sườn rang và cả bánh khúc, bánh khoai sọ nhà làm lấy. Những bữa ăn càng về cuối kỳ phép càng kham khổ. Có bữa mỗi suất chỉ được một cái đầu tôm hay một cái đuôi tôm mà chủ kho đã mất cả lòng tự tin, phải gọi thêm một số anh em hay thắc mắc và nổi tiếng là có cả một cái cân tiểu ly trong con mắt đến. Họ cùng nhau chia sao cho cái đầu tôm này có bọng trứng, thì cái đuôi tôm kia lại nhiều nạc. Còn những râu tôm nào to, dính nhiều muối thì phải bù cho những suất mà toàn ban giám sát tối cao công nhận là... non... non...

Suất anh Tô Hiệu cũng chỉ được lum lủm bát gáo dừa nhỏ cơm gạo hẩm với cái đầu tôm rang tuyệt vời ấy. Rồi đến khi cả cái đầu tôm của kho phép cũng không còn nữa, bữa ăn của Tô Hiệu cũng hoàn toàn chỉ có mấy cọng rau muống đế quốc mà anh em gọi là rau muống thắt cổ, với tí cá vừa tanh lộn mửa vừa đầy xương dăm: cá mắm của đế quốc.

Tháng giêng, tháng hai 1940. Tình thế càng như lửa đốt đầu. Ở mặt trận Tây Âu, quân Hít-le càng đánh mạnh, càng thắng. Trong khi ấy Chính phủ Anh Pháp chỉ khoe các thứ thống chế, đại tướng với các thứ hạm đội, pháo đài, chiến lũy... trứ danh, vô địch. Thậm chí đến cả thằng gác-điêng phó cũng đem mấy tờ báo chữ Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng đăng lại những tin tức trên kia mà gí vào mũi chúng tôi cùng những đạo luật mới, sắc lệnh mới, nghị

định mới, ban hành để khủng bố Đảng Cộng sản Đông Dương, khủng bố phong trào đấu tranh của công nhân ở Pháp cũng như ở Đông Dương, và để đàn áp sự hoạt động của các tổ chức quần chúng tiến bộ ở Pháp nữa. Nó giơ tờ báo, cười bĩu, nháy mắt, bảo chúng tôi phải coi chừng, cần biết điều và nên biết ơn chúng nó đã dành cho chúng tôi một chế độ nhà tù đặc biệt mà chỉ ở Hải Phòng mới có!

Cũng trong khi ấy quân đội xâm lược Nhật Bản càng tiến sâu xuống Hoa Nam. Những tin tức Đông Dương bị uy hiếp càng dồn dập. Những cuộc chạy thi để vơ vét tiền của bọn thống trị Pháp cùng với các con buôn mại bản tay chân quân phiệt Tưởng Giới Thạch lại càng ráo riết trong việc chuyên chở hàng hóa và khí giới của Mỹ qua cảng Hải Phòng ăn chơi sầm uất chưa từng thấy. Mặt khác bọn thống trị Pháp càng ra tay đàn áp phong trào. Không còn một quyền tự do dân chủ nào do những cuộc đấu tranh từ năm 1935 đến 1939 đã giằng được trong tay bọn chúng mà chúng không cướp lại, không xóa bỏ đi. Các cuộc khám xét bắt bớ, tra tấn càng trắng trợn, diễn ra ở ngay các nơi tập trung thợ thuyền và những nơi đã nổ ra những cuộc đấu tranh trước đây. Xe ô tô đi bắt người đánh người ngay trên xe, giữa ban ngày, đánh suốt dọc đường.

Tô Hiệu cũng đã bị kết án. Những anh em khác kẻ thì chờ ngày giải lên Hòa Lò Hà Nội xử án lại, hay đi phát vãng; kẻ thì chờ ngày ra tù rồi bị quản thúc hay biệt xứ. Các chị em cũng thế. Tin ngoài lại đưa vào cho biết đế quốc Pháp đương gấp rút lập các trại giam tập trung ở Đông Dương. Tất cả những anh chị em hoạt động cũ, mới đều phải trốn, phải rút vào bí mật. Tình thế còn nhiều biến chuyển nữa! Phong trào đang khát cán bộ hơn cả khát nước. Cách mạng càng phải dồn sức nữa để chuyển mạnh bước, những bước thật quyết liệt, để chiến đấu với quân thù trong một cơn bão lửa sắp nổi dậy...

Hơn một tuần trước ngày Tô Hiệu bị giải lên Hà Nội, tất cả chương trình huấn luyện lý thuyết và công tác cách mạng cho chúng tôi đã làm xong. Thật

là đầy đủ, cặn kẽ, sinh động. Lại còn thêm cả phần phụ vận và binh vận. Tô Hiệu cũng đã viết xong gửi trọn vẹn sang cho chị em bên trại xà lim. Trời lại rét ngọt. Bốn giờ sáng hôm ấy cửa trại lại mở bất thường như những khi giải tù đi phát vãng, đi chống án hay bị hành hình. Bọn anh Tô Hiệu đã dậy từ lâu. Anh Tô Hiệu vẫn cái áo sợi dệt cổ lọ, màu tím than, ngoài mặc áo vét tông cũ nâu sạm rộng thùng, đội cái mũ nồi bợt bạt và mặc cái quần xanh thợ vá đũng, tươi cười ôm hôn bắt tay suốt lượt từ biệt chúng tôi.

Cái lạnh buốt của tinh sương như cắt thịt. Nhưng chúng tôi không thấy gì cả. Kẻ ở người đi, có bao nhiêu điều định nói lại quên, lại không nói nên lời! Tôi áp mặt vào gò má buốt lạnh của Tô Hiệu, day day má với nhau. Tôi đã thoáng nhìn cặp mắt Tô Hiệu mà tôi càng nhận thấy thêm nồng nàn một tấm tình, càng thấy thêm vằng vặc một sức sống, một tinh thần. Tấm tình, sức sống và tinh thần này chỉ ở những đồng chí không ngừng chiến đấu, trọn vẹn hy sinh và tuyệt vời tin tưởng mới có được.

Tô Hiệu mất năm 1944.

Người đồng chí bí thư thành ủy của thành phố hải cảng Hải Phòng đã thở hơi cuối cùng ở nhà ngục Sơn La. Phút hấp hối, trong những công việc giối lại cho chi bộ nhà tù, Tô Hiệu giối lại cả cái công thức làm thuốc nổ lựu đạn mà anh được truyền giữ để làm vũ khí cho cuộc đấu tranh võ trang đang được chuẩn bị và đang tiến hành sâu rộng và gấp rút.

Phải, đồng chí Tô Hiệu đã nhắm mắt năm 1944. Một năm sau, Cách mạng Tháng Tám bùng nổ.

## IX. ĐÓI BỐN NHĂM

### 1. BỘ BÀN GHẾ GỞI NHÀ TÔ HOÀI

Cái bàn ấy bằng gỗ tạp có hai ngăn kéo là của một người họ đã dùng làm

bàn ăn để lại cho. Chị ta phải để lại nó cho tôi vì chị không thể đi đâu cũng tha nó theo, nhất là chị lại làm cái nghề gọi là cái nghề lấy Tây. Cái bàn bằng gỗ tạp lại chỉ đánh véc ni nhếnh nhoáng nên trông càng rẻ giá, mua đâu có bảy đồng nhưng giấy biên lai lại kê những mười đồng. Thế là nguyên cái bàn chị ta đã được đôi ba đồng. Ấy là không kể trong món tiền sắm sửa đồ đạc, chị còn khai thặng lên hàng chục bạc nữa. Chị đã chìa thêm một nắm biên lai nữa, ném ra giữa bàn ăn có đủ cả rượu vang, cua phá xí cà chua, đậu vàng trộn dầu giấm và trứng. Không kể còn một đĩa tú ụ nem rán và một bát ô tô hành tây cà rốt ngâm giấm ớt đặc sệt nữa. Và chị quát với thằng cai Tây da đen chồng mới kia rằng:

- Toa ba bôồng, moa tút-xê săng piết, moa a-xơ-tê cẩm xà, toa điếc moa ga-nhê bố cu. Sí toa công-tăng bôồng mác xê... a lê...a lê xeéc-sê con gái vườn hoa... Moa xăng phú toa, phút toa la phót tút suýt. (12)

---

(12)Mày không tốt, tao chỉ lấy mày có một trăm đồng, tao sắm sửa như thế, mày bảo tao hời nhiều. Như vậy nếu mày thích của rẻ thì đi mà tìm con gái ở vườn hoa. Tao không cần mày đâu! Đuổi mày ra cửa ngay bây giờ!

Kể ra bỏ có một trăm đồng rồi mặc cả đi đến ngã ngũ với nhau, mua được nào giường có nệm, màn mới, bàn ghế và hai tháng nhà trả tiền trước. Lại còn một tháng ăn ở nhà có đủ bốn bữa chiều thứ bảy và cả ngày chủ nhật, sang ngon hơn cả ô-ten thế kia. Lại còn được cả vợ nữa, một người hiểu và nói tiếng Tây vào loại thành thạo, biết làm các món ăn đúng với khẩu vị của người chủ chi tiền, thì cũng là một sự tính toán khá là sát sóng và đẹp đẽ rồi!

Tôi đã mua lại cái bàn ấy khi tôi ở trại giam về lấy nhà tôi. Lúc đầu nhà tôi có ý không bằng lòng việc mua bán và sử dụng này. Lý do thứ nhất, nó là của một người chết. Chị S. bán lại đồ đạc cho tôi xong, lên Cao Bằng thì mất, một người bạn cùng nghề phải đứng ra lo liệu chôn cất cho ở trên ấy. Lý do

thứ hai, nó cũng chẳng tốt đẹp gì mà lại là thứ đồ của... Tây, Tàu. Chao ôi! Nhà tôi, một người con gái ở gia đình có một ông anh ruột mẹ đã ăn cơm muối ngủ đất, không súc miệng xỉa răng, mượn quần áo nâu rách vá mặc, để tang bà mẹ đúng bốn mươi chín ngày, cái người con gái học rất thông minh, từ lớp bét đến lớp nhất toàn được khen thưởng, nhưng nhà vẫn nhất định không cho đi học thêm vì đã mười sáu, mười bảy tuổi rồi,... cái người con gái thuộc lòng gần hết Truyện Kiều và các bài thơ, đặc biệt là thơ của Thế Lữ, mà khi lấy tôi, tôi muốn tra cứu về thơ thì phải hỏi và bảo đọc cho nghe những bài, những câu của nhiều bài thơ mình quên lẫn, - một người con gái như thế thì làm sao yên tâm được với cái bàn như vậy! Nhất là cái bàn nọ lại kê ngay ở gian buồng ngủ của mình và là bàn viết của chồng!

Nhưng sau nhà tôi dần dần cũng theo ý tôi. Theo ý tôi, vì việc đã rồi, vả lại đồ đạc cứ mỗi ngày một đắt. Theo ý tôi, nó là kỷ niệm của tôi, một kỷ niệm sâu sắc thấm thía cũng như một số đồ đạc trong cái gian nhà lá ở tỉnh Nam Định quê hương chôn rau cắt rốn của tôi mà chúng tôi quen biết rồi yêu nhau và quyết tâm lấy nhau.

***

Trước đấy ba năm, cũng khoảng hết xuân sang hè như dạo tôi đón nhà tôi về ấy, cũng dưới cái mái nhà lặng lẽ và trên cái bàn nọ, tôi đã viết và viết để rồi đi trại giam.

Tháng 5 và tháng 6 năm 1940. Danh sách những người đưa đi tập trung từng đợt, từng đợt đã đầy đủ ở Sở mật thám Hải Phòng.

Tôi không cần đợi ai mách bảo cũng biết chắc chắn có mình. Không những thế, tôi còn có thể tính được vào khoảng nào mình sẽ bị bắt đi. Vì nhà tôi, mỗi ngày có hẳn một thằng mật thám cứ ngồi chơi hết ở cửa hàng mẹ tôi bán kẹo bánh dưới gốc đa, lại vào tận trong nhà mà hút thuốc, đọc báo, đọc truyện.

Tôi càng thấy không thể không viết được. Sau nửa năm tù ở đề lao Hải Phòng ra, viết đối với tôi càng như là sự sống chết. Tập Tù trẻ con hơn 300 trang của tôi gởi lại Như Phong giữ thế là hoàn toàn tiêu hủy! Nó đã bị mật thám trên Hà Nội đốt. Tập phóng sự Bụi đen dành viết cho báo Mới của Đoàn Thanh niên dân chủ xuất bản trong Sài Gòn cũng bị giữ lại ở Sở mật thám Hải Phòng. Dù đã có tập Những ngày thơ ấu viết xong phần đầu và một số truyện ngắn đã xếp thành tập Bảy Hựu rồi, nhưng đó là những cái cũ, những cái đã viết đã đăng! Mười tám, hai mươi tuổi, đã tìm được đến Cách mạng và Đảng, đã thấy thế nào là sự sống, nhất là đã thấy thế nào là ý nghĩa của sự sống, và là một sự sống có ý thức, thì tôi phải bằng bất cứ cách nào, bất cứ giá nào viết thêm những dòng chữ, có thêm những tác phẩm! Những dòng chữ và những tác phẩm chứng nhận sự sống của tôi, lý do và nội dung của sự tồn tại của tôi. Những dòng chữ và những tác phẩm để góp một phần nhỏ bé chứng tỏ sự sống của một nền văn học nghệ thuật chân chính và cách mạng. Những dòng chữ và những tác phẩm để góp thêm một tiếng thét vào mặt bọn đế quốc thống trị cùng bè lũ tay sai của chúng: chính Cách mạng và chủ nghĩa Mác - Lê-nin là chân lý và nhất định chiến thắng!

Vào khoảng từ ngày 22, 23 tháng năm đến ngày 3, 4 tháng sáu tôi viết được sáu hay bảy chương của tập Xóm cháy. Xóm cháy là cuộc đời của những quần chúng lao động nghèo khổ, giác ngộ đấu tranh ở chung quanh tôi, họ là đất sống và lẽ sống của bước đường viết văn của tôi. Với sáu, bảy chương viết khi còn ở nhà và hơn hai mươi chương chừng hơn hai trăm trang giấy

pơ-luya viết trên trại giam Bắc Mê đã bị lấy mất đi, tôi đã viết lại thành một phần chính của tập Sóng gầm trong bộ Cửa biển sau đây.

Những ngày vào hè năm 1940 ấy tôi gần như không còn biết gì là nóng nực. Cái nung nấu của không khí khủng bố đang hết sức dồn dập để kịp với tình thế diễn biến của chiến tranh, còn hầm hập và ngột ngạt gấp bội cái thời

tiết nắng chói chang và nhoi nhói dông bão. Càng khuya, nhìn vào bức vách quét vôi trắng, một mình trước cái mặt bàn véc ni đã bạc trông như mặt ván thôi, đưa ngòi bút tràn qua những trang giấy quyết định sự sống còn của mình, tôi gần như không còn biết mệt mỏi, gần như không còn dám để cho mình một phút trống trải chậm chạp.

... Sắp sắp gọn ghẽ những trang bản thảo cuối cùng, tôi để lại cho mẹ tôi, rồi ra xe ngồi cùng thằng mật thám thường trực canh gác tôi đến Sở mật thám. Đúng hai hôm sau, tin Pa-ri tuyên bố bỏ ngỏ, quân Pháp đầu hàng không điều kiện, quân phát xít Hít-le tràn vào khắp đất Pháp như một bãi tha ma. Chúng đưa tôi lên Sở mật thám Hà Nội vào khoảng giữa tháng sáu, sang tháng bảy thì giải đi trong chuyến thứ hai lên trại giam Bắc Mê Hà Giang.

Cũng vào hồi cuối tháng năm, đầu tháng sáu tôi lấy nhà tôi, đón nhà tôi từ Nam Định về Hải Phòng. Năm ấy là năm 1942. Và tôi lại viết trên cái bàn ấy. Cái bàn nay kê sát cạnh giường chúng tôi.

***

Nhưng rồi chúng tôi cũng phải bỏ cái gian nhà tổ ấm kia, nghĩa là chúng tôi cũng phải bỏ cả Hải Phòng đầy kỷ niệm mà đi tỉnh khác.

Sau trận ngày 9 tháng tám 1942, Mỹ bỏ bom Hải Phòng càng dữ dội. Không hiểu có những chỗ nào của quân đội Nhật đóng hay là những kho gỉ kho gì quan trọng đã bị tình báo hay gián điệp Mỹ tìm ra và báo cho Mỹ bắn phá, chứ những nơi, những khu trúng bom của Hải Phòng toàn là phố xá, nhà cửa của dân cư, và người chết toàn là Việt Nam và Hoa kiều. Ngay trước xóm nhà tôi ở, cái xóm chỉ có những người đi làm ở bến tàu to Sáu Kho và những người làm ruộng, đã bị trận mở màn tấn công ấy của Mỹ bằng máy bay trên đất Hải Phòng mà Nhật chiếm đóng quân. Rồi thì đến phố Khách, đến chợ Sắt, phố Tám Gian, Hạ Lý, bến tàu. Toàn những chỗ buôn bán làm ăn, đông đúc thợ thuyền và toàn là thường dân! Chẳng nhẽ lại bỏ nhầm!

Chẳng nhẽ lại lạc bom! Sao không thấy nhầm, thấy lạc vào các khu mà ai cũng biết rằng sờ sờ có trại lính Nhật? Sao không thấy nhầm thấy lạc vào các khu phố Tây ở, những khu dinh thự cố định đã chụp in thành bưu ảnh và họa sẵn thành bản đồ: tòa Đốc lý, trại lính Cát-dem, nhà băng, v.v...

Trong những người chết bom Mỹ có một ông cụ vừa ra quán mẹ tôi mua diêm thuốc và mấy chiếc kẹo bột về cho cháu và anh em thằng bé vừa cõng nhau nhong nhong chơi dưới gốc đa cạnh quán, đón mẹ đi tầm ngoài Sáu Kho về để ăn quà.

Nhà tôi bị hen kinh niên và hen nặng. Những cơn lên bệnh, đang thở tưởng đến bứt cả ruột cả gan và tím đen cả mày cả mặt lại, mà còn chạy bom, thì tôi yên tâm làm sao? Chỉ nói là nhìn nhà tôi thôi chứ không nói là ngồi lấy tứ lấy hứng hay tập trung tập triếc cảm xúc mà viết được?! Trên đây là một lý do.

Còn lý do nữa là tôi không thể đi đâu một bước mà không có mật thám theo dõi dù đã được bỏ sổ quản thúc phải trình diện hàng tháng rồi! Vậy nhân cái dịp chạy loạn lung tung này, tôi cứ đi các nơi đã. Văn hóa cứu quốc đã thành lập. Vũ Quốc Uy, Như Phong, Tô Hoài và tôi đã chính thức họp nhóm và chia nhau công việc. Tôi có thể để nhà tôi ở một nơi tạm tạm ổn định rồi phải tích cực hoạt động. Tôi sẽ trở lại Nam Định hay lên Hà Nội nơi quen biết và có nhiều anh em, nhiều cơ sở.

Chúng tôi đã đóng đồ, liều đi tàu thủy mà chạy bom Hải Phòng. Chúng tôi về Hưng Yên. Giang sơn của hai vợ chồng son chúng tôi vẻn vẹn có một cái giường, một cái hòm và một cái bàn. Cố nhiên vẫn là cái bàn gỗ tạp, véc ni bợt bạt đã mọt nhiều chỗ ấy. Và một cái ghế cũng bằng gỗ tạp, mặt mây đan, mua sau ngày cưới của chúng tôi.

Chuyến tàu ấy đi trót lọt.

Chúng tôi thuê một gian nhà lá ở cuối một phố chợ chung nhà với mấy gia đình làm ăn buôn bán nhỏ nhặt. Vì gian này là một cái chái trước kia làm buồng chứa đồ, nên chật hẹp, ẩm thấp, mờ tối. Tôi lại phải kê bàn sát cạnh giường nằm. Nhiều khi cũng không ngồi ghế mà ngồi ngay mép giường viết. Vì cái khoảng đất trống chỉ hơn hai thước chừa ra để lấy chỗ ra vào lại còn xếp nào hòm, nào rổ rá gạo củi mắm muối.

Về đây tôi chỉ có vợ chồng một anh bạn cũng làm báo viết văn. Còn nhà tôi thì có một chị bạn nhiều tuổi hơn khá thân nhau. Chồng chị là nhà giáo nhưng không dạy mà làm thư ký ở bàn giấy Đốc học. Con đường phố tôi ở đã vắng lại gần đường trong làng trồng nhãn nên càng yên tĩnh. Cả ngày tôi như không có ai gọi đến mình. Những lúc nhà tôi ra chợ mua thức ăn hay đi chơi nhà bạn, tôi lại càng lụi hụi với cái bàn viết.

Ánh sáng vào buồng qua mấy khe cửa và khoảng trống đằng sau lưng tôi. Một thứ ánh sáng lúc trời nắng to nhất cũng vẫn dịu mát. Phần vì cũng nhờ các bóng cây ngoài vườn và những làn gió thổi từ ruộng lúa và hồ sen khu đằng sau. Chao ôi! Cái dịu mát của ngày thu nắng thoảng những hương lý, hương cúc, và chuối tiêu, na, bưởi. Trong khi tôi sống với nó thì nhân vật của tôi lại đang ở trong một vực thẳm.

Vực thẳm là một truyện vừa, truyện một người con gái, truyện dựa theo một phần đời sống của người con gái ở chung nhà với tôi ngoài Hải Phòng. Câu chuyện ấy phải để đến khi tôi bỏ Hải Phòng ra đi thì mới dám viết!

Người con gái của tôi ấy đã bị sự nghèo đói cùng kiệt và những tục lệ ác nghiệt của xã hội tàn phá cả một tuổi thơ ấu và thanh xuân gần như không được thoảng qua một làn gió, một ánh dương. Và từ cái vực thẳm của xã hội tàn bạo đó, những tiếng kêu thống thiết cất lên với những dòng chữ của tôi. Những dòng chữ viết trên cái bàn chật hẹp kia mà tôi phải tìm các cách nói sao cho lọt được kiểm duyệt, cho được in thành sách lúc bấy giờ! Và những dòng chữ, những trang sách ấy đang nuôi sống tôi đây, nuôi sống vợ chồng

tôi đây!

Càng trưa nắng nhà tôi càng im ắng. Tiếng mọt đều đặn rền rĩ thành nhịp của bàn tôi ngồi viết càng nổi rõ, càng miết vào không khí, càng xuyên sâu vào tâm trí tôi. Nhiều lúc tôi không sao viết được ra chữ! Cái thị xã Hưng Yên chỉ đông vui buổi sáng ở phố chợ. Ngoài phố chợ còn có bến ô tô cũng được đôi lúc nhộn nhịp. Và ngoài bến ô tô và khu phố chính có các cửa hàng tạp hóa, hàng vải lụa, hàng mũ, hàng giày, hiệu thợ may, cắt tóc, hiệu sách báo, v.v..., thị xã cũng tấp nập trong những ngày phiên chợ, nhưng chỉ đến trưa là đã thưa vắng rồi. Ấy là ban ngày. Ban đêm, chỗ trưng đèn và ồn ào độc nhất là rạp hát ngoài chợ. Đèn măng sông. Âm nhạc nổi nhất là tiếng trống, tiếng mõ và đàn nhị cứ lên đến mức như thét, như vỡ.

Tất cả phố xá, bến chợ đã nhỏ bé hiền lành lại càng nhỏ bé hiền lành trong những buổi trưa nắng thu dịu mát ấy. Và như càng làm tăng thêm cái vẻ bề thế trang nghiêm chừng như bất di bất dịch của những dinh Công sứ, Tuần phủ vẫn đủ lệ bộ tòa nọ phòng kia của các thứ quan, các thứ chức với các lính gác lính hầu. Ảnh của Thống chế Quốc trưởng Pê-tanh không những chỉ treo ở những nơi này để mọi người chiêm ngưỡng và suy nghĩ về cái đời sống được phục hưng yên ổn, mà còn treo cả ở cái rạp hát trống tuềnh trống toàng bẩn ngập lên gần phố chợ. Và trước giờ kéo phông, người xem cũng phải bắt buộc đứng lên chào vị cứu tinh của cả nước mẹ Đại Pháp và các thuộc địa, các xứ bảo hộ.

1943

Trên đất nước Pháp bị phát xít Hít-le chiếm đóng, máu của chiến sĩ và đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, và máu của nhân dân Pháp đang hàng ngày nhỏ giọt ở các bãi bắn và nhà giam đây! Trong khi đó ở những trại tập trung Ốt-ven-xim, Ao-xơ-vích, và Bun-khơn-van tại Ba Lan, Tiệp Khắc và Đức, những lò thiêu xác đang ngày đêm lừ đừ rỉ khói.

Hàng vạn con người, hàng vạn con người đang bị đúng là một bọn thú dữ mặt người mang dấu hiệu chữ thập ngoặc trên trán, chúng nó tàn sát và lấy công việc này làm sinh thú, làm văn minh và lý tưởng.

***

Về Hưng Yên ở được hai tháng thì chúng tôi lên Hà Nội. Cũng lại bằng tàu thủy. Giang sơn vẫn vẻn vẹn một cái giường, một cái hòm đựng quần áo, sách vở bản thảo, và bộ bàn ghế để ngồi viết. Tìm nhà cho tôi là Như Phong. Nhà thuê dưới bãi Nghĩa Dũng.

Gian này tuy chỉ gần hai mươi thước vuông, nhưng với chúng tôi thế cũng là quá rộng rãi. Chúng tôi ở có một nửa, còn một nửa chủ nhà để khung cửi. Cái khung cửi này bày đấy làm vì, để hàng tháng mua sợi. Chỗ sợi bà chủ nhà đưa về trên quê Phú Thọ, lúc thì bán lại cho các nhà dệt trong xóm rồi mua chè đem về Hà Nội, lúc thì cho bà con dệt hoặc chia vải hoặc trả công. Giường chúng tôi kê cạnh khung cửi đó. Còn bàn viết lần này đàng hoàng có cửa sổ đón ánh sáng và gió mát từ phía tay trái vào.

Chung quanh tôi cũng vẫn những gia đình làm ăn buôn bán nhỏ nhặt. Nhưng cảnh sống không heo hắt quá như ở cái xóm nghèo cuối phố chợ Hưng Yên, và không nhiều thợ nhà máy và phu phen như cái xóm Cấm hay làng Đông Khê của tôi ở Hải Phòng trước. Từ ngày dọn lên đây, tôi cũng đỡ nhớ Hải Phòng. Viết cũng thấy chạy tay hơn. Vừa phần được gặp gỡ nhiều anh em và luôn luôn được tin tức của tổ chức, đặc biệt là được đọc đều báo Cứu quốc. Vừa phần, hình như sau những cuộc gọi một cách văn vẻ theo lối nói lúc bấy giờ là "xê dịch" hay "thay đổi không khí" ấy, nhà tôi thấy đỡ bệnh, khỏe mạnh hẳn lên. Việc chép bản thảo cho tôi đều đặn và được nhiều hơn. Nhà tôi còn tính đến cả chuyện đi nhận các hàng len về đan để lấy tiền thêm cặp sinh sống. Sáng chiều nhà tôi cũng mượn thùng cùng bà con ra ngoài sông gánh nước về đổ đầy vại đánh phèn ăn chứ không thuê mua nước máy. Quần áo chiếu cũng đem ra bến đây giặt, lên xuống hàng hai chục bậc

đá.

Tôi đã sửa lại tập Hơi thở tàn để đưa nhà xuất bản Thời đại.

Tập này viết từ đầu 1942 ngày tôi ở Nam Định và đã đưa nhà xuất bản Kiến thiết in một nửa lấy tên là Ngoài kia. Tiền tác giả của Ngoài kia được hơn trăm đồng. Cộng với tiền tác giả của tập Cuộc sống đưa nhà Tân dân được vào khoảng hơn trăm đồng nữa cũng viết vào khoảng đầu năm đó, tôi đã cưới nhà tôi. Đã phải viết liền hai tác phẩm và đã dồn tất cả tiền để lo liệu, mà tôi vẫn hồi hộp và có lúc tưởng như việc lấy nhau của chúng tôi không thành. Vì bà đẻ nhà tôi bảo ít ra cũng phải đủ năm hay bốn trăm đồng thì mới thu xếp được!

Không phải vì bà đẻ nhà tôi muốn bán con gái để lấy tiền công đẻ công nuôi. Cũng không phải vì bà đẻ nhà tôi định làm cỗ nọ tiệc kia lấy tiếng lấy tăm! Cũng không phải vì lo cho tương lai con gái, mà phải có vàng có ngọc, có quần nọ áo kia, có của mặt, có của chìm khác để làm vốn liếng riêng tây. Tôi đi tù về sốt rét vàng vọt, quản thúc ở Nam Định. Có mỗi bà mẹ thì ở mãi ngoài Hải Phòng bán cái quán bánh kẹo diêm thuốc cho các người đi làm Sáu Kho, Máy tơ. Cảnh như thế còn trông thấy cái gì mà thách mà đòi! Nhưng dù là yêu nhau, dù là cùng cảnh nghèo, dù là thật thà hiền lành, dù người cùng xóm cùng tỉnh, dù tôi là văn sĩ có tài, có tiếng và có giời đất gì đi nữa... thì hai chúng tôi cứ phải lấy nhau có miếng trầu chia cho bà con anh em họ hàng và mọi người quen biết. Chao ôi! Miếng trầu để nhìn nhận, miếng trầu để chứng thực, miếng trầu để báo tin, miếng trầu để được mừng cho, để được nhắc đến.

... Vẻ gì một miếng trầu cay,

Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không!

Vì vậy bà đẻ nhà tôi cùng các bà con thân thiết trong họ đã tính nát ra mà

cũng phải mất ba trăm đồng để mua trầu mua cau, mua chè lạng, chè bao, chè lọ và mua mứt! Còn quần áo hoa nhẫn không có thì thôi. Mặc kệ, vợ tôi muốn cởi trần về ở với tôi cũng được!

Các bạn văn tôi trên Hà Nội nghe chuyện này, nhất là cái chuyện đem những hơn hai trăm đồng tiền của cả hai cuốn sách để lo liệu việc thách cưới, thì có người nổi xung lên:

- Cái thằng Nguyên Hồng nó không lấy vợ thì chết ngay à? Làm gì mà nó phải đem tiền đổ đi như thế!

Thậm chí có người định kéo anh em về hẳn Nam Định mà phá cái vụ cưới xin vô lý hoang phí khốn nạn này của tôi.

Chao ôi! Ừ thì tôi không lấy vợ, cũng không chết ngay. Nhưng tôi thấy tôi không chết ngay thì cũng không thể sống như thường mà viết được nữa. Thôi, tôi xin được làm một con người xoàng xĩnh thấp hèn bên cạnh những con người thiên tài sống hào hoa phong nhã, giang hồ lạc phách và thấy mình phải còn cao quý ngang ngạnh hơn cả thần linh kia! Nghĩa là tôi đưa tất cả tiền tác giả của Cuộc sống và Ngoài kia cho mẹ tôi, còn mẹ tôi thì nhờ bà con nói khó một lần cuối cùng để bà đẻ nhà tôi cố thu xếp sao cho hai cháu vui vẻ!

... Cùng lúc tôi sửa chữa xong Ngoài kia thành tập Hơi thở tàn, và viết thêm được một số truyện ngắn trong đó có truyện Lúc chiều xuống, nhà tôi cũng làm quen với nhiều bà con xóm ngõ ở đây. Cái không khí thân thuộc khiến chúng tôi đã nghĩ đến có thể bám lấy nơi đây như đã bám lấy xóm Cấm hay xóm chùa Đông Khê của Hải Phòng vậy. Chỉ chờ đợi ít lâu nữa là chúng tôi sẽ đón mẹ tôi lên, và mẹ tôi sẽ lại dựng cái quán ở đầu dốc xuống bãi hay gần bến tàu điện để vừa lấy nơi sinh sống, vừa làm chỗ nghe ngóng tình hình, hẹn hò gặp gỡ liên lạc với một số anh em đồng chí.

Bến bãi sông Hồng vốn đã đẹp, mùa đông năm ấy thuận thời tiết lại càng đẹp. Cả những hôm nắng to, cũng như hôm sương mù gió lạnh. Cả những buổi rạng đông tưng bừng báo hiệu, cũng như những buổi ráng chiều man mác quan san, cũng như những buổi trưa nắng gió lộng lẫy. Chao ôi! Đất bãi phù sa, rau ngô, khoai đỗ và mây nước sông Hồng.

... Hồng Hà,

Tên con

Dòng sông lặng lẽ

Cát bạc trời xanh mây trắng

Mây trắng cát bạc trời xanh

Bè gỗ lênh đênh

Buồm nắng

Không! Những cánh chim

Không! Những mây rơi

Không! Những thuyền xuôi ra biển...

... Hồng Hà

Tên con

Dòng sông lấp lánh

Những sớm mai tràn nắng

Cát bãi thở hơi

bờ sương quấn quýt

Giờ lúa xanh lại hát

Quả chín nhức thơm

Vỏ cây nhựa nứt nồng nàn

Hoa mọng như môi người

Sóng nước sơn ca dào dạt...

Hồng Hà

Tên con dòng sông bát ngát

Con dắt tay cha trên dòng sông đi mãi...

Nhà tôi đã có mang đứa con đầu lòng trên bờ sông Hồng và lấy tên dòng sông đặt cho con.

***

Nhưng rồi cả Hà Nội cũng bị ném bom!

Cũng toàn những chỗ không hiểu đã được do thám và chỉ điểm ra sao mà lại là những đích tàn phá đầu tiên và dữ dội đến thế? Trong những chỗ này có cả đường Hàng Bột, chợ Hàng Da. Con đường Hàng Bột không những đã chật vướng vì đường tàu điện, mà còn vì sự đi lại của tất cả những xe kéo, xe bò, xe ngựa, xe ô tô, từ Hà Đông ra Hà Nội hay từ Hà Nội vào Hà Đông, và cũng là con đường nhà cửa so le, chen chúc, cống rãnh ngập ngụa nhất nữa. Còn chợ Hàng Da, nếu có một cái gì đáng chú ý, thì có thể là cái nhà thờ Tin lành bé nhỏ khuất lảnh, và cái bãi trống trơ đội trời họp chợ, thường đông về chiều kia! Nhà bị phá bị cháy la liệt trần trụi. Xác đàn bà trẻ con tung lên,

chân tay đầu tóc dính bết vào các ngọn cây, các cột điện. Đấy là những cảnh chính mà mọi người phải nhìn phải nghĩ. Và cũng là đầu đề của những câu chuyện truyền miệng rất tỉ mỉ với tất cả sự hãi hùng, ghê lạ, khủng khiếp trước cái trận đánh đưa tin là oanh tạc, tuyệt diệu của máy bay Mỹ mạnh mẽ, tài giỏi, vô địch!

Tiếng còi gọi là phòng thủ thụ động đã được đón chờ, rú lên ngay từ sáng sớm. Từ lúc còn tối đất, các cửa ô và ngả đường về các vùng quê Hà Đông, Chèm - Vẽ và Sơn Tây, lân cận Hà Nội, đều ùn ùn những chuyến xe kéo và đàn bà trẻ con, ông già bà lão dắt díu nhau ra đi. Mấy nơi như bờ hồ Hoàn Kiếm, phố Bờ Sông, hay vườn hoa Sở dây thép cũng có "tăng sê" đấy, nhưng đúng là những cái rãnh nông choèn, và nếu có người trú ẩn thì chỉ mấy trăm người là ứ chỗ. Nhưng các hầm của các quan nọ, chủ kia, ông này bà khác, giàu có sang trọng, quyền quý tiếng tăm của Hà Nội, thì chỉ nghe đồn, nghe tả thôi, cũng đủ thấy chiến tranh hay bỏ bom như thế chứ gấp mười thế nữa, và kéo dài đến năm năm hay đến trăm năm mươi năm, cũng không mùi vần gì. Nghĩa là mỗi cái hầm như thế, nguyên tiền cốt sắt và xi măng đã hàng vạn đồng. Còn chắc hơn quả núi! Bom nào có ném trúng đấy cũng trượt đi. Cốc nước cam hay tách sữa để mấp mé trên bàn dưới hầm cũng không việc gì. Ấy là không kể nhà chủ có thể ăn ngủ, đánh xúc xắc, bài sừng hay hút thuốc phiện ở cả dưới hầm nữa.

- Thôi không về nhà quê hay quê hương Nam Định thì về đâu cũng được!

- Thôi đã chịu khó viết thì ở đâu cũng viết được!

- Thôi nếu như các nhà xuất bản có chạy loạn, đóng cửa tạm ngừng ra sách, thì mình tìm cách làm ăn khác mà sinh sống!

Nhà tôi lại bàn và nhất định không ở Hà Nội nữa.

Đúng lúc chúng tôi nếu không đem cầm đôi hoa tai hay chiếc nhẫn cưới

đi, là không còn tiền nong gì cả. Nhưng, dù lại phải đem mấy thứ ấy đi cầm, thì ai đi bây giờ! Nhà Vạn Bảo đến bảy giờ sáng mới mở cửa. Đúng vào tầm máy bay Mỹ ném bom. Vả lại vợ chồng đem nhau về quê nào đấy, dù có người quen biết thân thuộc, cũng phải tính đến cảnh hết tiền mà không tiện vay mượn ai cả. Như thế nhất định phải cố để dành mấy phân vàng kia mà độ thân. Chứ lúc này quẫn quá phải liều đến gửi Vạn Bảo, cũng chỉ được mươi lăm đồng thôi! Đã thế lại còn lúc chuộc, từ nhà quê ra Hà Nội ăn chực nằm chờ để hứng lấy bom đạn mà chuộc vàng ư?!

Nếu vậy hay là bán đồ đạc. Phải, chỉ nên bán đồ đạc thôi! Đã chạy về quê còn cần gì bàn với ghế. Vả lại, còn có chỗ tàu xe nào chuyên chở đi xa được bây giờ? Ấy là không kể chỉ một chuyến xe ba gác hay xe kéo chở từ nhà ra ga thôi, cũng phải thuê hàng hai ba đồng. Không khéo lằng nhằng lại chết vì đồ với đạc! Vừa phần không thể nào chen chúc được với mọi người đang tranh cướp nhau từng phút, từng chuyến tàu lúc bấy giờ. Vừa phần đồ đạc của mình nào có đáng giá gì.

Một buổi chiều trở gió, trời chóng tối và lạnh ngắt. Tôi đi lên phố gõ cửa các nơi để xoay xở lấy ít tiền chạy loạn mà không sao được. Khi về nhà, bỗng thấy vợ tôi tươi tỉnh khác thường. Đặc biệt là chăn màn, quần áo đều xếp gọn.

- Xong cả rồi!

- Sao?

- Có tiền rồi!

- Tiền nào?

- Tiền của mình ấy!

- Tiền nào của tôi?

- Tiền bài của mình ấy!

- Bài nào?

- Tiền bài Lúc chiều xuống ấy! Anh Huy Cận và anh Xuân Diệu vừa đưa cho hai mươi đồng đây này!

Phải, đúng hai mươi đồng! Nó là hai mươi đồng đưa trước của báo Thanh niên số Tết anh Huỳnh Tấn Phát làm chủ bút tập hợp một số bài của anh em xuất bản ở Sài Gòn. Trong số đó có thơ của Huy Cận, Xuân Diệu, Tế Hanh và tùy bút của Nguyễn Văn Bổng: "Say nửa chừng".

Sáng hôm sau, chúng tôi lại thu dọn tất cả đồ đạc vào một xe ba gác. Vẫn cái giường, cái hòm và bộ bàn ghế. Chúng tôi thuê hai đồng bạc xe lên Bưởi, gởi tất cả cái giang sơn ấy ở nhà Tô Hoài làng Nghĩa Đô.

***

Tôi lại viết như kiểu ở trại giam và khi về quản thúc ở Nam Định.

Lúc tôi lấy cái va li làm bàn. Lúc tôi cuộn chặt cái chăn kê thêm sách báo, mở rộng tờ báo to có bìa cứng làm mặt bàn. Lúc tôi lấy thúng đồ khâu và thuốc men của nhà tôi độn thêm sách báo, và viết trên cái mẹt đậy thúng. Còn chỗ viết thì trên giường, dưới đất, bên liếp vách, cạnh bậc cửa, tùy theo thời tiết và chỗ ở.

Chúng tôi ở nhờ. Một dạo nhờ nhà N. trên làng Đề Cầu huyện Thuận Thành Bắc Ninh. Sau dọn xuống xóm Đạo làng Đình Tổ huyện Văn Lâm Hưng Yên. Mẹ tôi và nhà tôi gánh nón đi bán các chợ Cầu Nôm, chợ Hè, chợ Huyện gần đấy. Vốn liếng cụt dần. Tất cả dây chuyền, hoa tai và nhẫn cưới của nhà tôi đã đem giả lại hiệu để lấy tiền làm vốn. Nghe nói thì giá vàng cao lắm, vậy mà không hiểu sao bọn đồ của chúng tôi lại chỉ được có hơn trăm bạc. Ấy là mua của hiệu Khách lại trả cũng hiệu Khách. Trả của chính hiệu

mình đánh vàng mà sao lại trừ vẩy hàn, trừ hao mòn mất nhiều thế này, và lại chỉ được giá thế này?! Mấy bản thảo tiểu thuyết và truyện ngắn của tôi đưa cho mấy nhà xuất bản quen trầy trật lắm mới được tiền. Nhưng lần năm mươi đồng, lần ba mươi đồng, quanh quẩn thế nào lúc ra sách tính tiền nhuận bút thì mình đã ký vay nhiều hơn. Nghĩa là mình còn nợ và lại nợ!

Chúng tôi sinh cháu trai đầu lòng. Bà đẻ vợ tôi đã bỏ cả nhà ở quê mình Nam Định về quê chồng Sơn Tây mà đến bế con cho chúng tôi. Hai bà nội, ngoại càng thương, càng quý, càng chăm cháu bao nhiêu thì tôi càng... lo bấy nhiêu.

Đúng sau vụ mùa năm 1944 ấy, nhà tôi vét bồ còn được một thúng thóc, và kiểm đi kiểm lại mãi gánh nón chỉ còn được hai mươi cái nón lá vàng đồng mốt, đồng hai một cái, năm sáu cái nón lá trắng, đồng ba, đồng tư một cái và ba bốn cái áo tơi cũng chỉ hơn đồng một cái. Lúc này thóc gạo đã từ ba mươi đồng một gánh lên đến một trăm ba mươi đồng, rồi một trăm sáu mươi đồng.

Chúng tôi chỉ ngày bữa cơm, mỗi người ba lưng bát, độn khoai, và bữa cháo thôi, cũng phải ba thúng thóc một tháng!

Đã lắm lúc tôi ngồi viết như ngồi trên đống lửa. Người đói đã về chết ở cả ngay chợ, trong quán mẹ tôi bán hàng và ở cả cửa ga tôi thường ra đón tàu lên Hà Nội. Trời càng rét. Rét năm ấy thật là đặc biệt.

Sau chuyến đi Hà Nội với Kim Lân, đem bản thảo gõ cửa các nhà xuất bản không nơi nào cho vay tiền cả, tôi trở về quê, đến nhà thì toát người ra.

Vì cả đói, mệt và rét.

Và cũng vì thấy bà đẻ nhà tôi ở Sơn Tây lại xuống. Đẻ nhà tôi dỡ ra nào mũ thóp, nào yếm dãi có thể mặc kín cả ngực, nào bột sắn, nào đường phèn

cho "thằng Hà của bà", nào cương tàm thuốc hen của mẹ nó, và nào những rễ gỉ rễ gì để mẹ nó sắc uống cho nhiều sữa! Rồi bà giằng ngay lấy thằng cháu, bế xốc lấy nó, và cầm miếng chè lam chấm chấm vào miệng cháu:

- Cháu bà lại ho hay sao mà khò khè thế này? Mẹ nó có chịu mặc ấm cho nó hay không? Trời rét có rửa ráy cho con thì phải mang nó vào trong buồng kia, và phải đốt sẵn đống lửa, để sẵn quần áo tã thay bên cạnh ấy!

Một tay ôm cháu, một tay cầm miếng bánh to bằng nửa viên ngói để đấm mồm đấm miệng ấy, đẻ nhà tôi quài lại sau lưng đưa cho nhà tôi và giục:

- Mẹ nó ăn đi, ăn đi! Rồi đi xin ngay ít hoa hồng bạch về hấp với đường phèn cho nó uống đi...

Phiên chợ ấy, mẹ tôi bán được mấy cái nón và áo tơi thì đong cả gạo. Nhà tôi lại nắm cho tôi một nắm to và rang vừng muối giã gói để tôi đem đi Hà Nội ăn. Tàu đến ga, khách xuống gần hết mà tôi vẫn còn ở trên toa. Rồi khi ra khỏi cửa ga, tôi gần như mặc cho bước chân muốn đưa mình đi đâu thì đi, đến đâu thì đến. Cố nhiên là tôi không thể nào đi đến nhà xuất bản.

Tôi đã lên tàu điện. Tàu điện tôi đi từ Bờ Hồ lên Bưởi.

A! Sao tôi lại lên Bưởi? Thế là tôi nhất định lên nhà Tô Hoài à? Tôi lên Tô Hoài để hỏi Tô Hoài xem vẫn còn nhà xuất bản nào nhận bản thảo ư? Không! Tôi lên Tô Hoài hỏi vay Tô Hoài tiền ư? Không! Hay không hỏi vay Tô Hoài tiền thì nhờ Tô Hoài giới thiệu ai đó để vay tiền ư? Cũng không! Vậy tôi đi để làm gì?

Câu hỏi thầm ấy càng rõ tiếng, càng rành mạch trong tâm trí tôi bao nhiêu, thì người tôi lại càng như bị dao lách. Và tâm trí như có lửa nướng.

Tôi lên... để xem những đồ đạc của tôi. Cái giường, cái hòm và bộ bàn ghế của tôi.

Sao lại phải xem? Hai, ba lần trước, lần nào cũng vậy, mỗi lần tôi cố lên chơi với Tô Hoài, tôi lại chỉ dám nhìn qua cái đống đồ đạc xếp dưới nhà ngang.

Đúng tôi đã là một thứ ăn vạ ở nhà Tô Hoài.

Nhà anh tuy có nhà trên và nhà ngang nhưng đâu có phải là thừa cái sự rộng rãi để làm kho chứa đồ cho tôi. Ấy là không kể đến tính bà mẹ anh rất mực gọn gàng, sạch sẽ. Tôi đã để ý từ cái sân gạch, đến bực thềm lên nhà trên, từ miếng vườn con xum xuê mấy cây hồng bì, nhãn, hồng, sói, vân vân. Rồi đến cái bể nước con, cái chum nhỏ và mấy hòn gạch kê thêm để rửa chân, cái rẻo đi đất thịt xuống nhà bếp xuống cầu tiêu,... tất cả lúc nào cũng như vừa mới quét dọn sắp đặt xong, hay như là bao năm nay không hề có chiếc lá rụng, có ngọn rác, vụn que nứa cành củi gạch ngói nào vương vãi cả! Thật là êm ả, ngoài vườn nghe rõ cả tiếng chim sâu lích chích. Trong nhà, tiếng mọt đều đều ở những câu đầu, những chiếc cột đen mốc.

Một hôm nhà tôi ra Hà Nội, lên chợ Bưởi cất nón, có ghé vào nhà Tô Hoài chào bà mẹ anh và thăm anh, lúc về nhà tôi đến bữa cơm đã bảo tôi:

- Mình này! Bà cụ Tô Hoài có hỏi tôi "Bao giờ thì bác giai xe đồ về quê đấy?".

Đồ đạc của tôi không những được xếp được kê làm một đống gọn, mà cả mặt đất và chân vách chỗ xếp kê lại còn rắc vôi bột nữa. Càng thấy nhà Tô Hoài giữ gìn cẩn thận cho tôi như thế, tôi càng không dám nhìn lâu, nhìn kỹ. Giá như ở một nhà khác, những thứ ấy bị vứt lỏng chỏng lên nhau trong một xó bếp hay dưới giọt tranh sau nhà, rồi chất thêm củi rác, chiếu cũ, bao tải, làm chỗ cho chó rúc, cho gà đẻ, thì tôi lại đỡ ngậm ngùi...

Tô Hoài ơi! Làm sao tôi có được chỉ là một gian nhà, như cái gian nhà ngang của ông thôi, để mà lại kê cái giường, cái hòm và bộ bàn ghế ấy? Cái

gian nhà này, tôi không ở nhờ và cũng không phải thuê. Cái gian nhà này, tôi làm lấy hay mua được cũng bằng tiền sách, như ông đã chuộc lại cả năm gian nhà gỗ kỷ niệm nhà thờ của họ mình bằng... Dế mèn phiêu lưu ký vậy! Cái gian nhà này cũng trông ra mảnh vườn đất có mấy cây ăn quả, mấy luống hoa cỏ xum xuê và một khoảng trời cao. Rồi tôi lại ngồi cái ghế gỗ mặt mây, viết trên cái bàn gỗ tạp của tôi có thể đủ bày cả mấy tập bản thảo, sách báo tài liệu, và một tấm khung kính lắp hình thằng chó con ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò của chúng tôi.

Chao ôi! Tôi đã sắm được cả một cái giường, một cái hòm, đặc biệt, là cả một bộ bàn viết tuy ghế thì mặt mây đã trũng, đứt thủng, còn bàn thì véc ni đã bợt bạt, nhiều chỗ lấm tấm mọt!

Vậy mà hôm nay tôi sẽ lên thăm nó đây! Lên thăm nó để rồi đi dạm bán nó đây! A ha! Hay là Tô Hoài ơi! Tôi cứ liều hỏi Tô Hoài xem Tô Hoài có mua không, thì tôi sẽ để lại với bất cứ giá nào cho Tô Hoài dùng còn hơn vậy. Nhất là thỉnh thoảng tôi vẫn còn được lại ngắm, lại trông thấy nó! Hay không, tôi nhờ mẹ Tô Hoài có chỗ quen thuộc tốt nào thì làm mối để tôi cứ bán, sau đây tôi lại có tiền sách, sẽ chuộc lại gấp rưỡi, gấp đôi cũng được.

***

Phải, tôi đã nói cảm ơn và xin lại bà mẹ anh Tô Hoài những đồ đạc ấy. Tôi đem nó đến với Nguyễn Huy Tưởng. Nguyễn Huy Tưởng đã hỏi thuê được nhà và thôi không ăn cơm hàng nữa. Tôi ở chung với Nguyễn Huy Tưởng, hai thằng thổi nấu lấy ăn. Đồ đạc các thứ sẵn sàng cả rồi. Chỉ còn thiếu cái bàn để Nguyễn Huy Tưởng ngồi viết. Nguyễn Huy Tưởng không như tôi, ngồi ở đâu, ngồi ở chỗ nào, ngồi cái gì cũng viết được. Tôi sẽ nhường cả bàn và ghế cho ông bạn đẻ đái khó khăn này.

Tháng 4-1945 ở Hà Nội.

Đang lúc người chết đói gần như không kịp chôn. Không chỉ xe bò chở xác mà còn chất cả các cam nhông đem đi để chôn thành hố chung.

Cái giường, cái hòm và cái bàn viết của tôi lại xếp gọn vào một xe ba gác. Giá gạo từ cuối năm 1943 hơn ba đồng một tạ nay hơn năm trăm đồng một tạ, mà người kéo chỉ dám xin có hai đồng chuyến xe. Vẫn bằng cái giá thuê năm xưa.

Người phu xe tóc như tóc cò, mình trần đeo chỉ có bên vai áo và một vạt trước, quần đùi rách xơ buộc túm bằng dây gai, chân tay gầy khẳng khiu như chỉ còn xương, cũng đen sạm như những xác chết la liệt đang nằm ở hai bên hè và những xác đang kìn kìn chở đi dọc đường.

Tôi đẩy sau xe. Chốc chốc tôi lại phải giữ xe lại bảo người kéo hãy nghỉ đã. Tôi thấy chính ngực tôi cũng rúm lại vì không phải chỉ nghe những tiếng khò khè mà còn là những tiếng như nấc của bác ta, và thấy càng xe cứ chúi xuống bồng lên, nhiều lúc bật cồng cộc vào mặt vào trán bác. Chưa bao giờ tôi thấy một đôi mắt vàng nhớt, sâu tối và cái nhìn ngờ ngạc mà chợt lại sáng dữ như thế.

Trên cái bàn của tôi ấy, Nguyễn Huy Tưởng đã viết được hơn 50 trang tiểu thuyết Những người dệt vải rồi bỏ dở.

Sau cái bàn ấy, trên chồng chăn và sách báo kê thật phẳng phiu, tôi đã viết chưa được 5 trang tiểu thuyết Tù trẻ con. Và cũng phải bỏ dở...

## 2. ĐÔI CHIM THÀNH

Tiếng chó cắn tua tủa rồi có tiếng người gọi to tận đầu cổng ngoài ao:

- Ông Hồng ơi! Ông có khách... Ông Hồng ơi! Có khách.

Trời đất còn mù mịt. Gió lạnh hun hút. Cả nhà tôi đang ngủ, tôi choàng

dậy, luống cuống hớt hải gọi vợ tôi:

- Bu Hà ơi! Diêm đâu? Khổ quá, còn bao diêm của tôi cũng lấy nốt, rồi cũng lại vứt đi đâu ấy!

Bà mẹ vợ tôi ngủ trong buồng với vợ tôi và thằng con đầu lòng của tôi vẫn là người dậy trước trong những lúc như lúc này, lục đục tìm ở thúng thuốc, đầu giường, ở bị đồ khâu. Bà lắc lắc bao diêm để tôi đến lấy. Châm được lửa, tay cầm đèn, tay cầm đòn gánh, tôi chạy ra cổng, tâm trí bàng hoàng, trong người chờn chợn. Khách nào đây? Ai mà lại tìm đến tôi ở chỗ này, vào lúc này?

Tôi chưa kịp soi đèn để trông rõ mặt khách, thì cả khách và tôi cùng reo lên:

- Ông Hồng!...

- Ông Lân!... Ông Kim Lân, ối giời ơi! ông Kim Lân!

Tôi gọi, tôi reo, đôi lúc, tôi cười. Và tôi vẫn ngạc nhiên vì cái người tìm đến tôi, ăn mặc thế kia lại là ông bạn Kim Lân của tôi.

Anh Kim Lân đội nón sùm sụp, vai khoác một cái bị. Quần áo tây! Vét tông thùng thình, quần ngắn hũn. Đi guốc. Thấy chúng tôi tay bắt mặt mừng ngay từ phút đầu tiên, cả những người đầy tớ ông bà chủ nhà ngoài cổng, đến bà chủ nhà trong này có hai gian bếp cho vợ chồng tôi ở nhờ, đều vui vẻ đi theo chúng tôi vào hẳn trong nhà một lúc lâu sau mới ra. Họ lại bắt đầu người vo gạo, người nhóm bếp, người băm bèo rửa rau nấu cám. Cả bà mẹ vợ tôi và vợ tôi cũng ra nhà ngoài cùng thằng "Cún" ủm trong cả một cái chăn bông. Mẹ tôi cũng gấp lại chiếu để nhường thêm phản làm chỗ tiếp khách. Ngọn đèn hoa kỳ vẫn ngùn ngụt. Mẹ tôi lên vay ông chủ nhà ít chè hột. Bà mẹ tôi nấu nước mới, hãm chè bằng cái phích độc nhất của nhà, chuyên để chứa

nước sôi hay nước cháo cho cháu.

Phiên chợ hôm ấy, mẹ tôi lại nghỉ. Phần vì trời rét, ra giêng có gánh nón đi bán cũng chẳng ai mua. Vừa phần để chạy thức ăn làm cơm thết khách. Mặc dù có cả sự nhắn lời khẩn khoản của gia đình cụ Bá là họ thông gia với anh Kim Lân - đây là lần đầu anh Kim Lân đến chơi với vợ chồng tôi mà chúng tôi lại ở nhờ nhà em trai cụ Bá, và anh cất công từ Bắc Ninh qua Hà Nội mới xuống đây - anh Kim Lân cũng nhất định chỉ ở lại một ngày với vợ chồng tôi, rồi mai ra Hà Nội sớm.

- Sao thế ông? Sao lại vội thế ông?!

Câu hỏi trên đây tôi còn nhắc lại mấy lần nữa, khi đưa anh Kim Lân đi chợ Nôm và mấy làng gần đấy, cũng như khi ăn cơm lại chuyện với nhau về viết, về những truyện ngắn, truyện dài, và những áng văn thơ tuyệt diệu của cổ kim, Đông, Tây mà "yêng em" tuy vừa bái phục nhưng cũng càng thấy mình tin mình, chắc ở mình.

- Sao lại vội thế ông?! Ông mà cứ nhất định về, không chịu ở lại chơi với vợ chồng tôi mấy hôm, cơm dưa muối với chúng tôi, anh em đôi hồi với nhau, thì tôi giận ông lắm đấy!

Và tôi cười ngất:

- Hay ông sợ chúng tôi thiếu gạo, phải nhường cơm cho ông ăn?!

Mãi về chiều, anh Kim Lân mới ngượng nghịu đặn đà cho tôi biết lý do. Anh đã thu nhặt xong những truyện ngắn của anh, sửa chữa kỹ thêm, chọn lọc thành được một tập rồi. Trong tập này có cả mấy truyện tôi thích nhất và đã nhiều lần nhắc anh nên gom lại mà in thành sách. Tôi sẽ cùng ra Hà Nội với anh. Tôi sẽ giới thiệu tập Đôi chim thành với bất kỳ nhà xuất bản nào đấy mà tôi thấy tốt. Rồi đưa họ in, quyền lợi thế nào, đều hoàn toàn do tôi quyết

định với cái thế và cũng với cả sự thông thạo của tôi về công việc xuất bản hiện thời. Thấy tôi hoan hỉ, anh Kim Lân vẫn dễ dàng, lấp lửng kiểu "Kim Lân":

- Ông giới thiệu và ông vay trước cho tôi một món tiền...

Úi úi! Cha mẹ ơi! Thì ra sự thể là thế này đây! Ông bạn kém tuổi mới viết văn, nhưng rất thân rất quý của tôi này, cũng lại bắt đầu cần tiền rồi, cần tiền quá rồi!

Tôi càng cười ngất:

- Ông ăn hết cả tay nải của bà ấy rồi?!

Kim Lân càng ngượng nghịu:

- Hết từ trong Tết kia. Ra giêng này nhà tôi lại định chạy vốn đi chợ nhưng không còn thể vay mượn cửa nào được nữa...

Và anh ngậm ngùi:

- Trên tôi phiên chợ trước lại càng nhiều ăn mày, đã có mấy người chết ở ngay cổng làng, cổng chợ...

Tim tôi như bị bóp chặt. Trong tâm trí tôi, cái màn tối đen và lạnh ngắt ấy càng vu vu thăm thẳm. Tôi như nghẹn hẳn tiếng:

- Cả trên anh cũng có người chết đói rồi! Chết ở ngay cổng làng nhà anh, ở ngay cổng chợ nhà anh?

Chúng tôi im lặng. Chợ Dầu, chợ làng nhà anh Kim Lân. Chợ của làng Phù Lưu, của huyện Từ Sơn nay là Tiên Sơn, quê hương những bà chúa Chè, bà chúa Nành, những dân ca, quan họ, của những đình chùa cầu quán, của những đường sá đông vui nhất vùng Bắc. Cổng làng Phù Lưu mở ra ngay

cảnh một khu "mộ sống" của một tên quan to họ Hoàng, đây có đủ các kiểu đài, tạ "nghênh phong các", "thưởng liên trì", cây cối hoa cỏ um tùm kỳ lạ với những bia đá, những cửa sắt chừng như ngàn năm không thể di chuyển. Còn cổng chợ thì mở ra trước một cửa đình thênh thang, cũng bia đá, cũng cửa sắt uy nghi, xum xuê sừng sững những gốc bàng, gốc đề hàng chục vòng tay còn rộng. Giữa làng chạy dài một con đường lát toàn đá tảng, hai bên san sát những nhà gác có nhà còn to hơn cả những hiệu buôn ở Hà Nội, nhưng cũng có những nhà rất cổ, cửa đóng im ỉm quanh năm, thì cũng lại là những cửa hàng tấm giàu nhất... Chao ôi! Cái khu chợ Dầu và cái làng Phù Lưu này mà người ta có thể vẽ có thể chụp bất kỳ cảnh nào để làm kiểu mẫu cho sự sầm uất, trù phú, khang trang của vùng Bắc thôn quê kia, cũng lại nhiều ăn mày và có người chết đói rồi!

... Những chiếc chiếu bó ấy lại lừng lững từ một cái màu đen tối vu vu thăm thẳm đi ra trước mắt tôi. Những chiếc chiếu cũ có, mới có... những áo tơi vá đụp vá chằng chịt bằng bao tải, bằng mo nang, bằng giấy bao xi măng, bằng lá chuối, bằng nguyên một ống quần hay một bức sống, bằng cả dây, dợ lưới, vó bè, võng, v.v... tất cả buộc túm lại như kiểu mũ mấn đội trùm lên đầu, che xuống gần đầu gối. Họ đi đều đều thất thểu, ủ rũ khặc khừ. Họ rên, chập chững, lê lết... Từng chiếc chiếu và áo tơi hay từng đám chiếu và áo tơi không để trông thấy mặt mà chỉ có hai ống chân, những ống chân gầy teo, già có, trẻ có, đàn ông có, đàn bà có, trẻ lên năm lên bảy có. Cứ những lúc nắng nghĩa là có mặt trời lên cao, là họ kéo nhau đi, trên các ngả đường, đặc biệt là các đường nhựa chạy qua các huyện các tỉnh đổ về Hà Nội.

Nhưng dù có nắng, có mặt trời, nhưng sao cảnh giữa ban ngày năm ấy, cái nắng như loáng trên tuyết, trên băng, còn mặt trời thì vàng vọt như sắp chìm vào phút giây cuối cùng của một buổi chiều cũng tuyết băng xa thẳm. Phải, cái đói đã đến. Cái đói thật là dữ dội và càng ngày càng dữ dội. Chỗ tôi ở giờ mới hết tháng giêng sang tháng hai mà thóc đã lên hơn trăm đồng một gánh. Giữa ngày mùa thóc đang 10 đồng lên 12 đồng. Rồi phiên sau 14 đồng, rồi

phiên sau 20 đồng, 25 đồng, 30 đồng, 35 đồng. Và cứ thế, cứ từng cuộn, từng bó bạc giấy giở ra mà quờ lấy thóc, vồ lấy thóc, ôm lấy thóc. Đã có cả giấy 500 đồng... Chính các quan phủ, quan huyện, các đại lý trên tỉnh đã đem toàn giấy 500 đồng và mỏ cân về các chợ nhà quê mua thóc, đong thóc, cân thóc...

Vốn liếng của gia đình tôi cũng có một gánh hàng: gánh nón và áo tơi. Nón lá già bán mỗi cái kiếm được một hào hay tám xu. Nón gủ, thứ nón to như cái nia có khua, được sáu bảy xu. Nón lá trắng được hơn một hào. Mỗi cái áo tơi cũng thế. Bán chạy nhất và người mua đông nhất là bà con nhà quê, là nón lá già, nón gủ. Nhưng năm ấy lại rét sớm. Gạo không có ăn thì đói, chứ không có nón vẫn đội trời đi làm được. Nên nhiều phiên chợ, gánh hàng mẹ tôi chỉ bán được một hai nón lá trắng cho các bà, các cô ở Hà Nội ở các tỉnh chạy loạn về, và cũng một hai cái nón lá già nón gủ cho các bà con nhà quê thôi. Ra giêng, hai phiên mẹ tôi cố đi bán mở hàng đầu năm, thì chỉ bán được một phiên một cái nón, mà bán hòa vốn để khỏi về không.

Thường những hôm tôi viết xong hay đang viết gặp đoạn bí, phải chỗ tắc, tôi lại bỏ đi chơi chợ. Thì cả những phiên chính chợ Nôm và chợ huyện nơi tôi ở không những càng xào xạc mà còn càng thêm nhiều ăn mày. Chưa tan chợ, ở gốc cây này, ở bụi găng kia, sau miếu Âm hồn, ở chân mả ông Đống... khói rơm rác lá lẩu cứ ùn lên. Mẹ con ăn mày, vợ chồng con cái ăn mày, ông bà cháu nhớn cháu bé ăn mày, bồ côi bồ cút ăn mày, điên dại, mù què ăn mày... Các lều, các mái, các bếp ăn mày rải khắp từ ga vào tới chợ. Đông nhất là ở chợ. Họ nấu nước ăn uống với bất cứ thứ gì xin được, nhặt nhạnh được, tìm bới được, làm nhiều người địa phương không những chỉ hỏi họ là ở đâu, kéo nhau về nữa đây làm gì mà còn phải kêu lên: "Giời đất sẽ khó khăn kém cót còn làm đói đến thế nào nữa, cả những thứ như thế kia cũng là những thứ người ta nấu nướng, ăn uống với nhau được vậy?!!".

Đúng một tuần trước ngày anh Kim Lân về, sau phiên chợ gánh hàng về không, mẹ tôi phải mua một cân muối những hơn đồng bạc và đong xỉ một

đấu gạo nếp mất ngót bốn đồng, nhưng lại rẻ hơn gạo tẻ, để trả bà chủ nhà chỗ gạo vay nấu cháo cho thằng con tôi ăn thêm, thì nhà tôi phải dốc bồ, vét thúng, ao lại xem ngay tất cả số thóc ăn dự trữ trong nhà. Vừa còn đúng một thúng thóc tẻ và một hũ thóc nếp. Cả mẹ tôi, bà mẹ vợ tôi và chúng tôi đều choáng cả người. Vợ tôi phải tính ngay số tiền giắt lưng và gánh hàng còn lại. Thì tất cả số tiền vốn bán hàng ngày Tết dồn lại không được 60 đồng, và hàng thì còn đúng 30 cái nón, phần lớn là nón lá già đã xộc xệch vì người chọn nhiều quá, nón đã tuột cả vành lại đứt cả chỉ. Mẹ tôi phải bỏ ra cả buổi khâu lại. Các áo tơi cũng rách, có cái đã xơ cổ.

Thế là bữa ăn của nhà hôm ấy lại bớt thêm một bơ gạo, và chiều hôm ấy mẹ tôi lại nắm cơm ra ga để lên Hà Nội cất hàng ngay. Đi hôm trước, hôm sau mẹ tôi về liền. Cũng còn tối đất, sương muối mờ mịt lạnh buốt, vẫn tiếng chó cắn tua tủa, tiếng người lao xao ngoài ngõ, nhưng hôm ấy tôi thấy có một cái gì khang khác. Tôi vặn to đèn, vừa bước ra khỏi cửa, thì một hình thù rất lạ nhấp nhô đi sau mẹ tôi với gánh hàng nhẹ thênh. Tôi càng phải cố nén ngạc nhiên, hồi hộp khi trông thấy rõ hình thù nọ.

Đó là một người trần truồng và đen một cách lạ. Y khoác cái bao tải của mẹ tôi thường trùm lên gánh nón để chằng buộc cho khỏi hỏng. Quần ngắn đến bẹn, rách mướp. Tóc không ra vấn, không ra buộc, không ra cắt ngắn. Một thứ tóc rối lùm xùm của người điên người dở. Hai con mắt rất sáng. Khi y khuất sau bóng tối của cái cột góc nhà, vẫn thấy mắt nhìn lóng lánh, trắng bật lên.

Một người con gái còn khỏe mạnh hẳn hoi, tuy gày xương, ngực lép teo.

Mẹ tôi chưa kịp uống nước liền toang toang, giọng rất cảm động, kể chuyện bắt gặp người con gái nọ nằm trốn ở gầm ghế, xó buồng đái, đang bị lôi ra đánh đuổi xuống tàu, thì mẹ tôi xin tội cho, mua vé chuộc và đem về nhà đây. Tôi hoảng cả người, kêu ngay lên:

- Giời ơi! Mẹ đưa về nhà làm gì hở.

Mẹ tôi vẫn cười, giọng cứ như không:

- Đưa về nhà không nuôi thì để bên bà A. nuôi.

Ông bà A. chủ nhà tôi ở nhờ, không có con. Ông bà nuôi một anh con trai và một bé gái. Anh C. năm ấy đã gần ba mươi tuổi, gánh năm mươi hom lúa chạy cứ như không. Đi cày từ tờ mờ sáng đến quá trưa, chiều lại còn gánh hết năm sào rạ ruộng nhà. Người hâm hấp. Bực giận điều gì chỉ vừa lẩu bẩu vừa khóc một mình. Bà A. đã cưới vợ cho anh. Chưa đầy năm, vợ xin về ở nhà mình mấy bữa. Sau mấy chuyến bà A. đến tận nơi gọi, rồi nhắn hết người này đến người khác hỏi han gặng nhẽ, nhưng chị con dâu vẫn không chịu về. Chị ta lấy người khác được hai con. Rồi lại lấy người khác, được một con. Nay ở góa. Tuy vậy mỗi lần nhắc đến chuyện người vợ nọ, anh C. vẫn cứ mủm mỉm:

- Giờ mà nó lại xin về với đây, thì đây cũng thèm vào!

... Sau mấy ngày quen quen, người con gái nhặt được nọ xuống bếp thổi cơm, xay thóc giã gạo. Tôi hỏi chuyện, được biết chị ở Thái Bình, bồ côi bố sớm, mẹ vừa chết đói. Còn vợ chồng người anh ruột, thì anh chị lại bỏ làng từ hôm mồng bốn Tết đem con cái lên Hà Nội. Nghe nói vừa lên tới nơi thì gặp ngay đảo chính Nhật - Pháp.

***

Buổi trưa hôm ấy ăn cơm xong, tôi chỉ để anh Kim Lân nằm thiu thiu một lúc rồi đánh thức anh dậy uống nước. Tôi lại kéo anh đi chơi. Chúng tôi lên nhà N.G. ở làng trên. Nhưng đi chơi đêm, anh Kim Lân lại càng nằng nặc đòi mai ra Hà Nội sớm. Chao ôi! Chúng tôi đã đi chơi cho nhẹ cái đầu, cho thoáng cái tâm trí, cho vui cơ mà!

Đúng, trên nhà N.G. vui thật. Có đúng hai bàn chắn tổ tôm và một bàn xóc đĩa. Bàn xóc đĩa, là của cả khách ngoài tỉnh và các người lom lem trong làng. Bàn chắn và tổ tôm thì riêng của các cụ chức sắc, từ chánh hội trở lên tiên, thứ chỉ và các ông các bà các cụ chạy loạn về. Toàn những chủ hàng đồng, hàng sắt, và là hàng đồng, hàng sắt buôn bán với Nhật. Kẻ ở Hải Phòng, vừa có cổ phần thầu được cả một cái tàu bị bom Mỹ đánh đắm. Người ở Nam Định nhưng tất cả phủ huyện, Thái Bình, Ninh Bình đều phải mua tôn, mua sắt, mua đinh, dây thép của nhà họ, vì chỉ mỗi nhà họ là còn những vật liệu kia. Người ở Hà Nội lại đứng ra mua cho một hãng độc quyền của Nhật các thứ đồng vơ vét của các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn... Tất cả đều là họ nội, họ ngoại dây mơ rễ má của nhà N.G.

Nhà N.G vừa mới làm xong to như một cái đình và cái đình toàn cửa kính, cửa chớp, cửa sắt. Dập dìu trai gái, con cháu, cháu con. Chỉ nguyên cháu con trai gái của họ nhà N.G. và những công tử, tiểu thư cũng của các tay buôn đồng bán sợi ở làng Đồng Xá bên cạnh, đưa nhau đi chợ ăn quà thôi, cũng đủ làm cho cái chợ Nôm mẹ tôi bán nón ấy đông vui hay tẻ vắng. Và có thể thấy đây đúng là đại diện tất cả tai to mặt lớn những phố Hàng Đồng, Hàng Sắt của Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương kéo về hai làng nọ, cùng với các giống quan từ tham phán, đốc tờ, đốc học đến quan hường, quan án, quan tuần... ở hai cái làng đồn rằng được đất được hướng đình nọ.

Chúng tôi thấy không thể nào bắt chuyện thêm được với N.G. sau khi được N.G. đưa đi xem cái giang sơn cảnh thổ của y về ẩn dật, cũng như chúng tôi không thể nào ngồi yên, đứng yên lấy một hai phút giữa những đám người nọ. Cũng như chúng tôi không thể nào cười lấy một tiếng, dù chỉ là cái cười gọi là cười xã giao. Nhưng rồi anh Kim Lân cuối cùng cũng phải cười. Lại cái cười ngượng nghịu và cái giọng đà đặn anh Kim Lân bắt tay từ biệt N.G. - một nhà văn quyết tâm đi về với "đất", với "người", với "thuần hậu nguyên thủy", lúc nào nét mặt cũng thê thảm và đăm chiêu suy nghĩ, vì bất đắc chí, vì mải mê theo đuổi những dự định, những công trình, những tác

phẩm thật lớn, thật sâu, thật "bác ái", "nhân đạo", "xã hội". Và thật vì nghệ thuật trên hết!...

Trong khi đi đường rồi sau bữa cơm chiều, uống nước nói chuyện với nhau, tôi ngoài miệng vẫn vui đùa cười ngất với anh Kim Lân, nhưng trong bụng, trong tâm, trong trí càng như lửa đốt. Anh Kim Lân đã lấy ở bị ra cuộn bản thảo. Một tập khá dày. Chữ anh Kim Lân vốn đẹp, giờ chép lần chót đưa xuất bản lại càng như một thứ chữ in. "Đôi chim thành", đúng như là chữ khắc ở ngoài bìa với tên tác giả.

"- Ông Lân ơi! Đây là giờ phút tôi nhận đứa con đầu lòng của ông đây. Tôi sẽ đi điều đình sao để ông có tiền, những cũng chính là để ông có sách. Ông mới chơi với tôi, thân với tôi ngay, điều đó thật thú. Nhưng ông còn là đồng chí của tôi nữa, của chúng tôi nữa. Sách của ông mà ra được thì bên cạnh những Nam Cao, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng..., - Văn hóa cứu quốc lại có thêm một sự đóng góp, một sự hoạt động. Một đóng góp hoạt động nhỏ nhặt thôi, nhưng thật là cần là quý trong lúc này, chống lại cái nền văn hóa thối nát, quái gở, phản động và phản cách mạng đang hoành hành. Đây cũng còn là cả một nguồn cổ vũ cho ông một khi ông đã được tiếp xúc với quần chúng, tìm thấy ở đây thêm sức mạnh và niềm tin mà bước nữa bước nữa làm nghề văn. Chao ôi! Một đứa con đầu lòng, một tập truyện đầu tay, một công tác. Một tập truyện đầu tay, một công tác, một chứng nhận hoạt động của một ngòi bút trong đội ngũ cách mạng. Và một gì nữa nhỉ? À, một món tiền để ông sống, để nhà văn trẻ có cái tên là Kim Lân mà chẳng ai biết là mô tê răng rứa gì kia sống với bà vợ bị chồng ăn lậm vào hết cả cái tay nải hàng vải vốn liếng đi vay mượn của người ta".

Đêm ấy hai chúng tôi lục sục đến khuya. Gà vừa gáy thứ nhất chúng tôi đã dậy, uống vội vàng mấy chén nước rồi thu xếp ra ga.

- Anh Hồng ơi! Sao lại còn nằm cơm thế kia?

Nghe anh Kim Lân khe khẽ gọi, tôi liền giật ngay lấy nắm cơm vợ tôi đang nén nén trong cái khăn mặt ướt. Thì vợ tôi lại giật ngay lại, xúc thêm bát nữa nắm vào. Tôi lại cười ngất bảo vợ tôi:

- Hai ông Bách lý Lân - Hồng với nắm cơm đi làm sự nghiệp đây; chỉ tiếc không có con gà mái ấp để giết làm cơm tiễn chân.

Nắm to cơm nếp, thổi với chỗ gạo để riêng nấu cháo cho thằng con tôi, còn kèm một gói muối vừng cũng gói bằng lá chuối hơ lửa. Chỗ lương ăn đường lên Hà Nội của chúng tôi này lại bọc thêm hai lần giấy báo bỏ trong cái bị lúc trước cất bản thảo. Anh Kim Lân đeo bị, tôi xách cái cặp đựng tập bản thảo sửa sang vuốt ve rất đẹp. Sương vẫn mù mịt. Gió ngăn ngắt. Tiếng gà gáy ran. Tôi vào buồng hôn thằng con, dặn dò thêm cả nhà.

- Chừ thương, thì thương, hai ông Bách lý Lân - Hồng không bao giờ quên được nắm cơm nếp to và ngày ra đi này đâu!

Anh Kim Lân và tôi cùng cười ra cổng.

***

Hình như chuyến tàu hôm ấy đến Hà Nội sớm quá. Chúng tôi xuống ga Đầu Cầu. Ngay khi tàu đến Gia Lâm và qua sông Cái, tôi đã ngạc nhiên vì sự vắng lặng một cách lạ của buổi sáng gần Hà Nội.

Người lên xuống ga Gia Lâm chỉ loáng thoáng. Còi thét lần thứ hai, chuyển bánh xình xịch, trước sân ga chỉ có mỗi người phất cờ, gió thổi phần phật quần áo, mặt mày như nhuộm chàm. Cầu sông Cái thì lào thào mấy người gồng gánh và kình kịch mấy cái xe bò người kéo chở toàn khoai khô sắn khô. Giữa bộ khung cầu đen lạnh nổi lên giữa vùng trời, mây, sông, nước, bến bãi xa hút vắng tanh, tất cả những hình dáng người và vật kia cứ như đi ra từ một cõi hồn ma bóng quái nào ấy. Cũng có mấy túm chiếu buộc đầu, hai

chân lẳng khẳng, đã lừ đừ ra đi nhưng không phải sang Hà Nội mà lại ở Hà Nội sang phía Bắc Ninh. Nếu người ta không lầm thì mấy đống chiếu, đống bao tải ở mấy quãng đường rộng khuỳnh ra trên cầu và ở mé bực lên xuống bãi cát là của người chết. Vì không thấy "nó" nhúch nhích gì cả, còn khi có người đi qua thì cố dạt về một bên, rảo bước.

Ga Đầu Cầu cũng vắng quá. Ngay khi chúng tôi ở cửa soát vé ra, đã thấy chỗ này một đống chiếu, chỗ kia một đống chiếu. Có những đống dề dề ngay cạnh những vũng cứt đái vỏ ốc và còn nguyên các mảnh nồi, ống sắt gỉ, gáo mẻ, quần áo thắt dây buộc túm, cũng với hoặc một đứa bé, hoặc một ông già bà già ngờ ngạc ngồi bên đã thiu thỉu thiu thỉu. Rác rưởi ngập lên. Mặt trời còn chìm lạnh trong sương mà ruồi nhặng đã rào rào vo vo.

Đầu quãng đường lối vào đằng sau chợ Đồng Xuân lại càng nhiều người chết. Đống thòi đầu, thòi chân; đống người còng queo gày đét vẫn ôm bị; đống mẹ con co quắp ôm nhau.

"- Sao lại nhiều người chết đói, nhiều cảnh chết thế này?"

Mấy lần tôi định cất lên thành tiếng hỏi anh Kim Lân. Nhưng tôi nghĩ tôi chỉ thốt lên một câu thôi, thì tất cả sự đóng kịch của tôi sẽ trớ ra. Nghĩa là anh sẽ thấy tôi đang suy tính ghê lắm với cả một sự lo lắng và thất vọng nữa. Khó khăn... khó khăn!... Cảnh đói đã đến thế này thì cái công việc chúng tôi đang chạy vạy rất có thể...

Thì ra những chuyện mà tuần trước sau khi đi cất hàng về mẹ tôi đã kể cho hết bà hàng xóm này đến cụ hàng xóm khác, hết khách đến chơi này đến khách đến chơi khác, đều là những chuyện có thật và là những chuyện sẽ chẳng thấm gì với những chuyện đang tiếp diễn và còn tiếp diễn nữa! Những chuyện mẹ tôi đã kể bằng một giọng và bằng những dáng vẻ, tình, ý mô tả cứ ngày càng lâm ly, thống thiết và lạ lùng về những người chết đói ở Hà Nội ấy, nhiều lúc đã làm tôi phải gắt hay thét hẳn lên, kêu xin mẹ tôi đừng kể nữa.

Nào là chuyện mẹ tôi trông thấy ở bờ hồ Gươm dưới gốc đề đền Bà Kiệu có một người đã chết mà thằng con bé cứ trằn trên bụng, trên ngực kéo vú ra nhay. Nào chuyện ở sau chợ Đồng Xuân người ta bắt được hai con chuột, thoạt tiên tưởng là hai con lợn dũi, gần đấy có một cái hang thấy cả đầu lâu và đùi trẻ con...

- Ông Lân ơi! Chúng ta phải ăn cái gì chứ.

- Ông có đói thì ăn, tính tôi không hay ăn vặt!

Chúng tôi đi trên đường bờ sông. Gió thổi như bão. Mấy lần cái nón cầm ở tay anh Lân bị giật tung lông lốc trên hè. Anh vẫn xách cái bị. Tôi liếc mắt nhìn càng thấy mặt anh đăm đăm. Cuộc bàn định lần chót của chúng tôi bước đầu đã dứt khoát rồi. Tôi sẽ chỉ đưa Đôi chim thành đến ba nhà xuất bản đã in sách của tôi trong đó có một nhà là cơ sở của Văn hóa cứu quốc. Nhà xuất bản Mới. Nếu như hai nhà xuất bản kia không được thì mới đến nhà Mới. Vì để tránh dồn bản thảo anh em ở đây. Cũng vì vốn liếng và sự khó khăn của nó tôi đã rõ hết. Ngay từ tập Ngọn lửa của tôi đã qua được Sở kiểm duyệt, và tập Tạp văn của anh Đặng Thái Mai phát hành đã hơn ba tháng rồi, mà việc ra Ngọn lửa vẫn chưa chạy được nhà in. Còn tiền, hình như khoản tạm ứng bản quyền tác giả cho tôi, anh T. đứng ra quản lý nhà Mới sau đây cho tôi biết là đã phải lấy cả món tiền để may chăn cưới của vợ chồng anh giấu mẹ mà đưa.

Chúng tôi đã đi một vòng từ phố Hàng Chiếu qua các đường Hàng Ngang, Hàng Đào, xuống phố Huế, lên nhà ga, qua phố Cửa Nam, phố Đường Thành, phố Hàng Bột... rồi lộn về trước chợ Đồng Xuân. Cứ mỗi lần tôi đem Đôi chim thành vào nhà nào, thì anh Kim Lân lại đứng chờ tít đầu ngã tư hay một xó hè gần đấy. Không những tôi đến ba nhà nọ, mà còn vào bốn, năm nhà bạn thân, chỗ quen biết chắc chắn và rất tốt, để bàn định thêm về việc xuất bản Đôi chim thành.

Đã mười giờ. Tiếng xe điện rít lên càng lọng óc! Nhưng mặt trời vẫn vàng

vàng, nhòa nhòa. Mây đùn như khói trên các tầng, các nóc nhà hàng phố chất ngất. Trông nhiều nhà như bỏ hoang hay có người điên bị giam giữ, người ốm yếu bại liệt đang hấp hối. Các cửa hàng tạp hóa vải lụa to nhất ở Hàng Bông, Hàng Đào, Hàng Bồ cũng xào xạc, người bán cứ ngồi vêu ra. Có vẻ tấp nập nhất vẫn là ở Hàng Buồm với mấy hiệu cao lâu Mỹ Kinh, Đông Hưng Viên và hàng cơm tám giò chả. Nhưng đây lại nhiều ăn mày hơn cả. Chỗ này một người nằm mắt đã nhắm nghiền, chỗ kia một người nằm mắt đờ ra. Chẳng còn ai để ý đến.

Ầm ầm ầm... những xe cam nhông sơm xám của nhà binh Nhật, cái chở đầy rau, đậu, gà, vịt, trứng, chuối, cái che kín vải bạt không hiểu chở gì, cái lố nhố những lính cầm súng nét mặt ngơ ngác, ngây thộn, thỉnh thoảng lại lồng qua đường như để làm giảm đi cái không khí hoang mang, ngao ngán, tan rã của giữa Hà Nội vừa qua một biến cố "trọng đại và lịch sử"!

... Đi chớ để hình bóng

Nỗi nhớ thương em ở bên lòng...

Xa nhắn nhủ thời gian

Đem đến trả... a, a, a... tình quân...

Tiếng sáo rền rĩ với một giọng hát tã tượi thỉnh thoảng lại nhói lên từ một ngã tư, một đầu đường vẳng tới.

- Anh Hồng ơi! Tôi về ngay phủ Từ thôi.

Tiếng anh Kim Lân nhỏ nhẹ bỗng làm tôi choàng hẳn người:

- Sao lại thế? Anh hãy cứ ở đây với tôi đến ngày mai. Để tôi chạy hỏi thêm, xoay giở thêm cho anh.

- Thôi anh ạ, anh cứ để tôi về. Tôi cũng hiểu tình thế bây giờ nó thế nào. Viết đã khó, ra được sách lại càng khó. Nhất là quê mùa thật thà như kiểu viết sách viết của tôi.

Tôi cười:

- Không! Anh nên ở đến ngày mai.

Kim Lân cũng cười, tay cứ xé xé giựt giựt miếng giấy dầu bọc bản thảo lòi thòi trong bị. Anh cúi mặt, cười không bằng miệng mà bằng cặp mắt nhoi nhói ánh ánh:

- Anh cứ để tôi đem Đôi chim thành về. Rồi đây xem xem có nhà xuất bản khác nào tử tế, tin cậy được...

Tôi như nghẹn:

- Không! Không đời nào tôi cho anh cầm bản thảo về. Tôi nhất quyết tìm mọi cách để anh có sách ra. Còn tiền, nếu như bây giờ không đưa bán ngay được bản thảo của anh, thì tôi đi vay một nhà xuất bản khác. Tôi vay tiền ký cược bằng bản thảo của tôi.

Hai chúng tôi đi vòng sau chợ Đồng Xuân đến ngõ Hàng Bạc. Đã mười một giờ. Phải ăn chứ. Dù không thấy đói cũng phải ăn chứ. Ngõ Hàng Bạc có một hàng cơm đầu ghế ở bờ hè. Chúng tôi đã toan ngồi xuống hỏi mua thức ăn để ăn với nắm cơm vẫn xách trong bị kia. Nhưng anh Kim Lân vội giật giật cánh tay tôi:

- Đừng! Đừng anh Hồng ạ! Cơm nhà có muối vừng rồi.

Thế là chúng tôi đặt cái cặp lên một gờ cửa của rạp Hàng Bạc, giở nắm xôi gói muối vừng ra bẻ chấm ăn với nhau.

"Đi chớ để hình bóng..."

Tiếng sáo, tiếng hát rền rĩ tã tượi đi qua hắn chỗ chúng tôi với một người mù đeo thùng chống gậy bán lạc rang.

- Ông ăn đi, ông ăn thêm đi...

- Kìa sao ông lại bẻ cho tôi miếng to thế này.

Vừa ăn tôi vừa cố kéo dài cái phút gần gụi nhau và cũng là cái phút quyết định của một việc thứ hai: mua vé tàu và có tiền cho Kim Lân về quê. Sở dĩ anh Kim Lân không để tôi mua thức ăn của hàng cơm đầu đường nọ, một phần vì sợ cảnh ăn uống bị coi là bệ rạc, cỏ rả, một phần vì biết trong người tôi cũng không còn tiền. Nghĩa là hai chúng tôi nếu vét túi nhau thì may ra chỉ đủ một suất tàu cho một người thôi. Bởi vậy anh cũng ăn chậm, cũng bịn rịn như tôi.

Chợt Kim Lân choàng lên:

- Ông Hồng, ông bảo vào hiệu vàng làm gì?!

Tôi nhắc lại câu nói và ấn vai Kim Lân xuống:

- Anh cứ ngồi đây, cẩn thận cái cặp nhé. Để tôi vào hàng vàng này vậy.

Anh Kim Lân vẫn sững sờ, cặp mắt nhoi nhói của anh chau hắn lại mà nhìn tôi.

- Tôi còn cái mặt nhẫn. Cái nhẫn cưới của chúng tôi. Vàng thì nạy bán từ ngày bỏ vốn làm ban kịch Hà Nội với tiền bỏ ống của vợ Như Phong và các anh đấy. Còn cái mặt, vợ tôi định đem bán từ ngày thằng Hà của chúng tôi được ba tháng.

Kim Lân nắm như ghì lấy cánh tay tôi:

- Ông đừng làm thế!

Tôi lắc đầu cười:

- Đằng nào tôi cũng phải bán. Nhà tôi nuôi con bú mà ăn bã cháo thì...

Tôi bước đánh sầm vào cái hàng vàng bên cạnh nhà mụ Bé Tý. Không đầy năm phút tôi trở ra. Cái mặt nhẫn bằng ngọc đá xanh ấy chỉ được có bảy đồng, nhà hàng bảo như thế là mua giúp cho tôi, trả cho cái giá thật đặc biệt đấy! Bảy đồng! Gạo phiên hôm qua lúc anh Kim Lân và tôi đi chơi chợ, bán đúng sáu đồng một đấu.

... Đôi chim thành không ra sách. Tập bản thảo sau đấy mấy tháng anh Kim Lân đã lấy về, cứ xé dần để mất dần. Phải! Xé dần đi, để mất dần đi còn hơn bán nó một giá quá vòng tử, anh Kim Lân ạ. Nhất là bán nó cho những nhà xuất bản cho những tên lái sách chúng buôn bán tên người và chữ viết như buôn nhà bán đất, như buôn đồng bán sợi, như buôn thóc bán gạo lúc bấy giờ. Thà xé dần đi, để mất dần đi còn hơn phải bán ngòi bút, bán trái tim, bán linh hồn. Cũng như thà đói cơm đói cháo để mà giữ vững ngòi bút trái tim và linh hồn không bị ngập, bị chìm lầy lụa trong sự gian dối, hèn hạ, ô nhục. Nhất là không phải bán thêm cả trái tim linh hồn vợ con mình, thấy cả trái tim và linh hồn vợ con mình cùng bị ngập bị chìm, lầy lụa trong sự gian dối, hèn hạ, ô nhục. Chúng ta phải giữ nhiều điều, nhiều việc, nhưng mà việc trước nhất, việc trọn vẹn trong lúc này là phải bảo nhau giữ ngòi bút...

Tôi đưa Kim Lân ra tàu. Chiều hôm ấy tôi đi tìm Nguyễn Huy Tưởng. Tôi lại nghe Nguyễn Huy Tưởng mê ly nói về Jean Christophe (Giăng Cờ-rít-tốp-phơ). Tôi lại ân hận đã để ông Kim Lân nhà tôi về quê.

3. GÁC NGUYỄN HUY TƯỞNG

Ngày.... tháng... năm...

... Tôi rất giận Nó, ghét Nó nhưng mà cũng thật là thương Nó, thật là quý Nó. Cái mặt Nó thì bệu ra, khinh khỉnh và lỳ lỳ. Khi Nó bực tức, chán ngán cũng như khi Nó gắng gỏi mê say.

...

Ngày... tháng... năm...

... T. ơi! Càng nghe mày chuyện, càng thấy mày viết thì tao càng phải nghĩ ngợi. Mày mà chuyện thì thật là thông kim bác cổ, chi li cặn kẽ, và sao mà sinh động, cuốn hút? Nhưng khi mày viết, tao đọc mấy cái của mày thì thấy sao mà nghèo nhạt.

Tễnh toãng, cứ trơ ra như đất thó ấy! Không thể nào tao không nói thật với mày điều này. Nhưng nếu đã nói thì nói như thế nào với mày? Và tao nói làm sao được ra lời khi thấy mày ngồi viết như cắn lấy bàn, bắt vít vào ghế, nặng nhọc và cực khổ và chịu khó phải nói là vô cùng kia! Ơi T.! Ơi T....

Ngày... tháng... năm...

Ông "Tônxtôi" của tôi ơi! Ngày mai thì nhất định tôi phải bắt ông viết giấy thật là thúc bách và tàn nhẫn để tôi đi lấy tiền cuốn sách ấy về cho ông! Ông mà cao quý và thương yêu và rộng rãi cả với những con buôn chủ hàng sách và xuất bản như thế... thì xin phép ông, tôi phải gọi là thằng ngố! Và lúc này đây, ngần ấy tiền mà để ỉm đi, lờ đi, thì ông còn là một thằng khốn nạn nữa!

(Trích nhật ký)

... Như thế là tôi đến ở với Nguyễn Huy Tưởng.

Ông bạn thư ký nhà Đoan người chậm chạp vừa kỹ tính và cũng vừa dễ dàng của tôi này, không đi ở trọ và ăn cơm hàng nữa. Anh đã hỏi thuê được

nhà. Đó là một tầng gác rộng có thể vào loại sang thời bấy giờ, ở một phố khá sạch sẽ, im ắng, phần đông gồm các công chức hạng trung: phố Pescadore nay là Phù Đổng Thiên Vương. Anh lại được cấp sổ gạo, nhưng vợ con cũng chạy loạn về mãi tận cái huyện gì của Thái Bình ấy, chỉ ngày Tết anh mới về thăm nhà ngoại và cũng chỉ chân trước chân sau là biến ra Hà Nội.

Nguyễn Huy Tưởng vốn đã vụng nên lại càng ngại công việc lo chạy ăn uống bếp núc. Vậy tôi xin làm chân nấu bếp cho ông ta vậy.

Giang sơn của Nguyễn Huy Tưởng chỉ có một cái giường ở nhà trọ. Cái giường cưới. Như tôi đã giới thiệu, anh vốn kỹ tính nên không thể nằm chạ giường và là giường xoàng xĩnh của nhà chủ. Vừa phần anh cũng muốn giữ lại hơi hướng của vợ con, đồ đạc kỷ niệm duy nhất của gia đình phải xa rời ấy! Cũng không ngại. Cố nhiên là tôi không ngủ chung cái giường bát bảo ấy của ông ta. Còn như cái giường cũ kỹ và cũng xoàng xĩnh của tôi nó không xứng kê song song với cái giường của ông trên một mặt sàn đá hoa, giữa một tầng gác bốn bề cửa kính và cửa chớp sáng choang ban công trước, ban công sau mở ra thênh thoáng, thì tôi xin bao sạch một góc, nằm "đất" càng mát.

Sang tháng ba ta rồi mà!

Rồi đến việc ông ta viết khó khăn. Ông ta không thể như tôi ngồi chỗ nào, ngồi cái gì cũng viết được, thì tôi xin nhường ông bộ bàn ghế lịch sử của tôi ông hãy tạm dùng mà làm cái việc thiêng liêng, khẩn thiết là sáng tạo kia.

Chỗ này ở một góc nhà, xê xế trước mặt là cửa trông ra ban công, ánh sáng và gió mát lùa đúng vào mé tay trái. Phía mé lưng cũng lại có đủ cửa kính cửa chớp. Tôi đã bê hàng bốn năm chậu nước, bao đi bao lại cả bên trong bàn và lùa dây thép cạy từng khe từng kẽ cho hết những cáu bụi của mấy năm két lại. Chính vì thế, lần véc ni đã bợt nhợt lại càng bợt nhợt hơn. Tôi đã luống cuống cười bảo Nguyễn Huy Tưởng:

- Chỉ cốt thật sạch thôi ông nhỉ! Mất cái màu nhếnh nhoáng hàng mã kia đi, trông cái bàn lại hóa ra đẹp đấy!

Cái ghế của tôi mặt mây đan bị trũng bị thủng cũng sửa sang lại. Tôi đi xin những dây đàn hỏng ken lại. Chưa đủ, tôi còn tìm những đinh đồng dành cho va li mà đóng vào những chỗ mộng hơi chệch chẹo và những đường nép mặt ghế. Đã cầu kỳ và công phu đến vậy, tôi vẫn thấy bộ bàn ghế của tôi nó lạc lõng thế nào ấy ở cái nhà gác quá ư là sang đối với tôi này. Nhất là lại trông sang gác nhà bên kia. Đây, nào giường lò xo, nào tủ gương, nào bàn đánh phấn, nào tủ sách. Lại còn không biết bao nhiêu thứ đồ lịch sự quý giá khác: đèn bàn, lọ hoa, bình cốc pha lê, với các thứ khăn, các thứ màn, các thứ diềm đăng ten. Cảnh sống còn phong lưu sang trọng hơn cả mấy nhà giàu và công chức cao cấp có tiếng ở khu này.

- Mặc kệ cha chúng nó!

Có lần tôi ngượng nghịu định khép hai cánh cửa mở trông sang bên đó, thì Nguyễn Huy Tưởng hất hàm, lừ lừ cái mắt, bều bễu cái miệng bảo đừng. Rồi cái mặt nặng trịch ấy càng nặng trịch thêm trước những trang bản thảo có ngày chỉ nhích được mấy dòng nhưng cuối cùng lại gạch xóa hết.

Tuy lĩnh lương tháng gần một trăm đồng nhưng cả Nguyễn Huy Tưởng và những người cùng sở gần như không phải làm việc gì... ngoài cái việc hai buổi đi đến sở ngồi hút thuốc, chuyền đọc nhau nghe các thứ báo, kháo với nhau các thứ tin tức và tán các thứ chuyện trên đời với nhau rồi về. Riêng Nguyễn Huy Tưởng và mấy tay đồng sự có tiếng là bạt mạng, coi trời bằng vung, không cần sếp siếc gì cả ngay thời kỳ còn dưới quyền Pháp, nay lại càng bây bửa. Trước còn hai buổi đi chậm về sớm, sau chỉ láng cháng một lúc cho có mặt. Sau bỏ hẳn một buổi, rồi tiến đến nghỉ cả ngày luôn mấy ngày ở nhà.

Tấn tuồng đảo chính Nhật Pháp diễn ra đã được hơn hai tháng. Nội các bù

nhìn Trần Trọng Kim với các thứ bộ các thứ giám đốc và các thứ tỉnh trưởng của nó chỉ thấy hoạt động bằng lưỡi. Và những cái lưỡi này chỉ liếm láp nhiều hơn là nói, dù là nói thiên hô bát sát, hứa nhăng hứa cuội, phét lác ba hoa các thứ nào tự do, độc lập, kinh bang tế thế, trị nước an dân, và quốc gia nòi giống... trong khi người chết đói lại càng đầy phố, đầy chợ, đầy đường. Và càng đầy đường, đầy chợ, đầy phố người chết đói, thì cái không khí tan hoang, ngao ngán chán nản và chờ đợi ở các sở các bàn giấy, các dinh, các tòa, các nơi các chốn của cái gọi là "nội các" là "chính phủ" càng nhão ra, xác ruỗng, thảm hại không thể nào tưởng tượng được.

Đã mấy lần, chẳng có việc phải liên lạc gấp với Nguyễn Huy Tưởng, tôi cũng đạp xe vào tận cửa bàn giấy anh, hất hàm nháy mắt cho nhau rồi thủng thẳng đi ra Bờ Hồ chơi.

Sổ gạo của Nguyễn Huy Tưởng có hai suất, cứ như sức tôi ăn thì thiếu, nhưng Nguyễn Huy Tưởng khảnh ăn, mỗi bữa chỉ vài lưng bát. Thứ gạo chở từ Sài Gòn ra và đã tích trữ từ mấy năm nay ở các thứ kho, vừa nấu chín xong đơm ra bát một lúc là hết hơi, khi nhai cứ thấy hình như là một thứ cám bột gì hôi mốc. Cũng vì thế tôi phải ăn cố. Cũng vì thế, tôi càng phải xoay xở làm món ăn sao cho bữa cơm được ngon miệng, dù chỉ có rau muống, cà chua, đậu phụ hay thỉnh thoảng có được mớ cá, lạng thịt.

Nhà gần ngay chợ Hôm nhưng tôi đã đạp xe đi các chợ Mơ, Ô Đống Mác, Ô Chợ Dừa, mua thức ăn và mua cả củi đóm nữa. Tất cả đều xếp vào một cái làn đặc biệt và bọc giấy dầu trông cứ như một gói đồ gì lĩnh ở nhà dây thép về hay vừa sắm sửa để đi biếu. Tôi thổi cơm, làm thức ăn trong buồng tắm. Những bữa nào chỉ có muối vừng và luộc rau, lấy cà chua dầm nước mắm, thì người ngoài thấy như chúng tôi không thổi nấu ăn uống gì cả.

Lúc trước, con mụ ở gác bên kia còn luôn luôn trông sang chỗ chúng tôi. Sau chỉ khi nào ra ban công nó mới đưa mắt nhìn trộm. Cuối cùng nó đóng bịt cái cửa phía đó lại. A! Cái con mụ lúc nào cũng như sắp đi dự tiệc hay đến

Nhà hát Tây để xem kịch này! Không bao giờ tôi thấy nó không quần áo nguyên nếp là, không phấn sáp, và không có cái vẻ sửa soạn để đón tiếp hay hẹn hò ai đấy. Nghe nói vợ chồng nó làm cho Nhật. Làm cái gì chỉ vợ chồng nó biết. Cái thằng chồng đã đỗ bằng tú tài toán, người gầy đét, da mặt xanh mét, cũng không lúc nào không quần áo như đóng khung, mặt mày đầu tóc mướt bóng. Và cũng không lúc nào nó giữ được một vẻ đàng hoàng tự nhiên, nếu không xun xoăn nhún nhín, thì lại hầm hầm, bầm bầm nét mặt bên cạnh con vợ cũng gầy yếu, cũng chải chuốt, nhưng cứ hơn hớn hừng hừng một cách rất có ý thức, thành nếp thành nghề rồi vậy.

Hai vợ chồng nó có một con, nhưng trong nhà đủ cả vú em, con sen, kéo xe, và tất cả những kéo xe, con sen và vú em kia chỉ biết có con mụ vợ là chủ. Cũng như nhiều lúc nó cười nói, hỏi gọi người kéo xe của nó tuy vẫn hách dịch nanh ác, nhưng lại thấy có ý tứ và thân mật hơn cả với chồng vậy.

Nhiều buổi, bữa cơm đã dọn ra phòng ăn ở dưới nhà rồi, la liệt các thứ món, các kiểu xào rán, ninh nấu, nhưng lại đậy lồng bàn. Sau đó quá trưa hay tối khuya, con vợ mới đi xe nhà về. Hai vợ chồng ngồi ăn với nhau như hai con thú, một con thì thỏa thuê khinh mạn, một con thì bất lực, chịu thèm, chịu nhục!

***

... Đã hết tháng ba sang tháng tư rồi. Những gánh vải đỏ mòng, và các thứ dưa gang, dưa chuột đã thấy đi bán nhan nhản ở các ngả đường. Những người ăn mày và chết đói ở Hà Nội vẫn đông vẫn nhiều, nhưng dù sao đến bấy giờ cũng thấy vãn. Có nơi đã gặt lúa chiêm. Gạo cũng hạ xuống một tạ được năm chục, bảy chục rồi một trăm đồng. Nhưng trên đường ra chợ Hôm, hay lên các chợ Đồng Xuân, Cửa Nam, Hàng Da vẫn đây một xác chết, kia một xác chết, và đây mấy mẹ con, kia mấy đứa bé hay một ông già, một người bố ngắc ngoải. Kẻ sống và thây ma vẫn lẫn lộn nằm ngồi với nhau.

Cái không khí đói kém cùng kiệt vẫn kéo dài này càng thêm ngột ngạt. Bởi vậy càng chạy công việc, càng hoạt động, phải lo lắng bận rộn, tôi càng thấy thênh thoáng đầu óc. Trái lại càng cắm vào những trang bản thảo, tôi càng thấy khó viết quá. Nhất là lại càng thấy nhớ nhà, thương nhà vẫn đang phải lần hồi từng đấu gạo, từng mẻ khoai, ở nhờ trong xóm đạo cạnh cái ga nhỏ Đồng Xá heo hút bên đường tàu hỏa Hà Nội - Hải Phòng kia.

Gác chúng tôi gần ngay chợ Hôm. Những buổi đi chợ mua vội mấy mớ rau muống hay mấy quả cà chua, tôi đã để ý một đám trẻ. Trong đám này có những đứa nằm rù ra, có những đứa trông vẫn tỉnh táo cười đùa với nhau, tuy chúng đúng là chỉ còn da bọc xương, và là thứ da mốc mác đen sạm. Một đứa làm tôi chú ý hơn cả vì lần nào cũng vậy, tôi đi qua đều bắt gặp nó nhìn tôi như cười cười. Thằng này cũng gầy tóp, đầu tóc nó cũng chỉ còn lơ phơ như tóc cò, da đầu mốc sần lên có chỗ đóng vẩy rồi. Nhưng từ quần áo đến gương mặt nó không tả tơi, bẩn thỉu, lem luốc quá như chung quanh. Đặc biệt là gương mặt nó, một gương mặt có một vẻ hiền lành và thông minh của một trẻ đã được ăn học vậy.

Nhưng tại sao nó cứ nhìn tôi và chỉ cười cười, chứ không hỏi xin tiền xin ăn gì cả? Hai lần, ba lần, rồi bốn, năm lần. Một hôm, vào khoảng gần mười giờ sáng, tôi lại đến cái hàng rau dưới gốc cây gần chỗ đám trẻ này tụ tập, vừa mua xong quay ra thì giật mình vì tiếng chào:

- Lạy cậu ạ!

Đúng cái thằng tóc cò, da đỏ sần và gương mặt nhỏ nhắn tươi tỉnh ấy chào tôi, và đến hẳn trước mặt tôi.

"- Thôi! Lần này thế nào mình cũng phải cho nó tiền rồi. Mà không chỉ năm ba xu thôi! Ít ra cũng phải một hào! Nó để dành đến bây giờ mới xin mình đây!"

Phải, thằng bé ấy đã đến trước mặt tôi, hai tay nó khoanh lại, cúi đầu đúng như một học trò lễ phép trước khi thưa gửi. Mắt nó chớp chớp, lại nhìn tôi như cười cười:

- Cậu mua rau về làm bữa ạ. Thưa cậu để con về thổi cơm hầu các cậu.

Chính là tôi luống cuống. Tôi luống cuống không phải vì cái tình huống đột ngột này. Đúng là mấy lâu nay, khi bắt đầu nóng bức tôi đã thấy ngại việc đun nấu. Không phải vì vất vả. Vất vả gì một niêu cơm, một xoong rau đánh giấm cà chua và ít vừng rang với củi đóm khô chẻ sẵn sàng và vòi nước máy ngay bên cạnh?! Tôi ngại vì đang viết và khó viết quá như đã nói trên kia. Lẽ nữa, tôi có thói quen là không viết được thì thôi, chứ đã viết hay đang viết được thì phải viết cho xong một đoạn, một quãng cũng như một chương vậy. Khi ấy, tôi phải giữ lúc nào đầu óc và mặt mày cũng mát mẻ, nhẹ nhàng. Bởi vậy, trước khi vào viết, tôi phải nằm hàng giờ vừa để tập trung tinh thần, vừa quạt cho ráo rẻ mát mẻ, rồi vào đánh vật với chữ, tới lúc nào thấy đầu đã nặng, đã nóng và mặt mày đã hừng hừng là phải thôi ngay.

Chao ôi! Như thế mà phải bỏ ra hơn một giờ hay hai giờ, dù là một giờ hay hai giờ làm cái việc không nặng nhọc, chật vật như việc viết kia. Nghĩa là chỉ phải thổi phù phù cho lửa cháy... phải lấy đôi đũa cả ghế cơm... phải đun nước luộc rau... phải ngồi canh bếp cho cơm chín, rau chín... cuối cùng phải sắp bát đũa chờ nhau ăn cơm! Mỗi ngày hơn ba giờ, một tuần hơn hai mươi giờ. Rồi một tháng mất đi hơn bốn ngày.

Mỗi ngày mất hơn ba giờ. Mỗi tuần lễ mất một ngày! Mỗi tháng mất hơn bốn ngày... trong lúc tình thế đang chuyển biến sắp đến những giờ phút quyết định, trong lúc phong trào cách mạng đang tiến bước và cũng sắp bùng nổ với những phút giờ quyết định! Mà tôi phải tranh thủ sao vừa hoạt động vừa có được những sáng tác thật tốt thật hay.

- Mày định xin tiền hay xin cái gì?

Tôi đã cất tiếng hỏi, ngoài cả ý muốn của mình. Tôi sắp sẵn tờ giấy hai hào gấp gọn trong túi ngực để cho thằng bé.

- Thưa với cậu, cháu không dám xin gì cậu đâu ạ! Cháu chỉ muốn thưa với cậu, với các cậu, nếu chỗ các cậu bận thì cho cháu về ở, cháu thổi nấu hầu hạ các cậu.

- Sao? Thế nào? Thôi tao cho hai hào đây!

Thằng bé lại cười cười, hai tay vẫn khoanh trước ngực, đầu nó hơi ngửng lên vừa đủ để tôi nhìn thấy ở mặt nó một đôi mắt hiền lành, van lơn cầu khẩn:

- Thưa với cậu, cháu không dám xin tiền cậu đâu ạ! Cháu chỉ dám...

- Thế nào? Thế nào? Mày định về ở với tao, mày định về ở với chúng tao?

- Thưa với cậu xin cậu thương tình mà cho con về hầu hạ các cậu.

Tôi đã toan gắt lên:

"- Im đi! Im ngay đi! Chúng tao là cái thứ người gì mà phải có đầy tớ, có kẻ hầu hạ? Thằng ranh con này! Sao mày không nói thẳng ngay rằng mày về với chúng tao để chúng tao nuôi mày".

Tôi đã nghĩ thế, đã quát thầm trong tâm trí như thế, nhưng không hiểu sao tôi lại ngẩn mặt ra. Và cũng không hiểu tại sao tôi đã buông gói rau cho nó.

Và nó đã chạy theo xe đạp tôi, thở hồng hộc, về cái gác của chúng tôi.

***

Tôi đã phải tìm ngay cái áo sơ mi cộc tay rung rúc chỉ mặc khi đi ngủ và cái quần đùi vải thâm chưa phải vá miếng nào đưa cho nó rồi kéo nó vào buồng tắm:

- Xà phòng giặt ở cái bát sắt, khăn mặt bé của tao vắt ở đinh kia, lấy mà tắm. Nhớ gội thật kỹ cái đầu và vò thật kỹ bộ quần áo của mày rồi để tao tìm chỗ phơi cho. Kìa! Cởi hẳn... cởi hẳn truồng ra mà giội nước đi!

Tôi vừa nhóm bếp, vo gạo, luộc rau, thổi cơm ở ngay cái bếp gò bằng nửa vỏ thùng ét xăng nhỏ cạnh chỗ nó. Có lúc tôi còn lấy gáo múc giội cho nó liên tiếp và cào cào tóc tai, cổ và lưng của nó. Khi tôi ghế xong nồi cơm thì nó cài xong cúc áo và... lạ quá! Đúng là một thằng bé nào ấy tuy run rẩy, xanh xám, bỡ ngỡ trong bộ quần áo rộng thùng nhưng vẫn tinh nhanh, đã lạc lên gian gác của chúng tôi.

Nguyễn Huy Tưởng đã về, lộp cộp đi lên thang gác. Vừa lúc đến cửa buồng, mặt anh thuỗn ra, mắt lừ lừ đảo nhìn qua tất cả cái quang cảnh bất thường và gần như quái lạ bỗng xảy đến với mình. Thằng bé lại khoanh tay cúi đầu:

- Cháu lạy cậu ạ!

Tiếng nó nhi nhí, mặt nó cắm xuống, mắt chơm chớp và hình như nó chỉ chờ một cái hất hàm hay một tiếng hỏi to, là cũng có thể tối tăm mày mặt, hoặc sẽ ngồi sụp xuống, hoặc ngất hẳn đi.

Bữa cơm hôm ấy tôi lại là người chuyện nhiều hơn với Nguyễn Huy Tưởng. Chuyện về nó. Tất cả những sự việc và sự tình tôi đã hỏi nó và nó đã cặn kẽ cho tôi nghe lúc tôi giúp nó tắm gội, lúc nó thay tôi vào đun bếp nấu nước pha chè vừa sưởi vừa chuyện, tôi đều kể lại với Nguyễn Huy Tưởng.

Tên nó là Lê Văn Hậu, quê ở Hưng Yên. Nhà nó có ba sào ruộng và có nghề làm đậu, đổi bún, nhưng đói quá đã phải bỏ làng ra đi (Nó còn cho biết, không kể hai năm học chữ Nho ông bác, nó còn được học chữ quốc ngữ đã gần làm đến tính đố, và cả đứa em trai lớn của nó cũng được đi học). Bố nó chết ở dọc đường số 5. Mẹ nó chết ở Hà Nội. Còn hai em nó nay không biết ở

đâu, đã chết hay vẫn còn sống. Cái hôm nó theo một bọn đi chôn xác, giúp họ và xin được nắm cơm về, thì không thấy hai em, mặc dầu nó đã dặn đi dặn lại "Hai em cứ ngồi ở chỗ này, thế nào tối anh cũng về, anh không bỏ hai em đâu, về anh sẽ về đem cả cơm ăn nữa!".

Sau bữa trưa, đến tối khi đi phố với Nguyễn Huy Tưởng, tôi vẫn còn chuyện với Nguyễn Huy Tưởng về nó. Và tôi phải lựa tất cả những chữ ý nhị nhất để đến cái "nút" này: tôi xin cho nó ở với Nguyễn Huy Tưởng, ở với chúng ta. Cái lý do như lòng thương, tình yêu người, vân vân... tôi miễn phải nói. Mà tôi chỉ nhấn có mấy nét: là nó hiền lành sạch sẽ, nó sẽ chăm lo việc cơm nước cho hai thằng, để nhỡ khi tôi phải chạy việc này, đi chỗ kia, liên lạc và công tác bất thường, thì "Tưởng" không phải chờ "mình", không phải đi ăn cơm hàng, cũng như quần áo thay ra và nhà cửa đã có người giặt giũ sắp xếp cho.

Một điểm nữa và là điểm căn bản: hai suất gạo của Nguyễn Huy Tưởng và tôi ăn sẽ không đụng chạm gì tới. Anh đã nhường gạo của vợ con mình cho tôi, tôi không đời nào dám lạm dụng, mặc dầu nhiều lúc anh lại còn ân cần bảo tôi nên bớt phần của "hai thằng" mà đưa gạo về quê cho mẹ tôi, vợ tôi, con tôi. Như thế, nuôi Lê Văn Hậu tôi sẽ đong gạo ăn thêm. Đã vay được tiền của nhà xuất bản, tôi sẽ... (đến việc ăn tiêu này tôi lại càng phải ý tứ). Suốt ngày hôm ấy Nguyễn Huy Tưởng lại càng ít cười nói. Vẻ mặt lặng lẽ đăm chiêu của anh càng làm tôi áy náy e ngại và cũng càng suy nghĩ yêu thương anh thêm. Về chiều, ăn cơm xong đi chơi, tôi đã cố ý chen thêm vào những phút vui vui, nhưng anh vẫn như giữ ý. Mãi đến lúc gần trở lại nhà, Nguyễn Huy Tưởng mới cười cười:

- Thôi tùy ông, ông thường gọi tôi là Tôn-xtôi, thì nay tôi xin nhường ông cái tên quý trọng kia vậy. Kể ra có người thổi cơm, nấu nước, giặt giũ và quét dọn cho mình, thì cũng đỡ bận đấy, yên trí sáng tác hơn đấy!

Để ăn mừng cái quyết định và sự thỏa thuận này, tôi bảo ngay Lê Văn

Hậu đun nước sôi để pha chè mới. Và tôi ra hiệu Phúc Nguyên trước chợ Hôm mua hẳn hai phong bánh đậu xanh mỗi phong một đồng. Món chi này tôi không tính vào tiền chợ hàng ngày của hai đứa.

Nguyễn Huy Tưởng hất hàm bảo tôi:

- Không! Tôi sẽ trả! Chính tôi phải khao ông! Khao một việc làm nhân đạo, táo bạo của ông. Đặc biệt là khao ông đã có tiền mà là tiền sách!... Ông Hồng! Ngày mai ông phải viết thêm hàng mười trang cho tôi đọc đấy!

Tôi liền quàng lấy vai ông Nguyễn Huy Tưởng đôn hậu ấy, reo lên bằng một tiếng Ăng-lê mà tôi vẫn thường đùa nhại ông ta:

- Tờ rai... tờ rai!... (13)

---

(13) Tin tưởng... tin tưởng...

***

Không những chỉ chiều chiều bốn giờ tôi đạp xe đi mà cả những lúc vào hồi mười giờ sáng. Nhiều buổi tôi quên cả đong gạo và dặn dò làm bữa. Lúc nhận các báo Cứu quốc, Cờ giải phóng, lúc đưa sách báo đến những cơ sở, lúc đi lấy tình hình tin tức, lúc phổ biến công tác và thảo luận về các vấn đề mới... bận rộn cũng có, thong dong cũng có, nhưng đi đâu về cũng có cơm nước ngon lành sạch sẽ chờ mình. Mấy bộ quần áo của chúng tôi thay đổi đều được giặt giũ gấp rất cẩn thận. Đồ đạc chỉ có mấy thứ nhưng không hôm nào không lau chùi. Cầu thang cửa kính cứ sạch bóng, sáng choang!... Gian gác của chúng tôi dần dần có thêm nhiều anh em đi lại. Không kể những anh Hương Đen, Như Phong, Lưu Văn Lợi, Kim Lân quen thân mà còn đón cả những anh Trần Huy Liệu, Khuất Duy Tiến vừa vượt ngục về, trực tiếp liên lạc với chúng tôi.

Một số anh em nhà văn, đến chơi với chúng tôi, ai cũng cho đây là một cái "popote"... lý tưởng. Hai thằng bạn thân, vợ con đều ở nhà quê, có một chú hề đồng chăm lo cơm nước, ăn uống với nhau xuềnh xoàng; có nhiều tiêu nhiều, có ít tiêu ít, chỗ ở riêng biệt, lặng lẽ, mát mẻ; muốn viết, muốn đọc, thằng viết, thằng đọc, thằng đọc, thằng viết; thằng viết, thằng đi làm, thằng đi chạy tiền, chạy việc, thằng ở nhà viết... tùy ý tùy hứng. Chao ôi! Chúng tôi thế nào chả phải cho ra những tác phẩm làm lác mắt các anh em!

Chính vì cái diễm phúc này, nên tôi càng phải dằn tâm trí xuống để không nghĩ gì đến một sự thật tuy nhỏ nhặt nọ. Đó là những bữa cơm mà tôi không thể nào không thấy cứ mỗi ngày một thiêu thiếu. Trước ngày chưa có hề đồng Lê Văn Hậu, thì Nguyễn Huy Tưởng và tôi chỉ thổi có niêu mốt cơm, mà vẫn cứ phải ép nhau ăn cố, và nhiều bữa lại còn thừa hàng bát cơm đầy nguội. Chỉ sau mấy ngày có được cái sự gọi là hầu hạ hai bữa không phải vào bếp, thì Nguyễn Huy Tưởng phải về quê đem ra cái nồi đồng của bà mẹ anh khi còn sống vẫn thổi cho hai mẹ con và cả chó mèo trong nhà ăn. Gọi là nồi hai nhưng là hạng nồi giấu cơm, cả một đấu gạo thổi vẫn đủ. Bởi vậy tôi đã lấy thêm non bát gạo nữa cho mỗi bữa ăn. Cẩn thận hơn tôi tự đơm cơm. Những bát cho Nguyễn Huy Tưởng tôi vừa xới đầy, vừa xới chặt để anh ăn như thường lệ. Còn của tôi, tôi xới nống lên cũng vẫn đầy nhưng chỉ bằng nửa bát cơm của anh. Nghĩa là tôi bớt phần của tôi cho hề đồng, và giữ ý với Nguyễn Huy Tưởng, bữa nào tôi cũng phải làm ra bộ no căng, no tức, no mòng cả bụng.

Trời mỗi ngày một nóng bức oi ả. Nguyễn Huy Tưởng không những chỉ ăn có bữa ba lưng bát mà chính tay Nguyễn Huy Tưởng còn xới bớt, chỉ bằng hai bát mọi khi. Chúng tôi đã ăn đến mức như thế mà vẫn thấy thiếu. Chỗ cơm để lại cho Lê Văn Hậu thường chỉ là hơn hai bát, hay còn đúng hai bát lum lủm.

"Hay gạo mục không nở, thổi hao?"

"Hay đại lý gạo bán cân non? Hay mình mua phải con mẹ ở chợ đong gạo ống cân thiếu?"

Tôi chỉ dám tự hỏi như thế. Và cũng chỉ tự hỏi như thế, tôi càng thấy buồn buồn, hơn nữa, gần như xót xa đau đớn. Thế rồi một hôm mẹ tôi ở nhà quê ra chợ Mơ để cất nón về bán. Bữa cơm ăn xong, chờ lúc Nguyễn Huy Tưởng đi làm và hề đồng đi chợ, mẹ tôi gọi tôi bảo:

- Thằng bé này ở đâu nhặt về nuôi thế?

Tôi gắt lên:

- Ở đâu thì ở! Người nhà anh Nguyễn Huy Tưởng ở trong quê ra thổi nấu đấy! Thôi cụ cứ đi phố mua gì thêm thì đi đi...

Mẹ tôi e hèm một tiếng:

- Thì cứ để tôi hỏi mấy câu nào. Này tôi bảo thật, cái thằng ấy không hiền lành thật thà gì đâu. Bữa nào nó cũng xới một bát cơm đầy, giấu trong bị quần áo của nó đấy.

Tôi suýt hét lên. Nhưng tuy không hét, tôi cũng thấy cổ họng như tắc lại, như khô hẳn:

- Làm sao mẹ tìm thấy cơm? Mẹ biết nó giấu?

Mẹ tôi cho biết, hôm kia mẹ tôi lấy gạo thổi cơm cho cả nhà, vẫn chỉ ba bát gạo thì đầy nồi, ăn mỗi người đúng ba bát đầy, lại còn thừa. Suất để phần cho nó cũng như thế. Nhưng chiều qua lấy gạo xong, mẹ tôi ra chợ xem giá nón, lúc về thấy cơm vừa thổi xong mà sao lại có hột cơm vãi ra đất, mà bếp lửa lại nguội ngấm thế này. Mẹ tôi mở vung ra thì thấy cơm trong nồi chỉ ở dưới ngấn cổ. Mẹ tôi đã sinh nghi, nhưng cũng không dám nghĩ rằng ở quý bộc của chúng tôi tà tất. Bữa trưa hôm nay, mẹ tôi lấy hẳn ba bát đầy, và

cũng để lại cho Hậu thổi cơm. Chờ khi Hậu đi đổ rác, mẹ tôi mở vung ra xem lại. Vẫn chỉ thấy cơm dưới ngấn cổ nồi. Mẹ tôi chợt ngẩng đầu quay lại góc nhà tắm, chỗ xếp đống củi, thì một con chuột vừa nhảy ở trong cái bị của Hậu ra, và hình như có cái gì nong nóng ươn ướt ở trong đó.

- Thế mẹ có nói gì với anh Nguyễn Huy Tưởng không?

Mẹ tôi rên rỉ theo thói quen:

- Giê-su-ma lạy Chúa tôi! Tôi đã ngần này tuổi đầu mà không biết ý tứ hay sao?

- Thôi được, vậy mẹ có nói gì với thằng Hậu không?

- Giê-su! Tôi cũng không nói gì với nó! Tôi chỉ bảo nó, các cậu ấy đã thương mày đã phải bớt bát đem mày về nuôi thì mày cũng phải biết thương lại các cậu ấy chứ!

Thấy tôi lặng thinh, mẹ tôi càng luống cuống:

- Tôi chỉ nói thế thôi, Giê-su! Tôi chỉ nói với nó như thế mà thôi!...

Rồi mẹ tôi gánh nón về quê. Rồi chúng tôi vẫn đi về ăn uống đề huề vui vẻ. Riêng tôi, càng phấn chấn hơn, vì mấy cơ sở tôi nhóm họp và liên lạc đều cùng phong trào tiến lên, có nhiều triển vọng. Những chuyến đi Bắc Ninh về phủ Từ Sơn, sinh hoạt với nhóm anh Kim Lân hay nhóm anh Vũ Đức Phúc ở Gia Lâm, những chuyến về gặp anh Nguyễn Công Mỹ ở Hải Dương, hay những anh em nhà giáo, viên chức nhỏ chạy về các làng Đồng Xá, Đình Tổ, và cũng trên đường đó, tôi đã được đặc biệt anh em cho nghe tình hình phong trào địa phương và được mắt thấy tai nghe những chuyện những việc của những bà con nông dân thôn xóm nơi gia đình tôi ở nhờ. Tất cả những công việc và những chuyến đi đó của tôi, tôi về "báo cáo" với Nguyễn Huy Tưởng, đều được Nguyễn Huy Tưởng chăm chú nghe, rất thích thú.

Thường thường ông bạn của chúng tôi ngạc nhiên hay thích thú điều gì, thì bộ mặt bệu bệu và lỳ lỳ của ông đổi khác hẳn. Nghĩa là nó thuỗn hẳn ra, với tất cả vẻ hồn nhiên ngây thơ. Đã có anh em tai quái nghịch ngợm, lợi dụng tính cả tin và đôn hậu này của ông, thỉnh thoảng lại "sáng tác" ra một vài tin vài chuyện kể cho ông nghe. Họ không những chỉ nhắm ông, mà còn gợi ông để ông kể lại với nhiều người khác một cách rất trân trọng và cũng rất sống và duyên dáng là đằng khác. Rồi họ cười ngay vào mũi ông, cười bò ra với nhau, trong khi ông càng ngạc nhiên hơn, lại thuỗn mặt ra, càng hồn nhiên và ngây thơ, như vẫn không tin có màn kịch ấy được!...

Thế rồi, trên các ngả đường tôi hay qua lại dần dần không những chỉ ở mấy tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây, Hà Nam... bớt hẳn ăn mày mà ở cả ngay Hà Nội. Những người sống sót lại lần mò lê lết trở về quê quán. Một hôm tôi lại ở bên Bắc Ninh về, dọc đường được nghe mấy người ở huyện Thuận Thành và Văn Lâm của tôi, kháo nhau về trận dân làng kéo nhau phá kho thóc và cướp thóc ở chùa Dâu như trảy hội ấy. Ghi nhớ được mấy tình tiết, mấy câu nói rất đặc biệt, tôi càng cố đạp nhanh về để kể cho Nguyễn Huy Tưởng nghe. Buổi ấy tôi về muộn, các đồng hồ đều suýt soát mười hai giờ mười lăm, mười hai giờ hai mươi. Lên khỏi thang gác, tôi bỗng thấy cái gì khang khác. Nguyễn Huy Tưởng của tôi ăn cơm xong không nằm ngủ trưa một lúc như thường lệ. Ông ta đang ngồi ở bàn; ông không viết mà đọc sách. Tôi vừa vồn vã gọi ông thì liền nhận ra ngay cái mặt ông lại bệu ra, khinh khỉnh, lỳ lỳ. Tôi cứ đến cạnh ông, giữ vẻ bình thường tươi vui:

- Ông lại bí, lại không viết được? Ông vừa mượn được sách gì mới? Lại của Romain Rolland hay Léon Tolstoi đây!

Không! Đúng là "Nó" vẫn cứ lặng thinh, và trong cái lặng thinh này tôi không thể nào không thấy một sự tức giận vô cùng.

- Tưởng lại phải chờ cơm tôi!

Buông xong thêm câu hỏi này, tôi càng bị hẫng thêm. Rồi không những thấy mình hẫng, mà còn choáng váng. Không có cơm nước gì để phần tôi hết! Cả hề đồng Hậu của chúng tôi mọi khi vẫn cười cười đón hỏi tôi từ cầu thang và đon đả thưa cậu đã về ăn cơm, giờ không hiểu làm gì hay đi đâu mà không thấy!

- Thằng Hậu nó đi rồi?!

Tôi phải bật lên thành lời.

Nguyễn Huy Tưởng càng lầm lầm.

Tôi liền đảo mắt nhìn khắp nhà. Không! Cái màn tuyn, cái chăn gấp gọn mỏng và quần áo của Nguyễn Huy Tưởng cũng như quần áo của tôi treo ở mắc, gối ở đầu giường vẫn y nguyên.

- Thằng Hậu nó đi nó không lấy gì cả à?

Tôi lại phải lên tiếng. Đầu gối Nguyễn Huy Tưởng hơi đung đưa, mắt Nó lim dim nhìn tôi, giọng Nó nhạt thượt:

- Ông vào bếp mà xem.

Tôi chạy bổ vào buồng tắm. Cái bị quần áo của Hậu không còn và cả bị gạo của chúng tôi nữa. Tôi lại đâm bổ ra:

- Còn sáu ống cân gạo để ăn mấy hôm cuối tháng nó lấy đi cả?!

- Phải! Nó chỉ lấy đi cả sáu ống cân gạo và cái nồi của tôi ông ạ! Ông Giê-su Hồng ơi! Ông đúng thật là cao cả và nhân đạo! Nhân vật của ông phản lại ông đó. Nhưng thôi! Bị mất gạo, tôi cũng không cần, không nghĩ gì đâu! Tôi chỉ cần chỉ nghĩ về cái nồi thôi. Cái nồi của mẹ tôi, bà cụ sắm để thổi cơm từ ngày còn bố tôi. Bố tôi chết, bà cụ lại thổi cơm ăn với tôi. Tôi giữ mãi ở nhà

quê, giao cho bà chị dâu cất đi cùng với hòm quần áo cưới của mẹ tôi và các sách của bố tôi...

Tôi đạp xe lồng ra chợ Hôm. Tôi lại đến chỗ ăn mày tụ tập thì chỉ thấy còn mấy đứa bé. Hỏi chúng, chúng bảo ban sáng có thằng Hậu đeo một bị gì nặng ra đây, nó và thằng bạn thân nhất ngày ngày nó đem ra cho hàng bát cơm, vẫn cứ ở đây chờ nó, hai đứa cùng nhau ra bến tàu thủy lâu rồi. Nghe nói hai đứa đưa nhau về quê, không hiểu về quê thằng Hậu hay quê thằng kia. Chúng nó về quê gặt rồi đi tìm em chúng nó...

***

Sang cuối tháng sáu, đầu tháng bảy năm 1945 ấy, chúng tôi trả lại cái gác nọ. Nguyễn Huy Tưởng chuẩn bị lên chiến khu, tôi về Bắc Ninh tìm Kim Lân để lập ban kịch tuyên truyền lưu động.

Cách mạng Tháng Tám thành công. Sau đây làm với nhau tờ Tiền phong ra công khai, rồi trong kháng chiến chống Pháp cùng nhau nhóm rau nhóm bếp tờ tạp chí Văn nghệ ở Gia Điền, Phú Thọ, đi theo hội Văn nghệ Việt Nam chuyển trong các rừng núi Tuyên Quang, Thái Nguyên... rồi hòa bình lập lại trong những buổi chuyện ngày xưa, chuyện về nhau - cả những chuyện có thật và những sáng tạo về nhau - đặc biệt là các cái "chuế" của nhau, Nguyễn Huy Tưởng không còn nữa của tôi thường nhắc đến chuyện hề đồng Lê Văn Hậu mà tôi đã đưa về nhà nuôi kia... và cố nhiên lại nhắc đến cái gác phố Pescadore lịch sử và cái nồi của anh. Vẫn ý vẫn lời của những câu trên kia đã nói với tôi hôm đó, nhưng Nguyễn Huy Tưởng tức Chánh Hòa ấy, không bệu cái mặt, lỳ lỳ, khinh khỉnh nữa. Ông ôm hắn lấy người tôi mà cười hô hố hắn lên cũng vẫn rất chi là hồn nhiên ngây thơ, khoái trá trong tiếng cười ngất của anh em như mưa xuống đầu tôi.

Thưa ông Chánh Hòa, tôi đã trót cao cả và nhân đạo nhưng nhân vật của tôi không phản tôi đâu!

Ăn cắp của ông, của chúng ta chính là cặp vợ chồng ở cái tòa nhà mà cửa sổ gác chúng ta phải trông sang kia, - cái tòa nhà chổng mông vào mũi chúng ta với tất cả sự lộng lẫy, sung sướng, hãnh tiến của chủ nó.

Ăn cắp của ông, của chúng ta, của những ai là người lương thiện, làm ăn cơ cực, chính là cái tổ chức, cái chế độ lúc bấy giờ, - cái chế độ và tổ chức đã trả lương ông và mua bản thảo của tôi một cách lăng nhục như đối với một công việc hành nghề cùng mạt, - cái chế độ và tổ chức ngang nhiên xây nhà lầu, đóng hòm giấy bạc, vàng, kim cương, và tha hồ ăn uống nhảy hát dâm dật trên xương máu con người và ở ngay trước mặt cả ông lẫn tôi.

Và làm chúng ta khổ sở, uất ức, căm giận vô cùng trong những tháng ngày Bốn nhăm kia mà nông dân và các người lao động cùng kiệt khác đã bị cái đói cướp đi từng xóm, từng ấp, từng làng, từng phố, từng khu, từng chợ... từng vạn, từng vạn rồi lên đến hai triệu sinh mệnh ấy, cũng là cái tổ chức và chế độ lúc bấy giờ đã dồn ông và tôi đến chân một bức tường lửa không còn thể nào chịu nổi, ngoài bước phải tìm các cách cùng mọi người bị giam hãm với mình đạp cho nó sập xuống, vùng ra, xây dựng một đời sống khác mà sống.

Phải! Nhân vật của tôi không phản tôi mà chính là đã trung thành với tôi. Trung thành ở với tôi cho đến ngày nay, trong những dòng chữ này, để tôi kể lại với ông, và càng nhớ ông, tiếc ông, mến ông, quý ông, ông Huyễn Huy Tưởng bố đẻ Truyện anh Lục ạ!

## X. GIỮA NHỮNG GỌNG KÌM 1942 - 1945

Cuối năm 1941 tôi ở trại giam Bắc Mê (Hà Giang) về quản thúc ở thành phố Nam Định đến tháng 5-1942 thì ra Hải Phòng. Cũng là bị quản thúc nhưng được về Hải Phòng tôi thấy nhẹ hẳn người. Nghĩ lại những ngày ở Nam Định vừa qua, tôi càng thêm ngột ngạt.

Nam Định là nơi chôn rau cắt rốn của tôi. Nhưng tôi như không còn chút gì ràng buộc với nơi đây ngoài những kỷ niệm của một thời thơ ấu trải qua những cảnh tan nát của gia đình. Ở Sở mật thám, cầm quyển sổ quản thúc dán tấm ảnh in lại chụp từ năm xưa khi tôi bị bắt và xử tù ở Hải Phòng - tấm ảnh mặt mày hốc hác, mồm miệng vêu vao, tóc tai bờm xờm đúng là kiểu mặt tù, kiểu mặt của một thứ người ở một xã hội riêng biệt trông vừa gớm ghiếc, vừa rất dễ nhận - tôi tìm về cái nhà cũ của bà ngoại tôi, gần như bỏ hoang, mà cả mẹ tôi và tôi đã tưởng khó lòng lại bước chân đến. Chính ở cái nhà lá dột nát, cửa ngõ trống hơ trống hác, vườn tược gai góc này, tôi đã phải tính ngay đến việc sinh sống. Nghĩa là tôi phải viết ngay sách để nuôi thân rồi nghe ngóng tìm kiếm sao để lại có liên lạc với một số anh em đồng chí và bắt được mới với phong trào.

Viết sách để sinh sống nhưng phần chính còn để lại được gặp gỡ bạn đọc, gặp gỡ quần chúng. Một lẽ sống của ngòi bút. Chiến tranh thứ hai vừa bùng nổ thì tôi bị bắt xử tù rồi đưa đi "căng". Khi tôi ở trại giam, một số truyện ngắn, hồi ký của tôi đăng rải rác trên các báo từ năm 1936 được thu thập lại in thành sách. Mẹ tôi làm công việc này để lấy tiền mua thuốc men, quần áo, thức ăn gửi gắm cho tôi. Trên trại giam nhận được hai cuốn Những ngày thơ ấu và Bảy Hựu trong cái hòm dây thép có nào thuốc vôi bổ phổi, đường phên, tôm kho mặn và cả giấy bút nữa, tôi đã thao thức nhiều đêm không sao ngủ được.

Những tấn kịch ấy diễn ra mới được hơn một năm thôi! Pa-ri tuyên bố bỏ ngỏ. Trào đình chính trị của nước Pháp bị đuổi bạt về Vi-xi. Một chính phủ đầu hàng và bán nước được thành lập với lão thống chế Pê-tanh làm quốc trưởng. Rồi đến Đông Dương. Ngựa chiến, tàu bò và giầy sàng đá của lính Nhật Bản ngang nhiên trèo qua lưng, qua cổ từ toàn quyền, đô đốc, trung tướng, tham mưu Pháp mà vào Hải Phòng, Lạng Sơn, Hà Nội, Sài Gòn, Huế. Quan lớn quan bé của Thiên Hoàng tha hồ đóng quân, chiếm đất, kiểm soát cửa biển, lấy gạo thóc, quật mả, mở đồn điền, đòi in thêm giấy bạc và lê

gươm đi chơi đêm với cả đĩ đầm, đĩ Thượng Hải, rồi hò hét tuyên truyền thuyết Đại Đông Á.

Phải, mới hơn một năm thôi, cũng như ở Đông Âu dưới gót sắt của quân đội phát xít Hít-le và các chính phủ phản động tay sai của nó, đất nước Việt Nam như sống lại hàng nghìn năm của thời Trung cổ.

Những báo chí chỉ nhen nhói một vài ý kiến không làm chúng nó vừa lòng thôi cũng bị rút giấy phép. Sách xuất bản phải qua kiểm duyệt, và kiểm duyệt đóng dấu vào giữa từng đoạn một. Một danh sách, những ngòi bút, những tên tuổi cần phải nghi ngại đề rõ hẳn ra, tuyên bố hẳn với các nhà xuất bản, các nhà in, nhà báo. Các hàng sách, quán sách một ngày một vắng, hàng tháng mới lèo tèo bày vài cuốn mới. Ở những phòng đọc, phòng mượn của mấy thư viện thành phố lớn, thẻ đọc cấp rất ngặt nghèo. Một số lớn sách của các nhà văn tiến bộ trên thế giới bị thu cất đi. Nếu còn quyển nào cho đọc thì người đọc bị đặc biệt theo dõi. Phim ảnh chiếu lại toàn những chuyện tình cổ lỗ của các hãng phim Pháp. Phim ngoại quốc độc nhất được chiếu là các phim Nhật, ca tụng những cái chết vinh quang vì Thiêng Hoàng, vì Đại đế quốc Mặt trời, hay những tình ca với những chinh phu Phù Tang bứt áo ra đi các sa trường vạn lý.

Đi chớ để hình bóng

Nỗi nhớ thương em để bên lòng

Xin nhắn nhủ thời gian

Đem đến trả tình quân...

Những tiếng hát sướt mướt rên rỉ khắp các đường phố, rạp hát, bến tàu, bến đò, nhà cầm đồ, tiệm hút, xóm cô đầu, máy nước, cổng chợ... từ sáng đến canh khuya. Ban đêm, cái thành phố Nam Định xưa nhỏ của tôi kia càng lạnh

vắng trong ánh đèn bóng màu xanh nhờ, chao bên ngoài sơn đen, gọi là đèn phòng thủ. Cùng thức với ánh đèn này là tiếng máy chạy ầm ì, triền miên, ngao ngán của Nhà máy sợi trước làm ba kíp thợ nay rút làm hai kíp, đuổi ra hàng ngàn thợ. Cái nhà máy lớn nhất của thành phố Nam Định này cũng là một nhà máy lớn nhất của Đông Dương còn chạy như thế là "phúc" cho cu li và thợ thuyền bản xứ lắm! Vì bao nhà máy đã phải đóng cửa rồi.

... Bước gian nan ai cũng đã nhọc nhằn. Bao nhiêu dân Pháp trung thành đã chịu một cách cao thượng, đã cố gắng giúp tôi gánh vác trọng trách. Đối với tôi thế chưa đủ. Tôi muốn các người phải có đức tin, tin trong cõi lòng, tin vào lý trí. Tôi muốn các người phải khôn ngoan và nhẫn nhục.

... Nhờ có sự bại trận mà mối đồng tâm của quốc gia được thắt chặt... Quốc dân nên hiểu rằng cơ phục hưng đã bắt đầu mà các người đương noi theo đường chính.

Những lời lâm ly của Pê-tanh nọ ra rả trên khắp các mặt báo, các tranh ảnh đóng khung với lá cờ tam tài.

Phê thì tành... Pê thì tành, một bài hát phỏng theo điệu Đêm thì rầm của xẩm xoan đã được đặt ra, cho đi hát ở khắp các cổng chợ, bến đò lò rào để ca tụng công đức lão quốc trưởng chiến bại đem thân trâu ngựa ra gánh vác việc nước trước quốc xã quốc trưởng Hít-le chiến thắng. Và trên cả quốc trưởng thống chế, còn có một vị nữa để cho tất cả những ai là kẻ đau khổ bơ vơ trong cái cảnh chiến tranh khủng khiếp báo hiệu cho loài người sắp phải đến ngày phán xét nọ tìm đến cầu xin một nguồn an ủi: đó là Đức Chúa Trời. Phải, Đức Chúa Trời với những Đức Mẹ, Đức Chúa Giê-su, các thánh tông đồ và các bà thánh trọn đời đồng trinh... Chỉ các chúa các thánh này mới có đủ quyền pháp làm cho loài người thoát khỏi những tai ương khổ não. Chính dưới chân các chúa các thánh này, cả những kẻ đương là cao trọng quyền hành nhất thời cũng phải sấp mình xuống mà chịu các ơn phép thiêng liêng, chịu sự thưởng phạt.

Trong khi thợ thuyền lần lượt bị đuổi ra khỏi nhà máy, xưởng thợ, thì nông dân cày ruộng cũng lần lượt bỏ làng mạc quê quán ra đi tha hương cầu thực. Ruộng đất của họ càng dồn vào tay các địa chủ và nhà chung, - ruộng đất bao đời tổ tiên cha ông họ truyền nhau làm ăn sinh sống tới nay không hiểu tại sao đã cùng kiệt, khiến bao nhiêu mồ hôi nước mắt của họ đổ xuống cũng không làm cho họ kiếm đủ miếng ăn. Những con người cày sâu cuốc bẫm ấy, trước khi gồng gánh bên chiếu, bên con bên nồi bỏ làng ra đi, những sở mộ phu cao su hay lên những vùng đồi núi mở trại lập ấp, đều đã đến hôn chân Chúa ở nhà thờ, xưng tội, chịu lễ, chào xin cha xứ để được thật trọn vẹn ơn Chúa, ơn cha trên bước đường xiêu tán.

Những đoàn thanh niên thợ thuyền công giáo (J.O.C) mọc lên khắp các thành phố có nhiều nhà máy, trong khi các ái hữu thợ kim khí, thợ thông phong, máy tơ, máy sợi v.v... đều bị giải tán hết. Những anh em hoạt động đấu tranh đều bị tra tấn, bị kết án xử tù, các trụ sở triệt hạ không còn một dấu vết; thanh gỗ của tấm biển đề tên ái hữu chỉ còn mờ mấy nét cũng bị đem chẻ làm củi đun... Rồi đoàn thanh niên học sinh công giáo (J.E.O). Quán cơm cũng của công giáo. Đồng tử quân cũng của công giáo ùn ùn tiếp theo.

Những ngày đầu xuân tất cả Nam Định nhỏ bé xơ xác tiêu điều như ốm như liệt kia, chỉ còn có chung quanh khu nhà thờ lớn là đông vui, luôn luôn rước kiệu mình thánh những ngày thứ sáu đầu tháng. Tiếng cầu kinh như ri. Tiếng kèn đồng, tiếng chũm chọe inh ỏi như hành quân xuất trận hay xử án thiêu ai. Thanh niên công nhân, quần xanh, áo trắng, cầm cờ nửa vàng nửa trắng và cờ trắng hình đuôi nheo in chữ thập đỏ. Đồng tử quân và hướng đạo sinh, đội mũ vải, mặc quần cộc áo cộc cùng màu lá cơi hay màu nâu, cũng cầm cờ đuôi nheo nửa vàng nửa trắng, và cờ in hình thập tự đỏ. Toàn những con cháu khôi ngô của các nhà quyền quý, giàu sang, đạo đức thời bấy giờ. Các đám rước thánh thế này diễn ra như những đám Thập tự quân khi xưa trẩy một cuộc viễn chinh trong đói rách, nắng mưa và máu để được sang

thành Jê-ru-sa-lem mà ôm hôn đất thánh...

***

Nhưng tôi ra Hải Phòng chỉ ít lâu rồi cũng lại thấy tâm trí càng bị đè trĩu, và một sự đau xót vô cùng cứ da diết lấy người.

Cái thành phố công nghiệp và hải cảng quen thuộc của tôi ấy tuy bề mặt có vẻ tấp nập vui hơn cái thành phố bé nhỏ Nam Định chôn rau cắt rốn của tôi, nhưng cả đến cái bề mặt nhếnh nhoáng này rồi cũng để trơ trật ra sự sa sút, kiệt cùng của cái bên trong đã ruỗng. Tôi về một xóm lao động cũ sống với gia đình chưa được bao lâu thì phải chứng kiến không biết bao nhiêu cảnh tàn phá của chiến tranh, mà những người phải chịu đựng đều là những bà con anh em chung quanh.

Xóm tôi ở rất đông người làm Máy tơ có bà Oắt. Nhà Máy tơ đóng cửa. Từ ngày bà Oắt ở nhà, bà càng nói nhiều. Người bà như con cò rạc, răng lợi trơ ra vêu vao, mắt kèm nhèm càng toét thêm. Chưa sáng người trong xóm đã thấy tiếng bà. Bà chửi, bà réo, bà rủa thằng Oắt. Bà được mỗi mình thằng Oắt. Thằng này đã mười bốn, mười lăm tuổi, người cũng như con cò rạc, nhưng khác mẹ là mặt nó lúc nào cũng như mặt long thần. Bọn trẻ chung quanh gọi là thằng Ót. Cả ngày Ót đi hôi cá, bắt ếch, tìm ngó sen, đánh giậm, lấm láp, cứ như ma chôn ma vùi ở bờ đầm, ở ngoài ruộng. Bao nhiêu sách bút mẹ mua cũng mất hết. Không học cậu giáo nào đậu được tuần lễ. Có lúc người mẹ, yếm xoạc trễ cả vú, quần rách mướp, ống thấp ống cao bay như phướn, tay cầm dao và cầm cả sách bút của Oắt mà réo gọi và chửi Oắt.

Năm ấy bà Oắt gần năm mươi tuổi. Bà thôi việc, chủ nhà máy cho đâu được ba mươi đồng bạc và sáu thước vải. Người "cu li" này đứng máy như thế có hơn hai mươi năm, từ cái ngày nhà máy mới mở, trẻ con đàn bà bị bắt vào làm, sợ máy, sợ nhà máy như sợ nhà tù, sợ beo, sợ cọp...

Mẹ tôi dọn một quán dưới gốc đa bên đường ở ngõ nhà bà Oắt. Bán quà bánh diêm thuốc lào. Phía bên đường là làng An Đà. Người làng vừa làm ruộng vừa đi làm ở bến tàu to Sáu Kho. Chiều chiều ông cụ Hương bên An Đà thường bảo cháu cầm nậm ra hàng mẹ tôi mua rượu và mấy xu kẹo bột. Ông cụ Hương cấy được hơn năm sào ruộng công. Bà cụ, con trai, em dâu đi làm Sáu Kho. Một ngày chủ nhật cả nhà đương quây quần ăn cơm thì còi báo động "Máy bay Mỹ!... Máy bay Mỹ!...". Máy bay Mỹ thật! Và lần đầu tiên đến Hải Phòng. Mọi người còn đương tò mò, ngơ ngác thì bom nổ rầm trời, chuyển đất. Một sự kinh khủng lần đầu tiên dội xuống ngay trên đầu mình. Mười lăm phút sau. Máy bay đã kéo đi, nhưng cảnh vật và mọi người vẫn còn như chết lịm, trời đất rùng mình, đen mù đen mịt. Mãi sau người trong làng trong xóm ở các ngõ ngách bờ bụi, cống rãnh mới chui ra. Có tiếng khóc tiếng kêu gọi thất thanh. Bom thả trúng giữa sân nhà cụ Hương. Bác Hương gái bế đứa con bón cơm cho nó bị hơi bom xì vào cháy đen như than. Xương thịt hai mẹ con dính vào nhau tưởng như một người có hai đầu, một đầu người lớn đàn bà trụi trọc và một đầu trẻ con chỉ còn nửa mặt, bết vào bên vú mẹ, và hai bộ chân tay... Cả gia đình, chín con người ấy còn lại hai người. Đó là cụ Hương, bà cụ đi làm kho về muộn, còn ra ao rửa chân tay. Và thằng bé trên con bé út bữa ấy bị mẹ mắng, cốc cho một cái, dỗi cơm bỏ ra ngõ...

Hôm ấy là ngày 9 tháng 8 năm 1942.

... Tất cả cuộc sống nọ càng trĩu xuống ngòi bút của tôi.

Tôi phải viết. Nhưng viết thế nào đây? Viết tất cả sự thật ấy hay một phần của nó. Hay viết một phần của nó nhưng chỉ lấy vài nét, vài việc nhẹ nhất trong đó thôi? Dầu chỉ là vài nét nhẹ, vài việc nhẹ nhất của một phần sự thật thôi, nhưng giọng văn và cách đưa ra phải thế nào để lọt qua được kiểm duyệt? Hay không viết gì cả, hay để dành sự thật đó như là một thứ quặng chờ đến khi nào có sự chuyển biến mới, tiện lợi khai thác thì hãy sử dụng?

Hay nói dối? Chịu để cho bàn tay của thống trị đưa ngòi bút của mình đi.

Viết ngược hẳn lại như trên mặt đất không có sự thật ấy? Hay viết cho sự thật ấy thành ra chỉ là một nhận thức chủ quan, hơn nữa làm người đọc coi đó như là một định mệnh? Hay viết sao để thấy không có sự thật ấy, hay là nó không đáng quan tâm gì cả? Hay viết sao để thấy rằng những cái đáng viết không phải rút ra từ sự thật, mà từ những cái gì cao quý, trọng đại, thiêng liêng của thời thượng bấy giờ đương đi tìm ở sự thuần túy của triết lý, học thuật, nghệ thuật, tư tưởng, tinh thần, v.v... không dính dấp vì với những cái tầm thường khổ não vật chất! Chiến tranh đã đen tối thì còn đi sâu vào những thống khổ, những kiếp sống làm gì? Nguyên nhân của tất cả những thảm họa kia đã không sao tìm hiểu nổi, cũng như tất cả những sự xảy ra không thể tránh được, thì còn đi sâu vào đời sống, vào những chuyện buồn thảm của nó làm gì?

Văn học nghệ thuật đâu chỉ là để theo sát đời sống và những chuyện nọ? Còn bao nhiêu điều để suy nghĩ và phải sáng tạo bằng những khả năng kỳ diệu và thần bí nhất của tinh thần thì mới đạt được đến cõi "chân, thiện, mỹ". Những kẻ nào muốn được thật là nghệ sĩ, được thật là phụng sự nghệ thuật, thì phải tìm hết cách và vận dụng tất cả giác quan cùng trí tuệ của mình để thấu triệt những lẽ mầu nhiệm kia đến mức thấu triệt của "đạo" mới được. Đạo nghệ thuật, đạo mỹ cảm, đạo của tinh thần, đạo của những con người có giác quan và những sức cảm thông rất đặc biệt mà khoa học chịu không thể phân tích nổi... Mỗi lúc tôi nghĩ đến sự sáng tác của mình cũng như mỗi lúc tôi nghĩ đến sự kìm kẹp của thống trị, nghĩ đến những lý luận, những luận điểm và tính chất trên kia của cái nền văn học nghệ thuật tự nhận và được coi là chính thống, là chân chính, là cao quý nhất của lúc bấy giờ, thì trong người tôi lại càng bị xé ra, lại càng bị rợn lên vì ghê tởm.

"... Một điều nghĩ đã ghi trên mẩu giấy.

Cái lầm lớn nhất của loài người, tai hại và bi thảm nhất có lẽ là cuộc đi tìm hạnh phúc. Cái lầm ấy đã làm bao nhiêu cuộc đời trở nên bao nhiêu tấn

thảm kịch.

Ta muốn quan niệm một cuộc sống không lấy hạnh phúc làm đích. Sống, đó là một sự đương nhiên. Kẻ hiền giả phải tìm cách sống cho xứng đáng, cho phong phú nhịp nhàng với cuộc sống của vũ trụ cao quý và đường bệ".

Xuân thu nhã tập (Thanh khí)

"Và trong cái "bát nháo" của người, ta tự vạch con đường. Soi sáng cái đạo thực.

Trong cái vô ý thức của đời, ta tự thực hiện.

Với cái ta - thuần túy: Tri thức tuyệt vời và tuyệt đối... Cuộc sống của ta phải phát triển trên cái nền móng thực là ta trước hết.

... Có những tâm hồn hiến cho Xuân thu.

Biết đâu một bầu trời không có một tâm hồn "Xuân thu", một tinh thần tiền phong đi cầu đất thánh, một vị thích ca đi tìm giác ngộ, một siêu nhân tìm một thủ đoạn trong trẻo, một tinh thần còn biết chết vì một nụ cười".

Xuân thu nhã tập (Quan niệm).

Mặc dầu càng cố cất ngòi bút lên nhưng ngòi bút chỉ càng quằn xuống, tôi vẫn thấy phải viết. Dù rằng chỉ được viết một phần nào sự thật, hay một khía cạnh của phần đó, tôi cũng cứ phải viết, để người đọc phải nghĩ về sự thật và thấy cuộc sống không cho phép mình trốn tránh, vô trách nhiệm, nhẫn tâm đối với chung quanh. Tôi phải viết, đồng thời phải liên lạc với các anh em, các đồng chí, các ngòi bút tiến bộ già trẻ để thôi thúc nhau viết. Chúng tôi phải giành lấy bạn đọc, lấy quần chúng. Chúng tôi phải đem hết sức mình mà chống lại các sức phản động, phải đem hết sức mình cùng với hoạt động của cách mạng làm công việc bóc đi, dập đi những màng những lưới ma mị đen

tối mà bọn thống trị cố che phủ lên chân lý. Dù chỉ được cất lên dăm ba tiếng, qua những gọng kìm của đàn áp, để bảo vệ chính nghĩa, để ca ngợi sức đấu tranh tiến hóa, nói bóng gió xa xôi về cách mạng và thổi thêm cho rực rỡ những ánh tương lai, thì chúng tôi cũng phải cất những tiếng đó lên.

Tờ báo và nhà xuất bản. Đó là hai khí giới chúng tôi phải có trong tay. Chúng tôi phải tìm kiếm người tốt để ra báo cho được, mở nhà xuất bản cho được. Chúng tôi phải tổ chức được nhiều người làm "nhân" trong những nhà báo, nhà xuất bản tương đối ít chịu sự chỉ đạo của thống trị lúc bấy giờ. Một mặt khác, trong những nhóm, những cánh văn học nghệ thuật đương chia ra năm bè bảy phái, chúng tôi sẽ tranh thủ lôi kéo những anh em trung thực về với ảnh hưởng của mình. Bằng sự làm việc, có một mục đích, một lý tưởng, bằng tư cách và lối sống ngay thẳng trong sạch, bằng tinh thần chiến đấu của những kẻ dám đương đầu với những sức mạnh tàn bạo để giành giữ lấy sự tự do chân chính, bằng những quan điểm nghệ thuật vì con người, vì quần chúng, vì dân tộc, bằng những ý chí vươn lên một ngày mai thật là tươi sáng nhân đạo... Chúng tôi sẽ tìm đến liên lạc chuyện trò, bàn luận với các anh em. Trong sự hoạt động này, chúng tôi được thêm những anh em cùng đi vào con đường văn học nghệ thuật theo chủ nghĩa Mác rồi thành đồng chí, cùng đứng trong tổ chức chiến đấu dưới lá cờ của Đảng là điều quý nhất. Không thế, cách mạng cũng được những quần chúng có cảm tình, chúng tôi thì được những người bạn nghệ sĩ. Chúng tôi khoác lấy cánh tay họ, không để cho họ ngã vào trong tay bọn phản động. Chúng tôi gây thêm cho họ niềm tự hào của một nghệ sĩ dám đứng thẳng người và cất cao đầu trước bọn thống trị oai quyền tàn bạo và bọn giàu sang hãnh tiến, nhẫn tâm một cách quái gở, đương làm chúa xã hội bấy giờ.

Tôi kiểm điểm anh em đồng chí thấy có: Như Phong, Tô Hoài, Nam Cao, Nguyễn Đình Thi là những người tôi có thể liên lạc được ngay. Nam Cao, Tô Hoài và Nguyễn Đình Thi tôi không quen và cũng chưa được gặp mặt. Nhưng chỉ đọc mấy truyện ngắn, mấy trang sách của anh em, tôi đã thấy ngay

một cái gì khang khác, một hơi hướng gì rất gần gũi, một cái gì rất có thể tin cậy, như kiểu các đồng chí hoạt động chính trị, đương khi tìm kiếm liên lạc và chắp mối với Đảng, bỗng đánh hơi thấy dấu hiệu của "người mình" vậy. Tôi đoán những anh em đây nếu không có liên lạc với Đảng thì chí ít cũng là những người đương tìm đến Đảng bằng những tình cảm, tư tưởng ý tứ, giới thiệu mình rất khéo trên những sách báo công khai. Tôi còn có thêm một ý nghĩ hồi hộp đặc biệt này nữa: hay chính đó là những đồng chí 1936-1937 đương hoạt động trong một tổ chức của Đảng, anh em đang có ý tìm đến mình, mà mình chưa biết đó thôi?!

"Chao ôi! Trăng đẹp lắm! Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát mà trăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quằn quại nức nở, nhăn nhó với những đau thương của kiếp mình. Biết bao tiếng nghiến răng và chửi rủa. Biết bao cực khổ và lầm than? Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thật tàn nhẫn luôn luôn bày ra đấy, sự thực giết chết những mơ ước lãng mạn, gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rỗi quá. Điền muốn trốn tránh sự thật nhưng trốn tránh làm sao được? Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa cũng một cảnh ngộ như Điền! Cái khổ làm héo một phân lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ vang dậy lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh. Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...

Sáng hôm sau Điền ngồi viết. Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gắt gỏng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà".

Trăng sáng (Nam Cao)

Phải! Chỉ là đoạn kết của một truyện ngắn đăng trên tờ tuần báo rất thường gọi là Tiểu thuyết thứ Bảy. Nhưng thật là một màn kịch mở ra ngay trước mắt mình bắt phải xem, phải suy nghĩ. Và nghe đúng là một bản tuyên ngôn, đúng là những lời tuyên bố, của một thái độ, và đúng là một bài hiệu triệu của một trường phái một khuynh hướng văn học văn nghệ thuyết dám nhận là nhân đạo, là chân chính lúc bấy giờ.

Tô Hoài, trong một truyện ngắn tả một lớp học trẻ em nghèo ở xóm ngoại ô kia, cũng đã cất lên như là những lời nhắc nhủ kêu gọi:

Anh hùng xưa,

Nhớ hồi niên thiếu

Dấy binh lấy lau làm cờ...

... "Tiếng hát! Tiếng hát xoáy vào đám đông...". Tôi không nhớ trọn những câu hát mà Tô Hoài đã trích dùng và những câu văn đã làm dậy lên vang động trong đêm tối của những con người lầm than trong truyện của anh. Tôi cũng không còn giữ được bản in truyện đó để trích dẫn cho đúng những câu của đoạn cuối. Tôi chỉ rút ra từ trí nhớ với tất cả những cảm xúc chắc chắn không còn được tươi thắm mạnh mẽ như khi lần đầu đọc được những dòng chữ và ý tình trên kia của Tô Hoài mà gợi nhắc lại về Tô Hoài.

Vào khoảng tháng 9-1942, Như Phong ở Hà Nội xuống Hải Phòng, tìm tôi. Năm 1939-1940 khi tôi đi tù thì Như Phong bị bắt vào Sở mật thám Hà Nội. Kẻ ở tù, người ở Sở mật thám ra, chúng tôi chỉ gặp nhau một lần. Tôi đọc cho Như Phong chép bài thơ Tâm tư trong tù của đồng chí Tố Hữu, rồi đôi hồi với nhau được ít chuyện, thì tôi bị đưa lên trại giam Hà Giang. Trên trại giam và khi về quản thúc ở Nam Định, tôi không dám viết thư hay nhắn tin tức gì cho Như Phong cả. Vì đây là cơ sở và cái mối chắc chắn để tôi chắp lại liên lạc với Đảng.

Tôi đã hoàn toàn vui sướng khi gặp lại Như Phong. Sau hơn hai năm vẫn theo dõi sự sống và tinh thần tư tưởng của nhau tuy không gửi cho nhau một dòng chữ, một lời thăm hỏi, chúng tôi nắm tay nhau mà càng nghĩ thêm về câu thơ:

Tôi sẽ cười như kẻ sẵn lòng tin

Giữ trinh bạch linh hồn trong bụi bẩn.

Tâm tư trong tù (Tố Hữu)

Như Phong tuy không nói rõ nhưng tôi cũng thấy Đảng vẫn chú ý đến một số anh em trong phong trào cũ, trong đám anh em nghệ sĩ đó có chúng tôi. Còn người đặc biệt chú ý đến văn học, nghệ thuật và chúng tôi, là đồng chí Trường Chinh quý mến tin tưởng vô cùng của chúng tôi, mà đế quốc đương tìm hết cách vây bắt, tòa án quân sự và mấy án tử hình đương sắp sẵn kết xử. Đồng chí Trường Chinh có cả thư về nhắc nhủ anh em chúng tôi.

Trong tất cả mọi chuyện, mọi suy nghĩ về bàn tính của chúng tôi đều quy vào mấy điểm này: Văn nghệ sĩ và trí thức đương bị bóp nghẹt cổ họng. Văn nghệ sĩ và trí thức đương bị chúng nó nhét thuốc độc vào tay bắt phải gieo rắc: thuốc độc kết trong họa, trong thơ, trong nhạc, trong màu sắc, trong hát ru, trong triết học, triết lý, trong các bài dạy ở nhà trường, trên sân khấu, và cả trên các sân vận động thể dục thể thao nữa... Văn nghệ sĩ và trí thức đương bị chúng nó bắt cùng chúng nó rũ một tấm màn đen tối sầu thảm bịt lấy mắt quần chúng, quấn lấy tâm hồn và lòng tin của quần chúng.

Chỉ có một cách duy nhất là bẻ cho gẫy nát những bàn tay kìm kẹp gieo rắc độc hại của chúng. Chỉ có một cách duy nhất là đạp đổ, vượt qua bức tường lửa hiện tại đương vây bọc lấy tư tưởng, sáng tạo và sự hoạt động của mình, để đi về tương lai mà sống. Và khí giới của những anh em viết văn chúng tôi cũng vẫn duy nhất là ngòi bút, với những cỗ súng cỗ xe chiến đấu

là tờ báo là nhà xuất bản. Đảng cũng đặt nhiệm vụ ấy cho chúng tôi. Chúng tôi phải làm tròn nhiệm vụ ấy.

Đến đầu năm 1943 chúng tôi được tin Đảng chủ trương thành lập Hội Văn hóa cứu quốc và chúng tôi sinh hoạt thành một nhóm. Cuộc họp đầu tiên của nhóm chúng tôi gồm có các đồng chí Vũ Quốc Uy, Tô Hoài, Như Phong và tôi ở trên sân thượng cái gác bếp nơi nhà trọ đồng chí Vũ Quốc Uy ở đường dốc xuống Ngũ Xã, một trong những địa điểm liên lạc của Văn hóa cứu quốc.

Tôi xiết bao cảm động, dào dạt. Tôi càng thêm tin tưởng ở phong trào dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đến buổi họp đó tôi được biết thêm đồng chí Tô Hoài đã tham gia hoạt động trong thời kỳ Mặt trận bình dân. Tô Hoài đã đến báo Thế giới, cơ quan của Đoàn Thanh niên dân chủ và đến cả báo Tin tức cơ quan công khai của Đảng. Tô Hoài ngày đó còn là một học sinh của một làng thủ công nghiệp chuyên làm giấy và dệt cửi, anh cũng mới tập viết văn. Còn Vũ Quốc Uy là bạn học thời thơ ấu của tôi. Chúng tôi học một trường nhỏ ở thành phố Nam Định từ lớp nhì năm thứ hai cho đến hết lớp nhất, ngày nào cũng chơi cầu lông hay đá bóng quần với nhau.

***

Có một tờ báo và nhà xuất bản riêng,... cùng một nhóm anh em cùng chí hướng làm việc,... dung nạp một cách rộng rãi, trân trọng những tác phẩm thật có giá trị về tư tưởng, về nghệ thuật nhằm mục đích xây dựng một nền văn học nghệ thuật tiến bộ, một nền văn học nghệ thuật dân tộc, một nền văn học nghệ thuật chiến đấu chống lại những sức phản động thoái hóa, để góp phần vào hạnh phúc công cuộc giải phóng và xây dựng đời sống tươi đẹp tương lai của quần chúng... đó là tất cả những khát vọng, mơ mộng của chúng tôi lúc còn là những tuổi đôi mươi. Trong tất cả những phút hào hùng thống khoái, hay những khi phẫn uất trằn trọc, chúng tôi đều cùng nhau tâm sự, chia sẻ với nhau những sự say mê cũng như những điều đau xót da diết trên kia. Tới khi được tham gia phong trào Mặt trận dân chủ, được liên lạc với một số

đồng chí Đảng, được giao công tác, chúng tôi càng "cay" với việc ra báo, mở nhà xuất bản. Nhất là sau khi tờ Thế giới và tờ Người mới cơ quan của Đoàn Thanh niên dân chủ liên tiếp bị đình bản, Đoàn phải vào Sài Gòn ra báo. Giữa lúc đó bọn thống trị cho tung ra các thứ tuần báo, và in sách, trâng tráo làm những công việc "vui vẻ trẻ trung" khiêu dâm, trâng tráo ca ngợi sự trở lại chế độ vua quan, với và các quyền hành phong kiến được gia hạn, thì chúng tôi càng bị nung nấu trong tâm trí. Nhận được chỉ thị của Đảng, một số đồng chí và Như Phong đã đi điều đình ngã giá mua được một nhà in. Còn tôi đã thu thập xong một số truyện ngắn thành tập Tội ác và chuẩn bị thêm tập Những ngày thơ ấu để dành cho chương trình xuất bản.

Chiến tranh thứ hai bùng nổ, 1939-1941, rồi 1942, rồi 1943... Thế là đã bốn năm, những tiếng nói công khai của Đảng, của cách mạng bị thắt nghẹt. Tới nay được Đảng tổ chức, dìu dắt, chiến đấu trên mặt trận văn hóa chống quân thù, chúng tôi càng bồn chồn vì ra báo, mở xuất bản.

Thời kỳ này, bọn thống trị đàn áp và phá hoại tư tưởng quần chúng đã tới độ tột cùng sự tàn bạo của chúng nó. Hai tầng phản động đế quốc và quân phiệt Pháp. Nhật đè lên đời sống văn hóa của nhân dân. Bọn Pháp càng khắc nghiệt siết chặt hơn nữa các guồng máy của chúng.

Những ai muốn ra báo đều phải được Sở mật thám thông qua lý lịch. Nhiều khi phủ thống sứ ký nghị định rồi nhưng người được ra báo vẫn cứ bị Sở mật thám gọi đến bảo thẳng vào mặt rằng Sở mật thám không cho ra, nếu kẻ đó cố tình không tuân lệnh thì đã có nơi đi an trí, nghĩa là trại giam. Tất cả chúng tôi và những anh em bè bạn nào chỉ hơi có cảm tình với cách mạng thôi, cũng không có hy vọng gì xin được giấy phép cả. Bởi vậy chúng tôi tính đến nước cuối cùng là lại "thuê" báo để làm. Chúng tôi tìm những tờ báo đương ngắc ngoải hay được phép rồi mà vẫn không ra, mặc cả với những người quản lý của nó, giả cho họ tiền hàng tháng, hay mua hẳn tờ báo với một món tiền, nhờ họ vẫn đứng tên để chúng tôi làm tờ báo đó. Gạo bấy giờ

giá hơn sáu đồng một tạ. Một người ăn trọ cơm tháng ở Hà Nội mất mười đồng là sang quá. Vậy mà chúng tôi đã chịu "thuê" báo với giá ba mươi đồng một tháng hoặc giả hắn cho quản lý báo nguyên một món tiền hai ba trăm đồng.

Hết tờ này đến tờ khác!... Chúng tôi điều đình đã xong, í ới gọi nhau lập ban biên tập, chuẩn bị bài hàng ba số đầu và sắp cả quảng cáo trên các báo có tiếng lúc bấy giờ. Người đứng ra điều đình thuê báo, mua báo, chạy vạy công việc cũng không có tên tuổi hay mắc míu gì với Sở mật thám cả. Thì đùng cái lại tắc. Hoặc Sở mật thám đánh hơi thấy quản lý tờ báo nọ liên lạc với chúng tôi liền gọi đến đe dọa. Hoặc có kẻ tính đi tính lại bèn xoay ra đòi giá rất cao, một là y bắt chẹt, vì y phải đứng tên trước một công việc mà y không làm nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm, hai là y cứ giữ tờ báo thì y còn có cái lợi khác mà lại là lợi nhiều hơn. Giấy in báo lúc bấy giờ rất khan. Mỗi tạ giấy do Sở kiểm duyệt và Liên đoàn giấy cho phép mua chênh nhau với giá chợ đen năm, sáu trăm phần trăm. Nhiều tên chủ báo đã ra báo như ma trơi. Báo của chúng hàng ba tháng hay nửa năm mới ra một số, chỉ láng cháng mấy bài còn đăng toàn hình với lời kêu gọi của thống chế Pê-tanh và quảng cáo thuốc lậu, biệt thự cho thuê, ôtô đám cưới và các món ăn kỳ lạ, v.v... Nhưng chúng dấm dúi với nhà in, khai thặng hàng mấy nghìn bản, thật ra chỉ có độ hai trăm bản để biếu những nhà đăng quảng cáo và cho các hàng dầu cù là, hôi nách, sâu răng đưa đi các chợ nhà quê bán tống bán tháo.

Ra báo thì thế, còn mở nhà xuất bản phải có vốn. Vốn mua giấy được phép mua, vốn mua giấy chợ đen. Mua găm lại, chờ giá cao rồi bán đi một nửa, cũng lại bán chợ đen. Còn một nửa in sách báo bán giá đắt, tru tréo với độc giả nào là phải mua giấy cao, phải chạy vạy các cửa khó khăn, nào phải hy sinh vì mục đích học thuật. Và phải còn có thứ vốn này nữa: mặt dày mày dạn, vô liêm sỉ, ngửi cứt thấy thơm! Được giấy rồi còn phải có sách in. Muốn có sách được in cũng phải dúi tiền cho những thằng làm kiểm duyệt, mời chúng nó đi ăn, đi hát và nhận in một hay hai tác phẩm của chúng, hay một

loại sách gì đó của ai soạn cũng không nên biết, không cần biết.

Trong tình trạng đó, có những tờ báo rất lạ. Báo mà in dày hàng hơn trăm trang, mỗi số lại mang một bìa khác nhau với tên tác phẩm và tên tác giả hẳn hoi như: Ba chuyện mổ bụng, Rắn báo oán, Luân lý thực nghiệp, Nhân loại tiến hóa sử, v.v... Báo mà bán giá sách và sách lại gửi Nhà dây thép cước phí phát hành theo thể lệ báo chí! Ấy là chưa kể giấy in báo lại tính ra giấy in sách và giấy in sách lại tính ra giấy giá chợ đen.

Ngoài việc in báo, in sách như trên còn một loại mấy con mẹ chuyên đầu cơ tích trữ giấy. Chúng nó cũng mở nhà xuất bản, in vô tội vạ, in không biết lần thứ bao nhiêu những Kinh Ma vương, Truyện Tả ao, sách xem số tướng, sấm Trạng Trình, Võ Tây, Võ Tàu, Võ Nhật, thuật thôi miên, v.v... và chúng nó đem nhuộm giấy, độc quyền bán cho các hàng vàng mã, các chợ tết...

Nếu như chúng tôi tam tứ phen tưởng rằng phải mở tiệc ăn mừng vì sắp ra được tờ báo, thì cũng nhiều lần chúng tôi bị hẫng như thế với nhà xuất bản. Cuối năm 1943, đồng chí Tô Hoài và tôi liên lạc được với nhà xuất bản Bách Việt. Chủ nhà Bách Việt là con trai đầu lòng một cửa hàng buôn đồng bán sắt. Nhà này mới phất từ khi các thứ hàng đồng, chì, nhôm, sắt chỉ có giấy của nhà binh Nhật mới được phép mua bán di chuyển, và từ khi máy bay Mỹ ném bom dữ dội, tàu thủy, ca nô bị đắm nhan nhản ở các cửa biển, cửa sông, bọn nhà thầu bỏ thầu mua cả các tàu to bị đắm ngoài biển thuê trục về để dỡ lấy đồng, sắt. Anh trẻ tuổi chủ nhà xuất bản này gặp được chúng tôi thì rất mừng. Chúng tôi đều có tác phẩm khá đưa anh in và tiền nong chúng tôi lại không đặt ra gay gắt. Chúng tôi còn soạn cho anh cả một chương trình làm việc. Đầu tiên in tập truyện Xóm giếng của Tô Hoài, nhưng tập truyện bị kiểm duyệt bỏ chỉ còn lại có cái tựa là Xóm giếng ngày xưa. Tiếp đó in một số sách của anh Vũ Ngọc Phan, rồi đến Những ngày thơ ấu của tôi. Những ngày thơ ấu của tôi tái bản đưa kiểm duyệt tuy phải chờ đợi khá lâu nhưng cũng được phép. Nhìn bản thảo của mình đỏ ngòm những dấu kiểm duyệt và

những chữ ký của tên nhân viên nghiện hút, bẩn như đỉa và cũng làm nhà văn nọ, tôi thấy mình như bị xẻo thịt, đóng chàm vào trán.

Cuốn thứ tư là một tập in chung. Tôi đã đi lấy truyện của Nam Cao, của Nguyễn Huy Tưởng, của Kim Lân, và cả truyện dịch của Như Phong. Tên tập là Luống cày, bìa Luống cày do một anh em có cảm tình với Văn hóa cứu quốc trình bày. Sửa soạn xong tập Luống cày, tôi xuống Hải Phòng tìm Nguyễn Công Mỹ. Nguyễn Công Mỹ vừa viết xong cuốn tiểu thuyết khá dài Cái chân gỗ. Chúng tôi đã đọc Cái chân gỗ (sau đồng chí Nguyễn Công Mỹ đổi là Gió Tây) và xếp ngay vào chương trình in sau Luống cày. Như thế có thể nói hầu hết những anh em đồng chí trong Văn hóa cứu quốc và những anh em tốt, có cảm tình với cách mạng là những cây bút chính của nhà xuất bản Bách Việt, chúng tôi là trụ cột, giữ quyền quyết định, và chúng tôi không phải chạy vạy vốn liếng, lo toan việc in lộ mặt gì cả.

Công việc đang tiến hành rôm rả như vậy (chúng tôi càng hết sức giữ gìn ý tứ nhất là về các chuyện tiền nong, sách in trước, in sau), thì chúng tôi thấy anh trẻ tuổi chủ nhà xuất bản của chúng tôi (có lẽ lần thứ nhất trong đời làm báo viết văn, chúng tôi thấy một người đứng đắn thật thà như vậy) cứ ngày một nhạt công nhạt việc. Chúng tôi càng tìm đến anh đôn đốc chạy vạy công việc, càng thấy có sự khác ý, càng thấy như có nước đá dội vào gáy. Cuối cùng Tô Hoài cho biết, một hôm Tô Hoài đến nhà anh thấy rõ ràng anh vừa đi lên gác, vậy mà người nhà lại bảo anh đi vắng.

Cửa hàng của bố mẹ anh đóng cửa hẳn đến nơi rồi. Phần vì đồng, sắt trong nhà chỉ còn chơ chỏng mấy đống lưỡi cày, lưỡi cuốc, nồi vỡ, chảo rạn của hàng chè chai mua về. Hàng nửa năm rồi, các bọn nhà thầu thần thế với nhà binh Nhật và có nhiều tiền mua vét hết cả hàng. Phần vì nhà anh sợ bom quá. Ngày ngày, ông anh, bà anh, cha anh, mẹ anh, các em gái em trai anh, cứ sáng sớm đã lốc nhốc cơm nắm nước phích thuê xe tay vào Hà Đông, hay lên Bách thú chạy bom. Vú bõ con trai lớn ở nhà thì chỉ rình có còi báo động là

đóng cửa chạy ra Cổng đục. Hôm nào mưa gió thì cả nhà ngồi vêu ra như bụt ốc đầy cả cửa hàng. Hôm gần đây, nhà chỉ để một u già nghễnh ngãng ở lại coi cửa hàng, còn tất cả kéo nhau về Hưng Yên chạy loạn.

Tô Hoài của tôi cười cười bằng đôi mắt, rất nhẹ nhàng tả những cảnh những việc "biến" kia cho tôi nghe.

Giữa lúc tình cảnh ra báo, xuất bản sách, kiểm duyệt giấy in, và nhà in như thế, thì có một nhà xuất bản nọ hoạt động thật đàng hoàng, công việc cứ ăn nên làm ra ùn ùn... Nhà xuất bản ấy có hẳn một chiêu bài và đi đâu cũng vỗ ngực là "mác-xít". Đó là nhà xuất bản Hàn Thuyên, một nhóm tự nhận toàn là nhà "lý luận" là "lãnh tụ" và "chiến sĩ" cách mạng chân chính. Chúng ra sách, đi tuyên truyền và có cả người luồn lọt trong mấy nhà in, trường học, công khai chửi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh, lôi kéo người và phá hoại những cuộc tranh đấu của thợ, lôi kéo và khiêu khích những thanh niên học sinh. Chúng chửi và hoạt động như thế bảo rằng để chống lại chủ trương đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương là "làm cách mạng thỏa hiệp, làm cách mạng đầu hàng giai tầng tư sản, làm cách mạng vô sản không triệt để, làm cách mạng tay sai cho Nga Xô viết". Còn đối với những cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, thì chúng bảo là "Xuẩn động" "đem con bỏ chợ", "đem quần chúng làm thí nghiệm", thậm chí còn là "khiêu khích để đế quốc tiêu diệt cách mạng"! Và mỗi lần nghe tin các cơ sở quần chúng, những đảng viên Đảng Cộng sản có tên tuổi bị bắt bị khủng bố, chúng liền cười khẩy và hất hàm ha hả kể chuyện lại với những người quen biết.

Chúng vừa là chủ nhà xuất bản, đốc công nhà in, chạy hàng giấy in, chấm công thợ, chi tiền cho thợ, nhận giấy giao kèo của nhà văn đưa bản thảo đến bán bản quyền tác giả... Nhưng từ "nhà lý luận" đến "nhà sáng tác" làm những công việc của nhóm Hàn Thuyên này vẫn cứ cho mình là "vô sản", "thuần túy cách mạng", đầu óc "cộng sản" hơn cả những người cộng sản đương bị tù đầy bắn giết lúc đó. Nếu ai muốn gặp chúng, thảo luận về quan

điểm triết học văn học hay đường lối cách mạng mà chúng đánh thấy hơi là người "thiên về đệ tam quốc tế", là được chúng mời lên tầng gác thứ ba của nhà xuất bản, đặt vào ngồi trước một cái bàn rộng như bàn giấy của nhà Đoan, hay sở Cẩm ở giữa phòng, có bộ xa lông to xù, rồi bốn năm cái điếu tẩu cứ nhâu nhâu ở xung quanh, bắt người khách nghe liên chi hồ điệp các giọng, các câu dẫn chứng của Mác, Ăngghen, Lênin và của cả Tơrốtxki nữa, với đủ các kiểu mặt và điệu bộ của một thứ kịch nhiệt tình với chân lý.

Câu đầu lưỡi và sự tự mãn nhất của chúng biểu lộ trong tất cả mọi trường hợp với chung quanh là chúng tự phong là chân chính duy vật, khoa học, chân chính chiến đấu cách mạng và cả khôn ngoan nữa... tiêu biểu cho những người làm "cộng sản" mà không cần "Đảng" và không bị bó buộc gì trong tổ chức!

Nhưng chân lý chỉ càng ngày càng chói rực.

Chân lý thuộc về cách mạng. Trên đất nước Việt Nam, với máu đã đổ ra của Đảng Cộng sản Đông Dương và quần chúng chiến đấu, chân lý đã được rửa khỏi những vết thương và các thứ bụi bặm. Những cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn Nam Kỳ không những không bị dập tắt, trái lại đã trở thành những bài học thôi thúc, những tấm gương cổ vũ thấm thía, những sức sống. Càng qua những giai đoạn khủng bố khốc liệt đen tối, càng qua những thử thách bằng sắt thép và lửa đạn của quân thù, ngọn cờ búa liềm lại càng vững vàng, càng giương cao, càng phấp phới. Sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng những gốc rễ của cách mạng của Đảng bắt vào quần chúng thì không sức gì lay bật đi được. Cũng như lòng tin ở Đảng của quần chúng càng qua những chặng gian nguy khốn khổ thì càng thêm tươi thắm.

Sức sống của cách mạng, sự hy sinh chiến đấu của quần chúng,... sự lãnh đạo sáng suốt và tinh thần sắt đá của Đảng vượt qua các cơn bão lửa của khủng bố,... lòng tin ở tương lai chắc chắn rực rỡ của nhân loại bất khuất trước bất kỳ sức mạnh dã man phản tiến hóa nào,... và dân tộc Việt Nam cần

cù anh dũng, tự mồ hôi và máu của mình đã viết nên bao trang sử tuyệt vời... tất cả đó là những dòng sữa nuôi dưỡng cho máu thịt và tâm hồn của chúng tôi, đó là những dòng ánh sáng luôn luôn rực lên trong tư tưởng và tinh thần chúng tôi.

Chính giữa thời kỳ này Đề cương văn hóa của Đảng đã đến với chúng tôi.

Tôi còn nhớ bản Đề cương viết chữ tay nhỏ xíu, khổ giấy nhỏ chỉ bằng bàn tay gồm có tám trang. Như Phong đưa cho tôi vào một ngày mùa rét 1943 ở nhà một anh bạn làm kịch ở Hà Nội, nơi đây chúng tôi vừa lấy làm địa điểm liên lạc, vừa làm chỗ tụ họp của những anh em văn nghệ sĩ có cảm tình với cách mạng, và của cả những anh em văn nghệ sĩ chỉ muốn sống làm văn học nghệ thuật không thôi. Chiều chiều Như Phong và tôi đi phố trao đổi ý kiến với nhau. Sau đó, chúng tôi tìm cách đưa ba điểm chính Dân tộc, Khoa học, Đại chúng trong bản Đề cương gợi ý và nêu thành những vấn đề để anh em bàn cãi, nhận định trong những buổi gặp gỡ nói chuyện với nhau về văn nghệ, về lịch sử, về triết học, v.v... về thế nào là chất cao quý, chất "người", chất tiến bộ của văn học, nghệ thuật, của văn hóa.

Từ cuối năm 1944, chúng tôi đã phổ biến tương đối được sâu rộng bản Đề cương trong những anh em có cảm tình với cách mạng, với Đảng, và trong những anh em thành thực đi tìm phương hướng cho đời sống trí tuệ, tư tưởng và sáng tác nghệ thuật của mình. Đầu năm 1945, đúng ngày mồng một Tết Ất Dậu, Văn hóa cứu quốc tổ chức một hội nghị thảo luận bản Đề cương. Địa điểm họp trong làng Nghĩa Đô, ngay cạnh Hà Nội, nhà đồng chí Tô Hoài, tham dự có đồng chí Lê Quang Đạo, Trần Độ, Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài và tôi. Chúng tôi nghe hai đồng chí Trần Độ, Lê Quang Đạo phổ biến nhận định của Trung ương về những chuyển biến mới của tình hình chính trị lúc bấy giờ, và yêu cầu của Trung ương về cuộc thảo luận bản Đề cương. Cuộc thảo luận làm từ chiều mồng một Tết đến chiều mồng bốn Tết. Chúng tôi chia tay nhau ra về được mươi hôm thì nổ ra cuộc Nhật đảo chính Pháp mồng 9

tháng 3, đúng như Đảng đã phân tích về những mâu thuẫn giữa bọn Nhật - Pháp, và thời cơ để đẩy thêm cao trào cách mạng...

1943 - 1944

Trong hai năm ấy, mặc dầu những gọng kìm của hai tầng thống trị Nhật - Pháp càng siết chặt, chúng tôi vẫn viết và càng say viết. Chúng tôi dằn mọi sự đau khổ, quằn quại, nặng nhọc, chật vật của ngòi bút xuống mà viết. Truyện ngắn của đồng chí Nam Cao và Tô Hoài vẫn đều đặn ra mắt trên tờ Tiểu thuyết thứ Bảy. Những tác phẩm sâu sắc, rắn chắc, cảm động của Nam Cao đã được bạn đọc đặc biệt chú ý. Các đồng chí còn viết rất nhiều truyện cho trẻ em. Với những truyện trẻ em của Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài và Nam Cao, nền văn học thiếu nhi của dân tộc đã được xây bằng những viên gạch có bản sắc rất quý. Bài nói chuyện của đồng chí Nguyễn Đình Thi về văn học dân tộc và những sách nghiên cứu của đồng chí, cũng được phân biệt hẳn ra với những sách đao to búa lớn, nói nhảm nói nhí, xuyên tạc chủ nghĩa Mác và phang bút vào lưng cha ông, tổ tiên dân tộc là những sách của nhà xuất bản Hàn Thuyên như Hai Bà Trưng của Nguyễn Tế Mỹ, Nguyễn Du và Truyện Kiều của Nguyễn Bách Khoa, v.v... Những tiểu thuyết và kịch lịch sử của Nguyễn Huy Tưởng cũng được công chúng chú ý. Công phu nghiên cứu, vốn hiểu biết rộng rãi, sức cảm xúc sâu sắc về lịch sử và nhất là một số nhân vật chính của Nguyễn Huy Tưởng tha thiết với vận mệnh của dân tộc, với vấn đề tri thức, sự sáng tạo và sự nghiệp văn hóa của dân tộc, đã nổi bật lên, phân biệt rất rõ giữa cái đám người viết bậy bạ, buôn bán tên tuổi cha ông đất nước lúc bấy giờ. Một số nhà xuất bản phải tìm đến chúng tôi để lấy tác phẩm in đầu tiên trong chương trình ra sách của mình. Dòng văn học hiện thực phê phán tách bạch hẳn ra, lôi cuốn quần tụ được nhiều bạn đọc. Nhiều lần đồng chí Nam Cao cao hứng lên, vừa cười rung rung hai bắp đùi xếp phẳng dẹt trên chiếu, è è cái giọng nói, và giơ một ngón tay lên: "- Bạn đọc cứ thấy ba cái tên những thằng này trên bài báo hay sách vở nhà xuất bản nào, là thấy ngay chúng nó có khuynh hướng gì và thấy ngay một cái gì khang khác, phân

biệt hẳn với những thứ nghệ thuật giả dối và bán mình lúc này!".

Tuy cười nói với nhau như thế, nhưng chúng tôi vẫn thấy cả một chế độ đè nặng trên ngực mình. Các mạch máu trong tâm hồn, trong tư tưởng chúng tôi cần được giao thông với thịt da, cuộc đời quần chúng, vẫn cứ bị những dây những cặp thắt lại tuy không thể làm tắc nghẽn hẳn. Các cánh bay của tinh thần luôn luôn bị cắt xén đi, và khoảng trời để cùng chan hòa với tư tưởng quần chúng vẫn dăng dặc những lần lưới chặt sít. Chúng tôi thấy càng phải có những hành động trực tiếp, càng chờ đợi cái phút quyết định lấy máu và gươm súng đánh thẳng vào những thành trì dinh lũy thống trị, lật đổ tan tành cái chế độ ngục tù này đi...

Để gây thêm cơ sở và mở rộng sự hoạt động, mấy anh em chúng tôi chuyển sang ngành kịch.

Lúc bấy giờ lập một ban kịch cũng phải lấy môn bài và xin phép của Sở mật thám. Vở diễn phải qua kiểm duyệt rồi, nhưng có vở mà không có sân khấu nhà hát thì cũng đành chịu. Ở Hà Nội ngày đó chỉ có hai ban kịch, một ban là của người Pháp, gánh Claude Bourrin. Hai ban kịch này đã được đặc quyền diễn ở Nhà hát Tây. Nhà hát Tây, cái tháp ngà, cái đền vàng son nghệ thuật thuở ấy, khó mà ai bén mảng đến được. Trừ những tổ chức giúp quỹ chiến tranh, dạ hội tiếp khách của các quan lại cao cấp, nơi biểu diễn ca vũ nhạc của giới thượng lưu trí thức và nhà quyền quý Tây đầm và "bản xứ". Người được mời đến các tối hoa lệ ở đây còn là những trưởng giả "bản xứ", những con buôn đồng, bán sợi, chủ thầu và tay sai đặc biệt của quân đội, hiến binh và phái đoàn Nhật.

Giới sân khấu ngày đó cũng chia ra nhiều "giai cấp", nhiều phái. Có một "giai cấp", một phái được đặc quyền và được cả đặc ân nữa của bọn thống trị, "giai cấp" này, phái này tự cho là thượng lưu, là tiêu biểu, là đứng đắn nhất trong việc làm nghệ thuật. Trong khi đó ở ngoài rìa cái xã hội có lương tháng to, xủng xoảng ung dung, có vai vế, có vốn liếng lớn và có cả tổ chức nữa của

những thượng lưu trí thức và văn nghệ sĩ đặc biệt kia, là cái giai cấp hạ lưu, với những nhóm, những cánh làm báo, viết văn, làm thơ, soạn kịch, diễn kịch, vẽ tranh, v.v... lem nhem mạt hạng. Họ lương tháng không có, trường này trường kia, văn bằng cũng không. Ông chủ, ông bầu có vốn có thế không thèm vời đến họ. Họ kiếm ăn lần hồi, giật đầu cá vá đầu tôm, làm thêm các nghề khác, và có khi là nghề chính, công nợ như lông lươn, có vợ con gia đình thì vợ con gia đình bù nheo bù nhóc. Những anh chị em của các giai cấp hạ lưu này, trong các nhóm, các cánh nghệ sĩ tã tưởi này, lại thích tự do, đặc biệt, rất yêu nghề, rất suy nghĩ, cay nghề. Trong giới sân khấu lại đông anh chị em này hơn cả.

Trong những anh chị em trên đây, chúng tôi đã được gặp đồng chí Kim Lân ngày đó còn vừa làm chú thợ sơn guốc ở phố phủ Từ Sơn, vừa viết truyện, vừa làm kịch. Qua đồng chí Kim Lân, chúng tôi còn liên lạc được với một số anh chị em làm kịch, diễn kịch nữa bên Bắc Ninh đến ngày nay vẫn là những người hoạt động tích cực cho sân khấu. Tìm đón được anh chị em tốt và có tài, nhưng làm sao lập được ban kịch bây giờ? Giấy phép của Sở mật thám và môn bài, chúng tôi đã có một người ra đứng tên xin. Nhưng cốt tử là vốn. Phải có vốn. Phải có vốn. Vốn sắm từ tấm ri-đô, cánh gà, đến vốn ăn để tập vở, thuê rạp để diễn... Tất cả những khoản chi tiêu này dù chỉ là sắm sửa, trang trải một cách vá víu lèm nhèm thì cũng phải có tiền.

Trong bọn anh chị em "cay" làm kịch nọ, còn có cả một công tử. Y là con một nhà buôn sợi to và có xưởng dệt ở Hà Đông. Y nhập với anh em và hứa sẽ bỏ vốn. Tiền này y còn phải đợi cơ hội để lấy ở cái két mà đến nhà băng Đông Dương cũng không kiên cố và hóc hiểm bằng, đó là cái tráp văn tự khảm xà cừ và cái ruột tượng của bà mẹ y. Trong khi chờ đợi sự đóng góp của y hứa hẹn chắc chắn là phải ra tấm ra miếng, chúng tôi đã cuống lên vì chạy tiền. Cuối cùng đồng chí Như Phong, Nam Cao và tôi, kẻ thì lấy tiền của gia đình, kẻ thì bỏ cả tiền bán bản quyền sách, kẻ đem cầm hoa nhẫn của vợ, người được một trăm đồng, người được hơn trăm đồng đem góp vốn. Với

số tiền này, ban kịch đã sắm được một ri-đô có thể trương cả ở Nhà hát Tây, một bộ cánh gà, có thể dùng ở tất cả mọi sân khấu, và chúng tôi tập hợp được khá đông anh chị em diễn viên, anh chị em viết văn, làm báo, họa sĩ, nhạc sĩ chuẩn bị diễn hai vở. Hai vở đã tập xong, ban kịch lên đường đi diễn, còn công tử yêu kịch, thích làm kịch, hằng tâm hằng sản, con một của một bà "triệu phú" kia vẫn chưa bỏ ra một xu. Nhưng trong các buổi ăn uống tập vở, và các chuyến đi các tỉnh được phụ cấp tiền tàu xe và cả tiền ăn sáng, ăn bữa cơm chính nữa, không buổi nào, không chuyến nào là không có mặt quý công tử kia cả.

Chúng tôi đi diễn ở các tỉnh: Hà Đông, Bắc Ninh, Hải Dương. Từ vẽ tấm biển quảng cáo, đến khuân vác đồ đạc, quét dọn sân khấu và có khi thổi cơm nữa, chúng tôi đều làm lấy. Tổ chức những buổi diễn phần nhiều nhờ những anh chị em trong Hội truyền bá quốc ngữ ở ngay tỉnh đó, hay những bà con yêu thích kịch.

Kết quả cuộc vận động này chúng tôi đã tập hợp được nhiều anh chị em văn nghệ sĩ, trong đó có người vào Văn hóa cứu quốc, có người có cảm tình. Còn những vở kịch ảnh hưởng của nó trong quần chúng thì quá ít! Đã thế lại còn có vở không tốt như vở Bóng giai nhân. Khuyết điểm chính của chúng tôi là không có một chương trình diễn với những vở tốt; chúng tôi không tuyên truyền, giáo dục và tổ chức anh chị em một cách tích cực, không kịp thời phát huy những điểm tốt của anh chị em, lấy những anh chị em đó làm "nhân" mở rộng tuyên truyền, vận động tổ chức trong quần chúng.

Đến ngày cao trào cứu quốc, hội nghị Tân Trào đương tiến hành, chúng tôi đã chuẩn bị cho đồng chí Kim Lân thoát ly và tổ chức một đội kịch lưu động với những anh chị em đã nhằm sẵn trong ban kịch kia và tuyển ở mấy địa phương đương hoạt động kịch mạnh. Đội kịch này sẽ phục vụ trên chiến khu và đi tuyên truyền võ trang. Đồng chí Kim Lân tổ chức xong thì Tổng khởi nghĩa...

1942 - 1945

Những năm mà tất cả những ai là người có thiện chí đều phải ghê tởm vì sự gian dối quái gở của cái nền văn hóa gọi là "phục hưng" của bọn thống trị lúc bấy giờ.

Trước những cái lạc hậu, thối nát, ngột ngạt nhất mà lại được ca tụng là văn minh là thoải mái, là tốt đẹp, là đạo đức vĩnh cửu ấy, chỉ còn có một con đường đấu tranh với nó. Nghĩa là không thể nào không vạch mặt chỉ trán đánh thẳng vào sức phản động của thống trị, đồng thời phải bảo vệ những thành quả mà nền văn hóa chân chính của dân tộc và của nhân loại đã vun trồng không ngừng qua nhiều đời, nhiều thế kỷ. Phải tiến lên xây dựng một nền văn hóa mới, sẽ kế thừa những truyền thống nhân đạo tươi thắm và cao quý kia. Phải mở rộng phát triển không ngừng nền văn hóa mới ấy để giáo dục tư tưởng, tâm hồn quần chúng, để khai thác những khả năng vô tận của quần chúng, để tạo thành một nguồn hạnh phúc, một niềm tự hào, một lẽ sống và sức sống của loài người ngày càng tiến bộ trên mặt đất này.

Muốn chiến đấu và xây dựng nền văn hóa mới ấy của dân tộc của quần chúng, không thể nào không gắn liền hành động với phong trào cách mạng, phong trào cứu quốc lúc bấy giờ. Muốn chiến đấu và xây dựng nền văn hóa mới ấy của dân tộc, của quần chúng, không thể nào không có sự soi chiếu của chủ nghĩa Mác - Lênin. Phong trào cứu quốc càng dâng cao, những nguyện vọng, nhận thức và quyết tâm kia càng mạnh mẽ, càng tích cực. Vì vậy chủ trương vẫn tranh thủ mọi khả năng, mọi điều kiện công khai để tuyên truyền, để tổ chức tập hợp quần chúng, song cần phải xúc tiến ra được báo bí mật làm cơ quan chiến đấu chính thức, trực tiếp và kịp thời của Văn hóa cứu quốc. Chủ trương ấy đã được anh em đồng chí và những quần chúng cảm tình của Văn hóa cứu quốc vui mừng đón nhận như một trong những nghị quyết hành động chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa vậy.

Cơ quan này là báo Tiền phong ra thành tạp chí.

Cái lần tôi bày tập giấy trắng ngồi viết gần bực cửa dưới hàng hiên của ngôi nhà cũ ở quê hương thành phố Nam Định sau hơn hai năm tôi ở tù và ở trại giam về, tôi đã nghẹn ngào nao nức không sao viết ngay được. Lần này tôi cũng trở lại những cảm xúc ấy, khi chuẩn bị bài cho tạp chí Tiền phong mà địa điểm tôi được ngồi viết lại ở ngay một cơ quan hẳn hoi. Đây là nhà xuất bản của một đồng chí trong Văn hóa cứu quốc: Nhà xuất bản Mới. Mới đã in được một cuốn của đồng chí Đặng Thái Mai dịch tạp văn của Trung Quốc, và một truyện vừa của tôi: truyện Ngọn lửa. Cơ quan ở đường bờ sông Hà Nội, có một gác xép có lối cổng hậu ăn ra một ngõ hẻm ở phố đằng sau. Tôi vẫn đi lấy các báo Cứu quốc, Cờ Giải phóng, Độc lập và các tài liệu đem về đây, phân phối cho những tổ, những anh em và quần chúng Văn hóa cứu quốc. Một mình một bàn rộng, một gian gác vắng, tôi ngồi viết truyện ngắn, truyện Buổi chiều xám, mà một số sự việc, cảnh tượng và tình ý đã do đồng chí Như Phong gợi ra.

Vào khoảng giữa tháng 5-1945.

Những tin chiến thắng dồn dập của hồng quân Liên Xô đang tiến mạnh về Bá Linh như bão lửa... Những tin chiến thắng của các trận đánh du kích ở căn cứ địa Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên cũng liên tiếp dội về Hà Nội và các tỉnh đồng bằng... Những tin phá kho thóc, chia thóc cho nông dân, những tin tước khí giới của các đồn các huyện tới tấp đổ thêm về Hà Nội và tràn đi khắp các làng các chợ. Những gạch chéo, những ngôi sao đánh dấu các vùng giải phóng cứ một ngày một mở rộng trên bản đồ Bắc Bộ in ở báo Cứu quốc. Trên các đường số 1, số 5 và đường các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, nông dân nghèo đói còn sống sót sau trận đói giết hàng hai triệu người, đã lũ lượt trở về quê hương làng mạc gặt hái cày cấy và tham gia vào phong trào cứu quốc. Cả Hà Nội âm ỉ, rần rật, nung nấu... Con sông Hồng ở bên kia đường trước cửa nhà tôi ngồi viết càng cuồn cuộn, ì ầm phù sa nước lũ. Chiều chiều, các đỉnh Tam Đảo, Ba Vì mây trắng lung linh, rực rỡ, vang âm như có

cờ bay, quân trẩy, súng dậy, ngựa reo... Hà Nội như một ngọn núi lửa rình phụt...

Buổi chiều xám của tôi viết một lần, rồi hai lần, rồi ba lần bản thảo. Tôi tung hoành ngọn bút như chưa bao giờ được như thế. Lần chép sạch sẽ cuối cùng để gửi đã xong. Buổi chiều xám đăng lên Tiền phong, tôi không ứa nước mắt như những năm tôi bắt đầu vào đời văn, khi xong những truyện ngắn, tiểu thuyết mà tôi đặt hết hy vọng của mình vào. Nhưng mà nước mắt vẫn vỡ ra ở trong lòng tôi. Tôi vừa nghe thấy nước mắt rỉ mặn trong người, vừa cất thầm lên những tiếng hát, vừa nghe dội lại rùng rùng, vang chuyển không biết bao nhiêu tiếng hát...

## XI. VỀ LỰC LƯỢNG SÁNG TÁC VĂN HỌC TRẺ

Quả là trong phong trào văn học hiện nay đang hình thành một lực lượng những cây bút trẻ. Không trẻ sao được, tuổi đời của anh chị em đều từ mười tám đến ba mươi. Ấy là không kể có một bạn làm thơ được nhiều người khen ngợi mới trên mười tuổi. Trẻ quá đi ấy chứ!

Anh chị em rất khỏe. Chả khỏe mà ở đâu cũng thấy viết, cũng viết được. Tuyến lửa, dưới bom đạn máy bay tàu chiến nhung nhúc của đế quốc Mỹ. Rừng sâu núi thẳm. Sóng gió biển khơi mênh mang chân trời. Cồn cát đồi bãi bỏng cháy gió Lào. Hầm địa đạo như bát quái trận đồ. Nhà máy, hầm mỏ, công trường, mục tiêu điên cuồng hủy diệt của địch. Đồng ruộng, nhà thương, trường học, phòng thí nghiệm, nhà ga, cầu cống, trạm xe, lán trại... ở các nơi đây, anh chị em đã sống trong muôn vàn khó khăn, muôn vàn gian nguy.

Anh chị em đã viết được với các mẫu người. Những con người chiến đấu và sản xuất. Anh chị em đã viết với chính sự sống của bản thân. Bản thân anh chị em đã cùng chung quanh sản xuất chiến đấu.

Nếu như người đọc không biết tuổi tên, nhất là không biết tuổi anh chị em, mà lại biết, lại thấy anh chị em trẻ, chính là vì cái hơi hướng, cái hơi thở nơi anh chị em viết. Cũng từ những đất sống này, qua những trang chữ của anh chị em viết người đọc thấy những cái gì thật là cao quý mà ngòi bút anh chị em lấy làm lẽ sống. Và thấy cả sự cố gắng của anh chị em chiến đấu cho tâm hồn, cho trái tim mình nảy chồi cất cánh.

Cố nhiên có những mức độ khác nhau ở mỗi người, ở từng người, từng nơi, từng thời kỳ.

Cũng trong những lớp cây bút trẻ mạnh này thấy thêm một điều rất quý nữa là: sức cố gắng sao cho tiếng nói của mình, những dòng chữ của mình vừa toát lên được ý nghĩa của cuộc sống, đồng thời có cả cái long lanh của bản sắc sáng tạo.

Nếu như lẽ sống của anh chị em là sự hòa nhịp và thuộc về quần chúng, về dân tộc, thì cái long lanh kết tinh của sức sáng tạo kia cũng là một phần tình ý của lẽ sống đó.

Nhiều lúc cầm đọc những trang chữ của anh chị em, sao mà thấy run tay. Hệt như là những chim non vừa nở, những hoa hương bình minh đang thở, những trái tim tươi đang đập trên tay mình vậy. Rồi đây đất nước sẽ có thêm bao nhiêu đôi cánh chở bay hình ảnh và tâm hồn của mình lên, có thêm bao nhiêu hương sắc thổi lên từ tâm hồn và mặt đất của mình, có thêm bao nhiêu mạch máu để chứng tỏ sức sống của mình, tôi không dám và cũng không thể tính ra thành những con số.

Nhưng tôi xin hãy được tả bằng những hình tượng trên đây và nói ra sự cảm nghĩ đã đến trước nhất với tôi là như thế.

***

Trong những sáng tác của anh chị em, bên cạnh những điểm tốt, điểm hay tôi thấy có hai điểm này cần phải suy nghĩ: sự dễ dàng và sự lười biếng.

Đúng, sự sống và vận mệnh của dân tộc của đất nước là nguồn chất liệu và cảm hứng cho anh chị em sáng tác, nhưng đâu có phải là một bữa cỗ, thết đãi ê hề, không tốn kém gì cả. Hay nói một cách khác, nếu sự nghiệp của dân tộc, của đất nước là một bữa cỗ, thì người viết phải là những người lo chạy và làm ra bữa cỗ đó. Một bữa cỗ của một cảnh nhà thanh bạch, nền nếp, hiếu khách và có tư thế.

Từng việc làm, từng thành quả, từng giá trị của nhân dân phải được tìm hiểu, suy nghĩ, gắn bó và diễn tả với tất cả tinh thần trách nhiệm và ý thức sáng tạo.

Mỗi cảnh ngộ, mỗi tình huống, mỗi con người, mỗi cuộc đời đều đòi hỏi phải được ánh lên, sống động bằng những dòng chữ có mồ hôi, máu thấm và trí não người viết.

Trong công cuộc phản ánh này, dễ dàng không những chỉ là thất bại mà còn là một sự phạm tội.

Cùng với sự dễ dàng, lười biếng cũng thế! Mỗi nhân vật, mỗi hình tượng, mỗi tình ý, mỗi câu, mỗi chữ... để có được chiều sâu, sức nặng và sự sống, không thể không tạo nên bằng một sức lao động đặc biệt, kết tinh, vận dụng tột cùng cường độ.

Nguyên nhân của nạn "hữu sinh vô dưỡng" trong sự sáng tạo của những tác phẩm, căn nguyên là "tiên thiên bất túc", là vốn sống nghèo cỗi, nhưng cũng còn cả vì viết quá dễ dàng và lười biếng.

Trong nhân dân ta, tôi thường được nghe nói: "Quét cái sân cái nhà mà không đau cái chổi", hay "giặt giũ mà không đau cái áo cái quần", hay "cuốc

cái bụi cái vườn mà không đau cái đất", thì cũng như viết mà ngòi bút không trăn trở, và mặt giấy không đau, vậy làm sao thể hiện được sự sống, được con người, được cuộc đời? Cũng như làm sao mà có được những dòng chữ, những trang đúng, hay, tốt đẹp, bền vững lâu dài? Làm sao có được giá trị tư tưởng và nghệ thuật? Làm sao có được cái "long lanh" của bản sắc, của sáng tạo? Và làm sao sức viết càng ngày càng tươi tắn, lớn mạnh được trong sự sống, trong cuộc đời?

***

Trong công việc viết văn, làm nghề văn, điều tôi đặt lên hàng đầu để luôn luôn tự nhắc nhủ, răn bảo mình là: không được bằng lòng mình, đặc biệt là không được cho phép mình gian dối. Với những tác phẩm vừa viết xong cũng như viết đã lâu, tôi đều lấy làm những cái mốc để mình phải cố gắng hơn nữa, đổ mồ hôi, sôi máu mắt thêm nữa. Nhìn và thấy ra những cái mình viết có sự nghèo nàn, non kém, lỏng lẻo, xoàng xĩnh, khô queo, giả khượt... thì phải biết xấu hổ. Nhưng đã nhìn và thấy ra mình nghèo nàn, non kém, khô queo, giả khượt mà vẫn cứ viết cho có trang chữ in thành bài thành tập sách, để có sách có tên, có tiền, thì đó là quá đỗi hư hỏng.

Vậy thì muốn viết và để viết không xoàng xĩnh, không giả khượt, viết cho sống, cho hay, cho hữu ích, thì không thể có cách nào khác là phải không ngừng trau dồi vốn sống. Như thế phải học, phải làm việc, học và làm việc song song. Làm việc phải nhiều hơn nói và làm việc phải thật tốt. Làm thật tốt hơn là nói hay, nói giỏi.

Trả lời phỏng vấn của báo Văn nghệ

số 299, tháng 7-1969

XII. THAM LUẬN Ở HỘI NGHỊ TRÍ THỨC VIỆT NAM CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

4-1-1966 - 6-1-1966

Đã năm ngày bước sang năm 1966. Thành quả rực rỡ của những nền khoa học, văn học nghệ thuật chân chính phục vụ cho sự sống của con người đương rỏ mồ hôi trên trái đất, càng làm thương yêu thêm bao nhiêu nhân loại chúng ta và tin tưởng ở tiền đồ của nhân loại chúng ta. Cùng với những thành quả ấy, sự phát triển và thắng lợi của các dân tộc đấu tranh cách mạng quyết liệt tự giải phóng khỏi gông xiềng nô lệ và chấm dứt những cuộc bắn giết, tàn sát, phá hoại cực kỳ dã man, cực kỳ thâm độc của bọn thực dân và đế quốc đứng đầu là đế quốc hiếu chiến Mỹ, cũng làm cho nhân loại thêm vui mừng và tự hào ở sức sống của mình, ở nền văn hóa mà mình xây dựng và giữ gìn, với vầng chân lý từ bao ngàn năm ngày càng chói sáng vì được gội bằng máu của mình.

Chưa bao giờ chúng tôi, những người viết văn, lại cảm thấy công việc chúng tôi được có ý nghĩa như ngày nay: chúng tôi đương sống và viết.

Sau chín năm kháng chiến trường kỳ gian khổ và sau hơn sáu mươi năm đấu tranh cách mạng, miền Bắc Việt Nam chịu thương chịu khó tiến bước kiến thiết đất nước bị tàn phá đã được mười năm. Và cũng mười một năm, miền Nam Việt Nam lại phải đổ máu để chống một chế độ tàn bạo có một không hai trong lịch sử và chống một cuộc xâm lược cũng tàn bạo có một không hai trong lịch sử. Mười một năm ghi tiếp vào hơn bốn ngàn năm mở mang của một đất nước trải ra hơn hai ngàn cây số trên bờ Thái Bình Dương sóng gió, với từng tấc, từng tấc núi sông mà con cháu của nó đều phải ấp mặt xuống hôn và thấy môi mình thơm ngọt vô cùng, huyết mạch trong mình dào dạt vô cùng, và khi ngẩng mặt lên, thấy ánh sáng trời mây và cây cỏ sao mà bao la lồng lộng, tươi thắm ngạt ngào.

Mười năm để ghi tiếp vào hơn bốn ngàn năm lịch sử chiến đấu của một dân tộc với từng trang từng trang mà con cháu của nó mỗi khi mở ra lại thấy trái tim mình nức nở, tinh thần chí khí mình như được chắp bằng cánh lửa, và

một vang động thần kỳ cuốn bốc mình đi.

Phải! Khi mồ hôi chúng tôi rỏ giọt và trí tuệ chúng tôi được kết lại thành hoa trái và ánh sáng cho đời sống, thì có một phút một giây nào chúng tôi không nghĩ đến những thành quả và chiến thắng của nhân loại lao động cần cù hy sinh chiến đấu đã là cả một nguồn thương yêu tin tưởng tự hào cho chúng tôi, cũng như nghĩ đến vận mệnh thiêng liêng cùng hạnh phúc tương lai quý báu rực rỡ của nhân loại chính có vận mệnh, hạnh phúc, tương lai của chúng ta nằm trong đó.

Cũng như, ơi Tổ quốc Việt Nam yêu dấu, có một phút một giây nào mà những ngòi bút chúng tôi đã được làm những ngòi bút tin yêu của con người, chúng tôi lại quên nghĩ đến nguồn thương yêu, tin tưởng tự hào mà Tổ quốc đã ban cho chúng tôi, và sự nghiệp vĩ đại của dân tộc đã cho chúng tôi thừa hưởng.

Cũng như có một phút một giây nào chúng tôi dám quên không nhớ rằng tất cả sức nặng của những dòng chữ mà chúng tôi viết nên được trên mặt đất này cùng với những trang sách tươi thắm mà chúng tôi có thể đóng góp để sống cùng với núi sông, với dân tộc, với nhân loại, đều nhờ có máu của cha ông trước đây đã đổ ra cho sự sống còn và nền độc lập của dân tộc, của Tổ quốc, và máu của nhân dân đương kháng chiến, cũng đổ ra vì sự sống còn và nền độc lập của dân tộc, của Tổ quốc...

***

Phải! Với nguồn thương yêu, tin tưởng và tự hào về những thành quả và chiến thắng của nhân loại lao động cần cù, hy sinh chiến đấu ấy, và cũng với nguồn thương yêu, tin tưởng và tự hào về một đất nước và dân tộc có hơn bốn ngàn năm lịch sử cũng lao động cần cù và chiến đấu anh dũng hy sinh, những ngòi bút chúng tôi đương sống và viết về công cuộc xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc Việt Nam, về trận đấu tranh cách mạng

của miền Nam Việt Nam để giải phóng một nửa phần Tổ quốc. Chúng tôi đương sống và viết về sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của ba mươi mốt triệu nhân dân quyết bảo vệ những thành quả cách mạng của dân tộc mình, bảo vệ nền văn hóa và đạo nghĩa của dân tộc mình, và cũng để bảo vệ chung cho cả những thành quả của lịch sử nhân loại.

Chúng tôi đương được sống và viết trên một đất nước mà một nửa phần thân thể đương bị từng phút từng giờ chảy máu vì sự bắn giết xâu xé của một bọn mà không thể có chữ gì khác hơn để gọi chúng là quân ăn thịt người. Tên chúng là đế quốc Mỹ và bọn tay sai ngụy quyền miền Nam. Những nanh vuốt của chúng mang những tên Hạm đội Bảy, máy bay chiến lược B.52, sư đoàn cơ động tinh nhuệ X, V, v.v... ngày đêm đi săn đuổi nhân dân Việt Nam. Những nanh vuốt còn tẩm cả chất hóa học. Tuy vậy, sự sống ở đây vẫn chỉ càng ngày tươi rói thêm, nảy nở mạnh mẽ rực rỡ hơn, với sức chiến đấu của những con người nhất định bẻ gẫy gông xiềng nô lệ, nhất định dập tắt những cảnh khói lửa tàn phá tan hoang, xây dựng nên một đời sống mới. Nhất định mình là kẻ chiến thắng và quân thù phải là kẻ chịu sự tiêu diệt.

Chúng tôi đương được sống và viết trên một đất nước mà, để có những trường học, vườn trẻ cho con cháu, những bệnh viện, an dưỡng đường cho các người bệnh phong, lao, già lão tàn tật, những nhà nghỉ mát cho công nhân viên cán bộ, những khu đại học cho các con em nhân dân lao động và cả cán bộ, bộ đội theo học, những nhà máy, những đập nước, cầu cống, bến cảng, nhà hát, câu lạc bộ, v.v... thì nhân dân đã phải nhịn ăn bớt mặc, nâng niu chắt chiu từng viên gạch ngói, từng cân sắt thép, xi măng, và làm việc chẳng quản mưa nắng, ngày đêm.

Chính trên mặt đất được xây dựng thật là bằng mồ hôi nước mắt của những con người chịu thương chịu khó, vô cùng yêu quý hòa bình ấy, lại đương phải chịu đựng những trận bắn phá kẻ cướp với các loại máy bay mới nhất mang những tên Con ma, Thần sấm, Giặc nhà trời biểu diễn với các thứ

kiểu bom đạn giội bừa xuống những công trình thành phố xóm làng kia, làm chết cả những trẻ em đương ngâm nga đọc bài, cả những người bệnh nặng được chăm nom sắp sửa lành mạnh, cả những ông già nghỉ ngơi đương vót tre đan lát, cả những sản phụ trên bàn đẻ, cả những người mẹ công nhân thợ dệt đương làm việc nuôi nấng bố mẹ chồng già yếu và đàn con thơ cho chồng đi bộ đội, cả những nông dân mải miết cày ruộng và cả những trẻ chăn trâu... Những tên chỉ huy các trận bắn phá tàn sát đó, từ ở những cái ổ Nhà Trắng và Lầu Năm góc, bên phía Thái Bình Dương có hắn một bức tượng Thần Tự do đứng trên bờ trông ra biển xanh kia, gọi đó là những trận leo thang! Chao ôi! Chữ với nghĩa dùng cũng kha khá là giỏi, là có sáng tạo. Nhưng nếu như trong từ điển quân sự chính trị Huê Kỳ có thiếu, thì còn những chữ sau đây: đào tường, khoét ngạch, chui giậu, và bật hồng phá cổng, v.v... để gọi tên thêm cho những chiến lược, sách lược tuyệt vời của các tướng quốc và tướng cướp Hoa Kỳ ta thêm bội phần mỹ lệ.

Mặc dầu bầy lũ binh tướng kia càng ngày càng mở rộng những trận bắn phá điên cuồng, toàn thể nhân dân Việt Nam hơn bao giờ hết, càng bình tĩnh, càng quyết tâm đẩy mạnh cuộc kháng chiến trường kỳ. Từng trăm từng trăm máy bay các loại các kiểu của chúng tối tân đã bị lưới đạn của quân dân miền Bắc bắn hạ tan tành, và, lúc nhúc những phi công của chúng đương làm những tờ khai tố cáo bọn trùm sỏ đẩy họ đi làm những công việc liều lĩnh, tàn bạo ô nhục vô cùng ấy, và đương ăn năn sám hối, mong mỏi được nhân dân Việt Nam giáo dục cho trở lại được làm người lương thiện, lao động tốt, được phóng thích về với gia đình, đất nước quê hương...

Chính những cha, chồng, con, em của những con người bị bọn trùm ăn cướp ngụ ở Nhà Trắng và Lầu Năm góc kia bắn giết là những người chân chính nhất đương ở các bệ súng, các mâm pháo và luôn luôn trong tay cầm súng các cỡ. Đó là những bộ đội, dân quân tự vệ vừa chiến đấu vừa ca hát, vừa sản xuất, họ đã mở ra các lưới đạn trừng phạt khủng khiếp bọn giặc để giữ vững đời sống. Cho những trẻ em vẫn đi học. Cho những guồng sợi vẫn

quay đều, những đập nước vẫn dạt dào, những tầng lò vẫn nhả khói. Cho những bản dân ca vẫn thánh thót trên các sân khấu với các màn ca múa cổ truyền, những tiếng trẻ sơ sinh vẫn làm nở những nụ cười mẹ hiền âu yếm, những buổi liên hoan và phát bằng cho các bác sĩ y khoa, kiến trúc sư, cao đẳng mỹ thuật, âm nhạc... vẫn tưng bừng với những thanh niên ưu tú. Cho những ruộng đồng vẫn xanh tươi và vùng trời xanh bao la vẫn soi xuống những công trường và bến sông đường lớn mở mang vận chuyển dồn dập không ngừng.

Trong lửa đạn ở các hỏa tuyến, trên các mặt trận ở rừng sâu, bờ biển, hải đảo, từ mũi Cà Mau lên triền Trường Sơn đến Tây Nguyên hay biên giới Việt - Lào, từ đồng bằng sông Cửu Long ra sông Lam, sông Hồng... những bài thơ, truyện ngắn, bút ký, ký sự, tranh vẽ, bản nhạc, kịch, độc tấu, sách, báo, v.v... đã tích cực theo sát từng chiến công của quân đội, từng thành tích sản xuất của nhân dân mà sáng tác, biểu diễn, triển lãm, xuất bản, phát thanh, quay phim, chiếu phim...

Những tài năng, những lớp nghệ sĩ trẻ, những giá trị xuất sắc, những công trình đặc biệt đã nảy sinh, tôi luyện phát triển, đánh dấu thêm một bước tiến của phong trào văn nghệ, hứa hẹn, thêm sự đóng góp tươi thắm cho nền văn hóa dân tộc, đồng thời cũng để đóng góp vào nền văn hóa chung của thế giới.

Chính trong cuộc chiến đấu sinh tử để giải phóng đất nước và giữ vững những thành quả của cách mạng, của kháng chiến và của công cuộc kiến thiết Tổ quốc này, những ngòi bút chúng tôi đã lớn mạnh càng lớn mạnh thêm, càng thấy dạt dào sức sống và lẽ sống của mình. Và càng thấy một sự cổ vũ ngày càng rộng lớn đối với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc mà chúng tôi được tận tụy phục vụ.

Đó là sự cổ vũ của nhân dân thế giới cùng với các bạn trí thức và văn nghệ chân chính các nước, vì tôn trọng sự sống của con người và nền độc lập thống nhất thiêng liêng của các dân tộc, đã làm nổi lên cả một phong trào ủng

hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Một cuộc kháng chiến vô cùng anh dũng.

Một cuộc kháng chiến thần thánh.

Cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam anh hùng ấy đã thành hẳn một vấn đề của lương tâm, của công lý, của đạo nghĩa mà tất cả những ai là kẻ thấy trái tim mình đau thắt, mặt mình tím lại, tâm trí và trí tuệ mình cháy bỏng lên vì sự tàn sát và phá hoại dã man của bọn xâm lược, đều thấy mình phải có thái độ. Nghĩa là phải đứng về phía những con người mà mình yêu quý, tôn trọng, lên tiếng tố cáo cái bọn gây nên những tội ác kia, níu quặt cánh tay sát nhân và cướp phá của chúng lại, và, hơn nữa, nếu cần đến thì bằng chính máu thịt của mình đem ra bảo vệ cho chính nghĩa.

Vì thế những đuốc lửa ngùn ngụt ngay trên đất Mỹ cùng với những đuốc lửa của nhân dân nhiều nước ở khắp thế giới đã kéo đi phản đối cuộc chiến tranh xâm lược bẩn thỉu sẽ còn được tiếp thêm, sẽ còn bốc cháy lan rộng nữa.

Và trong làn lửa phản đối ấy đã có những người Mỹ chân chính nhất hi sinh cả tính mệnh. Toàn thế giới đã phải suy nghĩ về nghĩa cử cao cả của Hen-ga Hec-zơ,

No-man Mô-ri-sơn, Rô-giơ La-poc-tơ và Xi-lin Jan Cao Ky.

Kính chào Pơ-rô-mê-tê đã đem lửa về cho nhân loại.

Kính viếng những Hen-ga Hec-zơ, No-man Mô-ri-sơn, Rô-giơ La-poc-tơ và Xi-lin Jan Cao Ky, những người đã làm cho nhân loại bớt xấu hổ với Pơ-rô-mê-tê, những người đã rửa bớt sỉ nhục cho nhân dân Mỹ, cái sỉ nhục gây nên bởi bọn đế quốc Mỹ lái súng xâm lược.

Hỡi những mặt đất nơi đã cháy lửa tự thiêu của Hen-ga Hec-zơ, Rô-giơ

La-poc-tơ, No-man Mô-ri-sơn, và Xi-lin Jan Cao Ky vẫn còn giữ đượm những hơi nóng và tro than đấy chứ, để cho chúng tôi một ngày tới đây sẽ đến cúi xuống hôn và càng tin yêu, tự hào thêm về con người, về chân lý, chính nghĩa và sự sống mà con người quyết tâm bảo vệ!

Để chúng tôi thấy sự sống thật của đất nước Mỹ, thật của con người Mỹ và của nền văn hóa Mỹ chân chính mà chúng tôi chính cũng đương vì nó mà chiến đấu, giữ cho nó không bị cái bọn ăn thịt người và cướp phá ở Lầu Năm góc và Nhà Trắng kia bủa vây trong cái màn đen tối của sự lừa dối, của diệt vong...

***

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam đương chói lọi trên mặt đất. Vượt qua muôn ngàn gian khổ gây nên bởi một bọn xâm lược dã man, tàn bạo có một không hai trong lịch sử, cuộc đấu tranh võ trang cách mạng để giải phóng đất nước, và cuộc kiến thiết Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vô cùng anh dũng ấy, ngày càng được sự cổ vũ, ủng hộ của nhân dân thế giới và của các giới trí thức, văn nghệ khoa học các nước.

Trong cuộc kháng chiến thần thánh ấy của dân tộc, trí tuệ, tư tưởng và tài năng của anh em văn nghệ sĩ Việt Nam ngày càng lớn mạnh, khai hoa, kết trái, tươi tốt, rực rỡ. Ngọn lửa của ý chí phấn đấu, của lòng tin và cũng là ngọn lửa của căm thù cũng ngày càng bốc cháy trong tâm hồn chúng tôi, trên đầu ngòi bút chúng tôi. Ngọn lửa được truyền từ bốn ngàn năm lịch sử của một dân tộc anh hùng, của một nền văn hóa vừa lâu đời vừa tươi trẻ tràn đầy sức sống ấy, nhất định sẽ càng ngày càng tỏa sáng thêm, chói lọi trên con đường sáng tạo và hoạt động văn học nghệ thuật của chúng tôi. Chúng tôi càng phục vụ đắc lực hơn nữa sự nghiệp kháng chiến, chống Mỹ cứu nước và sự nghiệp kiến thiết Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất định sẽ chiến thắng dù phải đương đầu với một kẻ thù tột cùng hung hãn, tàn bạo, liều lĩnh và gây nên chừng nào khó khăn chăng nữa.

Đây là ý nguyện duy nhất, lẽ sống duy nhất của chúng tôi.

Và cũng là lời thề của chúng tôi.

## XIII. MỘT HÌNH ẢNH VÀ TÊN TUỔI

Những tiếng hát ru đã nuôi nấng tâm hồn và tuổi thơ tôi. Tuổi thơ và tâm hồn tôi lại còn được nuôi nấng bằng bao nhiêu hình ảnh của những trời mây sông nước lồng lộng cùng với những anh hùng, liệt sĩ, chiến sĩ anh dũng hy sinh, anh dũng chiến thắng, mà tên và tuổi đã thành sử xanh, hay chỉ là những tên và tuổi rất xa lạ, trí tưởng tượng măng sữa của tôi đã chiêu gợi, phác họa ra rất là đặc biệt.

Trong những hình ảnh và tên tuổi tươi sáng, chói rọi kỳ diệu này có một người: Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc, người đã đến giữa tuổi thơ tôi.

Tuổi thơ tôi, một đứa bé bơ vơ của một dân mất nước, một đôi mắt nhìn đâu cũng thấy những áp bức bất công, một đôi tai nghe đâu cũng thấy tiếng thở than rên xiết, một da thịt từng phút, từng phút thấy không phải chỉ có roi vọt quất lên người mình, mà quất lên tất cả những người nghèo khổ ở chung quanh mình, làm mình thấy đau, còn đau hơn chính mình bị đánh, một não cân bị ngột ngạt vô cùng vì cái bầu không khí đen tối hầm hập đè lên đầu mình, một trái tim luôn luôn như bị xẻo...

... Tôi lớn lên phải làm việc để sống. Phải sống để làm người. Phải làm người thật là người. Và để thật được làm người thì phải có một xã hội chân chính, một chế độ chân chính, một đời sống chân chính. Nhất là tôi làm công việc viết văn, làm nghề viết văn, làm một người viết văn.

Tôi đã tìm Cách mạng, tìm Đảng, đi theo Cách mạng, đi theo Đảng.

Đảng đã lãnh đạo và tổ chức những con người Việt Nam bị hút gần hết khí lực và bị lăng nhục đến mức tận cùng, những vong quốc nô của một đất nước có hơn bốn ngàn năm lịch sử ấy vùng lên tự giải phóng, kéo sập cả một nhà tù và đập tan những gông xiềng định ngàn đời giam trói.

Khởi nghĩa tháng Tám 1945 thành công.

Ngày 2 tháng 9, năm 1945 tuyên ngôn độc lập, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời.

Từ đấy tôi mới được thật có Tổ quốc để sống và yêu thương.

Rồi kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ. Tôi càng thấy yêu thương thêm dân tộc, yêu thương thêm đất nước, và càng biết căm giận quân thù dã man tàn bạo, và cũng thấy càng phải làm việc nhiều nữa, viết tốt hơn nữa để phục vụ.

Và thêm mỗi ngày được làm việc, được viết, là thêm một ngày tin tưởng và tự hào vì được sống trên một đất nước, trong lòng một dân tộc, trong đội ngũ một Đảng có một Người mãi mãi tiêu biểu cho một đạo đức, một ý chí, một tinh thần, một sức mạnh của sự thuyết phục chân chính: HỒ CHÍ MINH. HỒ CHÍ MINH: gương mẫu của tình yêu nước chân chính, yêu thương dân tộc, yêu thương con người, yêu thương nhân loại chân chính.

Chín giờ bốn mươi bảy phút ngày mồng ba tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín không thể nào quên được kia, HỒ CHỦ TỊCH đã nhắm mắt.

Mờ sáng đang mưa, bầu trời mây đen và gió lạnh vần vụ. Trên sân một tầng gác cao, tôi đã bàng hoàng chạy ra nghe nhạc hiệu quốc ca bất thường nổi lên. Không đợi báo tin, cả người tôi đã tê lặng. Phải! Hồ Chủ tịch đã nhắm mắt. Phải! Nguyễn Ái Quốc hình tượng và sức mạnh kỳ diệu của tâm

hồn và tư tưởng của tôi cho đến năm 1945 tôi mới được thấy mặt Người kia, nay Người vừa nhắm mắt.

Phải! Hồ Chủ tịch đã nhắm mắt, nhưng sao tôi vẫn thấy y nguyên Người ở trước mặt tôi, ung dung kiên quyết và lồng lộng giữa trời mây đất nước tôi đang thở hít không khí, ánh sáng mà làm việc. Nghĩa là Người vẫn sống, sống mãi mãi như bao hình ảnh và tên tuổi mà trí tưởng, lòng kính yêu và biết ơn của những con người lao khổ của lịch sử và của nhân loại đã ấp ủ, giữ gìn đời đời...

# NGUYÊN HỒNG TOÀN TẬP 1

Nguyên Hồng
www.dtv-ebook.com

## Một Tuổi Thơ Văn

CHƯƠNG I

NHỮNG TIỂU THUYẾT, NHỮNG NHÂN VẬT VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN GHI NHỚ TRONG TUỔI THƠ

Những trưa hè oi nồng nhất, những đêm đông giá lạnh nhất và những lúc trong nhà im vắng nhất, tôi thường phải đọc truyện cho bà nội tôi và cha tôi nghe.

Truyện nhà mua hay mượn được của người quen có ít thôi. Phần chính là truyện đi thuê. Hiệu cho thuê này ở phố Khách, một trong những phố đông vui, giàu có và nhiều cái lạ nhất của thành phố Nam Định, quê hương tôi.

Tôi bắt đầu tập hồi ký này giữa buổi sáng cuối tháng giêng, trời lạnh ngắt, gió ù ù, hơn chín giờ rồi mà đồng ruộng, núi đồi chung quanh nơi tôi ở vẫn mù sương. Từ khoảng không gian ấy lại nổi lên cái phố Khách xa xưa kia. Những cửa hàng treo biển rồng, phượng, cá hóa long, rùa vàng, cô tiên, ông phật, trăng sao. Chen vào đám vật linh và thần tiên này, còn có những ngựa hồng, gà trống, sư tử, báo đen, quả đào, cành lê, trăng sao, đèn lồng, hoa tai, vòng khánh, giày tây, mũ cát, tông đơ, bình tích, điếu bát, v.v... Tên hiệu viết các kiểu chữ Nho, chữ Tây, với các thứ bằng cấp, mề đay sơn vẽ toàn màu chói, màu rực.

Mỗi khi ra khỏi nhà, đến đầu phố đây, tôi không đi bằng chân nữa. Tôi bay. Tôi bay không bằng cánh. Tôi cỡi những rồng phượng và cả sư tử, gà trống, bình tích, điếu bát, giày tây, tông đơ mà bay, có những đám mây ngũ

sắc vờn quấn, nâng phủ chung quanh. Biết bao thế giới và cảnh sống kỳ ảo mở những lớp cửa lâu đài, sông biển, hang động thần tiên đón tôi vào và đưa tôi đi xa nữa.

Phải! Tôi đã đi qua những cửa hàng chè tầu, thuốc bắc, vải lụa, đồ thủy tinh, đồ thờ, giày mũ, đồng hồ, thợ may, tạp hóa và bánh kẹo cao lâu ấy, không phải chỉ để ngắm để nhìn mà còn để khát khao, mơ ước và tưởng tượng từ nhà đến hiệu thuê truyện rồi trở về. Làm tôi náo nức thèm thuồng nhất là mấy cửa hàng pháo tép bán những ngày gần Tết tới sang giêng.

Cửa hàng bày ngoài bờ đê, vẻn vẹn có một bục gỗ ba bậc to và rộng không quá ba bậc thang gác nhỏ. Bên trên đóng một cái khung chỉ nhỉnh hơn khuôn thước kẻ học trò. Hàng nào sang thì trải giấy hồng điều, giấy trang kim, hay vải hoa trên mặt bục. Mỗi bục bày một cách, có những hộp giấy nhỏ đựng pháo siết, pháo đập, pháo ném, pháo chạy chuột, pháo quay, pháo dây, pháo nem, pháo hộp, pháo bánh, pháo rời. Cố nhiên là không thể có pháo lệnh, pháo cối, pháo ống đùng.... Cố nhiên từ pháo bánh đến pháo rời đều bé xíu như từ Li-li-pút (1)làm ra. Xinh nhất vẫn là những tràng pháo tép treo từng chùm với hoa giấy trên khung gỗ.

---

(1) Trong truyện Guy-li-ve du ký của Suíp.

À! Không thể nào lại thiếu được những lọ thủy tinh và những liễn sứ đựng các thứ ô mai bên cạnh những hộp pháo. Cố nhiên cũng bé cũng xinh như thế. Chao ôi! Đã nào những ô mai cam thảo, ô mai chua, ô mai dầm, lại còn khế dầm, sấu dầm, trám dầm. Đã nào trám, nào sấu, nào khế phơi khô dầm, lại còn khế tươi thái mỏng như hoa lan và cũng vàng héo như hoa lan, trộn bồng bồng trong những bát sứ. Mùi đường, mùi gừng làm vị chua cay mặn ngọt cứ nhức nhói cả góc miệng và đỉnh não. Lại còn những cô bán hàng, trông cứ như những quả táo, quả đào Vân Nam, hay những thỏ bông, chuột

bông đánh vòng ở những Hàng Đường, Hàng Giấy, Hàng Thiếc ngày tết Trung thu...

... Cũng gác cao, lòng nhà cũng sâu, cũng rộng và cũng đủ tủ kính, quầy, bàn, nhưng hiệu cho thuê truyện nọ vẫn cứ tồi tàn, trống trếch và lạc lõng thế nào ấy giữa cái phố Khách buôn to bán lớn.

Hình như không bao giờ tôi gặp một người đàn ông trong nhà. Ở cửa hàng, nếu chẳng có mấy người không hiểu là cô, là dì, là chị gì đó thì có một cụ bà và một người gầy yếu xanh xao lúc nào cũng mặc áo dài the thâm, mặt mày đăm chiêu, và mấy cô bé cũng gầy yếu xanh xao và đăm chiêu như người lớn! Tất cả những đồ đạc, từ tủ hàng đến bàn ghế bên trong nhà, đều sơn quang dầu, cũ kỹ. Còn sách cho thuê, không quyển nào trang ruột không vá, không can chằng chịt bằng giấy bóng, vàng xỉn, dày như mo nang. Bìa lại cồm cộm còn hơn cả mo nang, khâu chỉ gai rất kỹ, tuy thế vẫn bị gẫy gập, nhăn nhúm, bóng lên và hôi sì. Sống trong những bìa và trang chữ này là tất cả Ngọc hoàng Thượng đế, Phật tổ Như Lai, Thái thượng Lão Quân, Nguyên thủy Thiên tôn, Thông thiên giáo chủ, Lão tử, Kiệt vương, Trụ vương, Đát Kỷ, Dương Tiễn, Na Tra, Đường Tam Tạng, Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới. Là những U Vương, Tề Hoàn Công, Quản Trọng, Ngũ Tử Tư, Tây Thi, Câu Tiễn, Yêu Ly, Khánh Ly... Là những Tần Thủy Hoàng, Hạng Võ, Trương Lương, Phàn Khoái, Lưu Bang, Đổng Trác, Tào Tháo, Lã Bố, Điêu Thuyền, Quan Công, Trương Phi, Triệu Tử Long, Gia Cát Lượng. Là những Đơn Hùng Tín, Trình Giảo Kim, Uất Trì Cung, Phàn Lê Hoa, Tiết Đinh Sơn. Là những Tống Giang, Lâm Xung, Võ Tòng, Lỗ Trí Thâm, Bao Công, Quách Hòe, Bàng Quý Phi, Ô Hắc Lợi... Lại còn thêm những Xích Thố, Hồ Lôi Báo, Thanh Long yểm nguyệt đao, Bát sà mâu, roi sắt khắc đề: "Thượng đả hôn quân, hạ đả gian thần" (2)... Là những Thiên môn, Địa ngục, Thủy tinh cung, A phòng, Cô Tô, Ngũ Hành Sơn, Lương Sơn Bạc... Và những hồ ly, linh đan, tiên dược, bồ đào mỹ tửu, tháp ngọc, đài sen...

Thuê sách phải cược mỗi quyển một đồng, mỗi ngày trả một xu hay ba xu, tùy theo truyện và thời giá. Ngày ấy, gạo quê và là gạo tám xoan giá một đồng một gánh đẫy đấu; còn gạo Sài Gòn thì một đồng tám, có lúc một đồng sáu một tạ. Nhiều hôm tôi phải đọc, hay nói cho đúng, tôi đã ngốn không những một quyển mà là hai quyển, nhất là đọc cho bà tôi nghe khi thấy bà đã lim dim mắt và thiu thiu ngủ. Về sau tôi phải rủ mấy bạn nghiện nặng truyện góp tiền như kiểu vào hội, để thuê truyện. Đọc chung thì bổ đều tiền; đọc trước phải trả thêm một trinh (3); đọc sau nhưng được giữ sách hai lần cũng phải trả thêm một trinh.

---

(2) Trên đánh vua xấu, dưới đánh quan gian.

(3) Một trinh bằng nửa xu.

Năm tôi lên bảy lên tám, tôi không được đi về trên con đường kỳ ảo kia nữa. Nghe nói hiệu T.P. bán nhà, vỡ nợ. Hiệu T.S. mua lại chỗ sách nọ. Chủ nhân là một ông giáo đông con, vợ ở nhà bán giấy bút và chuyên làm ô mai, chuối khô. Hiệu T.S. nổi tiếng với đám học trò chúng tôi, không phải vì cho thuê truyện, mà vì ô mai và chuối sấy. Chuối sấy đựng vào thùng kính mắc quai da, có hai thằng bé đeo đi, vừa khiêng trống, vác biển, đánh trống, rao hàng và bán. Không biết trong bọn trẻ đi hàng đó, có đứa nào cũng mồ côi và được ăn học biết đọc biết viết rồi mê truyện như tôi không. Tôi đã nhiều lần có ý định nói với hiệu T.S. cho tôi cũng khiêng trống, vác biển đeo thùng đi bán chuối. Tôi không lấy tiền hỏa hồng, tiền công, mà chỉ xin được nuôi ăn một bữa cơm thôi mà đọc truyện cả ngày...

Rồi ông giáo T.S. gầy còm đông con và bà chủ cho thuê truyện, bán ô mai, chuối khô kia cũng dọn đi tỉnh khác. Ông lên Hà Nội lập một hội đá bóng lấy tên là Lạc Long. Đội Lạc Long ra quân hình như cứ thua liểng xiểng. Nhưng một năm vượt hẳn lên, gần như vô địch Hà Nội, đã về đấu

chung kết với đội Hồng Bàng của tỉnh Nam Định tôi. Tiếc thay, tôi lại không được đi xem! Mấy tủ sách đó bán lại cho một hàng thêu. Tôi đã lớn, vừa phần không còn thể nào có được một đồng bạc ký cược và hàng ngày dù chỉ trả một xu thuê, nên tôi không còn nhòm ngó tơ tưởng đến những quyển truyện mà mỗi khi chợt nhớ lại, hay nghe ai nhắc tới, thì trong tâm trí cứ bâng khuâng, cồn cào vô cùng.

Chao ôi! Một xu! Một xu mà mua được những một cái bánh tây đã ủ trong thúng có hộp than nóng bỏng và đậy mấy lần bao tải, nhai cứ giòn tan, lại còn được giội thêm thìa nước mắm pha giấm múc từ cái liễn ngâm ngập những miếng giò, miếng chả trâu thái mỏng. Hay một cái bánh bằng bột gạo trộn với khoai lang nạo, có hai nửa tôm khô ấp lên rán, vớt ở chảo còn reo xèo xèo cắt ra làm sáu miếng, tha hồ ăn với rau muống chẻ và rau thơm: Bánh tôm! Phải! Bánh tôm. Mời nhau ăn phải là những bạn kết nghĩa đồng sinh đồng tử, hoạn nạn gian nguy không bỏ nhau. Khi mời, chủ bánh phải bấu hai ngón tay giữ chặt lấy bánh làm cữ, đút vào miệng cho người anh em, và chờn chợn chỉ sợ cái hàm răng thiếu kỷ cương tiết chế nọ cắn vội, cắn cố, cắn quá, hập nghiến đi mất cái để... cầm bút!

Về chuyện người chủ hiệu sách cuối cùng nọ, tôi nghe phong thanh rằng trong nhà có người làm cộng sản, hiệu không được mở nữa, bị mật thám bắt rồi tòa án xử tù nặng lắm. Anh là con lớn ông cụ chủ nhà, người gầy yếu, đôi mắt rất sáng, cách ăn nói và vẻ người như kiểu một thầy giáo trẻ có đầu óc và tư cách thời bấy giờ. Cũng từ đó, tôi không còn biết những pho truyện, những quyển sách mà tôi gần như thuộc lòng kia bán lại cho ai, và cũng không được trông thấy, được cầm đến những trang chữ vàng xỉn, chi chít, can vá giấy bóng, bìa dày cộp, hôi sì. Những quyển truyện quyển sách sao mà mê say, mà quyến rũ, có những thế giới những xã hội, những sự việc, những tên người kỳ ảo vô cùng, làm tôi cũng như bao nhiêu kẻ phải ghi nhớ đến tận lúc mê sảng, sắp nhập quan!...

Không phải chỉ trong khi đọc truyện, mà bao năm sau, tôi vẫn còn nhập vào các nhân vật của nó.

Tôi đã xem Tôn Ngộ Không nứt ra từ hòn đá và lớn lên ở Hoa Quả Sơn, kéo cờ hiệu Mỹ hầu vương (4)đưa quân lên đánh cả trời. Bị bắt giam trong lò bát quái hàng mấy trăm năm, khi thả ra, xương thịt được nung luyện thành đồng sắt, vác cây thiết bổng nặng ngàn cân có thể hóa nhỏ như cái tăm cài trong tóc, Tôn Ngộ Không đã đánh hàng trăm trận diệt các thứ yêu ma, qua hàng vạn vạn dặm đường sông sâu, núi hiểm, biển lạ gian nguy, phò thầy Đường Tăng đi lấy kinh Phật thành công. Tôi đã theo Na Tra, con trai thứ ba của Lý Tĩnh, ra biển tắm, cởi khố ra giặt, cởi vòng tay ra kỳ cọ, vùng vẫy bơi lặn làm rung rinh cả dưới Thủy Tinh cung. Long vương kinh hoàng, phải cho các thủy thần, thủy quái lên xem cơ sự và bắt kẻ làm náo động xuống để trị tội. Tôi xem Na Tra đánh lại các thần quái đó tan tác mảnh giáp không còn, rồi về nhà thì bị cha sợ quá lôi ra đánh mắng. Na Tra đã tự róc thịt xương mình trả lại cho cha, rồi được Phật tổ Như Lai lấy cọng hoa sen làm xương, cánh hoa làm thịt, hà hương sen vào thành linh hồn, cho tái sinh lên cõi trần, chân đạp đôi bánh xe làm bằng lửa và gió, gọi là Phong hỏa luân, tung hoành với vũ khí là đôi vòng tay gọi là Càn khôn quyện. Nhưng Na Tra vẫn mình trần và tóc rủ hai trái đào mà đi chiến trận...

---

(4) Vua khỉ đẹp.

Tôi làm bạn với Dương Tiễn có một con mắt ở giữa trán, hễ trông thấy yêu quái thì xanh biếc lên, và dắt một con chó hễ đánh thấy hơi yêu quái, dù nó giả làm người, thì sủa ngay và xông tới liền, cùng chủ đánh đuổi...

Tôi đã theo Tỷ Can vào cái triều đình bạo ngược của Trụ Vương, đến những rừng có các cây cối buộc các thứ thịt muông thú kỳ lạ, gọi là Nhục lâm, và những bể chứa các rượu ngon xây thành hồ, thành ao, gọi là Tửu trì.

Nơi đây Trụ vương yến tiệc với Đát Kỷ, đã giết vợ cả, giết con trai bé và mổ cả bụng ông chú đức độ trung thực của mình là Tỷ Can để xem quả tim có bảy mạch đập (thất khiếu)!

Nhà Thương với Trụ Vương bị mất. Nhưng rồi cơ nghiệp nhà Chu cũng đổ vì con cháu hoang dâm, xa hoa, bất nghĩa, đã đốt lửa Linh Sơn báo động cho các chư hầu kéo quân cứu viện đến để làm trò đùa cho gái đẹp cười. Trong đám cùng dân phải đổi con cho nhau để ăn thịt mà vẫn diễn ra những cảnh giàu sang, sung sướng, vô cùng trái ngược của thời đại này, tôi đã xem hai bạn Bão Thúc Nha và Quản Trọng sống với nhau. Bão Thúc Nha đi buôn chia lãi với Quản Trọng bao giờ cũng cố ý lấy phần mình kém để Quản Trọng đông con và còn mẹ già lấy phần hơn. Đến khi làm nên, Bão Thúc Nha cũng lại tiến cử và nhường chức tể tướng cho Quản Trọng, một người mà Bão Thúc Nha biết rõ tài năng, xứng đáng gánh vác việc lớn thiên hạ hơn mình.

Và tôi đã bâng khuâng trước những cỏ hoa chung thủy, những muông thú biết đáp đền ân nghĩa, những ma quái, gian tà bị trừng phạt, những hồn linh oan khổ, trung hậu sống lại về cõi trần tươi đẹp vẻ vang...

Sau thời Chiến quốc, tôi càng được sống gần gụi với người hơn: những Hạng Vũ, Trương Lương, những Gia Cát Lượng, Triệu Tử Long, Hoàng Trung, Trương Phi, Điển Vy, Hạ Hầu Đôn, những Ngu Cơ, Siếu Mẫu, Từ Mẫu...

Hạng Vũ được tả và diễn trên sâu khấu: râu hùm, hàm én, vai năm tấc rộng, thân mười thước cao như Từ Hải của Nguyễn Du. Nhưng Hạng Vũ không chịu hàng. Hạng Vũ cỡi con ngựa Truy, cắp ngọn giáo đánh đến cùng, rồi tự tay mình cắt đầu mình chết trên bờ Ô Giang, cho người mang đến mà lĩnh thưởng của Lưu Bang, sau hàng trăm trận tung hoành với một sức: "Lực bạt sơn hề khí cái thế (5)" và với một tinh thần ngang tàng, võ đoán và kiêu hãnh vô cùng, mảy may không chịu làm điều gì mà thiên hạ và mình cho là

khuất tất hèn hạ. Chết bên cạnh Hạng Vũ, có Ngu Cơ. Người đẹp và tiết tháo ấy sau khi chết đã hóa thành cỏ phơ phất ngàn đời trong gió lạnh, sông xa, bãi vắng, để nhớ tiếc một sự nghiệp và một mối tình...

---

(5) Sức bạt núi hề, khí chuyển trời đất.

Cùng lúc tiếng gió thổi trong ngàn Ngu và sương cát Ô Giang kia, tôi nghe thấy cả giọng sáo của Trương Lương làm nát lòng quân Sở bằng khúc Sở.

Tôi đã náo nức, cảm kích khi theo Gia Cát Lượng từ lều cỏ ra đi với Lưu Bị, bày đánh bao nhiêu trận tuyệt thú và kỳ diệu, từ Kinh Châu vào đất Thục, rồi nhắm mắt ở đây với tờ biểu trước Chúa thượng, trước sứ mệnh và trước công luận về lòng trung nghĩa của mình, và đời vợ con gia đình mình chỉ sống với mấy mẫu vườn trồng dâu, mấy khung cửi và mấy trăm đấu thóc tự cày cấy được.

Tiếng thét của Trương Phi và bộ râu xoăn rậm, cặp mắt tròn xoe của Trương Phi, cũng không bao giờ tôi quên được. Cũng như không bao giờ tôi nhạt nhẹ lòng mến yêu, và yêu nhất là trước Cổ thành, Trương Phi thét lên, vò râu, tròn mắt, phi ngựa, xốc chĩa Bát xà mâu để đón... Quan Vân Trường, ông anh kết nghĩa của mình vừa hàng Tào về! Bất chấp cả thanh đao của Quan Công vừa qua năm cửa ải "lấy" ngọt đầu sáu tướng đối địch chỉ trong chớp mắt, và có trận chém xong một tướng khá nổi danh trở về, chén rượu hâm nóng rót ra chờ đợi uống hãy còn ngút khói. Tôi yêu và càng nhớ thêm Trương Phi trước Đương Dương Trường Bản chỉ cất lên mấy tiếng thét mà trăm vạn quân Tào đang đuổi diệt quân Hán sững cả lại, không dám tiến nữa! Và có tướng giật mình ngã ngựa, đứt cả ruột gan...

Triệu Tử Long cũng đưa tôi đánh trận Đương Dương cùng ngọn thương

như có một thác ánh sáng tung bay, hay ví như kiểu ví thời đó, thì mưa giội xuống người ngựa Triệu Tử Long cũng không làm ướt được. Viên tướng trẻ mà Khổng Minh tấm tắc khen "toàn thân là đởm" ấy, xông pha trận mạc tới ngoài bảy mươi vẫn không chịu rời ngọn thương, cũng như không chịu thua trận nào. Trước ngày từ giã mãi mãi ba quân, còn đánh thêm trận nữa, một mình một ngựa trấn giữ phía sau yểm hộ cho ba quân rút. Bên cạnh Triệu Tử Long lại có Hoàng Trung, cũng hơn bảy mươi tuổi, vẫn giữ cây cung bắn trăm phát trăm trúng, rồi chết già chứ không để nhục danh hổ tướng.

Tôi cũng ăn bát cơm Siếu Mẫu. Bát cơm nguội này bà mẹ họ Siếu đã giấu cho Hàn Tín lúc hàn vi đi câu cá không kiếm nổi được bữa, đói lả đi, mà còn phải chui qua dái người quét chợ, hắn đòi tiền thuế không được, bắt giữ lấy cần câu. Hàn Tín sau làm tướng, tạ ơn bà mẹ nghèo mà hào hiệp kia ngàn lạng vàng. Không! Tôi thấy mỗi hột cơm khi đói cân đổi bằng một lạng vàng cũng chưa xứng!... Tôi còn nghe thấy cả tiếng quát mắng của Từ Mẫu già lão gầy yếu, và trông thấy cả cánh tay áo rộng của bà run run giơ lên ném cái nghiên mực vào mặt Tào Tháo. Rồi giận đứa con sao lại vì bà mà bị lừa bị bắt, chịu bỏ một nơi mà mình cho là chân chính phải phò tá, cái mái đầu sương tuyết của Từ Mẫu đã đập vào tường, phải, bức tường hiện ra ở ngay trước mặt tôi, ròng ròng những giọt máu và những giọt mực kỳ hậu Hán tới nay vẫn còn nguyên sắc (6). Tôi đã đọc những pho truyện đời Hán, đời Đường, đời Tống ấy cho bà nội tôi nghe ở nhà phố Hàng Cau.

---

(6) Sự việc này tôi nghe kể và còn nhớ; chính trong truyện in là Từ Mẫu treo cổ tự tử. Tôi xin phép được giữ nguyên hình ảnh và ấn tượng đầu tiên. Mong các bạn lượng thứ cho cả vài trường hợp khác (N.H.).

Đất làm nhà là của cụ đời trước để lại. Mùa hè, chỗ bà tôi và tôi ngồi thường ở khoảng cửa thông từ gian ngoài đường vào ngăn trong bếp và lên gác. Nghe nói khi xây nhà, hôm lắp cái khuôn cửa này, cả thợ mộc, thợ nề đã

phì cười vì thấy tôi đi qua, người nhỏ cũn mà cứ khom rạp lưng và nghiêng nghiêng đầu như sợ vập phải giàn giáo, khung cửa. Bà tôi ngồi uống nước chè mạn trên chiếu võng, tôi quét nền gạch ẩm lạnh, cởi trần nằm. Không nhớ những ngày đó nóng lên đến bao nhiêu độ mà tôi vẫn chỉ thấy không khí thoáng mát và trời nắng đẹp rực rỡ. Tôi vẫn còn nghe thấy tiếng những xe cút kít chở gạo ở một hiệu khách cân gạo cùng phố miết biền biệt vào cái im lặng vo vo của trưa nắng, tiếng chim sẻ líp nhíp ngoài mái hiên, và đâu đây tiếng gà gáy vang lảnh.

Trong nắng trưa ngun ngút ấy, đã hiện ra một Trường Giang mênh mông, ì oạp một con thuyền, và bỗng rồ lên tiếng cười sằng sặc tiếp theo hai câu thơ lạnh rợi:

Giết khách thương, thâu của báu

Lột trần quăng xuống giữa dòng sông...

Bá Ngọc Xương lưu lạc một thân một mình bước nhầm xuống thuyền này. Bá Ngọc Xương đính hôn với La Côn, con trai thứ của La Tăng. Lão tướng La Tăng đi đánh giặc ngoài biên, bị vây hãm. Gian thần ở trong triều thông đồng với giặc, mưu phản, tâu lên vua rằng La Tăng đã hàng. Cả ba họ La bị xử chết. La Côn trốn được. Bá Ngọc Xương bỏ nhà mình, ra đi thiên sơn vạn thủy (7)quyết tìm gặp La Côn.

---

(7) Muôn núi ngàn sông.

Trên sông vắng sóng dồi, nghe câu thơ và tiếng cười kia, Bá Ngọc Xương liền đứng lên, xõa tóc, ôm đầu ngước mắt trông trời mây, khóc gọi người chồng hứa hẹn, và định nhảy xuống sông để giữ vẹn da thịt và linh hồn. Nhưng vừa thấy Bá Ngọc Xương kêu lên tên của La Côn là người đang nổi

tiếng, được nhiều người kính phục, và than cảnh oan khốc lưu ly, cả hai tên cướp liền quỳ xuống, níu lấy áo Bá Ngọc Xương mà tạ tội, rồi cùng phò Bá Ngọc Xương đi tìm La Côn (Phấn Trang Lâu).

Tôi thương quý người con gái Bá Ngọc Xương chung thủy kia bao nhiêu, thì lại càng quý thương bấy nhiêu người vợ kiên cường của tướng Phiên Ô Hắc Lợi. Ô Hắc Lợi bị quân Tống xâm lược giết. Vợ quyết bỏ nhà vượt biên ải sang Tống để báo thù chồng. Cũng một mình qua vạn thủy thiên sơn, vợ Ô Hắc Lợi đã phải lần mò trong canh khuya qua các rừng rú để vào đất Tống. Tiếng than gọi của người vợ nghĩa liệt đã cất lên giữ dặm trường đêm tối gần như lạc bước, thì hồn linh Ô Hắc Lợi hiển hiện, hóa thành con đom đóm lập lòe để đưa đường cho vợ.

Về đời Đường, trong đám anh hùng hơn ba mươi người được xếp thành thứ bậc, có rất nhiều tên tuổi, tài nghệ tuyệt luân, phi thường. Lý Nguyên Bá, hơn mười tuổi, với đôi chùy ngắn đã giáng xuống thì không ai đỡ nổi. Lý Nguyên Bá đã đập nát bét cả người lẫn ngựa không biết bao nhiêu địch thủ. Lý Nguyên Bá đã tung chùy lên để đánh cả trời rồi chính mình bị chết vì chùy kia giáng xuống. Dưới vị anh hùng thứ nhất này, La Thành đứng hàng thứ sáu. La Thành mặc bạch bào, bạch giáp, cỡi bạch mã, sử dụng ngọn thương có một miếng gia truyền rất hiểm độc là giả vờ thua, thúc ngựa chạy, nếu kẻ địch đuổi theo, liền quay ngựa đâm trở lại ngọn thương, hạ tươi đối phương bằng miếng Hồi mã thương. Còn Tần Thúc Bảo đứng dưới nữa thì có đôi giản với miếng Sát thủ giản, cũng sử dụng như kiểu La Thành, khi đối phương rượt đuổi thì vùng quay ngựa và chập đôi giản bổ xuống đầu đối phương và cũng hạ tươi...

Nhưng tôi không thích mấy người họ lắm mà lại yêu nhất Trình Giảo Kim, xếp gần thứ bét. Trình Giảo Kim nhà nghèo, ngày ngày gánh đôi giành muối đi bán rong kiếm từng bữa gạo về nuôi mẹ già. Trình Giảo Kim rất ham say võ nghệ. Một đêm nằm mơ thấy thần hiện đến dạy cho môn búa. Trình

Giảo Kim nửa tỉnh nửa mê, cặp cái đòn gánh muối giả làm ngựa, khoa đủ ba mươi sáu đường búa của thần chỉ bảo mà Trình Giảo Kim thấy quả là thiên hạ vô địch.

Trình Giảo Kim quần "ngựa" chạy rầm rầm, rung chuyển cả gian gác vốn ọp ẹp. Sướng quá, Trình Giảo Kim thét lên, tầng gác cùng lúc đổ sập. Vì thế mà Trình Giảo Kim tỉnh giấc, và lúc nghĩ lại thì quên mất gần hết, chỉ còn nhớ có ba đường búa!

Càng ngày càng khó sống, Trình Giảo Kim phải bỏ mẹ, bỏ quê đi nơi khác kiếm ăn. Trên một quãng đường đói kém cùng kiệt, Trình Giảo Kim gặp một bọn cướp núi rất đông, rất ác đòn đánh. Chỉ với nhát búa thứ nhất, Trình Giảo Kim đã chặt đôi tên tướng. Cả bọn quân liền quỳ rạp xuống lạy và đưa Trình ta lên thay và tôn hắn làm vua. Trình Giảo Kim lấy hiệu là Hỗn Thế Ma Vương, cũng lập thành triều đình, đủ cả bá quan văn võ trên sơn trại, uy danh ngày càng lừng lẫy. Nhưng chỉ ít lâu, sống trong cái cảnh: mặc thì đủ bộ long bào, long cổn, ăn thì nay yến mai tiệc, đi đâu mỗi bước lại có người tung hô vạn tuế, nói năng thì phải giữ gìn đạo mạo, và vẫn phải đi ăn cướp, Hỗn Thế Ma Vương Trình Giảo Kim ta thấy như thế thì ngầy ngà bó buộc, cực nhọc, và cả cực nhục nữa. Như một cái thân tội ấy. Đang đêm Trình Giảo Kim bỏ mũ, bỏ áo, bỏ cân, bỏ đai, bỏ ngai, bỏ cung, bỏ điện, bỏ sơn trại... trốn về nhà với mẹ, và lại gánh giành muối đi bán các chợ.

Nếu như Trình Giảo Kim không quá say, quá cuồng trong cơn mê luyện búa, đến nỗi nhảy thét lên làm sập gác, mà học nhớ được đủ ba mươi sáu đường chứ không bị quên mất ba mươi ba đường búa, thì có thể thành anh hùng thứ nhất được không? Sau đây, khi phò Đường Thế Dân, bao giờ Trình Giảo Kim cũng đòi ra đánh trận đầu và đánh toàn với những tướng dữ dội, ghê gớm. Gặp đối phương, Trình Giảo Kim, hăm hở phi ngựa xông đến choang ngay búa thứ nhất. Kẻ này đón đỡ, dù y có bị rùng tay, hơi choáng, nhưng Trình Giảo Kim nhìn thấy y vẫn vững vàng trên ngựa, thì chính người

bắt đầu run tay. Người liền vội choang búa thứ hai và lại nhìn xem, nhưng không thấy địch thủ lảo đảo gì cả, thì chính người đã loạng choạng. Người liền nhắm mắt xông lên choang búa thứ ba. Đến búa này, người mở mắt ra, mà chao ôi, đối thử vẫn cứ không việc gì, thì người bèn quất ngựa tẩu cho thật nhanh!...

Mặc dầu Trình tướng quân chỉ có ba búa như thế, nhưng trải nhiều trận bị bao vây nguy khốn muôn phần, cơ hồ sắp tuyệt vọng, quân Đường đều nhờ lão Trình mà có viện binh. Chỉ do tài nói khích và cả nói khoác nữa của lão Trình, mà tướng địch chịu mở lối cho lão đi cầu viện.

Khi lão trở về, quân nhà giải vây đánh thắng, cố nhiên lão lại nói tếu rằng cả quân và tướng địch đã phải để lão đi gọi viện, vì mỗi búa của lão đã hạ một tướng địch, còn binh địch đã sợ quá... bỏ chạy, không kịp đội lại mũ, thắt lại dây lưng! Mặc dầu đã nhiều trận lão mếu dở khóc dở, vì cả quân sư và nguyên súy đẩy lão, bắt lão phải vượt vây cầu cứu viện quân.

(Tôi xin phép kể ra ngoài lề một đoạn. Trong bọn nhà văn, bất kể người viết tiểu thuyết, làm thơ hay làm báo chúng tôi, những lúc vui chuyện thường gọi đùa nhau là Trình Giảo Kim. Người nào được tặng cho cái tên ấy, trong số đó có anh Trình Giảo... Kim Lân, thường cười ngất, rất lấy làm một sự khoái trá, và quý mến kẻ đùa mình, chứ không tự ái tự ung gì cả!).

Trình Giảo Kim phò luôn ba triều Đường, cuối cùng cười lên mấy tiếng lớn vì nghĩ các chuyện đời, rồi chết, thọ đâu như trăm sáu mươi hơn tuổi...

Phải! Lão Trình đã cười lớn mấy tiếng rồi chết. Lần này lão Trình đi đứt thật, nằm trong lòng đất mà nhắm mắt, chứ không như nhiều lần trước, đã bị địch thủ đánh nhào khỏi ngựa tưởng chết, nhưng chỉ vừa sấp mặt xuống đất, hít được hơi đất thì liền sống lại, như Ăng-tê của thần thoại Hy Lạp vậy.

Hồi còn mồ ma Nguyễn Huy Tưởng, ông bạn đôn hậu của chúng tôi, cũng

thường gọi anh em là Trình Giảo Kim. Và ông cũng lại cười một cách rất chi là hồn nhiên khi được anh em gọi mình tên ấy. Ông Chánh Hòa (8)khá là thông kim bác cổ và nhớ các sách, các truyện ấy, lại còn nhớ thêm một chi tiết này của nhân vật tiểu thuyết và bình dân họ Trình: Trình Giảo Kim là sao Thổ hành tinh nên mới chết đi sống lại kiểu như vậy và thọ lâu đến thế.

---

(8) Tên anh em chúng tôi gọi vui Nguyễn Huy Tưởng (chú thích của tác giả).

Uất Trì Cung, võ nghệ cũng chỉ vào loại như Trình Giảo Kim. Xuất thân là thợ rèn, mặt đen như nhọ chảo, Uất Trì Cung tính tình cương trực, có lần lấy thân đỡ gươm giáo và tên đạn của quân địch bao vây bốn bề để che chở cho chúa, nên đã được ban thưởng một roi sắt khắc tám chữ: "Thượng đả hôn quân, hạ đả gian thần". Nhận chiếc roi này, Uất Trì Cung đã được thần cho biết phải giữ gìn cẩn thận, nếu để roi gãy thì mệnh cũng không còn. Mặc dầu vậy, vì ngăn cấm không được người vua triều sau hôn mê dâm bạo, chỉ thích nghe lời xiểm nịnh, Uất Trì Cung cũng cứ cầm roi xông vào quật. Uất Trì Cung đã quật phá ra ngoài, gãy đôi ngọn roi, sau đó về nhà hộc máu chết!

Uất Trì Kính Đức, trong bản Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã nêu là một tướng tận trung, tận nghĩa làm gương sáng để khích động chí khí toàn quân chống giặc ngoại xâm.

... Bao Công cũng nổi tiếng với bộ mặt đen. Nhưng soi vào bộ mặt ấy thì cũng thấy rạng lên một thứ ánh sáng. Ánh sáng của tinh thần quang minh chính đại, chí công vô tư, không uy quyền nào có thể lung lay, không vàng bạc hay thứ gì có thể mua chuộc!

Tôi đã phải đọc đi đọc lại cho bà tôi nghe vụ xử án Quách Hòe.

Lý Thần Phi là mẹ đẻ Tống Nhân Tôn. Nhưng khi Tống Nhân Tôn vừa lọt lòng mẹ thì Quách Hòe đem tráo vào con mèo chết, vu cho Lý Thần Phi sinh quái vật, biếm Lý Thần Phi và hạ ngục.

Tống Nhân Tôn được lập làm thái tử rồi lên ngôi vua. Quách Hòe từ chân thái giám bước lên chức thái sư, quyền hành nhất triều, không ai dám ho he, và mặc dầu vụ tráo mèo cướp chúa này hết sức bưng bít nhưng vẫn làm ấm ức nhiều cựu thần.

Lý Thần Phi đi trốn, rất đói khổ, sau bị mù phải sống nhờ một đứa bé con nuôi chuyên nghề đi bán đậu phụ, kiếm về từng bữa gạo ăn.

Bao Công làm quan coi các việc án từ thời đó. Một hôm đi kiệu trên đường bỗng gặp một cơn lốc đột ngột, thổi tung cả mũ đang đội. Bao Công vội cho lính hầu chạy theo lấy mũ, và đang suy nghĩ về luồng gió lạ này, thì lính giải về một gã thiếu niên ăn mặc rách rưới đã nhặt được mũ của Bao Công nhưng không đưa trả, mà nhất định đòi gặp Bao Công. Bao Công càng ngạc nhiên hơn, thấy tên bán đậu phụ nhom nhếch bị lệch xệch giải đến dưới kiệu mình, lại còn nhất định đòi mình phải theo gã về nhà gã vì có một chuyện đặc biệt. Bao Công đã gặng hỏi hết nhời mà vẫn chỉ được gã bán đậu phụ đáp lại là Bao Công có theo y về nhà thì mới được nghe chuyện đó.

Bao Công xuống kiệu, bỏ lính hầu lại, đi theo kẻ lạ nọ. Hai người đến một lò gạch hoang. Gã bán đậu phụ bảo mẹ gã ở trong ấy, và chính người này bấy lâu đã dặn y phải tìm gặp bằng được Bao Công. Bao Công càng sửng sốt.

Vẫn chưa đủ! Người này lại không chịu ra đón Bao Công, mà bắt Bao Công phải vào hẳn nhà của bà, nghĩa là Bao Công phải chui qua cái cửa hầm lò vừa thấp, vừa hẹp, vừa tối, vào chỗ bà thì bà mới tiếp và nói chuyện.

Chính gã con nuôi khi nghe mẹ bảo ra ngoài truyền lại cho Bao Công, đã xanh xám cả mặt mày và run rẩy cả chân tay. Nhưng rồi Bao Công đã khom

hẳn mình, chui qua cái cửa hầm lò, và, lại còn phải chờ Lý Thần Phi cho lệnh đến bên chõng bà ngồi, quỳ xuống chõng, trật mũ ra để bà xem có đúng thật là người bà mong đợi bấy lâu không. Khi rờ trúng cái nốt ruồi nổi sau gáy, thì Lý Thần Phi thét lên: "Bao Chửng"! - tên chính của Bao Công - rồi òa lên khóc, đoạn kể tất cả khúc nhôi, nguồn cơn nông nỗi hơn hai mươi năm nay...

... Về triều, Bao Công đã hạ trát bắt Quách Hòe, lập một phiên tòa lấy cung rất là đặc biệt, rồi xử tử tội phạm.

A! Công lý đã xuống kiệu. Công lý phải khom mình, bỏ mũ, quỳ gối để được đến với Chân lý và nghe Chân lý lên tiếng. Và Công lý đã tìm ra Chân lý.

Ngày ngày tôi đã cắp chiếu cùng bà tôi, sáng đi lễ, chiều đi chầu ở nhà thờ. Cùng bà tôi, tôi còn nguyện kinh buổi trưa và đọc kinh buổi sáng, buổi tối ở ngay nhà nữa. Nhưng cả những lúc nguyện kinh Đức Chúa Thánh thần, ngắm Mười lăm đàng thánh giá, đọc các kinh Vực sâu, Lạy nữ vương, vân vân, hay lúc theo bà tôi đi xưng tội ở tòa giải tội ra, đọc các kinh đền tội, hay cả trong những buổi lễ trọng, bà tôi chuẩn bị chịu phép Mình thánh Chúa,... tôi cũng không thấy bà tôi ngẫm nghĩ, đăm chiêu, hay rạng rỡ nét mặt như khi tôi đọc lại đoạn truyện Bao Công trên đây.

Năm ấy bà tôi đã ngoài tám mươi tuổi, mắt nhìn mờ mờ, da dẻ như đồi mồi, lưng hơi còng và bước rất chậm. Dưới cái khung cửa ẩm lạnh, tối tối, vắng lặng trưa hè, tôi thấy như mình đang ở cái lò gạch nát hoang với bà Lý Thần Phi gầy xác, rách rưới, đôi mắt không còn ánh sáng, nức nở kể lể nguồn cơn... Và tôi đã khoanh tay đứng sau lưng Lý Thần Phi mà nhìn Bao Công mũ mãng nghiêm trang quỳ bên chõng, mặt càng đen sắt, nhưng kỳ lạ, sao mà cứ như gương, như hào quang ấy, làm tôi thấy quý, thấy yêu, thấy đẹp tuyệt thế, tuyệt vời...

Khi cha tôi mất, nhà càng sa sút, thì tôi được đọc Thủy hử. Truyện cắt ở

một báo hàng ngày đóng thành tập hàng trăm trang. Tôi không phải thuê. Tôi mượn của một nhà bạn, tha hồ mà om, mà nghiền, mà ngốn, mà tán. Lúc đọc ở ngay nhà người có truyện; lúc đem hắn về nhà mình. Đọc ở vườn hoa, ở cổng trường, ở bãi đá bóng, ở bờ hè, ở cửa nhà thờ, ở bực thềm hội quán Hoa kiều. Đọc buổi trưa, buổi tối, đêm khuya. Trùm chăn mà đọc, nằm ôm quặp lấy nhau mà đọc. Đọc quên cả đói, đọc đến mê đi, đọc đến thuộc từng đầu đề, từng hồi thứ bao nhiêu. Và đố nhau câu nào ở trang nào, kẻ nào nhớ đúng thì được tha hồ búng vào mũi, hay khảo vào đầu gối người thua bằng búa đinh cũng được.

Đúng vào giữa mùa rét và những ngày gần tết. Những phố từ bến tàu thủy qua phố Khách, phố Hàng Giấy, Hàng Đồng, Hàng Đường lên chợ đã đông đúc nhộn nhịp lại càng rực rỡ hơn. Các hàng bán tranh pháo, câu đối, quần áo, kẹo, mứt... cứ như có muôn vàn hoa bướm, cờ xí, tàn quạt, võng kiệu, thần tiên hoạt động.

Tôi càng mê những hàng pháo tép hơn. Ảnh các tướng của truyện Tam quốc trong các gói chè hiệu Ninh Thái tuy in rất đẹp bằng giấy kim nhũ, nhưng cũng không khiến tôi náo nức bằng ảnh các tướng Thủy hử của một hiệu chè và một hiệu thuốc lá nọ, không to lắm, chỉ in giấy thường thôi. Những Võ Tòng, Lâm Xung, Lỗ Trí Thâm, Lý Quỳ, Hỗ Tam Nương, Cố Đại Tẩu. Những Ngũ Đài Sơn, Cảnh Dương Cương, Lương Sơn Bạc, Chúc Gia Trang. Những cây thiết trượng, những đôi búa và những bắp tay vo kia càng đọc thêm, càng thấy sao mà phải nhớ, phải yêu. Nhất là đôi bắp tay vo của Võ Tòng quần với hổ dữ trên đèo chiều vắng dọc đường lữ thứ...

Đặc biệt, Lỗ Trí Thâm đã cho tôi thấy rõ lòng tự tin và hào khí. Khi từ chùa trên Ngũ Đài Sơn xuống chợ, ở quán ra, Lỗ Trí Thâm ngà ngà hơi men đã quát lên với một hàng thợ rèn khi họ không nhận đánh cho cây thiết trượng quá khổ, vin lẽ Quan Công là hổ tướng đời xưa mà chỉ sử dụng cây đao nặng khoảng tám mươi cân, mà Lỗ Trí Thâm lại dám đặt làm thiết trượng

cũng vào cỡ ấy!

- "Thế các ngươi không coi ta cũng là người như Quan Công à?".

Tôi càng yêu thương, quý mến nhà sư hảo hán này trong khi đi đường vừa đói vừa hết tiền phải lên một ngôi chùa trên núi xin ăn, đã bị từ chối rằng đây không còn cơm gạo gì cả. Vậy mà khi ngửi thấy mùi cháo thơm, sục tìm ra một nồi cháo chín nhừ nóng ngút, Lỗ Trí Thâm cả giận thét lên định xông vào đánh bọn nhà chùa nói dối mình và cướp lấy nồi cháo. Cả bọn gầy rạc, xanh xao và tiều tụy nọ òa lên khóc, níu lấy áo Lỗ Trí Thâm van lạy, kể lể sự tình, chùa bị một ác tăng chiếm cứ cướp hết cả tiền của lương thực, đang vui vầy dâm dục với gái đĩ, còn nồi cháo này là mẻ gạo cuối cùng bòn vét để dành, sau mấy ngày không được ăn một hột cơm nào. Lỗ Trí Thâm trả lại ngay nồi cháo. Chẳng những thế, Lỗ còn vác ngay thiết trượng xông vào chùa tìm tên gian bạo trừng trị, cùng nó giao chiến khá chật vật. Giết tên nọ xong, Lỗ mới trở về nhận bát cháo chia đều nhau cùng ăn, đoạn giao cảnh chùa y nguyên cho các bạn đói, rồi lại khăn gói gió đưa ra đi...

Hình ảnh Võ Tòng cũng đẹp biết bao, làm tôi cảm động đến ngào ngạt. Sau những năm lưu lạc, Võ Tòng đã về ăn ở với người anh bán đậu phụ quá là nghèo và hiền dại, những mong có được chút hạnh phúc trong cảnh anh em côi cút đùm bọc lấy nhau. Ngờ đâu gặp phải người chị dâu dâm đãng và gian quái, đã bỏ thuốc độc hãm hại anh. Tội ác và tấn thảm kịch ở nhà Võ đại lang, bà con hàng xóm quen thuộc đều biết rõ, nhưng đều phải "thủ khẩu như bình" (9)vì sợ tên gian phu quyền thế và quan lại cánh vế của nó bao che. Sau buổi cúng vong anh, nghe hồn anh hiện về cặn kẽ báo mộng, Võ Tòng lập hẳn một phiên tòa, tự mình đi bắt từ gian phu, dâm phụ đến mụ mối manh và bọn thân thuộc bất lương. Rồi Võ Tòng đích thân đi mời các bà con đến làm chứng, tự tay xét xử những bọn gây ác nọ, lấy máu của chúng cúng tế trước bàn thờ vong của anh mình. Võ Tòng còn cắt cổ, trừng phạt cả một xốc những tên nha lại lính tráng bất chính.

---

(9) Giữ kín mồm miệng như cái bình.

Võ Tòng ngang tàng dữ dội ấy đã một mình qua Cảnh Dương Cương lúc chiều tà, các khách bộ hành và người địa phương kiếm củi đốt than gan góc nhất cũng phải đỗ lại. Võ Tòng khật khưỡng chỉ với hai bắp tay mà đánh chết con cọp đã ăn thịt không biết bao nhiêu người, sắp thành tinh, trừ họa cho nơi đây...

... Lâm Xung cũng bị cướp vợ. Kẻ cướp vợ này cũng là một quan quyền giàu có, đã lừa Lâm Xung đi vào nơi cất ấn của vua để khép vào tội chết. Lâm Xung đi đày, dọc đường bị đóng gông, đeo xiềng và xích tay, lại còn bị hai tên công sai ăn tiền của tên quan nọ bắt nhúng chân vào nước sôi sưng bỏng lên không cất bước được, rồi trói vào cây, vu cho tội chạy trốn, định lấy côn đập chết.

Giữa rừng vắng, Lỗ Trí Thâm đã hiện ra, cứu Lâm Xung. Nhưng Lâm Xung vẫn cứ phải đến chỗ đi đày, làm việc khổ sai, và lại mắc vào một mưu mới, suýt bị thiêu chết trong một ngày gió tuyết mịt mùng, trú ở gian lều cỏ chơ vơ man mác quan san, hận sầu đất khách và... thèm rượu. Người hảo hán tài sức đặc biệt đã trông coi cả tám mươi vạn cấm quân ấy, cũng lại tự tay mình xét xử những kẻ gây ác. Lâm Xung vừa chém vừa cắt cổ cũng ngót một xốc, từ tên quan chủ mưu đến bọn tùy thuộc chân tay, rồi cũng trốn lên Lương Sơn Bạc, tụ nghĩa với những Tống Giang, Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng, v.v... chống lại triều đình nhà Tống thối nát.

Tôi cũng không nghe nói tuổi của Lâm Xung trong Thủy hử. Nhưng cho đến bây giờ, tôi thấy Lâm Xung vẫn trẻ và đẹp lạ lùng. Trẻ và đẹp một cách Thủy hử, cũng như Triệu Tử Long cứ mãi mãi trong trí tưởng tôi, trẻ và đẹp một cách Tam quốc, mặc dầu tôi biết Triệu Tử Long đã thọ hơn bảy mươi tuổi.

Lý Quỳ của Thủy hử nổi tiếng cũng với cây búa như Trình Giảo Kim đời Đường. Nhưng búa của Lý Quỳ sử dụng chỉ là một đôi búa bổ củi. Lý Quỳ sống bằng nghề kiếm củi, nuôi mẹ già bằng tiền bán củi. Mẹ Lý Quỳ cũng chỉ được mỗi mình Lý Quỳ, hai mẹ con ở trong rừng thẳm, làm nhà bên một suối nước. Sức búa của Lý Quỳ gần như không ai đương nổi, chứ không chỉ ghê có nhát thứ nhất rồi xuống đến nhát thứ hai, thứ ba như Trình Giảo Kim nhà ta. Lý Quỳ tính còn nóng hơn lửa, lúc xung trận cũng thường thét như Trương Phi và chỉ cởi trần. Lý Quỳ cởi trần còn vì thói quen nghèo đói, cơm kiếm không đủ ăn, áo không có mà mặc. Lý Quỳ đã cõng mẹ định cùng lên Lương Sơn Bạc, dọc đường để mẹ ở rừng đi kiếm nước uống về thì mẹ bị hổ ăn thịt. Lý Quỳ đập chết hổ rồi lên Lương Sơn bạc với mình trần, đôi búa và một lòng cương trực vô địch, một tình thương yêu, một dạ trung thành tuyệt đối với nghĩa lớn và anh em cắt máu ăn thề.

Trong những ngày đọc miệt mài, và rất lâu về sau nữa, Lương Sơn Bạc đã thành một hình tượng mê đắm trí tưởng tôi.

Cha tôi mất đã hơn một năm, mẹ tôi đi kiếm ăn xa gởi anh em tôi lại cho cô tôi và bà nội tôi. Gia đình tôi ở nhờ một người họ. Bà cháu anh em tôi và tất cả đồ đạc, giường phản còn lại toàn những thứ cũ kỹ, xộc xệch, không còn thể bán cho ai được, thu vào ở đúng một gian nhà đã chật hẹp lại xếp mấy chồng gạch phía đằng sau. Những ngày gió rét, không dám hé cửa, trong nhà tối cứ như bưng và lạnh toát một mùi ẩm mốc. Vì thế tôi thường thường phải đọc sách ở bên ngoài. Lúc ngồi cạnh khe cửa; lúc ra nhà kèn vườn hoa; lúc đến trường sớm, chúi vào một góc tường; lúc tìm một hốc cây to khuất gió.

Những bạn nhỏ thân nhất ngày trước đã chuyển đi các trường khác gần hết. Toàn những bạn kết nghĩa, đã có kẻ cắt máu ăn thề với tôi, và tự xếp cho nhau thứ bậc anh hùng. Trong những bạn này, có anh Bùi Phú Túc và L.V. Thành. Anh Bùi Phú Túc được chúng tôi tôn là Bùi Nguyên Khánh, anh hùng thứ hai, hay là Uất Trì Cung trong truyện Thuyết đường, và anh gọi tôi là

Trình Giảo Kim. Nơi tôi cùng làm Hỗn Thế Ma Vương với anh Bùi Phú Túc là bụi râm bụt và mấy gốc cây to ở góc trường. Sáng nào tôi cũng rủ anh đi học và ăn bánh tây của anh. Nhà anh mở lò bánh. Những chiếc bánh đầu thừa đuôi thẹo và những chiếc bánh bán cho trại lính ế, anh đem góp với những cà rốt và lê, táo bị thối, bị giập của nhà tôi để làm lương thảo khao anh em.

Anh vốn người nhà quê, tiếng nói và giọng nói khàn khàn, mặt mày tợn tạo, nhưng rất hào hiệp. Anh có đồng nào, và lấy của nhà được một hay hai hào, đều khao anh em bánh tôm, bánh cuốn hết. Còn bánh tây thì gần như ngày nào anh cũng thủ phồng cặp đem đi. Năm chuyển sang trường khác, học lớp nhất, anh là một chân đá bóng đi tiền đạo rất đẹp, đối phương kình địch của nhà trường tôi và đội tôi. Năm kháng chiến chống Pháp, tôi gặp anh ở chiến dịch Cao - Bắc - Lạng, 1950. Bẵng đi mười lăm mười sáu năm trời mới gặp nhau, nay anh là cán bộ tiểu đoàn của quân đội, còn tôi thì... với ngòi bút làm "búa"! Bùi Nguyên Khánh và Uất Trì Cung Bùi Phú Túc, bạn học từ lớp bét kết nghĩa hồi thơ ấu với tôi ấy, không tung đôi chùy lên đánh giời, và cũng không vì đập gãy cây roi sắt nên bị chết. Anh đã đi theo cách mạng, làm một người lính của cách mạng, và đã hy sinh trong trận chiến thắng biên giới lịch sử đó.

Anh L.V. Thành, nhà làm bánh phở. Chúng tôi thường gọi là Thành phở. Anh tự xưng là La Thành, anh hùng thứ sáu của Thuyết đường. La Thành bạch bào, bạch giáp, bạch mã kia cao hơn tôi hẳn một đầu, môi đỏ chót, mặt mày khôi ngô, người cao dỏng, rất lanh lẹn. Áo anh mặc đi học thường là áo dài trắng, nhưng dù vừa giặt xong vẫn lem nhem, và gây gây, hôi hôi mùi xương bò và khói nước dùng, tuy anh không phải làm việc nhà gì cả. Anh thường bị thầy giáo beo tai và bắt ra đứng ngoài cửa lớp vì tội thò lò mũi, luôn luôn cứ sút, sít, sịt, sì và quệt ngang bằng tay áo, ngoen nhờn và đóng vẩy ở má. Luôn luôn La Thành của tôi thúc "thoại phong câu" (10)bằng cành cây bỏ chạy, nhưng không phải để đánh miếng Hồi mã thương mà là bị đuổi thực sự! Bọn trẻ con lóc nhóc cứ túm lấy anh, chân anh co lên, người chúi

dúi, tay vươn vươn để khỏi bị nắm giữ và cũng để quệt mũi. Áo "bào" trắng rách bươm, anh líu cả lưỡi mà hò hét kêu cứu...

---

(10) Ngựa bay như gió.

Cứ đến nghỉ hè Thành phở lại học tư với tôi buổi trưa ở một ngôi đình cũ ngan ngát mùi hương hoa cau và hoa sói. Thầy giáo chúng tôi đã hơn năm mươi tuổi, râu vểnh, mắt gườm gườm, chuyên bắt chúng tôi đun nước pha trà rồi thay nhau quạt cho thầy ngủ. Thầy có một con gái bằng trạc chúng tôi, mắt toét vào loại nặng nhất, chuyên phô với thầy các kiểu tội của "chúng nó". Chính nhờ những buổi trưa thầy giáo già ngủ ngáy pho pho và tôi bị giữ cẳng ở ngôi đình có vườn cây u tịch này, mà chúng tôi đã được thấm hơn, nghiền kỹ hơn các truyện. Riêng tôi, tôi càng được nhập vào các nhân vật trong truyện và nhập vào cả các tượng Kim Cương, La Hán, Phật, Bồ Tát ở ngôi chùa cạnh đó.

La Thành của tôi sau cũng dạy học tư. Tôi bùi ngùi vô cùng sau một chuyến từ Hải Phòng trở về thăm quê hương Nam Định, đi vào cái ngõ cũ, nơi nhà anh Thành làm hàng, thì vẫn thấy trống tuềnh trống toàng, vẫn đầy ụn các lò, các bếp, các cối xay, các chậu, các nồi, các vò, các quang gánh và than củi chất đống. Nhưng không thấy L.V. Thành. L.V. Thành đã là một cậu giáo, vợ đang ở trong nhà kia xay bột làm bánh, nhếch nhác một lũ con nhỏ như mọi người ở chung. Còn L.V. Thành đang dạy học trường ngoài ngõ. Tôi lặng lẽ đi đến khung cửa, nhìn vào thấy La Thành dáng cao lêu đêu, tóc chải mượt, quần áo là hẳn hoi, đang gõ thước kẻ chứ không phải múa thương, và ngồi trên một ghế đẩu chứ không phải cưỡi bạch mã cành sấu, cành bàng, và đang thét đang quát một lũ hơn năm dãy bàn học trò líp nhíp, chứ không phải bị quân Phiên lóc nhóc đuổi theo túm áo, khoèo chân, sắp bị bắt giữ!...

Cố nhiên thầy L.V. Thành bây giờ không sụt sịt và quệt ngang mũi nữa.

Nhưng quái lạ, sao tôi vẫn như thấy má anh hãy còn gờn gợn nhử, và cặp môi đỏ chót của anh càng cong hơn, trông rất ngộ, rất mến, như khi anh hập cắn mẩu bánh tây, bánh tôm của tôi cầm cữ đưa anh ăn những buổi sáng đến trường hay những buổi ra chơi, sắp cùng nhau xung trận.

... Xa cách hẳn các bạn kết nghĩa đã học với nhau từ lớp bét, lên lớp tư, lớp ba (11)và sống côi cút, tôi càng khát bạn. Và càng đọc Thủy hử, càng mê Lương Sơn Bạc, thì càng thấy rõ những cảnh giàu sang hãnh tiến trái ngược ở chung quanh.

---

(11) Hệ thống trường Tiểu học hồi Pháp thuộc có 6 lớp: Lớp năm (tức lớp bét), lớp bốn, lớp ba, lớp nhì năm thứ nhất, lớp nhì năm thứ hai và lớp nhất.

Nhà T.P. chỉ chạy chọt ở các cửa quyền thế, được buôn độc quyền muối mà đã từ một cửa hàng nhỏ và một anh ký khổ vọt lên thành triệu phú, xây hàng dãy nhà, dãy phố cho toàn quan tây, quan ta và công chức lương cao nhất thành phố thuê ở. Mỗi khi vợ chồng và thằng con đi lễ hay đi chầu, thì chính cha chánh sứ đón chào, chuyện trò từ cửa nhà thờ vào đến phòng khách. Gia đình ngày càng thêm vai vế, không những nhất thành phố, mà còn nhất mấy tỉnh. Chỉ "nói" không với các quan công sứ, thống sứ mà thằng em cũng được làm nghị viên, rất gian quyệt trong những năm đàn áp cộng sản phong trào 1930 - 1931 ở Nam Định.

Trong khi nghe được câu chuyện làm giàu và hiển vinh này, tôi đã đi theo sau và trông rất lâu những người kéo xe bò nước và những đám quét đường, dọn cỏ rác ở các vườn hoa và dinh thự to. Họ phần đông là dân làm muối bị án tù muối lậu. Toàn những đàn bà nhà quê vùng biển, trông sao mà hiền lành, nhẫn nhục. Nhiều người còn trẻ, vừa chạy theo xe, vừa day day bầu vú, yếm đen thủi và ướt đẫm.

... Tôi còn được biết một thằng béo xề như con lợn cạo trắng, chuyên cho vay lãi rất nặng, nhà chỉ nuôi đầy tớ gái trẻ. Nó đã có lần lấy dùi sắt nung đỏ dùi vào vú con sen, vu cho tội ăn cắp. Hàng phố gọi nó là Hàn-cá-kho. Nó được bằng Hàn lâm đãi chiếu, thưởng cho cái công nịnh và dắt khách cho các quan Tây. Còn tên Cá kho là do nó đã bắt đem về nhà cả nồi cá kho duy nhất của một người nợ nhà nó, kho tối hôm ba mươi để ăn Tết, sau một ngày đi trốn, khuya về đã tưởng yên thân.

Sau phố tôi là dinh cơ một tên án sát. Nghe nói y làm bồi, chuyên dắt gái cho các quan đầu tỉnh. Tên họ y là M. Tầm Xuân! Còn những Cao Cầu (12)thì đủ các loại, với các thứ quan Tây, quan ta, mà những ngày lễ lớn ở nhà thờ, hay những ngày hội lớn ở thành phố, lại làm tủi nhục xót xa mọi người nghèo đói, họ được nhặt những đồng xu tung ra đất, hay những nắm cơm, bát gạo phát, hai tay bưng túm vào vạt áo.

---

(12) Một tên lưu manh lên làm tể tướng triều Tống (chú thích của tác giả).

Những ngày cuối đông vắng lạnh và những ngày đầu xuân mưa phùn gió bấc năm ấy, càng đói rét trơ trọi và buồn tủi, tôi càng thấy Lương Sơn Bạc nổi lên rực rỡ vô cùng. Dường như những hoa đào, cúc, thược dược, phù dung, cẩm chướng cùng những màu sắc thắm thiết của ngày Tết và cảnh xuân đã kết lại làm một nền sáng cho lá cờ Thế thiên hành đạo phấp phới trên những ngọn núi và vùng hồ nước, nơi các anh hùng tụ nghĩa. Cũng dường như những tia sáng chói lọi nhất của mặt trời và những ánh bạc của mây trưa đã giội tỏa ra cùng với những ngọn thương, đao, kiếm, kích tung hoành trên lưng ngựa, đánh đuổi tan tành các đạo quân triều đình bạo ngược.

Tuổi thơ dễ thấy đói và cũng dễ quên đói. Nhưng tình nghĩa thủy chung, nhân hậu, những ý chí quật cường, bất khuất, những khí tiết cùng khổ gian nguy, và sự keo sơn son sắt trong tình bạn chỉ là ở những trang chữ thôi,

nhưng mà sao thấy ngon ngọt, thơm tho, no lòng, ấm dạ?

Ôi! Thủy hử và Lương Sơn Bạc kỳ diệu, tôi đang là thằng bé mười ba mười bốn tuổi, đọc và sống lại với các người đây!

## CHƯƠNG II

## "SỬ KÝ ĐỊA DƯ GIÁO KHOA THƯ" VÀ NHỮNG LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT

Phải lên đến lớp ba, gọi là lớp sơ đẳng (13)tôi mới được học lịch sử Việt Nam ở trọn một quyển sách có cái tên như trên đây. (14)

---

(13) Hệ thống tiểu học dưới thời Pháp thuộc có 6 lớp: lớp năm tức lớp bét, lớp tư, lớp ba, lớp nhì năm thứ nhất, lớp nhì năm thứ hai và lớp nhất tương đương lớp bốn hiện nay.

(14) Tức là cuốn Sử ký địa dư giáo khoa thư.

Sách này khoảng hơn trăm trang in. Ngoài những đầu bài in chữ to, những từ, những câu cắt nghĩa, chú giải, những câu hỏi và những đoạn toát yếu, v.v... lại còn những hình ảnh minh họa. Bởi vậy, phần chính thành bài học chỉ còn mấy chục trang. Đã thế, mấy chục trang này về cuối lại là phần khá dài về triều Nguyễn, với nào Nguyễn Hoàng, Nguyễn Ánh, đức cha Bá Đa Lộc, hoàng tử Cảnh, v.v... Tiếp đến việc nước Pháp "phải đánh chiếm ba tỉnh rồi sáu tỉnh Nam Kỳ"! rồi "đánh chiếm thêm cả Hà Nội và Bắc Kỳ"! Rồi đặt nước "An Nam" thành một xứ bảo hộ. Xứ bảo hộ không còn tên Việt Nam hay "An Nam" nữa mà thành ba tên là Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, chịu chung một cái "ơn cai trị" của mẫu quốc Đại Pháp! Phần này lại càng tỉ mỉ, khá dài, với khá nhiều những hình ảnh dinh thự, phố xá, sông bến, cầu đường chiếm hẳn hàng chục trang để quảng cáo công cuộc văn minh khai hóa của

mẫu quốc!

Còn Quang Trung thì sao? Quang Trung Nguyễn Huệ áo vải dựng cờ làm nên nghiệp lớn. Đàng trong đánh bạt chúa Nguyễn, đuổi giặc Xiêm La; ra đàng ngoài thì diệt tan triều đình vua Lê, chúa Trịnh, quét gọn giặc Thanh. Trong cuộc hành quân ra Bắc Hà có một không hai trong lịch sử, tiến như gió cuốn, sấm sét ra uy, một lúc cản phá hai mươi vạn quân Thanh, tướng súy, binh lính bỏ nhau tháo chạy về nước không cả kịp thở và ngẩng mặt trông trời... Con người anh hùng cái thế ấy, đối với triều họ Gia Long và cách trình bày của sử thuộc địa, trước sau chỉ là một tên giặc và một ngụy triều!

Trong sách học, phần chính về các triều trước đã quá sơ sài, lại còn bị cắt xén và sắp xếp giới thiệu rất tùy tiện, sai lệch như vậy, nên gần như không để được ấn tượng gì chính đáng trong trí não tôi, ngoài mấy hình ảnh in thô sơ, như Hai Bà Trưng cỡi voi đánh đuổi quân Đông Hán, hay Trần Bình Trọng đeo kiếm đứng hiên ngang trước quân Nguyên xâm lược.

Nhưng tôi đã có một sự may mắn bất ngờ là được đọc và nhớ sâu, nhớ nhiều về một số sự kiện của sử nước bằng cuốn sách quảng cáo thuốc của một nhà thuốc in trong Sài Gòn.

Không hiểu do chủ hiệu đặt viết hay do dụng ý và thói quen nghề nghiệp của người soạn sách, - tôi không hề thấy đề tên tác giả biên soạn là ai - mà "cuốn sử" này lại nhiều chuyện, nhiều sự tích đến vậy? Nhưng chuyện và sự tích của từng sự kiện và từng triều đại in bên cạnh những nào thuốc sốt, thuốc cảm, thuốc đau răng, đau mắt, đau bụng, đau xương, thuốc giun, thuốc bổ tì, bổ phế, hậu sản, ho lao, ngã nước, thuốc đẻ con nhiều, thuốc già uống trẻ lại... Có các thứ tên nghe cứ như là thuốc của các tiên, các thánh, với nào quế, phụ, sâm, nhung, nào dãi cá voi, thận hải cẩu, và các kiểu chai lọ, hộp ống. Nhãn hiệu thì mang hình một ông Phật đầu trọc, bụng phệ, mủm mỉm cười, gọi là nhãn hiệu ông Phật mập, trông như một chủ bán cao lâu no nê phả phê giữa mùa hè không cần quạt gì cả vì quá mát da mát thịt. Ông ta vừa ngủ trưa

dậy thì có các thứ nàng hầu tắm táp cho và bón cho ăn hết liền mấy liễn chè hạt sen long nhãn và yến hấp đường phèn.

Tôi đã đọc truyện từ Lạc Long Quân và Âu Cơ là con rồng cháu tiên đẻ một bọc trăm trứng nở ra một trăm con trai, đến chuyện Sơn Tinh - Thủy Tinh, Trọng Thủy - Mỵ Châu và các sự tích bánh giầy bánh chưng, trầu cau, dưa hấu... Rồi đến các anh hùng lương đống như Đinh Tiên Hoàng, Lý Thường Kiệt, Phạm Ngũ Lão, và các nhân vật như Mạc Đĩnh Chi, Cống Quỳnh, Thị Điểm, v.v... chen lẫn với các tranh vui cười và đám chai lọ quảng cáo chữa đủ các thứ bệnh trên kia!

Năm ấy vào khoảng 1926-1927, nghe nói bà tôi sắp sửa phải bán nhà vì nhà tôi mất việc lâu quá, nhà vay nợ lãi nặng quá, hàng cơm của bà tôi sa sút quá, và cả hàng rau đậu, hoa quả của mẹ tôi cũng ế ẩm quá! Cha tôi chạy mãi mới lấy được cuốn sổ bìa xanh, định xin xuống tàu to làm... Bởi thế cha tôi phải vào Sài Gòn và đã gởi cuốn sách thuốc kia cùng mấy cái quà như kèn đồng, đàn hộp quay tay và ngựa cao su, xe gỗ cho anh em tôi.

Nhà tôi chỉ cách bến tàu thủy hơn trăm thước. Chính vì sợ tôi nghịch ngợm lêu lổng nên bà nội và mẹ tôi đã bắt tôi học cả trưa ở cái lớp của ông giáo nổi tiếng dữ đòn dạy trong ngôi đình khuất vắng kia. Cũng vì tôi phải đi học trưa như vậy nên bà tôi không thuê truyện và tôi không được đọc các truyện của bà thuê nữa. Tôi phải góp tiền với một vài thằng bạn để mua những cuốn mỏng và rẻ tiền đọc chung với nhau. Rồi có những trưa không trốn được đi nô nghịch và không có truyện mới để đọc, thì tôi lại nghiền ngẫm những trang sử trong cuốn sách quảng cáo thuốc. Ôi! Những Phi Long, Phi Phượng, Phi Hổ, Giang Môn, Long Môn, Nam Hải (15) đã nổi còi ùm ùm trên dòng sông đang độ nước cường lờ lờ như nước cua giã và váng riêu, chỉ rình tràn vào thành phố. Ôi! Những đầu toa vừa chạy vừa thở như cuồng như uất trên đường sắt, vút trong nắng tựa hai lưỡi gươm vô tận, và những hồi còi dội lên lọng cả buổi trưa! Biết đến bao giờ và ta phải làm gì để được cùng với

các ngươi ra thật ngoài bến Sáu kho Hải Phòng? Đến đây, ta sẽ xuống những con tàu như kình ngư, như giao long khổng lồ bằng sắt mà vượt trùng dương vào Sài Gòn, theo cha ta đi các danh lam thắng cảnh của năm châu bốn biển?

---

(15) Tên một số tàu thủy ngày đó.

Nếu như tiếng còi tàu, còi xe làm tôi bâng khuâng nghẹn ngào bao nhiêu, thì những tiếng xe cút kít lặc lè nghiến rít trên đường đá giữa nắng hè, cũng làm tôi day dứt bồn chồn bấy nhiêu. Những xe này có chuyến chở ba bao gạo, bao ngô chỉ xanh, mỗi bao nặng hơn một tạ, hoặc từng đống chất bốn năm rọ lợn và sọt củ nâu. Người cầm càng dù rất khỏe nhưng không thạo, không chuyên thì cũng dễ bị xe quật tung đi. Phần nhiều là các người đứng tuổi, da dẻ như sành, quần áo rách vá, nón mê. Thít qua vai qua cổ họ là một cái thừng dừa chỉ dùng vài buổi đã bạc sờn. Thỉnh thoảng có xe thêm một đứa bé, nó là con hay là cháu người đẩy, cũng rách rưới, gầy sắt, phải dòng thêm dây gò lưng cùng kéo. Sau đây lớn lên, được nghe tả và đọc về những tù khổ sai và những nô lệ kéo thuyền trên sông Von-ga ở nước Nga Sa Hoàng, cả thân thể và quần áo họ đều bị roi gậy quật đánh rách xé, họ cứ phải rạp người và cố cất lên những tiếng hò lừ lừ, triền miên, nén nặng như dòng sông, thì tôi lại không khỏi không nhớ đến những người đẩy xe cút kút và những đứa bé kéo xe cút kít những trưa hè nọ.

Thỉnh thoảng mưa rào. Ngoài sân và sau vườn lớp tôi học, hương hoa cau và hoa sói càng như đang ủ men bỗng được dỡ tung ra. Hương sắc và hình tượng của những trang sử nước nhà bốc lên theo, hiển hiện vời vợi...

Sao mà thiêng liêng, lúc Âu Cơ hoàng hậu cùng chồng Lạc Long Quân chia nhau con, năm mươi trai theo mẹ lên núi, năm mươi trai theo cha xuống biển! Sao lại như thế? Sao lại là một bọc trăm trứng và nở đủ thành một trăm con trai? Sao không là cả một trăm con gái hay là năm mươi con gái? Và sao

lại năm mươi trai theo mẹ lên núi mà không là tất cả một trăm? Và sao lại là năm mươi con theo cha xuống biển? Núi với biển, cha với mẹ, trai hay gái, ý nghĩa thế nào nên mới là sự việc lưu truyền đầu tiên của giống nòi, đất nước, sử xanh?

A! Phù Đổng Thiên Vương lên ba tuổi mà không biết nói, nhưng vừa nghe tiếng mõ rao nhà vua cần người tài đi đánh giặc thì bật tiếng lên. Sao thường bảo bị câm là vì điếc? Mà sao vì điếc không nghe được nên không nói được tiếng người, nhưng lại nghe ra tiếng mõ và hiểu được lời cầu hiền? Lạ thay! Lên ba tuổi mà hiểu được lời cầu hiền, mà biết xin mẹ đi giúp nước. Lại bảo mẹ thổi cho một nồi ba mươi cơm dỡ ra đầy một nong ăn hết? Rồi lại đòi dân làng đánh cho một con ngựa sắt, một roi sắt, vươn mình cao hơn mười trượng, lên ngựa, giật cương, thúc ngựa phi hét ra lửa, xông vào phá giặc rụng hết lớp này sang lớp khác, đến nỗi gãy cả roi, phải quơ nhổ quật từng bụi tre mà quật lên đầu giặc. Thắng trận, đoạn thì anh hùng thiên thần cỡi ngựa bay lên trời...

Thiên Vương ấy rõ ràng cũng có quê có làng! Rành rành người ở xã Phù Đổng, tục gọi là là Gióng, tỉnh Bắc Ninh, bên kia sông Bồ Đề (16)

---

(16) Sông Hồng.

... Sơn Tinh thì sao mà đẹp. Đẹp cả diện mạo, dáng vóc, thân hình. Có đẹp mới vừa lòng công chúa chứ! Nhưng sao mà giỏi? Giỏi thay "cứ năm năm báo oán, đời đời đánh ghen", Thủy Tinh đem thủy quái, thủy quân kéo lên, dâng nước để cướp lại công chúa, thì Sơn Tinh lại hóa phép đắp đất xây thành cao hơn và lại đánh bại Thủy Tinh... Cái lúc đứng trên cao, sánh vai Sơn Tinh, nhìn xuống thủy trận tan tành, trai anh hùng gái thuyền quyên mặt mày rạng rỡ, chắc Mỵ Nương còn thấy Sơn Tinh đẹp đến thế nào?

Bánh chưng gói thường và ăn ngày thường đã ngon. Bánh chưng vuông, luộc ngày ba mươi trên bếp đun bằng gộc tre và ăn trong ngày tết lại càng ngon. Tấm bánh chưa lột hết lần lá trong cùng ra đã thấy một làn xanh mà không một màu xanh nào mỡ mượt như thế. Khi đặt chiếc lạt tước nhỏ xắn bánh thành miếng nhấc ra, thì này, làn gạo như người thường gọi: Ngọc! Phải, hột gạo nếp đẹp như ngọc! Còn nhân đỗ thì mịn màng thơm ngon tuyệt vời, với miếng thịt nhừ tơi điểm mùi hồ tiêu. Tấm bánh của vợ chồng người con trai nghèo nhất của Hùng Vương đấy! Trong kháng chiến chống Mỹ, có mấy tên giặc lái máy bay bị bắt ở miền Bắc đã run rẩy cả người khi cầm ăn những miếng bánh cổ truyền này của ngày tết Việt Nam. Rồi chúng đã ngước mắt lên, bàng hoàng nhìn hồi lâu những người cho. Họ còn nói cho chúng biết câu chuyện về tấm bánh cùng với ý nghĩa tượng hình về vũ trụ cách đây hơn bốn nghìn năm trong sự sáng tạo và mở nguồn triết học của một dân tộc mà chúng đã điên cuồng liều lĩnh xâm phạm!...

Khi ngồi kể những chuyện ngày xưa và cả trong nhiều lúc vui buồn khác, các bà mẹ Việt Nam chúng ta vừa ăn trầu vừa chuyện. Câu chuyện đau thương của hai anh em và hai vợ chồng mà kẻ hóa thành đá vôi, kẻ thành cây cau, kẻ thành dây trầu ấy, đã gộp lại trong một khẩu trầu cầm tay mời nhau, cùng nhau ăn, rồi đôi hồi các nguồn cơn nông nỗi, thế sự nhân tình...

Tôi càng chờ đón tết Trung thu hơn với chiếc đèn kéo quân bày trước bàn cỗ ngoài thềm nhà trăng soi.

Trong cái khung phất giấy mỏng, diềm cài hoa lá bằng giấy trang kim, đứa trẻ tên là Đinh Bộ Lĩnh kia in hình trước ánh sáng tụm bấc dầu lạc, không cỡi trâu nữa mà cỡi rồng qua sông, trên bờ có người chú ruột đã đánh đuổi mình, quỳ vái theo mình. Lúc này tôi yêu Đinh Bộ Lĩnh còn hơn cả Na Tra, mặc dầu Na Tra chân đạp Phong hỏa luân và tay tung Càn khôn quyện, và đã có một thân thể hình hài kỳ diệu: từ xương thịt đến linh hồn đều bằng hoa và hương sen. Đinh Bộ Lĩnh của tôi nhà nghèo, không có cha. Tương

truyền mẹ Đinh Bộ Lĩnh thụ thai với con rái cá. Con rái cá hay chính là một anh thợ lặn, một người nước như kiểu Yết Kiêu và Quận He Nguyễn Hữu Cầu? Đinh Bộ Lĩnh đầu cạo trọc, để mỗi chủm tóc, gọi là hồng mao, mình mẩy chân tay bùn đất cóc cáy, cỡi trâu mà làm tướng. Còn võ khí và cờ tiết là tay không, và bông lau; uy quyền là lòng gan dạ và sức thu phục. Từ đồng cỏ Hoa Lư, Đinh Bộ Lĩnh được đám bạn mục đồng tôn lên làm chủ tướng, và qua các trận giao tranh với trẻ các xóm, các làng, Đinh Bộ Lĩnh nổi danh vô địch. Từ Hoa Lư xuất quân, trăm trận trăm thắng, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp tan các sứ quân, được tôn làm Vạn Thắng vương, thống nhất đất nước!...

Anh hùng xưa nhớ hồi niên thiếu,

dấy binh lấy lau làm cờ...

Trước Cách mạng Tháng Tám, năm tôi ở trại giam Hà Giang về quản thúc trong một xóm nghèo ngoại thành Hải Phòng, khi trông trăng nhớ lại chiếc đèn kéo quân, bàn cỗ thời thơ ấu, và chợt nghe tiếng hát của đám trẻ đói rách học lớp tối của hội Truyền bá quốc ngữ mở, tôi không khỏi nao nao trong dạ.

Chuyện vợ chồng An Tiêm và quả dưa hấu tuy chỉ vẻn vẹn mươi dòng, nhưng lại đưa trí tưởng tôi đi xa còn hơn cả khi đọc Lỗ Bình Sơn phiêu lưu ký (17)dịch đăng làm nhiều kỳ trong Đông Dương tạp chí.

---

(17) Tức là cuốn Rô-bin-sơn Cơ-ru-xơ của Đa-ni-en Đê-phô.

Những hòn đảo, bãi biển, sóng gió và cảnh hoang vắng chỉ có hai con người, tôi đã tưởng tượng ra nó ở ngay cái góc gian gác chật hẹp kê giường của cha tôi, trông ra một sân thượng và vùng trời ngày đó tôi thường tha thẩn ngước nhìn lên và thấy thêm các núi non, chim chóc và các thú kỳ lạ... Quý báu thay lưỡi kiếm sắt của bà mẹ giấu cho, mang được trong người khi bị đi

đày! Kỳ thú thay những hạt dưa chim nhả xuống bãi đảo! Tuyệt vời thay những quả dưa lòng cát, đỏ như son, mát hơn nước suối, thơm ngọt như ở vườn tiên! Vợ chồng con cái An Tiêm đã ăn dưa thay cơm, uống thay nước giữa những trưa nắng, trời lặng gió, biển như dầu sôi và cát rang bỏng cháy.

Tôi đã nguyện đi theo cùng vợ chồng An Tiêm, làm một đứa con trong những con của vợ chồng An Tiêm, sống với lưỡi kiếm sắt để đào củ, chặt cây, chém thú, bật lửa, làm thịt chim, cá và bổ dưa ăn. Để ban ngày thì được trông vời ra sóng nước mênh mông, ban đêm thì ngắm trời sao và nghe sâu nữa những tiếng ca ru vời gọi của vũ trụ, của sự sống, của bí ẩn, của chiến đấu và của kỳ diệu!

Ngàn Tây nổi áng phong trần

Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên

Hồng quần nhẹ bước chinh yên

Đuổi ngay Tô Định dẹp yên Biên thành

Đô Kỳ đóng cõi Mê Linh...

Tôi nhớ được cuộc khởi nghĩa và mở nước của Hai Bà Trưng cũng không bằng bài học sử ký của nhà trường dạy, mà nhờ bài học thuộc lòng từ năm lớp bét. Có lẽ đây là một áng thơ đẹp nhất, ngân vang nhất trong tuổi thơ của tôi. Tôi không nhớ rõ đã đọc chúng bao nhiêu lần ở trong lớp rồi đem bài về nhà học mất bao nhiêu phút, mà tôi đã thuộc làu làu cho đến ngày nay! Tôi có cảm giác tôi thuộc bài đó ngay sau khi thầy giáo viết lên bảng cho chúng tôi chép, và sau khi chúng tôi đọc theo nhịp thước kẻ của thầy gõ xuống bàn chỉ xong lần thứ nhất! Cũng không phải vì tôi thông minh hay có khiếu về văn thơ, mà là tất cả chúng tôi đều thuộc ngay.

Năm kháng chiến chống Pháp, tôi cũng viết lại đoạn sử này cho các con

anh chị Tạ Phúc Bình, Kim Lân và con tôi học ở trên Yên Thế, nơi mấy gia đình chúng tôi tản cư, thì kỳ lạ, ngay hôm sau, các trẻ con hàng xóm cũng thuộc rồi. Cả những đứa không biết chữ.

... Bà Trưng quê ở Châu Phong

Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên

Chị em nặng một nhời nguyền...

Con chị cõng thằng em, thằng anh cõng gái bé, dì bé ôm cháu gái, cái cháu theo dì bé... đầu ngõ cuối xóm, ngoài đồi, gốc ổi, gốc cau, bờ suối, bụi sim... đâu có trẻ con chơi là có tiếng ngân nga như hát với nhau. Không kể những lúc đánh võng cho em, hay vừa bế xốc, vừa ôm em để ru chúng nó ngủ... Cả các trẻ đi trâu, đi cỏ, cũng thuộc, cũng đọc.

Tới năm kháng chiến chống Mỹ, tôi ở trường bồi dưỡng anh chị em viết văn trẻ thường thường đạp xe đi về qua đường Hồ Tây. Những buổi sáng sương mù, những buổi chiều sương khói, đoạn sử kia càng nổi lên với không biết bao nhiêu hình tượng và màu sắc. Trên mặt hồ và như cả trời mây đều có bóng cờ, giáp mã, đao kiếm, tiếng voi, ngựa, chiêng trống và quân reo. Cái cảm tưởng thời thơ ấu vừa man mác vừa bâng khuâng lại sống lại, càng thấy quý báu vô ngần.

... Phải, trong sử đã ghi rõ ràng Hai Bà đã nhảy xuống sông Hát Giang tự vẫn, còn Trần Bình Trọng thì đã bị quân Nguyên đem chém. Nhưng sao cả khi đọc xong những chữ in trên đây và mãi mãi sau này, mỗi lúc tưởng nhớ, tôi vẫn thấy cả Hai Bà Trưng và tướng Trần Bình Trọng tuy không còn nữa nhưng không phải là chết!

- "Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc!".

Trong cuốn Sử ký giáo khoa thư, Trần Bình Trọng đeo kiếm, hai tay bị

trói chắp sau lưng, người cao lớn, đứng ngẩng mặt lên mà nói câu trên đây trước đám giặc. Tôi cứ phải mang hình ảnh đó cùng với Hai Bà Trưng cỡi voi, vung kiếm, phất cờ ở cả trước mặt và trong tâm trí tôi, không những y nguyên mà còn thấy nhấp nhô, rùng rùng chuyển động và như có thể biến hóa làm thành nhiều thế khác, nhiều việc khác, nhiều cảnh khác...

Trần Bình Trọng thì giựt tung dây trói, tuốt gươm chém chết cả bọn tướng giặc lẫn quân canh giữ, cướp ngựa, vượt khỏi mấy trùng vây, trở về với Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng thì quay voi lại, thu thập lại tướng sĩ, dồn thành một đội quyết tử dữ hơn cả sư tử, nhanh hơn cả báo, mạnh hơn cả thác và vững hơn cả núi, thúc vào giữa quân Mã Viện mà đánh phá tung hoành, và lấy lại các thành trì...

Sự diễn biến kỳ ảo này không phải chỉ ở Hai Bà Trưng và Trần Bình Trọng. Nó ở cả những anh hùng liệt sĩ khác mà tuổi thơ tôi được đọc hay nghe kể chuyện. Những Phan Đình Phùng, Đề Thám, Đội Cấn, v.v... Nếu như tôi cứ mãi mãi cái tuổi lên tám lên chín và mười một mười hai, thì tôi vẫn thấy các Người ở đâu đây trong rừng, trên núi, ngoài biển, hay ở các làng, các ấp, các bản, các trại, các xóm, được che giấu bảo vệ, đóng tiền, đóng gạo, mua sắm khí giới hoạt động cho đến ngày Cách mạng Tháng Tám thành công!...

Tôi không được học chữ Nho ở một lớp có ông đồ, thầy trò đều nằm bò trên giường mà nghêu ngao. Tôi không được biết cái mùi tanh tanh mặn mặn của mực Tàu và của mũi dãi ngoen ra mồm mép. Cũng như tôi không được biết những ngọn roi mây quất cùng cục lên đầu, lên lưng mà vẫn cứ trêu chòng cấu véo nhau ngay lúc thầy vừa hiêng hiếng đôi mắt kính cúi xuống đọc sách hay nhìn ra sân, gà đang ăn thóc phơi, hay ra ngõ, trẻ đang dỡ rào, hái trộm quả cây vườn nhà.

... Thiên: giời, địa: đất, cử: cất, tồn: còn, tử: con, tôn: cháu, lục: sáu, tam: ba, gia: nhà, quốc: nước, v.v...

Tôi học theo hứng. Sách học bằng giấy Tây, in chữ Quốc ngữ cả âm, cả nghĩa, kèm theo chữ Nho. Hình như có một lúc thì thuộc hết cả... chữ của thánh hiền trên kia... Tôi thuộc miệng, thuộc vì còn được nghe những đứa khác đọc. Sau đây, dù lên được lớp nhì, học thành một buổi ba giờ vào sáng thứ năm hẳn hoi, và được một cụ đồ đỗ tú tài dạy thành bài và chấm bài, nhưng tôi vẫn không nhớ được mấy mặt chữ. Tuy có bài, có đoạn tôi còn thuộc đến ngày nay:

Khổng Tử viết: tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản (Thánh Khổng dạy rằng: từ thiên tử đến người thường đều phải lấy sự tu thân làm gốc).

Nhưng tên các hiệu bánh kẹo, cao lâu, chè tàu, xe đạp và rạp hát tuồng, rạp chiếu bóng, thì tôi lại rất nhớ. Thí dụ như rạp chiếu bóng Đại Quang, hiệu bánh khảo, kẹo lạc Trung Nguyên, hay hiệu cho thuê xe đạp Phi Mã, hiệu phở xào Văn Nhân, v.v...

Mặc dầu cung cách học tập và vốn liếng chữ Nho của tôi là như vậy, tôi vẫn nao nao tâm trí mà ngâm nga bốn câu thơ của Lý Thường Kiệt:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư (18).

---

(18) Sông núi nước Nam vua Nam ở

Rành rành định phận ở sách trời

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm

Bay sẽ tan tành chết sạch thôi!

Tôi đã khoe với các bạn, tôi lỗ mỗ ngâm và ca tụng thêm những câu thơ nọ truyền rằng của thần đã đọc cho vị nguyên soái nghe trong giấc ngủ bên sông, và khi nguyên soái ngâm lại trước ba quân, thì tất cả chiến sĩ thảy đều nức lòng chiến đấu.

Rồi tôi đi tìm Lý Thường Kiệt.

Tôi phải đi tìm Lý Thường Kiệt để biết nhiều hơn nữa, thật kỳ lạ nữa.

Tôi đi tìm Lý Thường Kiệt trong tiểu thuyết. Tôi không nhớ đúng là năm 1928 hay 1929 truyện Châu chấu đá xe xuất bản. Nhưng có một số chi tiết thành ấn tượng sâu sắc trong tôi. Tiểu thuyết ra từng tập mỏng bán có ba xu. Không bìa. Trang nhất in hình một con châu chấu, càng rất to, đá hất một cỗ xe trận, dưới có hai câu thơ:

Nực cười châu chấu đá xe

Tưởng rằng chấu ngã ai ngờ xe nghiêng.

Hình như không có tên tác giả. Còn nhà xuất bản thì tôi thật quên hẳn.

Hiệu sách là một cửa hàng bán giấy bút, nhưng cả mấy tủ kính tủ đứng cũng như quầy bàn đều lèo tèo, không những đã ít hàng bán lại còn cũ kỹ bụi bặm nữa. Hiệu mở ở đầu đường hẳn hoi, ngay trước trường Thành chung bề thế nhất thành phố. Không có hai cô duyên dáng, lịch sự, chữ nghĩa, trông như hai cô giáo, nói chuyện, tiếp khách cũng bằng tiếng Pháp như hiệu H.K.; cũng không có một cô và bà bán hàng xuềnh xoàng và thường bán giá hạ hơn các nơi như hiệu T.N. cùng phố. Ở hiệu này tôi thường thấy một người đàn

ông gầy yếu, có vẻ nho nhã, vừa ngồi đọc sách vừa bán hàng. Còn khách thì gần như chỉ có mấy đứa bé mê tiểu thuyết như loại chúng tôi và mấy người học trò lớn trường Thành chung, gọi là trường Ca-rô (Carreau) và trường Trong, gọi là trường Giuyn-lơ Phe-ri (Jules Ferry).

Không biết tôi đã được nghe đồn từ đâu hay nghe ai nói mà tôi phải đi tìm mua ngay truyện đó. "... Truyện hay lắm! Sách vừa ra đã bán hết ngay! Sách hình như cũng bị Sở mật thám chú ý rồi đấy! Sách này mà không bị cấm thì còn là chạy!...".

Tôi chỉ mượn đọc được hai số. Cuối cùng, thấy hàng chỉ có mình bà chủ ngồi, vẻ đăm chiêu, còn tờ quảng cáo Châu chấu đá xe in to, dán ở cái bảng treo ngoài cửa thì bị lột đi từ bao giờ rồi.

Hình như hai số tôi đọc là hai số bị cách quãng đến bốn, năm số. Hình tượng Lý Thường Kiệt mà tôi đi tìm thế là vẫn mơ mơ hồ hồ, chung chung như những hình tượng các anh hùng hào kiệt nổi tiếng, cỡi ngựa đeo kiếm, ngồi uy nghi dưới lá cờ súy phấp phới trước ba quân, hay đang ruổi ngựa bụi mù đi chiến đấu. Còn đoạn cô bán rượu được tả rất xinh, rất đẹp gánh hàng đi bán và rao bằng những câu thơ khích động lòng yêu nước, cứ làm tôi phải tự hỏi có thật như thế và có người như thế không? Tôi thấy khác hẳn những trang tôi được học trong tập Sử ký địa dư giáo khoa thư hay trong cuốn quảng cáo của nhà thuốc ông Phật mập. Cũng như trong một số sách khác, không hiểu tại sao lại không có tích, có việc, có người như thế?

Tôi đã được biết về cuộc chống xâm lăng và chiến thắng toàn bộ quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền qua truyện Tiếng sấm đêm đông, và cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng qua truyện Vua Bố Cái xuất bản cũng khoảng 1928-1929 ấy.

Sau khi được biết tin chính thức đã có lệnh cấm và khám bắt Châu chấu đá xe, tôi lại càng cố ý đi qua cái cửa hàng sách đã phải đóng cửa nọ. Tuy từ

nhà tôi đến trường, qua đường này vừa xa, vừa vắng, vừa lạ, nhưng tôi cứ đi một mình trong những buổi chiều rất lạnh.

Nghe bà nội tôi kể chuyện và tả cảnh, thì khu trường Thành chung với ngã tư này ngày xưa là khúc sông Vị Hoàng chảy trước cửa Đông của thành Nam Định. Đây, trên bến dưới thuyền còn đông vui hơn cả bến tàu thủy. Đủ cả các ghe mành xứ Thanh, xứ Nghệ, và cả xứ Quảng xa xôi nữa. Họ chở nước mắm, dừa, đường, lụa Đàng trong, đỗ san sát từ gần cửa chợ sông Vị Hoàng, qua phía sau phố Hàng Nâu, Hàng Song, đến cái chợ gọi là chợ Bến Đò Chè, trước mặt phố Bến Gỗ. Dân Nam Định có câu nói cửa miệng "Bao giờ sông Vị Hoàng hết nước thì làng Vị Xuyên mới hết trạng nguyên và khoa bảng". Bà tôi đã thẫn thờ nói với tôi: "Tây nó hiểm lắm, nó cho lấp con sông Vị thì long mạch tỉnh Nam bị cắt, làm sao còn phát được nữa?!".

Bà tôi còn thì thầm, ông Cử gì cháu đích tôn một cụ đốc học bị cuồng chữ, Tây đánh thành xong liền cho ngay người gọi ông ra làm quan nhưng ông nhất định không nghe! Mỗi lần lên cơn lại đi lững thững chỉ cười một mình ở bến tàu thủy... Và mỗi lần thấy tàu của Tây đi qua là ông quay lưng lại, lấy quạt che mặt mà khóc hu hu...

Cũng chính trên quãng sông Vị đây, tàu chiến Pháp đã kéo cờ chạy từ ngoài sông đào vào, một mặt đổ quân lên bờ, một mặt bắn súng đại bác vào thành. Cùng lúc đó, quan Pháp và những tay súng giỏi nhất còn lên cả nóc chuông nhà thờ, chiếu ống nhòm xem xét binh tình trong thành và bắn tỉa quân ta.

Bởi vậy tôi càng bâng khuâng trước hiệu sách cửa đóng lạnh ngắt mà tiếc tập truyện không được ra tiếp để đọc thêm những trận đánh chắc chắn sẽ diễn ra còn phải kỳ lạ hơn, với những đoạn văn ái quốc, cũng sẽ còn lâm ly, hùng tráng hơn, về chiến thắng lẫy lừng của vị danh tướng Lý Thường Kiệt kia.

Sau đây đọc Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú, tôi còn

biết rõ rằng, nơi Lý Thường Kiệt nằm mộng được nghe thần đọc thơ là ở đền thờ Trương Thống, Trương Hát. Còn nơi Lý Thường Kiệt ngâm thơ trước toàn quân là bờ sông Như Nguyệt, ngày nay là sông Cầu. Cách đấy vài cây số phía trên là đền thờ Trương Hống, Trương Hát, phía dưới là làng Thổ Hà vừa chuyên làm đồ gốm vừa chuyên nấu rượu. Rượu Thổ Hà ngon có tiếng và đã thành thơ. Không biết cô hàng rượu xinh đẹp xưa gánh rượu đi bán và hát những câu hát để khích động lòng yêu nước của mọi người tả trong Châu chấu đá xe có phải là gái Thổ Hà không?

Rồi tôi được đọc Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên, tôi lại được biết thêm người anh hùng mười sáu tuổi, kéo lá cờ thêu sáu chữ vàng "Phá cường địch báo hoàng ân", một trai tráng và đem quân bản bộ cùng toàn dân đi đánh giặc nước thời nhà Trần, là Trần Quốc Toản ấy, đã truy kích quân Nguyên đến đây rồi bị tử thương.

Sông Cầu nước chảy lơ thơ

Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi...

Ai thương nhớ ai đây? Những đôi trai gái quê hương Quan họ chèo đò trên sông hay cuốc bãi, hái dâu, tra ngô, xới đỗ bên sông, khi cầm tay nhau hát, làm sao mà lại không thấy vẫn còn trên sóng nước Như Nguyệt những ngân vang của bài thơ xưa và tiếng quân ta hò reo?

Tiếng sấm đêm đông, chuyện Ngô Quyền đánh quân Nam Hán viết thành tiểu thuyết cùng với Vua Bố Cái chuyện khởi nghĩa của Phùng Hưng, cùng xuất bản thời kỳ này, tôi phải mua ngay vì nghe nói sách ấy rồi cũng đến bị cấm. Chúng tôi đã truyền tay nhau đọc rất nhanh và đã chọn những bạn thật tốt, thật thân mới cho mượn và để giữ sách. Tôi không nhớ người cuối cùng trong bọn tôi được cái vinh dự và lòng tin cậy đặc biệt của anh em và được anh em giao sách là ai. Tôi cũng không nhớ chúng tôi còn giấu giếm và đọc thêm bao lần nữa, sau khi thấy nói chính thức có nghị định cấm và sách bị

thu, bị bắt. Cố nhiên không đời nào tự tay chúng tôi đốt hay xé đi, mà hình như một nhà nào đó vẫn cứ giữ sách... Vì thế những khi muốn tỏ ra mình can trường và quan trọng, chúng tôi vẫn kín kín hở hở với một số bạn rằng sách vẫn còn. Hay kiêu hãnh kể lại một vài đoạn văn mình thuộc, bảo sẽ còn nhiều đoạn ghê hơn nữa, và lại kín kín hở hở cho biết chỗ giấu sách cũng như người giấu sách ấy rất là bí mật!

Cuốn sách viết về cuộc kháng chiến chống quân Nguyên tôi được đọc thì không viết thành tiểu thuyết, và tôi cũng không nhớ tên. Hình như vào loại nghiên cứu nhưng lại viết một cách văn hoa, do đó tôi càng say mê thêm với các tướng như Dã Tượng, Yết Kiêu, Phạm Ngũ Lão. Còn Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ Ngọc, Thoát Hoan đối với tôi thành những tướng giặc man rợ, mỗi kẻ một mặt mày hình tượng đặc biệt gớm ghiếc mà tôi tưởng tượng lấy. Tuy không được vào chương trình giáo khoa, nhưng bài Hịch tướng sĩ cũng in sâu vào trí nhớ tôi và tôi cứ phải ngâm nga:

Mẹo bạc gian khó đạc mưu quân

Vợ con thêm bận vướng chân

Ruộng vườn khôn chuộc tấm thân ngàn vàng

Đầu giặc dễ có vàng mua được

Sức chó săn đuổi chước giặc sao

Rượu ngon giặc chẳng lao đao

Hát hay giặc chẳng hơi nào điếc tai...

Chao ôi! Liêm sỉ của một người dân sống lúc non sông Tổ quốc đang ở trong cảnh nước sôi lửa bỏng.

Bên cạnh Uất Trì Kính Đức, một sự tích xưa nữa được Trần Hưng Đạo gợi thêm để binh tướng suy nghĩ:

... Nuốt than Dự Nhượng đền bù nước non...

Nghĩa sĩ Dự Nhượng trong Đông chu liệt quốc đã tự hoại một phần thân thể để biến hình thành tàn phế mà ra đi làm kẻ ăn mày báo thù cho chúa, khiến vợ qua mặt mà cũng không biết đấy là chồng mình. Nhưng có một người quen, đi đường nghe tiếng Dự Nhượng kêu van thì nhận ra ngay, bèn lừa lúc vắng gọi Dự Nhượng bảo cho hay điều đó. Dự Nhượng liền nuốt than cháy bỏng cho giọng mình thay hẳn. Cuối cùng, Dự Nhượng đã vào được đất kẻ thù và trả được thù...

1929-1930, tôi vào học trường Trong ở một khu thành trì còn lại. Lớp tôi cũng như lớp nhì, lớp nhất khác, được ở trên mặt thành cao, từ dưới đất lên có đến hơn hai mươi bậc gạch. Ngay trước hàng hiên cửa lớp, có những cây bàng, sấu, cơm nguội, xoan tây rất to và những bụi duối, găng, ô rô. Hàng hiên phía sau chạy dài hơn mười lớp, trông ra một dải đầm sen và những ruộng lúa. Đầm này ngày trước là hào, nay vẫn còn nhiều chỗ nước ngập đầu. Dãy lớp cuối cùng ở mặt thành trông ra xa về phía đồng quê mấy huyện Vụ Bản, Ý Yên, và dãy núi Ninh Bình.

Những trưa nắng, đến trường sớm, chúng tôi thường rủ nhau chúi vào những bụi duối, những hốc cây đọc truyện. Riêng tôi, hay đi sớm hơn cả, tôi thường tìm những chỗ rậm rạp, gai góc và hẻo lánh, kiếm lá cây trải ổ mà nằm thơ thẩn. Nếu không ở những chỗ này thì tôi lên bờ thành, ngồi trên tường lan can mà nhìn về phía xa có chân mây và núi mờ xanh. Càng gần cuối năm lạnh giá, mặc dù không một học trò nào dám ra chỗ hiên sau hút gió ghê gớm, tôi vẫn cứ ngồi. Tôi thấy da thịt càng tê cóng thì sự tưởng tượng càng thắm thiết và trí nghĩ càng man mác.

Những Phù Đổng Thiên vương, An Tiêm, Trưng Trắc, Trưng Nhị, Ngô

Quyền, Lý Thường Kiệt, Đinh Bộ Lĩnh, Trần Quốc Toản, Dã Tượng, Yết Kiêu, Lê Lợi, Lê Lai, Quang Trung Nguyễn Huệ... và bao nhiêu cảnh non sông càng thăm thẳm, vời vợi và ngời ngời kỳ diệu với bốn tiếng Tổ quốc và Việt Nam.

Ôi ! Tổ quốc Việt Nam trong sử sách đã nhập hồn vào tuổi thơ tôi.

## CHƯƠNG III

## NHỮNG TIẾNG HÁT VÀ NHỮNG ĐÀO KÉP ĐẦU ĐƯỜNG

Rạp hát ấy ở phố Hàng Thao, ngay cạnh phố tôi. Nhiều đêm, tiếng trống, tiếng thanh la, tiếng hát, tiếng thét vẳng đến cứ rõ mồn một. Nhà tôi bán hàng cơm và chứa trọ. Thỉnh thoảng lại có khách cho tôi đi xem cùng. Khách đàn bà cũng có. Vì tôi thuộc nhiều tích, ngồi bên tôi, được tôi kể trước cho nghe, tán rộng thêm, các khách đó rất chiều tôi. Tôi có thể ngồi ghép nhưng cũng lấy cả vé, và tha hồ ăn quà!

Phố Hàng Thao này lại còn nhiều nhà hát cô đầu, mỗi nhà lại mở cửa hàng bánh hay tạp hóa, thợ may ở gian ngoài. Phần nhiều là hàng bánh, chuyên bán những thứ cho khách đi hát như bích quy, xu xê, bánh cốm, mứt, chè và rượu Tây. Phố còn có ba bốn hàng phở và hai hàng ăn dọn cả cơm tây, mùa bức bán kem, nước chanh, nước đá. Nếu không xem hát thì tôi cũng thích đến đây với các đám xẩm thường hát ở ngay ngã tư, chỗ các người kéo xe và hàng nước, hàng quà bánh tụ tập đông nhất với đủ các hạng người, hàng quà bánh tụ tập đông nhất với đủ các hạng người, từ lính khố xanh, khố đỏ, bồi bếp, cu ly, phu mỏ đến các người làm ăn nhỏ nhặt và thất nghiệp, đói rách lang thang.

Mặc dầu quần áo, mũ mãng rất đẹp, rất quý, diễn với các phông cảnh hết sức rực rỡ, choáng lộng và sắm những vai nổi tiếng trong các pho tuồng, pho truyện đặc sắc, được cổ động cũng rất rầm rộ, nhưng các đào kép ấy vẫn

không làm tôi nhớ được tên và hình ảnh chính của họ... Tất cả những Quan Công, Lã Bố, Triệu Tử Long, Điêu Thuyền, Phàn Lê Hoa, Bàng Quý Phi, Ô Hắc Lợi, vân vân, chỉ còn được giữ lại trong trí tưởng tượng tôi vài ba nét chung chung mờ nhạt. Cũng như các màn, các lớp, các phòng sắp xếp rất công phu của những tối có các vai thi nhau sắm và quảng cáo rất ghê bầu gánh của mình, sau này đều bị tôi quên gần hết!

Nhưng, mấy người xẩm mù, mấy đám hát rong và mấy đào chèo đầu đường ấy, tôi lại nhớ rất kỹ. Thứ nhất là ông xẩm Mạc-xây-e hay còn gọi là ông xẩm Đèn Châu Đốc. Giữa mùa hè, những tối nóng oi nhất, cũng như giữa những đêm mùa đông giá buốt nhất, người xẩm mù này vẫn mặc áo vải vàng. Cái áo cũ lính Tây cổ đứng, cúc đồng to, nổi hình mỏ neo, cài kín quá bụng, bốn túi có nắp, cũng cúc đồng. Quần thì quần ta, vải nâu bạc phếch. Chân đi giày da bò cao cổ, khâu vá chằng chịt mà vẫn há mõm. Đầu đội nón sơn. Cái nón còn dùng để làm chậu ngả ra đón tiền của khách cho, khách thưởng. Cũng chống gậy. Nhưng là thứ ba toong bằng song mật hẳn hoi, chỗ tay cầm cong cong, đầu bịt đồng vỏ đạn.

Ông ít hát ở ngã tư hay máy nước. Thường thường tôi gặp ông ở mấy hàng cao lâu, hàng phở, ở trước mấy ôten (19)nhỏ hay hàng kem, bia. Cũng có khi ông hát ở hàng nước đầu ghế ngoài bến tàu thủy và xuống cả dưới tàu. Đi vào mấy hàng cao lâu gần phố tôi, ông chẳng cần ai dắt hay quờ quạng gậy. Ông lần bước qua thềm, qua bực cửa chính, qua cửa buồng rồi đến đúng ngay bàn, chỗ có người lính Tây hay lính ta đang ngồi, mặc dầu trong hàng rất đông, ăn uống ồn ồn, đi lại tấp nập. Mi mắt ông chớp chớp, mũi ông khịt khịt nháy nháy mấy cái. Ông dộng thẳng ba toong xuống đất, tay chống khuỳnh khuỳnh ra như điệu ông tướng già hay quan nhà binh nào đó trên màn ảnh, sau khi ông ngả nón, nghiêng mình, dõng dạc chào bằng thứ tiếng Tây bồi ngày đó:

- Bông-xua me-xừ xéc-dăng (kính chào ngài đội)

- Bông-xua me-xừ ca-pô-ran (kính chào ngài cai)

- Bông-xua me-xừ... vân vân.

---

(19) Khách sạn cửa hàng ăn.

Cũng không biết vì quen bàn, vì quen khách hay có một thứ giác quan và năng khiếu nhận xét gì đặc biệt, mà những người ông chào họ thường đúng là đội, là cai, hay là lính thường.

Rồi ông cất tiếng:

- À-lồng dăng-phăng đơ la pa-tơ-rí...

Lờ dua đớ gơ-lòa e ta-rì-vê... (20)

---

(20) Allons enfants de la Patrie... le jour de gloire est arrivé. (Tiến lên hỡi các con của Tổ quốc... ngày quang vinh đã tới rồi...).

Hai câu đầu này trong bài quốc ca của Pháp hát bằng một giọng già yếu đã khàn khàn. Nhưng vẫn có một rung vang đặc biệt, và thường làm cả phòng ăn ngạc nhiên. Cũng có khi xong bài này rồi ông sang một bài hát khác, nhưng thường ông chưa dứt mấy câu đầu thì những đội Tây, cai Tây, lính Tây kia hoặc cho ngay tiền ông, hoặc khật khưỡng đứng ngay dậy, lắc lắc vai ông, lắc lắc tay chống ba toong của ông, bảo ông cho nghe bài hát mà là bài của ta, điệu bình bán hay hành vân gì đó, đoạn mới cho ông tiền.

Nhiều lần tôi thấy những người lính nọ, hoặc đang phừng phừng hơi men, hoặc đã say mèm, hoặc đã ăn xong, họ dúi cho ông cả khúc bánh tây và những miếng thịt bò, thịt gà ăn dở. Nhưng ông liền chắp một cánh lại để ngay

trước ngực, khẽ cúi đầu nói: "Mét-xì... bố cu mét-xì me xừ" (21), rồi trả lại bàn, không lấy. Rồi cả khi bọn khách kéo nhau ra đi, người bồi bàn lấy giấy gói bánh, gói thịt lại đưa vào tận tay hay dúi vào túi ông, thì ông liền ẩy ẩy tay lại, lắc lắc đầu: "Xin cảm ơn ! Xin cảm ơn!".

---

(21) Cảm ơn… rất cảm ơn các ngài.

Bia hay rượu cho ông thì ông nhận, nhưng phải là bia là rượu mới rót hay rót bằng cốc khác, ly khác. Ông đón lấy cái cốc, cái ly nọ, cánh tay cầm giữ rung rung cho tới khi hát xong bài thì giơ lên, nghiêng mình mời lại và uống một hơi cạn.

Với các bọn lính ta hay người ta, thì ông xẩm lại bắt đầu bằng một bài cũng rất lạ, tôi không nghe thấy ai hát cả:

- Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc, đất nào dốc bằng đất Nam Giang, em tiễn đưa chàng hai hàng châu lệ...

Ông hát giọng... Sài Gòn (tôi đoán thế và tưởng thế, nhiều người cũng cho là như thế), gân cổ, gân mặt và gân tay, rồi sắc mặt, trán, thái dương và cả người ông rung rung, run rẩy như phải cố gắng quá sức.

Ông xẩm Mạc-xây-e hay ông xẩm đèn Châu Đốc kia chỉ đi một mình. Ông có vợ, có con hay không? Ông ở với ai và ở đâu? Sao ông lại mù? Ông mù từ năm nào? Cái áo vàng ông mặc là áo cũ của ông hay của ai cho? Nghe nói ông đã đi lính sang Tây, vậy ông là lính gì? Có đi trận đánh nhau với Đức hay với quân nào không?

Tôi còn nhớ rõ vì tôi đã rất chú ý đến mái đầu của ông, trán ông hói, đỉnh đầu nhẵn bóng, tóc lơ thơ bạc. Gò má ông cao, hốc mắt sâu trũng như liền da lại. Có lần ông hát bài Đèn Châu Đốc xong, ông xòe tay vuốt từ trán xuống

mắt, rồi nấc nấc, thì tôi thấy hình như ông khóc, và khi ông vuốt qua hố mắt thì như có nước mắt giàn theo chứ không phải là mồ hôi vã!

- Đất nào dốc bằng đất Nam Giang

Em tiễn đưa chàng hai hàng châu lệ...

Ông xẩm già mù đã đi lính sang Tây kia ơi! Ông có đi qua Sài Gòn hay có ở Sài Gòn không? Ông đã nghe ai xưa hát, và ai xưa đã dạy ông bài hát đó vậy?

... Đầu phố tôi mở ra liền với hai ngã tư, từ đây vừa lên thẳng chợ chính vừa xuống thẳng bến tàu chính của thành phố. Từ năm có điện và nước máy, đêm đến lại càng đông người tụ tập. Những bàn quay số lấy kẹo bánh và lấy cả mâm đồng, chậu thau và đồng hồ. Những xe phở đóng theo kiểu Tàu Bắc Kinh, làm cả phở xào, phở áp chảo và bán bánh ngọt như một hiệu cao lâu. Những hàng nước dọn đầy chõng hoa quả, kẹo vừng, kẹo lạc và có cả tủ kính bày các thứ thuốc lá và dán ảnh chè, ảnh thuốc lá. Những gánh nước đá bào, thạch, chè sen có không biết bao nhiêu lọ, liễn đựng sẵn nước đường pha xanh đỏ thả các thứ hoa ngọc lan, hoa nhài, và cắm các thứ chong chóng, chim bướm bằng giấy bóng màu. Và những đám xẩm... xẩm xoan, hát chèo...

Có vài bọn chèo to gần như gánh chèo quê đi các làng các huyện. Không có hòm đồ, gánh gồng lếch thếch, mỗi người chỉ xách hay quảy mấy cái khăn gói, nhưng cũng đủ cả kép già, kép trẻ, đào già, đào trẻ. Khách xem thích thú muốn bảo diễn tích gì họ cũng chuyển theo được ngay. Bởi vậy, nhiều tối, khu ngã tư đông nghịt, người xem leo cả lên các xe bò, các cột đèn, đứng ra gần chật lòng đường.

Không phải chỉ có những người làm ăn nghèo hèn, lính tráng và phu phen xem, mà cả những ông chủ bà chủ và con cái nhà có bờ hè, có hàng hiên gần đấy cũng bắc ghế ra gần cửa, ra lan can gác mà thưởng thức... Hay nói nôm

na là xem không...

Phần đông họ ở Hưng Yên, ở Thái Bình sang, hay ở Bắc Ninh, Hà Nam xuống. Tôi không thể so sánh được họ với những gánh tuồng, chèo, cải lương có tiếng và chuyên diễn rạp, hơn kém nhau thế nào. Tôi chỉ được nghe nói, nghe đồn rằng họ phải là những đào kép lão luyện lắm mới dám đi hát rong tứ phương thiên hạ như thế. Tôi chỉ còn nhớ, giữa ngã tư ồn ào xe cộ và trẻ con người lớn chen chúc nhau, nhưng tiếng hát, giọng hát vẫn trong ngần, vang lảnh và rõ từng cung bậc. Cả mấy ông kép già, mấy cô đào già, quần nâu áo vá, mặt mày đầu tóc chẳng phấn sáp, khăn mũ gì cả, nhưng điệu bộ vẫn duyên dáng, nhịp nhàng, khiến tôi cứ tưởng như họ đang ở trong các sự tích đã vẽ thành tranh hay in thành bản chèo, thành sách, thành truyện. Họ vừa cất tiếng hát hòa theo tiếng nhị, tiếng phách, tiếng trống là làm người nghe phải nhập đồng ngay.

Bọn xẩm vịn vai nhau đi hàng ba người. Hoặc hai đàn ông, một đàn bà; hoặc một đàn ông, một đàn bà và đứa bé. Thường thường là hai vợ chồng mù không con, hay đi với một đứa con. Có một ông già và một đứa bé con gái thường hát ở đầu phố tôi cũng rất đông khách. Riêng tôi, tôi rất thích ông xẩm và con bé xẩm này.

Ông già đặc nhà quê, đầu vừa cạo trọc vừa hói bóng như của một pho tượng La Hán trên chùa. Áo vải nâu da bò, cúc tết cài một bên may rộng. Quần sồi mộc, may lá tọa, vàng xỉn, vá đũng, đáp cả hai đầu gối, nhưng trông rất sạch. Có lẽ vì người ông gầy xương và gương mặt vẫn sáng vẫn tinh, nên ông có vẻ nhẹ nhàng thanh thản, phong độ một cụ kép tài hoa hơn là một ông xẩm mù lang thang vơ vất.

Cái bé gọi ông là ông, nhưng tôi thấy tuy không ra vẻ là ông cháu ruột, mà lại có một tình thân thương đặc biệt. Nó chũm mũm như một củ khoai bột, và, chắc được "ông" chăm chút, nên quần nâu áo nâu cũng rách vá, nhưng gọn ghẽ sạch sẽ như ông vậy. Tóc nó để cun cút, có hai trái đào, khi đóng trò

thì quấn một vành khăn lụa màu cánh sen, bên cạnh ông già bịt chiếc khăn màu tam giang, vắt thêm một miếng lụa bạch trên vai...

Ông già chỉ hát một vài câu hát xẩm, sau thấy đông khách, hỏi khách thích tích gì thì chuyển sang tích ấy với các màn trò sở trường của mình. Ông chuyên sắm vai hề. Còn con bé chuyên sắm vai học trò hay nữ đẹp. Từ chủ quán, hề đồng đến phù thủy, thầy cúng, lính lệ, phó lý, tuần phiên, mẹ mõ..., ông già sắm vai nào cũng cứ như mới ngoài hai mươi tuổi tinh anh, sắc sảo, ý nhị, linh hoạt và vững vàng vô cùng. Đám đông cứ phải cười rộ lên, cười sặc sụa, cười như thét, cười quặn bụng, cười giàn nước mắt, cười ngất, đấm nhau mà cười, ôm nhau, cắn nhau mà cười, cười đến khản cổ, đến lả cả người... Rồi lại khoác vai nhau, bá vai bá cổ nhau, lại mời trầu, lại kiễng chân, lại nghển cổ, lại hơn hớn mà nhìn mà nghe và lại cười nữa... cười nữa.

Trong khi ấy, ông già xẩm mù đầu trọc chít khăn nhiễu tam giang, quần bỏ lá tọa, phe phẩy cái quạt, nan to như những chiếc đũa cả, tay thước dắt bên hông, mặt mày cứ tỉnh như không, và chẳng còn một vẻ một dáng gì lão già gầy yếu hết! Nhưng mồ hôi ông đã ướt đẫm cả ngực áo, cả lưng áo, và trán cứ như có bụi mưa chảy đọng...

- Thế này mà ông lão không đi diễn rạp thì lạ thật!

- Không biết ông lão đã đi hát cho những gánh nào rồi vậy?

- Hề diễn như ông lão thì đúng là "cụp"! Các hề thiên hạ chỉ có đi bưng chiếu, cắp chiếu theo ông lão.

Nhiều người lặng hẳn đi, không cười, mãi sau mới gật gù nói với người đứng bên những câu trên đây.

Cả cái bé cũng cười. Nhưng nó chỉ mủm mỉm, xòe cái quạt Hới che miệng, đôi má bầu bầu ửng lên, cặp mắt lúng liếng sáng thêm. Rồi nó rất bình

tĩnh nhập ngay vào Châu Long, Thị Kính, mẹ Trương Viên, Cúc Hoa, v.v... với những điệu hát chưa được thuần thục lắm, nhiều chữ nói còn ngọng, nhiều làn nhiều cung còn ngượng, rõ là trẻ con đóng. Người xem nào cũng vui thích, thưởng cho luôn, tiền cứ ném xoang xoảng xuống cái chậu thau xinh xắn như chậu thau của các bà hầu đồng dùng để rửa mặt bằng rượu hỏa thang hay nước hoa.

Ông già xẩm này không có tên và cũng không ai biết ông cháu ở đâu và từ đâu đến. Nhưng điều người ta biết chắc là hai người không phải ruột thịt, là họ hàng. Kẻ thì đoán cái bé là con hay cháu một người kép bạn. Kẻ thì bảo ông cụ xin được của một người ăn mày, một mụ chửa hoang nào đó, nuôi dạy cho ngay từ ngày tập ăn tập nói.

... Bẵng đi khá lâu, tôi bỗng thấy một đứa con gái giống hệt cái bé cháu ông già chuyên sắm các vai hề nọ, dắt một ông già khác cũng mù nhưng chỉ hoàn toàn hát xẩm. Không chính nó mà! Nó chít khăn sô, có ai hỏi thì bảo để tang ông trước. Ông trước mất đã được một giỗ. Ông bị cảm nặng chết ở ngay giữa một đám xem cũng đông nghìn nghịt. Cái bé đi xin tiền làm ma cho ông trước. Rồi nó phải vào hát cho một chủ rạp ngoài Hải Phòng. Nhưng chỉ được mấy tháng thì nó bỏ trốn, lại về Nam Định, và xin đi theo ông xẩm mới.

... Tôi có cảm tưởng những buổi tối mùa hè năm ấy nóng bức oi ả hơn ngày nay rất nhiều nhưng với tôi thì chẳng mùi vần gì cả. Trời càng tắt gió, sao mọc càng dày, bụi đường và không khí càng lầm càng đặc, thì đường phố chỉ càng đông vui hơn. Và thích nhất là nằm trải chiếu ngoài hè mà trông lên dải Ngân hà, tìm ông Thần Nông và con vịt rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết, sau khi đi nghe xẩm, xem chèo về khát uống hàng gáo nước mưa hay nước máy.

Đi nghe, đi xem, ngồi chồm hỗm dưới đất ở vòng trong cùng, phải chen chúc mãi mới vào được, nhiều lúc tay quạt và ống quần của người múa hát

lướt ngay trên đầu và qua mặt mình... Đi nghe, đi xem mà ngước mặt lên nhìn rõ cả lằn gân cổ và nét mặt người hát, nhìn rõ cả hàng mi người hát lim dim và cặp môi hé hé... Đi nghe, đi xem mà thấy cả mùi trầu quế với các làn điệu thật từ miệng người hát phả ra... Đi xem mà trong lòng cũng reo lên đón từ những đồng trinh, đồng xu đến những đồng kền ném vào chậu thau mà người gõ trống phách cứ gõ trống phách, đang hát đang ca cứ hát cứ ca, một tay vẫn nhặt vẫn đếm... Đi xem, đi nghe, đôi lúc trí tưởng như vút lên để đón những cái gì như hoa thơm, như ánh sáng, như gió mát, như thần tiên... Đi xem, đi nghe mà bên tai thỉnh thoảng vẫn thấy ùm ùm tiếng còi tàu trên sông nước ở sau lưng mình và đâu đây hương hoa đêm sực nức... Ôi, kỳ khoái!...

Rồi về ngủ thiếp trên những cánh cò, những hương lúa, những tiếng trống; bên cạnh mình vẫn y nguyên những Thạch Sanh, Cúc Hoa, Thị Kính, Lục Vân Tiên và những hề đồng, những chủ quán, những cô đào chẳng son phấn gì mà thật mỏng mày hay hạt, những đứa bé rách rưới và còm cõi cũng bé dại như mình mà đã biết múa biết hát, và phải múa phải hát để có cơm mà ăn, tự nuôi mình sống...

... Nhà bác họ tôi lại phải tìm người làm mới. Một nhà hơn hai mươi người, bà cháu, bố mẹ, vợ chồng, anh em, con cháu... chẳng ai muốn, chẳng ai chịu cất nhắc chân tay dù chỉ là thổi lấy miếng cơm mà ăn, thì không có người hầu hạ sai bảo sao được? Những con sen, thằng nhỏ trước chẳng ai đậu được lâu ở nhà này cả. Bởi vậy, khi thấy người mới đến này, tôi rất ngạc nhiên, và chẳng phải việc của tôi, tôi cũng cứ nghĩ vơ nghĩ vẩn.

Con sen này cũng là người nhà quê, nhưng gọn ghẽ, xinh xắn, trắng trẻo. Không biết vì gia đình gặp vận hạn, bố mẹ túng thiếu, hay vì nhân duyên trắc trở ra sao mà phải đem thân ra tỉnh làm con sen cái nhài như vậy? Và không hiểu do ai mách mối, hay tính toán lợi lộc thế nào lại vào chốn này mà làm mà ăn?

Phải, nhà bác họ tôi tuy giàu có, nhưng hơn hai mươi bà cháu, bố mẹ, vợ

chồng, anh em, con cháu toàn những người ăn không, nay đã giả môn bài, ngôi hàng sũ nghề nghiệp căn bản từ mấy đời bỏ hẳn, thì cái thế sa sút cũng rõ lắm rồi! Đã thế, cảnh ăn uống thắt bóp, khem khổ, chênh lệch, riêng tây, càng ngày càng như cái ung lên mủ chỉ rình vỡ ra. Như vậy, dù là phải đổ mồ hôi lấy bát cơm ăn, thì cũng chẳng nên ở đây mà sống!

Nhất lại là con gái, một người con gái đang thì, khỏe mạnh và có nhan sắc hẳn hoi! Từ hôm đến ở, ngoài việc say thóc giã gạo và thổi nấu hai bữa chính cho phần lớn gia đình ăn uống, cái sen còn phải đi ra máy gánh nước. Đang mùa bức. Nước tắm giặt đã có mấy bể nước mưa, nhưng nước thổi cơm cho bếp nhà dưới và nước rửa mặt cho bếp nhà trên, cũng phải hàng chục gánh. Hàng chục gánh ở một máy nước đầu ngã tư, mấy phố châu vào, rất đông gia đình lam lũ từ mờ sáng tới khuya cứ phải xếp hàng chờ nhau từng thùng, từng thùng... Vậy mà cái sen cứ đi hết gánh này tiếp gánh khác, nhanh nhẹn, dễ dàng, tươi bưởi như không!...

Tôi đã so tính những công việc của cái sen với bữa ăn hàng ngày. Tuy được ăn thật no nhưng vẫn là phải ăn sau, ăn thừa. Và cho dẫu ăn khỏe mỗi bữa đến mười bát cơm thì cũng chỉ ba xu gạo với một xu rau dưa, tương cà. Như thế, mười gánh nước giá một hào, hay giá thuê những ngày nắng, máy nước nhiều nơi bị hỏng bị khóa, là hào rưỡi, nếu tính trả cho cái sen thì vẫn dư tiền cơm. Vậy thì ở làm gì cho khổ, cho nhục? Dù có được tháng một hay hai đồng tiền công và hàng năm, quần áo, yếm, khăn vuông được may được sắm đủ lệ bộ!

Bỗng một buổi, tôi thấy cả nhà trên, nhà dưới xáo xác lên hỏi nhau:

- Cái sen đi gánh nước à? Cái sen ở ngoài máy làm gì mà lâu thế?

Tiếp đó tôi thấy ngoài cửa, ngoài đường cứ ồn ồn:

- Ra máy nước mà xem, ra máy nước đầu ngã tư ấy mà xem!

Tôi lồng ngay đi. Tôi phải chen mãi mới vào được bên trong đám đông. Toàn những người đi gánh nước và là những trai tráng, những tay sừng sỏ ở đây. Nhưng không có đánh nhau, đâm chém gì cả như mọi khi. Cái sen nhà tôi đang đứng giữa đám đông, tay cầm tay một anh cũng gánh nước, áo may ô trắng, quần chúc bâu trắng, bịt chéo một mùi xoa ròng rọc hất trên trán. Mặt cô ta đỏ ửng, cúi cúi, mắt long lanh hơi đung đưa, môi trầu cắn chỉ cười e lệ:

Em về là anh chẳng cho về

Anh cứ... cứ giữ nón...

Ô hay! Thật cái sen nhà bác họ tôi đang hát. Còn cái anh vừa cầm tay kia không những chỉ giữ nón của cô mà còn giữ cả gánh nước của cô nữa. Thùng tôn đầy giàn nước ở dưới tay hai người. Một chàng ra vẻ đàn em đặt chiếc đòn gánh của mình tì lên một mép thùng để trợ sức đàn anh, và cũng như để đối phó cả với rất nhiều bà đứng tuổi, nhiều con gái khác. Họ cũng đi ở, gánh nước thuê, oai phong lẫm liệt, nhưng không sát khí đằng đằng, mà rất hoan hỉ về bè với cái sen này từ đâu mới đến ở số nhà 25, cũng biết hát và làm sao dám hát ngay với tay trai hát đám mà ai cũng phải chịu thua, ở khu bến gỗ và bến tàu đây!

Sau buổi đó, hễ cái sen cất gánh ra khỏi nhà là có người gọi, người theo. Nhất là các bà đứng tuổi chuyên mối manh ngoài máy và mê tuồng chèo.

Ít lâu sau, chị sen - tôi phải gọi bằng chị lúc nào không rõ - không gánh nước ban ngày nữa. Có thể vì nhà bác tôi ngăn cấm; có thể tối đến được rỗi rãi hơn và ngoài máy đông vui hơn. Rồi trời càng nồng nực, nước càng khan, thì quãng phố đầu ngã tư lại càng như họp chợ, như mở hội. Đèn các hàng nước, các gánh quà, mía, bưởi, bánh kẹo, cứ giăng giăng chung quanh các cột đèn điện. Không những mình chị sen nhà bác họ tôi mà còn nhiều người con gái khác nữa hát. Cũng như không chỉ có trai phố nhà mà cả các trai ở những phố trên hay ở các nơi cũng đến mời trầu và xin bạn hát.

Thế rồi nhiều tối, ở trước cửa nhà bác họ tôi và mấy cột đèn gần đấy, có cả người các nơi kéo đến tụ tập còn đông hơn ngã tư. Bấy giờ các bà đứng tuổi đàn chị được thể bèn "mời" các trai bạn phải đến nhà đến cửa nhà gái mà hát! Còn thiên hạ thì nghe hát chỉ là phần phụ, phần chính là để xem mặt nữ trống quân phố tôi tiếng tăm đã đồn thổi đi rất xa...

Phố Hàng Sũ tôi là một trong những phố buồn vắng nhất tỉnh. Tối đêm còn ai đi xem đi sắm săng ván? Chính nhờ những buổi đàn đúm hát xướng này mà nhộn nhịp khác hẳn. Bực thềm nhà tôi trở thành như một bục lễ đài long trọng của những buổi hội bà thánh Giăng-đa hay hội Cát-tó (22). Đứng trên đây là mấy bà loại ăn nói và những bạn sắc sảo của chị sen. Cố nhiên có các trai gái, con cái mấy nhà hàng phố. Dưới hè và mặt đường, người xem đã đứng kín, lại còn các hàng, các gánh, các xe cộ. Để giữ cho đám hát không bị lộn xộn, mấy tay có tiếng là "anh chị" và cũng là tay tỏ ra mình lịch thiệp ở máy nước, thân đứng trấn chung quanh, dẹp cho rộng chỗ chị sen và trai bạn đứng hát, cách nhau hẳn ba bốn sải tay, có cọc đóng rất chắc. Từ đầu cọc bên này sang đầu cọc bên kia, căng thẳng một sợi dây thép ghì trên mặt một thùng sắt tây sáng như tráng thiếc. Mỗi bên đều có người chạy lăng xăng để mách nước và cũng để áp đảo đối phương.

---

(22) Ngày kỷ niệm cách mạng Pháp 14 -7-1789.

Tôi không nhớ được đã bao nhiêu đêm hát. Tôi cũng không nhớ hết được bao nhiêu trai đến hát với chị sen. Điều tôi nhớ chính là có tối, luôn ba bốn trai bạn phải thay đổi nhau "vận" với chị sen, nhưng cuối cùng đều phải chịu bỏ cuộc. Có những trai có những câu đố rất hay, rất ác về các thứ hoa quả, chim cá, núi sông, và giọng cũng rất hay, tưởng chừng nhất định sẽ là người làm chị sen không thua, thì cũng lúng túng!

Càng những buổi như thế, dù phải đối đáp lại hai ba người thay nhau vào

hát với khí thế rất hăng, rất vững, và được người xem reo hò khích động rất mạnh, chị sen lại càng bình tĩnh.

Chị bình tĩnh như chẳng thấy mùi vần gì cả. Mặt chị không chút biến sắc. Cặp mắt long lanh đôi khi như không nhìn cả người ở trước mặt. Nhưng không phải vì thế mà ra bộ kiêu kỳ, vì chị vẫn có vẻ bẽn lẽn, ý nhị. Tiếng hát của chị càng về sau càng trong, càng ngọt với những câu vận càng sát, càng sóng, càng lạ hơn. Hình như được cha sinh mẹ đẻ ra, trong người chị có cả một cuốn sách đủ các câu, các vần để gặp bất kỳ câu hát nào của bất kỳ ai, chị cũng vận được. Và những câu trong sách ấy thì không phải chỉ có một ai hay ở một nơi nào làm ra, mà là sự thông minh, óng chuốt, sắc sảo của không biết bao nhiêu đám truyền bảo cho nhau kết đúc lại.

Còn giọng hát của chị thì như là lụa đào phơ phất, thoang thoảng hương cau, hương lý.

... Tết trông trăng năm ấy các phố Nam Định vẫn đủ các hàng, các nhà bán hàng tết và bày cỗ.

Hàng Thiếc ban đêm đèn cứ như sao sa với các kiểu ô tô, xe đạp, tàu thủy, tàu hỏa, quả đào mở ra cụp vào có tiên đồng ở trong, thỏ gõ trống, và ca nô đốt bằng dầu tây chạy xình xịch trong những chậu nước to, v.v...

Hàng Vải Màn cũng thế: đèn kéo quân, đèn xếp, đèn lồng, đèn ông sao, đèn quay, đèn thiềm thừ, đèn cá vàng và các ông tiến sĩ, các cụ Lã Vọng, thỏ bông, chuột bông đánh vòng, hoa quả, chim cá tí xíu bằng bột nhuộm phẩm màu và đầu sư tử các kiểu các cỡ.

Hàng Đường và Hàng Dầu chuyên làm bánh. Ai vào các hàng cũng phải hắt hơi và ngào ngạt vì mùi đường, bột và nước hoa bưởi.

Ở mấy phố khác như Hàng Giấy, phố Khách có những gia đình muốn

khoe giàu của, giàu con, nhất là con gái, thì bày những bàn cỗ suốt từ trong nhà ra cả bờ hè. Có những chiếc bánh to bằng cái nia, trên mặt bày mấy hộp bánh nướng, mấy lớp con giống và hoa quả mà vẫn không che kín. Không chỉ một chiếc ở giữa bàn, mà ở hai mé bàn bên trong, hai mé bàn bên ngoài, đều bày bánh to như thế. Chung quanh lại thêm tầng tầng lớp lớp các hộp, các đĩa bánh khác: bánh xu xê, bánh cốm, bánh phục linh, bánh bột lọc, bánh gai, bánh nhân ngọt, bánh nhân mặn, các hoa quả được tỉa gọt và sắp xếp thành các tháp, các cây, các con giống, và treo các kiểu đèn giấy của nhà làm lấy...

Tết này là tết thứ hai anh em tôi lại không có cỗ và nhà cũng chẳng có bánh hay thổi xôi nấu chè gì cả.

Em gái tôi phải thôi học. Nó bòn nhặt được bảy tám hào làm vốn mua bưởi bổ bán ở ngay cổng trường học cũ cho các chị em bạn của mình. Nhiều hôm nó còn mua quả xoan tây về bóc lấy nhân luộc bán thêm với táo, với khế chua chấm muối ớt. Tôi vừa phải nịnh em, vừa như cướp giật để ăn vèn mấy múi bưởi khô, mấy quả táo, quả khế giập của nó. Tôi quên bẵng đang ngày rằm, những nhà ở chung trong kia nghèo nhất cũng mua được cho con, cho em một cụ Lã Vọng hay ông tiến sĩ bày với mấy quả bưởi, mấy tấm mía chẻ ra xếp thành tháp và mấy con kỳ lân, cá hóa long bột xanh đỏ.

Tối hôm ấy, mặc dầu trăng rất tròn, rất sáng, các đám múa sư tử ở đường phố trên rất vui, tôi cũng không theo trẻ con đi xem các hàng và các nhà giàu bày cỗ, hay các đám rước sư tử tranh giải như mọi khi. Phố tôi nhà nào nhà ấy lại đóng cửa đọc kinh từ sau phút lên đèn, và gần như chẳng có trẻ nào đi chơi. Nhưng trước cửa nhà bác tôi, mới chập tối, trai gái các nơi đã dập dìu kéo đến. Thế rồi, lúc trăng vừa sáng tỏ, thì từ ngã tư vào cứ đông nghịt, ồn ồn. Lần này trống đặt giữa đường, hai cọc dây thép đóng ở hai mép hè. Mỗi bên có hai hàng ghế dài và một ghế đẩu. Các bà đứng tuổi mượn thêm một khay gỗ đựng trầu cau để các cô đàn em mời khách thiên hạ và trai bạn đến hát. Ngồi phù chị sen có hai bà đã đứng tuổi cũng nổi tiếng là tay đã giữ

nhiều giải, hỏi và vận rất ác, mới ở tỉnh xa về quê thăm gia đình, nghe tin phố nhà lại đóng đám hát trống quân liền bỏ cả chuyến tàu, ở lại chơi với các bạn cũ và xem tài các bạn mới.

Cạnh nhà tôi là khu nhà tu nuôi trẻ mồ côi và trường học của bà sơ. Trước mặt nhà tôi là khu nhà thờ chính. Trăng như một đĩa kim cương chiếu chênh chếch trên những tầng gác cửa xám lặng ngắt, những nóc nhà đen sạm mọc khẳng khiu những cây câu rút và trên cả đỉnh gác chuông im lìm nghiệt ngã. Trăng rọi qua những mái hiên kẻ thành vạch dài và tỏa sáng xuống cả những cỗ săng bằng gỗ tạp để bán cho nhà thương làm phúc và các người chết vô thừa nhận, cất vào chỉ làm bộn thêm trong nhà nên xếp thành đống đóng nẹp liền với nhau, bỏ ở những xó hè rúc rích tiếng chuột và muỗi đói kêu như ri. Nền mây, lúc như dát vàng dát bạc, lúc như có gấm có vóc bồng lên, càng mở rộng ra. Mấy ngôi sao xa ẩn hiện long lanh. Tôi ngồi ngay bờ xi măng bực hè gần ghế chị sen. Chị sen vẫn đội khăn vuông và mặc sống (23). Khác chút, là tối nay ngoài chiếc yếm hoa dâu trắng bong, chị lại mặc áo sồi chuột nõn cất kỹ trong bọc bấy lâu. Chị không hát đầu tiên mà để hai chị sen phố trên ngồi trống trước. Có lẽ đã bảo nhau rồi, nên hai chị này chỉ vận có hai ba câu rồi để bà chị cả xin phép nhường trống lại cho chị sen nhà tôi.

---

(23) Váy.

Đúng lúc trăng lên giữa trời và có gió. Anh trai bạn hát đấu với chị sen đêm ấy, nghe đâu là người của bọn trai khu phố trên đã lên tận tỉnh Bắc đón về...

Người chịu không vận được nữa và luống cuống phải xin thôi là... chị sen! Cả đám đã nhốn nháo tưởng như có thể đánh chém, đâm giết nhau. Đồng hồ nhà thờ chính cồồng cồồng điểm mười hai giờ, mọi người mới chịu ai về nhà nấy. Tôi thấy tâm trí như bị dằn, bị xẻo và hẫng cả người, không sao tưởng

được lại có cơ sự như vậy. Vì cho đến câu cuối cùng, trước khi chị ngừng tay trên dây trống và bẽn lẽn nói... "Chúng em xin có nhời với...", tôi vẫn tin rằng chị sen lại hạ bên kia. Tôi nằm cứ chong mắt lên mà nhìn bóng tối. Tôi vẫn phải thấy không có lý gì, không thể vì lẽ gì chị sen chịu không vận được, xin thôi hát...

Sau đấy tôi lại càng không thể tin được rằng chị sen thế là đi hẳn... Trong đêm ấy chị sen đã trốn đi. Chị sen trốn đi với người trai hát của vùng Bắc ấy. Tôi càng ngơ ngẩn. Nếu như trước kia tôi đã nhiều lần có ý nghĩ chị nên bỏ nhà bác tôi, bỏ cái đời đi ăn đi ở, dù có được no được đủ, được yên thân hay sung sướng chăng nữa, thì nay tôi lại tiếc, lại buồn vì không còn được thấy chị ở bên mình.

Làm sao tôi còn được nghe chị sen hát, được trông chị sen hát nữa? Làm sao tôi được gặp lại một người con gái nhà quê phải đi làm con sen con nhài lạ lùng như thế? Chị trốn đi cũng vẫn chỉ có cái khăn gói quần áo của mình; tiền công tháng trước và nửa tháng ấy cũng bỏ cả. Một bà có tuổi gánh nước thuê ở ngoài máy đã đến đòi nhà bác tôi, nhận rằng chị gọi bà ta bằng dì, và chị nhắn lại cho "dì" món tiền đó. Nhà bác tôi đã không trả lại còn dọa đưa bà lên bót (24)vì tội có cháu chuyên đi nếm cơm thiên hạ để đánh đĩ và làm nhiều tội khác!...

## CHƯƠNG IV

## NHỮNG CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG HỌC

Năm 1929-1930, từ trường Gốc Ngái tôi phải đổi đi trường khác: trường Trong (25). Từ nhà tôi vào trường Trong qua mấy phố cũng không xa lắm, nhưng quái lạ, cho đến khi lớn, tôi vẫn còn thấy cả thời gian và không gian nơi đây chất chứa không biết bao nhiêu kỳ lạ.

---

(24) Trụ sở cảnh sát.

(25) Trường mang tên một người Pháp: Jules Ferry.

Nhà tôi đã dọn lên ngõ Nhà Thờ. Ở nhà đi ra ngã tư là phố Bônbe, đường chính của thành phố, nhiều người cứ gọi là đường Vườn Hoa vì quãng này có một phần vườn hoa cũng to nhất của thành phố. Khỏi quãng này lên đường chợ Rồng, qua khu tòa án ta và trại lính khố xanh, thì đi vào một quãng đường rợp bóng hai hàng cây đến trường.

Nhưng ít khi tôi đi đi về về những đường phố nọ, tuy nhà cửa đông đúc rất thuận tiện trú mưa, tránh nắng. Tôi cứ chọn những quãng vòng vèo, cây cối vắng lặng như khu vườn hoa hay những quãng xa lạ và ghê ghê như sau tòa án Tây, sau nhà thương, sở mật thám. Hơn nữa, tôi còn phiêu lưu qua đường khu xà lim của sở mật thám, khu nhà xác của nhà thương và khu đề lao, gần như cách biệt hẳn thành phố. Về sau tôi lại còn đi tít mãi lên đường trại lính Tây, qua bãi Bia mà đến trường bằng lối ven ruộng gần đầm sen. Càng mưa gió lạnh lẽo, càng những buổi sắp tới giờ vào lớp, hay về nhà gần tối trời, tôi càng thấy bước chân, trí tưởng và tâm hồn bị cảnh vật quyến rũ.

Những đám mây hình thù mới lạ; những gốc cây, những bụi rậm ở đây lại tìm thấy thêm một ổ trứng, mấy xác rắn, xác sâu và bộ xương chim; những chùm hoa không tên ẩn nấp trên những chòm cổ thụ cao vọi; những hốc tường hốc đá và những gò đống bỏ hoang...; những chim chóc, bọ ngựa, dế...; những hoa chua me, củ chua me ở vườn bãi xa; những quả bàng, quả sấu cuối cùng trốn giữa những cành, những chạc hóc hiểm cao tít...; những vọng gác, những tháp chuông, những niên hiệu... Và trời mây vần vụ, đường nắng bụi, đồng lúa, núi xa lúc nào cũng có những âm âm vang vang mà tôi càng lắng nghe càng thấy như vời như gọi...

Khi cha tôi còn sống, không biết cha tôi đã dạy truyền miệng tôi lúc nào mà tôi thuộc được hai câu thơ sau đây của Bà Huyện Thanh Quan:

Lom khom dưới núi tiều vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà...

(Tức cảnh Đèo Ngang)

Ngoài sân gác thượng, trước chỗ cha tôi nằm, có mấy cây si, đinh lăng trồng trong chậu và ít được tưới tắm nên càng khẳng khiu, và một núi non bộ cũng vì cảnh làm ăn của nhà tôi sa sút, nên mốc rêu và nhiều khi tưởng chết khô hết cả mấy búi cỏ cây ghép trong đá. Nhưng chính với cảnh cây cỏ và núi non này, tôi đã tưởng tượng thêm ra sự heo hút của hai câu thơ trên kia. Rồi những buổi chiều mùa đông, nhìn ra cả đường phố vắng, tôi càng thấm buồn, thấm lạnh:

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa khách bước dồn...

Tuy tôi chỉ mơ hồ hiểu điển và nghĩa:

Kẻ chốn Chương Đài người lữ thứ

Biết ai mà kể nỗi hàn ôn.

(Chiều hôm nhớ nhà)

Tuổi lên bảy, lên tám của tôi ấy lại còn được những rung động này nữa:

Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Dừng chân đứng lại trời non nước

Một mảnh tình riêng ta với ta.

(Tức cảnh Đèo Ngang)

Không ai bày cách cho tôi cảm xúc, nhưng tôi cứ nghe thấy những tiếng đanh đanh khắc khoải "cuốc cuốc" (26)vang lên. Và hai tiếng non nước dào dạt như có sóng. Sau đó cả cảnh vật đều lặng đi để dâng lên một cái gì bàng bạc và trong trắng như sương tuyết.

---

(26) Hai tiếng cuốc cuốc ở trong bài thơ đồng âm với tiếng quốc là nước.

Phải chăng tôi đã "chịu Mình thánh" của những chuyện, những sự tích, những văn những thơ kia từ thuở mới có trí khôn? Lọt lòng mẹ, tôi đã được ôm đến nhà

thờ chịu phép "Rửa tội" và nhận lấy tên thánh là

Giu-minh-giê. Rồi năm tôi lên chín lên mười, bà nội tôi đã khảo tôi đủ các kinh để đi xưng tội lần đầu với một cha người Tây. Cả đêm ấy tới sáng sau, tôi chỉ được súc miệng chứ không được uống nước, rồi cùng bà tôi đến nhà thờ đi "lễ chịu Mình thánh Chúa lần đầu"... Phải chăng vì đã chịu phép thông công của Thơ Văn ấy trước cả phép thông công với Đức Chúa Giê-su, mà tôi không thấy bâng khuâng vui sướng, hay không cảm thấy bàng bạc trong trắng gì cả trong buổi lễ nghi đáng phải thiêng liêng nhất, để ấn tượng sâu xa nhất đối với Giu-minh-ghê đồng nhi là tôi kia.

Hay vì tôi không thành kính, tôn trọng? Không! Không! Tất cả những lề lối, lễ nghi nhất nhất tôi đều theo đúng cơ mà! Khi chùm chuông từ trên bàn thờ rung dội, cha kính cẩn giơ cao lên bình cô-mô-nhong vàng đựng Mình thánh Chúa, trong những tiếng rên rỉ và đấm ngực xuýt xoa của con chiên ran ran cả nhà thờ, kể cả các con chiên không phải dọn mình chịu lễ, thì tôi cũng

đấm ngực, sấp mình xuống kêu rên để chịu ơn Chúa. Sau đấy tôi run rẩy cả người đi lên bàn thờ, quỳ tiếp theo hàng con chiên mà nâng khăn trắng, ngước mặt, lim dim mắt, he hé miệng đón lấy Mình thánh Chúa. Miếng bánh này tròn tròn như miếng bạc mỏng, tôi cố nuốt rất nhẹ để khỏi động đến thân thể và máu thịt đau đớn của Chúa ngự trong đó, làm thành ra nó và hòa biến thành máu thịt của con chiên. Tôi đã hoàn toàn tự mình đánh đồng thiếp để chịu lễ xong thì đọc kinh Cám ơn và ra về, vừa kiêu hãnh vừa hoan hỷ như tất cả những trẻ con có đạo được đi chịu lễ lần đầu! Nhưng, sao cả khi xưng tội, tôi vẫn cứ không thấy là có tội, cũng như khi chịu lễ xong, thì ngay mấy giờ sau đấy, tôi lại muốn phạm tội liền...

Nghĩa là tôi lại đọc các sách ma sách quỷ, các chuyện ma chuyện quỷ, đúng trăm phần trăm cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Tôi lại đi chơi với Tôn Ngộ Không, Na Tra, Dương Tiễn. Tôi những muốn "Thế thiên hành đạo" như Lâm Xung, Võ Tòng, Lý Quỳ, Lỗ Trí Thâm. Tôi thích được đốt hương lạy tấm ảnh một ông tướng mà tôi gọi là Đức thánh Trần Hưng Đạo đại vương chung quanh có những Trần Quốc Toản, Dã Tượng, Yết Kiêu... chứ không phải là chúa Giê-su với những thánh An-tong Phê-rô, Giu-se... Còn cái nước của tôi lại nghe thì khắc khoải trong hai tiếng "cuốc cuốc" với những tên Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Vua Bố Cái, Lê Lợi, Lê Lai, Quang Trung Nguyễn Huệ và Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương chứ không phải "nước Thiên đàng". Thậm chí tôi thấy nếu cứ còn phải chịu lễ như ngày hôm ấy thì khổ như là và quá là chịu... tội!...

Tôi đã chọn những gốc cây, bụi duối rậm rạp, khất vắng để đọc những Tiếng sấm đêm đông, Vua Bố Cái, v.v... và chọn những tảng đá, những cành lá bày bàn thờ những anh hùng lịch sử. Đến trường, tôi vừa đi vừa đọc quên cả chung quanh. Tôi chỉ ước muốn sách đừng hết vội, hay có xong thì chỉ là mới xong từng đoạn, rồi lại tiếp theo, tiếp mãi. Cái gì bàng bạc và trong trắng như sương tuyết trong những tiếng Tổ quốc. Non sông, Giống nòi kia càng thấm sâu, càng dâng cao trong tâm trí tôi, về sau lại càng nghiêm nghị, nhất

là từ khi - tôi không thể nói đích xác được từ khi nào - tôi được nghe nói mình là dân mất nước, còn nước Việt Nam, giống nòi Lạc Hồng đang là nô lệ trong tay người Tây, người Pháp, chính phủ Pháp.

Dưới trời mưa rét 1929 và sang xuân 1930, tôi lại phải đến trường qua những đường phố to đông đúc, đi cùng với các bạn. Có rất nhiều lệnh và nhiều việc nghiêm ngặt làm chúng tôi vừa sợ vừa lo. Nào đốc học Tây đã ra lệnh cấm điều này, điều nọ. Nào Sở mật thám đã bắt đám này, nhà khác. Nào công sứ đã sức cho các hộ phố cũng đi tuần, giữ người, bắt người. Nào mật thám của tổng đốc, mật thám của công sứ, mật thám chủ nhà máy sợi... Quan to nào cũng có mật thám riêng. Chủ sở, chủ nhà máy nào cũng có mật thám chân tay của mình. Tất cả đang cất canh ở các nơi, các chốn, khắp hang cùng ngõ hẻm, để nghe ngóng, theo dõi mọi người, không bỏ sót một động dạng gì, không để lọt một ai khả nghi hay có trát truy nã.

Chúng tôi chỉ được đến trường trước mười phút trống vào lớp. Hay đến đúng lúc trống báo cũng không được tụ tập đông ở các gốc cây, nhất là ở cổng trường. Còn sách, truyện đều bị cấm hết. Dù mỏng, dù thuộc loại gì, nếu không phải là sách học, khám thấy ở trong cặp là bị đuổi ngay. Bất kỳ giấy gì khác lạ, ai phân phát hay truyền cho đọc đều không được nhận, phải báo ngay thầy giáo hay đội xếp túc trực. Có nhiều tiền thưởng cho người tố cáo, nếu những thứ phân phát đó là truyền đơn chính trị và kẻ bị phát giác bắt giữ được ngay. Gia đình nào cũng phải xem xét con cháu khi đi học, về học và các truyện trò tin tức của con cháu thu nhặt bàn tán ở đường phố về. Các gia đình sẽ bị xét xử nặng nếu để con cháu phạm vào những điều nghiêm cấm, đặc biệt là a tòng với những kẻ có tội. Nhà nước cũng khen thưởng cả những gia đình có công ngăn giữ con cháu, dạy bảo con cháu.

Thế là ngay trong những bạn thân nhất cũng nhiều kẻ không đi với nhau nữa. Còn lại chỉ còn một hay hai đứa cố kết lắm mới dám rủ nhau đi học và ngồi chuyện với nhau.

Những bạn này, ngoài tình nghĩa thủy chung đồng sinh đồng tử với nhau, còn là kẻ gan dạ mạo hiểm và muốn có những hành động khác thường.

Anh Bùi Phú Túc, người cùng tôi cắt máu ăn thề, kết nghĩa ở những năm lớp bét, lớp tư đã đổi đi trường khác. Lên lớp và vào trường mới đây, tôi đánh bạn với một anh nhà mở hiệu đóng giày, người lớn hơn tôi, vui vẻ, đúng mực và đá cầu lông giữ bên trái rất giỏi. Nhưng anh không ăn mặc lôi thôi, không mê chuyện và không thích những cuộc chơi nghịch tợn tạo.

Cũng vì không còn bạn thật cùng cảnh và cùng tính nết, nên tôi càng thèm bạn và càng lớn lên càng say với Thủy hử.

Thầy giáo dạy tôi năm ấy nghe nói là người ở nhà quê. Thầy đội khăn và nón dứa, mặc áo the thâm, đi giày Gia Định và thường đi bộ đến trường. Tôi vẫn nhớ như in nét mặt thầy rất hiền, gương mặt thầy rất sáng. Tuy hiền hậu và sáng sủa, thầy giáo trẻ này vẫn làm tôi chú ý đến cái vẻ nghiêm nghị đượm phần lo âu mà tôi nhận ra trong những phút thầy yên lặng trên bục giảng bài cũng như khi thầy lững thững một mình ở hàng hiên phía trông ra cánh đồng. Tôi còn được biết láng máng thầy đã có vợ, nhưng tôi gần như không được gặp cô giáo lên tỉnh ở với thầy bao giờ. Vì thấy thích hoa và cá lắm hay sao, nên tất cả những bìa vở cũng như giấy bọc sách, thầy đều bắt vẽ hoa và tô màu. Tôi vẽ rất vụng, đã mấy lần định nhờ bạn vẽ cho, nhưng tự ái, lại thôi. Tôi chỉ thích đi bắt cá cho lớp. Tôi lội tất cả những chỗ sâu và khó khăn nhất ở ngoài đầm hào dưới chân thành, sục vào tất cả những đám sen, đám bèo để tìm cá lạ. Những cá này thầy giáo thả ở những lọ, những bóng thủy tinh có những cụm rêu chọn rất kỹ.

Cũng nhờ việc đi bắt cá cho lớp, nên tôi đã được tự do ra giải "Thủy bạc" xa khuất đầy nguy hiểm, bí mật và liệt vào đất cấm trong những ngày nghiêm ngặt đó. Cũng vì thẫn thờ với những con cá bơi lượn và những làn rêu lấp lánh ở những lọ, những bình thủy tinh trên góc tủ, mặt lò sưởi và giá gỗ chung quanh lớp, tôi càng thấy những giờ giảng văn, giảng sử và những buổi

chiều mùa đông lạnh giá thêm nao nuốt. Trí tưởng tôi không những chỉ theo đàn cá trong lọ thủy tinh mà còn vượt ra khỏi những bức tường, những cửa kính, cửa chớp, cuộn theo những sợi rêu, hóa thành những dải mây cùng với những đàn cá rất khác lạ chắp thêm cánh vàng cánh bạc cho tôi bay đi.

Những ngày giáp tết năm ấy, các nơi đường phố, đông đúc, các cửa hiệu, các mặt hàng, các thứ hoa lá, tranh ảnh, câu đối vẫn tấp nập rực rỡ; bến tàu bến xe, người buôn bán, kẻ đi làm phu làm thợ các tỉnh trở về vẫn lũ lượt đến khuya. Nhưng qua giọng chuyện trò bàn tán của nhiều người quen biết với nhà tôi hay của những người ngoài đường ngoài chợ, tôi vẫn không khỏi có một sự hồi hộp mà trí não non nớt của tôi khó giải đáp nổi.

Mồng một, rồi mồng hai, rồi mồng ba tết, tôi vẫn theo mẹ tôi đi mừng tuổi đủ các nơi như những năm trước. Rồi sang mồng năm, mồng sáu thì tôi thấy nhiều nơi trong thành phố vắng lặng một cách lạ. Không phải vì vẫn còn tết, vì chưa hạ cành nêu, vì ra Giêng chưa mấy ai ra đi mua bán sắm sửa... Thế rồi đến ngày vào trường, buổi đi học trưa về, tôi càng rạo rực và cả kinh ngạc nữa vì tin đồn có bạo động, có bạo động! Yên Bái bạo động! Yên Bái đã bạo động! Đúng là bạo động đã nổ... Thật là bạo động đã nổ!... Đúng là cách mệnh đã nổ súng vào chính phủ Pháp bảo hộ, và quân lính Pháp, quân lính chính phủ bảo hộ.

Yên Bái bạo động!

Những tên người khởi sự đã rành rành in lên mặt báo và đã thành những câu chuyện của đông người, chứ không thào thào thầm thầm như trước...

Tất cả những báo hàng ngày như không kịp in và chẳng cần rao gì cả. Khác hẳn mọi khi, báo trên Hà Nội xuống, cai lĩnh phát ở một ngã tư chưa xong thì đã thấy um lên tiếng trẻ con "Báo mới ơ... Báo mới ơ ơ...". Hình như cả người đón mua và các nhà mua quen đều muốn đọc ngay, đọc nhanh những tin chính để rồi lặng đi vì bàng hoàng và suy nghĩ. Trẻ bán báo cũng

đọc lầm thầm và cũng như buồn buồn nghĩ ngợi, cả khi vừa được giao báo hay còn giữ được tờ báo sau cùng để phần cho khách quen chưa kịp lấy.

Cuộc bạo động đã bị dập tắt ngay. Liên tiếp đăng tin những người cầm đầu bị sa vào vòng pháp luật. Các báo đăng cả tin Ký Con và Nguyễn Thái Học bị bắt với những chức vụ trọng trách và những hoạt động chủ chốt nhất định sẽ bị kết án tử hình. Nhiều ngày tôi đã bồn chồn và thẫn thờ vì Ký Con... Người ký khổ làm cho hiệu tây buôn Gô-đa trên Hà Nội này thế mà lại làm trưởng ban ám sát của Việt Nam quốc dân đảng. Ký Con là một con hùm xám! ... Ký con bị bắt!... Tất cả mật thám đã reo lên! Và Ký Con đã chịu tất cả những cuộc tra tấn, không hé răng khai báo, phản bội, hàng phục.

Tôi đã mong trông thấy ảnh Ký Con và cố tìm cho ra ảnh Ký Con nhưng không sao được. Một thằng bạn nào của tôi kia, mà chỉ cho tôi nhìn liếc qua ảnh Ký Con thôi, cũng đủ để tôi kiệu lên vai tung hô rồi muốn bắt tôi làm việc gì nặng nhọc, nguy hiểm thế nào tôi cũng xin nghe(!) Hay có đứa nào được biết một nhà cơ sở Ký Con đã ở vài đêm hay chỉ ghé qua trên đường trốn tránh, trỏ cho tôi hay và dắt tôi đi qua, thì cũng được tôi tôn trọng như thế.

Tôi đã nhất định tin theo như một số dư luận, rằng đây chỉ là một người khác mang tên Ký Con. Một người kính phục Ký Con chịu chết thay để Ký Con sống mà tiếp tục trọng trách. Hay đây là một người bị sở mật thám bắt phải nhận là Ký Con, chịu kết tội để tăng thanh thế cho bọn chúng và làm vừa lòng những quan trên ở cả bên Pháp! Tôi lại kín kín hở hở đặt ra những câu: "Giả dụ, hình như, nghe nói, nghe đồn, v.v..." mà bàn chuyện với các bạn!...

Nhưng chính phủ Pháp đã đưa những người khởi xướng cuộc bạo động Yên Bái đi xử bằng máy chém. Các báo đều đăng từng tên người bị hành hình và ngày giờ hành hình... Tâm trí tôi đã có những phút đen sầm lại và mênh mông thương xót. Những hốc cây, những bụi rậm và dưới chân thành của cái trường cũ kỹ càng trở nên thân thiết khác thường. Những hòn đá và

những cành lá quý hiếm kiếm được trước kia bày làm bàn thờ những anh hùng lịch sử, nay lại đặt thêm những tên tuổi mới mà tôi chỉ biết gọi là những Nhà ái quốc. Những người bị chém ấy đã hiện ra ngời ngời trong hai lòng bàn tay tôi đầy nước mắt và tiếng nước, tiếng nghẹn.

Tôi lại chịu Mình thánh của những Nhà ái quốc để thấy thêm một sự bàng bạc trong trắng và nghiêm nghị như băng tuyết toát lên trong những phút mà cả tâm hồn tôi hoàn toàn tê lặng đi thầm niệm những tiếng Non sông, Nòi giống như người sùng đạo đọc lên tên chúa

Giê-su đến đoạn bị đóng đanh trên cây câu rút vậy.

Dạo này, thầy dạy tôi, người nhà quê còn trẻ, gương mặt rất hiền kia, lại nhiều lúc buồn buồn và nghiêm nghị hơn. Thầy vẫn đội khăn xếp và nón dứa, mặc áo the thâm, đi bộ ở một phố khá xa đến trường. Sau năm đó, tôi không được biết tin tức gì của thầy cả. Thấy nói có nhiều thầy giáo làm chính trị bị bắt, bị tù, tôi càng nghĩ đến thầy Ng.V.H. Gặp mấy thầy khác dạy cùng lớp, tôi đã đánh bạo hỏi, nhưng chẳng được thầy nào cho biết thầy H. còn dạy học, hay chuyển sang việc khác, hay đổi đi đâu. Kỷ niệm của thầy H. trong cái năm rất ghi nhớ này càng thắm thiết. Cuối học kỳ, tôi thi phần chữ Pháp của bằng Sơ học yếu lược lại không đỗ. Nhưng tôi vẫn được thầy H. xếp phần thưởng. Chỉ là phần thưởng xoàng thôi, và tôi đứng hàng bét. Anh em thì kẻ chín lần, kẻ mười lần được điểm cao và đọc tên trước lớp, toàn về tính đố, và tập đọc chữ Pháp, luận chữ Pháp, ám tả chữ Pháp. Còn tôi được có mỗi một lần và là lần tập đọc quốc văn.

Tôi không nhớ tên bài buổi thi đó. Cả lớp đều đọc và trả lời từng câu thầy hỏi. Gần hết giờ, thầy trầm ngâm hồi lâu rồi thong thả lên tiếng:

- Ơn nhờ bảo hộ (27)xa gần đều vui... Hừ... hừ... Ơn nhờ "bảo hộ"... Ơn nhờ "bảo hộ"..., - Thầy cười bĩu và dằn dằn hai chữ "bảo hộ"... - Có ai thấy hai chữ nào hay hơn, thay được hai chữ của câu kết bài thơ không?

---

(27) Tức là chính phủ bảo hộ Pháp.

Cả lớp im lặng, chỉ có đôi tiếng lầm thầm đọc lại câu thơ trên.

Tôi đã giơ tay xin phép đứng dậy. Tôi khoanh tay, rụt rè:

- Thưa thầy... thưa thầy... Ơn nhờ bảo hộ xa gần đều vui thì... thì thay là: Ơn nhờ Tổ quốc xa gần đều vui... ạ ạ ạ...

Cả lớp đã quay lại nhìn tôi thêm, khi thầy giáo lặng nét mặt rồi gật gù, tươi tỉnh:

- Được! Được!... Thay bằng hai chữ Tổ quốc, được! ... Ơn nhờ Tổ quốc xa gần đều vui..., được!

Đến ngày phát phần thưởng, bọn lớp tôi chờ thầy giáo dẫn vào hội trường mãi mà không thấy. Trong kia, các quan Tây, quan ta và các nhà giàu sang quyền quý của thành phố đều đủ mặt. Có cả dàn kèn đồng của lính khố xanh cử nhạc và các đội xếp mặc lễ phục trắng túc trực. Không phải chỉ có cấp sơ học chúng tôi mà còn có cả trường con Tây và trường Thành chung, lớp nào người nào đều in rõ thành sách. Sách này của thành phố biếu các quan khách và phát cho học trò kèm với phần thưởng.

Bọn chúng tôi không thể chờ thầy lâu hơn được nữa. Đã gần trưa. Kèn thổi hết đợt này đến đợt khác và những tràng vỗ tay càng về cuối càng nhạt. Đang lúc ngong ngóng, người như có kiến lửa đốt ấy, thì một học trò lớn tuổi trong kia chạy ra gọi chúng tôi, báo tin đích xác thầy H. không đến và bảo chúng tôi vào buồng phần thưởng mà lấy ra chia nhau vậy thôi. Có mấy lớp của các trường lẻ và ở xa cũng làm như thế!... Tôi cũng chẳng buồn biết hai người thứ nhất được phần thưởng danh dự và phần thưởng ưu tú cũng như cái thằng xếp trên bực đội sổ của tôi được những thứ gì. Tôi vồ ngay lấy cái buộc

mỏng teo đề tên tôi và chạy thẳng về nhà ăn cơm, kẻo ra đi từ sáng sớm, tôi chỉ được mẹ tôi cho có xu rưỡi như thường lệ để ăn lót dạ. Ấy là tôi đã hơn hẳn em tôi những một trinh, vì nó là con gái học trường bà Sờ ngay cạnh ngõ nhà.

Ngày ấy cha tôi đang ho ra máu. Những đồ đạc đáng tiền trong nhà bán gần hết. Nhà tôi lại ở nhờ người bác họ. Mẹ tôi dọn hàng rau đậu ở chợ Rồng rục rịch bỏ chỗ cho người khác. Các vòng kê và thúng mẹt càng về cuối chầu càng lỏng chỏng với mấy mớ tỏi, cần tây, cà chua, đỗ úa héo... Quá trưa rồi mẹ tôi vẫn chưa về nhà. Gian buồng cha tôi quanh năm mờ mờ và ẩm nhớp vì không có cửa sổ cửa trần gì cả. Còn giường thì hàng năm giặt chiếu phơi màn vài ba lần. Chỗ cha tôi nằm mọi khi còn có cỗ bài tổ tôm chơi phá trận hay tập Tam quốc, Đông chu liệt quốc đọc đi đọc lại để khuây khỏa, nay cũng xếp xó.

Cha tôi lại ngồi bó gối, trông ra ngoài buồng. Cái thân hình còm cõi và xanh xao lịm đi như một pho tượng chết. Chạy từ trường về nhà, tôi vào ngay giường cha tôi, đưa cho cha tôi bó phần thưởng. Tất cả có ba quyển: quyển in tên học trò các trường được thưởng và danh vị các quan chủ tọa kỳ phát thưởng, một quyển đề "Cách nuôi tằm tơ" mà tôi không thấy bày bán bao giờ, và một quyển sách dạy tính cũng bằng tiếng Pháp, nhưng là loại sách chỉ để con Tây học hay dạy trẻ con học ở bên Tây...

Tháng mười năm ấy cha tôi mất. Bó phần thưởng cho điểm cao về tập đọc quốc văn của tôi có ba quyển sách tiếng Pháp kia, thỉnh thoảng tôi đi chơi về lại thấy cha tôi giở ra xem. Cha tôi để nó ở đầu giường, cạnh cái gối gỗ rỗng, nơi cất cái ví da cũ mà lúc khiêng xác cha tôi ra gian nhà ngoài, tôi lục tìm thì thấy còn một hào bạc và hai đồng xu. Trong gối còn một gói bánh Trung thu của một người họ cho, cha tôi ăn dè, vẫn còn mấy miếng đã khô và có chỗ hơi mốc...

Đầu năm 1930 ấy, giữa lúc lệnh đốc học cấm ngặt nhưng nhờ thầy giáo H.

thích cá, thích hoa nên tôi đã được ra ngoài đầm và ngoài hào xa trường học, lang thang, bắt cá, kiếm rêu. Rồi cũng vì cha tôi ốm, nên tôi được vào khu nhà thương liền với khu đề lao và sở mật thám ngay cả giờ học.

Nhà thì xa, cha tôi vừa yếu quá, vừa không có tiền thuê xe kéo, nên tôi phải đi lĩnh thuốc hàng ngày. Nghe cha tôi nói chuyện, thì người y sĩ mà ai nấy đều gọi là quan đốc tờ trông coi việc khám xét và cho thuốc khu nhà thương "làm phúc" bây giờ, đã có thời kỳ học cùng với cha tôi ở một trường dạy cả chữ Nho và chữ Tây. Chắc vì có lời dặn của quan đốc, nên ông ký nhà thương già rất hắc, xếp phòng "làm phúc", đã phát thuốc cho cha tôi trước nhất và tôi được lĩnh thay. Toàn thuốc nước. Có bốn thứ: thuốc ho, dầu cá, thuốc bổ canh-ky-na và thuốc vôi.

Sáng sáng, trống trường ra chơi chưa dứt, tôi đã nhổm lên và khi cửa lớp vừa mở, tôi xách cái túi đựng bốn chai con, thúc "Thiên lý mã" chân, chạy vù đến nhà thương. Tôi sấn vào phòng phát thuốc, kiễng chân, rúc người giữa đám bệnh nhân đông nghịt, hôi hám quá chừng, chìa đơn thuốc và các chai ra. Rồi lại xách túi thúc "Thoại phong câu" chân, phóng về trường. Vẫn kịp đá bóng, đá cầu hay đánh mấy ván đáo.

Những ngày thứ năm thì nhàn quá! Muốn đi sớm đi muộn tùy thích. Nhưng tôi thường chọn lúc nhà thương đông nhất, có cả tù đi làm cỏ vê xin thuốc. Qua những câu chuyện của những người này, tôi càng bị kích thích vì những tin, những vụ mật thám khám xét, bắt bớ, tra tấn và tòa án hỏi cung, xét xử. Tôi càng băn khoăn muốn biết, muốn thấy những người làm chính trị, làm cộng sản gan dạ, kỳ lạ, phi thường kia là người như thế nào?

Cuối năm 1929, qua Giêng hai năm 1930, rồi đến gần vụ nghỉ hè, tôi càng nghe nói đến hai tiếng chính trị và cộng sản nhiều hơn. Tới khi bạo động Yên Bái bị dập tắt, tên tuổi và địa danh của các nơi khởi nghĩa dần dần chỉ còn ngùi ngùi trong dư luận, thì tôi bỗng thấy có một sự sôi sục hẳn lên, và rất khác lạ. Trước còn nhiều xóm, nhiều phố, sau hình như đâu đâu trong tỉnh

cũng có nhà bị bắt, có người bị bắt vì làm cộng sản. Nhất là ở những xóm, những ngõ, những phố có nhiều thợ: những thợ máy sợi, máy tơ, máy chiếu, máy rượu, máy chai, máy nước, máy điện... Những người bị bắt này, kẻ thì tôi được biết ở thật nhà nào, làm ăn, tính tình, tiếng tăm ra sao, và thật tôi đã có lần nhìn kỹ mặt; kẻ thì em hay cháu họ đi học với tôi. Chính những quãng đường họ đi tầm, về tầm và làm những việc bạo thiên nghịch địa như rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm và đình công, mét tinh, v.v... tôi cũng thường qua lại.

Thế ra những sở mật thám với các buồng "săng tan", nào hòm điện, roi sắt, nước vôi, xà phòng, các thanh tra, cẩm khét tiếng ác đòn, dữ đòn, điên đòn, hiểm đòn, và những đề lao bốn năm lần tường đá với các xà lim bốn năm lần xích khóa kia... vẫn không đáng sợ! Nghĩa là nó không thể giữ yên được cái cảnh sống trái ngược giữa cùng cực và giàu sang, giữa quyền hành và bị áp chế, giữa người đói khổ và kẻ thừa mứa, giữa dân nô lệ, đồng bào đồng chí và bọn bóc lột, bọn cai trị khác máu tanh lòng?

Hay nói theo cách nôm na của ngày ấy thì là dân ta, dân "An Nam" ta vẫn cứ chống lại chính phủ cai trị, chống lại chính phủ Pháp và người Pháp cai trị. Ghê dữ hơn là ở xứ Đông Dương và ở ngay tỉnh Nam Định, ngay giữa thành phố Nam Định của tôi cũng có cộng sản, có những người làm cộng sản. Họ vừa chống lại chính phủ cai trị, vừa mưu đồ cho mọi người nghèo đói, khổ cực được ấm no, không bị đè nén, áp chế, và tất cả của cải, nhà máy, ruộng đồng đem chia cho nhau, cùng nhau cai quản làm ăn...

Khu "trong tỉnh" ấy lại càng nhiều cái lạ đối với tôi, và tôi lại càng tò mò tìm tòi, nghe ngóng, tha thẩn ở đây. Bà tôi cho biết ngày Tây chưa hạ thành nghĩa là chưa chiếm tỉnh Nam Định, thì "trong tỉnh" là cả một thành trì trong hào, ngoài lũy, bờ thành ngựa chạy được, cột cờ và các cửa đều đặt súng thần công. "Trong tỉnh" chỉ có ba quan lớn ở và dinh trại, kho tàng Quan tổng đốc hay còn gọi là quan thượng có việc ra phố hay đi đâu thì cưỡi voi, rầm rập

quân hầu, tiền hô hậu ủng.

Tất cả thành trì dinh trại nay chỉ còn một mảng thành lối cửa Bắc. Trường học tôi xây trên bờ thành đó, cạnh có trại lính khố xanh, trông sang tòa án ta. Sở mật thám và đề lao gần ngay tòa án. Đề lao xưa là kho thóc của cả tỉnh để nuôi quân trong thành, tường đá ong kiên cố, giờ xây thêm mấy lần tường cắm mảnh chai, mắc dây điện và lắp cổng sắt, hai góc phía trước có hai lô cốt rất cao, tầng nào cũng có lỗ châu mai, hàng trăm lính gác trấn giữ vẫn thừa chỗ.

Ôi chao! Cứ mỗi khi qua lại, chỉ liếc nhìn vào mấy nơi như nhà xác của nhà thương, những xà lim của sở mật thám hay những tầng lô cốt và nóc đề lao, tôi đều thấy gai gai chờn chợn mà vẫn cứ phải nhìn mà tưởng tượng thêm và suy nghĩ đến bao nhiêu chuyện tra tấn, cùm kẹp, bắn, chém, tù đày.

Nhưng những người làm chính trị, làm cách mạng, làm cộng sản, cũng như nhiều dân ta không sợ gì cả. Kẻ khiếp sợ chính là các quan lại, là chính phủ Pháp có quân lính, gươm súng trong tay và cả máy chém. Cụ thể là

Sa-pu-la, công sứ đầu tỉnh tôi. Một hôm Sa-pu-la thấy báo tin ngoài đường có mét tinh kéo cả cờ đỏ búa liềm và thợ đang diễn thuyết hô khẩu hiệu ở vườn hoa nhà kèn ngay trước dinh của hắn giữa tầm thợ máy sợi, máy tơ về, Sa-pu-la đã chạy cuồng ra cổng, đến giằng lấy cờ và cầm búa bổ vào người công nhân. Anh công nhân đã không lùi bước còn cướp lại cờ, ôm vào ngực, cứ hô khẩu hiệu và chửi Sa-pu-la.

Phải! Cuộc đấu tranh lịch sử này đã nổ ra ở khu nhà kèn và vườn hoa, một trong những cảnh đẹp của thành phố nhiều người vẫn đến đây chụp ảnh, và tôi đã nhiều lúc đánh bạo ngồi rất lâu trên ghế đá mà nghênh trời, ngắm các ngọn cây, chùm lá, vòm hoa, chim bướm, và nghe gió reo, chim hót. Cũng dọc đường này, thỉnh thoảng cỗ xe song mã của Sa-pu-la lại rong đi chơi mát buổi chiều. Hai người xà ích quần trắng bốp, mũ hẹp vành kim tuyến, cầm

cương ngựa. Tiếng chuông, tiếng nhạc luôn luôn rung lên; vó ngựa rào rào; mùi phấn sáp nước hoa ngào ngạt. Người hàng phố, kẻ đi đường xớn xác trông theo như có vua chúa xuất hiện. Những ăn mày và những người lam lũ rách rưới đều phải giạt cả vào trong hè. Cút lít, hộ phố đứng lập nghiêm chào và giữ không cho một ai qua đường hay đi dưới lòng đường.

Trong phong trào ngày đó, tên tuổi Tống Văn Trân và hai tiếng cộng sản đã truyền đi khắp thành phố.

Tống Văn Trân cũng bị xử án chém. Tống Văn Trân bị giam rất chặt trong xà lim. Ở đề lao, Tống Văn Trân cắn ngón tay lấy máu viết lên tường một bài thơ. Bài thơ đó đúng là đã chắp cánh bay vượt ra với mọi người. Nghe sự tích bài thơ cách mạng và tinh thần người tù cộng sản ấy ở ngay tỉnh mình, tôi càng bị kích thích muốn được nghe nói về cộng sản và được biết thế nào là làm cộng sản.

Công nông hỡi đồng bào đứng dậy

Tuốt gươm ra giành lấy chính quyền

Dân cày cùng với thợ thuyền

Chữ duyên hợp nhất đi lên một ngày

Đế quốc Pháp ra tay đạp đổ

Phong kiến kia trừ bỏ chẳng tha

Bao nhiêu chế độ xấu xa

Tiêu diệt cho hết mới là công nông

Anh em hỡi! Đồng bào hiệp sức!

Nông nỗi này đã cực lắm rồi

Thân ta dù có thiệt thòi

Làm gương chiến đấu cho đời mai sau

Dậy làm cách mạng mau mau...

Chính tên công sứ Sa-pu-la đạo mạo, tóc bạc phơ, cao dỏng, thoạt trông cứ tưởng như một học giả rất hiền từ mà tôi thỉnh thoảng gặp đi lững thững chung quanh vườn hoa nhà kèn, và tên tổng đốc Trần V.T. kỳ cựu có hàng tá vợ và không biết bao nhiêu con lớn, con bé, nổi tiếng là phúc lộc thọ kia, đã xử Tống Văn Trân. Sa-pu-la làm chánh án, Trần V. T. tổng đốc làm bồi thẩm. Cả hai tên đã tái mặt khi Tống Văn Trân đứng lên trỏ tay vào mặt chúng mà kết án lại chúng và cả chế độ của chúng, rồi quay lại với đồng bào xem xử án kêu gọi hãy cùng cách mạng nổi dậy.

Tống Văn Trân còn đứng lại trước thềm tòa án, rút lá cờ đỏ búa liềm trong người giương lên và nói về Lê-nin, vì hôm đó là kỷ niệm ngày sinh Lê-nin. Tất cả người đi xem tòa xử án và người qua đường đã rùng rùng kéo theo Tống Văn Trân và mười hai tù nhân khác bị kết án khổ sai đến tận cổng đề lao mà nghe anh em hát Quốc tế ca. Khi các anh em quay lại chào đồng bào lần cuối thì đồng bào lại cùng các anh em hô theo những khẩu hiệu, và bấp chấp sen đầm, cảnh sát, mật thám đe dọa, thét đuổi, cứ nấn ná bịn rịn mãi mới chịu bỏ đi về... Chính khu vườn hoa và những cổng tòa án, cổng đề lao kia tôi vẫn đi qua, trên đường đến trường học. Chính các vùng đồng quê có lớp lớp núi xanh ở phía xa, tôi thường ngồi một mình ở sau lớp trông hút ra, là hai huyện Phong Doanh và Ý Yên, quê hương chôn rau cắt rốn của Tống Văn Trân. Nơi đây Tống Văn Trân học xong sư phạm thì về dạy học rồi hoạt động cách mạng. Không biết Tống Văn Trân có ra cùng khóa hay học gần khóa với thầy Ng.V.H của tôi không? Sau đây tôi được nghe tả thì Tống Văn Trân cũng trẻ đẹp, nhưng không biết có giống như thầy Ng.V.H. không?

Tôi không khỏi có ý nghĩ ao ước, nếu tôi được học Tống Văn Trân: một thầy giáo làm chính trị và làm thơ, một thầy giáo cộng sản. Cũng như tôi đã có lúc thầm mong cả thầy Ng.V.H. cũng làm chính trị, làm cộng sản và hành động được như Tống Văn Trân.

... Người tù cộng sản Tống Văn Trân giảm án tử hình đi đày Côn Đảo đã đóng thuyền vượt ngục về Nam Kỳ lại hoạt động và lại bị bắt. Lần này tên chánh mật thám Đông Dương đã ra lệnh cho bọn tay sai đánh chết ngay Tống Văn Trân ở trước mặt nó, vì sau không biết bao nhiêu trận tra tấn, Tống Văn Trân lại không khai báo nửa nhời mà còn đàng hoàng thuyết phục lại bọn chúng. Trong kỳ lễ để tang Phan Chu Trinh ở bãi tàu bay, bọn học trò lớp bét chúng tôi cũng băng đen đeo tay và buộc ở mũ, nhưng hẹn nhau sai và lạc đường nên không dự được, đã có thầy Tống Văn Trân. Thầy về làng còn tổ chức cho cả trường nhà với lớp của mình làm lễ truy điệu. Càng được biết thêm về Tống Văn Trân, tôi càng man mác nhớ những năm 1929-1930 và cái trường trên bờ thành cũ mà tôi chỉ được học có một năm thôi kia...

Ngoài nhà máy sợi rộng lớn có hàng vạn cu ly, thợ và cai ký, không hiểu sao tôi đã chú ý đến nhà máy chiếu và nhà máy chai là hai nhà máy rất xập xệ tồi tàn.

Nhà máy chai ở gần bờ sông, chỗ bến tàu chạy các đường chính, như Hà Nội, Hải Phòng và gần cái chợ thóc gạo gọi là chợ Bến Thóc và cái phố buôn bán thóc gạo gọi là phố Bến Thóc của thành phố. Khu nhà máy cứ vắng ngắt gần như bỏ hoang. Cũng không phải vì bên nhà máy rượu ra ít rượu hay ty rượu các nơi bán ế. Đây, khói lò và mùi gạo rang, mùi bã rượu không lúc nào không bốc lên nghi ngút và sực nức ra cả ngoài bờ ruộng.

Tất cả các khu nhà máy chai đều xây tường cao, mái lợp tôn, ra vào bằng một cổng sắt to có lắp đường ray nhỏ cho xe bàn. Tôi gần như không thấy người đàn ông nào đẩy xe, mà toàn bà già, phụ nữ đứng tuổi và trẻ con. Cũng đôi xe có con gái lớn mặt mày xinh tươi và ăn mặc sạch sẽ. Người ta bảo đấy

là người nhà của cai hay là người của xếp Tây, của ông chủ đã chấm. Trừ bốn buổi tầm đi về hay có xe to ra vào, cổng chính mới mở. Người làm và xe bàn chỉ được đi hai cổng nhỏ, cũng bưng tôn kín mít và có người gác khám xét. Trẻ con, một lớn một nhỏ bám một xe. Bà già, hai người một xe. Nhưng nhiều chuyến chỉ có một trẻ con hay một bà già lấy hết gân sức đẩy một xe xếp đầy những thùng vỏ chai cao sập đầu.

Tôi cứ phải nhìn rất lâu những đứa bé con gái nhom nhếch và những bà già gầy còm làm cu ly nọ. Hầu hết đều gầy gò đen nhẻm và rách rưới. Có mấy bà già che vuông khăn vải tây điều hay vải màn nhuộm nâu sùm sụp dưới khăn vuông, không rõ vì sợ nắng, vì đau mắt hay để che bụi. Sau tôi tò mò hỏi mấy người bán quà thì được biết có một bà đã gần mù và một bà thông manh, nếu để chủ biết thì bị đuổi, nên phải che vải, cố làm ra vẻ khoẻ mạnh mỗi khi thấy tiếng, thấy hơi của chủ!

Những trẻ con và bà già ốm yếu, bệnh tật lĩnh lương đã rẻ, làm cả ngày chỉ được một hào hay bảy tám xu, nhưng lại còn phải cho cai ăn mỗi thẻ một hay hai xu để được đi làm và làm đều... Đàn ông, trai gộc thì đẩy thùng. Chỉ có ít người thôi. Hình như việc này lương cao, cai xếp biệt đãi, người làm phải thạo, phải khỏe mới được cắt vào chân ấy. Mỗi người một cái gậy con đẩy bôông bôông cồng cộc liền liền hai chiếc thùng gỗ to, đai sắt nối nhau lăn bên đường cứ như làm trò xiếc. Những năm tôi được lên học lớp trên, lúc đói rét và cả sau đây đỗ được bằng Sơ học Pháp Việt, ra Hải Phòng, đi các nơi các chốn mãi mà xin không được việc gì làm, tôi lại nghĩ đến việc đẩy thùng. Tôi đã cồn cào cả người tưởng tới một sự bất ngờ, tôi trở về... Nam Định xin được chân cu ly nhà máy chai, thì thật không còn hạnh phúc gì bằng!

Nhà máy chiếu cũng nhiều đàn bà con gái. Nhưng người làm ở đây gọn ghẽ, trẻ và vui. Nhìn vào những cỗ máy chạy sầm sập, những người đứng máy thoăn thoắt đôi tay, giữa trưa nắng chang chang dưới mái tôn nóng bỏng, không khí bụi mờ, các cửa sổ đều bưng lưới sắt... tôi cũng không khỏi nghĩ

ngợi vì được nghe những chuyện hãm hiếp, ăn lễ, ăn bớt, nhất là cách đối xử với những người đàn bà con gái bụng mang dạ chửa, hiền lành và có nhan sắc cứ phải sống chết bám lấy nhà máy.

Khu gia đình tôi ở cũng hầu hết là người nghèo túng. Có thể gọi đây là một xóm. Nó gồm có một gia đình Hoa kiều, chồng chuyên nghề bán cháo quẩy, chè đỗ xanh, chè vừng, vợ làm nghề bán canh bún, bún riêu. Nhà đã đông con, chuyến đẻ sau cùng lại sinh đôi, hai thằng bé rất bụ, bú rất phàm. Mấy nơi hiếm và giàu có đánh tiếng nhờ người đến mua một hay cả hai đứa bé càng tốt, nhưng vợ chồng chú S. nhất định không chịu bán, cứ giữ con, nuôi toàn bằng nước cơm nước cháo, có khi cho ăn cả nhá nhót. Một gia đình làm hàng phở và bánh cuốn có người em trai làm thợ nề. Một gia đình chồng đi kéo xe, vợ đi đội than. Còn lại là mấy gia đình công giáo vùng biển bị bão lụt và đói kém, không có ruộng bãi gì cả, kéo hết một chi họ lên tỉnh chuyên nghề gánh nước thuê, nghĩa là sống chỉ bằng có đôi thùng sắt tây. Mấy gia đình này cũng đông người, cũng lắm trẻ con. Rách rưới, ăn uống cơm niêu nước lọ, chạy gạo từng bữa và ăn nói giữ gìn, mua sắm rất chặt chẽ. Nhất là mấy nhà có cha mẹ già.

Hình như cả ngày họ đọc kinh. Sáng dậy, đọc kinh từ lúc còn tối đất. Trưa ngủ dậy, đọc kinh. Tối, trước khi đi ngủ, đọc kinh. Hai bữa ăn, mọi nhà thường chỉ làm dấu cám ơn và xin phép Chúa, thì họ cũng đọc kinh. Giọng rền rĩ, nghe ban đêm trong nhà không thắp đèn và những buổi trưa gió bão ù ù, sao mà buồn thảm! Lúc nào, câu mở đầu của họ cũng là: ơn Bề trên, ơn Chúa, lạy Chúa, ăn mày Chúa, cầu xin Chúa, sáng danh Chúa, sáng danh Cha cả, ơn Đức Mẹ, xin Đức Mẹ và Giê-su-ma lạy Chúa tôi... Giê-su-ma lạy Chúa con...

Bác gái nhà hàng phở và thím S, bán bún riêu bán cháo thì khác hẳn. Nói tục còn hơn đàn ông và văng "đếch" cả với giời! Luôn luôn tôi thấy hai người chửi bọn đội xếp, bọn lấy vé chợ và chửi cả những nghị viên nghị hòn, mồm

miệng làm sao mà cứ như ngậm hột thị, đã chẳng biết và chẳng chịu nói năng gì để giảm bớt thuế vé cho dân, lại cứ gật bừa đi với các bố nọ, ông kia để cùng sung sướng cái thân cái đời!...

Cuối năm 1930 sang 1931, 1932, những tin về cuộc "phiến loạn cộng sản" ở Nghệ An và những hoạt động cộng sản ở Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố khác, ở hầm mỏ, nhà quê... cứ một ngày một nhiều, một dồn dập thêm. Trong các vụ xử án, các báo phải đăng cả những câu hô khẩu hiệu như "Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm" hay "đả đảo quan tòa, đả đảo chính phủ" của những người cộng sản ra đứng trước vành móng ngựa. Nhiều chi tiết khác cũng ghê lạ quá sức, như tung cờ, rải truyền đơn, mà không biết làm thế nào, họ ở trong tù, bị khám xét cấm đoán nghiêm ngặt đến như thế, mà vẫn có và mang ra ngoài được? Rồi cả vượt ngục nữa!!!

Toàn những án khổ sai, cầm cố. Từ mười năm, hai mươi năm đến chung thân và án chém. Nguyễn Đức Cảnh bị chém ở Hải Phòng. Lý Tự Trọng hay Trọng con (những người thường phạm còn gọi là Ông Nhỏ hay ông Tám Hui) bị chém ở Sài Gòn.

Cũng không hiểu từ sách nào, báo nào hay từ ai mà những: Nước Nga cộng sản, Thế giới đại đồng, Đời sống làm ăn sung sướng như nhau, Cách mạng cộng sản, Tiến lên chủ nghĩa xã hội... đã không những chỉ thành chữ mà còn thành những hình ảnh, những ấn tượng trong tâm trí tôi nữa!

Thế là bên cạnh những Tôn Ngộ Không, Na Tra, Trương Phi, Triệu Tử Long, Lỗ Trí Thâm, Lâm Xung, Lý Quỳ... Những Ngô Quyền, vua Bố Cái, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Dã Tượng, Yết Kiêu, Trần Quốc Toản... bên cạnh những Hoa Quả Sơn, Lương Sơn Bạc, rừng Yên Thế, Vườn Trầu Nam Kỳ và các núi rừng, sông biển xa xôi hiểm trở của cái tủ tiểu thuyết và của cái đầu óc giàu sự mơ tưởng là tôi ấy... nay lại chất ngất thêm bao nhiêu hình tượng, vang dội thêm bao nhiêu tiếng gọi.

Những hình tượng và những tiếng gọi vẫn đầy bí ẩn, đầy thơ mộng và thật là mới lạ, đã gợi dậy cho tôi biết bao ý nghĩa cao quý và kỳ hùng mà tôi chỉ mới cảm thấy một cách ngây dại về Tổ quốc, về xã hội và đời sống.

... Tôi vẫn đến trường học bằng tất cả những quãng đường thương yêu nhiều kỷ niệm nhất, vẫn tìm những gốc cây, những bụi rậm đọc sách, đọc báo một mình, vẫn bữa no bữa đói, bữa nhịn mà so sánh, nghĩ ngợi về bao nhiêu điều bất công, bao nhiêu sự trái ngược, bao nhiêu nỗi tủi nhục, đau xót, bao nhiêu cảnh nghèo hèn, buồn thảm ở ngay cùng nhà tôi, ở chung quanh tôi và khắp nơi khắp chốn bấy giờ.

Đứa bé mồ côi mười hai tuổi ấy vì thế lại càng mơ ước và khao khát. Không phải chỉ là được no ấm mà phải còn được thêm những sự công bằng, sự tươi sáng, những sự thiêng liêng, sự cao quý phải thật và đúng như ý nghĩa của nó! Và phải làm sao, phải tìm cách nào để được có, được hưởng thật, và đúng như thế.

## CHƯƠNG V

## NHỮNG BÀI THƠ TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG

Con cò mày đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

Ông ơi ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng...

Phải! Những cánh cò đó đã chới với, chao liệng suốt tuổi thơ tôi, trong khi ấy, một màu trắng và một làn hương cùng nhau ẩn hiện trong trí tưởng tôi: màu trắng và hương hoa sen tươi mát vô ngần.

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhị vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Nếu như tôi không nhớ sai, thì tám câu thơ đó ở trong sách tập đọc quốc văn lớp đồng ấu, gọi nôm là lớp bét, hay lớp dự bị, gọi nôm là lớp tư của chúng tôi ngày xưa. Cho đến bây giờ tôi cũng không thể nhớ lại hay phân tích nổi rằng tôi đã thuộc trước khi đọc, khi học, hay đọc và học rồi mới thuộc. Cũng như tôi không thể nhớ lại và phân tích nổi, tôi đã thuộc bằng mắt hay bằng ngân nga với những dòng chữ, nhìn những nét vẽ ngây dại thô sơ, hay bằng cả tưởng tượng nữa.

Trường tôi học mấy năm sơ đẳng ấy đặt với tên một viên quan Tây, nó vừa lòng thòng, vừa lủng củng, ngay cả những học trò trường Thành chung hay viết thạo tiếng Pháp khi đọc cũng thấy vất vả: Bờ-ri-e-rơ đờ lít-tơ (28). Mọi người và chúng tôi đều gọi là trường Gốc Ngái. Đúng là một cây ngái, lá to, quả nhiều, cội đã già trông cứ như mình rắn trăn, mình cá sấu. Cây ở phía trước mặt trường, bên cạnh có một cây găng cũng cổ thụ và xum xuê. Một cái miếu to như một ngôi đền, ngày càng xây thêm các thứ bệ, các thứ vòm, với các thứ khám thờ đầy những bát hương, bình hoa, mâm bồng, chân nến và các tranh, các tượng hổ xám, hổ vàng, hổ xanh, hổ trắng, hổ đen, hổ đỏ của khách thập phương đua nhau quyên cúng mở mang vì sự linh thiêng nơi đây. Vốn khu này đã xa các phố chính, phố buôn bán, lại có một cái miếu và hai cái cây, nhiều cả ma lẫn thần thánh nổi tiếng như thế, nên đêm đêm càng vắng. Và càng vắng thì lại càng kích thích cái bọn học trò tợn tạo chúng tôi bày đủ các trò, tìm đủ các cách, nghĩ đủ mọi mưu mẹo để nghịch ngợm phá phách. Nhất là để trêu tròng, báng bổ mấy thầy cúng, cung văn và người coi miếu đã coi chúng tôi hơn cả giặc, cả quỷ!

---

(28) Brière de l'isle.

Khoảng hai ba năm đầu tôi học ở đây, thành phố khởi công xây cái bể chứa nước trên khu đất hoang trước trường học và đằng sau miếu Gốc Ngái. Những buổi êm ả, tôi phải nghe cả hai tai hai thứ tiếng khác ngược hẳn nhau. Một bên là những tiếng chập choeng đàn phách ríu rít, chầu văn thánh thót, mê quyến. Một bên là những tiếng búa sắt máy nện ình ình rung chuyển cả mặt đất đóng những cọc bê tông to làm chân móng. Và mắt tôi cũng phải chia ra mà trông, một bên là những cột bê tông ngày càng vút lên sừng sững như để chống trời, mây trắng nhiều lúc bay qua tưởng như bị xé ra, bị chặn lại. Một bên là những làn khói vàng hương chập chờn trên ngọn cây qua những đám lá xanh rì.

Tôi ngắm trông và lắng nghe như thế để rồi lại dần dần trông và nghe cả một đầm sen toàn sen trắng hiện ra với các thứ tiếng gió, tiếng sáo diều, tiếng chim, và man mát không chỉ là hương sen, mà cả mùi lá sen khô, mùi ngó sen ngọt xớt và mùi nhị sen bùi bùi đăng đắng. Rồi cánh cò lại dập dờn bay liệng. Một chân trời mở ra vừa lúa xanh vừa lũy tre long lanh sương khuya và nắng xuân, đón hết lớp cò này tiếp đàn cò khác bay đến.

Nhưng ô kìa! Sao giữa ban ngày nắng to mà trời cứ tối dần thế này, và, không còn cảnh mùa xuân nữa! Đêm vừa mưa vừa gió. Gió thổi các cành tre vặn mình răng rắc, đập vào nhau ào ào. Cả đầm sen và cánh đồng đen lại hơn mực trong mưa. Đúng, một con cò lướt sướt, gầy xương, đang lóp ngóp. Nó đang gánh gạo đưa chồng hay kiếm cái tôm cái tép cho con?

Ông ơi! Ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng

Có xáo thì xáo nước trong

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con!...

Ông chài, ông câu hay ông soi cá nào kia! Con cò của tôi đấy! Con cò mẹ đang có mấy con đấy! Nó đang phải nuôi mấy con và cũng lại đang có mang đấy!... Ông mau mau vớt cò lên! Mà ông ơi! Ông đừng để cò van vỉ nữa! Nghe sao mà thương! Đứt gan đứt ruột người đây! Tôi sẽ mua thịt mua cá ở chợ về đổi cho ông! Ông đừng có xáo cò mẹ ông ơi!...

Càng thấy tiếng ve ran và hoa xoan tây đỏ rực, càng ở trong lớp, cố không cho mắt ríu lại, thì càng thấy những làn gió thổi rung rung những bông sen trắng và đưa thoáng hương thơm càng như ru như vuốt tâm trí.

Phố tôi có nhiều cửa hàng cau và mấy nhà viên chức nhỏ. Đến mùa này, nhà nào nhà nấy phải nói là ngập trong hoa sen. Bà già, trẻ con, khách đến chơi, người mua hàng, người nghỉ chân tránh nắng... đều ngồi trên hoa mà tỉa nhị để ướp chè mạn, tranh thủ bán tháng hè và cũng để nhà uống. Nhiều đứa bé cởi truồng, tóc cun cút, trái đào hay kiểu mới Nhật Bản, tập tênh tênh, chạy chập chững, bò bò toài toài, cứ lổm ngổm giữa các đống cánh hoa cao có chỗ ngập đầu chúng. Những đứa lớn thì ú tim và đuổi bắt nhau chạy trốn trong cánh hoa và ném nhau, quật nhau với các gương sen, cuộng sen...

Tôi lại càng nhớ đến Na Tra. Tôi cùng Na Tra không bơi nghịch ở Đông Hải mà ở một đầm sen giữa cánh đồng, vừa tắm, vừa bắt cá đuôi cờ, vừa mò ốc, thỉnh thoảng lại lên bờ, đu lên những cây vối, cây si, nằm trên những cành thia lia mặt nước. Rồi tẽ những gương sen mà ăn nhân non.

Trong một năm lớp đồng ấu và hai năm lớp dự bị, tôi chỉ nhớ được hai bài tập đọc học thành thuộc lòng ấy, ngoài bài: "Công cha như núi Thái Sơn". Lên được lớp sơ đẳng, tôi còn phải học thêm cả tiếng Pháp, chữ Pháp, với những bài tập đọc và học thuộc lòng của người Pháp viết. Cứ đến giờ "Fờ-

răng-se" này tôi lại lo như một kẻ sắp lên buồng tra của sở mật thám hay ra tòa xử tội. Bởi vậy, những bài học tiếng ta càng thêm vui thích sung sướng, tay các bài này dài hơn, nhiều hơn, nhưng lại rất dễ đối với tôi, và càng làm tôi mê sách mê truyện, nghĩa là càng thích mơ mộng, thơ thẩn.

Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn trông sao sao mờ...

Cảnh minh họa trong bài học có bóng một người đội khăn, mặc áo dài, chắp tay sau lưng, quay mặt trông trời lấp lánh sao, bên cái cầu rửa ở bờ ao tối mờ mờ.

Có lúc tôi đã nghĩ đây là một người quen thật của tôi, có thể là họ hàng ruột thịt kiếm ăn ở một phương xa đang hướng về cố hương:

Buồn trông con nhện chăng tơ

Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai?

Tôi chỉ lơ mơ nghe thầy giáo giảng các nghĩa, các ý và so sánh hình tượng. Tất cả tâm trí và mắt nhìn của tôi càng như dính vào mạng tơ rung rung trước gió với một con nhện lơ lửng giữa khoảng không đang giơ giơ càng, vừa ra vẻ nghển trông, vừa ra vẻ vờn đón, ngạc nhiên và thất vọng. Tiếng gió khuya vu vu. Và chính bóng người chỉ thấy đầu đội khăn, tay chắp sau lưng mà không thấy mặt kia, đang nấc lên mà gọi trời, gọi sao, gọi nhện.

Đêm đêm tưởng dải Ngân hà

Chuôi sao Tinh Đẩu đã ba năm tròn...

Thì ra cái vùng sao như cát, như thủy tinh vãi kia ở trong tranh minh họa là dải Ngân hà? A! Sông Ngân! Sông Ngân! Thế là con sông điển tích mà tôi

được biết bấy lâu, hàng năm cứ đến tháng bảy thì có một đôi vợ chồng tên là Ngưu Lang và Chức Nữ được quá giang gặp nhau, và chỉ được gặp nhau có một ngày thôi ấy, lại chính là con sông có một người không có tên nhưng tôi lại thấy quen quen và thân thương, đang ngước mặt lên trông ngắm mà nhớ thương, mà mong đợi. Mong đợi và nhớ thương không tả rõ là ai, là đâu, là gì, mà sao vẫn thấy có một người, có một nơi, có một tình, có một cảnh, vừa man mác, vừa bâng khuâng, vừa da diết vô cùng.

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ.

Lại con sông Tào Khê này nữa! Hơn bốn mươi năm sau đấy, tôi đã được tới đứng trên bờ phù sa của nó mà trông trời mây sông nước rồi cả sao khuya. Sông Tào Khê vắt qua huyện Quế Võ tỉnh Hà Bắc, thông ra sông Cầu, nhỏ hẹp thôi, nhưng cũng chảy xiết lòng người, khiến những ai kia đã phải nghẹn ngào:

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

mà nói với sông:

- Ôi! Tào Khê! Nước Tào Khê làm đá mòn đấy! Nhưng lòng nước Tào Khê không bao giờ cạn chính là lòng chung thủy của ta!

Vì nhớ mà buồn, một bài không phải học kỹ mà cũng thuộc lòng ngay, cả nhiều bạn tôi xưa cũng thấy như thế.

Cũng năm lớp sơ đẳng, tôi còn nhớ bài này nữa và nó còn đưa trí tưởng đến những người và cảnh lạ hơn, xa hơn: Lính thú đời xưa:

Ngang lưng thì thắt bao vàng

Đầu đội nón dấu, vai mang súng dài

Một tay thì cắp hỏa mai

Một tay cắp giáo, quan sai xuống thuyền...

Cái người lính không có hồn của cỗ bài tam cúc mà tôi mê mải cay cú chơi cả ngày cả đêm với những người lớn suốt tháng Chạp, tết, sang cả tháng Giêng, tháng hai lúc trước kia, bỗng khác lạ hẳn! Tôi thấy họ thật là người sống, đi đi lại lại, ngoài những nón dấu, bao đạn, giáo và súng hỏa mai, xóc xách, lích kích trên người, lại còn thêm bao nhiêu thứ ở chung quanh, mà thứ nào cũng làm tôi phải suy nghĩ. Nhất là vẻ mặt, dáng người và sự lặng lẽ. Lặng lẽ không phải vì trong thơ, trong bài tập đọc không thấy có câu nào của họ nói, hay ở hình vẽ họ không thấy lắp bắp cái miệng. Đứng bên họ, có người vợ hẳn hoi, và là một người nhà quê rất thân thuộc, chít khăn, mặc yếm, áo nâu thắt vạt, tay bế một đứa bé lên hai lên ba, thằng này nhoài người ra với bố.

Thùng thùng trống đánh ngũ liên

Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa...

Tuy chỉ có hai tiếng "thùng thùng" trong một câu sáu chữ, nhưng tôi thấy âm vang rộn rực cả người, con sông cùng bến thuyền như sắp nhấp nhô cả lên. Và không thấy nét gì là châu lệ trên cả mặt người chồng và người vợ, tôi cũng vẫn nghe thấy tiếng òa khóc. Còn trên thuyền quan lúc bấy giờ, chỉ có mấy hình vẽ tí teo một người lính thúc trống và mấy người lính vác giáo đứng leo heo nhìn lên bờ, cũng không được tả mặt mày, thì lại càng làm cảnh xuống thuyền ảm đạm hơn.

"Nước mắt như mưa...". Tôi đã hỏi ai khóc như thế lúc bấy giờ? Chỉ có vợ chồng người lính thú hay cả mấy người lính trên thuyền? Và sao họ ra đi,

chia tay nhau buồn thảm như thế?

Ba năm trấn thủ lưu đồn

Ngày thời canh điếm, tối dồn việc quan

Chém tre đẵn gỗ trên ngàn

Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai...

Lúc còn bé, tôi được nghe bà tôi cho biết mấy điều về lính đi thú. Sau đây, đọc sách, tôi lại được biết thêm vài nét cả về quan đi thú. Là quan thì phần nhiều bị giáng chức vì lỗi nặng, hoặc cũng có thể vì bị gièm pha ganh ghét, kèn cựa. Là lính thú thì hầu hết là nghèo hèn, không có tiền lễ lạt chạy chọt và cũng không dựa dẫm được vào cửa thần thế nào.

Làm thì như thế đấy. Còn ăn:

Miệng ăn măng trúc măng mai

Những giang cùng nứa biết ai bạn cùng...

Đi lên những chốn rừng thiêng nước độc, sống như thế thì cũng chẳng hơn mấy những kẻ tù tội, lưu xứ hay đi đày ở các đồn các trại của họ. Bởi vậy họ càng khao khát và đã cố tự an ủi mình với câu cuối cùng này:

Nước giếng trong con cá nó vẫy vùng.

Sao? Sao lại là nước giếng trong? Sao lại cần đến nước giếng trong? Và sao lại là "con cá nó vẫy vùng"?

1882, Hoàng Hoa Thám và nông dân Yên Thế khởi sự chống Pháp. 1909, đồn Phồn Xương, doanh trại của nghĩa quân bị phá.

1913, cụ Đề Thám bị mưu hại.

1917, Đội Cấn và các binh lính Việt Nam và các tù án nặng trong đó có cụ Lương Ngọc Quyến và một số nghĩa quân cũ của Đề Thám nổi dậy cướp đồn, phá đề lao, đánh chiếm Thái Nguyên, chống lại rất quyết liệt với quân quan của chính phủ Pháp bảo hộ.

Mấy chuyện chống Pháp oanh liệt trước ngày tôi đẻ không xa, bà nội tôi thỉnh thoảng lại kín kín hở hở kể cho tôi nghe, làm ly kỳ bí mật thêm, có đoạn thành như giai thoại. Hay tôi cũng được nghe kiểu như thế trong những câu chuyện của những khách hàng ăn cơm ngủ trọ ở nhà tôi, và của cả một vài ông bạn rất lạ ở những đâu xa lắm, và đi nhiều nơi lắm, thỉnh thoảng mới lại về ghé chơi với cha tôi một hai đêm.

Tôi đã xuống chiếc thuyền quan với những người lính thú ấy. Tôi cùng họ ngược lên những vùng rừng núi chưa bao giờ được nghe nói đến, hay trái lại, cứ mỗi lần thấy nhắc đến tên thì lại càng thấy xa xôi, hiểm trở, bí mật, dữ dội. Tôi theo họ đi khiêng gỗ, vác nứa và kiếm măng trúc, măng mai. Bên cạnh chúng tôi có cả những người nhà pha đóng xiềng dòng từ cổ xuống hai chân. Họ đã thành những lính khố xanh, khố đỏ cùng những người tù rạc phần đông là nông dân nghèo đói cùng cực quá phải làm liều; những người tù chính họ canh gác và đóng xiềng nọ ngày đêm nghe ngóng vì tin rằng tất cả những vị thủ lĩnh yêu nước như các cụ Đề Thám, Đội Cấn, Lương Ngọc Quyến vẫn còn sống và đang mưu đồ việc nước. Ngày ấy đã đến. Họ đã phá đồn, phá trại, phá ngục thất, kéo nhau nhập vào quân của cụ Đề Thám, của ông Đội Cấn kéo cờ nghĩa mà "nước giếng trong con cá nó vẫy vùng".

Lại những đoạn phim chiếu cuồn cuộn, bừng bừng trong trí tưởng tôi! Lại những trang tiểu thuyết vào loại Tiếng sấm đêm đông, Châu chấu đá xe mở ra dồn dồn trước mắt tôi trong những tiếng thùng thùng trống đánh ngũ liên không phải giục người đi thú mà gióng lên để tế cờ, đốc quân xuất trận...

Đã bao năm, rừng núi và biển cả đã cuốn hút trí tưởng tôi. Biển cả thì có những Đông Hải long vương, Thủy Tinh cung, cá kình, thiên ngưu, hải mã và một thứ ngọc thần, ai mang được nó trong người đi xuống nước, thì nước phải rẽ ra, như đi trên mặt đất. Rừng thì âm u, cây cao chấm mây, rậm rạp, chằng chịt dây gai, không để lọt ánh mặt trời, hổ, báo, rắn độc không cho một ai vào đây sống nổi. Cửa rừng lại có một bà chúa không có đền, có miếu thờ, chỉ ở một hốc cây hay hòn đá, nhưng bất kỳ ai qua đây mà hơi có ý phạm thượng thôi cũng bị làm chết ngay. Những thợ sơn tràng, những người kiếm củi, kiếm nấm hương, mộc nhĩ, mật ong... được làm ăn, sống hay chết, đều do bà quyết định. Còn núi, núi lớp lớp, tầng tầng, và thường nổi lên một ngọn cao nhất lẩn trong mây trời, ở đây đóng một sơn trại tụ tập các tay hảo hán võ nghệ cao cường, bộ hạ hàng ngàn người vong mệnh chia nhau trấn giữ, rình đợi ở các quãng hiểm trở, sẵn sàng đánh nhau với triều đình vua quan thối nát.

Giữa lúc tôi nghĩ và tưởng tượng như thế, Bà Huyện Thanh Quan đã đưa tôi đến Đèo Ngang. Đến Đèo Ngang đúng vào buổi chiều tà chỉ có hai người trên đỉnh đèo mà ngắm cảnh:

Cỏ cây chen đá lá chen hoa...

Ngày trước tôi đã nghe mấy người thích ngâm vịnh thơ, đến câu này, họ thường tranh luận với nhau đại ý như sau: Bà Huyện nhà ta tả cảnh không thật, không đúng, vì cỏ cây chen đá thì được, chứ lá chen hoa thì phi lý. Hoa gì mà lại nhiều, lại rậm đến lá phải chen? Tôi còn bé, không được phép góp nhời vào những cuộc đấu khẩu, đấu trí về văn chương chữ nghĩa của những người lớn này. Nhưng tôi cứ thấy Bà Huyện Thanh Quan đúng và thơ bà cứ hay, mà tôi không thể phân tích và cũng không muốn phân tích.

Tới năm gần đây, trên một quả đồi của Yên Thế, nhà tôi có trồng thêm mấy gốc đào, gốc mận, gốc ổi, ngoài mấy bụi tre. Được hai năm, rồi ba năm, những gốc mận bắt đầu bói. Đến năm thứ tư, rồi thứ năm, thứ sáu, cây vừa to

vừa cao xum xuê, hoa nở rất tốt. Đến giữa năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt đầu xuân 1967, một chuyến đi công tác về còn cách nhà khoảng mấy cánh đồng, tôi trông lên bỗng ngạc nhiên, hồi hộp vô cùng. Một màu trắng tuyết hiện lên trên đỉnh đồi phơi phới ở cả trong vườn và chung quanh nhà tôi. Hoa mận! Hoa mận nở rộ. Rồi bữa cơm hôm ấy ngồi trong nhà nhìn ra, nhiều lúc nắng rực, tôi như lóa mắt vì các cây mận sáng lên, tựa hồ có hàng vạn ngọn đèn treo bật lên với những tua pha lê, còn dưới đất thì cánh hoa che hết như trải đăng ten hay một thứ vụn bánh gì có thể ăn được.

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi...

Chỉ mới là một khoảng vườn mận đấy thôi, chứ là một rừng mai thì còn đẹp biết bao! Ngàn mai trắng xóa, gió xuân lạnh lùng từng cơn, từng cơn thổi dài, và có những cánh chim bay qua. Những cánh chim cũng giang hồ lữ thứ...

Rồi tôi được trông ra biển và nghe biển sóng của Nguyễn Du:

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu...

Thêm một lần nữa tôi được thấy cái đẹp. Cái đẹp với bao nhiêu vẻ mà tôi cũng không thể phân tích sâu cũng như so sánh kỹ với những thứ khác.

Tôi không chỉ được hưởng cái đẹp mà mắt tôi có thể nhìn thấy, mà còn cả những cái đẹp tôi tưởng tượng ra và suy nghĩ thêm. Cái đẹp của cảnh vật hình như là phụ. Chính là cái đẹp của sâu xa, của vời vợi, của tuyệt vời trong nỗi nhớ, lòng thương và tình yêu - cái đẹp của Người:

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Và chạnh nghĩ:

Sân lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm

Khiến người nghe hình như trẻ lại thì sự tiếp nhận lại càng linh diệu.

Tới đây tôi xin phép trở lại thêm với một bài tập đọc lớp sơ đẳng của tôi: Thác Khôn.

Hoàn toàn tôi không còn nhớ được một đoạn hay một câu trong bài này, cũng như không biết của ai soạn, ai trích. Hình vẽ cũng bình thường chứ không có núi cao chất ngất, rừng phủ âm u và suối khe cheo leo hiểm trở như của những tranh thủy mạc Trung Quốc hay tranh Tây, in ở các báo ảnh màu. Lời văn cũng thế, không có sự chau chuốt, nhịp nhàng, hoa mỹ như một số bài văn tả cảnh thời bấy giờ. Nhưng lạ thay, tôi vẫn cứ phải bâng khuâng, tâm trí cứ bị hút đi với những chữ, những cảnh của Nó. Thác Khôn của sông Mê Kông. Sông Mê Kông chảy qua Lào, Cao Miên rồi đổ ra biển với chín cửa, chín con sông, gọi là Cửu Long Giang của đất Nam Kỳ, cách tỉnh Nam Định của tôi gần hai ngàn cây số. Thác Khôn nổi tiếng của sông Mê Kông, không phải không xa xôi, không lạ lùng đối với tôi! Vậy mà sao tôi thấy tôi có thể đến với Nó, nhập vào Nó, muốn ngồi với Nó rất lâu mà ngắm trông, mơ tưởng, suy nghĩ về cái được truyền tụng là đẹp của Nó và của dòng sông Mê Kông đẻ ra Nó kia... Thác Khôn! Thác Khôn! Và để rồi đến năm1954-1955, tôi đã làm và làm được bài thơ Cửu Long Giang ta ơi!, coi như bài thơ đầu tay của tôi. Mặc dù đến tận năm này tôi cũng vẫn chưa được đến với những nơi kia!...

Đây Mê Kông và Cửu Long Giang của tuổi thơ tôi.

Đây Mê Kông và Cửu Long Giang của Người, Thác Khôn à!

Ngày xưa ta đi học

Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu

Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ

Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ

Bản đồ mới, tường vôi cũng mới

Thầy giáo lớn sao, thước bảng cũng lớn sao

Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ

Đưa ta đi sông núi tuyệt vời.

Tim đập mạnh hồn ngây không sao hiểu

Mê Kông sông dài hơn hai ngàn cây số

mông mênh

Nguồn tự Trung Hoa có Vạn Lý Trường Thành

Có Hy Mã Lạp Sơn, Động Đình Hồ, Tây du,

Thủy hử

Mê Kông chảy

Cây lao đá đổ

Lan hoang, dứa mật, thông nhựa lên hương

Những trưa hè ngun ngút nắng Trường Sơn.

Ngẫm nghĩ voi đi

Thác Khôn cười trắng xóa

Rừng Lào - Miên rộng quá

Dân Lào - Miên mến yêu

Xôi nếp, nước trong sẵn sàng chia bạn đói

Ta đi... bản đồ không nhìn nữa...

Sáng mùa thu lại còn bướm với trời xanh

Trúc đào tươi, chim khuyên rỉa cánh,

sương đọng long lanh.

Ta cởi áo lội dòng sông ta hát

Mê Kông chảy, Mê Kông cùng hát

Rừng núi lùi xa

Đất phẳng thở chan hòa

Sóng tỏa chân trời buồm trắng.

Nam Bộ

Nam Bộ

Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi váng...

Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa

Bến nước Mê Kông tôm cá ngợp thuyền

Sầu riêng thơm dậy đất Thủ Biên

Suối mát giội trong lòng dừa trĩu quả.

Mê Kông quặn đẻ

Chín nhánh sông vàng

Hồn Nam Bộ kim cương

Nông dân Nam Bộ gối đất nằm sương

Mồ hôi vã bãi lầy thành đồng lúa

Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa

Những Hà Tiên, Gia Định, Long Châu

Những Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau

Những mặt đất

Cha ông ta nhắm mắt

Truyền cháu con không bao giờ chia cắt.

Ta đã lớn

Thầy giáo già đã khuất

Thước bảng to nay thành cán cờ sao

Những tên làm man mác tuổi thơ xưa

Đã thấm máu của bao hồn bất tử

Những Minh Khai, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong,

Trần Phú

Những bông hoa dân tộc anh hùng

Mười sáu tuổi xanh xanh

Em Đuốc Sống đốt mình phá tan kho đạn giặc

Võ Thị Sáu vành răng cắn chặt

Giữ trung trinh cho đến phút cuối cùng

Đạn giặc xuyên lỗ chỗ ngực măng non

Đỏ thắm nụ cười

Chào Bác Hồ và Việt Nam bất diệt.

Đêm nay

Cửu Long Giang vẫn âm vang sóng cát

Sao khuya lấp lánh

Lửa chài thức sáng, nhịp hát hò ơ

Đồng Tháp xa đưa những tiếng mẹ ru

Hồ Chí Minh thành ca dao bát ngát...

Quê ngoại tôi ở làng Phù Long. Làng Phù Long chung đồng chung bãi với làng Vị Xuyên. Và cả chung chợ nữa: chợ Vị Hoàng. Con sông Vị chảy trước mặt chợ, qua đường phố Hàng Cót vòng ra sau phố Hàng Nâu. Nhà thi sĩ Tú Xương ở phố Hàng Nâu. Năm năm, cứ đến ngày tết, từ phố Hàng Cau chôn rau cắt rốn của tôi lên nhà bà ngoại tôi, mẹ tôi thường thuê xe kéo cho anh em tôi lên Phù Long mừng tuổi họ ngoại. Cái vinh hạnh bưng quả sơn son đựng một chục cam, một chục cau và một cân kẹo Sừa Châu là phần tôi. Cũng vì tôi là anh, cũng vì bưng quả đồ lễ này tôi được phong bao nhiều hơn em gái tôi. Thường thường là hai hay ba xu, xu đồng đỏ ối, cạnh và chữ còn sắc, đề ngay cái năm 1923, 1925 hay 1928, gói bằng miếng giấy hồng điều rất vuông vức.

Ngày ấy tôi chưa biết gì về nhà thơ Tú Xương. Nhưng cái phố quê hương của thi sĩ vẫn có một vẻ gì đặc biệt, làm tôi hồi hộp, u hoài một cách lạ. Những dãy nhà ở đây cũng cổ kính như mấy dãy nhà các phố xưa của Hà Nội. Đã thế lại là những cửa hàng bán toàn những thứ rất thân thuộc, như song, mây, mâm bát, nâu, vỏ, từ cách bày hàng đến đồ đạc và người trong nhà, trông cứ như ở tranh vẽ hay chuyện kể từ đời Cảnh Hưng hay xa xưa hơn nữa. Ngoài ra còn một hiệu bánh khảo nổi tiếng vì ngon, tinh khiết, không bao giờ đơn sai và được coi là gia đình nền nếp: hiệu H.T.

Tôi ôm cái quả sơn, đầy một lòng, tấm áo mới may bằng hàng tô bóng có hoa chìm lại càng đẹp thêm, quý thêm, của tôi thêm! Những tranh tiền tài tiền lộc, những câu đối, những vuông giấy hồng điều nền kim sa chữ đen ánh, những xác pháo, những hình cung tên và bàn cờ kẻ vẽ bằng vôi trắng tinh ở trước hè, bực thềm, những cành nêu leng keng trong những vườn nhà ở sâu phía trong..., tất cả những thứ đó ở quãng phố Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Cót lên đến nhà bà ngoại tôi, cũng đều khác hẳn, có vẻ tết hơn những thứ như thế ở phố Bôn-be, phố Khách, phố Máy Tơ, Ngã Sáu...

Lắng lặng mà nghe nó chúc nhau.

Từng khúc bốn câu của bài thơ về Tết của Tú Xương, cứ từng năm từng năm trước những ngày Tết và sau những ngày Tết, đã trở lại trong trí nhớ tôi và ngân lên bằng một giọng sang sảng, nghe sao mà thấy chua chát, buồn bực, day dứt và rất lạ, khác hẳn các thơ khác, mặc dầu người nghe và thuộc lòng nó là tôi chỉ mới lên tám, lên chín tuổi.

Phải! Tôi chỉ được học có một bài thơ "Lắng lặng mà nghe nó chúc nhau" của Tú Xương qua sáu lớp và chín năm ở nhà trường tiểu học. - Tôi bị học đúp ba lần ba lớp! - Nhưng sao tôi cứ thấy có một sức gì nằng nặng ở trong tâm trí tôi với tác phẩm đó, và, tên tuổi Tú Xương cũng khác hẳn với bà Huyện Thanh Quan mà tôi vừa được cha tôi dạy truyền miệng, vừa được học ở nhà trường, nghe giảng kỹ hơn cả, và tôi ngâm nga luôn. Nhất là khi đọc bài đó, thầy giáo tuyệt nhiên không nói gì đến thân thế và sự nghiệp của nhà thơ. (Có phải vì thầy không nghiên cứu hay vì thầy không biết rõ chăng?). Đã thế, ngày đó, tôi lại gần như không được đọc một tập nào có nhiều thơ Tú Xương hay nghe nói một bài giới thiệu nào về Tú Xương cả.

Lắng lặng mà nghe nó chúc nhau...

Những tiếng súc sắc súc sẻ hay những tiếng đàn nhạc bát âm càng nhộn nhịp, ríu rít trong những ngày tết và ngày hội hè, khao vọng, đình đám vui xuân bao nhiêu, thì những khúc thơ lạ nọ càng lọng lên bên tai tôi, làm tôi thấy Tú Xương khác biệt, không thường, mà rất gần mình, rất là của mình...

Tôi cũng phải kể thêm rằng, tuy làng ngoại tôi ở ngay cạnh làng Vị Xuyên và tôi thường đi lại đường phố Hàng Nâu có nhà Tú Xương, nhưng tôi gần như không được một lần nào bà con hay khách khứa của cha mẹ tôi kể cho tôi biết một chuyện nhỏ về đời sống và văn thơ Tú Xương!...

1965, trong chuyến đi về Nam Định công tác với nhà thơ Tế Hanh, một đêm thành phố đang căng thẳng đón đánh máy bay giặc Mỹ đến bắn phá, đồng bào sơ tán gần hết, chúng tôi đã tìm đến gian nhà xưa của Tú Xương.

Anh bạn trẻ của quê hương Quảng Ngãi đã được cha đặt tên là Trần Tế Hanh để tỏ lòng yêu mến và phục tài nhà thơ Trần Tế Xương kiệt xuất của thành Nam kia, sau khi từ giã ngôi nhà cũ qua bao nhiêu cuộc biến thiên chỉ còn giữ được mấy bức tường và một tầng nhà nhỏ hẹp thắp sáng một ngọn đèn dầu lửa, anh đã ngùi ngùi bảo tôi rằng kỷ niệm dọc đường này sẽ là kỷ niệm sâu thẳm nhất của đời anh.

Tế Hanh ơi! Thế ra chỉ có Tế Hanh giữ kỷ niệm đó thôi ư? Còn tôi, cùng chôn rau cắt rốn với Tú Xương trên đất non Côi sông Vị này, cùng chứng kiến bao nhiêu nghịch cảnh, bao nhiêu đổi thay xé ruột sôi gan, rồi khi lên chín lên mười tuổi, tôi đã được học và học một bài thơ Tú Xương, vậy mà cho tới đêm ấy tôi mới được biết thật nhà và đến trước nhà của Tú Xương... như thế còn tôi, phải, còn tôi thì sao?!

Ngoài những bài được học truyền miệng từ lớp tư đến lớp nhất, tôi còn được học thơ của Nguyễn Khuyến. Nhưng, Nguyễn Khuyến cũng như Tú Xương, tôi hoàn toàn không được biết là ai, là như thế nào cả! Đã thế lại còn có những bài thơ của Nguyễn Khuyến chỉ thấy tên bài mà không đề tên tác giả, nên đến tận phút viết đoạn này, nếu không có những sách mới ra nghiên cứu và giới thiệu Nguyễn Khuyến, thì tôi vẫn cứ tưởng là thơ... của không biết ai!

Ông đứng làm chi đó hỡi ông?

Trơ trơ như đá vững như đồng

Trông ông mà ngán cho ông quá (29)

---

(29) Bản in của Nhà xuất bản Văn học:

Đêm ngày gìn giữ cho ai đó

Non nước đầy vơi có biết không!

Nước cạn non mòn có biết không?

Cả cô ruột tôi cũng thường đọc mấy câu thơ trên đây khiến tôi thuộc thêm.

Nếu như sắp đến Tết Trung thu, quang cảnh các phố Hàng Thiếc, Hàng Giấy, Hàng Đường, Hàng Vải Màn, Hàng Đàn và các chợ, các hiệu bánh ở rải rác trong thành phố đã làm tôi náo nức mong mỏi bao nhiêu, thì bài thơ Vịnh tiến sĩ giấy cũng góp phần như thế:

Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai

Cũng gọi ông nghè có kém ai

Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng

Nét son điểm rõ mặt văn khôi

Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ

Cái giá khoa danh ấy mới hời

Ghế chéo lọng xanh ngồi bảnh chọe

Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.

Những bài in trong sách giáo khoa (hình như mấy bài không đề tên tác giả) có năm chúng tôi tập đọc, có năm chúng tôi phải học thuộc lòng. Bài trên có tám câu, nhưng tôi chỉ nhớ có hai câu đầu và hai câu cuối. Tuy vậy, cứ mỗi lần đến tết Trung thu, thì tất cả ý và tứ của thơ Vịnh tiến sĩ giấy của Nguyễn Khuyến lại càng thấy rõ, thấy đúng thêm. Vì bàn cỗ nhà nào cũng bày ông tiến sĩ ấy! Đó là ở Nam Định chứ còn ở các thành phố khác thì tôi không dám nói chắc.

Các nhà giàu, nhất là những nhà buôn bán to, ở phố to, và đông con đông cháu, các cháu gái đẹp, gái đảm, gái tài... mặc dầu cỗ đã có những bánh mặt trăng, bánh nướng bằng cái sàng, cái nia, bày với không biết bao nhiêu thứ bánh khác và hoa quả, con giống, đèn các kiểu, các màu, đầy cả ba bốn mặt bàn kê từ trong nhà ra ngoài hè, nhưng vẫn phải có một ông tiến sĩ. Cũng như những nhà chỉ bày cỗ cho con một nải chuối, một quả bòng, mấy quả hồng, hai bát mía tiện ra từng đốt, bổ đôi, xếp thành hình tháp hay bày "to" hơn với một chiếc bánh nướng mỏng như bàn tay và một đôi oản như bánh khảo, thậm chí không có cả chuối, cả bòng, cả oản khảo nữa, thì cũng phải có một ông tiến sĩ!

Trên những bàn cỗ đúng là cỗ, ông ngồi nghênh ngang giữa tấm bánh to nhất, dưới bệ có các long, ly, quy, phượng bằng bột chầu, trên đầu treo các thứ đèn xếp, đèn ông sao, đèn thiềm thừ, cá vàng, cá bạc...

Những bàn cỗ nghèo thì bày ông cao hơn đĩa ngũ quả. Và nhà nghèo quá nữa thì ông ra tận bờ hè, bệ là hai hòn gạch, chẳng có bánh trái gì cả, cùng trông mặt trời ban ngày và mặt trăng ban đêm với mấy đứa bé mũi dãi ngoen nhờn, quần áo rách mướp, lúc đầu rất ghê, tranh nhau khiêng ông, kiệu ông, rước ông, sau thì bỏ mặc ông, trơ trỏng ở đầu hè, xúm nhau chí chóe ăn ốc vặn khêu bằng gai chanh, gai bưởi ở giữa sân trăng, đoạn đưa nhau đi chơi chỗ khác, để ông ở lại với đứa lành nhất, sợ sệt nhất, hay cũng là hạng dở hơi dở hám nhất, là "thần giữ của" trong nhà!...

Còn ông tiến sĩ thì đều một kiểu. Mặt bằng đất thó hồ bột và vôi trắng phếch, lông mày như sợi chỉ, lim dim vừa ra vẻ thú vị, vừa ra vẻ mô phạm. Mũ cánh chuồn. Áo thụng và đủ cả cân đai, cờ biển trên người, trước mặt và sau lưng. Tất cả bằng nứa phất giấy. Nếu đặt cập kênh hay bị gió thổi mạnh là đổ kềnh... Nghe đâu có mấy nhà giàu đã bàn với nhau đặt làm ông tiến sĩ ở bên Tàu hay bên Tây, phỏng theo ảnh của cố ông nội, cố ông ngoại, ngày xưa cũng đỗ tiến sĩ, nhưng khi bày cỗ thấy như thế thì là đặt tượng cúng cụ mất,

và trông thế nào ấy, không vui bằng tiến sĩ giấy của ta, nên đành thôi!

Lên lớp nhì năm thứ hai, chúng tôi phải học cả bài thuộc lòng tiếng Pháp. Những bài tiếng Việt thì dài hơn. Nhưng được học thơ ta, tôi vẫn thích, hơn nữa, vẫn nhiều hứng thú, khoái cảm và nhớ lâu. Đến năm này, đọc các tiểu thuyết cũng như đọc sách quốc văn, tôi đã bắt đầu chú ý đến văn, ngâm ngợi văn và hay bình văn với một vài bạn ra điều am hiểu văn thơ, đọc nhiều văn thơ, nhất là văn thơ có vẻ cổ. Chẳng hạn:

Bác Dương thôi đã thôi rồi

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta

... Cũng có lúc chơi nơi dặm khách

Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo

Có khi tầng gác cheo leo

Thú vui con hát liệu chiều cầm xoang

Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp

Chén quỳnh tương ôm ấp bầu xuân...

Cho tới năm học bài đó, tôi vẫn gần như không biết gì về tiểu sử và thân thế nhà thơ Nguyễn Khuyến. Thậm chí tôi còn cho Yên Đổ là một người, Nguyễn Khuyến là một người, và không biết Yên Đổ là ai, Nguyễn Khuyến là ai. Những bài tôi học có khi chỉ đề tên Yên Đổ không thôi. Và Yên Đổ được tôi nhớ, được tôi phục, vì là cụ Tam nguyên, đã đỗ đầu ba kỳ thi. Nghĩa là được vào kinh ăn cỗ yến của vua khao, rồi "cỡi ngựa rong chơi trong vườn Ngự Uyển", mặc áo mũ của vua ban, các công chúa trông thèm rỏ dãi!".

Tôi thấy nhà thơ trạng nguyên - tiến sĩ này còn ung dung, nhàn hạ, sướng

hơn tiên. Bạn ông cũng vào bậc tiên cốt, tiên khí như thế:

Rượu ngon không có bạn hiền

Không mua không phải không tiền không mua

Câu thơ nghĩ đắn đo muốn viết

Viết đưa ai ai biết mà đưa

Giường kia treo những hững hờ

Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn...

Càng về cuối, những câu thơ càng man mác và đọc xong, thuộc rồi, càng bâng khuâng:

Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở

Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương

Tuổi già hạt lệ như sương

Hơi đâu chuốc lấy hai hàng chứa chan.

Thế ra không phải chỉ có Khổng Minh khóc Chu Du, Trương Phi khóc Quan Công, mà cả những bạn thơ và là bạn già thân thương khóc nhau, nghe không những buồn, những tiếc, những đau, những xót, mà còn "hay" đến như thế kia?!

Tuổi già hạt lệ như sương... Cánh tay gầy, áo thì rộng, đưa lên gạt những giọt nước mắt giả mù, rồi cầm vội ngọn bút lông viết những dòng chữ cuối cùng cho người tri kỷ. Ở vào một tuổi đã gần đất xa giời, bạn bè thân thiết mỗi ngày một không còn nữa... cụ Yên Đổ ơi! Làm gì mà thơ cụ không thành

hồn của một đứa học trò nhỏ yêu văn, và mãi mãi long lanh trong trí nhớ nó?!

Tới năm tôi sắp phải thôi học, bài học thuộc lòng tiếng Việt tôi nhập tâm, vẫn là thơ Yên Đổ.

Một sự tình cờ trùng nhau với khi tôi học thơ Tú Xương, là thời kỳ sắp tết.

Nghỉ học ăn tết thì "Lắng lặng mà nghe nó chúc nhau".

Nghỉ học ăn tết thì gặp:

Trong thiên hạ có anh giả điếc

Khéo ngơ ngơ ngác ngác ngỡ là ngây.

Anh ta đã "Sáng tai họ điếc tai cày!" khiến cho không phải chỉ nhà thơ mà nhiều người phải: "Lối điếc ấy sau này em muốn học". Và không chỉ "Sáng tai họ điếc tai cày" thôi, mà còn "Khi mọi người nói chuyện và cười cợt thì ngây ra như gỗ, nhưng đêm khuya leo trèo thì thoăn thoắt như khỉ" (30). Rồi lại:

Khi vườn sau khi sân trước

Khi điếu thuốc khi miếng trầu

Khi chè chuyên năm bảy chén,

khi Kiều lẩy một đôi câu

Và cứ:

Sáng một lúc lâu lâu rồi lại điếc

Càng khiến mọi người:

Điếc như thế ai không muốn điếc

Nỗi điếc anh ai học được ru mà! (31)

---

(30) Tọa trung đàm tiếu, nhân như mộc

Dạ lý phan viên, nhĩ tự hầu.

(31) Mấy câu thơ này tôi cũng ghi theo sự nhớ tự ngày xưa (N.H.)

Vậy mà:

Hỏi anh anh cứ ậm à!

Mô Phật! Mô Phật! Gần đây tôi giới thiệu bài thơ này cho một anh bạn thân Nam Bộ làm nghề nặn tượng chứ không làm nghề văn, thì anh liền chắp hai tay mà vái và đòi tôi đọc lại cho anh chép ngay! Vừa chép anh vừa ngâm nga, lắc đầu tấm tắc và càng ngạc nhiên. Vợ anh, mấy người bạn cùng miền Nam cứ khen hoài khen hoài, cũng đòi anh đọc lại.

... Bài thơ đó tôi học ngày gần tết, và một bạn cùng lớp đã giơ tay xin ngâm theo điệu hát ả đào khi thầy giáo hỏi đi hỏi lại cả lớp xem ai biết ngâm với điệu này để làm hoạt động thêm giờ giải trí của chiều thứ bảy cuối năm.

Có nên nói như thế này không: cụ Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến là một trong những người đã dạy tôi biết cười và đặc biệt biết mỉm cười! Cũng như cụ đã dạy tôi biết tả người rất cường điệu mà vẫn thấy rất thật. Tôi nói rất thật vì trong phần ghi chú về bài thơ này của nhà thơ trào lộng giả mù, bỏ quan, bỏ chức, bỏ dinh, bỏ phủ, bỏ lương, bỏ bổng, bỏ lộc... về quê nhà vùng chiêm khê mùa thối, túng thiếu cùng cực, để không làm việc với giặc, với quỷ ngoại bang kia, có chi tiết sau đây:

"... Ông đồ Cự Lộc, bạn của nhà thơ quê ở Nam Định, đỗ cử nhân đời Tự Đức và được triều đình gọi ra làm quan, nhưng ông giả vờ điếc để lấy cớ chối từ không chịu đi. Nhân đó, nhà thơ làm bài thơ này để chế giễu". (Thơ văn Nguyễn Khuyến - Nhà xuất bản Văn học).

... Người thầy ấy, tôi chỉ được nghe tiếng nói và thơ sang sảng trong không gian, qua thời gian, mà không được biết mặt!

## CHƯƠNG VI

## MẤY NĂM CUỐI CÙNG RA TRƯỜNG

Cái trường Gốc Ngái ấy càng như trơ trụi và tẻ nhạt. Bể chứa nước đã xây xong, lù lù trước trường. Liền ngay đấy là sở Cẩm, đủ cả nhà chánh cẩm, phó cẩm, bàn giấy và bóp cút lít (32), suốt ngày có các xe đạp, cút lít đi lại, ra vào. Quãng vườn rộng chỉ có một hàng rào sắt bao lấy dinh công sứ đã xây tường cao. Trước đấy chúng tôi chỉ kiễng lên là có thể bứt được những chùm hoa bên trong, nay phải kiệu nhau, và cũng không dám lấy vì có sở Cẩm bên đường. Còn miến Gốc Ngái nghe đâu sẽ chỉ được cúng lễ những ngày tuần rằm và chỉ đến mười một giờ đêm theo với giờ các rạp hát thôi. Để các quan cẩm, quan sứ và mấy quan gần đấy còn làm việc và nghỉ trưa, nghỉ tối.

---

(32) Police: cảnh sát.

Chưa đủ! Cái bãi đất lầy lội rất nhiều lau lách và cây gai ở đường phía trên trường tôi đã bị lấy và xây thành khu trường con Tây. Chính vì bọn này mà cả trường tôi và trường con gái gần đấy phải xếp hàng ra về lúc tan học. Riêng trường tôi, học trò không dám nghịch như trước vì có cút lít hai buổi đứng gác đầu đường để giữ gìn cho trường con Tây.

Cuối cùng là số phận các bờ búi, cây cối. Tất cả những hàng rào râm bụt,

găng, ô rô, dong tây của trường đã phát hết, xây tường. Những cây khác rất to, thân thuộc bao năm với chúng tôi, một là cây bồ đề, hai là mấy cây bàng, ba là mấy cây cơm nguội ở gần bờ đường mà không vào hàng vào lối, đều bị chặt hết. Có cây bồ đề năm xưa đã làm thành trì và bãi chiến trường của những trận giao tranh giữa hai sứ quân Đinh Bộ Lĩnh và Nguyễn Cảnh Thạc và lớp bét trường Bôn-be hay là trường Tú sĩ gần đấy. Những cây cơm nguội với những chùm quả lăn tăn chát xít ở cuối trường tôi đã thành những kho lương thực vô tận của chúng tôi, cũng bị cưa dần, cưa hết!

Còn những bụi râm bụt, hoa đỏ thì kết làm tượng đài, làm bàn thờ, làm cờ tiết, cành lá và các gốc rậm thì rào rấp thành hang, thành trại, vừa mát vừa đẹp, và những bãi chua me ngay cạnh, hoa lá đều ăn được, củ đào lên trong như thạch, ngọt tuyệt trần, thì lem lém chỉ mấy hôm là phạt quang!

Từ lớp nhì năm thứ nhất và năm thứ hai đến lớp nhất tôi chỉ còn học mỗi tuần lễ có hai giờ bài tiếng Việt: bài tập đọc và bài học thuộc lòng. Ở lớp nhất, giờ làm văn Quốc ngữ lại không có; mỗi tuần đều có một giờ tập làm văn chữ Pháp. Những năm này tôi đã ít đọc các truyện Tàu và các tiểu thuyết tình như loại Bình Sơn Lãnh Yến và Tuyết Hồng lệ sử. Tôi bắt đầu mê báo và truyện ngắn mới, thơ mới, tiểu thuyết mới. Tôi phải tìm các bạn nhà đặt các báo như Ngọ báo, Tiếng dân, Phụ nữ tân văn, Đông Tây, v.v... mà cạy cục đọc nhờ, cạy cục mượn về nhà để "nghiền" các văn phóng sự, truyện ngắn của Ngọ báo, các lối viết của Hoàng Tích Chu, của Huỳnh Thúc Kháng, hay tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, của B.Đ...

Những năm tôi lên tám, lên chín, tôi đã đọc những truyện dịch như Lỗ Bình Sơn phiêu lưu ký, Qui-li-ve du ký, Tê Lê Mặc phiêu lưu ký (33)và Ba người ngự lâm pháo thủ, hay những trinh thám tiểu thuyết như Châu về Hợp Phố, Ai là thủ phạm, v.v... Đến năm này, những sự việc ly kỳ, lắt léo và liên chi hồ điệp ấy không còn kích thích tôi nữa. Nhân vật, tình người và cuộc đời thật của xã hội cùng với hồn văn, khí văn đã là những nguồn cảm hứng chính

của tôi.

Tôi đọc lại Thủy hử. Cùng khoảng này, tiểu thuyết Vô gia đình (34)của Éc-to Ma-lô đến với tôi.

---

(33) (34) Tôi giữ nguyên tên các bản dịch đọc ngày ấy (N.H.).

Năm tôi lên được lớp nhì năm thứ hai, mẹ tôi đi Thanh Hóa, bỏ hẳn tôi cho bà nội và cô tôi. Việc làm của mẹ tôi là giữ con (gọi là ở vú đầm) cho vợ chồng một tên Pháp viên chức nhà đoan, không còn nữa. Tuy lương tháng chỉ được sáu bảy đồng, nhưng mẹ tôi vẫn có tiền gởi về cho anh em tôi, tháng hai đồng, tháng ba đồng. Nay lại lần hồi chợ búa, vốn liếng không có, phải cất chịu của một người họ những bóng đèn và hương để bán kiếm lời, nên mẹ tôi phải đánh đến cái bài "chầy" như thế. Cô tôi có bảo tôi mới biết mẹ tôi đã đi bước nữa. Mẹ tôi ăn ở với một người đã có vợ. Mẹ tôi lại có mang. Mẹ tôi đưa em gái tôi đi vì bà tôi không thể nuôi nổi cả hai anh em tôi, vừa phần để bế em cho mẹ còn chạy chợ.

Nhà tôi càng không còn một thứ gì bán ra tiền nữa. Tất cả những đồ đạc mà bà tôi cố giữ sau khi cha tôi chết, để nếu đến lượt bà tôi thì còn có thứ bán đi mua ván, thuê đòn và xin lễ nhà thờ, v.v... cũng phải gọi người bán nốt! Gia tài chỉ còn vẻn vẹn một cái giường để bà tôi, cô tôi và con gái cô tôi nằm, và một cánh phản đóng bằng ba tấm gỗ tạp vừa hở vừa kênh, ngày xưa để dưới bếp bày các thứ rổ rá, bát đĩa dọn cơm cho khách ăn hàng, nay là giường của tôi. Cả cái chăn bông cha tôi và tôi đắp cũng bán. Trời rét, phản kê ngay lối đi xuống bếp chẳng có cửa, có liếp gì cả, tôi co ro trong cái xác chăn sợi cũ ngày trước lót giường của cha tôi.

Cố nhiên là ăn đói.

Càng cố nhiên tôi đọc sách, đọc truyện mê hơn, say hơn, cảm thông và suy nghĩ nhiều hơn.

Bấy giờ tôi thấy còn thêm một bạn nữa có khi lại thân thương hơn bạn thân. Bạn này lại còn có nhiều cái hay, cái tốt, cái quý, cái lạ mà bạn thật chỉ được một phần. Đó là thằng bé Khả Dân và con chó Khai Tị trong tiểu thuyết Vô gia đình. Tôi đi cùng thằng Khả Dân và con chó Khai Tị làm xiếc và đàn hát với ông già Mỹ Đăng nghệ sĩ (35) thấy sao mà gần gũi, cứ tưởng như là theo một ông trùm trò hay ông xẩm tiên cách vậy. Nước Pháp băng giá và mưa tuyết vẫn xa xôi nhưng không còn xa lạ nữa. Tôi đeo ba lô, vác đàn và dắt chó, bụng ù ù róc rách, da mặt, tay chân tê cóng tím ngắt, lại càng thấy tình yêu thương mênh mông trong những bước đường cùng quẫn cơ cực của các nhân vật. Rồi khi ông già Mỹ Đăng hấp hối, thì tôi ngẩn ngơ, buồn tiếc vô cùng. Không phải chỉ phút giờ ngừng đọc mà cả ngày và hàng tuần sau, rất lâu về sau, những khi chợt nhớ đến hình ảnh và tình tiết của những hạnh phúc, của những niềm vui bé nhỏ và cảnh xảy đàn tan nghé nọ.

---

(35) Tên nhân vật và tiểu thuyết tôi giữ như từ bản dịch cũ (N.H.).

Đói đọc sách đã thấy quý sách.

Vừa đói vừa rét lại càng quý sách thêm.

Bơ vơ, trần trụi mà lại có sách đọc thì những trang sách còn hơn cả những cánh thiên thần đưa mình bay lên thiên đàng.

... Năm ấy bà tôi và tôi lại chuyển nhà. Chúng tôi ở nhờ gian bếp của người chị ruột cha tôi ở phố Hoa Kỳ, thường gọi là Bến Gỗ. Mấy nhà giàu có lán gỗ to sống cách biệt hẳn. Cả mấy gia đình công chức nhỏ cũng hết sức ra vẻ nền nếp phong lưu. Đường phố chỉ ồn ào nhộn nhịp mỗi khi có những bè

gỗ mới chuyển về, các đống gỗ xếp dọn lại, hay một vài bọn khách mua gỗ thuê xe đến lấy hàng. Dô - ta này, hò dô - ta này..., những người phu gỗ hầu hết quần áo rách rưới, gầy sắt, kéo những xe bò rất nặng và bẩy những cây, những tấm gỗ lim, gỗ gụ, gò ngực, căng gân mà hò... Nhờ dịp này, mấy hàng cơm, hàng quà ngã tư cũng tấp nập.

Những ngày rét giá, nhà nào nhà nấy đóng hết cửa. Ngoài đường, thỉnh thoảng nổi mấy tiếng rao "lạp xường phàn" (36), "ai bánh tây nóng ra mua", "mọc ra mua" và tiếng chuông leng keng của hàng bánh kẹo, tiếng gõ "sựt tắc, sựt tắc" của hàng mì vằn thắn. Gió bắc như xoa vụn thủy tinh vào mặt người ta, và bắt phải nghiêng người, khép chặt các tà áo, cúi mặt xuống mà đi.

---

(36) Xôi lạp xường.

Mấy hàng hoa, sang tháng Chạp, gánh bán rong nhiều hơn. Những cúc vàng, cúc trắng, những hải đường, cẩm chướng đi trong những lớp nắng gió thổi phơi phới, hay đỗ ở đầu ngã tư dại nắng, trông càng tươi rực.

Tôi nằm vừa nghe tiếng dô ta, tiếng rao hàng, tiếng nắng reo và cả hương cúc thoang thoảng. Giữa sáng chủ nhật, trưa thứ năm mà tôi chẳng muốn đi đâu, chẳng thiết đi đâu. Cũng vì thế tôi càng đọc kỹ sách, càng đắm vào sách.

Có mấy người đã chú ý đến tôi. Mấy người này quê vùng biển, trước cùng ở nhà người bác họ phố Hàng Sũ với tôi. Họ đã chuyên hẳn việc gánh nước và đủ sức cạnh tranh xoay giở ở chung quanh cái máy nước, sống với đôi thùng của mình... Anh em con cháu họ đã cố ở lại làng cày bừa làm ruộng hay đi lưới đi biển nhưng sau cũng phải bỏ. Mấy anh trai tráng này không chịu sống như cha chú, rủ nhau đi lính mộ. Năm đó Nhật mở rộng chiến tranh ở Mãn Châu và nghe nói đã bắn phá cả nhiều tỉnh to, nhiều bến cảng lớn ở

Trung Quốc nữa.

Họ vào lính, ký giấy giao kèo xong được lĩnh ngay ba mươi đồng, lúc nào xuống tàu đi Thượng Hải được lĩnh thêm hai mươi đồng nữa. Tôi còn nhớ kỹ, cả mấy người đều vậm vạp cao lớn, quần áo phát cứ mặc căng, phải đem ra ngoài can thêm, chữa lại. Vợ con, cha mẹ họ, trước chỉ có một gia đình, sau hai ba gia đình, sau cả chòm gánh nước làng nọ, đều cậy cục tôi viết thư gửi cho họ. Tôi được gọi bằng cậu. Có nhà còn gọi tôi là cậu giáo!

"Cậu ấy biên thư hay quá! Tài thật! Mình chỉ mới nghĩ mà đã thấy nhức cả đầu, vậy mà cậu ấy viết một lúc hai ba thư, thư nào cũng dài thì giỏi thật! Giỏi thật, phải có văn có sáo thì mới viết thư như thế được, mình chỉ kể qua mấy chuyện, mấy việc, hoặc lắm khi chẳng cần mình kể, mình dặn gì cả, mà cậu ấy cũng viết được đủ hết các ý, các điều của mình! Thôi, để khi khác hay đến trưa mai, cậu ấy viết cho. Chết, nghe đọc lại một lần rồi lần thứ hai cũng đủ rồi, sao cứ bắt cậu ấy đọc đi đọc lại mãi thế kia!...".

Thế là hàng tháng tôi có được một món tiền. Khi hai hào, khi ba hào một lúc. Khi rải rác năm xu hay một hào. Cứ mỗi thư, gia đình trả năm xu. Những kỳ họ được lĩnh tiền và nhận thư và nếu thư trả lời từ Thượng Hải, Thiên Tân đó lại báo tin tốt lành, mà tôi phải khó khăn lắm mới đọc nổi các chữ viết vừa xấu, vừa sai, rắc rối quá, thì tôi được cả hào. Tôi xuýt quên, có gia đình, nhất là các bà mẹ, các cô vợ, còn mời tôi hút một điếu thuốc lá, vừa đưa tay hai điếu khi ra về...

Nhiều buổi tôi ngượng chín cả mặt. Có ông bố móc móc hầu bao, có đủ cả hào con, đồng kền năm xu và xu lẻ, nhưng chọn chọn và kiểm đi kiểm lại mãi mới đưa tôi một đồng kền năm xu và ba xu lẻ trả công viết cho hai thư gửi con trai và con rể. Ông ta cười cười và nắm lấy bàn tay tôi, không phải vì thẹn với cái lệ thường, mà hình như sợ tôi không ưng thuận cái giá bất thường nọ. Trái lại, có những bà mẹ và người vợ cũng cười và nắm vào tay tôi cũng như sợ tôi thẹn, trả cho tôi những hào rưỡi hay hai hào, mà tôi chỉ

phải viết có hai bức thư ngắn vẻn vẹn mấy câu thăm hỏi, báo tin cả nhà vẫn được bình an, nhưng có kèm theo mấy câu thơ lục bát tự tôi đặt ra có lồng tên đứa cháu bé hay nơi ăn chốn ở và công việc làm ăn của gia đình.

Làm tôi ngại viết nhất và ngượng nhất khi nhận tiền của một chị trước kia tôi vẫn gọi là cái T..., hơn tôi chỉ hai ba tuổi, thế mà nay đã có mang. Chị cứ tự nhiên như không, nằm phục bên cạnh tôi, bắt tôi viết theo những câu chị đọc, và còn đợi tôi đọc đi đọc lại những đoạn dặn dò chồng...

Cái chòm gia đình tha hương nọ vẫn phần đông là người công giáo. Họ thuê chung một khu lán gỗ. Gia đình thì quây buồng bắc ván trên những cột nhà; già đình thì ở lọt vào những đống gỗ. Để tỏ ý tôn trọng tôi, vừa phần không thể túm tụm ở khe đống gỗ được, nên họ thường mời tôi lên sàn gỗ bắc trên cột nhà, nằm bò trên chiếu đậu hắn hoi mà viết. Các thứ mồ hôi, quần áo, đầu tóc... các thứ hơi thở trầu cau, thuốc lào, các tiếng chí chóe, đe mắng, khẩn khoản cứ quấn lấy tôi. Lần nào cũng vậy, khi nhận tiền và thuốc lá xuống cầu thang, tôi lại choáng váng, mu mi mù mì cả người, bụng bảo dạ đến phải thôi không nhận viết lách thuê như thế nữa.

Nghỉ hè năm ấy, tôi đã theo một lớp học tư để chuẩn bị thi lên lớp nhất. Cùng học với tôi, mấy đứa bạn quen đều học giỏi cả. Đã thế, thầy lại dạy rất nghiêm, ra toàn bài khó nhất về toán và luận Pháp văn, làm tôi càng ngại càng nản. Nhất là tôi lại thấy tháng học ít ra tôi cũng phải trả từ một đồng bạc trở lên, mà tôi chưa biết trông cậy vào đâu! Gần hết tháng thì tôi bỏ học và tôi quyết định lên Hà Nội để tìm việc gì đó mà nuôi thân...

Tôi ra đi một mình. Tiền tàu và ăn đường có một đồng bạc. Đồng bạc này cô tôi vay được của một người bạn để xin lễ và mua nến thắp tối đọc kinh giỗ ông tôi. Trốn đi với cả đồng bạc giỗ ông, tôi đã tự coi mình như kẻ trọng tội. Thứ nhất là lừa bà nội, bỏ bà nội tôi! Tự tôi đã cắt đường sống của tôi với gia đình rồi vậy!

Tôi có một người anh họ con cô con cậu. Bố mẹ anh mất năm anh còn bé và người anh anh mới lẫm chẫm biết đi. Mẹ tôi nuôi anh tới ngày anh học đến lớp ba. Người chị cả thầy tôi không có con, lại nhận nuôi anh. Anh đang học thì bỏ lên Hà Nội xin được chân thợ sữa chữa bản in ở nhà in Viễn Đông. Thấy anh cũng chỉ lớp nhì như tôi mà đã ra đời được, nên tôi càng nung nấu ý muốn lập thân.

Tôi lấy vé tàu thủy mất ba hào. Tuy đã tính toán rất kỹ và nhủ đi nhủ lại không được ăn quà, nhưng rồi tôi cũng tiêu mất hơn hai hào tiền phở, tiền bánh giò, và dứa chuối. Tàu đến bến sớm, tôi hỏi thẳng tới chỗ anh tôi làm. Nhưng tới nơi thì vừa tan tầm. Tôi chờn chợn, thấy nói có người tên như thế làm thợ in và thường thường ăn cơm ở đây nhưng nhà đâu ở trong xóm dưới Bạch Mai. Tối hôm ấy, đi các phố chồn cả chân, bã cả người, tôi lại ăn phở, ăn quà gần hết tiền. Không đủ tiền trọ, tôi ngủ ở ghế ga tàu điện Bờ Hồ, đầu gối lên gói quần áo và hai quyển sách, một quyển sách toán, môt quyển tập đọc Pháp văn, sẽ để học thêm. Cũng vừa làm vốn hộ thân, nếu không gặp anh tôi hay nhỡ xảy ra sự chẳng may, thì bán đi lấy thêm tiền ăn. Cùng quá, tôi sẽ cất báo hay mua mía, mua bưởi bán rong lần hồi tới khi xin được công ăn việc làm tử tế. Rồi đây, những ngày lang thang, tôi sẽ tìm hỏi cả việc đi theo gánh xiếc, sống như thằng Khả dân trong tiểu thuyết. Tôi tin vào sự gan dạ, mềm mại, lanh lẹn của tôi, và trước đây tôi cũng đã tập nhào lộn, làm trò nhiều lần ở đám đông, tôi rất có thể mau chóng thành nhà nghề được!

Ở với anh tôi một hôm, tôi bắt đầu chán nản ngay. Anh tôi đúng là mỗi tháng được lĩnh lương những chín đồng rưỡi. Nhưng đây, bà mẹ vợ anh kể rành rọt:

- Anh ấy phải đóng họ, trả tiền lễ lót chân cho nhà ông xin việc hộ mất ba mươi đồng. Tiếp đó lại phải đóng họ trả sáu mươi đồng tiền sắm sửa đi về Nam Định xin các giấy tờ và làm lễ cưới chị ấy ở nhà thờ! Hơn năm giời mới dứt được tiền bát họ! Sang năm nay lại phải lấy bát họ bốn mươi đồng để

mua giường chiếu, may bộ quần áo, đóng đôi giày tây, sắm cái ô, như thế mỗi tháng lại chỉ còn có bốn đồng rưỡi. Hôm râm mát đã vậy, ngày mưa gió, nắng nôi mà nghỉ trưa chỉ được có hai tiếng đồng hồ, chả nhẽ lại nhịn đói ở sở. Thế là phải ăn cơm hàng bữa trưa, tháng thì hai mươi hai bữa, tháng thì đủ cả hai mươi bốn, hai mươi lăm bữa, bóp mồm bóp miệng cũng mất ba đồng hay hai đồng rưỡi. Đã vậy, thỉnh thoảng lại hai hào tiền giặt là, một hào tiền xe điện. Vậy thì...

Không! Không! Tôi thật không dám mảy may nghi ngờ bà nhạc anh tôi đã được sơ múi hay lãi lờ gì trong việc gả con gái cũng như thổi nấu cho anh tôi! Tôi tuy còn trẻ con học trò, nhưng cũng đủ tuổi mà biết rõ hơn nữa, là vợ chồng anh tôi ở nhờ, tiền thuê nhà, dù chỉ kê một giường và cái bàn nước ở Hà Nội cũng phải trả hai đồng là giá rẻ, là chỗ người nhà! Đã thế lại còn một miệng ăn vào lưng anh tôi: anh Ch. Anh này đi cao su Đất Đỏ, chuộc được "công ta" (37), người vàng như nghệ và gầy như mắm, từ Nam Kỳ ra ở với anh tôi đã hơn sáu tháng. Giờ đây lại thêm miệng tôi! Chao ôi! Một ông anh ruột, một chú em họ, trong lúc cơ nhỡ phải nương tựa vào một nơi thân thích mà cả vợ chồng đều có công ăn việc làm hẳn hoi!

---

(37) Hợp đồng. Ý nói đã trả được nợ, thoát khỏi sự ràng buộc của hợp đồng.

Tôi đang sức ăn, vừa phần lại đi cả ngày, nên không bữa nào thấy no. Tôi chỉ dám đưa người ngồi đầu nồi xới ba lần cái bát phố nhỏ chum chủm lọt lòng bàn tay, vào loại bát để trẻ con hay người già nghèo đói ăn. Cơm thổi gạo đỏ, đong chịu từng mười cân, trả vào đầu tháng lương của anh tôi và kỳ nhà chị dâu tôi được lĩnh tiền hàng. Rau muống luộc từng rổ sề, cà muối xổi đựng bát chậu và nước mắm hạng sáu bảy xu một chai. Thứ nào cũng phải mua chịu. Tôi đưa xới cữ cơm và không dám gắp ăn như thế vì phải trông nồi và trông cả người.

Cả nhà ngồi một mâm. Bà nhạc anh tôi, chị dâu tôi, cô em gái chị dâu tôi, và hai cô cháu họ bà nhạc anh tôi cùng ăn với ba anh em tôi. Lo chạy ăn hai bữa đã có bà nhạc tôi. Còn các chị, các cô gái trong nhà cả ngày phải làm hàng đăng ten và rua khăn. Không phải chỉ có buổi trưa buông đũa xong là lại phải ngồi vào khung vải, mà cả tối nữa. Đêm có trăng và nực quá thì ra sân làm, mỗi người kiếm thêm ba bốn xu.

Đi lang thang chán rồi về nhà nằm chờ cơm, sau hơn tuần lễ, tôi thấy trong người dần như lửa đốt. Mươi hôm sau thì tôi bị rắn bị căng hết cả ruột gan. Gần cuối tháng, tôi không còn thể đi chơi được nữa mà chỉ quanh quẩn ở nhà, ngẩn ngơ, nhiều lúc muốn khóc. Không phải vì tôi bảo anh tôi cho tôi về Nam Định nhưng không được, mà vì anh tôi không chạy được tiền. Bà nhạc anh tôi đã vay nợ tiền gạo, tiền mắm muối, rau cà, bao giờ cũng lội vào tiền hàng... Mỗi người trong nhà, kể cả chị dâu tôi làm nhanh và làm giỏi nhất, cũng chỉ được tháng bốn đồng rưỡi hay năm đồng rưỡi. Mỗi chuyến hàng đem đi trả, cứ phải chờ chóng nhất cũng hơn tuần lễ. Tiền đó trang trải nguyên tiền gạo cũng thiếu. Như thế, đành phải nuôi tôi ăn rồi đi chơi vậy thôi, chứ chạy hơn đồng bạc cho tôi thì không còn thể vay đâu được!

Anh tôi được lĩnh lương trưa thứ bảy thì sáng hôm sau, tôi ăn cơm rang xong, anh tôi đưa tôi ra bến tàu thủy với gói quần áo đã giặt và gấp cẩn thận từ hôm thứ sáu. Anh tôi lấy vé tàu, dặn đi dặn lại phải đưa đủ hai phong bánh khảo và hai phong bánh đậu xanh cho bà tôi, và cho thêm tôi hai hào. Anh đứng trên bờ chờ tàu rúc còi đủ ba lần, nhổ neo, quay mũi rồi mới đi...

Tôi biết rõ, thật là tôi đã bị áp giải và nói toạc vào mặt rằng: ở Hà Nội không hiệu nào, sở nào lại thừa cơm mà thuê cái thứ nhóc con lớp nhì như tôi làm việc gì đâu! Từ rày về sau, tôi đừng có trốn nhà lên đây nữa, vừa làm buồn bà tôi, vừa để nợ cho anh tôi, và nếu tôi lại lên thì có chết đói, anh tôi cũng mặc!

Mặc kệ! Tôi cứ như được tắm, được gội và chắp cánh. Sự vui mừng chính là vì được về với bà nội tôi, nhưng còn sự vui mừng này nữa, là về với cái lồng chim khuyên. Tôi phải để đến đoạn này mới viết về cái lồng chim, vì đây cũng là một trong những kỷ niệm sâu sắc của tuổi tôi thơ ấu.

Năm tôi lên bảy, lên tám đã thích chơi chim khuyên. Tôi còn đua đòi với mấy đứa lớn mua lồng sập để bẫy khuyên bán. Cố nhiên, với tiền xin được của mẹ tôi. Năm đó, tôi lấy hẳn hai hào công viết thư mà mua cái lồng ba tầng khung gỗ thông, nan tre chuốt cẩn thận, cóng ăn là hai chén trắng con. Một con chim giá thường lúc đó ba xu nhưng vì kén chọn nên phải trả những năm xu. Vì sợ chim ăn chuối bị ỉa chảy, chết non, tôi cho chim ăn bột đậu xanh trộn với cứt sâu quy bảo rằng để làm thuốc cam trẻ con, và cả những bọ sâu quy sống ngọ ngậy, lạo xạo. Tôi còn kiếm những loại hoa như hoa riềng tây có nhụy ngọt, gài để chim rỉa và trang điểm cho đẹp lồng thêm. Chưa đủ, tôi còn đi xin hoa ngâu, lá ngâu non gài bên chén nước cho chim tắm và rúc rỉa, vùng vẫy.

Như thế, tôi chỉ kém có mấy hiệu Khách, mấy nhà giàu và mấy nhà chuyên môn nuôi yến, nuôi sơn ca thôi! Lồng của họ thửa, ken thêm bằng mây, sơn quang dầu óng như mật, cóng sứ Giang Tây. Tuy thế, vành khuyên của tôi lại có thể hơn của họ, mặc dầu chim của họ có nhiều chim khác xùy và được học được tập nhiều giọng, hay còn được ăn những thứ bổ, thứ quý như củ mã thầy, cam Triều Châu, bột gạo trứng gà, v.v... Vì lẽ gì? Nếu ai kia có hỏi, thì tôi sẽ lấy một bộ mặt sành sỏi và cả khinh khỉnh nữa mà đáp: "Tôi có cách chăm đặc biệt! Bí mật gia truyền!".

Thường chim khuyên hay chết mùa rét. Con nào sang được xuân rồi đến hè thì lông bông lên, vàng mượt, vòng trắng quanh mắt to thêm, mắt trông khôn hẳn, rất dạn người. Tiếng hót không lanh lảnh nữa, vang mà đằm, có lúc đứng lim dim như hót thầm cho mình nghe. Những con biết hót kiểu thế này thì quý lắm. Thoạt nghe những tiếng líu ríu thánh thót như nhạc rung, dễ

tưởng như của hoàng yến hay bạch yến. Hót rất lâu, lúc choàng cất cao đầu lên, ngừng lại, thì hơi lảo đảo như say, nghiêng ngó một giây rồi lại lim dim hót...

Hai năm trước tôi đã gây và nuôi được chim như thế. Tết năm ấy, túng quá, tôi đành bỏ. Nhưng sang tháng Giêng, rồi tháng hai, trên đường đi đến trường, cứ trông lên những cây gạo ăm ắp hoa còn đỏ tươi hơn gấc và đẹp tuyệt vời là đẹp trong nắng và sương, các đàn chim khuyên như từ từng bông hoa tỏa ra, thì tôi lại nhớ, lại thèm phải có một lồng chim. Chao ôi! Mấy năm trước đây ở một nửa gian nhà, bên cạnh là những chồng ván, những áo quan, cửa ra vào là bực thềm, bước ra ngay bờ đường, mà còn có một lồng chim, ban ngày treo trên tường hồi nhà, ban đêm treo lên sào màn, nữa là bây giờ!...

Bây giờ cũng vẫn ở nhờ, và phải ở dưới bếp, nhưng lại có cửa sau mở ra một khu vườn, lối đi lại qua mảnh sân, nằm trong nhà có thể trông thấy trời mây và mấy ngọn cây chỉ là cây xoan, cây ổi cằn, và mấy bụi hoa chỉ là hoa cứt lợn, hoa cối xay... Thế là nghỉ học được mươi ngày, tôi đi sục sạo các nơi mua lồng, mua chim. Lần này, con chim hay quá, biết ngậm mỏ, lim dim hót như đã nuôi lâu, quen thuộc lắm với bạch yến, hoàng yến hay sơn ca...

Tuần lễ cuối cùng ở Hà Nội, những buổi ngồi rã rượi trên các ghế vườn Bách Thú, Bờ Hồ và cả khi bước như lê xiềng ở phố Hàng Đào, trước nhà Gô-đa, vân vân, tôi càng như nghe thấy tiếng chim hót, lại nghĩ đến cái lồng chim của tôi. Ôi! Cái lồng ba tầng và con vành khuyên lông bông lên, vàng mượt, mắt to, biết ngậm mỏ mà hót líu ríu như kể lể ru ríu với sự yên lặng trưa hè và một mình tôi! Tôi để nó lại cho bà nội tôi, chắc thế nào bà tôi cũng phải biết cho nó ăn chuối, uống nước, và mặc dầu bà nội tôi có giận tôi đến phải đào đất đổ đi, rồi bà tôi có bị ốm, chân tay đã lẩy bẩy, mắt đã gần mờ chăng nữa, bà tôi cũng cố treo lồng chim của tôi ra mấy chỗ quen để tránh mưa tránh nắng.

Tàu đến bến, ván cầu vừa ghếch vào bờ, tôi đã chen qua mọi người nhảy

vót lên. Nách cặp gói quần áo, bốn phong bánh và hai quyển sách học - Ôi kỳ lạ! Hai quyển này làm sao mà kẻ cắp không lấy trong cái đêm tôi gối đầu ngủ ở ga tàu điện, và làm sao tôi không bán đi để ăn quà những ngày ăn đói ở Hà Nội - và một hào giắt kỹ cạp quần, tôi chạy về nhà. Bà tôi chỉ lừ lừ nhìn tôi, và hình như nghẹn nghẹn cố giữ nước mắt. Tôi đưa quà anh tôi biếu bà, trong lòng vừa vui mừng và cũng buồn tiếc ghê gớm. Đúng cái lồng vẫn treo lơ lửng trên chỗ tôi nằm, nhưng là lồng không. Tôi không dám hỏi bà tôi chim đâu! Thôi như thế kia thì một là nó chết, bà tôi đã vứt xác đi, hai là nó bay mất, khi bà tôi mở cửa cho ăn cho uống!

... Con vành khuyên cuối cùng của thời thơ ấu của tôi ấy bị chết chứ không phải bay mất. Bà tôi bảo đã cho nó ăn cả chuối, cả cơm và cả châu chấu nữa mà nó vẫn chết!

- Có lẽ mày đi lâu, nó nhớ mày nó chết đấy Hồng ạ!... Nó mới chết hôm kia thôi!

Mấy ngày sau bà tôi mới vừa ho vừa thở nói cho biết điều này.

Tôi đã đỗ chuyển từ lớp nhì lên được lớp nhất. Nhưng vì vẫn yếu cả Pháp văn lẫn toán nên khi thi tốt nghiệp bằng tiểu học tôi bị trượt, phải học "đúp". Sang năm học cuối cùng này, tôi nhất định luyện giỏi các môn, nhất là văn. Tôi không đọc những Sách hồng (38)nữa, tôi mượn đọc hẳn những truyện ngắn và tiểu thuyết của mấy nhà văn Pháp. Tôi đã cố đọc An-phông-xơ Đô-đê và Guy Đơ Mô-pát-săng. Tôi đã nức nở với Lơ Pơ-tí Xô-dơ (Le petit Chose) của An-phông-xơ Đô-đê, chính vì Pơ-tí Xô-dơ đặc biệt cũng có một lồng chim, và cảnh đời của Pơ-tí Xô-dơ cũng sao mà heo hút. Các giờ Pháp văn dần trở nên thích thú; tôi còn vừa đọc bài vừa đóng kịch bằng tiếng Pháp. Tôi làm con sói, còn một người bạn rất lành và nhút nhát không ai hơn ở lớp tôi làm cừu non, trong một bài thơ ngụ ngôn của La Phông-ten. Vốn tôi đá bóng rất tợn và thuộc loại nghịch nhất trường, nên thầy giáo mới chọn đóng vai này, phải gầm gừ và cả gầm thét trâng tráo nữa. Cả lớp đã được một trận

cười vỡ trường. Tôi thì được điểm 8, cao nhất từ trước tới đó, chỉ có mấy tay học gạo và học giỏi nhất lớp mọi khi mới được 7 điểm rưỡi thôi về môn tập đọc và học bài thuộc lòng.

Bắt đầu năm học, tôi mua đều báo Người bạn của tuổi trẻ hiếu học (39)có hẳn phần toán và phần văn cho lớp nhất, nhưng nhiều kỳ tôi lại viết ám tả, đọc các bài tập đọc, và làm một số bài luận chương trình Thành chung. Các nhà văn Rút-xô, Vôn-te, Đi-đơ-rô, v.v... đã trở thành những vì sao kỳ diệu trong ban đêm một mình một đèn một sách của tôi.

---

(38) Tên một loại sách cho thiếu nhi thời ấy. Ở đây chỉ chung sách thiếu nhi.

(39) Ami de la Jeunesse studieuse.

Tôi đã mười lăm tuổi! Tôi sắp đến một bước quyết định cả đời, hoặc tốt nghiệp ra trường, hoặc thi vào trường Thành chung. Hy vọng được học nữa và học cao này, quá là mờ mịt đối với tôi. Nhưng thôi, cứ biết tôi phải đỗ cuối khóa này. Nhất là phải học giỏi! Tuổi xanh ơi! Tôi đã mười lăm tuổi!

Thời kỳ này, tôi cũng đọc các sách báo ta và vẫn hết sức say mê. Một số truyện ngắn của mấy nhà văn đang nổi tiếng, tôi coi cũng như những bài học. Tôi không những chỉ thuộc những đoạn hay, đoạn lạ, mà còn nghiềm ngẫm rất kỹ, rất lâu những tình tiết và nghệ thuật để so sánh những nhà văn đó với nhau, so sánh truyện này với truyện khác, và đánh giá cả từng đoạn, từng câu, từng ý, từng cảnh trong truyện của họ. Tôi cũng nghiên cứu những bài xã luận, những bài bút chiến, những thiên phóng sự điều tra, những tạp mục như tìm hiểu, điểm văn, điểm thơ, nhặt hạt sạn, hạt đậu nhọn, vui cười, thách đố, v.v..., về các thể loại, về cách viết, cách lập luận, về đặc sắc hay sắc thái của từng nhà báo, nhà văn, nhà thơ.

Bên cạnh những truyện ngắn và tiểu thuyết thì thơ mới vẫn mê đắm tôi hơn hết.

Tôi không có sổ tay hay sổ đặc biệt gì cả. Tôi vận dụng toàn trí nhớ. Đầu óc tưởng tượng của tôi đã làm công việc của một màn ảnh và máy chiếu phim mà nhiều lúc tôi đã không ngờ được sự giàu có lạ lùng của nó. Những nhân vật, những cảnh vật, những sự việc, những câu chuyện, những cuộc đời trong các tác phẩm đều bị lột da, bóc xương, tróc vỏ, lật ngược, đào sâu, soi chiếu và nhân lên trên nhiều diện. Lúc đó tôi chưa có ý định sáng tác hay làm nhà văn truyện ngắn, truyện dài gì cả. Những công việc trên đây phần lớn do sự tò mò, do khiếu thưởng thức và thích cả phê bình nữa. Một cách vô ý thức, tôi đã viết. Tôi viết thêm, tôi viết kỹ, tôi viết mới, tôi viết khác với những tác phẩm kia, qua những tác phẩm kia, từ những tác phẩm kia, tất nhiên là ngây ngô, dại nguếch và còn lố bịch là đằng khác!

Cũng may, chỉ có tôi biết với tôi, nó chỉ ở trong trí não của tôi. Nó sống rất nhanh, rất huyền ảo. Tuy thế cũng có lúc nó diễn lại, và trở thành một cái cớ hay trở thành những chất liệu sử dụng sau đây khi tôi viết văn thật sự... Thí dụ như trong một phần cuốn tiểu thuyết Bỉ vỏ hay tập truyện ngăn Bảy Hựu đầu tay của tôi.

Mây chiều ngừng lại sau đèo

Mình cây nắng nhuộm bóng chiều không đi

Trời cao xanh ngắt, ô kìa

Hai con hạc trắng bay về Bồng lai...

(Thế Lữ)

Càng vào những giờ Pháp văn, tôi càng bâng khuâng với các câu thơ mới của ta. Một tai thì vang vang những câu thơ Vích-to Huy-gô hay những đoạn

văn của

Pát-scan, Rút-xô, An-phông-xơ Đô-đê và của cả mấy Tây đoan, quan hai khố xanh kiêm viết về thuộc địa thời đó; một tai tôi nghe gió, nghe đàn, nghe mây, nghe chim, nghe rừng, nghe thác, nghe sóng, nghe thơ của Việt Nam, với những tên tuổi đối với tôi sao mà đẹp, mà quý, mà trọng và thiêng liêng:

Với cây đàn ngàn phím tôi ca

Cái đẹp u trầm đằm thắm hay ngây thơ

Cũng như cái đẹp cao siêu và hùng tráng

Của non nước, thi văn, tư tưởng...

(Thế Lữ)

Rồi một thế giới - không! Những thế giới khác, mở ra ở ngoài kia. Phải! Ở ngoài ba khung cửa sổ và cửa ra vào phía tay trái tôi mà khoảng sân và vòm trời lúc nắng cũng như khi mưa, cứ trong giờ học im ắng thì lại có một sức quyến rũ rất lạ.

Thấm thoắt sắp hết chín năm sáu lớp học, thì tám năm năm lớp tôi học trường đây, chơi ở sân đây. Nhiều buổi, các thằng bạn đã nằm, ngồi quây kín lấy tôi ở dưới những gốc cây sấu, cây cơm nguội để nghe tôi kể những chuyện năm xưa về nhà trường và mấy thời kỳ đặc biệt từ những ngày xa lắc như ngày đầu kỷ nguyên theo tuổi chúa Giê-su ấy. Trường lớp, sân chơi, nhà loong toong, cổng và đường đi lối lại quanh trường, với các thứ kỷ niệm, các thứ chuyện, nếu không phóng đại thì cũng một tấc đến giời, hoang đường, kỳ ảo hơn cổ tích!

Cảnh vật làm đầu đề các chuyện, các kỷ niệm vẫn là cái sân cùng mấy cây to còn lại, mấy cây to mới lớn và cái cổng trường liền với dãy nhà của hai

người loong toong gác trường và bán quà bánh cho học trò. Không còn những lớp bét, lớp tư nữa, không còn những lũ bé lóc nhóc nữa, cái sân dần dần thành của riêng mấy lớp lớn. Một dạo có những hai bàn đánh quần vợt chiếm gần hết sân trường. Sau đó thì thành bãi bóng. Hai cây ổi và hai cây bàng ở hai đầu làm cột gôn. Cây ổi và cây bàng to ở giữa sân làm mốc giao bóng mở trận đấu. Mấy khoảng rìa sân và góc sân là các bàn bi, bàn đáo.

Từ năm lớp nhì, có thời kỳ tôi đã mê đá bóng hơn cả mê sách, nhất là tới năm bao nhiêu truyện của cửa hàng cho thuê tôi đã đọc hết, còn những truyện mới, sách mới thì vừa đắt lại không hay. Phải đến dạo có mấy tờ báo có những bài lạ, như Phụ nữ tân văn, Đông Tây, Ngọ báo, Phong hóa, tôi mới giảm được phần thời giờ ở ngoài đường, ở sân trường và ở bãi cỏ thành phố đến quên cả ăn, với quả bóng quần và mấy bạn bóng học cùng trường, ở gần nhà.

Càng những buổi ra chơi, đá những trận rất căng mà lại thắng, thì khi vào học những giờ văn, tôi càng mơ mộng.

Đá căng vì lớp tôi là lớp nhất, trừ cái bọn nghịch ngợm, còn đều phải lo thi. Bởi thế chỉ có hơn chục đứa chúng tôi mà phải đương đầu với gần hết đội tuyển của ba lớp dưới. Nói là đội tuyển e rằng hơi nghịch, hơi oan cho chữ dùng. Thật ra, tất cả những đứa đá giỏi, đá khỏe, đá dữ, thích đá và đá rất lằng nhằng, lớn có bé có, không còn biết con số là bao nhiêu đều vào đá hết! Nhiều phút, rõ ràng bọn tôi sút bóng vào gôn rồi, nhưng không thấy bóng đâu cả! Thì ra ở khung thành, đối phương kéo về còn nhiều hơn ong, bóng chui tọt vào quần một thằng ở sau gôn, thăng này cứ thế chuồn đi, khiến cả bãi gần phát điên phát rồ vì cãi nhau được thua và phải tìm mãi mới thấy lại bóng...

Có phút tôi chăn bóng đến cấm địa, chỉ còn co cẳng sút thì hẫng. Bóng bị một thằng lớ dớ vừa dát vừa không biết đá đứng núp cạnh gốc cây thò chân ra hẩy đi. Chúng tôi đi tiền đạo. Gần như không quả bóng nào không phải cướp từ một bụi chân càng ràng như càng cua trong giỏ, hay khi đưa bóng lên mà

không có một đùm mười lăm, hai mươi đứa túm lấy cạp quần chúng tôi, giữ lấy tay chúng tôi để... chặn bóng. Trái lại, khi gôn tôi đỡ bóng thì đúng là loạn. Có thể nói tất cả ba lớp chúng nó ập vào mà đá chúng tôi và đá chân nhau chẳng còn thấy bóng đâu mà đỡ mà đá ra? Nhưng túi bụi hồi lâu thì thấy reo lên, chúng tôi bị thua! Vì bóng bị mấy đứa ngã đè lên nhau, có thằng đã cầm dúi vào gôn chúng tôi...

Ôi chao! Quả bóng quần vợt to bằng quả cam chanh luôn hai năm lúc nào cũng ở trong cặp, trong túi bọn tôi, đến khi tôi tốt nghiệp và cả sau này tôi ra Hải Phòng trở thành một cậu giáo hẳn hoi, mà nó vẫn làm nhớ tới cái sân trường lịch sử kia! Thi đỗ xong một tuần đã lấy học bạ và giấy chứng nhận rồi, tôi còn đến trường với mấy đứa bạn quen, đá một gôn, sau buồn quá phải thôi! Trận đá này là trận bóng cuối cùng của đời học sinh của tôi và cửa cả đời tôi nữa!

Các anh Phú T., Đặng Hồ K., M.D.D. và mấy bạn bóng quần ngày xưa của tôi đã có thời kỳ vào đội tuyển Bắc Kỳ, rồi đội tuyển miền Bắc Việt Nam, sau đây thế nào các anh chả có một trang hồi ký hay một bài trả lời phỏng vấn về kỷ niệm đời bóng đá. Tôi xin phép nhắn các anh, nếu như các anh có kể đến cái quãng các anh không "xỏ giày" nữa và thôi hẳn ra sân bóng, hoặc các anh lại đá thêm trận dối già nào đấy, thì cố cho tôi được biết tin nhé!

... Sau giờ ra chơi, tôi lại vào lớp học, bụng căng nước máy, mồ hôi cứ tong tong ở trán, ở cổ, ở cánh tay, gạt không kịp, chảy cả xuống bàn, xuống sách. Nhưng chỉ lúc sau, nhìn ra ngoài sân im lặng và vùng trời nắng, tôi lại mát dịu hẳn trong người.

Tiếng hát trong như nước Ngọc tuyền

Êm như hơi gió thoảng cung tiên

Cao như thông vút buồn như liễu

Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên...

(Thế Lữ)

Những câu thơ mới lại ru vỗ tâm trí tôi cùng với những câu thơ và những đoạn văn ngân vang của bài tập đọc, bài học thuộc lòng và bài ám tả thầy giáo bình giảng.

Bài học thuộc lòng lấy một đoạn trong bài thơ Đại dương đêm tối (Océano-nox) của Vích-to Huy-gô, và bài ám tả cũng lấy một đoạn trong truyện ngắn Buổi học cuối cùng của An-phông-sơ Đô-đê, là hai bài cuối cùng tôi nhớ mãi trong đời học sinh.

Sau khi thôi học, tôi ra Hải Phòng rồi đi Hòn Gai xin việc. Tôi đã thật được nghe biển sóng cả ban ngày, cả đêm trăng và cả tối khuya mà tưởng tượng thêm về đời sống giam lao, dũng cảm của những người thủy thủ trong trích đoạn thơ của Vích-to Huy-gô.

Và bắt đầu được nghe thật sóng gió của cuộc đời nữa! Cuộc đời phải đổ mồ hôi mình mà sống, để giữ nhân phẩm, tiến đến tương lai, có một lý tưởng cao quý và một sự nghiệp chân chính trọn tình yêu dấu...

## CHƯƠNG VII

## BÀ TÔI

Nhiều người đã bảo nhau và bảo cả bà tôi rằng ai có gương mặt, nhất là đôi tai và da dẻ như thế sẽ sống lâu lắm. Trán bà tôi ngắn, tóc bạc gần hết và rụng hói cả đỉnh đầu, mắt chỉ còn nhìn thấy lờ mờ, nhưng nhân trung thì đầy đặn, đôi tai to sệ như tai Phật và da dẻ đúng như đồi mồi.

Còn một nhận xét này nữa của bà tôi nói về người khác, nhưng tôi ngẫm nghĩ thì chính là nói về mình. Cái dáng vóc ai mà lưng chữ "cụ" vú chữ "tám" thì nhiều con lắm! Bà tôi sinh nở mười tám lần, nay còn lại chỉ được ba người: chị cha tôi, cha tôi và em gái cha tôi. Trước kia bà tôi bán thịt ở chợ, sau nhà mở hàng cơm, bà tôi trông coi. Ngày còn người chị trên đốt cha tôi thì bà buôn cau tươi, cau khô.

Một trong những hình ảnh và khắc giờ sâu đậm nhất của trí nhớ tôi là khi bà tôi đọc kinh một mình hay ngồi kể chuyện cho tôi nghe và nghe tôi đọc truyện.

Dạo còn dọn hàng cơm, những buổi trưa vắng khách, những buổi tối cả nhà ai nấy đều mệt mỏi, bà tôi lại lần tràng hạt ở ngay ghế ngồi bán hàng, hay ở đầu giường phía dưới bàn thờ. Nếu đi nhà thờ, bà tôi ngồi cạnh dưới chân tòa giảng, phía trước mặt là một cột đá treo bức tranh chúa Giê-su vác cây thánh giá. Tôi thường dắt bà tôi đi. Tay cắp chiếu võng, tay sẵn sàng nắm lấy bàn tay, cánh tay bà tôi để giữ, để đưa bà tôi qua đường, tránh ô tô, bước khỏi rãnh, bờ hè rồi lên bậc thềm đá, đến tận cửa nhà thờ. Tôi chỉ ngồi với bà tôi một lúc rồi tìm đủ cách bỏ ra ngoài chơi. Cũng có buổi tôi đưa bà tôi vào chỗ quen, ngồi một mình ở đấy, rồi tôi mải chơi quá, tan chầu, hết giờ đọc kinh, bà tôi đã ra mấp mé thềm đá, tôi mới ù té tới đón.

Chỉ có buổi giỗ ông tôi, hay mấy ngày tết và ngày lễ trọng, đọc kinh chung với cả nhà, bà tôi mới thỉnh thoảng đọc to tiếng, đọc thành giọng, thành câu. Còn thì bà tôi chỉ lào thào lào thào, nhiều khi chỉ thấy những tiếng xuýt xoa rồi lặng hẳn. Năm xưa đọc kinh cũ, nghe bà tôi thều thào: "A-ve Ma-ri-a đày Ca-ra-sa chúa Giêu ở cùng bà nữ vương đầy phép lạ", thì tưởng như bà tôi là người dân Do Thái hay là kẻ nghèo hèn quê mùa nhất của một vùng cổ xưa bên Tây Ban Nha hay Y Pha Nho sùng đạo, không còn ai là kẻ ruột thịt thân thương trên trái đất, đang nguyện ngắm về sự chết vậy!

Mấy năm cuối đời, nhà ở xa, bà tôi không bảo tôi dắt đi nhà thờ nữa. Có

chủ nhật, vì mưa gió hay vì thấy yếu trong người quá, bà tôi bỏ cả đi lễ. Nhưng chiều hôm, ban sáng, bà tôi vẫn giữ lệ đọc kinh đều. Tối mùa hè cũng như mùa đông, bà tôi ngồi trong màn lần tràng hạt đoạn ngủ ngay. Còn buổi sáng, bà tôi nhóm bếp, nấu nước sôi, pha chè uống một mình, sau khi dậy đọc kinh. Từ ngày cha tôi mất, tôi thường nằm giường bà tôi. Những khi thức giấc, nhìn bóng người hom hem của bà tôi quay lưng lại - cái lưng khòm khòm, áo mặc mong manh, rách vá - và nghe những tiếng lào thào thỉnh thoảng xen tiếng ho, tiếng nghẹn, tôi lại thấy một sự buồn lạnh ghê gớm thúc mạnh thêm vào lòng. Nhất là những buổi bà tôi phải pha lại ấm bã chè hôm qua để uống mà khi đọc kinh ban nãy thì đã ho rũ, giờ uống nước lại càng sặc...

Thời kỳ gia đình đang mở hàng cơm, chưa bán nhà, là thời kỳ tôi được đọc nhiều truyện nhất.

Thường vào những trưa hè vắng khách hay những tối mùa đông giá lạnh, những ngày nóng nực quá, bà tôi không ngồi ngoài hàng, thì lại vào hẳn cái chỗ quen thuộc, lối cửa thông với nhà trong và lên gác, trải chiếu hay bao sạch xuống đất nằm, vừa tuốt trứng, nghe truyện. Nếu có em gái tôi nhổ tóc sâu thì nó cũng được trả công bằng một xu ngô luộc hay chè đỗ đen. Đáng lẽ chúng tôi được mua quà lấy thì thích quá! Ổi ương này, mận Lạng Sơn này, sấu chín này, dứa này... toàn là những thứ có thể chấm muối ớt ăn. Khuya rét tôi chỉ thích ủ chân vào chăn bông của bà tôi mà đọc truyện. Đầu đường phố tôi có một hàng phở xe chuyên bán ban đêm và một hàng sựt tắc cứ vào khoảng mười giờ thì tiếng hai thanh tre khô gõ rập rập vào nhau vang lảnh dần dần đến cửa nhà. Hàng này ngon một thì tôi xuýt xoa nhắc nhỏm với bà tôi ngon hai, và oằn oại cứ như mấy ngày không được hột cơm vào bụng. Thế là bà tôi lại "cha bố mày" hay "cha bố chúng mày" và lần lần như bẹo như nặn ở cái túi vải ra, cho tôi và em gái tôi bốn xu để mua mỗi đứa một bát phở hai xu. Thế nào bà tôi cũng mặc cả: "Ngày mai là không được xin xỏ gì nữa, và đây không phải lệ của mỗi tối, hay cái nợ phải trả lãi mãi đâu!".

Bà tôi cũng là một tủ chuyện, một tủ chuyện cũng nhiều cái lạ không kém gì trong những Phong thần, Tây du, Kim cổ kỳ quan, Chinh Đông, Chinh Tây hay Vạn huê lâu, Tống Địch Thanh, v.v... Tôi cũng nghe đi nghe lại, thấy những "ngày xưa", "ngày ấy", những "tục truyền" hay "truyền rằng" những cái năm Thìn, năm Tỵ, Kỷ Dậu hay Nhâm Tuất, vân vân của bà tôi ấy có phần lại sinh động hơn những tiểu thuyết thành tập thành pho kể trên!

Không có nhiều những anh hùng hảo hán, những nguyên súy, những tướng quân, những thần Phật mà họ tên dài hàng bốn năm chữ, hay những cảnh cung điện, núi rừng, sông biển, cũng toàn tên chữ Hán, nhưng bà tôi lại "biết" không biết bao nhiêu con người thật, cuộc đời thật, chuyện có thật, việc có thật, xã, tổng, huyện, tỉnh rất quen thuộc. Cả những cô tiên, những ông Bụt, những Đức thánh, Đức Chúa, cũng như những quỷ sứ, yêu tinh, thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề... cả những thiên đàng, thượng giới, bồng lai tiên cảnh đến những âm ti, địa ngục, hỏa ngục... cũng như có thật nốt.

Ngày xưa có anh Trương Chi

Người thì thậm xấu tiếng hát thì thậm hay

Cô Mỵ Nương vốn ở lầu tây

Con quan tể tướng ngày rày cấm cung

Anh Trương Chi có chiếc thuyền bồng

Chèo thuyền ngang dọc đêm đông dãi dầu

Canh trường anh mới hát một câu...

... Cô Mỵ Nương nghe tiếng hát thì thương

Hồ trông thấy mặt anh chường cô lại chê!

Hay:

Đàn kêu tích tịch tình tang

Ai đem công chúa dưới hang về lầu

Đàn kêu trách Hán bên hồ

Trách Tần quên Sở trách Ngô quên Tề

Đàn kêu thấu đến cung phi...

Và thêm nữa:

"Bống bống bang bang! Mày ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người...". "Vàng ảnh vàng anh! Có phải vợ anh, chui vào tay áo...". "Kẽo cà kẽo kẹt, lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra...".

Nghe bà tôi kể thấy như bên cạnh, như trước mắt đang có Trương Chi đêm đông dãi dầu vừa chèo thuyền vừa hát và cô Mỵ Nương trâm cài ngọc đính hồ trông thấy mặt anh chường cô lại chê! Hay Thạch Sanh đang gảy đàn dưới hang. Thạch Sanh không cha không mẹ, không biết ai sinh ra, và từ đâu lớn khôn mà đến dưới gốc đa. Thạch Sanh quanh năm đóng khố, vai đeo đàn, tay cầm cung tên. Thạch Sanh đã chém chết rắn yêu tinh chuyên ăn thịt người, trừ ác họa cho dân. Thạch Sanh đã bắn xả cánh đại bàng cứu công chúa bị chim cướp bay đi. Thạch Sanh đã gảy đàn, làm công chúa đang buồn nhớ câm lặng phải bật tiếng lên. Thạch Sanh đã ra đi cứu nước, thổi một niêu cơm con mà hàng vạn binh sĩ ăn cũng không hết. Và Thạch Sanh chỉ gảy đàn mà đánh tan quân giặc. Nhà vua đã gả công chúa cho Thạch Sanh...

Và tôi ở cùng nhà cô Tấm, và xem cô hóa thành quả thị rụng xuống bàn tay bà lão hàng nước, rồi từ quả thị chui ra, xinh đẹp hơn cả trước, xinh đẹp vô cùng... Mà lạ lùng, không thể nào có một anh Trương Chi, một cô Mỵ

Nương, một chàng Thạch Sanh, một cô Tấm khác ở một nước nào đấy, dù tên cũng đặt như thế mà lại giống thế được, lẫn nhau được. Hay nói cách khác, chỉ có ở nơi đất cát, sông nước, núi non của bà tôi và tôi đang sống này, mới có những Trương Chi, Thạch Sanh, cô Tấm, cô Mỵ Nương thôi!

Khi đi qua các phố để thuê truyện, tôi đã cỡi cá giống cá hóa long, kỳ lân, hổ, báo, khánh vàng, chuông vàng, và cả quả đào, hoa thủy tiên, bình tích, tông-đơ đi với những Tôn Ngộ Không, Na Tra, Trình Giảo Kim, Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng... chu du thiên hạ, khắp đất cùng trời, thì khi nghe bà tôi kể các chuyện cổ tích, dân gian, tôi cũng được đi các nơi không kém kỳ lạ của chính đất nước Việt Nam...

Mười hai cửa bể đều phải nể sóng cửa Tuần Vường. Tôi chưa học địa dư địa lý, nhưng láng máng thấy rằng ngã ba sông này trước kia là biển cả và sóng dữ. Tôi chưa về tỉnh Hưng Yên, quê của bà tôi, nhưng tôi lại được đến bãi cát Khoái Châu ngày xưa cũng là bờ biển, nơi Chử Đồng Tử gặp Tiên Dung. Đây, công chúa Tiên Dung buông màn tắm trên đống cát. Chàng trai họ Chử cùng khổ phải chia ngày đóng cái khố chung với bố, đến phiên nay phải chịu ở trần. Thấy kiệu Tiên Dung đi đến, Chử Đồng Tử bí thế quá, vội bới bới vùi vùi cát che lấp lên người, thì không may công chúa lại tắm ngay ở chỗ này. Nước giội cát trôi dần trôi dần, chàng trai trần trụi phải hiện lên, sau đó thì kết duyên với công chúa. Tôi cũng về phủ Khoái Châu xem tận mắt canh bạc Trọng Quì đem vợ là Nhị Khanh ra đánh lấy tiền với một tên lái buôn gian quyệt. Trọng Quì bị thua, vợ tự tử, nhưng vẫn được vợ thương xót, hiện hồn về cho chồng gặp gỡ và bảo đường cho chồng đưa hai con đi phò vua Lê đánh giặc lập công. Người nghĩa phụ Khoái Châu ấy, Nguyễn Dữ đã viết thành truyện trong Truyền kỳ mạn lục, một thiên tuyệt bút của văn truyện Việt Nam.

Từ Hưng Yên tôi lên Kinh Bắc, về huyện Tiên Du; xem hội với một chàng học trò cùng chàng vào ngôi chùa rồi chứng kiến vụ Giáng Hương làm

gãy cành mẫu đơn quý nhất, bị bắt giữ trói vào cây. Chàng nọ cũng không có tiền, phải cởi áo ra chuộc cho người con gái, ai đâu lại ngờ rằng là tiên bỏ thượng giới trốn xuống trần để đi xem hội nghe hát Quan họ đến nỗi mắc nạn!... Tôi về cả xã Cách Bi, thôn Thi Xá, có hai mẹ con lưu danh thiên cổ. Mẹ thì ở góa, có nhan sắc, bị đe dọa hãm hiếp, quyết không chịu nhơ nhục đã trói chân đứa con trai lại một góc nhà với một nắm cơm rồi tự tay mình xẻo vú chết! Còn một giai thoại nữa, là bà mẹ này bị một tên hào lý đón đường bóp vú. Bà đã lấy dao tự xẻo bên vú bị lăng nhục đi và cho con bú bên vú nguyên vẹn, đến khi con biết ăn biết nói biết chạy thì tự vẫn chết. Con trai bà mẹ lớn lên thi đỗ rất cao, không chịu đi làm quan với Tây, đã mộ quân khởi nghĩa. Công việc không thành và bị phát giác. Tây bắt được dụ dỗ nhất định không hàng, lấy dao rạch bụng moi ruột mình ra để Tây thấy lòng mình trong trắng đến cùng, và cắn lưỡi cho đồng bào thấy máu mình tươi đỏ giữa trời đất ban ngày. Mẹ con liệt sĩ Nguyễn Cao tức Tán Cao mà nhân dân Bắc Hà tôn vào hàng "Long thành chính khí" sống mãi cùng Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương đấy!...

Tôi lên hẳn núi Tản Viên xem Sơn Tinh đắp thành cao chống lại Thủy Tinh, vừa xem Cao Biền, tướng nhà Đường cỡi diều giấy bay đi thám sát địa thế Giao Châu để làm bùa yểm. Nhưng thấy Tản Viên hùng vĩ và linh thiêng quá, Cao Biền liền xé bùa đi, ngửa mặt mà than rằng: "Vượng khí và thần đất Giao Châu vẫn mạnh lắm, không thể đóng ở đây lâu!". Tôi cũng lên xứ Lạng, vào động Tam Thanh và ngắm núi Tô Thị, rồi đi xuống Chi Lăng xem tướng giặc Liễu Thăng bị chém, nhưng vua ta sau đấy vẫn cứ phải đúc người vàng hàng năm cống hiến nhà Minh. Vì thế nên mới có câu: "Nợ quá nợ Liễu Thăng".

Tôi lên cả thành Hà Nội, dự trận Tây buôn Đồ Phồ - nghĩa cúng các quân tướng Pháp trở mặt cướp thành quan tổng đốc Hoàng Diệu đánh lại không được, phải tuẫn tiết. Rồi đến trận tướng Tây Ngạc - nhe bị chém cụt đầu. Quân ta có quân Cờ đen giúp sức, những tưởng không lấy lại được Hà Nội thì

cũng chống cự rất lâu, giặc xâm lược không dễ nuốt Bắc Hà và ăn ngon ngủ yên được trên đất nước Việt Nam, nếu triều đình Huế không chịu hàng, cứ cho lệnh các nơi đánh lại! Rồi tôi theo cai tổng Vàng khởi nghĩa ở phủ Lạng Giang. Cai tổng Vàng mộ quân hai ngày được một vạn ba, tung hoành nghiêng ngả cả tỉnh Bắc xuống tỉnh Đông khiến vua triều phải sai đúc đạn vàng thì mới bắn trúng, hạ được ông cai tổng. Và khi chúng sai lính quật mả bố ông cai tổng Vàng thì có một con chim ra ràng bay lên, quan quân đã phải bắn chết ngay. Nếu không, chỉ ít lâu nữa huyệt kết thì cai tổng Vàng còn phát tướng không biết đến đâu! Cũng ở Bắc Giang, tôi vào sâu rừng Yên Thế đi với quân cụ Đề Thám và cụ Đề. Người thủ lĩnh này mặc dầu Tây bảo và có báo đăng, có ảnh chụp, rằng đã bị cắt đầu, nhưng dân cứ truyền đi: đấy là đầu ông sư chùa Lèo. Tây giết ông sư này bắt mọi người nhận là cụ Đề để làm yên dân tình, chứ cụ Đề Thám vẫn sống trong các thẳm rừng, khi ở Bắc Giang, khi ở Thái Nguyên, khi ở Vĩnh Yên, khi ở Tuyên Quang... và vẫn có người của cụ Đề đi về Bắc Ninh, Phúc Yên và cả Hà Nội nữa, mưu đồ việc nghĩa!

Bà tôi còn cho tôi làm quen với nhiều người và nhiều đời sống bình thường nữa.

Tôi đã "ở" với những hiệp thợ rất giỏi, rất tài. Đây là những thợ đấu người Hà Nam, Nam Định, tục gọi là dân Nam hạ, chuyên làm đất, mỗi nhát mai và mỗi tảng đất của họ xắn ra rồi quại lên vai trông cứ ngọt xớt, nhưng nặng ghê lắm đây! Bữa chính của họ thường chỉ là khoai lang đỗ luộc từng rổ, tôm trứng, cá bống rang kho với muối với tương mặn rụt lưỡi, và những nồi cơm gạo đỏ mà mỗi bát cơm chỉ và hai miếng gọn! Những thợ lợp nhà tranh khi đánh xong nóc, chủ nhà đưa tiền thưởng cho thì họ không nhận. Họ chỉ xin chủ nhà những đồng tiền thả từ trên nóc xuống, rơi được đồng nào, họ mới lấy đồng ấy. Cả trăm đồng thả xuống cả trăm! Những thợ mộc thì nhất định không để các kẽ, các mộng nào lọt, dù nửa sợi tóc chẻ ra. Nhiều ngôi đình nổi tiếng đẹp không phải vì vàng son, mà vì bào trơn, đóng bén và mỗi gian là

một công trình sáng tạo của một hiệp thợ với các khung chạm trổ hoàn toàn khác nhau mà vẫn đăng đối nhịp nhàng, khít sóng, không ai chê chỗ nào được.

Tôi lại cùng bà tôi "về" những vùng có nhãn tiến, cam tiến, vải tiến và cả bắp cải, rau muống cũng tiến. Về những lò mật chuyên nấu đường phèn và đường bánh thơm ngon và quý còn hơn cả những đường kính, đường hộp bên Tây. Về những xứ thuốc lào Tiên Lãng, Vĩnh Bảo có những người chuyên nếm thuốc, không hút mà chỉ hít là biết ngay các loại khói, gọi là những "đô hít". Về một làng mà bất kỳ con gái nào không đi gắp phân là trai làng không lấy; còn cúng thành hoàng thì nấu chè lam đóng thành từng thỏi đựng bằng giành y như giành kiếm khuẩn, sơn son thiếp vàng, mà mỗi cụ tiên chỉ đến ngày vào đám cúng thần xong là được gắp ăn. Về cái chợ huyện nọ có một ông bố ba năm giả mù ngồi ăn mày ở cổng chợ để kén con dâu. Và về cả vùng biển toàn những đàn bà táo tợn, thời con gái dù đẹp đến đâu nhưng khi lấy chồng rồi là cạo trọc đầu, có con rồi thì thường chỉ mặc mỗi cái yếm, đi gặt thì đánh nhau với tuần phiên, cướp lúa nhà giàu gánh về nhà mình. Lính lệ, lính cơ mang trát quan đi bắt, vâng vâng dạ dạ mời các "cậu" ăn trầu uống nước xong lừa lừa khỏi làng liền ẩy sấp các "cậu" xuống ao, rồi trốn đi chỉ ít lâu lại về làng...

Bà tôi còn kể chuyện các đám hội, các ngày hội. Những "Mồng tám tháng tư... chẳng về hội Gióng cũng hư mất đời" hay ra Đồ Sơn, Hải Phòng: "Dù ai buôn bán đâu đâu. Mồng mười tháng tám chọi trâu thì về!". Rồi hội chùa Hương, hội đền Kiếp Bạc. Và các gánh chèo, gánh tuồng, múa rối leo dây, thi bơi trải, thi vật, thi cỗ, thi thổi cơm, thi lợn, thi gà, thi chim, thi cờ, thi hát... Bà tôi tả lại từng sân đình, đường làng, từng tên ông thần bà chúa, từng ngôi đền, từng cây đa, từng quán chợ, từng thứ quà bánh, từng tên ông trùm, từng cặp đô, từng sới vật, từng cô tướng, từng đôi quan họ...

Có những nhân vật làm tôi ngạc nhiên hết sức. Những ông tiến sĩ, những

ông trạng cha mẹ nghèo khổ, hay mồ côi cả cha mẹ, phải đi ở chăn trâu cắt cỏ, ăn thì ăn đói, mặc thì mặc rét, mùa đông muốn học khuya phải bắt đom đóm đựng vỏ trứng làm đèn và ngồi trong chuồng trâu mà xem sách. Nhiều người chỉ vừa chăn trâu vừa nghe giảng... mà ba năm sau thì học hết chữ của các ông thầy đều là tiến sĩ!

Về thuốc thì có những môn gia truyền rất lạ, ví dụ môn chữa hóc! Có một người bị hóc xương gà, chạy chữa các nơi rồi mà không được, đã sưng hết cả mặt, nuốt chỉ một giọt nước cũng không được, nhà sắp cúng kem, mua áo quan, chờ làm ma. Vậy mà gặp một ông cụ qua đường, ăn mặc rách rưới như ăn mày, nhưng gương mặt thì cứ sáng vằng vặc, vào nhà xin nước. Người nhà đã bưng cả ấm chè và khay chén mời ông cụ. Ông cụ thấy nhà nhộn nhịp mà lại âu sầu, thì nhẩn nha hỏi chuyện, rồi mách có một ông bạn ở một làng bên sông chuyên chữa hóc làm phúc cho tiên hạ, cứ tìm đến đấy xin chữa. Một đoàn người nhà con bệnh tức tốc mang một khay đầy đồ lễ đến, nhưng ông cụ lang nọ nhất định không lấy một thứ gì. Ông cụ chỉ hỏi qua bệnh tình và ngày sinh tháng đẻ rồi xuống bếp lấy chiếc đũa cả gõ vào ông đầu rau ba cái, đoạn lên bảo đoàn người cứ về nhà đi, và chỉ về đến cửa con bệnh sẽ khỏi. Khi đoàn người nhà vừa trở về đến cửa thì thấy trong nhà xôn xao, vợ con bệnh chạy òa ra khóc bảo chồng mình đã... họ bật ra được chiếc xương ba ngạnh, máu mủ đã quấn gần nút tịt lấy cổ!...

Còn một chuyện nữa nhưng là của tuổi thơ của bà tôi. Một hôm người nhà bảo bà tôi đi mua rượu thết khách. Cẩn thận, ông anh bà tôi đã buộc từng cọc mười đồng tiền kẽm, còn quả bầu rượu thì giựt giựt thử xem dây đeo có chắc không rồi mới quàng vào vai bà tôi. Bà tôi chạy ù đến đầu ngã tư thì sững lại vì mấy đứa bạn gọi vào xem... đánh ba que. Bà tôi đã ngẫm nghĩ, nhưng con mụ cò mồi thấy bà tôi tay nắm mấy cọc tiền, vai quàng bầu nậm, liền chạy ra kéo ngay vào:

- Này... Này... hay chị đánh trước cho mà xem đây này!

Thế là nó xỏ luôn ba đồng tiền kẽm vào cái dây rồi rút lên đúng là kéo theo chiếc que. Tức khắc, thằng cầm que trả luôn ba đồng tiền khác. Lượt thứ hai, mụ ta xỏ những năm đồng... thì cũng lại kéo đúng chiếc que lên và được thêm năm đồng...

- Đấy! Đấy! Đánh đi!... Thế nào cũng được đấy!

Bà tôi rụt rè cởi nút, bứt bứt một cọc tiền và đánh bạo lấy ba đồng xỏ vào một đầu chỉ và rút lên. Nhưng lạ quá! Rành rành là đầu chỉ buộc vào chiếc que và rành rành ba đồng tiền xỏ đúng qua sợi chỉ mà sao rút lại không đúng thế này?! Con mụ cò mồi liền thích thích vào sườn bà tôi và cầm lấy cổ tay bà tôi giục: "Đánh lại! Đánh lại! Thế nào cũng trúng, gỡ hòa chứ sao chịu mất, chỉ và que ngon thế cơ mà!".

Không hiểu sao bà tôi đã nhìn thật kỹ, nhìn thật rõ rồi mới xỏ tiền rút chỉ, thế mà cũng lại có chỉ không! Rồi lần thứ ba. Lần này bà tôi nhìn rất lâu, rất kỹ và xỏ hẳn những năm đồng tiền kẽm, và nhất định khi gỡ được là đi mua rượu ngay!

... Một lúc lâu, bà tôi cứ đứng ở bờ hè, ngã tư đường, trông sang hàng rượu mà khóc, lần đi đếm lại chín đồng tiền kẽm còn lại. Mãi sau có một đưa bạn gái ở nhà bên, hơn bà tôi chỉ hai ba tuổi, chạy đến - chứ không phải là tiên hay Bụt hiện lên - hỏi chuyện bà tôi và bảo bà tôi có vay tiền thì nó cho vạy. Bà tôi vừa ừ thì nó bảo, lệ có vay có lãi. Bà tôi cũng ừ. Nhưng nó bảo phải trả lãi gặp.

Lãi gặp?!

Lãi gặp?!

Trả lãi gặp là trả thế nào?

Bà tôi cũng lại ừ và xin trả lãi gặp, nghĩa là cứ mỗi lần bà tôi đi đâu, bất

kỳ làm gì, mua bán gì, hay chơi gì cũng mặc, mà gặp nó thì phải trả nó một đồng tiền kẽm. Mấy ngày hay cả tháng không gặp thì thôi, chứ mấy lần gặp là mấy lần phải trả lãi. Dù chỉ ra khỏi nhà đi cầu tiêu hay bế cháu xi đái ngoài rãnh cũng là gặp, phải trả lãi!...

Tôi đã tức điên cả người lên khi nghe chuyện này, và tôi đã gặng mãi bà tôi phải trả như thế bao nhiêu lần, và tại sao không tích cóp, dù phải ăn bớt ăn xén chăng nữa, để có đủ mười đồng tiền kẽm vay và một đồng tiền lãi là mười một đồng trả vào một chuyến đi cho dứt cái món nợ quái ác? Nhưng bà tôi chỉ ngậm ngùi cho biết ngày ấy không bao giờ bà tôi được ai cho, hay đi mua bán bớt xén cái gì mà có được lấy năm đồng kẽm. Vả lại, có khi bòn nhặt được bảy tám đồng, chờ năm ba ngày nữa là đủ, thì lại gặp và lại gặp nhiều hơn!... Vì thế mà có những dạo bà tôi cả ngày phải chúi ở bếp, quanh quẩn trong nhà, và có ra ngoài thì cũng phải nghe ngóng rồi mới dám đi, còn hơn cả kẻ tù tội, trốn tránh!...

... Tất cả những truyện cổ tích, cũng như những chuyện về ngày xưa ấy, thời ấy, dạo ấy, tỉnh ấy, bọn ấy, người ấy, ông mày ấy, bác mày ấy, vân vân... bà tôi đã kể, tôi không thể sao nhớ hết.

Bà tôi đã khuất. Nhân kể lại mẩu chuyện vui vui cổ lỗ trên kia, tôi muốn coi mình cũng là vay nợ. Cố nhiên trong sự vay mượn này không có điều gì không tốt, không hay. Vì tôi vay của bà tôi cơ mà. Tôi đã vay một món chuyện to của bà tôi để làm vốn viết. Không thể cóp đủ và không bao giờ tích cóp đủ, tôi đã không thể trả đủ vốn thì xin phải trả lãi vậy.

Cũng trả lãi gặp! Và trả lãi gặp cho các bạn đọc của tôi. Đặc biệt là cho các bạn trẻ thích muốn tìm hiểu về quãng đời thơ ấu của một số nhà văn thân thiết và rất quý mến các bạn.

... Bà tôi đã khuất. Tuy không được nhìn mặt người trong những phút giờ cuối cùng, và từ bấy đến nay biết bao nhiêu người, bao nhiêu việc dồn đến

đời tôi, nhưng tôi thấy như bà tôi vẫn ngồi, vẫn nằm nghe tôi đọc truyện, hay kể các chuyện cho tôi nghe. Từng nét, từng vẻ mặt bà vẫn rõ ràng đầy đủ trước mắt tôi, hơn tất cả những người thân yêu nhất của đời tôi, kể cả cha tôi. Mặc dù cha tôi còn để lại hai tấm hình chụp, mà sau khi người chết, tôi đã cất cẩn thận trong cặp, cứ đến giờ ra chơi hay đến trường sớm tôi lại giở ra trông ngắm, và tưởng tượng thêm ở những gốc cây, những bụi râm bụt vắng lặng, để sống thêm, sống kỹ lại với con người và cái hơi hướng đã làm tôi thương nhớ như cào như đốt, nhức buốt cả tâm trí. Và mặc dù tôi đã chực bên giường suốt từ lúc cha tôi nhắm mắt, rồi tôi đã ôm lấy mặt cha tôi lắc lắc mà nhìn mà khóc, cố kéo dài cái phút nhập quan.

Trong những buổi ngắm Mười lăm đàng thánh giá ở nhà thờ hay đọc kinh ngày giỗ của gia đình, tôi cũng phải học mười lăm đoạn đó, rồi cũng quên gần hết như một số bản kinh khác. Nhưng không hiểu sao, có một đoạn tôi lại rất nhớ và còn thuộc gần như trọn vẹn. Đó là Ngắm thứ sáu, quãng Đức Chúa Giê-su đang vác thánh giá thì có một người đàn bà đón gặp Chúa ở bên đường, đưa một khăn trắng cho Chúa lau mặt, lúc đó Chúa đầu đang đội những vòng gai nhọn quấn chặt, đâm thủng nát cả trán, máu chảy ròng ròng xuống cả mắt, cả má, cả cổ, cả người.

Thứ sáu thì ngắm...

Tôi khen lòng mạnh bạo của bà Vơ-nô-ri-ca chẳng sợ quân dữ, một mến Đức Chúa Giê-su mà thấy cả và mình máu chảy ra, thì trao khăn cho Người lọt mặt đi. Xin in hình tượng Đức Chúa Giê-su vào lòng tôi, như in vào khăn bà Vơ-nô-ri-ca cho tôi được lòng mến Đức Chúa

Giê-su cho trọn.

Trong cả lòng tôi cùng tâm trí tôi, hình tượng bà tôi đã in vào cung như hình tượng Đức Chúa Giê-su in vào khăn bà Vơ-nô-ri-ca. Không đội mão gai, bà tôi đội một khăn vấn lẳn gọn. Mái tóc bạc gần hết, đường ngôi rất thẳng,

có những sợi bồng bồng trên trán và trùm cả xuống cổ và đôi vai to xệ như tai Phật. Mặt bà tôi không rỏ máu, nhưng với những chấm tàn hương trên làn da đồi mồi ấy, tôi thấy như là những giọt máu hay những vết thương bị đâm bị xỉa đã khô sẹo từ lâu. Sống hơn tám mươi năm, lấy chồng từ năm mười sáu tuổi, mười tám lần sinh nở, hết ở nhà hầu hạ anh ruột thì đi làm dâu hầu hạ chồng con, rồi hấp hối trong một gia đình đã đổ bao nhiêu mồ hôi nước mắt, một thân một mình vun thu hàn gắn mới dựng nên, nhưng đến lúc cuối cùng thì là cùng kiệt tan nát. Khuôn mặt bà tôi và bao nhiêu khuôn mặt của những con người đau khổ khác lồng vào bộ mặt một xã hội mà tôi càng phải suy nghĩ, càng phải so sánh rồi kết luận, thì càng thấy rõ những sự bất công tàn ác, những sự xấu xa, thối nát của một lớp người giàu sang quyền quý, được coi là mẫu mực, ngự trị mãi mãi, tưởng như không bao giờ thay đổi!

Tôi không có ý và cũng không muốn ví bà tôi hay những người bị áp bức bóc lột ngày đó là Đức Chúa

Giê-su. Vì tôi đã thấy trong đám người cùng khổ mà tôi quen biết, nhiều người phải chịu nhiều cảnh tủi nhục, oan ức, tàn bạo, còn hơn cả chúa Giê-su. Và họ không chỉ đi có một "quãng đường chịu nạn" mà hàng trăm quãng đường và cả một đời người chịu nạn. Cũng như không phải chỉ có một thứ quân dữ vác đòng, vác gươm, vác roi theo đánh họ cùng đường và cuối cùng đóng đanh họ trên cây câu rút, mà còn cả những thứ quân dữ ăn mặc rất phong nhã, mặt mày rất đạo đức, nói năng rất ngọt ngào, lời lẽ cử chỉ rất hiền từ, nhưng mà chúa là ác vô cùng. Chính những kẻ này vừa nhởn nhơ vừa phè phỡn, và vừa đôi phút làm ra vẻ nhăn nhó xót thương trước không biết bao nhiêu con người bị chúng đóng đanh, suốt từ phút lọt lòng mẹ cho đến lúc chết rũ trên cây câu rút của nghèo đói và tối tăm.

Nhưng cũng không phải chỉ có những câu rút và những hình tượng đau thương đã in vào cái làn trắng tinh khôi của cả và lòng tôi, tâm trí tôi!

Còn có những gương mặt vằng vặc rực rỡ của Chung thủy, Nhân hậu,

Công bằng, Chính nghĩa, Chiến đấu, Chiến thắng và Hạnh phúc nữa. Với những cô Tấm, Nhị Khanh, Cúc Hoa, Lục Vân Tiên, Thạch Sanh và biết bao nhiêu hình ảnh và tên tuổi đã thành thơ, thành cổ tích mà bà tôi ngâm nga và kể chuyện cho tôi nghe. Bên cạnh đó lại còn những anh hùng, danh tướng, những công thần chống giặc giúp nước và những liệt sĩ, những chiến sĩ cách mạng mà tôi được học, được đọc trong sử sách, báo chí thuở ấu thơ, càng ngày càng đằm thắm, càng chói dọi. Đến tận giờ đây và mãi mãi tôi sẽ mang theo vào đời viết văn lòng tin yêu vô cùng đó ở sự sống và tương lai.

Lần thứ hai tôi ra Hải Phòng là lần bỏ hẳn quê hương Nam Định, thật sự tìm đường sinh sống. Đúng vào đầu kỳ khai trường và những ngày đầu thu nắng đẹp. Nhưng tất cả những quang cảnh thân yêu, thân thuộc ấy chỉ càng làm tôi xót xa.

Gian nhà tôi thuê ở giữa xóm Cấm, ngay dưới chân một gác chuông nhà thờ. Sáng, trưa, chiều, tối, khuya, những hồi chuông nối tiếp nhau khua vang cả cái khu lao động nghèo khổ lầm than, gồm phần đông là thợ máy tơ, phu khuân vác cảng Sáu Kho, thợ sắt, thợ điện, thợ linh tinh, kéo xe, phu hồ trên phố và những người buôn thúng bán bưng... Càng không thể tìm ra việc làm, càng không thể nhờ cậy vay mượn ai một thứ gì để lần hồi được nữa, tất cả những nhà máy xi măng, máy tơ, cốt phát, máy gạch, sở dầu, bến cảng Sáu Kho, hiệu buôn Đét-cua-ca-bô, Sáp-phăng-giông, Lợi Thành, Lợi Ký, v.v... mà tôi chầu chực nghe ngóng hàng tháng hàng tháng kia đã hoàn toàn lạnh lùng và khắc nghiệt đối với tôi, nghĩa là tôi càng đói, cơ hồ gần như tuyệt vọng, thì tôi lại càng nghĩ đến những ngày cuối cùng bà tôi sống với tôi. Tôi đã thức giấc giữa những đêm khuya và những tiếng lầm thầm rền rĩ của bà tôi trong màn và tôi phải nằm yên mà nghe cho đến lúc hết. Và dù hết đã rất lâu rồi, bà tôi nằm xuống rồi, mà tôi vẫn thấy những tiếng đó ong ong bên tai: "Lạy Chúa tôi! Tôi ở dưới vực sâu kêu lên Chúa tôi. Xin Chúa tôi thẩm nhận lời tôi kêu van... hãy lắng nghe tiếng tôi cầu xin...".

Không! Không phải đâu bà ơi! Cuộc đời này cũng như sự sống này hay cả và thế gian này không phải là một vực sâu đâu! Hay nếu có một vực sâu, thì đấy là sự mê muội tối tăm mà các thứ giáo lý giáo điều của tôn giáo đã tạo nên và chính nó lại dìm con người ta xuống. Hay nếu như có một vực sâu của tội lỗi, của sa đọa, của hư hỏng, chết chóc, thì chính là ở cái chế độ xã hội bóc lột và áp bức, dưới sự thống trị của một bọn nhà giàu nắm mọi quyền hành mà sinh ra. Bởi vậy những ai bị đẩy xuống thì phải bằng mọi cách vùng lên, vượt ra, rồi đi tìm một mặt đất, một bầu trời khác thênh thang, tươi sáng mà sống. Chứ quỳ lạy kêu van thì làm sao mà thoát được?! Và ai đời lại đi kêu van, cầu xin một thứ "giời ơi đất hỡi" như thế?! Và cũng ai đời lại phải quỳ lạy một sức độc ác vô hình, vô tri, vô giác, chính nó đã tù đày, phá hoại đời mình?!

Những đêm đi qua nhà thờ hay những gia đình hàng xóm, nghe đọc đoạn kinh Vực sâu, tôi lại nhớ đến bà tôi và càng thấm thía với những ý nghĩ và sự suy luận trên đây. Tôi lại càng thấy, mặc dầu túng đói, khổ cực khó khăn, trầy trật và cùng khiệt đến thế nào, tôi cũng không được thua hoàn cảnh, không chịu ngã sấp dưới hoàn cảnh, hay bị chúi gục xuống cái "vực" của xã hội bấy giờ!

Nghĩa là tôi phải có một công việc để những năng lực quý báu nhất của tôi sử dụng và nảy nở. Một công việc để tôi được thể hiện những tình thương yêu tươi đẹp nhất, mạnh mẽ nhất của tâm hồn tôi. Một công việc để tôi sống với cái lý tưởng mà tôi thấy rằng cao quý. Một công việc để tôi chống lại những điều mà tôi thấy càng bất công, xấu xa và độc ác. Một công việc để tôi được gần gụi hơn, được nhập vào những con người, những lớp người đông đảo lao động chịu thương chịu khó ở chung quanh tôi. Một công việc để tôi được giới thiệu mình đang sống và sống có ích, tự trọng và tự hào.

Tôi lại càng nhớ đến một câu chuyện cũng về cảnh nghèo, cảnh đói, sức lập thân và cũng là của một học trò, bà tôi đã kể:

"Có một người con gái nọ đã phải suy nghĩ về một anh học trò trọ ở cạnh nhà mình. Vì cứ đến quá trưa thì anh lại bẽn lẽn nói qua bờ rào mượn cô gái cái nồi thổi cơm của nhà cô. Hai lần, ba lần, năm buổi rồi sáu buổi. Cô ta lấy làm lạ nhưng cũng đánh bạo hỏi, thì chàng học trò bảo mượn nồi để nấu nước uống... Cô ta càng sinh nghi, bèn rình xem anh nấu nước gì và uống ra sao, thì thấy anh đưa nồi về chẳng rửa gì cả, mà đem giấu ngay vào trong bếp và đổ có hai gáo nước. Anh nấu sủi kỹ thì múc "nước" ra bát, cho muối, lấy cơm mà chỉ ngày ngày có bữa "cháo" như thế!

Hiểu ra khúc nhôi sự tình, người con gái nhà cũng nghèo nọ, từ bữa hôm sau, lúc ngồi đầu nồi xới cơm cho gia đình cứ lừa lừa để lại, trước còn một môi cơm, sau nửa bát cơm, sau cả một bát cơm... Anh học trò mấy năm sau thi đỗ thủ khoa, và cô gái hàng ngày cho anh mượn nồi nấu nước uống ấy thì...".

***

Tôi quyết viết văn và quyết thành người cũng vì để khỏi xấu hổ với anh học trò cổ tích ấy.

Tôi quyết viết văn và quyết thành người cũng vì để khỏi xấu hổ với cả cô con gái cổ tích ấy.

Tôi viết nên cũng vì có bà tôi!

1972